

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 93

LUẬN A TỶ ĐẠT MA
ĐẠI TỶ BÀ SA

SỐ 1545
(QUYỂN 101 → 150)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

SỐ 1545

LUẬN A TỴ ĐẠT MA ĐẠI TỴ BÀ SA

Năm trăm Đại A-la-hán cùng tạo luận.

Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang dịch Phạn sáng Hán

QUYỂN 101

LUẬN VỀ THA TÂM TRÍ (Phần 3)

Nễo bàng sinh cũng có trí đạt được do nơi sinh ra, có thể nhận biết tâm... của người khác. Làm sao biết như vậy?

Xưa có người phụ nữ đặt con nhỏ ở một nơi để làm công việc khác, lúc ấy có một con sói mang đứa trẻ ấy đi mất. Người bên cạnh vì vậy đuổi theo nói với con sói kia rằng: Nay ông tại sao mang con nhỏ của người ta đi mất? Con sói liền trả lời rằng: Bà mẹ ấy trong năm trăm đời quá khứ thường làm hại con của tôi, tôi cũng trong năm trăm đời quá khứ làm hại con của người kia, oán thù và oán thù trả cho nhau đến nay chưa dứt, nếu người kia có thể xả bỏ thì tôi cũng xả bỏ. Người bên cạnh liền nói cho mẹ đứa trẻ ấy biết rằng: Nếu cô thương đứa con thì nên xả bỏ tâm oán thù! Người phụ nữ trả lời rằng: Tôi đã xả bỏ rồi. Con sói xem ý của người phụ nữ cũng không xả bỏ oán thù, chỉ sợ làm hại đứa trẻ mà nói dối là đã xả bỏ, liền hại chết đứa trẻ ấy vứt lại đó mà chạy đi.

Hỏi: Lúc nào bàng sinh nhận biết tâm... của người khác?

Đáp: Phần vị đầu-giữa và sau đều có thể nhận biết hết.

Hỏi: Loại đó trú vào tâm mà nhận biết tâm... của người khác,

www.daitangkinh.org

thiện-nhiễm ô hay vô phú vô ký?

Đáp: Cả ba loại đều có thể nhận biết.

Hỏi: Là trú vào ý thức, hay là trú vào năm thức mà nhận biết tâm... của người khác?

Đáp: Chỉ trú vào ý thức.

Hỏi: Là trú vào tâm Oai nghi lộ, là trú vào tâm Công xảo xứ, hay là trú vào tâm Dị thực sinh mà nhận biết tâm... của người khác?

Đáp: Cả ba loại đều có thể nhận biết, bởi vì loài đó cũng hiện khởi tâm Công xảo xứ, tâm Dị thực sinh ấy cũng có ý thức, không phải là như địa ngục quyết định không nhận lấy quả dị thực của thiện.

Loài quỷ cũng có trí đạt được do nơi sinh ra, có thể nhận biết tâm... của người khác. Làm sao biết như vậy?

Xưa có người phụ nữ, bị quỷ làm cho mê loạn gây yếu sắp chết, thầy chú nguyện hỏi quỷ: Nay ông vì sao làm não loạn người phụ nữ này? Quỷ liền trả lời rằng: Người phụ nữ này trong năm trăm đời quá khứ thường làm hại mạng sống của tôi, tôi cũng trong năm trăm đời quá khứ thường làm hại mạng sống người kia, oán thù và oán thù đền trả cho nhau đến nay chưa dứt, nếu người kia có thể xả bỏ thì tôi cũng có thể xả bỏ. Thầy chú nguyện vì thế bảo với người phụ nữ kia rằng: Nếu cô tiếc mạng sống thì nên xả bỏ tâm oán thù! Người phụ nữ trả lời rằng: Tôi đã xả bỏ rồi. Quỷ xem ý của người phụ nữ cũng không xả bỏ oán thù, sợ mạng sống không an toàn mà nói dối là đã xả bỏ, liền đoạn mất mạng sống của người ấy bỏ lại mà đi mất.

Hỏi: Lúc nào loài quỷ nhận biết tâm... của người khác?

Đáp: Phần vị đầu-giữa và sau đều có thể nhận biết hết.

Hỏi: Loại đó trú vào tâm nào mà nhận biết tâm... của người khác, thiện-nhiễm ô hay là vô phú vô ký?

Đáp: Cả ba loại đều có thể nhận biết.

Hỏi: Là trú vào ý thức, hay là trú vào năm thức mà nhận biết tâm... của người khác?

Đáp: Chỉ trú vào ý thức.

Hỏi: Là trú vào tâm Oai nghi lộ, là trú vào tâm Công xảo xứ, hay là trú vào tâm Dị thực sinh mà nhận biết tâm... của người khác?

Đáp: Cả ba loại đều có thể nhận biết, như loài bàng sinh đã nói.

Loài trời cũng có trí đạt được do nơi sinh ra có thể nhận biết tâm... của người khác, nhưng mà vì tế cho nên không nói riêng biệt, còn lại nói rộng ra như loài súc sinh-quỷ.

Trong loài người không có trí đạt được do nơi sinh ra có thể nhận

biết tâm... của người khác. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì không phải là ruộng đất-đồ chứa, bởi vì có trí nhìn thấy tướng-nghe lời nói... mạnh hơn làm cho che lấp giảm bớt, bởi vì có Tha tâm thông và Nguyên trí làm cho mờ khuất ánh sáng.

Hỏi: Trí đạt được do nơi sinh ra của loài nào nhận biết tâm của mấy loài?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Tất cả chỉ tự biết mình. Lại có người nói: Địa ngục chỉ biết địa ngục, bàng sinh biết hai, loài quỷ biết ba, loài trời biết năm.

Trong luận Thi Thiết nói: “Long vương Thiện Trú Ai-la-phạt-noa nhận biết tâm của loài trời, là trí dựa vào tướng mà nhận biết chứ không phải là trí đạt được do nơi sinh ra.”

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Ở trong bốn loài, trí đạt được do nơi sinh ra, đều nhận biết năm loài, đối với lý không có gì trái.

Hỏi: Loài người cũng có chủng loại của trí Bốn tánh niệm sinh, thích hợp có thể nhận biết tâm... của loài khác, tại sao không nói đến?

Đáp: Nên nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác. Lại nữa, bởi vì ít cho nên không nói đến, nghĩa là trong loài người đạt được trí này thì rất ít có, cho nên không nói đến trí ấy.

Có người đưa ra cách nói này: Chủng loại của trí Bốn tánh niệm sinh, không thể nào ngay lúc đó nhận biết tâm-tâm sở pháp của người khác, cho nên ở đây không nói đến.

Có lúc Tha tâm trí cũng là ngay lúc đó nhận biết tâm-tâm sở pháp của người khác, đó là nếu trí do tu mà thành, là quả của tu, nương tựa vào tu, đã được không mất, có thể ngay lúc đó nhận biết tâm-tâm sở pháp thuộc cõi Dục-Sắc hiện tại của người khác, hoặc tâm-tâm sở pháp vô lậu. Đây là Tha tâm trí thông hiện tại, giải thích rộng ra như trước.

Có lúc không phải là Tha tâm trí cũng không phải là ngay lúc đó nhận biết tâm-tâm sở pháp của người khác, đó là trừ ra những tướng trước. Tướng là thuộc về danh cho đến nói rộng ra, nghĩa là trong Hành uẩn tổng quát trừ ra Tha tâm trí thông thuộc ba đời, và trừ ra trí đạt được do nơi sinh-nhìn thấy tướng-nghe lời nói của hiện tại, có thể ngay lúc đó nhận biết tâm-tâm sở của người khác, còn lại các Hành uẩn và bốn Uẩn toàn phần cùng với pháp vô vi làm thành câu thứ tư.

Hỏi: Các trí Túc trú tùy niệm đều ngay lúc đó nhớ biết các sự việc của đời trước chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, trí Túc trú tùy niệm bao gồm ba đời, ngay lúc đó nhớ biết các sự việc của đời trước thì

chỉ riêng hiện tại, nhưng bao gồm trí Túc trú tùy niệm và không phải là trí Túc trú tùy niệm, cho nên có bốn câu phân biệt.

1. Có trí Túc trú tùy niệm, mà không phải là ngay lúc đó nhớ biết các sự việc của đời trước, đó là trí Túc trú tùy niệm của quá khứ-vị lai. Loại này có tướng của trí Túc trú tùy niệm, mà không có tác dụng của ngay lúc đó nhớ biết các sự việc của đời trước, bởi vì quá khứ thì tác dụng đã không còn, vị lai thì chưa có tác dụng.

2. Có ngay lúc đó nhớ biết các sự việc của đời trước, mà không phải là trí Túc trú tùy niệm, đó là như có một loại đạt được trí Bốn tánh niệm sinh, hoặc là đạt được trí có được do nơi sinh ra như vậy, có thể ngay lúc đó nhớ biết các sự việc của đời trước.

Trí Bốn tánh niệm sinh ngay lúc đó nhớ biết các sự việc của đời trước, chỉ có trong loài người, trong bốn loài khác không có trí này. Trí có được do nơi sinh ra có thể ngay lúc đó nhớ biết các sự việc của đời trước, đó là có ở những địa ngục. Sự việc ấy thế nào? Tạm thời trong địa ngục, như trong kinh nói: “Hữu tình chốn địa ngục cùng nói với nhau rằng: Kỳ lạ thay sai lầm của mình, chúng ta trong quá khứ đã từng nghe Sa-môn và Bà-la-môn nói về lỗi lầm tai họa của các Dục, luôn luôn dẫn đến sự việc thật là sợ hãi của vị lai, các người cần phải đoạn dứt. Chúng ta tuy nghe mà không tin dùng, nay vì Dục ấy mà chịu khổ đau ác liệt ở đây.”

Hỏi: Loài ấy vào lúc nào nhớ biết sự việc của đời trước?

Đáp: Lúc mới sinh vào địa ngục chưa nhận chịu khổ đau. Nếu nhận chịu khổ đau rồi thì sự việc diệt đi tiếp theo trước đó hãy còn không thể nào nhớ lại, huống hồ sự việc diệt đi đã lâu mà có thể nhớ biết được ư?

Hỏi: Loài ấy trú vào tâm nào mà nhớ lại sự việc của đời trước?

Đáp: Trú vào tâm thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký đều có thể nhớ biết; ở trong sáu thức thì chỉ trú vào ý thức; ở trong vô ký thì chỉ trú vào Oai nghi lộ.

Hỏi: Trí có được do nơi sinh ra ấy có thể nhớ biết mấy đời?

Đáp: Có thể nhớ biết một đời, đó là từ nơi khác chết đi sinh đến nơi này.

Có người nói: Cho đến nhận biết năm trăm đời.

Loài bàng sinh có trí đạt được do nơi sinh ra, có thể ngay lúc đó nhớ biết sự việc của đời trước, như trong kinh nói: “Có con ốc nói tiếng loài chó, xưa làm Phạm chí tên gọi Đạo-đề-na, nhớ lại sự việc của đời trước, người ta khiến leo lên chỗ ngồi ăn cơm để chỉ rõ là vật báu, đều

thuận theo lời nói của người ấy.”

Hỏi: Vào lúc nào nhớ lại sự việc của đời trước?

Đáp: Phần vị đầu-giữa và sau đều có thể nhớ biết.

Hỏi: Loài ấy trú vào tâm nào mà nhớ lại sự việc của đời trước?

Đáp: Trú vào tâm thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký đều có thể nhớ biết; ở trong sáu thức thì chỉ trú vào ý thức, ở trong ba vô ký thì trú vào tất cả ba loại.

Hỏi: Trí có được do nơi sinh ra của loài ấy có thể nhớ biết mấy đời?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Chỉ nhớ lại một đời, đó là từ nơi khác chết đi sinh đến nơi này.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Có thể nhớ lại nhiều đời, như con sói nhớ biết sự việc trong năm trăm đời.

Loài quỷ cũng có trí đạt được do nơi sinh ra, có thể ngay lúc đó nhớ biết sự việc của đời trước. Như bài kệ nói:

“Xưa tôi tích góp các của cải, dùng pháp hoặc là không hợp pháp,

Nay người khác hưởng thụ giàu-vui, một mình tôi nhận chịu nghèo-khổ.”

Hỏi: Loài ấy vào lúc nào nhớ lại sự việc của đời trước?

Đáp: Phần vị đầu giữa và sau đều có thể nhớ biết.

Hỏi: Loài ấy trú vào tâm nào mà nhớ lại sự việc của đời trước?

Đáp: Phần vị đầu giữa và sau đều có thể nhớ biết.

Hỏi: Loài ấy trú vào tâm nào mà nhớ lại sự việc của đời trước?

Đáp: Trú vào tâm thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký đều có thể nhớ biết; ở trong sáu thức thì chỉ trú vào ý thức, trong ba vô phú vô ký thì trú vào tất cả ba loại.

Hỏi: Trí có được do nơi sinh ra của loài ấy có thể nhớ biết mấy đời?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Chỉ nhớ lại một đời, đó là từ nơi khác chết đi sinh đến nơi này.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Có thể nhớ lại nhiều đời, như quỷ nhớ biết sự việc trong năm trăm đời.

Loài trời cũng có trí đạt được do nơi sinh ra, có thể ngay lúc ấy nhớ biết sự việc của đời trước. Như bài kệ nói:

“Tôi cúng dường khu rừng Thệ-đa, được đấng Đại Pháp vương an trú.

Hiền Thánh Tăng tiếp nhận sử dụng, cho nên tâm tôi thật hoan

hỷ.”

Hỏi: Loài ấy vào lúc nào nhớ lại sự việc của đời trước?

Đáp: Phần vị đầu-giữa và sau đều có thể nhớ biết.

Hỏi: Loài ấy trú vào tâm nào mà nhớ lại sự việc của đời trước?

Đáp: Trú vào thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký đều có thể nhớ biết; ở trong sáu thức thì chỉ trú vào ý thức, trong ba vô ký thì trú vào tất cả ba loại.

Hỏi: Trí của đấng do nơi sinh ra của loài ấy có thể nhớ biết mấy đời?

Đáp: Có người đưa ra cách nói như vậy: Chỉ nhớ lại một đời, đó là từ nơi khác chết đi sinh đến nơi này.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: có thể nhớ lại nhiều đời.

Trong loài người không có trí đạt được do nơi sinh ra nhớ lại sự việc của đời trước, bởi vì không phải là ruộng đất-đồ chứa, bởi vì bị trí Bản tánh niệm sinh... làm cho giảm bớt và mờ khuất, bởi vì vị trí Túc trú tùy niệm thông và Nguyên trí... làm cho mờ khuất.

3. Có trí Túc trú tùy niệm mà cũng ngay lúc đó nhớ biết các sự việc của đời trước, đó là nếu trí do tu mà thành, là quả của tu, nương tựa vào tu, đã được không mất, có thể ngay lúc đó nhớ biết các sự việc của đời trước, các loại tướng trạng và những lời nói. Đây là trí thông Túc trú tùy niệm hiện tại, rộng ra như trước giải thích.

4. Có lúc không phải là trí Túc trú tùy niệm, cũng không phải là ngay lúc đó nhớ biết các sự việc của đời trước, đó là trừ ra những tướng trước. Tướng là thuộc về danh, cho đến nói rộng ra. Nghĩa là trong Hành uẩn trừ ra toàn bộ trí thông Túc trú tùy niệm của ba đời, và trừ ra trí Bản tánh niệm sinh của hiện tại, trí của đấng do nơi sinh ra, có thể ngay lúc đó nhớ biết sự việc đời trước, còn lại các Hành uẩn và bốn Uẩn toàn phần cùng với pháp vô vi làm thành câu thứ tư.

Hỏi: Các trí Túc trú tùy niệm, đều biết Uẩn-Xứ-Giới-Tâm nối tiếp nhau trong quá khứ của người khác chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, trong này câu thứ nhất là duyên với trí Túc trú tùy niệm nối tiếp nhau của mình, câu thứ hai là duyên với Nguyên trí nối tiếp nhau của người khác và gia hạnh của trí Túc trú tùy niệm, câu thứ ba là duyên với trí Túc trú tùy niệm nối tiếp nhau của người khác, câu thứ tư là duyên với Nguyên trí nối tiếp nhau của mình và gia hạnh của trí Túc trú tùy niệm. Đó gọi là Tỳ Bà Sa tóm lược ở chỗ này.

1. Có lúc trí Túc trú tùy niệm, không phải là nhận biết Uẩn-Xứ-

Giới-Tâm nối tiếp nhau trong quá khứ của người khác, đó là nếu trí do tu mà thành, là quả của tu, nường tựa vào tu, đã được không mất, nhận biết Uẩn-Xứ-Giới-tâm nối tiếp nhau trong quá khứ đời trước của mình. Đây chính là duyên với trí Túc trú tùy niệm nối tiếp nhau của mình, bởi vì duyên với sự việc đời của mình trong đời sống quá khứ.

2. Có lúc nhận biết Uẩn-Xứ-giới tâm nối tiếp nhau trong quá khứ của người khác, không phải là trí Túc trú tùy niệm, đó là nếu trí do tu mà thành, là quả của tu, nường tựa vào tu, đã được không mất, nhận biết Uẩn-Xứ-Giới-tâm nối tiếp nhau trong quá khứ ngay đời này của người khác. Đây chính là duyên với Nguyên trí nối tiếp nhau của người khác và gia hạnh của trí Túc trú tùy niệm, bởi vì duyên với sự việc quá khứ của người khác trong đời sống hiện tại.

3. Có lúc trí Túc trú tùy niệm cũng nhận biết Uẩn-Xứ-giới-tâm nối tiếp nhau trong quá khứ của người khác, đó là trí do tu mà thành, là quả của tu, nường tựa vào tu, đã được không mất, nhận biết Uẩn-Xứ-Giới-tâm nối tiếp nhau trong quá khứ ở đời sống trước kia của người khác. Đây chính là duyên với trí Túc trú tùy niệm nối tiếp nhau của người khác, bởi vì duyên với sự việc đời trước của người khác trong đời sống quá khứ.

4. Có lúc không phải là trí Túc trú tùy niệm, cũng không phải là nhận biết Uẩn-Xứ-Giới-tâm nối tiếp nhau trong quá khứ của người khác, đó là nếu trí do tu mà thành, là quả của tu, nường tựa vào tu, đã được không mất, nhận biết Uẩn-Xứ-Giới-tâm nối tiếp nhau trong quá khứ ngay đời sống này của mình. Đây chính là duyên với Nguyên nối tiếp nhau của mình, và gia hạnh của trí Túc trú tùy niệm, bởi vì duyên với sự việc quá khứ trong đời sống hiện tại của mình.

Trong này, Nguyên trí chỉ duyên với đời này, và các pháp hữu lậu của quá khứ; trí Túc trú tùy niệm chỉ duyên với đời trước, và các pháp hữu lậu của quá khứ; gia hạnh của trí Túc trú tùy niệm cũng chỉ duyên với đời này, và các pháp hữu lậu của quá khứ. Nhưng các Nguyên trí duyên chung với ba đời, trong này chỉ chọn lấy duyên với pháp hữu lậu của quá khứ trong đời này.

Hỏi: Trước đây đã nói đến trí Bổn tánh niệm sinh, lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Lấy Tuệ làm tự tánh, đó gọi là bổn tánh-tướng phần-tự thể-ngã vật-tự tánh của trí Bổn tánh niệm sinh. Đã nói về tự tánh, nguyên cớ nay sẽ nói đến.

Hỏi: Vì sao gọi là trí Bổn tánh niệm sinh, trí Bổn tánh niệm sinh

là nghĩa gì?

Đáp: Sinh là các pháp hữu lậu của đời trước, Trí là đời này có thể nhận biết trí kia, Niệm là trí này cùng sinh ra niệm thù thắng. Nói Bốn tánh ấy là chọn lấy tu đạt được riêng biệt, tức là trí Bốn tánh do Niệm lực thù thắng mà nhận biết các pháp hữu lậu của đời sống quá khứ, cho nên gọi là trí Bốn tánh niệm sinh. Lại nữa, trú vào tâm của Bốn tánh do Niệm lực thù thắng phát khởi trí này, nhận biết các pháp hữu lậu của đời sống quá khứ, cho nên gọi là trí Bốn tánh niệm sinh. Tâm của Bốn tánh, đó là thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký, không do tu đạt được cho nên gọi là Bốn tánh. Lại nữa, Bốn tánh ấy là tự tánh của các pháp, tức là tự tánh các pháp hữu lậu của đời quá khứ, trí do Niệm lực nhận biết Bốn tánh sinh ra, cho nên gọi là trí Bốn tánh niệm sinh. Lại nữa, Bốn tánh ấy là pháp tánh thuộc đời trước, tức là tánh thuộc pháp hữu lậu của đời quá khứ, trí do Niệm lực nhận biết Bốn tánh sinh ra, cho nên gọi là trí Bốn tánh niệm sinh.

Hỏi: Trí này cùng sinh ra có nhiều loại, vì sao chỉ nói đến Niệm?

Đáp: Bởi vì Niệm lực tăng mạnh; như bốn Niệm trú-Trì tức niệm-trí Túc trú tùy niệm, tuy Tuệ là Thể mà Niệm lực tăng mạnh, cho nên gọi là Niệm trú... như Phục trừ Sắc tướng tuy Thể là Tuệ, mà lực của Tướng tăng mạnh, cho nên gọi là Phục trừ Sắc tướng; trí này cũng như vậy, tuy Thể là Tuệ mà Niệm lực tăng mạnh, cho nên gọi là trí Bốn tánh niệm sinh.

Hỏi: Trí Bốn tánh niệm sinh này ở cõi nào có?

Đáp: Chỉ có ở cõi Dục.

Hỏi: Trí Bốn tánh niệm sinh này ở nẻo nào có?

Đáp: Chỉ có ở nẻo người. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì chỉ ở trong nẻo người cõi Dục có thể tạo ra nghiệp thù thắng làm cho đạt được trí này, và bởi vì trong nẻo người thì trí tuệ mạnh mẽ sắc bén hơn hẳn nẻo khác.

Hỏi: Trí Bốn tánh niệm sinh này do nghiệp lực nào mà làm cho phát khởi?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Nếu các hữu tình vui thích nói ra lời nói yêu thương làm cho người khác hoan hỷ, thì do nghiệp lực ấy có thể dẫn đến trí này.

Lại có người nói: Nếu các hữu tình vui thích truyền bá việc tốt làm cho tâm người khác vui sướng-thân được an lạc, thì do nghiệp lực

ấy có thể dẫn đến trí này.

Có Sư khác nói: Nếu các hữu tình người khác lo sợ hoảng hốt, tìm cách an ủi nói cho biết làm nơi quay về nương tựa cho họ khiến được hết sợ hãi, thì do nghiệp lực ấy có thể dẫn đến trí này.

Hoặc có người nói: nếu các hữu tình thấy người khác buồn lo sầu não, dùng pháp chỉ bày nói cho biết khiến được hết buồn lo, thì do nghiệp lực ấy có thể dẫn đến trí này. Có người khác lại nói; Nếu các hữu tình thấy nơi hiểm nguy ách nạn sửa chữa làm cho rộng rãi thuận lợi, để cho người qua lại không có gian nan, thì do nghiệp lực ấy ở trong bụng mẹ không có nỗi khổ của sự bức ép chật hẹp, cho nên có được trí này.

Hoặc có người khác nói: Nếu các hữu tình bố thí các loại đồ ăn thức uống ngon lành cho người khác, thì do nghiệp lực ấy có thể dẫn đến trí này.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Nếu các hữu tình không tạo ra nghiệp làm não hại người khác, luôn luôn làm điều lợi ích cho người khác, thì do nghiệp này cho nên ở trong bụng mẹ, không bị các bệnh như gió-nóng-đàm-suyễn làm cho bức bách quá lắm, về sau lúc ra khỏi thai mẹ không có nỗi khổ của sự bức ép chật hẹp, vì thế cho nên có thể nhớ lại các sự việc của đời trước.

Có người nói như vậy: Nếu các hữu tình ở trong bụng mẹ và lúc ra khỏi thai, không nhận chịu nhiều căn bệnh bức ép chật hẹp khổ sở, thì đều thuận theo có thể nhớ lại sự việc của đời quá khứ, chỉ do mẹ mắc bệnh và bức bách chật hẹp khổ sở cho nên đều quên hết mọi việc.

Hỏi: Trí bốn tánh niệm sinh này, lúc đầu-giữa và sau thì lúc nào là hơn hẳn?

Đáp: Điều này không quyết định được, đó là hoặc có người lúc mới sinh ra thì hơn hẳn, như Thế-bạt-la... lúc mới sinh ra, liền phát ra nói như vậy: Nay trong nhà này có thể có tiền bạc của cải, để cho con tùy ý thực hành bố thí chăng? Hoặc có người lúc tuổi trưởng thành thì hơn hẳn, như Tôn giả Hộ Quốc..., hoặc có người lúc tuổi già thì hơn hẳn, như Am-bà-sất-trĩ..., nói rộng ra như trong kinh.

Hỏi: Trí Bốn tánh niệm sinh này có thể nhớ lại sự việc mấy đời?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Chỉ có thể nhớ lại sự việc của một đời, đó là từ nơi khác mất đi dinh đến nơi này.

Hoặc có người nói: Trí này có thể nhớ lại sự việc của hai đời, hoặc cho đến sự việc của bảy đời." Như trong thành Vương Xá có một người đồ tể, tên gọi là Già-tra, là bạn quen biết thưở còn trẻ nhỏ với vua Vị

Sinh Oán (A-xà-thế), đã từng thưa với Thái Tử: Ngài lên ngôi vua ban cho tôi nguyện gì? Thái Tử nói rằng: Sẽ tùy ông đề nghị. Về sau Vị Sinh Oán hại chết vua cha tự lên ngôi vua, Già-tra ngay sau đó đi theo nhà vua xin điều mong muốn. Nhà vua liền bảo rằng: Tùy ý ông cầu mong. Già-tra thưa rằng: Xin nhà vua cho phép tôi một mình làm nghề tàn sát trong thành Vương-xá. Nhà vua liền bảo rằng: Nay ông sao cầu mong điều nguyện tàn ác này, lẽ nào không sợ hãi quả báo khổ đau trong tương lai hay sao? Người đồ tể thưa với nhà vua: Các nghiệp thiện ác đều không có quả báo thì việc gì phải sợ hãi? Nhà vua liền bảo rằng: Ông làm sao biết được? Già-tra thưa với nhà vua: Tôi nhớ lại sáu đời trong quá khứ, ở trong thành Vương-Xá này thường làm nghề tàn sát, cuối cùng sinh vào cõi trời Tam Thập Tam hưởng thụ nhiều vui sướng, từ cõi trời ấy chết đi sinh đến nơi này, trẻ nhỏ được làm bạn quen biết với nhà vua, cho nên biết thiện ác thì quả ấy chắc chắn không có. Nhà vua nghe nói sinh lòng nghi ngờ liền đi đến thưa hỏi Đức Phật. Đức Phật bảo với nhà vua rằng: Sự việc này không sai, nhưng người đồ tể kia đã từng đem một bữa ăn cúng dường cho vị Độc giác mà phát tà nguyện rằng: Khiến cho con thường ở trong thành Vương Xá một mình làm nghề tàn sát, sau đó được sinh lên cõi trời. Bởi vì nhân của nghiệp thù thắng cho nên quả được như lời nguyện. Người ấy trước kia là nghiệp thù thắng và quả nay không còn, sau bảy ngày nữa chắc chắn sẽ mạng chung sinh vào địa ngục Hào Khiếu (gào thét), lần lượt nhận chịu quả báo khổ đau của nghiệp đồ tể trước kia.” Vì thế cho nên trí này biết cao nhất là bảy đời.

Lại có người nói: Trí này cao nhất có thể nhớ lại sự việc trong năm trăm đời. Đó là “Có Tỳ kheo tự nhớ lại trong năm trăm đời quá khứ rồi vào loài ngạ quỷ, nghĩ về lúc ấy đã nhận chịu nỗi khổ đói khát, toàn thân toát mồ hôi-tâm hết sức sợ hãi buồn phiền, ngưng các việc làm tinh tiến hừng hực, sau trải qua thời gian dài đạt được quả Dự lưu. Vị ấy dấy lên ý niệm này: Mình từ trước đến nay, nhờ vào các Tỳ kheo giúp cho vật dụng tiền bạc, khiến cho sự sợ hãi của mình đã được vĩnh viễn diệt trừ, nay cần phải truy tìm các vật dụng cung cấp cho thân để đền trả ân huệ trước đây. Dấy lên ý niệm này rồi đi khắp nơi tìm kiếm các vật dụng cung cấp cho thân. Lúc ấy các Tỳ kheo trông thấy mà gọi lại nói rằng: Trước đây ông ít việc nay vì sao lại nhiều? Vị ấy liền nói đầy đủ sự việc của mình cho người khác biết. Lại có Tỳ kheo tự nhớ lại trong năm trăm đời quá khứ rơi vào chốn địa ngục, nghĩ về lúc ấy đã nhận chịu khổ đau trong địa ngục, trong các lỗ chân lông toàn thân đều

chảy ra máu, thân thể và áo quần vô cùng dơ bẩn, hàng ngày đến bên dòng nước tắm rửa giặt giũ, mọi người nói rằng nghỉ nước làm sạch. Vị ấy ngừng việc làm tinh tiến hừng hực, trải qua thời gian dài chứng quả A-la-hán. Về sau không thường xuyên tắm rửa giặt giũ, mọi người cảm thấy quái lạ bèn hỏi, vị ấy cũng nói đầy đủ sự việc của mình cho người khác biết.” Vì vậy cho nên biết trí này nhớ lại cao nhất là năm trăm đời.

Có Sư khác nói: Trí này có thể nhận biết sự việc về kiếp thành và kiếp hoại trong quá khứ. Đó là “Đức Phật xưa kia lúc còn làm Bồ-tát, vì cảm hóa hữu tình mà phát Đại thệ nguyện, có lúc đã từng làm vị vua Chiên-đồ-la gọi là Tam câu, khéo léo thông hiểu tất cả sách luận-chú thuật. Lúc bấy giờ A-nan làm con của vị vua ấy tên là Sư Tử Nhĩ, dung mạo đoan chánh tuyệt vời không ai sánh bằng. Lúc ấy Xá-lợi-tử làm bà-la-môn tên gọi là Trì Kiên, khéo léo thông hiểu Minh luận (luận Vi-đà) và các quyển thuộc. Vị ấy có một cô con gái tên gọi là Trinh Khiết, dung mạo đoan chánh mọi người đều thích gặp. Lúc ấy nhà vua đi đến chỗ Bà-la-môn cầu hôn cho con trai, Trì Kiên rất tức giận nói rõ với vị vua ấy rằng: Dòng họ nhà ông là hèn mạt nhất trong các dòng họ, Ta là Phạm chí tôn quý trong các dòng họ vì sao đến đây cố tình xem thường làm nhục lẫn nhau? Lúc ấy nhà vua nói với Bà-la-môn rằng: Dòng họ cao thấp cũng không có cố định thường xuyên, ông nhìn nhận thế nào mà bỗng nhiên tự mình kiêu căng cao ngạo, có thể ông đã từng nghe các sách chữ Phạm là do ai mà soạn ra? Trì Kiên trả lời rằng: Ta nghe cổ xưa có bà-la-môn tên gọi Cù-tần-đà, là do vị ấy mà soạn ra. Nhà vua nói: Cù-tần-đà lúc ấy tức là thân tôi bây giờ, ông lại có thể nghe sách chữ Khư-lô-sắt-tra là do ai mà soạn ra? Bà-la-môn nói: Ta nghe cổ xưa có Đại Tiên nhân tên gọi Khư-lô-sắt-tra, là do vị ấy mà soạn ra. Nhà vua nói: Đại Tiên nhân lúc ấy tức là thân tôi bây giờ. Nhà vua lại hỏi rằng: Ông có thể đã từng nghe các luận Phệ-đà và các sách thế tục-quyển thuộc của luận ấy là ai soạn ra chăng? Bà-la-môn nói: Sách luận bộ phái như vậy và như vậy, chính là các Bà-la-môn và Tiên nhân ấy... soạn ra. Nhà vua lại trả lời rằng: Đó đều là tên gọi thời xưa của tôi, ông có thể biết chăng, làm sao nay ông tự mình kiêu căng xem thường người khác? Trì Kiên ngay sau đó suy ra chứng minh từng điều một, biết lời nhà vua đã nói là thật chứ không phải là sai lầm, tâm hết sức cung kính và ngưỡng mộ, liền nhận lời cầu hôn của nhà vua.” Vì vậy cho nên biết trí này có thể nhớ lại sự việc của kiếp thành-kiếp hoại trong đời quá khứ cuối cùng.

Như trong kinh nói: “Đức Phật bảo với chủ thôn ấp: Ta tự nhớ lại chín mươi một kiếp quá khứ đến nay, đối với ruộng Giới thanh tịnh cúng dường đồ ăn thức uống... từng không có bỏ lỡ hoặc thiếu sót, lại cũng không nhớ làm đồ ăn thức uống... cho người làm hỏng Giới.”

Hỏi: Đức Thế Tôn là dùng trí Túc trú tùy niệm mà nhớ biết sự việc này, hay là dùng trí Bản tánh niệm sinh mà nhớ biết sự việc này? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu dùng trí Túc trú tùy niệm mà nhớ biết sự việc này, thì tại sao trước đây nói có người nói trí này chỉ nhớ lại một đời, có người nói nhớ lại hai đời cho đến cao nhất là bảy đời, có người nói nhớ lại năm trăm đời, có người nói nhớ lại kiếp thành-kiếp hoại, mà không nói có thể nhớ lại chín mươi một kiếp?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Đức Thế Tôn dùng trí Túc trú tùy niệm để nhớ biết sự việc này.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao chỉ nhớ lại chín mươi một kiếp mà không nhớ lại nhiều hơn?

Đáp: Thật sự có năng lực nhớ lại nhiều mà nói chỉ bấy nhiêu.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao không nói nhớ lại nhiều hơn?

Đáp: Hiệp Tôn giả nói: “Tất cả sinh ra nghi ngờ, nếu nói nhớ lại nhiều hơn, hoặc là nói nhớ lại ít hơn không cần phải vặn hỏi.”

Lại nữa, từ đó kiến lập bảy vị Phật Thế Tôn, cho nên chỉ nói như vậy. Lại nữa, từ đó đến nay tu về nghiệp tướng tốt, cho nên chỉ nói như vậy. Lại nữa, từ đó đến nay nghiệp đạo thanh tịnh không rơi vào nẻo ác, luôn luôn thọ thân năm, thường nhớ lại đời trước, cho nên chỉ nói như vậy. Lại có người nói: Đức Thế Tôn dùng trí Bản tánh niệm sinh để nhớ biết sự việc này.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao trước đây nói có người nói chỉ nhớ lại một đời, cho đến có người nói nhớ lại kiếp thành-kiếp hoại, mà không nói là có thể nhớ lại chín mươi một kiếp?

Đáp: Trước đây nói người khác có thể nhớ lại nhiều hơn.

Hỏi: Trí Bản tánh niệm sinh thì có thể nhớ biết. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì sự việc của Trung Hữu rất vi tế, cho nên không phải là cảnh của trí này.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Trí Bản tánh niệm sinh cũng có thể nhớ biết sự việc trong giai đoạn Trung Hữu. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì nếu không nhớ biết thì cảnh nhận biết của trí này sẽ trở thành lẫn lộn, nghĩa là phần ít có thể nhận biết, phần ít không thể nhận biết.

Hỏi: Bồ tát ở đời trước đã có trí Bản tánh niệm sinh, ở đời sau cùng thì cũng có hay là không? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu có thì

tại sao lực của duyên không phải là mạnh hơn lực của nhân? Nếu không có thì tại sao Bồ-tát không phải là chuyển biến suy thoái?

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao lực của duyên không phải là mạnh hơn lực của nhân?

Đáp: Không phải là không có lực của duyên, thì gọi là có lực của nhân bên trong, và bởi vì lợi căn cho nên gọi là có lực của nhân bên trong, nghĩa là Bồ-tát này có căn tánh thù thắng nhất đối với các hữu tình cho nên gọi là có lực của nhân. Vả lại, ai nói Bồ-tát không có lực của duyên vậy? Có trời Tịnh Cư hiện rõ cảnh tượng già-bệnh-chết, giác ngộ mà phát tâm Bồ-tát chán ngán sinh tử, lẽ nào không phải là lực của duyên hay sao? Lại nữa, Lộc Thích Nữ vì Bồ-tát mà nói bài tụng ca ngợi Niết-bàn, giác ngộ mà phát tâm Bồ-tát vui cầu Niết-bàn, cùng là lực của duyên. Như nói:

“Không bao lâu ông sẽ đạt được, yên ổn vui vẻ lấy làm mẹ,
Không có buồn lo lấy làm cha, vắng lặng thư thái lấy làm vợ.”

Bồ-tát thấy và nghe sự việc như vậy rồi, đã tăng thêm chán ngán-vui mừng vượt thành mà xuất gia. Lại nữa, đời quá khứ có vô lượng Đức Phật, vì Bồ-tát mà nói về tư lương Bồ-đề. Những sự việc như vậy đều gọi là lực của duyên. Có người đưa ra cách nói này: Thân cuối cùng của Bồ-tát không có trí Bốn tánh niệm sinh.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao không phải là chuyển biến suy thoái?

Đáp: Tuy không có trí này, mà có trí Túc trú tùy niệm thù thắng, và Nguyên trí..., cho nên không phải là suy thoái.

Lời bình: Nên biết trong này, cách nói trước là hợp lý, bởi vì từ chín mươi một kiếp đến đây luôn luôn có trí này.

Thế nào là Thời ái tâm giải thoát? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt về nghĩa trong kinh. Nghĩa là trong kinh nói: “Đức Phật bảo với A-nan: Tỳ-kheo không nên vi thích tụ tập với chúng và mê đắm các hý luận. Nếu người vui thích tụ tập với chúng và mê đắm hý luận, có thể chúng được Thời ái tâm giới và Bất động tâm giải thoát, thì không có điều này. Nếu các Tỳ-kheo không thích tụ tập đồng người, không mê đắm hý luận, có thể chúng được hai loại giải thoát, thì điều này là có.” Trong kinh tuy nói ra như vậy, mà không giải thích rộng về nghĩa ấy, không nói đến tự tánh và nhân duyên đạt được hai loại giải thoát này. Trong chương Căn Uẩn tuy nói về hai nhân duyên đạt được, mà không hiển bày về tự tánh, cho nên nay cần phải

hiển bày về điều ấy.

Lại nữa, vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về chánh lý. Nghĩa là hoặc có người nói: Thời ái tâm giải thoát là Hữu học-có những việc làm, Bất động tâm giải thoát là Vô học-không có những việc làm. Vì ngăn chặn ý đó để hiển bày về hai giải thoát đều là Vô học lại không có những việc làm.

Hoặc lại có người nói: Thời ái tâm giải thoát là hữu lậu, Bất động tâm giải thoát là vô lậu. Vì ngăn chặn ý đó để hiển bày hai giải thoát đều là Vô học không có những việc làm.

Hoặc lại có người nói: Thời ái tâm giải thoát là hữu lậu, Bất động tâm giải thoát là vô lậu. Vì ngăn chặn ý đó để hiển bày về hai giải thoát đều là vô lậu.

Lại có người muốn làm cho Thời ái tâm giải thoát đều là hữu vi, Bất động tâm giải thoát là vô vi. Vì ngăn chặn ý đó để hiển bày về hai giải thoát đều là hữu vi.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là Thời ái tâm giải thoát?

Đáp: Tận trí của A-la-hán Thời giải thoát, hoặc là Chánh kiến Vô học tương ứng với tâm thắng giải, đã thắng giải và đang thắng giải.

Hỏi: Thế nào là Bất động tâm giải thoát?

Đáp: Tận trí-Vô sinh trí của A-la-hán Bất động pháp, hoặc là Chánh kiến Vô học tương ứng với tâm thắng giải, đã thắng giải và đang thắng giải.

Trong này, Tận trí-Vô sinh trí-Chánh kiến Vô học tương ứng với tâm, là chọn lựa khác với Hữu học và hữu lậu; tâm thắng giải ấy là hiện tại, đã thắng giải ấy là quá khứ, đang thắng giải ấy là vị lai. Đây chính là chọn lấy khác với vô vi giải thoát, hiển bày hai giải thoát chỉ dùng tâm Vô học-vô lậu tương ứng với thắng giải để làm tự tánh. Nhưng trong tất cả các pháp chỉ có hai pháp là tự tánh giải thoát, đó là trong pháp vô vi thì Trạch diệt là tự tánh giải thoát, trong pháp hữu vi thì thắng giải do pháp Đại địa thân nhiếp là tự tánh giải thoát. Thắng giải này có hai loại:

1. Nhiễm ô, đó là tương ứng với tham... gọi là tà thắng giải.

2. Không nhiễm ô, đó là tương ứng với không tham... gọi là Chánh thắng giải. Chánh thắng giải này lại có hai loại:

1. Hữu lậu, đó là quán Bất tịnh-Trì tức niệm, Vô lượng-Giải thoát-Thắng xứ-Biến xứ... tương ứng với thắng giải.

2. Vô lậu, đó là thắng giải về Học Vô học. Thắng giải về Học, đó là thắng giải do bốn Hưởng-ba Quả thâm nhiếp, tức là Khổ Pháp trí nhân cho đến Định Kim cang dụ tương ứng với thắng giải. Thắng giải về Vô học, đó là thắng giải do quả A-la-hán thâm nhiếp, tức là Tận trí-Vô sinh trí-Chánh kiến Vô học tương ứng với thắng giải. Thắng giải về Vô học lại có hai loại:

1. Thời ái tâm giải thoát, tức là năm loại thắng giải do quả A-la-hán thâm nhiếp, cũng gọi là Thời giải thoát.

2. Bất động tâm giải thoát, đó là thắng giải do quả A-la-hán Bất động pháp thâm nhiếp, cũng gọi là Bất thời giải thoát.

Hai giải thoát này đều có hai loại:

1. Gọi là Tâm giải thoát, bởi vì tham ái.

2. Gọi là Tuệ giải thoát, bởi vì lìa Vô minh.

Hỏi: Nếu thắng giải Vô học lìa tham ái cho nên gọi là Tâm giải thoát, lìa Vô minh cho nên gọi là Tuệ giải thoát, thì luận Tập Dị Môn nói nên thông hiểu thế nào? Như nói: “Thế nào là Tâm giải thoát? Đó là căn thiện không tham đối trị với tham ái. Thế nào là Tuệ giải thoát? Đó là căn thiện không si đối trị với Vô minh.”

Đáp: Luận Tập Dị Môn nên nói như vậy: Thế nào là Tâm giải thoát? Đó là căn thiện không tham tương ứng với thắng giải. Thế nào là Tuệ giải thoát? Đó là căn thiện không si tương ứng với thắng giải. Nên nói như vậy mà không nói là có ý nghĩa khác, đó là dựa vào căn thiện để biểu hiện rõ ràng về thắng giải, nếu dựa vào không tham cho nên tâm giải thoát tham ái, tương ứng với thắng giải này thì gọi là Tâm giải thoát; nếu dựa vào không si cho nên tuệ giải thoát Vô minh, tương ứng với thắng giải này thì gọi là Tuệ giải thoát. Vì vậy trong này, hai tâm giải thoát đều dùng thắng giải Vô học làm tự tánh.

Đó gọi là bốn tánh-tướng phân-tự thể-ngã vật-tự tánh của giải thoát. Đã nói về tự tánh, nguyên cơ sẽ nói đến.

Hỏi: Vì sao gọi là Thời giải thoát, Thời giải thoát là nghĩa gì?

Đáp: Bởi vì giải thoát ấy chờ đến lúc đạt được, thời gian tuy có nhiều mà tóm lược có sáu loại:

1. Lúc có được áo mặc tốt đẹp.
2. Lúc có được cơm ăn tốt lành.
3. Lúc có được đồ ăn tốt lành.
4. Lúc có được nơi ở tốt lành.
5. Lúc được nghe thuyết pháp tốt lành.
6. Lúc gặp được Bồ-đặc-già-la tốt lành.

Chờ đến lúc có được áo mặc tốt đẹp, nghĩa là người ấy cần phải có được y phục mềm mại tươi sáng tốt đẹp tuyệt vời thì mới được giải thoát, nếu không như vậy thì không đạt được giải thoát. Chờ đến lúc có được cơm ăn tốt lành, nghĩa là người ấy cần phải có được đồ ăn thức uống ngon lành tuyệt vời như bơ sữa-mật ngọt... thì mới được giải thoát, nếu không như vậy thì không đạt được giải thoát. Chờ đến lúc có được đồ nằm tốt lành, nghĩa là người ấy cần phải có được đồ nằm dày êm mềm mại như giường gối chăn đệm... thì mới được giải thoát, nếu không như vậy thì không đạt được giải thoát. Chờ đến lúc có được nơi ở tốt lành, nghĩa là người ấy cần phải có được nơi ở vắng lặng-phòng ốc tốt đẹp tuyệt vời thì mới được giải thoát, nếu không như vậy thì không đạt được giải thoát. Chờ đến lúc được nghe thuyết pháp tốt lành, nghĩa là người ấy cần phải có được sự khuyên nhủ giảng dạy hợp cơ-đúng như lý thì mới được giải thoát, nếu không như vậy thì không đạt được giải thoát. Chờ đến lúc gặp được Bồ-đặc-già-la tốt lành, nghĩa là người ấy cần phải gặp được người đầy đủ đức hạnh tốt đẹp-bẩm tính nhu hòa dễ chịu cùng ở chung, cùng với nhau cư trú thì mới được giải thoát, nếu không như vậy thì không đạt được giải thoát.

Hỏi: Vì sao gọi là Bất thời giải thoát, Bất thời giải thoát là nghĩa gì?

Đáp: Bởi vì giải thoát ấy không chờ đến lúc đạt được, thời gian tức là sáu loại đã nói như trước.

Không chờ đến lúc có được áo mặc tốt đẹp, nghĩa là người ấy tuy lúc có được áo rách xấu cũ, mà có thể mau chóng được giải thoát, hơn hẳn Thời giải thoát lúc có được áo mặc giá trị trăm ngàn lạng vàng. Không chờ đến lúc có được cơm ăn ngon lành, nghĩa là người ấy tuy có lúc có được đồ ăn thức uống đơn sơ dở dang, mà có thể mau chóng được giải thoát, hơn hẳn Thời giải thoát lúc có được đồ ăn thức uống đầy đủ ngon lành. Không chờ đến lúc có được đồ nằm tốt lành, nghĩa là người ấy tuy lúc có được đồ nằm thô lậu như giường đá-gối gỗ..., mà có thể mau chóng được giải thoát, hơn hẳn Thời giải thoát lúc có được đồ nằm tuyệt vời nhất. Không chờ đến lúc có được nơi ở tốt lành, nghĩa là người ấy tuy lúc có được nơi ở ồn ào-phòng ốc sơ sài, mà có thể mau chóng được giải thoát, hơn hẳn Thời giải thoát lúc có được nơi ở vắng lặng tuyệt vời, bởi vì chán ngán cảnh ồn ào lẫn tạp mà nhanh chóng nhập Định. Không chờ đến lúc được nghe thuyết pháp tốt lành, nghĩa là người ấy tuy lúc gặp phải sự khuyên nhủ giảng dạy khác cơ-trái với lý, mà có thể mau chóng được giải thoát, hơn hẳn Thời giải thoát lúc gặp được

sự khuyên nhủ giảng dạy hợp cơ-đúng như lý, bởi vì chán ngán những lời đã nói kia mà nhanh chóng nhập Định. Không chờ đến lúc gặp được Bồ-đặc-già-la tốt lành, nghĩa là người ấy tuy lúc gặp phải người không có đủ đức hạnh vì tánh tàn ác khó khăn cùng ở chung-cùng cư trú với nhau, mà có thể mau chóng được giải thoát, hơn hẳn Thời giải thoát lúc gặp được người đầy đủ đức hạnh... cùng với nhau cư trú, bởi vì chán ngán sự thô lỗ xấu xa ấy mà nhanh chóng nhập Định.

Lại nữa, dựa vào đạo nhỏ hẹp mà được giải thoát, cho nên gọi là Thời giải thoát. Đạo nhỏ hẹp, nghĩa là nếu rất mau chóng thì trong đời thứ nhất gieo trồng căn thiện, trong đời thứ hai làm cho thành thực, trong đời thứ ba đạt được giải thoát, còn lại thì không quyết định. Dựa vào đạo rộng lớn àm được giải thoát, thì gọi là Bất thời giải thoát. Đạo rộng lớn, nghĩa là nếu rất chậm chạp thì Thanh văn Thừa trải qua sáu mươi kiếp mà được giải thoát, như Xá-lợi-tử; Độc giác Thừa trải qua trăm kiếp mà được giải thoát, như Lâm Giác Dự; Phật thừa trải qua ba Vô số kiếp mà được giải thoát.

Lại nữa, dựa vào đạo yếu kém mà được giải thoát, cho nên gọi là Thời giải thoát. Đạo yếu kém, nghĩa là đối với gia hạnh thuộc phẩm thiện của giải thoát, không thể nào thường xuyên tu tập sâu nặng thiết tha, nếu ở thời gian đầu ngày tu tập, thì ở thời gian giữa và cuối ngày không thể nào tu tập; nếu ở thời gian đầu đêm tu tập, thì ở thời gian giữa và cuối đêm không thể nào tu tập, tuy tạm thời có thể tu tập mà không sâu nặng thiết tha. Dựa vào đạo mạnh mẽ hơn hẳn mà được giải thoát, cho nên gọi là Bất thời giải thoát. Đạo mạnh mẽ hơn hẳn là cùng với trên trái ngược nhau.

Lại nữa, dựa vào đạo tăng về Chỉ mà được giải thoát, cho nên gọi là Thời giải thoát; dựa vào đạo tăng về Quán mà được giải thoát, cho nên gọi là Bất thời giải thoát.

Lại nữa, dựa vào đạo có thể khiến cho mất đi mà được giải thoát, cho nên gọi là Thời giải thoát. Đạo có thể khiến cho mất đi, nghĩa là đạo đã tu có thể là vừa ý-không vừa ý, lợi ích-không lợi ích, cung cấp đầy đủ khổ-vui mà khiến cho mất đi. Dựa vào đạo không có thể khiến cho mất đi mà được giải thoát, cho nên gọi là Bất thời giải thoát. Đạo không có thể khiến cho mất đi là cùng với trên trái ngược nhau.

Lại nữa, dựa vào đạo của năm loại chủng tánh mà được giải thoát, cho nên gọi là Thời giải thoát. Đạo của năm loại chủng tánh, đó là đạo của chủng tánh Thối pháp, cho đến đạo của chủng tánh Kham đạt pháp. Dựa vào đạo của một loại chủng tánh mà được giải thoát, cho nên gọi

là Bất thời giải thoát. Đạo của một loại chủng tánh, đó là đạo của chủng tánh Bất động pháp. Đây là nói A-la-hán thuộc năm loại chủng tánh gọi là Thời giải thoát, A-la-hán thuộc chủng tánh Bất động pháp gọi là Bất thời giải thoát.

Hỏi: Nhờ vào luận mà phát sinh luận, vì sao A-la-hán thuộc năm chủng tánh trước thiết lập chung làm một Thời giải thoát, A-la-hán thuộc chủng loại thứ sáu thiết lập riêng làm một Bất thời giải thoát?

Đáp: Bởi vì có duyên khác nhau, Thời giải thoát nhiều, Bất thời giải thoát ít, nghĩa là dựa vào chủng tánh thì thiết năm chủng tánh trước gọi là A-la-hán Thời giải thoát, chủng tánh thứ sáu gọi là A-la-hán Bất thời giải thoát. Bởi vì có duyên khác nhau, Thời giải thoát ít, Bất thời giải thoát nhiều, nghĩa là dựa vào Thừa mà thì thiết chỉ riêng Thanh văn Thừa có A-la-hán Thời giải thoát, ba Thừa đều có A-la-hán Bất thời giải thoát. Bởi vì có duyên khác nhau, hai loại giải thoát cân bằng, nghĩa là hai loại giải thoát đều lia phiền não, cùng là thuộc về Thánh đạo trong thân Vô học thanh tịnh.

Lại nữa, Thời giải thoát yếu kém cho nên thì thiết năm loại, Bất thời giải thoát mạnh hơn cho nên kiến lập một loại. Như ở thế gian bây giờ, Quốc vương-Đại thần-Trưởng giả-Cư sĩ, những người giàu sang thì số ấy rất ít, những loại nghèo hèn thì số ấy rất nhiều. Lại như ở thế gian, Phật-Độc giác cho đến Thanh văn cứu cánh thì số ấy rất ít, các Thanh văn còn lại thì số ấy rất nhiều. Lại như ở thế gian, người làm điều thiện thì ít, người làm điều ác thì nhiều. Lại như ở thế gian, người Chánh kiến thì ít, người tà kiến thì nhiều. Lại như ở thế gian, người đoan chánh thì ít, người xấu xí thì nhiều. Lại như ở thế gian, người nhu hòa thì ít, người ngang ngược thì nhiều. Như vậy, A-la-hán thuộc năm chủng tánh trước bởi vì yếu kém cho nên hợp lại gọi là Thời giải thoát, A-la-hán thuộc chủng tánh thứ sáu mạnh hơn cho nên tách riêng gọi là Bất thời giải thoát.

Lại nữa, A-la-hán thuộc năm chủng tánh trước, bởi vì thế gian dễ đạt được, cho nên hợp lại lập thành một, gọi là Thời giải thoát; A-la-hán thuộc chủng tánh thứ sáu, bởi vì thế gian khó đạt được, cho nên tách riêng lập thành một, gọi là Bất thời giải thoát. Như người thế gian bây giờ đi đến nước Chí-na (Trung Quốc), nước Chấp-sư-tử (Tích lan) trở về thì rất ít, người đi đến thôn làng ở gần trở về thì rất nhiều; ở đây cũng như vậy.

Lại nữa, A-la-hán thuộc năm chủng tánh trước, không sử dụng nhiều công lực, không thực hiện nhiều gia hạnh, không tác ý nhiều mà

đạt được, cho nên hợp lại lập thành một, gọi là Thời giải thoát; A-la-hán thuộc chủng tánh thứ sáu cùng với trên trái ngược nhau, cho nên riêng lập thành một, gọi là Bất thời giải thoát.

Lại nữa, A-la-hán thuộc năm chủng tánh trước, có tăng-có giảm cho nên hợp lại lập thành một, gọi là Thời giải thoát; A-la-hán thuộc chủng tánh thứ sáu, không tăng-không giảm cho nên tách riêng lập thành một, gọi là Bất thời giải thoát. Trong này, tăng ấy là tiến lên, giảm ấy là lui sụt.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 102

LUẬN VỀ THA TÂM TRÍ (Phần 4)

Hỏi: Vì sao Thời tâm giải thoát gọi là ái?

Đáp: A-la-hán Thời giải thoát, luôn luôn đối với pháp này ân cần giữ gìn-quý trọng cất giữ, đừng để cho mình gặp phải duyên lui sụt mất đi pháp này; như người một mắt tự mình và bạn bè thân thích thiết tha bảo vệ-yêu quý cất giữ, đừng để cho gặp phải các duyên lạnh-nóng-bụi bặm..., làm cho một mắt này lại phải hư hoại mất đi, A-la-hán kia cũng như vậy, cho nên gọi là ái. Nghĩa là người độn căn đối với công đức của mình lấy làm tánh yêu quý hơn hẳn người lợi căn; như những người phụ nữ đối với con cái của mình, bầm tính yêu thương hơn hẳn những người đàn ông.

Lại nữa, A-la-hán Thời giải thoát, đối với sự giải thoát của mình, chưa đạt được tự tại, sử dụng nhiều công lực mới có thể hiện rõ trước mắt, đã được hiện rõ trước mắt thì hoan hỷ quý trọng, cho nên gọi là ái. A-la-hán Bất thời giải thoát, đối với sự giải thoát của mình, đã được tự tại, sử dụng ít công lực thì có thể hiện rõ trước mắt, tuy được hiện rõ trước mắt mà không quá coi trọng, cho nên không gọi là ái.

Lại nữa, A-la-hán Thời giải thoát thì công đức có thể lui sụt, họ sợ lui sụt cho nên thường xuyên dấy khởi hiện rõ trước mắt, vì vậy gọi là ái. A-la-hán Bất thời giải thoát thì công đức không có lui sụt, không sợ lui sụt cho nên không thường xuyên hiện rõ trước mắt, vì vậy không gọi là ái.

Lại nữa, A-la-hán Thời giải thoát, do đạo của Tín tăng mạnh mà chứng, cho nên gọi là ái; A-la-hán Bất thời giải thoát, do đạo của Tuệ tăng mạnh mà chứng, cho nên không gọi là ái.

Lại nữa, A-la-hán Thời giải thoát, tánh nhiều điều hòa khéo léo-nhiều người yêu quý ưa thích, cho nên gọi là ái. A-la-hán Bất thời giải

thoát, tánh nhiều kiên quyết cứng rắn-người ta không yêu quý ưa thích, cho nên không gọi là ái. Như người thế gian bây giờ, người có tánh không sắc sảo, phần nhiều mềm mỏng khéo léo, mọi người thích gần gũi; người có tánh không chậm chạp, phần nhiều kiên quyết mạnh mẽ, mọi người không gần gũi được.

Lại nữa, A-la-hán Thời giải thoát, căn hiện không có chán ngán rời bỏ Thánh đạo, cho nên gọi là ái. A-la-hán Thời giải thoát, căn thiện có lúc chán ngán rời bỏ Thánh đạo, cho nên không gọi là ái. Căn thiện chán ngán rời bỏ Thánh đạo, đó là căn thiện tương ứng với Tam-ma-địa Không-Không, Vô nguyện, Vô tướng-Vô tướng. Văn của bản luận này tuy không hỏi-đáp, mà nghĩa thì có cho nên nay cần phải nói đến.

Hỏi: Vì sao Bất thời giải thoát gọi là Bất động?

Đáp: Bởi vì Thế thù thắng cho nên gọi là Bất động. Như ở thế gian hiện nay, ăn uống-áo quần-đồ vật trang nghiêm thù thắng thì gọi là Bất động, bởi vì không bị vật thua kém tùy theo quy cách mà chuyển đổi.

Lại nữa, các phiền não như tham... làm cho thân tâm các hữu tình nóng nảy tùy tiện, khiến các căn thiện sinh ra bị thúc đẩy ly tán, cho nên gọi là Động; A-la-hán Bất thời giải thoát không bị phiền não như vậy làm cho lay động, cho nên gọi là Bất động.

Lại nữa, các phiền não như tham... luôn luôn làm cho hữu tình không nhất định đối với các phần vị hơn-kém, cho nên gọi là Động; A-la-hán Bất thời giải thoát không bị phiền não như vậy làm cho lay động, cho nên gọi là Bất động. Như người khỏe mạnh không có đối thủ nào có thể làm lay động, thì gọi là người Bất động.

Lại nữa, A-la-hán Bất thời giải thoát, đối với các cộng đức chắc chắn không lui sụt mất đi, cho nên gọi là Bất động. Như người có sở trường về bắn tên, khi bắn thì nhất định trúng đích, cho nên gọi là Bất động.

Như trong kinh nói: “Đức Phật bảo với Xá-lợi-tử: Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni..., thành tựu Bất động tâm giải thoát, là ngọc quý Ma-ni, thì có thể đoạn dứt pháp bất thiện, có thể tu tập pháp thiện.”

Hỏi: Vì sao Bất động tâm giải thoát, mà nói là ngọc quý Ma-ni?

Đáp: Bởi vì Bất động tâm giải thoát, là kiên cố vững vàng, thù thắng tuyệt vời, không có lỗi lầm, thấu suốt rõ ràng, không có vết bần, thanh tịnh hoàn toàn, khó mà đạt được, đáng yêu quý ưa thích, cho nên gọi là ngọc quý Ma-ni.

Lại nữa, bởi vì Bất động tâm giải thoát, có năng lực phá tan bóng đen của Vô minh, cho nên gọi là ngọc quý Ma-ni. Như dùng ngọc Ma-

ni sáng chói đặt vào trong ngôi nhà tối tăm, có thể phá tan bóng tối ấy, làm mọi vật được soi chiếu rõ ràng. Như vậy dùng ngọc quý Ma-ni của Bất động tâm giải thoát, đặt vào trong sự nối tiếp nhau, có năng lực phá tan bóng đen của Vô minh, làm mọi điều được soi chiếu rõ ràng.

Lại nữa, bởi vì Bất động tâm giải thoát, có năng lực trừ bỏ bụi bẩn của phiền não, cho nên gọi là ngọc quý Ma-ni. Như ngọc ma-ni làm nước trong xanh, đặt vào trong nước đục ngầu thì nước liền lắng trong. Như vậy dùng ngọc quý Ma-ni của Bất động tâm giải thoát, đặt vào trong sự nối tiếp nhau, có năng lực trừ bỏ bụi bẩn của tất cả phiền não.

Lại nữa, bởi vì Bất động tâm giải thoát, khéo léo an trú cho nên gọi là ngọc quý Ma-ni. Như ngọc Ma-ni ở mọi nơi, hễ đặt vào nơi nào thì liền dễ dàng đứng yên. Như vậy dùng ngọc quý Ma-ni của Bất động tâm giải thoát, đặt vào trong sự nối tiếp nhau, thì khéo léo an trú, nhất định không có lui sụt mất đi.

Lại nữa, bởi vì Bất động tâm giải thoát, có năng lực trừ bỏ sự nghèo thiếu Thánh tài, cho nên gọi là ngọc quý Ma-ni. Như ngọc quý Ma-ni vô giá đặt vào trong ngôi nhà, có thể làm cho đầy đủ của cải châu báu, trừ bỏ những sự nghèo túng thiếu hụt. Như vậy dùng ngọc quý Ma-ni của Bất động tâm giải thoát, đặt vào trong sự nối tiếp nhau, có năng lực dẫn đến công đức của Thánh tài, trừ bỏ sự thiếu hụt công đức.

Lại nữa, bởi vì Bất động tâm giải thoát, có năng lực làm lợi ích cho các hữu tình, cho nên gọi là ngọc quý Ma-ni. Như viên ngọc Như ý đặt ở trên cột cao, tùy theo ý mà mình ưa thích, mưa xuống các vật quý báu để giúp cho trăm ngàn hữu tình nghèo túng thiếu thốn. Như vậy, Đức Thế Tôn dùng ngọc quý Ma-ni của Bất động tâm giải thoát, đặt ở trên vô lượng cột cao không phóng dật, tùy theo sự ưa thích sai biệt của các hữu tình, mưa xuống vật báu của Chánh pháp, có thể làm cho vô lượng vô biên hữu tình lìa xa sinh tử khổ đau mà đầy đủ căn thiện.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên nói Bất động tâm giải thoát, gọi là ngọc quý Ma-ni.

Hỏi: Nếu Bất động tâm giải thoát có sự việc thù thắng như vậy, thì tại sao Đức Thế Tôn nói Bất động tâm giải thoát gọi là pháp không giảm-không tăng?

Đáp: Bởi vì người tu hành bình đẳng mà nói, nghĩa là nếu phương Đông có vô lượng người dòng Sát-đế-lợi, phương Nam có vô lượng người dòng Bà-la-môn, phương Tây có vô lượng người dòng Phệ-xá, phương Bắc có vô lượng người dòng Thú-đạt-la, đều trở về với Ta mà

cao bỏ râu tóc, khoác mặc Ca-sa, Chánh tín rời bỏ gia đình-hương về nơi không còn gia đình, thân tác chứng-an trú đầy đủ đối với Bất động tâm giải thoát. Hoặc là không vui, thì Bất động tâm giải thoát này cũng không giảm-không tăng.

Lại nữa, bởi vì dựa vào vô biên công đức của Thánh giáo mà nói, nghĩa là trong Thánh giáo có vô biên công đức, không phải là chỉ có Bất động tâm giải thoát, giả sử Bất động tâm giải thoát này có đi cũng không giảm-có đến cũng không tăng.

Lại nữa, bởi vì dựa vào vô biên công đức của Phật mà nói, nghĩa là trong thân Phật có vô biên công đức, không phải là chỉ có Bất động tâm giải thoát, giả sử Bất động tâm giải thoát có đi cũng không giảm-có đến cũng không tăng.

Lại nữa, bởi vì trừ bỏ sự nghi ngờ của mọi người cho nên nói ra như vậy, nghĩa là Đại Mục-kiền-liên vào đêm bố tát, đuổi Tỳ-kheo Chiêm-ba, khiến đi ra khỏi chúng. Lúc ấy có Tỳ-kheo sinh tâm nghi ngờ nghĩ rằng: Đừng làm cho Tỳ-kheo Tăng dẫn đến giảm bớt! Vì vậy Đức Thế Tôn nói: Giả sử công đức thù thắng trong chúng từng lâm, gạt bỏ ra khỏi Bất động tâm giải thoát, thì Tỳ-kheo Tăng của Ta cũng không có giảm đi, nếu người kia quay lại thì chúng cũng không tăng lên, huống hồ Tỳ-kheo kia phá giới-phạm vào luật cấm, làm hỏng các oai nghi-xa lia pháp thanh tịnh, lẽ nào làm cho chúng thanh tịnh có giảm-có tăng hay sao?

Lại nữa, bởi vì Bất động tâm giải thoát, không có thể làm lui sụt cho nên nói là không giảm, không tiến lên mạnh hơn cho nên nói là không tăng. Vì vậy, Bất động tâm giải thoát tuy có sự việc thù thắng, mà Đức Phật nói là không giảm-không tăng.

Các Thời ái tâm giải thoát đều tương ứng với Tận trí chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định. Nghĩa là có người nghe nói A-la-hán Thời giải thoát chỉ tu Tận trí và Chánh kiến Vô học, liền nghi là A-la-hán Bất thời giải thoát cũng chỉ tu hai loại ấy. Lại có người nghe nói A-la-hán Bất thời giải thoát tu Tận trí-Vô sinh trí-Chánh kiến Vô học, liền nghi là A-la-hán Thời giải thoát cũng tu ba loại này. Muốn trừ bỏ sự nghi ngờ ấy mà hiển bày Thời giải thoát chỉ tu hai loại, Bất thời giải thoát tu đủ cả ba loại.

Lại nữa, trước đây tuy nói về tự tánh của hai loại giải thoát, mà chưa nói đến tướng xen tạp và không xen tạp ấy, nay cần phải nói đến,

cho nên soạn ra phần luận này.

Trong này, Thời giải thoát đối với Tận trí tương ứng có bốn câu phân biệt, Bất động tâm giải thoát đối với Vô sinh trí tương ứng, làm thuận theo câu sau đều như bản văn, nên biết.

Hỏi: Những A-la-hán nào chỉ tu hai Tuệ vô lậu và Tận trí và Chánh kiến Vô học? Những A-la-hán nào tu đầy đủ ba Tuệ vô lậu là Tận trí-Vô sinh trí và Chánh kiến Vô học?

Đáp: Có A-la-hán tâm khéo léo giải thoát chứ không phải là tuệ khéo giải thoát, có A-la-hán tâm và tuệ đều khéo léo giải thoát; trước chỉ tu hai loại, sau tu đầy đủ ba loại. Lại nữa, có A-la-hán do lực của nhân-lực của gia hạnh-lực của không phóng dật đều nhỏ hẹp, có A-la-hán thì lực của nhân-lực của gia hạnh-lực của không phóng dật đều rộng lớn; trước chỉ tu hai loại, sau tu đầy đủ ba loại. Lại nữa, có A-la-hán là hành Xa-ma-tha, có A-la-hán là hành Tỳ-bát-xá-na; trước chỉ tu hai loại, sau tu đầy đủ ba loại.

Như hai Hành, hai Lạc-hai Dục-hai Ái cũng như vậy.

Lại nữa, có A-la-hán tu Chỉ làm đầu tiên mà tiến vào Thánh đạo, có A-la-hán tu Quán làm đầu tiên mà tiến vào Thánh đạo; trước chỉ tu hai loại, sau tu đầy đủ ba loại. Lại nữa, có A-la-hán dùng Chỉ tu tâm dựa vào Quán đạt được giải thoát, có A-la-hán dùng Quán tu tâm dựa vào Chỉ đạt được giải thoát; trước chỉ tu hai loại, sau tu đầy đủ ba loại. Lại nữa, có A-la-hán đạt được Xa-ma-tha trong tâm mà cũng đạt được pháp quán về tuệ tăng thượng; trước chỉ tu hai loại, sau tu đầy đủ ba loại.

Lại nữa, như trong kinh nói: “Hai nhân-hai duyên có thể sinh ra Chánh kiến:

1. Bên ngoài nghe tiếng của người khác.
2. Bên trong tác ý đúng đắn.”

Nếu bên ngoài nghe tiếng của người khác mà tăng lên thì chỉ tu hai loại, nếu bên trong tác ý đúng đắn mà tăng lên thì tu đầy đủ ba loại.

Lại nữa, như trong kinh nói: “Có bốn pháp thì có nhiều việc làm:

1. Thân cận bậc Thiện sĩ.
2. Lắng nghe Chánh pháp.
3. Tác ý đúng như lý.

4. Pháp tùy pháp hành.” Hai pháp trước tăng mạnh thì chỉ tu hai, hai pháp sau tăng mạnh thì tu đầy đủ ba loại.

Lại nữa, người độn căn chỉ tu hai loại, người lợi căn tu đầy đủ ba loại. Như độn căn và lợi căn, lực của duyên-lực của nhân, lực của phần

bên ngoài-lực của phần bên trong, trí của nói-trí của nghe, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, nếu căn thiện không tham tăng mạnh thì chỉ tu hai loại, nếu căn thiện không si tăng mạnh thì tu đầy đủ ba loại.

Lại nữa, nếu dùng Diệt trí-Đạo trí trừ hết kiết của ba cõi thì chỉ tu hai loại, nếu dùng Khổ trí-Tập trí trừ hết kiết của ba cõi thì tu đầy đủ ba loại.

Lại nữa, nếu dùng Vô tướng-Đạo và Tam-ma-địa Vô nguyện trừ hết kiết của ba cõi thì chỉ tu hai loại, nếu dùng Không-Khổ-tập và Tam-ma-địa Vô nguyện trừ hết kiết của ba cõi thì tu đầy đủ ba loại.

Trong này, Thời ái tâm giải thoát A-la-hán, Định Kim cang dụ chỉ có một sát-na, Tận trí lược huyển vào trải qua thời gian dài nối tiếp nhau, từ Tận trí phát ra, hoặc là dấy khởi Chánh kiến Vô học, hoặc là dấy khởi tâm thế tục. A-la-hán Bất động tâm giải thoát, Định Kim cang dụ và Tận trí chỉ có một sát-na, Vô sinh trí lưu chuyển vào trải qua thời gian dài nối tiếp nhau, từ Vô sinh trí phát ra, hoặc là dấy khởi Chánh kiến Vô học, hoặc là dấy khởi tâm thế tục. Tất cả A-la-hán đều tu Chánh kiến Vô học trọn vẹn đầy đủ, mà không phải là tất cả đều hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Tận trí và Vô sinh trí có gì sai biệt?

Đáp: Ngay tên gọi tức là sai biệt, nghĩa là loại này gọi là Tận trí, loại này gọi là Vô sinh trí. Lại nữa, nhân là Tận trí, quả là Vô sinh trí. Lại nữa, đã làm ra là Tận trí, nhân nuôi lớn và Vô sinh trí. Lại nữa, chưa được mà được-hoặc là đã được mà được là Tận trí, chỉ có chưa đạt được mà được là Vô sinh trí. Lại nữa, hoặc đạo giải thoát-hoặc là đạo thắng tiến thâm nhiếp là Tận trí, chỉ có đạo thắng tiến thâm nhiếp là Vô sinh trí. Lại nữa, dựa vào sự kiến lập năm loại chủng tánh A-la-hán là Tận trí, dựa vào sự kiến lập một loại chủng tánh A-la-hán là Vô sinh trí. Lại nữa, gồm chung lợi căn và độn căn đạt được là Tận trí, chỉ riêng lợi căn đạt được là Vô sinh trí. Đó gọi là sai biệt giữa Tận trí và Vô sinh trí.

Hỏi: Đầu tiên của Tận trí là trí nào?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Là Khổ loại trí. Nguyên cố thế nào? Bởi vì các sư Du-già quán về quả của sinh tử mà tiến vào Thánh đạo, quán về quả của sinh tử đầy đủ Thánh đạo, như dùng mũi tên tẩm độc bắn vào các loại cầm thú, chất độc ấy ban đầu từ miệng vết thương đi vào, dần dần lan khắp toàn thân gây ra sự cố ngấm độc rồi, lúc chết lại từ miệng vết thương mà ra ngoài; Thánh đạo cũng như vậy.

Lại có người nói: Là Tập loại trí. Nguyên cố thế nào? Bởi vì các

sư Du-già quán về quả của sinh tử mà tiến vào Thánh đạo, quán về nhân của sinh tử đầy đủ Thánh đạo, tất cả sinh tử đều là quả do nhân thâm nhiếp, trước biết khắp về quả, sau biết khắp về nhân, thì con đường của sinh tử đoạn dứt không còn nối tiếp nhau nữa, gọi là giới hạn của Khổ.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Đầu tiên của Tận trí cũng là Khổ loại trí cũng là Tập loại trí, nếu dấy khởi Khổ loại trí thì lúc bấy giờ không dấy khởi Tập loại trí, nếu dấy khởi Tập loại trí thì lúc bấy giờ không dấy khởi Khổ loại trí.

Như trong kinh nói: “Các A-la-hán tự mình biết đúng như thật: Đời sống mình đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc làm đã xong, không nhận lấy thân đời sau.”

Trong này, đời sống mình đã hết, nhưng mà các tên gọi về Sinh hiển bày nhiều loại nghĩa, đó là hoặc có tên gọi về Sinh hiển bày tiến vào thai mẹ, hoặc có tên gọi về Sinh hiển bày ra khỏi thai mẹ, hoặc có tên gọi về Sinh hiển bày phần vị của năm Uẩn, hoặc có tên gọi về Sinh hiển bày phần ít của Hành uẩn không tương ứng, hoặc có tên gọi về Sinh hiển bày bốn Uẩn của Phi tướng phi phi tướng xứ.

Hoặc có tên gọi về Sinh hiển bày tiến vào thai mẹ, như nói: Thế nào là sinh? Nghĩa là hết thủy hữu tình kia, ở trong hết thủy chúng đồng phần kia, sinh cùng nhau sinh, tiến vào dấy khởi-rời ra hiện rõ.

Hoặc có tên gọi về Sinh hiển bày ra khỏi thai mẹ, như nói: Bồ-tát mới sinh ra liền đi bảy bước. Hoặc có tên gọi về Sinh hiển bày ra khỏi thai mẹ, như nói: Bồ-tát mới sinh ra liền đi bảy bước. Hoặc có tên gọi về Sinh hiển bày phần vị của năm Uẩn, như nói: Hữu duyên Sinh. Hoặc có tên gọi về Sinh hiển bày phần ít của Hành uẩn không tương ứng, như nói: Thế nào là Sinh? Đó là các Uẩn dấy khởi. Hoặc có tên gọi về Sinh hiển bày bốn Uẩn của Phi tướng phi phi tướng xứ, như trong này nói: Đời sống mình đã hết.

Hỏi: Đây là hết thuộc đời sống nào, quá khứ, vị lai hay là hiện tại? Nếu hết thuộc về quá khứ, thì đời sống quá khứ đã diệt, đâu còn hết nữa? Nếu hết thuộc về đời sống vị lai, thì đời sống vị lai chưa đến, hết nơi nào? Nếu hết thuộc về đời sống hiện tại, thì đời sống hiện tại không dừng lại, đâu cần phải hết?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Hết thuộc về đời sống ba đời. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì trong này tên gọi về Sinh đã hiển bày bốn Uẩn của Phi tướng phi phi tướng xứ, các sư Du-già quán tổng quát về bốn Uẩn thuộc ba đời của Phi tướng phi phi tướng xứ, là nhiệm của xứ

ấy, cho nên khiến nhân quả của Sinh đều không thể nào thành tựu.

Đại đức nói rằng: Nói là đời sống mình đã hết, như Đức Thế Tôn nói: Mâu-ni quán về Sinh không còn. Điều ấy cũng như vậy, cần phải đưa ra cách hỏi riêng biệt, mà nên đáp rằng: Không còn Sinh thuộc về vị lai. Bởi vì người tu hành thọ trì giới cấm, chịu khó tu phạm hạnh, đều vì ngăn chặn Sinh thuộc về đời vị lai làm cho không dấy khởi. Ví như có người có ba ách nạn:

1. Đã nhận chịu.
2. Đang nhận chịu.
3. Sẽ nhận chịu.

Những gì đã nhận chịu thì người ấy đã nhận chịu, cho nên không còn ngăn chặn nữa. Những gì đang chịu thì người ấy đang nhận chịu, cho nên không có thể ngăn chặn được. Những gì sẽ nhận chịu thì cần phải dùng tiền bạc của cải, hoặc là sức mạnh của bạn bè thân thích, hoặc là phương tiện khác, mà ngăn chặn ách nạn. Hành giả cũng như vậy, các đời sống thuộc về quá khứ đã diệt, cho nên không cần phải ngăn chặn; các đời sống thuộc về hiện tại thì đang tiếp nhận, cho nên không có thể ngăn chặn được; các đời sống thuộc về vị lai thì tu gia hạnh đích thực mà ngăn chặn nó khiến cho vĩnh viễn không sinh ra, cho nên nói là hết.

Phạm hạnh đã lập, nghĩa là hành vô lậu đã lập.

Hỏi: Là phạm hạnh về Học đã lập, hay là phạm hạnh về Vô học đã lập?

Đáp: Phạm hạnh về Học đã lập, không phải là phạm hạnh về Vô học. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì phạm hạnh về Vô học nay mới bắt đầu lập.

Những việc làm đã làm xong, là tất cả phiền não đều đã đoạn trừ, tất cả những việc làm đã đến nơi cuối cùng, tất cả những con đường đã ngăn chặn kỹ càng. Lại nữa, sinh lão bệnh tử thuộc các cõi-nêo-sinh loại đều hoàn toàn không còn, cho nên gọi là những việc làm đã xong.

Không nhận lấy thân đời sau, là hiển bày về Vô sinh trí.

Hỏi: Không phải là tất cả A-la-hán đều đạt được Vô sinh trí, vì sao bắt đầu trong các kinh, đều nói là A-la-hán không nhận lấy thân đời sau?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Đức Phật ở trong kinh tùy theo có thì nói, mà người kết tập kèm chung vào đầu các kinh. Lại có người nói: Pháp kết tập thì đều có được công đức thù thắng như Nguyên trí-Vô ngại giải..., quán sát lúc Đức Thế Tôn thuyết giảng các kinh, chúng

A-la-hán nếu có Vô sinh trí, thì cũng nói vị ấy không nhận lấy thân đời sau; nếu không có Vô sinh trí, thì không nói vị ấy không nhận lấy thân đời sau. Về sau người tụng trì không khéo léo chọn lấy khác nhau, cho nên tụng chung ở đầu tất cả các kinh.

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Các A-la-hán đều không có thân đời sau, cho nên nói chung là không nhận lấy thân đời sau, chứ không nói Vô sinh trí là không nhận lấy thân đời sau, cho nên không trái ngược nhau.”

Hiếp Tôn giả nói: “Nếu các phiền não chưa đoạn-chưa biết khắp, thì đều không nói là đời sống mình đã hết, phạm hạnh đã lập, những việc làm đã xong, không nhận lấy thân đời sau. Nếu các phiền não đã đoạn-đã biết khắp, thì đều nói chung là đời sống mình đã hết, cho đến không nhận lấy thân đời sau.”

Hỏi: Đời sống mình đã hết, cho đến không nhận lấy thân đời sau, mỗi một câu nên nói là thuộc trí nào?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Đời sống mình đã hết là Tận trí, phạm hạnh đã lập-những việc làm đã xong-không nhận lấy thân đời sau là Vô sinh trí.

Hoặc có người nói: Đời sống mình đã hết-phạm hạnh đã lập là Tận trí, những việc làm đã xong-không nhận lấy thân đời sau là Vô sinh trí.

Lại có người nói: Đời sống mình đã hết-phạm hạnh đã lập-những việc làm đã xong là Tận trí, không nhận lấy thân đời sau là Vô sinh trí.

Hỏi: A-la-hán Bất thời giải thoát, bắt đầu dấy khởi Tận trí chỉ có một sát-na không gián đoạn, chắc chắn dấy khởi Vô sinh trí, hãy còn không có nghĩa hai sát-na Tận trí không gián đoạn dấy khởi Vô sinh trí, huống là có ba sát-na Tận trí về sau mới dấy khởi Vô sinh trí, tại sao nay nói đời sống mình đã hết-phạm hạnh đã lập-những việc làm đã xong là Tận trí, không nhận lấy thân đời sau là Vô sinh trí?

Đáp: Đối với tự tánh của Tận trí trong một sát-na, nghĩa nói là ba chứ không phải là ba sát-na, cho nên không trái với lý.

Hiếp Tôn giả nói: “Bốn câu trong này không nói đến Tận trí-Vô sinh trí, cũng không nói đến Chánh kiến Vô học, chỉ ca ngợi chung mà nói các A-la-hán thì tất cả đời sống không còn-phạm hạnh đã lập-những việc làm đã xong-không nhận lấy thân đời sau, bốn loại như vậy không có tự tánh riêng biệt.”

Có người nói: Trong này, đời sống mình đã hết là Tận trí, phạm

hạnh đã lập là Đạo trí, những việc làm đã xong là Diệt trí, không nhận lấy thân đời sau là Vô sinh trí.

Có người nói: Trong này, đời sống mình đã hết là Tập trí, phạm hạnh đã lập là Đạo trí, những việc làm đã xong là Diệt trí, không nhận lấy thân đời sau là Khổ trí.

Có người nói: Trong này, đời sống mình đã hết là biết khắp về Tập, phạm hạnh đã lập là biết khắp về Đạo, những việc làm đã làm xong là biết khắp về Diệt, không nhận lấy thân đời sau là biết khắp về Khổ.

Có người nói: Trong này, đời sống mình đã hết là quán về Tập, phạm hạnh đã lập là quán về Đạo, những việc làm đã xong là quán về Diệt, không nhận lấy thân đời sau là quán về Khổ.

Có người nói: Trong này, đời sống mình đã hết là chứng về Tập, phạm hạnh đã lập là chứng về Đạo, những việc làm đã xong là chứng về Diệt, không nhận lấy thân đời sau là chứng về Khổ.

Có người nói: Trong này, đời sống mình đã hết là đoạn về Tập, phạm hạnh đã lập là tu về Đạo, những việc làm đã xong là chứng về Diệt, không nhận lấy thân đời sau là biết về Khổ.

Có người nói: Trong này, đời sống mình đã hết rời bỏ nhân, phạm hạnh đã lập là đạt được đạo, những việc làm đã xong là chứng được quả, không nhận lấy thân đời sau là biết rõ sự việc.

Có người nói: Trong này, đời sống mình đã hết là Tập-Vô nguyện, phạm hạnh đã lập là Đạo-Vô nguyện, những việc làm đã xong là Diệt-Vô tướng, không nhận lấy thân đời sau là Khổ-Vô nguyện và Không.

Hỏi: Vì sai gọi là Tận trí, vì duyên không còn cho nên gọi là Tận trí hay vì dấy khởi trong thân không còn phiền não cho nên gọi là Tận trí? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu duyên không còn cho nên gọi là Tận trí, thì Tận trí chỉ cần duyên với Diệt Thánh đế, không nên nói là trí này duyên với bốn Thánh đế? Nếu dấy khởi trong thân không còn phiền não cho nên gọi là Tận trí, thì Vô sinh trí và Chánh kiến Vô học cũng phải gọi là Tận trí, bởi vì hai loại ấy cũng dấy khởi trong thân không còn phiền não?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Chỉ riêng dấy khởi trong thân không còn phiền não cho nên gọi là Tận trí.

Hỏi: Nếu như vậy thì Vô sinh trí và Chánh kiến Vô học cũng phải gọi là Tận trí?

Đáp: Nếu bắt đầu dấy khởi trong thân không còn phiền não và có khắp nơi thì mới gọi là Tận trí; Chánh kiến Vô học tuy đều có khắp nơi

mà không phải là bắt đầu dấy khởi; Vô sinh trí không phải là có khắp nơi, bởi vì Thời giải thoát thì không thành tựu, cũng không phải là bắt đầu dấy khởi, bởi vì nhất định phải sau Tận trí mới hiện rõ trước mắt.

Có người đưa ra cách nói này: Trí này duyên không còn cho nên gọi là Tận trí.

Hỏi: Trí này duyên với bốn Đế, lẽ nào một mình không còn duyên?

Đáp: Bởi vì hơn hẳn tất cả cho nên một mình nêu tên gọi của trí, nghĩa là trong bốn Đế thì Diệt đế là thù thắng nhất, bởi vì tánh của Niết-bàn, bởi vì là thiện-là thường, dựa vào đó kiến lập tên gọi của trí có năng lực duyên vào, cho nên gọi là Tận trí.

Hỏi: Có Tuệ vô lậu lìa bỏ mười sáu loại hành tướng Thánh hay không? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu có thì trong luận Thức Thân vì sao không nói? Nếu không có thì luận Phẩm Loại Túc nên thông hiểu thế nào? Như nói: “Thế nào là Tận trí? Đó là Ta đã biết về Khổ, đã đoạn về Tập, đã chứng về Diệt, đã tu về Đạo.” Trí ấy trong mười sáu hành tướng do hành tướng nào thâm nhiếp? Lại nói: “Thế nào là Vô sinh trí? Đó là Ta đã biết về Khổ không còn biết nữa, cho đến ta đã tu về Đạo không còn tu nữa.” Trí ấy trong mười sáu hành tướng do hành tướng nào thâm nhiếp? Trong luận Tập Dị Môn lại làm sao thông hiểu? Như nói: “Ta đã hết Dục lậu-Hữu lậu Vô minh lậu là Tận trí, ba lậu ấy không còn khởi lên nữa là Vô sinh trí.” Trí ấy trong mười sáu hành tướng do hành tướng nào thâm nhiếp? Trong chương Kiến uẩn của luận này lại làm sao thông hiểu? Như nói: “Lúc cảm nhận Lạc thọ thì biết đúng như thật về cảm nhận Lạc thọ.” Loại này trong mười sáu hành tướng do hành tướng nào thâm nhiếp? Trong kinh đã nói lại thông hiểu thế nào? Như nói: “Đời sống mình đã hết, cho đến không nhận lấy thân đời sau.” Trí ấy trong mười sáu hành tướng do hành tướng nào thâm nhiếp?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Lìa bỏ mười sáu hành tướng không có Tuệ vô lậu nào khác.

Hỏi: Nếu như vậy thì dễ dàng thông hiểu luận Thức Thân Túc, luận Phẩm Loại Túc nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Ta đã biết về Khổ không còn biết nữa, là bốn hành tướng về Khổ; đã đoạn về Tập không còn đoạn nữa, là bốn hành tướng về Tập; Ta đã chứng về Diệt không còn chứng nữa, là bốn hành tướng về Diệt, Ta đã tu về Đạo không còn tu nữa, là bốn hành tướng về Đạo.

Hỏi: Trong luận Tập Dị Môn lại làm sao thông hiểu?

Đáp: Biết ba lậu không còn và không còn khởi lên nữa là sáu

hành tướng, đó là Khổ-vô thường và bốn hành tướng duyên với Tập.

Hỏi: Trong chương Kiến Uẩn của luận này lại làm sao thông hiểu?

Đáp: Ý kia không nói là biết cảm nhận Lạc thọ, chỉ nói về bốn hành tướng như biết Đạo chính là đạo...

Hỏi: Trong kinh đã nói nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Bởi vì năm loại duyên cho nên đưa ra cách nói ấy:

1. Bởi vì gia hạnh.
2. Bởi vì đối trị.
3. Bởi vì tác sự.
4. Bởi vì tương tục.
5. Bởi vì Bồ-đặc-già-la.

Bởi vì gia hạnh, nghĩa là Sư Du-già trước lúc gia hạnh dấy lên ý niệm như vậy: Mình sẽ không còn tất cả các đời sống, cho đến mình sẽ không nhận lấy thân đời sau. Bởi vì đối trị, nghĩa là Sư Du-già tu pháp đối trị như vậy, khiến cho tất cả các đời sống không còn, cho đến khiến không nhận lấy thân đời sau. Bởi vì tác sự, nghĩa là Sư Du-già thực hiện sự việc như vậy, đó là không còn tất cả các đời sống cho đến không nhận lấy thân đời sau. Bởi vì tương tục, nghĩa là Sư Du-già đạt được sự nối tiếp nhau như vậy làm cho tất cả các đời sống không còn, cho đến không nhận lấy thân đời sau. Bởi vì Bồ-đặc-già-la, nghĩa là Bồ-đặc-già-la như vậy dễ thấy-dễ thi thiết, đó là tất cả các đời sống không còn, cho đến không nhận lấy thân đời sau. Bởi vì năm duyên này cho nên trong kinh nói như vậy: “Đời sống mình đã hết, cho đến không nhận lấy thân đời sau; không phải là trong pháp quán vô lậu có hành tướng như vậy, cần phải sau hai trí mới dấy khởi phân biệt này. Có người đưa ra cách nói này: cũng có Tuệ vô lậu lìa bỏ mười sáu hành tướng.

Hỏi: Nếu như vậy thì dễ dàng thông hiểu các luận như Phẩm Loại Túc..., trong luận Thức Thân tại sao không nói?

Đáp: Nếu các hành tướng hiện tại có tác dụng có thể làm được việc thù thắng, thì luận ấy nói đến; nếu không như vậy thì luận ấy không nói. Lại nữa, nếu các hành tướng có thể tiến vào Thánh đạo, đạt được quả-lìa nhiễm-không còn các lậu, thì luận ấy nói đến; nếu không như vậy thì luận ấy không nói. Lại nữa, nếu các hành tướng đều có bốn đạo là gia hạnh-vô gián-giải thoát-thắng tiến, thì luận ấy nói đến; hành tướng của Tuệ vô lậu khác, bởi vì chỉ thuộc về đạo gia hạnh xa và đạo thắng tiến xa có thể đạt được, cho nên luận ấy không nói.

Lời bình: Không có Tuệ vô lậu tách rời mười sáu hành tướng của

Thánh đạo.

Thế nào là Minh của Học? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: “Đức Phật bảo với Cư sĩ: Như ông trước kia dùng trí của Học-kiến của Học-minh của Học để quán về bốn Thánh đế, nay Đồng tử Gia-xá này cũng dùng trí của Vô học-kiến của Vô học-minh của Vô học để quán về bốn Thánh đế, cho nên Đồng tử này quyết định không còn thích sống ở nhà, cất giữ các của cải tiền bạc, hưởng thụ năm thứ dục lạc nữa.” Trong kinh tuy nói ra như vậy, mà không phân biệt về nghĩa ấy; kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh chưa nói thì nay cần phải nói đến.

Lại nữa, thế gian vọng chấp các loại bùa chú-sách luận, cho là minh thực sự, đó là minh về kỹ thuật, minh về sự việc, minh về loài vật, minh về chim muông, minh về Cù-lạp-tỳ, minh về Sát-ni-ca, minh về Kiên-đà-lê, minh về tinh tú, minh về loài quạ, minh về chim Khổng tước, minh về móc câu thuần phục voi, minh về bùa chú trị loài rồng-rắn, minh về lửa, minh về nước, minh về mê loạn..., và các sách luận ngoại đạo, thế gian đối với các loại này khởi lên tưởng là minh thực sự. Vì ngăn chặn ý đó, cần phải hiển bày về minh thực sự có nghĩa thù thắng riêng biệt, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là minh của Học?

Đáp: Tuệ thuộc về Học, đó là Tuệ vô lậu của phần vị Học.

Hỏi: Thế nào là trí của Học?

Đáp: Tuệ thuộc về Vô học, đó là các Tuệ vô lậu của phần vị Vô học.

Hỏi: Thế nào là trí của Vô học?

Đáp: Tám trí thuộc về Vô học, đó là bốn Pháp trí-bốn Loại trí của phần vị Vô học.

Hỏi: Vì sao gọi là minh?

Đáp: Thông đạt và hiểu rõ ràng cho nên gọi là minh.

Hỏi: Nếu như vậy thì các Tuệ hữu lậu thiện cũng thông đạt và hiểu rõ ràng lẽ ra cũng gọi là minh?

Đáp: Nếu có thể thông đạt và hiểu rõ ràng mà cũng quyết trạch-hiện quán đối với bốn Thánh đế, thì mới gọi là minh; các Tuệ hữu lậu thiện tùy có thể thông đạt và hiểu rõ ràng, mà không có thể quyết trạch-hiện quán đối với bốn Thánh đế, cho nên không gọi là minh. Như Tuệ do thuận quyết trạch-hiện quán, chưa có thể quyết trạch-hiện quán về

Để hoàn toàn chân thật.

Lại nữa, nếu có thể thông đạt và hiểu rõ ràng, không vì do dự không biết gì và tà kiến làm cho tạp loạn, đoạn trừ kiến-nghi rồi không trở lại làm cho dấy khởi, không tăng thêm các quả báo về sinh lão bệnh tử, không phải là sự của Thân kiến, không phải là rơi vào Khổ-Tập, không tăng thêm vô minh, vĩnh viễn lìa bỏ phiền não ma vương quỷ sứ, thì mới gọi là minh. Các Tuệ hữu lậu thiện tuy có thể thông đạt và hiểu rõ ràng, mà không có những công đức khác, cho nên không gọi là minh.

Lại nữa, các Tuệ hữu lậu thiện, cùng liên quan đến hai phẩm, cho nên không gọi là minh, đó là cùng làm ba duyên cho minh và Vô minh. Như người và mình oán thù thân thiết liên quan đan xen nhau, không nhất định gọi là thân thiết.

Lại nữa, các Tuệ hữu lậu thiện đi cùng với sự bài bác về minh, là Khổ-Tập do phẩm thế gian thâm nhiếp, cho nên không gọi là minh.

Hỏi: Nếu Tuệ hữu lậu thiện không gọi là minh, thì trong kinh đã nói nên thông hiểu thế nào? Như nói: “Có ba minh:

1. Trí Túc trú tùy niệm chứng minh về minh.
2. Trí tử sinh chứng về minh.

3. Trí lậu tận chứng về minh.” Một loại sau thì có thể như vậy, hai loại trước là thế nào?

Đáp: Hai loại trước cũng có tướng minh phần ít cho nên mượn gọi là minh, nghĩa là vì trái với phiền não, vì không xen tạp phiền não, vì thuận với thắng nghĩa về minh, vì dẫn đến minh vô lậu.

Vì vậy, Tôn giả Diệu Âm nói rằng: “Ở trong ba minh chỉ trí Lậu tận là thắng nghĩa về minh, hai trí còn lại có thể dẫn đến thắng nghĩa của minh, cho nên mượn mà thiết lập tên gọi của minh.”

Lại nữa, trí Túc trú tùy niệm chứng về minh, là thông đạt và hiểu rõ ràng về pháp của thời gian trước; trí Tử sinh chứng về minh, là thông đạt và hiểu rõ ràng về pháp của thời gian sau; trí Lậu tận chứng về minh, là thông đạt và hiểu rõ ràng về tánh của Niết-bàn, đều nói là minh.

Lại nữa, minh thứ nhất là biết về pháp lưu chuyển của thời gian trước, minh thứ hai là biết về pháp lưu chuyển của thời gian sau, minh thứ ba là biết về pháp hoàn diệt, đều nói là minh.

Lại nữa, minh thứ nhất là trừ bỏ không biết gì về thời gian trước, minh thứ hai là trừ bỏ không biết gì về thời gian sau, minh thứ ba là trừ bỏ không biết gì về Niết-bàn, đều nói là minh.

Lại nữa, minh thứ nhất là trừ bỏ ngu dốt về Uẩn, minh thứ hai là trừ bỏ ngu dốt về hữu tình, minh thứ ba là trừ bỏ ngu dốt về pháp, đều nói là minh.

Lại nữa, minh thứ nhất là biết về thời gian trước của các hữu tình, bởi vì nghiệp như vậy mà chết nơi kia-sinh nơi này, nhân quả nối tiếp nhau; minh thứ hai là biết về thời gian sau của các hữu tình, do nghiệp như vậy mà chết nơi này-sinh nơi kia, nhân quả nối tiếp nhau; minh thứ ba là biết về các hữu tình, nhờ vào đạo như vậy có thể không còn các lậu, ngăn cách đoạn dứt nhân quả. Chỉ một loại này là thắng nghĩa về minh, hai loại trước là minh thuộc về thế tục.

Lại nữa, ba minh như vậy đều có thể tùy thuận chán ngán rời bỏ sinh tử, đều có thể dẫn dắt phát sinh công đức thù thắng, đều có thể hướng về Niết-bàn tuyệt đối, cho nên gọi là minh, mà minh thật sự thì chỉ là Tuệ vô lậu.

Hỏi: Vì sao trong sáu Thông thì ba loại thiết lập là Minh, ba loại không thiết lập là Minh?

Đáp: Thân cảnh trí chứng Thông như Công xảo xứ chuyển đổi, Thiên nhĩ trí chứng Thông chỉ có năng lực chọn lấy âm thanh, Tha tâm trí chứng Thông chỉ chọn lấy tự tướng chứ không có tác dụng thù thắng, cho nên không thiết lập làm Minh, ba loại Thông sau đều có tác dụng thù thắng cho nên thiết lập làm Minh. Tác dụng thù thắng, nghĩa là đều có thể tùy thuận hán ngán rời bỏ sinh tử, đều có thể dẫn dắt phát sinh công đức thù thắng, đều có thể hướng về Niết-bàn tuyệt đối.

Hỏi: Vì sao ba loại Thông sau đều có tác dụng thù thắng này?

Đáp: Trí Túc trú tùy niệm chứng Thông thứ tư, thấy sự việc của thời gian trước sinh tâm chán ngán lia bỏ sâu sắc; trí Tử sinh chứng Thông thứ năm, thấy sự việc của thời gian sau sinh tâm rất chán ngán lia bỏ; trí Lộ tận chứng Thông thứ sáu, đã chán ngán lia bỏ rồi mừng rỡ vui với Niết-bàn. Vì vậy, ba Thông này đều có thể tùy thuận chán ngán rời bỏ sinh tử, cho đến đều có thể hướng về Niết-bàn tuyệt đối.

Lại nữa, Thông thứ tư thấy sự việc suy tổn của chính mình ở thời gian trước, sinh tâm chán ngán lia bỏ sâu sắc; Thông thứ năm thấy sự việc suy tổn của người khác ở thời gian sau, sinh tâm hết sức chán ngán lia bỏ; Thông thứ sáu đã chán ngán lia bỏ rồi mừng rỡ vui với Niết-bàn. Vì vậy, ba Thông này đều có ba tác dụng thù thắng như trước.

Lại nữa, Thông thứ tư thấy các loại nối tiếp nhau của các Uẩn-Giới-Xứ ở thời gian trước, sinh tâm chán ngán lia bỏ sâu sắc; Thông thứ năm thấy các loại tan rã hư hoại của các Uẩn-Giới-Xứ ở thời gian sau,

sinh tâm hết sức chán ngán lia bỏ; Thông thứ sáu đã chán ngán lia bỏ rồi mừng rỡ vui với Niết-bàn. Vì vậy, ba Thông này đều có ba tác dụng thù thắng như trước.

Lại nữa, Thông thứ tư có thể trừ bỏ Thường kiến, Thông thứ năm có thể trừ bỏ Đoạn kiến, Thông thứ sáu đã lia bỏ hai bên mà an trú với Trung đạo, vì vậy ba Thông này đều có ba tác dụng thù thắng như trước.

Lại nữa, Thông thứ tư có thể dẫn dắt đến Không giải thoát môn, Thông thứ năm có thể dẫn đến Vô nguyện giải thoát môn, Thông thứ sáu có thể dẫn đến Vô tướng giải thoát môn, vì vậy ba Thông này đều có ba tác dụng thù thắng như trước.

Lại nữa, Thông thứ tư có thể dẫn đến Không giải thoát môn, Thông thứ năm có thể trừ bỏ Đoạn kiến, Thông thứ sáu đã lia bỏ hai bên mà an trú với Trung đạo, vì vậy ba Thông này đều có ba tác dụng thù thắng như trước.

Lại nữa, Thông thứ tư có thể dẫn đến Không giải thoát môn, Thông thứ năm có thể dẫn đến Vô nguyện giải thoát môn, Thông thứ sáu có thể dẫn đến Vô tướng giải thoát môn, vì vậy ba Thông này đều có ba tác dụng thù thắng như trước.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, ba Thông đều có tác dụng thù thắng, cho nên trong sáu Thông chi thiết lập ba Thông sau làm Minh.

Trong luận Tập Dị Môn đưa ra cách như vậy: “Có ba loại Minh của Vô học:

1. Trí Túc trú tùy niệm chứng về Minh của Vô học, nghĩa là trí thuộc về Vô học nhận biết Hành-Hữu nối tiếp nhau của các hữu tình.

2. Trí Tử sinh chứng về Minh của Vô học, nghĩa là trí thuộc về Vô học nhận biết tự nghiệp hơn-kém của các hữu tình.

3. Trí Lậu tận chứng về Minh của Vô học, nghĩa là trí thuộc về Vô học nhận biết Lậu không còn.”

Hỏi: Trí Lậu tận chứng về Minh, là pháp Vô học cho nên có thể nói là trí thuộc về Vô học; hai Minh trước là pháp Phi học phi Vô học, làm sao có thể nói là trí thuộc về Vô học?

Đáp: Luận ấy nên đưa ra cách nói này: Có ba loại Minh của Vô học, lại nên nói là trí thuộc về Vô học. Nhưng mà không đưa ra cách nói này, thì nên biết là bởi vì dấy khởi trong thân Vô học; hai loại trước cũng gọi là Vô học, lược bỏ đi phần trung gian, như xe trâu ...

Như luận Thi Thiết nói: “Có hai loại Tam-ma-địa:

1. Thánh.

2. Không phải Thánh lại có ba loại:

- a. Hữu lậu thiện.
- b. Vô học.
- c. Vô phú vô ký.”

Trong này, Định hữu lậu thiện bởi vì thiện cho nên gọi là Thánh, không phải bởi vì vô lậu cho nên gọi là Thánh; nếu Định vô lậu bởi vì thiện và bởi vì vô lậu thì gọi là Thánh; Định vô phú vô ký tuy không phải là vì thiện-vì vô lậu mà gọi là Thánh, nhưng bởi vì dấy khởi trong thân Thánh giả, cho nên cũng gọi là Thánh. Ở đây cũng như vậy, bởi vì dấy khởi trong thân của bậc Vô học, cho nên cũng gọi là Vô học, và trí thuộc về Vô học.

Hỏi: Hai loại Minh trước thì bậc Học cũng có, tại sao chỉ thiết lập ở phần vị Vô học?

Đáp: Bởi vì nghĩa của Minh mạnh hơn ở phần vị Vô học, nghĩa là nếu nói về pháp hơn hẳn thì pháp Vô học là hơn hẳn chứ không phải là Học, nếu nói về Bồ-đặc-già-la hơn hẳn thì Bồ-đặc-già-la Vô học là hơn hẳn chứ không phải là Học.

Lại nữa, Minh thuộc về Vô học là hơn hẳn, bởi vì không xen tạp Vô minh; Minh thuộc về Học thì yếu kém, bởi vì xen tạp Vô minh, cho nên không thiết lập làm Minh.

Có bốn loại công đức thù thắng:

1. Thông.
2. Minh.
3. Lực.
4. Dẫn dắt.

Trí Lậu tận trong thân Như lai đầy đủ nghĩa của bốn loại, đó là trí Lậu tận chứng Thông, trí Lậu tận chứng Minh, trí Lậu tận về Lực, khuyên nhủ dẫn dắt. Trí Lậu tận của Độc giác và Thanh văn Vô học có nghĩa của ba loại, đó là trừ ra nghĩa của Lực, ba nghĩa còn lại nói như trước. Trí Túc trú tùy niệm và trí Tử sinh trong thân Như lai có nghĩa của ba loại, đó là trừ ra dẫn dắt, có đủ Thông-Minh và Lực. Độc giác và Thanh văn Vô học thì hai trí trước có nghĩa của hai loại, đó là Thông và Minh chứ không phải là Lực và dẫn dắt. Trong thân của bậc Học và dị sinh, thì hai trí trước chỉ có nghĩa của Thông, không có ba loại còn lại.

Có người đưa ra cách nói này: Trí Lậu tận trong thân A-la-hán Thời giải thoát chỉ có hai nghĩa, đó là Thông và dẫn dắt, chứ không phải là Lực-không phải là Minh; hai trí còn lại chỉ có một nghĩa, đó là Thông chứ không phải là loại nào khác.

Thần cảnh trí-Tha tâm trí, trong tất cả các thân đều chỉ có hai nghĩa, đó là Thông và dẫn dắt. Thiên nhĩ trí, trong tất cả các thân chỉ có một nghĩa, đó là Thông chứ không phải là loại nào khác.

Hỏi: Vì sao trong thân Như lai có trí thiết lập là Lực, các trí trong thân Thanh văn và Độc giác đều không thiết lập là Lực?

Đáp: Nghĩa về không có thể khuất phục-không có chướng ngại là nghĩa của Lực, các trí trong thân Thanh văn và Độc giác, hãy còn bị khuất phục vì không biết gì, và có chướng ngại, cho nên không gọi là Lực.

Từng nghe: “Đức Phật cùng với Tôn giả Xá-lợi-tử: Ông có thể quán xét những hữu tình này trong quá khứ đã từng làm bạn thân với ông ở nơi nào? Lúc ấy Xá-lợi-tử dùng trí Túc trú tùy niệm từ Tĩnh lực thứ nhất cho đến Tĩnh lực thứ tư mà quán xét, đều không thể nào thấy được, liền từ trong Định đứng dậy mà thưa với Đức Phật rằng: Định lực của con quán xét không thể nào thấy được. Đức Phật bảo với Xá-lợi-tử: Hữu tình như vậy, đã từng làm bạn thân với ông trước kia trong kiếp như vậy ở quá khứ, lúc ấy đã xa xăm không phải là cảnh giới của các Thanh văn-Độc giác, cho nên ông không biết.

Đức Phật lại vào một lúc khác cùng với Xá-lợi-tử kinh hành một nơi, lúc ấy có một người gặp phải duyên xấu mà chết, Đức Phật bảo với Xá-lợi-tử: Ông nên quán xét người ấy sẽ sinh vào nơi nào! Lúc ấy Xá-lợi-tử dùng Thiên nhãn từ Tĩnh lực thứ nhất cho đến Tĩnh lực thứ tư mà quán xét, đều không thể nào thấy được, liền từ trong Định đứng dậy mà thưa với Đức Phật rằng: Thiên nhãn của con quán xét không thể nào thấy được. Đức Phật bảo với Xá-lợi-tử: Người này mạng chung sinh vào thế giới ấy, nơi ấy đã xa xôi không phải là cảnh giới của các Thanh văn-Độc giác, cho nên ông không biết.”

Hỏi: Lưu tận của ba Thừa đã không có sai biệt, tại sao trí năng lược tận của hai Thừa không phải là Lực?

Đáp: Trí Lưu tận của Phật mạnh mẽ sắc bén thù thắng tuyệt vời, không phải là các Thanh văn-Độc giác mà sánh kịp, tuy cùng là Lưu tận mà có nhanh-chậm. Như có hai người, mỗi người chặt một cây, một người mạnh mẽ lại sử dụng cái rìu sắc bén, một người sức yếu lại sử dụng cái rìu cùn mòn, tuy cùng chặt cây mà có kẻ chậm-người nhanh. Vì vậy trí Lưu tận của Phật thiết lập là Lực chứ không phải là hai Thừa. Vả lại, trí của hai Thừa tuy có thể Lưu tận mà có tập khí còn sót lại, cho nên không gọi là Lực. Hơn nữa, trí Lưu tận thiết lập là Lực, không dựa vào khả năng trừ hết lậu của chính mình, mà chỉ dựa vào khả năng

làm cho thân người khác trừ hết lậu; nghĩa là Đức Phật khéo léo thông hiểu hữu tình như vậy cần phải dựa vào Thông hạnh chậm về Khổ thì sẽ được trừ hết lậu, cho đến hữu tình như vậy cần phải dựa vào Thông hạnh nhanh về Lạc thì sẽ được trừ hết lậu, từ đây phương tiện để nói về Chánh pháp, đều làm cho trừ hết lậu, cho nên thiết lập tên gọi của Lực. Hai Thừa thì không như vậy, cho nên không gọi là Lực



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 103

LUẬN THA TÂM TRÍ (Phần 5)

Hỏi: Trong sáu Thông, mấy loại là Minh mà không phải là dẫn dắt, mấy loại là dẫn dắt mà không phải là Minh, mấy loại là minh cũng là dẫn dắt, mấy loại không phải là Minh cũng không phải là dẫn dắt?

Đáp: Hai Thông là Minh mà không phải là dẫn dắt, đó là trí Túc trú tùy niệm chứng Thông, và trí Tử sinh chứng Thông; hai Thông là dẫn dắt mà không phải là Minh, đó là Thân cảnh trí chứng Thông, và Tha tâm trí chứng Thông; một Thông là Minh cũng là dẫn dắt, đó là Lưu tận trí chứng Thông; một Thông không phải là Minh cũng không phải là dẫn dắt, đó là Thiên nhĩ trí chứng Thông.

Hỏi: Vì sao sáu Thông, ba loại là dẫn dắt-ba loại không phải là dẫn dắt?

Đáp: Hiện bày sự việc hiếm có làm cho người khác tin phục, dẫn dắt tiến vào Chánh pháp cho nên gọi là dẫn dắt (Thị đạo). Ba loại có nghĩa này, ba loại khác thì không như vậy, đó là nếu tự mình nói tôi có thể nghe xa, tôi có thể nghe xa, tôi có thể thấy xa, tôi có thể nhớ xa đối với các sự việc của đời trước, thì người khác đều sinh nghi là giả-hay là thật, chứ không lập tức tin phục, cho nên không phải là dẫn dắt.

Từng nghe có một Cư sĩ tin theo pháp của ngoại đạo, cúi đầu thỉnh Thân tử Ly Hệ (ngoại đạo phái Ly Hệ) và đồ chúng của vị ấy, đi đến nhà mình để cúng dường đồ ăn thức uống. Thân tử Ly Hệ vừa đi vào nhà ấy thì liền mỉm cười, Cư sĩ cảm thấy lạ bèn hỏi: Thầy lia bỏ taro cử thì vì sao mà cười vậy? Vị ấy liền trả lời rằng: Ta có phẩm đức tuyệt vời, ông là người tại gia lẽ nào biết hết hay sao? Thế là Cư sĩ thiết tha hỏi về điều đó, vị ấy liền nói rằng: Bên bờ sông Nại-mạt-đà có hai con khỉ, đánh nhau mãi không thôi, cùng rơi xuống dòng sông ấy bị nước nhấn chìm, Ta vì sự cố ấy mà thương hại cho nên cười vậy thôi. Cư sĩ ca

ngợi rằng: Thật là hiếm có, Thiên nhân của Đại sư thanh tịnh mới như vậy! Giờ ăn đã đến, cư sĩ nghĩ rằng: Mình nên mượn bữa ăn để nghiệm xét việc ấy thật hay giả? Liền lấy cơm che kín thịt đem đến cho thầy trước hết, đem cơm có thịt béo ngay cho đệ tử của vị ấy. Lúc ấy đệ tử của vị kia nhận rồi liền ăn, chỉ một mình thầy không ăn. Cư sĩ hỏi rằng: Đại sư vì sao mà một mình không ăn? Vị ấy nói: Không có thịt thì làm sao ăn được? Cư sĩ nói trêu: Kỳ lạ thay, Thiên nhân quả là có thể thấy xa xứ không thể nào nhìn gần được! Thầy trò ngoại đạo lúc ấy hết sức xấu hổ thẹn thùng.

Vì vậy ba loại như Thiên nhân... không phải là dẫn dắt; tự nói mình nghe xa và có thể nhớ xa, cũng không làm cho người khác lập tức tin phục, đã không tin phục thì làm sao có thể dẫn dắt khiến cho tiến vào Chánh pháp? Vì thế cho nên ba loại này đều không phải là dẫn dắt.

Nếu như là hiện bày rõ ràng Thần cảnh trí Thông, biến một làm nhiều-biến nhiều làm một, cho đến thần lực tự tại như cõi Phạm Thế, làm cho nhiều hữu tình sinh tâm tin phục sâu sắc, dẫn dắt tiến vào Chánh pháp, thì gọi là dẫn dắt... nếu như là hiện bày rõ ràng Tha tâm trí thông, ghi nhận và nói về những ý nghĩ sai biệt trong tâm ấy giống như sự ghi nhận và nói ra, đều là thật chứ không phải là giả, làm cho nhiều hữu tình sinh tâm tin phục sâu sắc, dẫn dắt tiến vào Chánh pháp, thì gọi là dẫn dắt. Nếu như là hiện bày rõ ràng Lộ tận trí Thông, tùy theo sự thích hợp để khuyên nhủ giảng dạy, mau chóng làm cho thấy rõ chân lý-xa lìa bụi bấn phiền não, ở trong các pháp sinh ra Pháp nhãn thanh tịnh, lần lượt xoay chuyển cho đến các lậu vĩnh viễn không còn, khiến cho nhiều hữu tình sinh tâm tin phục sâu sắc, dẫn dắt tiến vào Chánh pháp, thì gọi là dẫn dắt.

Hỏi: Nên hiện bày sự việc thần biến cho những Bồ-đặc-già-la nào?

Đáp: Nếu người quyết định tin đối với Phật pháp, và người không tin thì không nên vì họ mà hiện bày. Nếu người không nhất định thì nên vì họ mà hiện bày để dẫn dắt tiến vào Chánh pháp, bởi vì ngoài cách này ra lại không có phương tiện nào khác. Tại sao biết như vậy?

Như trong kinh nói: “Một thuở nọ, Đức Phật an trú trong rừng Am-la vòng quanh, bên cạnh khu thành Na-đồ-kiến-tha, có con trai của Cư sĩ tên gọi kê-phiệt-đa, đi đến nơi Đức Phật đánh lễ sát hai chân, rồi lùi về đứng một bên mà thưa với Đức Phật rằng: Nay trong thành này yên ổn-dồi dào-vui vẻ, phần lớn mọi người sinh tâm tin tưởng cung kính sâu sắc đối với Phật-Pháp-Tăng bảo, chỉ nguyện đức Thế Tôn để lại một vị

đệ tử luôn luôn ở nơi này, đối với các Sa-môn và Bà-la-môn..., luôn hiện bày thần biến chỉ rõ pháp hơn người, làm cho người tin vào Phật pháp ở trong thành này tăng thêm niềm tin vững chắc bội phần, khiến cho những người không tin qua lại trong chốc lát có thể tin nhận Phật pháp! Lúc ấy Đức Phật bảo với con trai của Cư sĩ kia rằng: Ta không hề để cho các chúng đệ tử, đối với các Sa-môn dòng Bà-la-môn, hiện bày các thần biến chỉ rõ pháp hơn người, nhưng Ta thường khiến cho các chúng đệ tử che giấu điều tốt của mình mà nói rõ điều xấu của mình. Lúc ấy con trai của Cư sĩ lại thưa với Đức Phật rằng: Nếu đệ tử của Đức Phật đối với các Sa-môn dòng Bà-la-môn, hiện bày sự việc thần biến chỉ rõ pháp hơn người, thì có gì sai lầm tai họa mà Đức Phật không cho phép? Nếu đệ tử của Đức Phật che giấu điều tốt của mình mà nói rõ điều xấu của mình, thì có công đức gì mà Đức Phật cho phép? Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với con trai của Cư sĩ: Nay Ta hỏi con, tùy ý con mà trả lời, nếu đệ tử của Ta đối với các Sa-môn dòng Bà-la-môn, hiện bày sự việc thần biến, biến một làm nhiều-biến nhiều làm một, cho đến thần lực tự tại giống như Phạm Thế, người tin Phật pháp thấy sự việc này rồi, hướng về người không tin nói lời như vậy: Kỳ lạ thay, các Thánh đệ tử của Đức Thế Tôn, có năng lực hiện bày sự việc rất hiếm có như vậy! Lúc ấy người không tin nói với người tin rằng: Điều này đâu có hiếm có, thế gian có Minh chú gọi là Kiện-đà-lê, người khéo léo thọ trì cũng có thể hiện bày rõ ràng sự việc huyền ảo làm cho mê hoặc như vậy, người nào có trí mà hiện bày sự việc thấp hèn ấy? Đức Phật bảo với con trai của Cư sĩ: Đối với ý của con thế nào? Có người không tin nói ra như vậy để mỉa mai người tin hay không? Con trai của Cư sĩ thưa rằng: Thật sự có điều này! Đức Thế Tôn lại bảo với con trai của Cư sĩ rằng: Nếu đệ tử của Ta ghi nhận và nói về những ý nghĩ sai biệt trong tâm người khác, giống như sự ghi nhận và nói ra, đều là thật chứ không phải là giả, người tin Phật pháp biết sự việc này rồi, hướng về người không tin nói lời như vậy: Kỳ lạ thay, các Thánh đệ tử của Đức Thế Tôn, mới có sự việc rất hiếm có như vậy! Lúc ấy người không tin nói với người tin rằng: Điều này đâu hiếm có, thế gian có Minh chú gọi là Sát-ni-ca, người khéo léo thọ trì cũng có thể tạo ra sự việc huyền ảo làm cho mê hoặc như vậy, người nào có trí mà làm sự việc thấp hèn ấy? Đức Phật bảo với con trai của Cư sĩ: Đối với ý của con thế nào? Có người không tin nói ra như vậy để mỉa mai người tin hay không? Con trai của Cư sĩ thưa rằng: Thật sự có điều này!

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với con trai của Cư sĩ: Nếu đệ tử

của Ta đối với các Sa-môn dòng Bà-la-môn, hiện bày sự việc thần biến chỉ rõ pháp hơn người, thì có sai lầm tai họa này, cho nên Ta không đồng ý. Nếu đệ tử của Ta che giấu điều tốt của mình mà nói rõ điều xấu của mình, thì thuận với pháp của Hiền Thánh mà thế gian đã ca ngợi, có công đức ấy cho nên Ta đồng ý.”

Vì vậy cho nên biết người quyết định tin và người không tin, không nên vì họ mà hiện bày các sự việc thần biến. Nếu người không nhất định thì nên vì họ mà hiện bày, phương tiện dẫn dắt giúp cho tiến vào Chánh pháp của Phật.

Trong kinh này, Đức Phật vì con trai của Cư sĩ mà nói về ba loại dẫn dắt:

1. Dẫn dắt bằng thần biến.
2. Dẫn dắt bằng ghi nhận tâm.
3. Dẫn dắt bằng khuyên nhủ.

Hỏi: Vì sao gọi là dẫn dắt (Thị đạo)?

Đáp: Thị nghĩa là hiện bày rõ ràng, đạo có nghĩa dẫn dắt, hiện bày sự việc hiếm có để dẫn dắt tiến vào Chánh pháp cho nên gọi là dẫn dắt. Như người canh cổng thiết lập tên gọi là dẫn dắt, nghĩa là người canh cổng chỉ ra rõ ràng sự việc bên trong để hướng dẫn cho người bên ngoài, chỉ ra rõ ràng sự việc bên ngoài để dẫn dắt cho người bên trong.

Chỉ ra rõ ràng sự việc bên trong để hướng dẫn cho người bên ngoài, nghĩa là người ấy đợi lúc nhà vua, nếu không tắm rửa-ngủ nghỉ-ăn uống-ngắm nhìn vật báu, thì dẫn đường cho người khác tiếp Kiến. Chỉ ra rõ ràng sự việc bên ngoài để dẫn dắt cho người bên trong, nghĩa là người ấy quan sát bên ngoài có dâng tặng tín vật quý hiếm từ nơi khác đến, thì dẫn dắt cho người bên trong đến tiếp nhận. Như vậy, chỉ ra rõ ràng công đức vi diệu trong Chánh pháp của Phật, để phương tiện dẫn dắt mà cảm hóa hữu tình, khiến cho hướng về mà tiến vào, cho nên gọi là dẫn dắt.

Trong kinh này lại nói: “Bồ-tát đầu-giữa và cuối đêm đều dấy khởi Thông-Minh dấy khởi Thông-Minh rồi lúc sao Mai mọc, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. ”

Hỏi: Vì sao đầu-giữa và cuối đêm Bồ-tát đều dấy khởi Thông-Minh?

Đáp: Sau Hằng hà sa số thân Bồ-tát, lúc sắp chứng được quả vị Đại Giác thì pháp cần phải như vậy. Lại nữa, đầu-giữa và cuối đêm đều dấy khởi Thông-Minh, bởi vì muốn làm cho thân mình trở thành pháp

khí. Lại nữa, bởi vì muốn hiện bày thần biến để hiểu rõ ràng sự việc, Thông có năng lực hiện bày thần biến, Minh có năng lực hiểu rõ ràng sự việc, cho nên dấy khởi Thông-Minh. Lại nữa, bởi vì muốn hiện bày an trú đầy đủ để làm công việc lâu xa, Thông hiện bày an trú đầy đủ, Minh làm công việc lâu xa, cho nên dấy khởi Thông-Minh. Lại nữa, bởi vì giống như đạo vô gián-đạo giải thoát, Thông như đạo vô gián, Minh như đạo giải thoát, cho nên dấy khởi Thông như kiến đạo, Minh như Tu đạo, cho nên dấy khởi Thông-Minh. Lại nữa, muốn hiển bày về pháp hữu lậu thiện-vô phú vô ký, pháp hữu lậu-vô lậu và pháp vô lậu hiện rõ trước mắt có tác dụng, cho nên dấy khởi Thông-Minh; pháp hữu lậu thiện, đó là Thần cảnh trí chứng Thông, và trí Túc trú tùy niệm chứng Thông-Minh; pháp vô phú vô ký, đó là Thiên nhãn trí chứng Thông và Thiên nhĩ trí chứng Thông; pháp hữu lậu-vô lậu, đó là Tha tâm trí chứng Thông; pháp vô lậu, đó là trí Luận tận chứng Thông-Minh. Lại nữa, vì muốn lần lượt làm cho ma oán phải hàng phục, cho nên đầu-giữa và cuối đêm đều dấy khởi Thông-Minh.

Từng nghe: “Bồ-tát biết tu khổ hạnh không phải là đạo thực sự rồi, liền nhận bát cháo sữa-mật thơm ngát có đủ mười sáu vị do chị em Nan-đà và Nan-đà-bạt-la đã dâng cúng, ăn xong thân tâm an ổn có sức mạnh, từ bên Đông tử Cát Tường nhận lấy bó cỏ Cát Tường, đi đến dưới tán cây Bồ-đề tự tay mình trải bày, giống như cái mâm của Long vương Bà-tô-cát, thân ngồi Kiết già, ngồi yên rồi liền phát ra lời thề kiên cố: Nếu tôi ở tại nơi này không trừ hết các lậu-chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, thề sẽ không đứng dậy!

Lúc bấy giờ mặt đất-biển rộng-núi cao phát ra sáu loại chấn động, như thuyền nhẹ giữa biển bồng bênh theo sóng cao thấp, cho đến cung trời Tha Hóa Tự Tại thảy đều chấn động, giống như gió mạnh thổi vào tàu lá chuối. Ma vương kinh hãi khiếp sợ quán xét nguyên nhân gây ra chấn động, liền thấy Bồ-tát ngồi dưới tán cây Bồ-đề, thân thẳng đứng-không lay động thề giữ lấy quả vị Bồ-đề, lập tức rời khỏi cung điện của mình đi đến nơi Bồ-tát, nói với Bồ-tát rằng: Hỡi con trai của Sát-đế-lợi, nên rời khỏi chỗ ngồi này, nay thời trước a-chúng sinh cang cường, chắc chắn không có thể chứng được Vô thượng Bồ-đề, hãy thuận theo hiện tại tiếp nhận ngôi vị Chuyển Luân Vương, Ta đem bảy vật báu để dâng tặng cho nhau.

Bồ-tát bảo rằng: Nay ông đã nói như dụ dỗ trẻ thơ, mặt trời và trăng sao có thể làm cho rơi rụng, núi rừng mặt đất có thể bay lên giữa hư không, muốn làm cho ta bây giờ không giữ lấy ngôi vị Đại giác, rời

khỏi chỗ ngồi này thì chắc chắn không có điều đó xảy ra!

Lúc bấy giờ Ma vương nói với Bồ-tát rằng: Nếu ông không cần đến lời nói mềm mỏng tốt đẹp của Ta, thì trong chốc lát khiến cho trông thấy sự việc rất khiếp sợ. Nói ra lời này rồi rưới mưa hoa, trở về cung nói với tất cả cõi trời thứ sáu: Các ông mau chóng chuẩn bị cung nỏ-gươm dao-vòng xe-dây lụa-giáo mác-mâu kích cùng các vũ khí đánh trận, ta có kẻ thù lớn ở dưới tán cây Bồ-đề, sẽ cùng với các ông gấp rút đến chỗ ấy đánh nhau. Bồ-tát lúc bấy giờ dấy lên ý niệm như vậy: Cùng với phàm phu đánh nhua hã còn không thể nào tùy tiện, huống là chúa tể Đại tự tại của cõi trời Tha Hóa ư? Nghĩ rồi lập tức tu đạo là nhiệm cõi Dục, là nhiệm của cõi Dục khởi lên Thần cảnh trí Thông của Tĩnh lực thứ nhất, hóa làm các loại vũ khí thù thắng để đối phó kẻ địch; nếu quân ma làm hình dáng loài chim bay đến, thì mình nên hóa làm hình dáng loài mèo bay để đối phó; nếu quân ma làm hình dáng loài chó sói để đối phó; nếu quân ma làm hình dáng loài chó sói; thì mình phải hóa làm hình dáng loài báo để đối phó; nếu quân ma làm hình dáng loài báo, thì mình phải hóa làm hình dáng loài cọp để đối phó; nếu quân ma làm hình dáng loài cọp, thì mình phải hóa làm sư tử để đối phó; nếu quân ma làm hình dáng sư tử, thì mình phải hóa làm lân-rồng để đối phó; nếu quân ma làm hình dáng lân-rồng, thì mình phải hóa làm lửa mạnh để đối phó; nếu quân ma làm hình dáng lửa mạnh, thì mình phải hóa làm mưa lớn để đối phó; nếu quân ma hóa làm hình dáng mưa lớn, thì mình phải hóa làm tàn che lớn để đối phó. Chủng loại đối phó như vậy có vô lượng chủng loại. Lại hóa làm đài cao bằng Phệ-lưu-ly kiên cố, thân tuy ở trong đó mà có thể nhìn thấy rất xa; dưới mặt đất phía trước chỗ ngồi, hóa làm chủng loại có thể phát ra sấm sét gầm vang.

Dấy lên những sự biến hóa này rồi, lại tự nghĩ rằng: Đời trước mình không ngăn cản người khác tu thiện? Liền khởi lên trí Túc trú tùy niệm chứng về Minh, tự thấy đời trước không hề làm chướng ngại những người tu thiện, mà chính là dùng đủ loại những vật dụng tu thiện để cung cấp giúp đỡ cho họ.

Lại tự mình tư duy: Không lẽ thiện nghiệp của mình kém hơn thiện nghiệp của ma kia? Tư duy rồi liền thấy Ma vương ở đời trước, chỉ từng tổ chức một hội bố thí Vô giá (Vô giá hội: Bố thí không ngăn cản), ở trong hội ấy có một vị Độc Giác, nhờ vào thiện nghiệp ấy nay được sinh lên cõi trời; tự thấy mình ở đời trước tổ chức trăm ngàn vạn ức hội Vô giá, số lượng ấy khó biết hết, Phật-Độc giác ... ở trong các hội có

trăm ngàn vạn ức vị, số lượng cũng khó biết hết.

Lại tự mình tư duy: Phước bố thí của mình thì ma kia hãy còn không thể so sánh với nhau, huống là vô lượng thiện nghiệp như Giới-Định thì ma kia đều hết phần hay sao? Dấy lên ý niệm này rồi, thân thẳng đứng ý trong sáng mà ngồi trang nghiêm. Sau đó Ma vương dẫn theo ba mươi sáu Câu-chi quân ma, tất cả đều hiện ra các loại hình tướng đáng sợ, cầm giữ vũ khí đánh nhau với vô biên chủng loại sắc thái, bao trùm phạm vi ba mươi sáu Du-thiện-na, cùng lúc lao nhanh đến dưới tán cây Bồ-đề.

Lúc bấy giờ Bồ-tát bảo với Ma vương rằng: Xưa ông chỉ tổ chức một hội bố thí lớn mà tác dụng thần kỳ hãy còn như vậy, Ta ở xưa kia tổ chức trăm ngàn vạn ức hội Vô giá, số lượng ấy khó biết hết, huống hồ công đức khác thì ông đều hết phần, tại sao đến đây muốn làm phiền nhau vậy? Lúc ấy Ma vương xấu ác nói với Bồ-tát: Công đức của Ta lấy ông làm chứng, công đức của ông thì ai lại làm chứng? Bồ-tát liền duỗi tay trang nghiêm bằng tướng tốt vỗ vào mặt đất phía trước chỗ ngồi, lúc ấy dưới mặt đất kia phát ra sấm sét gầm vang, sáu loại chấn động dữ dội. Quân ma đã nghe mà kinh hãi rút lui tán loạn, biết mình không phải là đối thủ cho nên tất cả tự trở về cung của mình. Bồ-tát đã thành tựu sự nghiệp sinh ra mắt tai chỉ nghe-thấy xa nhất là một Du-thiện-na; quân ma đã cách xa, muốn nghe tiếng của chúng có bình luận điều gì, liền khởi lên Thiên nhĩ; đã nghe rõ tiếng rồi, muốn trông thấy sắc mặt của chúng đang hiện ra như thế nào, lại khởi lên Thiên nhãn; đã trông thấy sắc mặt rồi, muốn biết tâm của chúng đang suy nghĩ thế nào, khởi lên Tha tâm Thông, biết tâm của Thiên chúng-Đế Thích sinh niềm vui mừng, tâm của quyến thuộc Ma vương sinh ra ganh ghét bực tức.

“Bồ-tát ngay sau đó lại tư duy kỹ càng, vì sao quân ma phát khởi sự việc xấu ác này? Biết rõ phát khởi sự việc xấu ác đều bởi vì năm dục, đắm say năm dục đều bởi vì phiền não. Đã chán ngán phiền não liền hết sạch các lậu, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.”

Vì vậy, muốn lần lượt làm cho ma oán phải hàng phục, cho nên đầu-giữa và cuối đêm đều dấy khởi Thông-Minh.

Lúc Hiện quán về Đế thì đầu tiên ở đâu mà được chứng tịnh, là Phật-là pháp hay là Tăng?

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của nga khác để hiển bày về Chánh lý. Nghĩa là hoặc có người nói: Đối với bốn Thánh đế Hiện quán cùng một lúc. Như Luận giả Phân Biệt đã nói.

Hỏi: Tại sao vị ấy đưa ra cách nói này?

Đáp: Vị ấy dựa vào kinh, như “Đức Thế Tôn nói: Nếu đối với Khổ đế không có gì nghi hoặc, thì đối với Tập-Diệt-Đạo đế cũng không có gì nghi hoặc.” Đã lập tức không có gì nghi hoặc gì đối với bốn Đế, cho nên biết Hiện quán nhất định mau chóng chứ không phải là từ từ. Vì ngăn chặn ý đó để hiển bày lúc Hiện quán, đối với bốn Thánh đế nhất định từ từ chứ không phải là mau lẹ, nếu không như vậy thì trái với kinh. Như trong kinh nói: “Trưởng giả Cấp-cô-độc đi đến nơi Đức Phật, đảnh lễ dưới chân Đức Phật rồi thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Các sư Du-già đối với bốn Thánh đế, là mau chóng Hiện quán hay là từ từ hiện quán? Đức Phật bảo với Cư sĩ: Các sư Du-già đối với bốn Thánh đế nhất định từ từ Hiện quán, như pháp từ từ bước lên bốn bậc thang.”

Hỏi: Nếu từ từ Hiện quán đối với bốn Đế, thì làm sao giải thích thông suốt về kinh mà Luận giả Phân Biệt đã dẫn chứng?

Đáp: Kinh mà vị ấy đã dẫn chứng nên nói như vậy: Nếu đối với Đạo đế không có gì nghĩa hoặc, thì đối với Khổ-Tập-Diệt đế cũng không có gì nghi hoặc. Nhưng mà không nói ra như vậy, thì nên biết là có ý nghĩa khác. Nghĩa là kinh ấy nói đến người đã đạt được quả, nếu đối với Khổ đế không có gì nghi hoặc, thì đối với ba Đế còn lại cũng không có nghi hoặc, bởi vì nghi ngờ sai lạc về bốn Đế đều đã đoạn trừ.

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Ý trong kinh ấy nói: Nghi không hiện hành. Nghĩa là sư Du-già, nếu đối với Khổ đế đã tiến vào Hiện quán không có gì nghi hoặc, thì đối với ba Đế còn lại vốn có nghi hoặc, có thể tuy chưa đoạn mà vĩnh viễn không hiện hành, bởi vì lúc ấy đã đạt được Phi trạch diệt.”

Đại đức nói rằng: “Nếu ban đầu có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì đối với các Đế quý báu đều gọi là hiện Tín.”

Hỏi: Đại đức kia cũng nói đối với bốn Thánh đế vào lúc đạt được Hiện quán thì từ từ mà không phải là mau chóng, nay tại sao đưa ra cách nói này?

Đáp: Vị ấy nói nếu lúc trú vào Khổ pháp nhãn, nếu đối với bốn Đế đều không đạt được Tín thì chắc chắn không có nghĩa về Trú. Như cầm đồ vật bằng đất nung đi lên trên gác cao ném vào mặt đất, trong thời gian chưa đến mặt đất tuy chưa vỡ mà chắc chắn sẽ vỡ, cho nên cũng mang lấy tên gọi là vỡ; ở đây cũng như vậy.

Vì thế cho nên để ngăn chặn tông chỉ của người khác đã nói và hiển bày về Chánh lý mà soạn ra phần luận này.

Trong này, Phật nghĩa là các pháp Vô học trong thân Phật, duyên

với Tín vô lậu kia, gọi là Phật chứng tịnh.

Trong này, Pháp nghĩa là pháp học-Vô học như ba căn vô lậu... trong thân Độc giác, các pháp Học như hai căn vô lậu... trong thân Bồ-tát, và ba đế Khổ-Tập-Diệt duyên với Tín vô lậu kia, gọi là Pháp chứng tịnh.

Trong này, Tăng nghĩa là pháp Học-Vô học trong thân Thanh văn, duyên với Tín vô lậu kia, gọi là Tăng chứng tịnh. Các Giới vô lậu gọi là Giới chứng tịnh, tự tánh thanh tịnh dựa vào Chứng mà dấy khởi, cho nên cũng gọi là Chứng tịnh.

Nếu lúc Hiện quán về Khổ-Tập-Diệt thì đầu tiên được chứng tịnh đối với pháp, lúc Hiện quán về Đạo thì đầu tiên được Chứng tịnh đối với Phật-Pháp-Tăng.

Trong này, lúc Hiện quán về Khổ thì đầu tiên được Chứng tịnh đối với pháp, nghĩa là ngay nơi pháp Khổ đạt được Tín vô lậu.

Hiếp Tôn giả nói: “Lúc bấy giờ đối với Khổ tin là có sai lầm tai họa, cũng đối với Khổ diệt tin là có lợi ích thù thắng, đó là Khổ này diệt đi rất là thanh tịnh tuyệt vời, Khổ thô lậu thấp hèn như vậy diệt đi thì thật là vui sướng thay!”

Lúc Hiện quán về Tập thì đầu tiên được Chứng tịnh đối với Pháp, nghĩa là ngay nơi pháp Tập đạt được Tín vô lậu.

Hiếp Tôn giả nói: “Lúc bấy giờ đối với Tập tin là có sai lầm tai họa, cũng đối với Tập diệt tin là có lợi ích thù thắng, đó là Tập này diệt đi rất là thanh tịnh tuyệt vời, Tập thô lậu thấp hèn như vậy đi thật là vui sướng thay!”

Lúc Hiện quán về Diệt thì đầu tiên được Chứng tịnh đối với Pháp, nghĩa là ngay nơi pháp Diệt đạt được Tín vô lậu, tin vào lợi ích thù thắng của Diệt rất là thanh tịnh tuyệt vời, đó là pháp hữu lậu hoàn toàn vắng bật rỗng rang thật là vui sướng.

Hỏi: Lúc đạt được Hiện quán đối với ba Thánh đế, mỗi một Thánh đế đều đạt được hai loại Chứng tịnh, đó là Tín và Giới, tại sao trong này chỉ nói đạt được Tín?

Đáp: Nên nói đạt được hai loại mà không nói, thì phải biết là trong này có cách nói khác. Lại nữa, trong này không những hỏi về người nào đạt được mấy loại Chứng tịnh, mà còn hỏi đến người nào đạt được mấy duyên Chứng tịnh thuộc Bảo nào? Giới không có sở duyên, cho nên tuy đạt được mà không nói đến.

Có người đưa ra cách nói này: Đầu tiên được Chứng tịnh đối với pháp, không nói là chỉ có thể duyên với Pháp Chứng tịnh, chỉ nói đối

với Pháp mà được Chứng tịnh, Tín và Giới cùng nhờ vào Pháp bảo mà đạt được, cho nên đều được gọi là Pháp Chứng tịnh.

Lúc Hiện quán về Đạo thì đầu tiên được Chứng tịnh đối với Phật-Pháp-Tăng, các Sư nước ngoài đưa ra cách nói như vậy: “Lúc Hiện quán về Đạo, trong ba sát-na tức là hiện tại Tín và tùy chuyển Giới, nên biết có đủ nghĩa của bốn Chứng tịnh, nghĩa là ngay Tín này duyên với pháp Vô học trong thân Phật, cho nên gọi là Phật Chứng tịnh; Tín này lại duyên với pháp Học-Vô học trong thân Độc giác, các pháp Học trong thân Bồ-tát, cho nên gọi là Pháp Chứng tịnh; Tín này lại duyên với pháp vô lậu trong thân Thanh văn, cho nên gọi là Tăng Chứng tịnh. Tùy chuyển Giới này gọi là Giới Chứng tịnh.”

Lời bình: Họ không nên đưa ra cách nói này, bởi vì lúc hiện tại Tín duyên chung với pháp vô lậu của ba Thừa, chỉ tạp duyên thuộc về Pháp Chứng tịnh. Nhưng ngay lúc Tín này hiện rõ ở trước mắt, cũng tu Tín trong nhiều sát-na thuộc vị lai, ở trong Tín thuộc vô lượng sát-na này, nếu có lúc chỉ duyên với pháp Vô học của Phật thì gọi là Phật Chứng tịnh; nếu có lúc chỉ duyên với pháp Vô lậu của Độc giác và Bồ-tát, thì duyên không xen tạp thuộc về Pháp Chứng tịnh; nếu có lúc chỉ duyên với pháp Học-Vô học trong thân Thanh văn thì gọi là Tăng Chứng tịnh. Nếu có lúc duyên xen tạp với pháp vô lậu trong thân Phật-Độc giác và Bồ-tát; nếu có lúc duyên xen tạp với pháp vô lậu trong thân Phật và Thanh văn; nếu có lúc duyên xen tạp với pháp vô lậu trong thân Độc giác, Bồ-tát và Thanh văn. Nếu có lúc duyên xen tạp với pháp vô lậu trong thân Phật và Độc giác, Bồ-tát, Thanh văn; thì đều là duyên xen tạp thuộc về pháp Chứng tịnh. Tín hiện tại-vị lai và tùy chuyển Giới là Giới Chứng tịnh.

Như phân vị Kiến đạo lúc hiện quán về Đạo về ba sát-na, lúc Đạo loại trí nên biết cũng như vậy. Có điểm sai biệt là trong ba sát-na thì chỉ tu các Tín và Giới duyên với Đạo, Đạo loại trí thì tu các Tín và Giới duyên với bốn Đế.

Hỏi: Diệt đế-Đạo đế là sự thanh tịnh, là nơi đáng tin, lúc hiện quán hai đế này thì có thể được Chứng tịnh; Khổ đế-Tập đế là sự tạp nhiễm, không phải là nơi đáng tin, bởi vì là nơi nương tựa của các ác hành-điên đảo-phiền não, lúc Hiện quán hai Đế kia thì làm sao cũng được Chứng tịnh?

Đáp: Bởi vì hai duyên mà được Chứng tịnh:

1. Bởi vì có thể tin.
2. Bởi vì có thể cầu.

Đối với Diệt đế-Đạo đế bởi vì hai duyên đầy đủ mà được Chứng tịnh; đối với Khổ đế-Tập đế chỉ bởi vì một duyên mà được Chứng tịnh, đó là có thể tin mà không phải là có thể cầu. Như người đào hố ở nơi có vật báu..., người ấy có tin-có cầu đối với nơi này; nếu người đào hố ở nơi không có vật báu..., thì người ấy có tin-mà không có cầu, nơi này tuy không có những vật báu-nước trong..., nhưng có công việc mà phải đào bởi nơi ấy. Ở đây cũng như vậy, cho nên không có gì sai.

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Các sư Du-già, trước tiên thấy Khổ-Tập có sai lầm tai họa, về sau đối với Diệt-đạo thấy có lợi ích thù thắng, đó là Diệt-Đạo này rất là thanh tịnh tuyệt vời, bởi vì vĩnh viễn chấm dứt và có năng lực trừ bỏ Khổ đế-Tập đế xấu ác như vậy. Vì vậy hành giả đối với Khổ đế-Tập đế tuy không hề mong cầu mà cũng được Chứng tịnh.”

Hiếp Tôn giả nói: “Các sư Du-già, vì sự bức bách phiền muộn của Khổ đế và Tập đế, cho nên đối với Diệt-Đạo thấy có lợi ích thù thắng, ví như có người do mưa gió bức ngặt, thì thấy mái nhà là nơi có thể quay về nương tựa, cho nên đối với Khổ-Tập tuy không hề mong cầu mà cũng được Chứng tịnh.”

Các sư Du-già, đều đối với Diệt đế do hai duyên mà được Chứng tịnh:

1. Do đáng tin cậy.
2. Do đáng mong cầu.

Không phải là đối với Đạo đế đều do hai duyên mà được Chứng tịnh, nghĩa là người Tùy tín hành đối với đạo của Tùy tín hành và Tùy pháp hành, cùng do hai duyên mà được Chứng tịnh; đối với đạo của Tùy tín hành, chỉ do một duyên mà được Chứng tịnh, đó là đáng tin cậy chứ không phải là sự mong cầu. Người Tín thắng giải đối với đạo của Tín thắng giải và Kiến chí, cùng do hai duyên mà được Chứng tịnh. Nếu người Kiến chí thì đối với đạo của Kiến chí, do hai duyên đầy đủ mà được Chứng tịnh; đối với đạo của Tín thắng giải, chỉ do một duyên mà được Chứng tịnh, đó là đáng tin cậy chứ không phải là sự mong cầu. Thời giải thoát đối với đạo của Thời giải thoát và Bất thời giải thoát, cùng do hai duyên mà được Chứng tịnh. Bất thời giải thoát đối với đạo của Bất thời giải thoát, do hai duyên đầy đủ mà được chứng tịnh; đối với đạo của Thời giải thoát, chỉ do một duyên mà được Chứng tịnh, đó là đáng tin cậy chứ không phải là sự mong cầu. Thanh văn Thừa đối với đạo của ba Thừa, đều do hai duyên mà được Chứng tịnh. Độc giác Thừa đối với đạo của Thừa trên mình và Thừa của mình, cùng do hai

duyên mà được Chứng tịnh; đối với đạo của Thanh văn Thừa, chỉ do một duyên mà được Chứng tịnh, đó là đáng tin cậy chứ không phải là sự mong cầu. Phật Thừa đối với đạo của Phật Thừa, do hai duyên đầy đủ mà được Chứng tịnh; đối với đạo của hai Thừa, chỉ do một duyên mà được Chứng tịnh, đó là đáng tin cậy chứ không phải là sự mong cầu.

Hỏi: Nếu duyên với pháp Vô học trong thân Xá-lợi-tử mà khởi lên Tín vô lậu, thì đó là Pháp Chứng tịnh, hay là Tăng Chứng tịnh? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu là pháp Chứng tịnh, thì đó là duyên với pháp Vô học của Thanh văn mà khởi lên, làm sao gọi là Pháp Chứng tịnh? Nếu là Tăng Chứng tịnh, thì tại sao chỉ có một Bồ-đặc-già-la mà được gọi là Chứng?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Là Tăng Chứng tịnh.

Hỏi: Vị ấy đã chỉ có một mình thì làm sao gọi là Tăng?

Đáp: Xá-lợi-tử là bậc tôn quý-thù thắng nhất trong Thanh văn Thừa, tuy là chỉ có một Bồ-đặc-già-la, mà Tăng Chứng tịnh dựa vào pháp để kiến lập, chứ không phải là dựa vào Bồ-đặc-già-la, bởi vì duyên với pháp Vô học của Thanh văn Thừa mà khởi lên Tín vô lậu, chứ không phải là Tín vô lậu duyên với hữu tình giả tạm.

Nếu dựa vào Vị chí Định, chưa từng đạt được Phật Chứng tịnh hiện rõ ở trước mắt, thì hiện tại tu hai chứng tịnh, vị lai tu bốn Chứng tịnh; từng đạt được Phật Chứng tịnh hiện rõ ở trước mắt, thì hiện tại tu hai Chứng tịnh, vị lai không có. Cho đến dựa vào Tĩnh lự thứ tư, nên biết cũng như vậy.

Nếu dựa vào Vô-sắc Định, lúc Phật Chứng tịnh chưa từng đạt được hiện rõ ở trước mắt, thì hiện tại tu một Chứng tịnh, vị lai tu bốn Chứng tịnh; lúc Phật Chứng tịnh đã từng đạt được hiện rõ ở trước mắt, thì hiện tại tu một Chứng tịnh, vị lai không có. Như Phật Chứng tịnh, nên biết ba Chứng tịnh còn lại cũng như vậy; có điểm sai biệt là trong Vô-sắc Định không có Giới Chứng tịnh.

Hỏi: Vì sao kiến lập bốn Chứng tịnh? Bởi vì tự Thể, hay là vì sở duyên? Nếu vì Tự thể thì chỉ cần có hai, đó là Tín và Giới. Nếu vì sở duyên thì chỉ cần có ba, đó là Phật-Pháp-Tăng Chứng tịnh, bởi vì Giới không có sở duyên.

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Cũng vì tự thể-cũng vì sở duyên mà kiến lập bốn Chứng tịnh, nghĩa là dùng tự Thể mà kiến lập Giới Chứng tịnh, ở vì Hoặc không có sở duyên; dùng sở duyên mà kiến lập ba Chứng tịnh còn lại, bởi vì Tín duyên với Tam bảo.

Như dùng tự Thể-dùng sở duyên mà kiến lập, dùng tự Thể-dùng

Tam Bảo, dùng tự Thể-dùng tùy niệm mà kiến lập, nên biết cũng như vậy. Đó gọi là bốn tánh-tướng phần-tự Thể-ngã vật-tự tánh của Chứng tịnh. Đã nói về tự tánh, nguyên cơ nay sẽ nói đến.

Hỏi: Vì sao gọi là Chứng tịnh, Chứng tịnh là nghĩa gì?

Đáp: Tịnh nghĩa là Tín và Giới, bởi vì lìa bỏ cấu uế; đối với bốn Thánh đế quán sát từng Đế riêng biệt, trừ lượng từng Đế riêng biệt, giác chứng từng Đế riêng biệt, mà đạt được pháp tịnh này cho nên gọi là Chứng tịnh.

Hiếp Tôn giả nói: “Pháp tịnh này nên gọi là Bất hoại. Tịnh nói là Bất hoại, bởi vì không bị Bất tín và các ác giới làm cho phải phá hoại. Tịnh nghĩa là thanh tịnh, Tín là tướng thanh tịnh của tâm, Giới là tướng thanh tịnh của Đại chủng.”

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Pháp này nên gọi là Tịnh không đoạn mất, nghĩa là đạt được pháp này rồi, không có Sa-môn Bà-la-môn... nào có khả năng làm cho mất đi, khiến cho đoạn dứt. Như trong kinh nói: Pháp này gọi là Kiến làm cho mất đi, khiến cho căn ấy đoạn hoại.”

Đại đức nói rằng: “Nếu đối với Phật pháp không có thể quán sát-trừ lượng-giác chứng, thì Tín-Giới đã đạt được dễ dàng có thể lay động thay đổi, như thuyền trên mặt nước. Nếu đối với Phật pháp có thể quán sát-trừ lượng-giác chứng chính xác, thì Tín-Giới đã đạt được không thể nào lay động biến chuyển, bởi vì giống như cột đá vững vàng. Pháp này đích thực nên gọi là Tịnh bất động.”

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Bốn loại như vậy nên gọi Kiến tịnh, bởi vì thấy rõ bốn Thánh đế mà đạt được pháp tịnh này; hoặc nên gọi là Tuệ tịnh, bởi vì Thánh tuệ cùng chuyển.”

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn trước tiên nói về Phật Chứng tịnh, cho đến sau cùng nói về Giới Chứng tịnh?

Đáp: Nếu đưa ra cách nói này, thì bởi vì pháp thứ tự tùy thuận với văn từ. Lại nữa, bởi vì pháp thứ tự tùy thuận với người nói-người tiếp nhận-người giữ gìn.

Lại nữa, Phật là người chủ động nói cho nên thuận theo đầu tiên, Tín pháp là điều được nói đến cho nên thuận theo sau, Tín Tăng là điều đã làm cho nên thuận theo sau, Tín Giới là nơi an trú của Tăng cho nên nói cuối cùng.

Lại nữa, Phật như thầy thuốc giỏi cho nên thuận theo đầu tiên, Tín pháp như lúc không có bệnh cho nên thuận theo sau, Tín Tăng như người khám bệnh cho nên thuận theo sau, Tín Giới như vị thuốc tuyệt

vời cho nên nói sau cùng.

Lại nữa, Phật như người chủ buôn có năng lực chỉ rõ đường đi cho nên thuận theo đầu tiên, Tín pháp như hòn đảo quý báu là nơi đích thực hưởng đến cho nên thuận theo sau, Tín Tăng như bạn buôn có năng lực làm bạn đường giúp nhau cho nên thuận theo sau, Tín giới như lương thực tiền bạc có thể đích thực duy trì giữ gìn cho nên nói sau cùng.

Lại nữa, Phật như người lái thuyền cho nên thuận theo đầu tiên, Tín pháp như bờ bên kia cho nên thuận theo sau, Tín Tăng như bạn cùng đi thuyền cho nên thuận theo sau, Tín Giới như tàu thuyền-bè mảng cho nên nói sau cùng.

Bởi vì những duyên này, cho nên bốn Chứng tịnh này thuận theo thứ tự như vậy.

Như trong kinh nói: “Giới mà bậc Thánh yêu quý không phá hỏng-không chọc thủng không xen tạp-không xấu ác, do bậc Thánh tiếp nhận sử dụng chứ không phải là do phạm giữ lấy, người trí đã ca ngợi, có thể dễ dàng đến nơi cuối cùng, có thể dễ dàng làm cho phát sinh.”

Hỏi: Vì sao gọi là Giới mà bậc Thánh yêu quý?

Đáp: Bởi vì là nơi nương tựa của các công đức, nghĩa là các Thánh giả yêu thích công đức cho nên yêu quý Giới này. Như người yêu quý vật báu cũng coi trọng đồ đựng vật báu; như vậy Thánh giả yêu thích vật báu công đức của pháp phần Bồ đề thanh tịnh, cho nên cũng yêu quý đồ đựng mà Giới đã nương tựa như vậy. Lại nữa, Thánh giả chán ghét các Giới rách hỏng-Giới xấu ác, Giới có năng lực đối trị với Giới rách hỏng-xấu ác, cho nên Thánh giả yêu quý Giới? Lại nữa, Thánh giả chán ghét các nẻo hiểm ác, Giới có năng lực vượt lên trên các nẻo hiểm ác, cho nên Thánh giả yêu quý Giới. Lại nữa, Thánh giả chán ghét sinh tử lưu chuyển, Giới có năng lực vượt lên trên sinh tử lưu chuyển, cho nên Thánh giả yêu quý Giới. Lại nữa, Thánh giả yêu quý Niết-bàn, Giới có năng lực hướng đến Niết-bàn, cho nên Thánh giả yêu quý Giới.

Như trong kinh nói: “Giới có năng lực lần lượt chuyển tiếp hưởng về Niết-bàn, cho nên Thánh giả yêu quý và vui với Giới.”

Hỏi: Không phá hỏng-không chọc thủng-không xen tạp-không xấu ác, bốn câu như vậy có gì sai biệt?

Đáp: Có nơi nói không có sai biệt, bởi vì bốn loại như vậy, thanh âm tuy có khác mà nghĩa không có khác nhau, như luận Tập Dị Môn nói: “Đối với các Giới này luôn luôn thực hiện-luôn luôn chuyển biến, khuyến khích thực hiện-khuyến khích chuyển biến, cũng gọi là không phá hỏng, cũng gọi là không chọc thủng, cũng gọi là không xen tạp,

cũng gọi là không xấu ác.” Vì vậy biết là bốn loại này thanh âm khác mà nghĩa giống nhau.

Có nơi nói bốn loại này cũng có sai biệt, đó là tên gọi đã có sai biệt, loại này gọi là không phá hỏng, loại này gọi là không chọc thủng, loại này gọi là không xen tạp, loại này gọi là không xấu ác.

Lại nữa, đối với tỳ phạm thứ nhất không vượt qua sai trái, cho nên gọi là không phá hỏng; đối với tỳ phạm thứ hai không vượt qua sai trái, cho nên gọi là không chọc thủng; đối với tỳ phạm thứ ba-thứ tư không vượt qua sai trái, cho nên gọi là không xen tạp; đối với tỳ phạm thứ năm không vượt qua sai trái, cho nên gọi là không xen tạp; đối với tỳ phạm thứ năm không vượt qua sai trái, cho nên gọi là không xấu ác.

Lại nữa, không vượt qua sai trái cho nên gọi là không phá hỏng, không dựa vào tham cho nên gọi là không chọc thủng, không dựa vào sân cho nên gọi là không xen tạp, không dựa vào si cho nên gọi là không xấu ác.

Lại nữa, không vượt qua sai trái cho nên gọi là không phá hỏng, dựa vào không tham cho nên gọi là không chọc thủng, dựa vào không sân cho nên gọi là không xen tạp, dựa vào không si cho nên gọi là không xấu ác.

Lại nữa, không vượt qua sai trái cho nên gọi là không phá hỏng, dựa vào Xa-ma-tha cho nên gọi là không chọc thủng, dựa vào Tỳ-bát-xá-na cho nên gọi là không xen tạp, có thể đoạn phiền não cho nên gọi là không xấu ác.

Lại nữa, không vượt qua sai trái cho nên gọi là không phá hỏng, không bị sự tìm kiếm xấu ác làm cho tổn hoại cho nên gọi là không chọc thủng, tự Thể an trú vững chắc cho nên gọi là không xen tạp, rất thanh tịnh cho nên gọi là không xấu ác.

Lại nữa, tự tánh vững vàng mạnh mẽ cho nên gọi là không phá hỏng, lìa xa những việc làm sai trái cho nên gọi là không chọc thủng, không phạm vào giới xấu ác làm cho lẫn lộn với nhau cho nên gọi là không xen tạp, không rời bỏ ý thích tốt lành cho nên gọi là không xấu ác.

Trong này lại nói, do bậc Thánh tiếp nhận sử dụng, là nơi nương tựa của các công đức; không phải là do phạm phu giữ lấy, là không phải các dị sinh chấp vào Giới thanh tịnh này làm đạo thực sự; người trí đã ca ngợi, là Phật và đệ tử của Phật đã ca ngợi; có thể dễ dàng đến nơi cuối cùng, là cùng lúc trọn vẹn đầy đủ, có thể dễ dàng làm cho phá sinh, là có năng lực dẫn đến quả yêu quý.

Như trong kinh nói: “Có voi chúa to lớn dùng Tín làm tay, dùng Xả làm ngà, dùng Tuệ làm đầu, dùng Niệm làm cổ, ở trên hai vai mang nhiều pháp thiện.”

Hỏi: Tại sao Đức Thế Tôn nói dùng Tín làm tay?

Đáp: Bởi vì giữ lấy pháp thiện, như voi có tay có thể giữ lấy nhiều vật hữu tình-vô tình, như vậy Thánh giả có bàn tay của Tín, cho nên có thể giữ lấy các loại pháp thiện vi diệu, vì thế cho nên Đức Thế Tôn nói dùng Tín làm tay. Như trong kinh nói: “Tỳ-kheo nên biết! Trong cõi trời luôn luôn có bốn thanh âm khởi lên. Thế nào là bốn? Đó là nếu ở nơi này có đệ tử bậc Thánh thành tựu phần lớn trú vào Phật Chứng tịnh, lúc bấy giờ thành tựu Phật Chứng tịnh, thì chư Thiên vui mừng hơn hờ cao tiếng nói to rằng: Trước đây tôi thành tựu Phật Chứng tịnh cho nên đã sinh đến nơi này, nay đệ tử bậc Thánh thành tựu phần lớn trú vào Phật Chứng tịnh, cho nên cũng sẽ sinh trong chúng đồng phần với tôi, làm bạn cùng với tôi, thật là vui sướng thay!” Thành tựu phần nhiều trú vào ba Chứng tịnh còn lại, nói rộng ra cũng như vậy.

Hỏi: Đệ tử bậc Thánh nơi này và chư Thiên kia, đều thành tựu đầy đủ bốn loại Chứng tịnh, tại sao nói có người thành tựu phần lớn trú vào Thân Chứng tịnh, cho đến nói có người thành tựu phần lớn trú vào Giới Chứng tịnh?

Đáp: Dựa vào lúc tu gia hạnh tiến vào pháp mà nói, nghĩa là hoặc có hành giả cầu mong Phật Chứng tịnh, chịu khó tu gia hạnh mà tiến vào Thánh đạo, cho đến hoặc có hành giả cầu mong Giới Chứng tịnh, chịu khó tu gai hạnh mà tiến vào Thánh đạo, cho nên nói như vậy. Lại nữa, dựa vào phần nhiều yêu thích tác ý mà nói, nghĩa là hoặc có hành giả phần nhiều yêu thích tác ý duyên với Phật, cho đến hoặc có hành giả phần nhiều yêu thích tác ý duyên vào Giới, cho nên nói như vậy.

Như trong kinh nói: “Đức Phật bảo với Tỳ-kheo: Nếu có người tin và vui với điều ông đã nói, thì ông nên thương xót phương tiện vì họ nói về bốn loại Chứng tịnh, khuyến khích làm cho an trú để tự điều phục mình. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì đối với bốn Đại chủng có thể làm cho biến đổi, thành tựu bốn Chứng tịnh như vậy thì cuối cùng không có biến đổi.”

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói ra kinh này?

Đáp: Bởi vì chỉ rõ nghi thức nói pháp của vị thầy nói pháp, nghĩa là có người nói mà không biết người tiếp thu là có trình độ hay là không có trình độ, tùy tiện như vậy mà nói cho họ, khiến cho người tiếp điều kia, hoặc là sinh tâm khinh mạn, hoặc là sinh tâm khiếp sợ, trống rỗng

không được gì. Vì vậy Đức Thế Tôn nói: Nếu có người tin và vui với điều ông đã nói, thì ông nên thương xót mà phương tiện nói cho họ, không được tùy tiện như thế!

Lại nữa, bởi vì chỉ rõ cách báo ân thực sự của người báo ân. Như trong kinh khác nói: “Tỳ-kheo nên biết! Nếu có người con hiếu thảo, một vai cõng cha-một vai gánh mẹ, trải qua trăm năm đi khắp mọi nơi, hãy còn không phải là chân thật báo ân cha mẹ. Nếu có người con hiếu thảo, có thể khuyến khích cha mẹ, đối với Phật-Pháp-Tăng và các pháp về nhân quả..., chưa tin thì làm cho tin, tin rồi làm cho tăng lên; không có Giới thanh tịnh thì khuyến khích thọ trì Giới cấm, có tánh tha, lam keo kiệt thì khuyến khích thực hành bố thí, không có Tuệ thù thắng thì khuyến khích tu Tuệ thù thắng, khiến cho khéo léo an trú để tự điều phục mình, đó mới gọi là chân thật báo ân cha mẹ.” Vì vậy trong kinh này dạy bảo về nghĩa thức nói pháp hợp với người nghe.

Hỏi: Trong pháp của chư Phật có vô lượng chủng loại công đức pháp bảo, đều cần phải nói rõ ràng cho người khác, vì sao ở đây chỉ khiến nói cho họ về bốn Chứng tịnh? Đáp: Nên biết trong này lấy Chứng tịnh làm đầu, dù sao cũng phải khiến nói cho người khác về các công đức quý báu.

Hiếp Tôn giả nói: “Trong này, Đức Thế Tôn dùng thanh Chứng tịnh để nói về các Thánh đạo, nghĩa là các Thánh đạo hoặc là tương ứng, không là cùng có, nếu nói đến Tín thì nên biết là nói chung về Thánh đạo tương ứng, nếu nói đến Giới thì nên biết là nói chung về Thánh đạo cùng có.”

Lại nữa, trong này sơ lược hiển bày về pháp môn bắt đầu tiến vào, nghĩa là các công đức quý báu trong Phật pháp, hoặc là pháp thuộc về sắc, hoặc là pháp thuộc về phi sắc; nếu nói đến Giới thì nên biết là nói chung về pháp bảo thuộc sắc, nếu nói đến Tín thì nên biết là nói chung về pháp thuộc phi sắc.

Như sắc-phi sắc, như vậy tương ứng-không tương ứng, có sở y-không có sở y, có sở duyên, có hành tương-không có hành tương, có cảnh giác-không có cảnh giác, là căn-không phải là căn ..., nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, bốn Chứng tịnh này có tướng bất hoại và tướng thành tựu, cho nên chỉ nói đến nó.

Lại nữa, dựa vào bốn Chứng tịnh đã dẫn đến đẳng lưu, thi thiết bốn quả Sa-môn thù thắng, cho nên chỉ nói đến nó.

Lại nữa, bốn Chứng tịnh này có năng lực ngăn chặn sự sợ hãi nề

ác và nghèo thiếu, cho nên chỉ nói đến nó. Bởi vì Giới có năng lực ngăn chặn sợ hãi nẻo ác, Tín có năng lực ngăn chặn sợ hãi nghèo túng. Tuy Tín-Giới vô lậu không dẫn đến quả dị thực, mà Tín-Giới vô lậu nhất định cùng với Tín-Giới hữu lậu dẫn dắt phát sinh lẫn nhau, cho nên có năng lực ngăn chặn hai loại sợ hãi.

Lại nữa, vì muốn phương tiện dẫn dắt có thể cảm hóa hữu tình ngoại đạo tiến vào Phật pháp. Nghĩa là các Tỳ-kheo hoặc có thân thuộc, trước kia là ngoại đạo vì tình thân ái cho nên đến thăm hỏi lẫn nhau, lúc ấy các Tỳ-kheo không giữ ý với họ, ca ngợi Phật pháp-chê bai ngoại đạo, làm cho họ cảm tức càng xa rời Phật pháp. Vì vậy Đức Thế Tôn bảo: Tỳ-kheo các ông, không có những đức như Lực-Vô úy-Đại bi..., không biết căn cơ ham muốn và tánh hạnh của hữu tình, không nên tùy tiện nói pháp cho người khác. Nếu có người tin thích điều ông đã nói, thì ông nên thương xót tìm phương tiện nói về bốn loại Chứng tịnh cho họ, khuyến khích giúp cho an trú để tự điều phục mình. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì đối với bốn Đại chủng có thể làm cho biến đổi, thành tựu bốn loại Chứng tịnh như vậy thì cuối cùng không có biến đổi.

Hỏi: Tánh của tất cả các pháp đều không biến đổi, tại sao chỉ nói đến bốn Đại chủng?

Đáp: Muốn dùng bốn pháp để hiển bày bốn pháp. Lại nữa, các sư Du-già trước là quán xét bốn Đại chủng không có tướng biến đổi, sau thì quán xét tánh các pháp không biến đổi, tâm liền vui sướng, cho nên chỉ nói đến bốn Đại chủng. Lại nữa, bởi vì bốn Đại chủng có năng lực duy trì tất cả sinh tử lưu chuyển, cho nên nói đến bốn Đại. Lại nữa, bởi vì Đại chủng có năng lực duy trì năm uẩn làm cho không đoạn tuyệt, cho nên chỉ nói đến bốn Đại chủng. Lại nữa, các ngoại đạo nói Đại chủng có năm loại, tánh ấy thường tồn tại; vì đối trị điều đó cho nên Đức Phật nói chỉ có bốn mà là vô thường, giả sử Đại chủng mà ông chấp là Thường có thể làm cho biến đổi, đạt được Chứng tịnh thì cuối cùng không có biến đổi.

Như trong kinh nói: “Vua Vị Sinh Oán có thể thành tựu Tín không có căn.”

Hỏi: Các pháp hữu vi, không có pháp nào không có căn, tại sao nói Tín ấy không có căn?

Đáp: Bởi vì Tín này không có căn của Kiến đạo. Như trong kinh nói: “Đây gọi là Kiến làm căn tương ứng với trí chứng về Tín.” Nghĩa là Vị Sinh Oán đã thành tựu Tín mà không dựa vào Kiến đạo, cho nên gọi là Không có căn, nhưng tâm Tín ấy kiên cố khó hủy hoại, như dựa

vào Kiến đạo.

Lại nữa, Vị Sinh Oán đạ thành tựu Tín không có thể thay đổi, như Tín vô lậu mà không có căn; Tín vô lậu dựa vào căn vô lậu, dùng trí vô lậu-căn thiện vô lậu làm căn bản.

Lại nữa, Tín này không có nhân Đồng loại cho nên nói là không có căn, nghĩa là từ vô thủy đến nay chưa đạt được Tín kiên cố như vậy; ví như có cây dựa vào đất mà mọc cành, tự mình đã không có gốc, cho nên gọi là cây không có gốc.

Lại nữa, Vị Sinh Oán đã thành tựu Tín, tự tánh kiên cố không do thân cận với Phật và chúng đệ tử của Phật mới có thể phát sinh, cho nên gọi là không có căn. Nhờ vào lực của Tín này, hoặc là cưỡi voi ngựa, hoặc ở trên lầu cao, từ xa trông thấy Đức Thế Tôn lập tức tự mình bước xuống đánh lễ sát hai chân, do lực của Tín kiên cố hoặc là uy thần của Đức Phật không hề bị thương tổn.

Lại nữa, Vị Sinh Oán đã thành tựu Tín chưa tránh khỏi nơi nẻo ác, cho nên gọi là không có căn, sau đó mạng chung tạm thời rơi vào địa ngục nhận chịu một phần khổ đau rồi mới sinh lên cõi trời.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 104

LUẬN THA TÂM TRÍ (Phần 6)

Hỏi: Những người Dự lưu, đối với điên đảo, mấy loại đã đoạn, mấy loại chưa đoạn?

Đáp: Tất cả đã đoạn.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về Chánh lý. Nghĩa là hoặc có người nói: Có mười hai điên đảo, tám loại chỉ là do kiến mà đoạn, bốn loại gồm chung do tu àm đoạn. Như Luận giả Phân Biệt đã nói.

Hỏi: Vị ấy dựa vào Lượng nào mà đưa ra cách nói như vậy?

Đáp: Bởi vì dựa vào kinh. Nghĩa là trong kinh nói: “Đối với Vô thường khởi lên tướng điên đảo-tâm điên đảo-kiến điên đảo cho là Thường; đối với Khổ khởi lên Lạc, đối với Vô ngã khởi lên Ngã, đối với bất tịnh khởi lên Tịnh, là tướng điên đảo-tâm điên đảo-kiến điên đảo.” Vì vậy cho nên biết tất cả điên đảo có mười hai loại, trong đó tám loại chỉ do kiến mà đoạn, đó là trong Thường-Ngã đều giữ lấy ba loại, trong Lạc-Tịnh đều chỉ giữ lấy kiến điên đảo; bốn loại gồm chung do tu mà đoạn, đó là trong Lạc-Tịnh đều giữ lấy tướng điên đảo và tâm điên đảo. Trong này, do kiến mà đoạn, là lúc Khổ loại trí nhãn hiện rõ ở trước mắt thì mới đoạn hoàn toàn; do tu mà đoạn, là lúc Định Kim cang dụ hiện rõ ở trước mắt thì mới đoạn hoàn toàn. Vì ngăn chặn ý đó để hiển bày các điên đảo chỉ có bốn loại, chỉ do kiến mà đoạn, cho nên soạn ra phần luận này. Nghĩa là ở đây hỏi rằng những người Dự lưu đối với bốn điên đảo, có mấy loại đã đoạn-mấy loại chưa đoạn, tức là ngăn chặn điên đảo có mười hai loại; ở đây lại đáp rằng tất cả đã đoạn, tức là ngăn chặn điên đảo gồm chung do tu mà đoạn, bởi vì không có Dự lưu đã đoạn pháp do tu mà đoạn. Và lại, nếu điên đảo có mười hai loại

bao gồm do tu mà đoạn thì trái với kinh. Như trong kinh nói: “Đức Phật bảo với Tỳ-kheo: Nếu người điên đảo do bốn loại điên đảo, thì nên biết kẻ ấy là ngu phu dị sinh.” Kinh này đã nói có bốn loại điên đảo, nên biết điên đảo không phải là mười hai loại. Đã nói người điên đảo do điên đảo, thì nên biết kẻ ấy là ngu phu dị sinh, cần phải biết là điên đảo không phải do tu mà đoạn.

Hỏi: Nếu các điên đảo chỉ có bốn loại, thì kinh do Luận giả Phân biệt đã dẫn chứng nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Hai loại tưởng và tâm thật sự không phải là điên đảo, nhưng bởi vì thân cận với điên đảo, tương ứng với điên đảo, cho nên cũng gọi là điên đảo.

Hỏi: Nếu như vậy thì các rạm sở pháp như Thọ..., cũng nên gọi là điên đảo, bởi vì loại ấy có nghĩa tương tự với tâm và tưởng?

Đáp: Thế gian chỉ đối với hai loại tâm-tưởng mà nói đến tên gọi điên đảo, không phải là Thọ-Tư..., cho nên chỉ nói tâm-tưởng điên đảo, vì vậy Đức Phật thuận theo thế tục mà nói pháp.

Hỏi: Bốn loại điên đảo này tự tánh là gì?

Đáp: Kiến là tự tánh.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong năm kiến có mấy kiến làm tự tánh?

Đáp: Loại này dùng hai kiến rười do kiến khổ mà đoạn để làm tự tánh, đó là Hữu thân kiến-kiến thủ toàn phần và Thường kiến trong Biên chấp kiến; hai kiến rười không phải là tự tánh điên đảo, đó là Tà kiến-Giới cấm thủ toàn phần và Đoạn kiến trong Biên chấp kiến.

Có người đưa ra cách nói này: Bốn loại điên đảo này ở trong năm kiến thì ba kiến đều lấy một phần để làm tự tánh, đó là Ngã kiến trong Hữu thân kiến là tự tánh của Ngã điên đảo chứ không phải là Ngã sở kiến, Thường kiến trong Biên chấp kiến là tự tánh của Thường điên đảo chứ không phải là Đoạn kiến, kiến chấp về Lạc-Tịnh do kiến Khổ mà đoạn trong Kiến thủ là tự tánh của Lạc-Tịnh điên đảo chứ không phải là Kiến thủ nào khác.

Hỏi: Vì sao chỉ riêng loại này là điên đảo?

Đáp: Bởi vì ba sự cho nên kiến lập điên đảo:

1. Vì tánh suy đoán.
2. Vì tăng thêm sai lạc.
3. Vì luôn luôn trái ngược.

Tà kiến thuộc Đoạn kiến tuy là tánh suy đoán và luôn luôn trái ngược, mà không phải là tăng thêm sai lạc, bởi vì chuyển thành sự việc hư hoại. Giới cấm thủ tuy là tánh suy đoán và tăng thêm sai lạc, mà

không phải là luôn luôn trái ngược, bởi vì cũng chuyển đổi với phần ít của thật xứ. Nghĩa là có lúc đạo của cõi Sắc có thể làm sạch cõi Dục có lúc đạo của cõi Sắc có thể làm sạch cõi Sắc, có lúc đạo của địa trên có thể làm sạch địa dưới, bởi vì nghĩa tương tự với đạo vô lậu đoạn nhiễm-chứng diệt.

Như vậy gọi là bốn tánh-tướng phần-tự Thể-ngã vật-tự tánh của diên đảo. Đã nói về tự tánh, nguyên cơ nay sẽ nói đến.

Hỏi: Vì sao gọi là diên đảo, diên đảo là nghĩa gì?

Đáp: Diên đảo mà chuyển đổi với lý của Đế thô thiển, cho nên gọi là diên đảo, vì vậy bốn diên đảo này chỉ do kiến khổ mà đoạn.

Hỏi: Vì sao bốn diên đảo chỉ do kiến khổ mà đoạn?

Đáp: Bởi vì loại này chỉ chuyển từ nơi khổ, cho nên lúc thấy khổ đế thì loại này liền vĩnh viễn đoạn mất.

Lại nữa, bởi vì loại này chỉ chuyển từ nơi quả, cho nên nếu lúc thấy quả thì loại này liền vĩnh viễn đoạn mất.

Lại nữa, bốn diên đảo này có lúc là Hữu thân kiến, có lúc dựa vào Hữu thân kiến, lúc Hữu thân kiến đoạn mất thì những loại còn lại cũng đoạn theo, bởi vì đối trị giống nhau. Vì vậy bốn diên đảo này chỉ do kiến khổ mà đoạn.

Lại nữa, Khổ đế hiển bày thô thiển, từ trong đó mê lầm sai lạc rất nặng, Hiền thánh đã chỉ trích cho nên kiến lập diên đảo; ba Đế ẩn kín sâu xa, từ trong đó mê lầm sai lạc không phải là rất nặng, không đáng bị chỉ trích cho nên không kiến lập diên đảo. Như người giữa ban ngày mà té nhào nơi đất bằng, mọi người cùng chê trách cười nhạo, chứ không phải là nơi đèo dốc giữa đêm tối.

Lại nữa, các sư Du-già hiện quán về Khổ rồi tâm không còn diên đảo, cho nên lúc thấy Khổ thì diên đảo đều đoạn mất. Giả sử thấy khổ rồi mà chưa thấy ba Đế khác, thì liền ra khỏi hiện quán. Nếu có người hỏi rằng: Năm Thủ uẩn này là Thường hay Vô thường? Vị ấy liền trả lời chắc chắn: Đều là Vô thường, bởi vì sau một sát-na nhất định không dừng lại. Nếu lại hỏi rằng: Năm Thủ uẩn này là vui hay là khổ? Vị ấy liền trả lời chắc chắn: Tất cả đều là khổ, giống như viên sắt nóng. Nếu hỏi lại rằng: Năm Thủ uẩn này là tịnh hay là bất tịnh? Vị ấy liền trả lời chắc chắn: Đều là bất tịnh giống như đống rác rưởi dơ bẩn. Nếu lại hỏi rằng: Năm Thủ uẩn này có Ngã hay không có Ngã? Vị ấy liền trả lời chắc chắn: Đều không có Ngã, chắc chắn không có kẻ tạo tác, không có kẻ sai bảo tạo tác, cũng không có kẻ nhận lấy, không có kẻ sai bảo nhận lấy, chỉ có một tập hợp hoạt động trống rỗng, cho nên bốn diên

đảo chỉ do kiến Khổ mà đoạn, bởi vì lúc Khổ loại trí phát sinh thì tất cả đã đoạn mất.

Hỏi: Nếu như vậy thì cũng có người Tùy tín hành-Tùy pháp hành, đã đoạn bốn điên đảo này, tại sao trong này không nói, mà chỉ nói là những người Dự lưu đã đoạn tất cả?

Đáp: Nên nói mà không nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác. Lại nữa, người Tùy tín hành-Tùy pháp hành có tướng sai biệt; có lúc đã đoạn hết, đó là Khổ loại trí đã sinh; có lúc chưa đoạn hết, đó là Khổ loại trí chưa sinh, vì vậy nên không nói. Những người Dự lưu không có tướng sai biệt, bởi vì đều đã đoạn, cho nên trong này nói đến.

Lại nữa, muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định, cho nên chỉ nói đến Dự lưu. Nghĩa là người Dự lưu, hãy còn nuôi giữ vợ con, sử dụng đồ nằm tuyệt với, vuốt ve nắm tay người nữ, mặc áo quần tốt đẹp, thoa ướp hương thơm-trang điểm xinh đẹp, sai khiến tôi tớ hầu hạ, đánh đập-trói giữ các loài hữu tình, cùng với các dị sinh có cách nhìn sinh ra ngờ vực chưa đoạn điên đảo, vì thế cho nên nói họ đã đoạn điên đảo. Nhất lai dựa theo đây cho nên không nói riêng ra. Những người Tùy tín hành-Tùy pháp hành, tâm thiện hữu lậu hãy còn không hiện khởi, huống là hiện khởi lên tâm nhiễm ô-vô phú vô ký, đối với họ không có nghi ngờ vì thế cho nên không nói.

Hỏi: Dự lưu-Nhất lai, đối với cảnh của năm dục, lúc khởi lên ái nhiễm, là khởi lên tưởng về Lạc-Tịnh, hay là khởi lên tưởng về Khổ-Bất tịnh? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu khởi lên tưởng về Lạc-Tịnh, thì làm sao không phải là điên đảo? Nếu khởi lên tưởng về Khổ-Bất tịnh, thì làm sao đối với cảnh mà khởi lên ái nhiễm?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Dấy khởi tưởng về Lạc-Tịnh.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao không phải là điên đảo?

Đáp: Trước đây nói như vậy: Bởi vì ba sự cho nên kiến lập điên đảo. Dự lưu và Nhất lai đối với cảnh mà khởi lên tưởng về Lạc và Tịnh, tuy là tăng thêm sai lạc mà không phải là tánh suy đoán, bởi vì không phải là tánh của kiến; cũng không phải là luôn luôn trái ngược, bởi vì có phần ít của sự thật.

Lại nữa, đối với Đế lý mà khởi lên tưởng về Lạc-Tịnh là do điên đảo đầu nhiếp. Dự lưu và Nhất lai đều đã đoạn hết; đối với sự của cảnh mà khởi lên tưởng về Lạc-Tịnh thì không phải là do điên đảo đầu nhiếp, đối với Dự lưu và Nhất lai hãy còn chưa đoạn hết, cho nên có thể có lúc hiện rõ trước mắt.

Có người đưa ra cách nói này: Dự lưu và Nhất lai đối với cảnh của

năm dục, lúc khởi lên ái nhiễm, đối với cảnh ấy chỉ khởi lên tưởng về Khổ-Bất tịnh.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao khởi lên ái nhiễm?

Đáp: Lúc ấy tuy đối với cảnh biết là Khổ-Bất tịnh, mà tập khí phiền não xuyên suốt từ vô thủy đến nay, đốt cháy thân tâm-nóng bức đau khổ làm cho ép ngặt, bất giác đối với cảnh mà khởi lên ái nhiễm.

Như có con trai Bà-la-môn thích sạch sẽ, có lúc ngón tay mình tiếp xúc với vật không sạch sẽ, đi đến chỗ người thợ rèn tìm lấy lửa làm cho sạch sẽ. Người thợ rèn nói cho biết rằng: May mắn có tro... dùng nước trong rửa ráy thì đủ để có thể làm cho sạch sẽ, sao có thể chịu khổ sở để tìm lấy lửa nung cho sạch? Con trai của Bà-la-môn nói: Tro và nước... rửa ráy không thể nào làm cho sạch được, hãy vì tôi mà lấy lửa làm sạch ngón tay! Thế là người thợ rèn lấy cái kim sắt nóng mà kẹp chặt ngón tay của người ấy, lúc ấy con trai của Bà-la-môn bị lửa nóng khổ đau bức bách, bất giác đưa bàn tay lên ngậm ngón tay vào trong miệng. Người ấy tuy biết đích xác là ngón tay không sạch sẽ, mà khổ đau bức bách cho nên bất giác ngậm vào trong miệng. Dự lưu và Nhất lai khởi lên ái nhiễm cũng như vậy.

Lại nữa, người ấy tuy đối với cảnh biết là Khổ và Bất tịnh, mà tập khí phiền não xuyên suốt từ vô thủy đến nay, đốt cháy thân tâm-nóng bức đau khổ làm cho ép ngặt, vì ngăn chặn cho nên đối với cảnh khởi lên ái nhiễm.

Như người yếu đuối, thân mắc phải ung nhọt lở loét, đau đớn khó chịu nổi, thầy thuốc nói cho biết rằng: Ông nên lấy phân chó tẩm ướt xoa vào ung nhọt thì đau đớn có thể ngừng lại. Người ấy nghe rồi lập tức lấy phân chó xoa vào ung nhọt. Người ấy tuy biết rõ phân chó là dơ bẩn, mà bởi vì ngăn chặn sự đau đớn cho nên lấy để xoa vào. Dự lưu và Nhất lai khởi lên ái nhiễm cũng như vậy, cho nên lúc ấy tuy khởi lên tưởng về Khổ-Bất tịnh, mà đối với năm dục khởi lên sự ái nhiễm.

Những người Dự lưu, đối với ba Tam-ma-địa là Không-Vô nguyện-Vô tướng, thành tựu quá khứ-mấy vị lai-mấy hiện tại?

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về Chánh lý. Nghĩa là hoặc có người nói: Quá khứ và vị lai không có tự tánh thật sự. Vì lại có người nói: Không có tánh thành tựu-không thành tựu thật sự. Vì ngăn chặn ý đo mà cần phải hiển bày thật sự có quá khứ-vị lai và tánh thành tựu..., cho nên soạn ra phần luận này.

Trả lời: Vị lai có tất cả, quá khứ nếu đã diệt không mất, hiện tại

nếu hiện rõ ở trước mắt. Trong này, vị lai có tất cả, là thành tựu đầy đủ ba loại; quá khứ nếu đã diệt không mất, là tùy theo một-hai-ba đã diệt bởi vì không phải là luyện căn, mất thì thành tựu quá khứ như vậy; hiện tại nếu hiện rõ ở trước mắt, là nếu tùy theo một loại hiện rõ ở trước mắt thì thành tựu hiện tại là một. Vả lại, lúc Đạo loại trí ở sát-na thứ nhất thì không thành tựu quá khứ, bởi vì không có một sát-na nào đã sinh diệt. Đã sinh diệt là đạt được quả mà rời bỏ. Thành tựu vị lai có ba, bởi vì cả ba loại có thể tu. Thành tựu hiện tại có một, đó là Đạo-Vô nguyện, từ đây diệt rồi không mất. Nếu không hiện rõ ở trước mắt thì lúc ấy thành tựu quá khứ có một, đó là Vô nguyện; vị lai có ba; hiện tại có một, đó là Không, từ đây diệt rồi không mất. Nếu Vô tướng hiện rõ ở trước mắt thì lúc ấy thành tựu quá khứ có hai, đó là Không-Vô nguyện; vị lai có ba; hiện tại có một, đó là Vô tướng, từ đây diệt rồi không mất. Nếu ba Tam-ma-địa tùy theo một loại hiện rõ ở trước mắt, thì lúc ấy thành tựu quá khứ-vị lai đều có ba; hiện tại có một, đó là hiện rõ ở trước mắt.

Có ba Tam-ma-địa, đó là Không-Vô nguyện-Vô tướng. Nhưng mà Tam-ma-địa, hoặc nên nói là một, đó là pháp Đại địa trong tâm sở gọi là Tam-ma-địa, lại trong năm Căn gọi là Định căn, trong năm Lực gọi là Định lực, trong bảy Giác chi gọi là Định giác chi, trong tám Đạo chi gọi là Chánh định. Hoặc nên nói là hai, đó là Tam-ma-địa hữu lậu và vô lậu, hoặc là hệ phược và giải thoát, hoặc là Tam-ma-địa hệ thuộc và không hệ thuộc. Hoặc nên nói là ba, đó là ở đây đã nói. Hoặc nên nói là bốn, đó là hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc. Hoặc nên nói là năm, đó là hệ thuộc ba cõi và Học-Vô học. Nói rộng ra cho đến nếu dùng sát-na nối tiếp nhau để phân biệt, thì có vô lượng Tam-ma-địa.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao Đức Thế Tôn tăng một mà giảm vô lượng..., kiến lập ba loại Tam-ma-địa?

Đáp: Bởi vì ba duyên cho nên chỉ kiến lập ba loại:

1. Vì đối trị.
2. Vì tâm mong mỏi.
3. Vì sở duyên.

Vì đối trị, đó là bởi vì Tam-ma-địa không là đối trị gần của Hữu thân kiến.

Hỏi: Tam-ma-địa không có hai hành tướng là Không-Vô ngã, Hữu thân kiến có hai hành tướng là Ngã và Ngã sở, trong này dùng hành tướng như thế nào để đối trị hành tướng như thế nào?

Đáp: Dùng hành tướng Vô ngã để đối trị hành tướng Ngã, dùng hành tướng Không để đối trị hành tướng Ngã sở. Lại nữa, dùng hành

tướng Vô ngã để đối trị hành tướng của năm Ngã kiến, dùng hành tướng Không để đối trị hành tướng của mười lăm Ngã sở kiến.

Như đối trị hành tướng của Ngã kiến và Ngã sở kiến, như vậy đối trị hành tướng của mình thấy-do mình thấy, hành tướng là Ngã-thuộc về Ngã, hành tướng là mình-thuộc về mình, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, dùng hành tướng Vô ngã để đối trị Ngã ái, dùng hành tướng Không để đối trị Ngã sở ái.

Như đối trị Ngã ái và Ngã sở ái, như vậy đối trị ái bản thân-ái của bản thân, si về Ngã-do si về Ngã, si bản thân-si của bản thân..., nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, dùng hành tướng Vô ngã để đối trị hành tướng chấp Uẩn là Ngã, dùng hành tướng Không để đối trị hành tướng chấp trong Uẩn có Ngã.

Như đối trị hành tướng chấp Uẩn là Ngã-chấp trong Uẩn có ngã, như vậy đối trị hành tướng chấp Xứ là Ngã-chấp trong Xứ có Ngã, chấp Giới là Ngã-chấp trong Giới có Ngã, hoặc là chung-hoặc là riêng thì hành tướng nên biết cũng như vậy.

Vì tâm mong mỗi, đó là tâm mong mỗi của các hành giả tu tập Tam-ma-địa Vô nguyện, bởi vì không mong pháp của ba cõi (Hữu).

Hỏi: Hành giả đối với Thánh đạo cũng không mong mỗi chẳng?

Đáp: Tuy đối với Thánh đạo không phải là hoàn toàn không mong mỗi, mà tâm mong mỗi ấy không mong muốn Thánh đạo của ba cõi, bởi vì dựa vào cõi cho nên cũng không mong muốn. Lại tâm mong mỗi ấy không mong muốn Thánh đạo của năm Uẩn, bởi vì đều là Uẩn cho nên cũng không mong muốn. Lại tâm mong mỗi ấy không mong muốn Thánh đạo của ba đời, bởi vì rơi vào thời gian cho nên cũng không mong muốn. Lại tâm mong mỗi ấy không mong muốn Thánh đạo của mọi khổ đau, bởi vì cùng với khổ lần lượt chuyển đổi nối tiếp nhau cho nên cũng không mong muốn.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao tu Thánh đạo?

Đáp: Vì hướng đến Niết-bàn cho nên tu Thánh đạo, nghĩa là hành giả tu tập dấy lên tư duy này: Niết-bàn tuyệt đối nhờ vào đâu để hưởng đến chứng được? Tư duy rồi chắc chắn biết cần phải nhờ vào Thánh đạo, cho nên tuy không mong muốn mà cần phải tu tập. Như vượt qua dòng thác chảy xiết, cần phải nhờ vào thuyền bè.

Vì sở duyên, nghĩa là Tam-ma-địa Vô tướng, bởi vì sở duyên của Định này liả bỏ mười tướng, đó là liả bỏ Sắc-Thanh-Hương-Vị-Xúc và tướng nam-nữ-ba pháp hữu vi. Lại nữa, Uẩn gọi là tướng, sở duyên

của Định này lia bỏ các tướng của Uẩn, cho nên gọi là Vô tướng. Lại nữa, Thế gọi là tướng, tướng của tên gọi trước-sau, tướng của tên gọi Thượng-Trung-Hạ..., sở duyên của Định này lia bỏ tướng của Thế..., cho nên gọi là Vô tướng.

Có người đưa ra cách nói này: Ba Tam-ma-địa đều do đối trị sai biệt mà kiến lập, đó là Tam-ma-địa Không đối trị gần của Hữu thân kiến, Tam-ma-địa Vô nguyện đối trị gần của Giới cấm thủ, Tam-ma-địa Vô tướng đối trị gần của Nghi, từ đây làm đầu tiên để đối trị với tất cả.

Lại có người nói: Ba Tam-ma-địa đều dựa vào hành tướng sai biệt mà kiến lập, đó là Tam-ma-địa Không có hai hành tướng là Không-Vô ngã, Tam-ma-địa Vô nguyện có hai hành tướng là Khổ-Vô thường và Tập-Đạo đều có bốn hành tướng, Tam-ma-địa Vô tướng có bốn hành tướng của Diệt, cho nên Tam-ma-địa chỉ kiến lập ba loại.

Trong luận Thi Thiết ban đầu đưa ra cách nói này: “Tam-ma-địa Không là Không, chứ không phải là Vô nguyện-Vô tướng; Tam-ma-địa Vô nguyện là Vô nguyện, chứ không phải là Không-Vô tướng; Tam-ma-địa Vô tướng là Vô tướng, chứ không phải là Không-Vô nguyện. Nguyên cố thế nào? Bởi vì hành tướng của ba loại này khác nhau.”

Ngay trong luận ấy tiếp theo đưa ra cách nói này: “Tam-ma-địa Không là Không cũng là Vô nguyện chứ không phải là Vô tướng, Tam-ma-địa Vô nguyện là Vô nguyện cũng là Không chứ không phải là Vô tướng, Tam-ma-địa Vô tướng chỉ là Vô tướng chứ không phải là Không-Vô nguyện.”

Hỏi: Vì sao Không-Vô nguyện lần lượt chuyển đổi tướng, mà Vô tướng chỉ đứng một mình?

Đáp: Dựa vào ban đầu đạt được có giống nhau và khác nhau, nghĩa là nếu dựa vào Tam-ma-địa Không tiến vào Chánh tánh ly sinh, hiện quán về khổ trong bốn tâm thì cũng tu Vô nguyện; nếu dựa vào Tam-ma-địa Vô nguyện tiến vào Chánh tánh ly sinh, hiện quán về Khổ trong bốn tâm thì cũng tu Không; vì vậy Không-Vô tướng lần lượt chuyển đổi tướng cũng bắt đầu đạt được, Vô tướng tu tự mình chứ không phải là loại khác.

Lại nữa, dựa vào đối trị ban đầu có giống nhau và khác nhau, nghĩa là Không-Vô nguyện lúc ban đầu đối trị, cùng có năng lực đối trị những phiền não do kiến về Khổ mà đoạn; Vô tướng lúc ban đầu đối trị, chỉ có năng lực đối trị những phiền não do kiến Diệt mà đoạn.

Ngay trong luận ấy lại đưa ra cách nói này: “Tam-ma-địa Không

là Không cũng là Vô nguyên-Vô tướng, Tam-ma-địa Vô nguyên là Vô nguyên cũng là Không-Vô tướng, Tam-ma-địa Vô tướng là Vô tướng cũng là Không-Vô nguyên.”

Hỏi: Ba loại này tại sao mỗi một loại có đủ ba?

Đáp: Bởi vì tự Thể của mỗi một loại có ba nghĩa, đó là mỗi một loại này không phải là thường còn-không phải là luôn luôn có-không phải là không thay đổi, không phải là Ngã và Ngã sở, cho nên đều gọi là Không; không mong muốn sinh trưởng tham sân si... và quả báo của đời sau, cho nên đều gọi là Vô nguyên; lia bỏ bảy loại tướng là Sắc-Thanh-Hương-Vị-Xúc-Nữ-Nam, cho nên đều gọi là Vô tướng.

Đó gọi là bốn tánh-tướng phần-tự Thể-ngã vật-tự tánh của ba Tam-ma-địa. Đã nói về tự tánh, nguyên cố nay sẽ nói đến.

Hỏi: Vì sao gọi là Tam-ma-địa, Tam-ma-địa là nghĩa gì?

Đáp: Bởi vì ba duyên cho nên gọi là Tam-ma-địa:

1. Vì bình đẳng.
2. Vì thâm nhiếp giữ gìn.
3. Vì tương tự nối tiếp nhau.

Vì bình đẳng, nghĩa là từ vô thủy đến nay, phiền não ác hạnh-tà kiến điên đảo, làm cho tâm-tâm sở sai lầm lệch lạc mà chuyển, nhờ vào Định lực này làm cho tâm sở đối với cảnh thẳng thắn bình đẳng mà chuyển, cho nên gọi là Tam-ma-địa.

Vì thâm nhiếp giữ gìn, nghĩa là từ vô thủy đến nay, tâm-tâm sở pháp rong ruổi phân tán theo cảnh, nhờ vào Định lực này làm phương tiện thâm nhiếp giữ gìn khiến trú vào một cảnh, cho nên gọi là Tam-ma-địa.

Vì tương tự nối tiếp nhau, nghĩa là từ vô thủy đến nay, tâm-tâm sở pháp thiện-nhiễm-vô ký khác chủng loại nối tiếp nhau, nhờ vào Định lực này trước-sau cùng một chủng loại chỉ là thiện nối tiếp nhau, cho nên gọi là Tam-ma-địa.

Lại nữa, bởi vì ba duyên cho nên gọi là Tam-ma-địa, đó là vì trú vào một cảnh, vì nối tiếp nhau an trú, vì suy xét chính xác.

Lại nữa, bởi vì ba duyên cho nên gọi là Tam-ma-địa, đó là vì có năng lực giữ thân khiến cho bình đẳng, vì thâm nhiếp các pháp thiện khiến cho không phân tán, vì có năng lực khiến cho tâm thiện bình đẳng mà chuyển.

Lại nữa, bởi vì ba duyên cho nên gọi là Tam-ma-địa, đó là vì đối với sở duyên luôn luôn không rời bỏ, vì duy trì giữ gìn các loại pháp thiện thù thắng, vì làm cho Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na trú vào một sở

duyên bình đẳng mà chuyển.

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Vì sao gọi là Tam-ma-địa? Bởi vì thâm nhiếp giữ gìn nhiều loại tâm-tâm sở thiện, khiến cho đối với một cảnh bình đẳng nối tiếp nhau, cho nên gọi là Đẳng trì.” Lại đưa ra cách nói này: “Có năng lực giữ gìn bình đẳng, cho nên gọi là Đẳng trì. Như có năng lực giữ gìn trẻ thơ cho nên gọi là giữ gìn, trẻ thơ thì có thể giữ gìn nước uống cho nên gọi là người giữ gìn nước uống, có thể giữ gìn cái cân cho nên gọi là người giữ gìn cái cân. Ở đây cũng như vậy, có năng lực giữ gìn các loại pháp bình đẳng thù thắng cho nên gọi là Đẳng trì.”

Đại đức nói rằng: “Ngay nơi Đẳng trì này cũng gọi là Đẳng trì. Loại này lại có nhiều loại, đó là pháp thiện Đẳng chí, pháp bất thiện Đẳng chí, pháp vô ký Đẳng chí, chín thứ tự Đẳng chí, hai loại một cùng hợp lại cũng gọi là Đẳng chí. Ở trong nghĩa này, chỉ nói có năng lực giữ gìn tâm-tâm sở thiện, làm cho nó nối tiếp nhau bình đẳng àm chuyển cho nên gọi là Đẳng trì, bất thiện-vô ký... không phải là ở đây đã nói.”

Ba Tam-ma-địa, về cõi thì nếu hữu lậu là ba cõi, nếu vô lậu thì không hệ thuộc. Về địa, nếu hữu lậu thì thuộc về mười một địa, nếu vô lậu thì thuộc về chín địa. Về sở y, thì dựa vào ba cõi nối tiếp nhau. Về hành tướng thì Tam-ma-địa Không có hai hành tướng, Tam-ma-địa Vô nguyện có mười hành tướng, Tam-ma-địa Vô tướng có bốn hành tướng.

Hỏi: Các Tam-ma-địa Không đều làm hành tướng không mà chuyển chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Tam-ma-địa Không nhưng không phải là làm hành tướng Không mà chuyển, đó là Tam-ma-địa Không làm hành tướng Vô ngã mà chuyển.

2. Có lúc làm hành tướng Không mà chuyển nhưng không phải là Tam-ma-địa Không, đó là hành tướng Không chuyển các pháp tướng ứng với Tam-ma-địa Không.

3. Có lúc Tam-ma-địa Không cũng làm hành tướng Không mà chuyển, đó là hành tướng không chuyển Tam-ma-địa Không.

4. Có lúc không phải là Tam-ma-địa Không cũng không phải làm hành tướng Không mà chuyển, đó là nếu chỉ nói đến chủng loại này, thì tức là hành tướng Vô ngã chuyển các pháp tướng ứng với Tam-ma-địa Không, nếu không chỉ nói đến chủng loại này thì tức là trừ ra những tướng trước.

Như chuyển làm thành bốn câu phân biệt, đã chuyển-sẽ chuyển nên biết cũng như vậy. Như hành tướng không làm thành ba loại bốn câu phân biệt, hành tướng Vô ngã nên biết cũng như vậy.

Như vậy Tam-ma-địa Không có sau loại bốn câu phân biệt, Tam-ma-địa Vô nguyện có ba mươi loại bốn câu phân biệt, Tam-ma-địa Vô tướng có mười hai loại bốn câu phân biệt. Như vậy Tam-ma-địa tổng cộng có bốn mươi tám loại bốn câu phân biệt.

Về sở duyên, Tam-ma-địa Không, nếu là hữu lậu thì duyên với tất cả các pháp, nếu là vô lậu thì chỉ duyên với Khổ đế; Tam-ma-địa Vô nguyện duyên với ba Đế, trừ ra Diệt đế; Tam-ma-địa Vô tướng chỉ duyên với Diệt đế. Về niệm trú, Tam-ma-địa Không Vô nguyện đều có bốn niệm trú đic ùng, Tam-ma-địa Vô tướng chỉ riêng Pháp niệm trú đi cùng. Về trí, Tam-ma-địa Không có bốn trí đi cùng, đó là Pháp-Loại-Khổ-Thế tục trí; Tam-ma-địa Vô nguyện có bảy trí đi cùng, trừ ra Diệt trí; Tam-ma-địa Vô tướng có bốn trí đi cùng, đó là Pháp-Loại-Diệt-Thế tục trí. Về Tam-ma-địa thì tức là Tam-ma-địa. Về căn tương ứng, là tương ứng với ba căn, đó là Lạc-Hỷ-Xả. Về ba đời, đều là ba đời. Duyên với ba đời, Tam-ma-địa Không nếu là hữu lậu thì duyên với ba đời và tách rời thời gian, nếu là vô lậu cùng với Tam-ma-địa Vô nguyện thì duyên với ba đời, Tam-ma-địa Vô tướng duyên với tách rời thời gian. Thiện-bất thiện và vô ký, thì đều là thiện. Duyên với thiện-bất thiện và vô ký, Tam-ma-địa Không và Vô nguyện duyên với ba loại, Tam-ma-địa Vô tướng chỉ duyên với thiện. Hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc, nếu hữu lậu thì hệ thuộc ba cõi, nếu vô lậu thì không hệ thuộc. Duyên với hệ thuộc ba cõi và Không hệ thuộc, Tam-ma-địa Không nếu hữu lậu thì duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc, nếu vô lậu thì chỉ duyên với hệ thuộc ba cõi; Tam-ma-địa Vô nguyện duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc; Tam-ma-địa Vô tướng chỉ duyên với không hệ thuộc. Học-Vô học và Phi học phi Vô học, đều gồm chung ba loại. Duyên với Học-Vô học và Phi học Phi Vô học, Tam-ma-địa không nếu hữu lậu thì duyên với ba loại, nếu vô lậu thì chỉ duyên với Phi học phi Vô học; Tam-ma-địa Vô nguyện duyên với ba loại; Tam-ma-địa Vô tướng chỉ duyên với Phi học phi Vô học. Do kiến-tu mà đoạn và không đoạn, nếu hữu lậu thì đều do tu mà đoạn, nếu vô lậu thì đều không đoạn. Duyên với kiến-tu mà đoạn và không đoạn, Tam-ma-địa Không nếu hữu lậu thì duyên với ba loại, nếu vô lậu thì chỉ duyên với kiến-tu mà đoạn; Tam-ma-địa Vô nguyện duyên với ba loại; Tam-ma-địa Vô tướng chỉ duyên với Không đoạn. Duyên với danh-duyên với nghĩa,

Tam-ma-địa Không và Vô nguyện duyên chung với danh và nghĩa, Tam-ma-địa Vô tướng duyên với nghĩa. Duyên với Tự tướng tục-Tha tướng tục và Phi tướng tục, Tam-ma-địa Không nếu là hữu lậu thì duyên với ba loại, nếu là vô lậu và Tam-ma-địa Vô nguyện thì chỉ duyên với Tự-Tha tướng tục; Tam-ma-địa Vô tướng chỉ duyên với Phi tướng tục. Gia hạnh đắc và ly nhiễm đắc, đều gồm chung hai loại. Từng đạt được và chưa từng đạt được, đều gồm chung hai loại.

Ba Tam-ma-địa này cũng gọi là Giải thoát môn.

Hỏi: Tam-ma-địa cùng với Giải thoát môn có gì sai biệt?

Đáp: Tam-ma-địa gồm chung hữu lậu và vô lậu, Giải thoát môn chỉ riêng vô lậu.

Hỏi: Vì sao Giải thoát môn chỉ riêng vô lậu?

Đáp: Bởi vì hữu lậu có ràng buộc làm Giải thoát môn thì không hợp lý.

Hỏi: Dựa vào nghĩa nào thiết lập Giải thoát môn? Là dựa theo tiến vào Chánh tánh ly sinh, hay là dựa theo không còn lậu? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu dựa theo tiến vào Chánh tánh ly sinh để thiết lập Giải thoát môn, thì lẽ ra chỉ riêng Khổ pháp trí nhãn tương ưng với Định gọi là Giải thoát môn? Nếu dựa theo không còn lậu để thiết lập Giải thoát môn, thì lẽ ra chỉ riêng Định Kim cang dụ gọi là Giải thoát môn?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Cùng dựa theo hai nghĩa để thiết lập Giải thoát môn. Nhưng Giải thoát môn thấu nhiếp toàn bộ tất cả các Định vô lậu, nghĩa là tất cả Thánh đạo đều gọi là Chánh tánh ly sinh, lúc đạt được tất cả Thánh đạo thì đều gọi là tiến vào (Nhập), lúc đoạn dứt các lậu thì đều gọi là không còn lậu. Bốn Đạo cùng Định đều có nghĩa của không còn (Tận). Như Thế đệ nhất pháp không gián đoạn, lúc Khổ pháp trí nhãn hiện rõ ở trước mắt, đạt được Tam-ma-địa Không gọi là tiến vào Chánh tánh ly sinh; Hiện quán về Khổ không gián đoạn, lúc Hiện quán về Tập hiện rõ ở trước mắt, đạt được Tam-ma-địa Vô nguyện, cũng gọi là tiến vào Chánh tánh ly sinh; Hiện quán về Tập không gián đoạn, lúc Hiện quán về Diệt hiện rõ ở trước mắt, đạt được Tam-ma-địa Vô tướng, cũng gọi là tiến vào Chánh tánh ly sinh. Phần vị khác không gián đoạn, lúc khởi lên Định vô lậu, nên biết cũng như vậy. Trong phần vị Kiến đạo tách biệt dấy khởi ba Tam-ma-địa vô lậu, tách biệt không còn các lậu; trong phần vị Tu đạo tổng quát dấy khởi ba Tam-ma-địa vô lậu, tổng quát không còn các lậu; trong phần vị Vô học tổng quát dấy khởi ba Tam-ma-địa vô lậu, tổng quát ngăn chặn các lậu, cũng gọi là không còn lậu. Vì thế cho nên Giải thoát môn thấu nhiếp

toàn bộ các Định vô lậu.

Hỏi: Vì sao gọi là Giải thoát môn?

Đáp: Niết-bàn gọi là Giải thoát, dựa vào ba Tam-ma-địa này, có năng lực hướng đến chứng Giải thoát, cho nên gọi là Giải thoát môn. Lại nữa, như lá chắn dàn hàng ngang cho nên gọi là Giải thoát môn. Như lúc đánh trận, trước tiên dùng lá chắn dàn hàng ngang để phòng ngừa quân thù, sau dùng kiếm sắc chặt đầu quân thù, khiến cho rơi trên chiến trường, tùy theo ý muốn mà hướng về. Như vậy, hành giả cùng với quân thù phiền não, lúc cùng nhau đánh trận, trước tiên dùng ba Giải thoát môn làm lá chắn dàn hàng ngang để phòng ngừa quân thù phiền não, sau dùng gươm Tuệ vô lậu chặt đầu của tánh thành tựu phiền não, làm cho rơi xuống mặt đất của tánh không thành tựu, như mong muốn vốn có mà hướng về Niết-bàn.

Như trong kinh nói: “Định là Chánh đạo, không Định là tà đạo, tâm Định được giải thoát chứ không phải là tâm không Định.” Vì thế cho nên ba Tam-ma-địa vô lậu là Giải thoát môn chứ không phải là Định hữu lậu.

Trong luận Thi Thiết nói: “Không có nhiều loại, đó là nội Không, ngoại Không, nội ngoại Không, hữu vi Không, vô vi Không, vô biên tế Không, bốn tánh Không, vô sở hành Không, thắng nghĩa không, Không Không.” Mười loại Không như vậy, như nơi khác phân biệt nhiều.

Hỏi: Vì sao các nơi phân biệt nhiều về Không?

Đáp: Bởi vì hành tướng Không là đối trị gần của hai mươi loại Tát-ca-da kiến, hai mươi loại Tát-ca-da kiến ấy luôn luôn làm căn bản của tất cả phiền não, tuôn chảy vào sinh tử mà không hướng về Niết-bàn. Bởi vì sai lầm tai họa tăng lên, cho nên nói nhiều về pháp đối trị gần của chúng.

Như trong kinh nói: “Nếu đệ tử bậc Thánh, thành tựu đầy đủ chuỗi ngọc (Man) của ba Đăng trì, thì có năng lực đoạn hết tất cả pháp ác bất thiện, tu tập pháp thiện amuc hóng được trọn vẹn đầy đủ.”

Hỏi: Vì sao Đăng trì gọi là chuỗi ngọc?

Đáp: Bởi vì tánh đoạn nghiêm, bởi vì đáng yêu thích. Như người trẻ trung trên đầu đội mũ kết vòng hoa tươi đẹp, hình dáng diện mạo đoạn nghiêm làm cho mọi người yêu thích; như vậy, Thánh giả đội mũ gắn chuỗi ngọc Đăng trì, công đức trang nghiêm làm cho trời-người kính yêu.

Lại như người trên đầu đội mũ kết vòng hoa tươi đẹp, không bị gió mạnh làm cho rối tung mái tóc của mình; như vậy Thánh giả đội mũ

gắn chuỗi ngọc Đẳng trì, các công đức thù thắng xoay chuyển không thể nào làm cho rối loạn.

Lại như người trên đầu đội mũ kết vòng hoa tươi đẹp, tùy nơi đã đi qua thu được nhiều lợi ích tốt đẹp; như vậy, Thánh giả đội mũ gắn chuỗi ngọc Đẳng trì, ở trong các phần vị đạt được nhiều công đức. Các phần vị nghĩa là tiến vào Chánh tánh ly sinh, đạt được quả-lìa niêm-vĩnh viễn không còn các lậu.

Lại như dùng dây tơ hết hoa làm thành vòng hoa, có thể khiến cho những đóa hoa bền lâu không bị rời ra hư hoại; như vậy, Định thù thắng giữ gìn các công đức, tuy trải qua thời gian dài mà không mất mát hư hoại, vì thế cho nên nói pháp này gọi là chuỗi ngọc của Đẳng trì.

Lại như dùng dây tơ khâu qua những cánh hoa, thế gian từ trong đó cùng sinh ra ý tưởng chuỗi ngọc; như vậy, Thánh giả dùng ba Đẳng trì thâm nhiếp các công đức, chư Thiên và loài người đối với pháp này cùng sinh ra ý tưởng chuỗi ngọc của Đẳng trì.

Lại như dùng chỉ tơ khâu qua những cánh hoa treo vào một nơi, thế gian từ trong đó khởi lên ý tưởng đeo khâu chuỗi ngọc; như vậy, Thánh giả dùng Định thâm nhiếp các tâm thiện buộc vào một cảnh, chư Thiên và mọi người đều nói là Thánh giả đeo khâu chuỗi ngọc của Đẳng trì. Vì thế cho nên Đẳng trì lấy chuỗi ngọc để làm thí dụ.

Như trong kinh nói: “Tam-ma-địa Không là trú xứ của Thượng tọa.”

Hỏi: Vì sao Đức Phật nói Tam-ma-địa Không là trú xứ của Thượng tọa?

Đáp: Bởi vì Thượng tọa phần nhiều trú trong Định Không này, nghĩa là trong ba cõi thì Phật là bậc Thượng tọa công đức thứ nhất phần nhiều trú trong Định Không, Độc giác là bậc Thượng tọa công đức thứ hai cũng phần nhiều trú trong Định Không, Tôn giả Xá-lợi-tử là bậc Thượng tọa công đức thứ ba cũng phần nhiều trú trong Định Không. Các vị Đại Thanh văn như Mục-kiền-liên... cũng gọi là Thượng tọa, các vị ấy cũng phần nhiều trú trong Tam-ma-địa Không, cho nên nói Định Không này là trú xứ của Thượng tọa.

Lại nữa, Tam-ma-địa Không là trú xứ bất cộng của các Thánh giả nội đạo, tất cả Thánh giả nội đạo đều là Thượng tọa, tất cả ngoại đạo đều là trẻ thơ. Nghĩa là trong pháp của nội đạo thì người tám tuổi cũng gọi là Thượng tọa, bởi vì thành tựu công đức của pháp Thượng tọa; trong pháp của ngoại đạo thì người tám tuổi cũng gọi là trẻ thơ, bởi vì thành tựu sai lầm theo pháp trẻ thơ.

Hỏi: Ngoại đạo lẽ nào có Vô nguyện-Vô tướng, mà chỉ nói Không là pháp bất cộng?

Đáp: Trong pháp của ngoại đạo tuy Không có Vô nguyện-Vô tướng chân thật, mà có tướng tự, nghĩa là những hành tướng thô thiển... tương tự với Vô nguyện, những hành tướng vắng lặng... tương tự với Vô tướng. Trong pháp của chín mươi sáu loại ngoại đạo, hãy còn không có pháp tương tự với Định Không, huống là có chân thật hay sao? Vì thế chỉ nói Định Không là pháp bất cộng của nội đạo.

Lại nữa, Tam-ma-địa Không có năng lực dẫn dắt pháp công đức và Thượng tọa, cho nên gọi là trú xứ của Thượng tọa. Pháp công đức của Thượng tọa, đó là đạo và đạo quả. Tam-ma-địa Không có năng lực dẫn dắt, bởi vì lực của pháp ấy thù thắng chứ không phải là pháp nào khác, là đối trị gần của Hữu thân kiến.

Lại nữa, Tam-ma-địa Không có năng lực làm cho thân tâm an trú bất động, cho nên gọi là trú xứ của Thượng tọa. Nghĩa là các hữu tình cho đến người chưa đạt được Tam-ma-địa Không, thân tâm tùy tiện vội vàng giống như gió bụi, nếu đạt được Định này thì thân tâm bất động yên lặng như núi.

Vì thế cho nên Tôn giả Diệu Âm nói rằng: “Nếu biết các pháp là Không-thân Vô ngã, và Giác tuệ đều không làm dao động, thì thân tâm an ổn vắng lặng, cho nên gọi là Thượng tọa. Vì thế nói Không là trú xứ của Thượng tọa.”

Lại nữa, các sư Du-già nếu trú trong Định Không thì tâm mình an trú, không vì sự vừa ý-không vừa ý, đáng yêu-không phải là đáng yêu, lợi ích-không phải là lợi ích, vốn có vui-vốn có khổ của thế gian làm cho lay động. Vì thế cho nên nói là trú xứ của Thượng tọa.

Nói đến Thượng tọa là bởi vì tâm an trú. Tại sao biết như vậy?

Như trong kinh nói: “Tôn giả Xá-lợi-tử gặp lúc thân mẫu qua đời và đệ tử cùng ở với mình hoàn tục, có Tỳ-kheo Bao Xỉ, thường đối với Tôn giả có tâm oán hận, nghe sự việc này rồi lập tức nói với Tôn giả Xá-lợi-tử rằng: Mẹ ông qua đời, đệ tử hoàn tục, ý ông thế nào vậy? Xá-lợi-tử nói: Mẹ tôi qua đời thì pháp sinh tử vốn như vậy, đệ tử hoàn tục thì phạm phu ngu muội đâu lạ gì? Tỳ-kheo Bao Xỉ trộm dấy lên ý niệm này: Tuy tự an ủi mình mà trong tâm nhất định phải buồn phiền sợ hãi. Lúc ấy Xá-lợi-tử phần nhiều trú trong Định Không, cho nên tuy nghe sự việc này mà tâm không dao động, vào sáng sớm khoác y ôm bát, đi vào thành Thất-la-phiệt khất thực theo thứ tự, ăn cơm đã xong trở về Thệ-đa-lâm thu xếp y bát, rửa tay chân xong lấy tào cụ (Ni sư đàn) vắt

trên vai trái, rời khỏi trú xứ của mình đi đến quăng rừng tối tăm, ngồi dưới một tán cây tiến vào Thiên định (Thiên trú) dấy lên tư duy này: Thế gian có thể có lúc sắc xinh đẹp đáng yêu thay đổi hư hoại, làm cho mình đau buồn sinh ra khổ não hay không? Tự mình quán sát kỹ càng cũng không có điều này. Vào lúc xế chiều trở về Thệ-đa-lâm, lúc bấy giờ A-nan gặp xá-lợi-tử liền hỏi Tôn giả từ nơi nào đến? Xá-lợi-tử nói từ quăng rừng tối tăm đến đây. A-nan lại hỏi Tôn giả ở chỗ ấy tiến vào những Định nào? Trả lời rằng tôi tiến vào định Tầm-Tứ. Lại hỏi trú vào Định ấy tìm hiểu suy nghĩ những điều gì? Lúc ấy Xá-lợi-tử đem tất cả sự việc trên mà trả lời.

A-nan liền hỏi Xá-lợi-tử rằng: Tôn giả thường nói nếu Phật Thế Tôn không xuất thế, thì chúng ta cứ làm kẻ không có mắt mà chết, Phật là sắc vi diệu đáng yêu giữa thế gian, nếu sẽ thay đổi hư hoại thì Tôn giả lẽ nào có thể không sinh lòng đau buồn khổ não hay sao? Xá-lợi-tử nói: Nếu có điều này thì cũng đâu phiền muộn buồn lo, chỉ dấy lên nghĩ thế này: Đức Thế Tôn diệt độ sao mà nahnh quá, ánh mắt của thế gian mất rồi thì ai có năng lực dẫn dắt? A-nan ca ngợi rằng: Khéo thay, khéo thay! Tôn giả khéo tu Tam-ma-địa Không, chấp Ngã-Ngã sở và Ngã mạn... đã đoạn biết khắp, như chặt đứt gốc cỏ-chặt đứt đầu cây đa-la, khiến cho nó về sau mãi mãi không mọc ra nữa. Sắc vi diệu của Đức Thế Tôn tuy sẽ thay đổi hư hoại, mà pháp hữu vi như vậy nào buồn phiền lo sợ gì.”

Vì vậy cho nên biết trú vào Định không thì tâm mình an trú, không vì sự trái thuận của thế gian làm cho lay động. Vì thế cho nên nói là trú xứ của Thượng tọa. Thế lực của Vô nguyện-Vô tướng thì không như vậy, cho nên không nói là trú xứ của Thượng tọa.

Như trong kinh nói: “Tôn giả Xá-lợi-tử ở trong một khu rừng thuộc nước Kiều-tát-la. Lúc ấy có ngoại đạo xuất gia vì mạng sống, cũng ở gần bên cạnh khu rừng ấy, cách khu rừng Tôn giả ở không xa. Trong các thôn ấp ven bờ rừng có lúc nói nhiều về lễ hội tháng Tư, lúc ấy ngoại đạo kia đi đến các thôn ấp, ăn thịt heo no nê mặc tình uống rượu thỏa thích, trộm mang phần còn lại quay về trong khu rừng, thấy Xá-lợi-tử ngồi dưới một tán cây. Do rượu mà đầu óc mơ màng cho nên khởi tâm khinh miệt, nay mình cùng với người kia tuy đều xuất gia, mà chỉ riêng mình giàu có vui sướng còn người kia thì nghèo thiếu khổ sở. Liền đến chỗ Tôn giả nói ba bài tụng này:

Rượu thịt ăn uống tôi đã no, lại trộm mang phần còn lại về,

Cây cỏ núi rừng trên mặt đất, đều nhìn thấy giống như đồng

vàng.

Lúc ấy Xá-lợi-tử nghe rồi nghĩ rằng: Ngoại đạo này có chết cũng không có chút hổ thẹn, mới có thể bất chấp đạo lý mà nói bài tụng này, nay mình cũng cần phải đối với kẻ ấy để nói bài tụng. Dấy lên nghĩ vậy rồi liền nói bài tụng rằng:

“Ta thường xuyên no nê Vô tướng, luôn luôn ở trong cửa Định Không,

Cây cỏ núi rừng trên mặt đất, đều nhìn thấy giống như nước bọt.”

Nay trong bài tụng này, Tôn giả Xá-lợi-tử làm bậc Sư tử hống, nói về ba Giải thoát môn, nghĩa là ở câu thứ nhất nói về Vô tướng Giải thoát môn, ở câu thứ hai nói về Không Giải thoát môn, ở hai câu sau nói về Vô nguyện Giải thoát môn.

Hỏi: Lúc ấy thân mạng của ngoại đạo kia hãy còn tồn tại, vì sao tùy tiện nói là ngoại đạo chết này?

Đáp: Nên biết rằng chữ Chết là xem như sự việc xấu xa thấp hèn. Lại nữa, ngoại đạo kia không có tuệ mạng, cho nên nói là chết.

Trong này, Tam-ma-địa Vô tướng, đó là thanh Vô tướng mà nói về nhiều loại nghĩa, hoặc đối với Tam-ma-địa Không mà nói thanh Vô tướng. Như vậy, hoặc đối với Kiến đạo, hoặc đối với Bất động tâm giải thoát, hoặc đối với Phi tưởng phi phi tưởng xứ, hoặc đối với chính Tam-ma-địa Vô tướng mà nói thanh Vô tướng.

Đối với Tam-ma-địa Không mà nói thanh Vô tướng, như trong kinh nói: “Có một Tỷ kheo đạt được Định thuộc tâm Vô tướng, nhưng căn tánh chậm chạp cho nên không biết Định này có quả báo gì-có lợi ích thù thắng gì? Vị ấy dấy lên nghĩ vậy: Tôn giả A-nan được Đức Phật và các đệ tử thường khen ngợi, mình nên đến chỗ Tôn giả để hỏi! Lại dấy lên ý nghĩ này: Tôn giả A-nan dễ dàng biết rõ tướng của Thanh, nếu gặp mình hỏi thì nhất định phải hỏi lại mình, ông đã đạt được pháp này mà hỏi về Định chẳng? Nếu trả lời rằng đạt được, thì trở thành tự mình biểu lộ pháp thù thắng đã đạt được, trái với hạnh ít ham muốn; nếu nói là không đạt được, thì lời nói dối trá không thật; nếu đưa ra lời nói khác, thì đều là phạm lỗi làm phiền muộn gây rắc rối đến bậc Tỷ kheo Thượng tọa, trái ngược với quy cách phép tắc! Lại dấy lên ý nghĩ này: Mình nên tùy theo Tôn giả A-nan, nếu vì người khác mà nói về sự việc của Định này, thì mình cũng được nghe. Thế là đi theo sáu năm trời rỗng rã nhưng không nghe nói đến, vị ấy hoài nghi đã lâu cho nên quyết định hỏi rằng: Nếu có người đạt được Định thuộc tâm Vô tướng

mà không chìm xuống-không nổi lên, thâm nhiếp giữ gìn các hành như bờ đê giữ nước, giải thoát cho nên an trú-an trú cho nên giải thoát, thì Đức Phật nói Định này có quả báo gì, có lợi ích thù thắng gì? A-nan nghe rồi liền hỏi vặn lại rằng: Ông đạt được Định này chăng? Vị ấy dấy lên ý nghĩ này: Xưa mình đã suy nghĩ, nay quả nhiên gặp phải. Liền đứng im lặng không nói gì. A-nan nói cho biết rằng: “Đức Phật nói Định này được hiểu rõ về quả báo-được hiểu rõ về lợi ích thù thắng, hiểu rõ nghĩa là trí phát sinh tu đạo-không còn lậu, ông cũng không bao lâu sẽ đạt được điều này.”

Trong này, không chìm xuống là bởi vì đạt đoạn Ngã kiến, không nổi lên là bởi vì đã đoạn Ngã sở kiến. Lại nữa, không chìm xuống là bởi vì đã đoạn năm Ngã kiến, không nổi lên là bởi vì đã đoạn mười lăm Ngã sở kiến.

Như Ngã kiến-Ngã sở kiến, thấy mình-thấy của mình, Ngã ái-Ngã sở ái, yêu mình-yêu của mình, Ngã si-Ngã sở si, si mê mình-si mê của mình, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, không chìm xuống là bởi vì đạt được Niết-bàn, không nổi lên là bởi vì rời bỏ sinh tử. thâm nhiếp giữ gìn các hành, là khởi lên nhiều gia hạnh, sử dụng nhiều công lực, tác ý rất thiện cho nên đạt được Định này. Như bờ đê ngăn nước, như nước từ nguồn suối chảy ra chậm chậm tràn vào trong hồ, bờ đê ngăn giữ dòng nước khiến cho không chảy mất. Như vậy Định này tùy theo một cảnh mà chuyển, đầy khắp cảnh này liền dừng lại chứ không phân tán. Giải thoát cho nên an trú, là tự tánh giải thoát. An trú cho nên giải thoát, là nối tiếp nhau giải thoát. Định này quán xét không có tướng của Ngã-Ngã sở, cho nên gọi là Vô tướng là thật sự là Không. Bởi vì Tỳ kheo ấy không chuyên tu về Định này, có thể ban đầu chứng thực tiến vào Chánh tánh ly sinh, vào lúc cuối cùng hết sạch các lậu. Trong kinh Pháp Ấn nói: “Nếu quán xét tướng của Sắc-Thanh-Hương-Vị-Xúc, mà rời bỏ các tướng thì gọi là Định Vô tướng.” Đó là quán về tướng của cảnh giới mà rời bỏ tướng của hữu tình, nghĩa là dùng Định Không để quán xét các pháp như Sắc..., rời bỏ tướng về hữu tình, cho nên ở trong đó cũng không có nam nữ..

Vì vậy Tôn giả Diệu Âm nói rằng: “Các tướng về hữu tình dựa vào tướng của cảnh giới, quán xét về tướng của cảnh rời bỏ tướng về hữu tình, không có tướng nam nữ cho nên gọi là Định Vô tướng, mà thật sự là thuộc về Tam-ma-địa Không.”



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 105

LUẬN THA TÂM TRÍ (Phần 7)

Đối với Kiến đạo mà nói thanh Vô tướng, như nói: “Mục-kiền-liên không nói về trú Vô tướng thứ sáu. Thế nào là trú Vô tướng thứ sáu? Đó là Tùy tín hành-Tùy pháp hành không có thể thi thiết, ở nơi này-ở nơi kia không có thể thi thiết, ở nơi này-ở nơi kia không có thể thi thiết, bởi vì thuộc về Khổ pháp trí nhãn cho đến thuộc về Đạo loại trí nhãn.”

Hỏi: Vì sao Kiến đạo mà gọi là Vô tướng?

Đáp: Bởi vì Kiến đạo nhanh chóng không khởi tâm mong cầu, không có thể thi thiết tướng này-tướng kia.

Đối với Bất động tâm giải thoát mà nói thanh Vô tướng, như nói: “Đại đức Cù-đạt-đa nên biết! Tham dục-sân nhuế-ngu si là tướng thuộc về có, Bất động tâm giải thoát là Vô tướng thù thắng nhất.”

Hỏi: Vì sao Bất động tâm giải thoát gọi là Vô tướng?

Đáp: Tất cả phiền não đều gọi là tướng, tâm ấy không bị phiền não làm cho rối loạn, phiền não đối với tâm không được tự tại, tâm đối với phiền não có thể tự tại, cho nên gọi là Vô tướng.

Đối với Phi tướng phi phi tướng xứ mà nói thanh Vô tướng, như nói: “Mình khởi lên nhiều gia hạnh, sử dụng nhiều công lực, đạt được Định thuộc về tâm Vô tướng, không nên nhiễm trước ở trong sự mừng vui thích thú.” Đây là nói không dấy khởi Định có ý vị của Hữu Đảnh, chỉ dấy khởi Định thanh tịnh.

Hỏi: Vì sao Phi tướng phi phi tướng xứ gọi là Vô tướng?

Đáp: Cõi ấy không có tướng tướng rõ ràng, cũng không có tướng vô tướng, chỉ có tướng mơ hồ-chậm chạp không rõ ràng, hiện hành rất vi tế, như Nghi mà chuyển cho nên gọi là Vô tướng.

Đối với chính Tam-ma-địa Vô tướng mà nói thanh Vô tướng, như

trong này nói về ba Tam-ma-địa, đó là trong cảnh sở duyên của Tam-ma-địa Không-Vô nguyện-Vô tướng Không có mười tướng.

Như trong kinh nói: “Một thời gian Đức Phật an trú trong Tinh xá Lộc Mầu phái Đông thành Thất-la-phiệt, Tôn giả A-nan đi đến trú xứ Đức Phật, đánh lễ sát hai chân mà thưa với Đức Phật rằng: Con nhớ lại một lúc nọ Đức Phật an trú trong khu vườn Mê-chủ-lư của dòng họ Thích, chính mình nghe nghĩa như vậy từ Đức Thế Tôn: Bởi vì Ta trú nhiều vào trong Tam-ma-địa Không... Con đối với nghĩa này thọ trì khéo léo chăng? Đức Thế Tôn bảo rằng: Ông thọ trì khéo léo giống như giảng giải không có gì khác.”

Hỏi: Nếu thọ trì khéo léo thì không nên sinh ra do dự, đã sinh ra do dự thì làm sao thọ trì khéo léo?

Đáp: Tuy sinh ra do dự mà không phân biệt sai lạc, không hoàn toàn quên mất cho nên cũng gọi là thọ trì khéo léo.

Hỏi: Tôn giả A-nan nghe và giữ gìn bậc nhất, Đức Như lai đã nói tám vạn pháp uẩn, dùng Chánh niệm chứ đừng đều có thể thọ trì, lẽ nào đối với một câu mà sinh ra nghi hoặc?

Đáp: Bởi vì lúc nghe pháp này trong tâm đang buồn rầu phiền muộn, những người dòng họ Thích bị giết hại là nhân duyên của điều này. Nghĩa là bởi vì Tỳ-lô-trạch-ca rất ngu si, tàn phá khu thành Kiếp-tỳ-la, giết hại những người dòng họ Thích rồi, đến ngày thứ hai Tôn giả A-nan dẫn theo một Tỳ kheo, đi vào trong khu thành ấy, khu thành này ngày trước giống như cung trời xinh đẹp, đang lúc bấy giờ nơi ấy giống như bãi tha ma, tất cả lầu đài cung quán-tướng thành đầy lùì quân địch, các khung cửa lớn nhỏ... thấy đều hủy hoại tan tành, hàng cây như vật báu không có cây nào không bị chặt đổ, suối trong-hồ mát đầy máu và bùn lẫn lộn, các loài chim én-nhạn-uyển ương-Khổng tước-anh vũ-mạng mạng..., đều bị khói lửa làm cho bức bách hãi hùng cho nên bay tán loạn giữa hư không, các trẻ trai-trẻ gái vì mất cha mẹ cho nên đi theo A-nan khóc lóc kêu gào thảm thương, tất cả kể rõ về sự mất mát cha mẹ và những người thân; A-nan lại đến bên hồ Mầu Trư, trông thấy những người dòng họ Thích hôm qua bị tên vua ngu si chôn nửa người, dùng sắt mài đi mài lại mà giết chết, người chứng Thánh mà chết bảy vạn bảy ngàn người. Tôn giả A-nan trông thấy sự cố này rồi, sinh lòng hết sức buồn phiền khổ sở. Sau đó Đức Thế Tôn vắng lặng các căn, an trú trong Giác tuệ, bất động như núi lớn, tâm ý thanh thản vẫn ôm bát bằng đá nhiếp niệm yên lặng, giống như ôm bình đựng dầu, các căn điều hòa tùy thuận, như ngựa chúa quý báu, thẳng thắn nhìn khoan thai,

đi vào trong khu thành quán sát pháp hữu vi biến hoại vô thường. Lúc bấy giờ A-nan nhìn sắc diện của Đức Thế Tôn, thấy uy quang càng tăng mạnh-dung nhan tướng mạo thanh thản ung dung, thấy rồi nghĩ rằng: Đức Thế Tôn và mình ở nơi hoang tàn-nhà cửa bị phá hủy-quyến thuộc bị giết hại không có gì khác, Đức Thế Tôn an tĩnh bất động như núi, mà thân tâm mình sinh nổi buồn khổ vô cùng? Đức Phật biết rõ ý nghĩ ấy, bảo với A-nan rằng: Bởi vì Ta trú nhiều trong Tam-ma-địa Không, nơi ông khởi lên tưởng đến thành ấp, ta khởi lên tưởng đến A-luyện-nhã; nơi ông khởi lên tưởng đến thân thuộc, Ta khởi lên tưởng đến người bình thường; nơi ông khởi lên đến hữu tình, Ta khởi lên tưởng đến pháp viên mãn, cho nên Ta an tĩnh bất động như núi. Đức Phật biết rõ tâm của A-nan và chúng Tỳ kheo, ở tại nơi này không thể nào tu thiện dễ dàng, liền từ từ đi đến thành Thất-la-phiệt, tạm thời an trú tại Tinh xá Lộc Mẩu. Lúc bấy giờ sự buồn đau sầu lo trong lòng A-nan đã giảm đi, liền đến nơi Đức Phật mà thưa với Đức Phật rằng: Con nhớ lại một lúc nọ...” Vì vậy lúc Tôn giả nghe pháp này, bởi vì trong tâm đang ưu sầu phiền muộn mà sinh nghi hoặc.

Hỏi: Đức Phật nói Ta trú nhiều trong Tam-ma-địa Không, là trú nhiều trong Không nào?

Đáp: Có người nói: Trú nhiều trong Vô sở hành Không, bởi vì đối với bốn oai nghi thuận với Không này, nghĩa là nếu có một loại thì ba loại còn lại sẽ Không, vì thế cho nên Đức Phật trú nhiều trong Không này.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Trú trong Bốn tánh Không, bởi vì quán tánh vốn của pháp là Không-Vô ngã, cho nên tuy thấy biến đổi hư hoại mà không ưu sầu phiền muộn. “Lúc ấy các Tỳ kheo nghe Đức Thế Tôn nói bởi vì Ta trú nhiều trong Tam-ma-địa Không, liền nghĩ rằng pháp này là Định bất cộng của Phật. Đức Phật biết rõ ý đó, liền bảo với A-nan rằng: Nếu có Tỳ kheo cũng muốn trú nhiều trong Định Không này, thì nên loại bỏ tưởng về thành ấp và tưởng về hữu tình, khởi lên tưởng về A-luyện-nhã. Nếu có thể như vậy thì cùng với Ta không khác gì.”

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn khuyên các Tỳ kheo trước tiên phải loại bỏ hai tưởng?

Đáp: Bởi vì hai tưởng này làm cho các Tỳ kheo sinh tâm ưu sầu phiền muộn.

“Ngay sau đó Đức Thế Tôn lại bảo với A-nan: Nếu những Tỳ kheo khác cũng muốn trú nhiều trong Định Không này, thì nên loại bỏ

tưởng về hữu tình và tưởng về A-luyện-nhã, khởi lên tưởng về địa. Nếu có thể như vậy thì cùng với Ta không khác gì. Như vậy có Tỳ kheo khác nên loại bỏ tưởng về A-luyện-nhã và tưởng về địa, khởi lên tưởng về Không vô biên xứ, cho đến có Tỳ kheo khác nên loại bỏ tưởng về Thức vô biên xứ và tưởng về Vô sở hữu xứ, khởi lên tưởng về Phi tưởng phi tưởng xứ, nếu có thể như vậy thì cùng với Ta không khác gì. Nếu lại có thể loại bỏ tưởng về Vô sở hữu xứ và tưởng về Phi tưởng phi tưởng xứ, thì mới có thể hoàn toàn trú nhiều trong tưởng về không.”

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn đối với tất cả phần vị, giảm dần một tưởng trước, tăng dần một tưởng sau, chứ không khuyên tổng quát là loại bỏ các tưởng trước?

Đáp: Bởi vì hằng hà sa số chư Phật quá khứ đều đưa ra cách nói theo thứ tự như vậy. Lại nữa, bởi vì muốn làm cho văn đã nói không rối loạn, nếu khuyên tổng quát là loại bỏ các tưởng trước thì văn ấy sẽ rối loạn, chư Phật nói pháp chắc chắn văn từ không rối loạn, cho nên giảm dần một tưởng trước mà tăng dần một tưởng sau. Lại nữa, bởi vì muốn làm cho văn đã nói không nặng nề, nếu khuyên tổng quát là loại bỏ các tưởng trước thì văn ấy sẽ nặng nề, chư Phật nói pháp chắc chắn văn từ nặng nề, cho nên nói theo cách này. Lại nữa, bởi vì muốn làm cho văn đã nói tóm tắt được điểm chính, nếu khuyên tổng quát là loại bỏ các tưởng trước thì văn ấy sẽ nhiều phức tạp, chư Phật nói pháp chắc chắn văn từ phải tóm tắt được điểm chính, cho nên nói theo cách này. Lại nữa, bởi vì muốn biểu hiện phương pháp bàn luận về đạo thì phải như vậy, nghĩa là Luận sư cổ xưa hãy thực hiện bàn luận về đạo, nếu lấy một loại sau thì cần phải bỏ một loại trước, Đức Thế Tôn đã là bậc Luận sư Vô Thượng, cho nên dựa vào sự bàn luận về đạo mà nói theo cách như vậy.

Hỏi: Trong này, tưởng về thành ấp cho đến tưởng về Phi tưởng phi tưởng xứ, tất cả hiển bày về điều gì?

Đáp: Tưởng về thành ấp là hiển bày duyên với tưởng về thành Kiep-tỷ-la. Tưởng về hữu tình là hiển bày duyên với tưởng về dòng họ Thích. Tưởng về A-luyện-nhã là hiển bày duyên với tưởng về khu vườn Nặc-cù-đà, và duyên với tưởng về Tỳ kheo tu thiện. Tưởng về địa là hiển bày tưởng về sắc phân tán. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì nếu có các sắc thì có nỗi khổ đau bị chặt đứt tay chân-tai-mũi-thân thể... Tưởng về Không vô biên xứ, tức là hiển bày tưởng về Không vô biên xứ; cho đến tưởng về Phi tưởng phi tưởng xứ, tức là hiển bày tưởng về Phi tưởng phi tưởng xứ.

Lại nữa, tướng về thành ấp là hiển bày mười lăm Ngã sở kiến. Tướng về hữu tình là hiển bày năm Ngã kiến. Tướng về A-luyện-nhã là hiển bày năng duyên của tướng về Không xứ. Tướng về bốn sắc là hiển bày về pháp đối trị của nó.

Lại nữa, tướng về thành ấp là hiển bày về khí thế gian của cõi Dục. Tướng về hữu tình là hiển về hữu tình thế gian của cõi Dục. Tướng về A-luyện-nhã là hiển bày về hai Tịch lự trước. Tướng về địa là hiển bày về hai Tịch lự sau. Tướng về bốn Vô sắc là hiển bày về pháp đối trị của nó.

Lại nữa, tướng về thành ấp là hiển bày tổng quát về cõi Dục. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì cõi Dục ứ tạp giống như thành ấp. Như bài tụng nói:

“Nếu có thể điều phục thành ấp, đâm-măng-trói chặt và làm hại...,

Khổ-vui không thể nào lay động, như núi thì gọi là Tỳ kheo.”

Tướng về hữu tình là hiển bày Tịch lự thứ nhất. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì địa Tịch lự thứ nhất hãy còn có chúng hữu tình sai biệt như vua-quan-sang-hèn. Tướng về A-luyện-nhã là hiển bày về Tịch lự thứ hai-thứ ba. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì lìa bỏ Tâm-Tứ-Hỷ gọi là bậc Thánh im lặng. Tướng về địa là hiển bày về Tịch lự thứ tư. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì trong đất ấy có đất ở mọi nơi. Tướng về bốn Vô sắc là hiển bày về pháp đối trị của nó.

Ngay trong kinh ấy nói: “Đức Phật bảo với A-nan: Như vậy hưởng về tiến vào Định Không vô thượng, có thể nhanh chóng hết sạch các lậu, chứng được vô lậu không có gia hạnh giải thoát.”

Hỏi: Thế nào gọi là có gia hạnh giải thoát-không có gia hạnh giải thoát?

Đáp: Thời giải thoát gọi là có gia hạnh giải thoát, Bất thời giải thoát gọi là không có gia hạnh giải thoát. Lại nữa, trong sự nối tiếp nhau của A-la-hán thuộc năm chủng tánh trước, gọi là có gia hạnh giải thoát; trong sự nối tiếp nhau của A-la-hán thuộc chủng tánh Bất động, gọi là không có gia hạnh giải thoát. Lại nữa, nếu dựa vào địa Vị chí Định-Tịch lự trung gian và ba Vô sắc dưới, thì gọi là có gia hạnh giải thoát; nếu dựa vào bốn Tịch lự căn bản, thì không có gia hạnh giải thoát. Đó gọi là sự sai biệt của hai loại giải thoát.

Có ba trùng Tam-ma-địa, đó là Tam-ma-địa Không Không, Tam-ma-địa Vô nguyện Vô nguyện, Tam-ma-địa Vô tướng Vô tướng.

Trong luận Thi Thiết nói: “Thế nào là Tam-ma-địa không Không?

Đó là có Tỳ kheo tư duy các hành có rơi mất-có giữ thả đều là Không, quán xét các hành có rơi mất-có giữ lấy này là Không-Vô thường, pháp-ngã và ngã sở luôn luôn không biến đổi. Quán xét như vậy luôn luôn không gián đoạn, lại khởi lên tâm-tâm sở pháp, tư duy về quán xét không trước đây cũng lại là Không, quán về quán xét Không này cũng Không-Vô thường, pháp-ngã và ngã sở luôn luôn không biến đổi. Như người tích tụ rất nhiều cây củi, dùng lửa đốt cháy đồng củi, tay cầm gậy dài đi vòng quanh đẩy gom lại, muốn làm cho cháy hết, đã biết sắp cháy hết, cây gậy dài đã cầm cũng ném vào trong lửa, đốt cháy khiến cho cùng hết sạch. Thế nào là Tam-ma-địa Vô nguyện Vô nguyện? Đó là có Tỳ kheo, tư duy về các hành có rơi mất-có giữ lấy thả đều Vô thường, quán xét các hành có rơi mất-có giữ lấy này không phải là thường còn-không phải là luôn có, đều là pháp biến đổi. Quán xét như vậy luôn luôn không gián đoạn, lại khởi lên tâm-tâm sở pháp, tư duy về quán xét Vô thường trước đây cũng lại là Vô thường, quán về quán xét Vô thường này cũng không phải là thường còn-không phải là luôn có, đều là pháp biến đổi. Thí dụ nói như trước. Thế nào là Tam-ma-địa Vô tướng Vô tướng? Đó là có Tỳ kheo, tư duy về Trạch diệt đều là rỗng rang vắng lặng, quán xét về Trạch diệt này rời bỏ các nơi nương tựa-ái không còn-lià diệt Niết-bàn. Quán xét như vậy luôn luôn không gián đoạn, lại khởi lên tâm-tâm sở pháp, tư duy về quán xét rỗng rang vắng lặng, Phi trạch diệt cũng là rỗng rang vắng lặng, quán xét Phi trạch diệt này cũng không sinh ra các pháp lẫn tạp. Thí dụ nói như trước.”

Nên biết rằng nghĩa trong luận ấy đã nói, đó là trước tiên khởi lên Định Không để quán xét năm Thủ uẩn là Không, sau đó khởi lên Định Không Không để quán về quán xét Không trước đây cũng là Không, nghĩa là bởi vì quán xét về Không thì cũng là Không. Trước tiên khởi lên Định Vô nguyện để quán xét năm Thủ uẩn là Vô thường, sau đó khởi lên Định Vô nguyện Vô nguyện, quán về quán xét Vô nguyện trước đây cũng là Vô thường, nghĩa là bởi vì quán xét về Vô thường ấy cũng là Vô thường. Trước tiên khởi lên Định Vô tướng để quán xét Trạch diệt là rỗng rang vắng lặng, sau đó khởi lên Định Vô tướng Vô tướng, quán về quán xét Vô tướng trước đây cũng là rỗng rang vắng lặng, nghĩa là quán xét về sự rỗng rang vắng lặng ấy là Phi trạch diệt cũng là rỗng rang vắng lặng, bởi vì ba tướng hữu vi đều rỗng rang vắng lặng. Như hạng Chiên-đồ-la tập trung cây củi, lúc đốt cháy xác chết, tay cầm gậy dài đẩy gom lại làm cho cháy hết, sau đó cũng đốt cháy cây gậy. Ở đây cũng như vậy.

Hỏi: Lúc nào đạt được trùng Tam-ma-địa này?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Đạt được trong Kiến đạo, như lúc đạt được Thế tục trí Hiện quán biên thì cũng đạt được pháp này. Hoặc có người nói: Đạt được trong Tu đạo, như lúc Thánh giả lià nhiệm đạt được tâm biến hóa thì cũng đạt được pháp này. Lại có người nói: Đạt được lúc Tận trí hiện khởi, như lúc Tận trí hiện khởi, tu đạt được căn thiện hữu lậu của ba cõi, cũng đạt được pháp này.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Nếu thuận theo đạt được Tam-ma-địa này, thì lúc ấy lià nhiệm của Phi tướng phi phi tướng xứ, mới đạt được trùng Tam-ma-địa, chứ không phải là đều có thể đạt được. Các hữu tình đạt được sau đó khởi lên gia hạnh mới hiện rõ ở trước mắt, Phật không có gia hạnh, Độc giác có gia hạnh bậc Trung, Thanh văn có gia hạnh bậc Trung-Thượng.

Hỏi: Trùng Tam-ma-địa này có mấy trí sau khi hiện rõ ở trước mắt? Đáp: Có bốn trí sau khi hiện rõ ở trước mắt, đó là Pháp trí-Loại trí-Khổ trí và Diệt trí.

Trùng Tam-ma-địa của cõi Dục do Vị chí định thâm nhiếp, sau khi Thánh đạo hiện rõ ở trước mắt; trùng Tam-ma-địa của hi tướng phi phi tướng xứ do Vô sở hữu xứ thâm nhiếp, sau khi Thánh đạo hiện rõ ở trước mắt; trùng Tam-ma-địa của địa khác đều do mình thâm nhiếp, sau khi Thánh đạo hiện rõ ở trước mắt.

Ba trùng Tam-ma-địa này, về cõi thì gồm chung ba cõi. Về địa thì thuộc về mười một địa, đó là Vị chí định-Tĩnh lự trung gian-bốn Tĩnh lự căn bản-bốn Vô sắc căn bản và cõi Dục. Về sở y thì chỉ dựa vào thân ở cõi Dục. Về hành tướng, Tam-ma-địa không có hai hành tướng, Tam-ma-địa Không Không chỉ có hành tướng Không. Nguyên cố thế nào? Bởi vì chỉ riêng hành tướng Không sau khi Thánh đạo hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Vì sao Định này chỉ riêng hành tướng Không sau khi Thánh đạo hiện rõ ở trước mắt?

Đáp: Bởi vì hành tướng Không cùng với Có trái ngược nhau, có năng lực làm cho hữu tình mau chóng rời bỏ sinh tử; Định trùng Không này chán ngán rời bỏ Thánh đạo, hãy còn có thể rời bỏ Thánh đạo, huống là Không rời bỏ sinh tử hay sao? Vì vậy chỉ riêng hành tướng Không sau khi Thánh đạo hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Vì sao Định này không làm hành tướng Vô ngã?

Đáp: Nếu thấy các pháp Vô ngã mà không thấy là Không, thì tuy chán ngán sinh tử mà không phải là tăng mạnh lên; nếu thấy là Không

thì lực chán ngán đối với sinh tử tăng mạnh lên. Như người đi một mình ở giữa đường, gặp một người bạn tuy biết không phải là thân thuộc với mình, mà không quá lo lắng, về sau nếu lúc chia tay thì rất lo lắng buồn phiền. Hành tướng không đối với chán chán sinh tử thì mạnh hơn đối với Vô ngã, vì vậy Định này không làm hành tướng Vô ngã.

Tam-ma-địa Vô nguyện có mười hành tướng, Tam-ma-địa Vô nguyện Vô nguyện chỉ có hành tướng Vô thường. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì chỉ riêng hành tướng Vô thường sau khi Thánh đạo hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Vì sao Định này chỉ riêng hành tướng Vô thường sau khi Thánh đạo hiện rõ ở trước mắt?

Đáp: Bởi vì hành tướng Vô thường cùng với Có trái ngược nhau, có năng lực làm cho hữu tình mau chóng rời bỏ sinh tử; Định trừng Vô nguyện này chán ngán rời bỏ Thánh đạo, hãy còn có thể rời bỏ Thánh đạo, huống là không rời bỏ sinh tử hay sao? Vì vậy chỉ riêng hành tướng Vô thường sau khi Thánh đạo hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Vì sao Định này không làm hành tướng Khổ?

Đáp: Bởi vì Thánh đạo không phải là Khổ.

Hỏi: Vì sao Định này không làm bốn hành tướng duyên với Tập?

Đáp: Bởi vì Thánh đạo không có thể dẫn đến quả báo của ba cõi.

Hỏi: Vì sao Định này không làm bốn hành tướng duyên với Đạo?

Đáp: Định này nếu làm hành tướng duyên với Đạo, thì phải vui mừng cầu mong Thánh đạo chứ không nên chán ngán rời bỏ.

Tam-ma-địa Vô tướng có bốn hành tướng, Tam-ma-địa Vô tướng Vô tướng chỉ có hành tướng Tĩnh. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì chỉ riêng hành tướng Tĩnh sau khi Thánh đạo hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Vì sao Định này không làm hành tướng Diệt?

Đáp: Diệt có hai loại:

1. Phi trạch diệt.
2. Vô thường diệt.

Nếu làm hành tướng Diệt thì không biết duyên với Diệt nào.

Hỏi: Nếu như vậy thì lẽ ra cũng không phải là hành tướng Tĩnh, đó là Tĩnh cũng có hai loại:

1. Phi trạch diệt.
2. Trạch diệt.

Nếu làm hành tướng Tĩnh lự thì cũng không biết là duyên với Tĩnh nào?

Đáp: Có nói hai Diệt, không có nơi nào nói hai Tĩnh, vì vậy không nên ví dụ. Lại nữa, nghĩa của Diệt lạm dụng nhiều, nghĩa của Tĩnh lạm dụng ít, đó là bởi vì Diệt có ba-Tĩnh chỉ có hai. Nếu lại không làm hành tướng Tĩnh, thì Định này lại làm hành tướng gì?

Hỏi: Vì sao Định này không làm hành tướng Diệt?

Đáp: Bởi vì Phi trạch diệt không phải là pháp Diệt. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì luận phẩm Loại Túc nói: “Thế nào là pháp Diệt? Đó là pháp thiện vô lậu.” Phi trạch diệt là vô ký cho nên không phải là pháp Diệt.

Hỏi: Vì sao Định này không làm hành tướng Ly?

Đáp: Bởi vì Phi trạch diệt phải là pháp Ly. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì luận phẩm Loại Túc nói: “Thế nào là pháp Ly? Đó là Giới thiện của cõi Dục.” Cõi Sắc-Vô sắc do xuất ly mà sinh ra các Đẳng chí thiện, pháp Học-pháp Vô học và Trạch diệt là sở duyên của Định này, bởi vì Phi trạch diệt không có tướng của pháp Ly đã nói kia.

Sở duyên của trùng Tam-ma-địa này, thì Tam-ma-địa Không Không và Vô nguyện Vô nguyện, có nơi nói: Duyên riêng với Thánh đạo ở sát na cuối cùng; có nơi nói: Duyên riêng với Thánh đạo ở sát na cuối cùng của Tam-ma-địa câu sinh; có nơi nói: Duyên chung với Thánh đạo nối tiếp nhau; có nơi nói: Duyên chung với Thánh đạo nối tiếp nhau của Tam-ma-địa câu sinh. Tam-ma-địa Vô tướng Vô tướng thì duyên với Phi trạch diệt.

Về Niệm trú, đều chỉ riêng Pháp niệm trú đi cùng. Về trí, đều chỉ riêng Thế tục trí đi cùng. Về Tam-ma-địa, tức là Tam-ma-địa hữu lậu chứ không phải là Tam-ma-địa vô lậu. Về căn tương ứng, là tương ứng với ba Căn, đó là Hỷ-Lạc và Xả. Về ba đời thì đều là ba đời. Duyên với ba đời, Tam-ma-địa Không Không và Vô nguyện Vô nguyện, nếu ở quá khứ-hiện tại thì duyên với quá khứ; nếu ở vị lai thì có những người muốn làm cho duyên riêng với Thánh đạo ở sát na cuối cùng, hoặc đó là Tam-ma-địa câu sinh, họ nói đang khởi lên là duyên với hiện tại, còn vị lai thì duyên với ba đời; có những người muốn làm cho duyên chung với Thánh đạo nối tiếp nhau, hoặc đó là Tam-ma-địa câu sinh, họ nói đang khởi lên là duyên với quá khứ-hiện tại, còn lại vị lai thì duyên với ba đời. Có Sư khác nói: “Tam-ma-địa Không Không và Vô nguyện Vô nguyện duyên chung với tất cả Thánh đạo, đó là nói ba đời đều duyên với ba đời.” Tam-ma-địa Vô tướng Vô tướng chỉ duyên với tách rời thời gian (Ly thế).

Về thiện-bất thiện và vô ký, thì ba loại đều là thiện. Duyên với

thiện-bất thiện và vô ký, hai loại đầu chỉ duyên với thiện, một loại sau chỉ duyên với vô ký. Hệ thuộc ba cõi-không hệ thuộc, ba loại đều hệ thuộc tất cả ba cõi. Duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc, ba loại đều duyên với không hệ thuộc. Học-Vô học và Phi học phi vô học, ba loại đều là Phi học phi vô học. Duyên với Học-Vô học và Phi học và phi vô học, hai loại trước duyên với Vô học, một loại sau duyên với Phi học phi vô học. Do kiến-tu mà đoạn và Không đoạn, ba loại đều là do tu àm đoạn. Duyên với kiến-tu mà đoạn và không đoạn, ba loại đều duyên với không đoạn. Duyên với danh-duyên với nghĩa, ba loại đều duyên với nghĩa. Duyên với Tự-Tha tương tục và Phi tương tục, hai loại trước duyên với Tự tương tục, một loại sau duyên với Phi tương tục. Gia hạnh đặc-ly nhiễm đặc, ba loại đều bao gồm cả hai đặc. Từng đạt được và chưa từng đạt được, ba loại đều chỉ là chưa từng đạt được.

Hỏi: Ba trùng Tam-ma-địa này ai khởi lên và ở nơi nào?

Đáp: Cõi Dục khởi lên chứ không phải là cõi Sắc-Vô sắc, loài người khởi lên chứ không phải là nẻo khác, ba châu khởi lên chứ không phải là Bắc châu, trong ba châu thì nam nữ đều có thể khởi lên chứ không phải là Phiến-trĩ...

Tôn giả Cù-sa-phiệt-ma nói rằng: “Chỉ có châu Thiệm bộ có thể khởi lên chứ không phải là châu khác, chỉ có thân nam có thể khởi lên chứ không phải là thân nữ. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì Định này chỉ dựa vào thân mạnh mẽ, chỉ có thân nam ở châu Thiệm bộ là mạnh mẽ.”

Lời bình: Nên biết trong này cách nói trước là hợp lý, bởi vì nữ nam ở ba châu đều mạnh mẽ. Như thân nam ở châu Thiệm bộ đối với Định tâm đều được tự tại, thân nữ ở hai châu Đông-Tây và châu này cũng đối với tâm Định đều được tự tại, bởi vì đều mạnh mẽ.

Hỏi: Những Bồ-đặc-già-la nào có thể khởi lên Tam-ma-địa này?

Đáp: Thánh giả có thể khởi lên chứ không phải là dị sinh, Vô học có thể khởi lên chứ không phải là Hữu học, Bất thời giải thoát có thể khởi lên chứ không phải là Thời giải thoát. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì nếu đối với Định được tự tại và thân không có phiền não, thì mới có thể khởi lên Tam-ma-địa này. Tất cả dị sinh và Tín thắng giải thì hai sự đều không có, Kiến chí tuy đối với Định được tự tại mà trong thân còn có phiền não, Thời giải thoát tuy trong thân không có phiền não mà đối với Định không được tự tại, cho nên đều không có thể khởi lên Định này. Chỉ có Bất thời giải thoát có đủ hai sự, cho nên có thể khởi lên Định.

Hỏi: Lúc nào là Tam-ma-địa này? Là sát na thứ nhất hay là toàn bộ nối tiếp nhau? Nếu sát na thứ nhất là Định này, thì sau đó nối tiếp

nhau gọi là Định gì? Nếu toàn bộ nối tiếp nhau là Định này, thì luận Thức Thân nói nên thông hiểu thế nào? Như nói: “Có thể có pháp thế gian, có rơi mất, có giữ lấy do Thủ uẩn thân nhiếp, dựa vào bên trong dấy khởi-nhờ vào chọn lựa sinh ra, chỉ là tánh thiện hệ thuộc cõi Dục, Định từ vô lậu không gián đoạn mà sinh ra, duyên với pháp vô lậu, chỉ là pháp bất cộng của Thánh giả chứ không phải là pháp cùng chung của dị sinh chẳng?”

Đáp: Có, đó là Tam-ma-địa Không Không, Vô nguyện Vô nguyện và Vô tướng Vô tướng hệ thuộc cõi Dục.” Có người đưa ra cách nói này: Chỉ có sát na thứ nhất là thuộc về Định này.

Hỏi: Nếu như vậy thì sau đó nối tiếp nhau gọi là Định gì?

Đáp: Đó là căn thiện tương tự với Định này chứ không phải là thuộc về Định này. Lại có người nói: Toàn bộ sự nối tiếp nhau đều là Định này.

Hỏi: Nếu như vậy thì luận Thức Thân nói nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Luận ấy nói chung về chủng loại của Định này, nghĩa là Định này từ trước đến sau tuy nhiều sát na, mà đều là thuộc về một chủng loại của Định này; ở đây từ vô lậu không gián đoạn mà sinh ra, cho nên không trái với nơi kia. Nếu nói riêng biệt thì Định ở sát na thứ nhất tiếp theo vô lậu sinh ra duyên với pháp vô lậu; sau đó nối tiếp nhau thì tuy không phải là vô lậu không gián đoạn mà sinh ra, nhưng mà duyên với vô lậu.

Hỏi: Trùng Tam-ma-địa này thì lúc nào hiện rõ ở trước mắt?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Lúc sắp Niết-bàn mới khởi lên Định này. Nghĩa là A-la-hán sắp nhập Niết-bàn lại khởi lên Thánh đạo, tiếp theo sau Thánh đạo thì Định này hiện rõ trước mắt, rời khỏi Định này rồi liền nhập Niết-bàn, không còn khởi lên Định này mà cũng không khởi lên Thánh đạo.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Đạt được Định này thì tùy theo lúc muốn hiện rõ trước mắt chứ không quyết định vào lúc nào.

Hỏi: Thánh đạo không gián đoạn thì Định này hiện rõ trước mắt, Định này không gián đoạn thì khởi lên Thánh đạo hay không?

Đáp: Định này không gián đoạn không khởi lên Thánh đạo. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì chán ngán Thánh đạo. Có người đưa ra cách nói này: Định này không gián đoạn cũng không khởi lên Thánh đạo.

Hỏi: Định này không gián đoạn nếu khởi lên Thánh đạo, thì tại sao nói Định này chán ngán Thánh đạo?

Đáp: Định này tuy có thể chán ngán rời bỏ Thánh đạo mà không bằng Thánh đạo có thể chán ngán rời bỏ Định này, Thánh đạo tuy có thể chán ngán rời bỏ Định này mà sau Thánh đạo thì Định này hiện rõ trước mắt, Định này tuy có thể chán ngán Thánh đạo rời bỏ Thánh đạo mà sau Định này lẽ nào Thánh đạo không hiện rõ trước mắt hay sao?

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Thánh đạo không gián đoạn thì Định này hiện rõ trước mắt, Định này không gián đoạn mà không khởi lên Thánh đạo, bởi vì không có tác dụng. Vì vậy nên biết, cách nói trước là hợp lý.

Hỏi: Định này không có thể đoạn các phiền não, cũng không có thể dẫn đến công đức thù thắng, vì sao Thánh giả có lúc liên tục khởi lên?

Đáp: Vì bốn nhân duyên mà có sự dấy khởi thường xuyên:

1. Vì trú trong pháp Lạc hiện tại.
2. Vì dạo chơi trong công đức.
3. Vì quán xét những việc làm trước đây.
4. Vì thọ tài sản bậc Thánh.

Lại nữa, thế lực và tác dụng của Tam-ma-địa này sâu xa kín đáo, Định tự tại thì mới có thể hiện rõ trước mắt, cho nên thường xuyên khởi lên, dạo chơi quán sát.

Các đạo quá khứ đã tu đã ngừng hay chẳng? Cho đến nói rộng ra. Tu có bốn loại:

1. Tu đạt được.
2. Tu luyện tập.
3. Tu đối trị.
4. Tu loại bỏ.

Tu đạt được và tu luyện tập, đó là tất cả pháp hữu vi thiện. Tu đối trị và tu loại bỏ, đó là tất cả pháp hữu lậu.

Các Sư phương Tây nói tu có sáu loại, đó là bốn loại trước, lại thêm vào hai loại tu:

1. Tu phòng hộ.
2. Tu phân biệt.

Tu phòng hộ, đó là phòng hộ các căn. Như trong kinh nói: “Đối với sáu căn này khéo léo điều phục, khéo léo che giấu, khéo léo giữ gìn, khéo thâm nhiếp, khéo léo thâm nhiếp, khéo léo tu tập, có năng lực dẫn đến niềm vui đời sau.” Tu phân biệt, đó là phân biệt sắc thân. Như trong kinh nói: “Trong thân này có tóc-lông-móng-răng...”

Các Sư nước này nói hai loại sau, tức là thuộc về tu đối trị và tu

loại bỏ, cho nên tất cả các tu chỉ có bốn loại.

Trong này, dựa vào hai loại tu trước mà soạn luận. Nhưng bốn loại tu trải qua pháp phân biệt cần phải làm thành bốn câu:

1. Có pháp là hai loại tu trước mà không phải là hai loại tu sau, đó là pháp hữu vi vô lậu.

2. Có pháp là hai loại tu sau mà không phải là hai loại tu trước, đó là pháp hữu vi nhiễm ô và vô phú vô ký.

3. Có pháp là hai loại tu trước cũng là hai loại tu sau, đó là pháp thiện hữu lậu.

4. Có pháp không phải là hai loại tu trước cũng không phải là hai loại tu sau, đó là pháp vô vi.

Hỏi: Tu là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa về xông ướp phát ra nghĩa của tu, nghĩa về luyện tập học hỏi là nghĩa của tu, nghĩa làm cho rõ ràng trong ánh sáng là nghĩa của tu.

Pháp thiện hữu vi, hiện tại là do tu luyện tập mà hiển lộ; hiện tại là luyện tập mà đạt được cho nên gọi là tu, vị lai thì chỉ có đạt được cho nên gọi là tu; hiện tại là tiếp nhận sử dụng cho nên gọi là tu, vị lai thì dẫn dắt phát khởi cho nên gọi là tu, hiện tại là thuộc về thân cho nên gọi là tu, vị lai thì khởi lên đạt được cho nên gọi là tu; hiện tại là hiện rõ trước mắt cho nên gọi là tu, vị lai thì thành tựu cho nên gọi là tu; hiện tại đang làm những việc làm cho nên gọi là tu, vị lai thì như từ xa mong muốn qua lại cho nên gọi là tu.

Hỏi: Các đạo quá khứ đều đã tu-đã ngừng chẳng?

Đáp: Các đạo quá khứ đều đã tu-đã ngừng. Đã tu, đó là thiện quá khứ, bởi vì đã có hai loại tu đạt được và tu luyện tập. Đã ngừng đó là pháp quá khứ, bởi vì những việc làm đã ngừng lại. Có đạo đã tu-đã ngừng mà không phải là quá khứ, đó là đạo vị lai đã tu-đã ngừng, như lúc quán Bất tịnh cho đến lúc Tận trí hiện rõ ở trước mắt, có thể tu pháp thiện hữu vi trong vô lượng sát na của vị lai. Pháp đã tu này, từ sát na thứ hai trở về sau đều gọi là đã tu, bởi vì đã có tu đạt được, cũng gọi là đã ngừng, bởi vì những việc làm đã xong, mà không phải là quá khứ bởi vì là hiện tại và vị lai.

Hỏi: Các đạo vị lai đều chưa hẳn đã tu-đã ngừng chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định:

1. Có đạo vị lai mà không phải là chưa hẳn đã tu-đã ngừng, đó là vị lai đã tu-đã ngừng; loại này chính là thứ tự trước đây đã nói.

2. Có đạo chưa hẳn đã tu-đã ngừng mà không phải là vị lai, đó là chưa từng đạt được bắt đầu hiện rõ ở trước mắt, nghĩa là chưa từng đạt được quán Bất tịnh, cho đến Tận trí đang hiện rõ ở trước mắt; loại này chưa hẳn đã tu, bởi vì đang có tu đạt được và tu luyện tập, cũng chưa hẳn đã ngừng, bởi vì đang làm những việc làm, mà không phải là vị lai bởi vì thuộc về hiện tại.

3. Có đạo vị lai cũng chưa hẳn đã tu-đã ngừng, đó là đạo vị lai chưa hẳn đã tu-đã ngừng, nghĩa là lúc quán Bất tịnh cho đến Tận trí hiện rõ ở trước mắt, có thể tu pháp thiện hữu vi trong vô lượng sát na của vị lai, pháp đã tu này trong sát na thứ nhất gọi là chưa hẳn đã tu, bởi vì nay đang tu đạt được, cũng gọi là chưa hẳn đã ngừng bởi vì đang làm những việc làm, đạo đã tu này hẳn còn thuộc về vị lai.

4. Có đạo không phải là vị lai cũng không phải là chưa hẳn đã tu-đã ngừng, đó là đạo quá khứ và đạo đã từng đạt được nay hiện rõ ở trước mắt. Đạo quá khứ, là đã tu-đã ngừng, như trước đã nói; và đạo đã từng đạt được nay hiện rõ ở trước mắt, là trước kia có tu đạt được cho nên gọi là đã tu, những việc làm đã xong cho nên gọi là đã ngừng, tức là đã từng đạt được quán Bất tịnh... vào lúc hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Đạo hiện tại này bởi vì nay tu luyện tập-bởi vì đang làm công việc, nên gọi là chưa hẳn đã tu-đã ngừng, tại sao nói không phải là chưa hẳn đã tu-đã ngừng?

Đáp: Tuy dựa vào tu luyện tập thuận theo chỉ nói đạo quá khứ là câu này thâm nhiếp, mà dựa vào tu đạt được cho nên cũng nói đạo hiện tại đã từng đạt được là câu này.

Hỏi: Các đạo hiện tại đều đang tu chăng?

Đáp: Các đạo hiện tại đều đang tu, nghĩa là nếu đạo hiện tại chưa từng đạt được, thì do tu đạt được và tu luyện tập cho nên gọi là đang tu; nếu đạo hiện tại đã từng đạt được chỉ do tu luyện tập thì gọi là đang tu. Có đạo đang tu mà không phải là hiện tại, đó là đạo chưa từng đạt được bắt đầu hiện rõ ở trước mắt, mà tu chủng loại đạo ấy ở vị lai. Nhưng chủng loại thì có bốn loại:

1. Chủng loại về tu.
2. Chủng loại về luật nghi.
3. Chủng loại về phạm vi.
4. Chủng loại tương tự.

Chủng loại về tu, như trong này nói đạo chưa từng đạt được bắt đầu hiện rõ ở trước mắt, mà tu chủng loại đạo ấy ở vị lai. Trong này có người nói: Đạo hữu lậu dùng đạo hữu lậu làm chủng loại, đạo vô lậu

dùng đạo vô lậu làm chủng loại.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Đạo hữu lậu dùng đạo hữu lậu-vô lậu làm chủng loại, đạo vô lậu dùng đạo vô lậu-hữu lậu làm chủng loại. Nguyên cố thế nào? Bởi vì mỗi một loại hiện rõ trước mắt đều tu hai loại đạo của vị lai. Do thế lực ấy cho nên tu ở vị lai đều có thể nói là chủng loại ấy.

Chủng loại về luật nghi, như chương Nghiệp Uẩn nói: “Nếu thành tựu về Giới quá khứ, thì cũng thành tựu về Giới thuộc chủng loại này ở vị lai-hiện tại chăng?” Trong này. Luật nghi dùng luật nghi làm chủng loại, biệt giải thoát luật nghi dùng biệt giải thoát luật nghi làm chủng loại, Tĩnh lự luật nghi dùng Tĩnh lự luật nghi làm chủng loại, vô lậu luật nghi dùng vô lậu luật nghi làm chủng loại, luật nghi gia hạnh dùng luật nghi gia hạnh làm chủng loại, luật nghi hậu khởi dùng luật nghi hậu khởi làm chủng loại, ở trong biểu dùng biểu làm chủng loại, vô biểu dùng vô biểu làm chủng loại.

Chủng loại về phạm vi, như chương Căn Uẩn nói: “Nếu thành tựu nhân căn thuộc về chủng loại này thì cũng thành tựu thân căn thuộc chủng loại này chăng? Trong này, nếu là pháp của cõi này thì vẫn dùng pháp của cõi này làm chủng loại, nghĩa là pháp cõi Dục lấy pháp cõi Dục làm chủng loại, pháp cõi Sắc lấy pháp cõi Sắc làm chủng loại, pháp cõi Vô sắc lấy pháp cõi Vô sắc làm chủng loại.

Chủng loại tương tự, như trong Tỳ-nại-da nói: “Tôn giả Vật-độc-tử, tay trái tỏa ra ánh sáng, tay phải phân chia những đồ nằm..., trao cho Tỳ kheo thuộc chủng loại tương tự, nói là để cho người trì Tố-đát-lãm và người trì Tố-đát-lãm cùng ở một nơi, người trì Tỳ-nại-da và người trì Tỳ-nại-da cùng ở một nơi, người trì A-Tỳ Đạt Ma và người trì A-Tỳ Đạt Ma cùng ở một nơi, người ở chốn A-luyện-nhã và người ở chốn A-luyện-nhã cùng ở một nơi, khiến cho các Tỳ kheo cùng chủng loại, cùng với nhau ở một nơi bàn luận yên lặng, tùy thuận lẫn nhau tu các pháp thiện, không lo buồn khổ sở.”

Trong kinh cũng nói: “Các loài hữu tình, các cõi khác nhau mà chủng loại giống nhau, thì lại yêu thích lẫn nhau, ác thì thích ác, thiện thì thích thiện.”

Ở trong bốn chủng loại, trong này chỉ dựa vào chủng loại về tu mà soạn luận, nghĩa là quán Bất tịnh cho đến Tận trí hiện rõ ở trước mắt, thì có thể tu pháp thiện hữu vi trong vô lượng sát na của vị lai, pháp đã tu này trong sát na thứ nhất, là đang tu đạt được mà không phải hiện tại, bởi vì thuộc về vị lai. Trong này, hiện tại đối với đang tu.

Hỏi: Nếu chỉ dựa vào tu đạt được mà nói thì nên làm thành bốn câu phân biệt, đó là:

1. Hoặc có lúc hiện tại mà không phải là đang tu, như đạo đã từng đạt được nay hiện rõ ở trước mắt.

2. Hoặc có lúc đang tu mà không phải là hiện tại, như trong sát na thứ nhất tu ở vị lai.

3. Hoặc có lúc hiện tại cũng là đang tu, như đạo chưa từng đạt được hiện rõ ở trước mắt.

4. Hoặc có lúc không phải là hiện tại cũng không phải là đang tu, như đạo quá khứ và vị lai, đã tu-đã ngừng.

Đáp: Trong này dựa chung vào tu đạt được và tu luyện tập mà nói, cho nên dùng hiện tại đối với đang tu.

Hỏi: Chỉ làm thuận theo câu trước?

Đáp: Bởi vì đạo hiện tại nhất định phải có tu luyện tập, cho nên gọi là đang tu.

Hỏi: Nếu lúc lui sụt quả trên trú vào quả dưới, thì quả dưới đã đạt được gọi là tu đạt được chăng?

Đáp: Gọi là đạt được chứ không phải là tu.

Hỏi: Lúc ấy lại tiến lên đạt được quả đã lui sụt, thì quả trên đã đạt được gọi là tu đạt được hay không?

Đáp: Nếu quá khứ thì gọi là đạt được chứ không phải là tu, nếu vị lai thì gọi là tu đạt được.

Hỏi: Vì sao quá khứ thì gọi là đạt được chứ không phải là tu, vị lai thì gọi là tu đạt được?

Đáp: Nếu đạo hiện tại làm nhân cho quả ấy, thì nếu có thể nói quả ấy là tu đạt được, đạo hiện tại không có nghĩa làm nhân cho quả khứ, cho nên đạo quá khứ gọi là đạt được chứ không phải là tu.

Hỏi: Lúc lui sụt quả trên trú vào quả dưới, đã đạt được quả vô lậu dưới ở vị lai, đã có nhân đạt được vô lậu của hiện tại, sao không gọi là tu?

Đáp: Nếu nhân của hiện tại do thắng tiến cho nên đạt được ở vị lai, thì quả ấy có thể gọi là tu. Lúc lui sụt trú vào quả dưới thì đạt được vô lậu của hiện tại, tuy là nhân của nó mà không phải là thắng tiến, cho nên không gọi là tu, bởi vì không do tu đạt được ở hiện tại, mà vị lai ấy chỉ do lui sụt cho nên nó được hiện rõ ở trước mắt.

CHƯƠNG III: TRÍ UẨN (Tiếp Theo)

Phẩm Thứ Tư: LUẬN VỀ TU TRÍ (Phần 1)

Có tám trí, đó là Pháp trí cho đến Đạo trí. Các chương như vậy và giải thích về nghĩa từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp theo cần phải giải thích rộng ra.

Hỏi: Vì sao Tôn giả dựa vào tám trí này mà soạn luận?

Đáp: Bởi vì những người soạn luận tùy theo ý muốn mà soạn ra luận, cho nên không cần phải vặn hỏi. Luận Sư của bản luận này tùy theo ý muốn của mình không trái với pháp tướng mà soạn ra luận này. Nơi khác cũng dựa vào tám trí mà soạn luận, như chương Kiết Uẩn trước đây và chương Định Uẩn sau này...

Hỏi: Có nơi chỉ dựa vào trí trong một sát na mà soạn luận, như trong phẩm luận về Trí ở chương Tạp Uẩn nói: “Có thể có một trí nhận biết tất cả pháp chăng?”

Đáp: Không có.” Có nơi chỉ dựa vào hai trí mà soạn luận, như tiếp theo phẩm luận trước đây và trong chương Căn Uẩn-Định Uẩn. Có nơi chỉ dựa vào bốn trí mà soạn luận, như chương Căn Uẩn sau này. Có nơi dựa vào đầy đủ mười trí mà soạn luận, đó là Luận Sư của bản luận này đối với cảnh đã nhận biết đầy đủ, thông hiểu rõ ràng, tự tướng và cộng tướng, tùy theo ý muốn soạn ra luận, hoặc là tóm lược-hoặc là mở rộng mà không trái với pháp tướng, cho nên không cần phải vặn hỏi.

Lại nữa, không cần phải vặn hỏi về ý của người soạn luận, nghĩa là tám trí này là do Đức Phật đã nói, Luận Sư của bản luận này dựa vào kinh mà soạn ra luận, kinh nói tám trí không có thể thêm bớt, Tôn giả không thể nào bớt một mà nói bảy-thêm một mà nói chín. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì chư Phật đã nói không có thêm bớt, và Đức Phật đã nói vô lượng vô biên, bởi vì nghĩa vô lượng-vấn vô biên; như nước biển rộng vô lượng vô biên, bởi vì sâu vô lượng-rộng vô biên. Giả sử các Đại Luận Sư như Tôn giả Xá-lợi-tử, số nhiều hơn trăm ngàn Na-dữu-đa... cùng lúc xuất hiện ở đời để giải thích về nghĩa của hai câu kinh Phật, soạn ra trăm ngàn Câu-chi các luận, Giác tuệ cùng tận hãy còn không thể nào hiểu rõ phạm vi của nghĩa trong hai câu như vậy, huống là Luận Sư của bản luận này ở trong nghĩa của tám trí mà Đức Phật đã nói, có thể có sự thêm bớt hay sao?

Hỏi: Đức Phật ở trong kinh có lúc nói hai trí, có lúc nói bốn trí, có lúc nói tám trí, có lúc nói mười trí, vì sao Tôn giả ở trong này chỉ dựa

vào tám trí mà soạn luận?

Đáp: Bởi vì tám trí này là nói theo cách dung hòa (xử trung), thâm nhiếp tất cả các trí, cho nên dựa vào tám trí soạn ra luận. Nghĩa là hai trí-bốn trí đều là nói tóm lược, thâm nhiếp trí không hết, mười trí trong kinh tuy thâm nhiếp tất cả các trí mà là nói mở rộng, chỉ có tám trí này thâm nhiếp tất cả các trí, là cách dung hòa trong dung hòa, cho nên chỉ dựa vào tám trí.

Lại nữa, tám trí như vậy đều có trong thân người Học-Vô học và người có nhiễm ô-không có nhiễm ô, cho nên chỉ dựa vào tám trí. Tận trí-Vô sinh trí chỉ có thể đạt được trong thân người Vô học, và chỉ có thể đạt được trong thân người Vô nhiễm, vì thế cho nên không dựa vào.

Lại nữa, tám trí như vậy bao gồm tánh của Trí-Kiến, cho nên chỉ dựa vào tám trí. Tận trí-Vô sinh trí không bao gồm tánh Kiến, vì thế cho nên không dựa vào.

Lại nữa, tám trí như vậy thường xuyên tu khởi, cho nên chỉ dựa vào tám trí. Tận trí-Vô sinh trí không thường xuyên tu khởi, vì thế cho nên không dựa vào.

Lại nữa, tám trí như vậy thường xuyên tu khởi, cho nên chỉ dựa vào tám trí. Tận trí-Vô sinh trí không thường xuyên tu khởi, vì thế cho nên không dựa vào.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên trong này chỉ dựa tám trí mà soạn luận.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 106

LUẬN VỀ TU TRÍ (Phần 2)

Hoặc có một trí thâm nhiếp tất cả các trí, đó là Pháp trí, không phải là trí như pháp, bởi vì Thể của trí là p. hoặc có hai trí thâm nhiếp tất cả các trí, đó là trí hữu lậu và trí vô lậu. Hoặc có ba trí thâm nhiếp tất cả các trí, đó là Pháp trí-Loại trí và Thế tục trí. Hoặc có bốn trí thâm nhiếp tất cả các trí, đó là ba trí cộng thêm Tha tâm trí. Hoặc có năm trí thâm nhiếp tất cả các trí, đó là Thế tục trí và Khổ-Tập-Diệt-Đạo trí. Hoặc có sáu trí thâm nhiếp tất cả các trí, đó là năm trí trước cộng thêm Tha tâm trí. Hoặc có bảy trí thâm nhiếp tất cả các trí, đó là trong tám trí trừ ra Tha tâm trí. Hoặc có tám trí thâm nhiếp tất cả các trí, đó là trong này nói Pháp trí-Loại trí-Tha tâm trí-Thế tục trí-Khổ trí-Tập trí-Diệt trí và Đạo trí.

Hỏi: Nếu tám trí này thâm nhiếp tất cả các trí, lại có tám trí, đó là Pháp trí-Niết-bàn trí-Tử sinh trí-Lậu tận trí-Túc trú tùy niệm trí-Diệu nguyện trí-Tận trí và Vô sinh trí, tám trí như vậy thì trí nào thâm nhiếp?

Đáp: Tùy theo sự thích hợp đều thâm nhiếp vào tám trí này. Nghĩa là Pháp trí biết về nhân, cho nên biết quả bậc Hạ-Trung-Thượng của ba cõi là do pháp trí trong nhân, trí ấy tức là do bốn trí này thâm nhiếp, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Diệt trí. Trí Tử sinh tức là do trí Thế tục này thâm nhiếp.

Tôn giả Diệu Âm nói: “Trí Tử sinh do bốn trí thâm nhiếp, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Khổ trí.”

Lời bình: Nên biết trong này, cách nói trước là hợp lý.

Trí Lậu tận, muốn làm cho quả báo chúng sinh (chư hữu) duyên vào pháp lậu tận, cho nên gọi là trí Lậu tận, do bốn trí thâm nhiếp, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Diệt trí; muốn làm cho quả báo của chúng sinh

đạt được thân lậu tận, cho nên gọi là trí Lậu tận, do tám trí thâm nhiếp. Trí Túc trú tùy niệm do Thế tục trí thâm nhiếp.

Tôn giả Diệu Âm nói: “Trí Túc trú tùy niệm do sáu trí thâm nhiếp, tức là trong tám trí trừ ra Tha tâm trí bởi vì duyên với pháp quá khứ, và trừ ra Diệt trí bởi vì duyên với pháp hữu vi.”

Lời bình: Nên biết trong này, cách nói trước là hợp lý.

Trí Diệu nguyện do Thế tục trí thâm nhiếp.

Tôn giả Diệu Âm nói: “Trí Diệu nguyện do tám trí thâm nhiếp, đó là trong mười trí trừ ra Tận trí và Vô sinh trí, bởi vì là tánh thuộc Kiến.”

Lời bình: Nên biết trong này, cách nói trước là hợp lý.

Tận trí và Vô sinh trí đều do sáu trí thâm nhiếp, trừ ra Tha tâm trí bởi vì không phải là tánh thuộc kiến, và trừ ra Thế tục trí bởi vì là vô lậu. Vì vậy tám trí này thâm nhiếp tất cả các trí.

Tôn giả Tăng-già-phiệt-tô nói rằng: “Nên nói là một trí, đó là trí Quyết định, bởi vì nghĩa quyết định là nghĩa của trí. Trí Quyết định này có hai loại sai biệt:

1. Hữu lậu.
2. Vô lậu.

Nếu như hữu lậu, thì bởi vì tự tánh cho nên gọi là Thế tục trí; nếu như vô lậu, thì bởi vì đối trị sai biệt cho nên lại thiết lập hai loại, đó là đối trị cõi Dục thì gọi là Pháp trí, đối trị cõi Sắc-Vô sắc thì gọi là Loại trí. Ngay ba trí trước, nếu có thể nhận biết tâm-tâm sở pháp của người khác, thì gọi là Tha tâm trí. Vả lại, trí vô lậu do hành tướng sai khác, cho nên lại thiết lập bốn trí, nếu đối với Khổ để làm bốn hành tướng chuyển thì gọi là Khổ trí, cho đến nếu đối với Đạo để làm bốn hành tướng chuyển thì gọi là Đạo trí.”

Hỏi: Nếu trí Quyết định chỉ có một loại, hoặc là hai-hoặc là ba, thì tại sao trong này thiết lập có tám trí?

Đáp: Bởi vì năm sự cho nên thiết lập có tám trí:

1. Vì đối trị cho nên thiết lập Pháp-Loại trí.
2. Vì tự tánh cho nên thiết lập Thế tục trí.
3. Vì gia hạnh cho nên thiết lập Tha tâm trí.
4. Vì hành tướng cho nên thiết lập Khổ-Tập trí.
5. Vì hành tướng sở duyên cho nên thiết lập Diệt-Đạo trí.

Tôn giả Tả Thọ đưa ra cách nói như vậy: “Bởi vì đối trị bốn loại ngu cho nên thiết lập có tám trí. Bốn loại ngu là:

1. Ngu về cõi.

2. Ngu về tâm.
3. Ngu về pháp.
4. Ngu về đế.

Đối trị ngu về cõi cho nên thiết lập Pháp-Loại trí, đối trị ngu về tâm cho nên thiết lập Tha tâm trí, đối trị ngu về pháp cho nên thiết lập Thế tục trí, đối trị ngu về Đế cho nên thiết lập Khổ-Tập-Diệt và Đạo trí.”

Đó gọi là bốn tánh-tướng phần-tự Thế-ngã vật-tự tánh của tám trí. Đã nói về tự tánh của trí, nay sẽ nói đến nguyên cớ.

Hỏi: Vì sao gọi là trí, trí là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa quyết định là nghĩa của trí.

Hỏi: Như vậy thì Nghi tương ứng với Tuệ không nên gọi là trí, bởi vì không quyết định đối với cảnh sở duyên?

Đáp: Đó cũng là trí, bởi vì trong một sát na cũng quyết định đối với cảnh sở duyên. Nhưng trong tụ này thì thế lực tác dụng của Nghi mạnh hơn, khiến cho tâm đối với cảnh do dự không quyết định trong nhiều sát na, cho nên gọi là tụ Nghi. Như Tam-ma-địa trong một sát na đối với cảnh luôn luôn dừng lại, có lúc nếu tương ứng với trạo cử, làm cho nhiều sát na chuyển dời đối với cảnh, thì gọi là hỗn loạn. Lại như hữu tình, nếu tham nhiều thì gọi là hạnh tham, nếu sân nhiều thì gọi là hạnh sân, nếu si nhiều thì gọi là hạnh si, mỗi một loại không phải là không có những phiền não khác; ở đây cũng như vậy, cho nên không có gì sai.

Phái Thí Dụ nói: “Nếu tâm có trí thì không có sự không hiểu biết, nếu tâm có nghi thì không có quyết định, nếu tâm có thô thì không có tế. Nhưng mà Đối Pháp đã nói là pháp tướng giống như rừng cây rậm rạp, nghĩa là trong một tâm, có trí-có sự không hiểu biết, có loại không phải là trí-không phải là không hiểu biết, có nghi-có quyết định, có loại không phải là nghi-không phải là quyết định, có thô-có tế, có loại không phải là thô-không phải là tế.”

Các Luận sư A-Tỳ Đạt Ma nói: “Các pháp câu sinh thì có gì sai? Nghĩa là các tâm sở lần lượt chuyển đổi làm cho sinh khởi một tâm tương ứng mà tướng dụng khác nhau. Trí gọi là Bát-nhã; không hiểu biết gọi là Vô minh; không phải là trí-không phải là không hiểu biết, đó là những tâm sở pháp khác. Nghi gọi là do dự; quyết định gọi là trí; không phải là nghi-không phải là quyết định, đó là những tâm sở pháp khác. Thô gọi là Tâm; tế gọi là Tứ; không phải là thô-không phải là tế, đó là những tâm sở pháp khác. Như các sắc pháp câu sinh khác chẳng

loại, tâm sở cũng như vậy, cho nên không có gì sai.”

Có người đưa ra cách nói này: Nghĩa quyết định chọn lựa lại đối với cảnh sở duyên là nghĩa của trí; các Tuệ hữu lậu đối với cảnh sở duyên, từ vô thì đến nay thường xuyên quyết định chọn lựa, cho nên đều gọi là trí; các Tuệ vô lậu quyết định chọn lựa lại, cho nên đều gọi là trí; chỉ riêng Nhẫn vô lậu đối với bốn Thánh đế, chưa đưa quyết định chọn lựa lại, cho nên không gọi là trí.

Lại có người nói: Bởi vì hai nghĩa cho nên gọi là trí, đó là nghĩa chứng thực biết rõ và nghĩa nhận biết rõ ràng. Nghĩa chứng thực biết rõ, đó là chứng thực biết rõ Khổ cho đến chứng thực biết rõ Đạo, cho nên gọi là trí. Nghĩa nhận biết rõ ràng, đó là nhận biết rõ ràng về sự nối tiếp nhau của mình, nhận biết rõ ràng về sự nối tiếp nhau của người khác, cho nên gọi là trí.

Đã nói tổng quát về nguyên cơ của các trí, nguyên cơ của mỗi một loại nay sẽ nói đến.

Hỏi: Vì sao gọi là Pháp trí?

Đáp: Bởi vì Thể của trí là pháp, cho nên gọi là Pháp trí.

Hỏi: Nếu như vậy thì Thể của trí khác cũng là pháp, tại sao không gọi là Pháp trí?

Đáp: Tuy Thể của tất cả các trí đều là pháp, mà chỉ thiết lập tên gọi Pháp trí đối với một loại; như mười tám Giới, mười hai xứ, bảy Giác chi, sáu Tùy niệm, bốn Niệm trú, bốn Chứng tịnh, bốn Vô ngại giải, ba Bảo-ba Quy, Thể đều là pháp mà chỉ kiến lập tên gọi là Pháp đối với một; ở đây cũng như vậy cho nên không cần phải vặn hỏi.

Lại nữa, Pháp trí chỉ có một tên gọi, đó là tên gọi chung; trí khác có hai tên gọi, đó là tên gọi chung và không chung; bởi vì chọn lấy sự khác nhau, cho nên nói tên gọi không chung. Lại nữa, bắt đầu hiểu biết về pháp cho nên gọi là Pháp trí, pháp hiểu đúng về sau cho nên gọi là Loại trí. Lại nữa, nếu bắt đầu đạt được trí tương ứng với Pháp Chứng tịnh, thì gọi là Pháp trí; sau trí này mà đạt được, cho nên gọi là Loại trí. Lại nữa, đối với pháp hiện thấy, đạt được trí Hiện lượng, cho nên gọi là Pháp trí; sau trí này mà đạt được, cho nên gọi là Loại trí. Lại nữa, khởi Dục có nhiều phiền não không phải là pháp, đó là phần-hận-phú-não-tật-san... tương ứng với phiền não, nếu trí là đối trị gần của chúng thì gọi là Pháp trí, cõi Sắc-Vô sắc không có phiền não không phải là pháp như vậy; đối trị chúng là Pháp trí, về sau sinh khởi cho nên gọi là Loại trí.

Lại nữa, nếu trí do sáu địa thâm nhiếp, có thể duyên với một địa thì gọi là Pháp trí; nếu trí do chính địa thâm nhiếp, có thể duyên với tám địa

thì gọi là Loại trí. Đây là dựa vào địa hữu lậu mà nói. Lại nữa, nếu trí do sáu địa thâm nhiếp, có thể duyên với sáu địa thì gọi là Pháp trí, nếu trí do chín địa thâm nhiếp, có thể duyên với chín địa thì gọi là Loại trí. Đây là dựa vào địa vô lậu mà nói. Lại nữa, nếu trí đối trị với mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn thì gọi là Pháp trí, nếu trí đối trị mười bốn Giới-mười Xứ-năm Uẩn thì gọi là Loại trí. Lại nữa, nếu trí đối trị năm Uẩn thiện-bất thiện và vô ký thì gọi là Pháp trí, nếu trí đối trị năm Uẩn thiện-vô ký thì gọi là Loại trí. Lại nữa, nếu trí đối trị hành phước-phi phước và bất động thì gọi là Pháp trí, nếu trí đối trị hành phước và bất động thì gọi là Loại trí. Lại nữa, nếu trí đối trị đoàn thực-dâm dục và ái thì gọi là Pháp trí, nếu trí đối trị các Định và ái thì gọi là Loại trí.

Hỏi: Vì sao gọi là Tha tâm trí?

Đáp: Bởi vì biết tâm của người khác, cho nên gọi là Tha tâm trí.

Hỏi: Trí này cũng biết các tâm sở pháp của người khác, tại sao chỉ gọi là Tha tâm trí?

Đáp: Bởi vì tâm mong mỏi, nghĩa là người tu quán trước tiên khởi lên ý thích, mong muốn biết tâm của người khác, do ý thích này sau lúc biết tâm thì cũng biết được tâm sở. Như người có ý thích chủ yếu là mong muốn trong thấy vua, sau lúc trông thấy vua thì cũng trông thấy các quán. Lại nữa, các pháp có được tên gọi là do nhiều duyên, nghĩa là hoặc do tự tánh có được tên gọi, như Đế-như Uẩn-như Thế tục trí; hoặc do đối trị có được tên gọi, như Pháp-Loại trí; hoặc do gia hạnh có được tên gọi, như Tha tâm trí...; hoặc do tương ứng có được tên gọi, như nói: Pháp tương ứng với Lạc thọ..., gọi là pháp thuận với Lạc thọ...; hoặc do sở y có được tên gọi, như nhãn thức...; hoặc do hành tướng có được tên gọi như Khổ-Tập trí; hoặc do sở duyên có được tên gọi, như Niệm trú...; hoặc do hành tướng sở duyên có được tên gọi, như Diệt-Đạo trí. Vì vậy do gia hạnh mà gọi là Tha tâm trí.

Lại nữa, bởi vì tâm mạnh hơn cho nên tuy cũng biết tâm sở, mà chỉ gọi là Tha tâm trí; như vua đến... Lại nữa, bởi vì tâm là Đại địa, tâm sở của pháp gọi là Đại địa. Lại nữa, bởi vì lúc chứng Tha tâm thông thì đạo vô gián chỉ duyên với tâm. Lại nữa, bởi vì nói tâm đi xa và chỉ đi một mình... Lại nữa, bởi vì nói tâm là đi trước... Lại nữa, bởi vì nói tâm là vô tăng thượng. Lại nữa, bởi vì nói tâm là chủ khu thành. Lại nữa, bởi vì nói tâm là nơi nương vào. Lại nữa, bởi vì nói tâm có thể khởi lên các giới thiện-ác. Lại nữa, bởi vì nói tâm có thể dẫn đến các nẻo thiện-ác. Lại nữa, bởi vì tâm là nội xứ có sở duyên khắp các cõi-địa. Lại nữa, bởi vì tâm là sở y chứ không phải là tâm sở. Lại nữa, bởi vì nếu tâm hoạt

động thì tâm sở thuận theo. Lại nữa, bởi vì nếu lúc tâm điều phục-không điều phục, thì các tâm sở pháp cũng như vậy. Lại nữa, bởi vì nếu lúc tâm tản mác hay không tản mác, thì các tâm sở pháp cũng như vậy.

Bởi vì những duyên này, cho nên Tha tâm trí này tuy cũng biết tâm sở, mà chỉ gọi là Tha tâm trí.

Hỏi: Vì sao gọi là Thế tục trí?

Đáp: Biết rõ thế tục cho nên gọi là Thế tục trí.

Hỏi: Cũng biết về thắng nghĩa, tại sao chỉ gọi là Thế tục trí?

Đáp: Tuy cũng biết phần ít về thắng nghĩa các pháp như Uẩn-Xứ-Giới bốn Thánh đế..., mà biết phần nhiều về pháp thế tục như nam nữ-đi lại-bình chậu-áo quần-xe cộ-nhà cửa-núi rừng..., cho nên gọi là Thế tục trí.

Lại nữa, trí Thế tục này thật ra không có tướng của trí, mà đối với thế tục cùng thiết lập tên gọi của trí; như không phải là chủng loại vua chúa, nhưng mọi người tưởng tượng thi thiết cùng lập ra tên gọi của vua chúa. Lại nữa, trí Thế tục này tất cả hữu tình lần lượt chuyển đổi cùng chấp nhận, chứ không có gì tranh luận; như Tăng ngồi trên-như vừa lòng mọi người, mọi người đều đồng ý, cho nên gọi là Thế tục.

Lại nữa, trí Thế tục này bao trùm các hữu tình, duyên với tất cả các cảnh, cho nên gọi là Thế tục. Lại nữa, trí Thế tục này do ngu si dựa vào, hệ thuộc ngu si, là nơi dừng chân yên ổn của ngu si, cho nên gọi là Thế tục.

Phái Tranh luận nói: Trí Thế tục này bị các sự không hiểu biết làm cho che phủ, như vật trong đồ đựng bị đồ đựng làm cho che kín, cho nên gọi là Thế tục.

Lại nữa, trí Thế tục này bị đạo đối trị làm cho biến hoại, vì người ngu si đã vui mừng tôn trọng, cho nên gọi là Thế tục.

Hỏi: Vì sao gọi là Khổ trí, cho đến Đạo trí?

Đáp: Duyên với Khổ Thánh đế, chuyển bốn hành tướng, cho nên gọi là Khổ trí; cho đến duyên với Đạo Thánh đế, chuyển bốn hành tướng, cho nên gọi là Đạo trí.

Hỏi: Các trí Thế tục cũng có thể duyên với bốn Đế, đều chuyển bốn hành tướng, lẽ nào gọi là bốn trí hay sao?

Đáp: Nếu chỉ duyên với Khổ đế, chỉ chuyển bốn hành tướng, thì gọi là Khổ trí; cho đến nếu chỉ duyên với Đạo đế, chỉ chuyển bốn hành tướng thì gọi là Đạo trí. Các trí đối với bốn Thánh đế, hoặc là duyên riêng biệt với từng loại một, hoặc là duyên kết hợp với hai loại một, hoặc là duyên kết hợp với ba loại một, hoặc là duyên tổng quát với bốn

Đế, hoặc là duyên với pháp khác, hoặc lại duyên tổng quát với hành tướng đã khởi, cũng không quyết định cho nên không gọi là Khổ trí cho đến Đạo trí, bởi vì tạp loạn.

Lại nữa, nếu duyên riêng biệt với bốn Đế, đều chuyển bốn hành tướng, không cùng chung một ràng buộc với Khổ-Tập thì gọi là trí của bốn Đế; các trí Thế tục tuy cũng có duyên riêng biệt với bốn Đế, đều chuyển bốn hành tướng, mà cùng chung một ràng buộc với Khổ-Tập, cho nên không gọi là trí của bốn Đế.

Hỏi: Trí này không cùng chung một ràng buộc với Diệt-Đạo, tại sao không thiết lập Diệt-Đạo trí?

Đáp: Đầu không thiết lập cho nên sau cũng không thiết lập.

Lại nữa, nếu duyên riêng biệt với bốn Đế, đều chuyển bốn hành tướng, có thể đối trị phiền não thì gọi là trí của bốn Đế; các trí Thế tục cũng có duyên riêng biệt với bốn Đế, đều chuyển bốn hành tướng, mà không có thể đối trị phiền não, cho nên không gọi là trí của bốn Đế.

Lại nữa, nếu duyên riêng biệt với bốn Đế, đều chuyển bốn hành tướng, đối với bốn Thánh đế chứng thấy rõ ràng, không bị Kiến-Nghị-Vô minh làm cho mê hặc, không tăng thêm phiền não-không dẫn đến ba cõi, nhất định hướng đến Niết-bàn thì gọi là trí của bốn Đế; các trí Thế tục không có nghĩa như vậy, cho nên không gọi là trí của bốn Đế.

Lại nữa, nếu duyên riêng biệt với bốn Đế, đều chuyển bốn hành tướng, là tánh Thánh thì gọi mười hai trí của bốn Đế; các trí Thế tục không phải là tánh Thánh thâm nhiếp, cho nên không gọi là trí của bốn Đế.

Tám trí như vậy, về cõi thì Tha tâm trí nếu là hữu lậu thì hệ thuộc cõi Sắc, nếu là vô lậu thì không hệ thuộc; Thế tục trí gồm chung ba cõi; sáu trí còn lại thì không hệ thuộc.

Về địa, Thế tục trí thuộc về sáu địa; Loại trí thuộc về chín địa; Tha tâm trí thuộc về bốn địa; Thế tục trí thuộc về mười tám địa, đó là tám Đẳng trí-tám cận phần-Tĩnh lự trung gian và cõi Dục; còn lại bốn trí, Pháp trí thâm nhiếp là thuộc về sáu địa, Loại trí thâm nhiếp là thuộc về chín địa.

Về sở y, Pháp trí chỉ dựa vào cõi Dục mà dấy khởi; Tha tâm trí chỉ dựa vào cõi dục-Sắc mà dấy khởi; Loại trí và Thế tục trí đều dựa vào ba cõi mà dấy khởi; trí còn lại nếu Pháp trí thâm nhiếp thì chỉ dựa vào cõi Dục mà dấy khởi, Loại trí thâm nhiếp thì dựa vào tất cả ba cõi mà dấy khởi.

Về hành tướng, Pháp trí và Loại trí đều làm mười sáu hành tướng;

Tha tâm trí nếu vô lậu thì làm bốn hành tướng của Đạo, hữu lậu thì làm hành tướng không rõ ràng; Thế tục trí làm mười sáu hành tướng, cũng làm những hành tướng khác, Khổ-Tập-Diệt-Đạo trí đều làm bốn hành tướng.

Hỏi: Các Khổ trí đều làm chuyển hành tướng Khổ chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Hoặc có lúc Khổ trí mà không phải là làm chuyển hành tướng khổ, đó là Khổ trí làm chuyển hành tướng Vô thường-Không-Vô ngã.

2. Hoặc có lúc làm chuyển hành tướng Khổ mà không phải là Khổ trí, đó là pháp tương ứng với Khổ trí làm chuyển hành tướng Khổ;

3. Hoặc có lúc Khổ trí cũng làm chuyển hành tướng Khổ, đó là Khổ trí làm chuyển hành tướng Khổ.

4. Hoặc có lúc không phải là Khổ trí cũng không phải là làm chuyển hành tướng Khổ, nếu chỉ chọn lấy chủng loại này thì đó là pháp tương ứng với Khổ trí làm chuyển hành tướng Vô thường-Không-Vô ngã, nếu không chỉ chọn lấy chủng loại này thì trừ ra những tướng trước.

Như chuyển có bốn câu phân biệt, đã chuyển-sẽ chuyển nên biết cũng như vậy. Như Khổ trí đối với hành tướng Khổ có ba loại bốn câu phân biệt, đối với hành tướng Vô thường-Không-Vô ngã nên biết cũng như vậy. Như Khổ trí có mười hai câu phân biệt, Tập-Diệt-Đạo trí nên biết cũng như vậy. Như tổng cộng có bốn mươi tám loại bốn câu phân biệt.

Về sở duyên, Pháp trí và Loại trí đều duyên với bốn Đế, Tha tâm trí duyên với tâm-tâm sở pháp của người khác, Thế tục trí duyên với tất cả các pháp, Khổ trí duyên với Khổ đế, Tập trí duyên với Tập đế, Diệt trí duyên với Diệt đế, Đạo trí duyên với Đạo đế.

Về Niệm trú, Tha tâm trí là ba Niệm trú trừ ra Thân niệm trú, Diệt trí là pháp niệm trú, trí còn lại gồm chung bốn Niệm trú.

Về Trí, tám trí này tức là tám trí.

Về Tam-ma-địa, Pháp trí và Loại trí đi cùng ba Tam-ma-địa; Tha tâm trí nếu vô lậu thì Đạo đi cùng Tam-ma-địa Vô nguyện, hữu lậu thì không phải là đi cùng Tam-ma-địa; Thế tục trí không phải là đi cùng Tam-ma-địa; Khổ trí đi cùng Tam-ma-địa Không-Vô nguyện, Tập trí đi cùng Tam-ma-địa Tập-Vô nguyện, Diệt trí đi cùng Tam-ma-địa đi cùng Vô tướng, Đạo trí đi cùng Tam-ma-địa Vô nguyện-Đạo.

Về Căn tương ứng, Thế tục trí tương ứng với năm căn; trí còn lại tương ứng với ba Căn, đó là Lạc-Hỷ và Xả.

Về ba đời, tám trí này đều gồm chung ba đời.

Duyên với ba đời, Pháp trí-Loại trí và Thế tục đều duyên với ba đời và tách rời thế gian; Tha tâm trí quá khứ duyên với quá khứ. Hiện tại duyên với hiện tại, vị lai sinh pháp thì duyên với vị lai, không sinh pháp thì duyên với ba đời; Diệt trí duyên với tách rời thời gian, trí còn lại duyên với ba đời.

Về thiện-bất thiện và vô ký Thế tục trí gồm chung ba loại, trí còn lại chỉ là thiện.

Duyên với thiện-bất thiện và vô ký, Loại trí duyên với thiện-vô ký, Diệt-Đạo trí chỉ duyên với thiện, trí còn lại duyên với ba loại.

Về hệ thuộc ma cõi-không hệ thuộc, Tha tâm trí nếu hữu lậu thì hệ thuộc cõi Sắc, nếu vô lậu thì không hệ thuộc; Thế tục trí hệ thuộc chung cả ba cõi; trí còn lại thì không hệ thuộc.

Duyên với hệ thuộc ba cõi-không hệ thuộc, Pháp trí duyên với hệ thuộc cõi Dục và không hệ thuộc, Loại trí duyên với hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc và không hệ thuộc, Tha tâm trí duyên với hệ thuộc cõi Dục-Sắc và không hệ thuộc, Thế tục trí duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc Khổ-Tập trí duyên với hệ thuộc ba cõi, Diệt-Đạo trí duyên với không hệ thuộc.

Về Học-Vô học và phi học phi vô học, Tha tâm trí chung cả ba loại, Thế tục trí chỉ riêng Phi học phi vô học, trí còn lại là Học và Vô học.

Duyên với Học-Vô học và phi học phi vô học, Pháp-Loại-Thế tục và Tha tâm trí đều duyên với ba loại, Khổ-Tập-Diệt trí chỉ duyên với Phi học Phi vô học, Đạo trí duyên với Học và Vô học. Về kiến-tu mà đoạn và không đoạn, Tha tâm trí nếu là hữu lậu thì do tu mà đoạn, nếu là vô lậu thì không đoạn; Thế tục trí là do kiến-tu mà đoạn, trí còn lại là không đoạn. Duyên với kiến-tu mà đoạn và không đoạn, Pháp-Loại-Thế tục và Tha tâm trí duyên với ba loại, Khổ-Tập trí duyên với kiến-tu mà đoạn, Diệt-Đạo trí duyên với không đoạn.

Duyên với danh-duyên với nghĩa, Pháp-Loại-Thế tục-Khổ-Tập trí duyên chung với danh và nghĩa, trí còn lại chỉ duyên với nghĩa.

Duyên với Tự-Tha tương tục và Phi tương tục, Pháp-Loại và Thế tục trí duyên với ba loại, Tha tâm trí duyên với Tha tương tục, Khổ-Tập-Đạo trí duyên với Tự-Tha tương tục, Diệt trí duyên với Phi tương tục.

Gia hạnh đặc-ly nhiễm đặc và sinh đặc, Thế tục trí gồm chung ba loại, trí còn lại gồm chung gia hạnh đặc và ly nhiễm đặc.

Từng đạt được-chưa từng đạt được, Tha tâm trí và Thế tục trí gồm cả từng đạt được-chưa từng đạt được, trí còn lại chỉ riêng chưa từng đạt

được.

- Lại nữa, Pháp trí có bốn loại:

1. Đối với pháp bắt đầu biết cho nên gọi là pháp trí.
2. Đối với pháp hiện đang biết cho nên gọi là Pháp trí.
3. Đối với pháp thật sự biết cho nên gọi là Pháp trí.
4. Đối với pháp rời khỏi nhận biết cho nên gọi là Pháp trí.

- Tỷ loại trí cũng có bốn loại:

1. Dùng nhân tỷ loại biết quả.
2. Dùng quả tỷ loại biết nhân.
3. Dùng nghiệp thân-ngũ tỷ loại biết tâm.
4. Dùng pháp đã nói tỷ loại biết Phật.

Tha tâm trí cũng có bốn loại, đó là từ bốn duyên mà sinh ra cũng có thể làm bốn duyên, trí phụ thuộc của trí này cũng như vậy.

- Thế tục trí cũng có bốn loại:

1. Biết tên gọi thế tục.
2. Biết ràng buộc thế tục.
3. Biết giả lập thế tục.
4. Biết chấp trước thế tục.

- Khổ trí cũng có bốn loại:

1. Biết khổ của sinh.
2. Biết khổ của lưu chuyển.
3. Biết khổ của nóng bức phiền muộn.
4. Biết khổ của hòa hợp.

- Tập trí cũng có bốn loại:

1. Biết nghiệp.
2. Biết phiền não.
3. Biết ái.
4. Biết sự việc.

- Diệt trí cũng có bốn loại:

1. Biết ba kiếp vĩnh viễn đoạn trừ.
2. Biết thâm sâu si mỏng dần.
3. Biết năm kiếp thuận phần dưới không còn.
4. Biết tất cả các kiết dứt sạch.

- Đạo trí cũng có bốn loại:

1. Biết từ Bồ-đặc-già-la thứ tám cho đến tất cả phần vị Học đều có những việc đã làm.
2. Biết làm cho oàn địch phải thuần phục.
3. Quán xét việc làm vốn có.

4. Quán xét gần hết lậu.

- Tận trí cũng có bốn loại:

1. Kiến mà không nhiếp.

2. Lìa xa Định Không.

3. Không phải là Tha tâm trí.

4. Gia hạnh chậm chạp.

- Vô sinh trí cũng có bốn loại:

1. Bởi vì nhân.

2. Bởi vì quả.

3. Bởi vì nối tiếp nhau.

4. Bồ-đặc-già-la.

Trong này đã nói đến bốn Pháp trí..., là giải thích rộng ra các trí sai biệt trong kinh, chứ không phải đầu chính là Pháp trí... thâm nhiếp.

Lại nữa, nên nói mười trí tổng hợp là một trí, đó là Pháp trí, bởi vì đều lấy pháp làm Thể. Nên nói mười trí tổng hợp làm một trí, đó là Loại trí, bởi vì đều là chủng loại Thánh. Nên nói mười trí tổng hợp làm một trí đó là trí đã nhận biết, bởi vì đã biết mà nhận biết cho nên xem xét quyết định lại. Nên nói mười trí tổng hợp làm một trí, đó là Đạo trí, bởi vì Đạo đề thâm nhiếp. Nên nói mười trí tổng hợp làm một trí, đó là Nguyện trí, bởi vì có năng lực thoả mãn điều mong cầu. Nên nói mười trí tổng hợp làm một trí, đó là Tận trí, bởi vì đạt được trong thân người không còn phiền não. Nên nói mười trí tổng hợp làm một trí, đó là Vô sinh trí, bởi vì không lui sụt rơi rụng.

Hỏi: Thế nào Pháp trí?

Đáp: Tất cả trí vô lậu đối với các hành-nhân của các hành-diệt các hành-đạo có thể đoạn các hành của cõi Dục.

Trong này, các hành là khổ đế, nhân của các hành là Tập đế, diệt các hành là Diệt đế, đạo có thể đoạn các hành là Đạo đế. Các trí vô lậu có thể nhận biết về bốn Đế của cõi Dục như vậy, gọi chung là pháp trí. Lại nữa, tất cả trí vô lậu đối với Pháp trí và địa của Pháp trí, đó gọi là Pháp trí.

Hỏi: Vì sao lại nói đến trí này?

Đáp: Trước đây tuy nói về đạo vô gián có thể đoạn các hành của cõi Dục, mà chưa nói đến đạo gia hạnh-giải thoát-thắng tiến, nay cần phải nói đến.

Trong này, Pháp trí là pháp trí của ba đạo; địa của Pháp trí là các pháp cùng có tương ứng với Pháp trí của ba đạo. Lại nữa, đạo có thể đoạn là Pháp trí của đạo vô gián, Pháp trí là Pháp trí của ba đạo khác;

địa của Pháp trí là các pháp cùng có tương ứng với Pháp trí của bốn đạo, và bốn phẩm Pháp nhẫn. Lại nữa, đạo có thể đoạn là pháp vô lậu của bốn đạo có thể đoạn phiền não của cõi Dục, Pháp trí là Pháp trí đã tu-đã khởi vào lúc khác; địa của Pháp trí là các pháp cùng có tương ứng với lúc ấy. Tiếp theo sau Loại trí dựa theo đây nên biết. Tha tâm trí... như vẫn nói rộng ra, nên biết về tướng ấy.

Pháp trí cho đến Đạo trí, ở trong tám trí thì mỗi một trí thâm nhiếp mấy loại?

Hỏi: vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về Chánh lý. Nghĩa là hoặc có người chấp: Các pháp thâm nhiếp, đó là thâm nhiếp tánh khác chứ không thâm nhiếp tự tánh. Như Luận giả Phân Biệt đã chấp. Vì ngăn chặn cái chấp ấy, muốn nhấn bày về các pháp đều thâm nhiếp tự tánh chứ không thâm nhiếp tánh khác, cho nên soạn ra phần luận này. Nghĩa lý trong này như trong chương Kiết Uẩn đã phân biệt rộng ra.

Pháp trí thâm nhiếp Pháp trí và phần ít của năm trí đó là Tha tâm trí và Khổ-Tập-Diệt-Đạo trí.

Trong này, nói tổng quát là Pháp trí thâm nhiếp Pháp trí, nhưng Pháp trí thuộc về sáu địa, Vị chí Định thì thâm nhiếp Vị chí Định, cho đến Tĩnh lự thứ tư thì thâm nhiếp Tĩnh lự thứ tư. Lại nữa, Pháp trí có bốn loại đó là trí của bốn Đế, Khổ trí thâm nhiếp Khổ trí, cho đến Đạo trí thâm nhiếp Đạo trí. Lại nữa, Pháp trí thuộc về ba đời, quá khứ thâm nhiếp quá khứ, vị lai thâm nhiếp vị lai, hiện tại thâm nhiếp hiện tại; quá khứ và vị lai đều có nhiều sát-na, mỗi một sát-na tự mình thâm nhiếp.

Ngay Pháp trí này thâm nhiếp phần ít của Tha tâm trí, nghĩa là Tha tâm trí có hữu lậu, có vô lậu; trí này chỉ thâm nhiếp vô lậu. Vô lậu ấy lại có phẩm Pháp trí, có phẩm Loại trí; trí này chỉ thâm nhiếp phẩm Pháp trí. Vì vậy nói thâm nhiếp phần ít của trí kia.

Ngay Pháp trí này thâm nhiếp phần ít của Khổ-Tập-Diệt-Đạo trí, nghĩa là bốn trí ấy đều có phẩm Pháp trí, có phẩm Loại trí; trí này chỉ thâm nhiếp phẩm Pháp trí, cho nên nói là thâm nhiếp phần ít của bốn trí

Loại trí thâm nhiếp Loại trí và phần ít của năm trí, đó là Tha tâm trí và Khổ-Tập-Diệt-Đạo trí.

Trong này, nói tổng quát là Loại trí thâm nhiếp Loại trí, nhưng loại trí thuộc về chính địa, Vị chí Định thì thâm nhiếp Vị chí Định, cho đến Vô sở hữu xứ thì thâm nhiếp Vô sở hữu xứ, phần còn lại nói rộng ra như Pháp trí.

Tha tâm trí thâm nhiếp Tha tâm trí và phần ít của bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí. Trong này, nói tổng quát là Tha tâm trí thâm nhiếp Tha tâm trí, nhưng Tha tâm trí thuộc về bốn tính lự căn bản, Tính lự thứ nhất thì thâm nhiếp Tính lự thứ nhất, cho đến Tính lự thứ tư thì thâm nhiếp Tính lự thứ tư. Lại nữa, Tha tâm trí có hữu lậu-có vô lậu, hữu lậu thâm nhiếp hữu lậu, vô lậu thâm nhiếp vô lậu. Hữu lậu này thì có đã từng đạt được-có chưa từng đạt được, đã từng đạt được thâm nhiếp đã từng đạt được, chưa từng đạt được thâm nhiếp chưa từng đạt được; vô lậu này thì có phẩm Pháp trí-có phẩm Loại trí, Pháp trí thâm nhiếp phẩm Pháp trí, phẩm Loại trí thâm nhiếp phẩm Loại trí. Lại nữa, Tha tâm trí này gồm chung ba đời, quá khứ thâm nhiếp quá khứ vị lai thâm nhiếp vị lai hiện tại thâm nhiếp hiện tại quá khứ và vị lai đều có sát-na, mỗi một sát-na tự mình thâm nhiếp.

Ngay Tha tâm trí này thâm nhiếp phần ít của Pháp trí, nghĩa là pháp trí thuộc về sáu địa, trí này chỉ thâm nhiếp Pháp trí của bốn Tính lự căn bản kia. Lại nữa, Pháp trí có bốn loại, đó là trí của bốn Đế, trí này chỉ thâm nhiếp Pháp trí của Đạo trí. Lại nữa, Pháp trí của Đạo trí có duyên riêng biệt-có duyên toàn bộ, có duyên hiện tại-có duyên quá khứ và vị lai, có duyên Tự tương tục-có duyên Tha tương tục, có duyên tâm-tâm sở pháp, có duyên với Uẩn khác; trí này chỉ thâm nhiếp Pháp trí duyên riêng biệt-hiện tại-Tha tương tục-tâm tâm sở pháp, cho nên nói là thâm nhiếp phần ít của Pháp trí. Như nói trí này thâm nhiếp phần ít của Pháp trí, nói trí này thâm nhiếp phần ít của Loại trí cũng như vậy; có điểm khác nhau là nên nói Loại trí thuộc về chính địa, trí này chỉ thâm nhiếp Loại trí thuộc về bốn Tính lự căn bản.

Lại nữa, Tha tâm trí này thâm nhiếp phần ít của Thế tục trí, nghĩa là Thế tục trí thuộc về mười tám địa; trí này chỉ thâm nhiếp Thế tục trí thuộc về bốn tính lự căn bản. Lại nữa, Thế tục trí có thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký, trí này chỉ thâm nhiếp Thế tục trí thiện. Lại nữa, Thế tục trí thiện có duyên riêng biệt, có duyên tổng quát, nói rộng như trước; trí này chỉ thâm nhiếp Thế tục trí thiện có duyên riêng biệt-hiện tại-Tha tương tục và tâm-tâm sở pháp, cho nên nói là thâm nhiếp phần ít của Thế tục trí.

Lại nữa, Tha tâm trí này thâm nhiếp phần ít của Đạo trí, nghĩa là Đạo trí thuộc về chính địa; trí này chỉ thâm nhiếp Đạo trí thuộc về bốn Tính lự căn bản. Lại nữa, Đạo trí của bốn Tính lự căn bản có duyên riêng biệt, có duyên tổng quát, nói rộng như trước; trí này chỉ thâm nhiếp Đạo trí có duyên riêng biệt-hiện tại-Tha tương tục và tâm-tâm sở pháp,

cho nên nói là thâm nhiếp phần ít của Đạo trí.

Thế tục trí thâm nhiếp Thế tục trí và phần ít của Tha tâm trí.

Trong này, nói tổng quát là Thế tục trí thâm nhiếp Thế tục trí, nhưng Thế tục trí thuộc về mười tám địa, cõi Dục thì thâm nhiếp cõi Dục, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ thì thâm nhiếp Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Lại nữa, Thế tục trí có thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký, thiện thì thâm nhiếp thiện, nhiễm ô thì thâm nhiếp nhiễm ô, vô phú vô ký thì thâm nhiếp vô phú vô ký. Lại nữa, Thế tục trí gồm chung ba đời, quá khứ thâm nhiếp quá khứ, vị lai thâm nhiếp vị lai, hiện tại thâm nhiếp hiện tại; quá khứ và vị lai đều nhiều sát-na, mỗi một sát-na tự mình thâm nhiếp.

Lại nữa, Thế tục trí thâm nhiếp phần ít của Tha tâm trí, nghĩa là Tha tâm trí có hữu lậu-có vô lậu; trí này chỉ thâm nhiếp Tha tâm trí hữu lậu, cho nên nói là thâm nhiếp phần ít của Tha tâm trí.

Khổ trí thâm nhiếp Khổ trí và phần ít của hai trí, đó là Pháp trí và Loại trí.

Trong này, nói tổng quát là Khổ trí thâm nhiếp Khổ trí, nhưng Khổ trí thuộc về chình địa, Vị chí Định thì thâm nhiếp Vị chí Định, cho đến vô sở hữu xứ thì thâm nhiếp vô sở hữu xứ; phần còn lại như trước nói.

Lại nữa, Khổ trí này thâm nhiếp phần ít của Pháp trí, nghĩa là Pháp trí có Khổ-Tập-Diệt-Đạo trí; trí này chỉ thâm nhiếp các trí của Khổ trí, cho nên nói là thâm nhiếp phần ít của Pháp trí. Như nói trí này thâm nhiếp phần ít của Pháp trí, nói trí này thâm nhiếp phần ít của Loại trí cũng như vậy. Như Khổ trí thâm nhiếp một trí và phần ít của hai trí, Tập trí và Diệt trí nên biết cũng như vậy.

Đạo trí thâm nhiếp Đạo trí và phần ít của ba trí, đó là Pháp-Loại và Tha tâm trí.

Trong này, nói tổng quát là Đạo trí thâm nhiếp Đạo trí, nhưng Đạo trí thuộc về chình địa, Vị chí Định thì thâm nhiếp Vị chí Định, cho đến Vô sở hữu xứ thì thâm nhiếp Vô sở hữu xứ; phần còn lại như trước nói.

Lại nữa, Đạo trí này thâm nhiếp phần ít của Pháp trí-Loại trí, như trước nói về Khổ trí thâm nhiếp phần ít của Pháp trí-Loại trí.

Lại nữa, Đạo trí này thâm nhiếp phần ít của Tha tâm trí, nghĩa là Tha tâm trí có hữu lậu-có vô lậu, trí này chỉ thâm nhiếp Tha tâm trí vô lậu, cho nên nói là thâm nhiếp phần ít của Tha tâm trí.

Trong này, thâm nhiếp có nghĩa là thâm nhiếp tự tánh, tự tánh đối với tự tánh thật sự có thể đạt được, không lìa ra-không cõi bỏ, thường tồn tại chứ không trống rỗng, luôn luôn làm chướng ngại, cho nên nói

là thâm nhiếp.

Nếu thành tựu Pháp trí, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về Chánh lý. Nghĩa là hoặc có người chấp: Tánh thành tựu và không thành tựu không có thật. Như phái Thí Dụ đã chấp. Vì ngăn chặn cái chấp ấy để hiển bày về tành thành tựu-tánh không thành tựu là quyết định thật có, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi:: Nếu thành tựu Pháp trí thì đối với tám trí này, có mấy thành tựu-mấy không thành tựu?

Đáp: Hoặc là ba-bốn-năm-sáu-bảy-tám. Nghĩa là lúc Khổ pháp trí-Khổ loại trí nhãn, không có Tha tâm trí thì thành tựu ba, có Tha tâm trí thì thành tựu bốn.

Trong này, ba đó là Pháp trí-Khổ trí và Thế tục trí; bốn đó là ba trí trước cộng thêm Tha tâm trí.

Nếu chưa lìa nhiễm cõi Dục mà tiến vào Chánh tành ly sinh, thì lúc bấy giờ thành tựu ba; nếu đã lìa nhiễm cõi Dục mà tiến vào Chánh tành ly sinh thì lúc bấy giờ thành tựu bốn. Những điều nói sau này dựa theo đây nên biết.

Lúc Khổ pháp trí, thì Pháp trí-Khổ trí thành tựu hiện tại và vị lai, tức là Thế một trí mà bởi vì đối trị cho nên gọi là Pháp trí, bởi vì hành tướng cho nên gọi là Khổ trí. Thế tục trí-Tha tâm trí thành tựu quá khứ-vị lai.

Lúc Khổ loại trí nhãn, thì tăng thêm Kiến-tăng thêm Tuệ-tăng thêm Đạo, không phải là Trí-không phải là Danh, lúc bấy giờ Pháp trí-Khổ trí-Thế tục trí hoặc là Tha tâm trí, đều chỉ thành tựu quá khứ-vị lai, bởi vì hiện tại không có. Những điều nói sau này dựa theo đây nên biết.

Lúc Khổ loại trí-Tập pháp trí nhãn, không có Tha tâm trí thì thành tựu bốn, có Tha tâm trí thì thành tựu năm.

Trong này, bốn đó là Pháp-Loại-Khổ và Thế tục trí; năm đó là bốn trí trước cộng thêm Tha tâm trí.

Lúc Khổ loại trí, thì tăng thêm Kiến-tăng thêm Tuệ-tăng thêm Đạo-tăng thêm Trí-tăng thêm Danh, nghĩa là Loại trí gọi cho Khổ trí này, bởi vì lúc ấy tên gọi Khổ pháp trí đã có được. Lúc Tập pháp trí nhận, thì tăng thêm Kiến-Tuệ-Đạo, không phải là Trí-không phải là Danh.

Lúc Tập pháp trí cho đến lúc Diệt pháp trí nhãn, không có Tha

tâm trí thì thành tựu năm, có Tha tâm trí thì thành tựu sáu.

Trong này, năm đó là Pháp-Loại-Khổ-Tập và Thế tục trí, sáu đó là năm trí trước cộng thêm Tha tâm trí.

Lúc Tập pháp trí, thì tăng thêm Kiến-Tuệ-Đạo và Trí-Danh, nghĩa là Tập trí gọi cho Pháp trí này bởi vì lúc ấy tên gọi Khổ pháp trí đã cò được.

Lúc Tập loại trí nhãn-Tập loại trí-Diệt pháp trí nhãn, thì tăng thêm Kiến-Tuệ-Đạo, không phải là Trí-không phải là Danh. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì lúc ấy Tập loại trí đã có được tên gọi Tập trí, không khác với lúc Tập pháp trí đã có được tên gọi Tập trí; bởi vì lúc bấy giờ đã có được tên gọi Loại trí, không khác với lúc Khổ loại trí đã có được tên gọi Loại trí.

Lúc Diệt pháp trí cho đến lúc Đạo pháp trí nhãn, không có Tha tâm trí thì thành tựu sáu, có Tha tâm trí thì thành tựu bảy.

Trong này, sáu đó là Pháp-Loại-Khổ-Tập-Diệt và Thế tục trí, bảy đó là sáu trí trước cộng thêm Tha tâm trí.

Lúc Diệt pháp trí, thì tăng thêm Kiến-Tuệ-Đạo và Trí-Danh, nghĩa là Diệt trí gọi cho Diệt loại trí nhãn.

Lúc Diệt loại trí-Đạo pháp trí nhãn, thì tăng thêm Kiến-Tuệ-Đạo, không phải là Trí-không phải là Danh. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì lúc ấy Diệt loại trí đã có được tên gọi Diệt trí, không khác với lúc Diệt pháp trí đã có được tên gọi Diệt trí; bởi vì lúc bấy giờ đã có được tên gọi Loại trí, không khác với lúc Khổ loại trí đã có được tên gọi Loại trí.

Lúc đạo Pháp trí cho đến lúc Đạo loại trí, không có Tha tâm trí thì thành tựu bảy, có Tha tâm trí thành tựu tám.

Trong này, bảy đó là trong tám trí trừ ra Tha tâm trí, tám đó là bảy trí trước cộng thêm Tha tâm trí.

Lúc Đạo pháp trí, thì tăng thêm Kiến-Tuệ-Đạo, không phải là Trí-không phải là Danh. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì lúc ấy Đạo loại trí đã có được tên gọi Đạo trí, không khác với lúc Đạo pháp trí đã có được tên gọi Đạo trí; bởi vì lúc bấy giờ đã có được tên gọi Loại trí, không khác với lúc Khổ loại trí đã có được tên gọi Loại trí.

Nếu thành tựu Loại trí cho đến nếu thành tựu Đạo trí, thì đối với tám trí này thành tựu bao nhiêu, như văn nói rộng ra nên biết về tướng ấy.

Tăng thêm về Kiến-Tuệ-Đạo và tăng thêm về Trí-Danh, như trong Pháp trí nên biết về tướng ấy. nhưng thành tựu Pháp trí và Khổ trí, lấy lúc Khổ pháp trí làm thành tựu thứ nhất; Loại trí lấy lúc Khổ loại

trí làm thành tựu thứ nhất; Tha tâm trí lấy Đạo giải thoát thứ chín là nhiệm cội Dục, và ở cội Vô sắc chết đi sinh vào cội Sắc lúc tâm Trung Hữu đầu thai, làm thành tựu thứ nhất; Thế tục trí không có thứ nhất, bởi vì tất cả hữu tình vốn có thành tựu. Thành tựu Tập trí lấy lúc Tập pháp trí làm thành tựu thứ nhất, Diệt trí lấy lúc Diệt pháp trí làm thành tựu thứ nhất, Đạo trí lấy lúc Đạo pháp trí làm thành tựu thứ nhất. Pháp-Loại-Tập-Khổ-Diệt-Đạo trí, từ lúc bắt đầu đạt được về sau, cho đến lúc chưa nhập Niết-bàn thì luôn luôn thành tựu; Thế tục trí từ thời gian ban đầu không thể biết được, cho đến lúc chưa nhập Niết-bàn thì luôn luôn thành tựu; Tha tâm trí đã lìa nhiệm cội Dục mà chưa sinh vào cội Vô sắc chưa nhập Niết-bàn thì luôn luôn thành tựu. Đây gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược ở nơi này.

Nếu tu Pháp trí thì cũng tu Loại trí chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về chánh lý. Nghĩa là hoặc có người nói: Pháp thiện-nhiễm và vô ký đều có nghĩa cuả. Vì ngăn chặn cái chấp ấy để hiển bày chỉ riêng pháp thiện hữu vi có thể có nghĩa tu. Tại sao biết như vậy? Như trong kinh nói: “Pháp thiện hữu vi cần phải tu chứ không phải là pháp nào khác. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì nếu Pháp trí là quả yêu quý, thì khuyến khích chịu khó tinh tiến tu tập làm cho dần dần tăng trưởng, cho nên gọi là tu. Chỉ riêng pháp thiện hữu vi có năng lực đạt được quả yêu quý, đó là bởi vì đạt được quả dị thực tăng thượng đáng yêu quý của thế gian, cũng bởi vì đạt được quả lìa cxa ràng buộc của xuất thế gian. Những người có trí chịu khó tinh tiến tu tập, từ bậc Hạ đến bậc Trung, từ bậc Trung đến bậc Thượng, khiến cho nhanh chóng đạt được quả yêu quý đã mong cầu. Pháp nhiễm-vô ký và thiện vô vi không có tác dụng như vậy, cho nên không gọi là tu.” Hoặc có người bác bỏ không có nghĩa của tu vị lai, nghĩa là bởi vì quá khứ và vị lai đều không có Thể thật sự. Vì ngăn chặn cái chấp ấy để hiển bày chắc chắn thật sự có quá khứ và vị lai, hiện tại có thể tu pháp thiện của vị lai, nghĩa là pháp thiện thù thắng của đời hiện tại làm nhân, dẫn dắt phát khởi đạt được các pháp thiện của vị lai, thì sẽ không có nghĩa đạt được quả..., nghĩa là lúc đạt được quả... thì hiện tại chỉ có một trí mà vị lai tu tám trí, hiện tại chỉ có một hành tướng mà vị lai tu mười sáu hành tướng, hiện tại chỉ có một sát-na mà vị lai tu vô lượng sát-na, hiện tại hoặc là chỉ có tâm-tâm sở pháp hữu lậu mà vị lai tu tâm-tâm sở pháp hữu lậu và vô lậu, hoặc có lúc hiện tại chỉ có tâm-tâm sở pháp vô lậu mà vị lai tu tâm-tâm sở pháp vô lậu và

hữu lậu, những sự việc như vậy đều sẽ không thể thành tựu. Lại nữa, lúc chư Phật chứng được Đại Bồ-đề, hiện tại chỉ có công đức của Tận trí; nếu không có nghĩa của tu thiện vị lai, thì lẽ ra chư Phật không có Nhất thiết trí. Đừng có sai lầm quá mức như vậy, cho nên nhất định phải thừa nhận là tu pháp thiện của vị lai. Bởi vì ngăn chặn các loại chấp lạ lùng như vậy, và hiển bày về Chánh lý, cho nên soạn ra phần luận này.

Tu có bốn loại, nói rộng trước. Trong này chỉ dựa vào hai loại tu mà soạn luận, đó là tu đạt được và tu luyện tập.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 107

LUẬN VỀ TU TRÍ (Phần 3)

Dị sinh, lúc lìa nhiễm cõi Dục, trong các đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-tám đạo giải thoát, hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai cũng chỉ tu Thế tục trí; trong đạo giải thoát thứ chín, hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai tu Thế tục trí và Tha tâm trí. Lúc lìa nhiễm của Tịch lự thứ nhất, nếu dựa vào Tịch lự thứ nhất làm gia hạnh, thì trong đạo gia hạnh ấy hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai tu Thế tục trí và Tha tâm trí; nếu dựa vào cận phần của Tịch lự thứ hai làm gia hạnh, thì trong đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-tám đạo giải thoát ấy, hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai cũng chỉ tu Thế tục trí, trong đạo giải thoát thứ chín thì hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai tu Thế tục trí và Tha tâm trí. Lúc lìa nhiễm của Tịch lự thứ hai-thứ ba, nên biết cũng như vậy. Lúc lìa nhiễm của Tịch lự thứ tư, nếu dựa vào Tịch lự thứ tư làm gia hạnh, thì trong đạo gia hạnh ấy hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai tu Thế tục trí và Tha tâm trí; nếu dựa vào cận phần của Không vô biên xứ làm gia hạnh, thì trong đạo gia hạnh-chín đạo vô gián giải thoát ấy, hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai cũng chỉ tu Thế tục trí. Lúc lìa nhiễm của Không vô biên xứ, trong các đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát, hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai cũng chỉ tu Thế tục trí. Lúc lìa nhiễm của Thức vô biên xứ và Vô sở hữu xứ, nên biết cũng như vậy.

Dị sinh chưa lìa nhiễm cõi Dục, lúc khởi lên bốn Vô lượng-hai Giải thoát đầu-bốn Thắng xứ trước-Bất tịnh quán-Trí tức niệm-Niệm trú và Noãn-Đảnh-nhãn-Thế đệ nhất pháp, thì hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai cũng chỉ tu Thế tục trí. Dị sinh đã lìa nhiễm cõi Dục, lúc khởi lên bốn Vô lượng-ba Giải thoát đầu-tám Thắng xứ-tám Biên xứ trước-Bất tịnh quán- Trí tức niệm-Niệm trú, thì hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai tu Thế tục trí và Tha tâm trí. Lúc khởi lên Noãn-Đảnh-Nhãn-Thế đệ

nhất pháp, thì hiện tại tu Thế tục trí, vị lai cũng chỉ tu Thế tục trí. Lúc khởi lên Vô sắc-bốn Giải thoát-hai Biến xứ và Niệm trú, thì hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai cũng chỉ tu Thế tục trí. Lúc dẫn dắt phát sinh năm Thông, trong các đạo gia hạnh-hai đạo giải thoát, hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai tu Thế tục trí và Tha tâm trí; trong một đạo giải thoát, hiện tại tu Thế tục trí và Tha tâm trí, vị lai cũng tu Thế tục trí và Tha tâm trí; trong năm đạo vô gián, hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai cũng chỉ tu Thế tục trí; trong hai đạo giải thoát, không tu trí bởi vì vô ký.

Thánh giả trong Kiến đạo, nếu hiện tại tu công đức như vậy, thì vị lai tu công đức như vậy. Như lúc các Nhẫn hiện rõ ở trước mắt, hiện tại tu Nhẫn như vậy, vị lai cũng tu Nhẫn như vậy; lúc các trí hiện rõ ở trước mắt, hiện tại tu Trí như vậy, vị lai cũng tu Trí như vậy. Trừ ra trong ba tâm, vị lai cũng tu Thế tục trí, đó là lúc Khổ-Tập-Diệt loại trí, cũng tu Thế tục trí Hiện quán biên thuộc vị lai.

Hỏi: Vì sao trong Kiến đạo chỉ tu Đồng phần (cung thành phần), trong Tu đạo có thể tu Đồng phần và không Đồng phần?

Đáp: Bởi vì Kiến đạo là xứ sở ổn định-đối trị ổn định, cho nên chỉ tu đồng phần; Tu đạo thì xứ sở không ổn định-đối trị không ổn định, cho nên có thể tu đồng phần và không đồng phần. Lại nữa, bởi vì Kiến đạo là sở duyên ổn định-đối trị ổn định, cho nên chỉ tu đồng phần; Tu đạo thì sở duyên không ổn định-đối trị không ổn định, cho nên có thể tu đồng phần và không đồng phần. Lại nữa, trong Kiến đạo lần đầu đạt được chủng tánh Thánh-đối với bốn Thánh để bắt đầu tu về hành tướng Thánh, cho nên chỉ tu đồng phần; trong Tu đạo đã đạt được chủng tánh Thánh-đối với bốn Thánh để đã tu về hành tướng Thánh, cho nên có thể tu đồng phần và không đồng phần. Lại nữa, trong Kiến đạo lần đầu đạt được Kiến đế-lần đầu đạt được Hiện quán, cho nên chỉ tu đồng phần; trong Tu đạo đã đạt được Kiến đế-đã đạt được Hiện quán, cho nên có thể tu đồng phần và không đồng phần.

Lúc Đạo loại trí không có Tha tâm trí, hiện tại tu Đạo trí và Loại trí, vị lai tu sáu trí, trừ ra Thế tục trí và Tha tâm trí; có Tha tâm trí thì hiện tại tu Đạo trí và Loại trí, vị lai tu bảy trí, trừ ra Thế tục trí.

Thánh giả, lúc dùng đạo thế tục lìa nhiễm cõi Dục, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì trong đạo gia hạnh ấy, hiện tại tu tùy theo hai trí trong bốn Pháp trí-bốn Loại trí, vị lai tu bảy trí, trừ ra Tha tâm trí; nếu thế tục làm gia hạnh, thì trong đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-tám đạo giải thoát ấy, hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai tu bảy trí, trừ ra Tha tâm trí; trong đạo giải thoát thứ chín, hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai tu tám trí.

Lúc lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, nếu vô lậu làm gia hạnh, thì trong đạo gia hạnh ấy, hiện tại tu tùy theo hai trí trong bốn Pháp trí-bốn Loại trí, vị lai tu tám trí; nếu thế tục làm gia hạnh, thì trong đạo gia hạnh-chín đạo giải thoát ấy, hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai tu tám trí; trong chín đạo vô gián, hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai tu bảy trí, trừ ra Tha tâm trí. Cho đến lúc lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, nên biết cũng như vậy.

Lúc dùng đạo vô lậu lìa nhiễm cõi Dục, nếu thế tục làm gia hạnh thì trong đạo gia hạnh ấy, hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai tu bảy trí, trừ ra Tha tâm trí; nếu vô lậu làm gia hạnh thì trong đạo gia hạnh ấy, hiện tại tu tùy theo hai trí trong bốn Pháp trí-bốn Loại trí, vị lai tu bảy trí, trừ ra Tha tâm trí; trong chín đạo vô gián-tám đạo giải thoát, hiện tại tu tùy theo hai trí trong bốn Pháp trí, vị lai tu bảy trí, trừ ra Tha tâm trí; trong đạo giải thoát thứ chín, hiện tại tu theo hai trí trong bốn Pháp trí, vị lai tu tám trí.

Lúc lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, nếu dùng thế tục làm gia hạnh thì trong đạo gia hạnh ấy, hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai tu tám trí. Nếu vô lậu làm gia hạnh thì trong đạo gia hạnh ấy, hiện tại tu tùy theo hai trí trong bốn Pháp trí-bốn Loại trí, vị lai tu tám trí; trong chín đạo vô gián, hiện tại tu tùy theo hai trí trong hai Pháp trí-bốn Loại trí, vị lai tu bảy trí, trừ ra Tha tâm trí; trong chín đạo giải thoát, hiện tại tu tùy theo hai trí trong hai Pháp trí-bốn Loại trí, vị lai tu tám trí. Cho đến lúc lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, nên biết cũng như vậy.

Lúc lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu thế tục làm gia hạnh thì trong đạo gia hạnh ấy, hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai tu tám trí. Nếu vô lậu làm gia hạnh thì trong đạo gia hạnh ấy, hiện tại tu tùy theo hai trí trong bốn Pháp trí-bốn Loại trí, vị lai tu tám trí; trong chín đạo vô gián, hiện tại tu tùy theo hai trí trong hai Pháp trí-bốn Loại trí, vị lai tu sáu trí, trừ ra Thế tục trí và Tha tâm trí; trong tám đạo giải thoát, hiện tại tu tùy theo hai trí trong hai Pháp trí-bốn Loại trí, vị lai tu bảy trí, trừ ra Thế tục trí; trong đạo giải thoát thứ chín, hiện tại tu tùy theo hai trí trong hai loại trí, vị lai tu tám trí và tu thiện căn Vô lượng của ba cõi.

Tín thắng giải chưa lìa nhiễm cõi Dục, lúc luyện căn làm Kiến chí, nếu thế tục làm gia hạnh thì trong đạo gia hạnh ấy, hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai tu bảy trí, trừ ra Tha tâm trí. Nếu vô lậu làm gia hạnh thì trong đạo gia hạnh ấy, hiện tại tu tùy theo hai trí trong bốn Pháp trí-bốn Loại trí, vị lai tu bảy trí, trừ ra Tha tâm trí; trong đạo vô gián, hiện tại tu tùy theo hai trí trong bốn Pháp trí-bốn Loại trí, vị lai tu sáu trí, trừ

ra Thế tục trí và Tha tâm trí; trong đạo giải thoát, hiện tại tùy theo hai trí trong bốn Pháp trí-bốn Loại trí, vị lai có nơi nói tu sáu trí trừ ra Thế tục trí và Tha tâm trí, có nơi nói tu bảy trí trừ ra Tha tâm trí.

Tín thắng giải đã lìa nhiễm cõi Dục, lúc luyện căn làm Kiến chí, nếu thế tục làm gia hạnh thì trong đạo gia hạnh ấy, hiện tại tu hai trí tùy theo trong bốn Pháp trí-bốn Loại trí, vị lai tu tám trí; trong đạo vô gián, hiện tại tu hai trí tùy theo trong bốn Pháp trí-bốn Loại trí, vị lai tu sáu trí, trừ ra Thế tục trí và Tha tâm trí; trong đạo giải thoát, hiện tại tu hai trí tùy theo trong bốn pháp Pháp trí-bốn Loại trí, vị lai có nơi nói tu bảy trí trừ ra Thế tục trí, có nơi nói tu tám trí.

A-la-hán Thời giải thoát, lúc luyện căn làm Bất động, nếu thế tục làm gia hạnh thì trong đạo gia hạnh ấy, hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai tu tám trí. Nếu vô lậu làm gia hạnh thì trong đạo gia hạnh ấy, hiện tại tu hai trí tùy theo trong bốn Pháp trí-bốn Loại trí, vị lai tu tám trí; trong chín đạo vô gián, hiện tại tu hai trí tùy theo trong hai Pháp trí- bốn Loại trí, vị lai tu sáu trí trừ ra Thế tục trí và Tha tâm trí; trong tám đạo giải thoát, hiện tại tu hai trí tùy theo trong hai Pháp trí-bốn Loại trí, vị lai tu bảy trí trừ ra Thế tục trí; trong đạo giải thoát thứ chín, hiện tại tu hai trí tùy theo hai Loại trí, vị lai tu tám trí và tu thiện căn Vô lượng của ba cõi.

Thánh giả chưa lìa nhiễm cõi Dục, lúc khởi lên bốn Vô lượng-hai Giải thoát đầu-bốn Thắng xứ trước-Bất tịnh quán-Trì tức niệm và Thế Tục-Niệm trú, hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai tu bảy trí trừ ra Tha tâm trí. Lúc tu Tĩnh lự lẫn trộn, trong sát-na thứ nhất, hiện tại tu hai trí tùy theo trong bốn Pháp trí-bốn Loại trí, vị lai tu bảy trí trừ ra Tha tâm trí; trong sát-na thứ hai, hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai tu bảy trí trừ ra Tha tâm trí; trong sát-na thứ ba, hiện tại tu hai trí tùy theo trong bốn Pháp trí-bốn Loại trí, tu tám trí. Lúc dẫn dắt phát khởi năm Thông, trong năm đạo vô gián, hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai tu bảy trí trừ ra Tha tâm trí; trong các đạo gia hạnh-hai đạo giải thoát, hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai tu tám trí; trong một đạo giải thoát, vị lai tu tám trí, hiện tại chỉ tu Thế tục trí và Tha tâm trí, có nơi nói cũng tu Tha tâm trí tùy theo hai trí là Đạo pháp trí và Đạo loại trí; hai đạo giải thoát không tu trí, bởi vì vô ký.

Thành giả đã lìa nhiễm cõi Dục, lúc khởi lên bốn Vô lượng-Thế tục-Giải thoát-Thắng xứ-Biến xứ-Bất tịnh quán-Trì tức niệm thế tục-Niệm trú thế tục-Vô ngại giải-Vô tranh-Nguyện trí-Biên tế Định, Tam-ma-địa Không Không-Vô nguyện Vô nguyện-Vô tướng Vô tướng, nhập

diệt định tướng-tâm vi tế, hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai tu tám trí; lúc khởi lên Tha tâm trí vô lậu, hiện tại tu Tha tâm trí tùy theo hai trí là Đạo pháp trí và Đạo loại trí, vị lai tu tám trí.

Dựa vào địa Tĩnh lực, lúc khởi lên Niệm trú vô lậu-Nghĩa vô ngại giải vô lậu, hiện tại tu hai trí tùy theo bốn Pháp trí, tu tám trí; lúc khởi lên Biện vô ngại giải vô lậu, hiện tại tu hai trí tùy theo Đạo pháp trí và Đạo loại trí, vị lai tu tám trí.

Dựa vào Định vô sắc, lúc khởi lên Niệm trú vô lậu-Nghĩa vô ngại giải vô lậu-Giải thoát vô lậu, hiện tại tu hai trí tùy theo bốn Loại trí, tu tám trí.

Dựa vào Định Vô sắc, lúc khởi lên Biện vô ngại giải vô lậu, hiện tại tu hai trí là Đạo trí và Loại trí, vị lai tu tám trí; lúc khởi lên nhập diệt tận định-tâm vi tế, hiện tại chỉ tu Thế tục trí, vị lai cũng chỉ tu Thế tục trí. Đây gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược ở nơi này.

Hỏi: Nếu tu Pháp trí thì cũng tu Loại trí chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có lúc tu Pháp trí mà không phải là Loại trí, đó là lúc Pháp trí tiến vào Hiện quán về Khổ-Tập-Diệt-Đạo, học thấy dấu tích A-la-hán, lúc đã đạt được Pháp trí hiện rõ ở trước mắt. Trong này, lúc Pháp trí tiến vào Hiện quán về Khổ-Tập-Diệt-Đạo, đó là trong Kiến đạo thì bốn Pháp trí chỉ tu Pháp trí chứ không tu Loại trí. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì trong Kiến đạo, nếu hiện tại tu công đức như vậy thì vị lai vẫn tu công đức như vậy, lúc Pháp trí hiện rõ ở trước mắt chỉ tu phẩm Pháp trí của vị lai, lúc Loại trí hiện rõ ở trước mắt chỉ tu phẩm Loại trí của vị lai. Học thấy dấu tích A-la-hán, lúc đó đã đạt được Pháp trí hiện rõ ở trước mắt, thì Học nghĩa là Bồ-đặc-già-la Dự lưu-Nhất lai và Bất hoàn, dấu tích nghĩa là bốn Thánh đế, dùng Tuệ vô lậu đã thấy đầy đủ dấu tích của bốn Đế cho nên gọi là học thấy dấu tích; A-la-hán nghĩa là Tuệ giải thoát, hoặc là Câu giải thoát. Lúc bậc Học và Vô học này đã đạt được Pháp trí hiện rõ ở trước mắt thì chỉ tu Pháp trí, là tu luyện tập cho nên không tu Loại trí. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì lúc pháp đã từng đạt được hiện rõ ở trước mắt, thế lực yếu kém hãy còn không thể nào đến được sát-na thứ hai, huống là có thể tu pháp vị lai xa xôi nào khác hay sao?

2. Có lúc tu Loại trí mà không phải là Pháp trí, đó là lúc tiến vào Hiện quán về Khổ-Tập-Diệt-Đạo trí, học thấy dấu tích A-la-hán, lúc đã đạt được Loại trí hiện rõ ở trước mắt. Trong này, lúc tiến vào Hiện quán về Khổ-Tập-Diệt-Đạo trí, đó là trong Kiến đạo thì ba Loại trí chỉ

tu Loại trí chứ không tu Pháp trí, nghĩa nói như trước. Học thấy dấu tích A-la-hán, lúc đã đạt được Loại trí hiện rõ ở trước mắt, nghĩa là lúc Học-Vô học đã từng đạt được Loại trí hiện rõ ở trước mắt; trước đây tu Loại trí chứ không tu Pháp trí, nghĩa nói như trước.

3. Có lúc tu cả hai trí, đó là lúc tiến vào Hiện quán về Đạo loại trí, học thấy dấu tích A-la-hán, lúc chưa đạt được trí vô lậu hiện rõ ở trước mắt, chưa đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt, lúc ấy có thể tu cả hai trí. Trong này, lúc tiến vào hiện quán về Đạo loại trí, nghĩa là lúc Kiến đạo về sau, Đạo loại trí có thể tu Pháp trí, cũng tu Loại trí, bởi vì trong phần vị này rời bỏ đạo đã từng đạt được, đạt được đạo chưa từng đạt được, chứng được một vị đoạn hết kiết, lập tức đạt được tám trí, cùng lúc tu mười sáu hành tướng. Học thấy dấu tích A-la-hán, lúc chưa đạt được trí vô lậu hiện rõ ở trước mắt, nghĩa là phần vị Hữu học dùng đạo vô lậu để lìa nhiễm cõi Dục, nếu vô lậu làm gia hạnh thì lúc ấy là đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát, cho đến lúc lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, cũng như vậy; lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu vô lậu làm gia hạnh thì lúc ấy là đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-tám đạo giải thoát; Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, nếu vô lậu làm gia hạnh thì lúc ấy là đạo gia hạnh-đạo vô gián-đạo giải thoát; lúc Tĩnh lự xen tạp tâm trước-tâm sau, lúc ấy khởi lên Tha tâm trí vô lậu-Niệm trú vô lậu-Giải thoát vô lậu. Những phần vị Học như vậy, lúc chưa đạt được trí vô lậu hiện rõ ở trước mắt, có thể tu Pháp trí, cũng tu Loại trí.

Nếu phần vị Vô học thì lúc lìa nhiễm Phi tưởng phi phi tưởng xứ là đạo giải thoát thứ chín; Thời gian thoát luyện căn làm Bất động, nếu vô lậu làm gia hạnh thì lúc ấy là đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát; lúc tu Tĩnh lự xen tạp tâm trước-tâm sau, lúc ấy khởi lên Tha tâm trí vô lậu-Niệm trú vô lậu-Vô ngại giải vô lậu-Giải thoát vô lậu. Những phần Vô học như vậy, lúc chưa đạt được trí vô lậu hiện rõ ở trước mắt, có thể tu Pháp trí, cũng tu Loại trí.

Chưa đạt được Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt, lúc ấy có thể tu cả hai trí, nghĩa là phần vị Học dùng đạo thế tục để lìa nhiễm cõi Dục, nếu Thế tục làm gia hạnh thì lúc ấy là đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát, cho đến lúc lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ cũng như vậy; lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu Thế tục làm gia hạnh thì lúc ấy là đạo gia hạnh; Tín thắng giải luyện căn làm Kiến chí, nếu Thế tục làm gia hạnh thì lúc ấy là đạo gia hạnh, lúc tu Tĩnh lự xen tạp tâm trung gian, lúc dẫn dắt phát khởi năm Thông là các đạo gia hạnh-năm

đạo vô gián-ba đạo giải thoát, lúc ấy khởi lên bốn Vô lượng-Thế tục-Giải thoát-Thắng xứ-Biến xứ-Bất tịnh quán-Trì tức niệm-Niệm trú thế tục-nhập diệt định tưởng-tâm vi tế.

Nếu phần vị Vô học, Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, nếu Thế tục làm gia hạnh thì lúc ấy là đạo gia hạnh; lúc tu Tĩnh lự xen tạp tâm trung gian, lúc dẫn dắt phát khởi năm Thông là các đạo gia hạnh-năm đạo vô gián-ba đạo giải thoát, lúc ấy khởi lên bốn Vô lượng-Thế tục-Giải thoát-Thắng xứ-Biến xứ-Bất tịnh quán-Trì tức niệm-Niệm trú thế tục-Vô ngại giải thế tục-Vô tranh-Nguyện trí, Tam-ma-địa Không Không-Vô nguyện Vô nguyện-Vô tướng Vô tướng-Biên tế Định-nhập diệt định tưởng-tâm vi tế.

Những phần Học-Vô học như vậy, lúc chưa đạt được trí Thế tục hiện rõ ở trước mắt, có thể tu Pháp trí và Loại trí của vị lai.

4. Có lúc không tu cả hai trí, đó là học thấy dấu tích A-la-hán, lúc đã đạt được trí Thế tục hiện rõ ở trước mắt, lúc chưa đạt được trí Thế tục hiện rõ ở trước mắt thì không tu cả hai trí, tất cả dị sinh-tâm nhiễm ô-tâm vô ký-Vô tướng Định-Diệt Định-Vô tướng Thiên-lúc Nhẫn vô lậu.

Trong này, học thấy dấu tích A-la-hán, lúc đã đạt được trí Thế tục hiện rõ ở trước mắt, nghĩa là phần vị Hữu học-Vô học-lúc đã đạt được trí Thế tục hiện rõ ở trước mắt, thế lực yếu kém hãy còn không thể nào tu công đức hữu lậu của chủng loại mình ở vị lai, huống là có thể tu phẩm Pháp trí-Loại trí của chủng loại khác hay sao? Lúc chưa đạt được trí Thế tục hiện rõ ở trước mắt thì không tu cả hai trí, nghĩa là chính phần vị Hữu học-Vô học chưa từng đạt được Tuệ do Văn-Tư mà thành, và lúc nhập diệt Định-tâm vi tế hiện rõ ở trước mắt, đều không thể nào tu Pháp trí và Loại trí. Tất cả dị sinh, nghĩa là phần vị dị sinh lúc có các tâm đều không thể nào tu Pháp trí và Loại trí, bởi vì hai trí này không phải là pháp tu của dị sinh. Tâm nhiễm ô, nghĩ là các Thánh giả lúc các tâm nhiễm ô hiện rõ ở trước mắt, đều không thể nào tu Pháp trí và Loại trí, bởi vì tâm nhiễm ô là thuận với phần lui sụt, tánh của nó nặng nề tương ứng với giải đãi, tự mình hãy còn không phải là tu, huống gì có thể tu công đức vô lậu khác? Cần phải thuận với phần hơn hẳn, tánh ấy nhẹ nhàng tương ứng với tinh tiến, thì tâm mới có thể tu thiện được. Tâm vô ký, nghĩa là các Thánh giả lúc các tâm vô ký hiện rõ ở trước mắt, đều không thể nào tu Pháp trí và Loại trí, bởi vì tâm vô ký thấp hèn yếu kém như hạt giống hư nát, tự mình hãy còn không phải là tu, huống gì có thể tu công đức vô lậu khác? Cần phải là tâm cứng rắn hơn hẳn thì mới có thể tu công đức. Vô tướng Định và Diệt Định, nghĩa là

lúc trú trong Vô tướng Định và trú trong Diệt Định, cả hai không có thể tu Pháp trí và Loại trí, phải là phần vị có tâm thì mới có sự tu tập, bởi vì trong phần vị không có tâm thì không thể tu được. Vô tướng Thiên, có nơi nói xin đến cõi kia thì ở tất cả mọi lúc không khởi lên tâm thiện, cho nên không thể nào tu Pháp trí và Loại trí; có nơi nói sinh đến cõi kia tuy khởi lên tâm thiện, mà không thể nào tu pháp thiện gia hạnh, bởi vì cõi kia chỉ khởi lên tâm thiện có được do nơi sinh, hãy còn không thể nào tu gia hạnh hữu lậu, huống là Pháp trí-Loại trí lẽ nào cõi kia có thể tu được hay sao? Lúc Nhẫn vô lậu, nghĩa là trong Kiến đạo thì tám Nhẫn vô lậu không thể nào tu trí, bởi vì lúc bấy giờ chỉ tu công đức của chủng loại mình chứ không phải là chủng loại khác.

Hỏi: Vì sao lúc đã đạt được pháp thiện hiện rõ ở trước mắt, không có thể tu các công đức thiện của vị lai?

Đáp: Bởi vì tác dụng thua kém, vì đã thọ dụng, vì đã làm xong việc, vì đã mang lại quả. Lại nữa, bởi vì đã tu-đã ngừng không còn thể mạnh tác dụng. Lại nữa, lúc khởi lên pháp đã đạt được hiện rõ ở trước mắt, trước đã tu đạt được nay lại tu luyện tập, hai tu trải qua thời gian chỉ có giảm bớt mà lại không có tăng thêm, lẽ nào có thể tu lại pháp thiện chưa từng đạt được hay sao? Như người sử dụng lương thực do trước đây đã tích góp để dành, chỉ có giảm bớt lại không có tăng thêm, lẽ nào nói là tích góp lại tiền bạc chưa từng tích góp hay sao? Lại nữa, nếu dụng công nhiều mà khởi lên pháp thiện, thì có thể tu các pháp thiện khác của vị lai; lúc khởi lên pháp thiện đã đạt được hiện rõ ở trước mắt, bởi vì không dụng công nhiều cho nên không thể nào tu pháp thiện của vị lai. Lại nữa, nếu lúc pháp thiện đã đạt được hiện rõ ở trước mắt, có thể tu các pháp thiện của vị lai, thì lúc Đức Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn, lần lượt tiến vào các Tĩnh lự-Đẳng chí, cũng sẽ có thể tu công đức của vị lai; lúc Đức Thế Tôn hiện khởi Tận trí lần đầu tiên, đã tu đạt được đầy đủ tất cả công đức, nay nếu tu lại thì trước đây lẽ ra chưa đạt được. Nếu như vậy thì công đức của phần vị trước chưa đầy đủ, lúc mới thành Phật sẽ không phải là hoàn toàn chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Đừng mắc sai lầm như vậy, cho nên lúc phát hiện đã đạt được hiện rõ ở trước mắt, chẵn chẵn không thể nào tu pháp thiện của vị lai. Nghĩa về tu trí còn lại như vẫn nói rộng rồi, dựa theo phần trước nên biết về tướng ấy.

Pháp trí cho đến Đạo trí, ở trong tám trí thì mỗi một trí duyên với mấy trí?

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày chánh lý. Nghĩa là hoặc có người nói: Các sở duyên duyên không phải là Thể có thật. Vì ngăn chặn cái chấp ấy để hiển bày về sở duyên duyên là tự Thể có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Trả lời: Pháp trí duyên với bảy trí trừ ra Loại trí. Loại trí duyên với bảy trí, trừ ra Pháp trí. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì Pháp trí duyên với dưới thấp, Loại trí duyên với trên cao, cho nên không duyên với nhau; như có hai người cùng đứng một nơi, một người nhìn xuống đất, một người nhìn lên trời, như vậy hai người không trông thấy mặt nhau. Tha tâm trí và Thế tục trí cùng duyên với tám trí, bởi vì hai trí này có thể duyên với toàn bộ tâm-tâm sở pháp. Khổ trí và Tập trí cùng duyên với hai trí, đó là Tha tâm trí và Thế tục trí, bởi vì hai trí này chỉ có thể duyên với phẩm tâm hữu lậu. Diệt trí không duyên với trí, bởi vì duyên với vô vi. Đạo trí duyên với bảy trí, trừ ra Thế tục trí, bởi vì duyên với Đạo đế.

Có người khác đối với điều này đưa ra cách hỏi khác: Pháp trí cho đến Đạo trí, ở trong tám trí thì mỗi một trí có mấy trí duyên vào? Chính họ tự trả lời: Pháp trí có bốn trí duyên vào, trừ ra Loại-Khổ-Tập-Diệt trí. Loại trí có bốn trí duyên vào, trừ ra Pháp-Khổ-Tập-Diệt trí. Tha tâm trí có bảy trí duyên vào, trừ ra Diệt trí. Thế tục trí có sáu trí duyên vào, trừ ra Diệt-Đạo trí. Khổ-Tập-Diệt-Đạo trí có năm trí duyên vào, trừ ra Khổ-Tập-Diệt trí. Pháp trí cho đến Đạo trí, tự mình và trí khác hưởng về với nhau làm mấy duyên?

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về Chánh lý. Nghĩa là hoặc có người chấp duyên không có thật Thể. Vì ngăn chặn ý kia mà cần phải hiển bày bốn duyên thật có tự Thể, cho nên soạn ra phần luận này.

Trả lời: Pháp trí làm bốn duyên cho Pháp trí, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao trong này cùng với phẩm Bất Thiện trong chương Kiết Uẩn trước đây đã nói có khác nhau, đó là trong này nói Pháp trí làm bốn duyên cho Pháp trí, trong phẩm Bất Thiện nói Hữu thân kiến thì hoặc là làm bốn-ba-hai-một duyên?

Đáp: Như trong này nói thì phẩm mấy cũng thuận theo như vậy, như phẩm ấy đã nói thì trong này cũng thuận theo như vậy, chỉ là biểu hiện rõ ràng về hình thức khác-văn từ khác kàm cho người thọ trì sinh tâm vui thích.

Lại nữa, bởi vì muốn hiển bày về hai phạm trừ-hai cách thức-hai cảnh vật-hai hình ảnh-hai bậc thang-hai bước chân-hai ngọn đuốc-hai ánh sáng, làm cho nhận biết điều đã nói trở lại hiển bày lẫn nhau.

Lại nữa, phẩm ấy nói là nghĩa rõ ràng, phần này nói không phải là nghĩa rõ ràng; phẩm ấy nói không có ý riêng biệt, phần này nói có ý riêng biệt; phẩm ấy nói không có duyên riêng biệt, phần này nói có duyên riêng biệt; phẩm ấy dựa vào thẳng nghĩa, phần này nói dựa vào thế tục.

Lại nữa, phẩm ấy dựa vào bốn loại sai biệt mà nói, đó là cảnh giới sai biệt, đời kiếp sai biệt, sát-na sai biệt, đẳng vô gián duyên sai biệt; phần này chỉ dựa vào một loại sai biệt mà nói, đó là đẳng vô gián duyên sai biệt.

Pháp trí làm bốn duyên cho Pháp trí, đó là nhân-đẳng vô gián-sở duyên-tăng thượng. Trong này, nhân lại giống như pháp gieo hạt giống, đẳng vô gián là giống như pháp phát triển, sở duyên là giống như pháp dựng cây cột, tăng thượng là giống như pháp không ngăn cách.

Pháp trí làm Nhân duyên cho Pháp trí, đó là làm một Nhân, tức là nhân Đồng loại; làm Đẳng vô gián duyên, đó là Pháp trí không gián đoạn Pháp trí hiện rõ ở trước mắt; làm Sở duyên duyên, đó là Pháp trí duyên với Pháp trí mà sinh khởi; làm Tăng thượng duyên, đó là Pháp trí không chướng ngại Pháp trí sinh khởi.

Pháp trí làm ba duyên cho Loại trí, trừ ra Sở duyên; làm Nhân duyên, đó là Pháp trí làm một nhân cho Loại trí, tức là nhân Đồng loại; làm Đẳng vô gián duyên, đó là Pháp trí không gián đoạn Loại trí hiện rõ ở trước mắt, làm Tăng thượng duyên, đó là Pháp trí không chướng ngại Loại trí sinh khởi; trừ ra sở duyên, đó là Pháp trí và Loại trí không duyên vào lẫn nhau.

Pháp trí làm bốn duyên cho Tha tâm trí..., đó là Pháp trí cùng với Tha tâm trí thuộc sự nối tiếp nhau của mình, làm Nhân và Đẳng vô gián chứ không phải là sở duyên; cùng với Tha tâm trí thuộc sự nối tiếp nhau của nơi khác, làm Sở duyên chứ không phải là Nhân-Đẳng vô gián; phần còn lại như trước nói.

Pháp trí làm ba duyên cho Thế tục trí, trừ ra Nhân, nghĩa là Nhân duyên như pháp gieo hạt giống, vô lậu không phải là pháp gieo hạt giống cho hữu lậu, cho nên Pháp trí không phải là Nhân duyên cùng Thế tục trí, mà chỉ làm ba duyên.

Pháp trí làm ba duyên cho Khổ-Tập-Diệt trí trừ ra Sở duyên, nghĩa là Khổ trí-Tập trí duyên với hữu lậu, Pháp trí là vô lậu cho nên không

phải là Sở duyên của hai trí kia; Diệt trí duyên với pháp vô vi, Pháp trí là hữu vi cho nên không phải là Sở duyên của Diệt trí.

Pháp trí làm bốn duyên cho Đạo trí, như trước nói.

Loại trí làm bốn duyên cho Loại trí..., dựa theo Pháp trí ở trước nên biết về tướng ấy.

Tha tâm trí cùng với Tha tâm trí làm bốn duyên... trong này, Nhân duyên đó là một Nhân đồng loại, phần còn lại nói như trước.

Tha tâm trí cùng với Thế tục trí làm bốn duyên. Trong này, Nhân duyên đó là hai nhân Đồng loại và Dị thực, phần còn lại nói như trước.

Tha tâm trí cùng với Thế tục trí làm bốn duyên. Trong này, Nhân duyên đó là hai nhân Đồng loại và Dị thực, phần còn lại nói như trước.

Tha tâm trí cùng với Khổ-Tập trí làm bốn duyên..., đó là Tha tâm trí vô lậu; cùng với Khổ-Tập trí làm một nhân Đồng loại, chắc chắn không phải là Sở duyên, bởi vì hai trí kia duyên với hữu lậu; nếu Tha tâm trí hữu lậu, cùng với Khổ-Tập trí làm Sở duyên, thì chắc chắn không phải là Nhân duyên, bởi vì hữu lậu không làm Nhân duyên cho vô lậu.

Tha tâm trí cùng với Diệt trí làm ba duyên trừ ra Sở duyên, bởi vì Diệt trí duyên với vô vi. Tha tâm trí cùng với Đạo-Pháp-Loại trí làm bốn duyên, nghĩa như trước đã nói.

Thế tục trí cùng với Thế tục trí làm bốn duyên; trong này Nhân duyên, đó là ba nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực, phần còn lại như trước nói.

Thế tục trí cùng với Khổ-Tập trí làm ba duyên trừ ra Nhân, bởi vì hữu lậu không làm Nhân duyên cho pháp vô lậu.

Thế tục trí cùng với Diệt-Đạo trí làm hai duyên, đó là Đăng vô gián và Tăng thượng, bởi vì hai trí ấy duyên với vô lậu, phần còn lại như trước nói.

Thế tục trí cùng với Pháp-Loại trí làm ba duyên trừ ra Nhân, bởi vì hữu lậu không phải là như gieo hạt giống cho vô lậu.

Thế tục trí cùng với Tha tâm trí làm bốn duyên..., đó là Thế tục trí cùng với Tha tâm trí hữu lậu thuộc sự nối tiếp nhau của mình, làm nhân Đồng loại và Đăng vô gián duyên; cùng với Tha tâm trí vô lậu thuộc sự nối tiếp nhau của mình, làm Đăng vô gián duyên, cả hai không phải là Sở duyên; cùng với Tha tâm trí hữu lậu thuộc sự nối tiếp nhau của nơi khác, làm Sở duyên chứ không phải là Nhân và Đăng vô gián.

Khổ trí cùng với Khổ trí và Tập-Diệt trí làm ba duyên trừ ra Sở duyên..., như vẫn nói rộng, trong đó nguyên cố dựa theo trước nên biết.

Các kiết hệ thuộc cõi Dục thì kiết ấy do Pháp trí đoạn chăng? Cho

đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định, nghĩa là Pháp trí có năng lực đoạn kiết của cõi Sắc-Vô sắc, Loại trí không thể nào đoạn kiết của cõi Dục. Hoặc có người sinh nghi: Như Pháp trí có năng lực đoạn kiết của cõi Sắc-Vô sắc, Loại trí là cũng có năng lực đoạn kiết của cõi Dục chăng? Như Loại trí không thể nào đoạn kiết của cõi Dục, Pháp trí là cũng không thể nào đoạn kiết của cõi Sắc-Vô sắc chăng? Muốn làm cho mối nghi này có được quyết định, hiển bày về Pháp trí chắc chắn có năng lực đoạn kiết của cõi Sắc-Vô sắc, Loại trí chắc chắn không thể nào đoạn kiết của cõi Dục, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao Pháp trí có năng lực đoạn kiết của cõi Sắc-Vô sắc, Loại trí không thể nào đoạn kiết của cõi Dục?

Đáp: Bởi vì Pháp trí trước đó đã đoạn kiết của cõi Dục, cho nên cũng có năng lực đoạn kiết của cõi Sắc-Vô sắc; Loại trí trước đây không đoạn kiết của cõi Sắc-Vô sắc, cho nên không thể nào đoạn kiết của cõi Dục. Lại nữa, Loại trí chưa đoạn kiết của cõi Sắc-Vô sắc, cho nên Pháp trí đoạn kiết ấy; Pháp trí đã đoạn kiết của cõi Dục, cho nên Loại trí không đoạn.

Lại nữa, nếu Loại trí có năng lực đoạn kiết của cõi Dục, thì đoạn thể nào? Là trước phải đoạn kiết của cõi Sắc-Vô sắc, sau mới đoạn kiết của cõi Dục; hay là trước phải đoạn kiết của cõi Dục, sau mới đoạn kiết của cõi Sắc-Vô sắc? Nếu trước là đoạn kiết của cõi Sắc-Vô sắc, sau mới đoạn kiết của cõi Dục, thì kiết của cõi Dục thô thiển cho nên trước đó đã đoạn, còn đoạn nơi nào? Nếu trước là đoạn kiết của cõi Dục, sau mới đoạn kiết của cõi Sắc-Vô sắc, thì Loại trí sẽ nhận lấy sự chỉ trích của nơi khác, các kiết của cõi mình còn chưa có thể lìa bỏ, làm sao mong muốn đoạn kiết của cõi khác được? Như vậy vị vua chưa làm cho kẻ thù của nước mình phải quy hàng mà muốn chinh phục nước khác, thì sẽ bị người khác chỉ trích.

Lại nữa, tất cả Loại trí nhất định lấy Pháp trí làm nhân, cho nên Pháp trí có thể giúp đỡ Loại trí đoạn kiết của cõi Sắc-Vô sắc; không phải là tất cả Pháp trí nhất định lấy Loại trí làm nhân, cho nên Loại trí không thể nào giúp đỡ Pháp trí đoạn kiết của cõi Dục. Lại nữa, sau Đạo loại trí thì phần nhiều Loại trí không hiện rõ ở trước mắt, giả sử hiện rõ ở trước mắt mà thế lực hoạt dụng yếu kém, cần phải hoàn toàn lìa bỏ kiết của cõi Dục rồi, tác dụng mạnh lên thì Loại trí mới có thể hiện rõ

trước mắt, vì vậy Loại trí không thể nào đoạn kiết của cõi Dục.

Lại nữa, Pháp trí cần phải lìa bỏ kiết của cõi Dục rồi, tác dụng mới mạnh mẽ sắc bén, bởi vì mạnh mẽ sắc bén cho nên có năng lực đoạn kiết của cõi trên; Loại trí cần phải lìa bỏ kiết của Hữu Đảnh rồi, tác dụng mới mạnh mẽ sắc bén, lúc Loại trí mạnh mẽ sắc bén thì kiết của cõi dưới đã đoạn, lại đoạn nơi nào?

Lại nữa, Pháp trí rất mạnh mẽ sắc bén, đoạn kiết bất thiện hãy còn không dụng công, huống chi là kiết vô ký mà không thể nào đoạn được hay sao? Như con dao rất sắc bén hãy còn có thể chặt đứt sắt thép, huống là cỏ cây... hay sao? Loại trí không mạnh mẽ sắc bén lắm, đoạn kiết vô ký hãy còn dụng công nhiều, huống chi là kiết bất thiện mà cho rằng có thể đoạn được hay sao? Như dùng con dao mòn đũa chặt gãy cỏ cây..., hãy còn dụng công nhiều, huống là có thể chặt đứt sắt thép hay sao?

Lại nữa, Pháp trí có năng lực đoạn đầy đủ mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn, như Lực sĩ cường tráng địch nổi ngàn người, có năng lực đoạn kiết của cõi trên; Loại trí chỉ có thể đoạn mười bốn Giới-mười Xứ-năm Uẩn, khả năng sử dụng yếu kém cho nên không đoạn được kiết của cõi dưới.

Lại nữa, tà kiến của cõi Dục có thể duyên với Khổ-Tập của ba cõi mà đoạn trước tiên, nó đã đoạn rồi lại cần phải đoạn sở duyên của nó, cho nên Pháp trí có năng lực đoạn kiết của hai cõi trên; tà kiến của cõi Sắc-Vô sắc, không thể nào duyên với Khổ-Tập của cõi Dục, cho nên Loại trí không thể nào đoạn kiết của cõi Dục.

Lại nữa, các kiết bh duyên với cõi khác của cõi Dục có thể duyên với Khổ-Tập của cõi Sắc-Vô sắc, trước tiên đoạn nó rồi lại cần phải đoạn sở duyên của nó, cho nên Pháp trí có năng lực đoạn kiết của hai cõi trên; các kiết bh duyên với cõi khác của cõi trên, không duyên với Khổ-Tập của cõi Dục, cho nên Loại trí không thể nào đoạn kiết của cõi Dục. Như có vị Quốc Vương trước phải giết chết giặc thù, sau cũng phá hủy nơi dạo chơi vui thú của giặc thù.

Lại nữa, các Uẩn của cõi Dục bức bách hữu tình còn hơn gánh nặng, đã đoạn nó rồi lại thường xuyên ca ngợi pháp đối trị cho đến diệt mất nó, lúc bấy giờ lại có năng lực đoạn các Uẩn cõi trên, cho nên Pháp trí có năng lực đoạn kiết của cõi trên; Loại trí không thể nào đoạn kiết của cõi Dục, nhưng Pháp trí có năng lực đoạn kiết của cõi Sắc-Vô sắc, là Pháp trí thuộc Diệt-Đạo chứ không phải là Pháp trí thuộc Khổ-Tập. Tại sao như vậy? Bởi vì pháp thuận theo như vậy, nghĩa là người tu hành

bị Uẩn hiện tại của cõi Dục làm cho bức bách còn hơn gánh nặng, đã rời bỏ nó rồi đến đáp đối trị và diệt mất điều xấu xa ác đó, cho nên lại thường xuyên quán sát, lúc quán sát thường xuyên thì tự nhiên có thể đoạn kiết của cõi Sắc-Vô sắc.

Lại nữa, cõi Dục là cõi không ổn định, không phải là nơi của tu, không phải là nơi của lìa nhiễm; cõi Sắc-Vô sắc là cõi của Định, là địa của tu, là địa của lìa nhiễm; không phải là pháp chán chê của cõi không ổn định mà có thể đoạn kiết của cõi Định.

Lại nữa, cõi Dục là thô, cõi Sắc-Vô sắc là tế, không phải là pháp chán ngán của cõi thô mà có thể đoạn kiết của cõi tế.

Lại nữa, cõi Dục là thấp kém, cõi Sắc-Vô sắc là tốt đẹp, không phải là pháp chán ngán của cõi thấp kém mà có thể đoạn kiết của cõi tốt đẹp.

Lại nữa, cõi Dục là dưới thấp, cõi Sắc là ở giữa, cõi Vô sắc là trên cao, không phải là pháp chán ngán của cõi dưới thấp mà có thể đoạn kiết của cõi ở giữa và cõi trên cao.

Lại nữa, nếu Pháp trí thuộc Khổ-Tập có năng lực đoạn kiết của cõi Sắc-Vô sắc, thì đó là đối với nơi khác tu pháp chán ngán lìa bỏ đối với nơi khác mà được giải thoát, như chặt đứt tay thì tay bị trói được cởi bỏ, hoặc là chặt đứt chân thì chân bị trói được cởi bỏ, không phải là chặt đứt tay mà chân bị trói được cởi bỏ, không phải là chặt đứt chân mà tay bị trói được cởi bỏ. Vì vậy cho nên Pháp trí có năng lực đoạn kiết của cõi Sắc-Vô sắc, là Pháp trí thuộc Diệt-Đạo chứ không phải là Pháp trí thuộc Khổ-Tập. Nhưng Pháp trí thuộc Diệt-Đạo có năng lực đoạn kiết của cõi Sắc-Vô sắc, chỉ sinh khởi ở cõi Dục chứ không phải là sinh khởi ở cõi Sắc-Vô sắc. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì tâm phương tiện vào-ra Pháp trí chỉ hệ thuộc cõi Dục mà sinh khởi, hai cõi trên thì đã rời bỏ tâm này cho nên chắc chắn không khởi lên.

Lại nữa, Pháp trí tùy chuyển Giới, chỉ là do Đại chủng đã tạo của cõi Dục sinh ra, hai cõi trên thì rời bỏ Đại chủng này cho nên chắc chắn không khởi lên.

Lại nữa, sinh vào hai cõi trên thì chắc chắn đối với Pháp trí đã làm xong những việc làm, gia hạnh đã ngừng không trở lại hiện rõ trước mắt; như A-la-hán đối với đạo đối trị đoạn kiết của ba cõi, việc làm đã xong không còn hiện rõ trước mắt.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao các A-la-hán khởi lên trí vô lậu?

Đáp: Bởi vì muốn quán xét lỗi lầm tai họa của các Uẩn đã rời bỏ, và quán xét lợi ích thù thắng của Diệt-Đạo đã đạt được, cho nên họ lại

khởi lên các trí vô lậu.

Lại nữa, họ do bốn duyên mà khởi lên trí vô lậu:

1. Bởi vì trú trong niềm vui của pháp hiện tại.
2. Bởi vì dạo chơi trong các công đức.
3. Bởi vì quán xét những việc làm trước đây.
4. Bởi vì tiếp nhận sử dụng tài sản bậc Thánh.

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Đệ tử của Đức Thế Tôn sinh vào cõi Vô sắc, không khởi lên Tĩnh lự và trong Tĩnh lự đã phát sinh công đức, sinh vào cõi Sắc thì cũng có thể khởi lên. Đó là nói về nghĩa gì? Đó là nói nếu sinh vào cõi Vô sắc, thì không khởi lên Pháp trí đoạn diệt của cõi trên; sinh vào cõi Sắc nếu chưa lìa nhiễm của cõi Sắc-Vô sắc, thì cũng có thể khởi lên Pháp trí thuộc Diệt-Đạo đoạn diệt của cõi Sắc-Vô sắc.”

Lời bình: Vị ấy không nên nói như vậy. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì nếu có nghĩa này thì lẽ ra không quyết định, nghĩa là sinh vào cõi Sắc đối với Pháp trí thì phần ít có thể khởi lên, phần ít không có thể khởi lên. Phần ít có thể khởi lên, đó là Pháp trí thuộc Diệt-Đạo; phần ít không có thể khởi lên, đó là Pháp trí thuộc Khổ-Tập. Hoặc có lúc có thể khởi lên, hoặc có lúc không có thể khởi lên. Hoặc có lúc có thể khởi lên, đó là chưa lìa nhiễm của cõi ấy; hoặc có lúc không có thể khởi lên, đó là đã lìa nhiễm của cõi ấy. Hoặc luôn luôn có thể khởi lên, hoặc luôn luôn không có thể khởi lên. Hoặc luôn luôn có thể khởi lên, đó là lúc khởi lên đạo lìa nhiễm; hoặc luôn luôn không có thể khởi lên, đó là lúc dẫn dắt căn thiện. Vì thế cho nên cách nói trước đối với lý là đúng.

Hỏi: Các kiết hệ thuộc cõi Dục thì kiết ấy do Pháp trí đoạn chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định:

1. Có kiết hệ thuộc cõi Dục mà không phải là do Pháp trí đoạn, đó là kiết của cõi Dục, hoặc là do Nhân đoạn, hoặc là do trí khác đoạn, hoặc là không đoạn. Trong này, hoặc là do Nhân đoạn, đó là bốn Pháp trí nhân đoạn; hoặc là do trí khác đoạn, đó là Thế tục trí đoạn; hoặc là không đoạn, đó là bởi vì đã đoạn, hoặc là chưa khởi lên gia hạnh đoạn kiết ấy.

2. Có kiết do Pháp trí đoạn mà không phải là hệ thuộc cõi Dục, đó là kiết của cõi Sắc-Vô sắc do Pháp trí đoạn, tức là kiết do tu mà đoạn của cõi Sắc-Vô sắc, do Pháp trí thuộc Diệt-Đạo đoạn.

3. Có kiết hệ thuộc cõi Dục cũng do Pháp trí đoạn, đó là kiết của

cõi Dục do Pháp trí đoạn, tức là kiết do tu mà đoạn của cõi Dục, do bốn Pháp trí đoạn.

4. Có kiết không phải là hệ thuộc cõi Dục cũng không phải là Pháp trí đoạn, đó là kiết của cõi Sắc-Vô sắc, hoặc do Nhân đoạn, hoặc do trí khác đoạn, hoặc là không đoạn. Trong này, hoặc do nhân đoạn, đó là bốn Loại trí nhân đoạn; hoặc do trí khác đoạn, đó là Loại trí hoặc là Thế tục trí đoạn; hoặc là không đoạn, đó là bởi vì đã đoạn, hoặc là chưa khởi lên gia hạnh đoạn kiết ấy.

Hỏi: Các kiết hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc thì kiết ấy do Loại trí đoạn chăng?

Đáp: Các kiết do Loại trí đoạn, kiết ấy hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc mà không phải là Loại trí đoạn, đó là kiết của cõi Sắc-Vô sắc, hoặc do Nhân đoạn, hoặc do trí khác đoạn, hoặc là không đoạn. Trong này, hoặc do Nhân đoạn, đó là bốn Loại trí nhân đoạn; hoặc do trí khác đoạn, đó là Pháp trí hoặc là Thế tục trí đoạn; hoặc là không đoạn, đó là bởi vì đã đoạn, hoặc là chưa khởi lên gia hạnh đoạn kiết ấy.

Hỏi: Các kiết do kiến Khổ mà đoạn thì kiết ấy do Khổ trí đoạn chăng?

Đáp: Các kiết do kiến Khổ mà đoạn, kiết ấy không phải là do Khổ trí đoạn, hoặc do Nhân đoạn, hoặc do trí khác đoạn, hoặc là không đoạn. Trong này, hoặc do Nhân đoạn, đó là Khổ loại trí nhân đoạn; hoặc do trí khác đoạn, đó là Thế tục trí đoạn; hoặc là không đoạn, đó là bởi vì đã đoạn, hoặc là chưa khởi lên gia hạnh đoạn kiết ấy. Nhất định không có Khổ trí có năng lực đoạn kiết ấy, bởi vì trí vô lậu chỉ có năng lực đoạn kiết do tu mà đoạn.

Hỏi: Giả sử kiết do Khổ trí đoạn thì kiết ấy là do kiến Khổ mà đoạn chăng?

Đáp: Các kiết do Khổ trí đoạn, kiết ấy không phải là do kiến Khổ mà đoạn, là do tu mà đoạn, bởi vì trí vô lậu không có năng lực đoạn kiết do kiến mà đoạn.

Kiết do kiến Tập-Diệt-Đạo mà đoạn, đối với Tập-Diệt-Đạo trí đoạn dựa theo trước nên biết. Chỉ riêng đạo vô gián có năng lực đoạn các kiết, bởi vì trong này nói Khổ trí.. không có năng lực đoạn kiết do kiến mà đoạn.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 108

LUẬN VỀ TU TRÍ (Phần 4)

Các kiết do Pháp trí thì đoạn kiết ấy do Diệt pháp trí tác chứng chẳng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về chánh lý. Nghĩa là hoặc có người chấp: Đạo vô gián đoạn được các kiết, đạo giải thoát chứng được diệt các kiết ấy. Như các Luận sư nước ngoài đã chấp. Vì ngăn chặn ý kia để hiển bày về đạo vô gián có thể đoạn được các kiết cũng chứng được diệt các kiết ấy. Nếu đạo vô gián chỉ đoạn được kiết, đạo giải thoát mới có thể chứng được diệt các kiết thì trái với cách nói ở đây: Các kiết do Pháp trí đoạn, kiết ấy do Diệt pháp trí tác chứng... Nếu dùng Pháp trí thuộc Diệt-Đạo hoàn toàn lìa nhiệm của Phi tướng phi phi tướng xứ, lúc ấy dùng Pháp trí làm đạo vô gián, Loại trí làm đạo vô gián, Loại trí làm đạo giải thoát, thì làm sao có thể nói các kiết do Pháp trí đoạn, kiết ấy diệt tức là Pháp trí tác chứng? Vì vậy cho nên biết rằng: Đạo vô gián có thể đoạn được các kiết, cũng chứng được diệt các kiết ấy, lý lẽ không có thể trái ngược. Bởi vì nhân duyên này, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các kiết do Pháp trí đoạn, kiết ấy diệt do Pháp trí tác chứng?

Đáp: Các kiết do Pháp trí đoạn, kiết ấy diệt do Pháp trí tác chứng, nghĩa là tùy theo Pháp trí làm đạo vô gián, đoạn bao nhiêu kiết, thì đạo vô gián này có thể chứng diệt bấy nhiêu kiết đã đoạn. Có kiết diệt do Pháp trí tác chứng, mà kiết ấy không phải là do Pháp trí đoạn, nghĩa là hoặc do Nhẫn đoạn, hoặc do trí khác đoạn, mà kiết ấy diệt do Pháp trí tác chứng.

Như người Dự lưu, dùng đạo thế tục đoạn một phẩm kiết cho đến

phẩm kiết của cõi Dục rồi, lại dùng Pháp trí làm đạo vô gián, đoạn phẩm thứ sáu đạt được quả Nhất lai. Lúc bấy giờ Pháp trí thuộc đạo vô gián, chứng diệt kiết do kiến mà đoạn của ba cõi do Nhẫn mà đoạn trước kia, và chứng diệt kiến do tu mà đoạn thuộc năm Uẩn trước của cõi Dục do Thế tục trí đã đoạn trước kia.

Người Nhất lai dùng đạo thế tục đoạn kiết thuộc phẩm thứ bảy-thứ tám của cõi Dục rồi, lại dùng Pháp trí làm đạo vô gián, đoạn phẩm thứ chín đạt được quả Bất hoàn. Lúc bấy giờ Pháp trí thuộc đạo vô gián, chứng diệt do kiến mà đoạn của ba cõi do Nhẫn đã đoạn trước kia, và chứng diệt kiết do tu mà đoạn thuộc tám phẩm trước của cõi Dục do Thế tục trí đã đoạn trước kia.

Người Bất hoàn dùng đạo thế tục hoặc là Loại trí, lìa nhiệm của Tĩnh lự thứ nhất cho đến Vô sở hữu xứ, dùng Loại trí đoạn tám phẩm kiết của Phi tướng phi phi tướng xứ rồi, lại dùng Pháp trí làm đạo vô gián, đoạn phẩm thứ chín đạt được quả Vô học. Lúc bấy giờ Pháp trí thuộc đạo vô gián chứng diệt kiết do kiến mà đoạn của ba cõi do Nhẫn đã đoạn trước kia, và chứng diệt kiết do tu mà đoạn của cõi Dục do Thế tục trí đã đoạn trước kia, chứng diệt kiết do tu mà đoạn của bảy địa do Loại trí và Thế tục trí đã đoạn, chứng diệt kiết do tu mà đoạn thuộc tám phẩm trước của Phi tướng phi phi tướng xứ do Loại trí đã đoạn. Như vậy các kiết diệt do Pháp trí tác chứng, kiết ấy không phải là Pháp trí đoạn.

Hỏi: Các kiết do Loại trí đoạn, kiết ấy diệt do Loại trí tác chứng chăng?

Đáp: Các kiết do Loại trí đoạn, kiết ấy do Loại trí tác chứng nghĩa là tùy theo Loại trí làm đạo vô gián, đoạn bao nhiêu kiết, thì đại vô gián này có thể chứng diệt bấy nhiêu kiết đã đoạn. Có kiết diệt do Loại trí tác chứng, mà kiết ấy không phải là do Loại trí đoạn, đó là hoặc do Nhẫn đoạn, hoặc do trí khác đoạn, mà kiết ấy diệt do Loại trí tác chứng.

Như các Thánh giả dùng Pháp trí hoặc là đạo thế tục lìa nhiệm của cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ, dùng Pháp trí đoạn tám phẩm kiết của Phi tướng phi phi tướng xứ rồi, lại dùng Loại trí đoạn phẩm thứ chín đạt được quả Vô học. Lúc bấy giờ Loại trí thuộc đạo vô gián, chứng diệt kiết do kiến mà đoạn của ba cõi do Nhẫn đã đoạn trước kia, và chứng diệt kiết do tu mà đoạn của tám địa do Pháp trí và Thế tục trí đã đoạn trước kia, chứng diệt kiết do tu mà đoạn thuộc tám phẩm trước của Phi tướng phi phi tướng xứ do Pháp trí đã đoạn. Như vậy các kiết diệt do Loại trí tác chứng, mà kiết ấy không phải là do Loại trí đoạn.

Hỏi: Các kiết do Khổ trí đoạn, kiết ấy diệt do Khổ trí tác chứng chăng?

Đáp: Các kiết do Khổ trí đoạn, kiết ấy diệt do Khổ trí tác chứng, nghĩa là tùy theo Khổ trí làm đạo vô gián, đoạn bao nhiêu kiết, thì đạo vô gián có thể chứng diệt bấy nhiêu kiết đã đoạn. Có kiết diệt do Khổ trí tác chứng, mà kiết ấy không phải là do Khổ trí đoạn, đó là hoặc do Nhẫn đoạn, hoặc do trí khác đoạn, mà kiết ấy diệt do Khổ trí tác chứng.

Như người Dự lưu, dùng đạo thế tục hoặc là Tập-Diệt-Đạo trí, đoạn một phẩm kiết cho đến năm phẩm kiết của cõi Dục rồi, lại dùng Khổ trí làm đạo vô gián để đoạn phẩm thứ sáu. Lúc bấy giờ Khổ trí thuộc đạo vô gián, chứng diệt kiết do kiến mà đoạn của ba cõi do Nhẫn đã đoạn trước kia, và chứng diệt kiết do tu mà đoạn thuộc năm phẩm trước của cõi Dục do Thế tục trí và Tập-Diệt-Đạo trí đã đoạn trước kia.

Người Nhất lai dùng đạo thế tục và Tập-Diệt-Đạo trí, đoạn kiết phẩm thứ bảy-thứ tám của cõi Dục rồi, là dùng Khổ trí làm đạo vô gián, đoạn phẩm thứ chín đạt được quả Bất hoàn. Lúc bấy giờ Khổ trí thuộc đạo vô gián, chứng diệt kiết do kiến mà đoạn của ba cõi do Nhẫn đã đoạn trước kia, và chứng diệt kiết do tu mà đoạn thuộc tám phẩm trước thuộc cõi Dục do Thế tục trí và Tập-Diệt-Đạo trí đã đoạn trước kia.

Người Bất hoàn dùng đạo thế tục hoặc là Tập-Diệt-Đạo trí, là nhiệm của Tĩnh lự thứ nhất cho đến vô sở hữu xứ, dùng Tập-Diệt-Đạo trí để đoạn tám phẩm kiết của Phi tưởng phi phi tưởng xứ rồi, lại dùng Khổ trí làm đạo vô gián, đoạn phẩm thứ chín đạt được quả Vô học. Lúc bấy giờ Khổ trí thuộc đạo vô gián, chứng diệt kiết do kiến mà đoạn của ba cõi do Nhẫn đã đoạn trước kia, và chứng diệt Kiết do tu mà đoạn của tám địa do Thế tục trí và Tập-Diệt-Đạo trí đã đoạn trước kia, chứng diệt Kiết do tu mà đoạn thuộc tám phẩm trước của Phi tưởng phi phi tưởng xứ do Tập-Diệt-Đạo trí đã đoạn. Như vậy các Kiết diệt do Khổ trí tác chứng, mà kiết ấy không phải là do Khổ trí đoạn. Như nói về Khổ trí, nói về Tập-Diệt-Đạo trí nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Phần trước và phần này có gì sai biệt?

Đáp: Có những người muốn làm cho đạo vô gián đoạn trước các kiết, đạo giải thoát chứng được diệt kiết đã đoạn, họ nói phần trước hiển bày về tác dụng của đạo vô gián, phần này hiển bày về tác dụng của đạo giải thoát. Có những người muốn làm cho đạo vô gián có thể đoạn được các kiết đã đoạn, họ nói phần trước hiển bày về đạo vô gián

có thể đoạn được các kiết và chứng được diệt kiết đã đoạn, phần này chỉ hiển bày về đạo vô gián chứng được diệt các kiết.

Như đoạn được kiết-chứng được diệt kiết ấy, rời bỏ sai lầm-tu công đức, rời bỏ vô nghĩa-đạt được có nghĩa, rời bỏ thấp kém-đạt được cao đẹp, lia khổ của ái nhiễm-chứng niềm vui tịch tĩnh, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, phần trước hiển bày về đoạn hữu vi, phần này hiển bày về chứng vô vi. Lại nữa, phần trước hiển bày về lập tức đoạn, phần này hiển bày về thường xuyên đoạn. Lại nữa, phần trước hiển bày về đoạn thì lập tức chứng, phần này hiển bày về trước đoạn rồi sau mới chứng. Đó gọi là sự sai biệt giữa phần trước và phần này.

Nhãn căn cho đến tùy miên Vô minh do tu mà đoạn của cõi Vô sắc, ở trong mười trí có mấy trí nhận biết? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về Chánh lý. Nghĩa là hoặc có người chấp: Có những Giác tuệ không có cảnh sở duyên, như giữ lấy sự vật huyền ảo của thành Kiên-đạt-phước, cảnh tượng trong gương, bóng trăng trong nước, vòng lửa xoay tròn..., các loại Giác tuệ đều không có cảnh thật. Vì ngăn chặn cái chấp ấy để hiển bày các Giác tuệ để thật sự có cảnh.

Hoặc lại có người chấp: Có trí có thể nhận biết mà khôn nhận biết sự vật đã nhận biết, có cảnh đã nhận biết mà không phải là trí đã nhận biết. Vì ngăn chặn cái chấp ấy để hiển bày không có trí có thể nhận biết mà không nhận biết sự vật đã nhận biết, và không có cảnh đã nhận biết mà không phải là trí đã nhận biết. Bởi vì nhân duyên này, cho nên soạn ra phần luận này.

Nếu hỏi về thâm nhiếp thì nên dựa vào mười tám Giới suy nghĩ kỹ càng mà trả lời; nếu hỏi về Thức thì nên dựa vào mười hai Xứ suy nghĩ kỹ càng mà trả lời; nếu hỏi về Tùy miên thì nên dựa vào năm Bộ suy nghĩ kỹ càng mà trả lời; nếu hỏi về Trí thì nên dựa vào bốn Thánh để suy nghĩ kỹ càng mà trả lời. Như vậy các pháp có thể dễ dàng biểu hiện rõ ràng, có thể dễ dàng thi thiết.

Trong này hỏi về Trí cho nên thuận theo dựa vào bốn Thánh để suy nghĩ kỹ càng mà trả lời. Nhưng tất cả các pháp tóm lược có năm loại, đó là do bốn Đế thâm nhiếp và vốn không thâm nhiếp. Trong này, khổ-Tập của ba cõi và pháp do Đạo đế thâm nhiếp đều có hai loại, đó là tương ứng và không tương ứng; pháp do Diệt đế thâm nhiếp, và pháp vốn không do Đế thâm nhiếp đều chỉ có một loại, đó là không tương ứng.

Do Khổ-Tập đế của cõi Dục thâm nhiếp, pháp tương ứng có bảy trí nhận biết, trừ ra Loại-Diệt-Đạo trí; pháp không tương ứng có sáu trí nhận biết, trừ ra Loại-Tha tâm-Diệt-Đạo trí. Do Khổ-Tập đế của cõi Sắc thâm nhiếp, pháp tương ứng có bảy trí nhận biết, trừ ra Pháp-Diệt-Đạo trí; pháp không tương ứng có sáu trí nhận biết, trừ ra Pháp-Tha tâm-Diệt-Đạo trí. Do Khổ-Tập đế của cõi Vô sắc thâm nhiếp, pháp tương ứng và không tương ứng đều có sáu trí nhận biết, trừ ra Pháp-Tha tâm-Diệt-Đạo trí. Pháp do Diệt đế thâm nhiếp có sáu trí nhận biết, trừ ra Tha tâm-Khổ-Tập-Đạo trí. Pháp do Đạo đế thâm nhiếp, pháp tương ứng có bảy trí nhận biết, trừ ra Khổ-Tập-Diệt trí; pháp không tương ứng có sáu trí nhận biết, trừ ra Tha tâm-khổ-Tập-Diệt trí. Pháp không do Đế thâm nhiếp có một trí nhận biết, đó là Thế tục trí. Đây gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược ở chỗ này.

Trong này, nhãn căn có bảy trí nhận biết..., dựa theo trước đã nói nên biết về tướng ấy.

Hỏi: Vì sao gọi là trí?

Đáp: Có năng lực nhận biết mà nhận biết, cho nên gọi là trí.

Hỏi: Vì sao gọi là sự nhận biết?

Đáp: Là do trí mà nhận biết, cho nên gọi là sự nhận biết. Tôn giả Diêu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Có năng lực suy tính cho nên gọi là trí, do suy tính cho nên gọi là sự nhận biết. Năng xưng-sở xưng, năng độ-sở độ, nên biết cũng như vậy”.

Hiếp Tôn giả nói: “Có năng lực nhận biết cho nên gọi là trí; nếu pháp là trí thì sự của cảnh đã giữ lấy-đã duyên vào-đã hiện hành, gọi là sự đã nhận biết. Trí và sự đã nhận biết kiến lập tương đối, cho nên không có trí nào không nhận biết sự đã nhận biết, cũng không có sự đã nhận biết nào không phải là do trí đã nhận biết, không có trí nào không có sự nhận biết, không có sự nhận biết nào không có trí”.

Như nói Tướng về vô thường, hoặc là tập-hoặc là tu, hoặc là do thực hành nhiều, có thể loại bỏ tất cả tham cõi Dục, tham cõi Sắc, tham cõi Vô sắc, trạo cử, ngã mạn, vô minh..., cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì phân biệt rộng về nghĩa trong kinh. Nghĩa là trong kinh nói: “Tướng về vô thường, hoặc là tập-hoặc là tu, hoặc là do thực hành nhiều...” Trong kinh tuy có nói lời này mà không phân biệt về nghĩa ấy, kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh chưa nói thì nay cần phải nói đến điều đó, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói kinh này?

Đáp: Có các hữu tình, tâm nhiều lười nhác uể oải, không chịu khó tinh tiến, rời bỏ các pháp thiện, vì khuyến khích thúc đẩy họ cho nên nói kinh này. Lại nữa, vì khuyến khích người học rời bỏ sự yêu quý của báo của rời sau, cho nên nói kinh này. Nghĩa là Đức Thế Tôn nói về sự việc của Di Lặc thành Phật ở tương lai, lúc ấy có những người học lấy lên ý niệm này: Nguyên cho con sẽ trông thấy sự thành Phật của Di Lặc mới nhập Niết-bàn, vì vậy không nên tham đắm yêu quý quả báo của đời sau.

Do đó, vì người học cho nên nói kinh này. Nhưng tưởng về Vô thường, hoặc là tập-hoặc là tu, hoặc là do thực hành nhiều, có thể loại bỏ tất cả tham cỗi Dục, thì Tưởng này nên nói là tương ứng với Pháp trí, đó là Khổ pháp trí; Tưởng này nên nói là có Tâm-có Tứ, đó là Tâm-Tứ câu sinh của Vị chí Định; Tưởng này nên nói là tương ứng với xả căn, đó là xả căn câu sinh của Vị chí Định; Tưởng này nên nói là đi cùng với Vô nguyện, đó là Khổ tương ứng với Vô nguyện; Tưởng này nên nói là duyên với hệ thuộc của cỗi Dục, đó là duyên với năm Uẩn của cỗi Dục.

Có thể loại bỏ tất cả tham cỗi Sắc, thì Tưởng này nên nói là tương ứng với loại trí, đó là Khổ loại trí; Tưởng này nên nói hoặc là có Tâm-có Tứ, đó là Tâm-Tứ câu sinh của Vị chí Định và Tĩnh lự trung gian, hoặc là không có Tâm-không có Tứ, đó là thuộc về ba Tĩnh lự sau; Tưởng này nên nói hoặc là tương ứng với Lạc căn, đó là thuộc về Tĩnh lự thứ ba, hoặc là tương ứng với Hỷ căn, đó là thuộc về hai Tĩnh lự đầu, hoặc là tương ứng với xả căn, đó là thuộc về Vị chí Định-Tĩnh lự trung gian và Tĩnh lự thứ tư; Tưởng này nên nói là đi cùng với Vô nguyện, đó là Khổ tương ứng với vô nguyện; Tưởng này nên nói là duyên với hệ thuộc của cỗi Sắc, đó là duyên với năm Uẩn của cỗi Sắc.

Có thể loại bỏ tất cả tham cỗi Vô sắc, thì Tưởng này nên nói là tương ứng với loại trí, đó là Khổ loại trí; hoặc là có Tâm-có Tứ, hoặc là không có Tâm-chỉ có tứ, hoặc là không có Tâm-không có Tứ, tương ứng với Lạc-Hỷ-Xả căn, đi cùng với Vô nguyện, duyên với hệ thuộc của cỗi Vô sắc, như trước nói về Tưởng có thể loại bỏ tham cỗi Sắc. Có điểm si biệt là Tưởng này hoặc là không có Tâm-không có tứ, đó là thuộc về ba Tĩnh lự sau và ba Vô sắc trước; hoặc là tương ứng với xả căn, đó là thuộc về Vị chí Định-Tĩnh lự trung gian-Tĩnh lự thứ tư và ba Vô sắc trước; duyên với hệ thuộc của cỗi Vô sắc, đó là duyên với bốn Uẩn của cỗi Vô sắc.

Có thể loại bỏ tất cả trạo cử-ngã mạn-vô minh, thì Tưởng này

nên nói tương ứng với pháp trí-Loại trí, đó là Khổ pháp trí-Khổ loại trí; Tướng này nên nói hoặc có Tâm-có Tứ, hoặc là không có Tâm-chỉ có Tứ, hoặc là không có Tâm-không có tứ, tương ứng với Lạc-Hỷ-Xả căn, đi cùng với Vô nguyện, đều như trước nói về Tướng có thể loại bỏ tham cõi Vô sắc; Tướng này nên nói hoặc là duyên với hệ thuộc của cõi Dục, đó là duyên với năm Uẩn của cõi Dục, hoặc là duyên với hệ thuộc của cõi Vô sắc, đó là duyên với bốn Uẩn của cõi Vô sắc.

Hỏi: Tất cả Thánh đạo đều có thể đoạn kết, tại sao chỉ nói về Tướng Vô thường?

Đáp: Trong này thanh Tướng là hiển bày về các Thánh đạo, nghĩa là Đức Phật hoặc có lúc dùng thanh Thọ-thanh Tướng-thanh tư-thanh Ý-thanh Đăng, thanh Tín-tinh tiến-Niệm-Định-Tuệ, thanh Thuyền bè-thanh Núi đá-thanh Nước-thanh Hoa, thanh Từ-Bi-Hỷ-Xả để hiển bày về các Thánh đạo, nói rộng ra như trước; trong này cũng như vậy, cho nên không cần phải chất vấn.

Hỏi: Tướng về Vô thường chỉ có thể đối trị phiền não của hai Bộ, đó là do kiến Khổ mà đoạn và do tu mà đoạn, tại sao trong này nói là có thể loại bỏ tất cả tham của ba cõi...?

Đáp: Trong này chỉ nên nói là có thể loại bỏ tham của ba cõi..., không nên nói là tất cả, mà nói là tất cả, bởi vì tất cả có hai loại, đó là phần ít của tất cả và tất cả của tất cả. Trong này chỉ nói đến phần ít của tất cả, đó là tất cả do kiến Khổ mà đoạn và do tu mà đoạn chứ không phải là loại khác. Lại nữa, Đức Phật vì Thánh giả mà nói về kinh này, họ đã vĩnh viễn đoạn hết kết do kiến mà đoạn, khuyến khích họ tụ tập tướng về Vô thường này, khiến cho đoạn hết tất cả kết do tu mà đoạn của ba cõi, cho nên không có gì sai.

Hỏi: Tướng về Vô thường có thể đối trị bảy tùy miên, tại sao trong này chỉ nói là có thể đoạn Tham-Mạn-Vô minh?

Đáp: Bởi vì ba loại này gồm chung ba cõi và có khắp năm Bộ, cho nên chỉ nói đến chúng; năm Kiến và Nghi tuy gồm chung ba cõi mà không có khắp năm Bộ mà không gồm chung ba cõi, cho nên không nói đến. Lại nữa, bởi vì ba loại này gồm chung ba cõi, dị sinh và Thánh giả đều có thể hiện hành, cho nên chỉ nói đến chúng; năm Kiến và Nghi tuy gồm chung ba cõi, dị sinh và Thánh giả đều có thể hiện hành, cho nên chỉ nói đến chúng; năm kiến và Nghi tuy gồm chung ba cõi mà các Thánh giả chắc chắn không hiện hành, Sân tuy là dị sinh và Thánh giả đều có thể hiện hành mà không gồm chung ba cõi, vì vậy không nói đến.

Hỏi: Vì sao tham phân ra ba cõi sai biệt mà Trạo cử... thì không như vậy?

Đáp: Chúng cũng cần phải phân ra ba cõi sai biệt, mà không phân ra thì nên biết là có khác. Lại nữa, muốn hiển bày về cách nói khác nhau-văn từ khác nhau để trang nghiêm đối với nghĩa, làm cho người thọ trì sinh tâm vui mừng thích thú. Lại nữa, muốn hiển bày về hai phương pháp-hai cách thức, cho đến nói rộng ra. Lại nữa, tham ái là nặng khó đoạn trừ-khó phá bỏ, nhiều những lỗi lầm tai họa, cho nên chỉ phân riêng chúng. Lại nữa, bởi vì tham ái cho nên các cõi-các địa-các Bộ có sai biệt, vì vậy chỉ phân riêng chúng.

Hỏi: Tu Tưởng về Vô thường có thể loại bỏ bảy Mạn, vì sao ở đây nói là chỉ loại bỏ Ngã mạn?

Đáp: Trong này tạm thời nói đến pháp đối trị gần, nghĩa là Tưởng về vô thường là pháp đối trị gần của Ngã mạn. Như trong kinh nói: “Nếu các Tỳ kheo tu pháp Tưởng về Vô thường thì có thể dẫn đến Tưởng về Vô ngã; nếu trú trong tưởng về Vô thường-Vô ngã thì có thể đoạn hết Ngã mạn, nhanh chóng hết sạch các lậu.”

Hỏi: Tại sao trong tất cả các tùy phiền não chỉ nói đến Trạo cử?

Đáp: Trong các tùy phiền não sai lầm tai họa tăng lên thì chỉ có Trạo cử, đó là gồm cả ba cõi-là tánh ràng buộc thâm nhiếp; Hôn trầm tuy có đủ hai nghĩa như vậy, mà ở cõi trên thuận với Đăng chí, cho nên sai lầm tai họa không tăng lên, vì vậy trong này chỉ nói đến Trạo cử.

Như nói đến bảy xứ thiện-ba nghĩa quán, có thể ở trong pháp Tu-nại-da này nhanh chóng hết sạch các lậu. Thế nào là bảy? Đó là biết đúng như thật về Sắc-Sắc tập-Sắc diệt-hướng đến hành Sắc diệt-Sắc vi-sắc hoạn-Sắc xuất. Biết đúng như thật về Thọ-Tưởng-Hành-Thức, có bảy cũng như vậy.

Trí này nên nói là pháp trí cho đến Đạo trí chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì phân biệt rộng về nghĩa trong kinh. Nghĩa là trong kinh nói: “Tỳ kheo nên biết, có bảy xứ thiện và ba nghĩa quán...” Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt về nghĩa ấy, kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh chưa nói thì nay cần phải nói đến điều ấy, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói kinh này?

Đáp: Có những người học đã tiến vào Kiến đạo, trú trong Tu đạo bị phiền não do tu mà đoạn làm cho phiền muộn, Đức Thế Tôn muốn

làm cho họ tu pháp đối trị phiền não ấy, nói cho biết rằng: Các công cụ đã đạt được Thánh đạo, sao không dựa vào Thánh đạo để đoạn phiền não khác? Như người khỏe mạnh bị kẻ thù làm cho phiền muộn, người khác bảo rằng: Ông đã khỏe mạnh, lẽ nào không giết hại kẻ thù mà để kẻ thù làm cho họ phiền muộn hay sao?

Lại nữa, có những người học đã đạt được quả thứ nhất, đối với quả thù thắng tiếp sau không thực hiện gia hạnh, giả sử thực hiện gia hạnh nhưng không biết đúng như thật, Đức Thế Tôn muốn làm cho phát khởi gia hạnh thù thắng mà nói cho biết rằng: Nếu các ông có thể không rời bỏ các gia hạnh đạt được quả Dự lưu trước đây, thì không bao lâu chắc chắn được lậu tận hoàn toàn. Đức Phật vì điều ấy cho nên nói kinh này.

Biết đúng như thật về Sắc là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Khổ trí. Trong này, Pháp trí biết về quả của Sắc thuộc cõi Dục, Loại trí biết về quả của Sắc thuộc cõi Sắc, Thế tục trí biết về quả của tất cả các Sắc, Khổ trí biết về quả của Sắc hữu lậu; Vô thường-Khổ-Không-Vô ngã, pháp này tuy có bốn mà thiết lập làm một thiện, bởi vì đều cùng quán sát về quả của một Sắc.

Biết đúng như thật về Sắc tập là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Tập trí. Trong này, Pháp trí biết về nhân của Sắc thuộc cõi Dục, Loại trí biết về nhân của Sắc thuộc cõi Sắc, Thế tục trí biết về nhân của tất cả các Sắc, Tập trí biết về nhân của Sắc hữu lậu; Tập-Sinh-Duyên, pháp này tuy có bốn mà thiết lập làm một thiện, bởi vì đều cùng quán sát về nhân của một Sắc.

Biết đúng như thật về Sắc diệt là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Diệt trí. Trong này, Pháp trí biết về diệt của Sắc thuộc cõi Dục, Loại trí biết về diệt của Sắc thuộc cõi Sắc, Thế tục trí biết về diệt của tất cả các Sắc, Diệt trí biết về Diệt-Tĩnh-Diệu-Ly của Sắc hữu lậu; loại này tuy có bốn mà thiết lập làm một thiện, bởi vì đều cùng quán sát về diệt của một Sắc.

Biết đúng như thật về hướng đến hành diệt Sắc là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí. Trong này, Pháp trí biết về đạo đối trị của Sắc thuộc cõi Dục, Loại trí biết về đạo đối trị của Sắc thuộc cõi Sắc, Thế tục trí biết về đạo đối trị của tất cả các Sắc, Đạo trí biết về Đạo-Như-Hành-Xuất đối trị của Sắc hữu lậu; loại này tuy có bốn mà thiết lập làm một thiện, bởi vì đều cùng quán sát về đạo của một Sắc.

Biết đúng như thật về vị của Sắc là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Tập trí. Trong này, bốn trí đều biết về vị của Sắc, như trước

nên biết; loại này tuy có bốn mà thiết lập làm một thiện, bởi vì đều cùng quán sát về tập của một Sắc.

Biết đúng như thật về tai họa của Sắc là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Khổ trí. Trong này, bốn trí đều biết về tai họa của Sắc, như trước nên biết; loại này tuy có bốn mà thiết lập làm một thiện, bởi vì đều cùng quán sát về khổ của một Sắc.

Biết đúng như thật về thoát khỏi Sắc là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Diệt trí. Trong này, bốn trí đều biết về thoát khỏi Sắc, như trước nên biết; loại này tuy có bốn mà thiết lập làm một thiện, bởi vì đều cùng quán sát về diệt của một Sắc.

Biết đúng như thật về Thọ-Tưởng-Hành-Thức, có bảy cũng như vậy, là nói như quán về Sắc.

Hỏi: Nếu như vậy thì phải nói là có ba mươi lăm xứ thiện, hoặc là vô lượng xứ thiện, tại sao nói là bảy?

Đáp: Quán sát mỗi một Uẩn, tất cả đều có bảy, không vượt qua số bảy cho nên nói là có bảy. Như trong kinh khác nói: “Những người Dự lưu cuối cùng có bảy lần trở lại.” Điều ấy nếu nói riêng biệt về hai nẻo-hai đời thì phải là hai mươi tám, đó là nẻo người có bảy-nẻo trời có bảy, Trung Hữu loài người có bảy-Trung Hữu loài trời có bảy, nhưng không vượt qua cho nên nói là bảy.

Lại như kinh khác nói: “Có hai pháp, đó là nhãn sắc cho đến ý pháp.” Lại như kinh khác nói: “ba lần chuyển pháp luân có mười hai hành tướng.” Điều ấy không vượt qua hai và mười hai, cho nên nói là hai-mười hai; ở đây cũng như vậy.

Hiếp Tôn giả nói: “Kinh này nên nói là biết đúng như thật về Sắc cho đến Thức, biết đúng như thật về Sắc tập cho đến Thức tập, biết đúng như thật về Sắc diệt cho đến Thức diệt, biết đúng như thật về hưởng đến hành diệt Sắc cho đến hưởng về hành diệt Thức, biết đúng như thật về vị của Sắc cho đến vị của Thức, biết đúng như thật về tai họa của Sắc cho đến tai họa của Thức, biết đúng như thật về thoát khỏi Sắc cho đến thoát khỏi Thức. Nếu nói theo cách này thì chỉ có bảy xứ thiện, không phải là ba mươi lăm hay là vô lượng loại.”

Lại nữa, nếu nói tóm lược thì có bảy xứ thiện, nếu nói mở rộng thì có ba mươi lăm loại, hoặc là vô lượng loại. Trong kinh nói tóm lược cho nên chỉ có bảy loại. Như tóm lược-mở rộng, tổng quát-riêng biệt, không phân biệt-phân biệt, nói nhanh-nói chậm nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, vì người lợi căn thì nói là bảy xứ thiện, vì người độn căn thì nói là ba mươi lăm, hoặc là vô lượng loại. Như lợi căn-độn căn,

lực của nhân-lực của duyên, lực của phần bên trong-lực của phần bên ngoài, lực của tư duy bên trong-lực của nghe pháp bên ngoài, khai mở về trí-nói về trí, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, dựa vào quán sát gần nói về bảy xứ thiện, dựa vào quán sát xa nói về ba mươi lăm, hoặc là vô lượng loại. Như gần-xa, áp sát bên cạnh, hiện rõ trước mắt-không phải là hiện rõ trước mắt, chúng đồng phần này-chúng đồng phần khác, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, dựa vào quán vô lậu thì nói bảy xứ thiện, dựa vào quán hữu lậu thì nói ba mươi lăm, hoặc là vô lượng loại. Như hữu lậu-vô lậu, thế gian-xuất thế gian, ràng buộc-giải thoát, hệ thuộc-không hệ thuộc, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, dựa vào lúc Hiện quán thì nói bảy xứ thiện, dựa vào lúc quán sát thì nói ba mươi lăm, hoặc là vô lượng loại.

Lại nữa, dựa vào quán sát về tướng chung cho nên nói bảy xứ thiện, dựa vào quán về tướng riêng cho nên nói ba mươi lăm, hoặc là vô lượng loại. Như quán về tướng chung-tướng riêng, quán về tự tướng-cộng tướng, hiểu về tự tướng-cộng tướng, tác ý về tự tướng-cộng tướng, nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Trong này là nói về tự tướng tác ý, hay là nói về cộng tướng tác ý? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu nói về tự tướng tác ý, thì trong này đã nói nên thông hiểu thế nào? Như nói bảy xứ thiện-ba nghĩa quán, có thể ở trong pháp Tỷ-nại-da này nhanh chóng hết sạch các lậu, chứ không phải là tự tướng tác ý có thể có năng lực hết sạch các lậu. Nếu nói về cộng tướng tác ý, thì trong này đã nói lại thông hiểu thế nào? Như nói biết đúng như thật về Sắc cho đến biết đúng như thật về Thức.

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Trong này chính là nói về tự tướng tác ý.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao có thể nhanh chóng hết sạch các lậu?

Đáp: Tự tướng tác ý này có thể dẫn đến cộng tướng tác ý, cộng tướng tác ý kia có thể nhanh chóng hết sạch các lậu, dựa vào nhân lần lượt chuyển đổi cho nên đưa ra cách nói này. Lại có người nói: Trong này chính là nói về cộng tướng tác ý.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao kinh này nói : Biết đúng như thật về Sắc cho đến biết đúng như thật về Thức?

Đáp: Trong kinh này nên đưa ra cách nói này: Biết đúng như thật về Uẩn-Uẩn tập-Uẩn diệt-hướng đến hành diệt Uẩn-vị của Uẩn-tai họa

của Uẩn-thoát khỏi Uẩn. Nhưng mà nói khác đi, thì nên biết là lúc nói khác nhau, lúc Hiện quán khác nhau. Như Đức Phật vì bốn Tiên vương, trước phải dùng Thánh ngữ để nói về bốn Thánh đế, hai vị hiểu được-hai vị không hiểu được..., như trước đây đã nói. Vì thế biết rằng lúc nói khác nhau, lúc Hiện quán khác nhau, nghĩa là lúc nói thì nói riêng biệt, lúc Hiện quán thì Hiện quán tổng quát.

Hỏi: Bảy xứ thiện-ba nghĩa quán có gì sai biệt?

Đáp: Tên gọi chính là sai biệt, đó là bởi vì tên gọi bảy xứ thiện, tên gọi ba nghĩa quán. Có người đưa ra cách nói này: Bảy xứ thiện là vô lậu, ba nghĩa quán là hữu lậu.

Hỏi: Nếu như vậy thì ở đây nói nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Biết đúng như thật về Sắc là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Khổ trí... Trí Thế tục này tuy cũng có thể có mà không hiện hành. Lại nữa, bảy xứ thiện này là hành tướng Thánh, nói là vô lậu mà thật sự gồm chung hữu lậu, đối với ba nghĩa quán chẳng phải là hành tướng Thánh, chỉ là hữu lậu, cho nên gọi là vô lậu.

Hỏi: Là có thể dùng bảy xứ thiện để tiến vào ba nghĩa quán chăng?

Đáp: Không thể nào, bởi vì bảy xứ thiện là thánh tướng vô lậu, ba nghĩa quán là hành tướng hữu lậu. Lại có người nói: Bảy xứ thiện gồm chung hữu lậu và vô lậu, ba nghĩa quán chỉ riêng hữu lậu.

Hỏi: Là có thể dùng bảy xứ thiện để tiến vào ba nghĩa quán chăng?

Đáp: Có thể, nhưng sử dụng nhiều công lực, dấy khởi nhiều tác ý, thực hiện nhiều gia hạnh, đó là biết đúng như thật về Sắc cho đến Thức, biết đúng như thật về tai họa của Sắc cho đến tai họa của Thức mà tiến vào quán xét Uẩn; biết đúng như thật về Sắc tập cho đến Thức tập, biết đúng như thật về vị của Sắc cho đến vị của Thức mà tiến vào quán xét về Xứ; biết đúng như thật về Sắc diệt cho đến Thức diệt, biết đúng như thật về thoát khỏi Sắc cho đến thoát khỏi Thức mà tiến vào quán xét về Giới. Tuy có thể dùng bảy xứ thiện để tiến vào ba nghĩa quán như vậy, mà sử dụng nhiều công lực, dấy khởi nhiều tác ý, thực hiện nhiều gia hạnh.

Hỏi: Ba nghĩa quán ở trước-bảy xứ thiện ở sau, vì sao Đức Thế Tôn trước là nói về bảy xứ thiện, sau là nói đến ba nghĩa quán?

Đáp: Tuy ba nghĩa quán ở trước-bảy xứ thiện ở sau, mà trước là nói về bảy xứ thiện, sau là nói đến ba nghĩa quán, bởi vì đối với cách nói-đối với văn từ đều tùy thuận. Lại nữa, bởi vì theo thứ tự như vậy

người nói-người tiếp nhận đều tùy thuận. Lại nữa, nếu đưa ra cách nói này thì đối với văn-đối với nghĩa đều trọn vẹn đầy đủ; nếu trước là nói về ba nghĩa quán-sau là nói đến bảy xứ thiện, thì đối với nghĩa tuy trọn vẹn đầy đủ mà đối với văn lại không trọn vẹn đầy đủ.

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Điều cần phải nói trước thì nói trước, điều cần phải nói sau thì nói sau, cả hai không có sai lầm gì. Bởi vì phần vị của ba nghĩa quán có hai loại riêng biệt:

1. Ở trước lúc Kiến đạo.
2. Ở trước lúc Tu đạo.

Trước lúc Kiến đạo thì trong này không nói đến, trước lúc Tu đạo thì trong này nói đến. Như Kiến đạo-Tu đạo, Kiến địa-Tu địa, Vị tri đường tri căn-Dĩ tri căn, nên biết cũng như vậy.”

Hiếp Tôn giả nói: “Trong này nói về bốn địa, đó là Tu hành địa-Kiến địa-Tu địa và Vô học địa. Như nói về bảy xứ thiện-ba nghĩa quán là nói về địa tu hành, biết đúng như thật về Sắc-Sắc tập-Sắc diệt-hương về hành diệt Sắc cho đến Thức cũng như vậy là nói về địa Kiến, biết đúng như thật về vị của Sắc-tai họa của Sắc, thoát khỏi Sắc cho đến Thức cũng như vậy là nói về địa Tu, nhanh chóng hết sạch các lậu là nói về địa Vô học.”

Hỏi: Vì sao trong Kiến đạo nói về bốn xứ thiện, trong Tu đạo chỉ nói đến ba xứ thiện?

Đáp: bởi vì Kiến đạo là xứ sở quyết định-đối trị quyết định chứ không phải là Tu đạo. Lại nữa, bởi vì Kiến đạo là sở duyên quyết định-đối trị quyết định chứ không phải là Tu đạo. Lại nữa, bởi vì Kiến đạo là bắt đầu đạt được Kiến đế, đã đạt được Hiện quán. Lại nữa, bởi vì Kiến đạo là bắt đầu đạt được chủng tánh Thánh-bắt đầu đạt được hành tướng Thánh, còn Tu đạo thì đã đạt được chủng tánh Thánh, đã đạt được hành tướng Thánh.

Hỏi: Vì sao ở trong bảy xứ thiện này, hai lần nói về ba đế trước, một lần nói về Đạo đế?

Đáp: Bởi vì trong này Đạo đế thường xuyên phân biệt, nghĩa là biết đúng như thật về Sắc tập cho đến Thức tập, Sắc diệt cho đến Thức diệt, hương về hành diệt Sắc cho đến hương về hành diệt thức, vị của Sắc cho đến vị của Thức, tai họa của Sắc cho đến tai họa của Thức, thoát khỏi Sắc cho đến thoát khỏi Thức, biết đúng như thật về những điều này cũng đều là Đạo đế. Đã thường xuyên phân biệt đối với Đạo đế, cho nên không nói lại với Đạo đế.

Lại nữa, có pháp đã sinh ra khổ, có pháp chưa sinh ra khổ, có pháp

đã sinh ra nhân của khổ, có pháp chưa sinh ra nhân của khổ, có pháp đã sinh ra diệt trừ khổ, có pháp chưa sinh ra diệt trừ khổ; các pháp như vậy chỉ có Đạo đế có năng lực nhận biết về đoạn và chứng, cho nên nói ba Đế thì đã nói đến Đạo đế.

Lại nữa, có khổ gần-có khổ xa, có nhân của khổ gần-có nhân của khổ xa, có diệt của khổ gần- có diệt của khổ xa; các pháp như vậy chỉ có Đạo đế có năng lực nhận biết về Đoạn và Chứng, cho nên nói ba Đế thì đã nói đến Đạo đế.

Lại nữa, ba Đế có giới hạn cho nên nói hai lần, Đạo đế không có giới hạn cho nên chỉ nói một lần.

Hỏi: Dựa vào luận mà sinh ra luận, vì sao ba Đế nói là có giới hạn mà đạo đế nói là không có giới hạn?

Đáp: Bởi vì Khổ có thể biết hết, Tập có thể đoạn hết, Diệt có thể chứng hết, Đạo không thể nào tu hết; nghĩa còn lại nói rộng ra như phần Thế tục trí Hiện quán biên.

Lại nữa, bốn xứ thiện trước nói về phần vị Kiến đạo, Kiến đạo thì nhất định phải quán sát bốn Đế đầy đủ, cho nên nói đầy đủ bốn loại; ba xứ thiện sau nói về phần vị Tu đạo, Thánh đạo đã tu trong phần vị Tu đạo đức là Đạo đế, không hẳn là quán xét đầy đủ về bốn Thánh đế, cho nên chỉ nói đến ba loại. Lại nữa, tất cả Hiền Thánh đều chán ngán Khổ-Tập, vui mừng với Niết-bàn; Thánh đạo thì không như vậy, cho nên Đức Thế Tôn nói hai lần về ba Đế mà chỉ nói một lần về Đạo đế.

Hỏi: Tại sao trong Kiến đạo thì trước là nói đến Khổ đế-sau mới nói đến Tập đế, mà trong Tu đạo thì trước là nói đến Tập đế-sau mới nói đến Khổ đế?

Đáp: Trong Kiến đạo dựa vào thứ tự của Hiện quán, Trong Tu đạo dựa vào thứ tự của nhân quả, cho nên nói theo cách ấy. Lại nữa, trong Kiến đạo dựa vào thấy theo thứ tự, trong Tu đạo dựa vào nói theo thứ tự, cho nên đưa ra cách nói ấy; bởi vì thấy theo thứ tự quả trước-nhân sau, nói theo thứ tự nhân trước-quả sau.

Lại nữa, Đức Phật dựa vào Tu đạo vì hành giả nghiêng về ái, nói về pháp đoạn ái mà dạy bảo như vậy: Các ông trước tiên nên quán sát về vị của các Uẩn, quán sát về vị rồi thấy rõ sai lầm tai họa của vị, thấy rõ sai lầm tai họa rồi có thể nhanh chóng thoát ra.

Lại nữa, trong phần vị Tu đạo đã có phạm vi giới hạn đối xử với sinh tử, cho nên không chán ngán nhiều đối với khổ, chỉ vì phiền não làm cho tâm rối loạn, do đó chán ngán nhiều đối với phiền não. Trong các phiền não thì ái thường xuyên hiện hành, cho nên phần nhiều chán

ngán đối với ái. Vì vậy trong Tu đạo trước là quán về vị của ái, tiếp đến là quán về tai họa của ái, cuối cùng là quán về thoát khỏi ái.

Lại nữa, ái đối với hiện tại rất có năng lực dẫn dắt tâm rong đuổi khắp các cảnh, ái đối với vị lai rất có năng lực tưới thấm quả báo làm cho không đoạn dứt, cho nên các Thánh giả chán ngán ái tăng lên, trong phần vị Tu đạo trước là quán về vị của ái, tiếp đến là quán về tai họa của ái, sau cùng là quán về cách thoát khỏi ái.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn khiến cho hữu tình đã cảm hóa thường xuyên quán sát về cảnh giới đã nhận biết?

Đáp: Từ vô thủy đến nay mê theo cảnh đã nhận biết mà lạc mất chánh đạo, chìm nổi trong sinh tử nhận chịu đủ loại khổ đau, Đức Thế Tôn muốn làm cho hiểu rõ về cảnh đã nhận biết, hướng về với chánh đạo, vượt ra khỏi sinh tử, lìa xa các loại khổ đau, cho nên khiến thường xuyên quán xét về cảnh giới đã nhận biết. Trong này, chủ yếu là nói đến bảy xứ thiện và ba ngã quán.

Hỏi: Trước là Tập-sau là Vị có gì sai biệt?

Đáp: Tên gọi chính là sai biệt, nghĩa là bởi vì tên gọi Tập của Sắc..., tên gọi vị của Sắc... Lại nữa, Tập gồm chung sáu thức, Vị chỉ riêng ý địa. Lại nữa, Tập gồm chung nhiễm ô-không nhiễm ô, Vị chỉ riêng nhiễm ô. Lại nữa, Tập gồm chung ba cõi, Vị chỉ riêng cõi dục. Lại nữa, Tập gồm chung nghiệp-phiền não, Vị chỉ riêng phiền não. Lại nữa, Tập gồm chung các phiền não, Vị chỉ là ái. Đó gọi là sự sai biệt giữa Tập và Vị.

Hỏi: Tập của các Uẩn là một hay là có khác nhau? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu như là một thì trong kinh đã nói nên thông hiểu thế nào? Như nói: “Bởi vì Tập của vui mừng cho nên có Tập của Sắc, bởi vì Tập của xúc chạm cho nên có Tập của ba Uẩn, bởi vì Tập của Danh sắc cho nên có Tập của Thức.” Nếu như có khác nhau, thì luận Thi Thiết nói lại thông hiểu thế nào? Như nói: “Ái này hoặc là quá khứ-hoặc là vị lai-hoặc là hiện tại, đều mười hai nhân của khổ, nguồn gốc của khổ, con đường của khổ, đầu mối của khổ, luôn luôn gây ra khổ, khổ vì vô minh, khổ vì duyên, khổ vì quả báo, khổ vì tập khí, và khổ cùng khởi lên.”

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Có duyên riêng biệt cho nên Tập của các Uẩn là một, có duyên riêng biệt cho nên Tập của các Uẩn có khác nhau, nghĩa là dựa vào nhân xa cho nên Tập của các Uẩn là một, dựa vào nhân gần cho nên Tập của các Uẩn có khác nhau. Như dựa vào xa-gần, ở nơi kia-ở nơi này, không hiện rõ trước mắt-hiện rõ trước mắt, chúng đồng phần thân khác-chúng đồng phần thân này, nên biết cũng

như vậy.

Lại nữa, trong kinh nói ba loại Tập khác nhau:

1. Tập của phiền não.
2. Tập của khổ.
3. Tập của nghiệp.

Nghĩa là bởi vì có Tập của vui mừng cho nên có Tập của Sắc, là nói về Tập của phiền não; bởi vì Tập của xúc chạm cho nên có Tập của ba Uẩn, là nói về Tập của khổ; bởi vì Tập của Danh sắc cho nên có Tập của Thức, là nói về Tập của nghiệp. Trong kinh này nói về nghiệp-danh sắc. Như nói về Tập của phiền não-khổ-nghiệp, quả báo của phiền não-khổ-nghiệp, sinh ra phiền não-khổ-nghiệp, con đường của phiền não-khổ-nghiệp, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, trong kinh nói ba thời gian có khác nhau:

1. Thời gian tích tập.
2. Thời gian thọ dụng.
3. thời gian giữ gìn.

Nghĩa là bởi vì Tập của vui mừng cho nên có Tập của Sắc, là nói về thời gian tích tập; bởi vì Tập của xúc chạm cho nên có Tập của ba Uẩn, là nói về thời gian thọ dụng; bởi vì Tập của Danh sắc cho nên có Tập của Thức, là nói về thời gian giữ gìn.

Lại nữa, trong này nói riêng biệt về ba thời gian có khác nhau:

1. Thời gian sắp hòa hợp.
2. Thời gian đang hòa hợp.
3. Thời gian không biệt ly.

Nghĩa là bởi vì Tập của vui mừng cho nên có Tập của Sắc, là nói về thời gian sắp hòa hợp; bởi vì Tập của xúc chạm cho nên có Tập của ba Uẩn, là nói về thời gian đang hòa hợp; bởi vì Tập của Danh sắc cho nên có Tập của Thức, là nói về thời gian không biệt ly.

Lại nữa, trong kinh này nói ba Hữu khác nhau:

1. Trung hữu.
2. Bốn hữu.
3. Sinh hữu.

Nghĩa là bởi vì Tập của vui mừng cho nên có Tập của Sắc, là nói về Trung hữu; bởi vì Tập của xúc chạm cho nên có Tập của ba Uẩn, là nói về Bốn hữu; bởi vì Tập của Danh sắc cho nên có Tập của Thức, là nói về Sinh hữu.

Lại nữa, bởi vì Tập của vui mừng cho nên có Tập của Sắc, là nói về Danh duyên Sắc; bởi vì Tập của xúc chạm cho nên có Tập của ba

Uẩn, là nói về Danh duyên Danh; bởi vì Tập của Danh sắc cho nên có Tập của Thức, là nói về Danh sắc duyên Danh.

Lại nữa, dùng ái để mong cầu tự Thể của thân phận thuộc các quả báo ở vị lai, cho nên Đức Thế Tôn nói bởi vì Tập của vui mừng mà có Tập của Sắc; xúc chạm luôn luôn nuôi lớn tâm-tâm sở pháp, duy trì dẫn dắt làm cho hiện rõ ở trước mắt, cho nên Đức Thế Tôn nói bởi vì Tập của xúc chạm mà có Tập của ba Uẩn; Thức dựa vào Danh sắc tăng trưởng ộng lớn, cho nên Đức Thế Tôn nói bởi vì Tập của Danh sắc mà có Tập của Thức.

Hỏi: Trước là khổ-sau là tai họa, có gì sai biệt?

Đáp: Tên gọi tức là sai biệt, đó là tên gọi về khổ của Sắc..., tên gọi về tai họa của Sắc... Lại nữa, khổ gồm chung ba Thọ, tai họa chỉ riêng Khổ thọ. Lại nữa, khổ gồm chung nhiễm ô-không nhiễm ô, tai họa chỉ riêng nhiễm ô. Lại nữa, khổ gồm chung ba cõi, tai họa chỉ riêng cõi Dục. Lại nữa, khổ gồm chung phiền não-nghiệp-khổ, tai họa chỉ riêng phiền não. Lại nữa, khổ gồm chung các phiền não, tai họa chỉ thuộc về ái. Đó gọi là sự sai biệt giữa khổ và tai họa.

Hỏi: Sắc cho đến Thức diệt, Sắc cho đến Thức thoát ra, có gì sai biệt?

Đáp: Nếu do ái này mà khởi lên Tập của các Sắc, ái kia đoạn thì gọi là Sắc diệt; nếu các ái khác duyên với Sắc tăng nhiều, ái kia đoạn thì gọi là Sắc thoát ra, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao trong này hỏi về Sắc... diệt mà trả lời là ái... diệt?

Đáp: Nhân đoạn cho nên quả đoạn theo, nhân diệt cho nên quả diệt theo, nhân ngừng cho nên quả ngừng theo, bỏ nhân cho nên cũng bỏ quả, loại bỏ nhân cho nên quả cũng loại bỏ. Nếu cắt đứt con đường thì các quả báo không nối theo, Sắc... vĩnh viễn diệt mất thì đến giới hạn của khổ, cho nên hỏi về Sắc... diệt mà trả lời là ái... diệt.

Hỏi: Vì sao trong này đoạn các ái... đã sinh thì gọi là diệt, đoạn các ái... chưa sinh lại gọi là thoát ra?

Đáp: Đã sinh ra phiền não-nghiệp, đã có sự tạo tác, đã ngăn cách Thánh đạo, đã chọn lấy quả, đã mang lại quả, đã làm nhân đồng loại-Biến hành-Dị thực, đã giữ lấy quả Đẳng lưu-Dị thực, đối với sự nối tiếp nhau của mình đã gây ra nhiễm ô, đã làm cho ràng buộc, đã làm điều khổ đau, chỉ có thể đoạn diệt chứ không thể nào thoát ra, cho nên nói là diệt. Chưa sinh ra phiền não-nghiệp, cùng với bên trái ngược nhau, có thể thoát ra được, cho nên nói là thoát ra. Như ba sự việc khổ đau:

1. Đã nhận chịu.

2. Đang nhận chịu.

3. Sẽ nhận chịu.

Sự việc đã và đang nhận chịu thì không thể nào thoát ra được; sự việc sẽ phải nhận chịu thì hoặc là dùng sức của mình, hoặc là nhờ sức của người khác, hoặc là sức mạnh của tài sản tiền bạc mà có thể thoát ra được.

Hỏi: Vì sao trong này ba lần nói về ái, hai lần nói về phiền não-nghiệp khác?

Đáp: Bởi vì ái khó đoạn trừ-khó phá bỏ, khó có thể vượt qua được, nhiều lỗi lầm tai họa, rất đáng chỉ trích cho nên ba lần nói về ái. Như những người nữ trộm cướp cùng với pháp sáu xa khác, chê trách ngao ngán tổng quát rồi lại chê trách ngao ngán riêng biệt. Lại nữa, bởi vì sức mạnh của ái cho nên cội sai khác-địa sai hác-Bộ sai khác, tất cả phiền não bởi vì ái mà sinh ra, bởi vì ái mà tăng lên, cho nên ba lần nói về ái.

Hỏi: Vì sao các nơi dùng các loại câu hỏi, thường xuyên phân biệt về Diệt đế chứ không phải là Đế nào khác?

Đáp: Bởi vì Diệt đế này mười hai thù thắng nhất-tuyệt vời nhất trong tất cả các pháp, cũng thù thắng-tuyệt vời nhất trong bốn Thánh đế, cho nên phân biệt nhiều.

Hỏi: Vì sao trong này chỉ hỏi-đáp phân biệt về sự sai biệt giữa diệt và thoát ra chứ không phải là vị của Tập-tai họa của Khổ?

Đáp: Cũng nên nói đến sự sai biệt của hai loại ấy, mà không nói đến là có cách nói khác. Lại nữa, trong này dùng phần sau để biểu hiện rõ ràng đối với phần trước, nghĩa là hỏi-đáp phân biệt về sự sai biệt giữa diệt và thoát ra, thì nên biết là hai phần trước cũng phải nói đến. Lại nữa, diệt đế là thù thắng cho nên chỉ phân biệt về Diệt, Khổ-Tập không phải là thù thắng cho nên không nói đến.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 109

Phẩm Thứ Năm: LUẬN VỀ THẤT THÁNH (Phần 1)

Tùy tín hành cho đến Câu giải thoát, đối với tám trí có mấy thành tựu, mấy không thành tựu? Các chương như vậy và giải thích từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp theo cần phải giải thích rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về Chánh lý. Nghĩa là hoặc có người chấp: Tánh thành tựu và không thành tựu không có thật. Vì ngăn chặn cái chấp ấy để hiển bày tánh thành tựu và tánh không thành tựu đều là có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao trong phần này và chương Định Uẩn ở sau đều dựa vào bảy loại Bồ-đặc-già-la mà soạn luận, trong phẩm Bất Thiện ở chương Kiết Uẩn trước đây chỉ dựa vào năm loại Bồ-đặc-già-la mà soạn ra luận?

Đáp: Là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra.

Lại nữa, trong chương Kiết Uẩn trước đây dựa vào người có kiết mà soạn luận, cho nên không nói đến hai loại Bồ-đặc-già-la; trong phần này và chương Định Uẩn dựa vào Bồ-đặc-già-la có Trí và Định mà soạn luận, cho nên cũng nói đến hai loại sau.

Lại nữa, trong chương Kiết Uẩn trước đây dùng Bồ-đặc-già-la làm chương, dùng phiền não làm môn, cho nên không nói đến hai loại sau; trong phần này và chương Định Uẩn dùng Bồ-đặc-già-la làm chương, dùng Trí-Định làm môn, cho nên cũng nói đến hai loại sau. Bởi vì Tuệ giải thoát và Câu giải thoát tuy không có phiền não mà có Trí-Định, cho nên nói đầy đủ bảy loại Bồ-đặc-già-la. Phân tích rộng về bảy loại Bồ-đặc-già-la, như trong phẩm Bất Thiện ở chương Kiết Uẩn trước đây.

Trả lời: Tùy tín hành đối với tám trí, hoặc là thánh tựu một-hai-

ba-bốn-năm-sáu-bảy-tám, bởi vì nghĩa không nhất định. Nghĩa là lúc Khổ pháp trí nhãn không có Tha tâm trí là một, có Tha tâm trí là hai. Nếu chưa lìa nhiễm cội Dục mà tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì không thành tựu Tha tâm trí cho nên gọi là không có Tha tâm trí, lúc ấy thành tựu một Thế tục trí. Nếu đã lìa nhiễm cội Dục mà tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì thành tựu Tha tâm trí cho nên gọi là có Tha tâm trí, lúc ấy thành tựu Thế tục trí và Tha tâm trí. Lúc Khổ pháp trí-Khổ loại trí nhãn không có Tha tâm trí là ba, có Tha tâm trí là bốn. Trong hai tâm này nếu không thành tựu Tha tâm trí thì chỉ thành tựu ba, đó là Pháp trí-Khổ trí và Thế tục trí; nếu thành tựu Tha tâm trí thì thành tựu bốn, đó là ba trí trước cộng thêm Tha tâm trí. Phần vị sau tăng thêm trí, dựa theo trước nên biết.

Tùy pháp hành cũng như vậy, nghĩa là như Tùy tín hành, hoặc là thành tựu một cho đến tám, bởi vì hai bậc Thánh này có địa như nhau-đạo như nhau-thân sở y như nhau-lìa nhiễm cũng như nhau, chỉ riêng căn là có khác nhau, đó là Tùy tín hành thì thuộc về độn căn, nếu là Tùy pháp hành thì thuộc về lợi căn.

Tín thắng giải đối với tám trí, hoặc là thành tựu bảy-tám, nghĩa là không có Tha tâm trí là bảy, có Tha tâm trí là tám. Đó là chưa lìa nhiễm cội Dục thì không thành tựu Tha tâm trí, cho nên chỉ thành tựu bảy; nếu đã lìa nhiễm cội Dục thì cũng thành tựu Tha tâm trí, cho nên thành tựu đầy đủ tám.

Kiến chí cũng như vậy, nghĩa là như Tín thắng giải, hoặc là thành tựu bảy, hoặc là thành tựu đầy đủ tám, bởi vì hai bậc Thánh này có địa như nhau-đạo như nhau-thân sở y như nhau-lìa nhiễm cũng như nhau, chỉ riêng căn là có khác nhau, dựa theo trước nên biết.

Thân chứng-Tuệ giải thoát và Câu giải thoát, đối với tám trí này đều thành tựu, bởi vì ba bậc Thánh này đều đã lìa nhiễm cội Dục, thành tựu đầy đủ tám trí.

Tùy tín hành cho đến Câu giải thoát, đối với tám trí thành tựu quá khứ có mấy-vị lai có mấy và hiện tại có mấy?

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về Chánh lý. Nghĩa là hoặc có người chấp: Quá khứ-vị lai đều không phải là có thật. Vì ngăn chặn cái chấp ấy để hiển bày về quá khứ-vị lai là có thật. Lại nữa, trước đây tuy nói tổng quát về thành tựu tám trí, mà không dựa vào ba đời để phân biệt nhiều ít, nay muốn nói đến điều ấy cho nên soạn ra phần luận này.

Trả lời: Tùy tín hành đối với tám trí, lúc Khổ pháp trí nhãn không có Tha tâm trí thì quá khứ-vị lai có một, hiện tại không có; có Tha tâm trí thì quá khứ-vị lai có hai, hiện tại không có. Không có Tha tâm trí và có Tha tâm trí, nghĩa nói như trước. Một Thế tục trí, hai đó là Thế tục trí và Tha tâm trí, Nhãn không phải là Trí cho nên hiện tại cũng không có. Lúc Khổ pháp trí, không có Tha tâm trí thì quá khứ có một đó là Thế tục trí, vị lai có ba đó là Pháp trí-Khổ trí-Thế tục trí, hiện tại có hai đó là Pháp trí-Khổ trí; có Tha tâm trí thì quá khứ có hai-vị lai có bốn-hiện tại có hai, quá khứ-vị lai cộng thêm Tha tâm trí-hiện tại không thêm, bởi vì Tha tâm trí thì Kiến đạo quyết định không có thể hiện rõ trước mắt, cũng không thể tu. Phần vị sau tăng thêm trí, dựa theo trước nên biết.

Tùy pháp hành cũng như vậy, nghĩa là hai bậc Thánh này có địa như nhau, nói rộng ra như trước.

Tín thắng giải đối với tám trí, không có Tha tâm trí thì vị lai có bảy, có Tha tâm trí thì vị lai có tám, quá khứ nếu đã diệt không mất, hiện tại nếu hiện rõ ở trước mắt. Quá khứ nếu đã diệt mà không phải là đạt được quả-luyện căn và lui sụt cho nên mất thì thành tựu; nếu chưa hẳn đã diệt, giả sử đã diệt mà vì ba duyên cho nên mất thì không thành tựu. Đây là nói về trí vô lậu, hoặc là Tha tâm trí chứ không phải là Thế tục trí, bởi vì Thế tục trí thì quá khứ-vị lai nhất định thành tựu, hiện tại hoặc là một-hoặc là hai-hoặc là ba, nếu lúc không có tâm thì cũng không thành tựu.

Kiến chí cũng như vậy, nghĩa là dựa theo trước nên biết.

Ba bậc Thánh như Thân chứng..., như văn nói đầy đủ. Đã diệt không mất, nghĩa là nếu đã diệt mà không phải là luyện căn... và lui sụt cho nên mất thì thành tựu.

Tùy tín hành cho đến Câu giải thoát, lúc pháp trí cho đến Đạo trí hiện rõ ở trước mắt, có mấy trí hiện rõ ở trước mắt?

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về Chánh lý. Nghĩa là hoặc có người chấp: Các trí tuy có thể từng trí một hiện rõ trước mắt mà không thể nào có hai. Vì ngăn chặn cái chấp ấy để hiển bày về trí hiện rõ trước mắt hoặc là một-hoặc là hai-hoặc là ba loại.

Có người khác lại chấp: Lúc tiến vào hiện quán thì quán tổng quát về bốn Đế, bốn trí lập tức phát khởi. Vì ngăn chặn cái chấp ấy để hiển bày lúc Hiện quán, đều quán riêng biệt về Đế, không có nghĩa về trí của hai Đế lúc phát khởi, hướng chỉ là có thể phát khởi nhiều trí.

Hoặc lại có người chấp: Nhiều Thức cùng sinh khởi, nhiều trí cùng

khởi lên. Vì ngăn chặn cái chấp ấy để hiển bày một hữu tình trong một sát-na chỉ khởi lên một Thức, Thể của trí cũng như vậy, cho nên soạn ra phần luận này.

Trả lời: Tùy tín hành lúc Pháp trí hiện rõ ở trước mắt, có hai trí hiện rõ ở trước mắt, đó là Pháp trí và Khổ trí. Nói rộng ra cho đến lúc Đạo trí hiện rõ ở trước mắt, có hai trí hiện rõ ở trước mắt, đó là Đạo trí và Pháp trí. Nghĩa là phần vị Kiến đạo lúc bảy trí hiện rõ ở trước mắt, Thể của trí trong mỗi một sát-na tuy là một mà nghĩa thì nói là hai, đó là vì đối trị cho nên hoặc gọi là Pháp trí-hoặc gọi là Loại trí, vì hành tướng cho nên hoặc gọi là Khổ trí, cho đến hoặc gọi là Đạo trí.

Tùy pháp hành cũng như vậy, nghĩa là hai phần vị này có địa như nhau, nói rộng ra như trước.

Tín thắng giải lúc Pháp trí hiện rõ ở trước mắt, hoặc có hai-ba trí hiện rõ ở trước mắt, đó là Pháp trí-Khổ trí, nói rộng ra cho đến lúc Đạo trí hiện rõ ở trước mắt, hoặc có hai-ba trí hiện rõ ở trước mắt, đó là Đạo trí-Pháp trí, không phải là Tha tâm trí thì có hai, là Tha tâm trí thì có ba; Đạo trí-Loại trí không phải là Tha tâm trí thì có hai, là Tha tâm trí thì có ba. Nghĩa là phần vị Tu đạo lúc các trí hiện rõ ở trước mắt, Thể của trí trong mỗi một sát-na tuy là một, mà nghĩa thì nói là hai-hoặc nghĩa thì nói là ba. Đó là trí vô lậu lúc hiện rõ ở trước mắt, nếu Khổ-Tập-Diệt trí và Tha tâm trí vốn không thâm nhiếp Đạo trí thì chỉ có nghĩa nói là hai, đó là vì đối trị cho nên hoặc gọi là Pháp trí, hoặc gọi là Loại trí; vì hành tướng cho nên hoặc gọi là Khổ trí, cho đến hoặc gọi là Đạo trí. Nếu Tha tâm trí đã thâm nhiếp Đạo trí thì nghĩa nói là ba, đó là vì đối trị cho nên hoặc gọi là Pháp trí, hoặc gọi là Loại trí; vì hành tướng cho nên gọi là Đạo trí, vì gia hạnh cho nên gọi là Tha tâm trí. Lúc trí hữu lậu hiện rõ ở trước mắt, nếu không phải là Tha tâm trí thì chỉ có một trí, đó là Thế tục trí; nếu là Tha tâm trí thì nghĩa nói có hai, đó là vì tự tánh cho nên gọi là Thế tục trí, vì gia hạnh cho nên gọi là Tha tâm trí.

Kiến chí-Thân chứng cũng như vậy, nghĩa là bởi vì phần vị như nhau cho nên các trí hiện rõ trước mắt có nghĩa tương tự.

Tuệ giải thoát lúc Pháp trí hiện rõ ở trước mắt, hoặc là hai-ba trí hiện rõ ở trước mắt, đó là Pháp trí-Khổ trí, không phải là Tận trí-Vô sinh trí thì có hai, là Tận trí hoặc Vô sinh trí thì có ba; nói rộng ra cho đến lúc Đạo trí hiện rõ ở trước mắt, hoặc là hai-ba trí hiện rõ ở trước mắt, đó là Đạo trí-Pháp trí, không phải là Tận trí-Vô sinh trí-Tha tâm trí thì có hai, là Tận trí-hoặc Vô sinh trí-hoặc Tha tâm trí thì có ba. Đạo trí-Loại trí không phải là Tận trí-Vô sinh trí-Tha tâm trí thì có hai, là Tận

trí-Vô sinh trí hoặc Tha tâm trí thì có ba. Nghĩa là phần vị vô học lúc các trí hiện rõ ở trước mắt, Thể của trí trong mỗi một sát-na tuy là một mà nghĩa thì nói là hai, hoặc là nghĩa thì nói có ba. Đó là trí vô lậu lúc hiện rõ ở trước mắt, nếu Tận trí-Vô sinh trí vốn không thâm nhiếp Khổ-Tập-Diệt trí, và Tận trí-vô sinh trì-Tha tâm trí vốn không thâm nhiếp Đạo trí thì chỉ có nghĩa nói là hai, nghĩa là vì đối trị cho nên hoặc gọi là Pháp trí, hoặc gọi là Loại trí; vì hành tướng cho nên hoặc gọi là Khổ trí, cho đến hoặc gọi là Đạo trí. Nếu Tận trí hoặc là Vô sinh trí vốn không thâm nhiếp Khổ-Tập-Diệt trí, và Tận trí-hoặc Vô sinh trí-hoặc Tha tâm trí vốn không thâm nhiếp Đạo trí thì nghĩa nói là có ba, nghĩa là vì đối trị cho nên hoặc gọi là Pháp trí, hoặc gọi là Loại trí; vì hành tướng cho nên hoặc gọi là Khổ trí, cho đến hoặc gọi là Đạo trí; vì việc làm cho nên hoặc gọi là Tận trí; vì đầy đủ nhân cho nên hoặc gọi là Vô sinh trí; vì gia hạnh cho nên hoặc gọi là Tha tâm trí. Lúc trí hữu lậu hiện rõ ở trước mắt, nếu không phải là Tha tâm trí thì chỉ có một trí, đó là Thế tục trí; nếu là Tha tâm trí thì nghĩa nói có ba, đó là tự tánh cho nên gọi là Thế tục trí, vì gia hạnh cho nên gọi là Tha tâm trí.

Hỏi: Vì sao Thể của Tận trí-Vô sinh trí-Tha tâm trí không xen tạp với nhau?

Đáp: Tận trí-Vô sinh không phải là tự tánh thuộc Kiến, Tha tâm trí là tự tánh thuộc Kiến, cho nên không xen tạp với nhau. Tận trí-Vô sinh trí đã dấy khởi hành tướng cùng có khác nhau cho nên cũng không xen tạp với nhau, nghĩa là Khổ-Ngã đã nhận biết như nhau là hành tướng do Tận trí dấy khởi, không còn gì đáng biết nữa đều là do Vô sinh trí dấy khởi hành tướng.

Câu giải thoát cũng như vậy, nghĩa là bởi vì phần vị như nhau.

Tùy tín hành cho đến Câu giải thoát, đối với ba Tam-ma-địa có mấy thành tựu, mấy không thành tựu?

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về Chánh lý. Nghĩa là hoặc có người chấp: Thể của Tam-ma-địa chỉ là một mà nghĩa nói là có ba. Vì ngăn chặn cái chấp ấy để hiển bày tự tánh của ba loại này đều khác nhau, cho nên soạn ra phần luận này.

Trả lời: Tùy tín hành đối với ba Tam-ma-địa, Diệt pháp trí nhãn chưa hẳn đã sinh thì thành tựu ba. Nghĩa là Diệt pháp trí nhãn chưa hiện rõ ở trước mắt thì chỉ thành tựu hai loại là Không và Vô nguyện, lúc Khổ pháp trí nhãn thì cả hai loại cùng tu; Diệt pháp trí nhãn đã sinh, cho đến lúc Đạo loại trí nhãn hiện rõ ở trước mắt thì đều thành tựu ba, bởi

vì tiếp tục thành tựu Vô tướng.

Tu pháp hành cũng như vậy, nghĩa là hai phần vị này có địa như nhau, nói rộng ra như trước.

Tín thắng giải cho đến Câu giải thoát, đối với Tam-ma-địa đều thành tựu, là bởi vì đã đạt được đầy đủ.

Hỏi: Tùy tín hành cho đến Câu giải thoát, đối với ba Tam-ma-địa, thành tựu quá khứ có mấy-vị lai có mấy-hiện tại có mấy?

Đáp: Tùy tín hành đối với ba Tam-ma-địa, nếu dựa vào Không mà tiến vào Chánh tánh ly sinh, lúc Khổ pháp trí nhẫn thì quá khứ không có-vị lai có hai-hiện tại có một; nói rộng ra cho đến Diệt pháp trí, cho đến lúc Đạo loại trí nhẫn thì quá khứ có hai-vị lai có ba-hiện tại có một. Nghĩa là nếu dựa vào Không mà tiến vào Chánh tánh ly sinh, thấy khổ trong tâm thứ nhất thì quá khứ không có, thấy Khổ trong bốn tâm thì hiện tại có một, đó là Không; thấy Khổ trong ba tâm sau, và thấy Tập trong tâm thứ nhất thì quá khứ có một, đó là không; thấy Tập trong ba tâm sau, thấy Diệt trong tâm thứ nhất thì quá khứ có hai, đó là Không-Vô nguyện; thấy Khổ-thấy Tập tất cả trong bốn tâm thì vị lai có hai, đó là Không-Vô nguyện; thấy Diệt trong bốn tâm thì hiện tại có một, đó là Vô tướng; thấy Tập trong bốn tâm-thấy Đạo trong ba tâm thì hiện tại có một, đó là Vô nguyện; thấy Diệt trong ba tâm sau-thấy Đạo trong ba tâm thì đều là quá khứ có đủ ba; thấy Diệt trong bốn tâm-thấy Đạo trong ba tâm thì đều là vị lai có đủ ba. Nếu dựa vào Vô nguyện mà tiến vào chánh tánh ly sinh, thì nên biết cũng như vậy. Có điểm sai biệt, đó là quá khứ nhất định không có; Không chỉ có một hoặc là hai; thấy Khổ-thấy Tập tất cả trong bốn tâm, thấy Đạo trong ba tâm đều là hiện tại chỉ có một, đó là Vô nguyện.

Hỏi: Những Bồ-đặc-già-la nào dựa vào Không mà tiến vào Chánh tánh ly sinh? Những Bồ-đặc-già-la nào dựa vào Vô nguyện mà tiến vào Chánh tánh ly sinh?

Đáp: Nếu là Kiến hành thì dựa vào Không mà tiến vào Chánh tánh ly sinh, nếu là Ái hành thì dựa vào Vô nguyện mà tiến vào Chánh tánh ly sinh, chỉ trừ ra Bồ-tát tuy là Ái hành mà dựa vào Không để tiến vào Chánh tánh ly sinh. Vả lại, Kiến hành lại có hai loại, chấp trước Ngã kiến thì dựa vào hành tướng Vô ngã mà tiến vào Chánh tánh ly sinh, chấp trước Ngã sở Kiến thì dựa vào hành tướng Không mà tiến vào Chánh tánh ly sinh. Những người Ái hành cũng có hai loại, người ngã mạn tăng lên thì dựa vào hành tướng Vô thường mà tiến vào Chánh tánh ly sinh, người giải đãi tăng lên thì dựa vào hành tướng Khổ mà tiến

vào Chánh tánh ly sinh.

Lại nữa, nếu người lợi căn thì phần nhiều dựa vào Không mà tiến vào Chánh tánh ly sinh, nếu người độn căn thì phần nhiều dựa vào Vô nguyện mà tiến vào Chánh tánh ly sinh. Như lợi căn-độn căn, cho đến khai mở về trí-nói về trí, nên biết cũng như vậy.

Nếu dựa vào Vô nguyện mà tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc ấy hoặc là dựa vào Vô nguyện-Vô tướng lìa hết nhiệm của ba cõi, chúng đồng phần trống rỗng không hiện rõ trước mắt.

Tùy pháp hành cũng như vậy, nghĩa là hai phần vị này có địa như nhau, nói rộng ra như trước.

Tín thắng giải cho đến Câu giải thoát, đối với ba Tam-ma-địa đều là vị lai có ba, quá khứ đã diệt không mất, hiện tại nếu hiện rõ ở trước mắt. Ở đây đều dựa theo trước, nên biết về tướng ấy.

Hỏi: Tùy tín hành cho đến Câu giải thoát, lúc Tam-ma-địa Không-Vô nguyện-Vô tướng hiện rõ ở trước mắt, có mấy trí hiện rõ ở trước mắt?

Đáp: Tùy tín hành, lúc Tam-ma-địa Không hiện rõ ở trước mắt, hoặc là có hai-hoặc là không có. Nói rộng ra cho đến Câu giải thoát cũng như vậy, nghĩa là trong Kiến đạo lúc Nhẫn thì không có trí, lúc trí thì có hai trí; trong Tu đạo lúc Khổ-Tập-Diệt trí thì có hai trí, lúc Đạo trí thì hoặc là có hai-hoặc là có ba trí; trong đạo Vô học thì Khổ-Tập-Diệt trí, do Chánh kiến Vô học thâm nhiếp thì mỗi một trí có hai trí, không phải là do Chánh kiến Vô học thâm nhiếp thì mỗi một trí có ba trí, Đạo trí nếu không phải là do Chánh kiến Vô học thâm nhiếp thì có ba trí, nếu là do Chánh kiến Vô học thâm nhiếp thì Tha tâm trí cũng có ba trí, tức là Đạo trí này nếu không phải là Tha tâm trí thì chỉ có hai trí.

Hỏi: Vì sao Tận trí-Vô sinh trí không tương ứng với Tam-ma-địa không?

Đáp: Bởi vì hành tướng khác nhau, nghĩa là hành tướng không phải là Tận trí-Vô sinh trí, hoặc là hành tướng của Tận trí-Vô sinh trí không phải là Không. Lại nữa, Tam-ma-địa Không tương ứng với Kiến, Tận trí-Vô sinh trí không phải là tánh thuộc Kiến. Lại nữa, tự tánh của Tam-ma-địa Không là thắng nghĩa, hành tướng đã khởi lên cũng là thắng nghĩa; tự tánh của Tận trí-Vô sinh trí tuy là thắng nghĩa, mà hành tướng đã khởi lên không phải là thắng nghĩa. Nghĩa là trí này về sau dấy lên ý nghĩ này: Đời sống mình đã hết...; có hành tướng Ngã là thế tục thâm nhiếp chứ không phải là thắng nghĩa.

Hỏi: Tùy tín hành cho đến Câu giải thoát, ba Căn vô lậu-bảy Giác

chi-tám Đạo chi tùy theo lúc thích hợp hiện rõ ở trước mắt, có mấy trí hiện rõ ở trước mắt?

Đáp: Tùy tín hành, lúc Vị tri đương tri căn hiện rõ ở trước mắt, hoặc là có hai-hoặc là không có. Nói rộng ra cho đến câu giải thoát cũng như vậy. Nghĩa là trong Kiến đạo lúc tám Nhãn thì hoàn toàn không có trí, lúc bảy trí thì đều có hai trí; trong Tu đạo lúc Khổ-Tập-Diệt trí thì đều có hai trí. Lúc Đạo trí thì hoặc là có hai trí-hoặc là có ba trí; trong đạo Vô học thì Khổ-Tập-Diệt-Đạo trí đều hoặc là có hai trí-hoặc là có ba trí, dựa vào trước nên biết.

Hỏi: Trong này nhiều lần nói đến Tuệ giải thoát dấy khởi Tha tâm trí, trí này dấy khởi cần phải dựa vào Tĩnh lực căn bản, nếu Tuệ giải thoát cũng có thể hiện khởi Tĩnh lực căn bản, thì lẽ nào không trái ngược với kinh Tô Thi Ma hay sao? Trong kinh ấy nói: “Tuệ giải thoát thì không thể nào hiện khởi Tĩnh lực căn bản.”

Đáp: Tuệ giải thoát có hai loại:

1. Phần ít.

2. Toàn phần. Tuệ giải thoát phần ít đối với bốn Tĩnh lực có thể dấy khởi một-hai-ba, Tuệ giải thoát toàn phần đối với bốn Tĩnh lực đều không có thể dấy khởi. Trong luận này nói đến Tuệ giải thoát phần ít, cho nên có thể khởi lên Tha tâm trí; trong kinh Tô Thi Ma nói về Tuệ giải thoát toàn phần, Tuệ toàn phần ấy đối với bốn Tĩnh lực đều không có thể dấy khởi. Hai cách nói như vậy đều là dễ dàng thông suốt, bởi vì Tuệ giải thoát phần ít này, thậm chí có thể khởi lên Đăng chí của Hữu Đảnh nhưng không đạt được Diệt định, nếu đạt được Diệt định thì gọi là Câu giải thoát.

Các pháp tương ứng với Pháp trí, thì pháp ấy tương ứng với Loại trí chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về Chánh lý. Nghĩa là hoặc có người chấp: Tâm-tâm sở pháp, từng loại một mà sinh khởi chứ không có nghĩa tương ứng. Vì ngăn chặn ý chấp ấy để hiển bày tâm-tâm sở nhất định phải cùng lúc sinh khởi và có nghĩa tương ứng. Hoặc lại có người chấp: Tâm-tâm sở pháp trước sau tương ứng. Có người khác lại chấp: Tự tánh tương ứng với tự tánh. Vì ngăn chặn ý chấp ấy để hiển bày tương ứng thì nhất định phải cùng lúc sinh khởi, có tự Thể riêng biệt, cho nên soạn ra phần luận này. Trong này, các pháp bởi vì ba duyên cho nên liên quan đan xen lẫn nhau, so sánh để hiển bày tương ứng, nghĩa là hoặc có pháp bởi vì thâm nhiếp nhau,

cho nên liên quan đan xen lẫn nhau, như trí cùng với trí; hoặc lại có pháp bởi vì tương ứng, cho nên đan xen lẫn nhau, như trí cùng với Tam-ma-địa; hoặc lại có pháp bởi vì thâm nhiếp nhau-tương ứng với nhau, cho nên liên quan đan xen lẫn nhau, như trí cùng với Căn-Giác chi-Đạo chi. Đây gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược tại nơi này.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Pháp trí, thì pháp ấy tương ứng với Loại trí chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Hỏi: Giả sử tương ứng với Loại trí, thì pháp ấy tương ứng với Pháp trí chăng?

Đáp: Không phải như vậy. Nguyên cố thế nào? Bởi vì không phải là một tâm, bởi vì sở duyên khác nhau. Đối với Thế tục trí cũng như vậy. Nguyên cố thế nào? Bởi vì không phải là một tâm, bởi vì tu hữu lậu-vô lậu đều khác nhau.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Pháp trí, thì pháp ấy tương ứng với Tha tâm trí hay sao?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định:

1. Có pháp tương ứng với Pháp trí mà không phải là Tha tâm trí, đó là Tha tâm trí vốn không thâm nhiếp pháp tương ứng với Pháp trí; pháp này là gì? Đó là Khổ-Tập-Diệt pháp trí, và Tha tâm trí vốn không thâm nhiếp pháp tương ứng với Đạo trí.

2. Có pháp tương ứng với Tha tâm trí mà không phải là Pháp trí, đó là Pháp trí vốn không thâm nhiếp pháp tương ứng với Tha tâm trí. Pháp này là gì? Đó là Loại trí-Thế tục trí đã thâm nhiếp pháp tương ứng với Tha tâm trí.

3. Có pháp tương ứng với Pháp trí cũng là Tha tâm trí, đó là Pháp trí đã thâm nhiếp pháp tương ứng với Tha tâm trí. Pháp này là gì? Đó là pháp này tương ứng với chín pháp Đại địa, mười pháp Đại thiên, Tâm-Tứ và tâm.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Pháp trí cũng không phải là Tha tâm trí, đó là Pháp trí-Tha tâm trí, và Pháp trí-Tha tâm trí không thâm nhiếp-không tương ứng với các tâm-tâm sở pháp khác, sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành.

Trong này, Pháp trí-Tha tâm trí, là bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Pháp trí-Tha tâm trí không thâm nhiếp-không tương ứng với các tâm-tâm sở pháp khác, là không thâm nhiếp trừ ra tự tánh của nó, không tương ứng là trừ ra tương ứng với nó, chọn lấy các tâm-tâm

sở pháp khác. Pháp này là gì? Đó là Khổ-Tập-Diệt loại trí-Tha tâm trí vốn không thấu nhiếp tụ tương ứng với Đạo loại trí và tụ tương ứng với Nhẫn vô lậu; Tha tâm trí không tương ứng với tất cả tâm-tâm sở pháp hữu lậu, sắc-vô vi-tâm bất tương ứng, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, đều không phải là pháp tương ứng với Pháp trí, cũng không phải là Tha tâm trí bởi vì không có sở duyên.

Đối với Khổ-Tập-Diệt-Đạo trí và Chánh kiến cũng như vậy, nghĩa là như Pháp trí đối với Tha tâm trí làm thành bốn câu phân biệt, đối với Khổ-Tập-Diệt-Đạo trí và Chánh kiến trong tám Đạo chi cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Pháp trí, pháp ấy tương ứng với Tam-ma-địa không hay sao?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, Pháp trí tương ứng với ba Tam-ma-địa, Tam-ma-địa không tương ứng với hai Trí-hai Nhẫn. Hai Trí là Khổ pháp trí và Khổ loại trí, hai Nhẫn là Khổ pháp trí nhẫn và Khổ loại trí nhẫn. Vì thế cho nên trong này làm thành bốn câu phân biệt lớn:

1. Có pháp tương ứng với Pháp trí mà không phải là Không, đó là Pháp trí tương ứng với Không, và Không tương ứng với pháp tương ứng của Pháp trí. Trong này, Pháp trí tương ứng với Không, đó là Pháp trí câu sinh và Tam-ma-địa không, pháp này tương ứng với Pháp trí chứ không phải là Không, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Không không tương ứng với pháp tương ứng của pháp trí, đó là Vô nguyện-Vô tướng câu sinh và pháp tương ứng với Pháp trí.

2. Có pháp tương ứng với Không mà không phải là Pháp trí, đó là Không tương ứng với Pháp trí, và Pháp trí không tương ứng với pháp tương ứng của Không. Trong này, Không tương ứng với Pháp trí, đó là Không câu sinh và Pháp trí, pháp này tương ứng với Không chứ không phải là Pháp trí, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Pháp trí không tương ứng với pháp tương ứng của Không, đó là Khổ loại trí và Khổ nhẫn câu sinh và pháp tương ứng với Tam-ma-địa Không.

3. Có pháp tương ứng với Pháp trí cũng là Không, đó là hai pháp tương ứng. Trong này, hai pháp tương ứng, đó là Pháp trí-Không trong tụ câu sinh, trừ ra hai tự tánh, còn lại các tâm-tâm sở pháp. Pháp này là gì? Đó là hai pháp tương ứng với tám pháp Đại địa, mười pháp Đại thiện địa, Tâm-Tứ và tâm.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Pháp trí cũng không phải là Không, đó là Pháp trí không tương ứng với Không, Không không tương ứng với Pháp trí, và Pháp trí-Không không thấu nhiếp-không

tương ứng với các tâm-tâm sở pháp, sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành. Trong này, Pháp trí không tương ứng với Không, đó là Khổ loại trí và Khổ nhãn câu sinh với Tam-ma-địa Không, pháp này không phải là tương ứng với Pháp trí, bởi vì là tự khác, cũng không phải là tương ứng với Không, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; Không không tương ứng với Pháp trí, đó là Vô nguyện-Vô tướng câu sinh và Pháp trí, pháp này không phải tương ứng với Không, bởi vì là tự khác, cũng không phải là tương ứng với Pháp trí, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Pháp trí-Không không thấu nhiếp-không tương ứng với các tâm-tâm sở pháp khác, không thấu nhiếp là trừ ra hai tự tánh, không tương ứng là trừ ra hai tướng ứng, chọn lấy các tâm-tâm sở pháp khác. Pháp này là gì? Đó là Pháp trí không tương ứng với tự tướng của Vô nguyện-Vô tướng, và tất cả tâm-tâm sở pháp hữu lậu, sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, đều không phải là pháp tương ứng với Pháp trí, cũng không phải là không, bởi vì không có sở duyên.

Đối với Vô nguyện-Vô tướng-Hỷ-giác chi-Chánh tư duy cũng như vậy, nghĩa là như Pháp trí đối với Không làm thành bốn câu phân biệt lớn, đối với Vô nguyện-Vô tướng-Hỷ giác chi-Chánh tư duy cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Pháp trí, pháp ấy tương ứng với Vị tri đương tri căn chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Pháp trí mà không phải là Vị tri đương tri căn, đó là Vị tri đương tri căn vốn không thấu nhiếp pháp tương ứng với Pháp trí. Pháp này là gì? Đó là Dĩ tri căn-Cụ tri căn đã thấu nhiếp pháp tương ứng với Pháp trí, pháp này tương ứng với Pháp trí chứ không phải là Vị tri đương tri căn, bởi vì là tự khác.

2. Có pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn mà không phải là Pháp trí, đó là Vị tri đương tri căn đã thấu nhiếp Pháp trí, và Pháp trí không thấu nhiếp-không tương ứng với pháp tương ứng của Vị tri đương tri căn. Trong này, Vị tri đương tri căn đã thấu nhiếp Pháp trí, đó là Vị tri đương tri căn và Pháp trí trong tự câu sinh, pháp này tương ứng với Vị tri đương tri căn chứ không phải là Pháp trí, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Pháp trí không thấu nhiếp-không tương ứng với pháp tương ứng của Vị tri đương tri căn, đó là các Loại trí và Nhãn vô lậu trong tự câu sinh, pháp tương ứng của Vị tri đương tri căn, pháp

này tương ứng với Vị tri đương tri căn chứ không phải là Pháp trí, bởi vì là tụ khác.

3. Có pháp tương ứng với Pháp trí cũng là Vị tri đương tri căn, đó là Vị tri đương tri căn đã thâm nhiếp pháp tương ứng với Pháp trí. Pháp này là gì? Đó là tám căn khác và pháp tương ứng với nó, còn lại không phải là căn và tâm sở pháp.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Pháp trí cũng không phải là Vị tri đương tri căn, đó là Vị tri đương tri căn vốn không thâm nhiếp Pháp trí, và Pháp trí-Vị tri đương tri căn không thâm nhiếp-không tương ứng với các tâm-tâm sở pháp khác, sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành. Trong này, Vị tri đương tri căn vốn không thâm nhiếp Pháp trí, đó là Dĩ tri căn-Cụ tri căn và Pháp trí trong tụ câu sinh, pháp này không phải là tương ứng với Pháp trí, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh, cũng không phải là tương ứng với Vị tri đương tri căn, bởi vì là tụ khác; và Pháp trí-Vị tri đương tri căn không thâm nhiếp-không tương ứng với các tâm-tâm sở pháp khác, đó là Pháp trí không thâm nhiếp-không tương ứng với Dĩ tri căn-Cụ tri căn trong tụ câu sinh, tâm-tâm sở pháp và tất cả tâm-tâm sở pháp hữu lậu, đều không phải là tương ứng với Pháp trí, cũng không phải là Vị tri đương tri căn, bởi vì là tụ khác; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, đó là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành đều không tương ứng, bởi vì không có sở duyên.

Đối với Dĩ tri căn-Cụ tri căn cũng như vậy, nghĩa là như Pháp trí đối với Vị tri đương tri căn có bốn câu phân biệt, đối với Dĩ tri căn-Cụ tri căn cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Pháp trí, pháp ấy tương ứng với Niệm giác chi chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Pháp trí chứ không phải là Niệm, đó là Pháp trí tương ứng với Niệm giác chi, pháp này tương ứng với Pháp trí chứ không phải là Niệm, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh.

2. Có pháp tương ứng với Niệm giác chi chứ không phải là Pháp trí, đó là Pháp trí và Pháp trí không tương ứng với Pháp tương ứng của Niệm giác chi. Trong này, Pháp trí là Pháp trí câu sinh của Niệm giác chi, pháp này tương ứng với Niệm giác chi chứ không phải là Pháp trí, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Pháp trí không tương ứng với pháp tương ứng của Niệm giác chi, đó là pháp tương ứng với Niệm giác chi trong tụ câu sinh của Nhãn vô lậu và Loại trí, pháp này tương

ứng với Niệm giác chi chứ không phải là Pháp trí, bởi vì là tụ khác.

3. Có pháp tương ứng với Pháp trí cũng là Niệm, đó là hai pháp tương ứng, tức là Pháp trí trong tụ câu sinh, trừ ra Pháp trí và Niệm, còn lại các tâm-tâm sở pháp cùng với hai tương ứng. Pháp này là gì? Đó là hai tương ứng với tám pháp Đại địa, mười pháp Đại thiện địa, Tầm-Tứ và tâm.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Pháp trí cũng không phải là Niệm, đó là Pháp trí không tương ứng với Niệm giác chi, và tâm-tâm sở pháp khác, sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành. Trong này, Pháp trí không tương ứng với Niệm giác chi, đó là Niệm giác chi trong tụ câu sinh của Nhẫn vô lậu và Loại trí, pháp này không phải là tương ứng với Pháp trí, bởi vì là tụ khác, cũng không phải là tương ứng với Niệm, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là pháp này không phải là tâm-tâm sở pháp vô lậu, mà chỉ là tâm-tâm sở pháp hữu lậu; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, đều không tương ứng bởi vì không có sở duyên.

Đối với Tinh tiến-Khinh an-Định-Xả giác chi và Chánh tinh tiến-Chánh niệm-Chánh Định cũng như vậy, nghĩa là như Pháp trí đối với Niệm giác chi có bốn câu phân biệt, đối với Tinh tiến giác chi Chánh định cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Pháp trí, pháp ấy tương ứng với Trạch pháp giác chi chăng?

Đáp: Các pháp tương ứng với Pháp trí cũng là Trạch pháp giác chi, bởi vì Pháp trí đều là do trạch pháp giác chi thấu nhiếp. Có pháp tương ứng với Trạch pháp giác chi mà không phải là Pháp trí, đó là Pháp trí vốn không thấu nhiếp pháp tương ứng với Trạch pháp giác chi. Pháp này là gì? Đó là pháp tương ứng với Trạch pháp giác chi trong tụ câu sinh của Nhẫn vô lậu và Loại trí, pháp này tương ứng với Trạch pháp giác chi chứ không phải là Pháp trí, bởi vì là tụ khác.

Như Pháp trí đối với các pháp sau, Loại trí đối với các pháp sau cũng như vậy, nghĩa là như Pháp trí đối với Loại trí cho đến Chánh định, Loại trí đối với Tha tâm trí cho đến Chánh định cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Tha tâm trí, pháp ấy tương ứng với Thế tục trí chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Tha tâm trí chứ không phải là Thế tục trí

vốn không thâm nhiếp pháp tương ứng với Tha tâm trí. Pháp này là gì? Đó là pháp tương ứng với Tha tâm trí vô lậu.

2. Có pháp tương ứng với Thế tục trí chứ không phải là Tha tâm trí, đó là Tha tâm trí vốn không thâm nhiếp pháp tương ứng với Thế tục trí. Pháp này là gì? Đó là Tha tâm trí vốn không thâm nhiếp các pháp thiện-nhiễm ô-vô phú vô ký tương ứng với Thế tục trí.

3. Có pháp tương ứng với Tha tâm trí cũng là Thế tục trí, đó là Tha tâm trí đã thâm nhiếp pháp tương ứng với Thế tục trí. Pháp này là gì? Đó là pháp này tương ứng với chín pháp Đại địa, mười pháp Đại thiện địa, Tâm-Tứ và tâm.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Tha tâm trí, cũng không phải là Thế tục trí, đó là Tha tâm trí-Thế tục trí và Tha tâm trí-Thế tục trí không thâm nhiếp-không tương ứng, các tâm-tâm sở pháp khác, sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành. Trong này, Tha tâm trí-Thế tục trí, là bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Tha tâm trí-Thế tục trí không thâm nhiếp-không tương ứng, các tâm-tâm sở pháp khác, đó là Nhãn vô lậu-Khổ-Tập-Diệt trí và Tha tâm trí vốn không thâm nhiếp tâm-tâm sở pháp thuộc tụ câu sinh của Đạo trí, đều không tương ứng bởi vì là tụ khác; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả các sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành đều không tương ứng, bởi vì không có sở duyên.

Đối với Đạo trí-Trạch pháp giác chi-Chánh kiến cũng như vậy, nghĩa là như Tha tâm trí đối với Thế tục trí có bốn câu phân biệt, đối với Đạo trí-Trạch pháp giác chi-Chánh kiến cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Tha tâm trí, pháp ấy tương ứng với Khổ trí chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Hỏi: Giả sử pháp tương ứng với Khổ trí, pháp ấy tương ứng với Tha tâm trí chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Đối với Tập-Diệt trí, Tam-ma-địa Không-Vô tướng, Vị tri đương tri căn cũng như vậy, nghĩa là bởi vì không phải là một tâm, hoặc là bởi vì hành tương khác nhau, hoặc là bởi vì sở duyên khác nhau.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Tha tâm trí, pháp ấy tương ứng với Tam-ma-địa Vô nguyện chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Tha tâm trí mà không phải là Vô nguyện,

đó là Tha tâm trí tương ứng với Vô nguyện, và Vô nguyện không tương ứng với pháp tương ứng của Tha tâm trí. Trong này, Tha tâm trí tương ứng với Vô nguyện, nghĩa là Vô nguyện câu sinh của Tha tâm trí, pháp này tương ứng với Tha tâm trí chứ không phải là Vô nguyện, bởi vì tha không tương ứng với tự tánh; và Vô nguyện không tương ứng với pháp tương ứng của Tha tâm trí, nghĩa là pháp tương ứng với Tha tâm trí hữu lậu, pháp này tương ứng với Tha tâm trí chứ không phải là Vô nguyện, bởi vì là tụ khác.

2. Có pháp tương ứng với Vô nguyện mà không phải là Tha tâm trí, đó là Vô nguyện tương ứng với Tha tâm trí, và Tha tâm trí không tương ứng với pháp tương ứng của Vô nguyện. Trong này, Vô nguyện tương ứng với Tha tâm trí, nghĩa là Tha tâm trí câu sinh của Vô nguyện, pháp này tương ứng với Vô nguyện chứ không phải là Tha tâm trí, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Tha tâm trí không tương ứng với pháp không tương ứng của Vô nguyện, nghĩa là Vô nguyện thuộc Khổ-Tập, và Tha tâm trí không tương ứng với pháp tương ứng của Vô nguyện thuộc Đạo, pháp này tương ứng với Vô nguyện chứ không phải là Tha tâm trí, bởi vì là tụ khác.

3. Có pháp tương ứng với Tha tâm trí cũng là Vô nguyện, đó là hai pháp tương ứng, tức là trong tụ câu sinh của Tha tâm trí vô lậu, trừ ra Tha tâm trí và Tam-ma-địa Vô nguyện, còn lại các tâm-tâm sở pháp. Pháp này là gì? Đó là tám pháp Đại địa, mười pháp Đại thiện địa, Tâm-Tứ và tâm.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Tha tâm trí, cũng không phải là Vô nguyện, đó là Tha tâm trí không tương ứng với Vô nguyện, Vô nguyện không tương ứng với Tha tâm trí, và các tâm-tâm sở pháp khác, sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành. Trong này, Tha tâm trí không tương ứng với Vô nguyện, nghĩa là Vô nguyện thuộc Khổ-Tập và Tha tâm trí không tương ứng với Vô nguyện thuộc Đạo, pháp này không phải là tương ứng với Tha tâm trí, bởi vì là tụ khác, cũng không phải là tương ứng với Vô nguyện, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; Vô nguyện không tương ứng với Tha tâm trí, nghĩa là Tha tâm trí hữu lậu, pháp này không phải là tương ứng với Vô nguyện, bởi vì là tụ khác, cũng không phải là tương ứng với Tha tâm trí, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và các tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là tâm-tâm sở pháp trong tụ câu sinh của Không-Vô tướng và Tha tâm trí không thấu nhiếp-không tương ứng với tâm-tâm sở pháp hữu lậu, những pháp này đều không tương ứng bởi vì là tụ khác, sắc-vô vi-tâm bất tương ứng

hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, những pháp này không tương ứng, bởi vì không có sở duyên.

Đối với Niệm-Tinh tiến-Hỷ-Khinh an-Định-Xả giác chi và Chánh tư duy-Chánh tinh tiến-Chánh niệm-Chánh định cũng như vậy, nghĩa là như Tha tâm trí đối với Vô nguyện làm thành bốn câu phân biệt, đối với sắc Giác chi-bốn Đạo chi cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Tha tâm trí, pháp ấy tương ứng với Dĩ tri căn chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Tha tâm trí chứ không phải là Dĩ tri căn, đó là Dĩ tri căn vốn không thâm nhiếp tương ứng với Tha tâm trí. Pháp này là gì? Đó là Cụ tri căn đã thâm nhiếp tâm-tâm sở pháp tương ứng với Tha tâm trí, và tâm-tâm sở pháp tương ứng với Tha tâm trí hữu lậu, pháp này tương ứng với Tha tâm trí chứ không phải là Dĩ tri căn, bởi vì là tự khác.

2. Có pháp tương ứng với Dĩ tri căn chứ không phải là Tha tâm trí, đó là Dĩ tri căn đã thâm nhiếp Tha tâm trí, và Tha tâm trí không thâm nhiếp-không tương ứng với pháp tương ứng của Dĩ tri căn. Trong này, Dĩ tri căn đã thâm nhiếp Tha tâm trí, nghĩa là Tha tâm trí vô lậu trong Tu đạo, pháp này tương ứng với Dĩ tri căn chứ không phải là Tha tâm trí, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Tha tâm trí không thâm nhiếp-không tương ứng với pháp tương ứng của Dĩ tri căn, nghĩa là tự câu sinh của Khổ-Tập-Diệt trí trong Tu đạo, và Tha tâm trí vốn không thâm nhiếp tâm-tâm sở pháp trong tự câu sinh của Đạo trí, pháp này tương ứng với Dĩ tri căn chứ không phải là Tha tâm trí, bởi vì là tự khác.

3. Có pháp tương ứng với Tha tâm trí cũng là Dĩ tri căn, đó là Dĩ tri căn đã thâm nhiếp pháp tương ứng với Tha tâm trí. Pháp này là gì? Đó là pháp tương ứng với Tha tâm trí vô lậu trong Tu đạo, tức là pháp này tương ứng với tám căn vô lậu, và nó tương ứng với tâm sở pháp không phải là căn khác.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Tha tâm trí, cũng không phải là Dĩ tri căn, đó là Dĩ tri căn vốn không thâm nhiếp Tha tâm trí, và Tha tâm trí-Dĩ tri căn không thâm nhiếp-không tương ứng, các tâm-tâm sở pháp khác, sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành. Trong này, Dĩ tri căn vốn không thâm nhiếp Tha tâm trí, nghĩa là Cụ tri căn đã thâm nhiếp Tha tâm trí, và Tha tâm trí hữu lậu, pháp này không phải là tương ứng với

Tha tâm trí, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh, cũng không phải là tương ứng với Dĩ tri căn bởi vì là tự khác; và Tha tâm trí-Dĩ tri căn không thấu nhiếp-không tương ứng, các tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là tâm-tâm sở pháp thuộc tự câu sinh của Vị tri đương tri căn, Tha tâm trí không thấu nhiếp-không tương ứng với tâm-tâm sở pháp thuộc tự câu sinh của Cụ tri căn, Tha tâm trí không thấu nhiếp-không tương ứng với tâm-tâm sở pháp hữu lậu, những pháp này đều không tương ứng bởi vì là tự khác; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, đều không tương ứng bởi vì không có sở duyên.

Đối với Cụ tri căn cũng như vậy, nghĩa là như Tha tâm trí đối với Dĩ tri căn có bốn câu phân biệt, đối với Cụ tri căn cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Thế tục trí, pháp ấy tương ứng với Khổ trí cho đến Chánh định chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Hỏi: Giả sử pháp tương ứng với Khổ trí cho đến Chánh định, pháp ấy tương ứng với Thế tục trí chăng?

Đáp: Không phải như vậy. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì không phải là một tâm, bởi vì Khổ trí cho đến Chánh định đều là vô lậu.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Khổ trí, pháp ấy tương ứng với Tập trí chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Hỏi: Giả sử pháp tương ứng với Tập trí, pháp ấy tương ứng với Khổ trí chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Đối với Diệt-Đạo trí và Tam-ma-địa Vô tướng cũng như vậy. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì không phải là một tâm, vì hành tướng khác nhau, hoặc vì sở duyên khác nhau.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Khổ trí, pháp ấy tương ứng với Tam-ma-địa không chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Khổ trí chứ không phải là Không, đó là Khổ trí tương ứng với Không, và Không không tương ứng với pháp tương ứng của Khổ trí. Trong này, Khổ trí tương ứng với Không, nghĩa là Khổ trí tương ứng với Tam-ma-địa không, pháp này tương ứng với Khổ trí chứ không phải là không, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và không không tương ứng với pháp tương ứng của Khổ trí, nghĩa

là pháp tương ứng với Khổ trí câu sinh của Vô nguyện, pháp này tương ứng với Khổ trí chứ không phải là Không, bởi vì là tự khác.

2. Có pháp tương ứng với Tam-ma-địa Không chứ không phải là Khổ trí, đó là không tương ứng với Khổ trí, Khổ trí không tương ứng với pháp tương ứng của Không. Trong này, Không tương ứng với Khổ trí, nghĩa là Khổ trí câu sinh của Tam-ma-địa không, pháp này tương ứng với Không chứ không phải là Khổ trí, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Khổ trí không tương ứng với pháp tương ứng của Không, nghĩa là pháp tương ứng với Không câu sinh của Khổ nhãn, pháp này tương ứng với Không chứ không phải là Khổ trí, bởi vì là tự khác.

3. Có pháp tương ứng với Khổ trí cũng là Không, đó là hai pháp tương ứng. Pháp này là gì? Đó là Khổ trí tương ứng với Không, trong tự câu sinh trừ ra Khổ trí và Không, còn lại các tâm-tâm sở pháp, tức là tám pháp Đại địa, mười pháp Đại thiện địa, Tâm-Tứ và tâm.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Khổ trí, cũng không phải là Không, đó là Khổ trí không tương ứng với Không, cho đến nói rộng ra. Trong này, Khổ trí không tương ứng với Không, nghĩa là Không câu sinh của Khổ nhãn, pháp này không phải là tương ứng với Khổ trí, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh, cũng không phải là tương ứng với Không, bởi vì là tự khác; và các tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là Khổ trí không tương ứng với tâm-tâm sở pháp thuộc tự câu sinh của Vô nguyện, tâm-tâm sở pháp thuộc tự câu sinh của Vô tướng, tất cả tâm-tâm sở pháp hữu lậu, những pháp này đều không tương ứng bởi vì là tự khác; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, những pháp này đều không tương ứng, bởi vì không có sở duyên.

Đối với Vô nguyện cũng như vậy, nghĩa là như Khổ trí đối với Không có bốn câu phân biệt, đối với Vô nguyện cũng như vậy, nghĩa là như Khổ trí đối với Không có bốn câu phân biệt, đối với Vô nguyện cũng như vậy. Đối với ba căn vô lậu-bảy Giác chi-tám Đạo chi như Pháp trí đã nói, nghĩa là như Pháp trí đối với ba Căn vô lậu..., Khổ trí này đối với ba Căn vô lậu..., nói rộng ra cũng như vậy.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 110

LUẬN VỀ THẤT THÁNH (Phần 2)

Hỏi: Các pháp tương ứng với Tập trí, pháp ấy tương ứng với Diệt trí chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Hỏi: Giả sử pháp tương ứng với Diệt trí, pháp ấy tương ứng với Tập trí chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Đối với Đạo trí và Tam-ma-địa Không-Vô tướng cũng như vậy. Nguyên cốt thế nào? Bởi vì không phải là một tâm, vì hành tướng khác nhau, hoặc vì sở duyên khác nhau.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Tập trí, pháp ấy tương ứng với Tam-ma-địa Vô nguyện chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Tập trí chứ không phải là Vô nguyện, đó là Tập trí tương ứng với Vô nguyện, tức là Tập trí câu sinh của Tam-ma-địa Vô nguyện, pháp này tương ứng với Tập trí chứ không phải là Vô nguyện, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh.

2. Có pháp tương ứng với Vô nguyện chứ không phải là Tập trí, đó là Tập trí không tương ứng với pháp tương ứng của Vô nguyện. Trong này, Tập trí nghĩa là Tập trí câu sinh của Vô nguyện, pháp này tương ứng với Vô nguyện chứ không phải là Tập trí, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Tập trí không tương ứng với pháp tương ứng của Vô nguyện, nghĩa là pháp tương ứng với Vô nguyện trong tụ câu sinh của Khổ nhãn-Khổ trí-Tập nhãn-Tập trí-Đạo nhãn-Đạo trí, pháp này tương ứng với Vô nguyện chứ không phải là Tập trí, bởi vì là tụ khác.

3. Có pháp tương ứng với Tập trí cũng là Vô nguyện, đó là hai

pháp tương ứng. Pháp này là gì? Đó là trong tụ câu sinh của Tập trí trừ ra Tập trí và Vô nguyện, còn lại các tâm-tâm sở pháp, tức là tám pháp Đại địa, mười pháp đại Thiên địa, Tâm-Tứ và tâm.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Tập trí cũng không phải là Vô nguyện, đó là Tập trí Không tương ứng với Vô nguyện, cho đến nói rộng ra. Trong này, Tập trí không tương ứng với Vô nguyện, nghĩa là Vô nguyện trong tụ câu sinh của Khổ nhãn-Khổ trí-Tập nhãn-Tập trí-Đạo nhãn, Đạo trí, pháp này không phải là tương ứng với Tập trí bởi vì là tụ khác, cũng không phải là tương ứng với Vô nguyện bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và các tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là tâm-tâm sở pháp trong tụ câu sinh của Không-Vô tướng, và tất cả tâm-tâm sở pháp hữu lậu, những pháp này đều không tương ứng bởi vì là tụ khác; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, những pháp này đều không tương ứng, bởi vì không có sở duyên.

Đối với ba Căn vô lậu-bảy Giác chi-tám Đạo chi nói như Pháp trí, nghĩa là như Pháp trí đối với ba Căn vô lậu..., Tập trí này đối với ba Căn vô lậu..., nói rộng ra cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Diệt trí, pháp ấy tương ứng với Đạo trí chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Hỏi: Giả sử pháp tương ứng với Đạo trí, pháp ấy tương ứng với Diệt trí chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Đối với Tam-ma-địa Không-Vô nguyện cũng như vậy. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì không phải là một tâm, vì hành tướng khác nhau, vì sở duyên khác nhau.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Diệt trí, pháp ấy tương ứng với Tam-ma-địa Vô tướng chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Diệt trí mà không phải là Vô tướng, đó là Diệt trí tương ứng với Vô tướng, tức là Tam-ma-địa vô tướng câu sinh của diệt trí, pháp này tương ứng với Diệt trí chứ không phải là Vô tướng, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh.

2. Có pháp tương ứng với Vô tướng mà không phải là Diệt trí, đó là Diệt trí và Diệt trí không tương ứng với pháp tương ứng của Vô tướng. Trong này, Diệt trí nghĩa là Diệt trí câu sinh của Vô tướng, pháp này

tương ứng với Vô tướng chứ không phải là Diệt trí, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Diệt trí không tương ứng với pháp tương ứng của Vô tướng, nghĩa là pháp tương ứng với Vô tướng câu sinh của Diệt nhãn, pháp này tương ứng với Vô tướng chứ không phải là Diệt trí, bởi vì là tự khác.

3. Có pháp tương ứng với Diệt trí cũng là Vô tướng, đó là hai pháp tương ứng. Pháp này là gì? Đó là trong tự câu inh của Diệt trí, trừ ra Diệt trí và Vô tướng, còn lại các tâm-tâm sở pháp, tức là tám pháp Đại địa, mười pháp đại thiên địa, Tâm-tứ và tâm.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Diệt trí, cũng không phải là Vô tướng, đó là Diệt trí không tương ứng với Vô tướng, cho đến nói rộng ra. Trong này, Diệt trí không tương ứng với Vô tướng, nghĩa là Vô tướng câu sinh của Diệt nhãn, pháp này không phải là tương ứng với Diệt trí bởi vì là tự khác, cũng không phải là tương ứng với Vô tướng, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và các tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là tâm-tâm sở pháp trong tự câu sinh của Không-Vô nguyện, cùng với tất cả tâm-tâm sở pháp hữu lậu, những pháp này đều không tương ứng bởi vì là tự khác; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, những pháp này đều không tương ứng, bởi vì không có sở duyên.

Đối với ba Căn vô lậu-bảy Giác chi-tám Đạo chi nói như Pháp trí, nghĩa là như Pháp trí đối với ba Căn vô lậu..., Diệt trí này đối với ba Căn vô lậu..., nói rộng ra cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Đạo trí, pháp ấy tương ứng với Tam-ma-địa không chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Hỏi: Giả sử pháp tương ứng với Tam-ma-địa không, pháp ấy tương ứng với Đạo trí chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Đối với Tam-ma-địa Vô tướng cũng như vậy. Nguyên cố thể nào? Bởi vì không phải là một tâm, vì hành tướng khác nhau, vì sở duyên khác nhau.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Đạo trí, pháp ấy tương ứng với Tam-ma-địa Vô nguyện chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Đạo trí mà không phải là Vô nguyện, đó là Đạo trí tương ứng với Vô nguyện, tức là Vô nguyện câu sinh của Đạo

trí, pháp này tương ứng với Đạo trí chứ không phải là Vô nguyện, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh.

2. Pháp có tương ứng với Vô nguyện mà không phải là Đạo trí, đó là Đạo trí và Đạo trí không tương ứng với pháp tương ứng của Vô nguyện. Trong này, Đạo trí nghĩa là Đạo trí câu sinh Vô nguyện, pháp này tương ứng với Vô nguyện chứ không phải là Đạo trí, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Đạo trí không tương ứng với pháp tương ứng của Vô nguyện, nghĩa là pháp tương ứng với Vô nguyện trong tụ câu sinh của Khổ nhãn-Khổ trí-Tập nhãn-Tập trí-Đạo nhãn, pháp này tương ứng với Vô người chứ không phải là Đạo trí, bởi vì là tụ khác.

3. Có pháp tương ứng với Đạo trí cũng là Vô nguyện, đó là hai pháp tương ứng. Pháp này là gì? Đó là trong tụ câu sinh của Đạo trí, trừ ra Đạo trí và Vô nguyện, còn lại các tâm-tâm sở pháp, tức là tám pháp Đại địa, mười pháp Địa thiện địa, Tâm-Tứ và tâm.

Có pháp không phải là tương ứng với Đạo trí cũng không phải là Vô nguyện, đó là Đạo trí không tương ứng với Vô nguyện, cho đến nói rộng ra. Trong này, Đạo trí không tương ứng với Vô nguyện, nghĩa là Vô nguyện trong tụ câu sinh của Khổ nhãn-Khổ trí-Tập nhãn-Tập trí và Đạo nhãn, pháp này không phải là tương ứng với Đạo trí bởi vì là tụ khác, cũng không phải là tương ứng với Vô nguyện, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và các tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là tâm-tâm sở pháp trong tụ câu sinh của Không-Vô tướng, và tất cả tâm-tâm sở pháp hữu lậu, pháp này đều không tương ứng bởi vì là tụ khác; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, pháp này đều không tương ứng bởi vì không có sở duyên.

Đối với ba Căn vô lậu-bảy Giác chi-tám Đạo chi nói như pháp trí, nghĩa là như pháp trí đối với ba Căn Vô lậu..., Đạo trí này đối với ba Căn vô lậu..., nói rộng ra cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Tam-ma-địa không, pháp ấy tương ứng với Tam-ma-địa Vô nguyện chăng?

Đáp: Không phải như vậy. Hỏi: Giả sử pháp tương ứng với Tam-ma-địa Vô nguyện, pháp ấy tương ứng với Tam-ma-địa Không chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Đối với Vô tướng cũng như vậy. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì không phải là một tâm, vì hành tướng khác nhau, hoặc vì sở duyên khác nhau.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Tam-ma-địa Không, pháp ấy tương ứng với vị tri đương tri căn chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Không mà không phải là Vị tri đương căn, đó là vị tri đương tri căn vốn không thấu nhiếp pháp tương ứng với Không. Pháp này là gì? Đó là pháp tương ứng với Không câu sinh của Dĩ tri căn và Cụ tri căn, pháp này tương ứng với Không chứ không phải là Vị tri đương tri căn, bởi vì là tụ khác.

2. Có pháp tương ứng với Vị tri đương căn mà không phải là Không, đó là Vị tri đương tri căn đã thấu nhiếp Không, và Không không thấu nhiếp-không tương ứng với pháp tương ứng của Vị tri đương tri căn. Trong này, vị tri đương tri căn đã thấu nhiếp Không, nghĩa là Không trong tụ câu sinh của Vị tri đương tri căn, pháp này tương ứng với Vị tri đương tri căn chứ không hẳn là Không, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Không không thấu nhiếp-không tương ứng với pháp tương ứng của Vị tri đương tri căn, nghĩa là pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn trong tụ câu sinh của Vô nguyện-Vô tướng, pháp này tương ứng với Vị tri đương tri căn chứ không phải là không, bởi vì là tụ khác.

3. Có pháp tương ứng với Không cũng là vị tri đương tri căn, đó là Vị tri đương tri căn đã thấu nhiếp pháp tương ứng với Không. Pháp này là gì? Đó là tám căn trong tụ này và các tâm sở pháp không phải là căn tương ứng với nó.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Không, cũng không phải là Vị tri đương tri căn, đó là Vị tri đương tri căn vốn không thấu nhiếp Không, cho đến nói rộng ra. Trong này, Vị tri đương tri căn vốn không thấu nhiếp Không, nghĩa là Không trong tụ câu sinh của Dĩ tri căn-cụ tri căn, pháp này không phải là tương ứng với Không, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh, cũng không phải là tương ứng với Vị tri đương tri căn bởi vì là tụ khác; và Không-Vị tri đương tri căn không thấu nhiếp-không tương ứng với các tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là Dĩ tri căn-Cụ tri căn đã thấu nhiếp tâm-tâm sở pháp trong tụ câu sinh của Vô nguyện-Vô tướng, và tất cả tâm-tâm sở pháp hữu lậu, pháp này đều không tương ứng bởi vì là tụ khác; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng ha hành, pháp này đều không tương ứng, bởi vì không có sở duyên.

Đối với Dĩ tri căn-cụ tri căn cũng như vậy, nghĩa là như Tam-ma-địa Không đối với Vị tri đương tri căn có bốn câu phân biệt, đối với Dĩ tri căn-Cụ tri căn cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Tam-ma-địa Không, pháp ấy tương ứng với Niệm giác chi chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Không chứ không phải là Niệm, đó là Không tương ứng với Niệm, tức là Niệm giác chi câu sinh của Tam-ma-địa Không, pháp này tương ứng với Không chứ không phải là Niệm, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh.

2. Có pháp tương ứng với Niệm chứ không phải là Không, đó là Không và Không không tương ứng với pháp tương ứng của Niệm. Trong này, Không đó là Tam-ma-địa Không câu sinh của Niệm giác chi, pháp này tương ứng với Niệm chứ không phải là Không, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Không không tương ứng với pháp tương ứng của Niệm, nghĩa là pháp tương ứng với Niệm giác chi câu sinh của Vô nguyện-vô tướng, pháp này tương ứng với Niệm chứ không phải là Không, bởi vì là tự khác.

3. Có pháp tương ứng với Không cũng là Niệm, đó là hai pháp tương ứng, tức là trong tự câu sinh của Không trừ ra Không và Niệm, còn lại các tâm-tâm sở pháp. Pháp này là gì? Đó là tám pháp Đại địa, mười pháp Đại thiện địa, Tâm-Tứ và tâm.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Không, cũng không phải là Niệm, đó là Không không tương ứng với Niệm, cho đến nói rộng ra. Trong này, Không không tương ứng với Niệm, nghĩa là Niệm giác chi câu sinh của Vô nguyện-Vô tướng, pháp này không phải là tương ứng với Không bởi vì là tự khác, cũng không phải là tương ứng với niệm, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và các tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là tất cả các tâm-tâm sở pháp hữu lậu, pháp này đều không tương ứng bởi vì là tự khác; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, pháp này đều không tương ứng bởi vì không có sở duyên.

Đối với Trạch pháp-Tinh tiến - Khinh an - Xả giác chi và Chánh kiến-Chánh tinh tiến-Chánh niệm cũng như vậy, nghĩa là như Tam-ma-địa Không đối với Niệm giác chi có bốn câu phân biệt, đối với Trạch pháp... cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Tam-ma-địa Không, pháp ấy tương ứng với Hỷ giác chi chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Không chứ không phải là Hỷ, đó là Không tương ứng với Hỷ và Hỷ không tương ứng với pháp tương ứng của Không. Trong này, Không tương ứng với Hỷ, đó là Hỷ giác chi trong tụ câu sinh của Không, pháp này tương ứng với Không chứ không phải là Hỷ, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Hỷ không tương ứng với pháp tương ứng của Không, nghĩa là pháp tương ứng với Tam-ma-địa Không trong địa Vị chí Định-Tĩnh lự trung gian-hai Tĩnh lự sau-ba Vô sắc trước, pháp này tương ứng với Không chứ không phải là Hỷ, bởi vì là địa khác.

2. Có pháp tương ứng với Hỷ chứ không phải là Không, đó là Hỷ tương ứng với Không và Không không tương ứng với pháp tương ứng của Hỷ. Trong này, Hỷ tương ứng với Không, nghĩa là Tam-ma-địa Không trong tụ câu sinh của Hỷ giác chi, pháp này tương ứng với Hỷ chứ không phải là Không, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Không không tương ứng với pháp tương ứng của hỷ, nghĩa là pháp tương ứng với Hỷ trong tụ câu sinh của Vô nguyện-Vô tướng, pháp này tương ứng với Hỷ chứ không phải là Không, bởi vì là tụ khác.

3. Có pháp tương ứng với Không cũng là Hỷ, đó là hai pháp tương ứng, tức là trong tụ câu sinh của Không thuộc hai Tĩnh lự đầu, trừ ra Không và Hỷ, còn lại các tâm-tâm sở pháp. Pháp này là gì? Đó là tám pháp Đại địa, mười pháp Đại thiên địa, Tầm-tứ và tâm.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Không, cũng không phải là Hỷ, đó là Không không tương ứng với Hỷ, cho đến nói rộng ra. Trong này, Không không tương ứng với Hỷ, đó là Hỷ trong tụ câu sinh của Vô nguyện-Vô tướng, pháp này không phải là tương ứng với Không bởi vì là tụ khác, cũng không phải là tương ứng với Hỷ, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; Hỷ không tương ứng với Không, nghĩa là Tam-ma-địa Không trong địa Vị chí Định-Tĩnh lự trung gian-hai Tĩnh lự sau-ba Vô sắc trước, pháp này không phải là tương ứng với Không, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh, cũng không phải là tương ứng với Hỷ bởi vì là địa khác; và các tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là tâm-tâm sở pháp trong tụ câu sinh của Vô nguyện-Vô tướng trong các địa Vị chí Định-Tĩnh lự trung gian-hai Tĩnh lự sau-ba Vô sắc trước, và tất cả tâm-tâm sở pháp hữu lậu, pháp này đều không tương ứng bởi vì là tụ khác; sắc-vô vi- tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, pháp này đều không tương ứng bởi vì không có sở duyên.

Đối với chánh tư duy cũng như vậy, nghĩa là như Tam-ma-địa

Không đối với Hỷ giác chi làm thành bốn câu phân biệt, đối với chánh tư duy cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Tam-ma-địa Không, pháp ấy tương ứng với Định giác chi chăng?

Đáp: Các pháp tương ứng với Không thì pháp ấy cũng tương ứng với Định, bởi vì tất cả Tam-ma-địa Không đều là do định giác chi thâm nhiếp. Có pháp tương ứng với định mà không phải là Không, đó là Không vốn không thâm nhiếp pháp tương ứng với Định. Pháp này là gì? Đó là pháp tương ứng với định giác chi trong tụ câu sinh của Vô nguyện-Vô tướng, pháp này tương ứng với Định giác chi chứ không phải là Không, bởi vì là tụ khác.

Đối với chánh định cũng như vậy, nghĩa như Tam-ma-địa Không đối với định giác chi làm thuận theo câu trước, đối với chánh định cũng như vậy. Như không đối với các pháp sau, Vô nguyện-Vô tướng đối với các pháp sau cũng như vậy, nghĩa là như Tam-ma-địa Không đối với các pháp sau, Vô nguyện-Vô tướng đối với các pháp sau, nói rộng ra cũng như vậy. Có điểm sai biệt, đó là như Không đối với Hỷ giác chi-Chánh tư duy, Vô nguyện-Vô tướng đối với Hỷ giác chi-Chánh kiến-Chánh tư duy cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn, pháp ấy tương ứng với Dĩ tri căn chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Hỏi: Giả sử pháp tương ứng với Dĩ tri căn, thì pháp ấy tương ứng với Vị tri đương tri căn chăng?

Đáp: Không phải như vậy.

Đối với Cụ tri căn cũng như vậy. Nguyên cốt thế nào? Bởi vì không phải là một tâm, bởi vì phần vị đều khác nhau.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn chứ không phải là Niệm giác chi chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn mà không phải là Niệm, đó là Vị tri đương tri căn đã thâm nhiếp Niệm, tức là Niệm trong tụ câu sinh của Vị tri đương tri căn, pháp này tương ứng với Vị tri đương tri căn chứ không phải là Niệm giác chi, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh.

2. Có pháp tương ứng với Niệm giác chi mà không phải là Vị tri đương tri căn, đó là vị tri đương tri căn vốn không thâm nhiếp pháp tương

ứng với Niệm. Pháp này là gì? Đó là pháp tương ứng với Niệm trong tụ câu sinh của Dĩ tri căn-cụ tri căn, pháp này tương ứng với Niệm chứ không phải là Vị tri đương tri căn, bởi vì là tụ khác.

3. Có pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn cũng là Niệm, đó là vị tri đương tri căn đã thâm nhiếp pháp tương ứng với Niệm. Pháp này là gì? Đó là tám căn khác và các tâm sở pháp không phải là căn tương ứng với pháp ấy.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Vị tri đương tri căn, cũng không phải là Niệm, đó là Vị tri đương tri căn vốn không thâm nhiếp Niệm, cho đến nói rộng ra. Trong này, Vị tri đương tri căn vốn không thâm nhiếp Niệm, nghĩa là Niệm trong tụ câu sinh của Dĩ tri căn-Cụ tri căn, pháp này không phải là tương ứng với vị tri đương tri căn, bởi vì là tụ khác, cũng không phải là tương ứng với Niệm, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và các tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là tất cả tâm-tâm sở pháp hữu lậu, pháp này đều không tương ứng, bởi vì là tụ khác; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, pháp này đều không tương ứng, bởi vì không có sở duyên.

Đối với Trạch pháp-Tinh tiến-Định giác chi và chánh kiến-chánh tinh tiến-chánh niệm-chánh định cũng như vậy, nghĩa là như Vị tri đương tri căn đối với Niệm giác chi có bốn câu phân biệt, đối với Trạch pháp giác chi... cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn, pháp ấy tương ứng với hỷ giác chi chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn mà không phải là Hỷ, đó là Vị tri đương tri căn đã thâm nhiếp Hỷ, và không thâm nhiếp-không tương ứng với pháp tương ứng của Vị tri đương tri căn. Trong này, Vị tri đương tri căn đã thâm nhiếp Hỷ, nghĩa là Hỷ trong tụ câu sinh của Vị tri đương tri căn, pháp này tương ứng với Vị tri đương tri căn chứ không phải là Hỷ, bởi vì tha không tương ứng với tự tánh; và Hỷ không thâm nhiếp-không tương ứng với pháp tương ứng của Vị tri đương tri căn, nghĩa là pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn trong địa Vị chí Định-Tĩnh lự trung gian-hai Tĩnh lự sau, pháp này tương ứng với Vị tri đương tri căn chứ không phải là Hỷ, bởi vì là địa khác.

2. Có pháp tương ứng với Hỷ giác chi chứ không phải là Vị tri đương tri căn, đó là Vị tri đương tri căn vốn không thâm nhiếp pháp

tương ứng với Hỷ. Pháp này là gì? Đó là pháp tương ứng với Hỷ trong tụ câu sinh của Dĩ tri căn-Cụ tri căn, pháp này tương ứng với Hỷ chứ không phải là Vị tri đương tri căn, bởi vì là tụ khác.

3. Có pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn cũng là Hỷ, đó là Vị tri đương tri căn đã thâm nhiếp pháp tương ứng với Hỷ. Pháp này là gì? Đó là tám căn khác và các tâm sở pháp không phải là căn tương ứng với pháp ấy.

4. Có pháp không phải là tương ứng Vị tri đương tri căn, cũng không phải là Hỷ, đó là Vị tri đương tri căn vốn không thâm nhiếp Hỷ, cho đến nói rộng ra. Trong này, Vị tri đương tri căn vốn không thâm nhiếp Hỷ, nghĩa là Hỷ trong tụ câu sinh của Dĩ tri căn-Cụ tri căn, pháp này không phải là tương ứng với Vị tri đương tri căn bởi vì là tụ khác, cũng không phải là tương ứng với Hỷ, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Hỷ-Vị tri đương tri căn không thâm nhiếp-không tương ứng với các tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là tâm-tâm sở pháp trong tụ câu sinh của Dĩ tri căn-Cụ tri căn trong địa Vị trí Định-Tĩnh lự trung gian-hai Tĩnh lự sau-ba Vô sắc trước, và tất cả tâm-tâm sở pháp hữu lậu, pháp này đều không tương ứng bởi vì là tụ khác; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, pháp này đều không tương ứng, bởi vì không có sở duyên.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn, pháp ấy tương ứng với Khinh an giác chỉ chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn mà không phải là Khinh an, đó là vị tri đương tri căn tương ứng với Khinh an, pháp này tương ứng với Vị tri đương tri căn chứ không phải là Khinh an, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh.

2. Có pháp tương ứng với Khinh an mà không phải là Vị tri đương tri căn, đó là Vị tri đương tri căn không tương ứng với pháp tương ứng của Khinh an. Pháp này là gì? Đó là pháp tương ứng với Khinh an trong tụ câu sinh của Dĩ tri căn-Cụ tri căn, pháp này tương ứng với Khinh an chứ không phải là Vị tri đương tri căn, bởi vì là tụ khác.

3. Có pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn, cũng là Khinh an, đó là Vị tri đương tri căn tương ứng với pháp tương ứng của Khinh an. Pháp này là gì? Đó là mười pháp Đại địa, chín pháp Đại thiên địa, Tâm-Tứ và tâm.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Vị tri đương tri căn, cũng

không phải là Khinh an, đó là Vị tri đương tri căn không tương ứng với Khinh an, tức là khinh an trong tụ câu sinh của Dĩ tri căn-Cụ tri căn, pháp này không phải là tương ứng với Vị tri đương tri căn, bởi vì là tụ khác, cũng không phải là tương ứng với Khinh an, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là tất cả tâm-tâm sở pháp hữu lậu, pháp này đều không tương ứng, bởi vì là tụ khác; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, pháp này đều không tương ứng, bởi vì không có sở duyên.

Đối với xả giác chi cũng như vậy, nghĩa là như vị tri đương tri căn đối với Khinh an giác chi có bốn câu phân biệt, đối với xả giác chi cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn, pháp ấy tương ứng với chánh tư duy chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, bởi vì nghĩa không nhất định.

1. Có pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn mà không phải là chánh tư duy, đó là Vị tri đương tri căn tương ứng với chánh tư duy, và chánh tư duy không tương ứng với pháp tương ứng của Vị tri đương tri căn. Trong này, Vị tri đương tri căn tương ứng với chánh tư duy, đó là chánh tư duy trong tụ câu sinh của Vị tri đương tri căn, pháp này tương ứng với Vị tri đương tri căn chứ không phải là chánh tư duy, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và chánh tư duy không tương ứng với pháp tương ứng của Vị tri đương tri căn, đó là pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn trong địa Tĩnh lự trung gian-ba Tĩnh lự sau, pháp này tương ứng với vị tri đương tri căn chứ không phải là chánh tư duy, bởi vì là tụ khác.

2. Có pháp tương ứng với chánh tư duy chứ không phải là Vị tri đương tri căn, đó là Vị tri đương tri căn không tương ứng với pháp tương ứng của chánh tư duy. Pháp này là gì? Đó là pháp tương ứng với chánh tư duy trong tụ câu sinh của Dĩ tri căn-Cụ tri căn, pháp này tương ứng với chánh tư duy chứ không phải là Vị tri đương tri căn, bởi vì là tụ khác.

3. Có pháp tương ứng với Vị tri đương tri căn cũng là chánh tư duy, đó là Vị tri đương tri căn tương ứng với pháp tương ứng của chánh tư duy. Pháp này là gì? Đó là mười pháp Đại địa, mười pháp Đại thiên địa, Tâm-Tứ và tâm.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Vị tri đương tri căn, cũng không phải là chánh tư duy, đó là vị tri đương tri căn không tương ứng với chánh tư duy, cho đến nói rộng ra. Trong này, Vị tri đương tri căn

không tương ứng với chánh tư duy, nghĩa là chánh tư duy trong tụ câu sinh của Dĩ tri căn-Cụ tri căn, pháp này không phải là tương ứng với vị tri đương tri căn bởi vì là tụ khác, cũng không phải là tương ứng với chánh tư duy, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và các tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là tâm-tâm sở pháp trong tụ câu sinh của Dĩ tri căn-Cụ tri căn trong địa Tĩnh lự trung gian-ba Tĩnh lự sau-ba Vô sắc trước, và tất cả tâm-tâm sở pháp hữu lậu, pháp này đều không tương ứng, bởi vì là tụ khác; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, đó là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, pháp này đều không tương ứng, bởi vì không có sở duyên.

Như Vị tri đương tri căn đối với các pháp sau, Dĩ tri căn-Cụ tri căn đối với các pháp sau cũng như vậy. Có điểm sai biệt là Cụ tri căn đối với Chánh kiến nên làm thành bốn câu phân biệt, cùng với trước có khác nhau.

1. Có pháp tương ứng với Cụ tri căn mà không phải là Chánh kiến, đó là Cụ tri căn đã thâm nhiếp Chánh kiến, và Chánh kiến không thâm nhiếp-không tương ứng với pháp tương ứng của Cụ tri căn. Trong này, Cụ tri căn đã thâm nhiếp Chánh kiến, nghĩa là Chánh kiến câu sinh của Cụ tri căn, pháp này tương ứng với Cụ tri căn chứ không phải là Chánh kiến, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và Chánh kiến không thâm nhiếp-không tương ứng với pháp tương ứng của Cụ tri căn, nghĩa là pháp tương ứng với Cụ tri căn trong tụ câu sinh của Tận trí-Vô sinh trí, pháp này tương ứng với Cụ tri căn chứ không phải là Chánh kiến, bởi vì là tụ khác.

2. Có pháp tương ứng với Chánh kiến mà không phải là Cụ tri căn, đó là Cụ tri căn vốn không thâm nhiếp pháp tương ứng với Chánh kiến. Pháp này là gì? Đó là pháp tương ứng với Chánh kiến trong tụ câu sinh của Vị tri đương tri căn-Dĩ tri căn, pháp này tương ứng với Chánh kiến chứ không phải là Cụ tri căn, bởi vì là tụ khác.

3. Có pháp tương ứng với Cụ tri căn cũng là Chánh kiến, đó là Cụ tri căn đã thâm nhiếp pháp tương ứng với Chánh kiến. Pháp này là gì? Đó là tám căn khác và các tâm sở pháp không phải là căn tương ứng với pháp ấy.

4. Có pháp không phải là tương ứng với Cụ tri căn cũng không phải là Chánh kiến, đó là Cụ tri căn vốn không thâm nhiếp Chánh kiến, cho đến nói rộng ra. Trong này, Cụ tri căn vốn không thâm nhiếp Chánh kiến, nghĩa là Chánh kiến trong tụ câu sinh của Vị tri đương tri căn-Dĩ tri căn, pháp này không phải là tương ứng với Cụ tri căn, bởi vì là

tự khác, cũng không phải là tương ứng với Chánh kiến, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh; và các tâm-tâm sở pháp khác, nghĩa là các tâm-tâm sở pháp hữu lậu, pháp này đều không tương ứng, bởi vì là tự khác; sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành, pháp này đều không tương ứng, bởi vì không có sở duyên.

Niệm giác chi cho đến Chánh niệm đối với các pháp sau nói rộng ra như phần luận về Giác chi, nghĩa là như phần luận thứ nhất trong Uẩn này đã nói nhiều.

Như nói: “Này Tỳ kheo! Ta sẽ vì ông mà nói về sự việc của bốn mươi bốn trí, ông nên lắng nghe kỹ càng, cố gắng hết sức tác ý...”

Hỏi: Vì so soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì phân biệt rộng về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: “Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Ta sẽ vì ông mà nói về sự việc của bốn mươi bốn trí, ông nên lắng nghe kỹ càng...” “Trong kinh tuy nói ra lời này mà không phân biệt về nghĩa ấy, kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong kinh chưa giải thích thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói ra kinh này?

Đáp: Đức Thế Tôn xưa kia nhờ vào gia hạnh này làm cửa ngõ-làm con đường, chứng được Vô lượng Chánh đẳng Bồ-đề, nay lại nói về điều này để chỉ rõ cho các đệ tử: Nếu các ông có thể không rời bỏ phương pháp gia hạnh như vậy, thì không bao lâu sẽ được vĩnh viễn hết sạch các lậu. Ví như Trưởng giả nhờ vào phương tiện này, dành dụm được tiền của châu báu mà thụ hưởng vui sướng giàu có, sau đó cũng dùng phương tiện này dạy cho các con cháu biết rằng: Nếu các con có thể không rời bỏ phương tiện như vậy, thì nhất định thu được tiền của châu báu cũng thụ hưởng vui sướng đầy đủ. Đức Thế Tôn cũng như vậy.

Sự của bốn mươi bốn trí là thế nào? Đó là trí biết về lão tử, trí biết về nhân của lão tử, trí biết về lão tử diệt mất, trí biết về hành tướng đến lão tử diệt mất; như vậy trí biết về Sinh-Hữu-Thủ-Ái-Thọ-Xúc-Lục nhập-Danh sắc-Thức-Hành, trí biết về nhân của Hành, trí biết về Hành diệt mất, trí biết về Hành hưởng đến Hành diệt mất, đó gọi là sự của bốn mươi bốn trí.

Hỏi: Tại sao trong này không nói đến trí biết về Vô minh...?

Đáp: Nên nói mà không nói đến thì nên biết là nghĩa có khác. Lại nữa, nếu pháp do chi Hữu thâm nhiếp, lấy chi Hữu làm nhân, là quả của

chi Hữu, thì trong này nói đến; Vô minh tuy cũng do chi Hữu thâm nhiếp mà không lấy chi Hữu làm nhân, cũng không phải là quả của chi Hữu, cho nên ở đây không nói. Lại nữa, nếu dựa vào pháp này đẩy khởi đầy đủ bốn trí, thì trong này nói đến; dựa vào Vô minh chỉ đẩy khởi ba trí, không khởi lên trí duyên với nhân của chi Hữu, cho nên ở đây không nói.

Hỏi: Trong này sự của bốn mươi bốn trí biết về Lão tử..., nên nói là pháp trí cho đến Đạo trí chăng?

Đáp: Nên nói trí biết về Lão tử là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Khổ trí, cho đến nói rộng ra.

Trong này, trí biết về Lão tử là bốn trí, đó là Pháp trí thì biết về Lão tử của cõi Dục, Loại trí thì biết về Lão tử của cõi Sắc-Vô sắc, Thế tục trí và Khổ trí thì đều biết về Lão tử của ba cõi. Như biết về Khổ có bốn trí, biết về Tập-Diệt-Đạo nên biết cũng như vậy. Như dựa vào Lão tử khởi lên sự của mười sáu trí, cho đến dựa vào Hành nên biết cũng như vậy. Như vậy tổng cộng có một trăm bảy mươi sáu trí thuộc về sự. Trong này Đức Thế Tôn dựa vào mười một Chi thuộc bốn Đế sai biệt đều khởi lên bốn trí, cho nên chỉ nói là có bốn mươi bốn trí thuộc về sự.

Hỏi: Bốn mươi bốn trí thuộc về sự này, mấy loại là hữu lậu, mấy loại là vô lậu?

Đáp: Tất cả đều gồm chung hữu lậu và vô lậu.

Hỏi: Mấy loại duyên với hữu lậu, mấy loại duyên với vô lậu?

Đáp: Hai mươi hai loại duyên với hữu lậu, hai mươi hai loại duyên với vô lậu.

Hỏi: Mấy loại là hữu vi, mấy loại là vô vi?

Đáp: Tất cả đều là hữu vi.

Hỏi: Mấy loại duyên với hữu vi mấy loại duyên với vô vi?

Đáp: Ba mươi ba loại duyên với hữu vi, mười một loại duyên với vô vi.

Hỏi: Mấy loại là quá khứ, mấy loại là vị lai, mấy loại là hiện tại?

Đáp: Tất cả đều bao gồm ba đời.

Hỏi: Mấy loại duyên với quá khứ, mấy loại duyên với vị lai, mấy loại duyên với hiện tại?

Đáp: Ba mươi ba loại duyên với ba đời, mười một loại duyên với Phi thời gian. Nếu như phân vị ba đời trong chương tạp Uẩn, thì nên nói ba loại duyên với quá khứ, đó là trí biết về Hành, trí biết về Hành tập,

trí biết về Thức tập; ba loại duyên với vị lai. Đó là trí biết về Lão tử, trí biết về Lão tử tập, trí biết về Sinh; mười sáu loại duyên với hiện tại, đó là trí biết về Sinh tập, trí biết về Hữu, trí biết về Hữu tập, trí biết về Thủ, trí biết về Thủ tập, trí biết về Ái, trí biết về Ái tập, trí biết về Thọ, trí biết về Thọ tập, trí biết về Xúc, trí biết về Xúc tập, trí biết về Lục xứ, trí biết về Lục xứ tập, trí biết về Danh sắc, trí biết về Danh sắc tập, trí biết về Thức; mười một loại duyên với ba đời, mười một loại duyên với Phi thời gian.

Hỏi: Trí thuộc về sự như vậy đã không có năng lực tiến vào Chánh tánh ly sinh, đạt được quả-lìa nhiễm và hết sạch các lậu, vì sao Thánh giả tu tập làm cho hiện rõ trước mắt?

Đáp: Nhờ vào bốn duyên:

1. Bởi vì trú trong niềm vui với pháp hiện tại.
2. Bởi vì dạo chơi trong công đức.
3. Bởi vì quán xét những việc làm vốn có.
4. Bởi vì tiếp nhận tài sản của bậc Thánh.

Như nói: “Này Tỳ kheo! Ta sẽ nói cho ông về bảy mươi bảy trí thuộc về sự, ông nên lắng nghe kỹ càng, cố gắng hết sức tác ý...”

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì phân biệt rộng về nghĩa trong kinh, nói rộng ra như trước.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói ra kinh này?

Đáp: Đức Thế Tôn xưa kia nhờ vào gia hạnh này làm cửa ngõ-làm con đường, nói rộng ra như trước.

Thế nào là bảy mươi bảy trí thuộc về sự? Đó là trí biết về Sinh duyên Lão tử, trí biết về pháp ấy đều là Sinh duyên Lão tử, trí biết về Sinh duyên Lão tử thuộc quá khứ, trí biết về pháp ấy đều là Sinh duyên Lão tử, trí biết về Sinh duyên Lão tử thuộc vị lai, trí biết về pháp ấy đều là Sinh duyên Lão tử, và trí pháp trú biết tất cả pháp này là vô thường-hữu vi, do suy nghĩ mà tạo tác, thì duyên mà sinh ra, là pháp Tận-pháp Giảm-pháp Ly-pháp Diệt. Như dựa vào Sinh duyên Lão tử khởi lên bảy trí, cho đến dựa vào Vô minh duyên Hành cũng như vậy, cho nên có bảy mươi bảy trí thuộc về sự.

Hỏi: Tại sao trong này không nói đến trí biết về Vô minh đã thuận theo duyên?

Đáp: Nên nói mà không nói đến, thì phải nên biết là nghĩa này có khác. Lại nữa, nếu pháp do chi Hữu thâu nhiếp, lấy chi Hữu làm nhân, là quả của chi Hữu thì trong này nói đến; Vô minh tuy cũng do chi Hữu

thâu nhiếp, mà không lấy chi Hữu thâu nhiếp, mà không lấy chi Hữu làm nhân, cũng không phải là quả của chi Hữu, cho nên ở đây không nói. Lại nữa, nếu dựa vào pháp này khởi lên bảy trí duyên với chi Hữu, thì trong này nói đến; dựa vào Vô minh mà thuận theo duyên không khởi lên bảy trí duyên với chi Hữu, cho nên ở đây không nói.

Hỏi: Trong này, bảy mươi bảy trí thuộc về sự, như trí biết về Sinh Lão tử..., nên nói là Pháp trí cho đến Đạo trí chăng?

Đáp: Nên nói sáu trí trước như trí biết về Sinh duyên Lão tử... đều là bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Tập trí; trí pháp trú thứ bảy là một trí, đó là Thế tục trí. Như bảy trí biết về Sinh duyên Lão tử, cho đến bảy trí biết về Vô minh duyên Hành cũng như vậy.

Trong này, Pháp trí là nhận biết về Sinh duyên Lão tử... của cõi

Dục, Loại trí là nhận biết về Sinh duyên Lão tử... của cõi Sắc-Vô sắc, Thế tục trí và Tập trí đều nhận biết về Sinh duyên Lão tử... của ba cõi.

Hỏi: Đã nói về Sinh duyên Lão tử..., tại sao còn nói đều là Sinh duyên Lão tử...?

Đáp: Luận có hai loại:

1. Thành lập tông chỉ của mình.

2. Ngăn chặn tông chỉ của người khác. Thành lập tông chỉ của mình, như người tốt nói pháp thì thành lập tông chỉ nói pháp Thiện, người xấu nói pháp thì thành lập tông chỉ nói pháp Ác, Luận giả Ứng Lý thì thành lập tông chỉ của luận Ứng Lý, Luận giả Phân Biệt thì thành lập tông chỉ của luận Phân Biệt. Ngăn chặn tông chỉ của người khác, như người tốt nói pháp thì ngăn chặn tông chỉ nói pháp Ác, người xấu nói pháp thì ngăn chặn tông chỉ nói pháp thiện, Luận giả Ứng Lý thì ngăn chặn tông chỉ của luận Phân Biệt, Luận giả Phân Biệt thì ngăn chặn tông chỉ của luận Ứng Lý.

Nếu chỉ nói là Sinh duyên Lão tử..., thì hoặc có người sinh lòng nghi ngờ vì phát triển luận bàn mà đưa ra cách nói như vậy, chứ lý thì không hẳn là như vậy. Vì quyết định mỗi nghi ấy để hiển bày về lý này là chắc chắn, cho nên lại nói đều là Sinh duyên Lão tử...

Trong này, biết về Sinh duyên Lão tử, là Pháp-Loại-Thế tục và Tập trí, biết đều là Sinh duyên Lão tử cũng là bốn trí, hợp lại có tám trí; biết về Sinh duyên Lão tử thuộc quá khứ-vị lai cũng đều có tám trí, hợp lại có hai mươi bốn trí; trí Pháp trú thứ bảy chỉ là một trí, đó là Thế tục trí; cộng đủ số trước thì có hai mươi lăm trí. Như biết về Sinh duyên Lão tử, cho đến biết về Vô minh duyên Hành cũng như vậy. Như vậy tổng cộng có hai trăm bảy mươi lăm trí. Nếu dùng sát-na nối tiếp nhau để

phân biệt, thì có vô lượng vô biên trí thuộc về sự. Trong này, Đức Thế Tôn dựa vào mười một chi, ba đời si biệt đều khởi lên bảy trí, cho nên chỉ nói là có bảy mươi bảy trí thuộc về sự.

Hỏi: Vì sao không nói biết về hiện tại?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Hai loại trước trong bảy loại tức là biết về hiện tại. Lại có người nói: Hai loại trước trong bảy loại bao gồm biết về ba đời, bởi vì quá khứ-vị lai khó biết rõ ràng, cho nên lại nói riêng biệt về biết, hiện tại thì không như vậy, cho nên không nói riêng biệt.

Hỏi: Bảy mươi bảy trí thuộc về sự này, mấy loại là hữu lậu, mấy loại là vô lậu?

Đáp: Mười một trí Pháp trú chỉ riêng hữu lậu, bởi vì chỉ là tánh Thế rục trí thâm nhiếp, sáu mươi sáu trí còn lại gồm chung hữu lậu và vô lậu, bởi vì bốn trí thâm nhiếp. Có người đưa ra cách nói này: Tất cả đều gồm chung hữu lậu và vô lậu.

Hỏi: Mấy loại duyên với hữu lậu, mấy loại duyên với vô lậu?

Đáp: Tất cả đều duyên với hữu lậu.

Hỏi: Mấy loại là hữu vi, mấy loại là vô vi?

Đáp: Tất cả đều là hữu vi, bởi vì chắc chắn không có trí mà Thế là vô vi.

Hỏi: Mấy loại duyên với hữu vi, mấy loại duyên với vô vi?

Đáp: Tất cả đều duyên với hữu vi.

Hỏi: Mấy loại là quá khứ, mấy loại là vị lai, mấy loại là hiện tại?

Đáp: Tất cả đều gồm chung ba đời.

Hỏi: Mấy loại duyên với quá khứ, mấy loại duyên với vị lai, mấy loại duyên với hiện tại?

Đáp: Có những người muốn làm cho hai loại trước trong bảy loại chỉ duyên với hiện tại, họ nói hai mươi hai loại duyên với quá khứ, hai mươi hai loại duyên với vị lai, hai mươi hai loại duyên với hiện tại, mười một loại duyên với ba đời. Có những người muốn làm cho hai loại trước trong bảy loại cùng duyên với ba đời, họ nói hai mươi hai loại duyên với quá khứ, hai mươi hai loại duyên với vị lai, ba mươi ba loại duyên với ba đời.

Trí này không có năng lực tiến vào Chánh tánh ly sinh..., nhờ vào bốn duyên, tu tập làm cho hiện rõ trước mắt, nghĩa nói như trước.

Hỏi: Vì sao loại thứ bảy gọi là trí Pháp trú?

Đáp: Pháp ấy là quả, trú ấy là nhân, biết quả là pháp đã trú trong

nhân, cho nên gọi là trí Pháp trú. Nghĩa là biết về nhân là nơi tồn tại của quả bậc Hạ-Trung-Thượng trong ba cõi, cho nên gọi là trí Pháp trú. Trí này chỉ biết về tướng riêng của nhân, không phải là hành tướng Thánh, cho nên chỉ do Thế tục trú thâm nhiếp. Có người đưa ra cách nói này: Trí này bao gồm bốn trí, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Tập trí.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao nói là một trí, đó là Thế tục trí?

Đáp: Thật ra bao gồm vô lậu, trong này lại nói là hữu lậu, bởi vì trí này phần nhiều biết về nhân của tướng riêng. Lại có người nói: Sáu trí trước là trí biết về nhân cho nên gọi là Pháp trú, duyên vào đó khởi lên trí gọi là trí Pháp trú, trí này biết về Đạo chứ không phải là biết về Tập nhân, cũng do bốn trí thâm nhiếp, đó là Pháp-Loại-Thế tục và Đạo trí.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao đưa ra cách nói như vậy: Biết tất cả các pháp này là vô thường-hữu vi, do suy nghĩ mà tạo tác, từ duyên mà sinh ra, là pháp Tận-pháp Giảm-pháp Ly-pháp Diệt. Vô lậu lẽ nào có thể gọi là pháp Ly hay sao?

Đáp: Trong này chỉ nên đưa ra cách nói như vậy: Biết tất cả các pháp này là vô thường-hữu vi, cho đến pháp Diệt. Không nên nói là pháp Ly mà nói đến pháp Ly. Là muốn hiển bày Thánh giả cũng chán ngán vô lậu không sinh tâm vui mừng, cho nên nói đến pháp Ly. Có người khác lại nói: Trí biết về nhân trước kia là tánh thuộc bốn trí, nay biết về trí ấy gọi là trí Pháp trú; bởi vì trí Pháp trú này, biết về trí Thế tục kia cho nên cũng gọi là biết về pháp Ly.

Lời bình: Nên biết trong này thì cách nói trước là hợp lý.

Như “Đức Thế Tôn nói: Nay Tô-thi-ma nên biết! Trước có trí Pháp trú, sau có trí Niết-bàn.”

Hỏi: Trong này, loại nào là trí Pháp trú, loại nào là trí Niết-bàn?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Trí biết về Tập là trí Pháp trú, trí biết về Diệt là trí Niết-bàn. Có người khác lại nói: Trí biết về Khổ-Tập là trí Pháp trú, trí biết về Diệt-Đạo là trí Niết-bàn. Hoặc có người nói: Trí biết về Khổ-Tập-Đạo là trí Pháp trú, trí biết về Diệt là trí Niết-bàn.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao nói là trước có trí Pháp trú, sau có trí Niết-bàn?

Đáp: Tuy có trí Pháp trú ở sau trí Niết-bàn, mà có trí Pháp trú ở trước trí Niết-bàn, cho nên đưa ra cách nói này. Lại có người nói: Trí biết về lưu chuyển là trí Pháp trú, trí biết về hoàn diệt là trí Niết-bàn. Lại nữa, trí biết về duyên khởi là trí Pháp trú, trí biết về duyên khởi diệt là trí Niết-bàn. Lại nữa, trí biết về sinh tử là trí Pháp trú, trí biết về sinh

tử diệt là trí Niết-bàn.

Có Sư khác nói: Trí của địa Cận phần là trí Pháp trú, trí của địa Căn bản là trí Niết-bàn. Vì sao biết như vậy? Bởi vì kinh là Thánh giáo lượng.

Như trong kinh nói: “Có các ngoại đạo cùng nhau tập trung bàn bạc rằng: Lúc Phật chưa xuất hiện thì chúng ta thu được nhiều danh dự-lợi dưỡng, bởi vì Phật xuất hiện ở thế gian mà danh và lợi lập tức dứt đoạn, như mặt trời đã mọc thì ngọn đuốc nhỏ mất đi ánh sáng, tìm cách nào để danh và lợi giống như xưa? Nhưng Kiều-đáp-ma có hai sự việc hơn hẳn, đó là giỏi về kinh luận và hình dáng tướng mạo đoan nghiêm, tuy hình dáng tướng mạo khó làm cho thay đổi mà kinh luận thì dễ lấy trộm, trong mọi người chúng ta có Tô-thi-ma, niệm tuệ kiên cường có thể trộm lấy pháp ấy, nếu có được pháp ấy thì danh và lợi giống như xưa. Đã cùng nhau bàn bạc rồi nói cho Tô-thi-ma biết. Người ấy bởi vì hai duyên cho nên liền nhận lời đề nghị của mọi người:

1. Yêu quý bạn thân.
2. Thiện căn chín muồi.

Ngay sau đó rời khỏi thành Vương Xá đi đến tinh xá Trúc Lâm, nói với Tỳ kheo rằng: Tôi muốn xuất gia! Lúc ấy các Tỳ kheo dẫn đến thưa với Đức Phật, Đức Phật biết rõ căn tánh, khiến các Tỳ kheo độ cho xuất gia, và cho thọ giới Cụ túc. Người ấy sau đó không lâu đọc tụng văn kinh ba Tạng, cũng hơi hiểu nghĩa lý, trộm dấy lên ý niệm này: Muốn lợi ích cho bạn bè thân thiết thì nay chính là cơ hội. Liền từ trong Trúc Lâm đi ra muốn trở về thành Vương Xá. Nhưng Đức Phật có Thiên nhãn hộ pháp soi chiếu khắp nơi, luôn luôn quán sát thế gian biết ai có thể lấy trộm kinh pháp. Lúc ấy có năm trăm Tỳ kheo A-la-hán (Ứng chân), đến trước Tô-thi-ma tự khen ngợi công đức của mình: Đời sống của tôi đã hết, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không nhận lấy thân đời sau. Tô-thi-ma nói: Các vị Nhân giả đã chứng ngộ là dựa vào Định nào, là Tĩnh lực thứ nhất, hay là cho đến Vô sở hữu xứ? Các Tỳ kheo nói: Sự chứng ngộ của chúng tôi đều không dựa vào những nơi ấy. Tô-thi-ma nói: Nếu không dựa vào những Định ấy thì làm sao có thể chứng ngộ? Các Tỳ kheo nói: Chúng tôi đều là Tuệ giải thoát. Lúc ấy Tô-thi-ma nghe xong thì mù tịt không biết các vị ấy đã nói gì, liền dấy lên ý nghĩ này: Nếu như bạn bè thân thiết của mình hỏi đến nghĩa như vậy, thì mình sẽ làm sao? Lại đến nơi Đức Phật để thưa hỏi về nghĩa như vậy. Đức Thế Tôn bảo rằng: Nay Tô-thi-ma nên biết! Trước có trí pháp trú, sau có trí niết-bàn. Tô-thi-ma thưa rằng: Nay con không biết thế nào là trí Pháp

trú, thế nào là trí Niết-bàn? Đứa Phật bảo rằng: Tùy theo ông nhận biết và không nhận biết, nhưng pháp thuận theo như vậy.” Lúc ấy Tô-thi-ma không quyết đoán lời nguyện trước kia, nhưng năm trăm tỳ kheo A-la-hán kia dựa vào Vị chí định đạt được lậu tận rồi, về sau mới có thể khởi lên Đăng chí căn bản. Vì vậy cho nên biết trí của địa Cận phần là trí Pháp trú, trí của địa Căn bản là trí Niết-bàn.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 111

LUẬN VỀ THẤT THÁNH (Phần 3)

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí thì đó là Loại trí chăng?

Đáp: Nếu đạt được. Trong này, đạt được là đã đạt được gọi là đạt được, nghĩa là Khổ loại trí hiện rõ trước mắt về sau. Những từ đạt được sau này đều dựa theo cách giải thích này.

Hỏi: Giả sử thành tựu Loại trí thì đó là Pháp trí chăng?

Đáp: Đúng như vậy, đó là Khổ pháp trí hiện rõ trước mắt về sau, bởi vì Pháp trí-Khổ trí luôn luôn thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí thì đó là Tha tâm trí chăng?

Đáp: Nếu đạt được không mất. Trong này, đạt được là đã lìa nhiễm cõi Dục, không mất là không lui sụt khởi lên phiền não của cõi Dục.

Hỏi: Giả sử thành tựu Tha tâm trí thì đó là Pháp trí chăng?

Đáp: Nếu đạt được, nghĩa là Khổ pháp trí hiện rõ trước mắt về sau.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí thì đó là thế Thế tục trí chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì tất cả hữu tình đều thành tựu Thế tục trí.

Hỏi: Giả sử thành tựu Thế tục trí thì đó là Pháp trí chăng?

Đáp: Nếu đạt được, nghĩa là Khổ pháp trí hiện rõ trước mắt về sau, một hàng về trí khác như văn nói rộng ra. Nhưng Pháp trí-Loại trí và trí thuộc bốn Đế, nếu đạt được về sau thì luôn luôn thành tựu; Tha tâm trí, hữu lậu thì đã lìa nhiễm cõi Dục, nếu không lui sụt khởi lên phiền não của cõi Dục, và không sinh vào cõi Vô sắc thì luôn luôn thành tựu; vô lậu là đã lìa nhiễm cõi Dục, nếu không lui sụt khởi lên phiền não của cõi Dục, thì luôn luôn thành tựu. Thế tục trí, Tất cả hữu tình luôn luôn thành tựu. Đây gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược ở chỗ này.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì đó là vị lai chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Ở đây, thành tựu quá khứ thì chắc chắn thành tựu vị lai. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong hai tâm sau, Hiện quán về Tập-Diệt đều trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, nếu Pháp trí đã diệt không mất.

Hỏi: Giả sử thành tựu vị lai thì đó là quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, nghĩa là các phần vị đã nói trước đây. Nếu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong một tâm, nghĩa là lúc Khổ pháp trí đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi. Pháp trí chưa diệt, giả sử diệt rồi mất, nghĩa là đạt được quả-luyện căn hoặc là lui sụt mà mất.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì đó là hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện rõ ở trước mắt, nghĩa là nếu không khởi lên các Nhẫn thuộc Loại trí, hoặc Thế tục trí không phải là phần vị không có tâm. Lúc bấy giờ Pháp trí chắc chắn hiện rõ ở trước mắt. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Tập-Diệt-Đạo đều trong một tâm, nghĩa là lúc ba Pháp trí đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, nếu Pháp trí đã diệt không mất và hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Giả sử thành tựu hiện tại thì đó là quá khứ chăng?

Đáp: Đã diệt không mất thì thành tựu. Ở đây như thứ tự các phần vị đã nói trước đây. Nếu chưa diệt, giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong một tâm, nghĩa là lúc Khổ pháp trí đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, nếu Pháp trí chưa hẳn đã diệt-giả sử diệt rồi mất, mà Pháp trí hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí vị lai thì đó là hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện rõ ở trước mắt. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ-Tập-Diệt-Đạo đều trong một tâm, nghĩa là lúc bốn Pháp trí đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, nếu Pháp trí hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Giả sử thành tựu hiện tại thì đó là vị lai chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì nếu thành tựu Pháp trí hiện tại thì chắc chắn thành tựu vị lai.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì đó là vị lai-hiện tại chăng?

Đáp: Vị lai chắc chắn thành tựu, hiện tại nếu hiện rõ ở trước mắt. Ở đây như trước nói về thành tựu quá khứ-hiện tại.

Hỏi: Giả sử thành tựu vị lai-hiện tại thì đó là quá khứ chẳng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, nếu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Ở đây như trước nói giả sử thành tựu hiện tại thì đó là quá khứ chẳng?

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí vị lai thì đó là quá khứ-hiện tại chẳng?

Đáp: Có vị lai chứ không phải là quá khứ-hiện tại, đó là Pháp trí đã đạt được, chưa diệt-giả sử diệt rồi mất, không hiện rõ ở trước mắt. Trong này, đã đạt được là hiển bày có vị lai, chưa diệt-giả sử diệt rồi mất là hiển bày không có quá khứ, không hiện rõ ở trước mắt là hiển bày không có hiện tại. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đạt được quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, nếu Pháp trí chưa hẳn đã khởi diệt, trước đã khởi diệt là đã mất, và không hiện rõ ở trước mắt.

Có vị lai và quá khứ chứ không phải là hiện tại, đó là Pháp trí đã diệt không mất, không hiện rõ ở trước mắt. Trong này, đã diệt không mất là hiển bày có quá khứ, không hiện rõ ở trước mắt là hiển bày không có hiện tại, chỉ có quá khứ thì chắc chắn có vị lai. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong hai tâm sau, Hiện quán về Tập-Diệt đều trong ba tâm, trừ ra lúc Pháp trí, Hiện quán về Đạo trong hai tâm Nhân, đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, nếu Pháp trí đã diệt không mất, không hiện rõ ở trước mắt.

Có vị lai và hiện tại chứ không phải là quá khứ, đó là Pháp trí hiện rõ ở trước mắt, chưa diệt-giả sử diệt rồi mất. Trong này, hiện rõ ở trước mắt là hiển bày có hiện tại, chưa diệt-giả sử diệt rồi mất là hiển bày không có quá khứ, chỉ có hiện tại thì chắc chắn có vị lai. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong một tâm, nghĩa là lúc Khổ pháp trí đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, nếu Pháp trí chưa diệt-trước đó diệt rồi mất mà hiện rõ ở trước mắt.

Có vị lai và quá khứ-hiện tại, đó là Pháp trí đã diệt không mất cũng hiện rõ ở trước mắt. Trong này, đã diệt không mất là hiển bày có quá khứ, cũng hiện rõ ở trước mắt là hiển bày có hiện tại. Nếu có quá khứ-hiện tại thì chắc chắn có vị lai, ở đây như trước nói về thành tựu quá khứ-hiện tại.

Hỏi: Giả sử thành tựu quá khứ-hiện tại thì đó là vị lai chẳng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì chỉ thành tựu quá khứ-hiện tại thì chắc chắn thành tựu vị lai.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí hiện tại thì đó là quá khứ-vị lai chăng?

Đáp: Vị lai chắc chắn thành tựu, quá khứ nếu đã diệt không mất thì thành tựu, như nói về phần vị ba đời thành tựu trước đây; nếu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu, như trước nói về thành tựu vị lai-hiện tại chứ không phải là quá khứ.

Hỏi: Giả sử thành tựu quá khứ-vị lai thì đó là hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện rõ ở trước mắt, như trước nói về phần vị ba đời thành tựu.

Như Pháp trí trải qua sáu câu, Loại-Khổ-Tập-Đạo trí cũng như vậy, nghĩa là như Pháp trí dựa vào ba đời có sáu câu hỏi-đáp, Loại-Khổ-Tập-Diệt-Đạo trí cũng như vậy. Có điểm sai biệt là tất cả nói đến tên gọi của mình, tùy theo thích hợp mà nói.

Hỏi: Nếu thành tựu Tha tâm trí quá khứ thì đó là vị lai chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì chỉ thành tựu quá khứ thì chắc chắn thành tựu vị lai. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là sinh ở cõi Dục, đã lìa nhiễm cõi Dục; hoặc sinh ở cõi Sắc, hoặc là người Học ở cõi Dục-Sắc đã khởi lên Tha tâm trí vô lậu không mất, ở cõi Vô sắc chưa đạt được quả Vô học.

Hỏi: Giả sử thành tựu vị lai thì đó là quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, ở đây như thứ tự các phần vị đã nói trước đây. Nếu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là người Học ở cõi Dục-Sắc, chưa khởi lên Tha tâm trí vô lậu, giả sử khởi lên rồi mất; sinh ở cõi Vô sắc giả sử khởi lên không mất, sinh ở cõi Vô sắc đạt được quả Vô học.

Hỏi: Nếu thành tựu Tha tâm trí quá khứ thì đó là hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện rõ ở trước mắt, nghĩa là nếu không khởi lên các Nhãn của trí khác, không phải là phần vị không có tâm, lúc bấy giờ trí này chắc chắn hiện rõ ở trước mắt. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là các Thánh giả, hoặc các dị sinh, sinh ở cõi Dục-Sắc, lúc này Tha tâm trí hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Giả sử thành tựu hiện tại thì đó là quá khứ chăng?

Đáp: Đúng như vậy, ở đây như thứ tự các phần vị trước đã nói. Nếu lúc Tha tâm trí hiện rõ ở trước mắt, thì chắc chắn thành tựu Tha tâm trí hữu lậu của quá khứ, vô lậu thì không nhất định.

Hỏi: Nếu thành tựu Tha tâm trí vị lai thì đó là hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện rõ ở trước mắt. Câu này như trước nói về thành tựu quá khứ-hiện tại.

Hỏi: Giả sử thành tựu hiện tại thì đó là vị lai chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì chỉ thành tựu hiện tại thì chắc chắn có vị lai.

Hỏi: Nếu thành tựu Tha tâm trí quá khứ thì đó là vị lai-hiện tại chăng?

Đáp: Vị lai nhất định thành tựu, hiện tại nếu hiện rõ ở trước mắt. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là lúc Tha tâm trí hiện rõ ở trước mắt, tức là dị sinh và Thánh giả ở cõi Dục-Sắc.

Hỏi: Giả sử thành tựu vị lai-hiện tại thì đó là quá khứ chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Câu này như thứ tự các phần vị trước đây đã nói.

Hỏi: Nếu thành tựu Tha tâm trí vị lai thì đó là quá khứ-hiện tại chăng?

Đáp: Có vị lai mà không phải là quá khứ-hiện tại, đó là Tha tâm trí đã đạt được không mất, chưa diệt-giả sử diệt rồi mất, không hiện rõ ở trước mắt. Trong này, đã đạt được không mất là hiển bày có vị lai, chưa diệt-giả sử diệt rồi mất là hiển bày không có quá khứ, không hiện rõ ở trước mắt là hiển bày không có hiện tại. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là nếu người Học ở cõi Dục-Sắc, chưa khởi lên Tha tâm trí vô lậu, giả sử khởi lên rồi mất; sinh ở cõi Vô sắc giả sử khởi lên không mất, sinh ở cõi Vô sắc đạt được quả Vô học.

Có vị lai và quá khứ mà không phải là hiện tại, đó là Tha tâm trí đã diệt không mất, không hiện rõ ở trước mắt. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là sinh ở cõi Dục đã lìa nhiễm cõi Dục, Tha tâm trí không hiện rõ ở trước mắt; hoặc là sinh ở cõi Sắc, Tha tâm trí không hiện rõ ở trước mắt; hoặc là người Học ở cõi Dục-Sắc, đã khởi lên Tha tâm trí vô lậu không mất, sinh ở cõi Vô sắc chưa đạt được quả Vô học.

Có vị lai và quá khứ-hiện tại, đó là Tha tâm trí hiện rõ ở trước mắt, tức là dị sinh và Thánh giả sinh ở cõi Dục-Sắc, lúc Tha tâm trí hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Giả sử thành tựu quá khứ-hiện tại thì đó là vị lai chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Câu này như thứ tự các phần vị đã nói trước đây.

Hỏi: Nếu thành tựu Tha tâm trí hiện tại thì đó là quá khứ-vị lai chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Câu này cũng như thứ tự các phần vị đã nói trước đây.

Hỏi: Giả sử thành tựu quá khứ-vị lai thì đó là hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện rõ ở trước mắt. Câu này cũng như các phần vị đã nói trước đây.

Hỏi: Nếu thành tựu Thế tục trí quá khứ thì đó là vị lai chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử thành tựu vị lai thì đó là quá khứ chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Bởi vì tất cả hữu tình đều thành tựu Thế tục trí quá khứ và vị lai.

Hỏi: Nếu thành tựu Thế tục trí quá khứ thì đó là hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện rõ ở trước mắt, nghĩa là nếu không khởi lên các Tuệ vô lậu, không phải là phần vị không có tâm, thì Thế tục trí này chắc chắn hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Giả sử thành tựu hiện tại thì đó là quá khứ chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Những câu này dựa theo trước, nên biết về tướng ấy.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì đó là Loại trí chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Tập-Diệt đều trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, khởi lên Pháp-Loại trí đã diệt không mất. Nếu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong hai tâm sau, đạt được quá Nhất lai-Bất hoàn, và người Học luyện căn rồi, nếu Pháp trí đã diệt không mất, Loại trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất.

Hỏi: Giả sử thành tựu Loại trí quá khứ thì đó là Pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Câu này như trước đã nói về phần vị thành tựu Pháp trí và Loại trí quá khứ. Nếu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, Loại trí đã diệt không mất, Pháp trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì đó là vị lai chăng?

Đáp: Nếu đạt được, đó là Khổ loại trí đã sinh. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong một tâm sau, Hiện quán về Tập-Diệt đều trong bốn tâm, Hiện

quán về Đạo trong ba tâm, đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, nếu Pháp trí đã diệt không mất.

Hỏi: Giả sử thành tựu Loại trí vị lai thì đó là Pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Câu này như thứ tự các phần vị đã nói trước đây. Nếu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, Pháp trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì đó là Loại trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện rõ ở trước mắt, đó là nếu không khởi lên các Nhẫn của trí khác, không phải là phần vị không có tâm, thì lúc này nhất định hiện rõ ở trước mắt. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ-Tập-Diệt đều trong một tâm, nghĩa là lúc Loại trí, đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, nếu pháp trí đã diệt không mất, lúc ấy Loại trí hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Giả sử thành tựu Loại trí hiện tại thì đó là Pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Câu này như thứ tự các phần vị đã nói trước đây. Nếu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, Pháp trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất, mà Loại trí hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì đó là Loại trí quá khứ-hiện tại chăng?

Đáp: Có Pháp trí quá khứ mà không phải là Loại trí quá khứ-hiện tại, đó là Pháp trí đã diệt không mất, Loại trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất, không hiện rõ ở trước mắt. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong một tâm, nghĩa là lúc Loại trí nhĩn, đạt được quả Nhất lai-Bất hoàn, và Học luyện căn rồi, nếu Pháp trí đã diệt không mất, Loại trí chưa diệt-trước đó diệt rồi mất, không hiện rõ ở trước mắt.

Có Pháp trí quá khứ và Loại trí quá khứ mà không phải là hiện tại, đó là Pháp-Loại trí đã diệt không mất, Loại trí không hiện rõ ở trước mắt. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Tập-Diệt-Đạo đều trong ba tâm, trừ ra lúc Loại trí,

đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, Pháp trí-Loại trí đã diệt không mất, mà Loại trí không hiện rõ ở trước mắt.

Có Pháp trí quá khứ và Loại trí hiện tại mà không phải là quá khứ, đó là Pháp trí đã diệt không mất, Loại trí hiện rõ ở trước mắt chưa diệt-giả sử diệt rồi mất. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong một tâm, nghĩa là Khổ loại trí, đạt được quả Nhất lai-Bất hoàn, và Học luyện căn rồi, nếu Pháp trí đã diệt không mất, Loại trí chưa diệt-trước đó diệt rồi mất mà hiện rõ ở trước mắt.

Có Pháp trí quá khứ và Loại trí quá khứ-hiện tại, đó là Pháp-Loại trí đã diệt không mất, Loại trí hiện rõ ở trước mắt. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Tập-Diệt đều trong một tâm, nghĩa là lúc Loại trí đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, pháp-Loại trí đã diệt không mất, mà Loại trí hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Giả sử thành tựu Loại trí quá khứ-hiện tại thì đó là pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Câu ấy như thứ tự các phần vị đã nói trước đây. Nếu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, nếu Loại trí đã diệt không mất, Pháp trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất mà Loại trí hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì đó là Loại trí vị lai-hiện tại chăng?

Đáp: Có Pháp trí quá khứ mà không phải là Loại trí vị lai-hiện tại, đó là Pháp trí đã diệt mà chưa đạt được Loại trí. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong một tâm, nghĩa là lúc Khổ loại trí hiển. Có pháp trí quá khứ và Loại trí vị lai mà không phải là hiện tại, đó là pháp trí đã diệt không mất, đã đạt được Loại trí mà không hiện rõ trước mắt. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Tập-Diệt-Đạo đều trong ba tâm trước, đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, nếu Pháp trí đã diệt không mất, Loại trí không hiện rõ ở trước mắt.

Có Pháp trí quá khứ và Loại trí vị lai-hiện tại, đó là Pháp trí đã diệt không mất, Loại trí hiện rõ ở trước mắt. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ-Tập-Diệt đều trong một tâm sau, đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện

căn rồi, nếu Pháp trí đã diệt không mất, Loại trí hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Giả sử thành tựu Loại trí vị lai-hiện tại thì đó là Pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Câu này như thứ tự các phần vị đã nói trước đây. Nếu chưa diệt giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, Pháp trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất, mà Loại trí hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì đó là Loại trí quá khứ-vị lai chăng?

Đáp: Có Pháp trí quá khứ 1 mà không phải là Loại trí quá khứ- vị lai. Đó là đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong một tâm, nghĩa là lúc Khổ loại trí nhãn.

Có Pháp trí quá khứ và Loại trí vị lai mà không phải là quá khứ, đó là Pháp trí đã diệt không mất, đã đạt được Loại trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong một tâm sau, đạt được quả Nhất lai-Bất hoàn, và Học luyện căn rồi, nếu Pháp trí đã diệt không mất, Loại trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất.

Có pháp trí quá khứ và Loại trí quá khứ-vị lai, đó là Pháp-Loại trí đã diệt không mất. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Tập-Diệt đều trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, Pháp trí-Loại trí đã diệt không mất.

Hỏi: Giả sử thành tựu loại trí quá khứ-vị lai thì đó là Pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Câu này như thứ tự các pháp vị đã nói trước đây. Nếu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đạt được bốn quả Sa-môn, và Học -Vô học luyện căn rồi, Loại trí đã diệt không mất, Pháp trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì đó là Loại trí quá khứ-vị lai-hiện tại chăng?

Đáp: Có Pháp trí quá khứ mà không phải là Loại trí quá khứ-vị lai-hiện tại, đó là pháp trí đã diệt mà chưa đạt được Loại trí. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong một tâm. Nghĩa là lúc Khổ loại trí nhãn.

Có Pháp trí quá khứ và Loại trí vị lai mà không phải là quá khứ-

hiện tại, đó là Pháp trí đã diệt không mất, đã đạt được Loại trí, chưa diệt-giả sử diệt rồi mất, không hiện rõ ở trước mắt. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đạt được quả Nhất lai-Bất hoàn, và Học luyện căn rồi, nếu Pháp trí đã diệt không mất, Loại trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất, không hiện rõ ở trước mắt.

Có Pháp trí quá khứ và Loại trí vị lai-hiện tại mà không phải là quá khứ, đó là Pháp trí đã diệt không mất, Loại trí hiện rõ ở trước mắt, chưa diệt-giả sử diệt rồi mất, lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong một tâm sau, đạt được quả Nhất lai-Bất hoàn, và học luyện căn rồi, nếu Pháp trí đã diệt không mất, Loại trí chưa biết-giả sử diệt rồi mất mà hiện rõ ở trước mắt.

Có Pháp trí quá khứ và Loại trí quá khứ-vị lai chứ không phải là hiện tại, đó là Pháp-Loại trí đã diệt không mất, Loại trí không hiện rõ ở trước mắt. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Tập-Diệt-Đạo đều trong ba tâm trước, đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, Pháp trí-Loại trí đã diệt không mất, Loại trí không hiện rõ ở trước mắt.

Có Pháp trí quá khứ và Loại trí quá khứ-vị lai-hiện tại, đó là Pháp trí-Loại trí đã diệt không mất, Loại trí hiện rõ ở trước mắt. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Tập-Diệt đều trong một tâm sau, đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, Pháp trí-Loại trí đã diệt không mất, mà Loại trí hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Giả sử thành tựu Loại trí quá khứ-vị lai-hiện tại thì đó là Pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Câu này như thú tự các phần vị đã nói trước đây. Nếu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, nếu Loại trí đã diệt không mất mà cũng hiện rõ ở trước mắt, Pháp trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất.

Như đối với Loại trí làm thành bảy câu nhỏ, đối với Tập-Diệt-Đạo trí cũng như vậy, nghĩa là như Pháp trí đối với Loại trí làm thành bảy câu nhỏ, đối với Tập-Diệt-Đạo trí làm thành bảy câu nhỏ cũng như vậy. Có điểm sai biệt là tất cả nói đến tên gọi của mình, tùy theo thích hợp mà nói.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì đó là Tha tâm trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Lúc này thuộc về phần

vị nào? Đó là đã lìa nhiễm cõi Dục mà tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong hai tâm sau, Hiện quán về Tập-Diệt đều trong bốn tâm. Hiện quán về Đạo trong ba tâm, đạt được hai quả Sa-môn sau, và đã lìa nhiễm cõi Dục, Học-Vô học luyện căn rồi, Pháp trí đã diệt không mất. Nếu Học thì Pháp trí và Tha tâm trí vô lậu đã diệt không mất, sinh vào cõi Vô sắc chưa đạt được quả Vô học. Nếu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là chưa lìa nhiễm cõi Dục mà tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong hai tâm sau, Hiện quán về Tập-Diệt đều trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, đạt được hai quả Sa-môn đầu, và chưa lìa nhiễm cõi Dục, Học luyện căn rồi, nếu Pháp trí đã diệt không mất; nếu Học thì Pháp trí đã diệt không mất, Tha tâm trí vô lậu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất, sinh vào cõi Vô sắc chưa đạt được quả Vô học.

Hỏi: Giả sử thành tựu Tha tâm trí quá khứ thì đó là Pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Câu này như trước nói về cùng thành tựu. Nếu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là các dị sinh, sinh ở cõi Dục đã lìa nhiễm cõi Dục, và sinh ở cõi Sắc. Nếu đã lìa nhiễm cõi Dục mà tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong hai tâm đầu, đạt được hai quả Sa-môn sau, và đã lìa nhiễm cõi Dục, Học-Vô học luyện căn rồi, Pháp trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất. Nếu Học thì Tha tâm trí vô lậu đã diệt không mất, Pháp trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất, sinh vào cõi Vô sắc chưa đạt được quả Vô học.

Hỏi: Nếu thành Pháp trí quá khứ thì đó là Tha tâm trí vị lai chăng?

Đáp: Nếu đã đạt được không mất. Trong này, đã đạt được nghĩa là đã lìa nhiễm cõi Dục, không mất nghĩa là không lui sụt khởi lên nhiễm cõi Dục. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã lìa nhiễm cõi Dục tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong hai tâm sau, Hiện quán về Tập-Diệt đều trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, đạt được hai quả Sa-môn sau, và đã lìa nhiễm cõi Dục, Học-Vô học luyện căn rồi, Pháp trí đã diệt không mất. Nếu người Học ở cõi dục, Pháp trí đã diệt không mất, sinh vào cõi Sắc-Vô sắc chưa đạt được quả Vô học.

Hỏi: Giả sử thành tựu Tha tâm trí vị lai thì đó là Pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Câu này như thứ tự các

phần vị đã nói trước đây. Nếu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là các dị sinh đã đạt được Tha tâm trí không mất. Nếu đã lìa nhiễm cõi Dục tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong hai tâm đầu, đạt được hai quả Sa-môn sau, và đã lìa nhiễm cõi dục, Học-Vô học luyện căn rồi, pháp trí chưa diệt- giả sử diệt rồi mất. Nếu người Học ở cõi Dục, pháp trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất. Nếu người Học ở cõi Dục, Pháp trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất, sinh vào cõi Sắc-Vô sắc, giả sử diệt rồi không mất, sinh vào cõi ấy đạt được quả Vô học.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì đó là Tha tâm trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện rõ ở trước mắt. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đạt được hai quả Sa-môn sau, và đã lìa nhiễm cõi Dục, Học-Vô học luyện căn rồi, Pháp trí đã diệt không mất, Tha tâm trí hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Giả sử thành tựu Tha tâm trí hiện tại thì đó là Pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Câu này như thứ tự các phần vị đã nói trước đây. Nếu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là các dị sinh lúc khởi lên Tha tâm trí thiện rõ ở trước mắt, nếu đạt được hai quả Sa-môn sau, và đã lìa nhiễm cõi dục, Học-Vô học luyện căn rồi, Pháp trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất, mà Tha tâm trí luôn luôn hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì đó là Tha tâm trí quá khứ-hiện tại chăng?

Đáp: Có Pháp trí quá khứ mà không phải là Tha tâm trí quá khứ-hiện tại, đó là pháp trí đã diệt không mất, Tha tâm trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất, không hiện rõ ở trước mắt. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là chưa lìa nhiễm cõi Dục, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong hai tâm sau, Hiện quán về Tập-Diệt đều trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, đạt được hai quả Sa-môn đầu, và chưa lìa nhiễm cõi Dục, Học luyện căn rồi, Pháp trí đã diệt không mất. Nếu Học thì Pháp trí đã diệt không mất, Tha tâm trí vô lậu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất, sinh vào cõi Vô sắc chưa đạt được quả Vô học.

Có Pháp trí quá khứ và Tha tâm trí quá khứ chứ không phải là hiện tại, đó là Pháp trí-Tha tâm trí đã diệt không mất, Tha tâm trí không hiện rõ ở trước mắt.

Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là lìa nhiễm cõi Dục, tiến vào

Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong hai tâm sau, Hiện quán về Tập-Diệt đều trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, đạt được hai quả Sa-môn sau, và đã lìa nhiễm cõi Dục, Học-Vô học luyện căn rồi, Pháp trí đã diệt không mất, Tha tâm trí không hiện rõ ở trước mắt. Nếu Học thì Tha tâm trí vô lậu đã diệt không mất, sinh vào cõi Vô sắc chưa đạt được quả Vô học.

Có Pháp trí quá khứ và Tha tâm trí quá khứ-hiện tại, đó là Pháp trí đã diệt không mất, Tha tâm trí hiện rõ ở trước mắt. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đạt được hai quả Sa-môn sau, và đã lìa nhiễm cõi Dục, Học-Vô học luyện căn rồi, Pháp trí đã diệt không mất, Tha tâm trí hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Giả sử thành tựu Tha tâm trí quá khứ-hiện tại thì đó là Pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Đã diệt không mất thì thành tựu. Câu này như thứ tự các phần vị đã nói trước đây. Nếu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là cá dị sinh lúc khởi lên Tha tâm trí hiện rõ ở trước mắt. Nếu đạt được hai quả Sa-môn sau, và đã lìa nhiễm cõi Dục, Học-Vô học luyện căn rồi, Pháp trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất mà Tha tâm trí luôn luôn hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì đó là Tha tâm trí vị lai-hiện tại chăng?

Đáp: Có Pháp trí quá khứ mà không phải là Tha tâm trí vị lai-hiện tại, đó là Pháp trí đã diệt không mất, chưa đạt được Tha tâm trí, giả sử đạt được rồi mất. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là chưa lìa nhiễm cõi Dục, Hiện quán về Khổ trong hai tâm sau, Hiện quán về Tập-Diệt đều trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, đạt được hai quả Sa-môn đầu, và chưa lìa nhiễm cõi Dục, Học luyện căn rồi, Pháp trí đã diệt không mất.

Có Pháp trí quá khứ và Tha tâm trí vị lai mà không phải là hiện tại, đó là Pháp trí đã diệt không mất, Tha tâm trí đã đạt được không mất, không hiện rõ ở trước mắt. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã lìa nhiễm cõi Dục, tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong hai tâm sau, Hiện quán về Tập-Diệt đều trong bốn tâm, hiện quán về Đạo trong ba tâm, đạt được hai quả Sa-môn sau, và đã lìa nhiễm cõi Dục, Học-Vô học luyện căn rồi, Pháp trí đã diệt không mất, Tha tâm trí không hiện rõ ở trước mắt.

Có pháp trí quá khứ và Tha tâm trí vị lai-hiện tại, đó là Pháp trí đã diệt không mất, Tha tâm trí hiện rõ ở trước mắt, câu này như trước nói

về thành tựu Pháp trí quá khứ và Tha tâm trí hiện tại.

Hỏi: Giả sử thành tựu Tha tâm trí vị lai-hiện tại thì đó là pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Câu này như thứ tự các phần vị đã nói trước đây. Nếu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Câu này như trước nói về thành tựu Tha tâm trí hiện tại, không thành tựu Pháp trí quá khứ.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì đó là Tha tâm trí quá khứ-vị lai chăng?

Đáp: Có Pháp trí quá khứ mà không phải là Tha tâm trí quá khứ-vị lai, đó là pháp trí đã diệt không mất, chưa đạt được Tha tâm trí, giả sử đạt được rồi mất. Câu này như trước nói có Pháp trí quá khứ mà không phải là Tha tâm trí vị lai-hiện tại.

Có Pháp trí quá khứ và Tha tâm trí vị lai chứ không phải là quá khứ, đó là Pháp trí đã diệt không mất, Tha tâm trí đã đạt được không mất, chưa diệt-giả sử diệt rồi mất. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là Học thì Pháp trí đã diệt không mất, Tha tâm trí vô lậu tiêu diệt-giả sử diệt rồi mất, sinh vào cõi Vô sắc chưa đạt được quả Vô học.

Có Pháp trí quá khứ và Tha tâm trí quá khứ-vị lai, đó là Pháp trí-Tha tâm trí đã diệt không mất. Câu này như trước nói về thành tựu Pháp trí-Tha tâm trí quá khứ.

Hỏi: Giả sử thành tựu Tha tâm trí quá khứ-vị lai thì đó Pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Câu này như trước nói giả sử thành tựu Tha tâm trí quá khứ thì đó là pháp trí quá khứ chăng?

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì đó là Tha tâm trí quá khứ-vị lai-hiện tại chăng?

Đáp: Có Pháp trí quá khứ mà không phải là Tha tâm trí quá khứ-vị lai-hiện tại, đó là Pháp trí đã diệt không mất, chưa đạt được Tha tâm trí, giả sử đạt được rồi mất. Câu này như trước nói có Pháp trí quá khứ mà không phải là Tha tâm trí vị lai-hiện tại.

Có Pháp trí quá khứ và Tha tâm trí vị lai chưa không phải là quá khứ-hiện tại, đó là pháp trí đã diệt không mất, Tha tâm trí đã đạt được không mất, chưa diệt-giả sử diệt rồi mất, không hiện rõ ở trước mắt. Câu này như trước nói có Pháp trí quá khứ và Tha tâm trí vị lai chứ không phải là quá khứ.

Có Pháp trí quá khứ và Tha tâm trí quá khứ-vị lai chứ không phải

là hiện tại, đó là Pháp trí-Tha tâm trí đã diệt không mất, Tha tâm trí không hiện rõ ở trước mắt. Câu này như trước nói có Pháp trí quá khứ và Tha tâm trí quá khứ chứ không phải là hiện tại. Có Pháp trí quá khứ và Tha tâm trí quá khứ-vị lai-hiện tại, đó là Pháp trí đã diệt không mất, Tha tâm trí hiện rõ ở trước mắt. Câu này như trước nói có Pháp trí quá khứ và Tha tâm trí quá khứ-hiện tại.

Hỏi: Giả sử thành tựu Tha tâm trí quá khứ-vị lai-hiện tại thì đó là Pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, nếu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Câu này như trước nói giả sử thành tựu Tha tâm trí quá khứ và hiện tại thì đó là Pháp trí quá khứ chăng?

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì đó là Thế tục trí quá khứ chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Bởi vì Thế tục trí quá khứ-vị lai thì tất cả hữu tình đều thành tựu. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong hai tâm sau, Hiện quán về Tập-Diệt đều trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, nếu Pháp trí đã diệt không mất.

Hỏi: Giả sử thành tựu Thế tục trí quá khứ thì đó là Pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Câu này như thứ tự đã nói trước đây. Nếu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là tất cả dị sinh, nếu đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong hai tâm đầu, đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, Pháp trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì đó là Thế tục trí vị lai chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Câu này như trước nói Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì đó là Thế tục trí quá khứ chăng?

Hỏi: Giả sử thành tựu Thế tục trí vị lai thì đó là Pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu, nếu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Câu này như trước nói giả sử thành tựu Thế tục trí quá khứ thì đó là Pháp trí quá khứ chăng?

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì đó là Thế tục trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện rõ ở trước mắt, nghĩa là nếu không khởi lên các Tuệ vô lậu, không phải là phần vị không có tâm thì trí này nhất định hiện rõ trước mắt. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đạt được bốn quả Sa-môn và Học-Vô học luyện căn rồi, nếu Pháp trí đã diệt không mất, thì lúc ấy khởi lên Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Giả sử thành tựu Thế tục trí hiện tại thì đó là Pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Câu này như thứ tự các phần vị đã nói trước đây. Nếu chưa diệt, giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là tất cả dị sinh, nếu đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, Pháp trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất, thì lúc ấy khởi lên Thế tục trí hiện rõ ở trước mắt. Văn còn lại dựa theo trước nên biết về tướng ấy.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì đó là Khổ trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong hai tâm sau, Hiện quán về Tập-Diệt đều trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, nếu Pháp trí-Khổ trí đã diệt không mất thì thành tựu. Nếu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, nếu không phải là Khổ pháp trí đã diệt không mất, thì Khổ trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất.

Hỏi: Giả sử thành tựu Khổ trí quá khứ thì đó là Pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Câu này như trước nói thành tựu Pháp trí-Khổ trí quá khứ. Nếu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đạt được bốn quả Sa-môn, Học-Vô học luyện căn rồi, nếu Khổ loại trí đã diệt không mất, thì Pháp trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất là không thành tựu.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì đó là Khổ trí vị lai chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Bởi vì nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì nhất định thành tựu Khổ trí vị lai. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tánh ly sinh, Hiện quán về Khổ trong hai tâm sau, Hiện quán về Tập-Diệt đều trong bốn tâm, Hiện quán về Đạo trong ba tâm, đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, nếu Pháp trí

đã diệt không mất thì thành tựu.

Hỏi: Giả sử thành tựu Khổ trí vị lai thì đó là Pháp trí quá khứ chăng?

Đáp: Nếu đã diệt không mất thì thành tựu. Câu này như thứ tự các phần vị đã nói trước đây. Nếu chưa diệt-giả sử diệt rồi mất thì không thành tựu. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tành ly sinh, Hiện quán về Khổ trong một tâm, nghĩa là lúc Khổ pháp trí, đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-Vô học luyện căn rồi, Pháp trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất.

Hỏi: Nếu thành tựu Pháp trí quá khứ thì đó là Khổ trí hiện tại chăng?

Đáp: Nếu hiện rõ ở trước mắt, nghĩa là nếu không khởi lên các Nhẫn của trí khác, không phải là phần vị không có tâm thì trí này nhất định hiện rõ trước mắt. Lúc này thuộc về phần vị nào? Đó là đã tiến vào Chánh tành ly sinh, Hiện quán về Khổ trong một tâm, nghĩa là lúc Khổ loại trí đạt được bốn quả Sa-môn, và Học-vô học luyện căn rồi, Pháp trí chưa diệt-giả sử diệt rồi mất, mà Khổ trí luôn luôn hiện rõ ở trước mắt. Văn còn lại dựa theo trước nên biết về tướng ấy.

Như Pháp trí đối với các trí sau làm thành bảy câu nhỏ, cho đến Diệt trí đối với Đạo trí, tùy theo sự thích hợp làm thành bảy câu nhỏ cũng như vậy, nghĩa là như Pháp trí đối với các trí sau như Loại trí... làm thành bảy câu nhỏ, như vậy Loại trí đối với các trí sau như Tha tâm trí..., cho đến Diệt trí đối với Đạo trí về sau, nên biết cũng như vậy.

Như bảy câu nhỏ, bảy câu lớn cũng như vậy, nghĩa là như tám trí trước đây đối với các trí sau làm thành bảy câu nhỏ, như vậy tám trí trước đây đối với các trí sau làm thành bảy câu lớn, nên biết cũng như vậy.

Có sự sai biệt là dùng hai-hoặc là nhiều để đối với một, hoặc là dùng một để đối với hai-hoặc là nhiều, nghĩa là trong bảy câu nhỏ trước đây nhất định dùng một đối với một, nay trong bảy câu lớn hoặc là dùng hai-hoặc nhiều để đối với một, hoặc là dùng một để đối với hai-hoặc là nhiều. Đó gọi là sự sai biệt giữa bảy câu nhỏ và bảy câu lớn.

Như quá khứ làm đầu có bảy câu, vị lai cho đến quá khứ-vị lai hiện tại làm đầu cũng đều có bảy câu, như sự thích hợp nên biết, nghĩa là như Pháp trí quá khứ... làm đầu để hỏi về Loại trí ba đời, đều có bảy câu nhỏ-lớn sai biệt, như vậy Pháp trí vị lai... làm đầu để hỏi về Loại trí ba đời..., cho đến Pháp trí quá khứ-vị lai-hiện tại... làm đầu để hỏi về Loại trí ba đời..., cũng đều có bảy câu nhỏ-lớn sai biệt, đều như sự thích

hợp nên biết về tướng ấy.

Trong này, Nhất Hành (chuyên về một sự việc) trải qua sáu câu-bảy câu nhỏ và bảy câu lớn, nghĩa đều có sự sai biệt, chương Kiết Uẩn trước đã nói nhiều, nên biết!



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 112

CHƯƠNG IV: NGHIỆP UẨN

Phẩm Thứ Nhất: LUẬN VỀ ÁC HÀNH

LUẬN VỀ ÁC HÀNH (Phần 1)

Ba hành ác-ba căn bất thiện, là trước thâm nhiếp sau hay là sau thâm nhiếp trước? Các chương như vậy và giải thích về nghĩa từng chương, đã lĩnh hội rồi, tiếp theo nên giải thích rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: “Có ba hành ác-ba căn bất thiện.” Trong kinh tuy nói ra điều này mà không giải thích rộng ra, cũng không nói là ba hành ác thâm nhiếp ba căn bất thiện, hay là ba căn bất thiện thâm nhiếp ba căn hành ác. Kinh là căn bản của luận này, điều gì trong kinh chưa giải thích thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Ba hành ác, đó là hành ác của thân, hành ác của ngữ, hành ác của ý. Thế nào là hành ác của thân...? Như Đức Thế Tôn nói: “Thế nào là hành ác của thân? Đó là sát sinh-trộm cắp và tà dâm. Thế nào là hành ác của ngữ? Đó là nói dối trá-nói chia rẽ-nói hung ác-nói dơ bẩn. Thế nào là hành ác của ý? Đó là tham dục-sân giận và tà kiến.”

Nên biết trong này Đức Thế Tôn chỉ nói đến hành ác do nghiệp đạo căn bản thâm nhiếp, chứ không nói đến hành ác do nghiệp đạo gia hạnh về sau dấy khởi thâm nhiếp. Trong luận Phát Trí này nói chung về tất cả thân nghiệp bất thiện, hoặc là do nghiệp đạo thâm nhiếp, hoặc không phải là do nghiệp đạo thâm nhiếp, như vậy tất cả gọi là hành ác của thân; nói chung về tất cả ngữ nghiệp bất thiện, hoặc là do nghiệp đạo thâm nhiếp, hoặc không phải là do nghiệp đạo thâm nhiếp, như vậy

tất cả gọi là hành ác của ngũ; nói chung về tất cả ý nghiệp bất thiện, hoặc là do nghiệp đạo thâm nhiếp, hoặc không phải là do nghiệp đạo thâm nhiếp, như vậy tất cả gọi là hành ác của ý.

Như các hành ác thâm nhiếp trong luận này, luận Tập Dị Môn cũng đưa ra cách nói này, bởi vì luận ấy nói: “Thế nào là hành ác của thân? Đó là sát sinh-trộm cắp và tà dâm.” Như vậy đã nói tùy thuận trong kinh. Lại nói: “Lại nữa, sát sinh-trộm cắp-phi phạm hạnh.” Như vậy lại thâm nhiếp những điều trước đây không thâm nhiếp, đối với vợ mình đã khởi lên hành động dâm dục. Lại nói: “Có thân nghiệp bất thiện khác.: như vậy lại thâm nhiếp tất cả nghiệp đạo gia hạnh sau khi dấy khởi. Lại nói: “Có các quả báo khác do phi lý mà dẫn dắt thân nghiệp.”

Hỏi: Thế nào là do phi lý mà dẫn dắt thân nghiệp, do trước chưa thâm nhiếp mà nay lại thâm nhiếp chăng?

Đáp: Trước nói về tự tánh, nay nói về cùng dấy khởi. Lúc này do điều gì mà cùng dấy khởi? Đó là tác ý phi lý.

Lại có người nói: Đây là tất cả thân nghiệp hữu phú vô ký, và một phần thân nghiệp vô phú vô ký. Tất cả thân nghiệp hữu phú vô ký, đó là địa Tĩnh lự thứ nhất do yêu thích nịnh bợ... mà dấy khởi. Một phần thân nghiệp vô phú vô ký, đó là cần phải qua lại như vậy, đi đứng như vậy, ngồi nằm như vậy, cắt may như vậy, khâu đan như vậy, mà không qua lại-đi đứng cho đến khâu đan như vậy, những thân nghiệp này làm mà không thuận với việc làm, không hợp với lý cho nên thâm nhiếp ở trong phẩm do phi lý mà dẫn dắt, vì vậy gọi là hành ác của thân.

Nếu đưa ra cách nói này, thì hành ác của thân bao gồm bất thiện-vô ký-cõi Dục-cõi Sắc, nhưng hành ác chỉ là bất thiện-chỉ thuộc cõi Dục. Vì vậy cách nói trước là hợp lý.

Vả lại, luận ấy nói: “Thế nào là hành ác của ngũ? Đó là nói đến đối trá-nói chia rẽ-nói hung ác-nói dơ bẩn.” Như vậy đã nói tùy thuận trong kinh. Lại nói: “Có ngũ nghiệp bất thiện khác.” Như vậy lại thâm nhiếp tất cả nghiệp đạo gia hạnh sau khi dấy khởi. Lại nói: “Có các quả báo khác do phi lý mà dẫn dắt ngũ nghiệp.”s

Hỏi: Thế nào là do phi lý mà dẫn dắt ngũ nghiệp, do trước chưa thâm nhiếp mà nay lại thâm nhiếp chăng?

Đáp: Trước nói về tự tánh, nay nói về cùng dấy khởi. Lúc này do điều gì mà cùng dấy khởi? Đó là tác ý phi lý.

Lại có người nói: Đây là tất cả ngũ nghiệp hữu phú vô ký, và một phần ngũ nghiệp vô phú vô ký. Tất cả ngũ nghiệp hữu phú vô ký, đó

là địa Tĩnh lự thứ nhất do yêu thích nịnh bợ... mà dấy khởi. Một phần ngữ nghiệp vô phú vô ký, đó là cần phải nói một lời-hai lời-nhiều lời, lời của nam-lời của nữ-lời không phải nam nữ-lời quá khứ-vị lai-hiện tại, mà không nói một lời cho đến lời quá khứ-vị lai-hiện tại như vậy, những ngữ nghiệp này nói mà không hợp với lời nói, không hợp với lý cho nên thâm nhiếp ở trong phẩm do phi lý mà dẫn dắt, vì vậy gọi là hành ác của ngữ.

Nếu đưa ra cách nói này, thì hành ác của ngữ bao gồm bất thiện-vô ký-cõi Dục-cõi Sắc, nhưng hành ác chỉ là bất thiện, chỉ thuộc cõi Dục, vì vậy cách nói trước là hợp lý.

Và lại, luận ấy nói: “Thế nào là hành ác của ý? Đó là tham dục-sân giận và tà kiến.” Như vậy đã nói tùy thuận trong kinh. Lại có: “Có nghiệp bất thiện khác.” Như vậy lại thâm nhiếp những suy nghĩ bất thiện. Lại nói: “Có những quả báo khác do phi lý mà dẫn dắt nghiệp.”

Hỏi: Thế nào là do phi lý mà dẫn dắt ý nghiệp, do trước chưa thâm nhiếp mà nay lại thâm nhiếp chăng?

Đáp: Trước nói về tự tánh, nay nói về cùng dấy khởi. Lúc này do điều gì mà cùng dấy khởi? Đó là tác ý phi lý.

Lại có người nói: Đây là tất cả ý nghiệp hữu phú vô ký, và một phần ý nghiệp vô phú vô ký, gọi là do phi lý mà dẫn dắt ý nghiệp. Tất cả ý nghiệp hữu phú vô ký do phi lý mà dẫn dắt, đó là ý nghiệp tương ứng với Hữu thân kiến-Biến chấp kiến của cõi Dục, và ý nghiệp tương ứng với tất cả phiền não của cõi Sắc-Vô sắc. Một phần ý nghiệp vô phú vô ký do phi lý mà dẫn dắt, đó là các ý nghiệp dấy khởi như trước nói, thân nghiệp- ngữ nghiệp vô phú vô ký do phi lý mà dẫn dắt.

Nếu đưa ra cách nói này, thì hành ác của ý bao gồm bất thiện và vô ký, lại bao gồm ba cõi, nhưng hành ác chỉ là bất thiện, chỉ thuộc cõi Dục, vì thế cho nên cách nói trước là hợp lý.

Như luận Phát Trí, luận Tập Dị Môn thâm nhiếp hành ác của thân và hành ác của ngữ, trong luận Thi Thiết đã nói cũng như vậy, chỉ trừ ra hành ác của ý mà luận ấy nói là có sự thâm nhiếp riêng.

Hỏi: Là ba hành ác của thân thâm nhiếp tất cả hành ác của thân, hay là tất cả hành ác của thân thâm nhiếp ba hành ác của thân?

Đáp: Tất cả thâm nhiếp ba chứ không phải là ba thâm nhiếp tất cả. Không thâm nhiếp điều gì? Đó là không phải giết hại mạng sống, mà dùng tay-gậy... để đánh đập hữu tình, và không phải tà hạnh, bởi vì đối với những hạnh thích hợp mà làm thành hạnh bất tịnh; khởi lên các nghiệp phóng túng như uống rượu..., bởi vì không nhận biết đúng đắn

mà suy nghĩ sai lạc, thọ dụng các thứ đồ ăn thức uống..., và không thể nào tránh khỏi những sự việc phạm giới. Những thân nghiệp đã khởi lên như vậy không phải là do ba hành ác đã thâm nhiếp.

Hỏi: Những sự việc phạm giới thì vô lượng, làm sao có thể tránh được, tuy là rời bỏ điều này mà lại tiếp cận với điều kia?

Đáp: Ở mọi nơi đều có, muốn lìa bỏ thật là khó, có thể không nhiếp theo, thì đó là thật sự tránh được. Vì vậy có người nói: Thân tuy ở xa mà thuận theo cách nói ấy, thì gọi là gần gũi; thân tuy ở gần mà không thuận theo thói quen ấy, thì gọi là rời xa.

Hỏi: Là bốn hành ác của ngũ thâm nhiếp tất cả hành ác của ngũ, hay là tất cả hành ác của ngũ thâm nhiếp bốn hành ác của ngũ?

Đáp: Tất cả thâm nhiếp bốn chứ không phải là bốn thâm nhiếp tất cả. Không thâm nhiếp là sao? Đó là như có một người, một mình ở nơi vắng lặng trống trải, dấy lên nói như vậy: Không có bố thí, không có yêu thương, không có thờ cúng. Hành ác của ngũ như vậy, hữu tình thế gian không phát sinh hiểu biết, không phải là do bốn hành ác thâm nhiếp.

Hỏi: Là ba hành ác của ý thâm nhiếp tất cả hành ác của ý, hay là tất cả hành ác của ý thâm nhiếp ba hành ác của ý?

Đáp: Tất cả thâm nhiếp ba chứ không phải là ba thâm nhiếp tất cả. Không thâm nhiếp thế nào? Đó là tham dục-sân giận-tà kiến, cùng phát sinh Thọ-Tưởng-Hành-Thức, không phải là do ba ác hành thâm nhiếp. Trong luận ấy, ác hành của ý thâm nhiếp tự tánh của bốn Uẩn, như vậy thì thiết tự tánh của năm Unã làm các hành ác.

Hỏi: Luận Phát Trí này, luận Tập Dị Môn và trong kinh Phật, cùng với luận Thi Thiết thâm nhiếp các hành ác, tại sao không giống nhau?

Đáp: Dựa vào hai loại mà nói về các hành ác:

1. Dựa vào thế tục.
2. Dựa vào thắng nghĩa.

Đó là trong kinh Phật và luận Thi Thiết dựa vào phần thế tục mà nói về các hành ác; luận Phát Trí này và luận Tập Dị Môn, dựa vào phần thắng nghĩa mà nói về các hành ác. Như dựa vào thế tục-thắng nghĩa mà phân biệt, như vậy dựa vào nghĩa không rõ ràng-nghĩa rõ ràng, có ý nghĩa riêng biệt-không có ý nghĩa riêng, có nhân duyên khác-không có nhân duyên khác, Hiện quán về thế tục đế-Hiện quán về thắng nghĩa đế..., nên biết cũng như vậy.

Lại có người nói: Bởi vì ba duyên cho nên thâm nhiếp không giống nhau:

1. Bởi vì tự tánh.
2. Bởi vì xen tạp với nhau.
3. Bởi vì thế gian chê trách.

Luận Phát Trí này và luận Tập Dị Môn, nói đến tự tánh ấy; trong luận Thi Thiết nói về sự xen tạp với nhau, nếu pháp tuy không phải là tự tánh của hành ác, mà cùng với hành ác hòa lẫn hỗn tạp nhau, cho nên cũng mang lấy tên gọi ấy. Ở trong kinh nói về thế gian chê trách, bởi vì các thế gian phần nhiều phát sinh chê trách đối với nghiệp đạo căn bản, chứ không phải là đối với gia hạnh sau khi đầy khởi nghiệp đạo. Bởi vì duyên này cho nên kinh-luận thâm nhiếp các hành ác không giống nhau. Như vậy gọi là tự tánh của hành ác.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói về nguyên cố.

Hỏi: Vì sao gọi là hành ác, hành ác có nghĩa gì?

Đáp: Đáng chán ngán hủy bỏ cho nên gọi là ác, thường xuyên thực hiện dựa vào nơi chốn cho nên gọi là hành.

Đáng chán ngán hủy bỏ cho nên gọi là ác, như có người nói: Vợ con xấu xa, ăn mặc xấu xa, người xấu xa-nơi chốn xấu xa-qua lại xấu xa...

Thường xuyên thực hiện dựa vào nơi chốn cho nên gọi là hành, đó là giết hại mạng sống-nói lời thô ác và sân giận, thực hiện ở nơi hữu tình; không cho mà lấy-ham muốn tà hạnh và tham dục, thực hiện ở nơi vật dụng tiền của; nói lời dối trá-nói lời chia rẽ và nói lời dơ bẩn, thực hiện ở nơi tên gọi; tà kiến, thực hiện ở nơi danh sắc.

Lại có người nói: Cảm lấy quả nhận chịu khổ đau cho nên gọi là ác, chuyển động nhanh chóng sắc bén cho nên gọi là hành.

Hỏi: Chìm trong các điều ác sao nói là nhanh chóng sắc bén?

Đáp: Những hành ác ấy có sự khéo léo tài tình như vậy, tuy thực hiện điều ác mà làm cho thế gian không biết rõ điều ác ấy, cho nên gọi là nhanh chóng sắc bén.

Lại có người nói: Thói quen gần gũi người ác cho nên có thể dẫn dắt nẻo ác, vì vậy gọi là hành ác.

Lại có người nói: Có ba nhân duyên cho nên gọi là hành ác, đó là do suy nghĩ ác mà suy nghĩ, do lời nói ác mà nói ra, do việc làm ác mà gây ra. Do suy nghĩ ác mà suy nghĩ, đó là hành ác của ý; do lời nói ác mà nói ra, đó là hành ác của ngữ; do việc làm ác mà gây ra, đó là hành ác của thân.

Lại có người nói: Có ba nhân duyên cho nên gọi là hành ác, đó là bởi vì nghĩa gây ra điều ác, bởi vì đáng chán ngán hủy bỏ, bởi vì quyết

định luôn luôn cảm lấy quả không yêu thích. Nghĩa gây ra điều ác, là thực hiện các hành ác của thân-ngữ và ý, cho nên gọi là hành ác. Đáng chán ngán hủy bỏ, đó là thực hiện các hành ác vi phạm hủy hoại giới luật, thường bị chư Thiên-Đại sư-người có trí-người cùng phạm hạnh chán ghét rời bỏ. Quyết định luôn luôn cảm lấy quả không yêu thích, đó là các hành ác của thân-ngữ-ý vốn có, không có nơi nào-không có lẽ nào có thể cảm lấy quả đáng yêu thích, mà có nơi chốn-có khả năng cảm lấy quả không yêu thích.

Luận Tập Dị Môn cũng đưa ra cách nói này: “Có nhân duyên gì mà gọi là hành ác? Đó là việc làm ấy có thể cảm lấy quả không yêu thích-không vừa lòng-không như ý.” Đây là hiển bày về quả Đẳng lưu. Lại nói: “Có thể cảm lấy dị thực không yêu thích-không vừa lòng-không như ý.” Đây là hiển bày về quả Dị thực.

Ba căn bất thiện, đó là tham-sân và si.

Hỏi: Ba căn này lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Căn bất thiện Tham có năm, tức là Ái hệ thuộc cõi Dục do năm Bộ mà đoạn; căn bất thiện Sân có năm, tức là Nhuế do năm Bộ mà đoạn; căn bất thiện Si có năm, tức là toàn phần Vô minh hệ thuộc cõi Dục do kiến Tập-Diệt-Đạo và tu mà đoạn, cùng một phần do kiến Khổ mà đoạn. Nhưng Vô minh do kiến Khổ mà đoạn có mười loại, trong này trừ ra loại tương ứng với Hữu thân kiến-Biên chấp kiến, chọn lấy Vô minh còn lại cho nên nói là một phần. Mười lăm pháp này chỉ là bất thiện, sinh ra tất cả pháp bất thiện, cho nên gọi là căn bất thiện. Ba căn này đều tương ứng với sáu Thức thân. Đó gọi là tự tánh của ba căn bất thiện.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cố.

Hỏi: Vì sao gọi là căn bất thiện, căn bất thiện có nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa có thể sinh ra bất thiện là nghĩa của căn bất thiện; nghĩa có thể nuôi giữ bất thiện, nghĩa có thể tăng thêm bất thiện, nghĩa có thể phát triển bất thiện, nghĩa có thể thêm nhiều bất thiện, nghĩa có thể giữ gìn bất thiện, nghĩa có thể làm cho bất thiện lan rộng khắp nơi, là nghĩa của căn bất thiện.

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Nghĩa về các nhân bất thiện là nghĩa của căn bất thiện; nghĩa về các chủng tử bất thiện, nghĩa về cùng dấy khởi bất thiện, nghĩa có thể làm nhân thay đổi dẫn đến bất thiện, nghĩa làm nhân thay đổi theo sinh ra bất thiện, nghĩa thâm nhiếp thêm tất cả pháp bất thiện, là nghĩa của căn bất thiện.”

Đại đức nói rằng: “Nương tựa vào pháp này khắp nơi có thể sinh

trường các pháp bất thiện, có thể làm cho nhân thay đổi, làm cho nhân thay đổi theo, thâm nhiếp thêm nhiều bất thiện, cho nên gọi là căn bất thiện.”

Hỏi: Nếu nghĩa về nhân bất thiện là nghĩa của căn bất thiện, thì ngay nơi năm Uẩn bất thiện của đời trước, làm nhân cho tất cả năm Uẩn bất thiện đã sinh-chưa sinh của đời sau; mười nghiệp đạo bất thiện của đời trước, làm nhân cho tất cả mười nghiệp đạo bất thiện đã sinh-chưa sinh của đời sau; ba mươi bốn phẩm tùy miên câu sinh bất thiện của đời trước, làm nhân cho tất cả ba mươi bốn phẩm tùy miên câu sinh bất thiện đã sinh-chưa sinh của đời sau. Như vậy tất cả pháp bất thiện đều nên gọi là căn bất thiện, ba loại như vậy có nhân duyên bất cộng thù thắng nào, mà Đức Thế Tôn chỉ thiết lập làm căn bất thiện?

Đáp: Đây là Đức Thế Tôn có cách nó khác, Đại Sư quán xét tâm hành-ý nguyện-ưa thích của hữu tình đã cảm hóa kia, giản lược mà nói cho rõ ràng.

Hiếp Tôn Giả nói: “Chỉ riêng Phật Thế Tôn hiểu rõ ràng tận cùng tướng của các pháp, cũng biết rõ về thế dụng của các pháp, chứ không phải là người khác mà biết được. Nếu pháp có tướng của căn bất thiện thì thuận theo mà thiết lập, không có tướng của căn bất thiện thì không thiết lập.”

Tôn giả Diệu Âm cũng đưa ra cách nói này: “Đại Sư biết ba căn bất thiện này, có thế dụng như vậy, mạnh mẽ như vậy, gần gũi như vậy, luôn luôn làm nhân cho tất cả bất thiện; trừ ra căn bất thiện này, pháp bất thiện còn lại thì không có sự việc như vậy.”

Lại có người nói: Ba loại như vậy, có thể sinh ra tất cả các pháp bất thiện, khó đoạn-khó diệt-khó vượt qua, vì vậy chỉ thiết lập chúng làm ba căn bất thiện.

Lại có người nói: Ba loại như vậy, có nhiều những lỗi lầm tai họa, đó là sinh ra rất nhiều buồn lo khổ sở của tất cả pháp hiện tại và pháp đời sau, vì vậy chỉ thiết lập chúng làm ba căn bất thiện.

Lại có người nói: Ba loại như vậy, là chướng ngại nhất đối với sự thoát khỏi cõi Dục, như cai ngục khỏe mạnh canh giữ cửa ngục, vì vậy chỉ thiết lập chúng làm ba căn bất thiện.

Lại có người nói: Ba loại như vậy, ở trong bất thiện là thù thắng nhất, là đứng đầu tất cả, đi phía trước-dẫn dắt phía trước, như tướng quân mạnh nhất dẫn dắt tất cả, căn bất thiện này bởi vì lực tăng thượng, có thể làm cho tất cả bất thiện tăng thêm nhiều, vì vậy chỉ thiết lập chúng làm ba căn bất thiện.

Lại có người nói: Ba loại như vậy, làm kẻ thù chướng ngại đối trị gần với ba căn thiện, cho nên chỉ thiết lập chúng làm ba căn bất thiện.

Lại có người nói: Ba loại như vậy, luôn luôn làm nhân-làm căn-làm mắt-làm tập-làm duyên cho tất cả bất thiện, phát khởi tất cả các pháp bất thiện, chướng ngại tất cả các pháp công đức, là thù thắng nhất trong các pháp bất thiện, cho nên chỉ thiết lập chúng làm ba căn bất thiện.

Lại có người nói: Ba loại như vậy, thâm nhiếp tất cả các pháp bất thiện khắp nơi, đó là các bất thiện, hoặc là phẩm tham, hoặc là phẩm si, vì vậy chỉ thiết lập chúng làm ba căn bất thiện.

Vả lại, ba loại này đầy đủ năm nghĩa, đó là bao gồm năm Bộ, có mặt khắp sáu Thức, là tánh tùy miên, có thể dấy khởi thân nghiệp-ngữ nghiệp thọ ác, làm gia hạnh vững mạnh đoạn mất căn thiện, vì vậy chỉ thiết lập chúng làm ba căn bất thiện. Bao gồm năm Bộ là ngăn chặn năm Kiến-Nghi; có mặt khắp sáu Thức là ngăn chặn các Mạn của nó; là tánh tùy miên thì ngăn chặn Triền-Cấu...; có thể dấy khởi thân nghiệp-ngữ nghiệp thọ ác, làm gia hạnh vững mạnh đoạn mất căn thiện, là hiển bày rõ ràng về nghĩa của căn.

Vả lại, năm nghĩa này ngăn chặn tất cả các pháp để thành lập về nghĩa của căn, đó là pháp không nhiễm ô có khắp nơi sáu Thức, không có bốn nghĩa còn lại; Sắc uẩn nhiễm ô hoàn toàn không có năm nghĩa; Thọ uẩn-Tưởng uẩn nhiễm ô và trừ ra phiền não Triền-Cấu, những Hành uẩn nhiễm ô tương ứng còn lại, tuy bao gồm năm Bộ-cũng phủ khắp sáu Thức, mà không phải là gia hạnh vững mạnh đoạn mất căn thiện; tất cả Hành uẩn nhiễm ô không tương ứng, tuy bao gồm năm Bộ mà không có bốn nghĩa còn lại. Trong Thức uẩn nhiễm ô, năm Thức như Nhân... hoàn toàn không có năm nghĩa, Ý thức bao gồm năm Bộ, cũng có thể dấy khởi thân nghiệp-ngữ nghiệp thọ ác, mà không có ba nghĩa còn lại. Năm kiến và Nghi trong mười phiền não, có tánh tùy miên chứ không có bốn nghĩa còn lại; Mạn bao gồm năm Bộ, là tánh tùy miên, có thể dấy khởi thân nghiệp và ngữ nghiệp thọ ác, mà không có hai nghĩa còn lại. Ở trong mười Triền, hôn trầm-trạo cử-vô tầm-vô quý tuy bao gồm năm Bộ, cũng phủ khắp sáu Thức, mà không phải là tánh tùy miên, tuy khởi lên thân nghiệp-ngữ nghiệp thọ ác mà không phải là gia hạnh vững mạnh đoạn mất căn thiện; một loại thùy miên tuy bao gồm năm Bộ mà không có bốn nghĩa còn lại; năm Triền còn lại, tuy khởi lên thân nghiệp-ngữ nghiệp thọ ác mà không có bốn nghĩa khác. Sáu phiền não Cấu, tuy cũng có lúc có thể khởi lên thân nghiệp-ngữ

nghiệp thô ác mà không có bốn nghĩa còn lại. Chỉ riêng tham-sân-si, đầy đủ năm nghĩa chứ không phải là pháp nào khác, cho nên chỉ thiết lập chúng làm ba căn bất thiện.

Vả lại, ba loại này phần nhiều đui theo-tăng theo đối với ba Thọ, vì vậy chỉ thiết lập chúng làm ba căn bất thiện.

Vả lại, ba loại này phần nhiều hiện khởi ở hữu tình cõi Dục, có thể phát khởi mười loại nghiệp đạo bất thiện, sinh vào mười nơi chốn xấu ác, cho nên chỉ thiết lập chúng làm ba căn bất thiện.

Ba loại như vậy bao gồm năm Bộ, cùng với sáu Thức đồng thời khởi lên các phẩm bất thiện làm căn. Trong này, phẩm tương ứng với tham, bởi vì hai căn cho nên nói là có căn, đó là tham và Vô minh tương ứng với nó; phẩm tương ứng với sân cũng có hai căn cho nên nói là có căn, đó là sân và Vô minh tương ứng với nó; trừ hai loại này ra, những phẩm tâm bất thiện khác, bởi vì một căn cho nên nói là có căn, đó gọi là Vô minh.

Hỏi: Đức Thế Tôn ở khắp mọi nơi nói về căn không giống nhau, nghĩa là có lúc nói Hữu thân kiến-Biên chấp kiến là căn, có lúc nói Thế Tôn là căn, có lúc nói Lạc dục là căn, có lúc nói không phóng dật là căn, có lúc nói tự tánh là căn, như vậy đều có nghĩa gì?

Đáp: Hữu thân kiến-Biên chấp kiến, bởi vì có thể phát khởi sáu mươi hai kiến, cho nên nói là căn. Đức Thế Tôn có năng lực nói về pháp tạp nhiễm và thanh tịnh, ràng buộc và giải thoát, sinh tử và Niết-bàn, phát khởi Chánh giáo cho nên nói là căn. Lạc dục có thể dẫn dắt tất cả pháp thiện, cho nên nói là căn. Không phóng dật, thâm nhiếp giữ gìn tất cả pháp thiện đã tu, khiến cho không phân tán mất đi, cho nên nói là căn. Tự tánh có thể duy trì tự Thể không mất đi, cho nên nói là căn. Vô vi như vậy, có thể duy trì tự Thể, cho nên nói là căn, cũng không có gì sai.

Lại có người nói: Là nhân Đồng loại duy trì quả Đẳng lưu, hoặc là do tánh của nhân Đồng loại mà duy trì, cho nên tự tánh hữu vi gọi là căn.

Lại có người nói: Do lực của nhân Tương ứng-Câu hữu duy trì, cho nên tự tánh hữu vi gọi là căn; tên gọi có thể biểu hiện rõ ràng tự tánh các pháp, cho nên cũng nói đó là căn của tự tánh. Tham-sân-si này có thể sinh ra-có thể nuôi lớn các pháp bất thiện, cho nên nói là căn. Ba căn bất thiện như chương Kiết Uẩn nói rộng ra.

Đã nói về tự tánh của ba hành ác-ba căn bất thiện, nay sẽ biểu hiện rõ ràng về tướng xen tạp và không xen tạp.

Hỏi: Ba hành ác-ba căn bất thiện là trước thân nhiếp sau, hay là sau thân nhiếp trước?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc hành ác mà không phải là căn bất thiện, đó là hành ác của thân-ngữ, tà kiến-tư bất thiện, bởi vì loại này chỉ có tướng của hành ác, chứ không có tướng của căn bất thiện.

2. Có lúc căn bất thiện mà không phải là hành ác, đó là căn bất thiện Si, bởi vì loại này chỉ có tướng của căn bất thiện, chứ không có tướng của hành ác.

3. Có lúc hành ác cũng là căn bất thiện, đó là căn bất thiện Tham-dục-Sân nhuế, bởi vì loại này có đủ tướng của hai loại.

4. Có lúc không phải là hành ác cũng không phải là căn bất thiện, đó là trừ những tướng trước. Tướng là thuộc về tên gọi, trừ ra tên gọi trong ba câu trước đã hiển bày về nghĩa, các pháp còn lại làm thành câu thứ tư. Nghĩa là trong Sắc uẩn, trừ ra Sắc bất thiện chọn lấy Sắc uẩn còn lại; ở trong Hành uẩn, trừ ra ba căn bất thiện, tà kiến bất thiện và tư bất thiện, chọn lấy Hành uẩn-không tương ưng còn lại, và ba Uẩn toàn phần, cùng với pháp vô vi, như vậy tất cả làm thành câu thứ tư, cho nên nói đó là trừ những tướng trước.

Lại nữa, đối với nhãn thức trong phẩm bất thiện câu sinh của Tham, hoặc là có hành ác mà không phải là căn bất thiện, nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc hành ác mà không phải là căn bất thiện, đó là tư bất thiện.

2. Có lúc căn bất thiện mà không phải là hành ác, đó là căn bất thiện Si.

3. Có lúc hành ác cũng là căn bất thiện, đó là căn bất thiện Tham.

4. Có lúc không phải là hành ác cũng không phải là căn bất thiện, đó là trừ những tướng trước.

Như đối với Nhãn thức làm thành bốn câu phân biệt, cho đến đối với Ý thức cũng như vậy. Như đối với phẩm bất thiện câu sinh của Tham làm thành sáu lượt bốn câu phân biệt, đối với phẩm câu sinh của sân cũng như vậy.

Ở trong phẩm bất thiện câu sinh của Tà kiến, chỉ có Ý địa cho nên làm thành một lượt bốn câu phân biệt:

1. Có lúc hành ác mà không phải là căn bất thiện, đó là Tà kiến và tư bất thiện.

2. Có lúc căn bất thiện mà không phải là hành ác, đó là căn bất thiện Si.

3. Có lúc hành ác cũng là căn bất thiện thì không có.

4. Có lúc không phải là hành ác cũng không phải là căn bất thiện, đó là trừ những tướng trước.

Ở trong phẩm bất thiện câu sinh của Vô minh bất cộng, bởi vì cũng chỉ có Ý địa cho nên làm thành một lượt bốn câu phân biệt:

1. Có lúc hành ác mà không phải là căn bất thiện, đó là tư bất thiện.

2. Có lúc căn bất thiện mà không phải là hành ác, đó là căn bất thiện Si.

3. Có lúc hành ác cũng là căn bất thiện thì không có.

4. Có lúc không phải là hành ác cũng không phải là căn bất thiện, đó là trừ những tướng trước.

Ba hành diệu-ba căn thiện, là trước thâm nhiếp sau, hay là sau thâm nhiếp trước? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: “Có ba hành diệu-ba căn thiện.” Trong kinh tuy nói ra điều này mà không giải thích rộng ra, nói rộng ra như trước.

Ba hành diệu, đó là hành diệu của thân, hành diệu của ngữ, hành diệu của ý. Thế nào là hành diệu của thân...? Như Đức Thế Tôn nói: “Thế nào là hành diệu của thân? Đó là lìa bỏ sát sinh, lìa bỏ trộm cắp, lìa bỏ tà dâm. Thế nào là hành diệu của ngữ? Đó là lìa bỏ lời nói dối trá, lìa bỏ lời nói chia rẽ, lìa bỏ lời nói hung ác, lìa bỏ lời nói dơ bẩn. Thế nào là hành diệu của ý? Đó là không có tham, không có sân, chánh kiến.” Nên biết trong này, Đức thế Tôn chỉ nói về hành diệu do nghiệp đạo căn bản thâm nhiếp, chứ không nói đến hành diệu do nghiệp đạo sau khi đầy khởi gia hạnh thâm nhiếp.

Luận Pháp trí này nói chung về tất cả thân nghiệp thiện, hoặc là do nghiệp đạo thâm nhiếp, hoặc không phải là do nghiệp đạo thâm nhiếp, như vậy tất cả gọi là hành diệu của thân; nói chung về tất cả ngữ nghiệp thiện, hoặc là do nghiệp đạo thâm nhiếp, hoặc không phải là do nghiệp đạo thâm nhiếp, như vậy tất cả gọi là hành diệu của ngữ; nói chung về tất cả ý nghiệp thiện, hoặc là do nghiệp đạo thâm nhiếp, hoặc không phải là do nghiệp đạo thâm nhiếp, như vậy tất cả gọi là hành diệu của ý.

Như các hành diệu thâm nhiếp trong luận này, luận Tập Dị Môn

cũng đưa ra cách nói này, bởi vì luận ấy nói: “Thế nào là hành diệu của thân? Đó là lìa bỏ sát sinh, lìa bỏ trộm cắp, lìa bỏ tà dâm.” như vậy đã nói tùy thuận trong kinh. Lại nói: “Lại nữa, lìa bỏ sát sinh, lìa bỏ trộm cắp, lìa bỏ phi phạm hạnh.” Như vậy lại thâm nhiếp những điều trước đây không thâm nhiếp, lìa bỏ dấy khởi hành động dâm dục đối với vợ mình. Lại nói: “Có thân nghiệp thiện khác.” Như vậy lại thâm nhiếp tất cả nghiệp đạo sau khi dấy khởi gia hạnh. Lại nói: “Có các quả báo khác do như lý mà dẫn dắt thân nghiệp.”

Hỏi: Thế nào là do như lý mà dẫn dắt thân nghiệp, do trước đây chưa thâm nhiếp mà nay lại thâm nhiếp chăng?

Đáp: Trước nói về tự tánh, nay nói về cùng dấy khởi. Lúc này do điều gì mà cùng dấy khởi? Đó là tác ý như lý.

Lại có người nói: Đây là một phần thân nghiệp vô phú vô ký, nghĩa là thuận theo qua lại như vậy, đi đứng như vậy, ngồi nằm như vậy, cắt may như vậy, khâu đan như vậy, mà đều là như vậy; như thuận theo qua lại, cho đến khâu đan, những thân nghiệp này do làm mà thuận theo làm, thuận theo Chánh lý, cho nên thâm nhiếp ở trong phẩm do như lý mà dẫn dắt, vì vậy gọi là hành diệu của thân.

Nếu đưa ra cách nói này, thì hành diệu của thân bao gồm thiện và vô ký, nhưng hành diệu chỉ là thiện, vì vậy cách nói trước là hợp lý.

Vả lại, luận ấy nói: “Thế nào là hành diệu của ngữ? Đó là lìa bỏ lời nói dối trá, lìa bỏ lời nói chia rẽ, lìa bỏ lời nói hung ác, lìa bỏ lời nói dơ bẩn.” Như vậy đã nói tùy thuận trong kinh. Lại nói: “Có ngữ nghiệp thiện khác.” Như vậy lại thâm nhiếp tất cả nghiệp đạo sau khi dấy khởi gia hạnh. Lại nói: “Có các quả báo khác do như lý mà dẫn dắt ngữ nghiệp.”

Hỏi: Thế nào là do như lý mà dẫn dắt ngữ nghiệp, do trước đây chưa thâm nhiếp mà nay lại thâm nhiếp chăng?

Đáp: Trước nói về tự tánh, nay nói về cùng dấy khởi. Lúc này do điều gì mà cùng dấy khởi? Đó là tác ý như lý.

Lại có người nói: Đây là một phần ngữ nghiệp vô phú vô ký, nghĩa là thuận theo nói một lời-hai lời-nhiều lời, lời của nam-lời của nữ-lời không phải là nam nữ, lời quá khứ-vị lai-hiện tại, mà đều là như vậy, nói một lời cho đến cho đến lời quá khứ-vị lai-hiện tại, những ngữ nghiệp này nói mà thuận theo nói, thuận theo Chánh lý, cho nên thâm nhiếp ở trong phẩm do như lý mà dẫn dắt, vì vậy gọi là hành diệu của ngữ.

Nếu đưa ra cách nói này, thì hành diệu của ngữ bao gồm thiện và

vô ký, nhưng hành diệu chỉ là thiện, vì vậy cách nói trước là hợp lý.

Vả lại, luận ấy nói: “Thế nào là hành diệu của ý? Đó là không có tham, không có sân, chánh kiến.” như vậy đã nói tùy thuận trong kinh. Lại nói: “Có ý nghiệp thiện khác.” Như vậy lại thâm nhiếp tất cả tư duy thuộc thiện. Lại nói: “Có các quả báo khác do như lý mà dẫn dắt ý nghiệp.”

Hỏi: Thế nào là do như lý mà dẫn dắt ý nghiệp, do trước đây chưa thâm nhiếp mà nay lại thâm nhiếp chăng?

Đáp: Trước nói về tự tánh, nay nói về cùng dấy khởi. Lúc này do điều gì mà cùng dấy khởi? Đó là tác ý như lý.

Lại có người nói: Đây là một phần ý nghiệp vô phú vô ký, gọi là do như lý mà dẫn dắt ý nghiệp, đó là các ý nghiệp dấy khởi như trước nói về vô phú vô ký do như lý mà dẫn dắt thân nghiệp-ngữ nghiệp.

Nếu đưa ra cách nói này, thì hành diệu của ý bao gồm thiện và vô ký, nhưng hành diệu chỉ là thiện, vì vậy cách nói trước là hợp lý. Như luận Phát Trí-luận Tập Di Môn thâm nhiếp hành diệu của thân-ngữ, trong luận Thi Thiết đã nói cũng như vậy, chỉ trừ ra hành diệu của ý mà luận ấy nói là có sự thâm nhiếp riêng.

Hỏi: Là ba hành diệu của thân thâm nhiếp tất cả hành diệu của thân, hay là tất cả hành diệu của thân thâm nhiếp ba hành diệu của thân?

Đáp: Tất cả thâm nhiếp ba, không phải là ba thâm nhiếp tất cả. Không thâm nhiếp những gì? Đó là lia bỏ dùng tay-gậy... đánh đập hữu tình, và đã thuận theo thực hiện các hành bất tịnh, cùng với các nghiệp phóng túng như uống rượu... nói trước đây, mà có thể an trú nhận biết đúng đắn-suy nghĩ đúng đắn, thọ dụng đồ ăn thức uống..., lại có thể đích thực tránh được những sự việc phạm giới. Những thân nghiệp đã khởi lên như vậy không phải là do ba hành diệu thâm nhiếp. Những hỏi-đáp còn lại thì như trước nên biết.

Hỏi: Là bốn hành diệu của ngữ thâm nhiếp tất cả hành diệu của ngữ, hay là tất cả hành diệu của ngữ thâm nhiếp bốn hành diệu của ngữ?

Đáp: Tất cả thâm nhiếp bốn, không phải là bốn thâm nhiếp tất cả.

Không thâm nhiếp những gì? Đó là như có một người, ở một mình nơi vắng lặng trống trải dấy lên lời nói như vậy: Có bố thí, có yêu thương, có thờ cúng. Nhưng diệu hạnh của ngữ như vậy, không phát sinh hiểu biết cho hữu tình thế gian, không phải là do bốn hành diệu thâm nhiếp.

Hỏi: Là ba hành diệu của ý thâm nhiếp tất cả hành diệu của ý, hay

là tất cả hành diệp của ý thâm nhiếp ba hành diệp của ý?

Đáp: Tất cả thâm nhiếp ba, không phải là ba thâm nhiếp tất cả. Không thâm nhiếp những gì? Đó là không có tham-không có sân, Chánh kiến câu sinh, Thọ-Tưởng-Hành-Thức, không phải là do ba hành diệp thâm nhiếp.

Trong luận ấy hành diệp của ý thâm nhiếp tự tánh của bốn Uẩn, như vậy thì thiết tự tánh của năm Uẩn làm cho hành diệp.

Hỏi: Luận Pháp trí này, luận Tập Dị Môn, và trong kinh-luận Thi Thiết, thâm nhiếp các hành diệp tại sao không giống nhau?

Đáp: Dựa vào hai loại mà nói về các hành diệp:

1. Dựa vào thế tục.
2. Dựa vào thánh nghĩa.

TNghĩa là trong kinh và luận Thi Thiết, dựa vào phần thế tục mà nói về các hành diệp; luận Pháp Trí này và luận Tập Dị Môn, dựa vào phần thánh nghĩa mà nói về các hành diệp. Như dựa vào thế tục và thánh nghĩa để phân biệt, như vậy dựa vào nghĩa không rõ ràng-nghĩa rõ ràng..., nói rộng ra như trước.

Lại có người nói: Bởi vì ba duyên cho nên sự thâm nhiếp không giống nhau:

1. Bởi vì tự tánh.
2. Bởi vì xen tạp với nhau.

3. Do thế gian vui mừng ca ngợi. Luận Phát Trí và luận Tập Dị Môn nói về tự tánh ấy; trong luận Thi Thiết nói về sự xen tạp với nhau, nếu pháp tuy không phải là tự tánh của hành diệp, mà xen tạp cùng với hành diệp, thì cũng có được tên gọi ấy; ở trong kinh nói đến sự vui mừng ca ngợi của thế gian, bởi vì tất cả thế gian phần nhiều khởi lên vui mừng ngợi khen đối với nghiệp đạo căn bản, chứ không phải là đối với nghiệp đạo sau khi đầy khởi gia hạnh. Bởi vì duyên này, cho nên kinh-luận thâm nhiếp các hành diệp không giống nhau. Như vậy gọi là tự tánh của hành diệp.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cố.

Hỏi: Vì sao gọi là hành diệp, hành diệp có nghĩa gì?

Đáp: Đáng vui mừng ca ngợi cho nên gọi là diệp, thường xuyên đi qua những nơi nường tựa gọi là hành.

Đáng vui mừng ca ngợi cho nên gọi là diệp, như có người nói rằng: Vợ con xinh đẹp áo quần-ăn uống tốt đẹp, người tốt đẹp, nơi chốn tốt đẹp, qua lại tốt đẹp...

Thường xuyên đi qua những nơi nường tựa cho nên gọi là hành ,

đó chính là đối với nơi nương tựa của ba loại hành ác trước đây, cùng với nó trái ngược nhau mà dấy khởi ba hành diệu.

Lại có người nói: Cảm lấy quả thọ nhận vui vẻ cho nên gọi là diệu, chuyển động nhanh chóng sắc bén cho nên gọi là hành.

Hỏi: Ở trong hành diệu thì làm sao nhanh chóng sắc bén?

Đáp: Thực hiện hành diệu có phương pháp khéo léo như vậy, tuy không mong cầu danh dự của thế gian, mà bởi vì muốn khuyến khích người khác tu tập hành diệu, những hành diệu đã tu đều là cho người nhận biết, cho nên gọi là nhanh chóng sắc bén.

Lại có người nói: Thói quen gần gũi người thiện có thể dẫn đến nẻo thiện, cho nên gọi là hành diệu.

Lại có người nói: Có ba nhân duyên cho nên gọi là hành diệu, đó là do suy nghĩ thiện mà suy nghĩ, do lời nói thiện mà nói ra, do việc làm thiện mà thực hiện. Do suy nghĩ thiện mà suy nghĩ, đó là hành diệu của ý; do lời nói thiện mà nói ra, đó là hành diệu của ngữ; do việc làm thiện mà thực hiện, đó là hành diệu của thân.

Lại có người nói: Có ba nhân duyên cho nên gọi là hành diệu, đó là bởi vì nghĩa thực hiện điều kiện, bởi vì đáng vui mừng ca ngợi, bởi vì quyết định có thể cảm được quả đáng yêu thích. Nghĩa thực hiện điều kiện, là thực hiện các hành thiện của thân-ngữ và ý, cho nên gọi là hành diệu. Đáng vui mừng ca ngợi, đó là thực hiện các hành thiện giữ gìn bảo vệ giới luật, thường được chư Thiên-Đại sư-người có trí-người cùng phạm hạnh luôn luôn vui mừng ca ngợi. Quyết định có thể cảm được quả đáng yêu thích, đó là tất cả hành diệu của thân-ngữ-ý, không có nơi nào-không có lẽ nào có thể cảm lấy các quả dị thực không yêu thích, mà có nơi chốn-có khả năng có thể cảm được các quả dị thực đáng yêu quý. Luận Tập Dị Môn cũng đưa ra cách nói này.” Có nhân duyên gì mà gọi là hành diệu? Đó là hành diệu ấy có thể cảm được quả đáng yêu-đáng vui-vừa lòng như ý rất đáng ưa thích.” Đây là hiển bày về quả Đăng lưu. Lại nói: “Có thể cảm được dị thực đáng yêu-đáng vui-vừa lòng như ý rất đáng ưa thích.” Đây là hiển bày về quả Dị thực.

Ba thiện căn, đó là căn thiện không có tham-không có sân-không có si. Thế nào là căn thiện không có tham? Đó là tâm sở pháp tương ứng với tâm, là đối trị với tham, đó gọi là tánh căn thiện không có tham. Thế nào là căn thiện không có sân? Đó là tâm sở pháp tương ứng với tâm, là đối trị với sân, đó gọi là tánh căn thiện không có sân. Thế nào là căn thiện không có si? Đó là tâm sở pháp tương ứng với tâm, là đối trị với si, đó gọi là tánh căn thiện không

có si. Ba căn thiện này, ở trong một tâm có thể đạt được đầy đủ; ba căn bất thiện, không phải là đối với một tâm có thể đạt được đầy đủ. Lại nữa, ba căn thiện phòng vệ đầy đủ tất cả tâm thiện, bao gồm sáu Thức thân hữu lậu và vô lậu; ba căn bất thiện không thể nào phòng vệ đầy đủ tất cả tâm bất thiện. Lại nữa, ba căn thiện tương ứng với tất cả tâm thiện, ba căn bất thiện không tương ứng với tất cả tâm bất thiện. Lại nữa, ba căn thiện có thể phát khởi tất cả tâm thiện khắp nơi, ba căn bất thiện không thể nào phát khởi tất cả tâm bất thiện khắp nơi. Như vậy tùy chuyển và không tùy chuyển..., đều cần phải nói mở rộng. Đây gọi là tự tánh của ba căn thiện.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cố.

Hỏi: Vì sao gọi là căn thiện, căn thiện có nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa có thể sinh ra thiện là nghĩa của căn thiện; nghĩa có thể nuôi lớn thiện, nghĩa có thể tăng thêm thiện, nghĩa có thể phát triển thiện, nghĩa có thể thêm nhiều thiện, nghĩa có thể giữ gìn thiện, nghĩa có thể làm cho pháp thiện lan rộng khắp nơi, là nghĩa của căn thiện.

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Nghĩa về nhân của pháp thiện, là nghĩa của căn thiện; nghĩa về chung tử của pháp thiện, nghĩa về cùng dấy khởi thiện, nghĩa có thể làm nhân thay đổi dẫn đến các thiện, nghĩa làm nhân thay đổi theo sinh ra các thiện, nghĩa thâm nhiếp thêm nhiều tất cả các pháp thiện, là nghĩa của căn thiện.”

Đại đức nói rằng: “Nương tựa vào các pháp này có thể sinh trưởng tất cả pháp thiện khắp nơi, có thể làm cho nhân thay đổi, làm cho nhân thay đổi theo, thâm nhiếp thêm nhiều pháp thiện, cho nên gọi là căn thiện.”

Hỏi: Nếu nghĩa về nhân của pháp thiện là nghĩa của căn thiện, thì năm Uẩn thiện của đời trước, làm nhân cho tất cả năm Uẩn thiện đã sinh-chưa sinh của đời sau; mười nghiệp đạo thiện của đời trước, làm nhân cho tất cả mười nghiệp đạo thiện đã sinh-chưa sinh của đời sau; ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề của đời trước, làm nhân cho tất cả mười bảy pháp phần Bồ-đề đã sinh-chưa sinh của đời sau. Như vậy thì tất cả pháp thiện đều nên gọi là căn thiện, ba loại như vậy có nhân duyên bất cộng thù thắng gì mà thiết lập làm căn thiện?

Đáp: Đây là Đức Thế Tôn có cách nói khác, Đại Sư quán xét tâm hành-ý nguyện-ưa thích của hữu tình đã cảm hóa kia, giản lược mà nói cho rõ ràng.

Hiếp Tôn giả nói: “Chỉ riêng Phật Thế Tôn hiểu rõ ràng tận cùng tánh tướng của các pháp, cũng biết rõ về thế dụng của các pháp, chứ

không phải là người khác có thể biết được. Nếu pháp có tướng của căn thiện thì thuận theo mà thiết lập, không có tướng của căn thiện thì không thiết lập.”

Tôn giả Diệu Âm cũng đưa ra cách nói này: “Đại Sư biết ba loại căn thiện này, có thể dụng như vậy, mạnh mẽ như vậy, gần gũi như vậy, có thể làm nhân cho tất cả pháp thiện, những pháp thiện còn lại thì không có sự việc như vậy.”

Lại có người nói: Ba căn thiện này là thù thắng nhất đối với các pháp thiện, bởi vì thù thắng cho nên thiết lập làm căn thiện.

Lại có người nói: Ba căn thiện này đối với các pháp thiện, là đứng đầu tất cả-đi phía trước-dẫn dắt phía trước, như tướng quân mạnh mẽ nhất dẫn dắt tất cả; bởi vì lực tăng thượng của căn thiện như vậy, có thể làm cho tất cả pháp thiện tăng thêm nhiều, cho nên thiết lập làm căn thiện.

Lại có người nói: Ba căn thiện này, có thể làm nhân-làm căn-làm mắt-làm tập cho tất cả pháp thiện, phát khởi tất cả pháp thiện, chướng ngại tất cả các pháp bất thiện, ở trong pháp thiện là thù thắng nhất, cho nên thiết lập làm căn thiện.

Lại có người nói: Bởi vì ba căn thiện có thể phát khởi tất cả mười nghiệp đạo thiện, sinh vào mười sự kiện, cho nên thiết lập làm căn thiện.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên đối với tụ pháp thiện chỉ thiết lập ba loại này làm căn thiện.

Đã nói về tự tánh của ba hành diệu-ba căn thiện, nay sẽ biểu hiện rõ ràng về tướng xen tạp-không xen tạp.

Hỏi: Ba hành diệu-ba căn thiện, là trước thâm nhiếp sau, hay là sau thâm nhiếp trước?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc hành diệu mà không phải là căn thiện, đó là hành diệu của thân-ngữ và tư thiện, bởi vì loại này chỉ có tướng của hành diệu, không có tướng của căn thiện.

2. Có lúc căn thiện mà không phải là hành diệu, đó là Chánh kiến vốn không thâm nhiếp căn thiện không có si, bởi vì loại này chỉ có tướng của căn thiện, không có tướng của hành thì diệu.

3. Có lúc hành diệu cũng là căn thiện, đó là không có tham-không có sân và Chánh kiến, bởi vì loại này có đủ hai loại tướng.

4. Có lúc không phải là hành diệu cũng không phải là căn thiện, đó là trừ những tướng trước. Tướng là thuộc về tên gọi, trừ ra tên gọi

trong ba câu trước đã hiển bày về nghĩa, các pháp còn lại làm thành câu thứ tư. Nghĩa là trong Sắc uẩn, trừ ra các Sắc thiện chọn lấy Sắc uẩn còn lại; ở trong Hành uẩn trừ ra ba căn thiện và các tư thiện, chọn lấy Hành uẩn tương ứng không tương ứng còn lại, và ba Uẩn toàn phần, cùng với pháp vô vi, như vậy tất cả làm thành câu thứ tư, cho nên nói đó là những tướng trước.

Lại nữa, đối với Nhân thức trong phẩm pháp thiện câu sinh, hoặc có lúc hành diệu mà không phải là căn thiện, nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc hành diệu mà không phải là căn thiện, đó là tư thiện.
2. Có lúc căn thiện mà không phải là hành diệu, đó là căn thiện không có si.
3. Có lúc hành diệu cũng là căn thiện, đó là không có tham-không có sân.
4. Có lúc không phải là hành diệu cũng không phải là căn thiện, đó là trừ những tướng trước.

Như đối với Nhân thức trong phẩm thiện câu sinh, như vậy cho đến đối với Thân thức trong phẩm thiện câu sinh cũng như vậy.

Đối với Chánh kiến trong phẩm câu sinh, hoặc có lúc hành diệu mà không phải là căn thiện, nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc hành diệu mà không phải là căn thiện, đó là tư thiện.
2. Có lúc căn thiện mà không phải là hành diệu, điều ấy không có.
3. Có lúc hành diệu cũng là căn thiện, đó là không có tham-không có sân và Chánh kiến.
4. Có lúc không phải là hành diệu cũng không phải là căn thiện, đó là trừ những tướng trước.

Tận trí - Vô sinh trí trong phẩm câu sinh, hoặc có lúc hành diệu mà không phải là căn thiện, nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc hành diệu mà không phải là căn thiện, đó là tư thiện.
2. Có lúc căn thiện mà không phải là hành diệu, đó là căn thiện không có si.
3. Có lúc hành diệu cũng là căn thiện, đó là không có tham-không có sân.
4. Có lúc không phải là hành diệu cũng không phải là căn thiện, đó là trừ ra những tướng trước.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 113

LUẬN VỀ ÁC HÀNH (Phần 2)

Ba hành ác - mười nghiệp đạo bất thiện, là ba thân nhiếp mười, hay là mười thân nhiếp ba? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: “Có ba hành ác - mười nghiệp đạo bất thiện.” Trong kinh tuy nói ra điều này mà không giải thích rộng ra; nói rộng ra như trước. Lại có người nói: Trước đã phân biệt về ba loại hành ác, mà chưa phân biệt về mười nghiệp đạo bất thiện, nay muốn phân biệt cho nên soạn ra phần luận này.

Trong này, ba hành ác thì tên gọi tóm lược mà sự việc mở rộng, mười nghiệp đạo bất thiện thì tên gọi mở rộng mà sự việc tóm lược, cho nên ba hành ác thân nhiếp mười nghiệp đạo bất thiện, không phải là mười nghiệp đạo bất thiện thân nhiếp ba hành ác, bởi vì các hành ác thân nhiếp nghiệp đạo rồi mà lại có dư, vì như đồ đựng lớn che phủ đồ đựng nhỏ má lại có dư, do đó ba thân nhiếp mười chứ không phải là mười thân nhiếp ba. Không thân nhiếp những gì? Đó là trừ ra do nghiệp đạo đã thân nhiếp, còn lại hành ác của thân - ngữ và ý. Thế nào là còn lại hành ác của thân - ngữ? Đó là nghiệp đạo của thân - ngữ sau khi dấy khởi gia hạnh, và các nghiệp đã nói trong luận Thi Thiết, cùng với tất cả các nghiệp do Giá tội (không phải là tội của tự tánh) thân nhiếp. Thế nào là còn lại hành ác của ý? Đó là tư thuộc về bất thiện.

Nay sẽ biểu hiện rõ ràng về mười nghiệp đạo bất thiện, có ba loại sai biệt giữa căn bản - gia hạnh và dấy khởi sau.

Ba loại thuộc về sát sinh, đó là nếu người mổ dê, trước đó đi đến chỗ con dê, hoặc là mua, kéo đi, trói chặt, đánh đập, cho đến mạng sống chưa đoạn mất, lúc bấy giờ tất cả thân - ngữ nghiệp bất thiện, là thuộc

về gia hạnh sát sinh. Nếu dùng tâm giết hại đang đoạn mất mạng sống loài khác, lúc bấy giờ tất cả thân biểu bất thiện và sát-na Vô biểu này, là thuộc về căn bản sát sinh. Từ đây về sau ngay tại nơi này, tất cả hành động lột da-chặt đứt xương thịt, hoặc bán-hoặc ăn, đã khởi lên Biểu, Vô biểu nghiệp của thân, ngữ bất thiện, là thuộc về dấy khởi sau sát sinh.

Ba loại thuộc về trộm cắp, đó là bắt đầu khởi tâm trộm cắp đi đến những nơi ấy, mưu tính, quan sát, đập tường, cắt khóa lấy của cải tiền bạc của người ta, cho đến nhấc đồ vật chưa rời xa nơi ban đầu, lúc bấy giờ tất cả thân, ngữ nghiệp bất thiện, là thuộc về gia hạnh trộm cắp. Nếu dùng tâm trộm cắp đang lấy đồ vật của người ta nhấc lên rời xa nơi ban đầu, lúc bấy giờ tất cả thân biểu bất thiện và sát-na Vô biểu này, là thuộc về căn bản trộm cắp. Từ đây về sau hoặc là chủ đồ vật phát hiện cho đến đánh nhau-làm hại nhau, liền dùng gia hạnh sát sinh làm dấy khởi sau trộm cắp. Nếu người chủ không phát hiện thì mang đồ vật đi xa thọ dụng, lúc bấy giờ đã khởi lên Biểu-Vô biểu nghiệp của thân-ngữ bất thiện, là thuộc về dấy khởi sau trộm cắp.

Ba loại thuộc về tà dâm, đó là vì lửa dục đã bức bách nóng bỏng, hoặc là đưa tin, thư tư, ăn uống, tiền bạc của cải để biểu lộ tương ái, lúc ấy hoặc vuốt ve, xúc chạm cho đến khi trước hòa hợp, tất cả thân, ngữ nghiệp bất thiện, là thuộc về gia hạnh tà dâm. Nếu vào lúc bấy giờ hai bên hòa hợp đã khởi lên thân biểu bất thiện, và sát-na Vô biểu này, là thuộc về căn bản tà dâm. Trong này, có người nói: Lúc mới hòa hợp thì thành nghiệp đạo. Có người nói: Lúc thỏa mãn sự khao khát bức bách thì mới thành nghiệp đạo. Từ đó về sau vẫn dựa vào sự việc này mà có Biểu-Vô biểu nghiệp của thân-ngữ bất thiện, là thuộc về dấy khởi sau tà dâm.

Ba loại thuộc về lời nói dối trá, đó là vì tiền của-danh dự..., cho nên hưởng về một hữu tình, hoặc là nơi nhiều người tu tập, giả vờ làm chứng cứ rõ ràng che lấp sự thật để nói khác đi, cho đến khi phát ra lời nói dối trá đã thâm nhiếp tiếp nhận, tất cả thân - ngữ nghiệp bất thiện lúc ấy, là thuộc về gia hạnh của lời nói dối trá. Nếu đang phát ra lời nói dối trá đã thâm nhiếp tiếp nhận, thì tất cả ngữ biểu bất thiện lúc ấy, và sát-na Vô biểu này, là thuộc về căn bản của lời nói dối trá. Từ đây về sau vẫn dựa vào sự việc này mà khởi lên biểu - Vô biểu nghiệp của thân-ngữ bất thiện, là thuộc về dấy khởi sau của lời nói dối trá.

Ba loại thuộc về lời nói chia rẽ, đó là vì tiền của-danh dự..., cho nên tìm đủ mọi cách để chia rẽ-phá hoại đối với bạn thân của người khác, cho đến khi chưa phát ra lời nó phá hoại đích thực, tất cả thân

-ngữ nghiệp bất hiện lúc ấy, là thuộc về gia hạnh của lời nói chia rẽ. Nếu dùng ý phá hoại đang phát ra lời nói phá hoại, thì tất cả ngữ biểu bất thiện lúc ấy, và sát-na vô biểu này, là thuộc về căn bản của lời nói chia rẽ. Từ đây về sau vẫn dựa vào sự việc này mà khởi lên Biểu-Vô biểu nghiệp của thân-ngữ bất thiện, là thuộc về dấy khởi sau của lời nói chia rẽ.

Trong này, có người nói: Nếu lời nói chia rẽ làm cho người khác bị tổn hại thì mới thành nghiệp đạo. Nếu như vậy thì phá hoại Thánh nhân lẽ ra không phải là nghiệp đạo, nhưng mà lời nói chia rẽ phá hoại Thánh giả là tội nặng. Nói như vậy thì chỉ khởi tâm phá hoại, nói ra lời nói chia rẽ, nếu tổn hại hay không tổn hại thì đều thành nghiệp đạo.

Ba loại thuộc về lời nói hung ác, đó là vì bản tánh của người ấy nhiều sân giận, sắp phát ra lời nói thì trước tiên hiện rõ sự tức giận, thân quay đi quay lại, sắc mặt đổi khác, mắt trợn trừng dữ tợn, cho đến khi chưa phát ra lời nói nhục mạ đích thực, tất cả thân, ngữ nghiệp bất thiện lúc ấy, là thuộc về gia hạnh của lời nói hung ác. Nếu đến lúc người ấy đã phát ra lời nói nhục mạ, thì tất cả ngữ biểu bất thiện lúc ấy, và sát-na Vô biểu này, là thuộc về căn bản của lời nói hung ác. Từ đây về sau vẫn dựa vào sự việc này mà khởi lên Biểu-Vô biểu nghiệp của thân-ngữ bất thiện, là thuộc về dấy khởi sau của lời nói hung ác.

Trong này, có người nói: Làm cho người khác giận dữ phiền muộn thì mới thành nghiệp đạo. Nếu như vậy thì mắng nhiếc người ly dục lẽ ra không phải là nghiệp đạo, nhưng mà lời nói hung ác mắng nhiếc người ly dục là tội nặng; nói như vậy thì chỉ ôm lòng tức giận phát ra lời nói hung ác, nếu phiền muộn hay không phiền muộn thì đều thành nghiệp đạo.

Ba loại thuộc về lời nói đã bàn, đó là vì tiền của-danh dự-sự cung kính... và đùa cợt, cho nên thích dấy lên đủ loại lời nói không đúng nghĩa -không đúng lúc-không thuận theo pháp; hoặc là làm trò hề, muốn làm cho người ngu cười nói vui vẻ, thì chỉ chú ý nhảy nhót phát ra những lời nói vui cười, cho đến khi chưa phát ra lời nói căn bản ấy, tất cả thân-ngữ nghiệp bất thiện lúc ấy, là thuộc về gia hạnh của lời nói dơ bẩn. Nếu lúc đích thực phát ra các lời nói dơ bẩn-lời nói không có nghĩa, thì tất cả ngữ biểu bất thiện và sát-na Vô biểu này, là thuộc về căn bản của lời nói dơ bẩn. Từ đây về sau vẫn dựa vào sự việc này mà khởi lên Biểu-Vô biểu nghiệp của thân-ngữ bất thiện, là thuộc về dấy khởi sau của lời nói dơ bẩn.

Còn lại ba nghiệp đạo tham dục-sân giận-tà kiến thuộc về ý khởi

lên chính là căn bản, không có gia hạnh và dấy khởi sau sai biệt. Có người nói: Cũng có gia hạnh và dấy khởi sau, đó là từ bất thiện.

Trong này, căn bản của bảy nghiệp đạo bất thiện, những loại có Biểu nghiệp và những loại không có Biểu nghiệp thuộc sát-na này, đều có đủ năm nghĩa:

1. Hành ác.
2. Phạm giới.
3. Không phải luật nghi.
4. Nghiệp.
5. Nghiệp đạo.

Các vô biểu nghiệp từ đây về sau đều chỉ có bốn nghĩa, đó là trừ ra nghiệp đạo, bởi vì đối với Tư cuối cùng chuyển một nghiệp, đó là ba nghiệp của thân lần lượt từng nghiệp một tà dấy khởi. Có lúc do Tư cuối cùng chuyển hai nghiệp, đó là như có một kẻ ăn trộm dê của người khác, có hy vọng này thì vào lúc ăn trộm cũng giết hại, trộm cắp tùy theo một loại, bởi vì tà dâm chỉ cuối cùng là do mình. Nếu pháp phát sinh có chủng loại như vậy, thì trong một sát-na do Tư cuối cùng chuyển hai nghiệp đạo bất thiện câu sinh. Có lúc do Tư cuối cùng chuyển ba nghiệp, đó là như có một người trước tiên khiến hai người làm điều sát sinh và ăn trộm, tự mình làm điều tà dâm. Nếu pháp phát sinh có chủng loại như vậy, thì trong một sát-na cả ba loại đều là cuối cùng, lúc ấy do Tư cuối cùng chuyển ba nghiệp đạo bất thiện câu sinh. Giống như bọn cướp hện nhau đến một nơi, lúc cướp đoạt của cải của người khác, ở trong một sát-na có kẻ kéo xe của người ấy, có kẻ giết hai mạng sống của người ấy, có kẻ hãm hiếp vợ của người ấy. Nên biết rằng lúc bấy giờ những kẻ cướp đoạt kia, có kẻ do Tư cuối cùng chuyển ba nghiệp đạo bất thiện câu sinh.

Đối với tự tánh của ngữ nghiệp trong bốn nghiệp đạo bất thiện, có lúc do Tư cuối cùng chuyển một nghiệp, đó là bốn nghiệp của ngữ lần lượt từng nghiệp một mà dấy khởi. Có người nói: Một nghiệp là chỉ riêng lời nói dơ bẩn. Có lúc do Tư cuối cùng chuyển hai nghiệp, đó là dấy lên lời nói dối trá, bởi vì không đúng lúc cho nên lời nói dơ bẩn; hoặc là dấy lên lời nói chia rẽ, bởi vì không đúng lúc cho nên có lời nói dơ bẩn; hoặc là dấy lên lời nói hung ác, bởi vì không đúng lúc cho nên có lời nói dơ bẩn. Có lúc do Tư cuối cùng chuyển ba nghiệp, đó là dấy lên lời nói dối trá, lời nói chia rẽ, bởi vì không đúng lúc cho nên có lời nói dơ bẩn; hoặc là dấy lên lời nói dối trá, lời nói chia rẽ, bởi vì không đúng lúc cho nên có lời nói dơ bẩn; hoặc là dấy lên lời nói dối trá, lời

nói hung ác, bởi vì không đúng lúc cho nên có lời nói dơ bẩn; hoặc là dấy lên lời nói chia rẽ, lời nói hung ác, bởi vì không đúng lúc cho nên có lời nói dơ bẩn. Có lúc do Tư cuối cùng chuyển bốn nghiệp, đó là dấy lên lời nói dối trá, lời nói chia rẽ, lời nói hung ác, bởi vì không đúng lúc cho nên có lời nói dơ bẩn. Nếu luận tổng quát thì có lúc do Tư cuối cùng chuyển năm nghiệp, cho đến có lúc do Tư cuối cùng chuyển tám nghiệp, đó là khiến sáu người làm ra sáu nghiệp đạo, tự mình làm ra nghiệp đạo tà dâm. Nếu pháp phát sinh có chủng loại như vậy, thì trong một sát-na có bảy loại là đều cuối cùng, và ba nghiệp đạo thuộc ý tùy theo một loại hiện rõ trước mắt, như vậy Tư cuối cùng chuyển tám loại nghiệp đạo câu sinh. Nên biết rằng Tư cuối cùng chuyển ba nghiệp của ý hiện khởi khác khác nhau, không có nghĩa câu sinh, bởi vì không có hai tâm, bởi vì không có sai khiến kẻ khác, vì vậy không nói đến nghĩa câu sinh của hoặc là chín-hoặc là mười.

Hỏi: Ở trong cõi nào có mấy nghiệp đạo bất thiện có thể có được?

Đáp: Chỉ ở cõi Dục có thể có được đầy đủ tất cả, hoặc là do Bất luật nghi (rất ác) thâm nhiếp, hoặc là do Phi Sắc-Vô sắc thì tất cả đều không có thể có được.

Hỏi: Ở trong nẻo nào có mấy nghiệp đạo bất thiện có thể có được?

Đáp: Nẻo Nại-lạc-ca (địa ngục) có năm loại sau, do Phi luật nghi -phi bất luật nghi thâm nhiếp; không có sát sinh, bởi vì nẻo ấy không có năng lực đoạn mất mạng sống của loài khác, như nói ở nẻo ấy thậm chí nghiệp bất thiện vốn có, chưa diệt bỏ hết thì nhất định không mạng chung; không có trộm cắp, bởi vì nẻo ấy không có phần nhận lấy tài sản; không có tà dâm, bởi vì nẻo ấy không có sự thâm nhiếp tiếp nhận vợ chồng; không có lời nói dối trá, bởi vì luôn luôn không có hòa hợp; có lời nói hung ác, bởi vì sự bức bách của khổ đau phải nhận chịu; có lời nói dơ bẩn, bởi vì nói không đúng lúc; tham dục-sân giận và tà kiến có đủ, bởi vì chưa lìa bỏ dục.

Bàng sinh và nẻo quỷ đều có đủ mười loại, do Phi luật nghi, Phi bất luật nghi thâm nhiếp.

Loài người ở ba châu có đủ mười nghiệp đạo bất thiện, hoặc là do Bất luật nghi thâm nhiếp, hoặc là do Phi luật nghi – Phi bất luật nghi thâm nhiếp.

Bắc Câu-lô-châu có bốn loại sau, do Phi luật nghi, phi bất luật nghi thâm nhiếp. Không có sát sinh, bởi vì chắc chắn thọ mạng là một

ngàn tuổi không có chết yếu, và bởi vì tánh thuần thiện cho nên nhất định tiến lên cao. Không có trộm cắp, bởi vì ở đó không có thù nhiếp tiếp nhận phần của mình và người. Không có tà dâm. Bởi vì không có thù nhiếp tiếp nhận vợ chồng, nếu lúc họ muốn thực hiện việc làm phi phạm hạnh, cùng với người nữ ở đó đi đến dưới tán cây, nếu như thích hợp thì cành cây sẽ xuống che kín để cho họ hòa hợp, nếu không che kín thì cả hai xấu hổ mà rời xa. Không có lời nói dối trá, bởi vì không có sự thù nhiếp tiếp nhận lời nói dối trá. Không có lời nói chia rẽ, bởi vì hữu tình ở đó luôn luôn hòa hợp. Không có lời nói hung ác, bởi vì họ thường nói những lời nói dịu dàng tốt đẹp, có lời nói dơ bẩn, bởi vì họ ngâm nga ca hát cười đùa không đúng lúc. Tham dục-sân giận-tà kiến có đủ, bởi vì chưa lìa bỏ dục.

Trong loài trời cõi Dục có đủ mười nghiệp đạo bất thiện, do Phi luật nghi-phi bất luật nghi thù nhiếp.

Hỏi: Loài trời ấy là có sự giết hại mạng sống hay không?

Đáp: loài trời ấy tuy không tự mình giết hại lẫn nhau mà giết hại loài khác. Lại có người nói: “Cũng có tự mình giết hại lẫn nhau, bởi vì nói như vậy: Tay chân của chư thiên hễ chặt đứt là mọc lại, chặt đứt giữa đầu thì lập tức chết mất.” Có trộm cắp cho đến lời nói dơ bẩn, bởi vì họ cũng có trộm cướp đồ vật của người khác, xâm lấn đến sự hưởng thụ của người khác, dấy lên lời nói giả dối, nói ra lời nói phá hoại, giận dữ mắng nhiếc làm nhục, ngâm nga ca hát không đúng lúc...; tham dục-sân giận-tà kiến có đủ, bởi vì chưa lìa bỏ dục.

Hỏi: Nếu trộm cắp đồ vật tài sản của Tỳ kheo đã qua đời, thì ở nơi nào nhận lấy nghiệp đạo căn bản?

Đáp: Nếu đã thực hiện pháp Yết-ma, thì nhận lấy ở nơi chúng Yết-ma; nếu chưa thực hiện pháp Yết-ma, thì nhận lấy ở khắp tất cả mọi nơi Đại chúng nói về pháp thiện.

Hỏi: Nếu gặp được đồ vật cất giấu dấy lên ý tưởng trộm cắp mà tự mình sử dụng, thì lúc ấy mang lại nghiệp đạo căn bản ở nơi nào?

Đáp: Mang lấy ở nơi nhà vua, bởi vì mọi thứ vốn có trên mặt đất thuộc về nhà vua.

Lại có người nói: Nang lấy ở nơi đã thuộc về ruộng đất, nhà cửa ấy. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì người ấy gặp được lợi ích từ thuế má ở trong chỗ này. Nói như vậy thì mang lấy ở nơi nhà vua, bởi vì mọi thứ vốn có trên mặt đất là do nhà vua làm chủ, người chủ ruộng đất, nhà cửa ấy chỉ chuyển vận lợi ích của đất đai chứ không phải là lợi ích của đồ vật cất giấu.

Hỏi: Nếu lấy đồ vật cất giấu ở giữa hai nước dấy lên ý tưởng trộm cắp, thì lại ở nơi nào mang lấy nghiệp đạo căn bản?

Đáp: Nếu chuyển Luân Vương xuất hiện trên thế gian thì mang lấy ở nơi Luân Vương, nếu không có Luân Vương thì cũng không có mang lấy ở nơi nào.

Hỏi: Nếu lấy trộm đồ vật trong tháp thờ Như Lai, thì mang lấy nghiệp đạo căn bản ở nơi nào?

Đáp: Có người nói: cũng mang lấy ở nơi Quốc Vương. Có người nói: Mang lấy ở nơi người cúng dường. Có người nói: Mang lấy ở nơi người canh giữ. Có người nói: Mang lấy ở nơi trời-rồng-Dược xoa và loài Phi nhân luôn luôn bảo vệ ở đó. Nói như vậy thì mang lấy ở nơi Phật. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì như Đức Thế Tôn nói: “A-nan nên biết! Nếu ta ở đời có hữu tình đối với Ta mà cung kính cúng dường, và sau khi Niết-bàn cho đến ngàn năm, đối với xá-lợi (đà đò) của Ta chỉ nhỏ như hạt cải mà cung kính cúng dường, Ta nói nếu trú trong tâm bình đẳng, thì cảm được quả dị thực bình đẳng và bình đẳng.” Bởi vì lời nói này, cho nên Đức Thế Tôn diệt đồ tuy trải qua ngàn năm, mà tất cả thế gian cung kính cúng dường Đức Phật đều thâm nhiếp tiếp nhận.

Hỏi: Nếu đối với người nữ thọ học cấm giới mà làm hạnh bất tịnh, đó là Tỳ kheo ni và Ưu-bà-di thường xuyên tu phạm hạnh, cho đến người nữ luôn luôn tu khổ hạnh của ngoại đạo, hủy phạm đến họ thì mang lấy nghiệp đạo căn bản ở nơi nào?

Đáp: Hoặc có người nói: Mang lấy ở nơi thầy dạy của họ. Lại có người nói: Mang lấy ở nơi cùng phạm hạnh với họ. Nói như vậy là mang lấy ở nơi nhà vua, bởi vì họ là Quốc Vương phòng hộ.

Hỏi: Làm hạnh bất tịnh đối với người nữ tự bán mình, mang lấy nghiệp đạo căn bản ở nơi nào?

Đáp: Nếu cùng với giá trị ấy thì cũng không có mang lấy nơi nào, nếu không cùng với giá trị thì mang lấy ở nơi nhà vua.

Hỏi: Làm hạnh bất tịnh đối với người nữ chưa lấy chồng, mang lấy nghiệp đạo căn bản ở nơi nào?

Đáp: Nếu đã nhận lời với người khác thì mang lấy ở nơi người chồng, nếu chưa nhận lời với người khác thì mang lấy ở nơi cha mẹ và những người thân của họ.

Hỏi: Nếu có người nữ được cha mẹ-anh em-chị em-họ hàng thân thích của mình cùng bảo vệ, có trùng phạt-có ngăn cản là thâm thiệp của người khác do người khác thâm nhiếp tiếp nhận, cho đến hoặc có người tặng một đóa hoa tươi đẹp, nếu đối với người ấy mà làm hạnh bất tịnh,

thì mang lấy nghiệp đạo căn bản ở nơi nào?

Đáp: Ở nơi có thể thấu nhiếp bảo vệ, cho đến mang lấy ở nơi người tặng một đóa hoa tươi đẹp.

Như luận Thi Thiết nói: “Người châu Thiêm bộ thân hình giao cấu với nhau thì thành dâm; Đông Tỳ-đề-ha, Tây Cù-đà-ni, Bắc câu-lô-châu, cõi trời Tứ Thiên Vương chúng, cõi trời Tam Thập Tam, cũng như vậy. Cõi trời Dạ Ma ôm lấy nhau thì thành dâm, cõi trời Đổ-sử-đa nắm tay nhau thì thành dâm, cõi trời Lạc Biến Hóa cười vui với nhau thì thành dâm, cõi trời Tha Hóa Tự Tại liếc mắt nhìn nhau thì thành dâm.”

Hỏi: Trời ở mặt đất (Địa cư) đã khởi lên gia hạnh của việc dâm, tức là nghiệp đạo căn bản của trời ở hư không (Không cư), nghiệp đạo của trời ở hư không thì có gia hạnh hay không?

Đáp: Điều có gia hạnh, nghĩa là cõi trời Dạ Ma thì dùng tay nắm tay, cười vui sướng, liếc mắt nhìn làm gia hạnh, cõi trời Đổ-sử-đa thì dùng cười vui sướng, liếc mắt nhìn làm gia hạnh, cõi trời Lạc Biến Hóa thì dùng liếc mắt làm gia hạnh.

Hỏi: Nơi chỉ liếc mắt nhìn nhau thì thành nghiệp đạo là có gia hạnh hay không?

Đáp: Ở đó cũng có, trước hướng về một phía để liếc nhìn người nữ khác, quay đầu nhìn lại phía khác chưa nhìn thấy là gia hạnh, trông thấy thì thành căn bản; trước ngồi ở cùng một cung để nhìn người nữ khác, đứng dậy hướng về cung khác chưa nhìn thấy là gia hạnh, trông thấy thì thành căn bản.

Hỏi: Vì sao ở mặt đất thân hình giao cấu với nhau thì thành dâm, ở hư không thì không như vậy?

Đáp: Phiền não nơi này thô, phiền não nơi kia tế; phiền não nơi này nặng, phiền não nơi kia nhẹ; phiền não nơi này chậm, phiền não nơi kia nhanh. Vả lại, các cõi trời ấy thuộc cảnh giới thịnh vượng hừng hực, cảnh giới sáng ngời thanh tịnh, cảnh giới tốt đẹp tuyệt vời, bởi vì cảnh giới như vậy dẫn dắt, cho nên lúc mới vừa xúc chạm với nhau thì Làm cho mê mẫn, vì vậy ở nơi ấy lửa dục dễ dàng dừng lại. Lại có người nói: Bởi vì các cõi trời phía trên gần với đạo ly dục, cho nên ở nơi ấy lửa dục dần dần ít đi. Nói như vậy là tất cả việc dâm cần phải hai thân hình giao nhau thì lửa dục mới ngừng.

Hỏi: Nếu như vậy thì luận Thi Thiết nói nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Luận ấy nói về mức độ thời gian nhanh chậm sai khác, nghĩa là cõi trời Dạ Ma như mức độ thời gian ôm nhau thì lửa dục liền ngừng,

cho đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại như mức độ thời gian liếc mắt nhìn thì lửa dục liền ngừng. Trong luận Thi Thiết chỉ dựa vào mức độ thời gian cho nên đưa ra cách nói này.

Ba hành diệu, mười nghiệp đạo thiện, là ba thâm nhiếp mười, hay là mười thâm nhiếp ba? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: “Có ba hành diệu, mười nghiệp đạo thiện.” Trong kinh tuy nói ra điều này mà chưa giải thích rộng ra, nói rộng ra như trước. Lại có người nói: Trước đã phân biệt về ba loại hành diệu, mà chưa phân biệt về mười nghiệp đạo thiện, nay muốn phân biệt cho nên soạn ra phần luận này.

Trong này, ba hành diệu thì tên gọi tóm lược mà sự việc mở rộng, mười nghiệp đạo thiện thì tên gọi mở rộng mà sự việc tóm lược, cho nên ba hành diệu thâm nhiếp mười nghiệp đạo thiện, không phải là mười nghiệp đạo thiện thâm nhiếp ba hành diệu, nói thí dụ như trước. Không thâm nhiếp những gì? Đó là trừ ra hành diệu của thân-ngữ và ý do nghiệp đạo thâm nhiếp, còn lại hành diệu của thân-ngữ và ý.

Trong này, những gì là hành diệu của thân-ngữ, và các nghiệp mà luận Thi Thiết đã nói, cùng với các nghiệp do lìa Giá tội đã thâm nhiếp. Những gì là hành diệu của ý không phải là nghiệp đạo thâm nhiếp? Đó là Tư thuộc về thiện.

Nay cần phải biểu hiện rõ ràng về mười nghiệp đạo thiện, có ba loại sai biệt giữa căn bản-gia hạnh và dấy khởi sau.

Lìa bỏ căn bản của mười nghiệp đạo bất thiện, tức là căn bản của mười nghiệp đạo thiện; lìa bỏ gia hạnh-dấy khởi sau của nghiệp đạo bất thiện, tức là gia hạnh-dấy khởi sau của nghiệp đạo thiện. Điều này lại là thế nào? Giống như Sa di lúc thọ Cụ túc giới, trước tiên y phục chỉnh tề tiến vào nơi thọ giới, đánh lễ Tăng đầy đủ cầu Thân giáo Sư, thọ trì bát hương đến hỏi Già sứ, đi đến trong chúng hỏi Già nạn, tác bạch Yết-ma thứ nhất cho đến Yết-ma thứ ba chưa xong, thì gọi là gia hạnh của nghiệp đạo thiện; nếu đến cuối cùng Yết-ma thứ ba, lúc ấy Biểu nghiệp và Vô biểu trong sát-na này, thì gọi là căn bản của nghiệp đạo thiện; từ đây về sau nói cho biết về các sự việc như Tứ y-Tứ trọng..., thì gọi là dấy khởi sau của nghiệp đạo thiện.

Trong này, căn bản của bảy nghiệp đạo thiện, nếu là Biểu và Vô biểu trong sát-na này, thì đều có đủ bảy nghĩa:

1. Thi-la.
2. Hành diệu.

3. Luật nghi.
4. Biệt giải thoát.
5. Luật nghi biệt giải thoát.
6. Nghiệp.
7. Nghiệp đạo.

Các Vô biểu nghiệp từ đây về sau đều chỉ có năm nghĩa, đó là trừ ra Biệt giải thoát và Nghiệp đạo, bởi vì đã đạt được giải thoát hoàn toàn các điều ác chứ không phải là lúc bắt đầu, cùng bởi vì chỉ vào lúc Tư cuối cùng mới gọi là nghiệp đạo.

Hỏi: Do Tư cuối cùng chuyển mấy nghiệp đạo thiện câu sinh?

Đáp: Vào lúc thọ tám giới và năm giới, nếu trú trong tâm thiện thuộc năm thức, thì do Tư cuối cùng chuyển sáu nghiệp đạo câu sinh; nếu trú trong tâm thiện thuộc ý thức, thì do Tư cuối cùng chuyển bảy nghiệp đạo thiện câu sinh; nếu trú trong tâm nhiễm ô, hoặc là tâm vô ký, thì do Tư cuối cùng chuyển bốn nghiệp đạo thiện câu sinh; nếu trú trong tâm thiện ý thức, thì do Tư cuối cùng chuyển mười hoặc là chín nghiệp đạo thiện câu sinh; nếu trú trong tâm nhiễm ô, hoặc là tâm vô ký, hoặc là lúc không có tâm, thì do Tư cuối cùng chuyển bảy nghiệp đạo thiện câu sinh. Lúc thọ Phi luật nghi-phi bất luật nghi, bảy nghiệp đạo thiện của thân-ngữ, tùy theo ký hạn yêu cầu mà nhiều ít không nhất định; ba nghiệp đạo thiện của ý, hoặc là có, hoặc là không có, hoặc là nhiều, hoặc là ít.

Người sinh ở cõi Dục, nếu khởi lên tâm thiện thuộc năm thức của cõi Dục, thì do Tư cuối cùng chuyển hai nghiệp đạo thiện câu sinh; nếu khởi lên tâm thiện thuộc ý thức của cõi Dục, thì do Tư cuối cùng chuyển ba nghiệp đạo thiện câu sinh; nếu khởi lên tâm thiện của cõi Sắc, và tâm câu sinh thuộc chánh kiến vô lậu của địa ấy, thì do Tư cuối cùng chuyển mười nghiệp đạo thiện câu sinh; nếu khởi lên tâm câu sinh thuộc Tận trí, Vô sinh trí của địa ấy, thì do Tư cuối cùng chuyển chín nghiệp đạo thiện câu sinh; nếu khởi lên tâm thiện của cõi Vô sắc, và tâm câu sinh thuộc chánh kiến vô lậu của địa ấy, thì do Tư cuối cùng chuyển ba nghiệp đạo thiện câu sinh; nếu khởi lên tâm câu sinh thuộc Tận trí, Vô sinh trí của địa ấy, thì do Tư cuối cùng chuyển hai nghiệp đạo thiện câu sinh.

Người sinh ở tinh lự thứ nhất, nếu khởi lên tâm thiện thuộc ba thức, thì do Tư cuối cùng chuyển hai nghiệp đạo thiện câu sinh; nếu khởi lên tâm thiện không nhất định thuộc ý thức của địa mình, thì do Tư cuối cùng chuyển ba nghiệp đạo thiện câu sinh; nếu khởi lên tâm định

hữu lậu thuộc ý thức của địa mình, và tâm câu sinh thuộc Chánh kiến vô lậu của địa mình, thì do Tư cuối cùng chuyển mười nghiệp đạo thiện câu sinh; nếu khởi lên tâm câu sinh thuộc Tận trí, Vô sinh trí của địa mình, thì do Tư cuối cùng chuyển chín nghiệp đạo thiện câu sinh; nếu khởi lên tâm thiện của Tịch lự thứ hai, thứ ba, thứ tư, và tâm câu sinh thuộc Chánh kiến vô lậu của địa ấy, thì do Tư cuối cùng chuyển mười nghiệp đạo thiện câu sinh; nếu khởi lên tâm câu sinh thuộc Tận trí, Vô sinh trí của địa ấy, thì do Tư cuối cùng chuyển chín nghiệp đạo thiện câu sinh; nếu khởi lên tâm thiện của cõi Vô sắc, và tâm câu sinh thuộc chánh kiến vô lậu của địa ấy, thì do Tư cuối cùng chuyển ba nghiệp đạo thiện câu sinh; nếu khởi lên tâm câu sinh thuộc Tận trí, Vô sinh trí của địa ấy, thì do Tư cuối cùng chuyển hai nghiệp đạo thiện câu sinh.

Như sinh ở Tịch lự thứ nhất, như vậy sinh ở Tịch lự thứ hai cho đến sinh ở cõi Vô sắc, đều cần phải nói rộng ra. Có điểm sai biệt là trừ ra ba thức thân, sinh ở cõi Vô sắc cũng trừ ra bảy nghiệp đạo trước.

Hỏi: Ở cõi nào, nẻo nào, có mấy nghiệp đạo thiện có thể đạt được?

Đáp: Cõi Dục có đủ mười, hoặc là luật nghi, hoặc là do Phi luật nghi, phi bất luật nghi thâm nhiếp; cõi Sắc cũng có đủ mười, đều do luật nghi thâm nhiếp; trong cõi Vô sắc thành tựu có mười, hiện rõ trước mắt chỉ có ba. Ở trong các nẻo, địa ngục có ba loại sau; bàng sinh và nẻo quỷ có đủ mười, đều do Phi luật nghi, phi bất luật nghi thâm nhiếp. Loài người ở ba châu, và trời cõi Dục đều có đủ mười, hoặc là luật nghi, hoặc là do Phi luật nghi, phi bất luật nghi thâm nhiếp; Bắc Câu-lô-châu chỉ có ba loại sau, đều do Phi luật nghi, phi bất luật nghi thâm nhiếp; trời cõi Sắc, Vô sắc như trước đã nói.

Ba nghiệp, mười nghiệp đạo, là ba thâm nhiếp mười, hay là mười thâm nhiếp ba? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: “Có ba nghiệp, mười nghiệp đạo.” Trong kinh tuy nói ra điều này mà chưa giải thích rộng ra; nói rộng ra như trước.

Lại có người nói: Vì muốn hiển bày về nơi chốn của nghiệp hết sức sâu xa, hết sức vi tế, khó thấy được, khó hiểu được. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì trong tất cả các kinh mà Như Lai đã nói, không có kinh nào rất sâu xa như kinh Nghiệp; trong mười hai Chuyển không có Chuyển nào rất sâu xa như Chuyển nghiệp; trong mười Lực của Phật không có Lực nào rất sâu xa như Lực của nghiệp; ở trong tám Uẩn không có Uẩn

nào rất sâu xa như Uẩn nghiệp; trong bốn Bất tư nghi không có Bất tư nghi nào rất sâu xa như Bất tư nghi về nghiệp. Bởi vì duyên này cho nên Đức Thế Tôn vào một thời gian cố gắng hết sức an trú, thiết tha ân cần tác ý, thâm nhiếp tâm ý tư duy, vào nơi yên ổn vắng lặng, ngồi thư thái yên lặng, quán sát xem xét tỉ mỉ: Các quan phụ tá của nước Ma-kiệt-đà, là nẻo nào, là thọ sinh nơi đâu, là đi đến chỗ nào? Nhờ vào tác ý này mới có thể biết rõ ràng, các quan phụ tá ấy... ở trong nẻo như vậy, thọ sinh như vậy, đi đến chỗ như vậy.

Hỏi: Phạm hạnh của chư Phật như vậy, lúc vừa mới khởi tâm, trí kiến thù thắng đối với tất cả các phạm hạnh chuyển đổi không chướng ngại gì, vì nghĩa gì mà cố gắng hết sức an trú, thiết tha ân cần tác ý, nói rộng ra cho đến ngồi thư thái yên lặng?

Đáp: Hoặc có người nói: Vì hiển bày về nơi chốn của nghiệp là hết sức sâu xa, hết sức vi tế, khó thấy vô cùng, khó hiểu vô cùng.

Lại có người nói: Vì quán sát tỉ mỉ các quan phụ tá của nước Ma-kiệt-đà, với tánh của các loại nhân, tánh của các loại quả, tánh của các loại nối tiếp nhau, tánh của các loại đối trị, và tâm mạng chung, tâm nối tiếp sinh ra... Nhờ vào sự quán sát này, như thích hợp đều biết rõ. Lại nữa, Đức Thế Tôn vì muốn biết rõ về nơi sinh khác nhau của các quan phụ tá ấy..., cho nên hết sức tác ý.

Lại có người nói: Bởi vì đời chúng sinh được hóa độ trong tương lai, có những chúng sinh được hóa độ thuận theo pháp nghe nói để làm điều lợi ích, hãy còn chưa tụ hội ở trong chúng này.

Lại có người nói: Bởi vì đời Thần-na-lật-liên-bà, người ấy là Tần-tỳ-sa-la ở đời trước, hãy còn chưa tụ hội ở trong chúng này.

Lại có người nói: Muốn làm cho A-nan sinh ý tôn trọng, ân cần-cung kính không trái ngược để thọ trì quán sát suy nghĩ.

Lại có người nói: Bởi vì muốn đoạn trừ tâm kiêu ngạo của những người tà mạn, nghĩa là có người biết phần ít về pháp rồi, thì sinh lòng kiêu mạn mà không tu học. Vì trừ bỏ ý đó để hiển bày Phật Thế Tôn không dựa vào gia hạnh, trí kiến thù thắng đối với tất cả các pháp chuyển đổi không chướng ngại gì, hãy còn thiết tha ân cần quán sát ở trong tất cả các sự việc hỏi và ghi nhận, hướng hồ đối với trí nhỏ nhoi của ông mà cho rằng không học để sinh tâm kiêu mạn hay sao?

Lại có người nói: Bởi vì muốn hiển bày về thành tựu pháp của Bồ-tát (Chánh sĩ), các Bồ tát có pháp như vậy đều thuận theo do khéo suy nghĩ mà suy nghĩ, do khéo giảng nói mà giảng nói, do khéo thực hành mà thực hành.

Lại có người nói: Đức Thế Tôn trong một lúc nọ đi vào nơi yên ổn vắng lặng, ngồi thư thái lặng lẽ, Tôn giả A-nan thưa hỏi về điều ấy. Đức Thế Tôn chưa trả lời liền tiến vào Định yên lặng (Tịch định), từ Định đứng lên rồi mới phân biệt rõ ràng về điều ấy cho A-nan biết. Vì nhân duyên này cho nên soạn ra phần luận này.

Lại có người nói: Bởi vì ba nhân duyên cho nên soạn ra luận:

1. Vì phân biệt về nghĩa trong kinh.
2. Vì ngăn chặn luận thuyết của người khác.
3. Vì hiển bày rõ ràng những việc làm mà thế gian hiện thấy.

Vì phân biệt về nghĩa trong kinh, nghĩa là trong kinh nói nghiệp có hai loại:

1. Nghiệp tư.
2. Nghiệp do tư mà dấy khởi.

Nghiệp đã nói ấy, nay cần phải giải thích rộng ra, đó gọi là phân biệt về nghĩa trong kinh. Vì ngăn chặn luận thuyết của người khác, như ngoại đạo Thắng Luận nói năm loại nghiệp, đó là lấy, bỏ, co vào, duỗi ra, thực hành là nghiệp thứ năm; ngoại đạo Số Luận nói chín loại nghiệp đó, đó là lấy, bỏ, co vào, duỗi ra, đưa lên, hạ xuống, mở ra, đóng lại, thực hành là nghiệp thứ chín.

Hoặc có ngoại đạo nói mười hai Xứ đều là tánh của nghiệp. Họ đưa ra cách nói này: Nhân làm nghiệp gì? Đó là thấy sắc. Sắc làm nghiệp gì? Đó là do nhân mà hiện hành. Nói rộng ra cho đến, ý làm nghiệp gì? Đó là có thể biết pháp. Pháp làm nghiệp gì? Đó là do ý mà hiện hành.

Cần phải ngăn chặn những tông chỉ tà vạy đã lập ra như vậy, để hiển bày rõ ràng về tự tánh của các nghiệp không trái ngược.

Lại nữa, phái Thí Dụ nói: Nghiệp thân-ngữ-ý đề là một Tư. Vì ngăn chặn ý đó để hoãn bày trừ ra Thể của Tư, có riêng tự tánh của hai nghiệp thân-ngữ.

Lại nữa, Phân Biệt Thuyết Bộ kiến lập tham dục-sân nhuế-tà kiến là tự tánh của nghiệp. Tại sao Bộ ấy đưa ra cách nói này? Bởi vì dựa vào kinh, như trong kinh nói: “Vốn là do Tư mà tạo ra ba loại nghiệp của thân, đã gây ra, đã tích tập là ác bất thiện, luôn luôn sinh ra nhiều khổ đau cảm lấy dị thực khổ đau. Vốn là do Tư mà tạo ra bốn loại nghiệp của ngữ, ba loại nghiệp của ý, đã gây ra, đã tích tập là ác bất thiện, luôn luôn sinh ra nhiều khổ đau cảm lấy dị thực khổ đau. Ba nghiệp của ý, đó là tham-giận-tà kiến.” Dựa vào kinh này, cho nên nói ba loại tham... là tự tánh của nghiệp. Vì ngăn chặn ý đó để hiển bày về tham dục... không

phải là tự tánh của nghiệp, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Nếu tham dục... không phải là tánh của nghiệp, thì kinh mà Phân Biệt Thuyết Bộ đã dẫn chứng làm sao thông hiểu?

Đáp: Là tư lương của nghiệp cho nên nói là nghiệp; như trong kinh Xứ Xứ, Đức Thế Tôn nói tư lương ấy gọi là pháp ấy. Như trước nói nhiều về tư lương của Lạc... gọi là Lạc...; trong này cũng như vậy, đối với tư lương của nghiệp nói đó gọi là nghiệp.

Tôn giả Pháp Cứu đưa ra cách nói như vậy: “Trong này, Đức Thế Tôn chỉ thấu nhiếp về nghiệp ấy, dựa vào nơi nương tựa để biểu hiện rõ ràng về tánh của nghiệp, cho nên nói như vậy. Nghĩa là nếu dựa vào Tư cuối cùng chuyển bậc thang thù thắng này, thì ở tại nơi này nói rõ ràng tên gọi của nghiệp.”

Như vậy, tất cả gọi là vì ngăn chặn luận thuyết của người khác.

Vì hiển bày rõ ràng những việc làm mà thế gian hiện thấy, nghĩa là các thế gian đối với quả của nghiệp ấy mà tưởng tượng thiết lập tên gọi của nghiệp; như thấy các vật thêu gấm thêu hoa, họa vẽ rực rỡ..., nói rằng tác nghiệp tinh xảo như vậy. Đây thật ra không phải là nghiệp, mà chỉ là quả của nghiệp. Đó gọi là bởi vì hiển bày rõ ràng những việc làm mà thế gian hiện thấy. Bởi vì ba duyên này cho nên soạn ra phần luận này.

Ba nghiệp, đó là thân nghiệp-ngữ nghiệp và ý nghiệp.

Hỏi: Ba nghiệp này kiến lập thế nào? Là bởi vì tự tánh, là bởi vì sở y, hay là vì cùng dấy khởi? Nếu là tự tánh thì lẽ ra chỉ có một nghiệp, đó gọi là ngữ nghiệp, bởi vì ngữ chính là nghiệp. Nếu là sở y thì lẽ ra tất cả các nghiệp đều gọi là thân nghiệp, bởi vì ba loại nghiệp đều dựa vào thân. Nếu như cùng dấy khởi thì lẽ ra tất cả các nghiệp đều gọi là ý nghiệp, bởi vì ba loại nghiệp ấy đều là ý cùng dấy khởi.

Đáp: Tất cả do ba duyên mà kiến lập ba nghiệp:

1. Bởi vì tự tánh cho nên kiến lập ngữ nghiệp.
2. Bởi vì sở y cho nên kiến lập thân nghiệp.
3. Bởi vì cùng dấy khởi cho nên kiến lập ý nghiệp.

Lại có người nói: Bởi vì ba duyên cho nên kiến lập ba nghiệp:

1. Bởi vì dựa vào nơi chốn của mình.
2. Bởi vì dựa vào nơi chốn khác.
3. Bởi vì dựa vào nơi chốn tương ứng.

Dựa vào nơi chốn của mình cho nên kiến lập ngữ nghiệp, dựa vào nơi chốn khác cho nên kiến lập thân nghiệp, dựa vào nơi chốn tương ứng cho nên kiến lập ý nghiệp. Như vậy gọi là tự tánh của ba nghiệp.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cố.

Hỏi: Vì sao gọi là nghiệp, nghiệp có nghĩa gì?

Đáp: Bởi vì ba nghĩa cho nên nói tên gọi là nghiệp:

1. Bởi vì tác dụng.

2. Bởi vì duy trì cách thức chuẩn.

3. Bởi vì Phân Biệt về quả. Bởi vì tác dụng, nghĩa là ngay nơi tác dụng nói tên gọi là nghiệp. Bởi vì duy trì cách thức chuẩn, nghĩa là có năng lực duy trì cách thức chuẩn của bảy chúng. Bởi vì phân biệt về quả, nghĩa là có năng lực phân biệt về quả yêu thích, không yêu thích.

Hỏi: Nếu như vậy thì pháp tương ứng cùng có kia cũng có thể phân biệt về quả yêu thích, không yêu thích đều gọi là nghiệp chăng?

Đáp: Trong này chỉ nói đến pháp hơn hẳn gọi là nghiệp, bởi vì ba loại nghiệp này là thù thắng nhất ở trong các pháp tương ứng cùng có. Ví như thế gian ở nơi các loại hơn hẳn có được các loại tên gọi, ở đây cũng như vậy. Như thế gian nói thầy thuốc làm thuốc, trong này không phải là không có nguyên liệu làm thuốc, đồ đựng thuốc và người làm thuốc..., nhưng ở trong đó thầy thuốc là hơn hẳn, cho nên có được tên gọi ấy. Lại như người viết chữ, không phải là không có các loại giấy-mực-bút..., và chịu khó tìm cách hòa hợp để viết thành chữ, nhưng thuận theo người là hơn hẳn, cho nên có được tên gọi ấy. Người nhuộm áo quần-người rèn đồ vật, thí dụ cũng như vậy. Nay ở đây cũng như vậy, tuy có các loại tự tánh cùng có và pháp tương ứng, tất cả đều có thể cảm lấy quả dị thực, nhưng mà ở trong đó có thể phân biệt về quả thì nghiệp là hơn hẳn, cho nên chỉ nói đến nghiệp.

Lại có người nói: Bởi vì ba nghĩa cho nên nói tên gọi là nghiệp:

1. Vì có tác dụng.

2. Vì có hành động.

3. Vì có tạo tác.

Vì có tác dụng, tức là ngữ nghiệp, bình luận như vậy, mình nên làm những điều như vậy... như vậy... Vì có hành động, tức là thân nghiệp, tuy thật sự không có sử dụng mà giống như đi đến nơi khác. Vì có tạo tác, tức là ý nghiệp tạo tác hai loại thức. Bởi vì nghĩa này cho nên nói tên gọi là nghiệp.

Mười nghiệp đạo, đó là ba nghiệp đạo của thân, bốn nghiệp đạo của ngữ, ba nghiệp đạo của ý.

Hỏi: Mười nghiệp đạo thiện, mười nghiệp đạo bất thiện, lẽ nào không hợp lại nói là có hai mươi loại hay sao, tại sao trong này chỉ nói có mười?

Đáp: Bởi vì không vượt quá số mười, nghĩa là dựa vào nơi mà hành ác đã nương tựa, phát khởi mười loại nghiệp đạo bất thiện; vẫn dựa vào nơi này bởi vì lìa xa, cho nên ngay nơi ấy có thể phát khởi mười nghiệp đạo thiện.

Lại có người nói: Nói tóm lược thì có mười loại, nói mở rộng thì có hai mươi loại. Như tóm lược và mở rộng, như vậy không có sai biệt-sai biệt, tổng quát-riêng biệt, khắp nơi-không khắp nơi, không khác nhau -có khác nhau, cùng lúc-lần lượt, nên biết cũng như vậy.

Lại có người nói: Thuận theo người lợi căn cho nên nói có mười, thuận theo người độn căn cho nên nói là hai mươi. Như lợi căn và độn căn, như vậy lực của nhân, lực của duyên, lực bên trong, lực bên ngoài, bên trong do lực tác ý như lý mà duy trì, bên ngoài do lực tu tập nhiều nhờ lời nói của người khác, lực của trí tóm lược mở bày, lực của trí giải thích mở rộng, nên biết cũng như vậy. Đó gọi là tự tánh của mười nghiệp đạo.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cố.

Hỏi; Vì sao gọi là nghiệp đạo, nghiệp đạo có nghĩa gì?

Đáp: Tư gọi là nghiệp, do Tư thực hiện thường xuyên, cuối cùng mà chuyển thì gọi là nghiệp đạo.

Hỏi: Nếu như Tư gọi là nghiệp, do Tư thực hiện thường xuyên đến cuối cùng mà chuyển gọi là nghiệp đạo, thì thiện-bất thiện và tất cả vô ký còn lại, không pháp nào không đều là do Tư thực hiện thường xuyên đến cuối cùng mà chuyển, tất cả đều phải nói là nghiệp đạo, có nhân duyên bất cộng thù thắng gì, mà chỉ nói mười loại này để làm nghiệp đạo?

Đáp: Đây là Đức Thế Tôn có cách nói khác, Đại Sư quán xét tâm hành-ý nguyện ưa thích của hữu tình đã cảm hóa kia, giản lược mà nói cho biết.

Hiếp Tôn giả nói: “Chỉ riêng Phật Thế Tôn hiểu rõ ràng tận cùng tánh tướng của các pháp, cũng biết rõ về thể dụng của các pháp, chứ không phải là người khác có thể biết được. Nếu pháp có tướng của nghiệp đạo thì thuận theo mà thiết lập, không có tướng của nghiệp đạo thì không thiết lập.”

Tôn giả Diêu Âm cũng đưa ra cách nói này: “Đại Sư biết mười loại nghiệp đạo này, có thể dụng như vậy, mạnh mẽ như vậy, gần gũi như vậy, có thể làm con đường đi lại cho nghiệp Tư khiến đến cuối cùng chuyển đổi, trừ nghiệp đạo này ra thì tất cả các pháp còn lại không có sự việc như vậy.”

Lại có người nói: Do hai nhân duyên mà kiến lập nghiệp đạo:

1. Do sự chê trách của thế gian.
2. Do sự ca ngợi của thế gian.

Chính là mười loại nghiệp đạo bất thiện và mười loại nghiệp đạo thiện.

Hỏi: Nếu như do sự chê trách của thế gian mà gọi là nghiệp đạo, vậy thì tâm ác làm chảy máu thân Phật, tất cả thế gian đều cùng nhau chê trách, tại sao không nói đó là nghiệp đạo?

Đáp: Nếu như do sự chê trách của thế gia, Như Lai xuất thế và không xuất thế, tất cả mọi lúc đều có thì thiết lập làm nghiệp đạo; làm chảy máu thân Phật thì có Phật ở thế gian sẽ có, không có Phật ở thế gian sẽ không có, cho nên không thiết lập nghiệp đạo. Ở trong sự ca ngợi xa lìa làm chảy máu, vốn có hỏi-đáp nên biết cũng như vậy.

Lại có người nói: Do ba nhân duyên mà kiến lập nghiệp đạo:

1. Do nơi nương tựa.
2. Do thi thiết.
3. Do phân biệt về quả yêu thích-không yêu thích.

Lại có người nói: Nếu bởi vì pháp này làm cho vật trong-ngoài, có lúc sút giảm, có lúc thêm nhiều, thì kiến lập nghiệp đạo.

Nên biết trong này, nơi nương tựa là bên ngoài, thọ lượng... là bên trong.

Thế nào là do nghiệp đạo này làm cho vật bên ngoài giảm sút, đó là lúc nghiệp đạo sát sinh tăng lên, tất cả các vật bên ngoài đều ít sáng bóng, tồn tại không lâu bền. Nếu lúc nghiệp đạo trộm cắp tăng lên, thì tất cả các vật bên ngoài phát sinh tai họa dồn dập, gặp phải nhiều trở ngại như sương mù, mưa đá, bụi bặm dơ bẩn... nếu lúc nghiệp đạo tà dâm tăng lên, thì tất cả các vật bên ngoài có nhiều sự cạnh tranh tàn ác. Nếu lúc nghiệp đạo nói lời dối trá tăng lên, thì tất cả các vật bên ngoài phần nhiều là những thứ dơ bẩn thối tha. Nếu lúc nghiệp đạo nói lời chia rẽ tăng lên, thì tất cả các vật bên ngoài phần nhiều không bằng phẳng, gò đồi hầm hố hiểm trở ngăn cách. Nếu lúc nghiệp đạo nói lời hung ác tăng lên, thì tất cả các vật bên ngoài đều là thô thiển xấu tệ, gai độc, cát đá khắp nơi, giả sử có một ít vật quý như vàng, bạc... mà không có ánh sáng, không điều hòa, khó sử dụng. Nếu lúc nghiệp đạo nói lời dơ bẩn tăng lên, thì tất cả các vật bên ngoài do khí hậu thay đổi trái ngược, nhanh chóng bị hủy diệt, phần nhiều không thành kết quả. Nếu lúc nghiệp đạo tham dục tăng lên, thì tất cả các vật bên ngoài phần nhiều cảm sút, nhỏ nhoi ít thấy. Nếu lúc nghiệp đạo sân giận tăng lên,

thì tất cả các vật bên ngoài phần nhiều khô héo, quả hạt đắng chát. Nếu lúc nghiệp đạo tà kiến tăng lên, thì tất cả các vật bên ngoài phần nhiều điêu tàn, thiếu mất hoa, quả, hoặc là hoàn toàn không có quả. Đó gọi là do nghiệp đạo này làm cho vật bên ngoài giảm sút.

Làm sao lại biết do nghiệp đạo này mà làm cho vật bên trong như thọ lượng... bị giảm xuống? Đó là nếu lúc mười nghiệp đạo bất thiện tăng trưởng đầy đủ, thì châu Thiệm bộ này có bốn loại sút giảm xuất hiện ở thế gian, nghĩa là thọ lượng sút giảm, hữu tình sút giảm, vật dụng cung cấp sút giảm, phẩm thiện sút giảm. Thọ lượng sút giảm, nghĩa là lúc kiếp ban đầu, người ở châu Thiệm bộ này sống thọ vô lượng tuổi, đến lúc cuối cùng của kiếp thì con người sống thọ mười tuổi. Hữu tình sút giảm, nghĩa là lúc bắt đầu của kiếp, châu Thiệm bộ này rộng lớn sạch sẽ trang nghiêm, phần lớn là những hữu tình phước đức thuần thiện, thành ấp san sát theo thứ tự, nhân dân đông đúc khắp nơi, đến lúc cuối cùng của kiếp chỉ còn lại một vạn người. Vật dụng cung cấp sút giảm, nghĩa là lúc bắt đầu của kiếp, châu Thiệm bộ này yên ổn vui sướng dồi dào, các loại lúa gạo đậu mè khắp nơi là thức ăn tuyệt vời nhất, đến lúc cuối cùng của kiếp thì nhân dân đói kém, chỉ có bo bo - hạt cỏ... làm thức ăn tuyệt vời nhất. Phẩm thiện sút giảm, nghĩa là lúc ban đầu của kiếp, châu Thiệm bộ này có mười nghiệp đạo thiện tăng trưởng đầy đủ, vào lúc kiếp giảm đi thì mười nghiệp đạo ác tăng trưởng đầy đủ.

Thế nào là do nghiệp đạo này làm cho các sự vật bên ngoài có lúc tăng lên? Đó là nếu lúc lìa bỏ nghiệp đạo sát sinh tăng lên, thì tất cả sự vật bên ngoài đều nhiều sáng bóng và tồn tại vững bền trải qua thời gian dài. Lúc lìa bỏ nghiệp đạo trộm cắp tăng lên, thì tất cả sự vật bên ngoài không phát sinh tai họa, không bị những chướng ngại như sương mù-mưa đá... làm cho tổn hại. Lúc lìa bỏ nghiệp đạo tà dâm tăng lên, thì tất cả sự vật bên ngoài không có những cạnh tranh tàn ác. Lúc lìa bỏ nghiệp đạo nói lời dối trá tăng lên, thì tất cả sự vật bên ngoài đều nhiều hương thơm sạch sẽ. Lúc lìa bỏ nghiệp đạo nói lời chia rẽ tăng lên, thì tất cả sự vật bên ngoài tốt đẹp nghiêm túc dễ cầu được, đất bằng như bàn tay, rộng lớn sạch sẽ trang nghiêm. Lúc lìa bỏ nghiệp đạo nói lời hung ác tăng lên, thì tất cả sự vật bên ngoài đều vi diệu dồi dào, không có đèo dốc, gai độc, cát đá, vật quý như vàng, bạc... sáng ngời sạch sẽ, dễ dàng điều chế và có thể duy trì ở nhiều nơi. Lúc lìa bỏ nghiệp đạo nói lời đơ bẩn tăng lên, thì tất cả sự vật bên ngoài luôn luôn kiên cố không có sự thay đổi trái ngược, thành tựu mọi kết quả thực sự.

Lúc nghiệp đạo không có tham tăng lên, thì sự vật bên ngoài sung túc, đầy đủ trọn vẹn tăng thêm nhiều. Lúc nghiệp đạo không có sân tăng lên, thì sự vật bên ngoài sáng bóng, quả hạt ngọt ngào ngon lành. Lúc nghiệp đạo chánh kiến tăng lên, thì sự vật bên ngoài dồi dào thêm, hoa, quả thành tựu sum sê. Đó gọi là do nghiệp đạo này làm cho sự vật bên ngoài tăng lên.

Làm sao lại biết do nghiệp đạo này mà làm cho sự vật bên trong như thọ lượng... tăng lên? Đó là lúc nếu mười nghiệp đạo thiện tăng trưởng đầy đủ, thì châu Thiệm bộ này có bốn sự tăng lên xuất hiện ở thế gian, nghĩa là thọ lượng tăng lên, hữu tình tăng lên, vật dụng cung cấp tăng lên, phẩm thiện tăng lên. Thọ lượng tăng lên, nghĩa là lúc cuối cùng của kiếp, người ở châu Thiệm bộ này sống thọ mười tuổi, đến lúc kiếp tăng lên thì sống thọ tám vạn tuổi. Hữu tình tăng lên, nghĩa là lúc cuối cùng của kiếp, châu Thiệm bộ này chỉ còn lại một vạn người, đến lúc kiếp tăng lên thì rộng lớn sạch sẽ trang nghiêm, phần lớn là những hữu tình phước đức thuần thiện, thành ấp san sát theo thứ tự, nhân dân đông đúc khắp nơi. Vật dụng cung cấp tăng lên, nghĩa là lúc cuối cùng của kiếp, ở châu Thiệm bộ này, nhân dân đói kém, dùng bo bo, hạt cỏ... làm thức ăn tuyệt vời nhất, đến lúc kiếp tăng lên thì yên ổn vui sướng dồi dào, các loại lúa đậu gạo mè khắp nơi là thức ăn tuyệt vời nhất. Phẩm thiện tăng lên, nghĩa là lúc cuối cùng của kiếp, mười nghiệp đạo ác tăng mạnh ở thế gian, đến lúc kiếp tăng lên thì mười nghiệp đạo thiện tăng mạnh ở thế gian.

Lại có người nói: Do ba quả cho nên kiếp lập mười nghiệp đạo:

1. Quả dị thực.
2. Quả đẳng lưu.
3. Quả tăng thượng.

Đó là sát sinh, nếu luyện tập, hoặc gây ra, hoặc nhiều lần luyện tập gây ra, thì sinh vào địa ngục, bàng sinh và nẻo quỷ, là quả dị thực; từ chỗ ấy chết đi, sinh vào trong loài người, chịu nhiều bệnh tật, mạng sống ngắn ngủi, là quả đẳng lưu; bởi vì nghiệp tăng thượng ấy cho nên đã cảm đến sự vật bên ngoài đều ít sáng bóng, không tồn tại lâu bền, là quả Tăng thượng.

Những người trộm cắp, nếu luyện tập, hoặc gây ra, hoặc nhiều lần luyện tập gây ra, thì sinh vào địa ngục, bàng sinh và nẻo quỷ, là quả dị thực; từ chỗ ấy chết đi, sinh vào trong loài người, tiền bạc của cải thiếu hụt, là quả đẳng lưu; bởi vì nghiệp tăng thượng ấy cho nên đã cảm đến sự vật bên ngoài luôn luôn phát sinh tai họa, gặp nhiều trở ngại như

sương mù, mưa đá, bụi bặm dơ bẩn..., là quả Tăng thượng.

Những người tà dâm, nếu thói quen, hoặc gây ra, hoặc nhiều lần do thói quen gây ra, thì sinh vào địa ngục, bàng sinh và nẻo quỷ, là quả Dị thực; từ chỗ ấy chết đi, sinh vào trong loài người, gặp vợ không trinh tiết lương thiện, là quả Đẳng lưu; bởi vì nghiệp tăng thiện ấy cho nên cảm đến sự vật bên ngoài có nhiều cạnh tranh tàn ác, là quả Tăng thượng.

Những người nói lời dối trá, nếu thói quen, hoặc gây ra, hoặc nhiều lần do thói quen gây ra, thì sinh vào địa ngục, bàng sinh và nẻo quỷ, là quả Dị thực; từ chỗ ấy chết đi, sinh vào trong loài người, gặp nhiều điều phỉ báng, là quả Đẳng lưu; bởi vì nghiệp tăng thượng ấy cho nên đã cảm đến sự vật bên ngoài, phần nhiều là những thứ dơ bẩn thối tha, là quả Tăng thượng.

Những người nói lời chia rẽ, nếu thói quen, hoặc gây ra, hoặc phần nhiều do thói quen gây ra, thì sinh vào địa ngục, bàng sinh và nẻo quỷ, là quả Dị thực; từ chỗ ấy chết đi, sinh vào trong loài người, gặp phải bạn thân chia lìa ngang trái, là quả Đẳng lưu; bởi vì nghiệp tăng thượng ấy cho nên đã cảm đến sự vật bên ngoài, phần lớn không ngay thẳng bằng phẳng, gò đồi, hầm hố, đèo dốc hiểm trở ngăn cách cheo leo, là quả Tăng thượng.

Những người nói lời hung ác, nếu thói quen, hoặc gây ra, hoặc phần nhiều do thói quen gây ra, thì sinh vào địa ngục, bàng sinh và nẻo quỷ, là quả Dị thực; từ chỗ ấy chết đi, sinh vào trong loài người, luôn luôn nghe các loại âm thanh không vừa ý, là quả Đẳng lưu; bởi vì nghiệp tăng thượng ấy cho nên đã cảm đến sự vật bên ngoài, phần lớn là thô kệch xấu xí, gai độc, cát đá, tuy có một ít vàng, bạc... mà không có ánh sáng, không có điều hòa, khó sử dụng, là quả Tăng thượng.

Những người nói lời dơ bẩn, nếu thói quen, hoặc gây ra, hoặc phần nhiều do thói quen gây ra, thì sinh vào địa ngục, bàng sinh và nẻo quỷ, là quả Dị thực; từ chỗ ấy chết đi, sinh vào trong loài người, lời nói không uy tín nghiêm túc, là quả Đẳng lưu; bởi vì nghiệp tăng thượng ấy cho nên đã cảm đến sự vật bên ngoài, gặp phải khí hậu thay đổi thất thường, nhanh chóng bị hủy diệt, phần lớn không thành tựu kết quả, là quả Tăng thượng.

Những người có tham dục, nếu thói quen, hoặc gây ra - hoặc phần nhiều do thói quen gây ra, thì sinh vào địa ngục - bàng sinh và nẻo quỷ, là quả Dị thực; từ chỗ ấy chết đi - sinh vào trong loài người, tham dục mạnh mẽ và sắc bén hơn, là quả Đẳng lưu; bởi vì nghiệp tăng thượng ấy

cho nên đã cảm đến sự vật bên ngoài phần nhiều là giảm sút, nhỏ nhoi và ít ỏi, là quả Tăng thượng.

Những người có sân giận, nếu thói quen, hoặc gây ra, hoặc phần nhiều do thói quen gây ra, thì sinh vào địa ngục, bàng sinh và nẻo quỷ, là quả Dị thực; từ chỗ ấy chết đi, sinh vào trong loài người, sân giận mạnh mẽ và sắc bén hơn, là quả Đẳng lưu; bởi vì nghiệp tăng thượng ấy cho nên đã cảm đến sự vật bên ngoài phần nhiều là khô héo, quả- hạt đắng chát, là quả Tăng thượng.

Những người có tà kiến, nếu thói quen, hoặc gây ra, hoặc phần nhiều do thói quen gây ra, thì sinh vào địa ngục, bàng sinh và nẻo quỷ, là quả Dị thực từ chỗ ấy chết đi, sinh vào trong loài người, ngu si vô cùng, là quả Đẳng lưu; bởi vì nghiệp tăng thượng ấy cho nên đã cảm đến sự vật bên ngoài phần nhiều là điêu tàn, thiếu hụt và rất ít hoa, quả hoặc là hoàn toàn không có quả, là quả Tăng thượng.

Lìa bỏ sát sinh, nếu thói quen, hoặc tu dưỡng, hoặc phần nhiều do thói quen tu dưỡng, thì sinh vào loài người, trời, là quả Dị thực; từ nơi ấy chết đi, sinh đến nơi này, không có bệnh tật, thọ mạng lâu dài, là quả Đẳng lưu; bởi vì nghiệp tăng thượng ấy cho nên đã cảm đến sự vật bên ngoài đều nhiều ánh sáng, trơn láng, tồn tại bền vững trải qua thời gian dài, là quả Tăng thượng.

Dựa vào đạo lý này, phẩm thiện của chín nghiệp đạo thiện còn lại, cùng với trên trái ngược nhau đều cần phải nói là rộng ra, cho nên do ba quả mà kiến lập mười nghiệp đạo.

Hỏi: Vì sao không nói Tư là nghiệp đạo?

Đáp: Tư chính là nghiệp, do Tư mà hành động cho nên gọi là nghiệp đạo; nên biết rằng nghiệp đạo không phải chính là Tư, vì vậy không nói đến. Như nơi nhà vua đi lại thì nói là đường đi của nhà vua, mà đường đi của nhà vua thì không phải là nhà vua. Ở đây cũng như vậy, do Tư mà hành động cho nên nói là nghiệp đạo, mà nghiệp đạo thì không phải là Tư. Thí dụ về chỗ ngồi của nhà vua..., cũng lại như vậy.

Lại có người nói: Nếu pháp cùng với Tư, ví như ba sự hòa hợp mà sinh, có tác dụng chuyển đổi thì thiết lập làm nghiệp đạo; Tư không cùng với Tư, ví như ba sự hòa hợp mà sinh, có tác dụng chuyển đổi, cho nên không phải là nghiệp đạo.

Lại có người nói: Nếu pháp cùng với Tư, cùng lúc mà sinh, có tác dụng chuyển đổi thì thiết lập làm nghiệp đạo; Tư không cùng với Tư, cùng lúc mà sinh, có tác dụng chuyển đổi, cho nên không thiết nghiệp đạo.

Lại có người nói: Nếu pháp và Tư cùng thuộc về hiện tại, làm con đường cho Tư thiết lập làm nghiệp đạo; Tư không cùng với Tư, cùng thuộc về hiện tại, làm con đường cho Tư, cho nên không thiết lập nghiệp đạo.

Hỏi: Nếu sai người khác sát sinh, cho đến dấy lên lời nói dơ bẩn, người bị sai khiến hoặc là trải qua nhiều ngày mới làm, thì người sai khiến người khác đã diệt Tư từ lâu, làm sao có thể gọi là cùng với Tư, cùng thuộc về hiện tại, làm con đường cho Tư, khiến Tư cuối cùng thiết lập làm nghiệp đạo?

Đáp: Dựa vào nghĩa có thể đạt được mà thiết lập nghiệp đạo, nghĩa là nếu pháp khác có thể đạt được cùng lúc làm con đường cho Tư, cho nên thiết lập nghiệp đạo, không phải là trong một sát-na mà hai Tư có thể đạt được hiện tại làm con đường, vì vậy không thiết lập Tư làm nghiệp đạo.

Hỏi: Tư cùng với Tư, cùng thuộc về hiện tại, đó là Tư nối tiếp nhau của người khác, tại sao không nói?

Đáp: Dựa vào sự nối tiếp nhau của mình mà thiết lập nghiệp đạo, không dựa vào người khác để thiết lập.

Đã nói về tự tánh của ba nghiệp, mười nghiệp đạo, nay sẽ biểu hiện rõ ràng về tướng xen tạp, không xen tạp.

Hỏi: Ba nghiệp, mười nghiệp đạo, là ba thân nhiếp mười, hay là mười thân nhiếp ba?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc nghiệp chứ không phải là nghiệp đạo, đó là nghiệp đạo vốn không thân nhiếp thân nghiệp-ngữ nghiệp và toàn bộ ý nghiệp.

2. Có lúc nghiệp đạo chứ không phải là nghiệp, đó là ba nghiệp đạo sau.

3. Có lúc nghiệp cũng là nghiệp đạo, đó là bảy nghiệp đạo trước.

4. Có lúc không phải là nghiệp cũng không phải là nghiệp đạo, đó là trừ ra tướng trước. Tướng là thuộc về tên gọi, như trước nói rộng ra. Nghĩa là trong Sắc uẩn trừ ra nghiệp, chọn lấy Sắc uẩn còn lại; trong Hành uẩn trừ ra tham-sân-tà kiến bất thiện và không có tham-không có sân-chánh kiến cùng với tất cả Tư, chọn lấy Hành uẩn tương ứng-không tương ứng còn lại và ba uẩn toàn phần, cùng với pháp vô vi. Như vậy tất cả làm thành câu thứ tư, cho nên nói đó là trừ ra tướng trước.

Hỏi: Trong mười nghiệp đạo, tại sao bảy loại trước kiến lập là nghiệp và nghiệp đạo, ba loại sau chỉ là nghiệp đạo chứ không phải là nghiệp?

Đáp: Như luận Thi Thiết nói: “Các hành động sát sinh là nghiệp - là tác dụng, làm nhân, làm đạo, làm dấu tích, làm con đường cho Tư có thể phát khởi sát sinh, nói rộng ra cho đến những lời nói dơ bẩn là nghiệp, là tác dụng, làm nhân, làm đạo, làm dấu tích, làm con đường cho Tư có thể phát khởi lời nói dơ bẩn. Tất cả tham - sân - tà kiến bất thiện, không phải là nghiệp - không phải là tác dụng, chỉ làm nhân - làm đạo - làm dấu tích - làm con đường cho chính Tư thuộc phẩm câu sinh của nó. Lìa bỏ sát sinh là nghiệp - là tác dụng, làm nhân - làm đạo - làm dấu tích - làm con đường cho Tư có thể phát khởi lìa bỏ sát sinh, nói rộng ra cho đến lìa bỏ lời nói dơ bẩn là nghiệp - là tác dụng, làm nhân - làm đạo - làm dấu tích - làm con đường cho Tư có thể phát khởi lìa bỏ lời nói dơ bẩn. Tất cả không có tam - không có sân - chánh kiến, không phải là nghiệp - không phải là tác dụng, chỉ làm nhân - làm đạo - làm dấu tích - làm con đường cho chín Tư thuộc phẩm câu sinh của nó.”

Vì vậy chứng minh biết rằng nghĩa ấy thuận theo như vậy.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 114

LUẬN VỀ ÁC HÀNH (Phần 3)

Ba nghiệp, đó là nghiệp thân – ngữ và ý. Bốn nghiệp, đó là nghiệp Hắc hắc dị thực, nghiệp Bạch bạch dị thực, nghiệp Hắc bạch – hắc bạch dị thực, nghiệp Phi hắc - phi bạch không có dị thực, có thể không còn các nghiệp, là ba thân nhiếp bốn, hay là bốn thân nhiếp ba?

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: “Ba nghiệp - bốn nghiệp.” Trong kinh tuy nói ra điều này mà chưa giải thích rộng ra, cũng chưa hề nói là ba thân nhiếp bốn, hay là bốn thân nhiếp ba, cho đến nói rộng ra. Lại có người nói: Trước đây tuy phân biệt về ba nghiệp, mà chưa phân biệt về bốn nghiệp, nay cần phải phân biệt, cho nên soạn ra phần luận này.

Trong này, thế nào là nghiệp Hắc hắc dị thực? Đó là nghiệp bất thiện có thể cảm đến dị thực ở nơi hiểm ác.

Hỏi: Dị thực không nên gọi là Hắc. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì như luận Phẩm Loại Túc nói: “Thế nào là Hắc pháp? Đó là pháp bất thiện và pháp hữu phú vô ký. Thế nào Bạch pháp? Đó là pháp thiện và pháp vô phú vô ký.” Các quả dị thực vô phú vô ký, tại sao gọi là Hắc?

Đáp: Trong này chỉ nên nói thế nào là nghiệp Hắc, đó là nghiệp bất thiện có thể cảm đến ở nơi hiểm ác, chứ không cần phải nói thêm từ Hắc dị thực. Nên nói như vậy mà không nói như vậy, là có ý nghĩa gì? Nghĩa là nói như vậy thì đã thành lập Hắc là nhân chứ không phải là quả; như nói: Đứa trẻ ngỗ nghịch này đã phát ra lời mắng chửi cha chứ không phải là con. Trong này cũng như vậy.

Lại có người nói: Trong này dựa vào Hắc không vừa ý, cho nên đưa ra cách nói này. Hắc có hai loại:

1. Hắc nhiễm ô.

2. Hắc không vừa ý.

Trong này, nghiệp bởi vì hai Hắc cho nên nói tên gọi là Hắc, dị thực chỉ bởi vì Hắc không vừa ý cho nên cũng gọi là Hắc.

Hỏi: Nghiệp Hắc cũng cảm đến dị t

Đáp: Cũng nên nói mà không nói, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Lại có người nói: Điều ấy không quyết định. Nghĩa là trong loài người-trời, nếu nơi nào có dị thực của nghiệp Hắc, thì nơi ấy nhất định phải có dị thực của nghiệp Bạch; không có nơi nào chỉ có dị thực của nghiệp Hắc, mà không có dị thực của nghiệp Bạch. Trong các nẻo ác, nếu nơi nào có dị thực của nghiệp Bạch, thì nơi ấy chắc chắn có dị thực của nghiệp Hắc; có nơi chỉ có dị thực của nghiệp Hắc, chứ không có dị thực của nghiệp Bạch. Bởi vì trong nẻo ác có nơi quyết định dị thực của Hắc hắc, cho nên chỉ nói về nẻo ác.

Trong luận Tập Dị Môn lại đưa ra cách nói này: “Thế nào là nghiệp Hắc hắc dị thực? Đó là nghiệp bất thiện cảm đến nẻo địa ngục.”

Hỏi: Các nghiệp bất thiện cũng cảm đến dị thực của nẻo bàng sinh và quỷ, vì sao chỉ nói cảm đến địa ngục mà không nói nẻo khác?

Đáp: Nên nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Lại có người nói: Điều ấy không quyết định. Nghĩa là nẻo bàng sinh và quỷ cũng nhận lấy dị thực của nghiệp bất thiện, cũng nhận lấy dị thực của nghiệp thiện; nẻo địa ngục quyết định chỉ nhận lấy dị thực của nghiệp bất thiện, cho nên chỉ nói đến địa ngục.

Lại có người nói: Trong kinh, Đức Thế Tôn dùng nghiệp ác trùng lặp để khiến cho các hữu tình sợ hãi, vì thuận theo kinh ấy cho nên chỉ nói các nghiệp bất thiện cảm đến địa ngục gọi là nghiệp Hắc hắc dị thực. Vì hiển bày về nghĩa này cho nên dẫn kinh ấy để chứng minh.

“Có hai ngoại đạo, một người tên gọi Bồ-lạt-nã-kiều-trĩ-ca, thọ trì giới Trâu; một người tên gọi Át-chế-la-tây-nhĩ-ca, thọ trì giới chó. Hai ngoại đạo này ở trong một lúc cùng ngồi lại với nhau, đưa ra lời nói như vậy. Tất cả giới cấm khó thực hành ở thế gian, hai người chúng ta tu học đã đầy đủ, ai có thể ghi nhận đúng như thật về dị thực mà chúng ta cảm đến? Nghe dòng họ Thích-ca sinh ra một Thái tử dung nhan tướng mạo đoan chánh, dùng ba mươi hai tướng Đại trượng phu và tám mươi vẻ đẹp để trang nghiêm thân mình, ngắm nhìn không biết thỏa mãn, thân màu vàng ròng, ánh sáng thường tỏa ra một Tầm, tiếng nói trong

trẻo hòa nhã thích ý, hơn cả âm thanh tuyệt vời của chim Yết-la-tần -ca, trí kiến vô ngại-biện tài không có gì vướng mắc, chán ngán rời bỏ phép nhà, ra bên ngoài đến nơi không phải là nhà, thường xuyên tu khổ hạnh. Lại vẫn chán ngán lìa bỏ để tu hạnh Trung đạo (Xử trung), chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, đầy đủ Nhất thiết trí, chứng thấy tánh tướng của các pháp đúng như thật, đoạn dứt tất cả lưới nghi, thực hiện tất cả quyết định, suy xét thông hiểu ngọn nguồn của tất cả mọi vấn đề bàn luận. Hai người chúng ta bây giờ nên đi đến thưa hỏi, nếu được ghi nhận về dị thực do giới cấm chúng ta mà cảm đến, thì sẽ y theo học hỏi, lẽ nào không vui sướng hay sao? Thế là hai người đi đến nơi Đức Phật, dùng rất nhiều lời nói thân thiện, thăm hỏi nhau rồi, lùi về ngồi một phía. Lúc ấy Bồ-lạt-nã, trước là hỏi cho người khác mà thưa với Đức Phật rằng: Tây-nhĩ-ca này thọ trì giới Chó, tu học đã đầy đủ, sẽ hưởng đến nơi nào, sẽ sinh vào nơi đâu? Đức Thế Tôn bảo rằng: Nay Bồ-lạt-nã, ông đừng lại không cần phải hỏi, đừng bởi vì sự việc này, các ông đều sẽ không chấp nhận-không tin được, tâm mang đầy oán hận nhục nhã! Như vậy đến ba lần, nhưng người ấy vẫn ân cần thưa hỏi không dừng lại. Đức Phật vì lòng thương xót mà bảo rằng: Lắng nghe kỹ càng, Ta sẽ ghi nhận đúng như thật cho ông, thọ trì giới Chó nếu không có khuyết phạm thì sẽ sinh trong loài chó, nếu có khuyết phạm thì sẽ rơi vào địa ngục. Lúc ấy Bồ-lạt-nã nghe Đức Phật nói rồi, lòng dạ lo sợ đau buồn, khóc lóc nức nở không thể nào tự kiềm chế được. Đức Phật bảo rằng: Trước đó không phải là Ta nhiều lần bảo với ông rằng đừng lại không cần phải hỏi, đừng bởi vì sự việc này, các ông đều sẽ không chấp nhận-không tin được, tâm mang đầy oán hận nhục nhã hay sao? Nay quả là như vậy. Lúc bấy giờ Bồ-lạt-nã liền tự nén mình mà thưa với Đức Phật rằng: Không phải vì Đức Thế Tôn ghi nhận là Tây-nhĩ-ca sẽ sinh vào loài chó mà con đau buồn khóc lóc, nhưng con luôn luôn thọ trì giới Trâu, tu học đã đầy đủ, sợ rằng cũng sẽ như vậy cho nên lo sợ, chỉ nguyện Đấng Đại Từ nói rõ cho con thọ trì giới Trâu, sẽ hưởng đến nơi nào, sẽ sinh vào nơi đâu? Đức Thế Tôn bảo rằng: Thọ trì giới Trâu nếu không có khuyết phạm thì sẽ sinh trong loài trâu, nếu có khuyết phạm thì sẽ rơi vào địa ngục.” Những sự việc như vậy nói rộng ra như trong kinh.

Hỏi: Tại sao thọ trì giới Chó-giới Trâu gọi là không có khuyết phạm?

Đáp: Nếu trì giới Chó hoàn toàn giống như phép tắc của chó thì gọi là không có khuyết phạm, nếu trì giới Trâu hoàn toàn giống như

phép tắc của trâu thì gọi là không có khuyết phạm; nếu không như vậy thì gọi là có khuyết phạm. Vì vậy, Đức Thế Tôn dùng nghiệp ác trùng lặp để khiến cho các hữu tình sợ hãi, cho nên nói các nghiệp bất thiện có thể cảm đến ở nẻo địa ngục. Vì thuận theo kinh ấy cho nên luận Tập Dị Môn đưa ra cách nói như vậy: “Các nghiệp bất thiện cảm đến địa ngục gọi là nghiệp Hắc hắc dị thực.”

Lại có người nói: Các nghiệp bất thiện do kiến Đạo mà đoạn gọi là nghiệp Hắc hắc dị thực, bởi vì từ trong chủng loại ấy không có nghiệp Bạch xen lẫn.

Nói như vậy thì tất cả nghiệp bất thiện đều gọi là nghiệp Hắc hắc dị thực, bởi vì bất thiện trong cõi Dục rất mạnh mẽ, không bị pháp thiện làm cho xen tạp, mà pháp bất thiện có thể chèn ép - có thể đoạn mất thiện ở địa của mình; nghiệp thiện yếu kém mà bị sự xen tạp của bất thiện, cho nên thiện của cõi Dục không có thể đoạn được bất thiện.

Thế nào là nghiệp Bạch bạch dị thực? Đó là nghiệp thiện hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Nghiệp thiện hệ thuộc cõi Vô sắc cũng cảm đến Bạch dị thực, tại sao chỉ nói nghiệp thiện hệ thuộc cõi Sắc gọi là nghiệp Bạch bạch dị thực, mà không nói đến nghiệp thiện hệ thuộc cõi Vô sắc?

Đáp: Nên nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Lại có người nói: Nếu nói nghiệp thiện hệ thuộc cõi Sắc gọi là nghiệp Bạch bạch dị thực, thì nên biết đã nói nghiệp thiện hệ thuộc cõi Vô sắc cũng là nghiệp ấy, bởi vì cùng là pháp của Định, địa Tu. Nếu nói đến cõi này thì nên biết là cũng nói đến cõi kia.

Lại có người nói: Nếu các nghiệp thiện có thể cảm đến quả dị thực của hai loại, đó là Trung hữu và Sinh hữu, thì nghiệp thiện này gọi là nghiệp Bạch bạch dị thực; nghiệp của cõi Vô sắc chỉ cảm đến Sinh hữu, không cảm đến Trung hữu, cho nên không nói đến.

Như Trung hữu và Sinh hữu như vậy, khởi thọ, sinh thọ, khởi dị thực, sinh dị thực, khởi quả, sinh quả, quả tế, quả thô, nên biết cũng như vậy.

Lại có người nói: Nếu nghiệp có thể cảm đến hai loại dị thực, đó là Sắc và Phi sắc, thì các nghiệp thiện này gọi là nghiệp Bạch bạch dị thực; nghiệp của cõi Vô sắc chỉ cảm đến Phi sắc, không cảm đến Sắc, không cảm đến Sắc, cho nên không nói đến.

Lại có người nói: Nếu có đủ hai nghiệp có thể cảm đến dị thực, đó là Sắc và Phi sắc, thì nghiệp thiện trong này gọi là nghiệp Bạch bạch dị

thực; cõi Vô sắc chỉ có nghiệp Phi sắc, không có nghiệp Sắc, cho nên không nói đến.

Như Sắc và Phi sắc như vậy, tương ứng, không tương ứng, có sở y, không có sở y, có hành tướng, không có hành tướng, có sở duyên không có sở duyên, có tác ý, không có tác ý, hai loại nghiệp nên biết cũng như vậy.

Lại có người nói: Nếu có đủ ba nghiệp có thể cảm đến dị thực, đó là thân-ngữ và ý, thì nghiệp thiện thanh tịnh này gọi là nghiệp Bạch bạch dị thực; trong cõi Vô sắc chỉ có ý nghiệp có thể cảm đến dị thực, cho nên không nói đến.

Lại có người nói: Nếu dùng tất cả năm Uẩn có thể cảm đến dị thực, thì nghiệp thiện thanh tịnh này gọi là nghiệp Bạch bạch dị thực; trong cõi Vô sắc chỉ có bốn Uẩn có thể cảm đến dị thực, cho nên không nói đến.

Lại có người nói: Nếu có đầy đủ mười nghiệp đạo thiện có thể cảm đến dị thực, thì nghiệp thiện thanh tịnh này gọi là nghiệp Bạch bạch dị thực; trong cõi Vô sắc chỉ có ba nghiệp đạo thiện có thể cảm đến dị thực, cho nên không nói đến.

Lại có người nói: Nếu trong cõi này có hai loại trong sáng, hai loại rõ ràng, một là nhân, hai là quả, thì nghiệp thiện của cõi này gọi là nghiệp Bạch bạch dị thực; trong cõi Vô sắc có một loại trong sáng, rõ ràng, đó là nhân, cho nên không nói đến.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên chỉ riêng nghiệp thiện hệ thuộc cõi Sắc gọi là nghiệp Bạch bạch dị thực.

Thế nào là nghiệp Hắc bạch, hắc bạch dị thực? Đó là nghiệp thiện hệ thuộc cõi Dục, có thể cảm đến nghiệp dị thực của loài người, trời.

Hỏi: Không có một nghiệp nào vừa Hắc vừa Bạch, tại sao gọi là nghiệp Hắc bạch, hắc bạch dị thực?

Đáp: Bởi vì muốn biểu hiện rõ ràng trong một sự nương tựa, trong một sự nối tiếp nhau, nhận lấy dị thực do hai loại nghiệp đã cảm đến:

1. Hắc.

2. Bạch.

Vì vậy nói là nghiệp Hắc bạch, hắc bạch dị thực.

Hỏi: Trong các nẻo ác cũng nhận lấy dị thực của hai nghiệp Hắc Bạch, tại sao chỉ nói nghiệp dị thực có thể cảm đến của loài người -trời, gọi là nghiệp Hắc bạch, hắc bạch dị thực, mà không nói đến nghiệp dị thực có thể cảm lấy của nẻo ác?

Đáp: Nên nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có

khác.

Lại có người nói: Nếu nói nghiệp thiện có thể cảm đến của người, trời gọi là nghiệp Hắc bạch, hắc bạch dị thực, thì nên biết đã nói nghiệp thiện có thể cảm đến của nẻo ác cũng là nghiệp ấy, bởi vì tướng xen tạp đủ loại không có gì sai biệt. Nếu nói đến loài này thì nên biết là đã nói đến loài kia.

Lại có người nói: Điều ấy không quyết định, vì vậy không nói đến. Nghĩa là ở trong loài người, trời thuộc cõi Dục, không có một nơi nào mà không nhận lấy dị thực của nghiệp Hắc, Bạch xen lẫn; trong các nẻo ác tuy có nơi nhận lấy dị thực của nghiệp Hắc, Bạch xen lẫn, mà lại có nơi luôn luôn nhận lấy dị thực của nghiệp Hắc hoàn toàn, đó là một phần bàng sinh, quỷ, và tất cả địa ngục. Bởi vì Trung hữu của nẻo ác không quyết định, cho nên không nói đến.

Lại có người nói; Nghiệp thiện, bất thiện do tu mà đoạn hệ thuộc cõi Dục, gọi là nghiệp Hắc bạch, hắc bạch dị thực, bởi vì hai nghiệp xen lẫn trong một chủng loại.

Lại có người nói: Nếu nghiệp thiện, bất thiện có thể cảm đến dị thực trong loài trời-người-bàng sinh và quỷ của cõi Dục, thì gọi là nghiệp Hắc bạch-hắc bạch dị thực, bởi vì ở trong một loài nhận lấy dị thực của hai nghiệp xen lẫn.

Nói như vậy thì tất cả nghiệp thiện của cõi Dục, gọi là nghiệp Hắc bạch-hắc bạch dị thực, bởi vì Thể của nghiệp thiện ấy tuy là Bạch, mà bị sự chèn ép xen tạp của Hắc bất thiện, bởi vì bất thiện có thể đoạn mất thiện ở địa của mình. Bất thiện thì không như vậy, không bị sự chèn ép xen tạp do thiện ở địa của mình, bởi vì thiện ở địa của mình không có thể đoạn mất bất thiện ở địa của mình. Vì vậy nghiệp thiện của cõi Dục gọi là nghiệp thứ ba.

Thế nào là nghiệp Phi hắc-phi bạch không có dị thực, có thể không còn các nghiệp? Đó là Tư về Học có thể vĩnh viễn đoạn hết các nghiệp.

Hỏi: Các nghiệp vô lậu là Bạch thuộc thắng nghĩa, tại sao lại nói là Phi hắc-phi bạch?

Đáp: Trong luận Tập Dị Môn-luận Thi Thiết, đều nói về nghiệp này không giống nhau, Hắc bất thiện nhiễm ô và cảm Hắc dị thực không vừa ý, cho nên nói là Phi hắc; lại cũng không giống nhau, Bạch thiện hữu lậu và cảm Bạch dị thực vừa ý, cho nên nói là Phi bạch.

Lại có người nói: Ở đây dựa vào Bạch thuộc quả, cho nên nói là Phi bạch. Bạch có hai loại:

1. Bạch thuộc nhân.

2. Bạch thuộc quả.

Nghiệp thiện hữu lậu có đủ hai Bạch, cho nên gọi là Bạch; các nghiệp vô lậu tuy có Bạch thuộc nhân mà không có Bạch thuộc quả, cho nên không gọi là Bạch.

Lại có người nói: Dựa vào Bạch dị thực, cho nên gọi là Phi bạch. Bạch có hai loại:

1. Bạch thuộc tự thể.

2. Bạch thuộc dị thực.

Nghiệp thiện hữu lậu có đủ hai Bạch, cho nên gọi là Bạch; nghiệp vô lậu chỉ có Bạch thuộc tự thể chứ không có Bạch thuộc dị thực, cho nên không gọi là Bạch.

Lại có người nói: Nghiệp vô lậu này có thể đoạn dị thực yêu quý của thế gian, không phải là không có tướng Bạch mà thế gian yêu quý, cho nên không gọi là Bạch. Bởi vì nghĩa này cho nên gọi là Phi hắc - phi bạch. Nghiệp vô lậu này không phải là như ba nghiệp trước cảm đến quả dị thực, vì vậy nói là nghiệp không có dị thực. Nghiệp vô lậu này làm cho ba nghiệp trước hoàn toàn diệt hết, cùng hết, tất cả hết, vĩnh viễn làm hại, rời bỏ, đổi thay, lìa đục, vắng lặng, vì vậy nói là có thể không còn các nghiệp.

Như vậy thì nói về mười bảy Tư thuộc Học, nghĩa là trong Kiến đạo có Tư thuộc Học tương ứng với bốn Pháp trì nhãn, lìa nhiễm của cõi Dục có Tư thuộc Học tương ứng với tám đạo vô gián, mười hai Tư này có thể không còn nghiệp Hắc hắc dị thực; lìa nhiễm của cõi Dục có Tư thuộc Học tương ứng với đạo vô gián thứ chín, có thể không còn nghiệp Hắc hắc dị thực, và nghiệp Hắc bạch - hắc bạch dị thực; lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất có Tư thuộc Học tương ứng với đạo vô gián thứ chín, cho đến lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư có Tư thuộc Học tương ứng với đạo vô gián thứ chín, có thể không còn nghiệp Bạch bạch dị thực. Như vậy mười bảy Tư vô lậu này, nói là Tư thuộc Học có thể đoạn các nghiệp.

Lại có người nói: Tất cả Tư vô lậu thuộc đạo vô gián, đều gọi là Tư thuộc Học có thể đoạn các nghiệp, bởi vì tất cả đạo vô gián đều có thể đoạn các nghiệp.

Lại có người nói: Tất cả Tư thuộc Học đều gọi là Tư thuộc Học có thể đoạn các nghiệp, bởi vì các Tư thuộc Học có thể đối trị với nghiệp hữu lậu.

Nói như vậy thì nghĩa là ban đầu nói chỉ có mười bảy tư vô lậu, đích thực có thể đối trị với ba nghiệp trước.

Hỏi: Các Tuệ cô lậu tương ứng cùng có, đều có thể đích thực đoạn trừ ba loại nghiệp trước, vì sao chỉ nói đến Tư thuộc Học vô lậu?

Đáp: Tư có thể phát động các pháp làm cho đoạn trừ, vì vậy chỉ nói đến Tư.

Lại có người nói: Tuy đều có thể đoạn trừ mà trong này giải thích về nghiệp, cho nên chỉ nói đến Tư.

Hỏi: Nếu như vậy thì cũng phải nói đến nghiệp thân-ngũ tùy chuyển, tại sao chỉ nói đến Tư?

Đáp: Bởi vì Tư thuộc Học này tương ứng với Tuệ vô lậu mà chuyển, cùng một sở duyên, cùng một hành tướng, cùng một sở y, hỗ trợ nhau có sức mạnh có thể đoạn các nghiệp; không phải là nghiệp thân-ngũ có thể có sự việc này, vì vậy không nói đến nghiệp thân-ngũ.

Đã nói về tự tánh của ba nghiệp, bốn nghiệp, nay sẽ biểu hiện rõ ràng về tướng xen tạp, không xen tạo.

Hỏi: Ba nghiệp và bốn nghiệp, là ba thân nhiếp bốn, hay là bốn thân nhiếp ba?

Đáp: Ba thân nhiếp bốn, không phải là bốn thân nhiếp ba. Không thân nhiếp những gì? Đó là trừ ra Tư thuộc Học có thể đoạn các nghiệp, còn lại nghiệp vô lậu, nghiệp thiện hệ thuộc cõi Vô sắc, tất cả nghiệp vô ký.

Trong này, trừ ra Tư thuộc Học có thể đoạn các nghiệp, còn lại nghiệp vô lậu. Những cách nói về mười bảy Tư vô lậu là nghiệp thứ tư, đó là nói trừ ra mười bảy Tư, còn lại Tư tương ứng với đạo vô lậu, gia hạnh, vô gián, giải thoát, thắng tiến, và Học tùy chuyển gnh, cùng với tất cả nghiệp Vô học, thì gọi là còn lại nghiệp vô lậu. Những cách nói về Tư thuộc Học tương ứng với tất cả đạo vô gián là nghiệp thứ tư, đó là nói trừ ra tất cả đạo vô gián, còn lại Tư thuộc Học tương ứng với đạo vô lậu, gia hạnh, giải thoát, thắng tiến, và Học tùy chuyển nghiệp, cùng với tất cả nghiệp Vô học, thì gọi là còn lại nghiệp vô lậu. Những cách nói về tất cả Tư thuộc Học là nghiệp thứ tư, đó là nói về Học tùy chuyển, tất cả nghiệp Vô học, thì gọi là còn lại nghiệp vô lậu.

Nói như vậy thì nghĩa là ban đầu nói trừ ra nghiệp thiện hệ thuộc cõi Vô sắc, đó là tất cả nghiệp thiện hệ thuộc cõi Vô sắc; trừ ra nghiệp vô ký, đó là các nghiệp vô ký hệ thuộc ba cõi.

Dựa vào đạo lý này, ba nghiệp thân nhiếp đầy đủ nghiệp Học - Vô học và Phi học phi vô học, bốn nghiệp chỉ thân nhiếp nghiệp Học và Phi học phi vô học; ba nghiệp thân nhiếp đầy đủ nghiệp hệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc, bốn nghiệp chỉ thân nhiếp nghiệp hệ thuộc cõi

Dục và cõi Sắc; ba nghiệp thâm nhiếp đầy đủ nghiệp thiện, bất thiện và vô ký, bốn nghiệp chỉ thâm nhiếp nghiệp thiện và bất thiện; ba nghiệp thâm nhiếp đầy đủ nghiệp do kiến mà đoạn, do tu mà đoạn và không đoạn, bốn nghiệp chỉ thâm nhiếp một phần của ba loại; ba nghiệp thâm nhiếp đầy đủ nghiệp hữu lậu, vô lậu, nghiệp nhiễm ô, nghiệp có dị thực, không có dị thực, nghiệp tương ứng, không tương ứng, nghiệp có tùy chuyển, không có tùy chuyển, nghiệp Biểu, Vô biểu, bốn nghiệp chỉ thâm nhiếp phần ít của các loại hai nghiệp. Các môn như vậy đều cần phải nói rộng ra, vì vậy nói là ba thâm nhiếp bốn, không phải là bốn thâm nhiếp ba. Không thâm nhiếp những gì? Đó là trừ ra Tư thuộc Học có thể đoạn các nghiệp, còn lại nghiệp vô lậu, nghiệp thiện hệ thuộc cõi Vô sắc, tất cả nghiệp vô ký.

Ba nghiệp, đó là nghiệp thân-ngữ và ý. Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp thuận với pháp hiện tại nhân quả báo, nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhân quả báo, nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhân quả báo.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: “Có ba nghiệp, đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhân quả...” trong kinh nói ra điều này mà không giải thích rộng ra; nói rộng ra như trước. Lại có người nói: Trước tuy phân biệt về ba nghiệp như thân..., mà chưa phân biệt về ba nghiệp như nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhân quả..., nay cần phải phân biệt cho nên soạn ra phần luận này.

Thế nào là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhân quả? Đó là nếu nghiệp tạo tác tăng trưởng ở đời này, ngay trong đời này nhận lấy quả dị thực, thì gọi là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhân quả.

Hỏi: Nếu nghiệp tạo tác tăng trưởng ở lúc này, thì ngay lúc này nhận lấy quả dị thực chăng?

Đáp: Không phải như vậy. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì các nghiệp thiện-ác nối tiếp nhau, hoặc là vượt qua nối tiếp nhau mới nhận lấy quả dị thực. Nghĩa là nếu tạo tác tăng trưởng nghiệp này, thì hoặc là ngay trong một sự nối tiếp nhau này, hoặc là ngay trong một thời gian này, hoặc là ngay trong một chúng đồng phần này mà nhận lấy quả dị thực. Như vậy gọi là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhân quả. Nhất định không có nghĩa về nghiệp tạo tác trong sát-na này, ngay sát-na này và sát-na kế tiếp chín muồi, bởi vì khác loại, bởi vì tự mình dẫn phát.

Trong này, tất cả những sự việc mà thế gian hiện thấy, là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhân quả.

Từng nghe: Có người làm nghề hái củi, đi vào núi gặp lúc tuyết rơi

lạc mất đường đi. Lúc ấy trời đã về chiều, tuyết dày lạnh cóng, không bao lâu sẽ chết, liền tiến về phía trước đi vào một lùm cây rậm trong rừng, mới trông thấy một con gấu trong lùm cây trước rồi, thân hình đen tuyền, đôi mắt như hai ngọn nến. Người ấy sợ hãi vô cùng, chắc chắn là sẽ mất mạng. Thực sự đây là vị Bồ-tát hiện tại nhận chịu thân loài gấu, thấy người ấy lo sợ liền an ủi nói cho biết rằng: Nay ông đừng sợ hãi, cha mẹ đối với con cái có lúc có tâm khác, nay Ta đối với ông không có ý xấu ác. Liền tiến về phía trước nâng lên đưa đi vào trong hang đá, sưởi ấm thân người ấy làm cho tỉnh táo rồi, lấy các loại trái cây-rễ củ khuyên nhủ tùy ý mà ăn, sợ rằng lạnh lẽo không tiêu cho nên ôm giữ mà nằm. Ân cần nuôi dưỡng như vậy trải qua sáu ngày, đến ngày thứ bảy thì trời quang đãng, đường đi thấy rõ ràng, người ấy có ý muốn trở về. Con gấu đã biết rồi, lại lấy quả ngọt no tròn mà mới ăn, đưa ra đến ngoài rừng ân cần chia tay. Người ấy quỳ xuống cảm ơn rằng: Làm sao để báo ân? Con gấu nói: Nay Ta không cần đền đáp gì khác, chỉ như những ngày qua Ta bảo vệ thân ông, ông đối với mạng sống của Ta cũng mong như vậy. Người ấy cung kính vâng dạ, gánh củ đi sống núi. Gặp hai người thợ săn, hỏi rằng: Thấy trong núi có những loài thú nào? Người hái củi đáp rằng: Tôi cũng không thấy loài thú nào khác, chỉ thấy một con gấu. Thợ săn cầu xin: Có thể chỉ rõ cho nhau được không? Người hái củi đáp rằng: Nếu có thể cho tôi hai phần ba, thì tôi sẽ chỉ rõ cho ông. Thợ săn y lời đồng ý với nhau rồi cùng đi. Cuối cùng giết hại mạng sống con gấu, chia thịt làm ba phần. Hai tay người hái củi sắp nhận lấy thịt gấu, bởi vì sức mạnh của nghiệp ác mà hai cánh tay cùng rơi xuống, như sâu ngọc đứt dây, như ngó sen bị cắt lìa. Thợ săn hốt hoảng kinh ngạc hỏi nguyên do, người hái củi xấu số kể lại nguyên do. Hai người thợ săn này trách móc người hái củi rằng: Người ta đã có ân to lớn như vậy rồi đối với ông, nay ông vì sao đành lòng làm điều ác nghịch này, quái lạ thay sao thân ông không nát rữa ra? Thế là thợ săn cùng nhau mang thịt ấy đến cho chùa Tăng. Lúc ấy Thượng tọa trong Tăng đạt được trí Diệu nguyện, lập tức nhập Định quán xét là thịt gì, thì biết là thịt của Đại Bồ tát làm lợi lạc cho tất cả chúng sinh, ngay lúc ấy xuất Định đem sự việc này trình bày với đại chúng. Đại chúng đều kinh hãi than thở, cùng nhau lấy củi thơm đốt cháy thịt ấy, thâu nhọt số xương còn lại, dựng tháp thờ mà lễ lạy cúng dường.

Nghiệp ác như vậy, cần phải nối tiếp nhau, hoặc là vượt qua nối tiếp nhau, mới nhận lấy quả ấy.

Lại nữa, xưa có người đi buôn trâu về giết thịt, lừa trâu vượt qua

đường dài, nhiều người mà hết lương thực, đói khác thiếu thốn bức ngặt, dừng lại bàn bặt rằng: Bầy trâu như vậy cuối cùng không phải là vật của mình, nên cắt lấy lưỡi để qua lúc đói thiếu. Lập tức lấy muối xoa vào miệng những con trâu, trâu ham vị mặn lẽ lưỡi ra liếm, liền dùng dao sắt lập tức cắt lấy, dùng lửa nướng chín mà cùng ăn với nhau. Ăn xong cùng nhau đến trước dòng nước súc miệng, cùng rửa răng, chùi miệng rồi, dùng ngón tay để cạo lưỡi. Bởi vì sức mạnh của nghiệp ác, cho nên cuống lưỡi của những người ấy giống như trái cây chín rữa, trong một lúc cùng rụng xuống.

Nghiệp ác như vậy, cần phải nối tiếp nhau, hoặc là vượt qua nối tiếp nhau, mới nhận lấy quả ấy.

Lại nữa, nghe xưa có người hung bạo ác độc, khiến mẹ cầm đồ đựng đề tự mình vắt lấy sữa trâu. Vắt đã vượt quá số lượng, người mẹ ngăn lại và nói: Phần còn lại có thể để cho trâu ghé bú. Người ấy nghe rồi bỗng nhiên sinh ra tức giận, dùng tay vốc sữa vẩy vào mặt người mẹ. Hễ bao nhiêu giọt sữa dính vào thân mẹ, thì bởi vì sức mạnh của nghiệp ác, cho nên khiến trên thân của người ấy lại sinh ra bấy nhiêu mụn nhọt.

Nghiệp ác như vậy, cần phải nối tiếp nhau, hoặc là vượt qua nối tiếp nhau, mới nhận lấy quả ấy. Đây là sơ lược dẫn ra ba loại nghiệp ác thuận theo pháp hiện tại nhận quả.

Xưa ở nước Kiêu-tát-la có vị vua tên gọi Thắng Quân, sinh được một cô con gái xấu xí đã đến tuổi mười tám, mà người nghèo hèn không qua lại, người giàu sang không cầu đến. Có con trai của Trưởng giả mất hết của cải địa vị, nhà vua nghe nói liền sai người gọi đến cho biết rằng: Ta có cô con gái thiếu hụt về dung mạo nhan sắc, nếu khanh không xấu hổ thì ta sẽ ban cho nhiều tiền bạc châu báu. Người ấy nhận lời, nhà vua nghe rất vui mừng, ban cho nhiều tiền của châu báu-ruộng đất nhà cửa, tôi tớ phục vụ, tùy theo ý muốn của người ấy. Đến khi làm lễ đón dâu, bí mật khiến trở về phủ, người ấy xấu hổ cho nên ra ngoài thì khóa chặt cửa, bạn bè quen biết không có ai trông thấy. Có những người bạn thân trách rằng: Vì sao không chỉ rõ vợ mình? Con trai của Trưởng giả nói rằng: Có gì mà vội vàng. Mọi người cảm thấy quái lạ vì người ấy cố ý đậy lùì lại, liền cùng nhau đưa ra quy ước: Bảy ngày sau tất cả dẫn theo vợ tập trung tại khu vườn ấy dự tiệc chơi đùa vui vẻ, ai làm sai quy ước sẽ phạt năm trăm đồng tiền vàng. Đến ngày thứ bảy mọi người đều đúng như lời đã hẹn, chỉ riêng con trai của Trưởng giả không dẫn theo vợ đến tham gia, tự cậy mình giàu có chấp nhận phạt nhiều ít tùy

ý. Người vợ một mình ở trong nhà tự trách móc, tự oán hận mình: Đời trước tôi có tội gì mà nhận lấy thân xấu xa này, mọi người đều vui vẻ chỉ riêng một mình tôi đau khổ, không bằng chết sớm cho xong! Lúc ấy dốc lòng niệm Phật, muốn tự hại mình. Đức Phật biết đến lúc, liền ở nơi này ẩn hình mà bất ngờ hiện ra trước mặt người ấy. Người nữ trông thấy Như Lai, lòng dạ hết sức đau xót, phát tâm thanh tịnh thiết tha ngắm nhìn tướng tốt của Đức Phật. Bởi vì sức mạnh của nghiệp thiện, cho nên trong phút chốc thân hình thay đổi giống như Thiên nữ, càng thêm vui mừng. Đức Phật thuyết pháp cho nghe, xạ lia trần cấu đạt được quả Dự lưu. Đức Thế Tôn đã quay về, người nữ ấy ngồi một mình, đoan chánh không ai bằng, an ổn vui sướng vô cùng. Lúc ấy bạn bè của người kia đã thấy người ấy không dẫn vợ mình theo, liền chuốc rượu cho say, trộm lấy chìa khóa cổng cùng nhau đi đến nhà người ấy, từ xa trông thấy vợ của người ấy đoan nghiêm không ai bằng, giống như cung phi của Đế Thích. Thế là mới người sinh lòng ca ngợi ngưỡng mộ hết sức, vì vậy nói với nhau rằng: Nhiều lần không chỉ rõ cho mọi người, đích thực do điều này. Lập tức chạy đến khu vườn cùng nhau xin lỗi người chồng và chúc mừng ca ngợi. Người ấy thẹn đỏ mặt cho là chế giễu đùa cợt nhau, đến lúc quay về trông thấy thì sinh lòng nghi ngờ quái lạ hết sức, hỏi rằng: Thánh nữ là do huyền thuật, hay là ma quỷ? Vợ tôi ở nơi nào? Người vợ đem tất cả sự việc trên mà trả lời, thế là người chồng có được điều chưa từng có, phát tâm quy y Tam Bảo.

Nghiệp thiện như vậy, cần phải nối tiếp nhau, hoặc là vượt qua nối tiếp nhau, mới nhận lấy quả ấy.

Xưa vua Ca-nị-sắc-ca nước Kiện-đà-la, có một Hoàng môn (lưỡng tnh) luôn luôn theo dõi mọi chuyện trong cung, một lúc nọ đi ra ngoài thành thấy có đàn trâu đến đủ năm trăm con đang đi vào trong thành, hỏi người đi lừa trâu: đây là trâu gì? Người lừa trâu đáp rằng: Trâu này đem đi cất bỏ giống của nó. Ngay lúc ấy Hoàng môn liền tự suy nghĩ: Nghiệp ác đời trước của mình nhận lấy thân không phải đàn ông, nay nên lấy tiền bạc cứu nạn cho đàn trâu này. Liền dâng bù giá trị ấy làm cho đều được thoát nạn. Bởi vì sức mạnh của nghiệp thiện, cho nên khiến Hoàng môn này lập tức trở lại thân đàn ông, sinh lòng vui mừng hết sức, liền trở về trong thành, đứng lặng hồi lâu trước cửa cung, nhờ người tâu với nhà vua, xin được vào yết kiến. Nhà vua truyền lệnh gọi vào, cảm thấy quái lạ mà hỏi nguyên do. Thế là Hoàng môn tấu trình đầy đủ sự việc trên, nhà vua nghe vừa kinh ngạc vừa vui mừng, ban thưởng nhiều của cải châu báu, chuyển đổi cho chức quan cao hơn,

khuyến cho trông coi quản lý mọi việc bên ngoài.

Nghiệp thiện như vậy, cần phải nối tiếp nhau, hoặc là vượt qua nối tiếp nhau, mới nhận lấy quả ấy.

Xưa ở nước Đát-xoa-thi-la có một người nữ, đến với Nguyệt Quang Vương xả bỏ một ngàn cái đầu, lễ lạy ngôi miếu thờ do Vô Ưu Vương xây dựng, thấy có phân chó ở trước bàn thờ Phật, liền suy nghĩ như vậy: Nơi này thanh tịnh, làm sao phân chó lại khiến trong đó ô uế? Liền dùng tay hốt vứt đi rồi lấy bột thơm hòa nhão xoa trong điện thờ. Bởi vì sức mạnh của nghiệp thiện, cho nên khiến toàn thân của người nữ này phát sinh mùi thơm như cây chiên đàn, trong miệng thường có mùi thơm của hoa sen xanh tỏa ra.

Nghiệp thiện như vậy, cần phải nối tiếp nhau, hoặc là vượt qua nối tiếp nhau, mới nhận lấy quả ấy. Đây là sơ lược dẫn ra ba loại nghiệp thiện thuận theo pháp hiện tại nhận quả.

Thế nào là nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả báo? Đó là nếu nghiệp tạo tác tăng trưởng ở đời này, nhận lấy quả dị thực tùy theo đời thứ ba, hoặc tùy theo đời thứ tư, hoặc lại vượt qua số này, thì gọi là nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả.

Hỏi: Các nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả, chắc chắn nhận quả đối với pháp hiện tại chăng? Thuận theo đời kế tiếp, thuận theo đời kế tiếp thứ hai, thì hỏi cũng như vậy?

Đáp: Phái Thí Dụ nói: Điều này không quyết định, bởi vì tất cả các nghiệp đều có thể chuyển, cho đến nghiệp vô gián cũng có thể làm cho thay đổi.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao nói là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả báo...?

Đáp: Họ đưa ra cách nói này: Các nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả thì không nhất định là nhận lấy quả dị thực ở trong pháp hiện tại, nếu nhận lấy thì nhất định là đối với pháp hiện tại chứ không phải là pháp nào khác, cho nên gọi là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả. Thuận theo đời kế tiếp, thuận theo đời kế tiếp thứ hai, đã nói cũng như vậy. Họ nói tất cả các nghiệp đều có thể chuyển, cho đến nghiệp vô gián cũng có thể chuyển. Nếu nghiệp vô gián không có thể chuyển, thì lẽ ra không có ai có năng lực vượt qua quả báo thứ nhất; nhưng mà người có năng lực vượt qua quả báo thứ nhất, cho nên nghiệp vô gián cũng thuận theo có thể chuyển.

Các Luận Sư A-tỳ-đạt-ma nói: Các nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả, quyết định nhận lấy quả dị thực ở trong pháp hiện tại, cho

nên gọi là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả. Thuận theo đời kế tiếp, thuận theo đời kế tiếp thứ hai, đã nói cũng như vậy. Vì vậy, nếu hỏi tại sao gọi là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả, cho đến nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả, thì nên dùng cách này để trả lời. Lại có Sư khác nói: Bốn loại nghiệp, đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả, nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả, nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả, nghiệp thuận theo không nhất định mà nhận quả. Các nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả, cho đến nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả, nghiệp này không có thể chuyển. Các nghiệp thuận theo không nhất định mà nhận quả, nghiệp này có thể chuyển. Chỉ vì chuyển nghiệp thứ tư này, cho nên người thọ trì giới cấm, chịu khổ tu phạm hạnh, họ dấy lên suy nghĩ này: Nguyên cho tôi từ đây sẽ chuyển được nghiệp này.

Lại có Sư khác nói: Năm loại nghiệp, đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả, nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả, nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả, đều chỉ có một loại; trong nghiệp thuận theo không nhất định mà nhận quả lại có hai loại:

1. Dị thực quyết định.
2. Dị thực không quyết định.

Các nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả, nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả, nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả, nghiệp dị thực quyết định trong nghiệp thuận theo không nhất định mà nhận quả, đều không thể chuyển được; nghiệp dị thực không quyết định trong nghiệp thuận theo không nhất định mà nhận quả, nghiệp này có thể chuyển. Chỉ vì chuyển nghiệp thứ năm này, cho nên người thọ trì giới cấm, chịu khổ tu phạm hạnh, họ dấy lên suy nghĩ này: Nguyên cho tôi từ đây sẽ chuyển được nghiệp này. Lại có Sư khác nói: Tám loại nghiệp, đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả có hai loại:

1. Dị thực quyết định.
2. Dị thực không quyết định.

Nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả, nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả, nghiệp thuận theo không nhất định mà nhận quả, cũng đều có hai loại:

1. Dị thực quyết định.

2. Dị thực không quyết định. Đó gọi là tám nghiệp. Trong đó, các nghiệp dị thực quyết định đều không thể chuyển được, các nghiệp dị thực không quyết định đều có thể chuyển. Vì chuyển các nghiệp này

cho nên thọ trì giới cấm, chịu khó tu phạm hạnh.

Vì vậy trong này nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Hoặc có nghiệp là thời gian quyết định mà dị thực không nhất định.
2. Hoặc có nghiệp là dị thực quyết định mà thời gian không nhất định.
3. Hoặc có nghiệp là thời gian quyết định mà dị thực cũng nhất định.
4. Hoặc có nghiệp là thời gian không nhất định mà dị thực cũng không nhất định. Thế nào là nghiệp có thời gian quyết định mà dị thực không nhất định? Đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả, nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả, nghiệp dị thực không nhất định trong nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả. Thế nào là nghiệp có dị thực quyết định mà thời gian không nhất định? Đó là nghiệp dị thực quyết định trong nghiệp thuận theo không nhất định mà nhận quả. Thế nào là nghiệp có thời gian quyết định mà dị thực cũng nhất định? Đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả, nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả, nghiệp dị thực quyết định trong nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả. Thế nào là nghiệp có thời gian không nhất định mà dị thực cũng không nhất định? Đó là nghiệp dị thực không quyết định trong nghiệp thuận theo không nhất định mà nhận quả. Như vậy gọi là bốn câu phân biệt về tám nghiệp.

Hỏi: Có thể có trong một lúc, trong một sát-na có thể khởi lên ba loại nghiệp, đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả, nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả, nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả?

Đáp: Có, đó là trước sai khiến người khác sát sinh-trộm cắp, sau tự mình làm điều tà dâm, bởi vì nghiệp này do tự mình mà hoàn thành chứ không phải là do người khác. Nếu pháp có chủng loại như vậy phát sinh thì ba nghiệp cùng lúc đều được hoàn thành. Trong đó, nghiệp thứ nhất nhận lấy quả dị thực ở trong pháp hiện tại, nghiệp thứ hai nhận lấy quả dị thực đối với đời kế tiếp, nghiệp thứ ba nhận lấy quả dị thực ở các đời thuận theo đời thứ ba về sau. Những nghiệp đạo khác tự mình làm, bảo người khác làm, sai biệt cũng như vậy.

Hỏi: Nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả... này, mấy loại có thể dẫn đến quả Chúng đồng phần, mấy loại có thể đầy đủ quả Chúng đồng phần?

Đáp: Hoặc có người nói: Hai nghiệp có thể dẫn đến quả Chúng đồng phần, cũng có thể đầy đủ quả Chúng đồng phần, đó là nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả, nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả; hai nghiệp có thể đầy đủ quả Chúng đồng phần mà không có thể dẫn đến quả Chúng đồng phần, đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả, nghiệp thuận theo không nhất định mà nhận quả.

Lại có người nói: Ba nghiệp có thể dẫn đến quả Chúng đồng phần, cũng có thể đầy đủ quả Chúng đồng phần, đó là trừ ra nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả; một nghiệp có thể đầy đủ quả Chúng đồng phần mà không có thể dẫn đến quả Chúng đồng phần, đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả.

Lại có người muốn làm cho nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả, cũng có thể dẫn đến quả Chúng đồng phần. Nếu như vậy thì bốn loại nghiệp này, tất cả đều có thể dẫn đến quả Chúng đồng phần, và đầy đủ quả Chúng đồng phần.

Hỏi: Các nghiệp như vậy thì nghiệp nào mạnh nhất?

Đáp: Hoặc có người nói: Nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả mạnh nhất, nguyên cơ thể nào? Bởi vì đạt được quả gần. Lại có người nói: Nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả mạnh nhất. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì tất cả các nghiệp của Bồ-tát là mạnh nhất, mà đều là thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả.

Hỏi: Nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả có thể đạt được quả gần, ở trong các nghiệp có thể nói là hơn hẳn, nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả thì cách quả rất xa, thế nào là mạnh nhất?

Đáp: Nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả tuy đạt được quả gần, mà quả thấp kém cho nên không gọi là mạnh nhất; nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả tuy cách xa quả, mà quả thù thắng khó hết cho nên gọi là mạnh nhất. Như hạt giống ở ngoài có loại đạt được quả gần mà quả thấp kém, có loại cách xa quả mà quả mạnh nhất. Như có loại gieo vào mùa Thu trải qua ba tháng rưỡi thì đã kết quả, quả này gần nhất mà thấp kém nhất. Như lúa mì, lúa mạch... trải qua sáu tháng thì quả ấy mới chín, cách quả xa hơn mà là mạnh hơn. Như cây Khư-lê trải qua năm, sáu năm hoặc là mười hai năm thì quả ấy mới kết thành, quả này thù thắng hơn. Như cây Đa-la trải qua trăm năm thì quả ấy mới kết thành, quả này thù thắng hơn.

Như hạt giống ở ngoài, cách quả gần nhất thì quả ấy kém nhất, cách quả xa hơn thì quả ấy mạnh hơn, cách quả xa nhất thì quả ấy mạnh nhất, tùy theo chủng loại mà quả ấy hơn-kém khác nhau, nghiệp bên

trong cũng như vậy.

Nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả, cách quả gần nhất mà quả kém nhất; nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả, cách quả xa hơn mà quả mạnh hơn; nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả, cách quả xa nhất mà quả mạnh nhất, tùy theo nghiệp loại mà quả ấy hơn-kém khác nhau, cho nên nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả, là mạnh nhất chứ không phải là nghiệp nào khác.

Hỏi: Ở trong cõi nào có thể tạo tác mấy nghiệp?

Đáp: Có người nói: Cõi Dục có thể tạo tác bốn loại nghiệp thiện-bất thiện, cõi Sắc-Vô sắc có thể tạo tác ba loại nghiệp thiện, trừ ra nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì ở trong cõi Dục dựa vào bên cạnh Phật, Bồ-tát, Độc giác, Thanh văn, cha mẹ, thầy dạy và những người có đức, phát khởi các nghiệp thiện-ác tăng thượng, cho nên nghiệp này nhanh chóng nhận lấy quả dị thực; cõi Sắc-Vô sắc không có duyên thù thắng này, cho nên ở cõi ấy không có thể dấy khởi nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả.

Hỏi: Nếu như vậy thì luận Phẩm Loại Túc nói nên thông hiểu thế nào? Như luận ấy nói: “Nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả, nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả, nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả, là sự tùy tăng của tất cả tùy miên.”

Đáp: Ở trong luận ấy nên đưa ra cách nói này: Nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả, là sự tùy tăng của tất cả tùy miên thuộc cõi Dục; nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả, nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả, là tất cả tùy miên của cõi Dục, tùy miên biến hành của cõi Sắc-Vô sắc, và sự tùy tăng của tùy miên do tu mà đoạn. Cần phải nói theo cách này mà không nói, là có ý nghĩa gì? Nên biết rằng văn ấy tóm lược toàn bộ mà nói.

Hỏi: Nếu như vậy thì luận Tập Dị Môn nói lại thông hiểu thế nào? Như luận ấy nói: “Nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả, nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả, nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả, là tất cả tùy miên của cõi Dục, tùy miên biến hành của cõi Sắc-Vô sắc, và sự tùy tăng của tùy miên do tu mà đoạn.”

Đáp: Văn ấy nên nói theo cách này: nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả, là sự tùy tăng của tất cả tùy miên thuộc cõi Dục; nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả, nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả, là tất cả tùy miên của cõi Dục tùy miên biến hành của cõi Sắc-Vô sắc, và sự tùy tăng của tùy miên do tu mà đoạn. Cần phải nói theo cách này mà không nói, là có ý nghĩa gì? Nên biết rằng trong luận

ấy nói do thế mạnh đã dẫn dắt, cho nên đưa ra cách nói này.

Nói như vậy là cõi Sắc-Vô sắc cũng có thể dẫn đến phát khởi nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả.

Hỏi: Trước đây nói cõi Dục dựa vào duyên thù thắng như Pháp Bồ-tát... có thể phát khởi nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả, hai cõi trên không có duyên thù thắng này, làm sao có thể phát khởi?

Đáp: Nơi ấy chỉ dùng sức mạnh của nhân để duy trì, cũng có thể dẫn đến phát khởi nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả. Cõi Dục cũng có loại chỉ do sức mạnh của nhân mà phát khởi nghiệp này, đó là hoặc có người mở cửa bố trí rất nhiều và cúng dường các bậc Hiền Thánh, mà không có thể dẫn dắt nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả; hoặc lại có người dùng một nắm thức ăn giúp cho một bàng sinh, mà có thể dẫn đến phát khởi nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả. Bởi vì những loại như vậy, cho nên biết không hẳn đều là dựa vào duyên thù thắng mà phát khởi nghiệp này, nhưng chủ yếu là do sức mạnh của nhân duy trì thì mới có thể dẫn dắt phát khởi. Vì vậy xưa kia các Đại Luận Sư A-tỳ-đạt-ma của nước Ca-thấp-di-la đều đưa ra cách nói này: Nếu tâm thanh tịnh thiết tha cầm một nắm cỏ giúp cho con trâu của người khác ăn, thì nên biết là có thể dẫn dắt đến nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả dị thực.

Hỏi: Ở trong nẻo nào có thể tạo tác mấy nghiệp?

Đáp: Trong địa ngục có thể tạo tác bốn loại nghiệp bất thiện, ba loại nghiệp thiện, trừ ra thuận theo pháp hiện tại nhận quả. Trong bàng sinh, ngạ quỷ và người ba châu, trời cõi Dục, có thể tạo tác bốn loại nghiệp thiện, bất thiện; Bắc Câu-lô-châu có thể tạo tác bốn loại nghiệp thiện-ba loại nghiệp bất thiện, trừ ra pháp thuận theo pháp hiện tại nhận quả. Trong trời cõi Sắc-Vô sắc, có thể tạo tác nhiều-ít, như trước đã nói.

Hỏi: Ở trong Sinh loại nào có thể tạo tác mấy nghiệp ?

Đáp: Ở trong bốn Sinh loại đều có thể tạo tác bốn loại nghiệp thiện, bất thiện.

Hỏi: Người nào, ở địa nào có thể tạo tác mấy nghiệp?

Đáp: Nếu các dị sinh, sinh ở cõi Dục chưa lìa nhiễm của cõi Dục, thì có thể tạo tác bốn loại nghiệp thiện, bất thiện của cõi Dục; nếu đã lìa nhiễm của cõi Dục mà chưa lìa nhiễm của Tịnh lự thứ nhất, nếu là người lui sụt pháp, thì người ấy có thể tạo tác bốn loại nghiệp của cõi Dục, có thể tạo tác ba loại nghiệp của Tịnh lự thứ nhất, trừ ra nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả.

Có người nói: Người ấy có thể tạo tác hai loại nghiệp của Tĩnh lự thứ nhất, đó là thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả và không nhất định mà nhận quả. Nếu là người không lui sụt pháp, thì người ấy có thể tạo tác ba loại nghiệp thiện của cõi Dục, trừ ra nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả; có thể tạo tác ba loại nghiệp của Tĩnh lự thứ nhất, trừ ra nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả. Nếu đã lìa nhiệm của Tĩnh lự thứ nhất, chưa lìa nhiệm của Tĩnh lự thứ hai, nếu là người lui sụt pháp, thì người ấy có thể tạo tác bốn loại nghiệp của cõi Dục, có thể tạo tác ba loại nghiệp của hai Tĩnh lự đầu, trừ ra nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả.

Có người nói: Người ấy có thể tạo tác hai loại nghiệp của Tĩnh lự thứ hai, đó là thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả và không nhất định mà nhận quả. Nếu là người không lui sụt pháp, thì người ấy có thể tạo tác ba loại nghiệp thiện của cõi Dục, trừ ra nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả; có thể tạo tác hai loại nghiệp của Tĩnh lự thứ nhất, đó là thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả và không nhất định mà nhận quả; Có thể tạo tác ba loại nghiệp của Tĩnh lự thứ hai, trừ ra nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả. Nói rộng ra cho đến, nếu đã lìa nhiệm của Vô sở hữu xứ, nếu là người lui sụt pháp, thì người ấy có thể tạo tác bốn loại nghiệp của cõi Dục, có thể tạo tác ba loại nghiệp của bốn Tĩnh lự-bốn Vô sắc, trừ ra nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả dị thực.

Có người nói: Người ấy có thể tạo tác hai loại nghiệp của Phi tướng phi phi tướng xứ, đó là thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả và không nhất định mà nhận quả. Nếu không lui sụt pháp, thì người ấy có thể tạo tác ba loại nghiệp thiện của cõi Dục, trừ ra nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả; có thể tạo tác hai loại nghiệp của bốn Tĩnh lự-ba vô sắc, đó là thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả và không nhất định mà nhận quả; có thể tạo tác ba loại nghiệp của Phi tướng phi phi tướng xứ, trừ ra nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả.

Như vậy đã nói về dị sinh, sinh ở cõi Dục. Nếu các dị sinh, sinh ở Tĩnh lự thứ nhất chưa lìa nhiệm của Tĩnh lự thứ nhất, thì lúc ấy có thể tạo tác bốn loại nghiệp của Tĩnh lự thứ nhất. Nếu đã lìa nhiệm của Tĩnh lự thứ nhất mà chưa lìa nhiệm của Tĩnh lự thứ hai, thì lúc ấy có thể tạo tác ba loại nghiệp của Tĩnh lự thứ nhất, trừ ra nghiệp thuận theo đời kế tiếp mà nhận quả; có thể tạo tác ba loại nghiệp của Tĩnh lự thứ hai, trừ ra nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả. Nói rộng ra cho đến, nếu đã lìa nhiệm của Vô sở hữu xứ, thì lúc ấy có thể tạo tác ba loại nghiệp

của Tĩnh lự thứ nhất, trừ ra nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả; có thể tạo tác hai loại nghiệp của ba Tĩnh lự, ba vô sắc, trừ ra thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả và không nhất định mà nhận quả; có thể tạo tác ba loại nghiệp của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, trừ ra nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả.

Như nói về sinh ở Tĩnh lự thứ nhất, như vậy cho đến sinh ở Phi tưởng phi phi tưởng xứ, cũng cần phải nói rộng ra. Như vậy đã nói về dị sinh ở các địa.

Nếu các Thánh giả sinh ở cõi Dục chưa lìa nhiễm của cõi Dục, thì lúc ấy có thể tạo tác bốn loại nghiệp thiện-bất thiện của cõi Dục. Đã lìa nhiễm của cõi Dục mà chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, lúc ấy có thể tạo tác hai loại nghiệp của cõi Dục, đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả và không nhất định mà nhận quả; có thể tạo tác ba loại nghiệp của Tĩnh lự thứ nhất, trừ ra nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả. Đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, nếu lui sụt pháp thì lúc ấy có thể tạo tác hai loại nghiệp của cõi Dục, đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả và không nhất định mà nhận quả; có thể tạo tác ba loại nghiệp của hai Tĩnh lự đầu, trừ ra nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả.

Có người nói: Lúc ấy có thể tạo tác hai loại nghiệp của Tĩnh lự thứ hai, đó là nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả và không nhất định nhận quả. Nếu không lui sụt pháp, thì lúc ấy có thể tạo tác hai loại nghiệp thiện của cõi Dục, đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả và không nhất định mà nhận quả; có thể tạo tác một loại nghiệp của Tĩnh lự thứ nhất, đó là không nhất định mà nhận quả; có thể tạo tác ba loại nghiệp của Tĩnh lự thứ hai, trừ ra nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả. Nói rộng ra cho đến, nếu đã lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, chưa lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nếu lui sụt pháp thì lúc ấy có thể tạo tác hai loại nghiệp của cõi Dục, đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả và không nhất định mà nhận quả; có thể tạo tác ba loại nghiệp của bốn Tĩnh lự, trừ ra nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả; có thể tạo tác ba loại nghiệp của bốn Vô sắc, trừ ra nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả.

Đây là nói tổng quát. Nếu nói riêng biệt thì trong bốn Vô sắc, nếu tạo tác nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả, thì không tạo tác nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả; nếu tạo tác nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả, thì không tạo tác nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả.

Có người nói: Lúc ấy có thể tạo tác hai loại nghiệp của Phi tướng phi phi tướng xứ, đó là nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả và không nhất định mà nhận quả. Nếu không lui sụt pháp thì lúc ấy có thể tạo tác hai loại nghiệp thiện của cõi Dục, đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả và không nhất định mà nhận quả; có thể tạo tác một loại nghiệp của bốn Tịnh lự, ba Vô sắc, đó là không nhất định mà nhận quả; có thể tạo tác hai loại nghiệp của Phi tướng phi phi tướng xứ, đó là nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả và không nhất định mà nhận quả. Nếu đã lìa nhiễm của Phi tướng phi phi tướng xứ, thì lúc ấy có thể tạo tác hai loại nghiệp của cõi Dục, có thể tạo tác một loại nghiệp của bốn Tịnh lự, bốn Vô sắc, đó là không nhất định mà nhận quả. Như vậy đã nói về Thánh giả sinh ở cõi Dục. Như vậy đã nói về Thánh giả sinh ở cõi Dục.

Nếu các Thánh giả sinh ở Tịnh lự thứ nhất, chưa lìa nhiễm của Tịnh lự thứ nhất, thì lúc ấy có thể tạo tác ba loại nghiệp của Tịnh lự thứ nhất, trừ ra nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả. Nếu đã lìa nhiễm của Tịnh lự thứ nhất, chưa lìa nhiễm của Tịnh lự thứ hai, thì lúc ấy có thể tạo tác hai loại nghiệp của Tịnh lự thứ nhất, đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả và không nhất định mà nhận quả; có thể tạo tác ba loại nghiệp của Tịnh lự thứ hai, trừ ra nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả. Nếu đã lìa nhiễm của Tịnh lự thứ hai, chưa lìa nhiễm của Tịnh lự thứ ba, thì lúc ấy có thể tạo tác hai loại nghiệp của Tịnh lự thứ nhất đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả và không nhất định mà nhận quả; có thể tạo tác ba loại nghiệp của Tịnh lự thứ ba, trừ ra nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả. Nói rộng ra cho đến, nếu đã lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, chưa lìa nhiễm của Phi tướng phi phi tướng xứ, thì lúc ấy có thể tạo tác hai loại nghiệp của Tịnh lự thứ nhất, đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả và không nhất định mà nhận quả; có thể tạo tác một loại nghiệp của ba Tịnh lự, ba Vô sắc, đó là không nhất định mà nhận quả; có thể tạo tác hai loại nghiệp của Phi tướng phi phi tướng xứ, đó là nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả và không nhất định mà nhận quả. Nếu đã lìa nhiễm của Phi tướng phi phi tướng xứ, thì lúc ấy có thể tạo tác hai loại nghiệp của Tịnh lự thứ nhất, đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả và không nhất định mà nhận quả; có thể tạo tác một loại nghiệp của ba Tịnh lự, bốn Vô sắc, đó là không nhất định mà nhận quả.

Như nói về Thánh giả sinh ở Tịnh lự thứ nhất, như vậy sinh ở Tịnh lự thứ hai, thứ ba, thứ tư, nói rộng ra cũng như vậy. Trừ ra chưa lìa

nhhiêm của địa mình, lúc ấy có thể tạo tác bốn loại nghiệp của địa mình, cùng với trước có sai khác.

Nếu các Thánh giả sinh ở Không vô biên xứ, chưa lìa nhhiêm của Không vô biên xứ, thì lúc ấy có thể có thể tạo tác hai loại nghiệp của Không vô biên xứ, thì lúc ấy có thể tạo tác hai loại nghiệp của Không vô biên xứ, đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả và không nhất định mà nhận quả. Nếu đã lìa nhhiêm của Không vô biên xứ, chưa lìa nhhiêm của Thức vô biên xứ, thì lúc ấy có thể tạo tác hai loại nghiệp của Không vô biên xứ, đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả và không nhất định mà nhận quả; có thể tạo tác hai loại nghiệp của Thức vô biên xứ, đó là nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả và không nhất định mà nhận quả. Nếu đã lìa nhhiêm của Thức vô biên xứ, chưa lìa nhhiêm của Vô sở hữu xứ, thì lúc ấy có thể tạo tác hai loại nghiệp của Không vô biên xứ, đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả và không nhất định mà nhận quả; có thể tạo tác một loại nghiệp của Thức vô biên xứ, đó là không nhất định mà nhận quả; có thể tạo tác hai loại nghiệp của Vô sở hữu xứ, đó là nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả và không nhất định mà nhận quả. Nếu đã lìa nhhiêm của Vô sở hữu xứ, chưa lìa nhhiêm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thì lúc ấy có thể tạo tác hai loại nghiệp của Không vô biên xứ, đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả và không nhất định mà nhận quả; có thể tạo tác một loại nghiệp của Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, đó là không nhất định mà nhận quả; có thể tạo tác hai loại nghiệp của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, đó là nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả và không nhất định mà nhận quả. Nếu đã lìa nhhiêm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thì lúc ấy có thể tạo tác hai loại nghiệp của Không vô biên xứ, đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả và không nhất định mà nhận quả; có thể tạo tác một loại nghiệp của ba Vô sắc, đó là không nhất định mà nhận quả.

Như nói về Thánh giả sinh ở Không vô biên xứ, như vậy cho đến sinh ở Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nói rộng ra cũng như vậy.

Trú trong phần vị Trung hữu của cõi Dục, có thể tạo tác hai mươi hai loại nghiệp, đó là nghiệp dị thực quyết định và nghiệp không nhất định của phần vị Trung hữu; như vậy Yết-la-lam. Át-bộ-đàm, Bế-thi, Kiện-nam, Bát-la-xa-khư, mới lọt lòng, trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ, trai trẻ, già yếu, tất cả phần vị đều có nghiệp dị thực quyết định và nghiệp không nhất định, đây gọi là hai mươi hai nghiệp.

Trú trong phần vị Yết-la-lam, có thể tạo tác hai mươi hai loại

ngiệp, đó là trừ ra hai nghiệp của Trung hữu. Như vậy cho đến trú trong phần vị già yếu, có thể tạo tác hai nghiệp, đó là nghiệp quyết định và nghiệp không nhất định của phần vị Lão.

Hỏi: Nếu các nghiệp do phần vị trung hữu đã tạo tác, đến phần vị Bốn hữu mà nhận lấy quả dị thực, thì nghiệp này nếu nói là thuận theo pháp hiện tại nhận quả, hay là thuận theo đời kế tiếp nhận quả?

Đáp: Đây là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả, không phải là nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả. Nguyên cơ thế nào? Bởi toàn bộ Chúng đồng phần của Trung hữu và Bốn hữu không có sai biệt.

Đã nói về tự tánh của ba nghiệp trước, sau, nay sẽ biểu hiện rõ ràng về tướng xen tạp, không xen tạp.

Hỏi: Là trước thâm nhiếp sau, hay là sau thâm nhiếp?

Đáp: Trước thâm nhiếp sau, không phải là sau thâm nhiếp trước. Không thâm nhiếp những gì? Đó là nghiệp không nhất định, nghiệp vô ký, nghiệp vô lậu. Trong này, ba nghiệp trước thâm nhiếp bao gồm nghiệp quyết định, không nhất định, ba nghiệp sau chỉ thâm nhiếp các nghiệp quyết định; ba nghiệp trước thâm nhiếp bao gồm nghiệp thiện, bất thiện và vô ký, ba nghiệp sau chỉ thâm nhiếp nghiệp thiện, bất thiện; ba nghiệp thâm nhiếp bao gồm nghiệp hữu lậu, vô lậu, ba nghiệp sau chỉ thâm nhiếp nghiệp hữu lậu.

Như vậy nói rộng ra có vô lượng môn sai biệt trước, sau; nay nói giản lược, cho nên nói là trước thâm nhiếp sau chứ không phải là sau thâm nhiếp trước. Không thâm nhiếp những gì? Đó là nghiệp không nhất định, nghiệp vô lý, nghiệp vô lậu.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 115

LUẬN VỀ ÁC HÀNH (Phần 4)

Ba nghiệp, đó là nghiệp thân-ngữ và ý. Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp thuận theo Lạc thọ, nghiệp thuận theo Khổ thọ, nghiệp thuận theo không Khổ-không Lạc thọ.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: “Nghiệp thuận theo Lạc thọ...” Trong kinh tuy nói ra điều này, mà không giải thích rộng ra. Nói rộng ra như trước. Lại có người nói: Trước đây tuy phân biệt về ba nghiệp là thân..., mà chưa phân biệt về ba nghiệp như nghiệp thuận theo Lạc thọ..., nay cần phải phân biệt cho nên soạn ra phần luận này.

Tên gọi về Thọ đã nói, tổng quát có năm loại:

1. Thọ thuộc về tự tánh.
2. Thọ thuộc về hiện tiền.
3. Thọ thuộc về sở duyên.
4. Thọ thuộc về tương ứng.
5. Thọ thuộc về dị thực.

Thọ thuộc về tự tánh, như nói ba Thọ, đó là Lạc thọ, Khổ thọ và không Khổ không Lạc thọ.

Thọ thuộc về hiện tiền, như trong kinh Đại Nhân Duyên Pháp Môn nói: “A-nan nên biết! Lúc cảm thọ về Lạc thọ thì hai Thọ còn lại sẽ diệt mất. Nên biết đã cảm thọ về Lạc thọ như vậy, là pháp của Vô thường, Khổ hoại diệt, lìa bỏ Ngã và Ngã sở. Như vậy Khổ thọ, không Khổ, không Lạc thọ, nên biết cũng như vậy.”

Thọ thuộc về sở duyên, như luận Thức Thân nói: “Nhãn-sắc làm duyên sinh ra nhãn thức, ba hòa hợp cho nên xúc chạm, xúc chạm làm duyên cho nên cảm thọ. Nên biết cảm thọ này có thể tiếp nhận sắc chứ

không phải là Bồ-đặc-già-la (Số tử thú), sắc là nhãn tiếp xúc mà sinh ra duyên cảm thọ chứ không phải là Bồ-đặc-già-la. Như vậy cho đến ý-pháp, nói rộng ra cũng như vậy.”

Thọ thuộc về tương ứng, như nói có pháp Lạc thọ, có pháp Khổ thọ, có pháp không Khổ không Lạc thọ. Thế nào là pháp Lạc thọ? Đó là pháp tương ứng với Lạc thọ. Thế nào là pháp Khổ thọ? Đó là pháp tương ứng với Khổ thọ. Thế nào là pháp không Khổ không Lạc thọ? Đó là pháp tương ứng với không Khổ không Lạc thọ.

Thọ thuộc về dị thực, như trong này nói: Nghiệp thuận theo Lạc thọ, nghiệp thuận theo Khổ thọ, nghiệp thuận theo không Khổ không Lạc thọ.

Ở trong năm Thọ này, dựa vào Thọ thuộc về dị thực mà soạn ra phần luận này. Thế nào là nghiệp thuận theo Lạc thọ? Đó là nghiệp thiện hệ thuộc cõi Dục, cho đến nghiệp thiện của Tĩnh lự thứ ba.

Thế nào là nghiệp thuận theo Khổ thọ? Đó là nghiệp bất thiện.

Thế nào là nghiệp thuận theo không Khổ không Lạc thọ? Đó là nghiệp thiện hệ thuộc cõi Quảng Quả, và nghiệp thiện hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Nghiệp thuận theo Lạc thọ quyết định có thể cảm đến quả dị thực Lạc thọ chăng? Nghiệp thuận theo hai Thọ còn lại thì hỏi cũng như vậy. Nếu như quyết định, thì phần sau này đã nói nên thông hiểu thế nào? Như phần sau, luận nói: “Có thể có nghiệp thiện không cảm đến dị thực Thọ của thân tâm, mà cảm đến dị thực chăng?”

Đáp: Có, đó là các nghiệp cảm đến dị thực của sắc tâm bất tương ứng hành.”

Hỏi: Nếu không quyết định, thì tại sao nói là nghiệp thuận theo Lạc thọ, nghiệp thuận theo Khổ thọ, nghiệp thuận theo không Khổ không Lạc thọ?

Đáp: Có người nói nhất định cảm được, đó là nghiệp thuận theo Lạc thọ, quyết định có thể cảm đến dị thực của Lạc thọ, vì vậy cho nên gọi là nghiệp thuận theo Lạc thọ; cho đến nghiệp thuận theo không Khổ không Lạc thọ, quyết định có thể cảm đến dị thực không Khổ không Lạc thọ, vì vậy cho nên gọi là nghiệp thuận theo không Khổ không Lạc thọ.

Hỏi: Nếu như vậy thì phần sau đã nói làm sao thông hiểu? Như nói: “Có thể có nghiệp không cảm đến dị thực Thọ của thân tâm, mà cảm đến dị thực chăng? Cho đến nói rộng ra.”

Đáp: Nghiệp ấy nhất định cảm đến dị thực của Thọ ấy, và cảm lấy sắc tâm bất tương ứng hành, nhưng Thọ đã cảm được không thường

xuyên hiện rõ trước mắt, và sắc tâm... đã cảm được thì luôn luôn nối tiếp nhau. Đối với lúc Thọ đã cảm đến không hiện rõ trước mắt, nói là nghiệp thuận theo Thọ ấy chỉ cảm lấy sắc tâm bất tương ưng hành, cho nên không có gì sai. Như vậy thì hai văn dễ dàng thông suốt.

Lại có người nói: Nghiệp thuận theo Lạc thọ không nhất định có thể cảm đến dị thực thuận theo Lạc thọ; cho đến nghiệp thuận theo không Khổ không Lạc thọ không nhất định có thể cảm đến dị thực thuận theo không Khổ không Lạc thọ.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao nghiệp này gọi là thuận theo Lạc thọ...?

Đáp: Nghiệp thuận theo Lạc thọ, tuy không nhất định cảm đến dị thực của Lạc thọ, nhưng cảm đến dị thực của Lạc thọ thì chỉ là nghiệp này chứ không phải là nghiệp khác, cho nên nói đây là nghiệp thuận theo Lạc thọ. Nghiệp thuận theo hai Thọ còn lại, đã nói cũng như vậy.

Lại có người nói: Nghiệp thuận theo Lạc thọ, tuy không nhất định cảm đến dị thực của Lạc thọ, nhưng Lạc thọ có thể làm nơi nương tựa cho Hỷ lạc, khiến cho Hỷ lạc phát sinh nối tiếp nhau mà chuyển sang làm nơi dừng chân, quả dị thực còn lại cũng có thể như vậy, cho nên gọi là nghiệp thuận theo Lạc thọ. Nghiệp thuận theo Khổ thọ, tuy không nhất định cảm đến dị thực của Khổ thọ, nhưng như Khổ thọ có thể làm nơi nương tựa cho Ưu khổ, khiến cho Ưu khổ phát sinh nối tiếp nhau mà chuyển sang làm nơi dừng chân, quả dị thực còn lại cũng có thể như vậy, cho nên gọi là nghiệp thuận theo Khổ thọ. Nghiệp thuận theo không Khổ không Lạc thọ, tuy không nhất định cảm đến dị thực không Khổ không Lạc thọ, nhưng như không Khổ không Lạc thọ, không có thể làm nơi nương tựa cho Hỷ lạc, Ưu khổ, không có thể khiến cho Hỷ lạc, Ưu khổ phát sinh nối tiếp nhau mà chuyển sang làm nơi dừng chân, quả dị thực khác lại cũng như vậy, cho nên gọi là nghiệp thuận theo không Khổ không Lạc thọ.

Lại có người nói: Như Lạc thọ có thể nuôi lớn nơi nương tựa, dị thực khác cũng như vậy, cho nên gọi là nghiệp thuận theo Lạc thọ. Như Khổ thọ có thể làm tổn hại đến nơi nương tựa, dị thực khác cũng như vậy, cho nên gọi là nghiệp thuận theo Khổ thọ. Như không Khổ không Lạc thọ, không phải là có thể nuôi lớn cũng không phải là làm tổn hại đến nơi nương tựa, dị thực khác cũng như vậy, cho nên gọi là nghiệp thuận theo không Khổ không Lạc thọ.

Hỏi: Cõi Dục cho đến Tĩnh lự thứ ba, có dị thực không Khổ không Lạc thọ chăng? Nếu có thì trong này đã nói làm sao thông hiểu? Như

nói: “Thế nào là nghiệp thuận theo không Khổ không Lạc thọ? Đó là nghiệp thiện hệ thuộc cõi Quảng Quả, và nghiệp thiện hệ thuộc cõi Vô sắc.” Nếu không có thì tất cả nghiệp thiện hệ của Tĩnh lự trung gian, nên nói là có thể cảm đến dị thực của Thọ nào?

Đáp: Hoặc có người nói: Địa dưới không có dị thực không Khổ không Lạc thọ. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì địa dưới là pháp thô, Thọ này thì vi tế; địa dưới là không vắng lặng, Thọ này thì vắng lặng.

Lại có người nói: Nghiệp thiện của hữu tình ở địa dưới đã đầy khởi, đều là vì mong cầu Lạc thọ cho nên đầy khởi, không có sự mong cầu không Khổ không Lạc thọ, vì vậy tất cả nghiệp thiện của địa dưới, không cảm đến dị thực của Thọ này.

Hỏi: Nơi ấy cũng không có ai mong cầu Khổ thọ, tại sao ở địa dưới cảm đến dị thực này?

Đáp: Hữu tình ở cõi Dục vì mong cầu vui sướng cho nên tạo ra nhiều nhân của đau khổ, vì vậy tuy không mong cầu mà cảm đến dị thực ấy; Xả thọ vắng lặng không có mong cầu Lạc thọ tạo ra nghiệp thuộc Xả thọ, cho nên không có dị thực ấy.

Hỏi: Tất cả nghiệp thiện của Tĩnh lự trung gian, nên nói là có thể cảm đến dị thực của Thọ nào?

Đáp: Cảm đến dị thực của Hỷ căn ở Tĩnh lự thứ nhất. Lại có người nói: Cảm đến dị thực của Lạc thọ ở Tĩnh lự thứ nhất.

Hỏi: Nếu như vậy thì văn phần sau làm sao thông hiểu? Như nói: “Có thể có nghiệp cảm đến dị thực Thọ của tâm chứ không phải là thân chăng?”

Đáp: Có, đó là nghiệp thiện không có Tâm.” Văn ấy nên nói theo cách này: Đó là nghiệp thiện không có Tâm, không có Tứ. Nhưng mà không nói như vậy là có ý gì? Nên biết rằng trong này nói đến thế mạnh giảm sút.

Lại có người nói: Tất cả nghiệp thiện của Tĩnh lự trung gian, tuy không cảm đến quả dị thực của Thọ, mà có thể cảm đến sắc tâm bất tương ưng hành.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao sau này luận nói: Nghiệp thiện không có Tâm cảm đến Thọ của Tâm?

Đáp: Chỉ nói là có thể cảm đến Thọ của Tâm chứ không phải là thân, không nói là chỉ cảm đến dị thực của Thọ của tâm, không phải là cảm sắc tâm bất tương ưng hành.

Lại có người nói: Địa dưới cũng có dị thực không Khổ không Lạc thọ.

Hỏi: Trong này đã nói nên thông hiểu thế nào? Như nói: “Thế nào là nghiệp thuận theo không Khổ không Lạc thọ? Đó là nghiệp thiện hệ thuộc cõi Quảng Quả, và nghiệp thiện hệ thuộc cõi Vô sắc.” Đáp: Trong này chỉ hiển bày về dị thực của nghiệp thuận theo không Khổ không Lạc thọ ở giới hạn cuối cùng, đó là Tĩnh lực thứ tư là giới hạn của địa có Sắc, cõi Vô sắc là giới hạn của ba cõi.

Lại có người nói: Trong này chỉ hiển bày về ruộng đất, đồ đựng riêng biệt của dị thực thuộc Thọ này. Nơi nào là ruộng đất, đồ đựng riêng biệt của dị thực thuộc Thọ này? Đó là Tĩnh lực thứ tư và cõi Vô sắc.

Lại có người nói: Địa dưới tuy có dị thực của Thọ này, nhưng mà bị các Thọ khác làm cho che kín, không rõ ràng, nối tiếp nhau không lâu; từ cõi Quảng Quả trở lên lại không có Thọ nào khác, chỉ có Thọ này nối tiếp nhau rõ ràng, vì vậy chỉ nói đến những nơi ấy.

Những cách nói về địa dưới không có dị thực của không Khổ không Lạc thọ, đó là nói đến những A-la-hán ở cõi Dục và ba Tĩnh lực dưới, trú vào tâm oai nghi mà nhập Niết-bàn; A-la-hán ở cõi Quảng Quả, trú vào tâm oai nghi, tâm dị thực mà nhập Niết-bàn; A-la-hán ở cõi Vô sắc, trú vào tâm dị thực mà nhập Niết-bàn.

Những cách nói về địa dưới cũng có dị thực của không Khổ không Lạc thọ, đó là nói đến những A-la-hán ở cõi Dục và bốn Tĩnh lực, trú vào tâm oai nghi, tâm dị thực mà nhập Niết-bàn; A-la-hán ở cõi Vô sắc, trú vào tâm dị thực mà nhập Niết-bàn.

Đã nói về tự tánh của ba nghiệp trước, sau, nay sẽ biểu hiện rõ ràng về tướng xen tạp, không xen tạp.

Hỏi: Là trước thâm nhiếp sau, hay là sau thâm nhiếp trước?

Đáp: Trước thâm nhiếp sau, không phải là sau thâm nhiếp trước. Không thâm nhiếp những gì? Đó là nghiệp vô ký và nghiệp vô lậu.

Trong này, ba nghiệp trước bao gồm hữu ký, vô ký, ba nghiệp sau chỉ là hữu ký; ba nghiệp trước bao gồm nghiệp hữu lậu và vô lậu, ba nghiệp sau chỉ là hữu lậu. Vì vậy nói là trước thâm nhiếp sau, không phải là sau thâm nhiếp trước. Không thâm nhiếp những gì? Đó là nghiệp vô ký và nghiệp vô lậu.

Ba nghiệp, đó là nghiệp thân-ngữ và ý. Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp quá khứ, vị lai và hiện tại. Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp thiện, bất thiện và vô ký. Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp Học-vô học và phi học phi vô học. Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp do kiến mà đoạn, do tu mà đoạn và không đoạn.

Hỏi: Là trước thâm nhiếp sau, hay là sau thâm nhiếp trước?

Đáp: Tuy theo sự việc mà lần lượt chuyển đổi thâm nhiếp. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì tự tánh của nghiệp thân, ngữ và ý, hoặc là quá khứ, hoặc là vị lai, hoặc hiện tại, hoặc là thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký, hoặc là Học, hoặc Vô học, hoặc Phi học phi vô học, hoặc là do kiến mà đoạn, hoặc do tu mà đoạn, hoặc không đoạn, cho nên nói là tùy theo sự việc mà lần lượt chuyển đổi thâm nhiếp nhau.

Ba nghiệp, đó là nghiệp thân-ngữ và ý, lại có ba nghiệp, đó là nghiệp hệ thuộc cõi Dục-Sắc và Vô sắc.

Hỏi: Là trước thâm nhiếp sau, hay là sau thâm nhiếp trước?

Đáp: Trước thâm nhiếp sau, không phải là sau thâm nhiếp trước. Không thâm nhiếp những gì? Đó là nghiệp vô lậu. Trong này, ba nghiệp trước bao gồm hữu lậu và vô lậu, ba nghiệp sau chỉ là hữu lậu. Vì vậy nói là trước thâm nhiếp sau, không phải là sau thâm nhiếp trước. Không thâm nhiếp những gì? Đó là nghiệp vô lậu.

Bốn nghiệp như trước nói; ba nghiệp, đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả...

Hỏi: Là bốn thâm nhiếp ba, hay là ba thâm nhiếp bốn?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc bốn mà không phải là ba, đó là các nghiệp Tư thuộc Học có thể đoạn, nghiệp thiện-bất thiện-không nhất định hệ thuộc cõi Dục, nghiệp thiện-không nhất định hệ thuộc cõi Sắc.

2. Có lúc ba mà không phải là bốn, đó là nghiệp thiện, quyết định hệ thuộc cõi Vô sắc.

3. Có lúc bốn mà cũng là ba, đó là nghiệp thiện-bất thiện, quyết định hệ thuộc cõi Dục, và nghiệp thiện, quyết định hệ thuộc cõi Sắc.

4. Có lúc không phải là bốn cũng không phải là ba, đó là trừ ra các nghiệp Tư thuộc Học có thể đoạn, còn lại nghiệp vô lậu, nghiệp thiện, không nhất định hệ thuộc cõi Vô sắc, và nghiệp vô ký.

Bốn nghiệp như trước nói: ba nghiệp, đó là nghiệp thuận theo Lạc thọ...

Hỏi: Là bốn thâm nhiếp ba, hay là ba thâm nhiếp bốn?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc bốn mà không phải là ba, đó là các nghiệp Tư thuộc Học có thể đoạn.

2. Có lúc ba mà không phải là bốn, đó là nghiệp thiện hệ thuộc cõi Vô sắc.

3. Có lúc bốn mà cũng là ba, đó là nghiệp thiện-bất thiện-bất

thiện hệ thuộc cõi Dục, nghiệp thiện hệ thuộc cõi sắc.

4. Có lúc không phải là bốn cũng không phải là ba, đó là trừ ra các nghiệp Tư thuộc Học có thể đoạn, còn lại nghiệp vô lậu và nghiệp vô ký.

Bốn nghiệp như trước nói: Ba nghiệp, đó là nghiệp quá khứ... Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp thiện... Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp Học... Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp do kiến mà đoạn...

Hỏi: Là bốn thân nhiếp ba, hay là ba thân nhiếp bốn?

Đáp: Ba thân nhiếp bốn, không phải là bốn thân nhiếp ba. Không thân nhiếp những gì? Đó là trừ ra các nghiệp Tư thuộc Học có thể đoạn, còn lại nghiệp vô lậu, nghiệp thiện hệ thuộc cõi Vô sắc, và nghiệp vô ký.

Bốn nghiệp như trước nói: Ba nghiệp, đó là nghiệp hệ thuộc cõi Dục...

Hỏi: Là bốn thân nhiếp ba, hay là ba thân nhiếp bốn?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc bốn mà không phải là ba, đó là các nghiệp Tư thuộc Học có thể đoạn.

2. Có lúc ba mà không phải là bốn, đó là nghiệp thiện hệ thuộc cõi Vô sắc, tất cả nghiệp vô ký.

3. Có lúc bốn mà cũng là ba, đó là nghiệp thiện-bất thiện hệ thuộc cõi Dục, nghiệp thiện hệ thuộc cõi Sắc.

4. Có lúc không phải là bốn cũng không phải là ba, đó là trừ ra các nghiệp Tư thuộc Học có thể đoạn, còn lại nghiệp vô lậu.

Ba nghiệp, đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả... Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp thuận theo Lạc thọ...

Hỏi: Là trước thân nhiếp sau, hay là sau thân nhiếp trước?

Đáp: Sau thân nhiếp trước, không phải là trước thân nhiếp sau. Không thân nhiếp những gì? Đó là nghiệp không nhất định. Trong này, ba nghiệp trước chỉ thân nhiếp nghiệp quyết định, ba nghiệp sau thân nhiếp chung cả nghiệp quyết định và không nhất định. Vì vậy nói là sau thân nhiếp trước, không phải là trước thân nhiếp sau. Không thân nhiếp những gì? Đó là nghiệp không nhất định.

Ba nghiệp, đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả... Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp quá khứ... Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp thiện... Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp Học... Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp do kiến mà đoạn...

Hỏi: Là trước thân nhiếp sau, hay là sau thân nhiếp trước?

Đáp: Sau thâm nhiếp trước, không phải là trước thâm nhiếp sau. Không thâm nhiếp những gì? Đó là nghiệp không nhất định, nghiệp vô ký và nghiệp vô lậu. Trong này, ba nghiệp trước chỉ thâm nhiếp nghiệp quyết định, chỉ là hữu ký, chỉ là hữu lậu; các loại ba nghiệp sau thâm nhiếp chung cả các nghiệp quyết định, không quyết định, hữu ký, vô ký, hữu lậu, vô lậu. Vì vậy nói là sau thâm nhiếp trước, không phải là trước thâm nhiếp sau. Không thâm nhiếp những gì? Đó là nghiệp không nhất định, nghiệp vô ký, nghiệp vô lậu.

Ba nghiệp, đó là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả... Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp hệ thuộc cõi Dục...

Hỏi: Là trước thâm nhiếp sau, hay là sau thâm nhiếp trước?

Đáp: Sau thâm nhiếp trước, không phải là trước thâm nhiếp sau. Không thâm nhiếp những gì? Đó là nghiệp không nhất định, nghiệp vô ký. Trong này, ba nghiệp trước chỉ thâm nhiếp nghiệp quyết định, chỉ là hữu ký, ba nghiệp sau thâm nhiếp chung cả nghiệp quyết định, không quyết định, hữu ký và vô ký. Vì vậy nói là sau thâm nhiếp trước, không phải là trước thâm nhiếp sau. Không thâm nhiếp những gì? Đó là nghiệp không nhất định và nghiệp vô ký.

Ba nghiệp, đó là nghiệp thuận theo Lạc thọ... Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp quá khứ... Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp thiện... Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp Học... Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp do kiến mà đoạn...

Hỏi: Là trước thâm nhiếp sau, hay là sau thâm nhiếp trước?

Đáp: Sau thâm nhiếp trước, không phải trước thâm nhiếp sau. Không thâm nhiếp những gì? Đó là nghiệp vô ký và nghiệp vô lậu. Trong này, ba nghiệp trước chỉ là hữu ký, chỉ là hữu lậu; các loại ba nghiệp sau bao gồm hữu ký, vô ký, hữu lậu, vô lậu. Vì vậy nói là sau thâm nhiếp trước, không phải là trước thâm nhiếp sau. Không thâm nhiếp những gì? Đó là nghiệp vô ký và nghiệp vô lậu.

Hỏi: Tại sao nghiệp vô ký và vô lậu không cảm đến dị thực như Lạc thọ...?

Đáp: Tự tánh của các nghiệp vô ký yếu kém, thế lực không tồn tại vững chắc, cho nên không có dị thực. Các nghiệp vô lậu lia bỏ các phiền não, không phải là hệ thuộc ba cõi, cho nên không có dị thực. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì nếu do tự tánh vững mạnh của nghiệp mà dấy khởi, do phiền não ràng buộc thì có thể cảm đến dị thực. Ví như hạt giống ở ngoài, nếu Thế cứng rắn, có nước đã thấm ướt, phân đất đã che phủ, thì mới có thể nảy mầm; nếu không cứng rắn, thì tuy có nước

thấm ướt, phân đất đã che phủ mà không có thể nảy mầm. Nếu như tuy là cứng rắn, mà không có nước thấm ướt, không có phân đất che phủ thì cũng không nảy mầm. Nghiệp bên trong cũng như vậy, nếu Thể cứng rắn do nước Ái tưới thấm, do phiền não khác che phủ thì có thể cảm đến dị thực. Các nghiệp vô ký tuy có nước Ái tưới thấm, có phiền não khác che phủ mà tánh yếu kém không vững bền cho nên không cảm đến dị thực. Các nghiệp vô lậu tuy Thể cứng rắn, mà không có nước Ái tưới thấm, không có phiền não khác che phủ, cho nên không cảm đến dị thực. Các nghiệp bất thiện, nghiệp hữu lậu thiện có đầy đủ hai nghĩa cho nên có thể cảm đến dị thực. Vì vậy nghiệp vô ký và nghiệp vô lậu, không phải là do nghiệp trước thâm nhiếp.

Ba nghiệp, đó là nghiệp thuận theo Lạc thọ... Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp hệ thuộc cõi Dục...

Hỏi: Là trước thâm nhiếp sau, hay là su thâm nhiếp trước?

Đáp: Sau thâm nhiếp trước, không phải là trước thâm nhiếp sau. Không thâm nhiếp những gì? Đó là nghiệp vô ký. Trong này, ba nghiệp trước chỉ là hữu, ba nghiệp sau bao gồm hữu ký-vô ký. Vì vậy nói là sau thâm nhiếp trước, không phải là trước thâm nhiếp sau. Không thâm nhiếp những gì? Đó là nghiệp vô ký.

Ba nghiệp, đó là nghiệp quá khứ... Lại có ba nghiệp đó là nghiệp thiện... Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp Học... Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp do kiến mà đoạn...

Hỏi: Là trước thâm nhiếp sau, hay là sau thâm nhiếp trước?

Đáp: Tùy theo sự việc mà lần lượt chuyển đổi thâm nhiếp lẫn nhau, bởi vì nghĩa khác mà Thể không khác. Ba nghiệp, đó là nghiệp quá khứ... Lại có ba nghiệp đó là nghiệp hệ thuộc cõi Dục...

Hỏi: Là trước thâm nhiếp sau, hay là sau thâm nhiếp trước?

Đáp: Trước thâm nhiếp sau, không phải là sau thâm nhiếp trước. Không thâm nhiếp những gì? Đó là nghiệp vô lậu. Trong này, ba nghiệp trước bao gồm hữu lậu, vô lậu, ba nghiệp sau chỉ là hữu lậu. Vì vậy nói là trước thâm nhiếp sau, không phải là sau thâm nhiếp trước. Không thâm nhiếp những gì? Đó là nghiệp vô lậu.

Ba nghiệp, đó là nghiệp thiện... Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp hệ thuộc cõi Dục...

Hỏi: Là trước thâm nhiếp sau, hay là sau thâm nhiếp trước?

Đáp: Trước thâm nhiếp sau, không phải là su thâm nhiếp trước. Không thâm nhiếp những gì? Đó là nghiệp vô lậu. Trong này, ba nghiệp trước bao gồm hữu lậu, vô lậu, ba nghiệp sau chỉ là hữu lậu. Vì vậy nói

là trước thâm nhiếp sau, không phải là sau thâm nhiếp trước. Không thâm nhiếp những gì? Đó là nghiệp vô lậu.

Ba nghiệp, đó là nghiệp thiện... Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp Học... Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp do kiến mà đoạn...

Hỏi: Là trước thâm nhiếp sau, hay là thâm nhiếp trước?

Đáp: Tùy theo sự việc mà lần lượt chuyển đổi thâm nhiếp lẫn nhau, bởi vì nghĩa khác – Thể không khác.

Ba nghiệp, đó là nghiệp hệ thuộc cõi Dục... Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp Học... Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp do kiến mà đoạn...

Hỏi: Là trước thâm nhiếp sau, hay là sau thâm nhiếp trước?

Đáp: Sau thâm nhiếp trước, không phải trước thâm nhiếp sau. Không thâm nhiếp những gì? Đó là nghiệp vô lậu. Trong này, ba nghiệp trước chỉ là hữu lậu, ba nghiệp sau bao gồm hữu lậu và vô lậu. Vì vậy nói là sau thâm nhiếp trước, không phải là trước thâm nhiếp sau. Không thâm nhiếp những gì? Đó là nghiệp vô lậu.

Ba nghiệp, đó là nghiệp Học... Lại có ba nghiệp, đó là nghiệp do kiến đoạn...

Hỏi: Là trước thâm nhiếp sau, hay là sau thâm nhiếp trước?

Đáp: Tùy theo sự việc mà lần lượt chuyển đổi thâm nhiếp lẫn nhau, như trước giải thích.

Hỏi: Có thể có nghiệp cảm đến tâm Thọ chứ không phải là tâm chẳng?

Đáp: Có, đó là nghiệp bất thiện, đó là bởi vì nghiệp bất thiện chỉ cảm đến dị thực của Khổ căn.

Hỏi: Tại sao nghiệp bất thiện không cảm đến tâm Thọ?

Đáp: Nó giống như tâm Thọ, đó gọi là Ưu căn, mà Ưu căn không phải là dị thực, cho nên không cảm đến tâm Thọ.

Hỏi: Tại sao Ưu căn không phải là dị thực?

Đáp: Bởi vì Ưu căn do tác ý sinh ra, do phân biệt mạnh mẽ, do lia dục xả bỏ; dị thực thì không như vậy.

Hỏi: Có thể có nghiệp cảm đến tâm Thọ chứ không phải là tâm chẳng?

Đáp: Có, đó là nghiệp thiện không có Tầm. Trong này, có những người muốn làm cho địa dưới không có quả dị thực của không Khổ không Lạc thọ, là do nghiệp thiện không có Tầm này mà cảm đến dị thực của tâm Thọ, đó là Hỷ căn ở Tĩnh lự thứ hai, Lạc căn ở Tĩnh lự thứ ba, Xả căn ở Tĩnh lự thứ tư và cõi Vô sắc.

Có người nói: Cũng cảm đến Hỷ căn ở Tĩnh lự thứ nhất bởi vì

cùng một địa, mà không cảm đến Lạc căn tương ứng với ba thức, bởi vì nghiệp này vi tế. Có những người muốn làm cho địa dưới cũng có quả dị thực của không Khổ không Lạc thọ, là do nghiệp thiện không có Tầm này mà cảm đến dị thực của tâm Thọ, đó là Hỷ căn và Xả căn ở Tĩnh lự thứ hai, Lạc căn và Xả căn ở Tĩnh lự thứ ba, Xả căn ở Tĩnh lự thứ tư và cõi Vô sắc.

Có người nói: Cũng cảm đến Xả căn ở Tĩnh lự trung gian. Có người nói: Cũng cảm đến Hỷ căn và Lạc căn ở Tĩnh lự thứ nhất, bởi vì thô cho nên không phải là do nghiệp này cảm đến.

Hỏi: Có thể có nghiệp cảm đến thân-tâm Thọ chăng?

Đáp: Có, đó là nghiệp thiện có Tầm. Có những người muốn làm cho địa dưới không có quả dị thực của không Khổ không Lạc thọ, nghiệp thiện có Tầm này, nếu ở cõi Dục thì cảm đến dị thực của thân Thọ thuộc Lạc căn tương ứng với năm thức thân, và cảm đến dị thực của tâm Thọ thuộc Hỷ căn tương ứng với ý thức; nếu ở Tĩnh lự thứ nhất thì cảm đến dị thực của thân Thọ thuộc Lạc căn tương ứng với ba thức thân, và cảm đến dị thực của tâm Thọ thuộc Hỷ căn tương ứng với ý thức. Có những người muốn làm căn địa dưới cũng có quả dị thực của không Khổ không Lạc thọ, nghiệp thiện có Tầm này, nếu ở cõi Dục thì cảm đến dị thực của thân Thọ thuộc Lạc căn, Xả căn tương ứng với năm thức thân, và cảm đến dị thực của thân Thọ thuộc Lạc căn, xả căn tương ứng với ý thức; nếu ở Tĩnh lự thứ nhất thì cảm đến dị thực của thân Thọ thuộc Lạc căn, xả căn với ba thức thân, và cảm đến dị thực của tâm Thọ thuộc Hỷ căn, xả căn tương ứng với ý thức.

Hỏi: Vì sao Hỷ căn là quả dị thực mà không phải là Ưu căn?

Đáp: Hành tướng của Hỷ căn thọ có thô có tế, không cần phải luôn luôn tác ý mà dấy khởi, không cần phải luôn luôn là phân biệt mạnh mẽ, cho nên trong Định vi tế cũng nhất định có được. Vả lại, Hỷ căn này không phải là lìa dục xả bỏ, cùng với pháp dị thực không trái ngược nhau, cho nên có dị thực này; Ưu căn thì không như vậy, cho nên không phải là dị thực.

Hỏi: Tại sao xả căn chỉ riêng nghiệp thiện cảm đến chứ không phải là nghiệp bất thiện?

Đáp: Hành tướng của xả căn vi tế vắng lặng, do người trí ưa thích, cho nên nghiệp thiện cảm được; tánh của các nghiệp bất thiện là thô thiển xao động, cho nên không có thể cảm được dị thực của xả căn.

Hỏi: Có thể có nghiệp không cảm đến thân, tâm Thọ mà cảm đến dị thực chăng?

Đáp: Có, đó là các nghiệp cảm đến dị thực của sắc, tâm bất tương ưng hành. Dị thực của sắc, đó là chín xứ, trừ ra Thanh xứ. Dị thực của tâm bất tương ưng hành, đó là mạng căn, chúng đồng phần, đặc-sinh-lão-vô thường. Có người nói: Cùng với sự của Vô tướng.

Hỏi: Trong này, thế nào gọi là thân Thọ, thế nào gọi là tâm Thọ?

Đáp: Nếu Thọ thuộc về năm thức thân thì gọi là thân Thọ, thuộc về ý thức thì gọi là tâm Thọ. Lại có người nói: Trong các Thọ không có phân biệt thì gọi là thân Thọ, có phân biệt thì gọi là tâm Thọ. Lại có người nói: nếu Thọ duyên với cảnh của tự tướng thì gọi là thân Thọ, duyên với cảnh của tự tướng và cộng tướng thì gọi là tâm thọ. Lại có người nói: Nếu Thọ duyên với cảnh hiện tại thì gọi là thân Thọ, duyên với cảnh ba đời và vô vi thì gọi là tâm Thọ. Lại có người nói: Nếu Thọ duyên với cảnh có thật thì gọi là thân Thọ, duyên với cảnh có thật-có giả thì gọi là tâm Thọ. Lại có người nói: Nếu Thọ đối với cảnh đã một lần giữ lấy thì gọi là thân Thọ, nhiều lần giữ lấy thì gọi là tâm Thọ. Lại có người nói: Nếu Thọ đối với cảnh tạm thời duyên vào liền biết thì gọi là thân Thọ, suy xét tìm kiếm mới biết thì gọi là tâm Thọ. Lại có người nói: Trong các Thọ nếu dựa vào sắc duyên với sắc thì gọi là thân Thọ, nếu dựa vào phi sắc duyên với sắc – phi sắc thì gọi là tâm Thọ.

Như sắc-phi sắc, như vậy hữu đối, vô đối, tích tụ, phi tích tụ, hòa hợp, phi hòa hợp, nói cũng như vậy.

Tôn giả Thế Hữu nói rằng: “Đức Phật nói về hai Thọ, đó là thân Thọ và tâm Thọ. Thế nào gọi là thân Thọ? Thế nào gọi là tâm thọ? Trong này không có thân Thọ, tất cả các Thọ đều là tâm Thọ. Vì sao? Bởi vì tâm tương ưng. Nhưng tất cả Thọ nếu dựa vào năm căn mà chuyển thì gọi là thân Thọ, bởi vì luôn luôn dùng thân làm duyên tăng thượng; nếu dựa vào ý căn mà chuyển thì gọi là tâm Thọ, bởi vì luôn luôn dùng tâm làm duyên tăng thượng.”

Có người đưa ra cách nói này: Không có thân Thọ, tất cả các Thọ đều là tâm Thọ. Vì sao? Bởi vì tâm tương ưng. Nhưng tất cả Thọ nếu dựa vào ba căn mà chuyển, chọn lấy cảnh hòa hợp thì gọi là thân Thọ, bởi vì luôn luôn dấy lên tướng; nếu dựa vào ba căn mà chuyển, chọn lấy cảnh không hòa hợp thì gọi là tâm Thọ, bởi vì không phải là luôn luôn dấy lên tướng.

Đại đức nói rằng: “Thọ có hai loại:

1. Thân thọ.
2. Tâm thọ.

Nếu là thân thọ thì cũng là tâm thọ. Có lúc là tâm Thọ mà không phải là thân Thọ, đó là tất cả Thọ không chọn lấy sự vật bên ngoài mà khởi lên phân biệt; chỉ dựa vào sự vật bên trong chấp lấy tướng của nó mà khởi lên phân biệt, đó là duyên với tất cả Bồ-đặc-già-la, có duyên với sắc do pháp xứ thâm nhiếp, tâm bất tương ưng hành-pháp vô vi... gọi là tâm Thọ.”

Đại đức nói ba chương, đó là phiền não chương, nghiệp chương và dị thực chương.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: “Nếu các hữu tình thành tựu sáu pháp, thì tuy nghe Như Lai đã chứng, đã nói về pháp Tỳ-nại-da, mà không thể nào xa lìa trần cấu, ở trong các pháp sinh ra Pháp nhãn thanh tịnh. Thế nào là sáu pháp? Đó là:

1. Phiền não chương.
2. Nghiệp chương.
3. Dị thực chương.
4. Không tin.
5. Không thích.
6. Tuệ ác.”.

Trong kinh tuy nói thành tựu sáu pháp như vậy, mà giải thích rộng ra, cũng chưa hề nói tại sao gọi là phiền não chương, tại sao gọi là nghiệp chương, tại sao gọi là dị thực chương? Kinh ấy là duyên khởi căn bản của luận này, điều gì trong kinh chưa giải thích thì nay cần phải nói đến, cho nên soạn ra phần luận này.

Lại có người nói: Trước đây tuy phân biệt về các nghiệp, mà chưa phân biệt đến chương ngại của các nghiệp ấy, nay muốn phân biệt cho nên soạn ra phần luận này.

Ba chương như vậy, tổng quát dùng các loại dị thực của phiền não mạnh mẽ hừng hực-năm nghiệp vô gián-địa ngục... để làm tự tánh. Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao gọi là chương?

Đáp: Ba loại như vậy, có thể ngăn trở Thánh đạo và thiện căn gia hạnh của Thánh đạo, cho nên gọi là chương. Thế nào là phiền não chương? Đó là như có một bản tánh đầy đủ phiền não tham-sân-si hừng hực, bởi vì như vậy cho nên khó sinh tâm chán ngán lìa xa, khó có thể dạy dỗ nhắc nhở, khó có thể mở mang hiểu biết, khó tránh xa được, khó giải thoát được. Trong này, bản tánh đầy đủ phiền não tham mạnh mẽ hừng hực, là như Nan-đà...; đầy đủ phiền não sân mạnh mẽ hừng hực,

là như Chỉ Man...; đầy đủ phiền não si mạnh mẽ hừng hực, là như Ca-diếp-ba...

Hỏi: Nếu như vậy thì như nói là khó sinh tâm chán ngán lìa xa, khó có thể dạy dỗ nhắc nhở, khó có thể mở mang hiểu biết, khó tránh xa được, khó giải thoát được; lời này dễ dàng thông hiểu, bởi vì loại ấy thường xuyên cố gắng tìm cách giáo hóa đều thấy được chân lý. Như nói có thể ngăn trở Thánh đạo và thiện căn gia hạnh của Thánh đạo, thì điều này làm sao thông hiểu?

Đáp: Loại ấy tuy có thể ngăn trở Thánh đạo và thiện căn gia hạnh của Thánh đạo, nhưng mà nhờ vào Phật lực phương tiện giáo hóa khéo léo thì loại ấy có thể thấy được chân lý, không phải là cảnh giới giáo hóa của các Đại Thanh văn như Xá-lợi-tử...

Lại có người nói: Đầy đủ phiền não tham mạnh mẽ hừng hực, là như Hoàng môn...; đầy đủ phiền não sân mạnh mẽ hừng hực, là như ngoại đạo thờ phật...; đầy đủ phiền não si mạnh mẽ hừng hực, là như Lục Sư ngoại đạo...

Hỏi: Nếu như vậy thì như nói có thể ngăn trở Thánh đạo và thiện căn gia hạnh của Thánh đạo, lời này dễ dàng thông hiểu, bởi vì loại ấy rốt cuộc không thấy được chân lý. Như nói khó sinh tâm chán ngán lìa xa, khó có thể dạy dỗ nhắc nhở..., thì điều này làm sao thông hiểu? Bởi vì loại ấy rốt cuộc không thể nào thấy được chân lý thì không gọi là khó.

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Không sinh tâm chán ngán lìa xa, không có thể dạy dỗ nhắc nhở... Nhưng mà không nói như vậy là có ý nghĩa gì? Đó là đã không sinh tâm chán ngán lìa xa thì gọi là khó sinh tâm chán ngán lìa xa, cho đến đã không giải thoát được thì gọi là khó giải thoát được.

Hỏi: Tại sao kiến lập phiền não chương này, là dựa vào thành tựu, hay là dựa vào hiện hành?

Đáp: Đây là dựa vào hiện hành, không dựa vào thành tựu. Nếu dựa vào thành tựu thì tất cả hữu tình không có gì sai biệt, bởi vì đều thành tựu đầy đủ các phiền não. Bởi vì dựa vào hiện hành mà kiến lập cho nên phiền não có sai biệt, thì làm thành bốn câu phân biệt:

1. Hoặc có phiền não hừng hực mà không phải là mạnh mẽ.
2. Hoặc có phiền não mạnh mẽ mà không phải là hừng hực.
3. Hoặc có phiền não cũng hừng hực mà cũng mạnh mẽ.
4. Hoặc có phiền não không phải là hừng hực cũng không phải là mạnh mẽ. Phiền não hừng hực mà không phải là mạnh mẽ, đó chính là

phiền não phẩm Hạ thường xuyên hiện hành; mạnh mẽ mà không phải là hừng hực, đó chính là phiền não phẩm Thượng không thường xuyên hiện hành; hừng hực mà cũng mạnh mẽ, đó chính là phiền não phẩm Thượng thường xuyên hiện hành; không phải là hừng hực cũng không phải là mạnh mẽ, đó chính là phiền não phẩm Hạ không thường xuyên hiện hành.

Trong này, phiền não hừng hực mà không phải là mạnh mẽ, cũng là phiền não chướng, bởi vì phiền não này tuy là phẩm Hạ mà thường xuyên hiện hành, dựa vào phẩm Hạ phát sinh phẩm Trung, dựa vào phẩm Trung phát sinh phẩm Thượng, dần dần cho đến có thể đoạn mất căn thiện. Phiền não mạnh mẽ mà không phải là hừng hực, cũng không phải là phiền não chướng, bởi vì phiền não này tuy là phẩm Thượng mà không thường xuyên hiện hành, cho nên từ từ có thể giảm sút, cho đến có thể tiến vào Chánh tánh ly sinh rồi cuối cùng diệt mất. Phiền não hừng hực mà cũng mạnh mẽ, là phiền não chướng ngại đến tất cả, bởi vì nặng nề. Phiền não không phải là hừng hực cũng không phải là mạnh mẽ, không phải là phiền não chướng ngại đến tất cả, bởi vì nhẹ nhàng.

Như vậy, căn thiện cũng có bốn câu phân biệt:

1. Hoặc có căn thiện hừng hực mà không phải là mạnh mẽ.
2. Hoặc có căn thiện mạnh mẽ mà không phải là hừng hực.
3. Hoặc có căn thiện hừng hực mà cũng mạnh mẽ.
4. Hoặc có căn thiện không phải là hừng hực cũng không phải là mạnh mẽ.

Căn thiện hừng hực mà không phải là mạnh mẽ, đó chính là căn thiện phẩm Hạ thường xuyên hiện hành; mạnh mẽ mà không phải là hừng hực, đó là căn thiện phẩm Thượng không thường xuyên hiện hành; hừng hực mà cũng mạnh mẽ, đó chính là căn thiện phẩm Thượng thường xuyên hiện hành; không phải là hừng hực cũng không phải là mạnh mẽ, đó chính là căn thiện phẩm Hạ không thường xuyên hiện hành.

Trong này, căn thiện hừng hực mà không phải là mạnh mẽ, không bị phiền não chướng làm ngăn trở, vì vậy là căn thiện phẩm Hạ mà thường xuyên hiện hành, cho nên dựa vào phẩm Hạ phát sinh phẩm Trung, dựa vào phẩm Trung phát sinh phẩm Thượng, dần dần tăng trưởng có thể mau chóng hưởng đến chướng đoạn tất cả các kiết. Căn thiện mạnh mẽ mà không phải là hừng hực, thì bị phiền não chướng làm ngăn trở, vì vậy tuy là căn thiện phẩm Thượng mà không thường xuyên hiện hành, cho nên hoặc là do phiền não thường xuyên hiện hành, dần dần tăng trưởng có thể đoạn mất căn thiện. Căn thiện hừng hực mà

cũng mạnh mẽ thì tất cả đều là hơn hẳn. Căn thiện không hừng hực cũng không mạnh mẽ thì tất cả đều là yếu kém.

Thế nào là nghiệp chướng? Đó là năm nghiệp vô gián. Những gì là năm nghiệp? Đó là:

1. Làm hại mẹ.
2. Làm hại cha.
3. Làm hại A-la-hán.
4. Phá hoại Tăng.
5. Ác tâm làm thân Phật chảy máu.

Hỏi: Như trước đã nói có thể ngăn trở Thánh đạo và căn thiện gia hạnh của Thánh đạo, cho nên gọi là chướng. Trừ ra năm nghiệp vô gián, lại có hành diệp-hành ác khác, đó gọi là nghiệp quyết định của cõi thứ tám, và sân giận tăng cao ràng buộc làm hai nhiều loài vật..., vì vậy làm chướng ngại không thể nào ở trong pháp thiện hiện tại tiến vào Thánh đạo, tại sao không nói là nghiệp chướng?

Đáp: Cũng nên nói các loài này là nghiệp chướng, mà không nói thì nên biết là nghĩa này có khác. Trong này, ba chướng đều có cách nói khác.

Lại có người nói: Năm nghiệp vô gián nhất định luôn luôn làm chướng ngại, cho nên chỉ nói đến chúng; hành diệp-hành ác khác, hoặc có thể làm chướng ngại, hoặc không làm chướng ngại, cho nên không nói đến.

Lại có người nói: Năm nghiệp vô gián có đủ năm nhân duyên, dễ thấy-dễ biết cho nên chỉ nói đến chúng. Những gì là năm? Đó là:

1. Bởi vì tự tánh.
2. Bởi vì nơi đến.
3. Bởi vì sinh ra.
4. Bởi vì quả.
5. Bởi vì Bồ-đặc-già-la.

Bởi vì tự tánh, nghĩa là tánh của năm loại này là quyết định thuộc về nghiệp ác nặng nhất. Bởi vì nơi đến, nghĩa là năm loại này quyết định nhận quả ở địa ngục chứ không ở nơi nào khác. Bởi vì sinh ra, nghĩa là năm loại này quyết định thuận theo đời kế tiếp nhận quả, không phải là thuận theo pháp hiện tại nhận quả, không phải là thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả, không phải là thuận theo không nhất định mà nhận quả. Bởi vì quả, nghĩa là năm loại này quyết định cảm đến quả không ưa thích nhất của thế gian. Bởi vì Bồ-đặc-già-la có thể tạo ra năm loại này thì dễ thấy-dễ biết, đó là kẻ này tự mình làm

hại mẹ, kẻ này tự mình làm hại cha, cho đến kẻ này tự mình làm thân Phật chảy máu. Trừ năm loại này ra, tất cả hành diệu-hành ác khác, đều không có năm loại nhân duyên dễ thấy-dễ biết như vậy, cho nên không nói đến.

Hỏi: Các gia hạnh của nghiệp vô gián có thể làm đầy đủ quả ấy, nghiệp này đối với quả ấy là quyết định hay không quyết định? Nếu nói quyết định thì tại sao trong này không nói? Vả lại, Tôn giả Chỉ Man và Thất-lợi-cúc-đa tại sao có thể chuyển được? Nếu không quyết định, thì trong phẩm luận về Hại sinh mạng-làm hại sinh mạng chưa diệt, dị thực của nghiệp này quyết định sinh vào địa ngục chăng?

Đáp: Mạng chung giống như lúc gây ra gia hạnh của nghiệp vô gián.” Hoặc có người nói: Nghiệp này quyết định hưởng đến quả ấy.

Hỏi: Phẩm luận về Hại sinh mạng thì dễ dàng thông hiểu, mà trong này tại sao không nói? Nếu như trong này cần phải nói đến năm nghiệp vô gián và gia hạnh của chúng, mà không nói đến thì có ý gì?

Đáp: Phần này đã nói ở trong năm vô gián, năm nghiệp vô gián sử dụng dị thực này làm gia hạnh, nếu nói đến quả thì nên biết là đã nói đến gia hạnh.

Hỏi: Tôn giả Chỉ Man làm sao có thể chuyển được ?

Đáp: Vị ấy còn chưa gay ra gia hạnh của nghiệp vô gián, vì thế cho nên vị ấy nói nay con tạm thời chưa giết mẹ mà phải ăn cơm.

Hỏi: Lẽ nào không phải là muốn làm hại bậc Nhất thiết trí hay sao?

Đáp: Lúc bấy giờ vị ấy khởi lên gia hạnh làm hại đối với người không phải là bậc Nhất thiết trí, chứ không phải là đối với bậc Nhất thiết trí. Bởi vì nhân duyên này mà Đức Thế Tôn hóa làm thân Tỳ kheo bình thường, đi vào rừng Đạp-bà không để cho Tôn giả ấy đối với bậc Nhất thiết trí khởi lên gia hạnh giết hại không thể nào cứu được. Nếu các hữu tình đối với bậc Nhất thiết trí mà khởi lên gia hạnh giết hại, thì hằng hà sa số chư Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác cũng không thể nào cứu giúp khiến cho thoát khỏi địa ngục được. Vì vậy biết rằng vị ấy khởi lên gia hạnh giết hại đối với người không phải là bậc Nhất thiết trí, chứ không phải là đối với bậc Nhất thiết trí.

Hỏi: Thất-lợi-cúc-đa làm sao có thể chuyển được?

Đáp: Vị ấy cũng không gây ra gia hạnh của nghiệp vô gián, vì thế cho nên vị ấy tuy bí mật làm ra hầm lửa và thức ăn trộn lẫn chất độc, mà tâm nghĩ rằng: Nếu Như Lai là bậc Nhất thiết trí thì sẽ bị hủy diệt, không để cho hạng người biến hóa kỳ ảo làm cho mê hoặc, ăn bám

sống giữa thế gian. Vị ấy không phải là đối với bậc Nhất thiết trí mà khởi lên gia hạnh giết hại, vì vậy có thể chuyển được.

Lại có người nói: Nghiệp này không quyết định đối với quả ấy.

Hỏi: Trong này không nói đến thì dễ dàng thông hiểu, Tôn giả Chỉ Man và Thất-lợi-cúc-đa tuy tạo nghiệp mà cũng có thể chuyển được; phẩm luận về Hại sinh mạng nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Các gia hạnh của nghiệp vô gián có thể làm đầy đủ quả ấy, nghiệp này đối với quả ấy có lúc quyết định, có lúc không quyết định. Trong phẩm luận về Hại sinh mạng nói là nghiệp ấy quyết định, Tôn giả Chỉ Man và Thất-lợi-cúc-đa đã có thể chuyển đổi là nghiệp không quyết định. Như vậy hai cách nói đều là dễ dàng thông suốt.

Thế nào là dị thực chướng? Đó là những nơi chốn của hữu tình, như địa ngục-bàng sinh-ngạ quỷ, Bắc Câu-lô-châu, cõi trời Vô tưởng.

Hỏi: Châu khác cũng có dị thực làm chướng ngại, như Phiền-trĩ-ca, Bán-trạch-ca, không có hình thể-hai hình thể..., trong này tại sao không nói?

Đáp: trong này nên nói mà không nói thì nên biết rằng đây là có cách nói khác, vì vậy trước đây nói trong này ba chướng đều có cách nói khác.

Lại có người nói: Trong này chỉ nói quyết định là chướng, hữu tình ấy không phải là quyết định, bởi vì tất cả dị thực của hữu tình ấy, hoặc có loại là chướng ngại, hoặc có loại không là chướng ngại, vì vậy không nói.

Hỏi: Như vậy ba chướng đối với một sự nối tiếp nhau có thể thành tựu mấy loại?

Đáp: Hoặc chỉ thành tựu một, đó là đối với ba loại tùy theo một mà thành tựu một. Hoặc là thành tựu hai, đó là phiền não chướng và nghiệp chướng, hoặc là phiền não chướng và dị thực chướng. Không có thành tựu nghiệp chướng và dị thực chướng mà không phải là phiền não chướng, vì vậy cũng không có thành tựu cả ba loại.

Hỏi: Như vậy ba chướng thì chướng nào là nặng nhất?

Đáp: Hoặc có người nói: Dị thực chướng nặng nhất. Nguyên có thế nào? Bởi vì nhân thì có thể chuyển, quả thì không thể chuyển được. Lại có người nói: Nghiệp chướng là nặng nhất. Nguyên có thế nào? Bởi vì nghiệp chướng có thể dẫn đến dị thực chướng. Nói như vậy thì phiền não chướng là nặng nhất, bởi vì phiền não chướng có thể dẫn đến nghiệp chướng, nghiệp chướng lại có thể dẫn đến dị thực chướng. Như vậy đều lấy phiền não làm gốc, cho nên phiền não là nặng nhất.

Trong ba hành ác thì hành nào là tội lớn nhất? Đó là lời nói dối trá phá hoại Tăng bởi vì nghiệp này có thể dẫn đến quả khổ dị thực của thọ lượng một kiếp trong địa ngục vô gián, nghiệp khác thì không nhất định.

Hỏi: Ở đây nói lời nói dối trá phá hoại Tăng là tội lớn nhất; nơi khác lại nói: Ý nghiệp là tội lớn nhất; nơi khác lại nói: Tà kiến là tội lớn nhất. Ba tội lớn này có gì sai biệt?

Đáp: Hoặc có người nói: Tội có ba loại:

1. Nghiệp.
2. Phiền não.
3. Hành ác.

Trong nghiệp thì ý nghiệp là tội nặng, trong phiền não thì tà kiến là tội nặng, trong hành ác thì lời nói dối trá phá hoại Tăng là tội nặng.

Lại có người nói: Làm não loạn đại chúng cho nên ý nghiệp là tội lớn, diệt mất tất cả căn thiện cho nên tà kiến là tội lớn, có thể cảm lấy quả dị thực khổ đau vô cùng cho nên lời nói dối trá phá hoại Tăng là tội lớn.

Lại có người nói: Trong ba nghiệp thì ý nghiệp là tội lớn, trong năm kiến thì tà kiến là tội lớn, trong năm nghiệp vô gián thì nói lời dối trá phá hoại Tăng là tội lớn.

Lại có người nói: trong nghiệp đạo do Kiến mà đoạn thì tà Kiến là tội lớn, trong nghiệp đạo do tu mà đoạn thì nói lời dối trá phá hoại Tăng là tội lớn, trong nghiệp do kiến-tu mà đoạn thì ý nghiệp là tội lớn.

Lại có người nói: Dựa vào nghiệp Tư cho nên nói ý nghiệp là tội lớn, dựa vào nghiệp do Tư mà tạo ra cho nên nói lời nói dối trá phá hoại Tăng là tội lớn, dựa vào nghiệp sai trái cho nên nói tà kiến là tội lớn.

Lại có người nói: Dựa vào nghiệp chủ động phát khởi cho nên nói ý nghiệp là tội lớn, dựa vào nghiệp thụ động phát khởi cho nên nói dối trá phá hoại Tăng là tội lớn, dựa vào nghiệp sai trái cho nên nói tà kiến là tội lớn.

Lại có người nói: Dựa vào nghiệp chủ động chuyển đổi cho nên nói ý nghiệp là tội lớn, dựa vào nghiệp thụ động chuyển đổi cho nên nói lời nói dối trá phá hoại Tăng là tội lớn, dựa vào nghiệp sai trái cho nên nói tà kiến là tội lớn.

Đó gọi là sai biệt giữa ba loại tội lớn.

Hỏi: Lúc ấy phá hoại Tăng, cũng có thân nghiệp qua lại-gia hạnh-tư duy và ngữ nghiệp khác, tại sao chỉ nói là lời nói dối trá có thể phá hoại Tăng?

Đáp: Nếu lúc Phá hoại Tăng thì gia hạnh đến cuối cùng, tất cả luôn luôn có thì trong này nói đến. Ở trong các nghiệp chỉ riêng lời nói đối trá là gia hạnh đến cuối cùng, tất cả luôn luôn mà có thể làm cho Tăng hư hoại, cho nên chỉ nói đến nghiệp ấy; nghiệp khác thì không như vậy, cho nên không nói đến.

Hỏi: Như nói có thể dẫn đến quả địa ngục vô gián, tại sao gọi là địa ngục vô gián?

Đáp: Đây là tên gọi giả lập và tương giả lập, không cần phải như tên gọi đều có nghĩa của nó. Vả lại, địa ngục này cũng là vô gián, cũng gọi là sắt nóng-lửa dữ rừng rực bắn vào thân thể, cũng gọi là thường ở tại sáu cửa ngõ của nơi tiếp xúc nhận chịu các sự khổ não, cũng gọi là tự nhận chịu nghiệp đã dẫn đến khổ đau.

Lại có người nói: Bởi vì ở trong này không có gián đoạn-không có kẽ hở, có thể làm cho cảm thọ vui sướng tạm thời hiện rõ trước mắt, cho nên gọi là vô gián.

Hỏi: Trong địa ngục khác, là có những điều vui sướng như ca múa và ăn uống... chẳng?

Đáp: Trong địa ngục khác tuy không có dị thực vui sướng, mà có Đẳng lưu vui sướng. Như luận Thi Thiết nói: “Địa ngục Đẳng hoạt có lúc có phần gió mát thổi vào trong chốc lát, hoặc nghe âm thanh xướng to lên như vậy: Cùng sống lại, cùng sống lại. Lúc ấy các hữu tình kia bỗng nhiên sống lại, thân thể-máu thịt bình phục như cũ, sinh ra vui sướng trong chốc lát.” Địa ngục vô gián không có sự việc như vậy, cho nên gọi là vô gián.

Lại có người nói: Hữu tình sinh vào nơi ấy với số lượng rất nhiều, không có gián đoạn-không có kẽ hở cho nên gọi là vô gián. Cách nói này không đúng. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì hành ác phẩm Thượng mới sinh vào địa ngục ấy, hữu tình ở thế gian không phải là đều có thể khởi lên hành ác phẩm Thượng; như cần phải tu tập hành diệu phẩm Thượng thì mới sinh đến cõi Hữu Đảnh, hữu tình ở thế gian không phải là đều có thể khởi lên hành diệu phẩm Thượng. Vì vậy sinh đến cõi Hữu Đảnh là ít, sinh vào địa ngục vô gián thì cũng như vậy, cho nên người ấy nói không đúng.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao gọi là vô gián?

Đáp: Dựa vào quả dị thực cho nên gọi là quả vô gián. Bởi vì các hữu tình tạo ra nghiệp ác to lớn sinh vào địa ngục ấy, mang lấy thân rộng lớn, mỗi một thân hình thấy đều rộng lớn, phủ khắp nhiều nơi trong ấy, không có khe hở, cho nên gọi là vô gián.

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 116

LUẬN VỀ ÁC HÀNH (Phần 5)

Hỏi: Nghiệp này có thể dẫn đến quả của thọ mạng trong một kiếp, là thuộc kiếp nào?

Đáp: Hoặc có người nói: Là thuộc kiếp Thành. Lại có người nói: Là thuộc kiếp Hoại. Lại có người nói: Là thuộc Đại kiếp. Nói như vậy thì đây là thuộc Trung kiếp, bởi vì nghiệp ấy cũng có lúc không hết Trung kiếp mà được thoát ra. Như trong Tỳ-nại-da nói: “Đề-ba-đạt-đa, vào lúc con người sống thọ bốn vạn tuổi sẽ sinh trong loài người, nhất định sẽ chứng được Bồ-đề của Độc giác, xá-lợi-tử... vốn không thể nào sánh bằng.”

Hỏi: Như vậy thì bài kệ nói nên thông hiểu thế nào?

“Quả báo của những người phá Tăng, phá hoại sự hòa hợp của Tăng.

Sinh vào trong địa ngục vô gián, thọ lượng tồn tại qua một kiếp.”

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Tồn tại giảm bớt một kiếp cũng gọi là một kiếp; như người thế gian giảm bớt một ngày, duy trì những việc làm cũng gọi là một ngày, ở đây cũng như vậy.”

Hỏi: Tội phá Tăng này cũng có thể dẫn đến dị thực của năm Uẩn địa ngục, tại sao chỉ nói là dẫn đến thọ mạng trong một kiếp?

Đáp: Hoặc có người nói: Lấy thọ mạng làm đầu tiên, Đức Thế Tôn nói chung là dẫn đến quả của năm Uẩn. Lại có người nói: Trong này, Đức Thế Tôn nói đến pháp mạnh nhất, nghĩa là trong năm Uẩn thì thọ mạng là mạnh nhất, cho nên chỉ nói đến nó. Lại có người nói: Thọ mạng có thể duy trì tất cả năm Uẩn, khiến cho không rời ra hư hoại, cho nên chỉ nói đến nó. Lại có người nói: Thọ mạng từ lúc mới lọt lòng ch đến hết chúng đồng phần, không hề có gián đoạn, khiến cho chúng đồng phần cũng không có gián đoạn; pháp khác thì không như vậy, cho

nên không nói đến. Lại có người nói: Nhờ vào thọ lượng mà biểu hiện, nhận biết về thế gian hoặc là tăng lên-hoặc là giảm xuống, hoặc là tiến tới-hoặc là lùi lại, hoặc là phát triển-hoặc là sa sút, cho nên chỉ nói đến nó.

Hỏi: Tại sao phá Tăng mang lấy tội tồn tại qua một kiếp(kiếp trú), chứ không phải là khởi lên tâm ác làm thân Phật chảy máu?

Đáp: Nếu khởi lên tâm ác làm thân Phật chảy máu thì phá hoại Sinh thân của Phật, nếu phá hoại Tăng thì phá hoại pháp thân của Phật, tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều kính trọng Pháp thân chứ không coi trọng Sinh thân. Lại có người nói: Nếu khởi lên tâm ác làm thân Phật chảy máu thì chỉ hủy hoại sự tôn trọng của tôn trọng. Nếu khởi lên tâm ác làm thân Phật chảy máu thì chỉ tồn tại bậc Đại Sư, như vậy Pháp Vương-quay về nường tựa-nơi đến nường tựa, cũng như vậy.

Có người nói: Lúc ấy khởi lên tâm giết hại làm thân Phật chảy máu, chỉ là tội thuộc gia hạnh, bởi vì pháp của Phật như vậy không thể làm hại được. Phá Tăng thì không như vậy, là tội thuộc căn bản. Như gia hạnh và căn bản, như vậy gia hạnh và cứu cánh, cũng như vậy.

Lại có người nói: Nếu khởi lên tâm ác làm thân Phật chảy máu, không phát khởi nhiều gia hạnh rộng lớn, thì chỉ do sơ suất bất ngờ mà làm tổn thong. Phá Tăng thì không như vậy, chủ yếu là do phát khởi gia hạnh rộng lớn, hoặc trải qua một tháng cho đến bốn tháng, tìm cách dụ dỗ lừa dối các Tỷ kheo mới tu học làm cho họ thuận theo rồi, sau đó mới có thể phá hoại, vì vậy mang lấy tội nặng.

Lại có người nói: Nếu khởi lên tâm ác làm thân Phật chảy máu mà không nào loạn đến Đại chúng, thì tuy làm tổn thong thân Phật mà không có thể làm cho Phật sinh tâm nào loạn, cũng không ồn ào nào loạn; bởi vì gây ra điều này, chúng sinh ở thế gian hoặc có người nghe biết, hoặc có người không nghe biết. Nếu phá hoại Tăng thì Đại chúng nào loạn, vô cùng ồn ào nào loạn; bởi vì lúc phá hoại Tăng, người đứng ra được tiến vào Chánh tánh ly sinh thì không được tiến vào Chánh tánh ly sinh, người đứng ra được chứng quả thì không được chứng quả, người đứng ra được lìa dục thì không được lìa dục, người đứng ra không còn phiền não thì không thể nào trừ hết phiền não, không được tụng trì-tư duy về ba Tạng, không được yên lặng để tư duy về các pháp, tụ tập về Đẳng chí của Tịnh lự-Vô sắc, không được gieo trồng chủng tử của ba Thừa, ba ngàn Đại thiên thế giới không chuyển được pháp luân, âm thanh lần lượt chuyển đến các trời Tịnh Cư, làm cho Giác Tuệ của họ không được yên lặng-hiện hành rõ ràng. Nếu lúc sự phá hoại Tăng trở

lại hòa hợp, thì người thuận theo tiến vào Chánh tánh ly sinh sẽ tiến vào Chánh tánh ly sinh, người thuận theo được chứng quả sẽ được chứng quả, người thuận theo lìa dục sẽ được lìa dục, người thuận theo không còn phiền não sẽ được trừ hết phiền não, sẽ có người tụng trì-tư duy về ba Tạng, ở nơi vắng lặng trồng trải tư duy về các pháp, tu tập về Đăng chí của Tịnh lực-Vô sắc, cũng có thể gieo trồng chủng tử của ba Thừa, pháp luân lại chuyển trong ba ngàn Đại thiên thế giới, âm thanh lần lượt chuyển đến các cõi trời Tịnh Cư, khiến cho Giác Tuệ của họ lại được yên lặng-hiền lành rõ ràng. Bởi vì nhân duyên này, cho nên nếu khởi lên tâm ác làm thân Phật chảy máu thì không thể nào sinh khởi tội lỗi tồn tại trải qua một kiếp, nếu phá hoại Tăng thì có thể sinh khởi tội lỗi tồn tại trải qua một kiếp.

Hỏi: Tăng phá lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Lấy bất tương ứng hành-vô phú vô ký-không hòa hợp để làm tự tánh, là do Hành uẩn bất tương ứng thâm nhiếp; tức là nơi khác nói lại có những bất tương ứng hành khác thuộc chủng loại như vậy, cho nên Tăng phá khác-tội Tăng lại khác.

Tăng phá là tánh không hòa hợp-vô phú vô ký, là do Hành uẩn bất tương ứng thâm nhiếp. Tội phá Tăng là lời nói đối trá, do Sắc uẩn thâm nhiếp thuộc về ngữ nghiệp bất thiện.

Như thể lui sụt khác-pháp lui sụt cũng khác. Thể lui sụt là tánh không thành tựu-vô phú vô ký, do Hành uẩn bất tương ứng thâm nhiếp. Pháp lui sụt là bất thiện, do năm Uẩn hữu phú vô ký thâm nhiếp.

Ở đây cũng như vậy, tăng phá khác-tội Tăng phá khác. Vì vậy, Tăng phá là do Tăng mà thành tựu, tội phá Tăng là do người phá Tăng mà thành tựu.

Hỏi: Nơi nào phá Tăng?

Đáp: Ở loài người cõi Dục. Nếu phá Yết-ma Tăng thì gồm chung ba châu, nếu phá Pháp luân Tăng thì chỉ riêng châu Thiệm-bộ. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu nơi nào có Đại Sư có thể đạt được và đạo có thể đạt được, thì ở nơi ấy có pháp Pháp luân; châu khác không có Đại Sư và đạo, cho nên cũng không có người phá Pháp luân. Ví như thế gian, nếu nơi nào có vua thì nơi ấy có vua mạo danh nổi lên, nếu nơi nào có lực sĩ thì nơi ấy có người đấu sức nổi lên. Ở đây cũng như vậy, nếu ở nơi này có Đại Sư thì nơi này có Tà Sư xuất hiện, nếu nơi này có đạo thì nơi này có tà đạo nổi lên. Pháp vốn như vậy, tà-chánh cùng một nơi mà trái ngược lẫn nhau.

Hỏi: Pháp Yết-ma Tăng và pháp Pháp luân Tăng có gì sai biệt?

Đáp: Phá Yết-ma, đó là trong một phạm vi có hai bộ Tăng, tất cả đều trú riêng biệt mà tiến hành Bồ-tát, Yết-ma, thuyết giới theo từng Bộ. Phá Pháp luân, đó là lập ra Sư khác-đạo khác; giống như Đề-bà-đạt-đa nói: “Ta là Đại Sư, chứ không phải Sa-môn Kiều-đáp-ma là Đại Sư; năm pháp tà đạo, chứ không phải là tám chi Thánh đạo mà Kiều-đáp-ma đã nói là đạo. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu có thể tu tập năm pháp này, thì mau chóng chứng được Niết-bàn chứ không phải là tám chi Thánh đạo. Thế nào là năm pháp? Đó là:

1. Suốt đời mặc áo rách rưới khâu lại.
2. Suốt đời thường khát thực mà ăn.
3. Suốt đời chỉ ăn một ngày một bữa.
4. Suốt đời thường ở nơi trống trải xa xôi.
5. Suốt đời không ăn tất cả các loại cá thịt-muối-dầu-bơ sữa...” Đó

gọi là sự sai biệt giữa phá Yết-ma Tăng và phá Pháp luân Tăng.

Hỏi: Vào lúc phá Tăng, ít nhất có mấy người thì thành sự phá Tăng?

Đáp: Phá Yết-ma Tăng, ít nhất là tám người, bởi vì bốn người trở lên mới gọi là Tăng, ba người thì không như vậy; ở trong một phạm vi có hai bộ Tăng, tất cả đều trú riêng biệt mà tiến hành Bồ-tát, Yết-ma, thuyết giới theo từng Bộ, mới được gọi là hủy hoại Yết-ma. Phá Pháp luân Tăng, ít nhất là chín người, bởi vì trong một phạm vi có hai bộ Tăng, tất cả đều trú riêng biệt; ở trong Bộ không có tầm quý, chắc chắn có một chúng riêng biệt được tôn trọng mới có thể dạy dỗ nhắc nhở, nên biết chính là Đề-bà-đạt-đa. Ở trong chúng Chánh ít nhất là bốn người, ở trong chúng Tà ít nhất là năm người, như vậy ít nhất cho đến chín người thì Pháp luân Tăng hư hoại.

Hỏi: Đến mức nào thì nên nói là Pháp luân Tăng hư hoại?

Đáp: Trong luận Thi Thiết nói: “Đề-bà-đạt-đa tự mình làm người thứ năm, đều cùng nhau chấp nhận tính toán.” Đến mức này thì nên nói là Pháp luân Tăng hư hoại.

Lại có người nói: Thực hiện trình bày rõ ràng rồi. Lại có người nói: Tách rời nơi đã nghe. Lại có người nói: Tách rời nơi đã thấy. Lại có người nói: Tách rời nơi thấy-nghe.

Nói như vậy là nếu bởi vì ý thích mà thể nhận thầy khác, đó là các Tỷ kheo ngu si kia, do xác định ý thích phát tâm như vậy, nói ra lời nói như vậy: Đề-bà-đạt-đa là Đại Sư của mình chứ không phải là Phật Thế Tôn. Đến mức này thì nên nói là Pháp luân Tăng hư hoại.

Hỏi: Những chủng loại Bồ-đặc-già-la nào phá Pháp luân Tăng?

Đáp: Bồ-đặc-già-la có hai loại:

1. Ái hành.
2. Kiến hành.

Những người thuộc Kiến hành phá Pháp luân Tăng chứ không phải là người thuộc Ái hành. Bởi vì người thuộc Kiến hành vốn có ý thích kiên cố mạnh mẽ, đối với phẩm tạp nhiễm-thanh tịnh đã dấy lên quyết định không có gì lui sụt chuyển đổi. Những người thuộc Ái hành không có sự việc như vậy, cho nên không có thể phá hoại. Vả lại, chỉ riêng người nam phá Pháp luân Tăng, không phải là những người nữ cũng không phải là hạnh Phiến-trĩ-ca, Bán-trạch-ca... Nguyên có thể nào? Bởi vì lúc phá Pháp luân thì pháp vốn như vậy, tự mình sắp đặt lập ra làm Đại Sư, mà những người nữ không phải là khí chất tăng thượng, đối với địa vị Đại Sư không phải là phần của mình, cho nên không có thể phá hoại. Nhưng có thể gây ra nhiều phương tiện để phá Tăng, giống như Tỳ kheo Ni Thổ Hỷ... Các loại Phiến-trĩ-ca, Bán-trạch-ca, không có hình thể-hai hình thể, đều là thuộc Ái hành. Những người thuộc Ái hành vốn có ý thích không kiên cố-không mạnh mẽ, đối với phẩm tạp nhiễm-thanh tịnh đều không quyết định, cho nên loại ấy không có thể phá Tăng.

Hỏi: Vào thời gian nào có thể phá Pháp luân Tăng?

Đáp: Ở trong sáu thời không có thể phá Tăng, lúc khác thì có thể, nghĩa là không phải lúc bắt đầu cũng không phải là lúc sau cuối, không phải là ở lúc hai mụn nước chưa xuất hiện, không phải là lúc chưa hòa hợp cùng kiết giới, không phải là lúc chưa kiến lập đôi thứ nhất, không phải là ở lúc sau khi Đại Sư Niết-bàn.

Không phải là bắt đầu-sau cuối, bởi vì hai lúc này các chúng Tỳ kheo ở trong Thánh giáo hòa hợp thành một vị, không thể phá hoại được.

Không phải là ở lúc hai mụn nước chưa xuất hiện, nghĩa là lúc trong Thánh giáo chưa sinh ra hai loại mụn nhọt của Giới và Kiến.

Không phải là lúc của hòa hợp cùng kiết giới, bởi vì cần phải trong một phạm vi có hai bộ Tăng, trú riêng biệt-chấp nhận khác nhau thì mới gọi là phá Tăng.

Không phải là lúc chưa kiến lập đôi thứ nhất, nghĩa là lúc chưa kiến lập đôi thứ nhất thì chắc chắn không có ai có thể phá Pháp luân Tăng. Pháp của chư Phật vốn như vậy, đều có đệ tử Hiền Thánh thuộc đôi thứ nhất, nếu có người phá hoại Pháp luân Tăng rồi không trải qua một ngày đêm, đôi thứ nhất này lại làm cho hòa hợp.

Không phải là ở lúc sau khi Đại Sư Niết-bàn, nếu ở sau khi Đại Sư nhập Niết-bàn, dấy lên nói như vậy: Ta là Đại Sư, không phải Như Lai là Đại Sư. Tất cả cùng trách mắng rằng: Lúc Đại Sư tại thế, sao ông không nói Ta là Đại Sư tại thế, sao ông không nói Ta là Đại Sư, nay sau khi Đại Sư Niết-bàn mới nói ra lời này?

Vì vậy, quyết định ở sáu thời này thì Pháp luân không hư hoại, đối với những lúc khác thì Pháp luân có thể hư hoại.

Hỏi: Tăng phá trú vào những tâm nào?

Đáp: Hoặc có người nói: Trú vào nhãn thức. Lại có người nói: Trú vào nhĩ thức. Lại có người nói: Trú vào ý thức. Nói như vậy thì trong sáu thức thân tùy theo trú vào một thức đều cho phép Tăng phá.

Hỏi: Tăng phá trú vào những Thọ nào?

Đáp: Hoặc có người nói: Trú vào Lạc căn. Lại có người nói: Trú vào Khổ căn. Lại có người nói: Trú vào Hỷ căn. Lại có người nói: Trú vào Ưu căn. Lại có người nói? Trú vào Xả căn. Nói như vậy thì ở trong năm Thọ tùy theo trú vào một Thọ đều cho phép Tăng phá.

Hỏi: Tăng phá là quả của tâm nào?

Đáp: Hoặc có người nói: Là quả của tâm xuất gia. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì tại gia không có Tăng phá hoại. Lại có người nói: Thọ quả của tâm Tỳ kheo. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì Sao-di không có Tăng phá hoại. Lại có người nói: Nếu chọn lấy gần bên cạnh thì thọ quả của tâm Tỳ kheo, nếu chọn lấy xa cõi thì quả của tâm xuất gia. Nói như vậy là nếu Tăng phá hoại trú vào tâm này thì chính của tâm này.

Hỏi: Những chủng loại Bồ-đặc-già-la nào có thể phá hoại?

Đáp: Chỉ là dị sinh chứ không phải là các Thánh giả. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì Đức Thế Tôn phi nhận nói là không có nơi nào-không có lẽ nào tất cả Thánh giả có thể phá hoại.

Hỏi: Những hữu tình đã đạt được Thuận quyết trạch phần là có thể phá hoại hay không?

Đáp: Hoặc có người nói: Trừ ra loại khác thì có thể phá hoại. Lại có người nói: Loại này cũng có thể phá hoại. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì Đức Thế Tôn chỉ ghi nhận nơi nào-không có lẽ nào tất cả Thánh giả là có thể phá hoại, chứ không ghi nhận gì khác.

Hỏi: Như Đề-bà-đạt-đa có thể phá hoại Tăng, tại sao nói là quyền thuộc của Đức Thế Tôn không có thể phá hoại?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu nói rằng: “Trong này nói bốn Hưởng-bốn Quả gọi là quyền thuộc của Đức Thế Tôn, là đệ tử thật sự, là Tăng chân thật, không thể nào phá hoại. Lại nữa, quyền thuộc của Phật có

hai loại:

1. Dị sinh.
2. Thánh giả.

Đề-bà-đạt-đa chỉ phá hoại dị sinh, vì vậy cho nên nói ông ta có thể phá hoại Tăng. Tất cả Thánh giả đều không thể nào phá hoại, vì vậy cho nên nói quyền thuộc của Đức Thế Tôn không thể nào phá hoại.”

Đại đức nói rằng: “Quyền thuộc của Phật có hai loại:

1. Trong.
2. Ngoài.

Trong là Thánh giả không có lay động-không có hủy hoại, ngoài là dị sinh có thể dao động-có thể hủy hoại. Trong này, dị sinh có thể dao động-hủy hoại, cho nên Đề-bà-đạt-đa có thể phá hoại Tăng. Thánh không có dao động-hủy hoại, cho nên nói quyền thuộc của Đức Thế Tôn không hủy hoại.”

Hỏi: Lúc phá Tăng thì Đức Phật ở trong chúng hay không?

Đáp: Lúc ấy Đức Phật an trú trong phạm vi ấy mà không ở trong chúng. Tại sao biết vậy? Từng nghe lúc Đề-bà-đạt-đa sắp phá Tăng, Đức Phật vì thương xót cho nên trách mắng ngăn cản rằng: Này Đề-bà-đạt-đa! Ông đừng phá Tăng, đừng khởi lên nghiệp ác bất thiện nặng nề quá mức, đừng hưởng về nơi của quả khổ đau to lớn không phải là yêu quý! Tuy Đức Phật ân cần trách mắng ngăn chặn như vậy, mà tâm của ông ta cũng không hề dừng lại. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn khởi lên Chánh tri kiến quán sát tỉ mỉ đời trước, không lẽ thời xưa Ta phá hoại quyền thuộc của người khác? liền tự quán sát trông thấy mình xưa kia trong vô lượng vô số kiếp trước, đã từng phá hoại quyền thuộc của người Tiên khác, dị thực của nghiệp ấy nay hiện rõ ở trước mắt. Nhìn thấy sự việc này rồi biết là Tăng chúng này nhất định sẽ bị phá hoại, liền đi vào Tịnh thất ngồi thư thái im lặng. Đề-bà-đạt-đa thì được dịp phá hoại Tăng. Vì vậy biết là Đức Thế Tôn an trú trong phạm vi ấy mà không ở trong Đại chúng.

Hỏi: Là hết thầy chư Phật đều có sự cố phá Tăng như vậy chăng?

Đáp: Có người nói: Không phải như vậy. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì nếu có tạo tác tăng trưởng nghiệp phá hoại người khác như vậy thì có sự cố phá Tăng, nếu không có nghiệp này thì không có sự cố phá Tăng, chỉ riêng Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni, từng có tạo tác tăng trưởng nghiệp này, cho nên nay Tăng phá chứ chư Phật khác thì không như vậy.

Có người nói: Chư Phật khác cũng có sự cố phá Tăng, từng nghe thời Đức Phật Ca Diếp Ba, có Tỳ kheo tên gọi Hoa Thượng, là con trai của Dư Thượng, tạo ra năm nghiệp vô gián, đoạn mất căn thiện.

Hỏi: Đề-bà-đạt-đa là phá Tăng trước-đoạn căn thiện sau, hay là đoạn căn thiện trước-phá Tăng sau?

Đáp: Hoặc có người nói: Ông ta phá Tăng trước-đoạn căn thiện sau. Nguyên cố thế nào? Bởi vì cần phải đầy đủ giới luật-đa văn-đoan chánh, dòng họ cao quý-uy lực trang nghiêm, ngôn từ khéo léo tài tình, thì mới có thể phá Tăng. Nếu đoạn căn thiện thì mất giới thanh tịnh, không phải là tăng thượng cho nên không có thể phá Tăng.

Tôn giả Thế Hữu cũng đưa ra cách nói này: “Đề-bà-đạt-đa phá hoại Tăng trước-đoạn căn thiện sau. Nếu đoạn căn thiện trước-phá hoại Tăng sau, thì vào lúc phá hoại Tăng lẽ ra không có thể sinh ra tội lỗi tồn tại qua một kiếp. Nguyên cố thế nào? Bởi vì không phải là Bồ-đặc-già-la đoạn căn thiện, ở trong pháp sai trái khởi lên tưởng là pháp sai trái, ở trong sự phá Tăng khởi lên tưởng là có tội. Nếu đối với pháp sai trái khởi lên tưởng đối với pháp, ở trong sự phá Tăng khởi lên tưởng không có tội, mà phá Tăng thì cuối cùng không có thể sinh ra tội lỗi tồn tại qua một kiếp. Cần phải đối với sai trái khởi lên tưởng là pháp sai trái, ở trong sự phá Tăng khởi lên tưởng là có tội, như vậy phá Tăng mới có thể sinh khởi tội lỗi tồn tại qua một kiếp. Do đạo lý này mà tất cả các sự phá hoại Tăng thì đều sinh ra tội lỗi tồn tại qua một kiếp chẳng? Giả sử có lúc có thể sinh ra tội lỗi tồn tại qua một kiếp, thì tất cả đều có thể phá Tăng chẳng? Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Hoặc có lúc phá Tăng mà không phải là có thể sinh khởi tội lỗi tồn tại qua một kiếp, đó là đối với pháp sai trái khởi lên tưởng đối với pháp, và đối với sự phá Tăng khởi lên tưởng không phải là tội lỗi, mà phá hoại Tăng.

2. Hoặc có lúc có thể sinh khởi tội lỗi tồn tại qua một kiếp mà không phải là phá Tăng, đó là đoạn căn thiện.

3. Hoặc có lúc phá Tăng mà cũng có thể sinh khởi tội lỗi qua một kiếp, đó là đối với pháp sai trái khởi lên tưởng là pháp sai trái, ở trong sự phá Tăng khởi lên tưởng là có tội, mà phá hoại Tăng.

4. Hoặc có lúc không có thể phá hoại đối với Tăng, cũng không có thể sinh khởi tội lỗi tồn tại qua một kiếp, đó là trừ những tướng trước.”

Đại đức nói rằng: “Lúc người kia khởi lên gia hạnh phá Tăng, cũng khởi lên gia hạnh đoạn căn thiện; khởi lên gia hạnh đoạn căn

thiện, cũng khởi lên gia hạnh phá Tăng. Vì vậy lúc người ấy phá Tăng thì đoạn căn thiện, lúc đoạn căn thiện thì phá Tăng. Bởi vì người ấy cùng lúc tạo ra hai đội, cho nên thành tựu nghiệp ác bất thiện rất nặng nề, mà tâm không có một niệm hối hận xấu hổ.”

Hỏi: Những người tạo ra nghiệp vô gián, người ấy đoạn căn thiện chăng? Giả sử đoạn căn thiện thì đó là tạo ra nghiệp vô gián chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Hoặc có lúc tạo ra nghiệp vô gián mà không phải là đoạn căn thiện, như vua Vị Sinh Oán...

2. Hoặc có lúc đoạn căn thiện mà không phải là tạo ra nghiệp vô gián, như Lục Sư...

3. Hoặc có lúc tạo ra nghiệp vô gián mà cũng đoạn căn thiện, như Đề-bà-đạt-đa và Thỉ-khiên-trì...

4. Hoặc có lúc không tạo ra nghiệp vô gián mà cũng không đoạn căn thiện, đó là trừ những tướng trước.

Trong ba hành diệu thì hành nào là quả lớn nhất? Đó là Tư Đẳng chí thuộc Hữu nhất, nghiệp này có thể dẫn đến quả sống thọ tám vạn kiếp ở Phi tướng phi phi tướng xứ. Nên biết trong này dựa vào quả dị thực để hỏi cho nên đưa ra cách trả lời này. Nếu dựa vào năm quả, hoặc chỉ dựa vào quả ly hệ để hỏi thì nên đưa ra cách trả lời này, đó là Tư tương ứng với định Kim cang dụ, Tư này có thể chứng quả biết khắp và đoạn hết tất cả các kiếp. Bởi vì ý trong này hỏi về quả dị thực, cho nên đưa ra cách trả lời này.

Hỏi: Là một Tư có thể cảm đến thọ mạng tám vạn kiếp, hay là nhiều Tư? Nếu là một Tư thì tại sao nghiệp ít mà có thể cảm đến quả nhiều? Nếu là nhiều Tư thì tại sao không gọi là quả của một Chúng đồng phần mà từng phần cảm đến riêng biệt?

Đáp: Hoặc có người nói: Một Tư có thể cảm đến.

Hỏi: Tại sao nghiệp ít mà có thể cảm đến nhiều?

Đáp: Trước tiên dùng một Tư cảm đến tổng quát, sau đó dùng nhiều Tư để thành tựu đầy đủ; ví như người vẽ tranh, trước tiên dùng một màu làm phác họa, sau bổ sung thêm nhiều màu khác. Ở đây cũng như vậy. Lại có người nói: Nhiều Tư có thể cảm đến.

Hỏi: Tại sao không gọi là quả của một Chúng đồng phần mà từng phần cảm đến riêng biệt?

Đáp: Ở trong Định ấy, duyên với một cảnh giới-một loại hành tướng, có rất nhiều Tư nối tiếp nhau mà đấy khởi, hoặc có Tư có thể cảm đến thọ mạng mười ngàn kiếp, hoặc có Tư có thể cảm đến thọ

mạng hai mươi ngàn kiếp, hoặc có Tư có thể cảm đến thọ mạng ba mươi ngàn kiếp, hoặc có Tư có thể cảm đến thọ mạng bốn mươi ngàn kiếp... Như vậy nhiều Tư cảm đến riêng biệt từng phần một. Nhưng dựa vào gia hạnh trước của một loại Định, dấy khởi một Định tương tự, duyên với một cảnh giới-một hành tướng tương tự, nhiều Tư nối tiếp nhau hiện rõ trước mắt mà cảm đến, cho nên gọi là một thân. Nói như vậy thì một Tư cảm đến tổng quát, nhiều Tư thành tựu đầy đủ.

Hỏi: Tư này là thuộc về địa Cận phần, hay là thuộc về địa Căn bản?

Đáp: Hoặc có người nói: Là địa Cận phần. Lại có người nói: Là địa Căn bản. Nói như vậy thì Tư này là không nhất định, hoặc là địa Cận phần, hoặc là địa Căn bản. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì tất cả các Tư cùng chung một địa.

Hỏi: Nghiệp này có thể dẫn đến dị thực của bốn Uẩn, tại sao chỉ nói là dẫn đến quả thuộc thọ mạng?

Đáp: Hoặc có người nói: Lấy thọ mạng làm đầu, cho nên Đức Thế Tôn nói chung là dẫn đến quả thuộc bốn Uẩn. Lại có người nói: Trong này Đức Thế Tôn nói về pháp thù thắng nhất, đó là trong bốn Uẩn thì thọ mạng là thù thắng nhất, cho nên chỉ nói đến thọ mạng. Có người nói: Chỉ riêng thọ mạng có thể duy trì bốn Uẩn khiến cho không phân tán hư hoại, cho nên chỉ nói đến thọ mạng. Có người nói: Thọ mạng đối với một kỳ hạn không có đoạn dứt, khiến cho Chúng đồng phần cũng không gián đoạn; pháp khác thì không như vậy, cho nên chỉ nói đến thọ mạng. Lại có người nói: Nhờ vào thọ lượng cho nên biểu lộ nhận biết về thế gian, hoặc là tăng lên-hoặc là giảm xuống, hoặc là tiến tới-hoặc là lùi lại, hoặc là phát triển-hoặc là sa sút, bởi vì nhân duyên này cho nên chỉ nói đến thọ mạng.

Như nói về hành ác-hành diệp cảm đến quả yêu thích-không yêu thích lớn nhất, như vậy căn thiện-căn bất thiện và mười người đạo cũng cần phải nói rộng ra. Nghĩa là trong ba căn bất thiện, căn nào là tội lớn nhất? Đó là có thể khởi lên lời nói dối trá phá hoại Tăng, căn bất thiện này có thể dẫn đến quả của thọ mạng một kiếp trong địa ngục vô gián. Trong mười nghiệp đạo bất thiện, nghiệp đạo nào là tội lớn nhất? Đó là lời nói dối trá phá hoại Tăng, nghiệp này có thể dẫn đến quả thọ mạng một kiếp trong địa ngục vô gián. Trong ba căn thiện, căn nào là quả lớn nhất? Đó là có thể khởi lên Tư trong Đẳng chí thuộc Hữu thứ nhất, căn thiện này có thể dẫn đến quả của thọ mạng tám vạn kiếp ở Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Trong mười nghiệp đạo thiện, nghiệp đạo

nào là quả lớn nhất? Đó là đi cùng với Tư trong Đảng chí thuộc Hữu thứ nhất, nghiệp đạo này có thể cảm đến quả của thọ mạng tám vạn kiếp ở Phi tướng phi phi tướng xứ. Nên biết trong này bởi vì nói tóm lược, cho nên chỉ nói về quả lớn nhất của hành ác-hành diệu chứ không phải là loại nào khác.

CHƯƠNG IV: NGHIỆP UẨN (Tiếp Theo)**Phẩm Thứ Hai: LUẬN VỀ TÀ NGŨ****LUẬN VỀ TÀ NGŨ (Phần 1)**

Các loại tà ngữ thì đó là tà mạng chẳng? Giả sử tà mạng thì đó là tà ngữ chẳng? Các chương như vậy và giải thích về nghĩa từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp theo cần phải giải thích rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì cần phải ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về Chánh nghĩa. Nghĩa là phái Thí Dụ nói lìa bỏ ngữ và nghiệp, có Thể tánh của Chánh mạng-Tà mạng riêng biệt. Vì sao họ đưa ra cách nói này? Bởi vì dựa vào kinh. Như trong kinh nói đến tám chi Thánh đạo, họ đưa ra cách nói này: Đức Phật nói tám Chi, tất cả có Thể tánh không tạp loạn lẫn nhau. Vì vậy liền nói là Chánh mạng-Tà mạng lìa bỏ ngữ-nghiệp ra có Thể khá có thể đạt được. Vì ngăn chặn ý đó để hiển bày về Chánh mạng-Tà mạng đều chính là ngữ-nghiệp, cho nên soạn ra phần luận này.

Như ở trong nghiệp đạo của ngư bất thiện, nếu do tham mà khởi lên thì gọi là tà ngữ, cũng gọi là tà mạng, bởi vì mạng mà khởi lên; do sân-si mà khởi lên thì chỉ gọi là tà ngữ, không gọi là tà mạng, bởi vì không do mạng mà khởi lên. Ở trong nghiệp đạo của thân bất thiện, nếu do tham mà khởi lên thì gọi là tà nghiệp, cũng gọi là tà mạng; do sân-si mà khởi lên thì chỉ gọi là tà nghiệp, không gọi là tà mạng, nguyên cố như trước. Ở trong nghiệp đạo của ngữ thiện do không có tham mà khởi lên thì gọi là chánh ngữ, cũng gọi là chánh mạng, bởi vì đối trị với tà mạng; do không có sân-si mà khởi lên thì gọi là chánh ngữ, không gọi là chánh mạng, nguyên cố như trước. Ở trong nghiệp đạo của thân thiện, do không có tham mà khởi lên thì gọi là chánh nghiệp, cũng gọi là chánh mạng; do không có sân-si mà khởi lên thì gọi là chánh nghiệp, không gọi là chánh mạng, nguyên cố như trước. Dựa vào đây đã hiển bày về Chánh mạng-Tà mạng, đều do ngữ nghiệp thâm nhiếp làm Thể thánh. Đây gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược ở nơi này.

Hỏi: Các loại tà ngữ thì đó là tà mạng chẳng? Giả sử tà mạng thì đó là tà ngữ chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc tà ngữ mà không phải là tà mạng, đó là trừ ra bốn hành

ác của ngữ hướng đến tà mạng, còn lại các hành ác của ngữ, tức là do sân-si mà khởi lên ngữ nghiệp, là tánh của ngữ nghiệp, không phải là do mạng mà khởi lên.

2. Có lúc tà mạng mà không phải là tà ngữ, đó là ba hành ác của thân hướng đến tà mạng, tức là do tham mà khởi lên thân nghiệp, bởi vì mạng mà khởi lên, không phải là tánh ngữ của nghiệp. Trong các câu sau này nên dựa theo cách giải thích này.

3. Có lúc tà ngữ cũng là tà mạng, đó là bốn hành ác của ngữ hướng đến tà mạng.

4. Có lúc không phải là tà ngữ cũng không phải là tà mạng, đó là trừ ra ba hành ác của thân hướng đến tà mạng, còn lại các hành ác của thân.

Hỏi: Các loại tà nghiệp thì đó là tà mạng chăng? Giả sử tà mạng thì đó là tà nghiệp chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc tà nghiệp mà không phải là tà mạng, đó là trừ ra ba hành ác của thân hướng đến tà mạng, còn lại các hành ác của thân, tức là do sân-si mà khởi lên thân nghiệp, bởi vì là tánh của thân nghiệp, không phải là do mạng mà khởi lên.

2. Có lúc tà mạng mà không phải là tà nghiệp, đó là bốn hành ác của ngữ hướng đến tà mạng, tức là do tham mà khởi lên ngữ nghiệp, bởi vì mạng mà khởi lên, không phải là tánh của thân nghiệp. Hai câu sau dựa theo cách giải thích này.

3. Có lúc tà nghiệp cũng là tà mạng, đó là ba hành ác của thân hướng đến tà mạng.

4. Có lúc không phải là tà nghiệp cũng không phải là tà mạng, đó là trừ ra bốn hành ác của ngữ hướng đến tà mạng, còn lại các hành ác của ngữ. Trong này, do các tham mà khởi lên đều bởi vì hướng đến tà mạng, cho nên gọi là tà mạng.

Hỏi: Các loại chánh ngữ thì đó là chánh mạng chăng? Giả sử chánh mạng thì đó là chánh ngữ chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc chánh ngữ mà không phải là chánh mạng, đó là trừ ra bốn hành diệu của ngữ hướng đến chánh mạng, còn lại các hành diệu của ngữ, tức là do không có sân-không có si mà khởi lên ngữ nghiệp, bởi vì là tánh của ngữ nghiệp, không phải là đối trị với tà mạng.

2. Có lúc chánh mạng mà không phải là chánh ngữ, đó là ba hành diệu của thân hướng đến chánh mạng, tức là do không có tham mà khởi

lên thân nghiệp, bởi vì là đối trị với tà mạng, không phải là tánh của ngữ nghiệp. Hai câu sau dựa theo cách giải thích này.

3. Có lúc chánh ngữ cũng là chánh mạng, đó là bốn hành diệu của ngữ hướng đến chánh mạng.

4. Có lúc không phải là chánh ngữ cũng không phải là chánh mạng, đó là trừ ra ba hành diệu của thân hướng đến chánh mạng, còn lại các hành diệu của thân.

Hỏi: Các loại chánh nghiệp thì đó là chánh mạng chăng? Giả sử chánh mạng thì đó là chánh nghiệp chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc chánh nghiệp mà không phải là chánh mạng, đó là trừ ra ba hành diệu của thân hướng đến chánh mạng, còn lại các hành diệu của thân, tức là do không có sân-không có si mà khởi lên thân nghiệp, bởi vì là tánh của thân nghiệp, không phải là đối trị với tà mạng.

2. Có lúc chánh mạng mà không phải là chánh nghiệp, đó là bốn hành diệu của ngữ hướng đến chánh mạng, tức là do không có tham mà khởi lên ngữ nghiệp, bởi vì đối trị với tà mạng, không phải là tánh của thân nghiệp. Hai câu sau dựa theo cách giải thích này.

3. Có lúc chánh nghiệp cũng là chánh mạng đó là ba hành diệu của thân hướng đến chánh mạng.

4. Có lúc không phải là chánh nghiệp cũng không phải là chánh mạng, đó là trừ ra bốn hành diệu của ngữ. Trong này, các hành do không có tham mà khởi lên, đều bởi vì hướng đến chánh mạng, cho nên gọi là chánh mạng.

Đã sơ lược biểu hiện rõ ràng về tướng xen tạp-không xen tạp, nay sẽ nói rộng về tướng sai biệt ấy. Nghĩa là nếu có lúc vì nhân duyên lợi ích của mạng sống mà khởi lên các hành ác, thì loại này gọi là tà ngữ-tà nghiệp, cũng gọi là tà mạng, bởi vì là tánh của ngữ nghiệp, là do mạng mà khởi lên; nếu có lúc vì các loại nhân duyên khác mà khởi lên các hành ác, thì gọi là tà ngữ-tà nghiệp, không gọi là tà mạng, bởi vì là tánh của ngữ nghiệp, không phải là do mạng mà khởi lên. Phần còn lại dựa theo cách giải thích này.

Lại nữa, nếu có lúc tùy theo các loại bằng sinh-minh chú, duyên với mạng sống tà vạy khởi lên các hành ác, thì gọi là tà ngữ-tà nghiệp, cũng gọi là tà mạng; nếu có lúc vì các loại nhân duyên khác mà khởi lên các hành ác, thì gọi là tà ngữ-tà nghiệp, không gọi là tà mạng.

Lại nữa, nếu vì bốn nhân duyên của ái, khởi lên các hành ác thì gọi là tà ngữ-tà nghiệp, cũng gọi là tà mạng; nếu vì duyên khác mà khởi

lên các hành ác, thì gọi là tà ngữ-tà nghiệp, không gọi là tà mạng.

Lại nữa, nếu có tướng giả dối hiện rõ vì lợi-cầu lợi duyên với năm loại tà mạng, khởi lên các hành ác, thì gọi là tà người-tà nghiệp, cũng gọi là tà mạng; nếu vì duyên khác mà khởi lên các hành ác, thì gọi là tà ngữ-tà nghiệp, không gọi là tà mạng.

Lại nữa, nếu khởi lên gia hạnh của hành ác, thì gọi là tà ngữ-tà nghiệp, cũng gọi là tà mạng; nếu khởi lên nghiệp đạo căn bản của hành ác, thì gọi là tà ngữ-tà nghiệp, không gọi là tà mạng. Nguyên cố thể nào? Bởi vì gia hạnh khó trừ chứ không phải là căn bản.

Lại nữa, nếu khởi lên các loại Giá tội, thì gọi là tà ngữ-tà nghiệp, cũng gọi là tà mạng; nếu khởi lên Tánh tội, thì gọi là tà ngữ-tà nghiệp, không gọi là tà mạng. Nguyên cố thể nào? Bởi vì Giá tội khó phòng ngừa chứ không phải là Tánh tội.

Bởi vì đạo lý đã nói về sáu môn-bảy môn như vậy, cho nên quyết định không thể nào tách lìa ngữ-nghiệp ra mà thiết lập tà mạng riêng biệt.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao nói ba loại như tà ngữ..., và ở trong kinh nói tám chi Thánh đạo, ngoài chánh ngữ-chánh nghiệp còn nói đến chánh mạng riêng biệt?

Đáp: Đức Phật vì tà mạng lừa dối làm cho người ta mê hoặc, vì thế khó nhận biết cho nên cùng lúc với ngữ-nghiệp nêu bày rõ ràng, lại nêu bày rõ ràng riêng biệt. Như quân giặc và tướng giặc cùng mọi người chém giết lẫn nhau, lại chém ban đầu riêng biệt.

Lại có người nói: Bởi vì các loại tà mạng khó có thể trừ sạch, cho nên cùng lúc chỉ trích với ngữ-nghiệp, lại chỉ trích riêng biệt. Giống như người nữ cùng với những điều ham muốn và phiền não ham muốn, cùng lúc nói đến lỗi lầm, lại chỉ trích riêng biệt. Thế nào là tà mạng khó có thể trừ sạch? Đó là có hai pháp khó loại trừ-khó rời bỏ, tức là người tại gia thì tà kiến, và người xuất gia thì tà mạng. Những người tại gia tuy rất sáng suốt thọ trì năm giới, nhưng nếu bị khổ đau làm cho bức bách thì dùng các loại hương hoa-đồ ăn thức uống để cúng vái cầu khẩn Thiên thần. Những người xuất gia tuy rất sáng suốt thọ trì Cụ túc giới, nhưng bởi vì duyên cung cấp cho nên thân mạng mà hệ thuộc người khác, lúc thấy thí chủ chính đốn oai nghi, hiện rõ tướng thân thiện gần gũi. Vì vậy cho nên nói riêng biệt về tà mạng-chánh mạng.

Trong kinh và luận Thi Thiết đều nói như vậy: “Sát sinh cho đến tà kiến đều có ba loại:

1. Từ tham mà sinh ra.

2. Từ sân mà sinh ra.

3. Từ si mà sinh ra.”

Thế nào là sát sinh do tham mà sinh ra? Đó là như có một người bởi vì tham thịt da gân xương..., cho nên giết hại hữu tình khác; hoặc là làm vừa lòng những người yêu quý, bạn thân đã từng làm điều lợi ích đối với mình, mà làm điều giết hại; hoặc là người khác dùng tiền bạc và các sự lợi ích để cầu mình làm điều giết hại, như các Quốc Vương dùng các loại tiền của-địa vị, chiêu mộ người dũng mãnh để đánh dẹp đối phương chưa quy phục. Những sự giết hại như vậy gọi là do tham mà sinh ra.

Thế nào là do sân mà sinh ra? Đó là như có một người đối với hữu tình khác, có tâm phiền muộn tổn hại, tâm oán trách hiềm khích, tâm đầy ác ý mà đoạn mất mạng sống của người ấy; hoặc là làm hại bạn bè thân thuộc của họ để cắt đứt con đường thù oán. Những sự giết hại như vậy gọi là do sân mà sinh ra.

Thế nào là do si mà sinh ra? Đó là như có một loại người khởi lên cách nhìn như vậy, đưa ra cách nói như vậy: Lừa ngựa trâu dê gà heo hươu nai..., đều là vật cúng tế để con người sử dụng ăn uống, vì vậy giết hại mà không có tội. Lại có một loại người khởi lên cách nhìn như vậy, đưa ra cách nói như vậy: Cọp beo chồn sói rắn rít... làm tổn hại cho con người, vì trừ bỏ tai họa cho người mà giết hại cũng không có tội. Và lại, ở phía tây vùng này có Miệt-lệ-xa tên gọi là Mục-ca, khởi lên cách nhìn như vậy, đưa rách nói như vậy: Cha mẹ già yếu, và gặp phải bệnh tật lâu ngày khó chữa, nếu có thể giết chết thì được phước chứ không có tội. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì người già yếu thì các căn mục nát hư hoại không thể nào ăn uống, nếu chết đi thì lại được các căn tốt đẹp mới hơn, uống sữa ấm áp mới hơn; nếu gặp phải bệnh tật lâu ngày khó chữa, chịu nhiều khổ não, chết đi sẽ giải thoát, cho nên giết chết thì không có tội. Những sự giết hại như vậy gọi là do si mà sinh ra, bởi vì mê mờ nghiệp quả cho nên khởi lên sự bài bác tà vạy.

Thế nào là trộm cắp do tham mà sinh ra? Đó là như một người muốn đồ vật tiền bạc của người khác, người ta không cho mà lấy; hoặc là làm vừa lòng người yêu quý, bạn thân đã từng làm điều lợi ích cho mình, mà làm điều trộm cắp; hoặc là người khác dùng tiền bạc và các sự lợi ích để cầu mình làm điều trộm cắp, như chiêu mộ quân tướng cướp bóc tiền bạc châu báu của người khác. Những sự trộm cắp như vậy gọi là do tham mà sinh ra.

Thế nào là do sân mà sinh ra? Đó là như có một người đối với các

hữu tình, có tâm phiền muộn tổn hại-oán trách hiềm khích-đầy ác ý, mà trộm lấy đồ vật của họ, làm cho họ phải khốn đốn phiền muộn; hoặc là lấy trộm tiền bạc vật dụng của bạn thân với họ, bởi vì oán ghét họ. Những sự trộm cắp như vậy gọi là do sân mà sinh ra.

Thế nào là do sinh ra? Như có một loại người đối với các Bà-la-môn, khởi lên cách nhìn như vậy, đưa ra cách nói như vậy? Tất cả những gì trên mặt đất vốn là do thần lực của Phạm Vương hóa ra, ban cho các Bà-la-môn, nay thế lực của Bà-la-môn suy yếu, Sát-đế-lợi cùng nhau xâm lấn chiếm đoạt để hưởng thụ, cho nên lúc Bà-la-môn lấy mà hưởng thụ là lấy vật của mình, cũng không có tội trộm cắp. Nhưng mà lúc họ lấy thì dấy lên tưởng rằng vật của người khác. những sự trộm cắp như vậy gọi là do si mà sinh ra, bởi vì mê mờ đối với nghiệp quả cho nên khởi lên sự bài báng tà vạy.

Thế nào là tâm do tham mà sinh ra? Đó là điều này phần lớn vì tâm đam mê nhiễm ô; hoặc là dùng tiền bạc và những điều lợi ích, ở khắp mọi nơi làm điều tà dâm. Đó gọi là do tham mà sinh ra.

Thế nào là do sân mà sinh ra? Đó là như có một người đối với hữu tình khác, tâm có phiền muộn tổn hại-oán trách hiềm khích-đầy ác ý, muốn làm cho ô nhục-nhận chịu những điều suy sụp có hại, liền đối với người ấy mà làm điều tà dâm. Đó gọi là do sân mà sinh ra.

Thế nào là do si mà sinh ra? Đó là Bà-la-môn khởi lên cách nhìn như vậy, đưa ra cách nói như vậy: Các Bà-la-môn khởi lên cách nhìn như vậy, đưa ra cách nói như vậy: Các Bà-la-môn cần phải nuôi bốn vợ, Sát-đế-lợi ba vợ, Phệ-xá thuận theo hai, Thú-đạt-la một vợ. Những Bà-la-môn nếu chưa đủ số vợ, dâm với vợ người khác cũng không có tội. Nhưng lúc họ hành dâm thì khởi lên tưởng đến thuộc về người khác. Và lại, ở phía Tây vùng này có Miệt-lê-xa tên gọi là Mục-ca, khởi lên cách nhìn như vậy, đưa ra cách nói như vậy: Mẹ-chị em gái và vợ-con gái..., làm điều dâm tục đối với họ đều không có tội. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì tất cả nữ sắc, đều như trái chín đã mua, ăn uống ngay trên đường-bên cầu-dưới thuyền-ở bậc thêm-bên cối xay..., pháp vốn như vậy hữu tình cùng nhau mà hưởng thụ, vì vậy làm điều dâm tục đối với họ không có tội. Tà dâm như vậy gọi là do si mà sinh ra, nguyên cơ như trước.

Thế nào là lời nói dối trá do tham mà sinh ra? Đó là như có một người bởi vì danh lợi, cho nên đối với hữu tình khác che dấy ý tưởng mà nói, hoặc là vì mình-hoặc là vì người khác, như các Quốc Vương chiêu mộ người có tài biện luận, khiến đi khắp nơi giảng giải để dụ dỗ những người chưa quy phục. Người ấy lúc bấy giờ bởi vì tiền của-địa vị, cho

nên hoặc là dựa vào bên trong-dối gạt bên ngoài, hoặc là dựa vào bên ngoài-dối gạt bên trong, hoặc là dựa vào hai bên-dối gạt hai bên. Lời nói dối trá như vậy gọi là do tham mà sinh ra.

Thế nào là do sân mà sinh ra? Đó là như đối với người khác, tâm có phiền muộn tổn hại-oán trách hiềm khích-đây ác ý, muốn làm hại người ấy cho nên phát ra lời nói dối trá; hoặc là đối với bạn thân mà người ấy yêu quý, phát ra lời nói dối trá, bởi vì oán ghét người ấy. Lời nói dối trá như vậy gọi là do sân mà sinh ra. Thế nào là do si mà sinh ra? Đó là như có một người, khởi lên cách nhìn như vậy, đưa ra cách nói như vậy: Những người vì thân mạng của mình và thân mạng của người khác mắc nạn, mà nói dối thì không mang tội nói dối. Như thợ săn hỏi con cừu ở chỗ nào, và quân giặc hỏi quân nhà vua ở nơi nào, tuy thấy thật sự-biết thật sự mà bởi vì sợ làm hại đến họ, tuy trả lời không thật mà không có tội. Nếu biết rằng loại ấy không phải là không có tội, họ nói là đều không có thì sẽ gây ra nhiều lần. Lời nói dối trá như vậy gọi là do si mà sinh ra, nguyên cố như trước.

Thế nào là lời nói chia rẽ do tham mà sinh ra? Đó là như có một người bởi vì danh lợi, đối với hữu tình ấy, hoặc là bạn thân của họ mà phát ra lời nói chia rẽ. Hoặc vì mình-hoặc vì người khác, như các Quốc Vương chiêu mộ người có tài biện luận, khiến làm mưu kế chia rẽ để cho người khác quy phục. Người ấy lúc bấy giờ bởi vì tiền của-địa vị, cho nên hoặc là dựa vào bên trong, hoặc là dựa vào hai bên-chia rẽ hai bên. Lại như Bà-la-môn có hai thí chủ:

1. Giúp cho áo mặc.
2. Giúp cho cơm ăn.

Bà-la-môn nghĩ rằng: Nếu hai thí chủ hòa thuận vui vẻ với nhau, thì mình ở hai nơi đều có được một điều, nếu họ chống đối nhau thì mỗi một nơi mình đều có được hai món. Bởi vì nhân duyên này mà thực hiện lời nói chia rẽ. Đó gọi là do tham mà sinh ra.

Thế nào là do sân mà sinh ra? Đó là như có người đối với người khác, tâm có phiền muộn tổn hại-oán trách hiềm khích-đây ác ý, mà chia rẽ người ấy-hoặc là bạn thân của họ, bởi vì muốn phá hoại người ấy. Đó gọi là do sân mà sinh ra.

Thế nào là do si mà sinh ra? Đó là như có một loại Bà-la-môn, khởi lên cách nhìn như vậy, đưa ra cách nói như vậy: Những người không có luật nghi, nếu vui vẻ hòa thuận thì làm điều ác thêm nhiều, nếu chống đối tách rời nhau thì làm điều ác sẽ ít hơn, vì vậy nếu có ở trong loại ấy, nói ra lời nói chia rẽ thì hoàn toàn không có tội. Đó gọi là

do si mà sinh ra, nguyên cố như trước.

Thế nào là lời nói hung ác do tham mà sinh ra? Đó là như bởi vì danh lợi mà mắng nhiếc làm nhục đối với hữu tình khác, hoặc là vì mình-hoặc là vì người khác. như các Quốc Vương giao cho người thi hành pháp luật tàn ác khiến làm chủ ngục tù, và sai quân lính phụ tá soạn ra bài kịch rặng đe, dựa vào những duyên này mà phát ra lời nói hung ác. Đó gọi là do tham mà sinh ra.

Thế nào là do sân mà sinh ra? Đó là như đối với người khác, tâm có phiền muộn tổn hại-oán trách hiềm khích-đầy ác ý, liền mắng nhiếc làm nhục người ấy, hoặc là bạn thân của họ. Hoặc là vì mình-hoặc là vì người khác, đó gọi là sân mà sinh ra.

Thế nào là do si mà sinh ra? Đó là như ngoại đạo Thiên Kế gọi là thờ thần lửa, tánh vốn có sẵn rất nóng nảy vội vàng, nói nhiều lời hung ác. Các đệ tử của ông ta cho là tốt đẹp tuyệt vời, đều luyện tập lời nói hung ác. Đó gọi là do si mà sinh ra, nguyên cố như trước.

Thế nào là lời nói dơ bẩn do tham mà sinh ra? Đó là như có một người vì danh lợi... của mình và người khác, cho nên phát ra lời nói dơ bẩn. Như người làm trò hề bởi vì tiền bạc-lợi lộc, cho nên ở chốn đông người tụ tập, dùng các loại từ ngữ-ca vịnh-trêu đùa xen tạp mà nói. Lại như những người nam-nữ vì tâm ái nhiễm mà nói ra những lời dơ bẩn. Lại có người soạn ra văn chương thế tục, thọ trì đọc tụng ngâm nga. Đó gọi là do tham mà sinh ra.

Thế nào là do sân mà sinh ra? Đó là như đối với người khác, tâm có phiền muộn tổn hại-oán trách hiềm khích-đầy ác ý, tùy tiện trêu chọc người ấy cho nên phát ra lời nói dơ bẩn; hoặc là tùy tiện trêu chọc nạn thân mà người ấy yêu quý, bởi vì oán ghét họ. Đó gọi là do sân mà sinh ra.

Thế nào là do si mà sinh ra? Đó là như có một loại Bà-la-môn, khởi lên cách nhìn như vậy, đưa ra cách nói như vậy: các hữu tình cúng tế thần lửa, hoặc cúng tế thần khác, hoặc là đọc tụng Phệ-đà và các loại chú thuật..., tất cả đều được thanh tịnh và giải thoát. Đó gọi là do si mà sinh ra.

Thế nào là tham do tham mà sinh ra? Đó là tham ràng buộc(Tiền) không gián đoạn-tham ràng buộc hiện rõ trước mắt. Đó gọi là tham do tham mà sinh ra.

Thế nào là do sân mà sinh ra? Đó là sân ràng buộc không gián đoạn-tham ràng buộc hiện rõ trước mắt. Đó gọi là tham do sân mà sinh ra.

Thế nào là do si mà sinh ra? Đó là si ràng buộc không gián đoạn- tham ràng buộc hiện rõ trước mắt. Đó gọi là tham do si mà sinh ra.

Thế nào là sân do tham mà sinh ra? Đó là tham ràng buộc không gián đoạn-sân ràng buộc hiện rõ trước mắt. Đó gọi là sân do tham mà sinh ra.

Thế nào là do sân mà sinh ra? Đó là sân ràng buộc không gián đoạn- sân ràng buộc hiện ở trước mắt. Đó gọi là sân do sân mà sinh ra.

Thế nào là do si mà sinh ra? Đó là si ràng buộc không gián đoạn-sân ràng buộc hiện rõ trước mắt. Đó gọi là sân do si mà sinh ra.

Thế nào là tà kiến do tham mà sinh ra? Đó là tham ràng buộc không gián đoạn-tà kiến ràng buộc hiện rõ trước mắt. Đó gọi là tà kiến do tham mà sinh ra.

Thế nào là do sân mà sinh ra? Đó là sân ràng buộc không gián đoạn-tà kiến ràng buộc hiện rõ trước mắt. Đó gọi là tà kiến do sân mà sinh ra.

Thế nào là do si mà sinh ra? Đó là si ràng buộc không gián đoạn-tà kiến ràng buộc hiện rõ trước mắt. Đó gọi là tà kiến do si mà sinh ra.

Hỏi: Đã biết về mười nghiệp đạo bất thiện, tất cả đều do tham-sân-si mà khởi lên, trong đó mỗi một loại có mấy làm gia hạnh, mấy làm cứu cánh, mà có thể khởi lên?

Đáp: Hoặc có người nói: Ba loại là sát sinh-nói lời hung ác và sân giận, làm gia hạnh-do sân làm cứu cánh; ba loại là trộm cắp-tà dâm và tham dục, làm gia hạnh-do tham làm cứu cánh; còn lại ba nghiệp đạo của ngữ, làm gia hạnh-do ba loại làm cứu cánh; một loại tà kiến có đủ ba loại, làm gia hạnh-do si làm cứu cánh.

Lại có người nói: Tà dâm là không nhất định, nghĩa là nếu dâm tục khiến cho phải chảy ra bất tịnh mới thành nghiệp đạo, thì ba loại làm gia hạnh- do tham làm cứu cánh; nếu có dâm tục khiến cho vừa mới đưa vào cửa âm vật đã thành nghiệp đạo, thì ba loại làm gia hạnh-do ba loại làm cứu cánh. Những nghiệp đạo còn lại, tất cả đều dùng ba loại làm gia hạnh-do ba loại làm cứu cánh.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 117

LUẬN VỀ TÀ NGŨ (Phần 2)

Có loại là luật nghi, có loại là không luật nghi, có loại trú vào luật nghi, có loại trú vào không luật nghi.

Thế nào là luật nghi? Đó là có bảy loại, tức là lia bỏ sát sinh, cho đến lia bỏ lời nói dơ bẩn.

Thế nào là không luật nghi? Đó là cũng có bảy loại, tức là sát sinh cho đến lời nói dơ bẩn.

Thế nào là trú vào luật nghi? Đó là có bảy chúng:

1. Tỳ kheo.
2. Tỳ kheo.
3. Chánh học.
4. Cần sách nam.
5. Cần sách nữ.
6. Cận sự nam.
7. Cận sự nữ.

Thế nào là trú vào không luật nghi? Đó là có mười hai loại người không luật nghi:

1. Mổ dê.
2. Mổ gà.
3. Mổ heo.
4. Bắt chim.
5. Bắt cá.
6. Đi săn.
7. Làm giặc cướp.
8. Kẻ cầm đầu thái thịt.
9. Trói rồng.
10. Giữ ngục.

11. Luộc chó.

12. Bà-cụ-lữ-ca.

Trong này, mổ dê là vì mạng sống cho nên ôm tâm sát hại, hoặc mua-hoặc bán-chăn nuôi mà giết hại mạng sống, như vậy tất cả đều gọi là mổ dê. Mổ gà-mổ heo cũng lại như vậy. Bắt chim là vì mạng sống cho nên bắt lấy các loại chim. Bắt cá... cũng như vậy. Trói rồng là vì mạng sống cho nên luyện tập chú thuộc về rồng rắn, hoặc nói là trói ni. Luộc chó, đó là những người bắn thủ xấu xa như hạng Chiên-đồ-la. Bà-cụ-lữ-ca, nghĩa là có một loài bàng sinh tên gọi Bà-cụ-la, tức là loài măng xà, luôn luôn ở tại đồng vắng hoang vu nuốt ăn người buôn bán đi ngang qua, có người chuyên môn có thể giết chết loài ấy, lấy giá cả theo từng người buôn để tự nuôi sống mạng mình, vì vậy cho nên gọi là Bà-cụ-lữ-ca. Có người nói: Giăng lưới bay gọi là Bà-cụ-la, có người vì mạng sống cho nên luôn luôn tìm cách giăng lưới bay, bắt lấy các chúng sinh cho nên gọi là Bà-cụ-lữ-ca. có người nói: Chủ cuộc săn gọi là Bà-cụ-lữ-ca, như có tụng nói:

*“Hươu thoát khỏi khổ của Bà-cụ-lữ-ca,
Cuối cùng không trở vào lại Bà-cụ-la,
Người trí xuất gia rời bỏ chốn phạm tục,
Cuối cùng không trở lại khổ bức bách.”*

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Nếu nhận mệnh lệnh của cấp trên thẩm vấn tù nhân, cậy thế tùy ý bạo ngược thêm vào những sự khổ sở, hoặc là quyết định sự việc một cách phi lý, hoặc là tâm ác độc thu lấy thuế mà, tất cả như vậy đều gọi là trứ vào không luật nghi.

Hỏi: Như vậy các luật nghi cần phải thọ nhận mới có được, không luật nghi này cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc có người nói: Cũng do tiếp nhận mà mang lấy, nghĩa là tay cầm dụng cụ giết hại thể rằng kể từ hôm nay cho đến lúc mạng chung, thường làm nghiệp này để tự nuôi sống mạng mình. Lúc bấy giờ liền mang lấy pháp không luật nghi này.

Lại có người nói: Tuy cầm dụng cụ giết hại tự mình lập lời thề, nhưng lúc ấy không mang lấy pháp không luật nghi này. Do hai duyên mà mang lấy:

1. Do thực hiện công việc.
2. Do tiếp nhận việc làm.

Do thực hiện công việc, nghĩa là sinh vào nhà không luật nghi, lúc đầu làm những công việc sát sinh ấy, lúc bấy giờ liền mang lấy pháp không luật nghi này. Do tiếp nhận việc làm, nghĩa là sinh vào nhà khác,

vì mạng sống cho nên áp ủ tâm giết hại, đi đến những nơi không luật nghi như lò mổ trâu dê..., phát ra lời thề này: Tôi bắt đầu từ hôm nay cho đến lúc mạng chung, thường làm công việc mà các ông đã làm, để tự nuôi sống mạng mình. Lúc bấy giờ liền mang lấy pháp không luật nghi này.

Lại có người nói: Loại này cũng vào lúc đầu làm công việc ấy, thì mới mang lấy pháp không luật nghi này. Đó là nói đến pháp không luật nghi chỉ do một duyên mà mang lấy. Nếu có người dùng tâm phẩm Hạ khởi lên nghiệp có biểu lộ (Hữu biểu nghiệp) tiếp nhận các luật nghi, tận cùng Chúng đồng phần thì các luật nghi ấy chuyển theo phẩm Hạ, tuy vào thời gian sau nỗ lực phát khởi hành ác-hành diệu thuộc về thân-ngữ-ý, nhưng luật nghi ấy thường xuyên ở phẩm Hạ mà vẫn không tăng trưởng. Nếu có người dùng tâm phẩm Trung khởi lên nghiệp có biểu lộ tiếp nhận các luật nghi, tận cùng Chúng đồng phần thì các luật nghi ấy chuyển theo phẩm Trung, tuy vào thời gian sau cố gắng phát khởi thân-ngữ-ý thâm nhiếp hành ác và hành diệu, nhưng luật nghi ấy thường chuyển ở phẩm Trung không tăng-không giảm. Nếu có người dùng phẩm Thượng khởi lên nghiệp có biểu lộ tiếp nhận các luật nghi, tận cùng Chúng đồng phần thì các luật nghi ấy chuyển theo phẩm Thượng, tuy vào thời gian sau cố gắng phát khởi thân-ngữ-ý thâm nhiếp hành ác và hành diệu, nhưng luật nghi ấy thường chuyển ở phẩm Thượng mà vẫn không giảm sút.

Hỏi: Có thể Tỳ kheo mới học mà thành tựu luật nghi phẩm Thượng, A-la-hán thì thành tựu luật nghi phẩm Hạ chăng?

Đáp: Có, đó là Tỳ kheo mới học dùng tâm phẩm Thượng khởi lên nghiệp có biểu lộ tiếp nhận các luật nghi, có A-la-hán dùng tâm phẩm Hạ khởi lên nghiệp có biểu lộ tiếp nhận các luật nghi. Như vậy, Tỳ kheo mới học thành tựu luật nghi phẩm Thượng, mà A-la-hán thành tựu luật nghi phẩm Hạ.

Nếu có người lúc đầu dùng Triền phẩm Hạ giết hại mạng sống chúng sinh, đối với chúng sinh này mang lấy nghiệp có biểu lộ-không có biểu lộ (biểu-vô biểu nghiệp) thuộc về sát sinh ở phẩm Hạ, và thuộc về pháp không luật nghi; ở trên thân tất cả hữu tình khác, chỉ mang lấy nghiệp Vô biểu thuộc về pháp không luật nghi ở phẩm Hạ. Nếu người ấy về sau tùy theo dùng Triền phẩm Hạ-Trung-Thượng giết hại mạng sống chúng sinh, đối với chúng sinh này chỉ mang lấy nghiệp Biểu-Vô biểu thuộc về sát sinh ở phẩm Hạ-Trung-Thượng, lại không mang lấy nghiệp Biểu-Vô biểu thuộc về pháp không luật nghi, bởi vì trước đã

mang lấy. Như vậy, lúc đầu dùng Triền phẩm Trung, dùng Triền phẩm Thượng, nói rộng ra cũng như vậy. Sát sinh..., tùy theo nghiệp riêng biệt dần dần mang lấy pháp không luật nghi mà nhanh chóng mang lấy khắp nơi.

Hỏi: Như người mổ dê không muốn giết hại chúng sinh khác, tại sao người này đối với tất cả hữu tình khắp nơi đã mang lấy pháp không luật nghi?

Đáp: Tuy đối với Xứ của con dê khởi lên pháp không luật nghi, nhưng tất cả các hữu tình đều có Uẩn-Giới-Xứ của con dê. Vả lại, cảnh giới của tâm ác kia rộng lớn khắp nơi, cho nên mang lấy pháp không luật nghi đối với tất cả, bởi vì không có Xứ này để phân biệt. Giả sử các hữu tình đều làm hình dạng con dê, qua lại trước mắt thì đối với tất cả hữu tình ấy, đều khởi lên tâm ác, đều muốn giết hại, cho đến đã mang lấy pháp không luật nghi đối với tất cả hữu tình.

Trú vào pháp không luật nghi, có lúc đối với tất cả hữu tình mang lấy pháp không luật nghi, không phải là do tất cả các Chi, không phải là do tất cả các Nhân; có lúc đối với tất cả hữu tình mang lấy pháp không luật nghi, do tất cả các Chi, không phải là do tất cả các Nhân; có lúc đối với tất cả hữu tình mang lấy pháp không luật nghi, do tất cả các Nhân, không phải là do tất cả các Chi; có lúc đối với tất cả hữu tình mang lấy pháp không luật nghi, do tất cả các Chi, do tất cả các nhân.

Nếu do tất cả các Chi, do tất cả các Nhân, mang lấy pháp không luật nghi, không phải là đối với tất cả hữu tình, thì loại này không có; tất cả hữu tình, tức là chủng loại của tất cả hữu tình.

Tất cả các Chi, đó là sát sinh cho đến nói lời dơ bẩn. Tất cả các Nhân, đó là Triền phẩm Hạ-Trung -Thượng, hoặc là tham-sân-si.

Có lúc đối với tất cả hữu tình mang lấy pháp không luật nghi, không phải là do tất cả các Chi, không phải là do tất cả các Nhân, đó là dùng Triền phẩm Hạ giết hại mạng sống chúng sinh, hoặc là phẩm Trung-hoặc là phẩm Thượng chứ không phải là loại khác, cũng không khởi lên Chi khác.

Có lúc đối với tất cả hữu tình mang lấy pháp không luật nghi, do tất cả các Chi, không phải là do tất cả các Nhân, đó là dùng Triền phẩm Hạ giết hại mạng sống chúng sinh, cho đến nói lời dơ bẩn, hoặc là phẩm Trung-hoặc là phẩm Thượng chứ không phải là loại khác.

Có lúc đối với tất cả hữu tình mang lấy pháp không luật nghi, do tất cả các Nhân, không phải là do tất cả các Chi, đó là dùng Triền phẩm Hạ-Trung-Thượng giết hại mạng sống chúng sinh, không khởi lên Chi

khác.

Có lúc đối với tất cả hữu tình mang lấy pháp không luật nghi, do tất cả các Chi, do tất cả các Nhân, đó là dùng Triền phẩm Hạ-Trung-Thượng giết hại mạng sống chúng sinh, cho đến nói lời nói dơ bẩn.

Trú vào luật nghi, có lúc đối với tất cả hữu tình có được luật nghi, không phải là do tất cả các Chi, không phải là do tất cả các Nhân; có lúc đối với tất cả hữu tình có được luật nghi, do tất cả các Chi, không phải là do tất cả các Nhân; có lúc đối với tất cả hữu tình có được luật nghi, do tất cả các Chi, do tất cả các Nhân.

Nếu đối với tất cả hữu tình có được luật nghi, do tất cả các Nhân, không phải là do tất cả các Chi, thì loại này không có. Nếu do tất cả các Chi, do tất cả các Nhân có được luật nghi, không phải là đối với tất cả hữu tình, thì loại này cũng không có; tất cả hữu tình, tức là chủng loại của tất cả hữu tình.

Tất cả các Chi, đó là lia bỏ sát sinh cho đến lia bỏ lời nói dơ bẩn; tất cả các Nhân, đó là tâm phẩm Hạ-Trung-Thượng, hoặc là không có tham-không có sân-không có si.

Có lúc đối với tất cả hữu tình có được luật nghi, không phải là tất cả các Chi, không phải là tất cả các Nhân, đó là tất cả các Nhân, đó là dùng tâm phẩm Hạ thọ giới Cận sự và Cận sách, hoặc là phẩm Trung-hoặc là phẩm Thượng, chứ không phải là loại nào khác.

Có lúc đối với tất cả hữu tình có được luật nghi, cũng là tất cả các Chi, không phải là tất cả các Nhân, đó là dùng tâm phẩm Hạ thọ giới Cận sự cho đến giới Tỳ kheo, hoặc là phẩm Trung-hoặc là phẩm Thượng-hoặc là hai phẩm chứ không phải là loại gì khác.

Có lúc đối với tất cả hữu tình có được luật nghi, cũng là tất cả các Chi, cũng là tất cả các Nhân, đó là dùng tâm phẩm Hạ-Trung-Thượng, như thứ tự thọ giới Cận sự-Cận sách-Tỳ kheo.

Hỏi: Nếu dùng tâm phẩm Hạ-Trung-Thượng, như thứ tự thọ giới Cận trú-Cận sự-Cận sách, thì gọi là đối với tất cả hữu tình có được luật nghi, cũng là tất cả các Nhân, không phải là tất cả các Chi, tại sao nói là không có?

Đáp: Trong này chỉ dựa vào luật nghi suốt đời mà soạn luận chứ không dựa vào ngày đêm. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì pháp ấy gọi là Trai, ở trong luật nghi không phải là quyết định.

Hỏi: Như thọ luật nghi ở phẩm Hạ về sau lại có được phẩm Trung, ở phẩm Trung về sau lại có được phẩm Thượng, các pháp không luật nghi cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc có người nói: Như có được luật nghi, pháp không luật nghi cũng như vậy. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì các luật nghi thiện làm công dụng to lớn, làm gia hạnh to lớn mà còn nhiều lần có được, huống là pháp không luật nghi hay sao?

Nói như vậy thì luật nghi dần dần có được chứ không phải là pháp không luật nghi. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì luật nghi khó có được, vì khó có được cho nên dần dần thọ-dần dần có được; pháp không luật nghi dễ mang lấy, bởi vì dễ mang lấy cho nên lập tức tiếp nhận-lập tức mang lấy.

Hỏi: Như luật nghi thiện có Chi không đầy đủ, các pháp không luật nghi cũng như vậy chăng?

Đáp: Các Luận Sư của nước Kiện-đà-la nói: “Nghịệp của pháp không luật nghi có Chi không đầy đủ, nếu các hữu tình sinh vào các loại nhà thuộc pháp không luật nghi, thì sinh ra đã bị cầm ngọng đến hết Chúng đồng phần mà không có thể nói năng, họ chỉ có thể mang lấy nghịệp không luật nghi thuộc tánh của ba nghịệp thân, không mang lấy bốn nghịệp của ngữ.”

Các Đại Luận Sư của nước Ca-thấp-di-la đều đưa ra cách nói này: “Các pháp không luật nghi không có Chi nào không đầy đủ, như luật nghi thiện dần dần thọ thì có Chi không đầy đủ, các pháp không luật nghi thì không như vậy, bởi vì không có dần dần tiếp nhận, bởi vì dễ dàng có thể mang lấy.”

Hỏi: Trú vào pháp không luật nghi thì lúc thọ tám giới Trai, rồi pháp không luật nghi-có được luật nghi, đến lúc trời sáng thì rời luật nghi vẫn mang lấy pháp không luật nghi chăng?

Đáp: Các Luận Sư của nước Kiện-đà-la nói: “Trú vào pháp không luật nghi thì lúc thọ tám giới Trai, rồi pháp không luật nghi-có được luật nghi, đến lúc trời sáng thì rời luật nghi vẫn mang lấy pháp không luật nghi, bởi vì có được luật nghi cho nên pháp không luật nghi gián đoạn, rời luật nghi cho nên pháp không luật nghi nối tiếp.”

Các Đại Luận Sư của nước Ca-thấp-di-la đều đưa ra cách nói này: “Trú vào pháp không luật nghi thì lúc thọ tám giới Trai, rồi pháp không luật nghi-có được luật nghi, đến lúc trời sáng thì rời luật nghi mà không mang lấy pháp không luật nghi, bởi vì có được luật nghi cho nên rời pháp không luật nghi, đến phạm vi cuối cùng cho nên lại rời luật nghi, vì vậy lúc bấy giờ gọi là không phải luật nghi-không phải là không luật nghi.”

Nếu hữu tình ấy tận cùng Chúng đồng phần, không còn thọ tác thì

không mang lấy pháp không luật nghi; nếu còn tạo tác thì vẫn mang lấy pháp không luật nghi. Luật nghi suốt đời do bốn duyên mà rời bỏ:

1. Rời bỏ pháp đã học.
2. Phát sinh hai hình thể.
3. Đoạn mất căn thiện.
4. Rời bỏ Chúng đồng phần.

Những người trì luật nói: Lúc pháp diệt mất là duyên thứ năm, nghĩa là lúc pháp diệt mất, tất cả pháp đã học, xuất gia thọ Cụ túc giới, kiết giới Yết-ma, thấy đều diệt mất, vì vậy lúc bấy giờ luật nghi cũng rời bỏ.

Nói như vậy là đang lúc bấy giờ không rời bỏ luật nghi có được trước đây, người đã xuất gia vẫn gọi là xuất gia, người đã thọ Cụ túc giới vẫn gọi là thọ Cụ túc giới, người chưa xuất gia không còn xuất gia nữa, người chưa thọ Cụ túc giới không còn thọ Cụ túc giới nữa. Dựa vào điều này cho nên nói là tất cả diệt mất.

Các pháp không luật nghi, do bốn duyên mà rời bỏ:

1. Thọ luật nghi biệt giải thoát.
2. Có được luật nghi Tĩnh lự.
3. Phát sinh hai hình thể.
4. Rời bỏ Chúng đồng phần.

Hỏi: Như luật nghi thiện rời bỏ pháp đã học, rời bỏ pháp không luật nghi này cũng như vậy chăng?

Đáp: Hoặc có người nói: Nếu có thể quyết định rời bỏ các dụng cụ giết hại, thì lúc bấy giờ rời bỏ pháp không luật nghi.

Nói như vậy thì tuy là quyết định rời bỏ các dụng cụ giết hại, nhưng nếu không thọ giới có được luật nghi thiện, thì cuối cùng không có thể gọi là rời bỏ pháp không luật nghi.

Ba hành ác, ba Khúc (uốn cong)-Uế (xấu ác)-Trược (hỗn loạn). Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: “Có ba hành ác, ba Khúc-Uế-Trược.” Trong kinh tuy nói ra điều này, mà không giải thích rộng ra, nói rộng ra như trước. Lại có người nói: Trong phẩm luận trước đã phân biệt về ba hành ác, mà chưa phân biệt về ba loại Khúc-Uế và Trược, nay cần phải phân biệt cho nên soạn ra phần luận này.

Ba loại Khúc-Uế và Trược, đó là thân Khúc-thân Uế và thân Trược, ngữ Khúc-ngữ Uế và ngữ Trược, ý Khúc-ý Uế và ý Trược.

Ba Khúc là thế nào? Đó là do nịnh bợ mà khởi lên nghiệp thân-ngữ ý.

Nguyên cố thế nào? Bởi vì nịnh bợ gọi là Khúc (uốn cong), do uốn cong tướng của pháp mà khởi lên ba nghiệp, cho nên gọi là Khúc, là quả của pháp ấy.

Hỏi: Lại vì nhân duyên gì mà nịnh bợ gọi là Khúc?

Đáp: Bởi vì trái ngược với thẳng thắn. Như có tụng nói:

“Những đồ vật vòng vèo uốn cong, không bằng phẳng và không ngay ngắn,

Hầm hố-khe sâu và rừng rậm, như vậy đều dụ cho nịnh bợ.”

Lại có người nói: Bởi vì các hữu tình do nịnh bợ mà tổn hại bản thủ, khó ra khỏi sinh tử-khó tiến vào Niết-bàn, giống như cây gỗ cong queo khó đưa ra khỏi rừng rậm-khó đem vào trong thôn xóm; ở đây cũng như vậy, cho nên gọi là Khúc.

Lại có người nói: Bởi vì các hữu tình do nịnh bợ mà tổn hại bản thủ, những sự việc đã làm sắp hiện rõ ở trước mắt lại còn vứt bỏ, sắp phát ra lời nói lại vẫn dừng ở bên trong, tánh ấy hiểm ác khó có được ý nghĩa, khó có thể qua lại với nhau, cho nên gọi là Khúc.

Lại có người nói: Bởi vì các hữu tình do nịnh bợ mà tổn hại bản thủ, những người sáng suốt đều phải xa lìa, như người thích sạch sẽ tránh xa thây xác hôi thối dơ bẩn trong bãi tha ma, do thẳng thắn mà chán ngán cho nên gọi là Khúc.

Lại có người nói: Bởi vì các hữu tình do nịnh bợ mà tổn hại bản thủ, chư Phật đối với loại ấy cũng rời bỏ Đại Bi, như người bệnh nịnh bợ mà thấy thuốc giỏi đã bỏ mặc, chướng ngại đến sự giáo hóa đích thực, cho nên gọi là Khúc.

Hỏi: Nịnh bợ ở nơi nào?

Đáp: Ở cõi Dục và Tịnh lự thứ nhất, chứ không phải là ở địa trên.

Hỏi: Tại sao những địa trên không có nịnh bợ?

Đáp: Bởi vì những địa trên đối với nịnh bợ, không phải là thừa ruộng-không phải là đồ chứa-không phải là đất đai-không phải là chỗ dựa; không phải là thừa ruộng-đồ chứa, không phải là đất đai-chỗ dựa, cho nên ở đó không có.

Lại có người nói: Vì loại trừ nịnh bợ cho nên hướng đến địa trên. Nếu ở địa trên lại có nịnh bợ, thì không cần phải gia hạnh cầu đến địa trên. Nếu pháp của địa dưới mà ở địa trên cũng có, thì không cần phải thi thiết pháp diệt dần dần. Nếu không thi thiết pháp diệt dần dần, thì

sẽ không có pháp diệt hoàn toàn. Nếu không có pháp diệt hoàn toàn, thì không có giải thoát. Nếu không có giải thoát cũng không có sinh tử, thì tất cả các pháp không có. Muốn làm cho không có lỗi lầm như vậy, cho nên ở địa trên không có nịnh bợ.

Lại có người nói: Nếu ở nơi này an lập vua-quan, an lập chúng sinh trên-dưới sai khác, thì có nịnh bợ; không phải là ở địa trên có thể có sự việc này, cho nên ở địa trên không có nịnh bợ. Những nơi có vua-quan, khách-chủ, trên-dưới sai khác, thì chắc chắn lòng dạ nịnh bợ cong queo thay đổi nhau mà nhận việc.

Lại có người nói: Nếu ở nơi này có các thức thân, có Tâm-có Tứ, và có nghiệp Biểu của thân-ngữ thuộc tự tánh, thì có nịnh bợ. Các pháp như vậy ở địa trên đều không có, cho nên không có nịnh bợ.

Ba Uế là thế nào? Đó là do sân mà khởi lên nghiệp thân-ngữ và ý. Nguyên cố thế nào? Bởi vì sân gọi là Uế (xấu ác), do tướng xấu ác của pháp mà khởi lên ba nghiệp, cho nên gọi là Uế, là quả của pháp ấy.

Hỏi: Các phiền não đều là xấu ác, như có tụng nói:

*“Các loài cỏ dại ở thế gian, luôn luôn làm bẩn đến ruộng tốt,
Như vậy các pháp tham xấu ác, xấu ác làm bẩn các hữu tình.
Các loài cỏ dại ở thế gian, luôn luôn làm bẩn thủ đến ruộng tốt,
Như vậy các pháp uế xấu ác, xấu ác làm bẩn các hữu tình.”*

Man-Ái-Vô minh và các phiền não khác, tụng nói cũng như vậy, tại sao trong này chỉ riêng sân gọi là Uế?

Đáp: Tuy các phiền não đều gọi là Uế, nhưng chỉ riêng sân nhuế có tên gọi của hai Uế, cho nên một mình nó gọi là Uế, như tụng trên nói: Như vậy các pháp uế xấu ác, xấu ác làm bẩn các hữu tình.

Lại có người nói: Bởi vì sân nhuế này làm bẩn sự nối tiếp nhau của mình, làm bẩn sự nối tiếp nhau của người khác, mạnh hơn các phiền não khác, cho nên gọi là Uế. Thế nào là làm bẩn sự nối tiếp nhau của mình? Đó là nếu lúc sân nhuế hiện có ở trước mắt, thì toàn thân thô lỗ ngang bướng-phiền muộn tiêu tụy-cau mày nhẩn mặt-vùng vằng lỏng loạn không yên, như quỷ đã đeo bám, làm cho người ta không ưa trong thấy. Thế nào là làm bẩn sự nối tiếp nhau của người khác? đó là nếu lúc sân nhuế làm não loạn đến người khác, làm cho người khác phiền não, hoặc là bị roi đánh đập, thậm chí mất mạng.

Hỏi: Sân có ở nơi nào?

Đáp: Ở cõi Dục chứ không phải là hai cõi trên.

Hỏi: Vì sao hai cõi trên không có sân?

Đáp: Bởi vì không phải là thừa ruộng, không phải là đồ chứa, cho

đến nói rộng ra. Lại có người nói: Vì loại bỏ sân cho nên cầu đến cõi trên, nói rộng ra như trước.

Lại có người nói: Nếu ở nơi này có kiết San-Tật thì có sân nhuế. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì các hữu tình dựa vào kiết San-Tật, khởi lên sân nhuế đối với sự nối tiếp nhau của người khác, cõi trên thì không như vậy, cho nên không có sân nhuế. Lại nữa, nếu nơi nào có Vô tà-Vô quý, thì nơi ấy có sân nhuế, cõi trên thì không như vậy. Lại nữa, nếu nơi nào có căn Khổ-Uu, thì nơi ấy có sân nhuế, cõi trên thì không như vậy. Lại nữa, nếu nơi nào có căn Nam-Nữ, thì nơi ấy có sân nhuế, cõi trên thì không như vậy. Lại nữa, nếu nơi nào có Đoàn thực-Ái và Dâm dục-Ái, thì nơi ấy có sân nhuế, cõi trên thì không như vậy. Giải thích đều nói như trước, vì vậy cho nên cõi trên không có sân nhuế.

Lại có người nói: Nếu ở nơi này có nhân oán hại thì có sân nhuế. Nhân oán hại ấy gọi là chín sự náo loạn, cõi Sắc-Vô sắc không có nhân oán hại, cho nên không có sân.

Vì vậy Tôn giả Diệu Âm nói rằng: Nhân duyên oán hại thì làm cho sân chuyển vòng.

Hoặc có người nói: Nếu thân sở y khô cháy-thô kệch-ngang bướng thì có sân nhuế, cõi trên dựa vào thân thấm ướt-nhu hòa-mềm mỏng cho nên không có sân nhuế.

Lại có người nói: Cõi Sắc-Vô sắc có pháp đối trị với sân, đó là Đẳng dẫn Từ (Từ định), cho nên không có sân. Như ở nơi này, nếu có luồng gió Phệ-t-lam-bà, thì mây mù ở nơi này cuối cùng không thể nào dừng lại được; cõi trên cũng như vậy, có Từ trong Đẳng dẫn đối với trị sân, như luồng gió Phệ-t-lam-bà, cho nên mây mù của sân ở nơi ấy không tồn tại.

Ba Trược là thế nào? Đó là do tham mà khởi lên nghiệp thân-ngữ và ý. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì tham gọi là Trược (hỗn loạn), do tướng của pháp hỗn loạn mà khởi lên nghiệp thân-ngữ và ý, cho nên gọi là Trược, là quả của pháp ấy.

Hỏi: Vì nhân duyên gì mà tham gọi là Trược?

Đáp: Bởi vì có thể làm cho nhiễm ô hỗn loạn, thế gian nhiễm theo sắc cho nên gọi là Trược. Như thế gian nói gốc rễ hỗn loạn, thân hỗn loạn, lá hỗn loạn, hoa hỗn loạn, quả hỗn loạn; những loại này đều có thể làm nhiễm theo, cho nên gọi là Trược. Lại nữa, Trược là nghĩa của thấp hèn, thế gian đều nói người nhiều tham dục gọi là thấp hèn hỗn loạn. Lại nữa, Trược là nghĩa của không thanh tịnh, bởi vì tham che phủ tâm, thói quen gần với pháp nhiễm ô-rời xa pháp thanh tịnh.

Hỏi: Tham có ở nơi nào?

Đáp: Ở cõi Dục cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ biểu hiện rõ ràng về tướng xen tạp-không xen tạp.

Hỏi: Là ba hành ác thâm nhiếp ba loại Khúc-Uế-Trược, hay là ba loại Khúc-Uế-Trược thâm nhiếp ba hành ác?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc hành ác mà không phải là Khúc-Uế-Trược, đó là trừ ra hành ác của thân-ngũ-ý thuộc cõi Dục do nịnh bợ-sân-tham mà khởi lên, còn lại các hành ác của thân-ngũ-ý.

2. Có lúc Khúc-Uế-Trược mà không phải là hành ác, đó là nghiệp thân-ngũ-ý của Tịnh lự thứ nhất do nịnh bợ-tham mà khởi lên, và ý nghiệp do tham mà khởi lên của cõi Sắc-Vô sắc.

3. Có lúc hành ác cũng là Khu-Uế-Trược, đó là hành ác của thân-ngũ-ý do nịnh bợ-sân-tham mà khởi lên thuộc cõi Dục.

4. Có lúc không phải là hành ác cũng không phải là Khúc-Uế-Trược, đó là trừ ra những tướng trước. Tướng thuộc về tên gọi, như trước đã nói. Nghĩa là ở trong Sắc uẩn trừ ra sắc bất thiện, và sắc hữu phú vô ký do nịnh bợ-tham mà khởi lên, chọn lấy Sắc uẩn còn lại; ở trong Hành uẩn trừ ra Tư bất thiện, tham-sân-tà kiến và Tư hữu phú vô ký do nịnh bợ-tham mà khởi lên, chọn lấy Hành uẩn tương ứng-không tương ứng còn lại, và ba Uẩn toàn phần cùng với pháp vô vi; như vậy tất cả làm thành câu thứ tư, cho nên nói đó là trừ những tướng trước.

Trong này, có hai loại cùng phát khởi, đó là nhân cùng phát khởi, và sa-na cùng phát khởi. Nhân cùng phát khởi gọi là có thể chuyển tâm, sát-na cùng phát khởi gọi là chuyển theo tâm.

Hỏi: Năm thức cũng có thể làm hai loại cùng phát khởi, phát ra nghiệp thân-ngũ hay không?

Đáp: Hoặc có người nói: Năm thức không có thể phát ra nghiệp thân-ngũ. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì chỉ có ý thức đối với nghiệp thân-ngũ, làm chuyển và chuyển theo khiến nghiệp ấy hiện rõ trước mắt, năm thức không có thể làm chuyển, cũng không có thể làm chuyển theo, không có thể khiến cho nghiệp ấy hiện rõ trước mắt.

Hỏi: Nếu như vậy thì như nói tự thấy nghiệp của thân biểu lộ, tự nghe nghiệp của ngũ biểu lộ, ba thức nhận biết; điều này làm sao không hiểu?

Đáp: Không thấy thân biểu lộ nhưng thấy tướng khác, không nghe ngũ biểu lộ nhưng nghe âm khác, tức là do nghĩa này cho nên gọi là

thấy-gọi là nghe. Ba thức nhận biết, là duyên vào nghiệp của thân khác chứ không phải là nghiệp của thân mình.

Lại có người nói: Năm thức cũng có thể phát ra người thân-ngữ, bởi vì ý thức làm chủ động chuyển cũng làm chuyển theo, năm thức tuy không làm chủ động chuyển mà làm chuyển theo phát ra nghiệp ấy.

Nói theo cách này, tức là dễ dàng thông hiểu về tự thấy thân biểu lộ, tự nghe ngữ biểu lộ. Nguyên cốt thế nào? Bởi vì nếu dùng ý thức làm chủ động chuyển và chuyển theo, cũng dùng nhãn thức làm chuyển theo thì sẽ thấy thân biểu lộ; nếu dùng ý thức làm chủ động chuyển và chuyển theo, cũng dùng nhĩ thức làm chuyển theo thì sẽ nghe ngữ biểu lộ. Ba thức nhận biết, thì cũng duyên với nghiệp của mình, cũng duyên với nghiệp của người khác.

Tôn giả Tăng-già-phật-tô nói rằng: “Năm thức cũng có thể phát ra nghiệp thân-ngữ, làm nhân cùng phát khởi và sát-na cùng phát khởi. Nguyên cốt thế nào? Bởi vì như có người khỏe mạnh, trước đó không tác ý, bất ngờ bị người khác đánh liền quay lại đánh kẻ ấy, không phải là ở lúc bấy giờ có thể khởi lên suy nghĩ là mình nên đánh kẻ ấy. Nên biết rằng chính là trú trong thân thức mà đánh. Vì vậy năm thức cũng có thể phát khởi hai nghiệp thân-ngữ, làm nhân cùng phát khởi và sát-na cùng phát khởi.”

Nói như vậy thì năm thức không có thể làm nhân cùng phát khởi, phát ra nghiệp thân-ngữ. Nguyên cốt thế nào? Bởi vì ý thức đối với nghiệp thân-ngữ, làm chủ động chuyển và chuyển theo; năm thức chỉ làm chuyển theo chứ không làm chủ động chuyển.

Trong này, nếu tâm thiện làm chủ động chuyển, thì tâm thiện làm chuyển theo; nếu tâm nhiễm ô làm chủ động chuyển, thì tâm nhiễm ô làm chuyển theo; nếu tâm oai nghi lộ làm chủ động chuyển, thì tâm oai nghi lộ làm chuyển theo; nếu tâm công xảo xứ làm chủ động chuyển, thì tâm công xảo xứ làm chuyển theo, phát ra nghiệp thân-ngữ.

Hỏi: Nếu tâm oai nghi lộ làm chủ động chuyển, thì tâm ấy làm chuyển theo, như có người lúc đi đường trông thấy tượng Phật... khởi lên nhãn thức thiện, hoặc trông thấy dâm dũ... khởi lên nhãn thức nhiễm ô, như vậy lẽ nào không phải là thiện-nhiễm ô chuyển theo khởi lên nghiệp ấy hay sao?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Đây là do Giác Tuệ nhanh chóng xoay chuyển khởi lên tăng thượng mạn, nghĩa là ở phần vị của hành khởi lên nhãn thức này, mà thật ra lúc hành thì tâm thiện-tâm nhiễm ô không hiện rõ trước mắt; nếu lúc tâm thiện-tâm

nhiền ô hiện rõ ở trước thì dừng lại chứ không hiện hành. Tâm thiện và tâm nhiền ô này, chỉ giống như bạn bè chứ không gọi là cùng phát khởi.”

Lại có người nói: Lúc tâm oai nghi lộ phát khởi nghiệp, tâm thiện-tâm nhiền ô... giúp đỡ nhau phát khởi, vì vậy lúc tâm oai nghi lộ chuyển biến, tâm chuyển theo của nó cho phép có ba loại, đó là thiện-nhiiền ô và vô ký.

Hỏi: Nếu tâm công xảo xử làm chủ động chuyển, thì tâm ấy làm chuyển theo, như lúc người thợ vẽ vẽ ra hình ảnh Đức Phật khởi lên nhãn thức thiện, lúc vẽ ra người nữ khởi lên nhãn thức nhiền ô, như vậy lẽ nào không phải là thiện và nhiền ô chuyển theo khởi lên nghiệp ấy hay sao?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Giác Tuệ nhanh chóng khởi lên tăng thượng main, nghĩa là vào lúc vẽ khởi lên nhãn thức này, mà thật ra lúc vẽ thì tâm thiện-tâm nhiền ô không hiện rõ ở trước mắt; nếu lúc tâm thiện-tâm nhiền ô hiện rõ ở trước mắt thì dừng lại chứ không vẽ. Tâm thiện và tâm nhiền ô này, chỉ giống như bạn bè chứ không gọi là cùng phát khởi.”

Lại có người nói: Lúc tâm công xảo xử phát khởi nghiệp, tâm thiện-tâm nhiền ô cùng giúp đỡ phát khởi, vì vậy lúc tâm công xảo xử làm chủ động chuyển, tâm chuyển theo với nó cho phép có ba loại, đó là thiện-nhiiền ô và vô phú vô ký.

Hỏi: Tâm dị thực sinh tại sao không có thể làm hai loại cùng phát khởi, phát ra nghiệp thân-ngữ?

Đáp: Tâm mạnh mẽ phát ra nghiệp thân-ngữ, tâm dị thực sinh thì tánh yếu kém cho nên không thể phát ra.

Lại có người nói: Nếu nghiệp thân-ngữ do tâm dị thực sinh làm hai loại này cùng phát khởi, thì nghiệp thân-ngữ này nên nói là gì? Là oai nghi lộ, là công xảo xử hay là dị thực sinh? Nếu như oai nghi lộ, hoặc là công xảo xử, thì tâm dị thực sinh làm sao có thể phát khởi? Nếu như dị thực sinh thì nghiệp thân-ngữ này phải là dị thực. Nhưng nghiệp thân-ngữ thì chắc chắn không phải là dị thực, bởi vì gia hạnh khởi lên; cũng có thể nói là thiện-nhiiền ô, bởi vì chấp do tâm dị thực mà khởi lên. Vì vậy tâm dị thực sinh, không có thể phát ra nghiệp thân-ngữ.

Lại nữa, nếu tâm do kiến mà đoạn làm chủ động chuyển, tâm do tu mà đoạn làm chuyển theo; hoặc là tâm do tu mà đoạn làm chủ động chuyển, thì tâm do tu mà đoạn làm chuyển theo, phát khởi nghiệp thân-ngữ thì điều này là có. Nếu tâm do kiến mà đoạn làm chủ chuyển động,

thì tâm do kiến mà đoạn làm chuyển theo; hoặc là tâm do tu mà đoạn làm chủ chuyển động, tâm do kiến mà đoạn làm chuyển theo, phát khởi nghiệp thân-ngữ, thì điều này là không có. Tại sao? Bởi vì tâm do kiến mà đoạn không có thể làm sát-na cùng phát khởi, phát ra nghiệp thân-ngữ. Nay ở trong này, dựa vào luận mà sinh ra luận.

Hỏi: Vì sao trú vào tâm do kiến mà đoạn, không có thể làm sát-na cùng phát khởi, phát ra nghiệp thân-ngữ?

Đáp: Phải là tâm thô thiển rời rạc, mới có thể làm sát-na cùng phát khởi, phát ra nghiệp thân-ngữ; tâm này vì tế cho nên không có thể phát khởi. Lại nữa, tâm chuyển ở bên ngoài, có thể làm sát-na cùng phát khởi, phát ra nghiệp thân-ngữ; tâm này chuyển ở môn bên trong, cho nên không có thể phát khởi.

Lại có người nói: Nếu tâm do kiến mà đoạn, có thể làm sát-na cùng phát khởi, phát ra nghiệp thân-ngữ, thì nghiệp này nên nói là gì? Là do kiến mà đoạn, là do tu mà đoạn, hay là do cả hai mà đoạn? Nếu do kiến mà đoạn, thì nghiệp thân-ngữ này lẽ ra không phải là pháp do tu mà đoạn làm phương tiện dựa vào, đó là bốn Đại đã tạo ra do tu mà đoạn. Nếu do tu mà đoạn, thì không cần phải dùng tâm do kiến mà đoạn, làm sát-na cùng phát khởi. Nếu do cả hai mà đoạn, thì thuận theo một nghiệp đã khởi lên phải làm thành hai phần, như vậy thì một pháp mà có hai tự tánh. Nhưng mà không thể như vậy, bởi vì tâm do kiến mà đoạn không phải là sát-na cùng phát khởi.

Hỏi: Nếu tâm do kiến mà đoạn không có thể làm sát-na cùng phát khởi, phát ra nghiệp thân-ngữ, thì trong kinh đã nói nên thông hiểu thế nào? Như trong kinh nói: “Những người tà kiến vốn có nghiệp thân-ngữ hoặc là suy nghĩ-hoặc là cầu mong-hoặc là đã tạo tác, tất cả đều mang lấy quả không đáng yêu-không đáng vui-không phải là vừa ý. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì kiến này do bạo ác mà gọi là tà kiến.”

Đáp: Dựa vào nhân cùng phát khởi mà đưa ra cách nói như vậy, không phải là dựa vào sát-na cùng phát khởi, cho nên không có gì sai. Lại nữa, nếu tâm thuộc Chúng đồng phần này làm chuyển theo; hoặc là tâm thuộc Chúng đồng phần khác làm chủ động chuyển, thì tâm thuộc Chúng đồng phần khác làm chuyển theo, phát ra nghiệp thân-ngữ thì điều này là có. Nếu tâm thuộc Chúng đồng phần này làm chủ động chuyển, tâm thuộc Chúng đồng phần khác làm chuyển theo, phát ra nghiệp thân-ngữ, thì điều này là không có.

Lại có người nói: Điều này cũng có, nghĩa là như có người phát nguyện sẽ làm hội lớn nhân dịp đúng năm năm, mà giữa chừng thì

mạng chung. Nhờ vào nguyện lực này sinh vào gia đình giàu sang, tự nhớ lại đời sống trước kia của mình, tất cả đều thực hiện như xưa đã phát nguyện. Như vậy thì gọi là tâm thuộc Chúng đồng phần này làm chủ động, tâm thuộc Chúng đồng phần khác làm chuyển theo, phát ra nghiệp thân-ngữ.

Ba hành diệu-ba thanh tịnh, đó là thân-ngữ-ý thanh tịnh. Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: “Có ba hành diệu, ba thanh tịnh.” Tuy nói ra điều này mà không giải thích rộng ra nói rộng ra như trước. Lại có người nói: Trong phẩm luận trước đây đã phân biệt về ba hành diệu, chưa phân biệt ba thanh tịnh, nay cần phải phân biệt, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Là ba hành diệu thân nhiếp ba thanh tịnh, hay là ba thanh tịnh thân nhiếp ba hành diệu?

Đáp: Tùy theo sự việc mà lần lượt chuyển đổi thân nhiếp lẫn nhau. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì các hành diệu của thân tức là thân thanh tịnh, các hành diệu của ngữ tức là ngữ thanh tịnh, các hành diệu của ý tức là ý thanh tịnh.

Hỏi: Hành diệu vô lậu vĩnh viễn lìa bỏ Cấu-lìa bỏ Uế-lìa bỏ Trước có thể gọi là thanh tịnh, hành diệu hữu lậu đã là có Cấu-có Uế-có Trước, tại sao gọi là thanh tịnh?

Đáp: Hành diệu hữu lậu lấy phần thanh tịnh cho nên gọi là thanh tịnh. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì hành diệu hữu lậu cũng có thể lìa bỏ các phiền não cho đến Vô sở hữu xứ, cho nên được gọi là thanh tịnh.

Lại có người nói: Hành diệu hữu lậu có thể dẫn dắt phát khởi thuận với thanh tịnh đệ nhất nghĩa, cho nên cũng gọi là thanh tịnh.

Ba hành diệu, ba tịch mặc, đó là thân-ngữ-ý tịch mặc. Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: “Có ba hành diệu, ba tịch mặc.” Tuy nói ra điều này mà không giải thích rộng ra; nói rộng ra như trước. Lại có người nói: Trong phẩm luận trước đây đã phân biệt về ba hành diệu, chưa phân biệt về ba tịch mặc, nay cần phải phân biệt, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Ba hành diệu-ba tịch mặc, là ba hành diệu thân nhiếp ba tịch mặc, hay là ba tịch mặc thân nhiếp ba hành diệu?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc hành diệu mà không phải là tịch mặc, đó là trừ ra hành diệu của thân-ngữ Vô học, còn lại các hành diệu của thân-ngữ, và tất cả hành diệu của ý.

2. Có lúc tịch mặc mà không phải là hành diệu, đó là tâm Vô học.

3. Có lúc hành diệu cũng là tịch mặc, đó là hành diệu của thân-ngữ Vô học.

4. Có lúc không phải là hành diệu cũng không phải là tịch mặc, đó là trừ những tướng trước. Tướng là thuộc về tên gọi, như trước nói rộng ra. Nghĩa là ở trong Sắc uẩn trừ ra sắc thiện; ở trong Hành uẩn trừ ra không có tham-không có sân, Chánh kiến và các Tư thiện; trong Thức uẩn trừ ra tâm Vô học, chọn lấy Sắc-Hành-Thức uẩn còn lại và hai Uẩn toàn phần cùng với pháp vô vi. Như vậy tất cả làm thành câu thứ tư, cho nên nói đó là trừ những tướng trước.

Hỏi: Ba thanh tịnh-ba tịch mặc, là ba thanh tịnh thâm nhiếp ba tịch mặc, hay là ba tịch mặc thâm nhiếp ba thanh tịnh?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc thanh tịnh mà không phải là tịch mặc, đó là trừ ra thân-ngữ thanh tịnh của Vô học, còn lại các thân-ngữ thanh tịnh, và tất cả thanh tịnh của ý. Điều này lại là thế nào? Đó là thân-ngữ thanh tịnh của Học-Phi học Phi vô học, và ba loại thanh tịnh của ý, bởi vì ý tịch mặc chỉ là tâm Vô học.

2. Có lúc tịch mặc mà không phải là thanh tịnh, đó là tâm Vô học chứ không phải là tánh của nghiệp.

3. Có lúc thanh tịnh cũng là tịch mặc, đó là thân-ngữ thanh tịnh của Vô học.

4. Có lúc không phải là thanh tịnh cũng không phải là tịch mặc, đó là trừ những tướng trước. Tướng là thuộc về tên gọi, như trước nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao ở trong năm Uẩn, chỉ có Sắc uẩn-Thức uẩn kiến lập tịch mặc chứ không phải là những Uẩn khác?

Đáp: Cần phải kiến lập đầy đủ mà không kiến lập, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Lại có người nói: Trong này biểu hiện rõ ràng về đầu tiên và cuối cùng, cho nên đưa ra cách nói này. Đầu đó là Sắc uẩn, sau gọi là Thức uẩn. Như nói về đầu-sau, như vậy tiến vào-rời ra, hướng đến-đã qua, phương tiện-cứu cánh, nên biết cũng như vậy.

Lại có người nói: Trong này biểu hiện rõ ràng về thô nhất và đế

nhất, ở trong năm Uẩn thì Sắc uẩn là thô nhất, Thức uẩn là tế nhất.

Lại có người nói: Tịch mặc chân thật chỉ riêng tâm Vô học. Tâm Vô học này dựa vào đâu để so sánh mức lượng? Đó là nghiệp thân-ngữ, vì vậy chỉ riêng nghiệp thân-ngữ của tâm Vô học mới kiến lập tịch mặc.

Hỏi: Vì sao tịch mặc chỉ thuộc về Vô học?

Đáp: Chỉ riêng trong thân Vô học có thể đạt được tịch mặc, trong thân Học và Phi học phi vô học đều không thể nào đạt được.

Hỏi: Dựa vào luận mà phát sinh luận, tại sao chỉ riêng trong thân Vô học mới có thể đạt được tịch mặc, chứ không phải là thân khác?

Đáp: Bởi vì pháp tịch mặc này là pháp thù thắng nhất, không phải là trong thân kém cỏi có pháp thù thắng có thể đạt được. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu nói đến pháp thù thắng thì pháp Vô học là thù thắng, chứ không phải là pháp Học..., nếu nói đến Bồ-đặc-già-la thù thắng thì Bồ-đặc-già-la Vô học là thù thắng, chứ không phải là Bồ-đặc-già-la Hữu học...

Lại có người nói: Phiền não trong thân Vô học, ý nói là hoàn toàn diệt hết, tịch mặc trọn vẹn đầy đủ, cho nên kiến lập tịch mặc; thân khác thì không như vậy, cho nên không kiến lập.

Hỏi: Hành diệu-thanh tịnh và tịch mặc có gì sai biệt?

Đáp: Hoặc có người nói: Tên gọi chính là sai biệt, đó là tên gọi hành diệu, tên gọi thanh tịnh, tên gọi tịch mặc.

Lại có người nói: Nghĩa cũng sai biệt, đó là nghĩa về khéo léo thực hiện là nghĩa của hành diệu, nghĩa về Thể trong sáng là nghĩa của thanh tịnh, nghĩa về rời xa ngu si hỗn loạn là nghĩa của tịch mặc.

Lại có người nói: Có thể cảm đến quả yêu quý cho nên gọi là hành diệu, không xen tạp phiền não cho nên gọi là thanh tịnh, vắng lặng hoàn toàn cho nên gọi là tịch mặc.

Đó gọi là sự sai biệt giữa ba loại hành diệu-thanh tịnh và tịch mặc.

Các hành ác của thân, tất cả hành ấy do phi lý mà dẫn đến thân nghiệp chẳng? Giả sử do phi lý mà dẫn đến thân nghiệp, thì đó đều là hành ác của thân chẳng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: vì sao soạn ra phẩm luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: “Có nghiệp thân-ngữ-ý do phi lý mà dẫn đến.” Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt rộng ra; nói rộng ra như trước. Lại có người nói: Trong phẩm luận trước đây đã phân biệt về ba loại hành ác,

mà chưa phân biệt về nghiệp thân-ngữ-ý do phi lý đã dẫn đến, nay cần phải phân biệt, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các hành ác của thân, đó là điều thân nghiệp do phi lý mà dẫn đến chẳng? Giả sử thân nghiệp do phi lý mà dẫn đến. Tại sao?

Đáp: Bởi vì các hành ác đều trái với lý, do tác ý phi lý mà cùng dấy khởi. Có thân nghiệp do phi lý mà dẫn đến, nhưng không phải là hành ác của thân, đó là thân nghiệp hữu phú vô ký, và thân nghiệp vô phú vô ký do phi lý mà dẫn đến. Thân nghiệp hữu phú vô ký, đó là thân nghiệp do phiền não nịnh bợ-ái... mà khởi lên ở địa Tĩnh lực thứ nhất. Thân nghiệp vô phú vô ký do phi lý mà dẫn đến, đó là cần phải đi lại như vậy mà không đi lại như vậy... Nói rộng ra như trước.

Hỏi: Các hành ác của ngữ, đó đều là ngữ nghiệp do phi lý mà dẫn đến chẳng? Giả sử ngữ nghiệp do phi lý mà dẫn đến, thì đó đều là hành ác của ngữ chẳng?

Đáp: Các hành ác của ngữ, đó đều là ngữ nghiệp do phi lý mà dẫn đến. Tại sao? Bởi vì các hành ác đều trái với lý. Do tác ý phi lý mà cùng dấy khởi. Có ngữ nghiệp do phi lý mà dẫn đến, nhưng không phải là hành ác của ngữ, đó là ngữ nghiệp hữu phú vô ký, và ngữ nghiệp vô phú vô ký do phi lý mà dẫn đến. Ngữ nghiệp hữu phú vô ký, đó là ngữ nghiệp do nịnh bợ-ái... mà khởi lên ở địa Tĩnh lực thứ nhất. Ngữ nghiệp vô phú vô ký do phi lý mà dẫn đến, đó là cần phải nói ra lời mà không nói ra... Nói rộng ra như trước.

Hỏi: Các hành ác của ý, đó đều là ý nghiệp do phi lý mà dẫn đến chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc hành ác của ý mà không phải là ý nghiệp do phi lý đã dẫn đến, đó là tham dục-sân nhuế và tà kiến, ba loại hành ác của ý.

2. Có lúc ý nghiệp do phi lý đã dẫn đến mà không phải là hành ác của ý, đó là ý nghiệp hữu phú vô ký, và ý nghiệp vô phú vô ký do phi lý đã dẫn đến. Ý nghiệp hữu phú vô ký, đó là Hữu thân kiến-Biên chấp kiến tương ứng với Tư hệ thuộc cõi Dục, và tất cả phiền não tương ứng với Tư của cõi Sắc-Vô sắc. Ý nghiệp vô phú vô ký do phi lý mà dẫn đến, đó là Tư có thể khởi lên, như trước đã nói về hai nghiệp thân-ngữ vô phú vô ký do phi lý mà dẫn đến.

3. Có hành ác của ý cũng là nghiệp do phi lý mà dẫn đến, đó là ý nghiệp bất thiện.

4. Có lúc không phải là hành ác của ý cũng không phải là ý nghiệp do phi lý mà dẫn đến, đó là trừ ra những tướng trước. Tướng

là thuộc về tên gọi, như trước nói rộng ra. Nghĩa là ở trong Hành uẩn làm thành bốn câu, trong đó trừ ra tham-sân-tà kiến và Tư nhiễm ô, cùng với Tư vô phú vô ký mà dẫn đến, chọn lấy Hành uẩn tương ứng không tương ứng còn lại, và bốn Uẩn toàn phần cùng với pháp vô vi. Tất cả như vậy làm câu thứ tư, cho nên nói đó là những tướng trước.

Hỏi: Các hành diệu của thân, đó đều là thân nghiệp do như lý mà dẫn đến chăng? Giả sử thân nghiệp do như lý mà dẫn đến, thì đó đều là hành diệu của thân chăng?

Đáp: Các hành diệu của thân, đó đều là thân nghiệp do như lý mà dẫn đến. Tại sao? Bởi vì tất cả hành diệu không trái với lý, do tác ý như lý mà cùng dấy khởi. Có thân nghiệp do như lý mà dẫn đến. Điều này lại là thế nào? Đó là cần phải đi lại như vậy, mà có thể đi lại như vậy... Nói rộng ra như trước.

Hỏi: Các hành diệu của ngữ, đó đều là ngữ nghiệp do như lý mà dẫn đến chăng? Giả sử ngữ nghiệp do như lý mà dẫn đến, thì đó đều là hành diệu của ngữ chăng?

Đáp: Các hành diệu của ngữ, đó đều là ngữ nghiệp do như lý mà dẫn đến. Tại sao? Bởi vì tất cả hành diệu không trái với lý mà dẫn đến, nhưng không phải là hành diệu của ngữ, đó là ngữ nghiệp vô phú vô ký do như lý mà dẫn đến. Điều này lại là thế nào? Đó là cần phải nói ra một lời mà nói ra một lời... Nói rộng ra như trước.

Hỏi: Các hành diệu của ý, đó đều là ý nghiệp do như lý mà dẫn đến chăng? Giả sử ý nghiệp do như lý mà dẫn đến, thì đó đều là hành diệu của ý chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc hành diệu của ý mà không phải là ý nghiệp do như lý đã dẫn đến, đó là không tham-không sân và Chánh kiến, ba loại hành diệu của ý.

2. Có lúc ý nghiệp do như lý đã dẫn đến mà không phải là hành diệu của ý, đó là một phần ý nghiệp vô phú vô ký do như lý mà dẫn đến, tức là Tư có thể khởi lên, như trước đã nói về hai nghiệp thân-ngữ vô phú vô ký mà dẫn đến chăng.

3. Có lúc hành diệu của ý cũng là ý nghiệp do như lý mà dẫn đến, đó là ý nghiệp thiện.

4. Có lúc không hẳn là hành diệu của ý cũng không phải là ý nghiệp do như lý mà dẫn đến, đó là trừ những tướng trước. Tướng là thuộc về tên gọi, như trước nói rộng ra. Nghĩa là ở trong Hành uẩn làm thành bốn câu, trong đó trừ ra không tham-không sân-Chánh kiến và Tư

thiện, cùng với Tư vô phú vô ký do như lý mà dẫn đến, chọn lấy Hành uẩn tương ứng-không tương ứng còn lại, và bốn Uẩn toàn phần cùng với pháp vô vi. Tất cả như vậy làm câu thứ tư, cho nên nói đó là trừ những tướng trước.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 118

LUẬN VỀ TÀ NGŨ (Phần 3)

Các pháp do nghiệp mà có được, pháp ấy nên nói là thiện-bất thiện hay là vô ký? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về nghĩa của mình. Nghĩa là Độc Tử Bộ, Luận giả Phân Biệt, muốn làm cho âm thanh đều là quả dị thực.

Hỏi: Học dựa vào Lượng nào mà đưa ra cách nói như vậy?

Đáp: Dựa vào lời nói của bậc Thánh. Như luận Thi Thiết nói: “Vì sao Bồ-tát cảm được tướng Phạm âm của bậc Đại Sĩ? Bởi vì Bồ-tát xưa kia trong đời khác, lìa bỏ lời nói thô ác, nghiệp này đến cuối cùng đạt được âm thanh cõi Phạm.” Dựa vào cách nói này cho nên họ liền chấp âm thanh là quả dị thực. Vì ngăn chặn ý này để hiển bày tất cả âm thanh không phải là quả dị thực, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các pháp do nghiệp mà có được, pháp ấy nên nói là thiện-bất thiện hay là vô lý?

Đáp: Dựa vào quả dị thực, các pháp do nghiệp mà có được thì pháp ấy là vô ký.

Hỏi: Tại sao đưa ra cách nói này?

Đáp: Hoặc có các pháp tuy do nghiệp mà có được nhưng không phải là vô ký, như các luật nghi-không luật nghi..., vì chọn lấy pháp ấy cho nên đưa ra cách nói này: Dựa vào quả dị thực, các pháp do nghiệp mà có được thì pháp ấy là vô ký.

Trong này, Độc Tử Bộ và Luận giả Phân Biệt hỏi Luận giả Ứng Lý rằng: Nhất định đưa ra cách nói này dựa vào quả dị thực, các pháp do nghiệp có được thì pháp ấy là vô ký chăng? Đây là thẩm định tông chỉ của người khác đã nói. Nếu không thẩm định tông chỉ của người

khác đã lập ra mà vấn nạn người ta, thì không có đủ điều kiện cho rằng người ta làm sai; cũng là đưa ra vấn nạn những điều mà người ta không nói, cho nên thẩm định rằng: Nay ông chấp nhận có thể nhất định đưa ra cách nói này, dựa vào quả dị thực, các pháp do nghiệp mà có được, thì pháp ấy là vô ký chăng? Luận giả Ứng Lý trả lời rằng đúng như vậy. Vị ấy lại hỏi rằng: Là ý muốn thế nào, tâm thiện của Như Lai nói ra lời nói với âm thanh vi diệu-âm thanh ngọt ngào-âm thanh hòa nhã-âm thanh vừa ý, lời nói này là thiện chăng? Luận giả Ứng Lý trả lời rằng đúng như vậy. Vị ấy liền vấn nạn rằng: Hãy nghe tôi nói, nơi thất bại-nơi sai lạc của ông trái với nơi tự mình nó ra. Nếu đưa ra cách nói này: Dựa vào quả dị thực, các pháp do nghiệp mà có được, thì pháp ấy là vô ký; thì không nên nói tâm thiện của Như Lai nói ra lời nói với âm thanh vi diệu-âm thanh ngọt ngào-âm thanh hòa nhã-âm thanh vừa ý, lời nói này là thiện. Đưa ra cách nói này là không hợp với đạo lý. Nếu đưa ra cách nói này: Tâm thiện của Như Lai nói ra lời nói với âm thanh vi diệu-âm thanh ngọt ngào-âm thanh hòa nhã-âm thanh vừa ý, lời nói này là thiện; thì không nên nói là dựa vào quả dị thực, các pháp do nghiệp mà có được, pháp ấy là vô ký; mà đưa ra cách nói này thì không hợp với đạo lý. Luận giả Ứng Lý giải thích vấn nạn ấy rằng: Nên đưa ra cách nói này: Bồ-tát xưa kia trong đời khác, tạo tác tăng trưởng nghiệp Đại Tông Diệp-cảm đến quả dị thực, nhờ vào nhân duyên này lần lượt chuyển đổi sinh ra Đại chủng vi diệu là yết hầu của Như Lai, từ đây có thể phát ra âm thanh của lời nói vi diệu, mà âm thanh không phải là dị thực.

Hỏi: Nếu tất cả âm thanh không phải là quả dị thực, thì luận Thi Thiết nói nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Dựa vào nhân lần lượt chuyển đổi, cho nên đưa ra cách nói như vậy, nhưng mà tất cả âm thanh không phải là quả dị thực.

Hỏi: Vì sao các âm thanh không phải là quả dị thực?

Đáp: Hoặc có người nói: Âm thanh thuộc về sự biểu đạt thứ ba, nghĩa là lúc đầu do nghiệp sinh ra các Đại chủng, Đại chủng sinh ra âm thanh, âm thanh thuộc về thứ ba cho nên không phải là quả dị thực.

Lại có người nói: Âm thanh thuộc về sự biểu đạt thứ năm, nghĩa là ban đầu do nghiệp sinh ra Đại chủng dị thực, Đại chủng dị thực sinh ra Đại chủng trưởng dưỡng, Đại chủng trưởng dưỡng sinh ra Đại chủng đẳng lưu, từ Đại chủng đẳng lưu này sinh ra âm thanh, âm thanh thuộc về thứ năm cho nên không phải là quả dị thực.

Lại có người nói: Âm thanh tùy theo ý muốn mà chuyển, không phải là pháp dị thực có thể theo ý muốn mà chuyển.

Lại có người nói: Âm thanh lại sinh ra âm thanh, không phải là từ dị thực lại sinh ra dị thực.

Lại có người nói: Âm thanh là do gia hạnh hiện tại mà phát ra, quả dị thực là nghiệp trước kia mà đấy khởi.

Lại có người nói: Lúc lìa nhiễm của Tịch lự thứ nhất thì ngữ biểu liền đoạn mất, nếu là dị thực thì phải đến lúc lìa nhiễm của ba cõi mới đoạn mất.

Lại có người nói: Âm thanh có ba loại, đó là thiện-bất thiện và vô ký, quả dị thực chỉ là vô ký.

Lại có người nói: Nếu âm thanh là dị thực thì sinh vào nơi đáng yêu quý, lẽ ra tất cả mọi lúc đều phát ra âm thanh như ý; sinh vào nơi không phải là đáng yêu quý, lẽ ra tất cả mọi lúc đều phát ra âm thanh không như ý. Hiện thấy có lúc cùng với điều này trái ngược nhau, cho nên không phải là dị thực.

Lại có người nói: Âm thanh có gián đoạn, sắc chất dị thực không có gián đoạn, cho nên âm thanh không phải là dị thực.

Nhưng các Bồ-tát do hai nhân duyên, phát nguyện cầu mong tướng Đại sĩ phu và Phạm âm vi diệu của Đức Phật:

1. Do đã từng thấy.
2. Do đã từng nghe.

Do đã từng thấy, nghĩa là Bồ-tát ấy, từng thấy Chư Phật ở nơi pháp hội lớn, vì các hữu tình mà dùng âm thanh cõi Phạm, thuyết giảng Chánh pháp để phá tan luận thuyết của ngoại đạo, sâu xa vi diệu-đầy đủ tướng trạng phu. Do đã từng nghe, nghĩa là Bồ-tát ấy, vốn có nghe Như Lai dùng âm thanh cõi Phạm, thuyết giảng Chánh pháp cho đến đầy đủ tướng trạng phu. Lúc bấy giờ Bồ-tát thấy-nghe hoan hỷ, tâm yêu thích sâu sắc, vì vậy liền thề nguyện tiếp nhận thuận theo Chánh nhân ấy, các giới cấm-phạm hạnh tịnh tiến của mình, đều nên hồi hướng nguyện ở đời vị lai, được chú trong chủng loại công hạnh của Đại Sĩ như vậy. Do ý thích này lại dùng các loại hoa hương-vật dụng cúng dường-âm nhạc tuyệt vời nhất, cúng dường như Phật-Độc giác-Thanh văn, tạo ra nhiều hình tượng, vâng lời hầu hạ cúng dường cha mẹ-thầy dạy và người cùng chung phạm hạnh. Lúc tu những phước nghiệp thù thắng như vậy, tất cả đều hồi hướng cầu mong tướng âm thanh cõi Phạm này. Lại thường xuyên trừ hết hai loại nghiệp đạo, đó là lời nói thô ác và lời nói tạp uế. Bởi vì thường xuyên trừ hết lời nói thô ác, cho nên cảm được tướng Đại Sĩ và Phạm âm vi diệu, nhờ vào phạm âm này phá tan tất cả luận thuyết khác của ngoại đạo. Bởi vì thường xuyên trừ hết lời nói

tạp uế, cho nên cảm được ngôn từ nghiêm túc-uy dũng và trong trẻo, nhờ vào ngôn từ này làm mất đi tác dụng của tất cả luận thuyết lạ lùng thuộc thế tục. Ví như có người trông thấy nơi khác ở chốn lầu đài tuyệt vời rực rỡ, trưng bày năm loại nhạc cụ vui chơi thỏa thích, nghe người ta tấu lên âm thanh của năm loại nhạc cụ, dấy lên suy nghĩ như vậy: Mình đến lúc nào có lầu đài tuyệt vời như vậy, trưng bày năm loại nhạc cụ, vui chơi thỏa thích? Đã suy nghĩ rồi chịu khó dồn hết công sức thực hiện, tích góp tiền bạc của cải, giống như sự mong cầu ấy đều có thể làm được. Bồ-tát cũng như vậy, do thấy và nghe mà phát nguyện cầu mong tướng âm thanh cõi Phạm của Đức Phật.

Các nghiệp quá khứ... Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Có những người không biết đến quá khứ-vị lai, ngu muội về ba đời, muốn làm cho quá khứ-vị lai đều là không có, chỉ nói vô vi hiện tại là có. Vì ngăn chặn ý chấp ấy để hiển bày quá khứ vị lai là pháp có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Lại nữa, nguyên cớ soạn ra phần luận này, là bởi vì muốn ngăn chặn những luận thuyết của ngoại đạo. Họ nói rằng tất cả các pháp sau làm nhân cho trước, giống như luồng nước sau thúc ép luồng nước trước làm cho tung lên-làm cho tuôn chảy; như vậy luồng nước sau làm nhân cho luồng nước trước; các pháp cũng như vậy, do pháp của niệm sau đã thúc đẩy, khiến cho từ vị lai khởi lên tiến vào hiện tại, lai từ hiện tại diệt mất tiến vào quá khứ, vì vậy vị lai làm nhân cho hiện tại, hiện tại làm nhân cho quá khứ. Vì ngăn chặn ý chấp kia để làm rõ tất cả các pháp, trước làm nhân cho sau, không phải là sau làm nhân cho trước. Nếu nói pháp sau làm nhân cho pháp trước, thì trái với duyên khởi của các pháp trong-ngoài. Trái với duyên khởi của pháp bên trong, nghĩa là thuận theo Hành duyên vô minh, cho đến Lão tử duyên sinh; nhờ vào con cái mà có cha mẹ; nhãn thức làm duyên sinh ra nhãn sắc, cho đến ý thức làm duyên sinh ra ý pháp; từ phần vị Át-bộ-đàm sinh ra phần vị Yết-la-lam, cho đến từ phần vị già yếu sinh ra phần vị trẻ trung. Trái với duyên khởi của pháp bên ngoài, nghĩa là thuận theo mầm non làm nhân cho hạt giống, cho đến quả làm nhân của hoa... Nếu như vậy thì có sai lầm lớn, đó là chưa làm mà sẽ có được; phải nhận lấy dị thực thiện-ác trước, sau mới tạo ra nghiệp thiện-ác; rơi vào ngục vô gián trước, sau mới tạo ra năm tội ngũ nghịch; nhận lấy ngôi vị Luân Vương trước, sau mới tạo ra nghiệp Luân Vương; chứng quả Vô thượng chánh đẳng Bồ-đề trước, sau đó mới tu hạnh Bồ-tát. Nếu chưa làm mà có được, thì

cũng phải là đã mất đi. Như vậy thì không có ràng buộc và giải thoát, đừng có sai lầm này! Vì vậy, các pháp trước làm nhân cho pháp sau, không phải là sau làm nhân cho trước. Bởi vì nhân duyên này, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các nghiệp quá khứ thì quả ấy là quả khứ chăng?

Đáp: quả ấy hoặc là quả quá khứ, hoặc là quả vị lai, hoặc là quả hiện tại. Nghĩa là quả dị thực bởi vì đã diệt... sai khác, cho nên trở thành ba loại.

Hỏi: Các nghiệp vị lai thì quả ấy là vị lai chăng? Đúng như vậy, bởi vì không phải là quả ở trước-nhân ở sau.

Hỏi: Các nghiệp hiện tại thì quả ấy là hiện tại chăng?

Đáp: Quả ấy hoặc là hiện tại, hoặc là vị lai; như trước đã giải thích.

Trong này, có người nói: dựa và sát-na hiện tại mà soạn luận. Dựa vào đây mà nói các nghiệp quá khứ, thì quả ấy tùy thuộc vào đời nào, mà nghiệp ấy đều có bốn loại, đó là thuận theo pháp hiện tại nhận quả, cho đến thuận theo không nhất định mà nhận quả. Các nghiệp vị lai-các nghiệp hiện tại, tùy theo quả vốn có, nghiệp ấy cũng có bốn loại, mà không nên nói các nghiệp hiện tại thì quả ấy là hiện tại, bởi vì không phải là sát-na này tạo nghiệp, thì ngay sát-na này nhận lấy quả dị thực.

Hoặc có người nói: Trong này dựa vào phần vị hiện tại mà soạn luận. Dựa vào đây mà nói các nghiệp quá khứ thì quả ấy là quả khứ-vị lai-hiện tại. Các nghiệp vị lai-các nghiệp hiện tại thì quả ấy là vị lai, đều nói như trước. Các nghiệp hiện tại thì quả ấy là vị lai, đều nói như trước. Các nghiệp hiện tại thì quả ấy là hiện tại, nghiệp ấy có hai loại, đó là thuận theo pháp hiện tại nhận quả, thuận theo không nhất định mà nhận quả.

Lại có người nói: Trong này dựa vào một chúng đồng phần hiện tại mà soạn ra luận. Dựa vào đây mà nói các nghiệp quá khứ, quả ấy hoặc là quả khứ, như trước đã nói; hoặc là vị lai, nghiệp ấy có hai loại, đó là thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả, và thuận theo không nhất định mà nhận quả; hoặc là hiện tại, nghiệp ấy có ba loại, trừ ra thuận theo pháp hiện tại nhận quả. Các nghiệp vị lai cũng nói như trước. Các nghiệp hiện tại, quả ấy hoặc là hiện tại, nghiệp ấy có hai loại, đó là thuận theo pháp hiện tại nhận quả, và thuận theo không nhất định mà nhận quả; hoặc là vị lai, nghiệp ấy có ba loại, trừ ra thuận theo pháp hiện tại nhận quả.

Hỏi: Có thể có nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả, mà nhân ở quá khứ, quả ở vị lai chăng?

Đáp: Có, đó là dựa vào sát-na ở phần vị hiện tại mà nói, không dựa vào một Chúng đồng phần hiện tại mà nói.

Lại có người nói: Cũng dựa vào một chúng đồng phần hiện tại mà nói, nghĩa là như có một người, tạo tác tăng trưởng nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả rồi, chưa đạt được quả mang lại mà bất ngờ mạng chung, lúc bấy giờ thì gọi là nhân ở quá khứ, quả ở vị lai.

Có thể có nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả, mà nhân ở quá khứ, quả ở hiện tại; hoặc là nhân ở hiện tại, quả ở vị lai chăng? Nếu dựa vào một chúng đồng phần hiện tại để hỏi, thì nên trả lời là không có.

Tôn giả Diệu Âm nói là có, nghĩa là như trước nói.

Có thể có như thân nghiệp cảm đến quả dị thực, ngũ nghiệp-ý nghiệp thì không như vậy chăng? Cho đến nói rộng ra.

Nay ở trong này phương tiện biểu hiện rõ ràng do ba nghiệp mà cảm đến quả yêu quý-không yêu quý, trong chương Kiến Uẩn sau phương tiện biểu hiện rõ ràng về phần vị sai biệt. Trong này, những câu hỏi thì trước là trả lời về phẩm Hắc(ác), sau là trả lời về phẩm Bạch (thiện). Đó gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược ở nơi này.

Hỏi: Có thể có như thân nghiệp cảm đến quả dị thực, ngũ nghiệp-ý nghiệp thì không như vậy chăng?

Đáp: Có, như thân không giữ gìn-ngữ giữ gìn, người ấy vào lúc bấy giờ có tâm thiện-hoặc là tâm vô ký, nghĩa là vào lúc này khởi lên nghiệp Biểu của thân bất thiện, từ đó phát khởi nghiệp Vô biểu chuyển theo; và vào lúc này hoặc là lúc trước khởi lên nghiệp Biểu của ngữ thiện, từ đó phát khởi nghiệp Vô biểu chuyển theo, ngay ở lúc bấy giờ hiện khởi tâm thiện-hoặc là tâm vô ký.

Trong này, thân nghiệp cảm đến dị thực không yêu thích, ngữ nghiệp cảm đến dị thực yêu thích, ý nghiệp nếu tâm thiện khởi lên thì cảm đến dị thực yêu thích, nếu tâm vô ký khởi lên thì không cảm đến dị thực yêu thích-không yêu thích.

Lại như thân giữ gìn-ngữ không giữ gìn, người ấy vào lúc bấy giờ có tâm bất thiện-hoặc là tâm vô ký, nghiệp là vào lúc này khởi lên nghiệp Biểu của thân thiện, từ đó phát khởi nghiệp Vô biểu chuyển theo; và vào lúc này hoặc là do lúc trước khởi lên nghiệp Biểu của ngữ bất thiện, từ đó phát khởi nghiệp Vô biểu chuyển theo, ngay ở lúc bấy giờ hiện khởi tâm bất thiện-hoặc là tâm vô ký.

Trong này, thân nghiệp cảm đến dị thực yêu thích, ngũ nghiệp cảm đến dị thực không yêu thích, ý nghiệp nếu tâm bất thiện khởi lên thì cảm đến dị thực không yêu thích, nếu tâm vô ký khởi lên thì không cảm đến dị thực yêu thích-không yêu thích. Đó gọi là như thân nghiệp cảm đến quả dị thực, ngũ nghiệp-ý nghiệp thì không như vậy.

Hỏi: Có thể có như ngũ nghiệp cảm đến quả dị thực, thân nghiệp-ý nghiệp thì không như vậy chăng?

Đáp: Có, như thân giữ gìn-ngũ không giữ gìn, người ấy vào lúc bấy giờ có tâm thiện-hoặc là tâm vô ký, nghĩa là vào lúc này hoặc là do lúc trước khởi lên nghiệp Biểu của thân thiện, từ đó phát khởi nghiệp Vô biểu chuyển theo; và vào lúc này khởi lên nghiệp biểu của ngũ bất thiện, từ đó phát khởi nghiệp Vô biểu chuyển theo, ngay ở lúc bấy giờ hiện khởi tâm thiện-hoặc là tâm vô ký.

Trong này, thân nghiệp cảm đến dị thực yêu thích, ngũ nghiệp cảm đến dị thực không yêu thích, ý nghiệp nếu tâm thiện khởi lên thì cảm đến dị thực yêu thích, nếu tâm vô ký khởi lên thì không cảm đến dị thực yêu thích-không yêu thích.

Như thân không giữ gìn-ngũ giữ gìn, người ấy vào lúc bấy giờ khởi lên tâm bất thiện-hoặc là tâm vô ký, nghĩa là vào lúc này hoặc là do lúc trước khởi lên nghiệp Biểu của thân bất thiện, từ đó phát khởi nghiệp Vô biểu chuyển theo; và vào lúc này khởi lên nghiệp Biểu của ngũ thiện, từ đó phát khởi nghiệp Vô biểu chuyển theo, ngay ở lúc bấy giờ khởi lên tâm bất thiện-hoặc là tâm vô ký.

Trong này, thân nghiệp cảm đến dị thực không yêu thích, ngũ nghiệp cảm đến dị thực yêu thích, ý nghiệp nếu tâm bất thiện khởi lên thì cảm đến dị thực không yêu thích, nếu tâm vô ký khởi lên thì không cảm đến dị thực yêu thích-không yêu thích. Đó gọi là như ngũ nghiệp cảm đến quả dị thực, thân nghiệp và ý nghiệp thì không như vậy.

Các quả báo của chúng sinh muốn làm cho có sự thiếu kém về luật nghi-không luật nghi, trong các câu này dựa vào ý nghĩa ấy, thì thân giữ gìn-ngũ không giữ gìn, ngũ giữ gìn-thân không giữ gìn, đều có thể dựa vào ba loại mà nói, đó là trú trong luật nghi, hoặc là trú trong không luật nghi, hoặc là trú trong không phải là luật nghi-không phải là không luật nghi.

Các quả báo của chúng sinh muốn làm cho không có thiếu kém về luật nghi-không luật nghi, trong các câu này dựa vào ý nghĩa ấy, chỉ dựa vào trú trong không phải là luật nghi-không phải là không luật nghi mà nói chứ không phải là loại khác.

Hỏi: Có thể có như ý nghiệp cảm đến quả dị thực, thân nghiệp và ngũ nghiệp thì không như vậy chăng?

Đáp: Có, như thân giữ gìn-ngũ giữ gìn, người ấy vào lúc bấy giờ có tâm bất thiện; nói trái với tướng này cũng như vậy. Trái với tướng này..., như trước đã giải thích.

Trong này, nếu ý nghiệp cảm đến dị thực không yêu thích, thì thân nghiệp và ngũ nghiệp cảm đến dị thực yêu thích; nếu ý nghiệp cảm đến dị thực yêu thích, thì thân nghiệp và ngũ nghiệp cảm đến dị thực không yêu thích. Đó gọi là như ý nghiệp cảm đến quả dị thực, thân nghiệp và ngũ nghiệp thì không như vậy.

Hỏi: Có thể có như thân nghiệp và ngũ nghiệp cảm đến quả dị thực, ý nghiệp thì không như vậy chăng?

Đáp: Có, như thân không giữ gìn-ngũ không giữ gìn, người ấy vào lúc bấy giờ có tâm thiện-hoặc là tâm vô ký; nói trái với tướng này cũng như vậy, như trước đã giải thích.

Trong này, nếu thân nghiệp và ngũ nghiệp cảm đến dị thực không yêu thích, thì ý nghiệp cảm đến dị thực yêu thích; hoặc là cũng không cảm đến; nếu thân nghiệp và ngũ nghiệp cảm đến dị thực yêu thích, thì ý nghiệp cảm đến dị thực không yêu thích, hoặc là cũng không cảm đến. Đó gọi là như thân nghiệp và ngũ nghiệp cảm đến quả dị thực, ý nghiệp thì không như vậy.

Các quả báo của chúng sinh muốn làm cho có sự thiếu kém về luật nghiệp-không luật nghiệp, và các quả báo của chúng sinh muốn làm cho không có thiếu kém về luật nghi-không luật nghi, trong các câu này dựa vào ý nghĩa ấy, thì thân giữ gìn-ngũ giữ gìn, thân không giữ gìn-ngũ không giữ gìn, đều có thể dựa vào ba loại mà nói, đó là hoặc trú trong luật nghi, hoặc là trú trong không luật nghi, hoặc là trú trong không phải là luật nghiệp-không phải là không luật nghi.

Hỏi: Có thể có như thân nghiệp và ý nghiệp cảm đến quả dị thực, ngũ nghiệp thì không như vậy chăng?

Đáp: Có, như thân không giữ gìn-ngũ giữ gìn, người ấy vào lúc bấy giờ có tâm bất thiện. Nói trái với tướng này cũng như vậy, như trước đã giải thích.

Hỏi: có thể có như thân nghiệp và ngũ nghiệp cảm đến cảm đến quả dị thực, ý nghiệp cũng như vậy chăng?

Đáp: Có, như thân không giữ gìn-ngũ không giữ gìn, người ấy vào lúc bấy giờ có tâm bất thiện. Nói trái với tướng này cũng như vậy, như trước đã giải thích.

Trong này, hoặc là ba nghiệp đều cảm đến dị thực không yêu thích, hoặc là ba nghiệp đều cảm đến dị thực yêu thích. Đó gọi là như thân nghiệp và ngữ nghiệp cảm đến quả dị thực, ý nghiệp cũng như vậy.

Hỏi: Có thể có quả dị thực không phải là thân nghiệp-ngữ nghiệp và ý nghiệp cảm đến mà cảm đến quả dị thực chăng?

Đáp: Có, đó là tâm bất tương ưng hành cảm đến quả dị thực, sắc-tâm-sở pháp và tâm bất tương ưng hành. Điều này lại là thế nào? Đó là Vô tướng định-Diệt tận định, đắc (pháp bất tương ưng) và sinh-lão-trú-vô thường của pháp ấy.

Hỏi: Vô tướng định cảm đến dị thực nào?

Đáp: Hoặc có người nói: Vô tướng định cảm đến dị thực Vô tướng và Sắc, mạng căn chúng đồng phần là dị thực của nơi ấy có tâm Tĩnh lự, các Uẩn còn lại là dị thực cùng có.

Lại có người nói: Vô tướng định cảm đến dị thực Vô tướng và Sắc, mạng căn là dị thực của nơi ấy có tâm Tĩnh lự, các Uẩn còn lại là dị thực cùng có.

Lại có người nói: Vô tướng định cảm đến dị thực Vô tướng, các Uẩn còn lại là dị thực cùng có.

Hỏi: nếu như vậy thì mạng căn không phải là dị thực do nghiệp mà cảm đến, luận Phẩm Loại Túc nói nên thông hiểu thế nào? Như nói: “Một pháp là nghiệp, dị thực không phải là nghiệp, đó gọi là mạng căn.”

Đáp: Tất cả mạng căn là quả dị thực, các quả dị thực phần nhiều do nghiệp mà cảm đến, cho nên đưa ra cách nói này. Như vậy không có dị thực nào không phải là do nghiệp mà cảm đến.

Lại có người nói: Nếu lúc có tâm thì cũng cảm đến dị thực của các Uẩn không có tâm, nếu lúc không có tâm thì cũng cảm đến dị thực của các Uẩn có tâm.

Hỏi: Nếu như vậy thì lẽ ra nhân có tâm cảm đến quả không có tâm, lẽ ra nhân không có tâm cảm đến quả có tâm?

Đáp: Điều này cũng không có gì sai. Như nhân có sắc cảm đến quả không có sắc, hoặc là nhân không có sắc cảm đến quả có sắc, nghiệp của sai biệt không trái với Chánh lý; ở đây cũng như vậy.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Dị thực Vô tướng chỉ cảm đến Vô tướng định, tất cả mạng căn và Chúng đồng phần, sắc căn như nhãn... đều do nghiệp mà cảm đến, Uẩn khác cùng cảm đến.

Hỏi: Diệt tận định cảm đến dị thực nào?

Đáp: Cảm đến dị thực của bốn Uẩn thuộc Phi tướng phi phi tướng xứ.

Hỏi: Đắc (pháp bất tương ưng) cảm đến dị thực nào?

Đáp: Cảm đến sắc-tâm-tâm sở pháp và bất tương ưng hành.

Hỏi: Đắc có thể cảm đến Chúng đồng phần hay không?

Đáp: Hoặc có người nói: Không cảm đến. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì chúng đồng phần là do nghiệp mà cảm đến, Đắc này không phải là nghiệp, cho nên không có thể cảm đến Chúng đồng phần, họ nói các Đắc cảm đến dị thực của sắc, thì có thể cảm đến bốn Xứ, đó là Sắc-Hương-Vị-Xúc; cũng cảm đến dị thực của tâm-tâm sở pháp, đó là Lạc thọ-Khổ thọ-không Khổ không Lạc thọ và pháp tương ưng; cảm đến dị thực của tâm bất tương ưng hành, đó là Đắc-sinh-trú-lão-vô thường.

Tôn giả Tăng-già-phạt-tô nói rằng: “Đắc cũng có thể cảm đến quả Chúng đồng phần, nghĩa là rất nhiều Đắc tích tập có thể cảm đến một Chúng đồng phần; những Đắc dựa vào thân ngu đần chậm chạp yếu kém, không rõ ràng-không sắc bén, giống như giun đất-ba ba-rắn-voi..., Chúng đồng phần ấy là do Đắc mà cảm đến. Những người nói Đắc cũng có thể cảm đến Chúng đồng phần, họ nói Đắc này cảm đến dị thực của sắc, đó là chín Xứ trừ ra Thanh xứ; cảm đến dị thực của tâm-tâm sở pháp, đó là Lạc thọ-Khổ thọ-không Khổ không Lạc thọ, và pháp tương ưng; cảm đến dị thực của tâm bất tương ưng hành, đó là mạng căn-Chúng đồng phần-Đắc-sinh-tử-lão-vô thường.”

Vị ấy không nên đưa ra cách nói này. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì Đắc và Đắc hưởng về nhau không cùng chung một quả, giả sử tích tập với số lượng vượt quá Câu-chi thì đâu có ích gì; nếu cùng chung một quả thì có thể có điều này. Vì vậy, như trước đã nói là hợp lý.

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Đắc không có thể cảm đến Chúng đồng phần, lúc nghiệp khác cảm được Chúng đồng phần, đối với Nhãn xứ cho đến Ý xứ ấy, Đắc cũng có thể cảm đến dị thực của tướng trạng, tức là các pháp sinh-trú-lão-vô thường kia, trong này cũng thâm nhiếp dựa vào pháp kia, bởi vì không tự tại.”

Hỏi: Có thể có ba nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả..., nhận lấy quả dị thực không phải là trước-không phải là sau chăng?

Đáp: Có thể nói rộng ra.

Trong này, không phải là trước, là ngăn chặn quá khứ; không phải là sau, là ngăn chặn vị lai; nhận lấy quả dị thực, đó là ba nghiệp cùng ở trong một sát-na nhận lấy quả dị thực. Dựa vào đây lập ra câu hỏi, vì vậy đáp rằng là có. Nghĩa là sắc của nghiệp thuận theo pháp

hiện tại nhận quả, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của bốn Xứ, đó là Sắc-Hương-Vị-Xúc; tâm-tâm sở pháp của nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của Lạc thọ-Khổ thọ-không Khổ không Lạc thọ, và dị thực tương ứng với nó; tâm bất tương ứng hành của nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của bốn loại, đó là mạng căn-Chúng đồng phần-Đặc-sinh trú lão vô thường.

Lại nữa, tâm bất tương ứng hành là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của hai loại, đó là Đặc-sinh trú lão vô thường; sắc là nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của chín Xứ, trừ ra Thanh xứ; tâm-tâm sở pháp là nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của Lạc thọ-Khổ thọ-không Khổ thọ không Lạc thọ, và dị thực tương ứng với nó.

Lại nữa, tâm-tâm sở pháp là nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận quả, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của Lạc thọ-Khổ thọ-không Khổ không Lạc thọ, và dị thực tương ứng với nó; tâm bất tương ứng hành là nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận quả, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của bốn loại, đó là mạng căn-Chúng đồng phần-Đặc-sinh trú lão vô thường; sắc là nghiệp thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của chín Xứ, trừ ra Thanh xứ.

Hỏi: Có thể có ba nghiệp là thuận theo Lạc thọ..., nhận lấy quả dị thực không phải là trước-không phải là sau chăng?

Đáp: Có. Nghĩa là sắc thuộc về nghiệp thuận theo Lạc thọ, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của chín Xứ ở loài người-trời, trừ ra Thanh xứ; có thể cảm đến dị thực của bốn Xứ ở nẻo ác, đó là Sắc-Hương-Vị-Xúc. Tâm-tâm sở pháp thuộc về nghiệp thuận theo Khổ thọ, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của Khổ thọ, và dị thực tương ứng với nó. Tâm bất tương ứng hành thuộc về nghiệp thuận theo không Khổ không Lạc thọ, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của bốn loại ở loài người-trời, đó là mạng căn-Chúng đồng phần-Đặc-sinh trú lão vô thường; có thể cảm đến dị thực của hai loại ở nẻo ác, đó là Đặc-sinh trú lão vô thường.

Lại nữa, tâm bất tương ứng hành thuộc về nghiệp thuận theo Lạc thọ, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của bốn loài người-trời, đó là mạng căn-Chúng đồng phần-Đặc-sinh trú lão vô thường; có thể cảm đến dị thực của hai loại ở nẻo ác, đó là Đặc-sinh trú lão vô thường. Sắc thuộc về nghiệp thuận theo Khổ thọ, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của chín Xứ ở nẻo ác, đó là trừ ra Thanh xứ; có thể cảm đến dị

thục của bốn Xứ ở loài người-trời, đó là Sắc-Hương-Vị-Xúc. Tâm-tâm sở pháp thuộc về nghiệp thuận theo không Khổ không Lạc thọ, nghiệp này có thể cảm đến dị thục không Khổ không Lạc thọ, và dị thục tương ứng với nó.

Lại nữa, tâm-tâm sở pháp thuộc về nghiệp thuận theo Lạc thọ, nghiệp này có thể cảm đến dị thục Lạc thọ, và dị thục tương ứng với nó. Tâm bất tương ứng hành thuộc về nghiệp thuận theo Khổ thọ, nghiệp này có thể cảm đến dị thục của bốn loại ở nẻo ác, đó là mạng căn-Chúng đồng phần-Đặc-sinh trú lão vô thường; có thể cảm đến dị thục của hai loại ở loài người-trời. Đó là Đặc-sinh trú lão vô thường. Sắc thuộc về nghiệp thuận theo không Khổ không Lạc thọ, nghiệp này có thể cảm đến dị thục của chín Xứ ở loài người-trời, đó là trừ ra Thanh xứ; có thể cảm đến dị thục của bốn Xứ ở nẻo ác, đó là Sắc-Hương-Vị-Xúc.

Hỏi: Có thể có nghiệp của ba cõi, nhận lấy quả dị thục không phải là trước-không phải là sau chăng?

Đáp: Có, cho đến nói rộng ra.

Trong này, đạo lý nên đáp rằng là không có, bởi vì quả dị thục quyết định vào cõi và địa, mà nói là có thì có lý chăng?

Có người nói: Trong này bởi vì hỏi không hợp lý, cho nên tùy theo điều đó mà đưa ra cách trả lời không hợp lý. Vì sao cần phải đưa ra câu hỏi không hợp lý? Bởi vì muốn thử nghiệm người khác cho nên đưa ra câu hỏi này.

Từng nghe ở nước Ca-thấp-di-la có một Luận Sư, đi đến Tăng già lam ở Ám Lâm thuộc Bắc Ấn Độ, người tri sự trong chúng sai làm công việc của Tăng giao phó, cho nên không nhận lời và nói tôi là Luận Sư cần phải tránh điều ấy. Người tri sự ấy đi đến trình bày với A-la-hán đứng đầu trong rằng: Có một Tỳ kheo ở nước Ca-thấp-di-la, đến Tăng già lam này theo thứ tự nên làm công việc của Tăng giao phó, người ấy không nhận lời và nói tôi là Luận Sư cần phải tránh điều ấy. Vị A-la-hán nói: Ông nên đến hỏi có thể có nghiệp của ba cõi nhận lấy quả dị thục không trước-không sau chăng? Người tri sự Tăng liền đi đến hỏi điều đó. Người kia gặp câu hỏi này trả lời rằng không có. Người tri sự Tăng trở về nơi vị A-la-hán đứng đầu trong chúng thưa rằng: Đã hỏi và người ấy trả lời rằng không có. Vị A-la-hán nói: Chắc chắn là Luận Sư nên tránh bớt công việc của Tăng.

Vì vậy, nay ở đây thuật lại câu hỏi ấy, muốn có sự thử nghiệm cho nên cũng tiếp tục đưa ra câu trả lời không hợp lý.

Lại có người nói: Dựa vào quả tăng thượng để hỏi-đáp như vậy

cũng không trái với lý, bởi vì nghiệp của ba cõi có lẽ có cùng một lúc nhận lấy quả này. Nghĩa là sắc của nghiệp hệ thuộc cõi Dục, nghiệp này cũng cảm đến dị thực của chín Xứ hệ thuộc cõi Dục, đó là trừ ra Thanh xứ. Tâm-tâm sở pháp của nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, những người có niềm tin thanh tịnh, nghe có Tỳ kheo chứng được Tĩnh lự, liền cúng dường các loại quần áo-ăn uống-các vật dụng cung cấp cho thân, vị ấy tiếp nhận cúng dường rồi phát sinh Lạc thọ và pháp tương ứng, tâm bất tương ứng hành của nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, đó là Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, những người có niềm tin thanh tịnh, nghe có Tỳ kheo đạt được định Vô sắc, liền cúng dường các loại áo quần-ăn uống-các vật dụng cung cấp cho thân, vị ấy tiếp nhận cúng dường rồi mạng căn không đoạn mất.

Lại nữa, tâm bất tương ứng hành thuộc về nghiệp hệ thuộc cõi Dục, nghiệp này cũng cảm đến dị thực của bốn loại ở cõi Dục, đó là mạng căn-Chúng đồng phân-Đắc-sinh trú lão vô thường. Sắc thuộc về nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, những người có niềm tin thanh tịnh, nghe có Tỳ kheo chứng được Tĩnh lự, liền cúng dường các loại áo quần-ăn uống-các vật dụng cung cấp cho thân, vị ấy tiếp nhận cúng dường rồi nuôi lớn các căn, tăng thêm Đại chủng. Tâm-tâm sở pháp thuộc về nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, đó là Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, những người có niềm tin thanh tịnh, nghe có Tỳ kheo chứng được Định Vô sắc, liền cúng dường các loại áo quần-ăn uống-các vật dụng cung cấp cho thân, vị ấy tiếp nhận cúng dường rồi phát sinh Lạc thọ và pháp tương ứng.

Lại nữa, tâm-tâm sở pháp thuộc về nghiệp hệ thuộc cõi Dục, nghiệp này cũng cảm đến Lạc thọ-Khổ thọ-không Khổ không Lạc thọ, và pháp tương ứng với nó. Tâm bất tương ứng hành thuộc về nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, những người có niềm tin thanh tịnh, nghe có Tỳ kheo chứng được Tĩnh lự, liền cúng dường các loại áo quần-ăn uống-các vật dụng cung cấp cho thân, vị ấy tiếp nhận cúng dường rồi mạng căn không đoạn mất. Sắc thuộc về nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, đó là Bà-la-môn, Trưởng giả, Cư sĩ, những người có niềm tin thanh tịnh, nghe có Tỳ kheo chứng được Định Vô sắc, liền cúng dường các loại áo quần-ăn uống-các vật dụng cung cấp cho thân, vị ấy tiếp nhận cúng dường rồi nuôi lớn các căn, tăng thêm Đại chủng.

Bởi vì đạo lý này cho nên nay ở trong này, dựa vào quả tăng thượng đưa ra hỏi-đáp như vậy, cũng không trái với lý. Bởi vì quả tăng

thượng đối với tất cả cõi và địa, không có sự gián đoạn ngăn cách.

Hỏi: Có thể có nghiệp thiện-bất thiện, nhận lấy quả dị thực không trước-không sau chăng?

Đáp: Có, cho đến nói rộng ra.

Nghĩa là sắc thuộc về nghiệp thiện, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của chín Xứ ở loài người-trời, đó là trừ ra Thanh xứ; có thể cảm đến dị thực của bốn loại ở nẻo ác, đó là Sắc-Hương-Vị-Xúc. Tâm-tâm sở pháp thuộc về nghiệp bất thiện, nghiệp này có thể cảm đến dị thực Khổ thọ và dị thực tương ứng với nó. Tâm bất tương ứng hành, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của bốn loại ở nẻo ác, đó là mạng căn-Chúng đồng phần-Đặc-sinh trú lão vô thường; có thể cảm đến dị thực của hai loại ở loài người-trời, đó là Đặc-sinh trú lão vô thường. Lại nữa, tâm-tâm sở pháp thuộc về nghiệp thiện, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của Lạc thọ-không Khổ không Lạc thọ, và dị thực tương ứng với nó. Tâm bất tương ứng hành, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của bốn loại ở loài người-trời, đó là mạng căn-Chúng đồng phần-Đặc-sinh trú lão vô thường; có thể cảm đến dị thực của hai loại ở nẻo ác, đó là Đặc-sinh trú lão vô thường. Sắc thuộc về nghiệp bất thiện, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của chín Xứ ở nẻo ác, đó là trừ ra Thanh xứ; có thể cảm đến dị thực của bốn Xứ ở loài người-trời, đó là Sắc-Hương-Vị-Xúc.

Hỏi: Có thể có nghiệp do kiến-tu mà đoạn, nhận lấy quả dị thực không trước-không sau chăng?

Đáp: Có, cho đến nói rộng ra.

Nghĩa là sắc thuộc về nghiệp do kiến mà đoạn, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của chín Xứ ở nẻo ác, đó là trừ ra Thanh xứ; có thể cảm đến dị thực của bốn Xứ ở loài người-trời, đó là Sắc-Hương-Vị-Xúc. Tâm-tâm sở pháp và tâm bất tương ứng hành thuộc về nghiệp do tu mà đoạn, nghiệp này có hai loại, đó là thiện và bất thiện. Tâm-tâm sở pháp thuộc về nghiệp thiện, nghiệp này có thể cảm đến dị thực Lạc thọ-không Khổ không Lạc thọ, và dị thực tương ứng với nó; tâm bất tương ứng hành, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của bốn loại ở loài người-trời, đó là mạng căn-Chúng đồng phần-Đặc-sinh trú lão vô thường; có thể cảm đến dị thực của hai loại ở nẻo ác, đó là Đặc-sinh trú lão vô thường. Tâm-tâm sở pháp thuộc về nghiệp bất thiện, nghiệp này có thể cảm đến dị thực Khổ thọ và dị thực tương ứng với nó; tâm bất tương ứng hành, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của bốn loại ở nẻo ác, đó là mạng căn-Chúng đồng phần-Đặc-sinh trú lão vô thường; có thể cảm đến dị thực của hai loại ở loài người-trời, đó là Đặc-sinh trú

lão vô thường.

Lại nữa, tâm-tâm sở pháp thuộc về nghiệp do kiến mà đoạn, nghiệp này có thể cảm đến dị thực Khổ thọ và dị thực tương ứng với nó. Tâm bất tương ứng hành, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của bốn loại ở nẻo ác, đó là mạng căn-Chúng đồng phần-Đặc-sinh trú lão vô thường; có thể cảm đến dị thực của hai loại ở loài người-trời, đó là Đặc-sinh trú lão vô thường. Sắc thuộc về do tu mà đoạn, nghiệp này có hai loại, đó là thiện và bất thiện. Sắc thuộc về nghiệp thiện, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của chín Xứ ở loài người-trời, đó là trừ ra Thanh xứ; có thể cảm đến dị thực của bốn Xứ ở nẻo ác, đó là Sắc-Hương-Vị-Xúc. Sắc thuộc về nghiệp thiện, nghiệp này có thể cảm đến dị thực của chín Xứ ở nẻo ác, đó là trừ ra Thanh xứ; có thể cảm đến dị thực của bốn Xứ ở loài người-trời, đó là Sắc-Hương-Vị-Xúc. Nhân quả dị thực như trong phẩm luận về Trí ở chương Tạp Uẩn đã nói rộng.

CHƯƠNG IV: NGHIỆP UẨN (Tiếp Theo)**Phẩm Thứ Ba: LUẬN VỀ HẠI SINH****LUẬN VỀ HẠI SINH (Phần 1)**

Có thể có đã hại mạng sống-giết mạng sống chưa diệt chẳng? Các chương như vậy và giải thích về nghĩa từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp theo cần phải giải thích rộng ra.

Trong này, có loại không phải là sát sinh mà dùng thanh Sát sinh để nói, có loại không phải là gia hạnh mà dùng thanh Gia Hạnh để nói, nghĩa là gia hạnh sát sinh cũng gọi là sát sinh, dấy khởi sau sát sinh cũng gọi là gia hạnh. Đó gọi là Tỳ-ba-sa tóm lược ở chỗ này.

Hỏi: Có thể có đã hại mạng sống-giết mạng sống chưa diệt chẳng?

Đáp: Có, như đã đoạn mật mạng sống loại khác mà gia hạnh ấy chưa ngừng. Nghĩa là như có người làm hại mạng sống của loài khác, dùng dao-gậy... để làm hại, gia hạnh chưa dứt mà mạng sống của loài ấy đã đoạn mất. Sai khiến-chú thuật-thuốc độc, nói rộng ra cũng như vậy.

Hỏi: Có thể có chưa hại mạng sống-giết mạng sống đã diệt chẳng?

Đáp: Có, như chưa đoạn mất mạng sống loài khác mà gia hạnh ấy đã ngừng. Nghĩa là như có người làm hại mạng sống của loài khác, dùng dao-gậy... để làm hại, mạng sống ấy chưa đoạn mất, không còn làm hại nữa. Sai khiến-chú thuật-thuốc độc, nói rộng ra cũng như vậy.

Hỏi: Có thể đã hại mạng sống-giết mạng sống đã diệt chẳng?

Đáp: Có, như đã đoạn mật mạng sống loài khác mà gia hạnh ấy đã ngừng. Nghĩa là như có người làm hại mạng sống của loài khác, dùng dao-gậy... để làm hại, ngay lúc mạng sống đoạn mất thì gia hạnh cũng ngừng. Sai khiến-chú thuật-thuốc độc, nói rộng ra cũng vậy.

Hỏi: Có thể có chưa hại mạng sống-giết mạng sống chưa diệt chẳng?

Đáp: Có, như chưa đoạn mật mạng sống loài khác, gia hạnh ấy chưa ngừng. Nghĩa là như có người làm hại mạng sống của loài khác, dùng dao-gậy... để làm hại, mạng sống ấy chưa đoạn mất thì gia hạnh ấy cũng chưa ngừng. Sai khiến-chú thuật-thuốc độc, nói rộng ra cũng như vậy.

Hỏi: Có thể có chưa hại mạng sống-giết mạng sống chưa diệt, di

thực của nghiệp này chắc chắn sinh vào địa ngục chẳng?

Đáp: Có, như lúc dấy lên gia hạnh của nghiệp vô gián thì mạng chung. Sự việc ấy như thế nào? Nghĩa là như có người muốn hại mẹ của mình vừa khởi lên gia hạnh, hoặc là bị quan quân bắt giữ, hoặc là mẹ có sức mạnh trở lại làm hại người con ấy, hoặc là mẹ nhờ phước đức mà Thiên thần giết chết người con thì người con rơi vào địa ngục nhưng mẹ vẫn còn sống. Hoặc là khởi lên gia hạnh làm cho mẹ phải chết, mà trong lòng hối hận tự làm hại mạng sống của mình, cũng sinh vào địa ngục. Như làm hại mẹ, như vậy tạo ra nghiệp vô gián khác, nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Chỉ có pháp chứ không có chúng sinh thì làm sao mà có tội giết hại?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu nói rằng: “Như tuy không có chúng sinh, mà có tưởng về chúng sinh, như vậy tuy không có chúng sinh, mà có tội giết hại. Lại nữa, Uẩn-Giới-Xứ này, có thể khởi lên tưởng về Ngã, tưởng về hữu tình, tưởng về mạng, tưởng về sinh, tưởng về dưỡng, tưởng về Bồ-đặc-già-la, vì vậy nếu đoạn hoại thì lúc ấy mạng lấy tội giết mạng sống. Lại nữa, Uẩn-Giới-Xứ này, có thể khởi lên tưởng về Ngã, tưởng về Thường-Lạc-Tĩnh, vì vậy nếu đoạn hoại thì lúc ấy mạng lấy tội giết mạng sống.”

Đại đức nói rằng: “Uẩn-Giới-Xứ này, là có chấp Thọ khởi lên nhận biết ba lúc, đó là Ngã sẽ giết-đang giết-đã giết, vì vậy nếu đoạn hoại thì lúc ấy mạng lấy tội giết mạng sống. Nhưng chúng sinh là thế tục có tội giết mạng sống, là thắng nghĩa có tội giết mạng sống này, do hai duyên mà mang lấy:

1. Khởi gia hạnh.
2. Quả cuối cùng.

Nếu khởi lên gia hạnh mà quả không đến cuối cùng, hoặc là quả đến cuối cùng mà không khởi lên gia hạnh, thì cũng không mang lấy tội giết hại. Nếu khởi lên gia hạnh mà quả cũng đến cuối cùng thì mới mang lấy tội giết hại.”

Hỏi: Có thể có cũng khởi lên gia hạnh-quả cũng đến cuối cùng, mà không mang lấy tội giết hại chẳng?

Đáp: Có, như chủ động giết hại-thụ động giết hại cùng lúc bỏ mạng, hoặc là người chủ động giết hại chết trước.

Hỏi: Giết hại Uẩn nào thì gọi là giết hại mạng sống, quá khứ chẳng, vị lai chẳng, hiện tại chẳng? Quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến, hiện tại không dừng lại, đều không có nghĩa của giết hại, tại sao gọi là

giết mạng sống?

Đáp: Giết hại Uẩn vị lai, không phải là quá khứ-hiện tại.

Hỏi: Vị lai chưa đến làm sao có thể giết hại?

Đáp: lúc ấy trú trong hiện tại ngăn chặn các Uẩn hòa hợp của đời vị lai, cho nên gọi là giết hại. Bởi vì ngăn chặn duyên hòa hợp sinh ra các Uẩn khác, cho nên mang lấy tội giết hại. Có người nói: Giết hại Uẩn hiện tại-vị lai chứ không phải là quá khứ.

Hỏi: Vị lai có thể như vậy, hiện tại không dừng lại, giả sử nó không bị giết hại thì cũng tự nhiên giết mất, làm sao giết hại?

Đáp: Đoạn mật thể dụng của nó, cho nên gọi là giết hại. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì Uẩn hiện tại trước đó tuy không dừng lại mà diệt mất, nhưng không có thể khiến cho Uẩn sau không nối tiếp, Uẩn hiện tại bây giờ không dừng lại mà diệt đi, thì có thể làm cho Uẩn sau đó không nối tiếp, cho nên đối với Uẩn hiện tại cũng mang lấy tội giết hại.

Hỏi: Trong các Uẩn thì Uẩn nào có thể giết hại, đối với nó mang lấy tội giết hại?

Đáp: Có người nói: Sắc Uẩn. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì chỉ có Sắc mới có thể bị dao-gậy... xúc chạm. Có người nói: Năm Uẩn.

Hỏi: Bốn Uẩn không có xúc chạm thì làm sao có thể giết hại?

Đáp: Nó dựa vào Sắc mà chuyển, lúc Sắc Uẩn hư hoại thì nó sẽ không chuyển, cho nên cũng gọi là giết hại. Như lúc bình vỡ tan thì sữa... cũng mất đi. Vả lại, nó cũng đối với năm Uẩn khởi lên tâm ác mà giết hại, cho nên đối với nó mang lấy tội giết hại.

Hỏi: Vì giết hại vô ký, đối với nó mang lấy tội là ba loại chăng?

Đáp: Có người nói: Vô ký. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì chỉ riêng vô phú vô ký mới có thể bị dao-gậy... xúc chạm. Có người nói: Ba loại.

Hỏi: Pháp thiện-nhiễm ô không có xúc chạm thì làm sao có thể giết hại?

Đáp: Pháp thiện-nhiễm ô dựa vào vô ký mà chuyển, lúc vô ký hư hoại thì nó sẽ không chuyển, cho nên cũng gọi là giết hại. Phần còn lại nói rộng ra như trước.

Hỏi: Như dùng một gia hạnh cùng lúc giết mẹ và người nữ khác, lúc ấy đối với mẹ mang lấy tội giết hại mạng sống và tội Vô biểu vô giá, đối với người nữ khác chỉ mang lấy tội Vô biểu giết hại mạng sống, mà nghiệp Biểu này là chỉ mang lấy một hay là hai?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Chỉ mang lấy một Biểu. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì một gia hạnh cùng lúc mà giết hại không có gì sai biệt.

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: “Lúc ấy mang lấy hai Biểu. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì nghiệp Biểu của thân này do cực vi mà thành, hại mẹ và người khác thì cực vi đều khác nhau. Như Vô biểu mang lấy hai, Biểu cũng thuận theo như vậy.”

Hỏi: Như dùng một gia hạnh giết hại nhiều chúng sinh, tùy theo bao nhiêu chúng sinh thì mang lấy bấy nhiêu tội Vô biểu, mà nghiệp Biểu này là chỉ mang lấy một hay là mang lấy nhiều?

Đáp: Có người nói: Mang lấy một. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì một gia hạnh cùng lúc mà giết hại không có gì sai biệt.

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: “Lúc ấy mang lấy nhiều Biểu. Nói rộng ra như trước.”

Hỏi: Giết hại người đúng lúc thọ mạng không còn thì mang lấy tội giết hại hay không?

Đáp: Nếu sát-na này đúng lúc thọ mạng không còn, thì lúc bấy giờ người làm hại không mang lấy tội giết hại. Nếu do làm hại cho đến khiến thọ mạng dừng lại không sinh trong một sát-na ấy, pháp đều mang lấy tội giết hại, huống là nhiều sát-na hay sao?

Hỏi: Giết hại người không còn chỗ hiểm (đoạn mạng ma) thì mang lấy tội giết hại hay không?

Đáp: Nếu sát-na này đang đúng lúc xả mạng, thì lúc bấy giờ người làm hại không mang lấy tội giết hại. Nếu do làm hại cho đến khiến mạng sống dừng lại không sinh trong một sát-na ấy, pháp đều mang lấy tội giết hại, huống là nhiều sát-na hay sao?

Hỏi: Nếu có người làm hại người khác khiến cho nhất định phải chết, liền tự làm hại mạng mình thì mang lấy tội giết hại hay không?

Đáp: Không mang lấy. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì quả ấy chưa đến cuối cùng, liền tự mình mất mạng, không có chúng đồng phân sau có thể thành tựu tội ấy.

Hỏi: Nếu lúc chiến đấu làm hại lẫn nhau, cùng lúc chết đi thì đều mang lấy tội giết hại hay không?

Đáp: Không mang lấy. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì cả hai đều là quả chưa đến cuối cùng, thì cùng mất mạng, cho nên không có chúng đồng phân sau có thể thành tựu tội ấy.

Hỏi: Nếu vì vua quan... ép buộc khiến làm điều giết hại, thì mang lấy tội giết hại hay không?

Đáp: Có người nói: Không mang lấy. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì thế lực khác đã khống chế chứ không phải là ý thích của người ấy.

Nói như vậy thì cũng mang lấy tội giết hại, trừ ra tự tâm mình yêu

cầu thà rằng bỏ mạng mình chứ cuối cùng không làm hại người khác, như vậy thì không có tội.

Hỏi: Nếu dựa vào pháp của đời vua trước đã chế định, làm cho hình phạt có vượt quá mức, thì mang lấy tội giết hại hay không?

Đáp: Vua và quan tòa mang lấy. Nếu sai người khác giết hại thì mang lấy tội Vô biểu của giết hại mạng sống. Người ấy đã sai khiến người ta, và nếu tự mình giết hại thì cũng mang lấy tội Biểu-Vô biểu của giết hại mạng sống. Nếu rất nhiều hữu tình tìm cách làm hại một mạng sống, họ khởi lên gia hạnh đích thân đoạn mất mạng sống ấy, mang lấy tội Biểu-Vô biểu của giết hại mạng sống; người cùng tìm cách và người lên tiếng ủng hộ, chỉ mang lấy Vô biểu của giết hại mạng sống. Nếu nhiều người ấy cùng đưa ra gia hạnh đoạn mất một mạng sống ấy, thì nên biết là đều mang lấy tội Biểu-Vô biểu.

Hỏi: Có thể có lúc không phải là thân gây ra, mà mang lấy tội giết hại mạng sống chăng?

Đáp: Có, đó là ngữ sai khiến giết hại.

Hỏi: Có thể có lúc không phát ra lời nói, mà mang lấy tội nói lời dối gạt chăng?

Đáp: Có, đó là thân biểu hiện.

Hỏi: Có thể có lúc không phải là thân gây ra-không phát ra lời nói, mà mang lấy hai tội chăng?

Đáp: Có, đó là ý tức giận của người Tiên, và lúc Bồ-tát im lặng biểu hiện thanh tịnh.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 119

LUẬN VỀ HẠI SINH (Phần 2)

Có thể nghiệp bất thiện thuận theo khổ thọ dị thực chưa chín muồi..., cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về nghĩa của mình. Đó là hoặc có người nói: không có Trung hữu. Hoặc lại có người nói: Tuy có Trung hữu mà sinh vào nẻo ác thì không có. Hoặc lại có người nói: Sinh vào địa ngục tuy có Trung hữu mà trước đó tạo nghiệp vô gián thì không có. Hoặc lại có người nói: “Trước đó tạo ra nghiệp vô gián tuy có Trung hữu mà trong Trung hữu không nhận lấy dị thực vô gián. Hoặc lại có người nói” Tuy trú trong Trung hữu cũng nhận lấy dị thực vô gián, mà chỉ nhận lấy bốn Uẩn chứ không nhận lấy Sắc uẩn.

Cần phải ngăn chặn các loại chấp lạ lùng như vậy, hiển bày có Trung hữu, ở tất cả mọi nơi sinh ra thuộc cõi có sắc thì hết thảy mọi nơi đều có, ở trong đó cũng nhận lấy dị thực của Sắc uẩn. Bởi vì nhân duyên này, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Có thể có nghiệp bất thiện thuận theo Khổ thọ dị thực chưa chín muồi, không phải là không bắt đầu nhận lấy quả dị thực, mà dấy khởi tâm nhiễm ô chăng?

Đáp: Có, như tạo tác tăng trưởng nghiệp vô gián rồi, nghiệp này lúc đầu sinh ra quả dị thực của Trung hữu địa ngục.

Hỏi: Tạo tác và tăng trưởng sai biệt thế nào?

Đáp: Có người nói: Không có gì sai biệt. Có người nói: Tên gọi tức là sai biệt, loại này gọi là tạo tác, loại này gọi là tăng trưởng. Có người nói: Nghĩa cũng có sai biệt, đó là hoặc có lúc do một hành ác mà rơi vào các nẻo ác, hoặc có lúc do ba hành ác.

Nếu do một hành ác mà rơi vào nẻo ác, thì lúc ấy gia hạnh chỉ gọi là tạo tác chứ không gọi là tăng trưởng; nếu đến cuối cùng thì gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng. Nếu do cả ba hành ác mà rơi vào nẻo ác, thì lúc tạo ra một-hai hành ác chỉ gọi là tạo tác chứ không gọi là tăng trưởng; nếu tạo ra đủ cả ba hành ác thì gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng. Như ba hành ác, ba hành diệu cũng như vậy, sai biệt là sinh vào nẻo thiện.

Lại nữa, hoặc có lúc do một vô gián mà rơi vào địa ngục, hoặc là do đủ cả năm loại. Nếu do một loại thì phần vị gia hạnh ấy chỉ gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng; nếu đến cuối cùng thì gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng. Nếu do đủ cả năm loại mà tạo ra một đến bốn loại, thì chỉ gọi là tạo tác chứ không gọi là tăng trưởng; nếu tạo ra đủ cả năm loại, thì gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng.

Lại nữa, hoặc có lúc do một nghiệp đạo bất thiện mà rơi vào các nẻo ác, hoặc là do đủ cả mười loại. Nếu do một loại thì phần vị gia hạnh ấy chỉ gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng, nếu đến cuối cùng thì gọi là tạo tác cũng gọi là tăng trưởng. Nếu do đủ cả mười loại mà tạo ra một đến chín loại, thì chỉ gọi là tạo tác chứ không gọi là tăng trưởng, nếu tạo ra đủ cả mười loại, thì gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng. Như mười nghiệp đạo bất thiện, mười nghiệp đạo thiện cũng như vậy sai biệt là sinh vào nẻo thiện.

Lại nữa, hoặc có lúc do nhiều hành diệu cảm đến một chúng đồng phần, như Chúng đồng phần cuối cùng của các Bồ-tát, do ba mươi hai tướng bách phước mà cảm đến. Nếu tạo ra một tướng bách phước cho đến ba mươi một tướng bách phước, thì chỉ gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng; nếu lúc tạo ra đủ cả ba mươi hai tướng bách phước thì gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng.

Lại nữa, hoặc có nghiệp do suy nghĩ trước kia mà tạo ra, hoặc có nghiệp không phải là suy nghĩ trước kia tạo ra. Nếu do suy nghĩ trước kia mà tạo ra thì gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng; nếu không phải là do suy nghĩ trước kia mà tạo ra, thì chỉ gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng. Suy nghĩ kỹ càng mà tạo ra, khinh suất mà tạo ra, nói cũng như vậy.

Lại nữa, hoặc có nghiệp thuận theo ba thời gian nhận quả, hoặc có nghiệp thuận theo không nhất định mà nhận quả. Thuận theo ba thời gian nhận quả thì gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng. Thuận theo quyết định mà nhận quả, chỉ gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng. Thuận theo quyết định nhận quả, thuận theo không nhất định mà nhận

quả, nói cũng như vậy.

Lại nữa, hoặc có nghiệp thuận theo quyết định riêng biệt nhận quả, hoặc có nghiệp thuận theo quyết định không riêng biệt nhận quả. Thuận theo quyết định riêng biệt nhận quả, thì gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng; thuận theo quyết định không riêng biệt nhận quả, chỉ gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng.

Lại nữa, hoặc có nghiệp có thời gian quyết định mà dị thực cũng quyết định, hoặc có nghiệp có dị thực quyết định mà thời gian không quyết định. Có đủ hai loại quyết định thì gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng; chỉ một loại quyết định thì chỉ gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng.

Lại nữa, có nghiệp bất thiện thuận theo nẻo ác nhận quả, có nghiệp bất thiện thuận theo nẻo thiện nhận quả. Loại trước gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng; loại sau gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng. Nghiệp thiện cùng với tướng này trái ngược, nói cũng như vậy.

Lại nữa, có nghiệp bất thiện lấy nghiệp bất thiện bạn giúp đỡ, có nghiệp bất thiện lấy nghiệp thiện làm bạn giúp đỡ. Loại trước gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng; loại sau gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng. Nghiệp thiện trái ngược với tướng này, nói cũng như vậy.

Lại nữa, có nghiệp bất thiện không có tác kiến-tà kiến, mê muội nhân quả sinh trong sự nối tiếp nhau; có nghiệp bất thiện có tác kiến-Chánh kiến, không mê muội nhân quả sinh trong sự nối tiếp nhau. Loại trước gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng; loại sau gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng. Nghiệp thiện cùng với tướng này trái ngược, nói cũng như vậy.

Lại nữa, có nghiệp bất thiện hủy hoại giới, hủy hoại kiến, có nghiệp bất thiện hủy hoại giới mà không hủy hoại kiến. Loại trước gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng, loại sau gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng. Nghiệp thiện cùng với tướng này trái ngược, nói cũng như vậy.

Lại nữa, có nghiệp bất thiện làm hỏng gia hạnh-làm hỏng ý thích, có nghiệp bất thiện làm hỏng gia hạnh-không làm hỏng ý thích. Loại trước gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng; loại sau gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng. Nghiệp thiện trái lại với tướng này nói cũng như vậy.

Lại nữa, có nghiệp gây ra rồi không bỏ-không đổi-không loại trừ-không dựa vào đối trị, có nghiệp gây ra rồi bỏ-đổi-loại trừ-dựa vào đối

trị. Loại trước gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng; loại sau gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng.

Như vậy, có nghiệp nhận biết qua ba thời gian, không nhận biết qua ba thời gian, gây ra rồi không hối hận, gây ra rồi có hối hận, gây ra rồi nghĩ đến, gây ra rồi không nghĩ đến, thường xuyên nhớ lại, không thường xuyên nhớ lại, nói cũng như vậy.

Lại nữa, nếu nghiệp có thể chọn lấy quả-mang lại quả, thì gọi là tạo tác cũng gọi là tăng trưởng; nếu nghiệp chọn lấy quả mà không có thể mang lại quả, thì chỉ gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng.

Tôn giả Thế Hữu nói rằng: “Nếu nghiệp đã làm, quay lại hưởng về ý thích, biểu hiện rõ ràng ý thích, là cùng chủng loại thì ca ngợi tán thưởng-trình bày rõ ràng, đó gọi là tạo tác cũng gọi là tăng trưởng. Nếu nghiệp đã làm trái lại với tướng này thì chỉ gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng”.

Có người đưa ra cách nói này: Nếu nghiệp đã làm, viên mãn tất cả chủng loại, cứu cánh tất cả chủng loại, như xây dựng Chế-đa trang hoàng nghiêm túc chu đáo, đây gọi là tạo tác cũng gọi là tăng trưởng. Nếu nghiệp đã làm trái lại với tướng này, thì chỉ gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng.

Đại đức nói rằng: “Nếu những nghiệp do nhiều duyên hòa hợp chắc chắn cảm đến quả thì gọi là tạo tác, cũng gọi là tăng trưởng. Nếu nghiệp đã làm trái ngược với tướng này, thì chỉ gọi là tạo tác, không gọi là tăng trưởng”.

Có vô lượng môn như vậy, đó gọi là sai biệt giữa tạo tác và tăng trưởng.

Nghiệp vô gián có năm loại:

1. Hại mẹ.
2. Hại cha.
3. Hại A-la-hán.
4. Phá hòa hợp tăng.
5. Khởi tâm ác làm chảy máu thân Phật.

Hỏi: Năm nghiệp vô gián này lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Lấy nghiệp thân-ngữ làm tự tánh, ba loại trước và một loại sau lấy thân nghiệp làm tự tánh, loại thứ tư lấy ngữ nghiệp làm tự tánh. Vì vậy năm loại này do ba Giới-ba Xứ- một Uẩn thấu nhiếp. ba giới là Sắc-Thanh và Pháp giới, ba xứ là Sắc-Thanh và Pháp xứ, một Uẩn là Sắc uẩn. Đó gọi là tự tánh của nghiệp vô gián. Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cố.

Hỏi: Vì sao gọi là vô gián?

Đáp: Bởi vì hai duyên cho nên gọi là vô gián:

1. Ngăn chặn hiện tại và sau này.
2. Ngăn chặn nẻo khác.

Ngăn chặn hiện tại và sau này, nghĩa là năm loại này chỉ là thuận theo đời kế tiếp nhận quả, không phải là thuận theo pháp hiện tại nhận quả và thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả, cho nên gọi là vô gián. Ngăn chặn nẻo khác, nghĩa là nghiệp này quyết định nhận chịu ở tại địa ngục, không phải là lẫn lộn ở nẻo khác, cho nên gọi là vô gián.

Do hai nhân duyên kiến lập vô gián:

1. Làm trái ân nuôi dưỡng.
2. Phá hoại ruộng công đức.

Làm trái ân nuôi dưỡng, đó là hại mẹ-hại cha. Phá hoại ruộng công đức, đó là ba nghiệp còn lại.

Do hai nhân duyên mang lấy tội vô gián:

1. Khởi lên gia hạnh.
2. Quả đến cuối cùng.

Tuy khởi lên gia hạnh mà quả không đến cuối cùng, thì loại ấy không mang lấy tội vô gián. Tuy quả đến cuối cùng mà không khởi lên gia hạnh, thì cũng không mang lấy tội vô gián. Tuy khởi lên gia hạnh mà quả không đến cuối cùng, nghĩa là như có người muốn làm hại mẹ mình, người mẹ nhận biết rồi trốn vào trong kho thóc, có người nữ khác ở nơi chỗ ngủ của người mẹ, người ấy đã đến nói là mẹ mình liền lấy dao làm hại, làm hại rồi mới tiếp tục đi vào trong kho thóc lau chùi lưỡi dao, dao đâm trúng thân mẹ vì thế mà mất mạng. Lúc khởi lên gia hạnh thì quả chưa đến cuối cùng, lúc quả đến cuối cùng thì không còn gia hạnh, vì vậy không thành tội vô gián. Có lúc quả đến cuối cùng mà không khởi lên gia hạnh, nghĩa là như có người giúp đỡ cha mẹ đi qua đoạn đường nguy hiểm, sợ rằng có kẻ cướp xuất hiện, thúc đẩy khiến tiến tới, cha mẹ ngã nhào vì thế mà mất mạng. Quả tuy đến cuối cùng mà không phải là gia hạnh khởi lên; vì vậy cần phải khởi lên gia hạnh và quả đến cuối cùng mới thành tội vô gián.

Hỏi: Có thể có khởi lên gia hạnh và quả đến cuối cùng, mà không mang lấy tội vô gián chăng?

Đáp: Có, đó là người giết hại và người bị giết hại cùng lúc mạng chung, bởi vì không có chúng đồng phần sau có thể thành tựu tội ấy. Có người anh sai người em tự mình đi làm hại mẹ, người em y theo lời anh thì cả hai mang lấy tội vô gián; nếu người em sai người khác và cùng

người khác làm hại, thì chỉ riêng người em mang lấy tội vô gián. Có người anh sai người em khiến người khác làm hại mẹ, người em y theo lời anh thì cùng mang lấy tội vô gián; nếu người em tự mình làm hại và cùng người khác làm hại, thì chỉ riêng người em mang lấy tội vô gián. Có người anh sai người em cùng người khác làm hại mẹ, người em y theo lời anh thì cùng mang lấy tội vô gián; nếu người em tự mình làm hại và chỉ khiến người khác làm hại, thì chỉ riêng người em mang lấy tội vô gián. Có người anh sai người em, mẹ đến phải làm hại, người em y theo lời anh thì cùng mang lấy tội vô gián; nếu mẹ đi mới làm hại, thì chỉ riêng người em mang lấy tội vô gián. Như người anh sai người em, người anh sai em gái, em trai sai anh trai, sai chị gái cũng như vậy. Như sai làm hại khi đến, sai làm hại khi đi-đứng-ngồi-nằm cũng như vậy. Như làm hại cha cũng như vậy. Làm hại A-la-hán làm thân Phật chảy máu, sai khiến khác nhau tương tự như vậy nên biết.

Nếu loài Phi nhân giết hại cha mẹ Phi nhân thì không mang lấy tội vô gián; loài Phi nhân giết hại loài người, loài người giết hại loài Phi nhân, nên biết cũng như vậy. Chỉ có loài người giết hại cha mẹ loài người mới mang lấy tội vô gián.

Hỏi: Nếu loại Phiến-trĩ-ca, Bán-trạch-ca, không có hình thể, hai hình thể mà giết hại cha mẹ thì có mang lấy tội vô gián hay không?

Đáp: Không mang lấy. Nguyên cố thể nào? Bởi vì thân ấy pháp vốn như vậy, chí lực yếu kém không có thể làm nơi chứa đựng luật nghi-không luật nghi.

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Phiến-trĩ-ca... giết hại cha mẹ không mang lấy tội vô gián. Nguyên cố thể nào? bởi vì loại ấy đối với cha mẹ không có tâm yêu mến kính trọng, có thể trước đó hiện rõ trước mắt mà bây giờ hoại diệt. Lại nữa, loại ấy đối với cha mẹ không có sự hổ thẹn tốt đẹp, bởi vì có thể trước đó hiện rõ trước mắt mà bây giờ hoại diệt”.

Đại đức nói rằng: “Phiến-trĩ-ca... phiền não tăng lên, cho nên nhất định thuộc về nẻo ác; thuộc về nẻo ác cho nên không có tội vô gián”.

Hỏi: Các loài bàng sinh giết hại cha mẹ có mang lấy tội vô gián hay không?

Đáp: không mang lấy. Nguyên cố thể nào? Bởi vì thân ấy pháp vốn như vậy, chí lực yếu kém không có thể làm nơi chứa giữ luật nghi-không luật nghi.

Tôn giả Thế Hữu nói rằng: “Các loài bàng sinh giết hại cha mẹ không mang lấy tội vô gián. Nguyên cố thể nào? Bởi vì loại ấy đối với

cha mẹ không có tâm yêu mến kính trọng, có thể trước đó hiện rõ trước mắt mà bây giờ hoại diệt. Lại nữa, loại ấy đối với cha mẹ không có sự hổ thẹn tốt đẹp, bởi vì có thể trước đó hiện rõ trước mắt mà bây giờ hoại diệt”.

Đại đức nói rằng: “Các loài bàng sinh giết hại cha mẹ, đối với tội vô gián thì có mang lấy và không mang lấy. Nghĩa là loài thông minh thì mang lấy, loài không thông minh thì không mang lấy. Từng nghe có một con ngựa thông minh, người tham chủng loại ấy khiến cho giao hợp với ngựa mẹ, con ngựa về sau nhận biết cắt đứt bộ phận sinh dục mà chết”.

Hỏi: Như dùng một gia hạnh cùng lúc giết mẹ và người nữ khác, người ấy đã có Vô biểu rồi, như trước nói: Người ấy có Biểu nghiệp mang lấy tội ở phía người nào? đáp: Mang lấy tội ở phía người mẹ. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì ở trong đó thì tội vô gián là mạnh hơn.

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: “Các nghiệp có biểu hiện, do cực vi mà thành, làm hại mẹ và người khác thì cực vi đều khác nhau, cho nên tội có biểu hiện mang lấy về phía hai người”.

Hỏi: Như có người nữ bị sa thai ở tuần thứ nhất (Yết-la-lam), có người nữ khác thu nhận đưa vào trong thân, về sau đứa con đã sinh ra lấy ai làm mẹ, giết hại người mẹ nào thì mang lấy tội vô gián?

Đáp: Người trước là mẹ sinh ra, người sau là mẹ nuôi dưỡng, chỉ có làm hại mẹ sinh ra thì mang lấy tội vô gián; bởi vì Yết-la-lam dựa vào người trước sinh ra, những việc đã làm cần phải hỏi mẹ nuôi dưỡng. Làm hại đối với người không phải là mẹ dấy lên tưởng là mẹ, và làm hai đối với mẹ dấy lên tưởng không phải là mẹ, đều không mang lấy tội vô gián. Cần phải làm hại đối với mẹ dấy lên tưởng là mẹ, thì mới mang lấy tội vô gián. Đối với cha và người khác, nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Có thể có người nữ không phải là mẹ, không phải là A-la-hán, làm hại người ấy thì mang tội vô gián chăng?

Đáp: Có, đó là làm hại cha chuyển căn thành nữ.

Hỏi: Có thể có người nam không phải là cha, không phải là A-la-hán, làm hại người ấy thì mang tội vô gián chăng?

Đáp: Có, đó là làm hại mẹ chuyển căn thành nam.

Hỏi: Nếu mẹ là A-la-hán, hoặc cha là A-la-hán, thì lúc người ấy làm hại một người cùng một lúc, là chỉ mang lấy một tội vô gián, hay là mang lấy hai tội? Nếu nói chỉ mang lấy một, thì người ấy làm trái ân nuôi dưỡng và phá hoại ruộng công đức, tại sao mang lấy một? Kinh nói lại làm sao thông hiểu? Như: “Đức Phật bảo với Thỉ-kiên-trì rằng:

Nay ông đã mang lấy hai tội vô gián, đó là làm hại cha và A-la-hán”. Nếu nói mang lấy hai, thì người ấy làm hại một mạng, vì sao mà mang lấy hai tội?

Đáp: Nếu nói là mang lấy một, bởi vì người ấy làm trái ân nuôi dưỡng và phá hoại ruộng công đức, cùng chuyển ở tại một thân. Trong kinh nên nói: Ông do hai duyên mang lấy tội vô gián, đó là làm hại cha và A-la-hán. Nhưng mà nói mang lấy hai tội, là muốn dùng hai tội để trách mắng người kia. Có Sư khác nói: Thể của tội tuy là một mà cảm đến khổ báo gấp bội, vì vậy cho nên nói là hai.

Hỏi: Như làm hại A-la-hán mang lấy tội vô gián, làm hại các bậc Hữu học cũng mang lấy tội này chăng?

Đáp: Không mang lấy. Nguyên cố thế nào? bởi vì trước đây nói tội vô gián do hai duyên mà mang lấy:

1. Làm trái ân nuôi dưỡng.

2. Phá hoại ruộng công đức. Làm hại các bậc Hữu học không phải là phá hoại ruộng công đức, bởi vì họ có công đức cũng có lỗi lầm, có hành diệu cũng có hành ác, có căn thiện cũng có căn bất thiện.

Hỏi: Người lui sụt mất đi quả A-la-hán, làm hại người ấy thì mang lấy tội vô gián chăng?

Đáp: Không mang lấy, bởi vì vẫn là Hữu học, như trước nói.

Hỏi: Bậc này vào lúc cuối cùng mạng sống sắp kết thúc, chắc chắn trú trong Vô học, tại sao không mang lấy tội vô gián?

Đáp: Bởi vì không có tâm ác đối với thân Vô học, nghĩa là người ấy chỉ khởi lên ý giết hại và gia hạnh đối với thân của bậc Hữu học, không phải là đối với bậc Vô học. Bởi vì không có nhân vô gián, cho nên không mang lấy tội vô gián.

Trong Tỳ-nại-da nói: “Trong rừng có rất nhiều Tỳ kheo, bị bọn cướp giết hại để cướp đoạt áo quần-vật dụng. Có vị quan là cư sĩ tại gia bắt được tất cả bọn cướp, đưa đến chỗ nhà vua, nhà vua truyền lệnh y theo pháp trừng trị. Trong đó có một tên cướp chạy trốn đến rừng Thệ-đa cầu xin được xuất gia. Lúc ấy chúng Tỳ kheo không kiểm tra kỹ càng, độ cho xuất gia và cho thọ cụ túc giới. Lúc người chủ quản hình phạt đem bọn cướp còn lại, đến nơi bãi tha ma sắp chặt tay chặt chân để trừng trị, Tỳ kheo nghe tin rồi vì biết sự việc đáng chán ngán của thế gian, cho nên đều cùng nhau đi đến xem. Người xuất gia trước đây cũng ở trong đó, trông thấy tay chân thân thể của các tội nhân bị cắt xẻ, tất cả đều mỗi thứ một nơi. Người mới xuất gia ấy, tức thì hoảng hốt sợ hãi, bất tỉnh ngã nhào xuống đất hồi lâu mới tỉnh lại. Mọi người

hỏi nguyên cớ điều ấy, trả lời rằng: Người chết là bạn bè của tôi, trước kia tôi và những người ấy cùng làm điều này, nếu không xuất gia thì cũng gặp phải khổ nạn ấy. Tỳ kheo nghe rồi cùng nói với nhau rằng: Nay người ác này xử trí như thế nào? Liền đi đến thưa với Đức Phật. Đức Phật dạy: Người này giết hại chúng Tỳ kheo, mang lấy tội vô gián không hợp với xuất gia, nếu đã xuất gia thì mọi người nên đuổi ra chứ không cho phép cùng ở chung. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì người tạo tội vô gián ở trong Tỳ-nại-da chánh pháp của Ta, không có thể sinh trưởng các pháp thiện.”

Hỏi: Người ấy không biết rõ ràng là A-la-hán, tại sao mang lấy tội vô gián?

Đáp: Không bởi vì biết mà mang lấy tội, bởi vì phá hoại ruộng công đức cho nên mang lấy tội. Người ấy ở trong chúng Tỳ kheo, khởi lên ý thích giết hại không có chọn lựa..., bởi vì tâm rất ác này làm hại đến A-la-hán, cho nên mang lấy tội vô gián.

Hỏi: Nếu trước đó tạo ra tội vô gián khác, sau mới phá Tăng, thì người ấy sinh vào địa ngục phải nhận lấy quả nào trước? Nếu trước phải nhận lấy quả của tội vô gián khác, thì tội phá Tăng sẽ trở thành thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả; nếu trước phải nhận lấy quả của tội phá Tăng, thì tội vô gián khác sẽ thành thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận quả.

Đáp: Nếu trước đó tạo ra nghiệp vô gián khác, thì sau đó không có thể phá Tăng; nếu trước đó phá Tăng, thì về sau sẽ có thể tạo ra ruộng vô gián khác, những nghiệp đã tạo ra sau đó đều do lực tăng thượng của tội phá Tăng, cùng dẫn đến quả của địa ngục vô gián. Những hành ác khác thuận theo đời kế tiếp nhận quả, tùy theo nghiệp vô gián, dựa theo đây nên biết.

Vả lại, trước đó phá Tăng, sau tạo ra nghiệp vô gián khác, những nghiệp đã tạo ra sau đó đều do lực tăng thượng của tội phá Tăng, cùng dẫn đến quả của địa ngục vô gián, cho đến cuối cùng nhận lấy quả của thọ mạng trải qua một kiếp lại không có thọ mạng tăng lên. Những hành ác khác thuận theo đời kế tiếp nhận quả, tùy theo nghiệp vô gián có thọ mạng dài ngắn, cũng dựa theo đây nên biết.

Hỏi: Nếu bởi vì tội phá Tăng mà sinh vào địa ngục vô gián, thọ mạng chưa hết mà thế giới đã hoại diệt, thì nơi ấy bị chết yếu hay không? Nếu bị chết yếu thì do nghiệp rất nặng ấy đã dẫn đến thọ lượng, làm sao bị gián đoạn? Nếu không chết yếu thì tại sao không hoại diệt cùng với thế giới mà gây ra khó dễ? Như trong kinh nói: “Nếu nơi nào

thậm chí có một hữu tình tồn tại, thì tai họa sẽ không hủy hoại”.

Đáp: Nếu thọ lượng quyết định thì nơi ấy không có chết yếu giữa chừng.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao không hoại diệt cùng với thế giới mà gây ra khó dễ?

Đáp: Nơi ấy do nghiệp lực dẫn dắt đưa vào trong địa ngục ở thế giới khác mà nhận lấy. Như trong cung vua sắp có đợt ân xá, trước phải di chuyển tù nhân mang tội nặng đưa vào ngục khác, sau đó mới thả những tù nhân được ân xá, ở nơi ấy cũng như vậy. Có người nói: Lúc thế giới này sắp hoại diệt, nếu các hữu tình tạo ra nghiệp vô gián, thì ở nơi ấy mạng chung pháp vốn như vậy, lại không sinh vào nơi này, mà cần phải sinh vào trong địa ngục ở thế giới khác để nhận lấy quả của nghiệp này. Có người nói: Lúc thế giới sắp hoại diệt, chắc chắn không có hữu tình nào tạo nghiệp rất ác.

Hỏi: Có thể có người tạo ra đủ năm nghiệp vô gián chăng?

Đáp: Có người nói: Không có. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì nghiệp này rất nặng, không có vật chứa nào có thể mạnh hơn để mà tiếp nhận. Có Sư khác nói: Có người tạo ra đủ năm nghiệp, như thời Đức Phật Ca-diếp-ba, có Tỳ kheo tên gọi Hoa Thượng, là con trai của Dự Thượng, người ấy tạo ra đủ năm nghiệp vô gián, và đoạn mất căn thiện.

Hỏi: Do một nghiệp vô gián, và thậm chí do năm nghiệp vô gián, rơi vào địa ngục có gì sai biệt?

Đáp: Do một nghiệp vô gián rơi vào địa ngục, thì thân ấy nhỏ bé, dụng cụ làm khổ không nhiều, khổ nhận chịu hiện rõ trước mắt không phải là rất mãnh liệt. Nếu thậm chí do năm nghiệp vô gián rơi vào địa ngục, thì thân ấy rộng lớn, dụng cụ làm khổ tăng thêm nhiều, khổ nhận chịu hiện rõ trước mắt rất là mãnh liệt.

Hỏi: Năm nghiệp vô gián, nghiệp nào là nặng nhất?

Đáp: Phá hòa hợp Tăng là nặng nhất, bởi vì phá hoại Pháp thân, tiếp đến là làm thân Phật chảy máu, tiếp đến là làm hại A-la-hán, tiếp đến là làm hại mẹ, sau cùng là làm hại cha. Bởi vì ân nuôi dưỡng của mẹ so với cha là nặng hơn, thế lực của ruộng công đức so với ruộng ân tình là mạnh hơn.

Hỏi: Tất cả các pháp vô học của Đức Thế Tôn gọi là Phật, pháp này không có thể làm hại, tại sao nói tâm ác làm chảy máu mang lấy tội vô gián?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu nói rằng: Bởi vì đối với pháp có năng lực thành tựu Đại Bồ-đề, khởi lên ý thích xấu ác muốn hủy hoại, cho nên

tuy làm hại sinh thân mà mang lấy tội vô gián đối với pháp ấy. Lại nữa, thành tựu pháp Vô học của chư Phật dựa vào Sinh thân chuyển đổi, nếu hủy hoại sở y thì nên biết là cũng hủy hoại năng y; như bình vỡ thì sữa chảy mất, vì vậy mang lấy tội vô gián.

Hỏi: Như khởi lên tâm ác làm thân Phật chảy máu thì mang lấy tội vô gián có thể có loại khởi lên tâm ác không đến nỗi làm chảy máu, cũng mang lấy tội vô gián này chăng?

Đáp: Có, bởi vì điều này cho nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có loại khởi lên tâm ác làm thân Phật chảy máu, mà không mang lấy tội vô gián, đó là khởi tâm muốn đánh mà chảy máu.

2. Có loại khởi lên tâm ác không đến nỗi làm chảy máu, mà mang lấy tội vô gián, đó là khởi tâm muốn giết cho đến khiến máu di chuyển nơi khác.

3. Có loại khởi lên tâm ác làm chảy máu thân Phật, cũng mang lấy tội vô gián, đó là khởi tâm muốn giết mà làm chảy máu.

4. Có loại khởi lên tâm ác không đến nỗi làm chảy máu, không mang lấy tội vô gián đó là khởi tâm muốn đánh cho đến khiến máu di chuyển nơi khác.

Hỏi: Thân Phật là có những miệng vết thương lở loét hay không?

Đáp: Không có. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì tất cả Như Lai đều có tướng tốt trọn vẹn đầy đủ, thân thể-lông da đều bằng phẳng rất tuyệt vời, cho nên không có những miệng vết thương lở loét.

Hỏi: Đây là quả của nghiệp gì?

Đáp: Như Lai xưa kia ở trong ba vô số kiếp, lúc tu hạnh Bồ tát, nếu thấy hữu tình nào thân thể bị thiếu sót hư hoại, thì khởi tâm thương xót sâu sắc, tìm mọi cách cứu giúp muốn làm cho đầy đủ; nếu thấy tượng Phật, tượng Bồ tát, tượng Thánh Tăng, linh khảm-tháp thờ-chùa Tăng hư hoại điêu tàn, thì tìm mọi cách tu sửa muốn làm cho như ban đầu. Nhờ vào nghiệp này cho nên nay cảm được tướng tốt trang nghiêm không có những miệng vết thương lở loét như vậy.

Hỏi: Có thể có suy nghĩ trước kia làm hại mạng sống, về sau không chịu rời xa, mà có thể bảo vệ cho tất cả hữu tình chăng?

Đáp: Có, như khởi lên gia hạnh giết hại, giữa chừng chứng thấy pháp tánh. Đây là hiển bày không nhờ vào thọ các Học xứ, chỉ do lúc tiến vào chánh tánh ly sinh, đạt được luật nghi không tạo tác, gọi là bảo vệ. Sự việc ấy thế nào? Kinh Xiết Ca là căn bản của luận này.

“Xưa có người họ Thích tên gọi Xiết Ca, trước là đầy tớ nhỏ trong nhà Tổ phụ của Đức Thế Tôn, bởi vì sự cố cho nên chạy trốn, cư trú

trong núi Tuyết, sinh ra và nuôi lớn trai gái tất cả mấy chục người, bà con đây gia cường thịnh, nhà cửa nghiêm trang tốt đẹp, tuy kho đụn tràn đầy mà lấy nghề săn bắn làm sự nghiệp. Đã từng vào một lúc, đàn ông trai trẻ đều ra ngoài đi săn bắn, lúc ấy Đức Thế Tôn muốn đi đến cung trời an cư thuyết pháp để báo ân mẹ, trước tiên dùng Phật nhãn quán xét khắp thế gian, đứng có chúng sinh nào mà Đức Phật cần phải đích thân hóa độ, do không gặp Đức Phật mà mất đi lợi ích. Ngay lúc ấy trông thấy Xiết Ca và các quyết thuộc, thiện căn đã chín muồi đến lúc thấy chân lý. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn vì hóa độ cho họ, cho nên từ trú xứ ẩn hình đi đến hiện ra ở trước cửa nhà ấy. Người cha già trông thấy từ xa thì biết là Đức Phật, hoan hỷ nghênh đón, cung kính lễ lạy, thưa rằng: Thưa Thánh Tử! Hôm nay là ngày gì mà hạ cố đến nhà con? Thưa Đấng Thiện Thệ Pháp Vương! Hôm nay là ngày gì mà được rủ lòng chú ý đến? Lập tức sai người vậy nghiệp quét dọn, bày trải chỗ ngồi sạch sẽ, đốt hương rải hoa thỉnh Đức Thế Tôn vào nhà đã có chỗ ngồi. Lúc ấy người cha già kia, dẫn theo những người nữ rập đầu lạy dưới chân Đức Phật, chấp tay cung kính chọn lấy tất cả các loại thịt sạch sẽ khô-tươi trong nhà, điều hòa hương vị để dâng lên Đức Thế Tôn. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo rằng: Dừng lại, dừng lại! Chư Phật Như Lai không ăn máu thịt. Lúc ấy người cha già kia và những người nữ, vâng lời dạy xấu hổ lùi lại ngồi về một phía”.

Có người nói: Đức Phật vào ngày này ở giữa hư không mà đi đến.

Có người nói: Chọn lấy thức ăn của Bắc châu để dâng lên lúc giữa trưa.

“Đức Phật thuận theo căn cơ của họ nói cho nghe về pháp quan trọng, cả nhà lớn nhỏ cùng chứng được Ly sinh, đạt được quả Dự lưu, sinh ra pháp nhãn thanh tịnh, tâm hết sức hoan hỷ chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn. Đức Phật chú ý đến căn cơ khác lại nói pháp cho nghe. Lúc ấy những người trẻ tuổi thu lấy chim-hươu bắt được, tùy ý giết hại rồi lại bố trí hầm bẫy xong gánh thịt mà trở về. Đến nơi những người phụ nữ thường đón đợi, bỗng nhiên vào ngày này quá lạ vì sao không đến? Tất cả dấy lên suy nghĩ này: Dừng vì có kẻ khác! Leo lên chỗ cao nhìn về, từ xa trông thấy trong nhà có người phi thường, uy quang sáng rực như đài cao đúc bằng vàng, cha và những người nữ vây tròn trước sau, liền sinh lòng giận dữ cùng nói với nhau rằng: Bọn họ không đón đợi như vậy chắc chắn là do kẻ kia kềm giữ. Tức giận đã sâu sắc, không rồi để buông gánh, cầm dao tiến thẳng vào tìm cách muốn làm hại Đức Phật.

Người cha mắng rằng: Các con dừng lại, dừng lại! Đây là bậc Thánh, đấng Thiện Thệ Pháp Vương, đến cứu độ chúng ta, tất cả nên vui mừng vì may mắn, đừng khởi lên tâm ác! Các người con đã nghe đều sinh lòng hối hận xấu hổ, vứt dao không gán rập đầu lay cầu xin thương xót, cung kính chấp tay lùi về ngòai một phía. Đức Phật thuận theo căn cơ của họ nói cho nghe về pháp quan trọng. Những người con nghe rồi cũng chứng được Ly sinh, đạt được quả Dự lưu, sinh ra pháp nhãn thanh tịnh tâm hết sức hoan hỷ chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn. Lúc ấy trong rừng hoang, vô lượng chim chóc hươu nai, ra vào các hầm bẫy mà chết và bị thương không phải là một, do lực của Thánh đạo làm cho nghiệp đạo sát sinh Vô biểu của những người con không phát sinh”.

Hỏi: Giết hại những chúng sinh nào ở phần vị gia hạnh có thể tiến vào Thánh đạo?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Giết hại loài bàng sinh nhưng không phải là giết hại loài người. Có người đưa ra cách nói này: Cũng bao gồm giết hại loài người, chỉ trừ ra đã khởi lên gia hạnh vô gián, cho nên đưa ra cách nói như vậy: Như khởi lên gia hạnh giết hại mà ở giữa chừng chứng thấy pháp tánh.

Hỏi: Nếu đối với tất cả hữu tình được bảo vệ, thì người ấy đối với tất cả hữu tình được rời xa chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt.

1. Có lúc đối với tất cả hữu tình được bảo vệ, không phải là được rời xa, như không thọ Học xứ mà chúng thấy pháp tánh. Đây là hiển bày không thọ luật nghi Biệt giải thoát, gọi là không thọ Học xứ.

2. Có lúc đối với tất cả hữu tình được rời xa, không phải là được bảo vệ, như thọ Học xứ mà phạm vào rời xa. Đây là hiển bày tuy thọ luật nghi Biệt giải thoát, mà bởi vì tác ý không như lý, và bởi vì phiền não như tham..., đối với những sự bảo vệ không có thể rời xa.

3. Có lúc đối với tất cả hữu tình được bảo vệ cũng được rời xa, như thọ Học xứ không phạm vào rời xa. Đây là hiển bày đã thọ luật nghi Biệt giải thoát, lại có thể tác ý như lý suy nghĩ chọn lựa, thậm chí vì mạng sống cũng không cố tình phạm vào.

Như nghe xưa kia có Tỳ kheo khát thực, theo thứ tự đi qua thôn xóm đến nhà người thợ ngọc, đúng lúc gặp người thợ ấy xâu ngọc cho nhà vua, thấy Tỳ kheo đến liền hoan hỷ cầm bát đi vào nhà lấy thức ăn. Tỳ kheo mặc y đó, mặt trời chiếu vào phát ra ánh sáng, từ xa chiếu lên ngọc quý cũng cùng màu đỏ. Có con ngỗng ở bên cạnh, ngỡ là miếng thịt liền nuốt mất. Tỳ kheo trông thấy ngăn lại để giữ viên ngọc nhưng

không kịp. Người thợ ngọc mang bát chứa đầy thức ăn đến, trao cho Tỳ kheo và cùng cảm ơn qua lại mà ra đi. người ấy vào lát sau nhận ra thiếu một viên ngọc, thầm cho rằng Tỳ kheo lấy trộm mà mang đi. lập tức chạy đuổi theo bắt được dẫn trở về mắng rằng: Này Sa-môn! Ông đã là Thích tử, sao không có liêm sỉ mà trộm lấy ngọc nhà vua của tôi? Tỳ kheo trả lời rằng: Tôi không làm điều này. Người ấy nghĩ thầm: Nếu không trừng trị khổ sở thì ngọc không thể nào lấy lại được. liền đánh đập khổ sở, chỗ bị đánh tóe máu, con ngỗng nuốt viên ngọc kia lại đến ría máu, người ấy tức giận dùng gậy đánh con ngỗng, con ngỗng vì thế mà chết. Tỳ kheo liền đề nghị xem con ngỗng chết hay sống, người ấy liền mắng rằng: Theo lý thì đưa viên ngọc ra đây liên quan đến chuyện con ngỗng? Tỳ kheo cố nài nỉ, người ấy mới chịu xem và trả lời rằng đã chết. Tỳ kheo nói cho biết rằng: Con ngỗng nuốt viên ngọc của ông. Người ấy không tin, hãy còn nghi ngờ là mượn cố trốn tội. Tỳ kheo nói rằng: Tôi thật sự trông thấy nó nuốt. Người ấy liền cầm dao để mổ bụng con ngỗng, thế là từ trong bụng lấy được viên ngọc đã mất. Người ấy sinh lòng xấu hổ, buồn vui lẫn lộn, lễ phép xin lỗi Tỳ kheo và thưa rằng: Sao Tôn giả không chỉ rõ sớm hơn, khiến cho tôi ngu muội tối tăm, làm khổ sở đến thân thể Tôn giả, tạo ra nghiệp ác này, mãi mãi nhận chịu khổ đau không có hạn kỳ ra khỏi? Tỳ kheo bảo rằng: Tôi thọ giới cấm thà bỏ thân mạng chứ không làm tổn thương sâu kiến, nếu trước đó chỉ rõ thì nhất định ông sẽ giết hại con ngỗng, không bảo vệ chúng sinh thì sao gọi là trì giới?

Những loại như vậy gọi là đối với tất cả hữu tình cũng được bảo vệ, cũng được rời xa.

4. Có lúc không phải là đối với tất cả hữu tình được bảo vệ, cũng không phải là được rời xa, đó là trừ ra những tướng trước. Tướng là thuộc về tên gọi, như trước nói rộng ra. Nghĩa là trừ ra thành tựu ba luật nghi của loài người, hai luật nghi của loài trời, còn lại luật nghi khác của loài người, trời và toàn phần luật nghi của nẻo khác, làm thành câu thứ tư, cho nên nói là trừ ra những tướng trước.

Có bốn loại luật nghi gọi là bảo vệ:

1. Luật nghi Biệt giải thoát.
2. Luật nghi Tĩnh lự.
3. Luật nghi vô lậu.
4. Luật nghi đoạn.

Luật nghi Biệt giải thoát, đó là Thi-la của cõi Dục. Luật nghi Tĩnh lự, đó là Thi-la của cõi Sắc. Luật nghi vô lậu, đó là Thi-la vô lậu. luật

nghe đoạn, đó là ở trong hai luật nghi Tĩnh lự-vô lậu đều chọn lấy phần ít, lia nhiệm của cõi Dục trong chín đạo vô gián, giới thế tục tùy chuyển thuộc về hai luật nghi, đó là luật nghi Tĩnh lự và luật nghi đoạn; giới vô lậu tùy chuyển cũng thuộc về hai luật nghi, đó là luật nghi vô lậu và luật nghi đoạn.

Hỏi: Vì sao chỉ riêng loại này gọi là luật nghi đoạn?

Đáp: Bởi vì có thể làm đối trị đoạn với phá và khởi lên phiền não phá giới, nghĩa là hai giới tùy chuyển trong tám đạo vô gián trước, chỉ làm đối trị đoạn với khởi lên phiền não phá giới; hai giới tùy chuyển trong đạo vô gián thứ chín, cùng làm đối trị đoạn với phá giới và khởi lên phiền não phá giới. Vì vậy luật nghi Tĩnh lự, vô lậu đối với luật nghi đoạn làm thành bốn câu phân biệt.

Luật nghi Tĩnh lự đối với luật nghi đoạn, làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc là luật nghi Tĩnh lự, không phải là luật nghi đoạn, đó là trừ ra giới thế tục tùy chuyển trong chín đạo vô gián lia nhiệm của cõi Dục, còn lại các giới thế tục tùy chuyển.
2. Có lúc là luật nghi đoạn, không phải là luật nghi Tĩnh lự, đó là giới vô lậu tùy chuyển trong chín đạo vô gián lia nhiệm của cõi Dục.
3. Có lúc là luật nghi Tĩnh lự, cũng là luật nghi đoạn, đó là giới thế tục tùy chuyển trong chín đạo vô gián lia nhiệm của cõi Dục.
4. Có lúc không phải là luật nghi Tĩnh lự, cũng không phải là luật nghi đoạn, đó là trừ ra giới vô lậu tùy chuyển trong chín đạo vô gián lia nhiệm của cõi Dục, còn lại các giới vô lậu tùy chuyển.

Luật nghi vô lậu đối với luật nghi đoạn, làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc là luật nghi vô lậu, không phải là luật nghi đoạn, đó là trừ ra giới vô lậu tùy chuyển trong chín đạo vô gián lia nhiệm của cõi Dục, còn lại các giới vô lậu tùy chuyển.
2. Có lúc là luật nghi đoạn, không phải là luật nghi vô lậu, đó là giới thế tục tùy chuyển trong chín đạo vô gián lia nhiệm của cõi Dục.
3. Có lúc là luật nghi vô lậu, cũng là luật nghi đoạn, đó là giới vô lậu tùy chuyển trong chín đạo vô gián lia nhiệm của cõi Dục.
4. Có lúc không phải là luật nghi vô lậu, cũng không phải là luật nghi đoạn, đó là trừ ra giới thế tục tùy chuyển trong chín đạo vô gián lia nhiệm của cõi Dục, còn lại các giới thế tục tùy chuyển.

Hỏi: Bốn luật nghi này, ai thành tựu mấy loại?

Đáp: Hoặc có người thành tựu một loại, đó là trừ ra luật nghi

đoạn, ba luật nghi còn lại thì thành tựu từng loại một, mà không có ai chỉ thành tựu luật nghi đoạn. Hoặc có người thành tựu hai loại, đó là hoặc hai loại Biệt giải thoát, Tĩnh lực, hoặc hai loại Tĩnh lực-vô lậu, hoặc hai loại Tĩnh lực, đoạn, mà không có ai thành tựu hai loại vô lậu, đoạn. Hoặc có người thành tựu ba loại, đó là hoặc ba loại Biệt giải thoát, Tĩnh lực-vô lậu, hoặc ba loại Biệt giải thoát, Tĩnh lực-đoạn, hoặc ba loại Tĩnh lực-vô lậu-đoạn, không có ai thành tựu ba loại Biệt giải thoát-vô lậu-đoạn. Hoặc có người thành tựu đầy đủ bốn loại. Trong này, người chỉ thành tựu luật nghi Biệt giải thoát, đó là dị sinh sinh ở cõi Dục thọ Học xứ, chưa đạt được tâm thiện của cõi Sắc, người chỉ thành tựu luật nghi Tĩnh lực, đó là dị sinh ở cõi Dục không thọ Học xứ, đạt được tâm thiện của cõi Sắc mà hãy còn có đủ ràng buộc, và sinh ở Tĩnh lực thứ hai, thứ ba- thứ tư; người chỉ thành tựu luật nghi vô lậu, đó là Thánh giả sinh ở cõi Vô sắc. Hoặc có người thành tựu hai loại Biệt giải thoát-Tĩnh lực, đó là dị sinh sinh ở cõi Dục thọ Học xứ, đạt được tâm thiện của cõi Sắc mà hãy còn có đủ ràng buộc. Hoặc có người thành tựu hai loại Tĩnh lực-vô lậu, đó là Thánh giả sinh ở cõi Dục không thọ Học xứ, chưa lìa nhiễm của cõi Dục, và sinh ở Tĩnh lực thứ hai-thứ ba-thứ tư. Hoặc có người thành tựu hai loại Tĩnh lực-đoạn, đó là dị sinh sinh ở cõi Dục không thọ Học xứ, mà lìa nhiễm của cõi Dục từ một phẩm cho đến chín phẩm, và sinh ở Tĩnh lực thứ nhất. Hoặc có người thành tựu ba loại Biệt giải thoát-Tĩnh lực-vô lậu, đó là Thánh giả sinh ở cõi Dục thọ Học xứ, chưa lìa nhiễm của cõi Dục. Hoặc có người thành tựu ba loại Biệt giải thoát-Tĩnh lực-đoạn, đó là dị sinh sinh ở cõi Dục thọ Học xứ, lìa nhiễm của cõi Dục từ một phẩm cho đến chín phẩm. Hoặc có người thành tựu ba loại Tĩnh lực-vô lậu-đoạn, đó là Thánh giả sinh ở cõi Dục không thọ Học xứ, lìa nhiễm của cõi Dục từ một phẩm cho đến chín phẩm, và sinh ở Tĩnh lực thứ nhất. Hoặc có người thành tựu đầy đủ bốn loại, đó là Thánh giả sinh ở cõi Dục thọ Học xứ, lìa nhiễm của cõi Dục từ một phẩm cho đến chín phẩm.

Hỏi: Bốn luật nghi này mấy loại tùy tâm chuyển, mấy loại không tùy tâm chuyển?

Đáp: Ba loại tùy tâm chuyển, một loại tùy tâm chuyển, đó là luật nghi Biệt giải thoát.

Hỏi: Tại sao luật nghi Biệt giải thoát không tùy tâm chuyển?

Đáp: Bởi vì luật nghi Biệt giải thoát thô mà nặng, luật nghi tùy tâm chuyển tế mà lại nhẹ.

Có người nói: Luật nghi Biệt giải thoát bị giới ác làm cho khuất

phục suy tổn, luật nghi tùy tâm chuyển không bị giới ác làm cho khuất phục suy tổn.

Có người nói: Luật nghi Biệt giải thoát bị ý thích xấu ác và ý thích có hại làm cho khuất phục suy tổn, luật nghi tùy tâm chuyển không bị chúng làm cho khuất phục suy tổn.

Có người nói: Luật nghi Biệt giải thoát có thể dụng chậm chạp thực hành không bằng tâm, luật nghi tùy tâm chuyển có thể dụng nhanh nhạy thực hành sánh kịp tâm.

Có người nói: Luật nghi Biệt giải thoát dựa vào Biểu, luật nghi tùy tâm chuyển dựa vào Vô biểu.

Có người nói: Luật nghi Biểu giải thoát là quả thuộc về Biểu, luật nghi tùy tâm chuyển là quả thuộc về Vô biểu.

Có người nói: Luật nghi Biệt giải thoát dựa vào Biểu là quả thuộc về Biểu, luật nghi tùy tâm chuyển dựa vào tâm là quả thuộc về tâm.

Có người nói: Luật nghi Biệt giải thoát dựa vào bộ chúng do người hòa hợp mà thọ được, luật nghi tùy tâm chuyển chỉ dựa vào pháp mà được.

Có người nói: Luật nghi Biệt giải thoát dựa vào người khác mà được, luật nghi tùy tâm chuyển dựa vào chính mình mà được.

Có người nói: Luật nghi Biệt giải thoát không cùng sinh-cùng trú-cùng diệt với tâm, luật nghi tùy tâm chuyển cùng sinh-cùng trú-cùng diệt với tâm.

Có người nói: Luật nghi Biệt giải thoát không cùng một quả-một đẳng lưu-một dị thực với tâm, luật nghi tùy tâm chuyển cùng một quả-một đẳng lưu-một dị thực với tâm.

Có người nói: Luật nghi Biệt giải thoát không cùng sinh với tâm, luật nghi tùy tâm chuyển cùng sinh với tâm.

Có người nói: Tùy tâm chuyển pháp, lý cần phải như vậy. Tâm nếu thiện thì pháp ấy cũng thiện; bất thiện-vô ký cũng như vậy. Luật nghi Biệt giải thoát chỉ là thiện, nếu tùy tâm chuyển thì lúc tâm thiện dấy khởi nó có thể tùy chuyển, lúc tâm bất thiện-vô ký dấy khởi thì nó cần chuyển đoạn mất.

Có người nói: Tùy tâm chuyển pháp, lý cần phải như vậy. Nếu tâm cõi Dục thì pháp ấy cũng cõi Dục; cõi Sắc-cõi Vô sắc và không hệ thuộc cũng như vậy. Luật nghi Biệt giải thoát chỉ là cõi Dục, nếu tùy tâm chuyển thì lúc tâm ôi Dục dấy khởi nó có thể tùy chuyển, lúc tâm cõi Sắc-Vô sắc và không hệ thuộc dấy khởi thì nó cần phải đoạn.

Có người nói: Tùy tâm chuyển pháp, lý cần phải như vậy. Nếu

tâm Học thì pháp ấy cũng là Học; Vô học-Phi học phi vô học cũng như vậy, luật nghi Biệt giải thoát chỉ là Phi học phi vô học, nếu tùy tâm chuyển thì lúc tâm Phi học phi vô học dấy khởi nó có thể tùy chuyển, lúc tâm Học, Vô học dấy khởi thì nó phải đoạn mất.

Có người nói: Tùy tâm chuyển pháp, lý cần phải như vậy. Nếu tâm do kiến mà đoạn thì pháp ấy cũng do kiến mà đoạn; do tu mà đoạn và không đoạn cũng như vậy. Luật nghi Biệt giải thoát chỉ do tu mà đoạn, nếu tùy tâm chuyển thì lúc tâm do tu mà đoạn dấy khởi nó có thể tùy chuyển, lúc tâm do kiến mà đoạn và tâm không đoạn dấy khởi thì nó phải đoạn mất.

Có người nói: Nếu luật nghi Biệt giải thoát tùy tâm chuyển, thì lẽ ra vị lai tu-vị lai thành tựu. Nhưng mà luật nghi Biệt giải thoát không có vị lai tu và vị lai thành tựu.

Có người nói: Nếu luật nghi Biệt giải thoát này tùy tâm chuyển, thì lẽ ra không thì thiết trí giới-lớn nhỏ.

Có người nói: Nếu luật nghi này tùy tâm chuyển, thì lẽ ra không thì thiết trí phẩm quyết định.

Có người nói: Nếu luật nghi Biệt giải thoát này tùy tâm chuyển, thì lẽ ra không phải là bốn duyên-năm uyên mà xả. Nói bốn duyên là:

1. Rời bỏ Học xứ.
2. Sinh ra hai hình thể.
3. Đoạn mất căn thiện.
4. Rời bỏ chúng đồng phần.

Nói năm duyên, đó là bốn duyên trên, và hết đêm.

Có người nói: Nếu luật nghi Biệt giải thoát này tùy tâm chuyển, thì lẽ ra lúc từ cõi trên sinh vào cõi Dục mà có được. Nếu như vậy thì lẽ ra không có ba loại sai biệt như trú vào luật nghi-không luật nghi...

Có người nói: Nếu luật nghi Biệt giải thoát tùy tâm chuyển, thì lúc có tâm có thể có, lúc không có tâm thì phải đoạn mất.

Đừng có những sai lầm như vậy, bởi vì luật nghi Biệt giải thoát không tùy tâm chuyển.

Hỏi: Người trú trong luật nghi Biệt giải thoát, lúc vi phạm luật nghi thì rời bỏ luật nghi hay không?

Đáp: Các Sư nước ngoài đưa ra cách nói như vậy: “Người ấy rời bỏ luật nghi mang lấy phi luật nghi-phi bất luật nghi. Nếu lúc phát lộ không có tâm che giấu, như pháp sám hối trừ bỏ thì rời bỏ phi luật nghi - phi bất luật nghi, trở lại có được luật nghi”.

Nếu đưa ra cách nói này, thì làm cho dễ dàng thông hiểu, phát lộ

sám hối về sai lầm của mình trở lại trú trong luật nghi, tác pháp sám hối trừ bỏ cũng không phải là không có công dụng.

Có Sư khác nói: Lúc người ấy vi phạm luật nghi thì rời bỏ luật nghi mang lấy phi luật nghi-phi bất luật nghi. Nếu lúc phát lộ không có tâm che giấu, như phát sám hối trừ bỏ thì rời bỏ phi luật nghi-phi bất luật nghi, mà không có được luật nghi.

Hỏi: Như nói phát lộ sám hối về sai lầm của mình trở lại trú trong luật nghi, nên thông hiểu thế nào? như pháp sám hối trừ bỏ lẽ nào không phải là vô dụng hay sao?

Đáp: Trú trong ý thích thiện gọi là trú trong luật nghi, lúc bấy giờ rời bỏ ý thích ác, phát khởi ý thích thiện cho nên không phải là vô dụng. Nhưng mà thật ra thì phần vị này không có được luật nghi.

Lại có người nói: Lúc người ấy vi phạm luật nghi, thì luật nghi hiện tại mất đi, mang lấy phi luật nghi- phi bất luật nghi, mà thành tựu luật nghi quá khứ. Nếu lúc phát lộ không có tâm che giấu..., thì như cách nói thứ hai.

Hoặc có người nói: Lúc người ấy vi phạm luật nghi thì sát-na thứ nhất mất đi, tiếp theo về sau lại nối tiếp.

Các Luận Sư ở nước Ca-thấp-di-la nói: “Lúc người ấy vi phạm luật nghi không rời bỏ luật nghi, mà mang lấy phi luật nghi-phi bất luật nghi. Vì vậy, lúc bấy giờ gọi là trú trong phi luật nghi-phi bất luật nghi, cũng gọi là trú trong luật nghi. Nếu lúc phát lộ không có tâm che giấu, như pháp sám hối trừ bỏ thì rời bỏ phi luật nghi-phi bất luật nghi, nhưng gọi là trú trong luật nghi. Như có người giàu mắc nợ người ta thì gọi là người mắc nợ, cũng gọi là người giàu, về sau trả nợ rồi thì chỉ gọi là người giàu”.

Nếu nói như vậy thì làm cho dễ dàng thông hiểu, phát lộ sám hối về sai lầm của mình trở lại trú trong luật nghi, tác pháp sám hối trừ bỏ cũng không phải là không có công dụng.

Hỏi: Giới thiện làm sao có thể sửa trị giới ác?

Đáp: Nhờ vào tâm thì thọ trì làm bạn giúp đỡ, từ vô thỉ đến nay thường xuyên quen theo các Thi-la ác, tạm thời thọ trì giới thiện thì có thể trừ bỏ. Giống như trong nhà trải qua thời gian dài tích tụ bóng tối, ngọn đèn sáng chói vừa đem vào thì bóng tối liền trừ hết. Lại như đối với sự nhạt nhẽo đã lâu quen theo tưởng đến vị mặn, vừa nếm vị của muối thì tưởng kia liền trừ hết. Giới thiện sửa trị giới ác cũng lại như vậy. Đạo sửa trị phiền não nên biết cũng như vậy.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 120

LUẬN VỀ HẠI SINH (Phần 3)

Hỏi: Luật nghi Biệt giải thoát, là chỉ có được từ Sở xứ-Năng xứ của hữu tình, hay là cũng có được từ phi sở-năng xứ? Nếu chỉ có được từ sở xứ-năng xứ, thì luật nghi này phải có tăng giảm, đó là từ phi sở-năng xứ, sinh ra sở xứ-năng xứ thì luật nghi phải tăng; ngay từ sở xứ-năng xứ, sinh ra phi sở-năng xứ thì luật nghi phải giảm. Vả lại, luật nghi này phải thọ phần ít của xứ, mà Đức Thế Tôn nói không có thọ phần ít. Lại cần phải thành lập tông chỉ Ly hệ, đó là ngoại đạo kia vì dụ dỗ người khác cho nên dấy lên nói như vậy: “Cố gắng lên hỡi người nam! Có chúng sinh cách nơi này hơn một trăm Du-thiện-na, nếu khởi lên tâm thiện rồi bỏ dao gậy thề không làm hại người khác, thì đối với người khác sẽ đạt được luật nghi không giết hại”. Nếu nói cũng có được từ phi sở-năng xứ, thì luận Pháp Cứu đã nói nên thông hiểu thế nào? như luận ấy nói: “Thi-la có được từ sở xứ-năng xứ. Từ có được từ sở năng-phi sở năng xứ”.

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Luật nghi có được từ sở năng phi sở năng xứ.

Hỏi: Ba loại vấn nạn trước, ở đây làm cho dễ dàng thông hiểu, luận Pháp cứu làm sao thông hiểu?

Đáp: Nên biết rằng Tôn giả ấy dùng ý bí mật để nói. Đức Phật cũng dùng ý bí mật để thuyết ra các Kinh, huống là Tôn giả ấy không nói theo ý bí mật hay sao? Ý bí mật là gì? Nghĩa là Tôn giả ấy nói Uẩn-Giới-Xứ của đời hiện tại gọi là sở-năng, quá khứ-vị lai gọi là phi sở-năng, giới Biệt giải thoát gọi là Thi-la, hai giới Tĩnh lự-vô lậu gọi là Từ. Luận ấy nói giới Biệt giải thoát chỉ có được đối với Uẩn-Giới-Xứ thuộc về trí hữu tình hiện tại, không đối với quá khứ-vị lai, bởi vì quá khứ-vị lai rơi vào trí thuộc về pháp. Hai loại luật nghi Tĩnh lự-vô lậu, có

được từ Uẩn-Giới-Xứ của cả ba đời, cho nên luận ấy đã nói theo lý cũng không trái ngược gì. Vì vậy luật nghi Biệt giải thoát, cùng với hai loại luật nghi Tĩn lự-vô lậu có tướn sai biệt, đó là luật nghi Biệt giải thoát chỉ có được đối với Xứ của hữu tình hiện tại, hai loại luật nghi Tĩn lự-vô lậu có được từ Uẩn-Giới-Xứ của cả ba đời; luật nghi Biệt giải thoát có được bao gồm từ Xứ của nghiệp đạo căn bản-gia hạnh-dấy khởi sau, hai loại luật nghi Tĩn lự-vô lậu chỉ có được từ Xứ của nghiệp đạo căn bản.

Do sự sai biệt này nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có Uẩn-Giới-Xứ đối với nó có được luật nghi Biệt giải thoát, không phải là Tĩn lự-vô lậu, đó là nghiệp đạo gia hạnh-dấy khởi sau thuộc hiện tại.

2. Có Uẩn-Giới-Xứ đối với nó có được luật nghi Tĩn lự-vô lậu, không phải là Biệt giải thoát, đó là nghiệp đạo căn bản thuộc quá khứ-vị lai.

3. Có Uẩn-Giới-Xứ đối với nó có được luật nghi Biệt giải thoát, cũng là Tĩn lự-vô lậu, đó là nghiệp đạo căn bản của đời hiện tại.

4. Có Uẩn-Giới-Xứ không từ nó có được luật nghi Biệt giải thoát, cũng không phải là Tĩn lự-vô lậu, đó là nghiệp đạo gia hạnh-dấy khởi sau của quá khứ-vị lai.

Hỏi: Nếu luật nghi Biệt giải thoát chỉ có được từ Xứ của hữu tình hiện tại, không phải là từ Uẩn-Giới-Xứ thuộc quá khứ-vị lai, thì luật nghi của các Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không giống nhau. Nguyên cố thế nào? Bởi vì lúc chư Phật quá khứ xuất hiện ở thế gian, vô lượng hữu tình là cảnh giới của luật nghi, loài hữu tình ấy đã nhập Niết-bàn, Đức Thích Ca Mâu Ni ở trong cảnh giới ấy không có được luật nghi. Nay đến lúc Đức Phật Thích Ca xuất hiện ở thế gian vô lượng hữu tình làm cảnh của luật nghi, loài hữu tình ấy đã nhập Niết-bàn, Đức Như Lai từ thị ở trong cảnh ấy không có được luật nghi. Cảnh có rộng-hẹp, luật nghi cũng như vậy, lẽ nào không phải là luật nghi của chư Phật không giống nhau hay sao?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Cảnh giới của luật nghi tuy có nhiều ít, mà Thể của luật nghi trước sau không có gì khác, đều có được từ Xứ thuộc cảnh của tất cả hữu tình tổng hợp lại mà phát ra.

Có người đưa ra cách nói này: Luật nghi của Như Lai ba đời không giống nhau cũng không có gì sai.

Hỏi: Nếu như vậy thì luận Thi Thiết nói nên thông hiểu thế nào? Như luận ấy nói: “Tất cả Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thấy đều bình

đẳng”.

Đáp: Do ba sự giống nhau cho nên gọi là bình đẳng:

1. Tu hành giống nhau, nghĩa là các Đức Như Lai đều từ ba vô số kiếp quá khứ, thường xuyên tu bốn loại Ba-la-mật-đa, cứu cánh viên mãn đạt được Bồ-đề.

2. Lợi ích giống nhau, nghĩa là các Đức Như Lai đều đối với hữu tình ứng hóa vô lượng, làm sự việc lợi lạc đều đến nơi cuối cùng.

3. Pháp thân giống nhau, nghĩa là các Đức Như Lai đều đạt được công đức thù thắng như mười Lực-bốn Vô sở úy, ba Niệm trú-Đại Bi, mười tám pháp Bất cộng... Do ba nghĩa này cho nên nói là bình đẳng, không phải là Thể của luật nghi không có khác nhau về nhiều ít. Lại do căn giống nhau cho nên nói là bình đẳng, bởi vì tất cả Như Lai đều trú trong căn phẩm Thượng, lại do giới giống nhau cho nên nói là bình đẳng, bởi vì tất cả Như Lai đều đạt được giới phẩm Thượng.

Có Sư khác nói: Tất cả luật nghi của hết thảy Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, đều có được từ Xứ của tất cả hữu tình cho nên nói là giống nhau, không phải là Thể không có khác nhau. Nghĩa là luật nghi của chư Phật quá khứ thuận vào cảnh của các hữu tình, giả sử nay vẫn còn thì Đức Thích Ca Mâu Ni từ trong cảnh ấy cũng đạt được luật nghi. Nhưng mà lý này không có. Luật nghi của Đức Thích Ca Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thuận theo cảnh của các hữu tình, giả sử đang còn thì Đức Như Lai Từ Thị từ trong cảnh ấy cũng đạt được luật nghi. Nhưng mà lý này không có. Vì vậy nói là giống nhau cũng không có gì sai.

Nhưng các luật nghi nên nói là có một, như nói: Giới uẩn-giới tu-giới học. Hoặc nên nói là hai, đó là Biểu-Vô biểu. Hoặc nên nói là ba, đó là Hạ-Trung-Thượng, hoặc là từ không có tham-không có sân-không có si mà sinh ra sai khác. Hoặc nên nói là bốn, đó là nghiệp thân-ngữ đều có Biểu-Vô biểu. Hoặc nên nói là sáu, đó là Biểu-Vô biểu đều có Thượng-Trung-Hạ, hoặc là do ba căn mà sinh ra. Hoặc nên nói là bảy, đó là lìa bỏ sát sinh cho đến lìa bỏ lời nói tạp ược. Hoặc nên nói là chín, đó là từ Hạ cho đến Thượng Thượng. Hoặc nên nói là mười hai, đó là thân-ngữ-Biểu-Vô biểu đều có ba phẩm, hoặc là ba căn sinh ra. Hoặc nên nói là mười bốn, đó là lìa bỏ sát sinh cho đến lìa bỏ lời nói tạp ược, đều có Biểu-Vô biểu. Hoặc nên nói là mười tám, đó là Biểu-Vô biểu đều có chín phẩm. Hoặc nên nói là hai mươi mốt, đó là lìa bỏ sát sinh cho đến lìa bỏ lời nói tạp ược đều có ba phẩm, hoặc là ba căn sinh ra. Hoặc nên nói là bốn mươi hai, đó là lìa bỏ sát sinh cho đến lìa bỏ lời nói tạp ược, đều có Biểu-Vô biểu, đều từ ba phẩm, hoặc là ba căn sinh ra.

Nếu dùng sát-na nối tiếp nhau để phân biệt, thì có vô lượng luật nghi. Nay nói tổng quát về bảy loại, đó là lia bỏ sát sinh cho đến lia bỏ lời nói tạp uế.

Trong này, có người nói: Bảy chi giới ấy, mỗi một chi đạt được từ Xứ của tất cả hữu tình, mà đã đạt được là một. Đó là nói ở nơi một hữu tình, lúc vi phạm một chi giới, thì đối với Xứ của tất cả hữu tình, một chi giới này đoạn mất, sáu chi khác hãy còn chuyển. Vậy thì dễ dàng thông hiểu lời Đức Thế Tôn đã nói: “Nếu vi phạm Học xứ, thì không phải là Tỳ kheo, không phải là Sa-môn, không phải là người họ Thích”.

Có người nói: Bảy chi giới này, mỗi một chi đạt được từ Xứ của tất cả hữu tình, mà đã đạt được đều khác; như số lượng hữu tình đã đạt được, giới cũng như vậy. Đó là nói ở nơi một hữu tình, lúc vi phạm một chi giới, thì đối với Xứ của một hữu tình này, đoạn mất một chi giới, sáu chi khác hãy còn chuyển; Xứ của hữu tình khác thì bảy chi đều chuyển.

Hỏi: Nếu như vậy thì làm sao thông hiểu lời Đức Thế Tôn đã nói: “Nếu vi phạm Học xứ, thì không phải là Tỳ kheo ...” Đáp: Dựa vào Tỳ kheo thuộc về Thắng nghĩa mà nói không phải là Tỳ kheo, bởi vì không có năng lực hưởng đến nơi ấy.

Có Sư khác nói: Luật nghi Biệt giải thoát, tùy theo nhân sai biệt làm thành hai mươi một loại.

Trong này, có người nói: hai mươi một loại, mỗi một loại đạt được từ Xứ của tất cả hữu tình, mà đã đạt được không khác nhau. Đó là nói do phiền não tham, ở nơi một hữu tình, lúc vi phạm một chi giới, đối với Xứ của tất cả hữu tình do không có tham mà sinh ra, đoạn mất một chi giới, hai mươi loại còn lại như trước vẫn chuyển. Vậy thì dễ dàng thông hiểu lời Đức Thế Tôn đã nói: “Nếu vi phạm Học xứ, thì không phải là Tỳ kheo...”

Có người nói: Hai mươi một loại này, mỗi một loại đạt được từ Xứ của tất cả hữu tình, mà đã đạt được đều khác nhau; như số lượng hữu tình đã đạt được, giới cũng như vậy. Đó là nói do phiền não tham, ở nơi một hữu tình, lúc vi phạm một chi giới, tức là Xứ của một hữu tình này do không có tham mà sinh ra, đoạn mất một chi giới, hai mươi loại còn lại như trước vẫn chuyển, Xứ của hữu tình khác đầy đủ hai mươi một loại đều chuyển.

Hỏi: Nếu như vậy thì làm sao thông hiểu lời Đức Thế Tôn đã nói: “Nếu vi phạm Học xứ, thì không phải là Tỳ kheo ...”?

Đáp: Dựa vào Tỳ kheo thuộc về Thắng nghĩa mà nói không phải

là Tỳ kheo, như trước đã nói. Dựa vào lý như vậy, cho nên đưa ra các nói này: Thà làm xuất gia vi phạm các Học xứ, chứ không làm tại gia giữ năm giới. Nguyên cố thế nào? bởi vì nếu người ấy hủy phạm năm loại Học xứ thì trong thân sẽ trống rỗng, những người xuất gia giả sử vi phạm năm Học xứ mà còn có rất nhiều loại khác vẫn chuyển.

Các Luận Sư của nước Ca-thấp-di-la nói: “Tuy vi phạm luật nghi mà luật nghi không đoạn mất, như pháp sám hối trừ bỏ vẫn gọi là trì giới, bởi vì không có lập tức thọ mà rời bỏ-đạt được riêng biệt, cho nên lúc chưa sám hối trừ bỏ thì mang lấy đủ hai tên gọi; nếu đã sám hối trừ bỏ thì chỉ gọi là trì giới”.

Hỏi: Từ trong vật khác đạt được luật nghi hay không? Nếu có đạt được thì luật nghi đã đạt được phải có tăng giảm, nghĩa là lúc cỏ mọc rồi khô héo, lúc vị của rượu hư hỏng thì phải giảm; ngay lúc cỏ mọc-lúc men rượu chín muối thì phải là tăng. Những sự việc như vậy, chúng loại ấy rất nhiều, cho nên luật nghi phải có tăng giảm. Nếu không đạt được thì cảnh của luật nghi này phải thọ phần ít của Xứ, mà Đức Thế Tôn nói: “Luật nghi như vậy không có thọ phần ít”. Vả lại, đoạn mất cỏ mọc... mà sám hối trừ bỏ thì lẽ ra không có tác dụng gì?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Tuy có đạt được mà không gọi là luật nghi, chỉ là pháp thuận theo luật nghi.

Hỏi: Pháp thuận theo luật nghi này, là luật nghi thâm nhiếp, hay là phi luật nghi thâm nhiếp? nếu là luật nghi thâm nhiếp thì nói là luật nghi, hoặc nói là thuận theo luật nghi thì lại có gì khác nhau? Nếu là phi luật nghi thâm nhiếp, thì pháp này có tương gì mà nói là thuận theo luật nghi?

Đáp: Phi luật nghi thâm nhiếp. nói như vậy thì từ trong pháp khác cũng đạt được luật nghi.

Hỏi: Nếu như vậy thì luật nghi phải có tăng giảm:

Đáp: không có tăng giảm, bởi vì đạt được chung. Nghĩa là toàn bộ luật nghi này ở trong tất cả cỏ mọc... đạt được một Vô biểu, mà thế gian không có lúc nào không có cỏ mọc; tổng quát đối với tất cả các loại rượu như Bồ-đào..., thì lúc không hư hỏng đạt được một Vô biểu, mà thế gian không có lúc nào không có các loại rượu. Vì vậy luật nghi không có tăng giảm, phá khác cũng như vậy.

Hỏi: Luật nghi Biệt giải thoát do những tâm nào đạt được?

Đáp: Do tâm khởi lên ý thích thiện, tâm không có tổn hại đối với tất cả hữu tình mà đạt được. Nếu ở nơi ấy khởi lên tâm này thì thọ nơi ấy, không thọ thì không đạt được luật nghi. Bởi vì luật nghi này bao

trùm tất cả mọi nơi mà tùy theo thọ cho nên có thể bảo vệ được. Vì vậy nói: Nếu luật nghi này có phạm vi nơi chốn thì do mặt đất mà không thọ, bởi vì luật nghi này đạt được từ Xứ của hữu tình, mà phạm vi của hữu tình thì nhiều-phạm vi của nơi chốn thì ít.

Hỏi: Nếu thành tựu thân thì lúc ấy thành tựu thân nghiệp chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt.

1. Có lúc thành tựu thân mà không phải là thân nghiệp, đó là ở trong vỏ trứng, hoặc là các dị sinh trú trong thai tạng. Nếu sinh ở cõi Dục trú trong phi luật nghi-phi bất luật nghi thì cũng không có thân biểu; giả sử có mà mất, lúc ấy trú trong vỏ trứng và trong thai tạng, tuy thành tựu thân mà chưa có thể cho biểu lộ, bởi vì trước đã làm cho biểu lộ mà lúc chết thì đã mất, đây là biểu lộ dựa vào chúng đồng phần trước.

Hỏi: Tại sao phần vị này chưa có thể làm cho biểu lộ?

Đáp: Bởi vì thân yếu ớt chưa có thể làm sở y cho Biểu nghiệp.

Có Sư khác nói: Tâm thô có thể phát ra Biểu nghiệp của thân-ngũ, mà tâm ấy thì tế. Lại bởi vì tâm ở phần ngoài có thể phát ra Biểu Nghiệp, lúc bấy giờ tâm ấy chuyển ở phần trong. Lại bởi vì tâm duyên với sự bên ngoài có thể phát ra Biểu nghiệp, tâm ấy duyên với sự bên trong mà dấy khởi cho nên không có thể phát ra Biểu nghiệp.

Có người nói: Trong phần vị này ép sát không được tự tại, còn không thể nào nhúc nhích, hướng gì gây khởi Biểu nghiệp? Như Lai giặc thù trói chặt đưa vào trong cũi treo trên cây ao, còn không thể nào nhúc nhích, hướng gì có nơi hướng đến?

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao cũng nói là trong thai có chuyển động?

Đáp: Do lực của gió mà chuyển chứ không phải là do tâm đã làm, Biểu nghiệp chắc chắn do lực của tâm mà dấy khởi.

Nếu sinh ở cõi Dục trú trong phi luật nghi-phi bất luật nghi thì không có thân biểu, nghĩa là ngủ mê mệt rời bỏ các gia hạnh, không cầu dấy khởi biểu hiện.

Giả sử có mà mất, nghĩa là bởi vì ba duyên cho nên tuy dấy khởi biểu hiện mà mất:

- Bởi vì ý thích dừng lại.
- Bởi vì rời bỏ gia hạnh.
- Bởi vì giới hạn xu thế vượt qua.

2. Có lúc thành tựu thân nghiệp mà không phải là thân, đó là các Thánh giả sinh ở cõi Vô sắc. Trong này, Học thành tựu thân nghiệp tùy chuyển thuộc về Học, Vô học thành tựu thân nghiệp tùy chuyển thuộc

về Vô học, sinh ở cõi Vô sắc cho nên không thành tựu về thân.

3. Có lúc thành tựu thân cũng là thân nghiệp, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng. Nếu sinh ở cõi Dục thì trú vào luật nghi, hoặc trú vào bất luật nghi, hoặc trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, hiện tại có thân biểu, hoặc là trước có mà không mất. Hoặc là sinh ở cõi Sắc.

Trong này, Thánh giả trú trong thai tạng thì cũng chưa có thể dấy khởi biểu hiện, chỉ thành tựu Vô biểu thuộc Tĩnh lự-vô lậu. nếu sinh ở cõi Dục thì trú vào luật nghi, nghĩa là đối với ba loại luật nghi, hoặc một-hoặc đầy đủ mà trú, tức là Biệt giải thoát-Tĩnh lự và vô lậu. trú vào bất luật nghi, nghĩa là hạng giết mổ trâu dê. Trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, hiện tại có thân biểu, nghĩa là không ngủ-không say-không mệt mỗi-không rời bỏ gia hạnh, cầu dấy khởi Biểu nghiệp. Hoặc là trước có mà không mất, nghĩa là bởi vì ba duyên, trước đó đã dấy khởi Biểu nghiệp không mất:

- Bởi vì ý thích không dừng lại.

- Bởi vì không rời bỏ gia hạnh.

- Bởi vì giới hạn xu thế chưa vượt qua. Đây là nói do niềm tin sâu nặng, hoặc là ràng buộc mạnh mẽ, dấy khởi Biểu-Vô biểu cho đến chưa rời bỏ. Hoặc là sinh ở cõi Sắc, lúc ấy quyết định thành tựu thân nghiệp Vô biểu, hoặc là cũng thành tựu thân biểu.

4. Có lúc không phải là thành tựu thân cũng không phải là thân nghiệp đó là các dị sinh sinh vào cõi Vô sắc; cõi ấy không có sắc cho nên không thành tựu thân, dị sinh cho nên không thành tựu thân nghiệp, hữu lậu thì vượt qua cõi-địa đã rời bỏ, vô lậu thì chưa đạt được.

Hỏi: Vì sao nghiệp của sắc hữu lậu vượt qua cõi-địa thì rời bỏ chứ không phải là vô lậu?

Đáp: Bởi vì nghiệp của sắc hữu lậu bị ràng buộc-có hệ thuộc, nghiệp của sắc vô lậu thì giải thoát-lìa hệ thuộc.

Có người nói: Bởi vì nghiệp của sắc hữu lậu rơi vào cõi-rơi vào địa, nghiệp của sắc vô lậu rơi vào địa mà không rơi vào cõi.

Có người nói: Bởi vì nghiệp của sắc hữu lậu cùng loại do Đại chủng tạo ra, năng tạo-sở tạo đều là hữu lậu; nghiệp của sắc vô lậu khác loại do Đại chủng tạo ra, Đại chủng là hữu lậu mà nghiệp là vô lậu.

Bởi vì nhân duyên này lúc vượt qua cõi-địa, nghiệp hữu lậu thì rời bỏ, nghiệp vô lậu thì không rời bỏ.

Hỏi: Đạt được pháp Nhẫn, lúc dị sinh mang chung có rời bỏ pháp Nhẫn hay không? Nếu rời bỏ thì tại sao không rơi vào nẻo ác? Vả lại,

nếu rời bỏ thì tại sao lúc dị sinh mạng chung lại rời bỏ, mà Thánh giả thì không rời bỏ? Nếu không rời bỏ thì tại sao văn này và chương Đại Chúng Uẩn đều không nói đến?

Đáp: Nên nói là rời bỏ.

Hỏi: Nếu như vậy thì lúc ấy tại sao không rơi vào nẻo ác?

Đáp: Bởi vì thế lực to lớn của căn thiện này; tự mình có thế lực yếu kém của căn thiện, tuy rằng thành tựu mà không ngăn được nẻo ác, huống gì không thành tựu? Như sinh ra đạt được thiện, hoặc là có thế lực hùng mạnh của căn thiện, tuy không thành tựu mà ngăn được nẻo ác, huống là thành tựu như pháp Nhân này? Vì vậy tuy rời bỏ mà không rơi vào nẻo ác.

Lại có người nói: Bởi vì căn thiện này phát sinh trong thân, khiến dẫn đến xa lìa các nghiệp phiền não của nẻo ác, đối với thân hoàn toàn không dấy khởi, nhân hãy còn không dấy khởi; huống là rơi vào nẻo ác hay sao? Như người vào mùa Thu uống thuốc ngừa bệnh, thuốc tuy không ở trong thân người ấy mà bệnh trong thân người ấy cũng không phát sinh; ở đây cũng như vậy.

Lại có người nói: Bởi vì thế lực uy mãnh của căn thiện này huân tập vào thân, khiến cho các nghiệp-phiền não của nẻo ác vĩnh viễn không còn dấy khởi ở trong thân này, nhân không dấy khởi cho nên không rơi vào nẻo ác. Như hang đá mà sư tử chúa đã ở, sư tử chúa tuy không còn mà mùi thân thể hãy còn đọng lại, các loài cầm thú nhỏ bé không có loài nào có thể đi vào; ở đây cũng như vậy.

Lại nữa, căn thiện này như chủ trong thân có thế lực hùng mạnh, bất thiện như khách với thế lực yếu kém. Lại nữa, căn thiện này có ý thích tăng thượng, thích đoạn pháp ác-thích tu pháp thiện. Lại nữa, căn thiện này phát sinh trong thân rồi tất cả nẻo ác đạt được phi trạch diệt, pháp phi trạch diệt không có sinh khởi; vì vậy không rơi vào. Lại nữa, bởi vì căn thiện này phát sinh trong thân, khiến cho hành giả ấy rơi vào dòng chảy của Đại pháp. Bởi vì nghĩa như vậy, cho nên không rơi vào nẻo ác.

Lại có người nói: Bởi vì căn thiện này gần bên cạnh Thánh đạo, dựa vào lực của Thánh đạo cho nên không rơi vào nẻo ác. Như người sợ kẻ thù mà nương tựa vào nhà vua, dựa vào lực của nhà vua cho nên khiến những kẻ thù không dám nhìn thẳng, huống gì có thể làm hại, pháp này cũng như vậy, gần với Thánh đạo cho nên khiến các nghiệp-phiền não dẫn đến nẻo ác hãy còn không hiện hành, huống là rơi vào nẻo ác hay sao?

Lại có người nói: Bởi vì căn thiện này giữ gìn thân khí của Thánh giả đã trú, nghĩa nói rằng thân này Thánh đạo đang an trú, có thể làm cho các nghiệp, phiền não dẫn đến nẻo ác phải vĩnh viễn rời xa. Như có nơi tốt đẹp là nơi nhà vua tuận lòng cư trú, quan quân canh gác quản lý, người khác không ai có thể ở được; pháp này cũng như vậy.

Lại có người nói: Bởi vì căn thiện này phát sinh trong thân, cho nên khiến hành giả ấy chắc chắn ở chốn trời-người chứ không ở trong nẻo ác. Như người giàu sang chắc chắn ở nơi tốt đẹp chứ không ở chỗ thấp kém; pháp này cũng như vậy.

Có người nói: Gia hạnh của căn thiện này đích thực hơn hẳn, làm cho thế lực của các nghiệp phiền não dẫn đến nẻo ác suy yếu, không còn có thể dẫn đến dị thực của nẻo ác, vì vậy tuy rời bỏ mà không rơi vào nẻo ác.

Có người nói: Do lực tăng thượng của căn thiện này, làm cho hành giả ấy thấy rõ sai lầm của hành ác và công đức của hành thiện, vì vậy nghiệp ác chắc chắn không còn sinh tử, huống gì rơi vào nẻo ác?

Có người nói: Do lực tăng thượng của căn thiện này, khiến cho hành giả ấy trú trong ý thích thiện, nhận thấy lỗi lầm của sinh tử và công đức thù thắng của Niết-bàn, cho nên không tạo ra nghiệp ác, không rơi vào nẻo ác.

Có người nói: Do lực tăng thượng của căn thiện này, khiến cho tâm của hành giả ấy điều hòa tùy thuận với Niết-bàn, tín căn rất vững chắc, vì vậy tuy rời bỏ mà không rơi vào nẻo ác.

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: “Do lực tăng thượng của căn thiện này, khiến cho ý thích thù thắng của hành giả ấy, tâm đối với nhập Niết-bàn thường tùy thuận hướng về sắp tiến vào, mong muốn pháp Nhẫn cầu mong vô cùng, vì nhân duyên này mà không tạo ra nghiệp ác, cho nên tuy rời bỏ mà không rơi vào nẻo ác”.

Hỏi: Vì sao dị sinh mạng chung thì rời bỏ pháp Nhẫn đã đạt được, Thánh giả thì không rời bỏ?

Đáp: Dị sinh không có đối trị vô lậu, bởi vì tự mình duy trì cho nên lúc mạng chung thì rời bỏ căn thiện này; Thánh giả có đối trị vô lậu để tự mình duy trì, vì vậy không rời bỏ.

Có người nói: Định lực của dị sinh yếu kém, xu thế không vững chắc, bởi vì vốn là hữu lậu; như nước không có keo pha lẫn các màu sắc tùy theo vật mà vẽ ra, không tồn tại được lâu, vì vậy mà rời bỏ Định lực vô lậu vững mạnh của Thánh giả, duy trì căn thiện mà mạng chung không rời bỏ. Thí dụ đã nói ngược lại với trước nên biết.

Có người nói: Dị sinh không có Chỉ-Quán thù thắng cho nên mạng chung thì rời bỏ, Thánh giả thì ngược lại cho nên mạng chung không rời bỏ.

Có Sư khác nói: Dị sinh mạng chung cũng không rời bỏ pháp Nhẫn.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao văn này và chương Đại Chung Uẩn không nói đến?

Đáp: Nên nó mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Đã nói ở trong câu thứ ba, nghĩa là các Thánh giả trú trong thai tạng thành tựu thân và nghiệp. Thánh có hai loại:

1. Thế tục.
2. Thắng nghĩa.

Đạt được căn thiện này thì gọi là Thánh thuộc thế tục, nếu tiến vào Thánh đạo thì gọi là Thánh thuộc thắng nghĩa. Phát tâm xuất gia còn gọi là Thánh giả, hướng là đạt được pháp Nhẫn ư?

Có Sư khác nói: Điều này không quyết định dị sinh mạng chung có rời bỏ hay không rời bỏ. Nếu đối với pháp Nhẫn luôn luôn gia hạnh sâu nặng, gia hạnh tu tập vững chắc, thì lúc người ấy mạng chung không rời bỏ pháp Nhẫn; nếu không như vậy thì lúc mạng chung sẽ rời bỏ. Như đã quen lắng nghe, nếu rất thuần thục thì trải qua thời gian dài mà không quên; không như vậy thì sẽ quên. Như Từ Thụ Tử vào lúc mới sinh ra liền có thể nói to rằng: Kiết có hai bộ...

Nói như vậy thì dị sinh mạng chung chắc chắn rời bỏ pháp Nhẫn, bởi vì căn thiện yếu kém. Dị sinh dựa vào địa này khởi lên căn thiện loại này, mạng chung sinh trở lại địa này; rời bỏ Đồng phần cho nên hãy còn quyết định rời bỏ, hướng là pháp của cõi Sắc trải qua đời sống của cõi Dục mà cho rằng không rời bỏ hay sao?

Trong kinh nói: “Sinh có bốn loại, đó là noãn sinh, thai sinh, thấp sinh và hóa sinh. Thế nào là noãn sinh? Đó là các hữu tình từ vỏ trứng sinh ra, sẽ trú trong vỏ trứng, đã trú-đang trú trong vỏ trứng, lớn lên bên trong phá vỡ vỏ trứng mà sinh ra..., sinh khởi-hiện khởi-vượt ra-đã vượt ra. Đó là các loài chim như Ngỗng-Nhạn-Khổng tước, Anh vũ-Xá lợi ca, Câu chỉ la-Mạng mạng..., và một loài rỗng, một loài diêu sí, một loài thuộc nẻo người. Lại có những loài khác từ vỏ trứng sinh ra, nói rộng ra như trên, đó gọi là noãn sinh. Thế nào là thai sinh? Đó là các hữu tình từ màng bào thai sinh ra, sẽ trú trong màng bào thai, đã trú-đang trú trong màng bào thai, lớn lên bên trong phá vỡ màng bào thai

mà sinh ra..., sinh khởi-hiện khởi-vượt ra- đã vượt ra. Đó là các loài như voi-ngựa-trâu-dê-lạc đà-lừa-hươu..., và một loài rồng, một loài diêu sí, một loài quý, một loài thuộc nẻo người. Lại có những loài khác từ màng bào thai sinh ra, nói rộng ra như trên, đó gọi là thai sinh. Thế nào là thấp sinh? Đó là các hữu tình từ hơi ẩm sinh ra, hoặc dựa vào các lá của cỏ cây cuộn lại làm ổ, hoặc dựa vào thịt nát rửa-ăn các loại phân dơ..., hoặc dựa vào ao hồ sông biển lần lượt chuyển đổi cùng tươi thắm-cùng áp sát-cùng nường tựa mà sinh ra..., sinh khởi-hiện khởi-vượt ra-đã vượt ra. Đó là các loài ruồi muỗi giun đế, côn trùng sâu bọ..., và một loài rồng, một loài diêu sí, một loài thuộc nẻo người. Lại có những loài khác từ hơi ẩm sinh ra, nói rộng ra như trên, đó gọi là thấp sinh. Thế nào là hóa sinh? Đó là các hữu tình sinh ra mà không có sự nhờ cậy, các căn không thiếu sót, tay chân thân thể đầy đủ, dựa vào nơi chốn lập tức sinh-lập tức hiện khởi-lập tức xuất hiện. Đó là các nẻo địa ngục-các loài trời, tất cả Trung hữu, và một loài rồng, một loài diêu sí, một loài quý, một loài thuộc nẻo người. Lại có những loài hữu tình khác sinh ra mà không có sự nhờ cậy, nói rộng ra như trên, đó gọi là hóa sinh.

Hỏi: Các loài chim có sắc vi diêu trong trời cõi Dục, là noãn sinh hay là hóa sinh? Nếu là noãn sinh, thì loài ấy mạng chung rồi phải có thi hài, vậy thì chư Thiên phải trông thấy sắc dơ bẩn. Nhưng chư Thiên đối với cửa ngõ sáu xứ luân luôn đối diện với cảnh tuyệt vời, như trong kinh nói: “Mắt ấy đã thấy tất cả đều đáng yêu-vừa ý-bình đẳng, cho đến ý đã biết cũng như vậy”. Nếu là hóa sinh, thì trong hóa sinh trước đây tại sao không nói?

Đáp: Các loài chim ấy đều là noãn sinh.

Hỏi: Nếu như vậy thì chim ấy mạng chung rồi phải có thi hài, tại sao chư Thiên lại trông thấy sắc dơ bẩn?

Đáp: Chim ấy mạng chung chưa lâu thì có luồng gió mạnh nổi lên đưa thi hài ấy ra xa bỏ vào nơi khác.

Có Sư khác nói: Các loài chim ấy đều là hóa sinh.

Hỏi: Trong hóa sinh trước đây tại sao không nói?

Đáp: Nên nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác. Có người nói chim ấy đã thâu nhiếp trong một loại chim diêu sí đã nói ở trước, vì vậy không có gì sai.

Hỏi: Bốn sinh như vậy lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Lấy bốn Uẩn-năm Uẩn để làm tự tánh, nghĩa là năm Uẩn thuộc cõi Dục-Sắc, bốn Uẩn thuộc cõi Vô sắc.

Trong này, có người nói: Chỉ lấy Uẩn dị thực để làm tự tánh.

Có người nói: Cũng bao gồm trưởng dưỡng. Đó gọi là tự tánh của bốn sinh.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cố.

Hỏi: Vì sao gọi là Sinh?

Đáp: Các loài hữu tình hòa hợp mà hiện khởi cho nên gọi là Sinh.

Hỏi: Ba cõi-năm nẻo đều hòa hợp mà hiện khởi, cũng gọi là sinh, đâu chỉ có bốn loại này?

Đáp: Bốn loại này chỉ làm cho số hữu tình hiện khởi, cũng thâm nhiếp tất cả số hữu tình; cõi và nẻo thì không như vậy. Bởi vì cõi tuy bao trùm tất cả số hữu tình, mà không phải là chỉ có số hữu tình hiện khởi, còn gồm chung cả loài phi tình. Nẻo tuy chỉ có hữu tình hiện khởi, mà không phải là tất cả số hữu tình, bởi vì không thâm nhiếp Trung huu⁴. vì vậy chỉ riêng bốn loại này gọi là Sinh.

Hỏi: Sinh là nghĩa gì? Đáp: Nghĩa về hữu tình hiện rõ là nghĩa của Sinh, nghĩa về hữu tình phát khởi-nghĩa về hữu tình xuất hiện là nghĩa của Sinh.

Hỏi: Ở cõi nào-nẻo nào, có mấy loại Sinh có thể có được? Đáp: Ở trong cõi Dục thì bốn loại Sinh có thể có được, cõi Sắc-Vô sắc chỉ có hóa sinh, bởi vì hai cõi ấy lúc thọ sinh mà không có sự nương nhờ. Ở trong năm nẻo thì trời và địa ngục, chỉ có hóa sinh. Có người nói: Nẻo quỷ cũng chỉ là hóa sinh. Có người nói: Nẻo quỷ cũng có thai sinh, như ngã quỷ nữ thừa với Mục-liên rằng:

“Ban đêm con sinh ra năm con, hễ sinh ra đều tự mình ăn,

Ban ngày sinh ra năm cũng vậy, tuy ăn hết mà không hề no”.

Nẻo bàng sinh và nẻo người đều ó đủ bốn loại Sinh. Người sinh ra từ trứng: xưa ở châu này có người buôn, đi vào biển gặp được một con Hạc mái, hình dáng màu sắc xinh đẹp to lớn, ngạc nhiên mà vui sướng, thế là sinh ra hai trứng. Về sau trứng nở ra hai bé trai đoan chánh thông minh, lớn lên xuất gia đều đạt được quả A-la-hán, người em tên gọi Ô-ba-thế-la, người anh tên gọi Thế-la. Lại như mẹ của Tỳ-xá-khư sinh ra ba mươi hai trứng, Phi hậu của vua Bàn-giá-la sinh ra năm trăm trứng... Người sinh ra từ thai, như người tế gian này. Người sinh ra từ biến hóa, như người ở thời gian bắt đầu của kiếp.

Bốn loại Sinh thì hữu tình đều thọ sinh rồi, có thể gặp được Thánh pháp, gặp được Thánh pháp rồi, chắc chắn không còn thọ nhận noãn sinh và thấp sinh.

Hỏi: Vì sao như vậy?

Đáp: tánh của noãn sinh và thấp sinh phần nhiều là ngu muội, Thánh giả thông tuệ cho nên không thọ sinh trong loại ấy.

Có người nói: Noãn sinh và thấp sinh pháp vốn như vậy, cùng với tánh Thánh trái ngược nhau, cho nên Thánh giả không thọ sinh trong loại ấy.

Có Sư khác nói: hai loại Sinh ấy nhiều ý thích xấu ác, nhiều ý thích làm hại; Thánh giả thì không như vậy, ý thích chỉ là thiện.

Có người nói: Hai loại Sinh ấy phần nhiều thực hành giới ác, chìm sâu trong biển khổ; Thánh giả đã có được giới mà bậc Thánh quý trọng, là phao nổi kiên cố có năng lực vượt qua biển khổ.

Có người nói: Noãn sinh và thấp sinh là loài bàng sinh, Thánh giả đã đạt được Phi trạch diệt đối với loài ấy.

Có người nói: Noãn sinh và thấp sinh phần nhiều là tướng dồn ép chật chội, Thánh giả thì không như vậy, mà phần nhiều là nghiệp rộng lớn. Bởi vì nghĩa như vậy, cho nên Thánh giả không thọ sinh trong hai loại ấy.

Có Sư khác nói: Bậc Thánh thích ở một mình, chán ngán sợ hãi sinh trở lại, mà loài thấp sinh thì quả thật là phức tạp, các loài noãn sinh thì trải qua tiếp tục sinh, nghĩa là ra khỏi thai mẹ và ra khỏi vỏ trứng, cho nên thế gian nói là Phạm chí Sa-môn, chim gọi là tiếp tục sinh, voi gọi là tiếp tục uống. Vì vậy Thánh giả không thọ sinh trong loài ấy.

Có Sư khác nói: Noãn sinh và thấp sinh phần nhiều không có nơi nương nhờ, Thánh giả thành tựu pháp nương nhờ thù thắng, cho nên không thọ sinh trong loài ấy. Vì vậy, có người nói như vậy: Nếu A-m-la-vệ có nơi nương nhờ thù thắng thì không nên để cho Ma-kiền-địa-ca xúc phạm làm nhục.

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: “Nơi cha đã sinh ra thì con vẫn sinh trong đó. Điều này ý nói rằng: Như các Đại Bồ tát gần bên Phật địa, là cha của các bậc Thánh, các vị ấy chắc chắn không thọ sinh trong noãn sinh và thấp sinh, con đạt được quả Thánh cũng lại như vậy. Bởi vì các nhân duyên đã nói như vậy, cho nên bậc Thánh chắc chắn không thọ sinh trong noãn sinh và thấp sinh”.

Hỏi: Bốn loại Sinh như vậy thì loại nào rộng nhất?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Noãn sinh rộng nhất. Như nghe: trong các khe núi ở nghiệp ngoài, hễ nơi nào tồn tại thì trứng đều lấp đầy, voi ngựa... chà đạp đều không nhận biết.

Có Sư khác nói: Thai sinh rộng nhất. Như nghe: Nghiệp ngoài có một con cóc sinh con khắp bảy thửa ruộng, có một con cá đi khắp nơi

sinh con chứa đầy trong bầy ao hồ.

Có Sư khác nói: Thấp sinh rộng nhất. Nguyên cố thế nào? Bởi vì nếu vào thời gian mùa mưa, giả sử có thật thối rửa-phân dơ... tích tụ, thì dưới từ tầng kim luân trên đến cõi Phạm Thế, mà ở đó tất cả đều có thể trở thành sâu bọ, như vậy các loài sâu bọ đều thuộc về thấp sinh.

Nói như vậy thì hóa sinh rộng nhất, bởi vì thâm nhiếp toàn bộ hai nẻo-phần ít của ba nẻo, và tất cả Trung Hữu đều là hóa sinh. Vả lại, bởi vì toàn bộ hai cõi và phần ít của một cõi đều là hóa sinh, ở trong cõi Dục thì ba loại Sinh gia hạnh cũng là hóa sinh.

Hỏi: Như vậy bốn loại Sinh thì loại nào mạnh nhất?

Đáp: Hóa sinh là mạnh nhất.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao thân cuối cùng của Bồ tát không thọ sinh trong loài hóa sinh?

Đáp: Bởi vì hai thời gian xuất thế không hòa hợp, nghĩa là loài người lúc bắt đầu của kiếp thì thọ sinh trong loài hóa sinh, lúc bấy giờ Phật không xuất thế; đến lúc kiếp giảm thì Phật xuất hiện ở thế gian, lúc bấy giờ loài người không còn hóa sinh.

Lại có người nói: Hóa sinh lướt nhẹ, không có thể làm nơi nương tựa cho núi chúa công đức như Lực-Vô úy... của Phật.

Lại có người nói: Tất cả hóa sinh thì thân của loài ấy yếu ớt, không thể nào gánh vác nổi gánh nặng của Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

Lại có người nói: Nếu thọ thân hóa sinh, thì không có quan hệ như gia tộc-quyến thuộc..., mà loại ấy đều là quả của nghiệp tuyệt diệu; Bồ tát suốt cuộc đời chịu khó tu nghiệp tuyệt diệu đến cuối cùng được trọn vẹn đầy đủ, cho nên không thọ thân hóa sinh.

Lại có người nói: Bồ tát suốt cuộc đời tinh tiến mạnh mẽ tạo tác tăng trưởng cảm đến nghiệp cha mẹ, cha mẹ Bồ tát cũng suốt cuộc đời tu tập cảm đến nghiệp của người con bậc Thánh, nếu thọ thân hóa sinh thì sự tu tập của cả hai phía đều trống rỗng, không có quả gì, vì vậy không thọ thân hóa sinh.

Có người nói: Muốn hiển bày tất cả sự tôn quý thù thắng của Bồ tát, đó gọi là rí tuệ-nhận thức-dòng họ-địa vị... bởi vì nghĩa này cho nên không thọ thân hóa sinh.

Có người nói: Vì đoạn trừ tâm ngạo mạn về dòng họ của chúng sinh, dựa vào dòng họ thù thắng cho nên không thọ thân hóa sinh.

Có người nói: Muốn thâm nhiếp dẫn dắt niềm vui của người tại gia khiến họ tiến vào chánh pháp, cho nên không thọ thân hóa sinh. Nếu thọ thân hóa sinh thì họ sẽ nói rằng: Phật không có thân thích quyến

thuộc, cho nên phỉ báng phép tắc trong gia đình họ hàng, lẽ nào sánh bằng chúng ta hay sao? Nếu Bồ tát sinh trong gia đình Sát-đế-lợi, tổ tiên thân thích cường thịnh, mà có thể chán ngán rời bỏ như vứt bỏ nước mũi nước bọt, mở rộng cửa ngõ cam lộ, thành tựu quả vị Đẳng Chánh Giác, thì họ đều sinh ra ý tưởng hiểm có, kính trọng tiếp nhận giáp pháp đã nói ra.

Có người nói: Bồ tát muốn làm người bảo vệ trong ngoài cho cột cao chánh chánh, cho nên không thọ thân hóa sinh. Chư Phật đều có bảo vệ trong-bảo vệ ngoài, trong nghĩa là pháp phần bồ đề, ngoài nghĩa là thân thích quyến thuộc. Nếu không có bảo vệ ngoài thì sẽ bị ngoại đạo ác đảng phá hoại, cho nên Đức Phật hóa độ những người họ Thích để bảo vệ Chánh pháp. Vì vậy, thậm chí Lục quần Tỳ kheo cũng nói: Nếu có ngoại đạo đến quấy rối Đức Phật, nếu Đức Phật không chế định thì chúng ta cũng có thể dùng sức của mình để làm bọn họ phải khuất phục.

Có người nói: Muốn chặn đứng sự phỉ báng của ngoại đạo, cho nên không thọ thân hóa sinh. Nghĩa là Phật tự mình từ cung trời Đổ-sử-đa ẩn đi, ánh sáng trên thân chói lọi sai chiếu Đại thiên thế giới, tiến vào thai mẹ đã đủ mười tháng, từ thai mẹ ra ngoài, liền đi bảy bước tự xưng là Độc Tôn, xuất gia tu khổ hạnh, đến cội cây Bồ đề thành tựu quả vị Đẳng Chánh Giác, hãy còn bị phỉ báng rằng: Qua trăm kiếp sau Đại huyễn sẽ xuất hiện, không có cha-không có mẹ, ăn nuốt cả thế gian. Nếu thọ thân hóa sinh thì tăng thêm sự phỉ báng, vì vậy Bồ tát không thọ thân hóa sinh.

Có người nói: Vì muốn làm lợi ích cho các hữu tình ở đời vị lai, cho nên không thọ thân hóa sinh. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì nếu thọ thân thai sinh thì có thân để lại, sau khi nhập Niết-bàn tuy trải qua ngàn năm, mà vô lượng hữu tình thậm chí nếu có thể đối với thân để lại, nhỏ như hạt cải khởi tâm thanh tịnh ân cần, cung kính cúng dường đạt được phước thiện vô biên, sinh đến cõi trời hưởng thụ vui sướng được nhập Niết Bàn. Nếu thọ thân hóa sinh thì không có sự việc này. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì hóa sinh lúc mạng chung như ánh đèn sáng tắt đi không còn gì để lại.

Trong này, dựa vào luận mà phát sinh luận.

Hỏi: Vì sao hóa sinh mạng chung không còn gì để lại?

Đáp: Bởi vì loại ấy lúc sinh các căn lập tức hiện khởi, cho nên lúc chết lại cũng lập tức diệt đi, như người đùa giỡn trong nước thoát ỉn thoát hiện.

Lại có người nói: Thân hóa sinh nhẹ nhàng tuyệt diệu như làn mây-như chớp điện, cũng như làn gió-ngọn lửa tắt rồi không sót lại gì, không ai biết được nơi nào. Lại nữa, thân hóa sinh tăng về căn pháp, ba loại Sinh còn lại không phải là tăng về căn pháp, bởi vì tăng về căn pháp cho nên diệt thì lập tức diệt. Nghĩa là thân hóa sinh đã tiếp nhận thân hình-tóc-móng... đều là vật không có chút nào thuộc căn pháp.

Hỏi: Nếu thân hóa sinh chết đi không có gì để lại, tại sao trong kinh nói chim Diệu sí (Đại bàng cánh vàng) hóa sinh bắt loài rồng hóa sinh để ăn thịt?

Đáp: Bởi vì không biết cho nên bắt để ăn thịt, nhưng không đỡ đói tý nào.

Có người nói: Loài rồng ấy trong thời gian chưa chết thì tạm thời được đỡ đói, lúc chết rồi trở lại đói, đói lại bắt để ăn thịt, không hề trải qua xa cách.

Lại có người nói: Các loài rồng hóa sinh thì thân của chúng vô cùng tuyệt diệu, giống như bơ sữa... vừa nuốt vào bụng thì trở thành món ăn.

Hoặc có người nói: Chim Diệu sí hóa sinh có nhiều những cách thức khéo léo, bắt được loài rồng hóa sinh thì dùng chân đè lên cổ, bắt đầu từ đuôi mà nuốt vào, mạng sống chưa kết thúc thì có thể làm thức ăn, chết rồi thì không như vậy.

Có Sư khác nói: Lúc chim Diệu sí ấy ăn thịt loài rồng hóa sinh, trước tiên tiết ra nước dãi làm nát nhừ bộ não chảy theo xuống dưới, cho rồng cùng nuốt thì mới thành sự việc ăn thịt, không phải là một mình rồng hóa sinh mà thành sự việc ăn.

Hỏi: Kinh khác đã nói lại thông hiểu thế nào? như nói: “Trong Đại địa ngục, có con chó đen lốm đốm to mập khỏe mạnh và bạo ác, nhảy xổ vào các hữu tình nằm trên mặt đất bằng thép, đánh toạc bụng của hữu tình ấy mà ăn nuốt ruột gan-bao tử”.

Đáp: Bởi vì ruột gan-bao tử của hữu tình ấy chưa lìa khỏi thân, tạm thời có thể đỡ đói cho nên nói là ăn. Có người nói: Bởi vì hữu tình ấy chịu tội của nghiệp lực xấu ác, chỉ làm cho nhận chịu đau khổ chứ không phải là làm sự việc ăn thịt.

Hỏi: Nếu thành tựu thân thì lúc ấy thành tựu ngữ nghiệp chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc thành tựu thân mà không phải là ngữ nghiệp.
2. Có lúc thành tựu ngữ nghiệp mà không phải là thân.
3. Có lúc thành tựu thân cũng là ngữ nghiệp.

4. Có lúc không phải là thành tựu thân cũng không phải là ngữ nghiệp.

Phần này cũng như trước nói trong phần thân đối với thân nghiệp, sai biệt là phần này nói về ngữ nghiệp, bởi vì nghiệp-ngữ nghiệp hệ thuộc vào địa có hay không có, chắc chắn không có khác nhau.

Hỏi: Nếu thành tựu thân thì lúc ấy thành tựu ý nghiệp chăng?

Đáp: Các thân thành tựu, lúc ấy nhất định thành tựu ý nghiệp. Có lúc thành tựu ý nghiệp mà không phải là thân, đó là sinh ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân thì lúc ấy thành tựu thân nghiệp-ngữ nghiệp chăng?

Đáp: Có lúc thành tựu thân mà không phải là thân nghiệp-ngữ nghiệp, đó là ở trong vô trứng, hoặc là các sự sinh trú trong thai tạng. Nếu sinh ở cõi Dục trú trong phi luật nghi- phi bất luật nghi, thì không có thân-ngữ biểu, giả sử có mà mất. Có lúc thành tựu thân và thân nghiệp mà không phải là ngữ nghiệp, đó là sinh ở cõi Dục trú trong phi luật nghi-phi bất luật nghi, hiện tại có thân biểu, hoặc là trước đó có không mất; không có ngữ biểu, giả sử có mà mất. Có lúc thành tựu thân và ngữ nghiệp mà không phải là thân nghiệp, đó là sinh ở cõi Dục trú trong phi luật nghi-phi bất luật nghi, hiện tại có ngữ biểu, hoặc là trước đó có không mất; không có thân biểu, giả sử có mà mất. Có lúc thành tựu thân và thân nghiệp-ngữ nghiệp, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, hoặc là trú trong bất luật nghi, hoặc là trú trong phi luật nghi-phi bất luật nghi, hiện tại có thân-ngữ biểu, hoặc trước đó có không mất; hoặc là sinh cõi Sắc.

Hỏi: Giả sử thành tựu thân nghiệp-ngữ nghiệp thì lúc ấy trước thân chăng?

Đáp: Hoặc thành tựu, hoặc không trước. Thế nào là thành thành tựu? Đó là như trước nói. Thế nào là không thành tựu? Đó là các Thánh giả sinh ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân thì lúc ấy thành tựu thân nghiệp-ý nghiệp chăng?

Đáp: Có lúc thành tựu thân và ý nghiệp mà không phải là thân nghiệp, đó là ở trong vô trứng, hoặc là các sự sinh trú trong thai tạng. Nếu sinh ở cõi Dục trú trong phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì không có thân biểu, giả sử có mà mất. Có lúc thành tựu thân và thân nghiệp-ý nghiệp, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, hoặc trú trong bất luật nghi, hoặc trú trong phi luật nghi-phi bất luật nghi, hiện tại có thân biểu, hoặc trước đó có không mất,

hoặc là sinh ở cõi Sắc.

Hỏi: Giả sử thành tựu thân nghiệp-ý nghiệp thì lúc ấy thành tựu thân chẳng?

Đáp: Hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Thế nào là thành tựu? Đó là như trước nó. Thế nào là không thành tựu? Đó là các Thánh sinh ở cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân thì lúc ấy thành tựu ngữ nghiệp-ý nghiệp chẳng?

Đáp: Có lúc thành tựu thân và ý nghiệp mà không phải là ngữ nghiệp. Có lúc thành tựu thân và ngữ nghiệp-ý nghiệp. Phần này đều như trước nói trong phần thân đối với thân nghiệp-ý nghiệp, sai biệt là phần này nói đến ngữ biểu.

Hỏi: Giả sử thành tựu ngữ nghiệp-ý nghiệp thì lúc ấy thành tựu thân chẳng?

Đáp: Hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu, cũng như phần ấy đã nói.

Hỏi: Nếu thành tựu thân thì lúc ấy thành tựu thân nghiệp-ngữ nghiệp-ý nghiệp chẳng?

Đáp: Có lúc thành tựu thân và ý nghiệp mà không phải là thân nghiệp-ngữ nghiệp. Có lúc thành tựu thân và thân nghiệp-ý nghiệp mà không phải là ngữ nghiệp. Có lúc thành tựu thân và ngữ nghiệp-ý nghiệp mà không phải là thân nghiệp. Có lúc thành tựu thân và thân nghiệp-ngữ nghiệp-ý nghiệp. Phần này đều như trước nói trong phần thân đối với thân nghiệp-ngữ nghiệp, bởi vì ý nghiệp trong tất cả mọi lúc đều thành tựu.

Hỏi: Giả sử thành tựu thân nghiệp-ngữ nghiệp-ý nghiệp thì lúc ấy thành tựu thân chẳng?

Đáp: hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu, cũng như phần ấy đã nói.

Hỏi: Nếu thành tựu thân nghiệp thì lúc ấy thành tựu ngữ nghiệp chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu:

1. Có lúc thành tựu thân nghiệp mà không phải là ngữ nghiệp, đó là sinh ở cõi Dục trú trong phi luật nghi-phi bất luật nghi, hiện tại có thân biểu, hoặc trước đó có không mất; không có ngữ biểu, giả sử có mà mất.

2. Có lúc thành tựu ngữ nghiệp mà không phải là thân nghiệp, đó là sinh ở cõi Dục trú trong phi luật nghi-phi bất luật nghi, hiện tại có

ngữ biểu, hoặc trước đó có không mất, không có thân biểu, giả sử có mà mất.

3. Có lúc trước thân nghiệp cũng là ngữ nghiệp, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, hoặc trú trong bất luật nghi, hoặc trú trong phi luật nghi-phi bất luật nghi, hiện tại có thân-ngữ biểu, hoặc trước đó có không mất; hoặc là sinh ở cõi sinh ở cõi Sắc, hoặc là các Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc.

4. Có lúc không phải là thành tựu thân nghiệp cũng không phải là ngữ nghiệp, đó là ở trong vỏ trứng, hoặc là các dị sinh trú trong thai tạng. Nếu sinh ở cõi Dục trú trong phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì không có thân-ngữ biểu, giả sử có mà mất; hoặc là các dục sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân nghiệp thì lúc ấy thành tựu ý nghiệp chẳng?

Đáp: Nếu thành tựu thân nghiệp thì lúc ấy thành tựu ý nghiệp. Có lúc thành tựu ý nghiệp mà không phải là thân nghiệp, đó là ở trong vỏ trứng, hoặc là các dị sinh trú trong thai tạng. Nếu sinh ở cõi Dục trú trong phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì không có thân biểu, giả sử có mà mất; hoặc là các dị sinh đến cõi vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân nghiệp thì lúc ấy thành tựu ngữ nghiệp- ý nghiệp chẳng?

Đáp: Có lúc thành tựu thân nghiệp và ý nghiệp mà không phải là ngữ nghiệp, đó là sinh ở cõi Dục trú trong phi luật nghi-phi bất luật nghi, hiện tại có thân biểu, hoặc trước đó có không mất; không có ngữ biểu, giả sử có mà mất. Có lúc thành tựu thân nghiệp và ý nghiệp-ngữ nghiệp, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, hoặc trú trong bất luật nghi, hoặc trú trong phi luật nghi-phi bất luật nghi, hiện tại có thân-ngữ biểu, hoặc trước đó có không mất; hoặc là sinh vào cõi Sắc, hoặc là các Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Giả sử thành tựu ngữ nghiệp-ý nghiệp thì lúc ấy thành tựu thân nghiệp chẳng?

Đáp: Hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Thế nào là thành tựu? Đó là như trước nói. Thế nào là không thành tựu? Đó là sinh ở cõi Dục trú trong phi luật nghi-phi bất luật nghi, hiện tại có ngữ biểu, hoặc trước đó có không mất, không có thân biểu, giả sử có mà mất.

Hỏi: Nếu thành tựu ngữ nghiệp thì lúc ấy thành tựu ý nghiệp chẳng?

Đáp: Nếu thành tựu ngữ nghiệp thì lúc ấy thành tựu ý nghiệp.

Có lúc thành tựu ý nghiệp mà không phải là ngũ nghiệp. Phần này như trước nói về thân nghiệp đối với ý nghiệp, sai biệt là ở đây nói đến ngũ biểu.

Trên đây đã nói tổng quát về nghĩa tóm lược, đó là thân ấy nếu sinh đến cõi Vô sắc thì nhất định không thành tựu, sinh ở cõi Dục-sắc thì nhất định thành tựu. Thân nghiệp-ngũ nghiệp ấy, nếu ở trong vô trứng, dị sinh ở trong thai tạng, và các dị sinh sinh đến cõi Vô sắc, thì nhất định không thành tựu. Tất cả Thánh giả, dị sinh cõi Sắc, và dị sinh cõi Dục, trú trong giới thiện-giới ác thì đều nhất định thành tựu. Còn lại hoặc thành tựu, hoặc không thành tựu. Ý nghiệp thì tất cả đều nhất định thành tựu.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 121

LUẬN VỀ HẠI SINH (Phần 4)

Nếu nghiệp chưa lìa nhiễm, thì dị thực của nghiệp ấy chưa lìa nhiễm chẳng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về nghĩa của mình. Nghĩa là phải Độc Tử Bộ nói nghiệp thuộc năm Bộ, dị thực đã có được cũng gồm chung năm Bộ. Muốn ngăn chặn ý đó để hiển bày về nghiệp tuy bao gồm năm Bộ mà dị thực ấy chỉ do tu mà đoạn, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Nếu nghiệp chưa lìa nhiễm, thì dị thực của nghiệp ấy chưa lìa nhiễm chẳng?

Đáp: Các nghiệp chưa lìa nhiễm, thì dị thực của nghiệp ấy nhất định chưa lìa nhiễm. Hoặc có lúc dị thực nghiệp chưa lìa nhiễm, mà nghiệp ấy đã lìa nhiễm, đó là người Dự lưu đã lìa nhiễm của nghiệp do kiến mà đoạn, dị thực của nghiệp ấy chưa lìa nhiễm.

Nên biết trong này, hoặc có lúc nghiệp lìa nhiễm đầu tiên, sau đó dị thực mới lìa nhiễm; hoặc có lúc nghiệp và dị thực ấy cùng lúc lìa nhiễm. Chắc chắn không có dị thực được lìa nhiễm đầu tiên, về sau nghiệp ấy mới được lìa nhiễm. Nghĩa là lúc bốn pháp nhãn, làm cho các nghiệp bất thiện do bốn Bộ thâm nhiếp được lìa nhiễm đầu tiên, không phải là dị thực của nghiệp. Vả lại, lúc lìa nhiễm của cõi Dục thì tám đạo vô gián trước, làm cho các nghiệp bất thiện do tu mà đoạn thuộc tám phẩm trước được lìa nhiễm đầu tiên, không phải là dị thực của nghiệp. Các dị thực ấy phải đến đạo vô gián thứ chín thì mới được lìa nhiễm, đó gọi là nghiệp lìa nhiễm đầu tiên, sau đó dị thực ấy mới được lìa nhiễm. Nếu lúc lìa nhiễm của cõi Dục, thì đạo vô gián thứ chín làm cho các nghiệp bất thiện thuộc phẩm thứ chín, tất cả thân nghiệp-ngữ nghiệp

bất bất thiện, nghiệp thiện của cõi Dục, và các dị thực ấy cùng lúc lìa nhiễm. Lúc lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, thì đạo vô gián thứ chín làm cho nghiệp của Tĩnh lự thứ nhất và dị thực ấy cùng lúc lìa nhiễm. Như vậy cho đến lúc lìa nhiễm của Phi tướng phi phi tướng xứ, thì đạo vô gián thứ chín làm cho nghiệp của Phi tướng phi phi tướng xứ, và dị thực ấy cùng lúc lìa nhiễm. Như vậy gọi là nghiệp và dị thực cùng lúc lìa nhiễm. Bởi vì nghiệp bất thiện phi sắc, do năm Bộ thâu nhiếp cũng do đạo thuộc chín phẩm mà đoạn; các nghiệp bất thiện thuộc sắc, nghiệp thiện hữu lậu, tất cả dị thực, chỉ do tu mà đoạn, chỉ do đạo thuộc phẩm Thượng Thượng mà đoạn. Đó gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược ở nơi này.

Nhưng trong này dựa vào hai nghiệp mà soạn luận, đó là nghiệp do kiến mà đoạn và do tu mà đoạn, cho nên đưa ra cách nói này. Nếu dựa vào năm nghiệp mà soạn luận, thì không nên nói đó là người Dự lưu đã lìa nhiễm của nghiệp do kiến mà đoạn, cho đến nói rộng ra. Nên đưa ra cách nói này: “Đó là người chưa lìa nhiễm cõi Dục, Khổ trí đã sinh mà Tập trí chưa sinh, nghiệp do kiến khổ mà đoạn đã lìa nhiễm, dị thực của nghiệp ấy chưa lìa nhiễm; Tập trí đã sinh mà Diệt trí chưa sinh, nghiệp do kiến Khổ-tập mà đoạn đã lìa nhiễm, dị thực của nghiệp ấy chưa lìa nhiễm; Diệt trí đã sinh mà Đạo trí chưa sinh, nghiệp do kiến Khổ-Tập-Diệt mà đoạn đã lìa nhiễm, dị thực của nghiệp ấy chưa lìa nhiễm. Đạo trí đã sinh mà chưa lìa nhiễm của cõi Dục, nghiệp do kiến Khổ-Tập-Diệt-Đạo mà đoạn đã lìa nhiễm, dị thực của nghiệp ấy chưa lìa nhiễm. Lúc lìa nhiễm của cõi Dục từ một phẩm cho đến tám phẩm, nghiệp thuộc tám phẩm ấy đã lìa nhiễm, dị thực của nghiệp ấy chưa lìa nhiễm. Lúc lìa nhiễm của cõi Dục thuộc đạo vô gián thứ chín, nghiệp thuộc phẩm thứ chín ấy, tất cả thân nghiệp-ngũ nghiệp bất thiện, nghiệp thiện của cõi Dục, và các dị thực ấy cùng lúc lìa nhiễm. Lúc lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất cho đến lìa nhiễm của Phi tướng phi phi tướng xứ thuộc đạo vô gián thứ chín, nghiệp thiện của các địa và dị thực ấy cùng lúc lìa nhiễm”. Nhưng mà không đưa ra cách nói này, là bởi vì dựa vào hai nghiệp mà soạn luận.

Hỏi: Nếu nghiệp đã lìa nhiễm thì dị thực của nghiệp ấy đã lìa nhiễm chăng?

Đáp: Dị thực của các nghiệp đã lìa nhiễm, thì nghiệp ấy nhất định đã lìa nhiễm. Hoặc có nghiệp đã lìa nhiễm, mà dị thực của nghiệp ấy chưa lìa nhiễm, đó là nghiệp do kiến mà đoạn đã lìa nhiễm của người Dự lưu, dị thực của nghiệp ấy chưa lìa nhiễm. Trong này phân biệt rộng ra như trước đã nói.

Nếu nghiệp có quả thì nghiệp ấy đều có dị thực chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ tà vạy để hiển bày về Chánh nghĩa. Nghĩa là có ngoại đạo chấp rằng tất cả nghiệp thiện-ác không có quả dị thực. Vì ngăn chặn ý đó để hiển bày rằng tất cả nghiệp đều có quả, các nghiệp hữu lậu thiện và bất thiện đều có dị thực, cho nên soạn ra phần luận này.

Nhưng trong Kinh nói: “Quả có năm loại:

1. Quả đẳng lưu.
2. Quả dị thực.
3. Quả ly hệ.
4. Quả sĩ dụng.
5. Quả tăng thượng”.

Quả đẳng lưu, nghĩa là thiện sinh ra thiện, bất thiện sanh ra bất thiện, vô ký sinh ra vô ký. Quả dị thực, nghĩa là nhân của các pháp bất thiện-hữu lậu thiện đã dẫn đến dị thực, quả thiện-ác này chỉ là vô ký, khác loại mà chín muồi cho nên lập thành tên gọi dị thực. Quả ly hệ, nghĩa là đạo vô gián đoạn trừ các phiền não. Đạo vô gián này, dùng đoạn những phiền não làm quả ly hệ và quả sĩ dụng, dùng đạo giải thoát làm quả đẳng lưu và quả sĩ dụng, dùng các đạo sau đều hơn hẳn chủng loại của mình làm quả đẳng lưu. Nếu đạo vô gián, dùng Tập được tác chứng có thể đoạn các phiền não trước đây, thì đạo vô gián này dùng đoạn phiền não ấy, chỉ làm quả sĩ dụng.

Đây là nói tổng quát. Nếu nói riêng biệt thì khổ pháp trí nhãn, dùng mười tùy miên do kiến khổ mà đoạn thuộc cõi Dục kia đều đoạn, làm quả ly hệ và quả sĩ dụng; dùng khổ pháp trí phẩm làm quả đẳng lưu và quả sĩ dụng; dùng các đạo vô lậu sau đều hơn hẳn làm quả đẳng lưu. Như vậy cho đến Đạo loại trí nhãn, dùng mười bốn tùy miên do kiến Đạo mà đoạn thuộc cõi Sắc-Vô sắc đều đoạn, làm quả ly hệ và quả sĩ dụng; dùng Đạo loại trí phẩm làm quả Đẳng lưu và quả sĩ dụng; dùng các đạo vô lậu sau đều hơn hẳn làm quả đẳng lưu. Dùng Tập được tác chứng đoạn các tùy miên do kiến Khổ-tập-Diệt mà đoạn thuộc ba cõi, và các tùy miên do kiến Đạo mà đoạn thuộc cõi Dục đều đoạn; Đạo loại nhãn này, dùng đoạn các tùy miên ấy làm quả sĩ dụng.

Những người Dự lưu, lúc cầu tác chứng đối với quả Nhất lai, năm đạo vô gián đầu, dùng tùy miên thuộc năm phẩm ấy đều đoạn, làm quả ly hệ và quả sĩ dụng; dùng năm đạo giải thoát, làm quả đẳng lưu và quả

sĩ dụng; dùng các đạo sau đều hơn hẳn chủng loại của mình làm quả đẳng lưu. Đạo vô gián thứ sáu, dùng tùy miên thuộc phẩm thứ sáu đều đoạn, làm quả ly hệ và quả sĩ dụng; dùng đạo giải thoát thứ sáu làm quả đẳng lưu và quả sĩ dụng; dùng các đạo sau đều hơn hẳn chủng loại của mình làm quả đẳng lưu. Dùng tập được tác chứng cùng đạo tùy miên thuộc năm phẩm trước do kiến mà đoạn thuộc ba cõi, và do tu mà đoạn thuộc cõi Dục; đạo vô gián thứ sáu này, dùng đoạn các tùy miên ấy làm quả sĩ dụng.

Những người Nhất lai, lúc cầu tác chứng đối với quả Bất hoàn, đạo vô gián khởi lên có thể đoạn bốn tùy miên do tu mà đoạn thuộc cõi Dục. Nếu đoạn phẩm thứ bảy và thứ tám, thì đạo vô gián này dùng tùy miên thuộc hai phẩm ấy đều đoạn, làm quả ly hệ và quả sĩ dụng; dùng hai đạo giải thoát, làm quả đẳng lưu và quả sĩ dụng; dùng các đạo sau đều hơn hẳn chủng loại của mình, làm quả đẳng lưu. Nếu đoạn phẩm thứ chín, thì một đạo vô gián dùng tùy miên thuộc phẩm thứ chín đều đoạn, làm quả ly hệ và quả sĩ dụng; dùng đạo giải thoát thứ chín, làm quả đẳng lưu và quả sĩ dụng; dùng các đạo sau đều hơn hẳn chủng loại của mình, làm quả đẳng lưu. Dùng Tập được tác chứng cùng đoạn tùy miên thuộc tám phẩm trước do kiến mà đoạn thuộc ba cõi, và do tu mà đoạn thuộc cõi Dục; đạo vô gián thứ chín này, dùng đoạn các tùy miên ấy làm quả sĩ dụng.

Những người Bất hoàn, lúc cầu tác chứng đối với quả Vô học, đạo vô gián khởi lên có thể đoạn sáu tùy miên do tu mà đoạn thuộc cõi Sắc-Vô sắc. Nếu đoạn nhiệm của Tĩnh lực thứ nhất từ một phẩm cho đến chín phẩm, thì đạo vô gián thứ chín này dùng tùy miên thuộc chín phẩm ấy đều đoạn, làm quả ly hệ và quả sĩ dụng; dùng chín đạo giải thoát làm quả đẳng lưu và quả sĩ dụng; dùng các đạo sau đều hơn hẳn chủng loại của mình làm quả đẳng lưu.

Như vậy cho đến là nhiệm của Phi tướng phi phi tướng xứ, tám đạo vô gián trước dùng tùy miên thuộc tám phẩm ấy đều đoạn, làm quả ly hệ và quả sĩ dụng; dùng tám đạo giải thoát làm quả đẳng lưu và quả sĩ dụng; dùng các đạo vô lậu sau đều hơn hẳn làm quả đẳng lưu. Định Kim cang dụ dùng tùy miên thuộc phẩm thứ chín đều đoạn, làm quả ly hệ và quả sĩ dụng; dùng Tận trí thuộc phẩm đầu làm quả đẳng lưu và quả sĩ dụng; dùng các đạo vô lậu sau đều hơn hẳn làm quả đẳng lưu. Dùng Tập được tác chứng cùng đoạn tùy miên thuộc tám phẩm trước, do kiến mà đoạn thuộc ba cõi và do tu mà đoạn thuộc tám địa dười, cùng với tùy miên do tu mà đoạn thuộc Phi tướng phi phi tướng xứ; Định

Kim Cang dụ này dùng đoạn các tùy miên ấy làm quả sử dụng.

Nếu các dị sinh lia nhiễm do kiến-tu đoạn từ cõi dục cho đến vô sở hữu xứ, thì các đạo vô gián dùng đoạn các nhiễm ấy, các đạo giải thoát và các đạo sau đều hơn hẳn chủng loại của mình, làm quả nhiều ít như lý cần phải suy nghĩ.

Quả sử dụng, nếu pháp do người sử dụng nó mà thành tựu pháp này, thì nói là quả sử dụng của pháp ấy.

Quả tăng thượng, nếu pháp do sự tăng thượng của nó mà dấy khởi, thì nên biết rằng pháp này là sự tăng thượng của nó và quả tăng thượng, là sự tăng thượng khác chứ không phải là quả tăng thượng. Nghĩa là các pháp sinh sau là sự tăng thượng của pháp trước, và quả tăng thượng; các pháp sinh trước là sự tăng thượng của pháp sau, chứ không phải là quả tăng thượng. Các pháp vị lai là sự tăng thượng của pháp quá khứ-hiện tại, và quả tăng thượng; các pháp quá khứ-hiện tại là sự tăng thượng của pháp vị lai, chứ không phải là quả tăng thượng; pháp vị lai-hiện tại là sự tăng thượng của pháp quá khứ và quả tăng thượng; các pháp quá khứ là sự tăng thượng của pháp vị lai, hiện tại chứ không phải là quả tăng thượng.

Hỏi: Quả sử dụng và quả tăng thượng sai biệt thế nào?

Đáp: Những việc đã làm, đối với người chủ động làm ra là quả sử dụng và quả tăng thượng, đối với người chủ động nhận lấy chỉ là quả tăng thượng. Như các việc đã làm thuộc về đồng áng..., đối với người nông dân đều là quả sử dụng và quả tăng thượng, đối với người tiếp nhận sử dụng chỉ là quả tăng thượng. Lực của sử dụng khởi lên gọi là quả sử dụng, lực của tăng thượng khởi lên gọi là quả tăng thượng. Lực của tăng thượng rộng rãi cho nên không chướng ngại, lực của sử dụng nhỏ hẹp cho nên có thể dẫn đến chướng ngại. Đó gọi là sự sai biệt giữa hai quả.

Các Sư phương Tây nói quả có chín loại, đó là đối với năm loại trước thêm vào bốn loại:

1. Quả an lập.
2. Quả gia hạnh.
3. Quả hòa hợp.
4. Quả tu tập.

Quả an lập, nghĩa là dựa vào tầng Phong luân an lập tầng Thủy luân, lại dựa vào tầng Thủy luân an lập tầng Kim luân, lại dựa vào tầng Kim luân an lập mặt đất, lại dựa vào mặt đất an lập tất cả các loại hữu tình-phi tình. Trong này, những pháp sau là quả của những pháp trước,

quả an lập khác tương tự như vậy nên biết.

Quả gia hạnh, nghĩa là quán Bất tịnh, hoặc là Trì tức niệm làm gia hạnh, cho nên dần dần dần dần sinh khởi Tận trí-Vô sinh trí, quả gia hạnh khác tương tự như vậy nên biết.

Quả hòa hợp, nghĩa là nhãn và sắc hòa hợp sinh ra nhãn thức, cho đến ý và pháp hòa hợp sinh ra ý thức, quả hòa hợp khác tương tự như vậy nên biết.

Quả tu tập, nghĩa là do đạo của cõi Sắc khởi lên hóa hiện ở cõi Dục, và lời nói của cõi Dục. Hóa hiện và lời nói này là quả tu tập. Quả tu tập khác vũng vậy.

Các Luận Sư của nghiệp Ca-thấp-di-la nói: “Trong này, bốn loại sau tức là năm loại trước thấu nhiếp, bởi vì đó chính là quả sĩ dụng và quả tăng thượng”.

Nên biết rằng thế tục đối trị đạo nghiệp, đều do năm quả cho nên gọi là có quả; đạo nghiệp gia hạnh-giải thoát-thắng tiến ấy và nghiệp bất thiện-thiện hữu lậu khác, do bốn quả cho nên gọi là có quả, trừ ra quả ly hệ. Nếu các vô lậu đối trị đạo nghiệp, thì cũng do bốn quả cho nên gọi là có quả, trừ ra quả dị thực; tạo nghiệp gia hạnh-giải thoát-thắng tiến ấy, và nghiệp vô ký, do ba quả cho nên gọi là có quả, trừ ra quả ly hệ và quả dị thực. Đó gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược ở nơi này.

Hỏi: Nếu nghiệp có quả thì nghiệp ấy đều có dị thực chăng?

Đáp: Các nghiệp có dị thực thì nghiệp ấy đều có quả. Nên biết nghiệp này, hoặc là do năm quả, hoặc là do bốn quả, cho nên gọi là có quả. Hoặc có nghiệp có quả, mà nghiệp ấy không có dị thực, đó là nghiệp vô ký, nghiệp vô lậu. nên biết nghiệp này hoặc là do bốn quả, hoặc là do ba quả, cho nên gọi là có quả, nhưng không có dị thực bởi vì không kiên cố vững chắc, không có ái tước thắm.

Hỏi: Nếu nghiệp không có quả thì nghiệp ấy cũng không có dị thực chăng?

Đáp: Không có nghiệp nào không có quả, nghĩa là tất cả nghiệp, hoặc do năm quả, hoặc do bốn quả, hoặc do ba quả, cho nên nói là có quả. Trước là có nghiệp mà không có dị thực, đó là nghiệp vô ký, nghiệp vô lậu. như trước đã nói.

Hỏi: Nếu tất cả nghiệp đều có quả, thì Đức Phật đã nói tụng nên thông hiểu thế nào? Như nói:

“Như đóa hoa tuy là đáng yêu, có sắc mà không có hương thơm
Như vậy có lời nói tuyệt vời; không có quả-không có việc làm”.

Đáp: Dựa vào người nói pháp mà Đức Phật nói bài tụng này.

Nghĩa là lúc nói pháp, người lắng nghe pháp ấy không tự mình tin nhận, vâng lời thực hành như giáo pháp, gọi là không có quả. Hoặc là người nói pháp tuy là khéo nói, mà không tự mình thực hành, cho nên nói là không có quả. Hoặc là trước đó có những lời hứa giúp vật dụng cho người khác, sau đó không tự mình giúp cho họ, cho nên nói là không có quả.

Hỏi: Kinh khác đã nói lại làm sao thông hiểu? Như nói:

“Có thân mạng mà ưa ngủ nghỉ, trống rỗng không quả-không ý nghĩa,

Vô vị-không lợi ích tốt đẹp, cũng không có gì được sinh ra”.

Đáp: có thời gian thức tỉnh thì có thể đến được công đức tốt đẹp, ưa ngủ nghỉ cho nên thời gian trôi qua trống rỗng, Đức Thế Tôn dựa vào điều ấy mà nói bài tụng như vậy.

Hỏi: Nếu ưa ngủ nghỉ thì trống rỗng không có quả, kinh khác đã nói lại thông hiểu thế nào? như nói: “Thà rằng ngủ nghỉ chứ đừng tìm kiếm rình rập gì khác”.

Đáp: Có người lúc tỉnh ngủ khởi lên sự tìm kiếm rình rập xấu xa, tranh chấp làm não loạn vô lượng hữu tình, Đức Phật vì khuyên nhủ họ cho nên nói như vậy. Bởi vì nghĩa này cho nên Kinh có ý riêng, không phải là nói các nghiệp đều không có quả.

Hỏi: Nếu nghiệp bất thiện thì nghiệp ấy đều diên đảo chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu:

1. Có nghiệp bất thiện mà nghiệp ấy không phải là diên đảo, nghĩa là như có một người nhận thức rõ là có nhân quả, khởi lên cách nhìn như vậy, đưa ra cách nói như vậy: Có nghiệp-có nghiệp quả dị thực. Nhưng mà làm hành ác của thân-ngữ và ý.

Hỏi: Vì nhân duyên gì mà người ấy làm hành ác?

Đáp: Bởi vì ba nhân duyên:

- Bởi vì thời gian.
- Bởi vì nơi chốn.
- Bởi vì Bồ-đặc-già-la.

Bởi vì thời gian, nghĩa là lúc năm Trước tăng lên, các loài hữu tình rút giảm uy đức, ưa tạo ra các điều ác, ở tại thời gian ấy cho nên cũng làm hành ác. Bởi vì nơi chốn, nghĩa là các loài hữu tình sinh trong chốn biên địa hạ tiện, tánh của họ ngu dần thô lỗ, tạo ra nhiều nghiệp ác, sinh vào nơi ấy cho nên cũng làm hành ác. Bởi vì Bồ-đặc-già-la, nghĩa là có một loại người mang lấy chúng đồng phần của hành ác, tánh của họ thọ bạo, tạo ra nhiều nghiệp ác, như hạng giết mổ trâu dê...., gần gũi với họ

cho nên cũng làm hành ác. Nên biết nghiệp này bởi vì tự tánh cho nên gọi là bất thiện, là thuộc về hành ác của thân-ngữ-ý; bởi vì sở y cho nên gọi là không phải điên đảo, là có dấy lên cách nhìn, không ngu muội nhân quả, cùng dấy khởi trong thân chánh kiến, như trong đồ đựng quý báu chứa các vật dơ bẩn.

2. Có nghiệp điên đảo mà nghiệp ấy không phải là bất thiện, nghĩa là như có một người nhìn nhận không có nhân quả, khởi lên cách nhìn như vậy, đưa ra cách nói như vậy: Không có nghiệp-không có nghiệp quả dị thực. Nhưng mà làm hành diệu của thân-ngữ-ý.

Hỏi: Vì nhân duyên gì mà người ấy làm hành diệu?

Đáp: Bởi vì ba nhân duyên:

- Bởi vì thời gian.
- Bởi vì nơi chốn.
- Bởi vì Bồ-đặc-già-la.

Bởi vì thời gian, đó là lúc năm Trước không tăng lên, các loài hữu tình có uy đức to lớn, thích tu các điều thiện, ở tại thời gian ấy cho nên tuy không thích làm, mà cũng làm hành diệu. Bởi vì nơi chốn, đó là các loài hữu tình sinh ở trung tâm đất nước, tánh tình thông minh-ý chí hài hòa, tu nhiều nghiệp thiện, sinh vào nơi ấy cho nên tuy không thích làm, mà cũng làm hành diệu. Bởi vì Bồ-đặc-già-la, đó là có một loại người có được chúng đồng phần của hành diệu, tánh tình hòa nhã, tu nhiều nghiệp thiện, như trú trong luật nghi, gần gũi với họ cho nên tuy không thích làm, mà cũng làm hành diệu. Nên biết nghiệp này bởi vì sở y cho nên gọi là điên đảo, là không dấy lên cách nhìn, ngu muội đối với nhân quả, cùng dấy khởi từ trong thân tà kiến; bởi vì tự tánh cho nên gọi là không phải bất thiện, là thuộc về hành diệu của thân-ngữ-ý, như trong đồ đựng dơ bẩn chứa các vật châu báu.

3. Có nghiệp cũng bất thiện mà cũng điên đảo, nghĩa là như có một người nhìn nhận không có nhân quả, khởi lên cách nhìn như vậy, đưa ra cách nói như vậy: Không có nghiệp-không có nghiệp quả dị thực. Lại còn làm hành ác của thân-ngữ-ý.

Hỏi: Vì nhân duyên gì mà người ấy làm hành ác?

Đáp? Bởi vì ba nhân duyên, như trước đã nói. Nên biết người này bởi vì tự tánh cho nên gọi là bất thiện, bởi vì thuộc về hành ác của thân-ngữ-ý; bởi vì sở y cho nên lại gọi là điên đảo, là không dấy lên cách nhìn, ngu muội đối với nhân quả, cùng dấy khởi từ trong thân tà kiến, như trong đồ đựng dơ bẩn chứa các vật dơ bẩn.

4. Có nghiệp không phải là bất thiện cũng không phải là điên

đảo, nghĩa là như có một người nhận thức rõ là có nhân quả, khởi lên cách nhìn như vậy, đưa ra cách nói như vậy: Có nghiệp-có nghiệp quả dị thực. Lại còn làm hành động của thân-ngữ-ý.

Hỏi: Vì nhân duyên gì mà người ấy làm hành động?

Đáp: Bởi vì ba nhân duyên, như trước đã nói. Nên biết nghiệp này bởi vì tự tánh cho nên gọi là không phải bất thiện, bởi vì thuộc về hành động của thân-ngữ-ý; bởi vì sở y cho nên gọi là không phải điên đảo, là có dấy lên cách nhìn, không ngu muội nhân quả, cùng dấy khởi từ trong thân Chánh kiến, như trong đồ đựng quý báu chứa các vật châu báu.

Hỏi: Nếu nghiệp là thiện thì nghiệp ấy không điên đảo chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, đó là câu thứ hai của phần trước làm câu thứ nhất ở phần này, câu thứ nhất của phần trước làm câu thứ hai ở phần này, câu thứ tư của phần trước làm câu thứ ba ở phần này, câu thứ ba của phần trước làm câu thứ tư ở phần này. Rộng ra như trước đã nói. Lại nữa, ở đây có cách giải thích khác.

Hỏi: Nếu nghiệp bất thiện thì nghiệp ấy đều điên đảo chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt.

1. Có nghiệp bất thiện mà nghiệp ấy không phải là điên đảo, nghĩa là như có một người đối với cái thấy có-tướng là không thấy, người khác hỏi rằng: Ông thấy hay không? Người ấy hoặc là vì mình, hoặc là vì người khác, hoặc là vì danh lợi, đã che giấu ý tưởng này-nhận thức này-cách nhìn này-ham muốn này, trả lời rằng: Tôi thấy, nên biết nghiệp này do lực của tướng cho nên gọi là bất thiện, bởi vì che giấu ý tưởng mà nói; do sự việc đã nói cho nên gọi là không phải điên đảo, bởi vì đối với cái thấy nói là thấy.

2. Có nghiệp điên đảo mà nghiệp ấy không phải là bất thiện, nghĩa là như có một người đối với cái thấy có-tướng là không thấy, người khác hỏi rằng: Ông thấy hay không? Người ấy không vì mình, không vì người khác, không vì danh lợi, không che giấu ý tưởng này-nhận thức này-cách nhìn này-ham muốn này, trả lời rằng: Không thấy. Nên biết nghiệp này do sự việc đã nói cho nên gọi là điên đảo, bởi vì đối với cái thấy mà nói là không thấy; do lực của tướng cho nên gọi là không phải bất thiện, bởi vì không che giấu ý tưởng mà nói.

3. Có nghiệp cũng bất thiện mà cũng điên đảo, nghĩa là như có một người đối với cái thấy có-tướng là thấy, người khác hỏi rằng: Ông thấy hay không? Người ấy hoặc là vì mình, hoặc là vì người khác, hoặc là vì danh lợi, đã che dấu ý tưởng này-nhận thức này-cách nhìn này-ham muốn này, trả lời rằng: Không thấy. Nên biết nghiệp này do lực

của tướng cho nên gọi là bất thiện, bởi vì che giấu ý tướng mà nói; do sự việc đã nói cho nên lại gọi là điên đảo, bởi vì đối với cái thấy mà nói là không thấy.

4. Có nghiệp không phải là bất thiện, cũng không phải là điên đảo, nghĩa là như có một người đối với cái thấy có-tướng là thấy, người khác hỏi rằng: Ông thấy hay không? Người ấy không vì mình, không vì người khác, không vì danh lợi, không che giấu ý tướng này-nhận thức này-cách nhìn này-ham muốn này, trả lời rằng: Tôi thấy. Nên biết rằng nghiệp này do lực của tướng cho nên gọi là không phải bất thiện, bởi vì không che giấu ý tướng mà nói; do sự việc đã nói cho nên gọi là không phải điên đảo, bởi vì đối với cái thấy nói là thấy.

Như đối với cái thấy-nghe-hiểu-biết đều làm thành bốn câu, như vậy đối với sự không thấy-nghe-hiểu-biết cũng đều làm thành bốn câu.

Như dùng bất thiện đối với điên đảo làm thành tám phần-bốn câu, như vậy dùng thiện đối với không điên đảo nên biết cũng như thế.

Vậy thì tổng cộng thành mười sáu phần-bốn câu, và hai phần-bốn câu trước đây làm thành mười tám phần-bốn câu.

Lại tổng quát dùng chín phần nhỏ-bốn câu thuộc bất thiện, và chín phần nhỏ-bốn câu thuộc về thiện, đều làm thành một phần lớn-bốn câu, cho nên tổng quát và riêng có hai mươi phần-bốn câu.

Trong này, nhãn thức đã tiếp nhận gọi là thấy, nhĩ thức đã tiếp nhận gọi là nghe, ba thức đã tiếp nhận gọi là hiểu (giác-cảm giác nhận biết), ý thức đã tiếp nhận gọi là biết. Nói đến bốn cảnh cho nên thấy-nghe-hiểu-biết, là căn chứ không phải là thức. Nhưng nêu ra thức là hiển bày các căn như nhãn... căn phải do thức giúp đỡ mới có thể chọn lấy cảnh, bởi vì Đồng phần của căn luôn luôn có tác dụng chứ không phải là Bỉ đồng phần.

Hỏi: Tại sao ba thức như nhãn... đã tiếp nhận đều thiết lập một loại, mà ba thức tỷ-thiệt-thân đã tiếp nhận, hợp lại thiết lập một loại gọi là hiểu (giác)? Đáp: Tôn giả Thế Hữu nói rằng: “Sở duyên của ba thức đều chỉ là vô ký, cảnh vô ký cho nên căn thiết lập tên gọi là hiểu (giác). Và lại, bởi vì ba căn chỉ chọn lấy cảnh, cùng với cảnh hợp lại cho nên thiết lập tên gọi là hiểu (giác).”

Đại đức nói rằng: “Chỉ riêng cảnh giới của ba căn này chậm chậm mông muội giống như xác chết, cho nên lúc thức phát khởi nói tên gọi là giác”.

Có Sư khác nói: Hai thức nhãn-nhĩ dựa vào cảnh giới của mình

duyên với cảnh giới của mình và nơi khác, ý thức dựa vào cảnh giới của mình-nơi khác, duyên với cảnh giới của mình-nơi khác, cho nên thức ấy đã tiếp nhận đều thiết lập một loại; ba thức như tử... chỉ dựa vào cảnh giới của mình, chỉ duyên với cảnh giới của mình, cho nên thức ấy đã tiếp nhận hợp lại thiết lập một loại. Như cảnh giới của mình-cảnh giới khác, nói về Đồng phần-không Đồng phần cũng như vậy.

Có Sư khác nói: Hai thức nhãn-nhĩ dựa vào Đồng phần, duyên với Đồng phần-không Đồng phần, ý thức dựa vào Đồng phần-không Đồng phần, duyên với Đồng phần-không đồng phần, cho nên ba thức ấy đã tiếp nhận đều thiết lập một loại; ba loại như tử... chỉ dựa vào Đồng phần, chỉ duyên với Đồng phần, cho nên ba loại ấy hợp lại thiết lập một loại. Đây là nói về Đồng phần của Giới (phạm vi-cảnh giới).

Có người nói: Hai thức nhãn-nhĩ dựa vào vô ký duyên với ba loại, ý thức dựa vào ba loại duyên với ba loại, cho nên thức ấy đã tiếp nhận đều thiết lập một loại; ba thức như tử... chỉ dựa vào vô ký, chỉ duyên với vô ký, cho nên ba thức ấy đã tiếp nhận hợp lại thiết lập một loại.

Có người nói: Hai thức nhãn-nhĩ dựa vào gần-duyên với gần xa, ý thức dựa vào gần xa-duyên với gần xa, cho nên thức ấy đã tiếp nhận đều thiết lập một loại; ba thức như tử... dựa vào gần-duyên với gần, cho nên ba thức ấy đã tiếp nhận hợp lại thiết lập một loại. Cảnh của ba căn này không tách rời mà tồn tại, mới có thể phát ra thức, cho nên gọi là gần.

Có người nói: Hai thức nhãn-nhĩ hoặc là sở y lớn mà sở duyên nhỏ, hoặc là sở duyên lớn mà sở y nhỏ, hoặc là sở y và sở duyên bằng nhau. Nhãn thức, sở y lớn mà sở duyên nhỏ, như thấy đầu sợi lông...; sở duyên lớn mà sở y nhỏ, như thấy rừng núi..., sở y và sở duyên bằng nhau, như thấy quả Bồ-đào... như vậy, nhĩ thức như mức độ nên biết. Ý thức thì sở y tuy không thể nói mức độ lớn nhỏ của nó, mà cảnh sở duyên thì hoặc nhỏ-hoặc lớn, cho nên thức ấy đã tiếp nhận đều thiết lập một loại. Ba thức như tử... thì sở y và sở duyên lớn nhỏ có mức độ như nhau, cho nên ba thức ấy đã tiếp nhận hợp lại thiết lập một loại. Tùy theo bao nhiêu cực vi của căn sở y, lúc kết hợp với cực vi của cảnh bấy nhiêu, mới có thể phát sinh các thức như tử...

Có người nói: Ba thức như nhãn... duyên với nghiệp-phi nghiệp, cho nên thức ấy đã tiếp nhận thiết lập một loại; ba thức như tử... chỉ duyên với phi nghiệp, cho nên thức ấy đã tiếp nhận hợp lại thiết lập một loại.

Có người nói: Ba thức như nhãn..., duyên với trì giới-phạm giới và

duyên với pháp khác, cho nên thức ấy đã tiếp nhận đều thiết lập một loại; ba thức như tử... chỉ duyên với pháp khác, cho nên thức ấy đã tiếp nhận hợp lại thiết lập một loại,

Có Sư khác nói: ba thức như nhãn..., duyên chung với luật nghi-không luật nghi và pháp khác, cho nên thức ấy đã tiếp nhận hợp lại một loại; ba thức như tử... chỉ duyên với pháp khác, cho nên thức ấy đã tiếp nhận hợp lại thiết lập một loại.

Có Sư khác nói: Ba thức như nhãn..., duyên chung với luật nghi-không luật nghi và pháp khác, cho nên thức ấy đã tiếp nhận đều thiết lập một loại; ba thức như tử... chỉ duyên với pháp khác, cho nên thức ấy đã tiếp nhận hợp lại thiết lập một loại.

Có người nói: Ba thức như nhãn... duyên chung với Biểu và pháp khác, cho nên thức ấy đã tiếp nhận đều thiết lập một loại; ba thức như tử... chỉ duyên với pháp khác, cho nên thức ấy đã tiếp nhận hợp lại thiết lập một loại.

Có người nói: Ba thức như nhãn... duyên chung với nhiễm-không nhiễm, cho nên thức ấy đã tiếp nhận đều thiết lập một loại; ba thức như tử... chỉ duyên với pháp không nhiễm, cho nên thức ấy đã tiếp nhận hợp lại thiết lập một loại.

Có người nói: Ba thức như nhãn..., duyên chung với hành diệu, hành ác và duyên với pháp khác, cho nên thức ấy đã tiếp nhận đều thiết lập một loại; ba thức như tử... chỉ duyên với pháp khác, cho nên thức ấy đã tiếp nhận hợp lại thiết lập một loại.

Do thấy-nghe-hiểu-biết đã nói như vậy, tùy theo thức dựa vào mà duyên có riêng-có chung.

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp bất thiện, thì lúc ấy thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc chăng?

Đáp: thành tựu các nghiệp bất thiện, lúc ấy chắc chắn thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, nghĩa là sinh ở cõi Dục, nếu đoạn căn thiện thì lúc ấy chắc chắn thành tựu nghiệp bất thiện, và một nghiệp hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, đó là nghiệp nhiễm ô. Không đoạn căn thiện và chưa đạt được tâm thiện của cõi Sắc, cũng như vậy. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Dục, thì lúc ấy thành tựu nghiệp bất thiện, và hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là thiện nhiễm ô; một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, đó là nhiễm ô.

Hoặc có lúc thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc mà không phải là nghiệp bất thiện, nghĩa là sinh ở cõi Dục đã lìa nhiễm của cõi Dục, hoặc là sinh ở cõi Sắc. Nghĩa là sinh ở cõi Dục đã lìa nhiễm của

cõi Dục, hoặc là sinh ở cõi Sắc. Nghĩa là sinh ở cõi Dục đã lìa nhiễm của cõi Dục, nếu chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký; một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, đó là nhiễm ô. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký; hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, đó là thiện-nhiễm ô. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là thiện và vô phú vô ký; hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, đó là thiện và nhiễm ô. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là thiện và vô phú vô ký; một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, đó là thiện.

Nếu sinh ở cõi Sắc, nghĩa là nếu chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký; một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, đó là nhiễm ô. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là thiện-nhiễm ô và vô phú vô ký; hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, đó là thiện và nhiễm ô. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là thiện và vô phú vô ký; hai nghiệp hệ thuộc cõi vô sắc, đó là thiện và nhiễm ô. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là thiện và vô phú vô ký; một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, đó là thiện.

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp thiện hệ thuộc cõi Dục, thì lúc ấy thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc chăng?

Đáp: Thành tựu các nghiệp thiện hệ thuộc cõi Dục, lúc ấy chắc chắn thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc. Có lúc thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, mà không phải là nghiệp thiện hệ thuộc cõi Dục, đó là Bồ-đặc-già-la đoạn căn thiện, nếu sinh đến cõi Sắc. Nghĩa là nếu thành tựu nghiệp thiện của cõi Dục, chưa đạt được tâm thiện của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Dục, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiễm của Dục, chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Sắc,

chưa lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, và thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, và thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc.

Nếu đoạn căn thiện, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc. Nếu sinh đến cõi Sắc chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Đời trước đoạn căn thiện, đời này sinh ở cõi Sắc, đều không thành tựu nghiệp thiện hệ thuộc cõi Dục, bởi vì đã đoạn căn thiện, đã rời bỏ căn thiện ấy.

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp thiện hệ thuộc cõi Dục, thì lúc ấy thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc thành tựu nghiệp thiện hệ thuộc cõi Dục, mà không phải là nghiệp thiện hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, đó là sinh ở cõi Dục không đoạn căn thiện, chưa đạt được tâm thiện của cõi Sắc.

2. Có lúc thành tựu nghiệp thiện hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, mà không phải là nghiệp thiện hệ thuộc cõi Dục, đó là sinh đến cõi Sắc, đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc.

3. Có lúc thành tựu nghiệp thiện hệ thuộc cõi Dục, cũng là nghiệp thiện hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, đó là sinh ở cõi Dục đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc.

4. Có lúc không phải là thành tựu nghiệp thiện hệ thuộc cõi Dục, cũng không phải là nghiệp thiện hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc, đó là Bồ-đặc-già-la căn thiện.

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp hệ thuộc Cõi dục, thì lúc ấy trước nghiệp hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Nghĩa là sinh ở cõi Dục, nếu đoạn căn thiện thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Dục, một nghiệp hệ

cõi Sắc; nếu không đoạn căn thiện, mà chưa đạt được tâm thiện của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Dục, một nghiệp hệ thuộc cõi Sắc. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Dục, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Dục, hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Dục, chưa lìa nhiễm của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Dục, ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Dục, ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Dục, hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc. Nếu sinh đến cõi Sắc chưa lìa nhiễm của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Dục, ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Dục, hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Dục, thì lúc ấy thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Thành tựu các nghiệp hệ thuộc cõi Dục, thì lúc ấy thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, nghĩa là sinh ở cõi Dục, nếu đoạn căn thiện thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp thuộc cõi Dục, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc; nếu không đoạn căn thiện, chưa lìa nhiễm của cõi Dục, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Dục, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Dục, chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Dục, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Dục, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Dục, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc.

Nếu sinh đến cõi Sắc, chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Dục, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Dục, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Dục, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc.

Có lúc thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, mà không phải là nghiệp hệ thuộc cõi Dục, đó là Bồ-đặc-già-la sinh đến cõi vô sắc. Nghĩa là sinh đến cõi ấy, nếu chưa lìa nhiễm của cõi ấy, khởi lên tâm dị thực sinh, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc; nếu

không khởi lên tâm dị thực sinh, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiệm của cõi Vô sắc, khởi lên tâm dị thực sinh, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc; nếu không khởi lên tâm dị thực sinh, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, đều không thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Dục, bởi vì đã rời bỏ cõi ấy.

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Dục, thì lúc ấy thành tựu nghiệp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Dục, mà không phải là nghiệp không hệ thuộc, đó là các dị sinh ở cõi Dục-Sắc.

2. Có lúc thành tựu nghiệp không hệ thuộc, mà không phải là nghiệp hệ thuộc cõi Dục, đó là các Thánh già sinh đến cõi Vô sắc.

3. Có lúc thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Dục, cũng là nghiệp không hệ thuộc, đó là các Thánh giả sinh ở cõi Dục-Sắc.

4. Có lúc không phải là thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Dục, cũng không phải là nghiệp không hệ thuộc, đó là các dị sinh sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thanh tịnh nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Thành tựu các nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, thì lúc ấy chắc chắn thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nghĩa là sinh ở cõi Dục, nếu chưa đạt được tâm thiện của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc; nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Sắc, chưa lìa nhiệm của cõi Dục, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiệm của cõi Dục, chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, chưa lìa nhiệm cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiệm của cõi Sắc, chưa lìa nhiệm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiệm của cõi vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp cõi sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc.

Nếu sinh vào cõi Sắc, chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, chưa lìa nhiệm của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, hai nghiệp hệ

thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc.

Có lúc thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, mà không phải là nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là các hữu tình sinh đến cõi Vô sắc. Nghĩa là sinh đến cõi ấy, nếu chưa lìa nhiễm của cõi Vô sắc, khởi lên tâm dị thực sinh, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc; nếu không khởi lên tâm dị thực sinh, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Vô sắc, khởi lên tâm dị thực sinh, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc; nếu không khởi lên tâm dị thực sinh, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu nghiệp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, mà không phải là nghiệp không hệ thuộc, đó là các dị sinh sinh ở cõi Dục-Sắc.
2. Có lúc thành tựu nghiệp không hệ thuộc, mà không phải là nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, đó là các Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc.
3. Có lúc thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, cũng là nghiệp không hệ thuộc, đó là các Thánh giả sinh ở cõi Dục-Sắc.
4. Có lúc không phải là thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, cũng không phải là nghiệp không hệ thuộc, đó là các dị sinh sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu nghiệp không hệ thuộc chăng?

Đáp: Thành tựu các nghiệp không hệ thuộc, thì lúc ấy chắc chắn thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nghĩa là các Thánh giả sinh ở cõi Dục-Sắc, nếu chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu nghiệp Học không hệ thuộc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc; nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu nghiệp Học không hệ thuộc, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc; nếu đã lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu nghiệp Vô học không hệ thuộc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc.

Nếu các Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Vô sắc, khởi tâm dị thực sinh, thì lúc ấy thành tựu nghiệp Học không hệ thuộc, ba nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc; nếu không khởi tâm dị thực sinh, thì lúc ấy thành tựu nghiệp Học không hệ thuộc, hai nghiệp hệ thuộc

cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiệm của cõi Vô sắc, khởi dị thực sinh thì lúc ấy thành tựu nghiệp Vô học không hệ thuộc, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc; nếu không khởi tâm dị thực, thì lúc ấy thành tựu nghiệp Vô học không hệ thuộc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc.

Có lúc thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc mà không phải là nghiệp không hệ thuộc, đó là các dị sinh nếu sinh ở cõi Dục-Sắc, chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc; nếu đã đạt đến được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc. Nếu các dị sinh sinh đến cõi Vô sắc, nếu khởi tâm dị thực sinh, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc; nếu không khởi tâm dị thực sinh, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu nghiệp hệ thuộc cõi Dục-cõi Sắc-cõi Vô sắc và nghiệp không hệ thuộc, thì lúc ấy mạng chung sinh vào nơi nào?

Đáp: Hoặc là cõi Dục, hoặc là cõi Sắc, hoặc là cõi Vô sắc, hoặc là không có nơi sinh. Nghĩa là các Thánh giả, nếu sinh ở cõi Dục, chưa lìa nhiệm của cõi Dục, thì lúc ấy thành tựu ba nghiệp hệ thuộc cõi Dục, hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, nghiệp Học không hệ thuộc, lúc ấy mạng chung sinh vào cõi Dục. Nếu đã lìa nhiệm của cõi Dục, chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Dục, ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, nghiệp Học không hệ thuộc, lúc ấy mạng chung sinh vào cõi Sắc. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, chưa lìa nhiệm của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Dục, ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, nghiệp Học không hệ thuộc, lúc ấy mạng chung cũng sinh vào cõi Sắc. Nếu đã lìa nhiệm của cõi Sắc, chưa lìa nhiệm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Dục, hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, nghiệp Học không hệ thuộc, lúc ấy mạng chung sinh đến cõi Vô sắc. Nếu đã lìa nhiệm của cõi vô sắc, thì lúc ấy thành tựu hai nghiệp hệ thuộc cõi Dục, hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, nghiệp Vô học không hệ thuộc, lúc ấy mạng chung không có nơi sinh.

Nếu các Thánh giả sinh ở cõi Sắc, chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Dục, ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, nghiệp Học không hệ thuộc, lúc ấy mạng chung sinh vào cõi Sắc. Nếu đã đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, chưa lìa nhiệm của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp

hệ thuộc cõi Dục, ba nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, hai nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, nghiệp Học không hệ thuộc, lúc ấy mạng chung cũng sinh vào cõi Sắc. Nếu đã lìa nhiễm của cõi Sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Dục, hai nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi vô sắc, nghiệp Học không hệ thuộc, lúc ấy thành tựu một nghiệp hệ thuộc cõi Dục, một nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, một nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, nghiệp Vô học không hệ thuộc, lúc ấy mạng chung không có nơi sinh.

Vì vậy cho nên nói thành tựu bốn nghiệp thì người ấy mạng chung, hoặc là sinh ở cõi Dục, hoặc là sinh vào cõi Sắc, hoặc là sinh đến cõi Vô sắc, hoặc là không có nơi sinh.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 122

CHƯƠNG IV: NGHIỆP UẨN (Tiếp Theo)

Phẩm Thứ Tư: LUẬN VỀ BIỂU - VÔ BIỂU

LUẬN VỀ BIỂU - VÔ BIỂU (Phần 1)

Nếu thành tựu thân biểu, thì lúc ấy thành tựu Vô biểu này chăng? Các chương như vậy và giải thích về nghĩa từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp đến cần phải giải thích rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày nghĩa lý của mình. Nghĩa la phái Thí Dụ nói nghiệp Biểu-Vô biểu không có Thể tánh thật sự. Nguyên cố thế nào? Bởi vì nếu nghiệp Biểu là thật có thì có thể dựa vào đó làm cho có Vô biểu. Nhưng mà nghiệp Biểu không có thật, làm sao có thể phát ra Vô biểu khiến cho có được? Vả lại, nghiệp Biểu hãy còn không có thì Vô biểu làm sao có? Mà nói là có, ấy là các Sư phái Đối Pháp mượn cơ nói xằng bậy mà thôi. Như người gặp gái đẹp, bởi vì tâm gần gũi nhiễm ô cho nên nói rằng: Cô có thể cởi bỏ áo quần loài người, tôi mặc áo quần trời cho cô. Cô gái nghe nói, vui nể như lời nói mà cởi bỏ. Người ấy liền đến trước mặt sờ mó vuốt ve đủ cách, thỏa mãn tâm ý rồi nói rằng: Áo quần cõi trời đã mặc cho cô rồi. Cô gái nói: Bây giờ thân thể tôi lộ bày như vậy, thà chết chứ không lộ bày, áo quần cõi trời ở đâu? Người ấy trả lời rằng: Áo quần cõi trời rất vi diệu, chỉ có tôi thấy chứ không phải là cô có thể thấy được. Người ngu như vậy chính mình không có áo quần cõi trời, hướng hồ mặc cho người khác hay sao? Các Sư phái Đối Pháp đã nói cũng như vậy, vốn không có nghiệp Biểu, hướng là co dựa vào Biểu mà phát khởi Vô biểu hay sao? Vì vậy, các Sư phái Đối pháp xằng bậy mà phát triển luận này thôi. Vả lại, Biểu-Vô biểu nếu là sắc, thì xanh-vàng-đỏ-trắng là cái

gì? Lại làm sao trở thành tánh thiện-bất thiện? Nếu bởi vì lay động mà trở thành tánh thiện-ác, thì hoa rung-kiếm khua... đều lay động tại sao không như thế?

Vì ngăn chặn ý của phái Thí dụ như vậy, để hiển bày tông chỉ của mình, nghiệp Biểu-Vô biểu đều là có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Nếu các nghiệp Biểu không có Thể thật sự, thì cùng với kinh trái ngược nhau. Như trong Kinh nói: “Người ngu mong mỗi ham muốn cho nên gọi là ái, do ái mà phát khởi biểu thiện cho nên gọi là nghiệp”.

Lại trong Kinh nói: “Vào ban đêm suy nghĩ xem xét, giống như làn khói bốc lên; sáng sớm phát động thân-ngữ, giống như ngọn lửa bùng lên”. Nếu nghiệp Vô biểu không có thể thật sự, thì cũng cùng với kinh trái ngược nhau.

Như trong Kinh nói: “Sắc có ba loại thân nhiếp tất cả các sắc, có loại sắc có thấy-có đối, có loại sắc không có thấy-có đối, có loại sắc không có thấy-không có đối”. Nếu không có sắc vô biểu, thì lẽ ra không kiến lập là có ba loại, bởi vì không có loại thứ ba. Vả lại, nếu bác bỏ không có sắc Biểu-Vô biểu, thì Phệ-đề-tứ-tự, Vị-sinh-oán vương, lẽ ra không phạm nào nghiệp Vô gián làm hại cha, nghĩa là phần vị phát ra biểu hiện thì mạng của cha hãy còn, lúc mạng của cha kết thúc thì nghiệp Biểu đã tàn rồi; bởi vì lực của Biểu trước đó phát khởi Vô biểu sau, cho nên vị sinh oán phạm vào nghiệp vô gián. Lại nữa, ngoại đạo xuất gia Trưởng Kế kia, lẽ ra cũng không phạm vào nghiệp vô gián làm hại A-la-hán, nghĩa là phần vị phát ra biểu hiện thì mạng của Mục Liên hãy còn, lúc Mục Liên nhập Niết-bàn thì nghiệp Biểu đã tàn rồi; bởi vì lực của Biểu trước đó phát khởi Vô biểu sau, cho nên ngoại đạo kia phạm vào nghiệp vô gián. Lại nữa, nếu bác bỏ không có nghiệp Biểu-Vô biểu, thì lẽ ra không kiến lập ba phẩm có khác nhau, đó là trú vào phẩm luật nghi, trú vào phẩm không luật nghi, trú vào phẩm phi luật nghi-phi bất luật nghi.

Nhưng phái kia đã nói Thể của Biểu-Vô biểu này, nếu là sắc thì xanh-vàng-đỏ-trắng là cái gì? Vạy hỏi như vậy không đúng, bởi vì không phải là ngoài sắc hiển bày không có sắc khác. Nên biết rằng thân biểu là hình dạng chứ không phải là hiển bày, ngữ biểu là âm thanh cũng không phải là hiển bày, hai loại sắc thuộc về sắc pháp-sắc xứ Vô biểu, cho nên không có thể vạy hỏi để giống như xanh-vàng...

Nhưng các sắc xứ, tổng quát có bốn loại:

1. Có sắc xứ chỉ hiển bày có thể rõ ràng chứ không phải là hình

dạng.

2. Có sắc xứ chỉ hình dạng có thể rõ ràng chứ không phải là hiển bày.

3. Có sắc xứ hiển bày và hình dạng đều có thể rõ ràng.

4. Có sắc xứ hiển bày và hình dạng đều không có thể rõ ràng. Hiển bày có thể rõ ràng chứ không phải là hình dạng, đó là xanh vàng đỏ trắng, cảnh vật sáng tối. Hình dạng có thể rõ ràng chứ không phải là hiển bày, đó là sắc của thân biểu. Hiển bày và hình dạng đều có thể rõ ràng, đó là những sắc khác như hiển bày-như hình dạng đều có thể rõ ràng. Hiển bày và hình dạng đều không có thể rõ ràng, đó là sắc của hư không.

Lại như đã nói: Nếu thân lay động mà trở thành tánh thiện-ác, thì hoa rung kiếm khua... đều lay động tại sao không như thế? Điều này cũng không đúng. Bởi vì pháp có căn khác, pháp không có căn khác, thân là thuộc về số hữu tình do tâm vận động có thể biểu hiện có tâm-tâm sở pháp thiện-ác; hoa-kiếm... thì không như vậy, cho nên Biểu-vô biểu quyết định là có thật.

Nhưng Biểu-Vô biểu dựa vào thân mà phát khởi, có lúc dựa vào một phần, như bật ngón tay-đưa chân lên..., một phần chuyển động làm ra nghiệp thiện-ác; có lúc dựa vào toàn phần, như lễ Phật-đuổi kẻ thù..., toàn thân vận động làm thành Nghiệp thiện ác. Trong này tùy theo thân sở y, số lượng cực vi của nghiệp Biểu cũng như vậy. Như số lượng của Biểu, Vô biểu cũng như vậy.

Hỏi: Tùy theo những nghiệp ấy, nếu có Biểu thì có Vô biểu chăng? Nếu có Vô biểu thì có Biểu chăng?

Đáp: Hoặc có người nói: Bấy nghiệp đạo căn bản quyết định có đủ Biểu và Vô biểu, gia hạnh-đấy khởi sau thì nghiệp Biểu nhất định có, mà vô biểu thì không nhất định, chỉ riêng ràng buộc mạnh mẽ và niềm tin sâu nặng, mà làm phát khởi Vô biểu chứ không phải là gì khác.

Có người nói: Bấy nghiệp đạo căn bản thì Vô biểu nhất định có, Biểu thì không nhất định. Nếu tự mình làm thì có Biểu, nếu sai người khác làm thì chỉ là Vô biểu. Gia hạnh-đấy khởi sau, như trước đã nói.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Trừ ra tà dâm, nghiệp đạo căn bản còn lại thì Vô biểu nhất định có, mà Biểu thì không nhất định. Nếu tự mình làm lập tức đến cuối cùng thì lúc ấy có nghiệp Biểu; nếu sai người khác làm hoặc là lúc cuối cùng, Biểu đã dừng lại thì chỉ có Vô biểu. Nếu tà dâm thì Biểu cũng nhất định có; phần vị đấy khởi sau nhất định có Vô biểu, Biểu thì không nhất định, nếu làm thì có, không làm

thì không có. Nên biết ở đây nói về tán tâm mà làm. Nếu tùy theo phần vị định tán sai biệt, thì có Biểu-Vô biểu như lý cần phải suy nghĩ.

Phi luật nghi-phi bất luật nghi ấy đã thâm nhiếp hành diệu-hành ác do ba nhân duyên mà Vô biểu không gián đoạn:

1. Do ý thích không dừng lại.
2. Do gia hạnh không rời bỏ.
3. Do giới hạn xu thế chưa vượt qua.

Do ý thích không dừng lại và gia hạnh không rời bỏ, như đối với hình tượng Đức Phật-tháp thờ..., khởi tâm hoàn toàn thanh tịnh cúng dường cung kính, đã phát khởi vô biểu từ sát-na thứ nhất cho đến ý thích chưa dừng lại, hoặc là gia hạnh chưa rời bỏ đến nay nối tiếp nhau không gián đoạn; nếu ý thích dừng lại và gia hạnh rời bỏ thì Vô biểu liền dứt đoạn.

Giới hạn xu thế chưa vượt qua, nghĩa là tâm hoàn toàn thanh tịnh và ràng buộc mạnh mẽ mà làm ra thiện-ác, tùy theo thế lực ấy mà Vô biểu không gián đoạn. Như ràng buộc mạnh mẽ giết hại nhiều loài kiến, đã phát khởi Vô biểu suốt đời nối tiếp nhau. Tâm hoàn toàn thanh tịnh đã làm cũng như vậy. Nghĩa là như có người phát khởi niềm tin sâu nặng, lo liệu vật dụng cúng dường để dâng cúng chúng Tăng, thấp hương-rải hoa cúng dường đủ loại; hoặc là đối với pháp hội mỗi năm năm vào ngày tháng như vậy..., thỉnh các chúng tăng cúng dường đủ loại. Khởi tâm hoàn toàn thanh tịnh, phát ra nghiệp thân-ngữ, cho đến ý thích chưa dừng lại, hoặc là gia hạnh chưa rời bỏ thì Vô biểu không gián đoạn. Nếu ý thích dừng lại và rời bỏ gia hạnh thì vô biểu liền dứt đoạn. Những việc làm ở giữa (xử trung) nói rộng ra cũng như vậy.

Lại có hành diệu-hành ác ở giữa, hết chúng đồng phần mà Vô biểu không gián đoạn. Hành diệu: Như có người lập nguyện, nếu không cúng dường hình tượng chư Phật-tháp thì... thì suốt đời không ăn trước. Người ấy vào mỗi ngày tùy theo sức của mình làm được, dùng đến một cành hoa-một cây hương để cúng dường, hết Chúng đồng phần mà vô biểu không gián đoạn. Hoặc có người lập nguyện, nếu không giúp đỡ vật dụng cung cấp cho mạng duyên của người khác, thì suốt đời không ăn trước. Người ấy vào mỗi ngày tùy theo sức của mình làm được, dùng đến một chút thức ăn-nửa ống tay áo giúp cho người khác, hết chúng đồng phần mà Vô biểu không gián đoạn. Hoặc có người lập nguyện, nếu đối với Tam Bảo không cúng dường trước, thì suốt đời không ăn trước. Người ấy vào mỗi ngày tùy theo sức của mình làm được, dùng đến một bát thức ăn để cúng dường Tăng, hoặc là quét dọn lau chùi một

bước chân trong chùa khác, hết Chúng đồng phần mà Vô biểu không gián đoạn. Hoặc có người lập nguyện, hằng năm vào ngày đó giúp cho những người nghèo thiếu, hoặc là cúng dường Tăng. Lập tức lấy một ít đồ vật để cung cấp cho sự tiêu dùng ấy, giữ lại tiền bạc còn thừa để làm của dự trữ, hết Chúng đồng phần mà Vô biểu không gián đoạn. Những sự việc như vậy gọi là hành diệ.

Hành ác: Như có người lập nguyện, tôi sẽ ngày ngày gây ra những sự tổn hại đối với kẻ thù, nếu không làm thì suốt đời không ăn trước. Thế là vào mỗi ngày dùng đến một cú đánh, hoặc là một lời nói ác để mắng nhiếc làm nhục, hết Chúng đồng phần mà Vô biểu không gián đoạn. Như vậy gọi là hành ác.

Hoặc có người tạo tác các vật dụng cúng dường hình tượng chư Phật-tháp thờ..., viết chép ba Tạng mà giữ gìn Chánh pháp, làm hình tượng Thánh Tăng-xây dựng Tăng già-lam, cung cấp giúp cho áo quần-thuốc thang và các vật dụng giúp đỡ cho thân, an lập nhà cửa phước thiện-ươm trồng nhiều rừng cây xanh, đào giếng-làm cầu-làm thuyền, làm đường sá đi lại... Các nghiệp Biểu này đã phát khởi Vô biểu, do đầy đủ ba duyên nối tiếp nhau không gián đoạn:

1. Do ý thích.
2. Do sở y.
3. Do sự vật.

Do ý thích, nghĩa là duyên vào sự việc ấy sinh tâm hoan hỷ sâu sắc, ý thích không dừng lại. Do sở y, nghĩa là thân sở y ở phần vị Đồng phần nối tiếp nhau, mạng sống chưa kết thúc. Do sự vật, nghĩa là những việc tu tạo xây dựng như hình tượng Đức Phật-tháp thờ..., chưa hoàn toàn hoại diệt. Ba duyên như vậy hễ thiếu một loại, thì do trước mà phát khởi Vô biểu liền dứt đoạn, đó gọi là hành diệ.

Hành ác, nghĩa là làm ra những việc như giăng lưới bắt cá-dao kiếm-cung tên..., nên dựa theo trước đã nói. Đó gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược về nghiệp Biểu-Vô biểu.

Hỏi: Nếu thành tựu thân Biểu, thì lúc ấy thành tựu Vô biểu này chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu:

1. Có lúc thành tựu thân Biểu mà không phải là Vô biểu này, đó là sinh ở cõi Dục trú trong phi luật nghi-phi bất luật nghi, hiện tại có thân Biểu mà không có được Vô biểu này, hoặc là trước có thân Biểu không mất mà không có được Vô biểu này.

Hiện tại có thân Biểu, nghĩa là không ngủ-không say-không buồn-

không bỏ gia hạnh cầu mong dấy khởi thân Biểu. Không có được Vô biểu này, nghĩa là không phải niềm tin sâu nặng, không phải là ràng buộc mạnh mẽ, tuy phát khởi thân Biểu mà không có được Vô biểu này. Hoặc là trước có thân Biểu không mất, nghĩa là bởi vì ba duyên cho nên không rời bỏ nghiệp Biểu:

- Vì ý thích không dừng lại.

- Vì không rời bỏ gia hạnh.

- Vì giới hạn xu thế chưa vượt qua. Không có được Vô biểu này, nghĩa nói như trước.

2. Có lúc thành tựu thân Vô biểu mà không phải là Biểu này, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú vào luật nghi, không có được luật nghi Biệt giải thoát, thì không có thân Biểu, giả sử có mà mất; nếu sinh vào cõi Sắc thì không có thân Biểu, giả sử có mà mất; hoặc là các Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc.

Trong này, Thánh giả lúc trú trong thai tạng không có thể dấy khởi Biểu, bởi vì nghiệp Biểu của đời trước đã mất, chỉ thành tựu Vô biểu thuộc Tĩnh lự-vô lậu. trú vào luật nghi, nghĩa là trú trong luật nghi Tĩnh lự-vô lậu. không có thân Biểu, nghĩa là hoặc ngủ-hoặc say-hoặc buồn, rời bỏ các gia hạnh không cầu mong dấy khởi thân Biểu. Giả sử có mà mất, nghĩa là do ba duyên mà rời bỏ nghiệp Biểu của thân:

- Vì ý thích dừng lại.

- Vì rời bỏ gia hạnh.

- Vì giới hạn xu thế vượt qua.

Nếu sinh vào cõi Sắc thì không có thân Biểu, nghĩa là bởi vì rời bỏ gia hạnh không cầu mong dấy khởi thân Biểu. Giả sử có mà mất, như trước đã nói. Hoặc là các Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc, nghĩa là Học thành tựu Vô biểu của Học, Vô học thành tựu Vô biểu của Vô học.

3. Có lúc thành tựu thân Biểu cũng là Vô biểu này, đó là sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, không có được luật nghi Biệt giải thoát, hiện tại có thân Biểu cũng có được Vô biểu này; hoặc là trước có Biểu này không mất, cũng có được Vô biểu này. Nếu trú trong luật nghi Biệt giải thoát, hoặc trú vào không luật nghi, hoặc trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, hiện tại có thân Biểu cũng có được Vô biểu này; hoặc là trước có thân Biểu không mất, cũng có được Vô biểu này, nếu sinh vào cõi Sắc thì hiện tại có thân Biểu, hoặc là trước có thân Biểu không mất.

Trong này, hiện tại có thân Biểu cũng có được Vô biểu này..., nghĩa là dùng niềm tin sâu nặng, hoặc là ràng buộc mạnh mẽ, phát khởi thân Biểu cũng có được Vô biểu. Nếu trú trong luật nghi Biệt giải

thoát, hoặc trú vào không luật nghi, thì lúc ấy nhất định thành tựu thân Biểu-Vô biểu. Nếu sinh vào cõi Sắc thì hiện tại có thân Biểu, nghĩa là không rời bỏ gia hạnh cầu mong dấy khởi nghiệp Biểu. Phần còn lại như trước nói.

4. Có lúc không phải là thành tựu thân Biểu, cũng không phải là Vô biểu này, đó là ở trong vô trứng, hoặc là các dị sinh trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú trong phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì không có thân Biểu, giả sử có mà mất. Nếu các dị sinh sinh đến cõi Vô sắc, các loài dị sinh trú trong thai-trứng, đã mất nghiệp Biểu-Vô biểu của đời trước, hiện tại không có thể dấy khởi, như trước nên biết. Sinh đến cõi Vô sắc đã rời bỏ hữu lậu chưa đạt được vô lậu, bởi vì địa ấy không có sắc. Phần còn lại như trước đã nói.

Hỏi: Nếu thành tựu thân Biểu thiện, thì lúc ấy thành tựu Vô biểu này chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc thành tựu thân Biểu thiện, mà không phải là Vô biểu này, đó là sinh ở cõi Dục trú vào không luật nghi, và trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, hiện tại có thân Biểu thiện, không có được Vô biểu này; hoặc là trước có Biểu này không mất, không có được Vô biểu này.

Hiện tại có thân Biểu thiện, nghĩa là bởi vì không ngu... Không có được Vô biểu này nghĩa là không phải do niềm tin sâu nặng mà phát khởi. Hoặc là trước có Biểu này không mất, nghĩa là bởi vì ba duyên đã nói trước đây. Không có được Vô biểu này, nghĩa là lúc ấy cũng không phải là niềm tin sâu nặng mà phát khởi.

Hỏi: Người trú vào không luật nghi, có thân Biểu hiện thế nào?

Đáp: Người ấy cũng cung kính cúng dường khởi lên Biểu thiện đối với cha mẹ, thầy dạy, Phật-Độc giác và những đệ tử của chư Phật...

2. Có lúc thành tựu thân Vô biểu thiện, mà không phải là Biểu này, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng. Nếu sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, không có được luật nghi Biệt giải thoát, thì không có thân Biểu thiện, giả sử có mà mất. Nếu sinh vào cõi Sắc thì không có thân Biểu thiện, giả sử có mà mất; hoặc là các Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc. Trong này, trú vào luật nghi, nghĩa là trú vào luật nghi này thì nhất định thành tựu thân Vô biểu thiện, phần còn lại như trước đã nói.

3. Có lúc thành tựu thân Biểu thiện cũng là Vô biểu này, đó là sinh ở Dục trú trong luật nghi, không có được luật nghi Biệt giải thoát, hiện tại có thân Biểu thiện cũng có được Vô biểu này; hoặc là trước có

Biểu này không mất, cũng có được Vô biểu này. Nếu trú trong luật nghi Biệt giải thoát, hoặc trú vào không luật nghi và trú vào phi luật nghi-phi luật nghi, hiện tại có thân Biểu thiện cũng có được Vô biểu này; hoặc là trước có Biểu này không mất, cũng có được Vô biểu này, nếu sinh vào cõi Sắc thì hiện tại có thân Biểu thiện, hoặc là trước có Biểu này không mất.

Trong này, tất cả các nghĩa đều như trước đã nói.

4. Có lúc không phải là thành tựu thân Biểu thiện cũng không phải là Vô biểu này, đó là ở trong vô trứng, hoặc là các dị sinh trú trong thai tạng. Nếu sinh ở cõi Dục trú vào không luật nghi, và trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì không có thân Biểu thiện, giả sử có mà mất; hoặc là các dị sinh sinh đến cõi Vô sắc.

Nếu thành tựu thân Biểu bất thiện, giả sử có mà mất; hoặc là các dị sinh sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân Biểu bất thiện, thì lúc ấy thành tựu Vô biểu này chăng?

Đáp: Thành tựu các thân Vô biểu bất thiện, thì lúc ấy nhất định thành tựu Biểu này. Có lúc thành tựu thân Biểu bất thiện, mà không phải là Vô biểu này, đó là sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, và trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, hiện tại có thân Biểu bất thiện, không có được Vô biểu này; hoặc là trước có Biểu này không mất, không có được vô biểu này. Hiện tại có thân Biểu bất thiện, nghĩa là không ngủ- không say... không có được Vô biểu này, nghĩa là không phải do ràng buộc mạnh mẽ mà phát khởi. Trước có Biểu này không mất, nghĩa là do ba duyên đã nói trước đây. Phần còn lại như trước đã nói.

Hỏi: Trú trong những luật nghi nào thì có thân Biểu bất thiện?

Đáp: trú trong ba luật nghi đều có thể là có.

Hỏi: Trú trong luật nghi Tĩnh lự-vô lậu, có những thân Biểu bất thiện nào?

Đáp: Có thân biểu bất thiện như đối với hữu tình dấy khởi đánh đập...

Hỏi: Cũng cần phải có lúc thành tựu thân Vô biểu bất thiện mà không phải là thân Biểu, đó là sai khiến người khác giết hại v.v... vậy thì trong phần này nên làm thành bốn câu phân biệt, tại sao làm thành câu thuận theo câu sau?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc thành tựu thân Biểu bất thiện mà không phải là Vô

biểu này, đó là sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, và trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, hiện tại có thân Biểu bất thiện, không có được Vô biểu này; hoặc là trước có Biểu này không mất, không có được Vô biểu này.

2. Có lúc thành tựu thân Vô biểu bất thiện mà không phải là Biểu này, đó là sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, và trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, sai khiến người khác giết hại...

3. Có lúc thành tựu thân Biểu bất thiện và Vô biểu này, đó là sinh ở cõi Dục trú vào không luật nghi, hoặc là trú vào luật nghi và trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, hiện tại có thân Biểu bất thiện, cũng có được Vô biểu này; hoặc là trước có Biểu này không mất, cũng có được Vô biểu này.

4. Có lúc không phải là thành tựu thân Biểu bất thiện, cũng không phải là Vô biểu này, đó là ở trong vỏ trứng, hoặc là các dị sinh trú trong thai tạng. Nếu sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, và trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì không có thân Biểu bất thiện, giả sử có mà mất, không có được Vô biểu này; hoặc là sinh vào cõi Sắc-Vô sắc.

Nên đưa ra cách nói này mà không nói như vậy, thì nên biết là văn này chỉ dựa vào Biểu-Vô biểu cùng loại mà nói, chứ không dựa vào khác loại. Nghĩa là từ thân Biểu phát ra thân Vô biểu, đó gọi là cùng loại; nếu do ngữ Biểu phát ra thân Vô biểu, thì gọi là khác loại.

Nên nói thế này: Không có lúc nào chỉ thành tựu thân Vô biểu bất thiện, cho nên ở đây chỉ cần đưa ra thuận theo câu sau. Nguyên cơ thế nào? Nếu tự mình phát ra lời nói khiến người khác giết hại..., từ đó phát khởi có được thân Vô biểu, thì chắc cũng thành tựu thân Biểu bất thiện, bởi vì nhất định phải tự mình chuyển động thân hình-tay chân... Nếu không như vậy thì trước đây nói trong phần thành tựu thân Vô biểu thân Vô biểu mà không phải à Biểu này, cũng phải đưa ra cách nói như vậy: Nếu trú vào không luật nghi, và trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, dùng lời nói thiện khiến người khác bố thí..., từ đó phát khởi có được thân Vô biểu thiện, trước đây ở trong phần thiện đã không nói như vậy, cho nên biết rằng phát ra lời nói khiến người khác bố thí..., từ đó phát khởi có được thân Vô biểu, thì chắc chắn cũng tự mình chuyển động thân hình-tay chân..., từ đó thành tựu nghiệp của thân Biểu thiện. Vì vậy cho nên hai chỗ đều không nói theo cách này.

Hỏi: Nếu thành tựu thân Biểu hữu phú vô ký, thì lúc ấy thành tựu Vô biểu này chăng?

Đáp: Không có thành tựu thân Vô biểu hữu phú vô ký, có thành

tự Biểu này đó là sinh vào cõi Sắc, hiện tại có thân Biểu hữu phú vô ký.

Hỏi: Vì sao cõi dục không có thân Biểu hữu phú vô ký?

Đáp: Phiền não của cõi Dục có thể làm cho cùng dấy khởi, phát ra thân-ngũ đều là bất thiện; chỉ riêng Tát-ca-da kiến và Biên chấp kiến, chúng tương ứng với Vô minh, tuy là hữu phú vô ký mà đều là do kiến mà đoạn, không phải là tâm do kiến mà đoạn có thể phát ra nghiệp thân-ngũ, bởi vì phần bên trong dấy khởi rất vi tế.

Hỏi: Nếu sinh ở cõi Dục đã lìa nhiễm của cõi Dục, khởi lên phiền não của Tỉnh lự thứ nhất hiện rõ trước mắt, tại sao không phát ra nghiệp Biểu của thân-ngũ hữu phú vô ký?

Đáp: Sinh trong cõi Dục chỉ có thể khởi lên phiền não của Đẳng chí ấy chứ không phải là sinh phiền não, trong các phiền não phát ra nghiệp thân-ngũ chỉ riêng sinh phiền não.

Có Sư khác nói: Pháp tánh thuận theo như vậy. Nếu khởi lên phiền não của địa này hiện rõ trước mắt, vẫn có thể chuyển động dị thực nối tiếp nhau của địa này, phát khởi nghiệp Biểu của địa này, các nghiệp nhiệm ô cần phải dùng dị thực nối tiếp nhau của địa mình làm nơi nương tựa, không phải là sinh ở cõi Dục có thể dị thực nối tiếp nhau của cõi Sắc. Vì vậy chỉ sinh trong Tỉnh lự thứ nhất thuộc cõi Sắc, thì có thể dấy khởi nghiệp Biểu của thân-ngũ hữu phú vô ký này.

Hỏi: Nếu thành tựu thân Biểu vô phú vô ký, thì lúc ấy thành tựu Vô biểu này chăng?

Đáp: Không có thành tựu thân Vô biểu vô phú vô ký, có thành tựu Biểu này, đó là sinh ở cõi Dục-sắc, hiện tại có thân Biểu Vô phú vô ký. Trong đó sai biệt như lý nên biết.

Hỏi: Nếu thành tựu thân Biểu quá khứ, thì lúc ấy thành tựu vô biểu này chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt.

1. Có lúc thành tựu thân Biểu quá khứ, mà không phải là Vô biểu này, đó là sinh ở cõi Dục trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, trước có thân Biểu không mất, không có được Vô biểu này.

Trước có thân Biểu không mất, nghĩa là vì ba nghiệp như trước đã nói. Không có được Vô biểu này, nghĩa là không phải do niềm tin sâu nặng và ràng buộc mạnh mẽ mà cùng dấy khởi.

2. Có lúc thành tựu thân Vô biểu quá khứ mà không phải là Biểu này, đó là các Thánh giả trong thai tạng. Nếu sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, không có được luật nghi Biệt giải thoát, trước không có thân

Biểu, giả sử có mà mất. Nếu sinh vào cõi Sắc, trước không có thân Biểu, giả sử có mà mất. Nếu những người Học sinh đến cõi Vô sắc, không có thân biểu... dựa theo trước nên biết.

Hỏi: Nếu những người Học dùng đạo thế tục đạt được quả Bất hoàn, đã không hiện khởi luật nghi vô lậu liên sinh đến cõi Vô sắc, lúc ấy làm sao thành tựu nghiệp Vô biểu của thân quá khứ? Nếu không thành tựu, thì tại sao văn này đưa ra cách nói như vậy: Nếu những người Học sinh đến cõi Vô sắc?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Cũng có người Học sinh đến cõi Vô sắc, không thành tựu nghiệp Vô biểu của thân quá khứ, nhưng trong văn này chỉ dựa vào người thành tựu mà nói, vì vậy không có gì sai.

Có Sư khác nói: Đạt được quả Thánh rồi chắc chắn khởi lên Thánh đạo của quả thù thắng hiện rõ trước mắt, cho nên những người Học sinh đến cõi Vô sắc nhất định thành tựu nghiệp Vô biểu của thân quá khứ.

3. Có lúc thành tựu thân Biểu quá khứ cũng là Vô biểu này, đó là sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, không có được luật nghi Biệt giải thoát, trước có thân Biểu không mất, cũng có được Vô biểu này, nếu trú trong luật nghi Biệt giải thoát, hoặc trú vào không luật nghi, hoặc trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, trước có thân Biểu không mất cũng có được Vô biểu này, nếu sinh vào cõi Sắc, trước có thân Biểu không mất.

Trong này nếu trú trong luật nghi Biệt giải thoát, hoặc trú vào không luật nghi, thì có người nói: Văn này chỉ nói đến sát-na thứ hai về sau, bởi vì trong sát-na thứ nhất chưa có Biểu-vô biểu quá khứ.

Có người đưa ra cách nói này: Ngay sát-na thứ nhất cũng thành tựu nghiệp Biểu-Vô biểu quá khứ, bởi vì nghiệp gia hạnh trước kia đến lúc ấy thành tựu.

4. Có lúc không phải là thành tựu thân Biểu quá khứ, cũng không phải là Vô biểu này, đó là ở trong vô trứng, hoặc các dị sinh trú trong thai tạng. Nếu sinh ở cõi Dục trú trong phi luật nghi-phi bất luật nghi thì trước không có thân Biểu, giả sử có mà mất; hoặc là A-la-hán và các dị sinh, sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân Biểu thiện quá khứ, thì lúc ấy thành tựu Vô biểu này chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt.

1. Có lúc thành tựu thân Biểu thiện quá khứ mà không phải là Vô biểu này, đó là sinh ở cõi Dục trú vào không luật nghi, và trú vào phi

luật nghi-phi bất luật nghi, trước có thân Biểu thiện không mất, không có được Vô biểu này.

2. Có lúc thành tựu thân Vô biểu thiện quá khứ mà không phải là Biểu này, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng. Nếu sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, không có được luật nghi Biệt giải thoát, trước không có thân Biểu thiện, giả sử có mà mất. Nếu sinh vào cõi Sắc, trước không có thân Biểu thiện, giả sử có mà mất; hoặc là những người Học sinh đến cõi Vô sắc.

3. Có lúc thành tựu thân Biểu thiện quá khứ cũng là Vô biểu này, đó là sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, không có được luật nghi Biệt giải thoát, trước có thân Biểu thiện không mất, cũng có được Vô biểu này. Nếu trú trong luật nghi Biệt giải thoát, hoặc là trú vào không luật nghi, và trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì trước có thân Biểu thiện không mất, cũng có được Vô biểu này. Nếu sinh vào cõi Sắc thì trước có thân Biểu thiện không mất; nếu trú trong luật nghi Biệt giải thoát.

Trong này hai cách nói như trước nên biết.

Hỏi: Sinh vào cõi Sắc thì làm sao thành tựu thân Biểu thiện quá khứ?

Đáp: Như Đức Phật vào một lúc đi đến cõi Phạm Thế, chư Thiên-Phạm chúng lễ lạy vây tròn xung quanh, cho đến gia hạnh ấy chưa rời bỏ đến nay, thành tựu nghiệp thân Biểu thiện của quá khứ.

4. Có lúc không phải là thành tựu thân Biểu thiện quá khứ, cũng không phải là Vô biểu này, đó là ở trong vỏ trứng, hoặc là các dị sinh trú trong thai tạng. Nếu sinh ở cõi Dục trú vào không luật nghi, và trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì trước không có thân Biểu thiện, giả sử có mà mất; hoặc là A-la-hán và các dị sinh, sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân Biểu bất thiện quá khứ, thì lúc ấy thành tựu Vô biểu này chăng?

Đáp: thành tựu các thân Vô biểu bất thiện quá khứ, thì lúc ấy thành tựu Biểu này. Có lúc thành tựu thân Biểu bất thiện quá khứ mà không phải là Vô biểu này, đó là sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, và trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, trước có thân Biểu bất thiện không mất, không có được Vô biểu này. Trong này, hai cách nói như trước nên biết.

Hỏi: Nếu thành tựu thân Biểu hữu phú vô ký quá khứ, thì lúc ấy thành tựu Vô biểu này chăng?

Đáp: Không có thành tựu thân Biểu hữu phú vô ký quá khứ và Vô

biểu này.

Hỏi: Nếu thành tựu thân Biểu vô phú vô ký quá khứ, thì lúc ấy thành tựu Vô biểu này chăng?

Đáp: Không có thành tựu thân Biểu vô phú vô ký quá khứ và Vô biểu này.

Hỏi: Nếu thành tựu thân Biểu vị lai, thì lúc ấy thành tựu vô biểu này chăng?

Đáp: Không có thanh tịnh thân Biểu vị lai, có thành tựu Vô biểu này, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục đã đạt được tâm thiện của cõi Sắc, hoặc là sinh vào cõi ác; hoặc là các Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Vì sao không có thành tựu nghiệp Biểu của thân-ngũ vị lai?

Đáp: Bởi vì không có sự báo hiệu của nghiệp Biểu vị lai, chứ không phải là đã sinh. Nếu thành tựu nghiệp Biểu của thân-ngũ vị lai, thì lẽ ra chưa tạo nghiệp mà có thọ dụng. Tại sao thành tựu Vô biểu của vị lai? Bởi vì lúc ấy cùng với tâm đều tùy tâm tu.

Hỏi: Nếu thành tựu thân Biểu thiện vị lai, thì lúc ấy thành tựu Vô biểu này chăng?

Đáp: Không có thành tựu thân Biểu thiện vị lai, có thành tựu Vô biểu này, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng, hoặc là sinh ở cõi Dục đã đạt được tâm thiện của cõi Sắc, hoặc là sinh vào cõi Sắc; hoặc là các Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân Biểu bất thiện vị lai, thì lúc ấy thành tựu Vô biểu này chăng?

Đáp: Không có thành tựu thân Biểu bất thiện vị lai và Vô biểu này.

Hỏi: Nếu thành tựu thân Biểu hữu phú vô ký vị lai, thì lúc ấy thành tựu Vô biểu này chăng?

Đáp: Không có thành tựu thân Biểu hữu phú vô ký vị lai và Vô biểu này.

Hỏi: Nếu thành tựu thân Biểu Vô phú vô ký vị lai, thì lúc ấy thành tựu Vô biểu này chăng?

Đáp: Không có thành tựu thân Biểu Vô phú Vô ký vị lai và Vô biểu này.

Hỏi: Vì sao không có thành tựu nghiệp Biểu hữu phú vô ký và vô phú vô ký của quá khứ-vị lai?

Đáp: Bởi vì loại ấy thành tựu có được thế lực chỉ như vậy, chỉ có thể thành tựu nghiệp cùng chung sát-na, không có khả năng thành tựu

nghiệp đã diệt và chưa đến nghiệp ấy quá khứ thì có được cũng là quá khứ, nghiệp ấy vị lai thì có được cũng là vị lai, nghiệp ấy hiện tại thì có được cũng là hiện tại.

Có người nói: Bởi vì tập khí của nghiệp ấy không vững chắc, cho nên không có thành tựu ở đời quá khứ-vị lai. Như tập khí của nghiệp thiện-ác vững chắc, thì có thể thành tựu ở đời quá khứ-vị lai; vô ký thì không như vậy.

Hỏi: Nếu thành tựu thân Biểu hiện tại, thì lúc ấy thành tựu Vô biểu này chăng?

Đáp: nên làm thành bốn câu phân biệt.

1. Có lúc thành tựu thân Biểu hiện tại mà không phải là Vô biểu này, đó là sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, không có được luật nghi Biệt giải thoát, hiện tại có thân Biểu, không có được Vô biểu này; giả sử trước có thân Biểu không mất, mà không có được Vô biểu này, nếu trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại có thân biểu, không có được Vô biểu này, giả sử trước có thân Biểu không mất, mà không có được Vô biểu này, nếu sinh vào cõi Sắc thì hiện tại có thân Biểu.

Trong này, sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, nghĩa là trú trong luật nghi Tĩnh lự-vô lậu. hiện tại có thân Biểu, tức là hiển bày tâm lúc bấy giờ không ở trong Định và không ngủ... Không có được Vô biểu này, là hiển bày Biểu của quá khứ-hiện tại không phải là niềm tin sâu nặng, không phải là ràng buộc mạnh mẽ mà cùng dấy khởi, không phát ra Vô biểu, cho nên hiện tại không có.

2. Có lúc thành tựu thân Vô biểu hiện tại mà không phải là Biểu này, đó là sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, không có được luật nghi Biệt giải thoát, đang ở trong Định giả sử không ở trong Định, hiện tại không có thân Biểu, trước có thân Biểu không mất, có được Vô biểu này, nếu trú trong luật nghi Biệt giải thoát, và trú vào không luật nghi, thì hiện tại không có thân Biểu. Nếu trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại không có thân Biểu, trước có thân Biểu không mất, có được Vô biểu này; hoặc là sinh vào cõi Sắc đang ở trong Định.

Trong này, đang ở trong Định là hiển bày có Vô biểu, cũng ngăn chặn có Biểu. Có được Vô biểu này, là hiển bày có thân Biểu quá khứ, đã phát ra nghiệp Vô biểu của thân chuyển theo hiện tại. Nếu trú trong luật nghi Biệt giải thoát, và trú vào không luật nghi, thì hiện tại không có thân Biểu, có người đưa ra cách nói này: Đây là nói đến sát-na thứ hai về sau, bởi vì sát-na thứ nhất ấy chắc chắn là có Biểu; có người đưa ra cách nói này: Sát-na thứ nhất ấy cũng là nói về có, hiện tại không

có thân Biểu, bởi vì tiếp nhận không luật nghi, và ở trong Định có được giới Cụ túc.

3. Có lúc thành tựu thân Biểu hiện tại cũng là vô biểu này, đó là sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, không có được luật nghi Biệt giải thoát, hiện tại có thân Biểu cũng có được Vô biểu này; hoặc là trước có thân Biểu không mất, có được Vô biểu này. Nếu trú trong luật nghi Biệt giải thoát, và trú vào không luật nghi, thì hiện tại có thân Biểu. Nếu trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại có thân Biểu cũng có được Vô biểu này; hoặc là trước có thân Biểu không mất, có được Vô biểu này.

Trong này, nếu trú trong luật nghi Biệt giải thoát, và trú vào không luật nghi, thì hiện tại có thân Biểu, có người đưa ra cách nói này: Chỉ chọn lấy sát-na thứ nhất trở về sau, bởi vì các sát-na không có thân Biểu; có người nói: cũng chịn lấy các sát-na khác, bởi vì thân Biểu ở phần vị sau cũng có thể dậy khởi.

4. Có lúc không phải là thành tựu thân Biểu hiện tại, cũng không phải là Vô biểu này, đó là ở trong vô trứng và trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, không có được luật nghi Biệt giải thoát, không ở trong Định thì hiện tại không có thân Biểu; giả sử trước có thân Biểu không mất, mà không có được Vô biểu này, nếu trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi thì hiện tại không có thân Biểu; giả sử trước có thân Biểu không mất, mà không có được Vô biểu này, nếu sinh vào cõi Sắc, không ở trong Định thì hiện tại không có thân Biểu; hoặc là sinh đến cõi Vô sắc.

Trong này, không ở trong Định, là hiển bày không thành tựu Vô biểu hiện tại. Phần còn lại như trước đã nói.

Hỏi: Nếu thành tựu thân Biểu thiện hiện tại, thì lúc ấy thành tựu vô biểu này chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt.

1. Có lúc thành tựu thân Biểu thiện hiện tại mà không phải là vô biểu này, đó là sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, không có được luật nghi Biệt giải thoát, hiện tại có thân Biểu thiện, không có được Vô biểu này; giả sử trước có thân Biểu thiện không mất, mà không có được Vô biểu này. Nếu trú vào không luật nghi, và trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại có thân Biểu thiện, không có được Vô biểu này; giả sử trước có thân Biểu thiện không mất, mà không có được Vô biểu này, nếu sinh vào cõi Dục cõi Sắc thì hiện tại có thân Biểu thiện.

Trong này, nếu sinh vào cõi Sắc thì hiện tại có thân Biểu thiện,

nghĩa là chắc chắn không thành tựu Vô biểu hiện tại, bởi vì chắc chắn không ở trong Định. Phần còn lại như trước đã nói.

2. Có lúc thành tựu thân Vô biểu thiện hiện tại mà không phải là Biểu này, đó là sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, không có được luật nghi Biệt giải thoát, đang ở trong Định, giả sử không ở trong Định, hiện tại không có thân Biểu thiện, trước có thân Biểu thiện không mất, mà có được Vô biểu này. Nếu trú trong luật nghi Biệt giải thoát, thì hiện tại không có thân Biểu thiện. Nếu trú vào không luật nghi, và trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại không có thân Biểu thiện, trước có thân Biểu thiện không mất, mà có được Vô biểu này. Nếu sinh vào cõi Sắc đang ở trong Định.

Nếu trú trong luật nghi Biệt giải thoát, thì hiện tại không có thân Biểu thiện, có người đưa ra cách nói này: Đây là nói đến sát-na thứ hai về sau; có người đưa ra cách nói này: Bao gồm sát-na thứ nhất như trước đã nói:

3. Có lúc thành tựu thân Biểu thiện hiện tại cũng là Vô biểu này, đó là sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, không có được luật nghi Biệt giải thoát, hiện tại có thân Biểu thiện, cũng có được Vô biểu này; trước có thân Biểu thiện không mất, có được Vô biểu này. Nếu trú trong luật nghi Biệt giải thoát, thì hiện tại có thân Biểu thiện. Nếu trú vào không luật nghi, và trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại có thân Biểu thiện, cũng có được Vô biểu này; trước có thân Biểu không mất, có được Vô biểu này.

4. Có lúc không phải là thành tựu thân Biểu thiện hiện tại, cũng không phải là Vô biểu này, đó là ở trong vô trứng, và trú trong thai tạng. Nếu sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, không có được luật nghi Biệt giải thoát, không ở trong Định thì hiện tại không có thân Biểu thiện; giả sử trước có thân Biểu thiện không mất, mà không có được Vô biểu này. Nếu trú vào không luật nghi, và trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại không có thân Biểu thiện; giả sử trước có thân biểu thiện không mất, mà không có được Vô biểu này. Nếu sinh vào cõi Sắc, thì hiện tại không có thân Biểu thiện; hoặc là sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu thân biểu bất thiện hiện tại thì lúc ấy thành tựu Vô biểu này chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt.

1. Có lúc thành tựu thân Biểu bất thiện hiện tại mà không phải là Vô biểu này, đó là sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, và trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, hiện tại có thân Biểu bất thiện, không có được

Vô biểu này; giả sử trước có thân Biểu bất thiện không mất, mà không có được Vô biểu này.

Trú trong luật nghi, nghĩa là trú trong ba loại luật nghi. Không có được Vô biểu này, bởi vì không phải là do ràng buộc mạnh mẽ mà cùng dấy khởi. Phần còn lại đều như trước đã nói.

2. Có lúc thành tựu thân Vô biểu bất thiện hiện tại mà không phải là Biểu này, đó là sinh ở cõi Dục trú vào không luật nghi, hiện tại không có thân Biểu bất thiện. Nếu trú trong luật nghi, và trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại không có thân biểu bất thiện, trước có thân Biểu bất thiện không mất, có được Vô biểu này.

Trú vào không luật nghi, hiện tại không có thân Biểu bất thiện, thì có người đưa ra cách nói này: Trừ sát-na thứ nhất. Có người nói: Bao gồm sát-na thứ nhất, bởi vì có chỉ do ngữ mà phát ra thân không luật nghi.

3. Có lúc thành tựu thân Biểu bất thiện hiện tại cũng là vô biểu này, đó là sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, và trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, hiện tại có thân Biểu bất thiện, cũng có được vô biểu này; trước có thân Biểu bất thiện không mất, có được Vô biểu này, nếu trú vào không luật nghi, thì hiện tại có thân Biểu bất thiện đều như trước đã nói.

4. Có lúc không phải là thành tựu thân biểu bất thiện hiện tại, cũng không phải là Vô biểu này, đó là ở trong vô trứng, hoặc là trú trong thai tạng. Nếu sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi, và trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại không có thân Biểu bất thiện; giả sử trước có thân Biểu bất thiện không mất, mà không có được Vô biểu này. Nếu sinh vào cõi Sắc-Vô sắc, thì đều như trước đã nói.

Hỏi: Nếu thành tựu thân Biểu hữu phú vô ký hiện tại, thì lúc ấy thành tựu Vô biểu này chăng?

Đáp: Không có thành tựu thân Vô biểu hữu phú vô ký hiện tại, có thành tựu Biểu này, đó là sinh vào cõi Sắc hiện tại có thân Biểu hữu phú vô ký.

Hỏi: Nếu thành tựu thân Biểu vô phú vô ký hiện tại, thì lúc ấy thành tựu Vô biểu này chăng?

Đáp: Không có thành tựu thân Vô biểu vô phú vô ký hiện tại, có thành tựu Biểu này, đó là sinh ở cõi Dục-Sắc hiện tại có thân Biểu vô phú vô ký. Như trước đã nói rộng về thân Biểu-Vô biểu, như vậy ngữ biểu-vô biểu nói rộng ra cũng thế, chỉ nói về ngữ thanh cùng với trước có khác nhau. Trong này đã nói về nghĩa quyết định, nghĩa là cõi Dục

chắc chắn không có Vô biểu tùy tâm chuyển, cõi sắc chắc chắn không dựa vào Biểu mà phát khởi Vô biểu.

Hỏi: Vì sao như vậy?

Đáp: Bởi vì pháp thuận theo như vậy. Lại có người nói: Trong cõi Dục có dựa vào Biểu mà phát khởi Vô biểu, vì vậy chắc chắn không có Vô biểu tùy tâm chuyển. Trong cõi Sắc có vô biểu tùy tâm chuyển, vì vậy chắc chắn không dựa vào biểu mà phát khởi Vô biểu.

Lại có người nói: Nghiệp biểu của cõi Dục có thể phát khởi Vô biểu, vì vậy chắc chắn không có Vô biểu tùy tâm chuyển. Nghiệp Biểu của cõi Sắc không có thể phát khởi Vô biểu, vì vậy nhất định có Vô biểu tùy tâm chuyển.

Lại có người nói: Ở cõi Dục có sinh ra mà có được, có thể phát ra nghiệp bởi vì tâm sâu nặng-mạnh mẽ, Biểu đã phát khởi có thể phát khởi Vô biểu, ở cõi Sắc do sinh ra mà có được, có thể phát ra nghiệp bởi vì tâm không phải là sâu nặng-mạnh mẽ, cho nên Biểu đã phát khởi không có thể phát khởi Vô biểu.

Lại có người nói: Nếu sinh ở cõi Dục bởi vì không có tâm quyết định, mà tâm không quyết định mạnh hơn, thì Biểu đã phát khởi có thể phát khởi Vô biểu. Nếu đã phát khởi không có thể phát khởi Vô biểu.

Bởi vì những nhân duyên như vậy, cho nên cõi Sắc chắc chắn không dựa vào Biểu-Vô biểu, cõi Dục chắc chắn không có Vô biểu tùy tâm chuyển.

Hỏi: Tiếng vang thuận theo lời nói là ngữ nghiệp chăng?

Đáp: Đó không phải là ngữ nghiệp mà chỉ gọi là tiếng của lời nói, do lời nói mà khởi lên.

Hỏi: Tiếng tiêu-tiếng sáo... là ngữ nghiệp chăng?

Đáp: Đó không phải là ngữ nghiệp mà chỉ gọi là tiếng của lời nói, do gió và hơi thở... mà khởi lên.

Hỏi: Tiếng của ác loài chim thú là ngữ nghiệp chăng?

Đáp: Có người đưa ra cách nói như vậy: Đó không phải là ngữ nghiệp mà chỉ gọi là tiếng của lời nói, bởi vì nghe tiếng ấy nhưng không thể nào hiểu được nghĩa.

Có Sư khác nói: Đó là ngữ nghiệp, con người tuy không hiểu nghĩa mà loài ấy đã nói, mà đồng loại với nó hiểu rõ ràng lẫn nhau. Lại như người hiểu lời nói của chim thú, nghe âm thanh của chúng thì biết chúng đã nói gì.

Hỏi: Lời nói của các loài biến hóa là ngữ nghiệp chăng?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Đó là ngữ nghiệp, bởi vì tâm

phát ra.

Có Sư khác nói: Đó không phải là ngữ nghiệp mà chỉ gọi là tiếng của lời nói, bởi vì thân do biến hóa không có chấp thọ.

Nếu nghiệp hệ thuộc cõi Dục thì quả của nghiệp ấy hệ thuộc cõi Dục chẳng? Cho đến nói rộng ra.

Nếu biết trong này dựa vào bốn quả mà soạn luận, trừ ra quả tăng thượng, bởi vì quả tăng thượng không quyết định, bởi vì rất rộng rãi.

Nghĩa là sinh ở mỗi một cõi đều có quả của ba cõi và nghiệp của bốn cõi, mỗi một loại đều dùng các pháp của bốn cõi làm quả tăng thượng.

Hỏi: Nếu nghiệp hệ thuộc cõi Dục, thì quả của nghiệp ấy hệ thuộc cõi Dục chẳng?

Đáp: Các nghiệp hệ thuộc cõi Dục thì quả của nghiệp ấy cũng như vậy, đó là b quả, hoặc là hai quả. Có quả của nghiệp hệ thuộc cõi Dục mà không phải là nghiệp của cõi ấy, nghĩa là do đạo của cõi Sắc làm hóa hiện ở cõi Dục phát ra lời nói của cõi Dục, sự hóa hiện và lời nói này là quả sĩ dụng của đạo cõi Sắc.

Hỏi: Nếu nghiệp hệ thuộc cõi Sắc, thì quả của nghiệp ấy hệ thuộc cõi Sắc chẳng?

Đáp: Các quả của nghiệp hệ thuộc cõi Sắc thì nghiệp ấy cũng như vậy, đó là ba quả, hoặc là hai quả. Có nghiệp hệ thuộc cõi Sắc mà không phải là quả của nghiệp ấy, nghĩa là do tạo của cõi Sắc làm hóa hiện ở cõi Dục phát ra lời nói của cõi Dục. Sự hóa hiện và lời nói này là quả sĩ dụng của đạo cõi Sắc. Và do đạo của cõi Sắc chứng đoạn các kiết, tức là đạo thế tục của các cận phần Tĩn lự, đoạn các kiết ấy là quả ly hệ và quả sĩ dụng của đạo này. Dựa theo địa phân biệt như trước, nên biết.

Hỏi: Nếu nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc, thì quả của nghiệp ấy hệ thuộc cõi Vô sắc chẳng?

Đáp: Quả của các nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc thì nghiệp ấy cũng như vậy, đó là ba quả, hoặc là hai quả. Có nghiệp hệ thuộc cõi Vô sắc mà không phải là quả của nghiệp ấy, nghĩa là do đạo của cõi Vô sắc chứng đoạn các kiết, tức là đạo thuộc cận phần của các Vô sắc, đoạn các kiết ấy là quả ly hệ và quả sĩ dụng của đạo này. Dựa theo địa phân biệt như trước, nên biết.

Hỏi: Nếu nghiệp không hệ thuộc thì quả của nghiệp ấy không hệ thuộc chẳng?

Đáp: Các nghiệp không hệ thuộc thì quả của nghiệp ấy cũng như vậy, đó là ba quả, hoặc là hai quả. Có quả của nghiệp không hệ thuộc

mà không phải là nghiệp ấy, nghĩa là do đạo của cõi Sắc-Vô sắc chứng đoạn các kiết, tức là đạo thế tục của các cận phần, đoạn các kiết ấy là quả ly hệ và quả sĩ dụng của đạo này. Dựa theo địa phân biệt như trước, nên biết.

Hỏi: Nếu nghiệp không phải là hệ thuộc cõi Dục, thì quả của nghiệp ấy không phải là hệ thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Quả của các nghiệp không phải là hệ thuộc cõi Dục thì nghiệp ấy cũng như vậy. Có nghiệp không phải là hệ thuộc cõi Dục chứ không phải là quả của nghiệp ấy, nghĩa là do đạo của cõi Sắc làm hóa hiện ở cõi Dục phát ra lời nói của cõi Dục. Sự hóa hiện và lời nói là quả sĩ dụng của đạo cõi Sắc.

Hỏi: Nếu nghiệp không phải là hệ thuộc cõi Sắc, thì quả của nghiệp ấy không phải là hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Các nghiệp không phải là hệ thuộc cõi Sắc thì quả của nghiệp ấy cũng như vậy. Có quả của nghiệp không phải là hệ thuộc cõi Sắc chứ không phải là nghiệp ấy, nghĩa là do đạo của cõi Sắc làm hóa hiện ở cõi Dục phát ra lời nói của cõi Dục. Sự hóa hiện và lời nói này là quả sĩ dụng của đạo cõi Sắc. Và do đạo của cõi Sắc chứng đoạn các kiết, đoạn các kiết ấy là quả ly hệ và quả sĩ dụng của đạo này. Dựa theo địa phân biệt như trước, nên biết.

Hỏi: Nếu nghiệp không phải là hệ thuộc cõi Vô sắc, thì quả của nghiệp ấy không phải là hệ thuộc cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Các nghiệp không phải là hệ thuộc cõi Vô sắc thì quả của nghiệp ấy cũng như vậy. Có quả của nghiệp không phải là hệ thuộc cõi vô sắc, chứ không phải là nghiệp ấy, nghĩa là do đạo của cõi Vô sắc chứng đoạn các kiết, các kiết ấy đoạn là quả ly hệ và quả sĩ dụng của đạo này. Dựa theo địa phân biệt như trước, nên biết.

Hỏi: Nếu nghiệp không phải là không hệ thuộc, thì quả của nghiệp ấy không phải là không hệ thuộc chăng?

Đáp: Quả của các nghiệp không phải là không hệ thuộc thì nghiệp ấy cũng như vậy. Có nghiệp không phải là không hệ thuộc chứ không phải là quả của nghiệp ấy, nghĩa là do đạo của cõi Sắc-Vô sắc chứng đoạn các kiết, các kiết ấy đoạn là quả ly hệ và quả sĩ dụng của đạo này. Dựa theo địa phân biệt như trước, nên biết.

Hỏi: Các sự việc đã hóa hiện do ai hóa hiện làm ra, là do đạo hay là do tâm hóa hiện? Nếu do đạo thì tại sao tâm hóa hiện lại gọi là chủ thể hóa hiện? Nếu do tâm hóa hiện thì trong này đã nói nên thông hiểu thế nào? như nói: Do đạo của cõi Sắc làm hóa hiện ở cõi Dục phát ra

lời nói của cõi Dục.

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Các sự việc đã hóa hiện do đạo hóa hiện làm ra.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao tâm hóa hiện lại gọi là chủ thể hóa hiện? Đáp: Nên gọi tâm là khách thể hóa hiện (sở hóa) chứ không nên gọi là chủ thể hóa hiện (năng hóa), nhưng do lực của đạo làm sự việc hóa hiện rồi, tâm hóa hiện và khách thể hóa hiện cùng lúc đấy khởi, cho nên gọi tâm là chủ thể hóa hiện mà thật ra không phải là chủ thể hóa hiện.

Có Sư khác nói: Các sự việc đã hóa hiện do tâm hóa hiện làm ra.

Hỏi: Nếu như vậy thì ở đây nói nên thông hiểu thế nào? Như nói: Do đạo của cõi Sắc làm hóa hiện ở cõi Dục phát ra lời nói của cõi Dục. Đáp: Dựa vào nhân lần lượt chuyển đổi cho nên nói như vậy, như pháp của con cháu. Nghĩa là đạo của Thần cảnh thông không gián đoạn mà diệt, tâm hóa hiện và khách thể hóa hiện cùng lúc mà đấy khởi. Tâm hóa hiện tức là quả sĩ dụng gần của đạo này, sự việc đã hóa hiện lại là quả sĩ dụng gần của tâm hóa hiện. Sự việc đã hóa hiện, đó là bốn xứ, hoặc là hai xứ.

Nói như vậy là các sự việc đã hóa hiện do đạo hóa hiện làm ra, cũng do tâm hóa hiện. Nghĩa là đạo của Thần cảnh thông không gián đoạn mà diệt tâm hóa hiện và khách thể hóa hiện cùng lúc mà đấy khởi; tuy cùng lúc đấy khởi mà tâm chủ thể hóa hiện chỉ là quả của đạo, các sự việc đã hóa hiện là quả của đạo trước và quả của tâm hóa hiện.

Hỏi: Lìa thân hóa hiện có phát ra lời nói hóa hiện hay không?

Đáp: Có người nói: Không thể phát ra.

Hỏi: Nếu như vậy thì ở đây nói nên thông hiểu thế nào? như nói: Do đạo của cõi Sắc làm hóa hiện ở cõi Dục phát ra lời nói của cõi Dục. Đáp: Thân đã hóa hiện có hai loại:

1. Có lời nói.
2. Không có lời nói.

Do đạo của cõi Sắc làm hóa hiện ở cõi Dục là hiển bày thân hóa hiện không có lời nói; phát ra lời nói của cõi Dục, là hiển bày thân hóa hiện có lời nói.

Có người nói: Lìa thân hóa hiện cũng có phát ra lời nói hóa hiện, như ở giữa bầu trời không thấy thân hóa hiện, chỉ nghe có lời nói hóa hiện. Nhưng mà trong này đã nói do đạo của cõi Sắc làm hóa hiện ở cõi Dục, là hiển bày chung về thân hóa hiện có lời nói-không có lời nói;

phát ra lời nói của cõi Dục, là hiển bày chung về lời nói hóa hiện dựa vào thân-lìa khỏi thân.

Nói như vậy thì lìa khỏi thân hóa hiện không phát ra lời nói hóa hiện, bởi vì lời nói cần phải do bốn Đại chủng thô gõ vào nhau mà khởi lên.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 123

LUẬN VỀ BIỂU - VÔ BIỂU (Phần 2)

Có thể có nghiệp hữu lậu-quả hữu lậu chẳng? Cho đến nói rộng ra.

Nên biết rằng trong này dựa vào ba quả để soạn luận, trừ ra quả sĩ dụng và quả tăng thượng, bởi vì quả sĩ dụng nhiều tạp loạn, nhiều pháp làm nhân có được một pháp; bởi vì quả tăng thượng không quyết định và rất rộng, như trước đã nói.

Các Luận Sư của nghiệp Ca-thấp-di-la nói: “Trong này dựa vào một nhân-nhiều quả để soạn luận”. Nếu dựa vào cách nói này thì:

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu-quả hữu lậu chẳng?

Đáp: Có, đó là quả đẳng lưu-dị thực.

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu-quả vô lậu chẳng?

Đáp: Có, đó là quả đẳng lưu-dị thực.

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu-quả vô lậu chẳng?

Đáp: Có, đó là quả ly hệ.

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu-quả vô lậu chẳng?

Đáp, đó là quả đẳng lưu-dị thực và ly hệ.

Hỏi: Có thể có nghiệp vô lậu-quả vô lậu chẳng?

Đáp: Có đó là quả đẳng lưu và ly hệ.

Hỏi: Có thể có nghiệp vô lậu-quả hữu lậu chẳng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp vô lậu-quả hữu lậu và vô lậu chẳng?

Đáp: không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu và vô lậu-quả hữu lậu và vô lậu chẳng?

Đáp: Không có. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì trong này dựa vào một nhân-nhiều quả mà soạn luận, cho nên không có Thể của nhân là hữu

lậu cũng là vô lậu như vậy; như không có nhân này, cũng không có quả này, cho nên đáp rằng không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu và vô lậu-quả hữu lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu và vô lậu-quả vô lậu chăng?

Đáp: Không có.

Các Sư phương Tây đưa ra cách nói như vậy: “Trong này dựa vào nhiều nhân-một quả mà soạn luận”. Nếu dựa vào cách nói này thì:

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu-quả hữu lậu chăng?

Đáp: Có, đó là quả đẳng lưu và dị thực.

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu-quả vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là quả ly hệ.

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu-quả hữu lậu và vô lậu chăng?

Đáp: Không có. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì trong này dựa vào nhiều nhân-một quả mà soạn luận, cho nên không có Thể của quả là hữu lậu cũng là vô lậu như vậy; như không có quả này, cũng không có nhân này, cho nên đáp rằng không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp vô lậu- quả hữu lậu chăng?

Đáp: Có, đó là quả đẳng lưu và ly hệ.

Hỏi: Có thể có nghiệp vô lậu-quả hữu lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp vô lậu-quả hữu lậu và vô lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu và vô lậu-quả hữu lậu và vô lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu và vô lậu-quả hữu lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu và vô lậu-quả hữu lậu chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp hữu lậu và vô lậu-quả vô lậu chăng?

Đáp: Có, đó là quả ly hệ.

Lời bình: Nên biết trong này cách nói trước là thích hợp, bởi vì văn của bản luận phần nhiều giống như trước, dựa vào một Thể của nghiệp để hỏi-đáp, không có một nghiệp mà Thể gồm chung nhiêm-tịnh.

Hỏi: Có thể có nghiệp Học-quả Học chăng?

Đáp: Có, đó là quả đẳng lưu.

Hỏi: Có thể có nghiệp Học-quả Vô học chăng?

Đáp: Có, đó là quả đẳng lưu.

Hỏi: Có thể có nghiệp Học-quả Phi học phi vô học chăng?

Đáp: Có, đó là quả ly hệ.

Hỏi: Có thể có nghiệp Vô học-quả Vô học chăng?

Đáp: Có, đó là quả đẳng lưu.

Hỏi: Có thể có nghiệp Vô học-quả Vô học và Học chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp Vô học-quả Phi học phi vô học chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: A-la-hán Thời giải thoát luyện căn làm Bất động, đạo vô gián thứ chín nhanh chóng chứng đoạn tất cả kiết do kiến-tu mà đoạn của ba cõi, các kiết ấy đoạn là quả của đạo này thì nên đáp rằng là có, tại sao nói là không có?

Đáp: Tuy là quả sĩ dụng của đạo này, mà không phải là quả ly hệ, trước đây đã nói trong này trừ ra quả sĩ dụng và quả tăng thượng, cho nên đáp rằng không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp Phi học phi vô học-quả Phi học phi vô học chăng?

Đáp: Có, đó là quả đẳng lưu-dị thực và ly hệ.

Hỏi: Có thể có nghiệp Phi học phi vô học-quả Học chăng?

Đáp: Không có.

Hỏi: Thế đệ nhất pháp không gián đoạn dẫn dắt phát sinh khổ pháp trí nhãn, nhãn này phải là quả do Thế đệ nhất pháp dẫn dắt phát sinh, nên đáp rằng là có, tại sao nói là không có?

Đáp: Nhãn ấy tuy là quả sĩ dụng, mà không phải là do ba thân nhiếp, trước đây đã nói trong này dựa vào ba quả mà soạn luận, cho nên đáp rằng không có.

Hỏi: Có thể có nghiệp Phi học phi vô học-quả Vô học chăng?

Đáp: Không có.

Như Đức Thế Tôn nói: “Không tu thân, không tu giới, không tu tâm, không tu tuệ”. Cho đến nói rộng ra.

Tu có bốn loại, đó là tu đạt được-tu luyện tập-tu đối trị-tu trừ bỏ, như các phần trong chương Trí uẩn đã nói nhiều. Trong phần này dựa vào hai loại tu mà soạn luận, đó là tu đối trị và tu trừ bỏ.

Nếu đối với đạo đối trị thân-giới-tâm-tuệ, chưa sinh ra thì gọi là không tu thân, cho đến không tu tuệ. Đây là dựa vào tu đối trị mà nói. Vả lại, duyên với tất cả phiền não của thân-giới-tâm-tuệ, chưa đoạn-

chưa biết khắp thì gọi là không tu thân, cho đến không tu tuệ. Đây là dựa vào tu trừ bỏ mà nói.

Nếu đối với đạo đối trị thân-giới-tâm-tuệ, đã sinh ra thì gọi là tu thân, cho đến tu tuệ. Đây là dựa vào tu đối trị mà nói. Vả lại, duyên với tất cả phiền não của thân-giới-tâm-tuệ, đã đoạn-đã biết khắp thì gọi là tu thân, cho đến tu tuệ. Đây là dựa vào tu trừ bỏ mà nói.

Đó gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược của phần này.

Hỏi: Thế nào là không tu thân?

Đáp: nếu đối với thân chưa lìa bỏ tham dục tước ưa thích khao khát, và đạo vô gián có thể trừ hết Sắc tham, người ấy đối với đạo này chưa tu-chưa an. Nếu đối với thân chưa lìa bỏ tham, nghĩa là chưa lìa bỏ ái. Chưa lìa bỏ dục, nghĩa là đối với ái, dục chưa đoạn- chưa biết khắp. Chưa lìa bỏ tước ưa thích, nghĩa là đối với ái, tước ưa thích chưa đoạn- chưa biết khắp. Chưa lìa bỏ ưa thích, nghĩa là đối với ái, ưa thích chưa đoạn- chưa biết khắp. Chưa lìa bỏ khao khát, nghĩa là đối với ái, khao khát chưa đoạn- chưa biết khắp. Và đạo vô gián có thể trừ hết Sắc tham, nghĩa là đạo vô gián có thể trừ hết ái của cõi Đắc. Người ấy đối với đạo này chưa tu-chưa an, nghĩa là chưa tu tập và chưa an ổn. Tu nghĩa là tu luyện tập, an nghĩa là tu đạt được; và khởi lên gọi là tu, diệt mất gọi là an; lại thêm đã sinh ra gọi là tu, đã diệt đi gọi là an.

Nên biết trong này, nếu đối với thân chưa lìa bỏ tham dục tước ưa thích khao khát, thì gọi là không tu thân, là dựa vào tu trừ bỏ mà nói. Và đạo vô gián có thể trừ hết Sắc tham, người ấy đối với đạo này chưa tu-chưa an, thì gọi là không tu thân, là dựa vào tu đối trị mà nói.

Có Sư khác nói: Nếu đối với thân chưa lìa bỏ tham dục tước ưa thích khao khát, thì gọi là không tu thân, nghĩa là đối với ái duyên vào thân, chưa đoạn- chưa biết khắp; và đạo vô gián có thể trừ hết Sắc tham, người ấy đối với đạo này chưa tu-chưa an, gọi là không tu thân, nghĩa là đối với các phiền não khác duyên vào thân, chưa đoạn- chưa biết khắp.

Có người đưa ra cách nói này: Nếu đối với thân chưa lìa bỏ tham..., là hiển bày chưa đoạn được ràng buộc; và đạo vô gián có thể trừ hết sắc tham..., là hiển bày chưa chứng được lìa bỏ ràng buộc. Như chưa được ràng buộc- chưa chứng được lìa bỏ ràng buộc; như vậy chưa giảm bớt lỗi lầm, chưa tu tập công đức, chưa lìa bỏ thấp kém, chưa chứng được tốt đẹp, chưa rời bỏ vô nghĩa, chưa đạt được có nghĩa, chưa trừ bỏ phiền não nóng bức của có ái, chưa thọ nhận niềm vui thư thái không có ái,

nên biết cũng như thế.

Hoặc có người nói: Nếu đối với thân chưa lìa bỏ tham..., là hiển bày đạo vô gián chưa khởi lên tác dụng; và đạo vô gián có thể trừ hết Sắc tham..., là hiển bày đạo giải thoát chưa khởi lên tác dụng.

Lại có người nói: Đối với thân chưa lìa bỏ tham..., là hiển bày chưa lìa nhiễm của cõi Dục cho đến Tĩnh lự thứ ba; và đạo vô gián có thể trừ hết Sắc tham..., là hiển bày chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư. Sai biệt như vậy, như lý nên biết!

Hỏi: Thế nào là không tu giới?

Đáp: Nếu đối với giới chưa lìa bỏ tham, nói rộng ra như đối với thân.

Hỏi: Thế nào là không tu tâm? Đáp: Nếu đối với tâm chưa lìa bỏ tham dục tưới thấm ưa thích khao khát, và đạo vô gián có thể trừ hết Vô sắc tham, lúc ấy đối với đạo này chưa tu-chưa an. Nếu đối với tâm chưa lìa bỏ tham..., như trước nói; và đạo vô gián có thể trừ hết vô sắc tham, nghĩa là đạo vô gián có thể trừ hết ái của cõi Vô sắc; chưa tu-chưa an, như trước nói nên biết.

Trong này, nếu đối với âm chưa lìa bỏ tham dục tưới thấm ưa thích khao khát, thì gọi là không tu tâm, là dựa vào tu trừ bỏ mà nói; và đạo vô gián có thể trừ hết Vô sắc tham, lúc ấy đối với đạo này chưa tu-chưa an, thì gọi là không tu tâm, là dựa vào tu đối trị mà nói.

Có Sư khác nói: Nếu đối với tâm chưa lìa bỏ tham..., nghĩa là đối với ái duyên vào tâm, chưa đoạn-chưa biết khắp; và đạo vô gián có thể trừ hết vô sắc tham..., nghĩa là đối với các phiền não khác duyên vào tâm, chưa đoạn-chưa biết khắp. Phần còn lại nói rộng ra như trước.

Lại có người nói: Nếu đối với tâm chưa lìa bỏ tham..., là hiển bày chưa lìa nhiễm của cõi Dục cho đến Vô sở hữu xứ; và đạo vô gián có thể trừ hết vô sắc tham..., là hiển bày chưa lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Sai biệt như vậy, như lý nên biết.

Hỏi: Thế nào là không tu tuệ?

Đáp: Nếu đối với tuệ chưa lìa bỏ tham..., nói rộng ra như phần tâm đã nói.

Đã nói về tự tánh của không tu thân..., tướng xen tạp-không xen tạp nay sẽ nói đến.

Hỏi: Nếu không tu thân thì lúc ấy không tu giới chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử không tu giới thì lúc ấy không tu thân chẳng?

Đáp: Đúng như vậy. Bởi vì thân và giới cùng vào lúc lìa nhiễm

của Tĩnh lực thứ tư mới đoạn hết.

Hỏi: Nếu không tu thân thì lúc ấy không tu tâm chăng?

Đáp: Những lúc không tu thân thì lúc ấy không tu tâm. Có lúc không tu tâm mà không phải là không tu thân, đó là đã lìa nhiễm cõi Sắc, chưa lìa nhiễm cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu không tu thân thì lúc ấy không tu tuệ chăng?

Đáp: Những lúc không tu thân thì lúc ấy không tu tuệ. Có lúc không tu tuệ mà không phải là không tu thân, như trước đã nói.

Hỏi: Nếu không tu giới thì lúc ấy không tu tâm chăng?

Đáp: Những lúc không tu giới thì lúc ấy không tu tâm. Có lúc không tu tâm mà không phải là không tu giới, như trước đã nói.

Hỏi: Nếu không tu giới thì lúc ấy không tu tuệ chăng?

Đáp: Những lúc không tu giới thì lúc ấy không tu tuệ. Có lúc không tu tuệ mà không phải là không tu giới, như trước đã nói.

Trong này, các câu như trước đã nói, đều có nghĩa là đã lìa nhiễm cõi Sắc, chưa lìa nhiễm cõi Vô sắc, bởi vì nơi đối trị giống nhau.

Hỏi: Nếu không tu tâm thì lúc ấy không tu tuệ chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử không tu tuệ thì lúc ấy không tu tâm chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Bởi vì tâm và tuệ cùng vào lúc lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ mới đoạn hết.

Như Đức Thế Tôn nói: “Tu thân-tu giới-tu tâm-tu tuệ”.

Hỏi: Thế nào là tu thân?

Đáp: Nếu đối với thân đã lìa bỏ tham dục tưởi thắm ưa thích khao khát, và đạo vô gián có thể trừ hết Sắc tham, lúc ấy đối trị với đạo này đã tu-đã an.

Hỏi: Thế nào là tu giới?

Đáp: Nếu đối với giới đã lìa bỏ tham, nói rộng ra như thân.

Hỏi: Thế nào là tu tâm?

Đáp: Nếu đối với tâm đã lìa bỏ tham dục tưởi thắm ưa thích khao khát, và đạo vô gián có thể trừ hết Vô sắc tham, lúc ấy đối trị với đạo này đã tu-đã an.

Hỏi: Thế nào là tu tuệ?

Đáp: Nếu đối với tuệ đã lìa bỏ tham, nói rộng ra như tâm.

Tỳ-bà-sa tóm lược và giải thích các câu ngược lại với phẩm Hắc (nhiễm ô) trước, như lý nên suy nghĩ.

Đã phân biệt về tự tánh của tu thân..., tướng xen tạp-không xen tạp nay sẽ nói đến.

Hỏi: Nếu tu thân thì lúc ấy tu giới chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi, Giả sử tu giới thì lúc ấy tu thân chẳng?

Đáp: Đúng như vậy. Bởi vì thân và giới cùng vào lúc lìa nhiễm của Tịnh lự thứ tư mới đoạn hết.

Hỏi: Nếu tu thân thì lúc ấy tu tâm chẳng?

Đáp: Những lúc tu tâm thì lúc ấy tu thân. Có lúc tu tâm mà không phải là tu tâm, nghĩa là đã lìa nhiễm cõi Sắc, chưa lìa nhiễm cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu tu thân thì lúc ấy tu tuệ chẳng?

Đáp: Những lúc tu tuệ thì lúc ấy tu thân. Có lúc tu thân mà không phải là tu tuệ, như trước đã nói.

Hỏi: Nếu tu giới thì lúc ấy tu tâm chẳng?

Đáp: Những lúc tu tâm thì lúc ấy tu giới. Có lúc tu giới mà không phải là tu tâm, như trước đã nói.

Hỏi: Nếu lúc tu giới thì lúc ấy tu tuệ chẳng?

Đáp: Những lúc tu tuệ thì lúc ấy tu giới. Có lúc tu giới mà không phải là tu tuệ, như trước đã nói.

Trong này, các câu như trước đã nói, đều có nghĩa là đã lìa nhiễm cõi Sắc, chưa lìa nhiễm cõi Vô sắc, bởi vì nơi đối trị giống nhau.

Hỏi: Nếu tu tâm thì lúc ấy tu tuệ chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử tu tuệ thì lúc ấy tu tâm chẳng?

Đáp: Đúng như vậy. Bởi vì tâm và tuệ cùng vào lúc lìa nhiễm của Phi tướng phi phi tướng xứ mới đoạn hết.

Đã thuận theo câu văn sai biệt của bản luận để giải thích về không tu thân-giới-tâm-tuệ..., nên tiếp tục thuận theo nghĩa để giải thích về sự sai biệt này.

Có người đưa ra cách nói này: Không tu thân, nghĩa là đối với bất tịnh, diên đảo tướng là Tịnh, chưa đoạn-chưa biết khắp. Không tu giới, nghĩa là đối với khổ, diên đảo tướng là Lạc, chưa đoạn-chưa biết khắp. Không tu tâm, nghĩa là đối với vô thường, diên đảo tướng là Thường, chưa đoạn-chưa biết khắp. không tu tuệ, nghĩa là đối với vô ngã, diên đảo tướng là Ngã, chưa đoạn chưa-biết khắp.

Có Sư khác nói: Không tu thân, nghĩa là đối với Đoàn thực, chưa đoạn-chưa biết khắp. Không tu giới, nghĩa là đối với Xúc thực, chưa đoạn-chưa biết khắp. Không tu tâm nghĩa là đối với Thức thực, chưa đoạn-chưa biết khắp. Không tu tuệ, nghĩa là đối với Ý tư thực, chưa

đoạn-chưa biết khắp.

Hoặc có người nói: Không tu thân, nghĩa là đối với Sắc uẩn, chưa đoạn-chưa biết khắp. Không tu giới, nghĩa là đối với Thọ uẩn, chưa đoạn-chưa biết khắp. Không tu tâm, nghĩa là đối với Thức uẩn, chưa đoạn-chưa biết khắp. Không tu tuệ, nghĩa là đối với Tưởng uẩn và Hành uẩn, chưa đoạn-chưa biết khắp.

Lại có người nói: Không tu thân, nghĩa là đối với Sắc thuận theo thức trú, chưa đoạn-chưa biết khắp. Không tu giới, nghĩa là đối với thọ thuận theo thức trú, chưa đoạn-chưa biết khắp. Không tu tâm, nghĩa là đối với Thức chủ động trú vào, chưa đoạn-chưa biết khắp. Không tu tuệ, nghĩa là đối với Tưởng thuận theo thức trú và Hành thuận theo thức trú, chưa đoạn-chưa biết khắp.

Có người đưa ra cách nói này: Không tu thân, nghĩa là chưa tu Thân niệm trú. Không tu giới, nghĩa là chưa tu Thọ niệm trú. Không tu tâm, nghĩa là chưa tu tâm niệm trú. Không tu tuệ, nghĩa là chưa tu Pháp niệm trú.

Có Sư khác nói: Không tu thân, nghĩa là chưa tu về Thân tu. Không tu giới, nghĩa là chưa tu về Giới tu. Không tu tâm, nghĩa là chưa tu về Tâm tu. Không tu tuệ, nghĩa là chưa tu về Tuệ tu.

Có người khác lại nói: Không tu thân, nghĩa là thân đối với Giác chi chưa có năng lực tùy thuận. Không tu giới, nghĩa là giới đối với Giác chi chưa có năng lực tùy thuận. Không tu tâm, nghĩa là tâm đối với Giác chi chưa có năng lực tùy thuận. Không tu tuệ, nghĩa là tuệ đối với Giác chi chưa có năng lực tùy thuận.

Hoặc lại có người nói: Không tu thân, nghĩa là thân chưa có năng lực làm nơi nương tựa cho giới. Không tu giới, nghĩa là giới chưa có năng lực làm nơi nương tựa cho Xa-ma-tha. Không tu tâm, nghĩa là Xa-ma-tha chưa có năng lực làm nơi nương tựa cho Tỳ-bát-xá-na. không tu tuệ, nghĩa là Tỳ-bát-xá-na chưa có năng lực làm hại các phiền não.

Như không tu thân..., có những cách nói sai biệt như vậy; như vậy tu thân... trái lại với cách nói này, nên biết.

Nếu thành tựu giới quá khứ, thì lúc ấy thành tựu giới thuộc loại này ở vị lai hiện tại chăng? Cho đến nói rộng ra.

Loại có bốn loại:

1. Loại thuộc tu.
2. Loại thuộc luật nghi.
3. Loại thuộc quả.
4. Loại thuộc tương tự.

Loại thuộc tu, như nói trong chương Trí Uẩn trước đây, nghĩa là lúc chưa từng đạt đạo hiện rõ ở trước mắt, có thể tu các đạo thuộc loại của mình ở vị lai.

Trong này, có người nói: Các đạo hữu lậu lấy hữu lậu làm loại, các đạo vô lậu lấy vô lậu làm loại.

Lại có người nói: Các đạo hữu lậu lấy tất cả hữu lậu-vô lậu làm loại, các đạo vô lậu lấy tất cả vô lậu-hữu lậu làm loại. Nếu lúc đạo hữu hiện rõ ở trước mắt, thì tu gồm chung đạo hữu lậu và vô lậu, đây là lực tu của đạo hữu lậu, cho nên cùng gọi theo loại ấy. Nếu lúc đạo vô lậu hiện rõ ở trước mắt thì tu gồm chung đạo vô lậu và hữu lậu, đây là do lực tu của đạo vô lậu, cho nên cùng gọi theo loại ấy.

Loại thuộc luật nghi, như chương nghiệp uẩn này nói, nghĩa là có lúc thành tựu giới quá khứ, mà không phải là giới thuộc loại này ở vị lai-hiện tại... trong này, luật nghi và luật nghi là thuộc loại, nghĩa là luật nghi Biệt giải thoát và luật nghi Biệt giải thoát là thuộc loại, luật nghi Tinh lự và luật nghi Tinh lự là thuộc loại, luật nghi Vô lậu và luật nghi Vô lậu là thuộc loại, luật nghi gia hạnh là luật nghi gia hạnh là thuộc loại, luật nghi căn bản và luật nghi căn bản là thuộc loại, luật nghi đày khởi sau và luật nghi đày khởi sau là thuộc loại, Biểu giới và Biểu giới là thuộc loại, Vô biểu và Vô biểu giới là thuộc loại.

Loại thuộc quả, như chương Căn Uẩn sau nói, nghĩa là có lúc thành tựu nhân căn loại này, chứ không phải là thân căn loại này... trong này, nếu pháp có ở cõi này, thì nói đây là loại ấy, nghĩa là pháp Cõi Dục và cõi Dục là thuộc loại, pháp cõi Sắc và cõi Sắc là thuộc loại, pháp cõi Vô sắc và cõi Vô sắc là thuộc loại.

Loại thuộc tương tự, như trong Tỳ-nại-da nói, nghĩa là Vật-đặc-tử tay trái phát ra ánh sáng, tay phải phân chia đồ nằm của Tăng cho người cùng loại, những người trì kinh và người trì kinh giống nhau, những người trì luật và người trì luật giống nhau, những người thuyết pháp và người thuyết pháp giống nhau, những người nhàn cư và người nhàn cư. Phân phối cùng loại chứ không phải là khác loại, bởi vì khiến cho lần lượt chuyển đổi tùy thuận với nhau, pháp thiện tăng lên mà pháp ác giảm sút. Như nói hữu tình các cõi khác nhau, có cùng loại thì lại tùy thuận với nhau, thắng giải ác thì đi cùng thắng giải ác, thắng giải thiện thì đi cùng thắng giải thiện, lại tùy thuận với nhau mà làm những việc cần làm.

Nay ở trong bốn loại này, dựa vào loại thuộc luật nghi mà soạn luận.

Hỏi: Nếu thành tựu giới quá khứ, thì lúc ấy thành tựu giới thuộc loại này ở vị lai-hiện tại chăng?

Đáp: Có lúc thành tựu giới quá khứ, không phải là giới thuộc loại này ở vị lai-hiện tại, đó là Biểu giới đã diệt không mất, giới thuộc loại này không hiện rõ trước mắt. Có lúc cùng với vị lai chứ không phải là hiện tại, đó là giới Tĩnh lự- Vô lậu đã diệt không mất, giới thuộc loại này không hiện rõ trước mắt. Có lúc cùng với hiện tại chứ không phải là vị lai, đó là Biểu giới đã diệt không mất, giới thuộc loại này hiện rõ trước mắt. Có lúc cùng với vị lai-hiện tại, đó là giới Tĩnh lự-Vô lậu đã diệt không mất, giới thuộc loại này hiện rõ trước mắt.

Thành tựu giới quá khứ, không phải là giới thuộc loại này ở vị lai-hiện tại, đó là Biểu giới đã diệt không mất, giới thuộc loại này không hiện rõ trước mắt. Đây là nói Biểu giới và Biểu giới là thuộc loại, như trước đã thọ giới Cận sự, Biểu giới của Sa di không hiện rõ trước mắt; hoặc là trước đã thọ giới Sa di, Biểu giới của Tỳ kheo không hiện rõ trước mắt. Cận sự nữ... nói cũng như vậy. Nếu nói Vô biểu giới thì dùng Vô biểu giới làm thuộc loại.

Có những người muốn làm cho nếu lúc phạm giới thì giới hiện tại đoạn mất, quá khứ không mất. Họ nói trong này lại phải đưa ra cách nói này: Và Vô biểu giới đã diệt không mất, giới thuộc loại này không hiện rõ trước mắt; như đã thọ giới Cận sự mà hủy phạm, hoặc là đã thọ giới Sa di-giới Tỳ kheo mà hủy phạm, cận sự nữ... nói cũng như vậy.

Có những người muốn làm cho nếu lúc phạm giới thì hiện tại không đoạn mất, quá khứ cũng không mất. Họ nói trong này lại không có cách nói khác, bởi vì không chỉ thành tựu Vô biểu giới quá khứ, mà không phải là Vô biểu thuộc loại này ở hiện tại.

Cùng với vị lai chứ không phải là hiện tại, đó là giới Tĩnh lự-Vô lậu đã diệt không mất, giới thuộc loại này không hiện rõ trước mắt. Đây là nói luật nghi Tĩnh lự-Vô lậu đã phát khởi-đã diệt mất, tuy thành tựu mà không hiện rõ trước mắt.

Cùng với hiện tại chứ không phải là vị lai, đó là Biểu giới đã diệt không mất, giới thuộc loại này hiện rõ trước mắt, đây là nói Biểu giới và Biểu giới là thuộc loại, như trước đó đã thọ giới Cận sự, Biểu giới của Sa di hiện rõ ở trước mắt; hoặc là trước đã thọ giới Sa di, Biểu giới của Tỳ kheo hiện rõ ở trước mắt.

Trong này lại nên đưa ra cách nói như vậy: Và Vô biểu giới đã diệt không mất. Đây là nói Vô biểu giới và Vô biểu giới là thuộc loại.

Những người nói lúc phạm giới thì giới hiện tại đoạn mất, quá khứ

không rời bỏ. Họ nói thọ giới cận sự... rồi, cho đến sát-na thứ hai không có vi phạm, lúc ấy thành tựu Vô biểu hiện tại, cũng thành tựu quá khứ.

Những người nói lúc phạm giới thì giới hiện tại không đoạn mất, quá khứ cũng không rời bỏ. Họ nói thọ giới Cận sự... rồi, đến sát-na thứ hai đã vi phạm thì cũng thành tựu hiện tại, huống gì là không có vi phạm. Cận sự nữ... nói cũng như vậy.

Cùng với vị lai-hiện tại, đó là giới Tĩnh lự-Vô lậu đã diệt không mất, giới thuộc loại này hiện rõ trước mắt. Đây là nói luật nghi Tĩnh lự-Vô lậu, đã phát khởi-đã diệt mất, cũng thành tựu-cũng hiện rõ trước mắt.

Hỏi: Nếu thành tựu giới vị lai, thì lúc ấy thành tựu giới thuộc loại này ở quá khứ-hiện tại chăng?

Đáp: Có lúc thành tựu giới vị lai, không phải là giới thuộc loại này ở quá khứ-hiện tại, đó là A-la-hán sinh đến cõi Vô sắc. Có lúc cùng với quá khứ chứ không phải là hiện tại, đó là giới Tĩnh lự-vô lậu đã diệt không mất, giới thuộc loại này không hiện rõ trước mắt. Có lúc cùng với hiện tại chứ không phải là quá khứ, đó là giới Vô lậu bắt đầu hiện rõ trước mắt. Có lúc cùng với quá khứ-hiện tại, đó là giới Tĩnh lự-Vô lậu đã diệt không mất, giới thuộc loại này hiện rõ trước mắt.

Có lúc thành tựu giới vị lai, không phải là giới thuộc loại này ở quá khứ-hiện tại, đó là A-la-hán sinh đến cõi Vô sắc; cùng với quá khứ chứ không phải là hiện tại, đó là giới Tĩnh lự-Vô lậu đã diệt không mất, giới thuộc loại này không hiện rõ trước mắt. Đây là nói luật nghi Tĩnh lự-Vô lậu đã phát khởi-đã diệt đi, tuy thành tựu mà không hiện rõ trước mắt.

Cùng với hiện tại chứ không phải là quá khứ, đó là giới Vô lậu bắt đầu hiện rõ trước mắt. Đây là nói Khổ pháp trí nhãn, và phần vị đạt được quả-chuyển căn ở sát-na thứ nhất hiện rõ trước mắt.

Cùng với quá khứ-hiện tại, đó là giới Tĩnh lự-Vô lậu đã diệt không mất, giới thuộc loại này hiện rõ trước mắt đều như trước đã nói.

Hỏi: Nếu thành tựu giới hiện tại, thì lúc ấy thành tựu giới thuộc loại này ở quá khứ- vị lai chăng?

Đáp: Có lúc thành tựu giới hiện tại, không phải là giới thuộc loại này ở quá khứ-vị lai, đó là Biểu giới bắt đầu hiện rõ trước mắt. Có lúc cùng với quá khứ chứ không phải là vị lai, đó là Biểu giới đã diệt không mất, giới thuộc loại này hiện rõ trước mắt. Có lúc cùng với vị lai chứ không phải là quá khứ, đó là giới Vô lậu bắt đầu hiện rõ trước mắt. Có lúc cùng với quá khứ-vị lai, đó là giới Tĩnh lự-Vô lậu đã diệt không

mất, giới thuộc loại này hiện rõ trước mắt.

Thành tựu giới hiện tại, không phải là giới thuộc loại này ở quá khứ-vị lai, đó là Biểu giới bắt đầu hiện rõ trước mắt. Đây là nói về phần vị lần đầu thọ được luật nghi Biệt giải thoát.

Hỏi: Phần vị này cũng thành tựu giới gia hạnh quá khứ, tại sao nói không phải là quá khứ?

Đáp: trong này dựa vào loại thuộc luật nghi căn bản mà soạn luận, phần vị ấy chỉ là luật nghi gia hạnh, chứ không phải là luật nghi căn bản, cho nên không nói đến.

Cùng với quá khứ chứ không phải là vị lai, đó là Biểu giới đã diệt không mất, giới thuộc loại này hiện rõ trước mắt. Đây là nói Biểu giới và Biểu giới là thuộc loại; như trước đó đã thọ giới Cận sự, Biểu giới của Sa di hiện rõ ở trước mắt; hoặc là trước đã thọ giới Sa di, Biểu giới của Tỳ kheo hiện rõ ở trước mắt. Cận sự nữ... nói cũng như vậy. Nếu nói Vô biểu giới và Vô biểu giới là thuộc loại, thì hai cách nói sai biệt như trước nên biết.

Cùng với vị lai chứ không phải là quá khứ, đó là giới vô lậu bắt đầu hiện rõ trước mắt, đây là nói phần vị khổ pháp trí nhãn, và phần vị đạt được quả-chuyển căn ở sát-na thứ nhất hiện rõ trước mắt.

Cùng với quá khứ-vị lai, đó là giới Tĩnh lự-Vô lậu đã diệt không mất, giới thuộc loại này hiện rõ trước mắt. Đây là nói luật nghi Tĩnh lự-Vô lậu, đã phát khởi-đã diệt đi, cũng thành tựu-cũng hiện rõ trước mắt.

Trong này, ba loại luật nghi là luật nghi Biệt giải thoát, luật nghi Tĩnh lự và luật nghi Vô lậu; chỉ dựa vào luật nghi Biệt giải thoát để an lập bảy chúng sai biệt, chứ không dựa vào hai loại còn lại.

Bảy chúng là:

1. Tỳ kheo.
2. Tỳ kheo Ni.
3. Thức-xoa-ma-na.
4. Sa di.
5. Sa di ni.
6. Ưu-bà-tắc.
7. Ưu-bà-di.

Hỏi: Vì sao chỉ dựa vào luật nghi Biệt giải thoát, an lập bảy chúng sai biệt chứ không dựa vào loại khác?

Đáp: Bởi vì luật nghi Biệt giải thoát dần dần mà đạt được, cho nên dần dần mà an lập. Nghĩa là nếu có thể lìa bỏ bốn Tánh tội-một Giá tội,

thì gọi là Ưu-bà-tắc; nếu tiếp tục có thể lia bốn Tánh tội-nhiều Giá tội, thì gọi là Sa di; nếu có khả năng lia bỏ tất cả tánh tội- tất cả Giá tội, thì gọi là Tỳ kheo. Tỳ kheo Ni..., dựa theo như vậy nên biết.

Bảy chi luật nghi Tĩnh Lự-Vô lậu, mau chóng đạt được-mau chóng phát khởi-mau chóng an lập. Nếu dựa vào luật nghi Tĩnh lự-Vô lậu để an lập bảy chúng, vậy thì bảy chúng an lập sai biệt thuận theo mau chóng chứ không phải là từ từ.

Có người đưa ra cách nói này: Luật nghi Biệt giải thoát, từ nghiệp Biểu ban đầu phát ra đạt được về sau, ở tất cả mọi lúc đều thành tựu hiện tại; hoặc là ngủ-hoặc là say- hoặc là điên-hoặc là buồn, hoặc là suy nghĩ-không suy nghĩ, hoặc là tâm nhiễm ô, hoặc là tâm vô ký, hoặc là không có tâm..., trong tất cả phần vị hiện tại nối tiếp nhau chuyển theo không gián đoạn, cho nên có thể dựa vào đó mà thiết lập bảy chúng riêng biệt. luật nghi Tĩnh lự-Vô lậu, nếu đang ở trong Định thì hiện tại thành tựu, hiện tại chuyển theo; ra khỏi Định thì không như vậy, cho nên không dựa vào đó để thiết lập bảy chúng riêng biệt. nếu dựa vào luật nghi Tĩnh lự-Vô lậu để thiết lập bảy chúng riêng biệt, thì bảy chúng thiết lập sẽ không quyết định, bởi vì lúc nhập Định và xuất Định không có kỳ hạn.

Có Sư khác nói: Luật nghi Biệt giải thoát và bảy chúng sai biệt, đều chỉ riêng cõi Dục mới có thể được an lập; luật nghi Tĩnh lự-Vô lậu gồm chung cõi trên đạt được, nếu cho rằng dựa vào loại này an lập bảy chúng, thì bảy chúng an lập phải gồm chung cõi trên.

Có người khác lại nói: Luật nghi Biệt giải thoát và bảy chúng sai biệt, đều chỉ riêng loài người mới có thể được an lập; luật nghi Tĩnh lự-vô lậu cũng gồm chung loài trời, nếu cho rằng dựa vào loại này an lập bảy chúng, thì bảy chúng an lập phải gồm chung loài trời.

Lại có người nói: Luật nghi biệt giải thoát và bảy chúng sai biệt, chỉ nhờ vào có Phật xuất thế mới có thể được an lập; luật nghi Tĩnh lự-Vô lậu, nếu Phật xuất thế hay không xuất thế, thì đều có thể an lập. Nếu cho rằng dựa vào loại này an lập bảy chúng, vậy thì bảy chúng an lập sai biệt cũng sẽ gồm chung vào lúc không có Phật xuất thế.

Có Sư khác nói: Vì sao không dựa vào luật nghi Tĩnh lự để an lập bảy chúng, mà chỉ dựa vào luật nghi Biệt giải thoát? Bởi vì luật nghi Biệt giải thoát và bảy chúng sai biệt, chỉ có trong đạo mà ngoại đạo thì không có; luật nghi Tĩnh lự thì tất cả nội đạo-ngoại đạo đều có. Nếu dựa vào loại này an lập bảy chúng, thì bảy chúng an lập phải gồm chung ngoại đạo. Lại nữa, vì sao không dựa vào luật nghi Vô lậu để an lập

bảy chúng, mà chỉ dựa vào luật nghi biệt giải thoát? Bởi vì luật nghi Biệt giải thoát và bảy chúng sai biệt, đều gồm chung phạm Thánh; luật nghi vô lậu chỉ riêng Thánh chứ không phải là phạm. Nếu cho rằng dựa vào loại này an lập bảy chúng, thì bảy chúng an lập lẽ ra chỉ thuộc về Thánh.

Bởi vì các nhân duyên đã nói như vậy, cho nên chỉ dựa vào luật nghi Biệt giải thoát để an lập bảy chúng, chứ không dựa vào hai loại còn lại.

Như Đức Thế Tôn nói: “Ưu-bà-tắc có năm loại Học xứ, đó là lia bỏ sát sinh, lia bỏ trộm cắp, lia bỏ tà dâm, lia bỏ nói dối, lia bỏ uống rượu”.

Hỏi: Vì sao gọi là Ưu-bà-tắc?

Đáp: Bởi vì gần gũi tu tập và thực hành các pháp thiện, nghĩa là thân-tâm của người ấy gần gũi luyện tập pháp thiện, cho nên gọi là Ưu-bà-tắc.

Hỏi: Nếu như vậy thì những người không đoạn mất thiện đều gọi là Ưu-bà-tắc chăng? Bởi vì thân-tâm của người ấy cũng tu thiện.

Đáp: Không phải như vậy. Bởi vì đây là dựa vào luật nghi đã thọ nhiếp các pháp thiện và hành diệp để lập thành tên gọi,

Hỏi: Nếu như vậy thì những người trú trong luật nghi đều gọi là Ưu-bà-tắc chăng? Bởi vì họ đều tu luật nghi thiện.

Đáp: Đây là bởi vì thuộc về ba đầu, cho nên có được tên gọi; luật nghi khác lại dùng duyên khác mà kiến lập. Lại nữa, đây là luật nghi bắt đầu tiến vào gia hạnh để có thể làm Cận sự, luật nghi khác và luật nghi này trái ngược nhau, cho nên điều ấy không phải là vấn nạn.

Có Sư khác nói: Bởi vì gần gũi kế thừa việc làm của các bậc Thiện sĩ, nghĩa là người ấy luôn luôn gần gũi kế thừa bậc Thiện sĩ, cho nên gọi là Ưu-bà-tắc.

Có người đưa ra cách nói này: Bởi vì gần gũi tu tập thực hành tinh tiến, nghĩa là người người ấy luôn luôn yêu thích tu tập, nhanh chóng rời bỏ sinh tử, nhanh chóng chứng được Niết-bàn, mà thực hành tinh tiến, cho nên gọi là Ưu-bà-tắc.

Lại có người nói: Bởi vì gần gũi nhận giữ gìn giáo pháp của chư Phật, nghĩa là người ấy chí thành thọ trì giữ gìn pháp và giới luật của chư Phật, không tiếc thân mạng, cho nên gọi là Ưu-bà-tắc.

Hỏi: Vì sao năm loại này gọi là Học xứ?

Đáp: Bởi vì là những điều cần phải Học của hàng Cận sự.

Có người nói: Năm loại này nên gọi là Học tích, bởi vì nếu có đi

qua năm loại này thì bước lên cung điện của trí tuệ Vô thượng. Như Tôn giả A-nậu-luật-đà nói với các Tỷ kheo: Tôi dựa vào giới-trú trong giới, giới là bậc thêm, đã có thể bước lên cung điện của trí tuệ Vô thượng, các thầy nên học đừng sinh tâm phóng túng!

Có người nói: Năm loại này nên gọi là Học hại, bởi vì học theo năm loại này làm hại đến các giới ác.

Có người nói: Năm loại này nên gọi là Học lộ, bởi vì năm loại này là con đường của tất cả luật nghi, pháp thiện-hành diệu đều được chuyển biến.

Có người nói: Năm loại này nên gọi là Học cấm, như các ngoại đạo đã thọ các loại pháp cấm sai biệt để làm ngọn cờ; như vậy Thánh chúng dùng năm loại pháp cấm đã học này để làm ngọn cờ đầu tiên.

Có người nói: Năm loại này nên gọi là Học bản, bởi vì những điều cần phải học lấy năm loại này làm căn bản.

Có người nói: Năm loại này nên gọi là Học cơ, bởi vì làm nền móng cho tòa thành Niết-bàn.

Hỏi: Vì sao ở trong phi phạm hạnh, chỉ dựa vào lìa bỏ vi phạm vị người khác mà kiến lập Học xứ, chứ không dựa vào lìa bỏ vi phạm vợ mình?

Đáp: Các Sư phái Đối Pháp xưa kia, và các luận Sư của nghiệp Ca-thấp-di-la nói: “Lìa bỏ tà dâm là luật nghi đã thọ của hàng Cận sự và gia đình họ hành ở vùng này; lìa bỏ tà dâm là luật nghi đã thọ của hàng Cận sự và gia đình họ hành ở vùng này; lìa bỏ phi phạm hạnh thì không như vậy, cho nên ở đây chỉ kiến lập lìa bỏ vi phạm vợ người khác”.

Hiếp Tôn giả nói: “Pháp vương-Pháp chủ biết luật nghi này, có pháp có thể làm chướng ngại ngăn chặn, có pháp không làm chướng ngại ngăn chặn. Nghĩa là tà dâm có thể làm chướng ngại ngăn chặn hết sức đối với luật nghi này, như người gác cổng chặn cứng cổng không mở; phi hạnh khác thì không như vậy, cho nên ở đây chỉ kiến lập lìa bỏ vi phạm vợ người khác”.

Có người đưa ra cách nói này: Vi phạm tà dâm do Tánh tội thân nhiếp, bị thế gian chê trách; phi phạm hạnh khác tuy là Tánh tội thân nhiếp, mà không phải là thế gian chê trách, cho nên ở đây không chế định.

Có người đưa ra cách nói này: Đối với vợ người khác... xa lìa thì dễ chứ không phải là đối với vợ mình. Nghĩa là sống ở nhà vợ con vây quanh, ngày đêm quen gần gũi ân ái buộc chặt tâm ý, không thể nào thọ

trì xa lia thói quen gần gũi, bên trong thật sự bất tịnh-bên ngoài mượn cố trang nghiêm, thân thể vợ mình như chiếc xe phân được tô vẽ. Lia bỏ tà dâm thì dễ giữ gìn, nghĩa là mong cầu vợ người khác khó mà được như lòng mình muốn.

Có Sư khác nói: Nếu vi phạm vợ người khác thì chính là thuộc về nghiệp đạo ác căn bản, chứ không phải là đối với vợ mình, vì vậy không nói đến.

Có Sư khác nói: Đối với vợ mình sinh lòng ưa thích vừa đủ, cũng được gọi là phạm hạnh thuần nhất trọn vẹn trong sáng, cho nên ở đây không kiến lập. Có người nói: Đây là các phương tiện của Đức Phật khiến cho người khác tiến vào pháp. Nghĩa là Đức Phật trước tiên quán xét, nếu đưa ra pháp như vậy để kiến lập về giới của Cận sự, thì họ đối với hành ác có thể lia bỏ được bao nhiêu? Liền biết rõ như thật, điều họ đã lia bỏ thì như nghiệp bốn biển, điều chưa lia bỏ còn lại thì như hạt sương đầu ngọn cỏ. Họ đã có thể thấy vi phạm vợ người khác là tội lỗi thì có thể xa lia điều đó, không bao lâu cũng thấy vi phạm vợ mình là có tội thì sẽ xa lia, cho nên ở đây chỉ kiến lập lia bỏ vi phạm vợ người khác.

Lại có người nói: Đây là phương tiện thích ứng khéo léo của chư Phật. Nếu Đức Phật vì điều ấy mà chế định đối với vợ mình, thì các vị Quốc Vương-Đại thần-Trưởng giả, không có thể rời bỏ vợ mình, sẽ thưa với Đức Phật rằng: Chúng con không thể nào thọ giới cấm của Như Lai, vẫn cầu xin trừ ra lia bỏ đối với vợ mình để chúng con nhờ vậy mà có thể có người kế tục! Vì vậy, Đức Phật chỉ kiến lập lia bỏ vi phạm vợ người khác.

Có Sư khác nói: Nếu các Thánh giả trải qua nhiều đời không vi phạm thì kiến lập giới Cận sự, đối với vợ mình thì không như vậy. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì vi phạm vợ mình có ba loại, đó là từ tham-sân-si mà sinh ra. Thánh giả trải qua nhiều đời tuy không vi phạm từ si mà sinh ra, bởi vì si thuộc về phẩm Kiến thì Thánh giả đã đoạn, nhưng vi phạm tham-sân mà sinh ra, cho nên không kiến lập.

Hỏi: Nếu Ưu-bà-tắc lại thọ trì năm loại Học xứ như xa lia phi phạm hạnh... thì lúc ấy có đạt được các luật nghi riêng biệt, khác với các luật nghi đã thọ trước đó hay không?

Đáp: Lại không đạt được riêng biệt, nhưng gọi là Ưu-bà-tắc hơn hẳn, bởi vì thọ trì giới cấm xa lia phi phạm hạnh riêng biệt. như các Tỷ kheo, nếu lại thọ trì mười hai công đức Đầu-đà, thì lại không đạt được riêng biệt, khác với giới Tỷ kheo đã thọ trước đó, nhưng gọi là Đại Tỷ

keo ưu biệt, bởi vì thọ trì hạnh xa lìa riêng biệt. Ưu-bà-tắc cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao trong bốn nghiệp đạo thiện của ngũ, chỉ riêng lìa bỏ lời nói dối gạt là kiến lập Học xứ, mà không phải là loại khác? Đáp: Các Sư phái Đối Pháp xưa kia, và các Luận Sư của nghiệp Ca-thấp-di-la nói: “Lìa bỏ lời nói dối gạt là luật nghi đã thọ của hàng cận sự và gia đình họ hàng ở vùng này; lìa bỏ lời nói chia rẽ... thì không như vậy, cho nên ở đây chỉ kiến lập lìa bỏ lời nói dối gạt”.

Hiếp Tôn giả nói: “Pháp vương-Pháp chủ biết luật nghi này, có pháp có thể làm chướng ngại ngăn chặn, có pháp không làm chướng ngại ngăn chặn. Nghiệp là lời nói dối gạt có thể làm chướng ngại ngăn chặn hết sức đối với luật nghi này, như người gác cổng chặn cứng cổng không mở; lời nói chia rẽ... thì không như vậy”.

Có người đưa ra cách nói này: Lời nói dối gạt do tánh tội thâm nhiếp, sự chê trách nặng nề nhất; lời nói chia rẽ... tuy thuộc về Tánh tội mà chê trách nhẹ hơn, cho nên không kiến lập làm Học xứ.

Có người đưa ra cách nói này: Lìa bỏ lời nói dối gạt dễ dàng có thể giữ gìn chứ không phải là lìa bỏ ba loại như lời nói chia rẽ..., và những sự đánh đập... như trong thân nghiệp.

Lại có người nói: Dấy lên lời nói dối gạt thì nghiệp đạo nặng nề nhất, ba loại còn lại nhẹ hơn cho nên không kiến lập làm Học xứ của Cận sự.

Có Sư khác nói: Chỉ riêng lời nói dối gạt mới có thể phá hoại tăng, cho nên kiến lập Học xứ, ba loại còn lại thì không như vậy.

Có người khác lại nói: Nếu các Thánh giả trải qua nhiều đời không phạm thì thiết lập giới Cận sự, Thánh giả trải qua nhiều đời chắc chắn xa lìa nghiệp của lời nói dối gạt, chứ không phải là nghiệp của lời nói nào khác. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì những lời nói khác có ba loại, đó là từ tham-sân-si mà sinh ra. Thánh giả trải qua nhiều đời, tuy không phạm từ si mà sinh ra, bởi vì si thuộc về phẩm kiến thì Thánh giả đã đoạn, nhưng phạm do tham-sân mà sinh ra, cho nên không kiến lập.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn ở trong Giá tội chỉ riêng lìa bỏ uống rượu là kiến lập làm Học xứ?

Đáp: Các Sư phái Đối Pháp xưa kia, và các Luận sư của nghiệp Ca-thấp-di-la nói: “Chỉ riêng lìa bỏ uống rượu là luật nghi đã thọ của hàng cận sự và gia đình họ hàng ở vùng này; lìa bỏ Giá tội khác thì không như vậy, cho nên ở đây chỉ kiến lập lìa bỏ uống các thứ rượu”.

Hiếp Tôn giả nói: “Pháp vương-Pháp chủ biết luật nghi này, có

pháp có thể làm chướng ngại ngăn chặn, có pháp không làm chướng ngại ngăn chặn. Nghĩa là uống các thứ rượu có thể làm chướng ngại ngăn chặn hết sức đối với luật nghi này, như người gác cổng chặn cứng cổng không mở; lìa bỏ Giá tội khác thì không như vậy, cho nên ở đây chỉ kiến lập lìa bỏ uống các thứ rượu”.

Có người đưa ra cách nói này: Lìa bỏ uống các thứ rượu dễ dàng có thể giữ gìn, chứ không phải là Giá tội khác. Nghĩa là nghiệp sữa-nghiệp đường-nghiệp cháo... đủ có thể ngăn được cơn khát, sao dùng rượu làm gì?

Có Sư khác nói: Giới lìa bỏ uống rượu có thể giữ gìn tất cả các luật nghi khác, như hào sâu quanh tường thành có thể phòng ngừa bảo vệ tất cả.

Lại có người nói: Nếu không ngăn ngừa giữ gìn giới lìa bỏ uống rượu, thì hủy phạm toàn bộ các luật nghi khác, loại khác thì không như vậy.

Từng nghe có một Ưu-bà-tắc, bảm tánh nhân hậu hiền thiện, thọ trì năm giới chuyên tinh không phạm. Sau đó vào một lúc, người trong gia đình từ lớn đến nhỏ được mời làm khách dự đám tiệc, một mình người ấy không đến dự, để lại thức ăn dành bữa cho người ấy. Đến bữa lấy ăn, bởi vì nhiều vị mặn cho nên trong chốc lát thêm khát, thấy trong một cái bình có rượu giống như nước, bọ cơn khát bức bách liền lấy để uống. Lúc bấy giờ đã phạm vào giới lìa bỏ uống rượu. Lúc ấy có con gà của nhà bên cạnh đi vào trong nhà người ấy, tâm trộm cắp khởi lên, bắt giết thịt rồi luộc nấu mà ăn. Vào lúc này lại phạm đến giới lìa bỏ sát sinh-trộm cắp. Cô gái nhà bên cạnh đi tìm gà, đi vào trong nhà người ấy, lại dùng uy lực cưỡng bức làm chuyện dâm dục. Vì vậy lại phạm vào giới lìa bỏ tà hạnh. Gia đình cô gái ấy tức giận giữ đến quan phủ, lúc ấy người xét xử sự việc thẩm vấn nguyên do của sự việc, người ấy đều cự tuyệt che giấu. Do đó lại phạm vào giới lìa bỏ lời nói dối gạt. Như vậy, năm giới đều vì rượu mà phạm vào, cho nên trong Giá tội chỉ chế định về uống rượu.

Có Sư khác nói: Rượu khiến cho mất hết ý niệm, tăng thêm không có tầm quý, lỗi lầm do rượu sâu nặng, cho nên chỉ chế định-kiến lập riêng về uống rượu.

Như trong Luật nói: “Trong nước Chế Địa có một con rồng ác độc, tánh vô cùng bạo ác, làm hại đến mùa màng ruộng vườn, người dân sống gần nơi ấy và các loài chim thú không dám đến gần hồ nước. Lúc ấy có Tôn giả tên gọi là Thiện Lai, dùng phương tiện khéo léo làm cho con

rồng ấy phải thuần phục. Vì vậy danh tiếng lan truyền khắp mọi nơi, thế là người phát tâm tin tưởng tranh nhau đến cúng dường. Dần dần đi khắp nơi giáo hóa, đến thành Thất-la-phiệt, gặp lúc trong thành ấy thiết hội thỉnh Tăng, có một Cận sự nữ gia cảnh không sung túc lắm, thỉnh một mình Thiện lai đến dâng cúng đồ ăn thức uống. Ăn nhiều vị mặn cho nên trong chốc lát thêm khát, bị cơn khát bức bách mà hiện rõ trạng thái mong cầu nghiệp uống. Lúc ấy Cận sự nữ dấy lên suy nghĩ này: Thức ăn mà Tôn giả đã ăn rất là nhiều mỡ béo, nếu uống nghiệp lạnh thì có lẽ sẽ dẫn đến bệnh tật. Liên tìm cách trao cho bình rượu trong veo. Vị ấy không xem xét kỹ càng, liền nhận lấy mà uống. Khen ngợi võ về xong, xếp y đi đến chùa Thắng Lâm, sắp đến nơi thì say mềm khó chịu, hoa mắt choáng váng liền ngã nhào, y bát-tích trượng lăn lóc trên mặt đất, thân thể phơi bày mà nằm không còn hay biết gì. Đức Phật dẫn A-nan đi qua trông thấy, biết mà cố ý hỏi người nằm ở đây là ai, vì sao say rượu mà nằm ở nơi này? A-nan thưa với Đức Phật rằng đây là Thiện Lai. Đức Phật bảo với A-nan hãy tập trung Tăng chúng! Tăng chúng tập trung rồi, Đức Phật ở giữa chúng. Trãi chỗ ngồi như thường ngày, ngồi Kiết già uy nghiêm. Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với chúng Tỷ kheo: Các thầy nghe thấy Tỷ kheo Thiện Lai đã từng dùng phương tiện khéo léo để thuần phục con rồng dữ hay không? Các chúng Tỷ kheo tùy theo người đã thấy-nghe, đều thưa với Đức Phật rằng: Chúng con đã từng nghe thấy, Đức Phật bảo rằng: Ý của các thầy nghĩ thế nào? Thiện lai bây giờ có thể thuần phục được con nhái hay không? Các Tỷ kheo đều thưa rằng: Không thể nào,

Thưa Đức Thế Tôn! Lúc bấy giờ Như Lai dùng các loại phương tiện chê trách lỗi lầm của rượu, bảo với các Tỷ kheo: “Các thầy nếu ai tôn xưng Phật làm vị Thầy, thì từ nay trở đi cho đến một giọt rượu dính trên đầu ngọn cỏ cũng không được uống”. Vì vậy trong Giá tội chỉ chế định về uống rượu.

Có người đưa ra cách nói này: Uống rượu có thể làm cho trí tuệ sa sút, như nói trường giả trí tuệ sa sút, là lỗi lầm thứ sáu. Vì vậy trong Giá tội chỉ chế định về uống rượu.

Có Sư khác nói: Thánh giả trải qua nhiều đời nhất định không uống rượu; tuy lúc còn bé thơ, mẹ luôn nâng dùng ngón tay chấm giọt rượu nhỏ vào trong miệng, mà không tự nhiên cho nên không có lỗi. Vừa có nhận thức phân biệt, tuy gặp phải duyên cưỡng bức, vì giữ gìn thân mạng mà cũng dứt khoát không uống. Vì vậy trong Giá tội chỉ kiến lập về giới rượu.

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 124

LUẬN VỀ BIỂU - VÔ BIỂU (Phần 3)

Hỏi: Có thể có chỉ thọ ba Quy y thì trở thành Cận sự hay không? Hay là có thiếu kém luật nghi mà trở thành Cận sự chăng? Nếu nói là có, thì trong Kinh đã nói sai biệt về câu chữ lẽ nào không phải là vô nghĩa hay sao? Như nói: “Con tên họ là... quy y Phật-Pháp-Tăng, nguyện tôn trọng ghi nhớ giữ gìn, con là Cận sự, con từ hôm nay cho đến lúc mạng chung, bảo vệ chúng sinh-quay về thanh tịnh”. Cũng nên nói là có thiếu kém luật nghi của sa di-Tỳ kheo... Nếu như không có, thì câu chữ sai biệt trong kinh trước lẽ nào không phải là vô nghĩa hay sao? Vì sao an lập Cận sự có một phần-phần ít-phần nhiều-đủ phần?

Đáp: Các Luận Sư của nước Kiện-đà-la nói: “Chỉ thọ ba Quy y và luật nghi thiếu kém đều trở thành Cận sự”.

Hỏi: Nếu chỉ thọ na Quy y mà trở thành Cận sự, thì câu chữ trong Kinh lẽ nào không phải là vô nghĩa hay sao? Trong kinh nói lúc cận sự thọ luật nghi, ở trước Giới Sư nói ra lời nói như vậy: Con tên họ là... quy y Phật-Pháp-tăng, nguyện tôn trọng ghi nhớ giữ gìn, con là Cận sự, con từ hôm nay cho đến lúc mạng chung, ở trong thời gian ấy bảo vệ chúng sinh-quay về thanh tịnh.

Đáp: Lúc ấy do Biểu này chỉ có được ba Quy y, gọi là Cận sự mà chưa có được luật nghi, sau khi nói về Học xứ thì mới có được luật nghi. Nhưng câu chữ kia không phải là vô nghĩa, bởi vì sau đó tự mình thề nguyện làm cho ba Quy y trước được vững chắc, nếu không bảo vệ chúng sinh thì pháp quy y không phải là thanh tịnh.

Hỏi: Nếu thiếu kém luật nghi mà trở thành Cận sự, thì bởi vì nói khéo léo thuận theo một phần... mà trở thành Cận sự. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì nếu thọ một giới thì gọi là một phần, thọ hai giới gọi là phần ít, thọ ba giới-thọ bốn giới gọi là phần nhiều, thọ đủ năm giới gọi là đủ

phần, làm sao không có thiếu kém luật nghi của Sa di-Tỳ kheo...?

Đáp: Đức Phật quán xét căn cơ thích hợp của chúng sinh đã giáo hóa không giống nhau, trao truyền cho luật nghi cũng không cùng một loại. Như các Cận sự không muốn rời bỏ gia đình, bởi vì thâm nhiếp dẫn dắt, cho nên Đức Phật tùy theo ý của họ đối với năm Học xứ có thể thọ nhiều hay ít, vì vậy luật nghi mà họ thọ có thiếu kém; Tỳ kheo-Sa di ý muốn rời bỏ gia đình, bởi vì an lập cho nên chế định lấy đầy đủ luật nghi, thọ đầy đủ mới có được, cho nên luật nghi ấy không có thọ thiếu kém mà có được, bởi vì là quyền thuộc bên trong của Đức Thế Tôn.

Các Luận sư của nước Ca-thấp-di la nói: “Không có chỉ thọ ba Quy y và luật nghi thiếu kém mà gọi là Cận sự”.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong Kinh nói lẽ nào không phải là vô nghĩa hay sao? Như nói: Con tên họ là... quy y Phật-Pháp-tăng, cho đến nói rộng ra.

Đáp: Lúc ấy do Biểu này đã có được ba Quy y, cũng có được luật nghi cho nên nói rộng ra. Lúc ấy do Biểu này đã có được ba Quy y, cũng có được luật nghi cho nên trở thành Cận sự.

Hỏi: Lúc này chỉ tự mình thề nguyện lìa bỏ đối với sát sinh, làm sao từ đây có được đầy đủ năm loại?

Đáp: Bởi vì lúc này tự mình thề nguyện lìa bỏ sát sinh làm nơi nương tựa, năm loại luật nghi cũng cùng lúc có được, bởi vì trong năm Học xứ thì loại ấy là hơn hẳn. Bởi vì thọ giới là không làm tổn hại chúng sinh, ở trong sự tổn hại chúng sinh thì giết hại là đứng đầu, cho nên lấy sự lìa bỏ sát sinh làm nơi nương tựa cho năm loại. Và lại, nói bảo vệ chúng sinh không phải là chỉ lìa bỏ sát sinh, nghĩa là không làm tổn hại-não loạn tất cả hữu tình, lúc ấy tự mình thề rằng: Con từ hôm nay cho đến lúc mạng sống không còn, đối với các hữu tình không làm hại mạng sống của họ, không trộm cắp đồ vật của họ, không xâm phạm vợ con của họ, không nói lời dối gạt, vì giữ gìn bốn loại trước cho nên cũng không uống rượu. Vì vậy nói bảo vệ chúng sinh không phải là chỉ lìa bỏ sát sinh.

Nhưng có tụng khác nói là rời bỏ chúng sinh, lời này ý nói là rời bỏ sát sinh..., mà lược bỏ sát sinh... chỉ nói là rời bỏ chúng sinh. Vả lại, nói rời bỏ chúng sinh là hiển bày đối với chúng sinh, rời bỏ sự tổn hại-não loạn, tức là năm luật nghi đều vì ngăn chặn đề phòng sự tổn hại đến chúng sinh, do đó tự mình thề nguyện mới có được luật nghi, cho nên kinh ấy nói không phải là vô nghĩa.

Hỏi: Nếu chỉ tự mình thề nguyện thì có được luật nghi, tại sao lại

nói ra năm loại Học xứ?

Đáp: Tuy kà do tự mình thề nguyện đã có được luật nghi, mà chưa biết rõ ràng về tướng sai biệt ấy, muốn làm cho nhận biết cho nên nói ra năm Học xứ, vì vậy Kinh ấy đã nói đều không phải là vô nghĩa.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao nói là có Ưu-bà-tắc một phần...?

Đáp: Đây là nói đến phần vị trí chứ không phải là nói đến phần vị thọ. Nghĩa là ở trong năm loại, trì một loại mà không trì bốn loại thì gọi là một phần, trừ hai loại mà không trì ba loại thì gọi là phần ít, trì ba loại-trì bốn loại thì gọi là phần nhiều, trì đầy đủ năm loại thì gọi là đủ phần.

Tôn giả Tăng-già-phiệt-tô phân tích giống như cách nói của hai Sư trước. Vị ấy nói là không có chỉ thọ ba Quy y thì trở thành Cận sự, nhưng có thiếu kém năm loại luật nghi cũng trở thành Cận sự. Nghĩa là lúc người ấy sắp thọ giới Cận sự, trước đó cùng với Giới Sư bàn luận xem xét kỹ càng, Học xứ như vậy con có thể thọ trì, Học xứ như vậy con không có thể thọ trì. Đã bàn luận kỹ càng rồi Quy y Phật-Pháp-tăng, tự mình thề nguyện cần phải mong mỗi có được giới như vậy, tùy theo trước đó bàn luận kỹ càng có thể thọ trì ít nhiều, nay có được luật nghi thì số lượng ấy cũng như vậy. Vì thế cho nên nói luật nghi của cận sự gọi là giới bàn luận kỹ càng, chứ không phải là giới Sa di... có thể có tên gọi này.

Nói như vậy thì không có chỉ thọ ba Quy y liền trở thành Cận sự, cũng không có thiếu kém luật nghi của Cận sự thì trở thành Cận sự. Như không có thiếu kém luật nghi của Sa di... mà gọi là Sa di..., điều ấy cũng như vậy.

Hỏi: Có những người chỉ thọ luật nghi của Cận sự, không thọ ba Quy y thì có được luật nghi hay không?

Đáp: Có người nói không có được, bởi vì thọ ba Quy y làm cửa ngõ-làm nơi nương tựa-làm gia hạnh cho luật nghi này.

Có người nói không nhất định, nghĩa là nếu không biết rằng trước phải thọ ba Quy y-sau mới thọ giới, vì tin vào Giới Sư cho nên liền thọ luật nghi, người ấy có được luật nghi mà Giới Sư mắc tội. Nếu người ấy hiểu rõ trước phải thọ ba Quy y, ba Quy y, dấy lên nói như vậy: Tạm thời thuận theo thọ giới, cần gì phải quy y tin vào Phật-Pháp-tăng? Vì tâm kiêu mạn ấy quấn chặt, cho nên tuy thọ mà không có được.

Hỏi: Nếu trước đó không thọ luật nghi của Cận sự, thì thọ luật nghi của Sa di, có được luật nghi của Sa di hay không?

Đáp: Có người nói không có được, bởi vì luật nghi Cận sự làm cửa

ngõ-làm nơi nương tựa-làm gia hạnh cho luật nghi này.

Có người nói không nhất định, nghĩa là nếu không biết rõ ràng trước phải thọ luật nghi Cận sự, sau mới thọ luật nghi Sa di, vì tin vào Giới Sư cho nên thọ luật nghi này, người ấy có được luật nghi mà Giới Sư mắc tội, nếu người ấy hiểu rõ ràng trước phải thọ luật nghi Cận sự, sau mới thọ luật nghi Sa di là đúng với nghi thức, nhưng vì kiêu mạn cho nên không cần thọ học luật nghi của cận sự, dấy lên nói như vậy: đâu cần phải thọ giới kém cõi của Cận sự này? Tâm kiêu mạn ấy quá chặt, cho nên tuy thọ mà không có được.

Như nói không thọ luật nghi Cận sự, mà thọ luật nghi Sa di; như vậy không thọ luật nghi Sa di, mà thọ luật nghi Tỳ kheo, nói rộng ra cũng vậy.

Hỏi: Những Cận sự thọ luật nghi Sa di thọ luật nghi Tỳ kheo, lúc ấy là rời bỏ luật nghi trước-có được luật nghi sau chăng? Nếu rời bỏ luật nghi trước-có được luật nghi sau, thì tại sao luận Thi thiết nói luật nghi trước-sau người ấy đều thành tựu? Vả lại, nếu rời bỏ thì sau lúc rời bỏ luật nghi Sa di làm Cận sự, và lúc rời bỏ luật nghi Tỳ kheo làm Sa di, lại đến thọ giới, làm sao có được hai loại luật nghi của Cận sự và Sa di? Nếu không rời bỏ thì người ấy đã thành tựu hai loại luật nghi, hoặc là ba loại, tại sao có được tên gọi chỉ dựa vào giới sau? Vả lại, Thân giáo sư lúc ấy đã có hai loại, tại sao Đức Phật nói là loại sau-không phải là loại trước?

Đáp: Thọ luật nghi sau không rời bỏ giới trước, nghĩa là Cận sự thọ luật nghi Sa di không rời bỏ năm giới của Cận sự, lại có được mười giới của Sa di, lúc bấy giờ thành tựu mười lăm luật nghi; nếu Sa di thọ luật nghi Tỳ kheo, thì không rời bỏ mười lăm luật nghi trước, lại có được hai trăm năm mươi giới của Tỳ kheo, lúc bấy giờ thành tựu được hai trăm sáu mươi lăm luật nghi.

Có Sư khác nói: Nếu cận sự thọ luật nghi Sa di, thì không rời bỏ năm giới của cận sự lại có được năm giới của Sa di, lúc ấy giờ thành tựu mười loại luật nghi. Nếu Sa di thọ luật nghi Tỳ kheo, thì không rời bỏ mười giới trước lại có được hai trăm bốn mươi giới của Tỳ kheo, lúc bấy giờ thành tựu được hai trăm năm mươi loại luật nghi.

Hỏi: Lúc ấy đã có thành tựu hai loại luật nghi, hoặc là ba loại, tại sao có được tên gọi chỉ dựa vào giới sau?

Đáp: Dựa vào hơn hẳn để lập thành tên gọi, không cần phải đưa ra vấn nạn; như có được địa vị hơn hẳn thì rời bỏ tên gọi thấp kém trước đây.

Hỏi: Lúc ấy đã có hai loại Thân giáo sư, tại sao Đức Phật nói là loại sau-không phải là loại trước?

Đáp: Bởi vì luật nghi hơn hẳn dựa vào Sư sau mà có được, không phải là dựa vào Sư trước; như không dựa vào luật nghi ấy mà có được tên gọi, Sư ấy cũng như vậy. Lại có người nói: Rời bỏ luật nghi trước.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao luận Thi thiết nói luật nghi trước-sau lúc ấy đều thành tựu?

Đáp: Ý luận ấy nói: Do luật nghi trước giúp đỡ luật nghi sau khiến cho hơn hẳn, thế lực của giới trước đến lúc này hãy còn chuyển, cho nên nói là thành tựu, mà luật nghi trước đó thật ra thì không thành tựu.

Hỏi: Sau lúc rời bỏ luật nghi Tỳ kheo làm Sa di, và lúc rời bỏ luật nghi Sa di làm Cận sự, lại làm sao có được hai giới ấy?

Đáp: Tức là do ngũ Biểu tự mình thể nguyện nay con trở lại làm Sa di-hoặc là Cận sự, cho nên có được hai luật nghi chứ không phải là thành tựu giới trước kia.

Nói như vậy là không rời bỏ giới trước mà có được giới sau, bởi vì giới sau đó đã thọ không phải là pháp trái ngược nhau với giới trước đã thọ. Vả lại, giới trước-sau có nhân duyên khác nhau, không nên hợp lại với nhau làm thành số mười...

Hỏi: Nếu lúc còn bé thơ thọ giới Cận sự, đến giai đoạn trưởng thành mới cưới vợ, thì lúc ấy đối với người vợ này có được trước kia hay không? Nếu có được giới trước kia thì nay phải là phạm giới; nếu trước kia không có được thì luật nghi này lẽ ra có được từ phần ít của hữu tình? Đáp: Nên nói là trước kia có được.

Hỏi: Nếu như vậy thì nay phải là phạm giới?

Đáp: Có được do phần riêng biệt chứ không phải là sự nối tiếp nhau tổng quát. Trước đã thọ mà có được giới lìa bỏ tà dâm, không phải là phi phạm hạnh thì nay vi phạm như thế nào, bởi vì thường gần gũi vợ mình không phải là tà dâm. Nghĩa là trong một sự nối tiếp nhau có nhiều phần riêng biệt, đã ngăn chặn-đã hiện hành riêng biệt, cho nên không có vi phạm.

Hỏi: Nếu giai đoạn bé thơ có được luật nghi không tạo tác, đến lúc trưởng thành mới cưới vợ, thì lúc ấy đối với người vợ này có được luật nghi trước kia hay không? Nếu có được luật nghi trước kia thì nay phải là vi phạm luật nghi, nhưng mà luật nghi không tạo tác có được thì chắc chắn không có gì vi phạm. Nếu trước kia không có được thì luật nghi này lẽ ra có được từ phần ít của hữu tình?

Đáp: Nên nói là trước kia có được, nói rộng như trước.

Hỏi: Luật nghi của Cận sự dựa vào nơi nào mà có?

Đáp: Dựa vào cõi Dục mà có chứ không phải là cõi Sắc-Vô sắc; dựa vào loài người mà có chứ không phải là loài nào khác, dựa vào ba châu mà có-trừ ra Bắc châu.

Hỏi: Nếu luật nghi này chỉ dựa vào loài người, thì trong Kinh đã nói nên thông hiểu thế nào? Như trong kinh nói: “Lúc ấy Thiên Đế Thích đi đến nơi Đức Phật, nói ra lời nói như vậy: Nguyên xin Đức Phật ghi nhớ giữ gìn, con là Cận sự, con từ hôm nay cho đến lúc mạng chung, ở trong thời gian ấy bảo vệ chùng sinh-quay về thanh tịnh”.

Đáp: Lúc ấy tự mình biểu hiện rõ ràng là đẳng lưu của niềm tin, không phải là thọ luật nghi, không nên lấy làm vấn nạn.

Như trong Kinh nói: “Luật nghi Cận trú đầy đủ tám Chi. Như thế nào là tám Chi? Đó là lia bỏ giết hại sinh mạng, lia bỏ trộm cắp, lia bỏ phi phạm hạnh, lia bỏ lời nói dối gạt, lia bỏ uống các loại rượu và các nơi phóng túng, lia bỏ đàn ca múa hát, lia bỏ thoa ướp hương hoa, lia bỏ giường ghế cao rộng, lia bỏ ăn không đúng bữa.”

Hỏi: Ở đây có chín Chi, vì sao là tám?

Đáp: Hai hợp lại làm một cho nên nói là tám Chi, đó là lia bỏ thoa ướp hương hoa và lia bỏ đàn ca múa hát, cùng chuyển vào nơi trang điểm bên ngoài, cho nên hợp lại thiết lập một Chi.

Hỏi: Thế nào gọi là Cận trú, thế nào là Chi thuộc Cận trú?

Đáp: Lia bỏ ăn không đúng bữa gọi là cận trú, lia bỏ giết hại sinh mạng... gọi là Chi thuộc cận trú.

Hỏi: Chi thuộc Cận trú này lẽ ra chỉ có bảy?

Đáp: Lia bỏ ăn không đúng bữa gọi là cận trú, cũng gọi là Chi thuộc cận trú, cho nên không chỉ là bảy. Như Chánh kiến gọi là Đạo, cũng gọi là Đạo chi, những Chi khác gọi là Đạo chi chứ không phải là Đạo; Trạch pháp gọi là Giác, cũng gọi là Giác chi, những Chi khác gọi là Giác chi chứ không phải là Giác; Tam-ma-địa gọi là Tĩnh lự, cũng là chi thuộc Tĩnh lự, loại khác gọi là chi thuộc Tĩnh lự chứ không phải là Tĩnh lự. Như vậy, lia bỏ ăn không đúng bữa gọi là Cận trú, cũng gọi là Chi thuộc cận trú, loại khác gọi là Chi thuộc Cận trú chứ không phải là Cận trú, cho nên nói Cận trú đầy đủ tám Chi.

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: “Nên nói Cận trú hoặc là hoàn toàn không có Chi, hoặc là một-hai-ba cho đến hoặc là bảy Chi, không phải là yêu cầu đầy đủ tám mới gọi là Cận trú”. Nói như vậy thì không phải là hoàn toàn không có Chi cho đến hoặc là bảy Chi, có thể gọi là Cận trú; gọi là Cận trú thì cần phải có đủ tám Chi.

Hỏi: Luật nghi Cận trú làm sao mà có được?

Đáp: Từ người khác dạy bảo mà có được, nghĩa là tùy theo Thầy dạy bảo, tự mình phát ra lời nói chân thành cung kính tiếp nhận mà có được.

Hỏi: Thọ luật nghi thì hoặc là trước phải tự mình phát ra lời nói, hoặc là cùng nói với Thầy có được luật nghi hay không?

Đáp: Không có được, bởi vì cần phải thuận theo lời nói của Thầy, như lời nói của Thầy mà nói thì mới thọ được.

Hỏi: Luật nghi Cận trú nên thọ từ ai?

Đáp: Thọ từ bảy chúng đều có được, không phải là nơi nào khác. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì nếu người không có giới đến suốt đời, thì không có thể tùy ý làm Giới Sư.

Hỏi: Mặc áo quần loại nào để thọ luật nghi này?

Đáp: Mặc áo quần mà thường ngày sử dụng nghiêm túc, đều có thể thọ luật nghi này. Nếu là tạm thời trang nghiêm thân mình, thì nhất định phải cởi bỏ mới thọ giới này. Các vật dụng như giường-ghế..., dựa theo đây nên biết.

Hỏi: Thọ đến lúc nào?

Đáp: Đến một ngày đêm không thêm-không bớt, nghĩa là lúc sáng sớm từ Thầy mà thọ được, đến sáng sớm ngày mai thì rời bỏ luật nghi.

Hỏi: Nếu có người nhanh chóng thọ nửa tháng-một tháng, hoặc là một thời gian dài có được luật nghi hay không?

Đáp: Nên nói là không có được. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì hạn định thời gian một ngày đêm, cho nên sáng-tối qua lại dễ dàng biết rõ; một Trai hạn định ăn đúng bữa-không đúng bữa, chứ không phải là một ngày đêm. Luật nghi Cận trú có thể khiến cho nhanh chóng thọ trải qua hai ngày đêm, hưởng hồ nhiều ngày đêm mà có thể nhanh chóng thọ được hay sao? Như luật nghi suốt đời của Cận sự... không thể nào nhanh chóng thọ hai Chúng đồng phần, hưởng hồ nhiều Đồng phần mà có thể nhanh chóng thọ được hay sao? Luật nghi ngày đêm, lý cũng thuận theo như vậy, bởi vì phạm vi giới hạn của luật nghi chỉ có hai.

Hỏi: Thọ ban ngày không phải là ban đêm, thọ ban đêm không phải là ban ngày, có được giới này hay không?

Đáp: Có người nói không được. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì Đức Phật nói giới này là một ngày đêm.

Hỏi: Nếu như vậy thì nhân duyên mà Tôn giả Ca-đa-diễn-na đã nói nên hiểu thế nào? Như nói: “Lúc ấy Tôn giả bảo với những người giết mổ rằng: Các ông đều cần phải lìa bỏ nghiệp ác này, đừng ở đời

sau nhận lấy quả khổ đau vô cùng. Những người giết mổ trả lời rằng: Chúng tôi nhờ vào nghề này mà tự giữ được mạng sống, làm sao có thể lìa bỏ? Tôn giả bảo rằng: Các ông đã làm công việc giết mổ trâu dê... vào thời gian nào? Những người giết mổ trả lời rằng: Chỉ vào thời gian ban ngày. Tôn giả bảo rằng: Các ông có thể thọ trì tám giới Cận trú vào thời gian ban đêm. Những người giết mổ hoan hỷ nghe lời thực hành. Mạng chung đều sinh làm loài quỷ nơi đồng hoang, cứ mỗi khi vào ban ngày có con chó lốm đốm đen bỗng nhiên xuất hiện ăn thịt loài quỷ ấy, chỉ còn lại bộ xương, trong chốc lát thịt sinh ra bình phục như cũ, lại bị ăn thịt, nhận chịu các khổ não như chốn địa ngục. Cứ đến thời gian ban đêm thì tự mình vui thú với năm dục lạc, dạo chơi hưởng thụ vui sướng giống như cõi trời. Tôn giả lại đến nơi những dâm nữ làm nghề mại dâm, bảo rằng: Các cô nên bỏ nghiệp này, đừng nhận lấy quả vô cùng khổ đau ở đời sau. Những người ấy trả lời rằng: Chúng tôi từ lâu quen với việc làm như vậy, không phải là bỗng nhiên có thể lìa bỏ. Tôn giả bảo rằng: Các cô đã làm công việc dơ bẩn sai trái vào thời gian nào? Những người ấy trả lời rằng: Chỉ vào thời gian ban đêm. Tôn giả bảo rằng: Các cô có thể thọ trì tám giới Cận trú vào thời gian ban ngày. Những người làm nghề mại dâm hoan hỷ vâng lời thực hành. Mạng chung đều sinh làm loài quỷ nơi đồng hoang, cứ mỗi khi đến thời gian ban đêm có con sâu trăm chân bỗng nhiên sinh ra rửa ăn thịt loài quỷ ấy, chỉ còn lại bộ xương, trong chốc lát thịt sinh ra bình phục như cũ, lại bị rửa ăn, nhận chịu các khổ não như chốn địa ngục. Cứ đến thời gian ban ngày thì tự mình vui thú với năm dục lạc, dạo chơi hưởng thụ vui sướng giống như cõi trời”. Như vậy đã nói nên hiểu thế nào?

Đáp: Đó là thuộc về hành diệu chứ không phải là luật nghi, thọ quả của hành diệu chứ không phải là quả của luật nghi, vì vậy không có gì sai.

Có Sư khác nói: Là thần lực của Tôn giả ấy hóa hiện làm ra chứ không phải là chân thật, bởi vì phạm cho Câu-chi-nhĩ chán ngán thế gian, hóa hiện làm ra sự việc ấy, cho nên không cần phải thông hiểu.

Có người nói cũng được, nghĩa là có yêu cầu về kỳ hạn, ngày mồng tám hằng tháng đều thường xuyên thọ trai giới, bởi vì có duyên trở ngại cho nên có thể thọ như vậy.

Lời bình: Cách nói trước là hợp lý, bởi vì giới chỉ trong một ngày đêm.

Hỏi: Nếu đến buổi chiều thì thọ giới này cũng có được giới hay không?

Đáp: Nên nói là không được, trừ ra trước đó có yêu cầu về kỳ hạn, ngày mồng tám hằng tháng đều thường xuyên thọ trai giới, lúc ấy có duyên khác mà buổi sáng không nhớ, ăn rồi mới nhớ cho nên sinh tâm rất hối hận xấu hổ, liền thỉnh Giới Sư thọ trì đúng như pháp thì cũng có được giới này.

Hỏi: Phiến-trĩ-ca, Bán-trạch-ca, không có hình thể, hi hình thể, thọ luật nghi Cận trú có được luật nghi hay không?

Đáp: Nên nói là không được. Nguyên có thể nào? Bởi vì thân sở y kia với chí tánh yếu kém không phải là khí chất của luật nghi, cũng không có thể làm khí chất của không luật nghi, như ruộng phèn-mặn thì mạ tốt-cỏ dại đều không sinh trưởng được. Nhưng cần phải giảng dạy cho họ về luật nghi Cận trú, khiến cho phát sinh hành điệu sẽ nhận được quả tốt đẹp. Hoặc là những Phiến-trĩ-ca được Quốc Vương ủy nhiệm, làm cho biết sự việc quan trọng gây khổ sở đến nhiều người; nếu thọ luật nghi thì tâm ác độc tạm thời dừng lại, lợi ích đến nhiều người, cho nên cũng cần phải thọ, nhưng thật ra không có được luật nghi Cận trú.

Như vậy đã nói về luật nghi cận trú.

Hoặc là có nghiệp đạo Căn bản thanh tịnh mà cận phần bất tịnh. Như người tự tại thọ luật nghi này, có người đầu bếp kia sắp giết hai sinh mạng để làm thức ăn, người ấy liền bảo rằng: Nay tôi thọ giới không được sát sinh, để lại chờ đến ngày mai hãy giết để làm thức ăn. Lại có người bắt được kẻ thù dẫn đến thưa trình cần phải làm hại, người ấy liền bảo rằng: Nay tôi thọ luật nghi không được giết hại, giữ lại đến sáng mai y theo pháp trừng trị. Như vậy gọi là nghiệp đạo căn bản thanh tịnh mà cận phần bất tịnh. Đức Thế Tôn nói luật nghi đã thọ ấy, tuy là nghiệp thù thắng mà không có được quả to lớn.

Hoặc là có nghiệp đạo căn bản thanh tịnh-Cận phần cũng thanh tịnh, mà bị Tâm-Tư ác làm cho tổn hại, đó là Tâm-Tư thuộc về Dục, Tâm-Tư thuộc về Nhuế, Tâm-Tư thuộc về hại. Đức Thế Tôn nói luật nghi đã thọ ấy, tuy là nghiệp thù thắng mà không có được quả to lớn.

Hoặc là có nghiệp đạo Căn bản thanh tịnh-Cận phần cũng thanh tịnh, không phải là Tâm-Tư ác làm cho tổn hại, mà không thấu nhiếp giữ lấy Chánh niệm, đó là tùy niệm Phật, tùy niệm Pháp, tùy niệm Tăng, tùy niệm Giới, tùy niệm Xả, tùy niệm Thiên, đức Thế Tôn nói luật nghi đã thọ ấy, tuy là nghiệp thù thắng mà không có được quả to lớn.

Hoặc là có nghiệp đạo Căn bản thanh tịnh-Cận phần cũng thanh tịnh, không phải là Tâm-Tư ác làm cho tổn hại, thấu nhiếp giữ lấy Chánh niệm mà không hồi hướng giải thoát, đó là vì cầu sinh lên cõi trời hưởng

thụ dục lạc..., cho nên trì giới cấm. Đức Thế Tôn nói luật nghi đã thọ ấy, tuy là nghiệp thù thắng mà không có được quả to lớn.

Nếu như có nghiệp đạo Căn bản thanh tịnh-Cận phần cũng thanh tịnh, không phải là Tâm- Tư ác làm cho tổn hại, thấu nhiếp giữ lấy Chánh niệm và hồi hướng giải thoát. Đức Thế Tôn nói luật nghi đã thọ ấy, là nghiệp thù thắng có năng lực đạt được quả to lớn.

Đức Thế Tôn dựa vào luật nghi đã thọ sau cùng, bảo với mẹ con Tỳ-xá-khư-lộc rằng: “Nếu có ai thành tựu tám luật nghi cận trú này, thì tất cả châu báu của mười sáu nước lớn, muốn so với giá trị ấy, trong mười sáu phần không có thể sánh bằng một phần. Như vậy, trăm phần-ngàn phần đều là phần kể ra-phần tính toán của ngàn phần, cho đến Ô-ba-ni-sát-đàm phần cũng không sánh bằng một phần”.

Mười sáu nước lớn, đó là nước Ương-già, nước Ma-kiệt-đà, nước Ca-thi, nước Kiều-tát-la, nước Phật-lật-thị, nước Mạt-la, nước Bôn-đát-la, nước Tô-hấp-ma, nước Át-thấp-phước-ca, nước Át-phạn-đế, nước Diệp-phiệt-na, nước Kiếm-bạt-xà, nước Câu-lô, nước Bàn-giá-la, nước Phiệt-sa, nước Thù-lạc-tây-na. mười sáu nước này dồi dào các loại châu báu, cho nên chỉ nói đến những nước này.

Các loại châu báu, đó là trân châu Mạt-ni, vật báu Phệ lưu ly, ngọc bích, san hô, vàng bạc, vật báu Mô-bà-lạc-yết-lạp-bà, vật báu Át-thấp-ma-yết-bà...

Lại nữa, Đức Phật dựa vào luật nghi đã nói sau cùng, chỉ trích bài tụng ca ngợi mà Thiên Đế Thích đã nói. “Như Thiên Đế Thích nghe công đức thù thắng của luật nghi Cận trú mà Đức Phật đã nói, liền dùng kệ mà ca ngợi rằng:

Thần lực biến hóa của sáu Trai, hằng tháng thọ trì tám giới trai,
Công đức thọ trì ấy thù thắng, thì trở thành bằng nhau với con.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo với chúng Tỳ kheo: Thiên Đế Thích này đã nói bài kệ trái với đạo lý, nếu như A-la-hán thì có thể nói ra như vậy. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì Thiên Đế Thích này chưa có thể vĩnh viễn lìa bỏ những tham-sân-si, chưa đạt được giải thoát thân và tâm bị ràng buộc triền miên bởi sinh già bệnh chết-buồn rầu-lo âu-đau lưng-khổ sở, làm sao có thể nói là người thọ trì giới này, đã có được công đức bằng nhau với con? Các A-la-hán đã không còn các lậu, đã làm xong mọi việc, rời bỏ mọi gánh nặng, lợi mình đã đầy đủ, không còn các kiết ràng buộc, tâm khéo léo giải thoát, không nhận lấy thân đời sau. Họ có thể nói rằng người thọ trì giới này mà có được công đức, thì cùng với con bằng nhau. Công đức của Thiên Đế chỉ cảm đến quả báo Thiên Đế,

thọ trì tám giới chứng được Tam Bồ-đề, vì vậy không nên nói chỉ bằng nhau với Thiên Đế Thích”.

Hỏi: Ai thích hợp để thọ luật nghi Cận trú này?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Chỉ có Thánh giả chứ không phải là dị sinh, chỉ là Cận sự chứ không phải là phi cận sự, chỉ có vì tạm thời rời bỏ suốt đời. Nhưng có lúc vì suốt đời rời bỏ suốt đời, vì suốt đời rời bỏ tạm thời. Ai có lúc vì tạm thời thọ giới suốt đời? Nhưng có lúc vì suốt đời thọ giới tạm thời. Nói như vậy thì cũng là Thánh giả-cũng là dị sinh, cũng là Cận sự-cũng là phi cận sự. Nhưng Đức Thế Tôn vì mẹ con Tỳ-xá-khư-lộc mà nói, và Thiên Đế Thích đã nói bài kệ, chỉ dựa vào Thánh giả.

Hỏi: Luật nghi cận trú dựa vào nơi nào mà có?

Đáp: Chỉ dựa vào cõi Dục mà có chứ không phải là cõi Sắc-Vô sắc, dựa vào loài người mà có chứ không phải là loài khác, dựa vào ba châu mà có-trừ ra Bắc châu.

Hỏi: Nếu luật nghi này chỉ dựa vào loài người, thì trong Kinh đã nói nên hiểu thế nào? Như trong Kinh nói: “Có con rồng sống ở biển, từ biển rộng xuất hiện vào sáu ngày Trai thọ tám giới trai, buông xả thân tâm lặng yên mà đứng, từ từ phát ra âm thanh ngâm nga lời nói như vậy: Nay ở thế gian không có gì nào hại”.

Đáp: Con rồng ấy có được hành diệu chứ không có được luật nghi, tự mừng cho mình tạm thời lìa bỏ những hành ác, con rồng ấy tự nhớ lại xưa kia ở trong loài người, thọ tám giới trai không có thể giữ gìn thanh tịnh, vì có hủy phạm cho nên rơi vào trong loài rồng, dấy lên tư duy này: Mình xưa kia ở trong loài người, nếu có thể thanh tịnh giữ gìn tám giới trai, thì nay sẽ sinh lên cõi trời hưởng thụ những sự vui sướng, đâu mong hủy phạm để rơi vào nẻo ác này? Vì chán ngán hành ác cho nên thường xuyên từ trong biển xuất hiện thọ tám giới trai, ngâm nga âm thanh tự mừng cho mình, nhưng thật ra thì con rồng ấy chỉ có được hành diệu chứ không có được luật nghi.

Hỏi: Vì sao luật nghi này gọi là Cận trú?

Đáp: Ở gần A-la-hán cho nên gọi là Cận trú, bởi vì thọ luật nghi này học theo các vị ấy.

Có người nói: Đây là ở gần giới suốt đời, cho nên gọi là Cận trú. Có người nói: Lúc tiếp cận giới này mà an trú, cho nên gọi là Cận trú; luật nghi như vậy, hoặc gọi là nuôi lớn, bởi vì nuôi lớn căn thiện bé nhỏ của hữu tình, làm cho căn thiện ấy dần dần tăng lên nhiều hơn. Có người nói: Bởi vì nuôi lớn căn thiện của tại gia làm cho ở gần với căn

thiện của xuất gia.

Hỏi: Như vậy đã nói về tám Chi luật nghi, mấy loại là Chi thuộc Thi-la, mấy loại là Chi thuộc không phóng dật, mấy loại là Chi thuộc xa lìa?

Đáp: Năm loại là Chi thuộc Thi-la, đó là lìa bỏ làm hại sinh mạng, cho đến lìa bỏ uống rượu; một loại là Chi thuộc không phóng dật, đó là lìa bỏ ăn không đúng bữa; hai loại còn lại là Chi thuộc xa lìa. Vả lại, bốn loại trước là Chi thuộc Thi-la, bởi vì lìa bỏ Tánh tội; loại thứ năm là Chi thuộc không phóng dật, bởi vì tuy thọ Thi-la, nhưng nếu uống các thứ rượu thì tâm sẽ phóng túng, không thể nào giữ gìn được; ba loại sau là Chi thuộc xa lìa, bởi vì có thể tùy thuận với tâm chán ngán lìa xa, cho nên chán ngán lìa xa có thể chứng được quả của luật nghi. Vì vậy, cận trú có đủ tám Chi, mà đối với năm tăng thêm ba, đối với mười giảm bớt một, bởi vì hợp hai làm thành một, khai một làm thành hai.

CHƯƠNG IV: NGHIỆP UẨN (Tiếp Theo)**Phẩm Thứ Năm: LUẬN VỀ TỰ NGHIỆP****LUẬN VỀ TỰ NGHIỆP (Phần 1)**

Thế nào là tự nghiệp, tự nghiệp là nghĩa gì? Các chương như vậy và giải thích về nghĩa từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp đến cần phải giải thích rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong Kinh nói: “Đức Phật bảo với Ma-nạp-bà: Hữu tình thế gian đều do nghiệp của mình, đều là phần của nghiệp, đều từ nghiệp sinh ra, nghiệp làm nơi nương tựa, nghiệp có năng lực phân chia rõ ràng các loại hữu tình, khắp mọi xứ sở-cao thấp-tốt xấu”. Trong kinh tuy nói ra điều này, mà chưa phân tích rộng về nghĩa của tự nghiệp, kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong Kinh không giải thích thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Tôn giả Thế Hữu nói rằng: “Hữu tình thế gian đều do nghiệp của mình, nghĩa là tự mình tạo ra nghiệp thì vẫn tự mình nhận lấy dị thực. Đều là phần của nghiệp, nghĩa là như nghiệp đã tạo ra mà nhận lấy dị thực như vậy. Đều từ nghiệp sinh ra, nghĩa là nghiệp làm nhân phát sinh dẫn đến quả dị thực, sinh vào nơi sinh thuận theo mỗi loại nghiệp đã tạo ra. Nghiệp làm nơi nương tựa, nghĩa là nghiệp làm nhân nương tựa nhận lấy đầy đủ quả báo của các loại ấy. Nghiệp có năng lực phân chia rõ ràng các loại hữu tình khắp mọi xứ sở-cao thấp-tốt xấu, nghĩa như trước nói, nơi sinh của mọi loài do nghiệp phân chia rõ ràng theo từng loại cao thấp-tốt xấu”.

Hỏi: Thế nào là nghiệp của mình?

Đáp: Nếu nghiệp đã mang lấy nay có dị thực, và dị thực của nghiệp đã sinh ra đang nhận lấy. Nếu nghiệp đã mang lấy nay có dị thực, câu này biểu hiện rõ ràng nghiệp thuận theo Trung Hữu thọ nhận; và dị thực của nghiệp đã sinh ra đang nhận lấy, câu này biểu hiện rõ ràng nghiệp thuận theo Sinh Hữu thọ nhận. Như thuận theo Trung Hữu thọ nhận, thuận theo Sinh Hữu thọ nhận, nên biết nghiệp thuận theo hiện khởi nhận lấy dị thực, thuận theo sinh ra nhận lấy dị thực, thuận theo hiện khởi nhận lấy quả, thuận theo sinh ra nhận lấy quả, thuận theo quả vi tế, thuận theo quả thô thiển cũng như vậy.

Hỏi: Là do nhân cho nên gọi nghiệp của mình, hay là do quả cho nên gọi là nghiệp của mình? Nếu do nhân cho nên gọi là nghiệp của mình, thì câu sau đã nói nên hiểu thế nào? Câu sau nói rằng: Và dị thực của nghiệp đã sinh ra đang nhận lấy. Nếu do quả cho nên gọi là nghiệp của mình, thì câu trước đã nói nên hiểu thế nào? Đó là nghiệp đã mang lấy nay có dị thực.

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Chỉ do nhân cho nên gọi là nghiệp của mình, bởi vì dựa vào câu trước. Có người đưa ra cách nói này: Chỉ do quả cho nên gọi là nghiệp của mình, bởi vì dựa vào câu sau. Nói như vậy thì chỉ do nhân cho nên gọi là nghiệp của mình.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao lại nói và dị thực của nghiệp đã sinh ra đang nhận lấy?

Đáp: Đối với phần vị trí vào quả, thì nhân ấy mới được gọi là nghiệp của mình.

Vì thế cho nên Tôn giả Diêu Âm nói rằng: “Nếu quả yêu quý-không yêu quý đã khởi lên hiện rõ trước mắt, thì nghiệp ấy lúc bấy giờ gọi là nghiệp của mình, không phải là lúc tạo nước và lúc tạo nghiệp, có khả năng hiện rõ trước mắt nhận lấy quả dị thực, bởi vì đòi hỏi nghiệp diệt rồi thì quả mới hiện khởi”.

Hỏi: Nghiệp của mình là nghĩa gì?

Đáp: Là nghĩa mang lấy quả của mình, đấng lưu của mình, dị thực của mình. Có người nói: Quả của mình là quả Sĩ dụng, đấng lưu của mình là quả Đấng lưu, dị thực của mình là quả Dị thực. Có người nói: Các câu đều hiển bày về quả Dị thực, trong này nói nghiệp cảm đến dị thực gọi là nghiệp của mình; có nơi dùng thanh dị thực để nói đến đấng lưu, như nói: “Như thế nào gọi là nhận lấy dị thực? Trả lời: Là nói đến ái”; có nơi dùng thanh đấng lưu để nói đến dị thực, như trong này nói.

Lại nữa, do nghiệp này mà dẫn đến dị thực, hiện tại chín muồi đối với sự nối tiếp nhau của mình chứ không phải là nơi khác, cho nên gọi là nghiệp của mình.

Hỏi: Là tạo nghiệp này thì nhận lấy quả này, hay là tạo nghiệp khác nhận lấy quả khác?

Đáp: Có duyên cho nên nói tạo nghiệp này nhận lấy quả này, có duyên cho nên nói tạo nghiệp khác nhận lấy quả khác, có duyên cho nên nói không có tạo nghiệp không có nhận lấy quả.

Có duyên cho nên nói tạo nghiệp này nhận lấy quả này, nghĩa là Uẩn-Xứ-Giới lần lượt chuyển đổi nối tiếp nhau, sát-na tuy khác mà có thể nói là một.

Có duyên cho nên nói tạo nghiệp khác nhận lấy quả khác, nghĩa là loài người tạo nghiệp mà nhận lấy quả ở loài khác, loài khác tạo nghiệp cũng như vậy.

Có duyên cho nên nói không có tạo nghiệp không có nhận lấy quả, nghĩa là tất cả các pháp không có ngã, không có hữu tình, không có mạng, không có nuôi dạy, không có Bồ-đặc-già-la, trống rỗng không có sĩ phi bên trong, lia tạo tác-tiếp nhân, chỉ có tập hợp của các hành sinh diệt, đối với sự nối tiếp nhau của mình, nuôi giữ thuận theo nuôi giữ, dạy dỗ thuận theo dạy dỗ, bảo vệ thuận theo bảo vệ, chuyển đổi thuận theo chuyển đổi, thêm nhiều thuận theo thêm nhiều, cho nên gọi là nghiệp của mình.

Hỏi: Dị thực của nghiệp thiện có thể có năng lực để giúp nuôi giữ... đối với sự nối tiếp nhau của mình, dị thực của nghiệp bất thiện chỉ làm tổn hại đối với sự nối tiếp nhau của mình, như chốn địa ngục bị mười ba ngọn lửa dữ vây chặt cháy thân thể, ở đó lẽ nào có sự nuôi giữ... hay sao?

Đáp: Nuôi giữ... có hai loại:

1. Làm cho tăng trưởng.
2. Làm cho không đoạn.

Dị thực của nghiệp thiện đối với sự nối tiếp nhau của mình, do hai loại cho nên gọi là nuôi giữ... dị thực của nghiệp ác đối với sự nối tiếp nhau của mình chỉ làm cho không đoạn, cho nên gọi là nuôi giữ..., không phải là làm cho tăng trưởng, vì vậy không có gì sai.

Hỏi: Nếu nghiệp là nghiệp của mình thì nghiệp này nên nói là quá khứ, là vị lai hay là hiện tại?

Đáp: nghiệp này nên nói là quá khứ.

Hỏi: Vì sao nghiệp này không nên nói là vị lai?

Đáp: Bởi vì không phải là trước nhận lấy quả-sau mới tạo ra nhân.

Hỏi: Vì sao nghiệp này không nên nói là hiện tại?

Đáp: Bởi vì nhân quả dị thực không cùng lúc.

Hỏi: Nếu nghiệp là nghiệp của mình thì nghiệp này thành tựu chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt.

1. Có nghiệp là nghiệp của mình mà nghiệp này không thành tựu, đó là nghiệp đã mang lấy nay có dị thực, và dị thực của nghiệp đã sinh đang nhận lấy; nghiệp này đã mất như nghiệp vô gián đã hiện rõ ở trước mắt, đã dẫn đến quả dị thực đang hiện rõ trước mắt, nghiệp này đã mất

bởi vì rời bỏ Chúng đồng phần sở y.

Nếu nghiệp luật nghi đã hiện rõ ở trước mắt, đã dẫn đến dị thực, thì nghiệp này có bốn loại, đó là thuận theo pháp hiện tại nhận lấy, thuận theo đời kế tiếp nhận lấy, thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận lấy, thuận theo không nhất định nhận lấy. Quả đang hiện rõ trước mắt, nghiệp này đã mất, do bốn duyên, hoặc là năm duyên, đó là rời bỏ pháp đã học-hai hình thể sinh khởi-đoạn căn thiện-rời bỏ Chúng đồng phần, hoặc là tướng sáng tỏ xuất hiện.

Nếu nghiệp không luật nghi đã hiện rõ ở trước mắt, đã dẫn đến dị thực, thì nghiệp này có bốn loại, đó là thuận theo pháp hiện tại nhận lấy... như trước nói. Quả đang hiện rõ trước mắt, nghiệp này đã mất, do bốn duyên đó là thọ luật nghi-đạt được Tĩnh lự- hai hình thể sinh khởi-rời bỏ Chúng đồng phần.

Nếu phi luật nghi-phi bất luật nghi, các hành ác-hành điều khác của thân-ngữ đã hiện rõ ở trước mắt, đã dẫn đến dị thực, thì nghiệp này có bốn loại, đó là thuận theo pháp hiện tại nhận lấy... như trước nói. Quả đang hiện rõ trước mắt, nghiệp này đã mất, do ba duyên, đó là ý thích dừng lại- rời bỏ gia hạnh-giới hạn xu thế vượt qua.

Nếu Tư thiện-bất thiện hệ thuộc cõi Dục đã hiện rõ ở trước mắt, đã dẫn đến dị thực, thì nghiệp này có bốn loại, đó là thuận theo pháp hiện tại nhận lấy... như trước nói. Quả đang hiện rõ trước mắt, nghiệp này đã mất, nghĩa là nếu thiện thì do đoạn căn thiện, hoặc là do rời bỏ Chúng đồng phần; nếu bất thiện thì do lìa nhiễm.

Nếu ác tác-ưu căn cùng sinh ra Tư thiện đã hiện rõ ở trước mắt, đã dẫn đến dị thực, thì nghiệp này có bốn loại, đó là thuận theo pháp hiện tại nhận lấy... như trước nói. Quả đang hiện rõ trước mắt, nghiệp này đã mất, do đoạn căn thiện, hoặc là đã lìa nhiễm.

Nếu các nghiệp của Tĩnh lự thứ nhất như thuận phần lui sụt-thuận phần thắng tiến-thuận phần quyết trạch..., đã hiện rõ ở trước mắt, đã dẫn đến dị thực, thì nghiệp này có bốn loại, đó là thuận theo pháp hiện tại nhận lấy... như trước nói. Quả đang hiện rõ trước mắt, nghiệp này đã mất, do đã lìa nhiễm, hoặc là thay đổi cõi-địa... Như vậy cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ, các nghiệp như thuận phần lui sụt... nói rộng ra nên biết.

2. Có nghiệp thành tựu mà nghiệp này không phải là nghiệp của mình, đó là nghiệp không phải là đã mang lấy nay có dị thực, và dị thực của nghiệp không phải là đã sinh đang nhận lấy; nghiệp này không mất, như nghiệp vô gián đã hiện rõ ở trước mắt, đã dẫn đến quả dị thực chưa

hiện rõ trước mắt; nghiệp này không mất, do chưa rời bỏ chúng đồng phần sở y.

Nếu nghiệp luật nghi; nếu nghiệp không luật nghi; nếu phi luật nghi-phi bất luật nghi, các hành ác-hành diệu khác của thân-ngữ; nếu Tư thiện-bất thiện hệ thuộc cõi Dục; nếu ác tác-ưu căn cùng sinh ra Tư thiện, đã hiện rõ ở trước mắt, đã dẫn đến dị thực, thì những nghiệp hiện rõ trước mắt, nghiệp này không mất, bởi vì không có các duyên mất đi đã nói trước đây.

Nếu các nghiệp của Tĩnh lự thứ nhất như thuận phần lui sụt, thuận phần an trú, thuận phần thắng tiến, thuận phần quyết trạch..., đã hiện rõ ở trước mắt, đã dẫn đến dị thực, thì nghiệp này có bốn loại, đó là thuận theo pháp hiện tại nhận lấy... như trước nói. Quả chưa hiện rõ trước mắt, nghiệp này không mất, bởi vì chưa hoàn toàn lìa nhiễm-không thay đổi cõi-địa... Như vậy cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ, các nghiệp như thuận phần lui sụt... nói rộng ra nên biết.

3. Có nghiệp là nghiệp của mình mà nghiệp này cũng thành tự, đó là nghiệp đã mang lấy nay có dị thực, và dị thực của nghiệp đã sinh đang nhận lấy; nghiệp này không mất, như nghiệp luật nghi.

Nếu nghiệp không luật nghi; nếu phi luật nghi-phi bất luật nghi, các hành ác-hành diệu khác của thân-ngữ, đã hiện rõ ở trước mắt, đã dẫn đến dị thực, thì nghiệp này có hai loại, đó là thuận theo pháp hiện tại nhận lấy, thuận theo không nhất định nhận lấy. Quả đang hiện rõ trước mắt, nghiệp này không mất, bởi vì không có các duyên mất đi đã nói trước đây.

Nếu Tư thiện-bất thiện hệ thuộc cõi Dục; nếu ác tác-ưu căn cùng sinh ra Tư thiện, đã hiện rõ ở trước mắt, đã dẫn đến dị thực, thì nghiệp này có bốn loại, đó là thuận theo pháp hiện tại nhận lấy... như trước nói. Quả đang hiện rõ trước mắt, nghiệp này không mất, bởi vì không có các duyên mất đi đã nói trước đây.

Nếu nghiệp thuận phần lui sụt, thuận phần an trú, thuận phần thắng tiến, thuận phần quyết trạch... của các Tĩnh lự-Vô sắc, đã hiện rõ ở trước mắt, đã dẫn đến dị thực, thì nghiệp này có bốn loại, đó là thuận theo pháp hiện tại nhận lấy... như trước nói. Quả đang hiện rõ trước mắt, nghiệp này không mất, bởi vì không có các duyên mất đi đã nói trước đây.

4. Có nghiệp không phải là nghiệp của mình mà nghiệp này cũng không thành tự, đó là nghiệp không phải là đã mang lấy nay có dị thực, và dị thực của nghiệp không phải là đã sinh đang nhận lấy; nghiệp này

đã mất, như nghiệp vô gián trong chúng đồng phần khác, đã tiêu hết-đã nhận chịu, đã tạo tác những việc làm, đã mang lại qua rồi, không còn có năng lực, dị thực đã chín muồi.

Nếu nghiệp luật nghi; nếu nghiệp không luật nghi; nếu phi luật nghi-phi bất luật nghi, các hành ác-hành diệu khác của thân-ngữ; nếu ư thiện-bất thiện hệ thuộc cõi Dục; nếu ác tác-ưu căn cùng sinh ra Tư thiện; nếu các nghiệp thuận phần lui sụt- thuận phần an trú-thuận phần thắng tiến-thuận phần quyết trạch.. của các Tĩnh lự-vô sắc, trong chúng đồng phần khác, đã tiêu hết-đã nhận lấy, đã tạo tác những việc làm đã mang lại quả rồi, không còn có năng lực, dị thực đã chín muồi, nghiệp này đã mất, bởi vì có các duyên mất đi như trước nói.

Không phải là, cũng có bốn câu phân biệt, đảo lại với Là nên biết. Nghĩa là câu thứ hai của phần trước làm câu thứ nhất ở phần này, câu thứ nhất của phần trước làm câu thứ hai ở phần này, câu thứ tư của phần trước làm câu thứ ba ở phần này, câu thứ ba của phần trước làm câu thứ tư ở phần này, nói rộng ra như trước.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 125

LUẬN VỀ TỰ NGHIỆP (Phần 2)

Hỏi: Nếu nghiệp là nghiệp của mình thì nghiệp này nhất định sẽ nhận lấy dị thực chăng?

Đáp: nên làm thành bốn câu phân biệt.

1. Có nghiệp là nghiệp của mình, nghiệp này nhất định sẽ không nhận lấy dị thực, đó là nghiệp đã mang lấy nay có dị thực, và dị thực của nghiệp đã sinh đang nhận lấy, dị thực của nghiệp này đã đến giai đoạn cuối cùng.

Ở đây nói đến cuối cùng thì nghĩa có nhiều loại, đó là có ngàn kiếp cuối cùng, có trăm kiếp cuối cùng, có kiếp cuối cùng, có ngàn năm cuối cùng, có trăm năm cuối cùng, có năm cuối cùng, có tháng cuối cùng, có ngày đêm cuối cùng, có sát-na cuối cùng.

Thế nào là ngàn kiếp cuối cùng? Đó là như một nghiệp có năng lực dẫn đến thọ lượng tám mươi ngàn kiếp của Phi tướng phi phi tướng xứ, lúc ở cõi ấy đến ngàn kiếp cuối cùng, nghiệp này là nghiệp của mình, nghiệp này nhất định sẽ không nhận lấy dị thực, bởi vì đã đến giai đoạn dị thực cuối cùng.

Thế nào là trăm kiếp cuối cùng? Đó là như một nghiệp có năng lực dẫn đến thọ lượng ngàn kiếp ở cõi trời Vô Phiền, lúc ở cõi trời ấy đến trăm kiếp cuối cùng, nghiệp này là nghiệp của mình, nghiệp này nhất định sẽ không nhận lấy dị thực, bởi vì đã đến giai đoạn dị thực cuối cùng.

Thế nào là kiếp cuối cùng? Đó là như một nghiệp có năng lực dẫn đến thọ lượng sáu mươi bốn kiếp ở cõi trời Biến Tịnh, lúc ở cõi trời ấy đến kiếp cuối cùng, nghiệp này là nghiệp của mình, nghiệp này nhất định sẽ không nhận lấy dị thực, bởi vì đã đến giai đoạn dị thực cuối cùng.

Thế nào là ngàn năm cuối cùng? Đó là như một nghiệp có năng lực dẫn đến thọ lượng mười sáu ngàn năm ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại, lúc ở cõi trời ấy đến ngàn năm cuối cùng, nghiệp này là nghiệp của mình, nghiệp này nhất định sẽ không nhận lấy dị thực, bởi vì đã đến giai đoạn dị thực cuối cùng.

Thế nào là trăm năm cuối cùng? Đó là như một nghiệp có năng lực dẫn đến thọ lượng sáu mươi bốn kiếp ở cõi trời Biến Tịnh, lúc ở cõi trời ấy đến kiếp cuối cùng, nghiệp này là nghiệp của mình, nghiệp này nhất định sẽ không nhận lấy dị thực, bởi vì đã đến giai đoạn dị thực cuối cùng.

Thế nào là ngàn năm cuối cùng? Đó là như một nghiệp có năng lực dẫn đến thọ lượng mười sáu ngàn năm ở cõi trời Tha Hóa Tự Tại, lúc ở cõi trời ấy đến ngàn năm cuối cùng nghiệp này là nghiệp của mình, nghiệp này nhất định sẽ không nhận lấy dị thực, bởi vì đã đến giai đoạn dị thực cuối cùng.

Thế nào là trăm năm cuối cùng? Đó là như một nghiệp có năng lực dẫn đến thọ lượng ngàn năm ở Bắc-Câu-Lô-châu, lúc ở nơi ấy đến trăm năm cuối cùng, nghiệp này là nghiệp của mình, nghiệp này nhất định sẽ không nhận lấy dị thực, bởi vì đã đến gian đoạn dị thực cuối cùng.

Thế nào là năm cuối cùng? Đó là như một nghiệp có năng lực dẫn đến thọ lượng trăm năm ở Nam Thiện-bộ-châu, lúc ở nơi ấy đến năm cuối cùng, nghiệp này là nghiệp của mình, nghiệp này nhất định sẽ không nhận lấy dị thực, bởi vì đã đến giai đoạn dị thực cuối cùng.

Thế nào là tháng cuối cùng? Đó là như một nghiệp có năng lực dẫn đến thọ lượng mười hai tháng, lúc ấy tồn tại đến tháng cuối cùng, nghiệp này là nghiệp của mình, nghiệp này nhất định sẽ không nhận lấy dị thực, bởi vì đã đến giai đoạn dị thực cuối cùng.

Thế nào là ngày đêm cuối cùng? Đó là như một nghiệp có năng lực dẫn đến thọ lượng ba mươi ngày đêm, lúc ấy tồn tại đến ngày đêm cuối cùng, nghiệp này là nghiệp của mình, nghiệp này nhất định sẽ không nhận lấy dị thực, bởi vì đã đến giai đoạn dị thực cuối cùng.

Thế nào là Sát-na cuối cùng? Đó là như một nghiệp có năng lực dẫn đến thọ lượng trăm sát-na, lúc ấy tồn tại đến sát-na cuối cùng, nghiệp này là nghiệp của mình, nghiệp này nhất định sẽ không nhận lấy dị thực, bởi vì đã đến giai đoạn dị thực cuối cùng.

2. Có nghiệp nhất định sẽ nhận lấy dị thực, nghiệp này không phải là nghiệp của mình, đó là nghiệp không phải là đã mang lấy nay có dị

thục, và dị thục của nghiệp không phải là đã sinh đang nhận lấy, dị thục của nghiệp này chưa chín muồi, như nghiệp vô gián đã hiện rõ ở trước mắt, đã dẫn đến quả dị thục chưa hiện rõ trước mắt.

Nếu nghiệp luật nghi; nếu nghiệp không luật nghi; nếu phi luật nghi-phi bất luật nghi, các hành ác-hành diệu khác của thân-ngữ; nếu Tư thiện-bất thiện hệ thuộc cõi Dục; nếu ác tác-ưu căn cùng sinh ra Tư thiện; nếu các nghiệp thuận phần lui sụt-thuận phần an trú-thuận phần thắng tiến-thuận phần quyết trách... Của các Tĩnh lự-Vô sắc, đã hiện rõ ở trước mắt, đã dẫn đến dị thục, thì những nghiệp này có ba loại, đó là thuận theo pháp hiện tại nhận lấy, thuận theo đời kế tiếp nhận lấy, thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận lấy, quả chưa hiện rõ trước mắt.

3. Có nghiệp là nghiệp của mình, nghiệp này nhất định sẽ nhận lấy dị thục, đó là nghiệp đã mang lấy nay có dị thục, và dị thục của nghiệp đã sinh đang nhận lấy, dị thục của nghiệp này chưa đến giai đoạn cuối cùng.

Ở đây nói đến cuối cùng thì nghĩa có nhiều loại, đó là có ngàn kiếp cuối cùng, cho đến sát-na cuối cùng.

Ngàn kiếp cuối cùng, nghĩa là như một nghiệp có năng lực dẫn đến thọ lượng tám mươi ngàn kiếp ở Phi tướng phi phi tướng xứ; lúc ở nơi ấy trong ngàn kiếp đầu tiên, nghiệp này là nghiệp của mình, nghiệp này nhất định sẽ nhận lấy dị thục, nghĩa là nhất định sẽ nhận lấy dị thục trong bảy mươi chín ngàn kiếp; cho đến lúc ở nơi ấy vào ngàn kiếp thứ bảy mươi chín, nghiệp này là nghiệp của mình, nghiệp này nhất định sẽ nhận lấy dị thục, nghĩa là nhất định sẽ nhận lấy dị thục ngàn kiếp.

Trăm kiếp cuối cùng, nghĩa là như một nghiệp có năng lực dẫn đến thọ lượng ngàn kiếp ở cõi trời Vô Phiền; lúc ở nơi ấy trong trăm kiếp đầu tiên, nghiệp này là nghiệp của mình, nghiệp này nhất định sẽ nhận lấy dị thục, nghĩa là nhất định sẽ nhận lấy dị thục trong chín trăm kiếp; cho đến lúc ở nơi ấy vào trăm kiếp thứ chín, nghiệp này là nghiệp của mình, nghiệp này nhất định sẽ nhận lấy dị thục, nghĩa là nhất định sẽ nhận lấy dị thục trăm kiếp.

Kiếp cuối cùng, nghĩa là có một nghiệp có năng lực dẫn đến thọ lượng sáu mươi bốn kiếp ở cõi trời Biến Tịnh; lúc ở nơi ấy trong kiếp đầu tiên, nghiệp này là nghiệp của mình, nghiệp này nhất định sẽ nhận lấy dị thục, nghĩa là nhất định sẽ nhận lấy dị thục trong sáu mươi ba kiếp; cho đến lúc ở nơi ấy vào kiếp thứ sáu mươi ba, nghiệp này là nghiệp của mình, nghiệp này nhất định sẽ nhận lấy dị thục, nghĩa là nhất định sẽ nhận lấy dị thục một kiếp.

Như vậy, ngàn năm cuối cùng, cho đến sát-na cuối cùng, tùy theo sự thích hợp của mỗi loại, nói rộng ra cũng như vậy, như vậy các nghiệp do quả đang hiện rõ trước mắt cho nên gọi là nghiệp của mình, chưa đến giai đoạn dị thực cuối cùng cho nên gọi là nhất định sẽ nhận lấy dị thực.

4. Có nghiệp không phải là nghiệp của mình, nghiệp này nhất định sẽ không nhận lấy dị thực, đó là nghiệp không phải là đã mang lấy nay có dị thực, và dị thực của nghiệp không phải là đã sinh đang nhận lấy; dị thực của nghiệp này đã chín muồi, đó là các nghiệp vô gián trong Chúng đồng phần khác, đã tiêu hết-đã nhận lấy, đã tạo tác những việc làm, đã mang lại quả rồi, dị thực đã chín muồi không còn có năng lực, như nghiệp luật nghi.

Nếu nghiệp không luật nghi, nói rộng ra cho đến, nếu các nghiệp thuận phần lui sục-thuận phần an trú-thuận phần thắng tiến-thuận phần quyết trạch... của các Tĩnh lự-Vô sắc, đã tiêu hết-đã nhận lấy, đã tạo tác những việc làm, đã mang lại quả rồi, dị thực đã chín muồi không còn có năng lực.

Không phải là, cũng có bốn câu phân biệt, đảo lại với Là nên biết. Nghĩa là câu thứ hai của phần trước làm câu thứ nhất ở phần này, câu thứ nhất của phần trước làm câu thứ hai ở phần này, câu thứ tư của phần trước làm câu thứ ba ở phần này, câu thứ ba của phần trước làm câu thứ tư ở phần này, nói rộng ra như trước.

Hỏi: Nếu nghiệp thành tựu này nhất định sẽ nhận lấy dị thực chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt.

1. Có nghiệp thành tựu mà nghiệp nhất định sẽ không nhận lấy dị thực, đó là dị thực của nghiệp hữu lậu thiện- bất thiện trong quá khứ đã chín muồi, nghiệp này không mất; nếu nghiệp hữu lậu thiện-bất thiện trong vị lai đã mang lấy mà nhất định không sinh ra; hoặc là nghiệp vô lậu vô ký thì thành tựu.

Trong này, đó là dị thực của nghiệp hữu lậu thiện-bất thiện trong quá khứ đã chín muồi, nghiệp này không mất, nghĩa là như nghiệp luật nghi.

Nếu nghiệp không luật nghi; nếu phi luật nghi-phi bất luật nghi, các hành ác-hành diệu khác của thân-ngữ, đã hiện rõ ở trước mắt, đã dẫn đến dị thực, thì nghiệp này có hai loại, đó là thuận theo pháp hiện tại nhận lấy, thuận theo không nhất định nhận lấy. Quả đã hiện rõ trước mắt, nghiệp này không mất, bởi vì không có các duyên mất đi như trước

đã nói.

Nếu Tư thiện-bất thiện hệ thuộc cõi Dục; nếu ác tác-ưu căn cùng sinh ra Tư thiện, đã hiện rõ ở trước mắt, đã dẫn đến dị thực, thì nghiệp này có bốn loại, đó là thuận theo pháp hiện tại nhận lấy... như trước nói. Quả đã hiện rõ trước mắt, nghiệp này không mất, bởi vì không có các duyên mất đi như trước đã nói.

Nếu các nghiệp thuận phần lui sụt, cho đến thuận phần quyết trạch... của các Tĩnh lự-Vô sắc, đã hiện rõ ở trước mắt, đã dẫn đến dị thực, thì nghiệp này có bốn loại, đó là thuận theo pháp hiện tại nhận lấy... như trước nói. Quả đã hiện rõ trước mắt, nghiệp này không mất, bởi vì không có các duyên mất đi như trước đã nói.

Nếu nghiệp hữu lậu thiện-bất thiện trong vị lai đã mang lấy mà nhất định không sinh ra, nghĩa là Tư thiện-bất thiện hệ thuộc cõi Dục, vị lai đã mang lấy mà nhất định không sinh ra, nhất định không sinh ra cho nên nghiệp này nhất định sẽ không nhận lấy dị thực.

Nếu ác tác-ưu căn cùng sinh ra Tư thiện; nếu các nghiệp thuận phần lui sụt, cho đến thuận phần quyết trạch... của các Tĩnh lự-Vô sắc, thì vị lai đã mang lấy mà nhất định không sinh ra, bởi vì nhất định không sinh ra cho nên nghiệp này nhất định sẽ không nhận lấy dị thực.

Nếu nghiệp vô lậu vô lý thì thành tựu, nghĩa là nghiệp vô lậu vô ký, tuy thành tựu mà tánh không chân thật, và không có ái tưởi thấm, cho nên nghiệp này nhất định sẽ không nhận lấy dị thực.

2. Có nghiệp nhất định sẽ nhận lấy dị thực mà nghiệp này không thành tựu, đó là dị thực của nghiệp hữu lậu thiện- bất thiện trong quá khứ chưa chín muồi, nghiệp này đã mất; nếu nghiệp hữu lậu thiện-bất thiện trong vị lai không mang lấy mà nhất định sẽ sinh ra.

Trong này, đó là dị thực của nghiệp hữu lậu thiện-bất thiện trong quá khứ chưa chín muồi, nghiệp này đã mất, nghĩa là như nghiệp luật nghi; đã hiện rõ ở trước mắt, đã dẫn đến dị thực, nghiệp này có ba loại, đó là thuận theo pháp hiện tại nhận lấy, thuận theo đời kế tiếp nhận lấy, thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận lấy. Quá khứ hiện rõ trước mắt mà nghiệp này đã mất, bởi vì các duyên mất đi như trước đã nói.

Nếu nghiệp không luật nghi, nếu phi luật nghi-phi bất luật nghi, các hành ác-hành diệu khác của thân-ngữ; nếu Tư thiện-bất thiện hệ thuộc cõi Dục; nếu ác tác-ưu căn cùng sinh ra Tư thiện; nếu các nghiệp thuận phần lui sụt, cho đến thuận phần quyết trạch... của các Tĩnh lự-Vô sắc, đã hiện rõ ở trước mắt, đã dẫn đến dị thực, thì nghiệp này có ba loại, đó là thuận theo pháp hiện tại nhận lấy... như trước nói. Quả chưa

hiện rõ trước mắt mà nghiệp này đã mất, bởi vì duyên mất đi như trước đã nói.

Nếu nghiệp hữu lậu thiện-bất thiện trong vị lai không mang lấy mà nhất định sẽ sinh ra, nghĩa là các nghiệp vô gián, vị lai chưa mang lấy mà nhất định sẽ sinh ra, bởi vì nhất định sẽ sinh ra cho nên nhất định sẽ nhận lấy dị thực.

Nếu nghiệp luật nghi; nếu nghiệp không luật nghi; nếu phi luật nghi-phi bất luật nghi, các hành ác-hành diệu khác của thân-ngữ; nếu Tư thiện-bất thiện hệ thuộc cõi Dục, nếu ác tác-ưu căn cùng sinh ra Tư thiện; nếu các nghiệp thuận phần lui sụt, cho đến thuận phần quyết trạch... của các Tỉnh lự-Vô sắc, vị lai chưa mang lấy mà nhất định sẽ sinh ra, bởi vì nhất định sẽ sinh ra cho nên nhất định sẽ nhận lấy dị thực, những nghiệp này có ba loại, đó là thuận theo pháp hiện tại nhận lấy... như trước nói.

3. Có nghiệp thành tựu mà nghiệp này nhất định sẽ nhận lấy dị thực, đó là dị thực của nghiệp hữu lậu thiện-bất thiện trong quá khứ chưa chín muồi mà nghiệp này không mất; nếu nghiệp hữu lậu thiện-bất thiện trong vị lai đã mang lấy thì cũng nhất định sẽ sinh ra; hoặc là nghiệp hữu lậu thiện-bất thiện của hiện tại.

Trong này, đó là dị thực của nghiệp hữu lậu thiện-bất thiện trong quá khứ chưa chín muồi mà nghiệp này không mất, nghĩa là các nghiệp vô gián đã hiện rõ ở trước mắt, đã dẫn đến dị thực, quả chưa hiện rõ trước mắt.

Nếu nghiệp luật nghi; nếu nghiệp không luật nghi; nếu phi luật nghi- phi bất luật nghi, các hành ác-hành diệu khác của thân-ngữ; nếu Tư thiện-bất thiện hệ thuộc cõi Dục; nếu ác tác-ưu căn cùng sinh ra Tư thiện; nếu các nghiệp thuận phần lui sụt, cho đến thuận phần quyết trạch... của các Tỉnh lự-Vô sắc, đã hiện rõ ở trước mắt, đã dẫn đến dị thực, thì nghiệp này có ba loại, đó là thuận theo pháp hiện tại nhận lấy... như trước nói. Quả chưa hiện rõ trước mắt, nghiệp này không mất, bởi vì không có các duyên mất đi như trước đã nói.

Nếu nghiệp hữu lậu thiện-bất thiện trong vị lai đã mang lấy thì cũng nhất định sẽ sinh ra, nghĩa là Tư thiện-bất thiện hệ thuộc cõi Dục, vị lai đã mang lấy thì cũng nhất định sẽ sinh ra, bởi vì nhất định sẽ sinh ra cho nên nhất định sẽ nhận lấy dị thực, nghiệp này có ba loại, đó là thuận theo pháp hiện tại nhận lấy... như trước nói.

Nếu ác tác-ưu căn cùng sinh ra Tư thiện; nếu các nghiệp thuận phần lui sụt cho đến thuận phần quyết trạch... của các Tỉnh lự-Vô sắc,

vị lai đã mang lấy thì cũng nhất định sẽ sinh ra, bởi vì nhất định sẽ sinh ra cho nên nhất định sẽ nhận lấy dị thực, nghiệp này có ba loại, đó là thuận theo pháp hiện tại nhận lấy... như trước nói.

Hoặc là nghiệp hữu lậu thiện-bất thiện của hiện tại, nghĩa là các nghiệp vô gián đang hiện rõ ở trước mắt.

Nếu nghiệp luật nghi; nếu nghiệp không luật nghi, nếu phi luật nghi-phi bất luật nghi, các hành ác-hành diệu khác của thân-ngữ; nếu Tư thiện-bất thiện hệ thuộc cõi Dục; nếu ác tác-ưu căn cùng sinh ra Tư thiện; nếu các nghiệp thuận phần lui sụt, cho đến thuận phần quyết trạch... của các Tĩnh lự-vô sắc, đang hiện rõ ở trước mắt, thì nghiệp này có ba loại, đó là thuận theo pháp hiện tại nhận lấy... như trước nói.

4. Có nghiệp không thành tựu mà nghiệp này nhất định sẽ không nhận lấy dị thực, đó là dị thực của nghiệp hữu lậu thiện-bất thiện trong quá khứ đã chín muồi, nghiệp này đã mất; nếu nghiệp hữu lậu thiện-bất thiện trong vị lai không mang lấy thì cũng nhất định không sinh ra; nếu nghiệp vô lậu vô ký thì không thành tựu.

Trong này, đó là dị thực của nghiệp hữu lậu thiện-bất thiện trong quá khứ đã chín muồi, nghiệp này đã mất, nghĩa là các nghiệp vô gián trong Chúng đồng phần khác, đã tiêu hết-đã nhận lấy, nói rộng ra như trước.

Nếu nghiệp luật nghi; nếu nghiệp không luật nghi, nếu phi luật nghi-phi bất luật nghi, các hành ác-hành diệu khác của thân-ngữ; nếu Tư thiện-bất thiện hệ thuộc cõi Dục; nếu ác tác-ưu căn cùng sinh ra Tư thiện; nếu các nghiệp thuận phần lui sụt, cho đến thuận phần quyết trạch... của các Tĩnh lự-Vô sắc, đã thuộc về quá khứ, đã tiêu hết-đã nhận lấy, nói rộng ra như trước, thì nghiệp này đã mất, bởi vì có các duyên mất đi như trước đã nói.

Nếu nghiệp hữu lậu thiện-bất thiện trong vị lai không mang lấy thì cũng nhất định không sinh ra, nghĩa là các nghiệp vô gián trong vị lai chưa mang lấy thì nhất định sẽ không sinh ra, bởi vì nhất định không sinh ra cho nên nhất định sẽ không nhận lấy dị thực.

Nếu nghiệp luật nghi, nói rộng ra cho đến, nếu các nghiệp thuận phần lui sụt, cho đến thuận phần quyết trạch... của các Tĩnh lự-Vô sắc, vị lai chưa mang lấy thì nhất định sẽ không sinh ra, bởi vì nhất định không sinh ra cho nên nhất định sẽ không nhận lấy dị thực.

Nếu nghiệp vô lậu vô ký thì không thành tựu, nghĩa là bởi vì không chân thật và không có ái tưởi thắm, hoặc là trước đó chưa mang

lấy, hoặc là mang lấy rồi mất.

Không phải là, cũng có bốn câu phân biệt, đảo lại với Là nên biết. Nghĩa là câu thứ hai của phần trước làm câu thứ nhất ở phần này, câu thứ nhất của phần trước làm câu thứ hai ở phần này, câu thứ tư của phần trước làm câu thứ ba ở phần này, câu thứ ba của phần trước làm câu thứ tư ở phần này, nói rộng ra như trước.

Nếu người Dự lưu, có nghiệp bất thiện co thuận theo khổ thọ, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định. Như nói hai nhân làm cho rơi vào nẻo ác, đó là nghiệp do kiếm mà đoạn và nghiệp do tu mà đoạn, những người Dự lưu tuy đã vĩnh viễn đoạn mất nghiệp do kiếm mà đoạn, nhưng chưa có thể đoạn hết nghiệp do tu mà đoạn. Hoặc là có người sinh nghi nhờ: Những người Dự lưu phải rơi vào nẻo ác? Hoặc lại có người sinh nghi ngờ: Những người Dự lưu đã ra đã đoạn hết nghiệp do tu mà đoạn? Vì muốn làm cho những mối nghi ấy có được quyết định, hiển bày về người Dự lưu tuy chưa vĩnh viễn đoạn hết nghiệp do tu mà đoạn, nhưng họ quyết định không rơi vào nẻo ác, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Nếu người Dự lưu, có nghiệp bất thiện có thể thuận theo khổ thọ, dị thực chưa chín muồi mà nghiệp ấy đã thành tựu, thì phải rơi vào nẻo ác, bởi vì đạo nào ngăn cản mà không rơi vào nẻo ác?

Đáp: Do hai Bộ kiết ràng buộc các hữu tình làm cho rơi vào nẻo ác, đó là kiết do kiến mà đoạn và do tu mà đoạn. Những người Dự lưu tuy chưa vĩnh viễn đoạn hết do tu mà đoạn, nhưng đã vĩnh viễn đoạn hết kiết do kiến mà đoạn, thiếu một tư lương cho nên không rơi vào nẻo ác. Như xe đủ hai bánh thì có sự chuyên chở đi lại, chim có hai cánh thì có thể bay lượn giữa bầu trời, thiếu một thì không thể như vậy; ở đây cũng như vậy, cho nên người Dự lưu không rơi vào nẻo ác, thuận theo văn của bản luận này đã giải thích như vậy.

Nhưng có người nói: Ngu thì rơi vào nẻo ác, trì thì không như vậy, mà tất cả Dự lưu đều là người trí. Phàm thì rơi vào nẻo ác, Thánh thì không như vậy, mà tất cả Dự lưu đều là bậc Thánh. Có ý thích xấu ác-ý thích làm hại thì rơi vào nẻo ác, có ý thích tốt lành-ý thích không làm hại thì không như vậy, mà tất cả Dự Lưu đều có ý thích tốt lành-không có ý thích làm hại. Phạm giới thì rơi vào nẻo ác, trì giới thì không như vậy, mà tất cả Dự lưu đều là người trì giới, bởi vì họ đã đạt được con thuyền vững chắc của giới mà bậc Thánh yêu quý.

Lại có người nói: Tất cả Dự lưu đạt được Phi trạch diệt đối với các nẻo ác, các pháp nếu đạt được Phi trạch diệt thì pháp ấy hoàn toàn không hiện rõ ở trước mắt, vì thế cho nên người Dự lưu không rơi vào nẻo ác.

Có Sư khác nói: Nếu có người nào không thấy lỗi lầm của hành ác-công đức của hành diệu, thì người ấy rơi vào nẻo ác; tất cả Dự lưu thấy biết đúng như thật về thiện ác-được mất, bởi vì ý niệm phân tán, cho nên tuy tạm thời khởi lên nghiệp ác, mà không rơi vào nẻo ác.

Có người đưa ra cách nói này: tát-ca-da kiến chưa đoạn-chưa biết khắp, tạo ra nghiệp ác thì sẽ rơi vào nẻo ác; tất cả Dự lưu đã đoạn-đã biết khắp- Tát-ca-da kiến, tuy tạm thời khởi lên nghiệp ác, mà không rơi vào nẻo ác.

Như Đức Thế Tôn nói: “Nếu Hữu thân kiến đã đoạn-đã biết khắp, thì có đủ năm công đức:

1. Ngăn chặn ba nẻo ác.
2. Ngăn chặn năm nghiệp vô gián.
3. Thoát khỏi các loại kiến chấp tà ác.
4. Đã làm thành phạm vi giới hạn giữa dòng sinh tử không bến bờ.
5. Lúc sắp mạng chung tâm niệm tinh thần sáng suốt rõ ràng”.

Có người nói: Bụng trí của hàng Dự lưu thành tựu, cho nên tuy có nghiệp ác mà không rơi vào nẻo ác. Như có hai người ăn thức ăn không phù hợp một người thì do lửa bên trong yếu kém mà thức ăn không tiêu hóa, liền dẫn đến khổ sở vô cùng; một người thì do lửa bên trong mạnh mẽ mà thức ăn dễ dàng tiêu hóa, không hề tăng thêm khổ sở chút nào. như vậy, dị sinh và người Dự lưu, tuy cùng nhận lấy cảnh gây ra nghiệp bất thiện, mà bụng trí của các dị sinh thì bất tịnh, không có lửa Thánh đạo cho nên đã rơi vào nẻo ác, nhận chịu những khổ đau ác liệt; bụng trí của những người Dự lưu thì thanh tịnh, cho nên chỉ nhận chịu khổ đau nhỏ nhoi ở trong chốn trời-người.

Có người nói: Dự lưu sinh ra từ trong Thánh chủng của vô lượng vô biên Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, cho nên tuy có nghiệp ác mà không rơi vào nẻo ác. Như có hai người cùng phạm vào Vương pháp, một người là dân thường thì mang lấy hình phạt nặng nề, một người là con vua chỉ bị trách mắng. Như vậy, dị sinh và người Dự lưu cùng gây ra nghiệp ác, mà các dị sinh không phải là dòng Thánh, cho nên nghiệp ác đã tạo ra phải chuốc lấy khổ đau của nẻo ác, tất cả Dự lưu đều là dòng Thánh, cho nên nghiệp ác chỉ chuốc lấy khổ đau nhẹ nhàng ở chốn

trời-người.

Có người nói: Dự lưu thấy lỗi lầm của cảnh, cho nên tuy có nghiệp ác mà không rơi vào nẻo ác. Như có hai con cá cùng tham ăn mỗi câu, một con không có sự khéo léo, vì mỗi nhử mà nuốt lưỡi câu làm mất đi thân mạng; một con có sự khéo léo, dùng đuôi đánh vào mỗi nhử mà đón lấy thức ăn, cho nên không mất đi thân mạng. Như vậy sự sinh và người Dự lưu, tuy cùng nhận lấy cảnh gây ra nghiệp bất thiện, mà các dị sinh không có trí của bậc Thánh, cho nên đối với sự thọ dụng không thấy lỗi lầm, sinh lòng say đắm vô cùng, đã chuốc lấy khổ đau nặng nề; những người Dự lưu bởi vì có trí của bậc Thánh, cho nên đối với sự thọ dụng thấy rõ những lỗi lầm, không say đắm quá mức, chỉ nhận lấy khổ đau nhẹ nhàng.

Có người nói: Dự lưu đầy đủ Chỉ-Quán, cho nên tuy có nghiệp ác mà không rơi vào nẻo ác. Như loài Cù-đà và quạ cùng ở trên mặt nước, cùng nhau ăn thịt xác chết, có người dùng mũi tên bắn vào, Cù-đà không có cánh liền lặn vào trong nước, quạ có cánh cho nên lập tức bay đi. như vậy, dị sinh và người Dự lưu, tuy cùng nhận lấy cảnh gây ra nghiệp bất thiện, lúc bị mũi tên vô thường đã bắn trúng, dị sinh không có đôi cánh của Chỉ-quán, cho nên lập tức chìm vào trong dòng nước của nẻo ác; Dự lưu có đôi cánh của Chỉ-Quán, cho nên đã bay lên bầu trời cao của Niết-bàn chốn trời-người.

Có người nói: Người Dự lưu và người Nát lai, tâm điều hòa thuận thực, thuận với Niết-bàn, niềm tin được gieo trồng vững chắc, cội rễ của niềm tin ăn sâu, cho nên tuy có nghiệp ác mà không rơi vào nẻo ác. Ví như nghĩa của biển rộng truyền lệnh cho ác dòng sông: nay các ông đã có thể nhổ bật và di chuyển các cây cùng tập hợp ở chỗ Ta. Các dòng sông trả lời rằng: Những cây khác đều có thể di chuyển, chỉ trừ ra cây Dương liễu. Biển hỏi nguyên cơ điều ấy, các dòng sông lại nói: Cây Dương liễu có đủ hai đức không thể nào di chuyển được:

1. Rễ cuộn tròn rất vững chắc.
2. Mềm mại uốn theo dòng chảy.

Giả sử sóng nước dâng cao cũng không có thể cuốn trôi được. Như vậy, nghĩa của nẻo ác truyền lệnh cho những dòng mê hoặc: Nay các ông có thể cuốn trôi những người hưởng thụ dục lạc cùng tập hợp vào chỗ ta. Những dòng mê hoặc trả lời rằng: Tất cả đều có thể cuốn trôi, chỉ trừ ra hai quả. Nẻo ác hỏi nguyên cơ điều ấy, những dòng mê hoặc lại nói: hai quả ấy có đủ hai đức không thể nào cuốn trôi được:

1. Tín căn sâu dày vững chắc.

2. Tâm hành điều hòa mềm mại.

Sóng nước của nước dâng cao cũng không có thể cuốn trôi được. Vì vậy người Dự lưu không rơi vào nẻo ác.

Như Đức Thế Tôn nói: “Đệ tử hàng Thánh của Ta nên tự mình ghi nhớ kỹ càng, đã không còn hố hầm hiểm ác của địa ngục-bàng sinh-ngạ quỷ....”.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định. Như Đức Thế Tôn nói: “Nếu có Tỳ kheo-Tỳ kheo ni..., có thể thuận theo quán sát thấy trogn thân mình, có bốn Chứng tịnh hiện rõ ở trước mắt, thì nên tự mình ghi nhớ kỹ càng, đã không còn hố hiểm ác của địa ngục-bàng sinh-ngạ quỷ”. Đức Thế Tôn lại nói: “Nếu có các đệ tử hàng Thánh đa văn, có thể thuận theo quán sát thấy trong thân mình, có bốn Chứng tịnh hiện rõ ở trước mắt, thì đệ tử hàng Thánh ấy nên ghi nhớ kỹ càng, đã không còn hố hầm hiểm ác của địa ngục-bàng sinh-ngạ quỷ”. Có người đối với điều này nghi ngờ những người Dự lưu, đối với sự việc chính mình không còn địa ngục-bàng sinh-ngạ quỷ, có trí Hiện lượng có thể biết chính xác chăng? Vì làm cho người ấy biết những người Dự lưu, đối với sự việc nói trước đây chỉ do Tỷ lượng chứ không phải là Hiện lượng mà biết, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Những người Dự lưu, vì có trí Hiện lượng có thể tự mình biết chính xác, đã không còn hố hầm hiểm ác của địa ngục-bàng sinh-ngạ quỷ, mà tự mình nghi nhớ chăng?

Đáp: Không thể nào.

Hỏi: Nếu như vậy thì họ làm thế nào biết được?

Đáp: Bởi vì tin vào lời Đức Phật nói. Nghĩa là Đức Thế Tôn nói: “Nếu có Tỳ kheo-Tỳ kheo ni...” như trước nói rộng ra. Đức Thế Tôn lại nói: “Nếu có các đệ tử hàng Thánh đa văn...” nói rộng ra cho đến “Đã không còn hố hầm hiểm ác của địa ngục-bàng sinh-ngạ quỷ”.

Hỏi: Trong này địa ngục-bàng sinh-ngạ quỷ đã thâm nhiếp nẻo ác, tại sao lại nói hố hầm hiểm ác?

Đáp: Trước mở rộng-sau tóm lược, trước riêng biệt-sau tổng quát, trước mở ra-sau hợp lại, không có lỗi nói trùng hợp.

Có người đưa ra cách nói này: Nói địa ngục là hiển bày về địa ngục, nói bàng sinh là hiển bày về bàng sinh, nói nga quỷ là hiển bày về nga quỷ; nói hố hầm hiểm ác là hiển bày về Phiến-trĩ-ca, Bán-trạch-ca, không có hình thể, hai hình thể, bởi vì loại ấy là hố hầm hiểm ác trong loài người.

Lại có người nói: Nói địa ngục... là hiển bày về địa ngục..., nói hố hầm hiểm ác là hiển bày về người tạo ra nghiệp vô gián, bởi vì loại ấy từ vô gián sinh ra thì chắc chắn rơi vào địa ngục.

Có Sư khác nói: Nói địa ngục... là hiển bày về địa ngục..., nói hố hầm hiểm ác là hiển bày về người đoạn mất căn thiện, bởi vì căn thiện ấy nếu không nối tiếp thì chắc chắn rơi vào địa ngục.

Có Sư khác nói: Nói địa ngục... là hiển bày về địa ngục..., nói hố hầm hiểm ác là hiển bày về người không luật nghi, bởi vì loại ấy sẽ rơi vào các nẻo ác.

Hoặc có người nói: Nói địa ngục... là hiển bày về quả của nẻo ác, nói hố hầm hiểm ác là hiển bày về nhân hưởng đến quả ấy. Như Đức Thế Tôn nói: “Tỳ kheo các thầy nếu thấy có người làm ba hành ác, thì nên biết là đã thấy nẻo ác của địa ngục-bàng sinh-ngạ quỷ”.

Có người khác lại nói: Nói địa ngục... là hiển bày về ba nẻo ác; nói hiểm ác là trở lại hiển bày về địa ngục, bởi vì trong địa ngục không có dị thực của thiện, cho nên không yên ổn; nói nẻo ác là hiển bày về hạ ngục, bởi vì loài ấy luôn luôn thiếu hụt vật dụng cung cấp mà hưởng đến đều xấu ác; nói hố hầm là hiển bày về bàng sinh, bởi vì loài ấy lúc kiếp Thành thì sinh ra, lúc kiếp Hoại thì chết đi, khó có thể thoát ra khỏi.

Có Sư khác nói: Nói hiểm ác là hiển bày chung về ba nẻo ác, bởi vì ba nẻo ác vô cùng nguy hiểm; nói nẻo ác cũng hiển bày chung về ba nẻo ác, bởi vì nơi hưởng đến ấy đều xấu xa dơ bẩn; nói hố hầm cũng hiển bày chung về ba nẻo ác, bởi vì thân tâm ở đó đều vô cùng thấp kém, ở trong pháp hèn hạ xấu xa giống như hầm phân.

Hỏi: Những chốn địa ngục có vô lượng loại dụng cụ khổ đau đang tồn tại, làm sao có thể nói là đã không còn địa ngục-bàng sinh-ngạ quỷ...?

Đáp: Bởi vì tất cả Thánh quả không sinh vào nơi ấy, lại không nhận lấy uẩn-xứ-giới của loài ấy, cho nên nói là đã hết chứ không phải là hoàn toàn làm cho dụng cụ khổ đau của nơi ấy cũng không còn, mới gọi là đã hết.

Hỏi: Cũng có những dị sinh không rơi vào nẻo ác, vì sao chỉ nói là Thánh giả đã không còn?

Đáp: Dị sinh không nhất định, hoặc là có người không rơi vào, cũng có người rơi vào, bởi vì không nhất định cho nên không nói là đã hết; tất cả Thánh giả quyết định không rơi vào nẻo ác, cho nên chỉ nói đến Thánh giả.

Hỏi: Nhưng người Dự lưu đối với nẻo trời-người cũng không còn

phần ít, vì sao chỉ nói đến không còn địa ngục...?

Đáp: Những người Dự lưu đối với nẻo trời-người có lúc sinh đến-có lúc không sinh đến, đối với nẻo địa ngục... thì quyết định không sinh vào, cho nên chỉ nói đến nẻo ấy.

Vả lại, người Dự lưu đã có được bốn trí, đó là trí thuộc về khổ-tập-diệt-đạo, mà chưa có được Tận trí-vô sinh trí.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định. Nghĩa là có người sinh tâm nghi ngờ: Những người Dự lưu ở trong nẻo ác đã hết, chỉ Tỷ lượng mà biết; đối với bốn Thánh đế cũng thuận theo Tỷ lượng mà biết chăng? Lại có người sinh tâm nghi ngờ: Những người Dự lưu đã đoạn phiền não do kiến mà đoạn và quả, lẽ ra cũng đã có được tận trí và Vô sinh trí chăng? Vì loại bỏ nghi ngờ ấy để hiển bày về người Dự lưu đã có được bốn trí, chưa có được Tận trí và Vô sinh trí, có được bốn trí cho nên ở trong bốn Đế dùng trí Hiện lượng mà chứng biết, chưa có được Tận trí-Vô sinh trí cho nên Tỷ lượng mà biết đã hết, vì vậy soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao Dự lưu chưa có được Tận trí và Vô sinh trí?

Đáp: Không còn tất cả sinh duyên, đoạn hết tất cả mê hoặc, làm xong tất cả mọi việc, mới phát khởi Tận trí và Vô sinh trí; không phải là người Dự lưu không còn tất cả sinh duyên, đoạn hết tất cả mê hoặc, làm xong tất cả mọi việc, vì thế cho nên chưa có được Tận trí và vô sinh trí.

Có Sư khác nói: Vĩnh viễn không còn tất cả cõi-nẻo-nơi sinh già bệnh chết, mới có thể chứng được Tận trí-Vô sinh trí; không phải là người Dự lưu vĩnh viễn không còn tất cả cõi-nẻo-nơi sinh và già bệnh chết, vì thế cho nên chưa có được Tận trí-Vô sinh trí.

Như Đức Thế Tôn nói: “Bởi vì Học tìm cách làm hại, Na-già quán xét tỉ mỉ trong bảy ngày sau gia tộc Kiền-tát-la chắc chắn sẽ bị tiêu diệt”.

Thế nào là Học tìm cách làm hại? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt nghĩa lý trong kinh. Như trong Kinh nói: “Tỳ kheo nên biết! Bởi vì làm hại đồ chứa ẩm ướt, phá hoại uy thế của Thi-la, do Học tìm cách làm hại, Na-già quán xét tỉ mỉ trong bảy ngày sau gia tộc Kiền-tát-la chắc chắn sẽ bị tiêu diệt”.

Thế nào gọi là làm hại đồ chứa ẩm ướt? Đó là Tỳ-lô-trạch-ca làm chủ đất nước Kiền-tát-la, phóng túng-ngu si-điên cuồng làm hại những

người dòng họ Thích. Những người dòng họ Thích này là bà con ruột thịt của mẹ ông ta, từ nhỏ đến nay thường xuyên cùng ăn chung một loại đồ dùng, thế gian nói đây là đồ chứa ầm ướm. Đích thân kẻ ấy rời bỏ bà con ruột thịt này mà ra tay giết hại, làm hại đến đồ chứa ầm ướm là bà con ruột thịt, cho nên nói là làm hại đồ chứa ầm ướm.

Có người nói: Nên nói là bởi vì làm hại khuôn mặt sống, nghĩa là những người dòng họ Thích rơi nước mắt cầu xin, không thương hại khuôn mặt ướm sống mà ra tay giết hại hàng loạt.

Có người nói: Nên nói là bởi vì làm hại đôi mắt ướm đẫm, nghĩa là những người dòng họ Thích đau buồn rơi nước mắt, đôi mắt đẫm lệ mà không sinh lòng thương xót, trái lại còn làm hại mạng sống của họ. Bởi vì nghiệp này cho nên chắc chắn sẽ bị tiêu diệt.

Thế nào gọi là phá hoại uy thế của Thi-la? Đó là bởi vì phá hoại giới vô lậu của thế tục. Học tìm cách làm hại, học nghĩa là quả Dự lưu và quả Nhất lai. Người ấy tìm cách làm hại, bởi vì tìm cách làm hại cho nên khiến dòng họ của vua ấy không bao lâu sẽ bị tiêu diệt.

Thế nào gọi là Na-già quán xét tử mĩ? Na-già ở đây nói là mắt A-la-hán, các A-la-hán quán xét tử mĩ biết rõ điều ấy. Hoặc là Bạc-già-phạm gọi là Đại Na-già, nghĩa là Phật Thế Tôn đang quán sát tử mĩ biết rõ, trong bảy ngày sau gia tộc Kiêu-tát-la chắc chắn sẽ bị tiêu diệt. Bởi vì Học tìm cách làm hại, cho nên chủng tộc của Tỳ-lô-trạch-ca trong bảy ngày đều không còn.

Các Sư phương Tây đưa ra cách nói như vậy: “Do Học tìm cách làm hại, cho nên gia tộc Kiêu-tát-la trong ngày thứ bảy chắc chắn sẽ bị tiêu diệt. Nay muốn phân biệt về nghĩa đã nói trong kinh ấy, cho nên soạn ra phần luận này”.

Hỏi: Thế nào là Học tìm cách làm hại?

Đáp: Bởi vì ba duyên, đó là hành động không đúng lúc-không đúng chỗ-không đúng đạo.

Hành động không đúng lúc, nghĩa là trong đêm vắng đi lang thang qua thôn xóm làng mạc, bị lính tuần tra chặn lại, bắt trói-xét hỏi, làm hại đủ cách.

Hành động không đúng chỗ, nghĩa là đi vào quán rượu-nhà dâm nữ-nhà vua chúa-sòng đánh bạc..., bị người giám sát bắt được, đánh đập tra hỏi, đủ loại khổ sở hết sức.

Hành động không đúng đạo, nghĩa là kinh doanh về nông nghiệp, vào đêm trăng sáng thì đi vào ruộng vườn giẫm đạp lúa mạ của người khác, bị người canh giữ bắt được, làm đủ mọi điều khổ sở. Bởi vì khổ

đau bức bách, liền dấy lên nghĩ rằng: Sẽ làm cho người mẹ suy sụp đau thương vì mất đứa con yêu quý. Suy sụp đau thương nghĩa là chết đi, mẹ con chia lìa cho nên gọi là mẹ mất đứa con yêu quý.

Hỏi: Người Học có được luật nghi không tạo tác, vì sao lại dấy lên tìm cách làm hại như vậy?

Đáp: Lúc ấy do khổ đau bức bách liền đối với thân mình khởi lên ý niệm như vậy: Thà làm cho mẹ mình suy sụp đau thương vì mất đứa con yêu quý, chứ đừng để cho mình bị khổ đau này bức bách. Bởi vì không làm hại đối với thân khác, cho nên không có lỗi.

Có người nói: Đối với người khác cũng khởi lên ý niệm này, nhưng chỉ cần trách mắng chứ không cần làm hại. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì nếu người ấy biết rõ ràng do tìm cách làm hại như vậy, thậm chí tự mình giết một con kiến, giả sử cứu được mạng mình thì cũng không khởi lên tâm này, cho nên ý niệm này chỉ bị trách mắng.

Hỏi: Học tìm cách làm hại này là chỉ dấy lên ý niệm, hay là cũng phát ra lời nói?

Đáp: Có người nói: Chỉ dấy lên ý niệm mà không phát ra lời nói. Có người nói: Phát ra lời nói cũng không có lỗi, bởi vì bị trách mắng chứ không phải là làm hại. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì nếu người ấy biết rõ ràng do ngữ nghiệp này, thậm chí tự mình giết hại một con kiến, thì giả sử cứu được mạng mình hãy còn không khởi tâm, huống là dấy khởi ngữ nghiệp hay sao?

Hỏi: Nếu thành ấp... mà cha mẹ cư trú, thì người học ở trong đó khởi lên tìm cách làm hại hay không?

Đáp: Có người nói: Không dấy khởi. Có người nói: Cũng dấy khởi. Chỉ bị trách mắng, nói rộng ra như trước.

Lại như người Học đã lìa nhiễm dục, lúc bị người khác làm hại, từ chỗ lìa dục lui sụt dấy lên ý niệm này: Sẽ làm cho người mẹ suy sụp đau thương vì mất đứa con yêu quý.

Hỏi: Người ấy là lui sụt rồi phát ra lời nói trong tâm này, hay là lúc chưa lui sụt khởi lên tìm cách làm hại này? Nếu người ấy lui sụt rồi phát ra lời nói trong tâm này, thì không có uy lực mà dấy lên tìm cách làm hại, làm sao nhanh chóng thành tựu? Nếu lúc chưa lui sụt khởi lên tìm cách làm hại này, đã không có ham muốn xấu ác thì làm sao khởi lên lời nói trong tâm tìm cách làm hại này?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Người ấy nhất định lui sụt rồi.

Hỏi: Đã không có uy lực thì làm sao nhanh chóng thành tựu? Đáp: Lúc chưa lìa dục thì uy lực yếu kém, khởi lên nhiều tâm niệm tìm cách

làm hại mới thành; lúc đã lia đục mà lui sụt thì đạo thù thắng còn thế mạnh, giúp cho tâm nguyện ấy tìm ách làm hại nhanh chóng thành tựu.

Có người đưa ra cách nói này: Người ấy ở phần vị chưa lui sụt, trời rộng thân quý tôn trọng đức hạnh luôn luôn ủng hộ, người ấy gặp phải duyên khổ sở mà lui sụt, thực hành tìm cách làm hại, trời rộng... giúp sức khiến cho sự việc chóng thành.

Hỏi: Lúc Bất hoàn lui sụt đã thực hành tìm cách làm hại, A-la-hán lui sụt cũng tìm cách làm hại chăng?

Đáp: Lúc Vô học lui sụt không thực hành tìm cách làm hại, do quả thù thắng tuy tạm thời lui sụt mà hành tướng-tạo nghiệp không giống như lúc Học lui sụt.

Hỏi: Vô học lui sụt rồi tìm cách làm hại hãy còn không có, huống là lúc chưa lui sụt mà có thể có tìm cách làm hại hay sao? Nếu như vậy thì trong Kinh nói nên hiểu thế nào? như nói: “Đức Phật Yết-lạc-ca-tôn-đà trách mắng Độ-sử-ma-la, ngay lập tức ma kia rơi vào địa ngục”.

Đáp: Chỉ là trách mắng chứ không cần phải làm hại, nhưng nghiệp ma kia không còn mà tự rơi vào địa ngục.

Từng nghe Đức Phật ấy dẫn theo một thị giả, tên gọi là Chí Viễn, đi vào thôn Sa-la khát thực theo thứ tự. Lúc ấy ma Độ-sử hóa làm một thiếu niên, từ xa ném đá trúng vào thị giả, vỡ đầu chảy máu che kín mặt, đi theo sau Đức Phật. Lúc ấy Đức Phật xoay về bên phải giống như voi chúa, quay đầu lại nhìn thấy sự việc như vậy, trách mắng ma kia rằng: Sao ông không yên phận mà gây ra nghiệp ác này? Ma lúc ấy nghiệp không còn, liền rơi vào địa ngục. Vì vậy, chỉ trách mắng chứ không cần phải làm hại.

Hỏi: Những người Học tìm cách làm hại là chỉ tự mình, hay là cũng vì người khác?

Đáp: Có lúc cũng vì người khác.

Như xưa kia ở Ca-thấp-di-la này có Vương đô tên gọi Tỳ-la-tra, cách thành không xa có ngôi chùa, tên gọi là Thạch Nhai, trong chùa có Tỳ kheo là bậc A-la-hán, tự mình nhuộm cà-sa bên cạnh chùa. Trong thành có người mất một con bê, tìm kiếm hỏi han đến nơi này, từ xa hỏi Tỳ kheo thấy con bê hay không? Đáp rằng không thấy. Người ấy từ từ đi về phía trước, nghiệp lực của Tỳ kheo khiến cho người ấy trông thấy chiếc y tựa như da trâu, nước nhuộm như máu, thuốc nấu tựa như thịt, đồ đựng như đầu trâu. Thấy rồi kinh ngạc nhiên dữ mắng rằng: Này kẻ cướp, làm sao Tỳ kheo ăn trộm con bê của tôi mà lại giết thịt? Liền

đánh đập một hồi, trời lại đưa đến chỗ nhà vua, nhà vua giao cho quan tư pháp giam vào lao ngục. Vì nghiệp lực ấy làm cho các học trò, tuy trải qua thời gian dài mà không có ai nhớ đến. Nghiệp ác hết rồi, các học trò của vị ấy đều sinh tâm nghĩ nhớ: Thầy mình ở đâu? Tìm kiếm hỏi thăm mới biết bị giam vào lao ngục, liền cùng nhau thưa trình nhà vua: Thầy chúng tôi không có tội bị giam oan uổng nhiều năm, mong nhà vua xem xét thả thầy chúng tôi ra! Nhà vua truyền cho quan tư pháp mau chóng thả ra. A-la-hán kia bị giam cầm qua thời gian dài, y rách-tóc dài không còn hình dáng của Sa môn. Quan tư pháp tuần tra xem xét không thấy Tỳ kheo, liền quay lại thưa với nhà vua: Không có loại tù này. Các học trò lại trình bày Thầy mình chắc chắn ở trong đó, bị giam nhiều năm mất đi hình tướng Sa môn, mong ở nơi giam cầm truyền lệnh tuyên bố rằng: Ai là Sa môn, nhà vua ban ân thả ra. Nhà vua như lời ấy, lập tức truyền lệnh tuyên bố. A-la-hán kia đã hết nghiệp ác, vừa nghe tiếng gọi như tỉnh giấc mộng, dùng lực thần thông bay lên giữa hư không, giống như chim Nhạn chúa bay lượn giữa bầu trời. Nhà vua thấy vậy rồi ngã nhào bất tỉnh, lấy nước lạnh vẩy vào mặt lâu mới tỉnh lại, tự trách mình không biết gì mà giam cầm oan uổng Thánh giả, sẽ rơi vào nẻo ác không có hạn kỳ thoát ra, liền cùng với các quan ngược lên bầu trời lễ tạ nhận lỗi, chỉ mong Thánh giả xót thương tha thứ lầm lỗi của mình. Lúc ấy A-la-hán cúi xuống mà bảo rằng: Tôi không hề sinh lòng giận hờn đối với mọi người. Nhà vua thưa rằng: Nếu như vậy thì xin lòng tha thiết tiếp nhận. Tôn giả thương tình hạ xuống Vương cung, vua và các quan vui mừng lễ tạ ca ngợi, cạo bỏ râu tóc cho A-la-hán và dâng cúng y mới, cùng với các học trò của vị ấy thiết lễ cúng dường, hương hoa trang nghiêm đi theo đưa đến chùa. Trong số học trò của vị ấy có nhiều Thánh giả, lúc ấy A-la-hán nhắc nhở mọi người mà nói: Bởi vì tai ương đời trước của ta mà bất ngờ gặp phải tù tội giam cầm, đừng dùng ác ý để nhìn Vương đô ấy! Lúc ấy có Sa di được quả Dự lưu, vị ấy ở xa không nghe lời dặn này, sau đó đi theo Tỳ kheo Vương đô, thấy nơi giam cầm Thầy mình, thăm khởi tâm làm hại: Đây là khu thành phi pháp giam cầm oan uổng Thầy mình, kéo dài qua nhiều năm, nhận chịu đủ mọi gian khổ, đau xót thay khổ sở hiểm ác, thật là khó chịu nổi! Lúc ấy có Phi nhân cung kính tin tưởng đối với Tam Bảo, biết ý niệm của Sa di, vào trong đêm này tuôn đất xuống đầy khu thành, tất cả ngập sâu trong núi đất.

Lại ngay ở nghiệp này, xưa có Vương đô tên gọi là Thiện Kiên, cách thành không xa có ngôi chùa tên gọi Chiến-chủ-ca, trong chùa có

Tỳ kheo là bậc A-la-hán, nhập sâu vào Tĩnh lự, không đóng cánh cửa. Trong thành có người có cô vợ phản bội tìm đến chúa, thấy vị Tăng nhập định bèn trèo vào trốn dưới giường. Người chồng tìm theo sau đi vào chùa hỏi vị Tăng, vị Tăng không xem xét kỹ càng, đáp rằng không thấy. Người chồng liền tìm khắp nơi, bắt được cô vợ trốn dưới giường, người chồng mới giận dữ mắng rằng: Tỳ kheo kẻ cướp, tại sao Sa môn nhất định che giấu vợ tôi để thỏa sức tình tự? Thế là đánh đập-bắt trói đưa đến chỗ vua, vua giao cho quan tư pháp... Nói rộng ra như câu chuyện trước. Khác nhau so với trước là có người xuất gia muộn, chứng được quả Dự lự, mà thực hành tìm cách làm hại, Phi nhân châm lửa đốt cháy hết cả Vương đô.

Vì vậy biết rằng cũng có lúc vì người khác tìm cách làm hại.

Hỏi: Những người Học tìm cách làm hại, Thế ấy là gì?

Đáp: Sân tương ứng với Tư là Thể của tìm cách làm hại, pháp bên trong gọi là tìm cách làm hại, pháp bên ngoài gọi là ý giận dữ. Ý giận dữ của ngoại Tiên làm cho thôn xóm không còn thôn xóm, làm cho thành ấp không còn thành ấp, làm cho đất nghiệp không còn đất nước, vì vậy Tiên ấy phạm vào tội làm hại sinh mạng.

Hỏi: Vì sao cùng làm cho thôn xóm... tiêu diệt, mà ngoại Tiên mang lấy tội lỗi, bên trong thì không như vậy?

Đáp: bên ngoài không có Thánh đạo, bên trong có Thánh đạo; bên ngoài thiếu đi chỉ-quán, bên trong có đủ chỉ-quán; bên ngoài là làm hại, bên trong là trách mắng; bên ngoài cũng khởi lên gia hạnh, bên trong chỉ phát ra lời nói của tâm. Vì thế cho nên ngoại Tiên mang đầy tội lỗi, chứ không phải là nội Tiên.

Hỏi: Những người Học tìm cách làm hại, thì quả nhất định thành tựu chăng?

Đáp: Điều này không quyết định. Nếu các hữu tình tạo tác-tăng trưởng, dị thực của nghiệp có uy thế to lớn hiện rõ trước mắt thì quả không thành tựu.

Như xưa kia có một vị vua dòng bà-la-môn tên gọi Bồ-sa-hữu, căm ghét đố kỵ Phật pháp, đốt hết kinh điển, phá hoại tháp thờ, tiêu diệt chùa chiền, giết hại chúng Tỳ kheo. Ở trong một vùng sát biên giới của nước Ca-hấp-di-la, phá hủy năm trăm ngôi chùa, huống gì ở nơi khác? Ác ma được dịp thuận tiện khiến Cưu-bàn-trà, Dực-xoa quỷ thần ngấm ngấm giúp thêm uy thế, làm cho đi đến nơi nào thì không có ai có thể chống cự, dần dần tiêu diệt Phật pháp. Đến cây Bồ-đề, thần cây Bồ-đề tên gọi là Đế Ngữ, dấy lên ý niệm như vậy: Nay ông của ác

này thật là hết sức ngu si tàn bạo, sắp muốn hủy hoại nơi phá tan quân đội ác ma-thành tựu quả vị Diệu Giác của hằng hà sa số chư Phật Thế Tôn, liền tự mình hóa hiện làm thân người nữ xinh đẹp, đứng yên lặng trước mặt ông vua ấy. Ông vua kia trông thấy rồi liền sinh lòng tham đắm, thiện thần hộ pháp được dịp thuận lợi, lập tức giết chết ông vua và quân lính, cùng với quỷ thần-ác ma không có kẻ nào có thể thoát được. Lúc ấy trong Phật pháp có nhiều người Học, tuy dấy lên tìm cách làm hại nhưng không có một ai có thể thành tựu, bởi vì phước lực của Quốc Vương kia rất lớn.

Lại như xưa kia, vị vua Đạt-thứ-đà tiến vào nước Ca-thấp-di-la, hủy diệt Phật pháp, giết hại chúng Tỳ kheo, phá hoại tháp thờ, tiêu diệt chùa chiền, đốt hết kinh điển. Lúc bấy giờ trong nước ấy có nhiều Hiền Thánh, tuy khởi lên tìm cách làm hại mà cũng không có ai thành tựu, bởi vì phước lực của vua ác kia rất lớn.

Vì vậy cho nên nói: Nếu các hữu tình tạo tác-tăng trưởng, dị thực của nghiệp có uy thế to lớn hiện rõ trước mắt thì quả không thành tựu.



LUẬN A TỖ ĐẠT MA ĐẠI TỖ BÀ SA

QUYỂN 126

LUẬN VỀ TỰ NGHIỆP (Phần 3)

Thế nào là Tỳ kheo giữ lại nhiều hành về Thọ (thọ lượng)? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt nghĩa lý trong Kinh. Như trong Kinh nói: “Lúc ấy Đức Thế Tôn giữ lại nhiều hành về mạng (mạng căn), xả bỏ nhiều hành về Thọ (thọ lượng)”. Lại muốn phân biệt về nghĩa trong Tỳ-nại-da. Như trong Tỳ-nại-da nói: “Đại Sinh hủ là đứng đầu năm trăm Tỳ kheo Ni, giữ lại nhiều hành về Mạng, xả bỏ nhiều hành về Thọ”. Kinh và Tỳ-nại-da tuy có nói ra điều này, nhưng chưa phân biệt về nhân duyên giữ lại-xả bỏ. Kinh ấy và Tỳ-nại-da là căn bản của phần luận này, điều ấy chưa nói thì nay cần phải nói đến, cho nên soạn ra phần luận này.

Vả lại, những người soạn luận đều là phân biệt về tự tướng-cộng tướng của các pháp vốn có, nay ở phần luận này cũng như vậy, cho nên không cần phải hỏi làm gì.

Hỏi: Thế nào là Tỳ kheo giữ lại nhiều hành về Thọ?

Đáp: Đó là A-la-hán thành tựu thần thông, tâm được tự tại, hoặc là đối với Tăng chúng, hoặc là nơi người khác, dùng y-dùng bát, hoặc là dùng các vật dụng bố thí tùy theo mạng duyên của một Sa môn, bố thí rồi phát nguyện lập tức tiền vào giới hạn của Tĩnh lự thứ tư, từ Định đứng dậy rồi tâm nghĩ-miệng nói: Các nghiệp của tôi có thể cảm đến dị thực giàu có, nguyện từ đây chuyển biến dẫn đến quả dị thực của Thọ. Lúc ấy người đó có thể dẫn đến nghiệp dị thực giàu có, thì chuyển biến có thể dẫn đến quả dị thực của Thọ.

Hỏi: Người ấy có duyên gì mà giữ lại nhiều hành về Thọ?

Đáp: Giữ lại nhiều hành về Thọ, tóm lược có hai duyên, đó là vì

lợi ích thêm cho người khác và trú trì Phật pháp.

Vì lợi ích thêm cho người khác, đó là dạy bảo đệ tử tu các quán hành, người ấy quán sát tỉ mỉ trú bằng tuổi thọ của mình, những học trò này đến được pháp thù thắng hay không? Giả sử tuổi thọ của mình không còn thì lại có ai khác, có thể khéo léo chỉ bày rõ ràng về đạo-phi đạo hay không? Nếu thấy không có năng lực thì giữ lại hành về thọ.

Vì trú trì Phật pháp, đó là quản lý việc làm tượng Phật-phòng Tăng..., người ấy quán sát kỹ càng trú bằng tuổi thọ của mình, quản lý những việc làm này có được hoàn thành hay không? Giả sử tuổi thọ của mình không còn, thì lại có phương tiện khéo léo nào khác có thể hoàn thành hay không? Nếu thấy không có năng lực thì giữ lại hành về Thọ.

Vả lại, người ấy quán sát thấy sẽ có Quốc Vương-Đại thần-Trưởng giả... muốn hủy diệt Phật pháp, liền quán sát kỹ càng trú bằng tuổi thọ của mình sẽ có phương tiện nào làm cho không hủy diệt chăng? Giả sử tuổi thọ của mình không còn, thì lại có phương tiện khéo léo nào khác có thể trú trì hay không? Nếu thấy không có năng lực thì giữ lại hành về Thọ.

Vì giữ lại hành về Thọ, cho nên dùng y bát... để bố thí cho Tăng và người khác, dựa vào trong Kinh nói, nghĩa là Đức Thế Tôn nói: “Nếu có thí chủ tự mình bố thí vật dụng cho người khác thì gọi là bố thí năm sự. Từ đó lại sẽ có được quả của năm sự:

1. Thọ.
2. Sắc.
3. Lực.
4. Lạc.
5. Biện”.

Người ấy quán sát kỹ càng là bố thí cho Tăng chúng sẽ có được quả to lớn, hay là bố thí cho người khác? Nếu thấy bố thí cho Tăng sẽ có được quả to lớn, thì bố thí cho Tăng, nếu bố thí cho người khác sẽ có được quả to lớn, thì bố thí cho người khác. Vì vậy đối với Tăng, hoặc là nơi người khác, dùng y dùng bát, hoặc là dùng các vật dụng bố thí tùy theo mạng duyên của một Sa môn, bố thí rồi phát nguyện lập tức tiến vào giới hạn của Tĩnh lực thứ tư, từ Định đứng dậy rồi tâm nghĩ-miệng nói: Các nghiệp của tôi có thể cảm đến dị thực giàu có, nguyện từ đây chuyển biến dẫn đến quả dị thực của Thọ. Lúc ấy người đó có thể dẫn đến nghiệp dị thực giàu có, thì chuyển biến có thể dẫn đến quả dị thực của Thọ.

Hỏi: Theo lý thì không có quả dị thực giàu có mà có thể trở thành

quả dị thực của Thọ, vì sao lại nói nghiệp dị thực giàu có, thì chuyển biến về lực của nghiệp. Nghĩa là do bố thí và giới hạn của Định lực, chuyển biến nghiệp dị thực giàu có dẫn đến quả dị thực của Thọ, tuy cùng có thể chuyển biến mà người ấy vào lúc này không chú ý đến quả giàu có, bởi vì cầu mong về quả của Thọ.

Có Sư khác nói: Có nghiệp trước đó cảm đến quả dị thực của Thọ, nhưng mà có tai chướng; nhờ vào hiện tại bố thí và giới hạn của Định lực, tai chướng ka diệt đi-dị thực của Thọ dấy khởi, tuy cùng có thể chuyển biến mà người ấy vào lúc này không chú ý đến quả giàu có, bởi vì cầu mong về quả của Thọ.

Có người đưa ra cách nói này: Có nghiệp trước đó dẫn đến quả dị thực của Thọ, nhưng mà không quyết định; nhờ vào hiện tại bố thí và giới hạn của Định lực, khiến cho dẫn đến nghiệp của Thọ quyết định mang lại quả.

Lại có người muốn làm cho nhờ vào bố thí và Định mà dẫn dắt chọn lấy dị thực của thọ còn lại ở đời trước, nghĩa là A-la-hán có dị thực của Thọ còn lại trong đời khác, nhờ vào hiện tại bố thí và giới hạn của Định lực dẫn dắt khiến cho hiện rõ trước mắt, Định lực không thể nghĩ bàn khiến cho đoạn dứt đã lâu mà nối tiếp trở lại.

Hỏi: Giữ lại hành về Thọ, đích thực do pháp nào dẫn dắt, là do lực của bố thí, hay là lực của Định? Nếu do lực của bố thí thì không cần phải nhập Định, nếu do lực của Định thì không cần phải thực hành bố thí?

Đáp: Có người nói do bố thí; có người nói do Định. Nói như vậy thì cùng do cả hai loại, tuy thực hành nhiều về bố thí nhưng nếu không nhập Định thì điều ấy rốt cuộc không có thể dẫn đến quả của Thọ, tuy luôn luôn nhập Định nhưng nếu không được hành bố thí thì điều ấy rốt cuộc không có thể dẫn đến quả của Thọ. Nhưng lực của bố thí có thể dẫn dắt, lực của Định khiến cho quyết định, vì vậy cho nên nói cùng do cả hai loại.

Hỏi: Thế nào là Tỳ kheo xả bỏ nhiều hành về Thọ?

Đáp: Đó là A-la-hán thành tựu thân thông, tâm được tự tại, bố thí như trước, bố thí rồi phát nguyện lập tức tiến vào giới hạn của Tĩnh lự thứ tư, từ Định đứng dậy rồi tâm nghĩ-miệng nói: Các nghiệp của tôi có thể cảm đến dị thực của Thọ, nguyện từ đây chuyển biến dẫn đến quả dị thực giàu có. Lúc ấy người đó có thể dẫn đến nghiệp dị thực của Thọ, thì chuyển biến có thể dẫn đến quả dị thực giàu có.

Hỏi: Người ấy có duyên gì mà xả bỏ nhiều hành về Thọ?

Đáp: Bởi vì lợi mình và lợi người đều đến chỗ cuối cùng, đã có được Tận trí cho nên gọi là lợi mình đến chỗ cuối cùng; đối với sự việc lợi người, nếu có lực có thể thành tựu sự việc này rồi thì trở về với Viên tịch (nhập Niết-bàn), nếu không có năng lực thì cũng gọi là đến chỗ cuối cùng.

Có người đưa ra cách nói này: Người ấy chán ngán thân mình giống như đồ chứa chất độc, cho nên mong mỗi xả bỏ. Như có tụng nói:

“Phạm hạnh tốt đẹp đã thành lập, Thánh đạo đã khéo léo tu tập, Thọ mạng không còn thì hoan hỷ, giống như bỏ đồ chứa chất độc”.

Vì xả bỏ hành về Thọ, cho nên dùng y bát... để bố thí cho Tăng và người khác, dựa vào trong Kinh nói, nghĩa là Đức Thế Tôn nói: “Những việc làm về nghiệp phước, tóm lược có ba loại:

1. Việc làm của nghiệp phước thuộc về tánh Thí.
2. Việc làm của nghiệp phước thuộc về tánh Giới.
3. Việc làm của nghiệp phước thuộc về tánh Tu.

Đối với việc làm thuộc về tánh Thí, hoặc là thói quen-hoặc là tu tập, hoặc là đã làm nhiều, cảm đến quả rất giàu có...” Người ấy quán sát kỹ càng là bố thí cho Tăng chúng sẽ có được quả to lớn, hay là bố thí cho người khác? Nếu thấy bố thí cho Tăng sẽ có được quả to lớn thì bố thí cho Tăng, nếu bố thí cho người khác sẽ có được quả to lớn thì bố thí cho người khác. Vì vậy đối với Tăng chúng, hoặc là nơi người khác, dùng y-dùng bát, hoặc là dùng các vật dụng bố thí tùy theo mạng duyên của một Sa môn, bố thí rồi phát nguyện lập tức tiến vào giới hạn của Tinh lự thứ tư, từ Định đứng dậy rồi tâm nghĩ-miệng nói: Các nghiệp của tôi có thể cảm đến dị thực của Thọ, nguyện từ đây chuyển biến dẫn đến quả dị thực giàu có. Lúc ấy người đó có thể dẫn đến nghiệp dị thực của Thọ, thì chuyển biến có thể dẫn đến quả dị thực giàu có.

Hỏi: Theo lý thì không có quả dị thực của Thọ mà có thể trở thành quả dị thực giàu có, vì sao lại nói nghiệp dị thực của Thọ, thì chuyển biến có thể dẫn đến quả dị thực giàu có? Đáp: Không có chuyển biến về Thể của quả, mà có chuyển biến về lực của nghiệp. Nghĩa là do bố thí và giới hạn của Định lực, chuyển biến nghiệp dị thực của Thọ dẫn đến quả dị thực giàu có, tuy cùng có thể chuyển biến mà người ấy vào lúc này không chú ý đến quả của Thọ, bởi vì mong mỏi về quả giàu có.

Có Sư khác nói: Có nghiệp trước đó cảm đến quả dị thực giàu có, nhưng mà có hai chướng; nhờ vào hiện tại bố thí và giới hạn của Định

lực, tai chướng kia diệt đi-dị thực giàu có dấy khởi, tuy cùng có thể chuyển biến mà người ấy vào lúc này không chú ý đến quả của Thọ, bởi vì mong mỏi về quả giàu có.

Có người đưa ra cách nói này: Có nghiệp trước đó dẫn đến quả dị thực giàu có, nhưng mà không quyết định; nhờ vào hiện tại bố thí và giới hạn của Định lực, khiến cho dẫn đến nghiệp giàu có quyết định mang lại quả.

Lại có người nói: Có nghiệp trước đó dẫn đến quả dị thực giàu có, nhưng thô mà không phải là diệu; nhờ vào hiện tại bố thí và giới hạn của Định lực, khiến cho cảm nghiệp thô chuyển biến dẫn đến quả diệu. Nghĩa là nghiệp ấy trước kia dẫn đến quả thô trong thời gian dài, nay nhờ vào lực của bố thí-Định và cầu nguyện, khiến cho nước ấy chuyển biến dẫn đến quả diệu bây giờ.

Lại có người muốn làm cho nhờ vào bố thí và Định mà dẫn dắt chọn lấy dị thực giàu có sót lại của đời trước, nghĩa là A-la-hán có dị thực giàu có sót lại trong đời khác, nhờ vào hiện tại bố thí và giới hạn của Định lực dẫn dắt khiến cho hiện rõ trước mắt, Định lực không thể nghĩ bàn khiến cho đoạn dứt đã lâu mà nối tiếp trở lại.

Hỏi: Dị thực giàu có này, đích thực do pháp nào dẫn dắt, là do lực của bố thí, hay là lực của Định? Nếu do lực của bố thí thì không cần phải nhập Định, nếu do lực của Định thì không cần phải thực hành bố thí?

Đáp: Có người nói do bố thí; có người nói do Định. Nói như vậy thì cùng do cả hai loại, tuy thực hành nhiều về bố thí nhưng nếu không nhập Định thì điều ấy rốt cuộc không có thể dẫn đến giả giàu có, tuy thường xuyên nhập định nhưng nếu không thực hành bố thí thì điều ấy rốt cuộc không có thể dẫn đến quả giàu có. Nhưng lực của bố thí có thể dẫn dắt, lực của Định khiến cho quyết định, vì vậy cho nên nói cùng do cả hai loại.

Hỏi: Nếu quả về Thọ-quả về giàu có của các hữu tình không quyết định thì có thể có sự giữ lại và xả bỏ, nếu cùng quyết định thì giữ lại và xả bỏ như thế nào?

Đáp: Chỉ đưa ra phạm vi hạn định chứ không có sự giữ lại và xả bỏ; ví như thầy thuốc giỏi đã ghi nhận phạm vi hạn định thì không có ai có thể vượt quá, ở đây cũng thuận theo như vậy.

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “A-la-hán ấy do khởi lên giới hạn của Định lực thứ tư, dẫn dắt Đại chủng của cõi Sắc khiến cho hiện tiền trong thân, mà Đại chủng ấy có lúc hành thuận cõi Thọ, có

lúc hành trái với Thọ, vì nhân duyên này cho nên hoặc là giữ lại-hoặc là xả bỏ”.

Có người đưa ra cách nói này: A-la-hán ấy do lực của Tam-ma-địa tự tại này, chuyển bỏ Đại chủng của các căn đã sinh ra do nghiệp đời trước từng có tồn tại qua thời gian, dẫn đến Đại chủng của các căn đã sinh ra do Định lực chưa từng tồn tại qua thời gian.

Cách nói ấy không đúng, bởi vì Mạng căn có riêng chứ không phải là căn lấy Đại chủng làm tự tánh.

Hỏi: Trong Kinh nói Đức Thế Tôn giữ lại nhiều hành về Mạng, xả bỏ nhiều hành về Thọ, nghĩa ấy như thế nào?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Chư Phật Thế Tôn xả bỏ Thọ thuộc phần thứ ba. Có người đưa ra cách nói này: Chư Phật Thế Tôn xả bỏ Thọ thuộc phần thứ năm.

Nếu nói chư Phật xả bỏ Thọ thuộc phần thứ ba, thì đó là nói đến thọ lượng của Đức Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn lẽ ra trú đến một trăm hai mươi tuổi, mà xả bỏ bốn mươi năm sau, chỉ nhận lấy tám mươi năm.

Hỏi: Lúc Đức Phật xuất thế, người ở châu này sống thọ không quá trăm tuổi, tại sao Đức Thích-ca Mâu-ni Thế Tôn có tuổi thọ một trăm hai mươi năm?

Đáp: Như sắc tướng-năng lực-dòng họ-giàu sang-đồ chúng-trí tuệ nhận biết của Đức Phật hơn hẳn mọi hữu tình, cho nên thọ lượng cũng thuận theo vượt quá mọi người.

Nếu nói chư Phật xả bỏ Thọ thuộc phần thứ năm, thì đó là nói đến thọ lượng đã cảm lấy của Đức Thích-ca Mâu Ni Thế Tôn lẽ ra trú đến một trăm tuổi, mà xả bỏ hai mươi năm sau, chỉ nhận lấy tám mươi năm.

Hỏi: Sắc tướng-năng lực-dòng họ-giàu sang-đồ chúng-trí tuệ nhận biết của chư Phật hơn hẳn mọi hữu tình, tại sao thọ lượng cùng với mọi người như nhau?

Đáp: Bởi vì sinh vào thời gian thuộc về thọ lượng như vậy. Vì thế trong Kinh nói xả bỏ hành về Thọ, nghĩa là xả bỏ bốn mươi năm, hoặc là hai mươi năm; giữ lại hành về Mạng, nghĩa là giữ lại ba tháng.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn giữ lại-xả bỏ hành về Mạng-hành về Thọ như vậy chứ không tăng giảm?

Đáp: Bởi vì sự nghiệp của chư Phật tốt đẹp đến cuối cùng, đến lúc như vậy thì sự nghiệp của chư Phật đạt được tốt đẹp hoàn toàn trọn vẹn, cho nên không tăng giảm.

Có người nói: Pháp vốn như vậy, chư Phật Thế Tôn chỉ xả bỏ-chỉ

giữ lại Thọ-mạng như vậy.

Có người nói: Muốn hiển bày về chư Phật Thế Tôn không tham Thọ-Mạng cho nên có thể xả bỏ sớm, các hữu tình vì tham Thọ-mạng cho nên không có thể xả bỏ. Thường xuyên mong cầu nhập Niết-bàn, đừng có sinh tâm nghi ngờ; Đức Phật cũng như vậy, cho nên xả bỏ hành về Thọ, hiển bày khác với hữu tình, sự nghiệp giáo hóa chưa trọn vẹn mà còn giữ lại ba tháng.

Có người nói: Muốn hiển bày về chư Phật Thế Tôn khéo an trú trong Thánh đạo, cho nên xả bỏ hành về Thọ, nghĩa là như Đức Thế Tôn đối với quả báo vốn có sinh lòng hoan hỷ đầy đủ hết sức, đối với Thọ cũng như vậy.

Có người nói: Đức Thế Tôn tránh giai đoạn già yếu cho nên rời bỏ hành về Thọ, bởi vì sự nghiệp giáo hóa hữu tình chưa trọn vẹn, cho nên còn giữ lại ba tháng. Như Ô-đà-di vào một lần xoa bóp thân thể cho Đức Phật, thấy tướng khác thường mà thưa với Đức Phật rằng: Bây giờ thân thể của Đức Thế Tôn từ từ dần ra, các căn thay đổi, dung mạo khác với bình thường, giai đoạn này hãy còn như vậy, hướng là vượt quá tám mươi tuổi hay sao? Vì vậy tránh sự già yếu cho nên xả bỏ nhiều hành về Thọ.

Có người nói: Muốn Đức Thế Tôn nói: “Ta khéo tu tập thức hành bốn Thân tức, cho nên muốn trú trong một kiếp, hoặc là hơn một kiếp, như ý đều có thể trú tự nhiên”.

Có người nói: Muốn hiển bày chư Phật Thế Tôn có năng lực làm cho các ma phải khuất phục mà giữ lại và xả bỏ Thọ-mạng. Nghĩa là lúc chứng Vô thượng Diệu giác Bồ-đề đã làm cho hai loại ma phải hàng phục, đó là ma trời và ma phiền não; lúc này sắp chứng nhập cảnh giới niết-bàn lại làm cho hai loại ma phải hàng phục, đó là ma Uẩn và ma chết. Buộc ma Uẩn phải hàng phục cho nên xả bỏ nhiều hành về Thọ, buộc ma chết phải hàng phục cho nên giữ lại nhiều hành về Mạng.

Hỏi: Hành về Mạng và hành về Thọ có gì sai biệt?

Đáp: Có người nói: Không có sai biệt gì. Như luận Phẩm Loại Túc nói: “Thế nào là Mạng căn? Đó là Thọ thuộc ba cõi”.

Có người nói: Hai loại này cũng có sai biệt, đó là tên gọi đã có sai biệt, bởi vì gọi là hành về Mạng, gọi là hành về Thọ.

Có người nói: Do hành này mà sống, cho nên gọi là hành về Mạng; do hành này mà chết, cho nên gọi là hành về Thọ.

Có người nói: Đã giữ lại gọi là hành về Mạng, đã xả bỏ gọi là hành về Thọ.

Có người nói: Có thể sinh ra pháp, gọi là hành về Mạng; không thể sinh ra pháp, gọi là hành về Thọ.

Có người nói: Trú trong thời gian ngắn gọi là hành về Mạng, trú trong một thời kỳ gọi là hành về Thọ.

Có người nói: Đồng phần gọi là hành về mạng, Bĩ đồng phần gọi là hành về Thọ.

Có người nói: Quả của tu gọi là hành về Mạng, quả của nghiệp gọi là hành về Thọ.

Có người nói: Quả của nghiệp vô lậu gọi là hành về Mạng, quả của nghiệp hữu lậu gọi là hành về Thọ.

Có người nói: Quả của Minh gọi là hành về Mạng, quả của Vô minh gọi là hành về Thọ.

Có người nói: Quả của nghiệp mới gọi là hành về Mạng, quả của nghiệp cũ gọi là hành về Thọ.

Có người nói: Quả của nghiệp mang lại quả gọi là hành về Mạng, quả của nghiệp không mang lại quả gọi là hành về Thọ.

Có người nói: Quả của nghiệp gần gọi là hành về Mạng, quả của nghiệp xa gọi là hành về Thọ.

Tôn giả Diêu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Quả của nghiệp thuận theo pháp hiện tại nhận lấy gọi là hành về Mạng, quả của nghiệp thuận theo đời kế tiếp nhận lấy-thuận theo đời kế tiếp thứ hai nhận lấy-thuận theo không nhất định nhận lấy gọi là hành về Thọ”.

Đó gọi là sự sai biệt giữa hành về Mạng và hành về Thọ.

Hỏi: Nói nhiều hành là có nghĩa gì?

Đáp: Nói về nhiều là hiển bày rõ ràng sự giữ lại-sự xả bỏ không phải là một sát-na, nói về hành là hiển bày rõ ràng giữ lại-sự xả bỏ là pháp vô thường.

Hỏi: Nơi nào giữ lại và xả bỏ hành về Mạng-hành về Thọ?

Đáp: Ở cõi Dục chứ không phải là cõi khác, ở loài người chứ không phải là loài khác, ở ba châu chứ không phải là Bắc châu.

Hỏi: Ai có thể giữ lại và xả bỏ hành về Mạng-hành về Thọ?

Đáp: Là Thánh giả chứ không phải là dị sinh, là Vô học chứ không phải là Hữu học, là bất thời giải thoát chứ không phải là Thời giải thoát, cũng là nam cũng là nữ.

Thế nào là tâm cuồng loạn? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì giải thích về nghĩa trong Kinh, trong Tỳ-nại-da. Như trong Kinh nói: “Bà-la-môn nữ Bà-tư-sất-trĩ vì mất sáu người con, tâm

phát cuồng loạn, thân hình trần truồng chạy khắp nơi, trông thấy Đức Thế Tôn rồi trở lại có được tâm ba đầu”. trong Tỳ-nại-da nói: “Thất-lợi-phiệt-sa vì tâm cuồng loạn, thực hành rất nhiều chủng loại không phải là pháp của a môn, không thuận với pháp hành”. Trong Tỳ-nại-da lại đưa ra cách nói này: “Do nhận chịu đau khổ làm cho bức bách, hoặc là tâm cuồng loạn, và giai đoạn bắt đầu của nghiệp, đều không có phạm lỗi”. Kinh và Tỳ-nại-da tuy nói ra điều này, mà không giải thích rõ ràng, nay vì giải thích mở rộng về điều ấy, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là tâm cuồng loạn?

Đáp: Đó là do thế lực của bốn duyên đã bức bách làm cho tâm cuồng loạn.

1. Do loài Phi nhân hiện ra cảnh tượng-sắc tướng xấu ác, gặp rồi kinh sợ làm cho tâm cuồng loạn. Nghĩa là có loài Phi nhân biến hóa làm thành sắc tướng đáng sợ như voi-ngựa-lạc đà-trâu-dê..., hiện rõ ra trước mắt người ấy làm cho tâm trở nên cuồng loạn.

Hỏi: Người ấy không hề thấy voi ngựa... chẳng, tại sao lúc này trông thấy liền sinh tâm kinh sợ?

Đáp: Người ấy tuy đã từng trông thấy, mà bây giờ không phải lúc-không đúng chỗ-không hợp đạo, bỗng nhiên trông thấy cho nên Kinh sợ.

Nói là không phải lúc, nghĩa là vào ban đêm trông thấy voi ngựa... liền dấy lên ý nghĩ này: Tại sao lúc này có voi ngựa... đi đến chỗ mình, nhất định là loài Phi nhân xuất hiện để bức bách làm hại lẫn nhau? Vì vậy mà kinh sợ làm cho tâm cuồng loạn.

Nói là không đúng chỗ, nghĩa là ở những nơi nhà cao cửa rộng-phòng ốc kín đáo... mà lại trông thấy voi ngựa..., liền dấy lên ý nghĩ này: Vì sao ở chỗ này lại có voi ngựa... hiện rõ ra trước mắt mình, nhất định là loài Phi nhân xuất hiện để bức bách làm hại lẫn nhau? Vì vậy mà kinh sợ làm cho tâm cuồng loạn.

Nói là không hợp đạo, nghĩa là ở giữa bãi tha ma không phải là đường sá đi lại của voi ngựa... đã từng đi, trông thấy voi ngựa... liền dấy lên ý nghĩ này: Vì sao ở chỗ này lại có voi ngựa..., nhất định là loài Phi nhân xuất hiện để bức bách làm hại lẫn nhau? Vì vậy mà Kinh sợ làm cho tâm cuồng loạn.

2. Do loài Phi nhân tức giận đánh vào thân thể, bị bức bách vì nhận chịu đau khổ làm cho tâm cuồng loạn. Nghĩa là ở nơi chốn mà Đại chúng đi lại-cư trú, vì tâm khinh mạn mà tùy tiện phóng uế; hoặc ở

trong tình xá của chư Phật-Độc giác-Thanh văn..., làm những việc làm bất tịnh khiến cho thiện thần tức giận đánh vào thân thể, người có thân thể mong manh nhỏ bé như hạt cải, nếu lúc đánh vào thì làm cho tâm trở nên cuồng loạn.

3. Do Đại chủng trái ngược nhau làm cho tâm cuồng loạn. Nghĩa là có người lúc ăn nhiều hồ tiêu-mè-hành-hẹ..., phát ra các triệu chứng nóng-lạnh..., Đại chủng trái ngược nhau làm cho tâm cuồng loạn.

4. Do dị thực nghiệp trước kia làm cho tâm cuồng loạn. Nghĩa là có người lúc trước vui mừng nhảy nhót, loan truyền sự việc kinh sợ làm cho người khác buồn lo phiền muộn, hoặc làm ra hầm hố gài bẫy để chúng sinh rơi xuống, hoặc châm lửa đốt cháy núi đồi cây cỏ, hoặc dùng sức mạnh ép buộc người khác uống rượu, hoặc dùng suy nghĩ trái ngược để giải thích kinh điển..., những nghiệp như vậy làm cho tâm cuồng loạn. Nhưng trạng thái cuồng loạn này không phải là quả dị thực, chỉ từ dị thực của nghiệp ác mà sinh ra, bởi vì nghiệp ác không dẫn đến dị thực của ý địa.

Có người nói: Cuồng loạn do năm loại duyên cố, bốn loại trước giống như trước; loại thứ năm là do buồn phiền lo lắng, nghĩa là bởi vì mất đi con cái yêu quý của mình..., buồn phiền chất chứa quẩn chặt tâm tư làm cho phát sinh cuồng loạn.

Hỏi: Tâm cuồng loạn này có ở nơi nào?

Đáp: Có ở cõi Dục chứ không phải là cõi Sắc-Vô sắc, nhưng mà địa ngục không có, bởi vì tâm thường xuyên hỗn loạn. Tâm cuồng loạn, nghĩa là có lúc chứ không phải là luôn luôn có, quý và bàng sinh có tâm cuồng loạn, trời và người cũng có, trừ ra Bắc Câu-lô-châu, bởi vì ở châu đó không có quả tăng thượng của nghiệp tội.

Hỏi: Tâm cuồng loạn này ai có-ai không?

Đáp: Thánh giả và dị sinh đều có thể là có. Thánh bao gồm các Thánh, chỉ trừ ra chư Phật, Phật không có loạn tâm, không có âm thanh hư hoại, không có đoạn dứt mặt-ma, không có dần dần xả mạng. Dị sinh loạn tâm do có đủ năm duyên, Thánh giả chỉ do Đại chủng trái ngược nhau, bậc Thánh không có kinh sợ, bởi vì vượt lên trên năm sự sợ hãi; không bị loài Phi nhân đánh, bởi vì không làm điều dơ bẩn; cũng không có dị thực của nghiệp ác đời trước, bởi vì nghiệp quyết định cho nên cần phải nhận chịu trước rồi mới tiến vào phần vị bậc Thánh; nghiệp không quyết định, do lực của Thánh đạo đã chuyển đổi diệt đi; cũng không có buồn phiền lo lắng, bởi vì chứng được pháp tánh.

Có người nói: Thánh giả rối loạn bởi vì hai duyên, đó là Đại chủng

trái ngược nhau, và bị loài Phi nhân đánh.

Hỏi: Thánh giả đã có được luật nghi không tạo tác, nhất định không có làm điều dơ bẩn thì loài Phi nhân sao tức giận?

Đáp: Người tin Phật pháp thì cung kính tôn trọng các Thánh, hoàn toàn không làm não hại; có người không tin thì ganh ghét các Thánh, chờ dịp thuận tiện để làm não hại. Vì vậy bậc Thánh cũng bị loại Phi nhân đánh.

Hỏi: Trú trong những tâm nào thì có thể phát sinh cuồng loạn?

Đáp: Trú trong hữu lậu chứ không phải là vô lậu, trú trong ý thức chứ không phải là năm thức.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao thấy hai vàng trắng...?

Đáp: Những loại này đều là do ý thức phân biệt chứ không phải là trong năm thức có sự hiểu biết hỗn loạn này.

Hỏi: Vì tâm chưa cuồng mà nói là có cuồng loạn, hay vì tâm đã cuồng mà nói là có cuồng loạn?

Đáp: Không phải là tâm chưa cuồng mà nói là có cuồng loạn, cũng không phải là tâm đã cuồng mà nói là có cuồng loạn. Nhưng tâm có cuồng loạn, tâm không có cuồng loạn, ở đời vị lai nếu gặp phải duyên cuồng loạn, thì tâm không cuồng diệt đi, tâm có cuồng dấy khởi; nếu gặp được duyên không cuồng loạn, thì tâm có cuồng diệt đi, tâm không cuồng dấy khởi.

Hỏi: Nếu tâm cuồng loạn thì cũng tán loạn chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có tâm cuồng loạn mà không phải là tán loạn, đó là người cuồng không có tâm nhiễm ô.

2. Có tâm tán loạn mà không phải là cuồng loạn, đó là người không cuồng có tâm nhiễm ô.

3. Có tâm cuồng loạn mà cũng tán loạn, đó là người cuồng có tâm nhiễm ô.

4. Có tâm không phải là cuồng loạn mà cũng không phải là tán loạn, đó là người không cuồng-không có tâm nhiễm ô hiện rõ trước mắt.

Hỏi: Pháp nào tương ứng với triền đều là bất thiện chăng?

Đáp: Đó là Vô tà-Vô quý.

Hỏi: Triền có mười loại, vì sao chỉ nói đến Vô tà-Vô quý?

Đáp: Là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Hai loại này chỉ là bất thiện, cũng đi cùng với tất cả

các tâm bất thiện. Phần-phú-tham-tật tuy chỉ là bất thiện mà không phải là đi cùng với tất cả các tâm bất thiện. Hôn-trầm-trạo cử tuy đi cùng với tất cả các tâm bất thiện, nhưng không phải là chỉ riêng bất thiện, bởi vì gồm tánh bất thiện-vô ký. Thụy miên-ác tác không phải là chỉ riêng bất thiện, cũng không phải là đi cùng với tất cả các tâm bất thiện, bởi vì thụy miên bao gồm ba tánh, ác tác bao gồm hai tánh. Giác-Vô hối-ác tâm, hai loại này không hiện hành. Trong các tâm bất thiện đều có vô tà-vô quý, các pháp vô tà-vô quý đều đi cùng tâm bất thiện, không tách rời lẫn nhau, vì vậy chỉ nói đến hai loại đó.

Trong này cũng nên hỏi: Pháp nào tương ứng với thiện đều là thiện chăng?

Đáp: Đó là Tàm-Quý, bởi vì Tàm-Quý cùng với tâm thiện lại tùy theo với nhau, không tách rời nhau. Nhưng mà không nói đến, bởi vì không phải là riêng hai loại này chỉ thuộc về tánh thiện, mà còn phủ khắp các tâm thiện.

Lời Phật dạy là thế nào? cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì ngăn chặn đối với không phải là lời Phật dạy khởi lên tưởng là lời Phật dạy. Như bây giờ có người nói: Tôi nói lời Phật dạy, tôi nghe lời Phật dạy. Người ấy ở trong chỗ không phải là lời Phật dạy khởi lên tưởng là lời Phật dạy. Bởi vì cần phải ngăn chặn ý tưởng như vậy, và vì hiển bày rõ ràng điều gì Đức Phật nói ra là thật sự lời Đức Phật dạy, những điều người khác đã nói thì không phải là thật sự lời Đức Phật dạy, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Lúc này tại sao lại có người đưa ra cách nói này: Tôi nói lời Phật dạy, tôi nghe lời Phật dạy?

Đáp: Người ấy dựa vào căn bản cho nên đưa ra cách nói này. Nghĩa là nay đã nói đến các pháp nhiệm ô-thanh tịnh-ràng buộc-giải thoát, sinh tử, Niết-bàn, nhân quả..., căn bản đều là do Đức Phật đã nói ra.

Có người nói: Người ấy dựa vào tương tự mà nói, nghĩa là Đức Phật trước kia dựa vào thứ tự Danh-Cú-Văn thân như vậy để diễn thuyết cho người khác, nay cũng vẫn dựa vào thứ tự Danh-văn-cú thân như vậy mà tuyên thuyết.

Có người nói: Người ấy dựa vào tùy thuận mà nói, nghĩa là Đức Phật trước kia dựa vào Danh-Cú-Văn thân tùy thuận như vậy để diễn thuyết cho người khác, nay cũng vẫn dựa vào Danh-Cú-Văn thân tùy thuận như vậy mà tuyên thuyết.

Có người nói: Người ấy dựa vào nơi giải quyết sự việc giống nhau cho nên đưa ra cách nói này. Nghĩa là như gần bên cạnh Đức Phật nghe về pháp quan trọng, tiến vào Thánh vị-đạt được quả-lìa-nhiễm-hết lậu, nghe bấy giờ đã nói cũng giải quyết về sự việc ấy.

Hỏi: Lời Phật dạy là thế nào? đáp: nghĩa là ngôn ngữ-văn từ bình luận-ngữ âm-ngữ lộ-ngữ nghiệp-ngữ biểu của Đức Phật, đó gọi là lời Phật dạy.

Hỏi: Vì sao lời Phật dạy chỉ là ngữ Biểu chứ không phải là Vô biểu?

Đáp: Phát sinh Chánh giải của người khác, cho nên gọi là lời Phật dạy. Bởi vì Chánh giải của người khác phát sinh, chỉ nhờ vào Biểu nghiệp chứ không phải là Vô biểu.

Có người nói: Lời Phật dạy cho nhĩ thức mà đạt được, không phải là nghiệp vô biểu; có thể đạt được nhĩ thức, cho nên không phải là lời Phật dạy.

Có người nói: Lời Phật dạy do hai thức mà đạt được, các nghiệp Vô biểu chỉ có một thức đạt được, cho nên không phải là lời Phật dạy.

Có người nói: Đức Thế Tôn trải qua ba Vô số kiếp luôn luôn chịu khó khổ hạnh cầu mong ngữ Biểu của Phật, nay được thành tựu đầy đủ, không phải là Vô biểu. Nghĩa là Đức Phật Thế Tôn xưa kia ở nơi vô lượng các bậc Chánh đẳng Giác, luôn luôn chịu khó khổ hạnh cầu mong trí Vô thượng, để thuyết pháp cho người khác, dựa vào Uẩn-Giới-Xứ cầu mong Uẩn-Giới-Xứ, lần lượt chuyển đổi nối tiếp nhau đến nay được thành Phật, diễn thuyết về pháp quan trọng cho các hữu tình, hiển rọi sinh tử-được nhập Niết-bàn. Những sự việc này đều nhờ vào nghiệp ngữ Biểu của Phật, vì vậy lời Phật dạy chỉ là ngữ Biểu của Phật.

Hỏi: Lời Phật dạy như vậy lấy gì làm Thế, là ngữ nghiệp hay là tên gọi...? Nếu là ngữ nghiệp, thì tiếp theo sau đã nói nên hiểu thế nào? Như nói: Lời Phật dạy gọi cho pháp nào?

Đáp: “Đó là Danh thân-cú thân-văn thân, sắp xếp câu chữ theo thứ tự, phân bố ổn định theo tứ tự, kết hợp liền nhau theo thứ tự”.

Hỏi: Trong bài kệ đã nói lại hiểu thế nào? Như nói: “Mong muốn là nhân của tụng, văn tức là những câu chữ, tụng dựa vào tên mà chuyển, người tạo là nơi nương nhờ”. Nếu là tên gọi.. thì văn này đã nói nên hiểu thế nào? như nói: “Lời Phật dạy là thế nào? nghĩa là ngôn ngữ... cho đến ngữ biểu của Đức Phật, đó gọi là lời Phật dạy”.

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Lấy ngữ nghiệp làm Thế.

Hỏi: Nếu như vậy thì tiếp theo sau đã nói nên hiểu thế nào? như

nói: “Lời Phật dạy gọi cho pháp nào?”

Đáp: Đó là Danh thân-Cú thân-Văn thân... cho đến kết hợp liên nhau theo thứ tự”. Văn phần sau là hiển bày tác dụng của lời Phật dạy, không cần phải mở bày rõ ràng về tự Thể của lời Phật dạy. nghĩa là sắp xếp câu chữ-phân bố ổn định-kết hợp liên nhau theo thứ tự, Danh-Cú-Văn thân là tác dụng của lời Phật dạy.

Hỏi: Bài kệ đã nói lại hiểu thế nào?

Đáp: Có lúc chuyển đổi với tên gọi, có lúc chuyển đổi với nghĩa, trong này lại nói về chuyển đổi với tên gọi.

Có người nói: Lời Phật dạy lấy tên gọi... làm Thể.

Hỏi: Nếu như vậy thì văn này đã nói nên hiểu thế nào? Như nói: “Lời Phật dạy là thế nào? đó là ngôn ngữ... cho đến ngữ biểu của Đức Phật, đó gọi là lời Phật dạy”.

Đáp: Dựa vào nhân lần lượt chuyển đổi, cho nên đưa ra cách nói này. Như pháp con cháu lần lượt chuyển đổi mà sinh ra ở thế gian, nghĩa là ngữ dấy khởi tên gọi, tên gọi có thể hiển bày ý nghĩa. Nói như vậy là lấy ngữ nghiệp làm Thể, bởi vì ý Đức Phật đã nói mà người khác đã nghe.

Lời Phật dạy nên nói là thiện, hay là vô ký? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Trước tuy hiển bày rõ ràng về tự Thể của lời Phật dạy, mà chưa hiển bày rõ ràng về Đẳng khởi của lời Phật dạy, nay muốn hiển bày rõ ràng cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Lời Phật dạy nên nói là thiện, hay là Vô ký?

Đáp: hoặc là thiện, hoặc là vô ký. Thế nào là thiện? Đó là tâm thiện của Phật đã phát ra ngôn ngữ cho đến ngữ biểu. Thế nào là vô ký? Đó là tâm vô ký của Phật đã phát ra ngôn ngữ cho đến ngữ biểu.

Hỏi: Ở trong lời Phật dạy thì loại nào là thiện, loại nào là vô ký?

Đáp: Tạng A-tỳ-đạt-ma và Tạng Tố-đát-làm, phần lớn là thiện; tạng Tỳ-nại-da phần lớn là vô ký. Như Đức Thế Tôn nói: “Cửa cần phải đóng kín, y bát cần phải đặt trên giá trúc-nanh rồng”. Những lời như vậy đều là vô ký.

Có người nói: Lời Phật dạy nếu vì hóa độ chúng sinh mà nói thì nên biết là thiện, nếu vì những việc khác mà nói thì đó là vô ký. Như Đức Thế Tôn bảo với A-nan-đà rằng: “Thầy đến nhìn trời là mưa hay không mưa, vì sao trong vườn có tiếng cao-giọng lớn ồn ào?” Những lời như vậy đều là vô ký.

Có người nói: Lời Phật dạy nếu dụng công mà nói thì nên biết là thiện, nếu tùy ý vận dụng mà nói thì đó là vô ký.

Có người nói: Lời Phật dạy do Lực-vô úy.. thấu nhiếp tiếp nhận thì nên biết là thiện, Lực-Vô úy... không thấu nhiếp tiếp nhận thì đó là vô úy.

Tâm thiện của Thanh văn-Độc giác phát ra lời nói thiện thì tâm vô ký đi cùng đạt được kết quả cuối cùng, tâm vô ký phát ra lời nói vô ký thì tâm thiện đi cùng đạt được kết quả cuối cùng.

Tâm thiện của Phật phát ra lời nói thì tâm thiện đạt đến kết quả cuối cùng, tâm vô ký phát ra lời nói vô ký thì tâm thiện đi cùng đạt được kết quả cuối cùng. Nhất định không có tâm thiện phát ra lời nói tâm vô ký đạt đến kết quả cuối cùng, bởi vì chư Phật thuyết pháp có tăng chứ không có giảm, cho nên nghiệp đã tạo tác của Phật quyết định không có sút giảm lui sụt.

Lời Phật dạy gọi cho pháp nào? cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: trước đây tuy hiển bày rõ ràng về tự Thể của lời Phật dạy, mà chưa hiển bày rõ ràng về tác dụng của lời Phật dạy, nay vì hiển bày rõ ràng cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Lời Phật dạy gọi cho pháp nào?

Đáp: Đó là Danh thân-Cú thân-văn thân, sắp xếp câu chữ theo thứ tự, phân bố ổn định theo thứ tự, kết hợp liền nhau theo thứ tự. Đây là hiển bày tổng quát về tác dụng của lời Phật dạy.

Hỏi: Khế Kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Già tha, Tự thuyết, nhân duyên, Thí dụ, Bốn sự, Bốn sinh, Phương quảng, Hy pháp, Luận nghị là gọi cho pháp nào?

Đáp: nghĩa là Danh thân-Cú thân-Văn thân, sắp xếp câu chữ theo thứ tự, phân bố ổn định theo thứ tự, kết hợp liền nhau theo thứ tự. Đó gọi là sự sai biệt về tác dụng của lời Phật dạy.

Khế kinh là gì? Đó là câu chữ nói phân tán ra trong các Kinh, như nói “Các hành là Vô thường, các pháp là Vô ngã, Niết-bàn là tịch tĩnh...”

Hỏi: Khế kinh có nghĩa gì?

Đáp: Ở đây nói tóm lược có hai nghĩa:

1. Nghĩa kết tập.
2. Nghĩa san định.

Nghĩa kết tập, đó là ngôn ngữ của Phật có năng lực thấu nhiếp giữ lấy ý nghĩa, như sợi tơ xuyên vòng hoa. Như người kết vòng hoa, dùng sợi

tơ kết thành vòng hoa đội lên đầu chúng sinh, trải qua thời gian dài mà không rơi rớt. Như vậy, lời Phật dạy kết tập thành nghĩa môn, đội vào tâm hữu tình trải qua thời gian dài mà không quên mất.

Nghĩa san định, đó là ngôn ngữ của Phật có năng lực xem xét quyết định ý nghĩa, như dây mực của thợ mộc. Như người thợ khéo léo dùng dây mực đánh dấu những cây gỗ, để dằng biết rõ thẳng cong, bỏ những khúc cong-giữ lại đoạn thẳng. Như vậy, lời Phật dạy san định thành nghĩa môn, để dằng biết rõ đúng sai, bỏ điều ác-giữ lại điều thiện.

Ứng tụng là gì? Đó là trong các Kinh, dựa vào câu chữ của Khế kinh nói phân tán ra trước đây, sau đó kết lại làm thành tụng, để mà đọc tụng thuộc lòng, tức là văn kết tập-phẩm kết tập... Như Đức Thế Tôn bảo với chúng Tỳ kheo rằng: “Ta nói thấy biết thì có thể hết các lậu, nếu không có thấy biết mà có thể hết các lậu, thì điều này không hề có”. Đức Thế Tôn nói phân tán ra câu chữ này rồi, lại kết làm thành tụng mà đọc tụng thuộc lòng rằng:

“Có thấy biết không còn các lậu, không thấy biết thì không như vậy

Lúc thông hiểu về uẩn sinh diệt, tâm giải thoát không còn phiền não”.

Ký thuyết là gì? Đó là trong các kinh, các đệ tử thưa hỏi-Như Lai ghi nhớ giải thích, hoặc là Như Lai hỏi-đệ tử ghi nhớ giải thích, hoặc là đệ tử hỏi-đệ tử ghi nhớ giải thích; chư Thiên hóa hiện... hỏi-ghi nhớ cũng như vậy. Như bốn loại hỏi-ghi nhớ trong các Kinh, hoặc ghi nhớ về nơi đã chứng-nơi đã sinh...

Già tha là gì? Đó là trong các Kinh, câu kết thúc đọc lại thành tụng về những điều đã nói trước đây, tức là tụng theo thứ tự... như Già tha nói:

“Thói quen gần gũi thân ái và oán ghét, luôn luôn sinh ra tham dục và sân nhuế.

Vì vậy những người có trí đều tránh xa, ở một mình kinh hành giống như Lân Giác”.

Tự thuyết là gì? Đó là trong các Kinh, dựa vào sự việc lo buồn-ưả thích mà Đức Thế Tôn tự nói ra.

Dựa vào sự việc ưa thích, như Đức Phật vào một lúc trông thấy voi chúa giữa đồng vắng, liền tự mình nói tụng rằng:

“Voi chúa ở đồng rộng mênh mông, tâm yên lành thỏa thích không lo.

Người trí ở núi rừng nhàn nhã, chí tiêu dao vắng lặng điềm nhiên”.

Dựa vào sự việc lo buồn, như Đức Phật vào một lúc trông thấy đôi vợ chồng già yếu, liền tự mình nói tụng rằng:

“Lúc trẻ không tu tập phạm hạnh, mất hết vật báu của hàng Thánh.

Nay như hai con Hạc già nua, cùng canh giữ một hồ khô cạn”.

Nhân duyên là gì? Đó là trong các kinh, gặp các nhân duyên mà có những cách nói như vậy: “Do Thiệt tài Đồng Tử... lúc đầu phạm tội, cho nên Đức Thế Tôn tập hợp Tỳ kheo Tăng chế lập học xứ”.

Thí dụ là gì? Đó là trong các kinh, đã nói rất nhiều về các loại thí dụ, như thí dụ về dài-thí dụ về lớn, như nói người trì luật là Đại Niết-bàn.

Bổn sự là gì? Đó là trong các kinh, nói về những sự việc đã thấy nghe trong thì trước, như nói quá khứ có Vương đô rộng lớn, tên gọi Hữu Hương Mao, vị vua tên gọi Thiệt kiến. Quá khứ có Đức Phật, danh hiệu Tỳ-bát-thi, vì các đệ tử nói pháp như vậy. Quá khứ có Đức Phật, danh hiệu là Thức-xí, Tỳ-thấp-phược-phù, Yết-lạc-ca-tôn-đà, Yết-nặc-ca-mâu-ni, Ca-diếp-ba, vì các đệ tử nói pháp như vậy...

Bổn sinh là gì? Đó là trong các kinh, nói về những sự việc của đời sống đã trải qua trong quá khứ, như các kinh Bổn Sinh về loài Gấu-hươu..., như Đức Phật bởi vì Đề-bà-đạt-đa mà nói về sự việc của năm trăm đời sống trước đây...

Phương quảng là gì? Đó là trong các Kinh, nói rộng về nghĩa của các loại pháp rất sâu xa, như Kinh Ngũ tam, Phạm Võng, Huyền Võng, Ngũ uẩn, Lục Xứ, Đại Nhân Duyên....

Hiếp Tôn giả nói: “Trong này, bát-nhã nói tên gọi là Phương Quảng, bởi vì sự tác dụng to lớn”.

Hy pháp là gì? Đó là trong các Kinh, nói về sự việc rất hiếm có như Tam bảo... Xá-lợi-tử ca ngợi công đức Vô thượng của Đức Thế Tôn, Tôn giả Khánh Hỷ ca ngợi pháp rất hiếm có của Đức Thế Tôn.

Luận nghị là gì? Đó là trong các Kinh, quyết định rõ ràng về giáo theo cách nói im lặng-theo cách nói rộng rãi... Lại như Đức Phật vào một lúc nọ nói tóm lược về Kinh rồi, liền đi vào tịnh thất ngồi yên lặng một thời gian dài, các Đại Thanh văn cùng nhau tập trung một nơi; tất cả đều dùng câu chữ-ý nghĩa khác nhau để giải thích những điều Đức Phật nói ra.

Thư gọi cho pháp nào? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định. Nghĩa là trong phần luận này biện giải rộng về sự sai biệt của tự tánh Thắng nghĩa, đừng có sinh tâm nghi ngờ là người soạn ra phần luận này chỉ giỏi về Thắng nghĩa mà không đề cập đến Thế tục. Vì hiển bày Luận giả đều thông hiểu rõ ràng cả Thắng nghĩa lẫn Thế tục, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thư gọi cho pháp nào?

Đáp: Đó là như lý chuyển biến thân nghiệp, và các trí phương tiện khéo léo dựa vào nơi này. Trong này, Thư không phải là chữ đã tạo ra, chỉ là tất cả các phương pháp có thể tạo ra chữ, phương pháp này có thể làm thành chữ viết cho nên nói là Thư. Như lý chuyển biến thân nghiệp, hiển bày về quả đã phát khởi, tức là Sắc uẩn. Trí phương tiện khéo léo dựa vào nơi này, hiển bày về nhân có năng lực phát khởi, tức là bốn Uẩn. Như vậy năm Uẩn làm tự tánh của Thư.

Hỏi: Số gọi cho pháp nào?

Đáp: Như lý chuyển biến ý nghiệp, và các trí phương tiện khéo léo dựa vào nơi này. Trong này, số không phải là nói đến số trăm-ngàn... đã đến các vật như lúa-mè..., mà chỉ là tất cả phương pháp có thể kể ra, phương pháp này có thể kể ra cho nên nói là Số.

Trong hàng đệ tử của Đức Phật, Tôn giả Khánh Hỷ có sở trường hiểu rõ về pháp của Số mà người khác không có ai hơn được. Đã từng vào một lúc nọ, bởi vì khát thực cho nên khoác y ôm bát đi đến thành Quang Nghiêm. Lúc ấy trước cổng thành có một ngoại đạo, từ xa trông thấy Khánh Hỷ, ngẩng đầu lên nghĩ rằng: Sa môn này là người hiểu rõ về Số bậc nhất, gặp dịp nay mình sẽ thử xem là thật sự như vậy chăng? Lúc ấy bên cổng thành có một cây lớn, cành là rậm rạp tên là Nặc-cù-đà, ngoại đạo đi nhanh về phía trước chỉ vào cây mà hỏi: Nay ông biết số lá của cây này là bao nhiêu? Tôn giả ngược lên nhìn rồi liền trả lời rằng: nay là của cây này có bấy nhiêu trăm ngàn. Nói rồi đi vào thành. Sau đó ngoại đạo dấy lên suy nghĩ này: Làm sao nghiệm xét biết được lời người ấy nói là giả hay thật? Liền lấy đi một ít là mà giấu nơi khác. Khánh Hỷ từ trong thành đi ra, ngoại đạo lại hỏi: trước đây Nhân giả đã đếm là chắc chắn bao nhiêu? Khánh Hỷ trả lời rằng: trước đây tôi đã nói. Ngoại đạo lại nói: Xin nói rõ lần nữa. Tôn giả nhìn cây chốc lát rồi trả lời rằng: trước đây có bấy nhiêu, nay thiếu đi bấy nhiêu, ngoại đạo vui mừng cảm ơn mà khen ngợi rằng: Biết về Số bậc nhất, tin chắc chỉ có người ấy.

Lại như Ba-la-diễn-noa, vừa thấy còm miệng của Đức Phật liền nói người này quyết định có bốn mươi chiếc răng tuyệt đẹp. Như vậy hiểu rõ về Số, loại ấy thật là nhiều.

Như lý chuyển biến ý nghiệp, hiển bày về quả đã phát khởi. Trí phương tiện khéo léo dựa vào nơi này, hiển bày về nhân có năng lực phát khởi. Như vậy bốn Uẩn làm tự tánh của Số.

Hỏi: Toán gọi cho pháp nào?

Đáp: Đó là như lý chuyển biến ngữ nghiệp, và các trí phương tiện khéo léo dựa vào nơi này. Trong này, Toán không phải là nói đến những phương pháp tính toán như một-mười-trăm-ngàn-vạn-ức..., mà chỉ là tất cả pháp có thể tính toán, phương pháp này có thể tính toán cho nên nói là Toán.

Như lý chuyển biến ngữ nghiệp, hiển bày về quả đã phát khởi, tức là Sắc uẩn. Các trí phương tiện khéo léo dựa vào nơi này, hiển bày về nhân có năng lực phát khởi; tức là bốn uẩn. Như vậy năm Uẩn làm tự tánh của Toán.

Hỏi: Ấn gọi cho pháp nào?

Đáp: Đó là như lý chuyển biến thân nghiệp, và các trí phương tiện khéo léo dựa vào nơi này. Trong này, Ấn không phải là con dấu đã làm ra, mà chỉ là tất cả phương pháp có thể làm ra con dấu, phương pháp này có thể làm thành con dấu cho nên nói là Ấn.

Như lý chuyển biến thân nghiệp, hiển bày về quả đã phát khởi, tức là Sắc uẩn. Các trí phương tiện khéo léo dựa vào nơi này, hiển bày về nhân có năng lực phát khởi, tức là bốn Uẩn. Như vậy năm uẩn làm tự tánh của Ấn.

Hỏi: Thi gọi cho pháp nào?

Đáp: Đó là như lý chuyển nghiệp, và các trí phương tiện khéo léo dựa vào nơi này. Trong này, Thi không phải là thơ vịnh đã nói ra, mà chỉ là tất cả phương pháp có thể thành thơ vịnh, phương pháp này có thể làm thành thơ vịnh cho nên nói là Thi.

Như lý chuyển biến ngữ nghiệp, hiển bày về quả đã phát khởi, tức là Sắc uẩn. Các trí phương tiện khéo léo dựa vào nơi này, hiển bày về nhân có năng lực phát khởi, tức là bốn Uẩn. Như vậy năm Uẩn làm tự tánh của Thi.

Hỏi: Đối với các văn tụng thì loại nào là Tho, loại nào không phải là Thi?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Lời nói của Đức Phật không phải là Thi, lời nói của người khác là Thi. Có Sư khác nói: Nội giáo

không phải là Thi, ngoại giáo là Thi. Nói như vậy thì văn nghĩa tương xứng có thể dẫn đến ý nghĩa lợi ích, không gọi là Thi; Thi nghĩa là văn tụng của thế gian đảo lại với văn tụng này.

Hỏi: Vì sao nghiệp xứ tinh xảo khéo léo ở thế gian gọi cho pháp nào? cho đến nói rộng ra. Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn dùng văn tóm lược để thâm nhiếp nhiều nghĩa. Nghĩa là nếu tùy theo các nghiệp xứ tinh xảo khéo léo mà nói rộng ra, thì phát sinh rất nhiều ngôn luận; muốn dùng ngôn từ tóm lược tương tự để thâm nhiếp những điều ấy, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các loại nghiệp xứ tinh xảo khéo léo ở thế gian gọi cho pháp nào?

Đáp: Đó là Tuệ làm đầu tiên để tạo tác các nghiệp xứ tinh xảo khéo léo ấy, và các trí phương tiện khéo léo dựa vào nơi này.

Trong này không phân tích về sự việc đã tạo tác, mà chỉ là hiển bày rõ ràng về pháp có thể tạo tác. Tạo tác các nghiệp xứ tinh xảo khéo léo ấy, hiển bày về quả đã phát khởi, tùy theo sự thích hợp của nghiệp thân-ngữ-ý. Trí phương tiện khéo léo dựa vào nơi này, hiển bày về nhân có năng lực phát khởi. Như vậy hoặc là dùng năm Uẩn, hoặc là dùng bốn uẩn để làm tự tánh của nghiệp ấy.

Khắp nơi nói đến Oai nghi lộ, và khởi lên Oai nghi lộ. Oai nghi lộ, đó là lấy bốn xứ sắc-hương-vị-xúc làm Thể. Khởi lên oai nghi lộ, đó là lấy hai xứ ý-pháp kia có thể khởi lên làm Thể. Bốn Thức nhãn-tỷ-thiệt-thân là gia hạnh của oai nghi lộ, không phải là khởi lên Oai nghi lộ; ý thức là gia hạnh của Oai nghi lộ, cũng là khởi lên Oai nghi lộ. Và lại, bốn Thức nhãn... có thể duyên với Oai nghi lộ, không có thể duyên với Oai nghi lộ khởi lên; Ý thức có thể duyên với Oai nghi lộ, cũng có thể duyên với Oai nghi lộ khởi lên. Có lúc do ý thức này đã dẫn dắt, có thể duyên đầy đủ với mười hai xứ.

Khắp nơi nói đến Công xảo xứ, và khởi lên Công xảo xứ. Công xảo xứ, đó là lấy năm xứ sắc-thanh-hương-vị-xúc làm Thể. Khởi lên Công xảo xứ, đó là lấy hai Xứ ý-pháp kia có thể khởi lên làm Thể. Năm Thức như nhãn... là gia hạnh của công xảo xứ, không phải là khởi lên Công xảo xứ; ý thức là gia hạnh của Công xảo xứ, cũng là khởi lên Công xảo xứ. Và lại, năm Thức như nhãn... có thể duyên với Công xảo xứ, không có thể duyên với Công xảo xứ khởi lên; ý thức có thể duyên với công xảo xứ, cũng có thể duyên với công xảo xứ khởi lên. Có lúc do ý thức này đã dẫn dắt, có thể duyên đầy đủ với mười hai Xứ.

Hỏi: Nếu thành tựu giới Học, thì lúc ấy thành tựu giới Phi học phi

vô học chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt.

1. Có lúc thành tựu giới Học mà không phải là giới Phi học phi vô học, đó là người Học sinh đến cõi Vô sắc, giới thế tục kia vượt qua cõi-địa mà xả bỏ.

2. Có lúc thành tựu giới Phi học phi vô học mà không phải là giới Học, đó là A-la-hán và các đệ sinh, sinh ở cõi Dục-Sắc. Các A-la-hán ở cõi Dục-Sắc, nhất định thành tựu giới Phi học phi vô học, nhất định không thành tựu giới Học, bởi vì đã xả bỏ. Nếu các đệ sinh ở cõi Dục-Sắc, thì hoặc là thành tựu giới Phi học phi vô học, tất cả đệ sinh nhất định không thành tựu giới Học, bởi vì chưa có được.

3. Có lúc thành tựu giới Học cũng là giới phi học phi vô học, đó là người Học sinh ở cõi Dục-Sắc; tất cả người Học ở cõi Dục-Sắc, nhất định thành tựu giới Phi học phi vô học và giới Học, bởi vì chưa xả bỏ.

4. Có lúc không phải là thành tựu giới Học, cũng không phải là giới Phi học phi vô học, đó là A-la-hán và các đệ sinh, sinh đến cõi Vô sắc. A-la-hán sinh ở cõi ấy nhất định không thành tựu giới Học, bởi vì đã xả bỏ; đệ sinh sinh ở cõi ấy nhất định không thành tựu giới Học, bởi vì chưa có được. Hai loại ấy điều không thành tựu giới thế tục, bởi vì vượt qua cõi-địa đã xả bỏ.

Hỏi: Nếu thành tựu giới Vô học, thì lúc ấy thành tựu giới phi vô học chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt.

1. Có lúc thành tựu giới vô học mà không phải là giới Phi học phi vô học, đó là A-la-hán sinh đến cõi Vô sắc, giới thế tục ấy vượt qua cõi-địa mà bỏ.

2. Có lúc thành tựu giới Phi học phi vô học mà không phải là giới Vô học, đó là các bậc Học và các đệ sinh, sinh ở cõi Dục-Sắc. Người Học ở cõi Dục-Sắc, nhất định thành tựu giới thế tục; đệ sinh ở cõi Dục-Sắc, hoặc là thành tựu giới thế tục. Hai loại ấy đều không thành tựu giới Vô học, bởi vì đều chưa có được.

3. Có lúc thành tựu giới Vô học cũng là giới Phi học phi vô học, đó là A-la-hán sinh ở cõi Dục-Sắc.

4. Có lúc không phải là thành tựu giới Vô học cũng không phải là giới Phi học phi vô học, đó là những người Học và các đệ sinh, sinh đến cõi Vô sắc; hai loại ấy không có giới Học, bởi vì đều chưa có được, giới thế tục ấy đều đã xả bỏ.

Hỏi: Các giới này thì đó là nghiệp chẳng?

Đáp: Các giới này thì đó chính là nghiệp. Có lúc là nghiệp mà không phải là giới, đó là ý nghiệp.

Hỏi: Nếu nơi có giới thì ở đó có nghiệp chăng?

Đáp: Nếu nơi có giới thì ở đó có nghiệp; hoặc là nơi có nghiệp mà không có giới, đó là cõi Vô sắc...

Hỏi: Nếu thành tựu giới thì lúc ấy thành tựu nghiệp chăng?

Đáp: Nếu thành tựu giới thì lúc ấy thành tựu nghiệp. Có lúc thành tựu nghiệp mà không phải là giới, đó là dị sinh đến cõi Vô sắc...

Hỏi: Nếu có giới thì lúc ấy có nghiệp chăng?

Đáp: Nếu có giới thì lúc ấy có nghiệp; hoặc là có nghiệp mà không có giới, đó là các dị sinh sinh đến cõi Vô sắc...



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 127

CHƯƠNG V: ĐẠI CHỦNG UẨN

Phẩm Thứ Nhất: LUẬN VỀ ĐẠI TẠO

LUẬN VỀ ĐẠI TẠO (Phần 1)

Xứ do Đại chủng đã tạo ra, mấy loại có thấy, mấy loại không thấy? Các chương như vậy và giải thích về nghĩa từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp đến cần phải phân biệt rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt ý nghĩa trong Kinh. Như trong Kinh nói: “Các sắc vốn có đều là bốn Đại chủng, và do bốn Đại chủng đã tạo ra”. Trong Kinh tuy nói ra điều này mà chưa pb rộng về nghĩa Xứ do Đại chủng đã tạo ra, mấy loại có thấy, mấy loại không thấy? Cho đến nói rộng ra. Kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều gì trong Kinh chưa giải thích thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra phần luận này.

Có người nói: Vì ngăn chặn cách nói của Sư khác. Nghĩa là trong Bộ này có hai Luận Sự:

1. Giác Thiện.
2. Pháp Cứu.

Giác Thiện đã nói sắc chỉ là Đại chủng, tâm sở tức là tâm. Vị ấy đưa ra cách nói này: Tạo sắc tức là sự sai biệt của Đại chủng, tâm sở tức là sự sai biệt của tâm.

Vì sao vị ấy đưa ra cách nói này? Bởi vì dựa vào trong Kinh. Như trong kinh nói: “Mắt trong viên thịt tròn, nếu bên trong khác nhau về tánh cứng-loại cứng, tiếp cận có sự chấp thọ thì gọi là Địa giới bên trong, cho đến khác nhau về tánh động-loại động, tiếp cận có sự chấp thọ thì gọi là Phong giới bên trong”. Vị ấy dựa vào kinh này, cho nên

nói tạo sắc tức là Đại chủng. Vả lại, trong Kinh nói: “Thế nào là Đẳng trì? Đó là tâm thiện cùng một cảnh với tánh”. Vì vậy cho nên nói tâm sở tức là tâm.

Hỏi: Vị ấy lại làm sao thiết lập Giới-Xứ-uẩn?

Đáp: Vị ấy đưa ra cách nói này: Đối với bốn Đại chủng, có loại là tự động nhìn thấy, có loại là không tự động nhìn thấy, cho đến có loại là tự động tiếp xúc, có loại là không tự động tiếp xúc. Các loại tự động nhìn thấy thì thiết lập làm Nhân giới, các loại không tự động nhìn thấy thì thiết lập làm Sắc giới, cho đến các loại tự động tiếp xúc thì thiết lập làm Thân giới, các loại không tự động tiếp xúc thì thiết lập làm Xúc giới. Trong tâm có loại dựa vào nhãn căn, cho đến có loại dựa vào ý căn. Dựa vào nhãn căn thì thiết lập Nhân thức giới, cho đến dựa vào ý căn thì thiết lập ý thức giới; ngay nơi sáu Thức thân không gián đoạn đã diệt đi thì thiết lập làm Ý giới, ngay nơi tâm sai biệt có lúc gọi là Thọ, có lúc gọi là Tưởng, có lúc gọi là Tư, cùng với ba vô vi thiết lập làm Pháp giới. Giống như Giới, Xứ cũng như vậy.

Về uẩn, đối với bốn Đại chủng thì thiết lập làm Sắc uẩn; đối với tâm sai biệt có lúc gọi là Thọ, có lúc gọi là Tưởng, có lúc gọi là Tư, có lúc gọi là Thức, thì thiết lập làm bốn Uẩn.

Hỏi: Vị ấy làm thế nào thông hiểu lời trong Kinh đã nói: Các sắc vốn có đều là bốn Đại chủng, và do bốn Đại chủng đã tạo ra?

Đáp: vị ấy đưa ra cách nói này: Không phải là Thanh đã tạo ra là bốn Đại chủng có những nhân riêng biệt, mà ngay nơi Đại chủng thiết lập Thanh đã tạo ra. Tại sao biết như vậy? Như trong Kinh nói: “Tỳ kheo nên biết! Xúc do hai duyên, đó gọi là nhân sắc cho đến ý pháp. Có sáu Xúc xứ, là do trước đã làm-là do trước đã tạo, ta nói chính là nghiệp cũ”. Nên biết rằng dị sinh không nghe do nhữn Xúc này mà nhận lấy vui sướng-nhận lấy đau khổ. Do những tạo tác này hoặc là tùy theo một loại này, không phải là sáu Xúc xứ trước có Xúc xứ thứ bảy khác mà có thể ở trong đó thiết lập Thanh đã tạo ra, ngay nơi sáu xúc xứ trước nói là đã tạp ra. Kinh trước cũng như vậy, không phải là là Đại chủng có riêng những tạo tác, ngay nơi Đại chủng thiết lập Thanh đã tạo ra, đối với tôi không phải là khó.

Các Luận sư A-tỳ-đạt-ma nói: “Vị ấy đã dẫn kinh có ý bí mật riêng, không có thể dẫn chứng cho kinh đã dẫn trước kia. Kinh ấy trước nói về sáu Xúc xứ, đó là ý bí mật nói đến phân vị chưa hiểu rõ ràng; sau nói là do những tạo tác này hoặc là tùy theo một loại này, đó là ý bí mật nói đến phân vị đã hiểu rõ ràng. Như phân vị chưa hiểu rõ ràng-phần

vị đã hiểu rõ ràng, như vậy phần vị không phân biệt-phần vị có phân biệt, phần vị chưa có thể hiển bày-phần vị đã có thể hiển bày, phần vị chưa có thể nói-phần vị có thể nói, nên biết cũng như vậy. Và lại, sáu Xúc xứ là nói đến phần vị Trung Hữu, do những tạo tác này... là nói đến phần vị Bốn Hữu”.

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: “Kinh ấy trước nói về sáu Xúc xứ, đó là ú bí mật nói đến phần vị căn không có khiếm khuyết; sau nói là do những tạo tác này..., đó là ý bí mật nói đến phần vị căn có khiếm khuyết”.

Hiếp Tôn giả nói: “Có sáu Xúc xứ, là ý bí mật nói đến cõi Dục; do những tạo tác này, là ý bí mật nói đến cõi Sắc; hoặc là tùy theo một loại này, là ý bí mật nói đến cõi Vô sắc”. Nghĩa của kinh là như vậy, làm sao có thể chứng minh rằng kinh trước đã nói về sắc đã tạo ra? Và lại, nói rằng đã tạo ra nếu không có khác nhau, thì Kinh khác đã nói lại làm sao thông hiểu? Như trong Kinh nói: “Tôn giả Viên Mãn bảo với Tôn giả Khánh Hỷ rằng: Tỳ kheo nên biết! Chấp Ngã vốn có do đâu mà tạo ra? Là do Sắc mà tạo ra, là do Thọ-Tưởng-Hành-Thức mà tạo ra, chấp Ngã tức là Tát-ca-da kiến”. Nếu nói rằng đã tạo ra không có nghĩa riêng biệt, thì lẽ nào Thân kiến tức là Sắc... hay sao? Nhưng mà tách rời Sắc... có chấp Ngã riêng biệt, cho nên biết kinh nói sắc đã tạo ra ấy không phải là ngay nơi Đại chủng.

Hỏi: Nếu lìa Đại chủng có tạo sắc riêng biệt, thì làm sao có thể giải thích về nghĩa của kinh đã dẫn chứng: Mắt trong viên thịt tròn có Đại giới...?

Đáp: Kinh ấy nói về Đại chủng làm nơi nương tựa của nhãn căn chứ không nói đến Thể của mắt. Và lại, Kinh ấy nói do thế gian cùng nhận biết viên thịt tròn gọi là mắt, không phải là nói đến nhãn căn, bởi vì thế gian đối với viên thịt tròn chuyển sang tưởng là mắt.

Tôn giả Diệu Âm cũng đưa ra cách nói này: “Thế gian đối với Đại chủng thiết lập tên gọi nhãn căn, bởi vì đây là nơi nương tựa của nhãn căn”.

Có Sư khác nói: Kinh đã dẫn chứng kia đối với nghĩa không có gì trở ngại, kinh ấy chỉ nói mắt trong viên thịt tròn có các Giới là Địa..., không nói Địa... chính là nhãn căn, đối với nghĩa nào ngại gì?

Tôn giả Pháp Cứu nói: “Lìa Đại chủng có tạo sắc riêng biệt, nói tâm sở pháp không phải chính là tâm. Nhưng nói hai loại trong sắc không phải là thật có, đó là xúc đã tạo ra và Pháp xứ. Sắc thiết lập Uẩn-Xứ-Giới như tông Đối pháp, điều ấy cũng không đúng, bởi vì các Xúc

đã tạo ra giống như tạo sắc khác phải có riêng biệt. nếu không có Sắc do Pháp xứ thâm nhiếp, thì Vô biểu giới.... Không cần phải có”.

Cần phải ngăn chặn cách nói của hai Sư như vậy, cho nên soạn ra phần luận này.

Có người nói: Vì ngăn chặn cách nói của ngoại đạo, nghĩa là ngoại đạo nói Đại chủng có năm loại, tức là bốn loại trước và Hư không. Nay chỉ nói bốn loại thì rõ ràng Hư không chẳng phải là Đại chủng.

Hỏi: Vì sao Hư không lại không thiết lập Đại chủng?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách giải thích này: “Bởi vì hư không, không có tướng của Đại chủng. Nghĩa là có tăng-có giảm là tướng của Đại chủng, không tăng-không giảm là tướng của Hư không; có lợi-có hại là tướng của Đại chủng, không lợi-không hại là tướng của Hư không; có hưng-có suy là tướng của Đại chủng, không hưng-không suy là tướng của Hư không. Vì vậy cho nên Hư không, không thiết lập Đại chủng”.

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách giải thích như vậy: “Hư không và Đại chủng tướng ấy đều khác biệt. nghĩa là tất cả Đại chủng trong thân của hữu tình, phần lớn là do dị thực của nghiệp trước kia mà sinh ra; Thể của Hư không, không có nghĩa của dị thực sinh, vì vậy Hư không, không thiết lập Đại chủng”.

Đại đức nói rằng: “Hư không tuy là Đại mà Thể không phải là Chủng, bởi vì không có năng lực sinh ra; pháp hữu vi khác tuy có thể làm chủng mà Thể không phải là Đại, bởi vì tướng không bao trùm khắp nơi. Vì vậy Hư không, không thiết lập Đại chủng. Vì ngăn chặn những cách chấp của ngoại đạo mà hiển bày tông chỉ của mình như vậy, cho nên soạn ra phần luận này”.

Có Sư khác nói: Không phải là chỉ vì ngăn chặn cách chấp của người khác để hiển bày tông chỉ của mình mà soạn ra phần luận này, nhưng ở trong nghĩa tương ứng với pháp tướng cần phải hiển bày rõ ràng, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao trong này trước tiên phải phân rõ về Đại tạo?

Đáp: Bởi vì đó là ý của người soạn luận muốn như vậy. Nghĩa là Luận Sư của phần luận này tùy theo ý muốn của mình không trái với pháp tướng, cho nên trước tiên phải phân rõ về Đại tạo.

Có người nói: Hữu tình quán xét hai loại này để tiến vào cửa ngõ cam lộ chân thật của Phật pháp:

1. Quán bất tịnh.
2. Trì tức niệm. Quán bất tịnh quán xét về tạo sắc, trì tức niệm

quán xét về Đại chủng.

Có người nói: Nếu quán xét về Đại chủng tạo sắc thì dần dần có thể chứng được ba loại Bồ-đề của Phật-Độc giác và Thanh văn. Nghĩa là nếu dùng trí bậc Thượng quán sát về điều ấy, thì dấy khởi Thân niệm trú thuộc phẩm Thượng; từ đây tiếp tục dấy khởi Thọ niệm trú thuộc phẩm Thượng, tiếp đến Tâm niệm trú, tiếp đến Pháp niệm trú, tiếp đến dấy khởi tạp duyên, tiếp đến Noãn-Đảnh-Nhãn-Thế đệ nhất pháp, tiếp đến dấy khởi kiến đạo, cho đến dấy khởi đạo Vô học, đều dùng phẩm Thượng. Lúc bấy giờ gọi là Thiện sĩ thuộc phẩm Thượng, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nếu dùng trí bậc Trung quán sát về điều ấy, thì dấy khởi Thân niệm trú thuộc phẩm Trung, nói rộng ra cho đến dấy khởi đạo Vô học, đều dùng phẩm Trung. Lúc bấy giờ gọi là Thiện sĩ thuộc phẩm Trung, chứng được Bồ-đề của Độc giác ở phẩm Trung. Nếu dùng trí bậc hạ quán sát về điều ấy, thì dấy khởi Thân niệm trú thuộc phẩm hạ, nói rộng ra cho đến dấy khởi đạo Vô học, đều dùng phẩm Hạ. Lúc bấy giờ gọi là Thiện sĩ thuộc phẩm hạ, chứng được Bồ-đề của Thanh văn ở phẩm Hạ.

Có người nói: Nếu quán sát về Đại chủng tạo sắc, thì có thể hàng phục được tất cả kiêu mạn-phóng túng. Nghĩa là các hữu tình bởi vì sắc tướng-dòng họ-tiền của-tự do-quyến thuộc... mà sinh ra các sự kiêu mạn-phóng túng, nếu lúc chưa quán sát về Đại chủng tạo sắc, thì tùy theo một loại có thể lực mạnh mẽ hiện rõ trước mắt; nếu quán sát rồi thì có thể hàng phục được. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì như Đại tạo vốn có nơi thân Luân Vương, Đại tạo vốn có nơi thân loài chó... cũng như vậy, do quán xét điều này cho nên đã rời bỏ kiêu mạn-phóng túng.

Bởi vì những nhân duyên đã nói như vậy, cho nên trong Uẩn này trước tiên phải phân rõ về Đại tạo.

Trong kinh nói các sắc vốn có đều là bốn Đại chủng, và do bốn Đại chủng đã tạo ra. Nói các sắc vốn có, tổng quát có hai loại:

1. Nghĩa có sót lại.
2. Nghĩa không sót lại gì.

Nghĩa có sót lại, như thế gina nói những thức ăn vốn có tôi đều muốn ăn. Đây là chỉ muốn ăn tùy theo phần ít có được.

Nghĩa không sót lại gì, như thế gian nói các pháp vốn có tôi đều muốn biết. Đây là tổng quát muốn biết tất cả các pháp tướng.

Trong này đã nói các sắc vốn có, tổng quát hiển bày tất cả sắc pháp đều dùng hết, nghĩa là sắc vốn có, tổng quát có hai loại:

1. Bốn Đại chủng.

2. Sắc đã tạo ra. Trừ hai loại này ra, lại không có Thể của sắc thứ ba.

Hỏi: Vì sao Đại chủng chỉ có bốn loại?

Đáp: Hiếp Tôn giả nói: “Điều này không cần phải vặn hỏi: Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu tăng hay giảm thì cũng đều sinh tâm nghi ngờ, không bởi vì nghi ngờ mà lại trái với pháp tướng, chỉ thuận theo Thánh giáo cho nên chỉ nói có bốn loại”.

Có Sư khác nói: Nếu ít hơn bốn thì công dụng sẽ thiếu hụt, nếu nhiều hơn bốn thì cũng không có tác dụng, như giường-ghế vuông vức chỉ có bốn chân.

Hỏi: Vì sao gọi là Đại chủng?

Đáp: Đại mà đều là Chủng, cho nên gọi là Đại chủng; như nói Đại Địa, như nói Đại Vương, nghĩa khác biệt mà Thể giống nhau, nên giải thích thuận theo trì nghiệp (Trì nghiệp thích: Một trong sáu cách giải thích).

Hỏi: Thế nào là nghĩa của Đại? Thế nào là nghĩa của chúng?

Đáp: Thể có khởi lên-hết đi, tự động giảm-tự động tăng-tự động có hại-tự động có lợi, là nghĩa của Chúng. Thể tướng-hình tượng bao trùm mọi nơi chốn làm thành sự nghiệp to lớn, là nghĩa của Đại.

Hỏi: Bốn loại này làm thành sự nghiệp to lớn như thế nào?

Đáp: Làm nơi nương tựa cho Đại tích tụ tạo sắc, khiến cho hư hoại-khiến cho thành tựu là sự nghiệp to lớn. Vì vậy chỉ có bốn loại chứ không giảm-không tăng, nghĩa là giảm thì không thể nào thành tựu sự nghiệp to lớn, tăng thì đối với sự nghiệp lại thành ra không có tác dụng.

Hỏi: Những pháp khác vì sao không gọi là Đại chủng?

Đáp: Bởi vì pháp khác không có tướng của Đại chủng như vậy, nghĩa là pháp vô vi Đại mà không phải là Chủng, còn lại pháp hữu vi là Chủng mà không phải là Đại, cho nên chỉ có bốn loại này mang lấy tên gọi Đại chủng.

Hỏi: Tạo là nghĩa gì, là nghĩa của nhân hay là nghĩa của duyên? Giả sử như vậy thì có gì sai? Cả hai đều thấy có sai sót. Nếu là nghĩa của nhân, thì bốn Đại chủng này đối với năm nhân đã tạo ra sắc đều không có, làm sao có thể nói là có năng lực tạo ra các sắc? Nếu là nghĩa của duyên, thì các sắc đã tạo ra đều trừ ra tự Thể, còn lại tất cả các pháp không có pháp nào không đều là duyên tăng thượng của sắc này, tại sao chỉ nói là do Đại chủng mà tạo ra?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Tạo là nghĩa của nhân.

Hỏi: Bốn Đại chủng này đối với năm nhân đã tạo ra sắc đều không có, thì làm sao lại có nghĩa của nhân?

Đáp: Tuy năm nhân như Đồng loại... đều không có, mà có riêng nghĩa của năm loại nhân khác, đó là nhân sinh khởi-nhân nương tựa-nhân tồn tại-nhân duy trì-nhân nuôi dưỡng, vì vậy có năng lực tạo ra.

Có Sư khác nói: tạo là nghĩa của duyên.

Hỏi: Các sắc đã tạo ra đều trừ ra tự Thể, còn lại các pháp đều là duyên tăng thượng của Sắc này, tại sao chỉ nói là do Đại chủng mà tạo ra?

Đáp: nghĩa về duyên tăng thượng, có đậm-có nhạt, có gần-có xa, có hợp-không hợp, có ở đời này-có ở đời khác. Đối với đậm-gần-hợp ở đời này thì nói tên gọi là nhân, nhạt-xa-không hợp-ở đời khác thì nói tên gọi là duyên. Bởi vì nghĩa này cho nên nói các Đại chủng làm nhân tăng thượng cho sắc đã tạo ra, cũng không trái với lý.

Hỏi: Địa-Thủy-Hỏa-Phong là tướng gì-nghịệp gì?

Đáp: Cứng là tướng của Địa, duy trì là nghiệp của Địa, ướt là tướng của Thủy, thâm nhiếp là nghiệp của Thủy; nóng là tướng của Hỏa, chín muồi là nghiệp của Hỏa; động là tướng của Phong, kéo dài là nghiệp của Phong.

Hỏi: Địa là tướng cứng cũng là tướng của sắc, nói rộng ra cho đến Phong là tướng động cũng là tướng của sắc, làm sao một pháp mà lại có hai tướng?

Đáp: Có cũng không sai gì, dựa vào lý lẽ này mà ở trong một pháp, có thể thi thiết có nhiều tướng; như một pháp hữu lậu, vẫn có như bệnh-như ung nhọt..., nói rộng ra cho đến một trăm bốn mươi câu về các tướng sai lầm tai họa mà không có gì sai trái, ở đây cũng như vậy.

Có Sư khác nói: Tướng có hai loại:

1. Tự tướng.
2. Cộng tướng.

Tướng cứng-ướt-nóng-động là tự tướng, tướng của sắc là cộng tướng. Như vậy hai tướng không trái ngược với nhau, đối với một pháp mà thiết lập cũng không có gì sai.

Hỏi: Bốn Đại chủng này ở tất cả mọi lúc không rời xa nhau chẳng?

Đáp: Đúng như vậy. Vì sao biết như vậy? Bởi vì như Kinh Nhập Thai nói: “Đức Phật bảo với Khánh Hỷ: Lúc đầu Yết-la-lam, nếu có Địa giới mà không có Thủy giới, thì sẽ khô rời; làm cho không rời ra là bởi vì Thủy đã thâm nhiếp. Nếu có Thủy giới mà không có Địa giới,

thì sẽ tuôn chảy; làm cho không chảy mất là do Địa đã duy trì. Nếu có Địa-Thủy-giới, thì sẽ tuôn chảy; làm cho không chảy mất là do Địa đã duy trì. Nếu có Địa-Thủy giới mà không có Hỏa giới, thì sẽ rữa nát; làm cho không rữa nát là do Hỏa đã hâm chín. Nếu có Địa-Thủy-Hỏa giới mà không có Phong giới, thì sẽ không tăng trưởng; làm cho tăng trưởng là do Phong đã lay động”.

Hỏi: Kinh khác đã nói nên hiểu thế nào? Như nói: “Địa giới nhiễu loạn, hoặc là làm cho đến nỗi phải chết, hoặc là làm cho hữu tình nhận chịu khổ đau tiếp sau cái chết, cho đến Phong giới cũng lại như vậy”.

Đáp: Đây là nói về Đại chủng tùy theo lúc một loại tăng lên có thể làm nhiễu loạn, không phải là nói bốn loại có lúc tách rời nhau.

Hỏi: Phẩm loại của bốn Đại chủng này có bao nhiêu?

Đáp: Phẩm loại có bốn, đó là dị thực sinh-trưởng dưỡng-đẳng lưu-biến hóa.

Có Sư khác nói: Phẩm loại có ba, đó là dị thực sinh-trưởng dưỡng-đẳng lưu. Biến hóa ấy là do trưởng dưỡng đã thâm nhiếp.

Lại có người nói: Phẩm loại có hai, đó là dị thực sinh và trưởng dưỡng. Đại chủng biến hóa vào trong trưởng dưỡng, đẳng lưu thâm nhiếp vào dị thực-trưởng dưỡng.

Lời bình: Ở trong ba cách nói trước thì cách nói thứ hai là hợp lý, bởi vì có bốn Đại chủng không phải là do hai loại thâm nhiếp.

Hỏi: Cả bốn Đại chủng là chỉ tạo ra cực vi của một tạo sắc, hay là có thể tạo ra nhiều? Nếu chỉ tạo ra một, thì làm sao không trở thành nhân có bốn-quả có một, nhân nhiều-quả ít thì lý không thích hợp như vậy? Nếu có thể tạo ra nhiều, thì sắc do cả bốn Đại chủng đã tạo ra sẽ có nhiều cực vi, làm sao lần lượt chuyển đổi không phải là nhân Câu hữu? Phái Đối Pháp nói: “Tạo sắc có đối lần lượt chuyển đổi hướng về nhau không có nhân Câu hữu”. Thừa nhận thì lại trái với nghĩa của tông Đối Pháp?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Cả bốn Đại chủng chỉ có thể tạo ra cực vi của một tạo sắc.

Hỏi: Làm sao không trở thành nhân có bốn-quả có một, nhân nhiều-quả ít thì lý không thích hợp như vậy?

Đáp: Quả ít-nhân nhiều, lý cũng không có gì sai. Thế gian hiện thấy có loại như vậy, cho nên nhân có bốn-quả có một đối với lý không trái ngược gì.

Có người nói: Tạo ra nhiều.

Hỏi: Nếu như vậy thì cả bốn Đại chủng đã tạo ra sắc có nhiều cực

vi, làm sao lần lượt chuyển đổi không phải là nhân Câu hữu?

Đáp: Không phải là một quả cho nên không phải là nhân Câu hữu, bởi vì nhân Câu hữu thì pháp nhất định phải cùng chung một quả, ở đây không thành nhân bởi vì cùng chung do dự.

Lời bình: Như cách nói trước là hợp lý.

Hỏi: Đại chủng-tạo sắc làm sao mà trú? Là Đại chủng ở dưới-tạo sắc ở trên, là Đại chủng ở trên-tạo sắc ở dưới, là Đại chủng-tạo sắc xen nhau mà trú, Đại chủng ở bên ngoài- tạo sắc ở giữa chăng? Giả sử như vậy thì có gì sai? Tất cả đều có sai lầm. Nếu Đại chủng ở dưới-tạo sắc ở trên, thì các tạo sắc tiếp cận Đại chủng, có thể dùng Đại chủng làm nhân Năng tạo; trong sắc đã tạo ra có cách xa, làm sao có thể dùng Đại chủng làm nhân? Nếu Đại chủng ở trên-tạo sắc ở dưới, thì lẽ ra rạo sắc làm nhân cho Đại chủng, không phải Đại chủng làm nhân cho tạo sắc? Nếu Đại chủng-tạo sắc xen nhau mà trú, Đại chủng ở bên ngoài-tạo sắc ở giữa, thì lẽ ra lúc cắt đứt phải thấy các lỗ hổng giống như cắt đứt ngó sen?

Đáp: Có người nói: Ở dưới làm nhân, bởi vì pháp sở y thuận theo như vậy.

Hỏi: Nếu như vậy thì đối với sắc tiếp cận có thể nói là tự động tạo ra, đối với sắc cách xa thì làm sao tạo ra?

Đáp: Không nói là Đại chủng vốn có của một cây đều ở phía dưới tạo ra các tạo sắc, chỉ nói là từng phần của một cây đều có Đại chủng ở dưới-tạo sắc ở trên.

Có người đưa ra cách nói này: Xen nhau mà trú, Đại chủng ở bên ngoài-tạo sắc ở giữa.

Hỏi: Nếu như vậy thì lẽ ra lúc cắt đứt phải thấy các lỗ hổng giống như cắt đứt ngó sen? Đáp: Tuy có lỗ hổng mà không thể trông thấy được, bởi vì các Đại chủng không phải là vật có thấy, đã thấy lỗ hổng là tạo sắc.

Hỏi: Các sự việc trong-ngoài, tướng ấy đều khác nhau. Sự việc bên trong sai khác, nghĩa là các chúng sinh hoặc là trăm-hoặc là ngàn cùng tập hợp một nơi, oai nghi-hình tướng tất cả đều không giống nhau. Sự việc bên ngoài sai khác, nghĩa là trái quả-gỗ đá..., hoặc là xanh-vàng-đỏ-trắng, hương-vị... và tướng trạng, tất cả đều không giống nhau, khác nhau như vậy, là do nghiệp khác nhau, là do Đại chủng khác nhau, hay là do tạo sắc khác nhau?

Đáp: Do cả ba loại. Dựa vào nhân Dị thực, cho nên nói là do nghiệp khác nhau; dựa vào nhân sinh khởi-nhân nương tựa-nhân tồn

tại-nhân duy trì-nhân nuôi dưỡng, cho nên nói là do Đại chủng khác nhau; dựa vào nhân Đồng loại, cho nên nói là do tạo sắc khác nhau.

Hỏi: Sự việc bên ngoài sai biệt là do nghiệp nào khác nhau?

Đáp: Nếu các hữu tình thực hành các hàn diệu, thì cảm được sự việc bên ngoài có hình tướng bằng phẳng-thẳng thắn, sắc-hương-vị-xúc thấy đều tuyệt vời. Nếu các hữu tình thực hành các hành ác, thì cảm được sự việc bên ngoài có hình tướng lồi lõm-cong queo, sắc-hương-vị-xúc thấy đều thô kệch xấu xí.

Hỏi: Các loại trái quả-gỗ đá... có hình tướng khác nhau, xanh vàng-đỏ-trắng với những hình dạng sai khác, hoặc có lúc tương tự, là do uy lực nào?

Đáp: Do ba uy lực như mà Đại chủng mạnh nhất, nghĩa là các Đại chủng không bằng nhau thì có các loại hình dạng biểu hiện đều sai khác, nếu bằng nhau thì sẽ tương tự.

Hỏi: Miệng của các loài hữu tình đã phát ra tiếng, nên nói là do Đại chủng nơi nào đã tạo ra?

Đáp: Có người nói: Do Đại chủng bên yết hầu đã tạo ra. Có người nói: Do Đại chủng bên tim đã tạo ra. Có người nói: Do Đại chủng bên rốn đã tạo ra.

Lời bình: Nói chung là tiếng này do Đại chủng toàn thân đã tạo ra. Nếu nói riêng thì tiếng nói nhỏ nhẹ, nên nói là do Đại chủng bên yết hầu đã tạo ra; những tiếng quát tháo-gầm gào-kêu thét... nên nói là do Đại chủng toàn thân đã tạo ra. Bởi vì hiện thấy những loại này làm cho toàn thân lay động.

Hỏi: Có thể có sắc không phải là bốn Đại chủng, cũng không phải là do bốn Đại chủng đã tạo ra chăng?

Đáp: Có, đó là một-hai-ba Đại chủng, loại này là sắc mà không phải là bốn Đại chủng, bởi vì chỉ có một-hai-ba; cũng không phải là do bốn Đại chủng đã tạo ra, bởi vì các Đại chủng không phải là nơi tạo ra (Sở tạo).

Hỏi: Vì sao Đại chủng không phải là nơi tạo ra?

Đáp: Bởi vì tánh năng tạo-sở tạo khác nhau, nhân-quả khác nhau, tánh năng thành-sở thành khác nhau.

Như năng thành-sở thành, như vậy năng dẫn-sở dẫn, năng sinh-sở sinh, năng tác-sở tác, năng hòa hợp-sở hòa hợp, năng chuyển-sở chuyển, năng tương-sở tương, nên biết rằng cũng như vậy.

Có người nói: Đại chủng, nếu như là sở tạo, thì ba tạo ra một, hay là bốn tạo ra một? Nếu như ba tạo ra một, thì Thể và Dụng thiếu hụt

làm sao tự động tạo ra (Năng tạo)? Nếu như bốn tạo ra một, thuận theo Địa giới, tạo ra Địa giới..., thì có lỗi của tự tánh quán xét tự tánh. Nhưng mà tất cả các pháp lầy tánh khác làm duyên, có thể có những tạo tác không biết đến tự Thể, vì vậy Đại chúng không gọi là nơi tạo ra.

Đối với bốn Đại chúng có mười một loại, đó là Nhân xứ sở y cho đến Thân xứ sở y, Sắc xứ sở y cho đến Pháp xứ sở y. các sắc đã tạo ra cũng có mười một loại, đó là Nhân xứ cho đến Thân xứ, Sắc xứ cho đến Pháp xứ.

Hỏi: Đại chúng sở y của Nhân xứ, có thể tạo ra mấy sắc sở tạo, cho đến Đại chúng sở y của Pháp xứ, có thể tạo ra mấy sắc sở tạo?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Đại chúng sở y của Nhân xứ chỉ tạo ra Nhân xứ, cho đến Đại chúng sở y của Pháp xứ chỉ tạo ra Pháp xứ.

Có người đưa ra cách nói này: Đại chúng sở y của Nhân xứ có thể tạo ra ba loại, đó là Nhân xứ-Thân xứ-Xúc xứ; Đại chúng sở y của Nhĩ-Tỷ-Thiệt xứ cũng như vậy. Đại chúng sở y của Thân xứ có thể tạo ra hai loại, đó là Thân xứ-xúc xứ; Đại chúng sở y của Sắc-Thanh-Hương-Vị-Pháp xứ cũng như vậy. Đại chúng sở y của xúc xứ chỉ tạo ra xúc xứ.

Lại có người muốn làm cho tất cả Đại chúng đều có thể tạo ra Sắc-Thanh-Xúc, Đại chúng của cõi Dục đều tạo ra Hương-Vị. Họ nói Đại chúng sở y của Nhân xứ có thể tạo ra bảy loại, đó là Nhân xứ, Thân xứ và Sắc-Thanh-Hương-Vị-Xúc xứ; Đại chúng sở y của Nhĩ-Tỷ-Thiệt xứ cũng như vậy. Đại chúng sở y của Thân xứ có thể tạo ra sáu loại, đó là Thân xứ và Sắc-Thanh-Hương-Vị-Xúc xứ; Đại chúng sở y của Pháp xứ cũng như vậy. Đại chúng sở y của Sắc xứ có thể tạo ra năm loại, đó là Sắc xứ và Thanh-Hương-Vị-Xúc xứ; Đại chúng sở y của Thanh-Hương-Vị-Xúc xứ cũng như vậy.

Có Sư khác nói: Đại chúng sở y của Nhân xứ có thể tạo ra mười một loại, cho đến Đại chúng sở y của Pháp xứ cũng như vậy.

Lời bình: Trong những cách nói này thì cách nói thứ nhất là hợp lý, đó là Đại chúng sở y của Nhân xứ chỉ tạo ra Nhân xứ, cho đến Đại chúng sở y của Pháp xứ chỉ tạo ra Pháp xứ.

Hỏi: Vì sao Đại chúng khác tướng có thể tạo ra tạo sắc cùng tướng?

Đáp: Bởi vì quán theo nghĩa riêng biệt, cho nên nói cũng không có gì sai. Nghĩa là bởi vì quán theo nghĩa riêng biệt, cho nên nói là Đại chúng khác tướng tạo ra tạo sắc cùng tướng; bởi vì quán theo nghĩa riêng biệt, cho nên nói là Đại chúng cùng tướng tạo ra sắc khác tướng;

bởi vì quán theo nghĩa riêng biệt, cho nên nói là Đại chủng khác tướng tạo ra tạo sắc khác tướng; bởi vì quán theo nghĩa riêng biệt, cho nên nói là Đại chủng cùng tướng tạo ra sắc cùng tướng.

Bởi vì quán theo nghĩa riêng biệt, cho nên nói là Đại chủng khác tướng tạo ra sắc cùng tướng, đó là tướng cứng-ướt-nóng-động của Đại chủng, tạo ra tướng xúc của tạo sắc. Có người nói: Đại chủng này tạo ra tướng thấy của tạo sắc...

Bởi vì quán theo nghĩa riêng biệt, cho nên nói là Đại chủng cùng tướng tạo ra sắc khác tướng, đó là tướng Xúc của Đại chủng tạo ra mười một loại tạo sắc.

Bởi vì quán theo nghĩa riêng biệt, cho nên nói là Đại chủng khác tướng tạo ra tạo sắc khác tướng, đó là tướng cứng-ướt-nóng-động của Đại chủng tạo ra mười một loại tạo sắc.

Bởi vì quán theo nghĩa riêng biệt, cho nên nói là Đại chủng cùng tướng tạo sắc cùng tướng, đó là tướng Xúc của Đại chủng tạo ra tướng xúc của tạo sắc. Có người nói: Đây là tạo ra tướng thấy của tạo sắc như nhau.

Hỏi: Đại chủng và tạo sắc khác nhau thế nào?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Nhân là Đại chủng-quả là tạo sắc, năng sinh là Đại chủng-sở sinh là tạo sắc, sở y là Đại chủng-năng y là tạo sắc, năng tướng là Đại chủng-sở tướng là tạo sắc, hòa hợp là Đại chủng-do hòa hợp mà sinh ra là tạo sắc, năng kiến lập là Đại chủng-sở kiến lập là tạo sắc”.

Đại đức nói rằng: “Tướng cứng-ướt-nóng-động là Đại chủng, nếu sắc do Đại chủng làm nhân mà không có tướng của Đại chủng thì đều là tạo sắc”.

Có Sư khác nói: Đại chủng như Thiên đế-tạo sắc như Thiên chúng, Đại chủng như tự tại-tạo sắc như quyến thuộc, Đại chủng như vua-tạo sắc như bề tôi; Đại chủng như mặt trời mặt trăng-tạo sắc như ánh sáng của mặt trời mặt trăng, Đại chủng như thân cây-tạo sắc như cành lá..., Đại chủng như bức tường-tạo sắc như hình bóng, Đại chủng như ngọn lửa của cây đèn-tạo sắc như ánh sáng của cây đèn, Đại chủng như ngó sen-tạo sắc như đóa hoa, Đại chủng như chiếc gương-tạo sắc như cảnh tượng.

Vì vậy Tôn giả Thời-tỳ-la nói:

“Căn phát sinh ra từ Đại chủng, như lửa đèn sinh ra ánh sáng,

Như ngó sen sinh ra hoa sen, như gương sinh ra những cảnh tượng”.

Các Luận sư A-tỳ-đạt-ma nói: “Đại chủng là không thấy-tạo sắc là có thấy và không thấy. Đại chủng là có đối, tạo sắc là có đối và không đối. Đại chủng là hữu lậu, tạo sắc là hữu lậu và vô lậu. Đại chủng là vô ký, tạo sắc là thiện-bất thiện và vô ký. Đại chủng là hệ thuộc cõi Dục-Sắc, tạo sắc là hệ thuộc cõi Dục-Sắc và không hệ thuộc. Đại chủng là Phi học phi vô học, tạo sắc là Học-Vô học và Phi học phi vô học. Đại chủng là tu đọa, tạo sắc là tu đoạn và không đoạn. Đại chủng là Khổ-tập đế thân nhiếp, tạo sắc là Khổ-Tập-Đạo đế thân nhiếp. Đại chủng là không có dị thực, tạo sắc là có dị thực và không có dị thực. Đại chủng là không nhiễm, tạo sắc là nhiễm và không nhiễm. Đại chủng là không phải nghiệp, tạo sắc là nghiệp và không phải nghiệp. Các loại sai biệt giữa hai tướng của Đại chủng và tạo sắc như vậy có vô lượng chủng loại”.

Xúc xứ thật sự có mười một loại, đó là bốn Đại chủng và bảy loại tạo ra Xúc. Bảy loại tạo ra Xúc, đó là trơn-nhám-nhẹ-nặng-lạnh-đói-khát. Trơn nghĩa là tinh tế mềm mại, nhám nghĩa là thô kệch cứng cõi, nhẹ nghĩa là không có thể gọi tên, nặng nghĩa là có thể gọi tên, lạnh nghĩa là lúc này bị bức bách liền khởi lên mong cầu ấm áp, đói nghĩa là lúc này bị bức bách liền khởi lên mong muốn được ăn, khát nghĩa là lúc này bị bức bách liền khởi lên mong muốn được uống.

Hỏi: Vì Đại chủng nào tăng mà trơn, cho đến đói-khát?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Không do Đại chủng tăng lên mà trơn... cho đến đói-khát, mà chỉ do tánh loại sai biệt của Đại chủng, có loại sinh ra quả trơn... cho đến có loại sinh ra quả khát.

Có Sư khác nói: Thủy-hỏa tăng lên cho nên trơn, Địa-Phong tăng lên cho nên nhám, Hỏa-Phong tăng lên cho nên nhẹ, Địa-Thủy tăng lên cho nên nặng. Vì vậy luận Thi Thiết đưa ra câu hỏi này: “Vì sao lúc sống thì thân nhẹ nhàng điều hòa tùy thuận, lúc chết thì thân nặng nề không điều hòa-không tùy thuận? Đáp: Lúc sống thì Hỏa-phong chưa diệt cho nên thân nhẹ nhàng điều hòa tùy thuận, sau khi chết thì Hỏa-Phong trong thân đã diệt cho nên nặng nề không điều hòa-không tùy thuận”. Thủy-Phong tăng lên cho nên lạnh; Phong tăng lên cho nên đói, nghĩa là Phong tăng lên cho nên đánh động thức ăn tiêu hết, làm cho Xúc đói sinh ra liền phát khởi mong muốn được ăn; Hỏa tăng lên cho nên khát, nghĩa là Hỏa tăng lên cho nên làm khô khan bức ép thức uống tiêu hết, làm cho Xúc khát sinh ra liền phát khởi mong muốn được uống.

Hỏi: Trong mười một Xúc, duyên nhiều nhất là mấy loại mà phát

sinh thân thức?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Mỗi một loại duyên riêng biệt mà phát sinh Thân thức, bởi vì tướng-dụng của mười một loại tăng lên.

Có Sư khác nói: Duyên chung mười một loại cũng sinh ra Thân thức.

Hỏi: Lẽ nào không phải là ấm Thức chỉ chọn lấy cảnh của tự tướng hay sao?

Đáp: Tự tướng có hai loại:

1. Tự tướng của sự.
2. Tự tướng của xứ.

Dựa vào tự tướng của sự mà nói là duyên với mười một loại Xúc sinh ra Thân thức, dựa vào tự tướng của xứ mà nói là năm Thức thân chọn lấy cảnh của tự tướng, vì vậy cho nên không có lỗi. Nói như vậy thì duyên với mười một sự cũng sinh ra Thân thức, như duyên với hai mươi loại sự của Sắc xứ cũng sinh ra Nhãn thức, ở đây cũng thuận theo như vậy, bởi vì năm Thức thân cũng duyên với chung và riêng, mà không có lỗi do năm Thức chọn lấy cộng tướng, tự tướng của nhiều sự thì một Thức có thể duyên nhưng không rõ ràng.

Hỏi: Duyên với Đại chủng sở y của năm Sắc căn có phát sinh Thân thức hay không?

Đáp: Có người nói: Không phát sinh. Như năm Sắc căn không có thể Xúc cho nên không phát sinh Thân thức, Đại chủng sở y theo lý cũng phải như vậy.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao nói là do thân thức mà nhận biết?

Đáp: Bởi vì dựa vào pháp tánh mà nói là do Thân thức đã nhận biết cảnh của thân thức trong đời vị lai, nhưng không có nghĩa của hiện tại phát sinh Thân thức.

Có người nói: Trừ ra Đại chủng sở y của Thân căn, còn lại đều có thể phát sinh Thân thức, bởi vì sở y của Thân căn rất gần gũi cho nên không có thể phát sinh Thân thức, nhưng mà cảnh sở duyên của Thân thức khác, cũng có thể gọi là do Thân thức mà nhận biết.

Hỏi: Mười một loại Xúc, mất loại thuộc về cõi dục, mất loại thuộc về cõi Sắc?

Đáp: hai loại chỉ thuộc về cõi Dục, đó là đói và khát. Chín loại gồm chung cõi Dục-Sắc.

Hỏi: Nếu trong cõi Sắc có Xúc về nặng, thì bởi vì nghĩa nào mà luận Thi thiết nói: “Áo của Bắc Câu-lô-châu nặng một lượng, áo của cõi trời Tam Thập Tam nặng một Thù (một phần hai mươi bốn của

lượng), áo của cõi trời Dạ Ma nặng nửa Thù, áo của cõi trời Đổ-sử-đa nặng một phần tư trong một Thù, áo của cõi trời Lạc Biến Hóa nặng một phần tám trong một Thù, áo của cõi trời Tha Hóa Tự Tại nặng một phần mười sáu trong một Thù. “Áo của những cõi trời trên đây đều không có thể gọi tên chăng?”

Đáp: Có người nói: Áo của cõi Sắc tuy không có thể gọi tên mà vật khác thì có thể gọi tên.

Có người nói: Một áo của cõi ấy tuy không có thể gọi tên, nhưng nhiều áo tích tập lại thì có thể gọi tên; như tơ nhỏ-lông nhẹ tích tập lại thì sẽ nặng.

Hỏi: Nếu trong cõi Sắc có Xúc về lạnh, thì luận Thi thiết ấy vì sao lại nói: “Như loài người, trời cõi Dục vốn có lạnh-nóng”. Có thể biết rõ ràng là cõi trên đều không có chăng?

Đáp: Lạnh có hai loại:

1. Có thể làm cho lợi ích.

2. Có thể làm cho tổn hại. Cõi ấy không có cái lạnh có thể làm cho tổn hại, mà có cái lạnh có thể làm cho lợi ích. Vả lại, ngay luận ấy nói: “Tất cả lạnh-nóng, ở cõi trên đều không có”. Lẽ nào bởi vì lời này mà nói là cõi ấy cũng không có Xúc về nóng hay sao? Nếu như vậy thì Đại chủng ở cõi ấy lẽ ra chỉ có ba chữ không phải là thiếu đi công dụng, mà bởi vì năng lực của tạo sắc, cho nên trong cõi Sắc đều có lạnh-nóng.

Hỏi: Hai Xúc về đói-khát là vì trưởng dưỡng, là vì đẳng lưu, hay là vì dị thực?

Đáp: Sư Tây phương ở nước Kiện-đà-la nói: “Gồm chung Trưởng dưỡng và Đẳng lưu, không phải là Dị thực sinh, bởi vì ăn uống có thể đoạn dứt”.

A-tỳ-đạt-ma thì không chấp nhận Dị thực sắc đoạn rồi lại nối tiếp.

Có người nói: Đói-khát cũng gồm chung tánh của Dị thực sinh, bởi vì ăn uống tạm thời đoạn dứt chứ không phải là vĩnh viễn đoạn dứt. Đoạn dứt có hai loại, đó là vĩnh viễn đoạn dứt và tạm thời đoạn dứt, vĩnh viễn đoạn dứt không có thể nối tiếp, chứ không phải là tạm thời đoạn dứt. Như trong địa ngục chặt đứt thân thể, sắc do dị thực sinh đoạn rồi tiếp tục sinh ra.

Các Luận Sư của nước Ca-thấp-di-la nói: “Lúc no thì Xúc ấy cũng không đoạn, bởi vì đồ ăn thức uống ngăn cách cho nên không có thể nhận biết, đồ ăn thức uống tiêu hết rồi vẫn có thể nhận biết”.

Hỏi: Nếu là dị thực, thì đó là quả của nghiệp thiện, hay là quả của

nghiệp ác?

Đáp: Là quả của hai loại, vì thế cho nên người giàu đói-khát là quả của nghiệp thiện, người nghèo đói-khát là quả của nghiệp ác.

Hỏi: Đói-khát do Đại chủng nơi nào đã tạo ra?

Đáp: Có người nói: Do Đại chủng ở vùng bụng đã tạo ra. Trong kinh Nhập Thai nói: “Ở trong bụng mẹ có lúc ở vùng rốn, loài hữu tình ấy có dị thực của nghiệp, gió nhẹ bắt đầu dấy khởi thì Đại chủng nơi ấy có thể tạo ra đói-khát”.

Có Sư khác nói: Đại chủng trong toàn thân có thể tạo ra đói khát, bởi vì lúc ấy toàn thân hỗn loạn khó chịu.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 128

LUẬN VỀ ĐẠI TẠO (Phần 2)

Ư do Đại chủng đã tạo ra, mấy loại có thấy, mấy loại không thấy?

Hỏi: Vì sao không hỏi mấy loại có sắc, mấy loại không có sắc?

Đáp: Đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, tùy theo ý muốn ấy mà soạn luận, nhưng không trái với pháp tánh thì không cần phải vặn hỏi.

Có người nói: Bởi vì sở tạo không có Vô sắc, cho nên không cần phải hỏi là mấy loại có sắc, mấy loại không có sắc?

Hỏi: Cũng không có Vô vi, sau không cần phải hỏi là mấy loại hữu vi, mấy loại vô vi chăng? Cũng không cần phải hỏi, mà sau hỏi thì nên biết đó là có cách nói khác.

Có người nói: Muốn dùng các loại văn từ-các loại giải thích để hiển bày rõ ràng nghĩa lý khiến cho dễ hiểu. Lại nữa, muốn dùng hai môn loại-hai tầng bậc-hai phương thức-hai cách hiểu-hai ngọn đuốc-hai hình ảnh-hai ánh sáng hiển bày rõ ràng lẫn nhau. Như không có sở tạo nào là Vô sắc, cho nên không hỏi; như vậy không có sở tạo nào là Vô vi, cho nên cũng không cần phải hỏi. Như không có sở tạo nào là Vô vi mà có thể hỏi; như vậy tuy không có sở tạo nào là Vô sắc, mà cũng cần phải hỏi. Như vậy, hai môn loại phỏng theo nêu rõ lẫn nhau, khiến cho nhận biết hỏi-đáp trước sau thông suốt hợp lý.

Có Sư khác nói: Trong này phân biệt về các sắc sở tạo có mấy loại là có thấy..., đã nêu ra các sắc sở tạo làm chương mục, thì lẽ nào lại có thể hỏi là có mấy loại có sắc.. hay sao? Bởi vì nói các sắc tức là hiển bày có sắc, Thể của sắc đều có nghĩa biến đổi ngăn ngại, có nghĩa của sắc ấy cho nên gọi là có sắc, không phải là giống như có ác và có con...

Hỏi: Xứ do Đại chúng đã tạo ra, mấy loại là có thấy?

Đáp: Một loại, đó là Sắc xứ.

Hỏi: Vì sao Sắc xứ gọi là có thấy?

Đáp: Nhân căn gọi là thấy, bởi vì có tác dụng của thấy; Sắc xứ đã thấy, có nhân tự động trông thấy, cho nên gọi là có thấy, như có chủ và khách... Hoặc là cái thấy, là tự động hiển bày rõ ràng tướng thô của sắc xứ, có thể hiển bày rõ ràng lẫn nhau về tướng trạng sai biệt ở nơi này-ở nơi kia, sắc thụ động hiển bày rõ ràng là có tự động hiển bày rõ ràng, cho nên gọi là có thấy, như có tên gọi... Hoặc là cái thấy, là các hình ảnh-cảnh tượng, chỉ có Sắc xứ là có thể có hình ảnh-cảnh tượng, cho nên gọi là có thấy, còn lại thì không như vậy.

Hỏi: Mấy loại là không thấy?

Đáp: Tám loại và phần ít của hai loại. Tám loại, đó là nhãn-nhĩ-tỷ-thiệt-thân-thanh-hương-vị-xúc xứ. Phần ít của hai loại, đó là Xúc xứ-Pháp xứ. Tuy các Xúc xứ đều thuộc về không thấy, mà không phải tất cả đều là sắc sở tạo. Nếu sắc sở tạo cũng không thấy, thì ở đây đã hỏi chứ không phải là nơi khác đã hỏi, cho nên nói là phần ít. Pháp xứ cũng như vậy.

Hỏi: Xứ do Đại chúng đã tạo ra, mấy loại là có đối?

Đáp: Chín loại và phần ít của một loại. Chín loại, đó là năm xứ bên trong và bốn Xứ bên ngoài. Phần ít của một loại, đó là Xúc xứ. Tuy các Xúc xứ đều thuộc về có đối, mà không phải tất cả đều là sắc sở tạo. Nếu sắc sở tạo cũng có đối, thì ở đây đã hỏi chứ không phải là nơi khác đã hỏi, cho nên nói là phần ít.

Hỏi: Mấy loại là không đối?

Đáp: Phần ít của một loại, đó là Pháp xứ. Tuy các Pháp xứ đều thuộc về không đối, mà không phải tất cả đều là sắc sở tạo. Nếu sắc sở tạo cũng không đối, thì ở đây đã hỏi chứ không phải là nơi khác đã hỏi, cho nên nói là phần ít. Nhưng có đối lại có ba loại:

1. Chương ngại có đối, đó là mười Sắc xứ.
2. Cảnh giới có đối, đó là năm Sắc căn và tâm-tâm sở.
3. Sở duyên có đối, đó là tâm-tâm sở.

Trong này nói đến chương ngại có đối chứ không phải là loại khác.

Hỏi: Xứ do Đại chúng đã tạo ra, mấy loại là hữu lậu?

Đáp: Chín loại và phần ít của hai loại. Chín loại, như trước nói. Phần ít của hai loại, đó là Xúc xứ và Pháp xứ. Tuy các Xúc xứ đều thuộc về hữu lậu, mà không phải tất cả đều là sắc sở tạo. Nếu sắc sở

tạo cũng là hữu lậu, thì nơi này đã hỏi chứ không phải là nơi khác đã hỏi, cho nên nói là phần ít. Không phải là các Pháp xứ đều thuộc về hữu lậu, cũng không phải tất cả đều là sắc sở tạo. Nếu sắc sở tạo cũng là hữu lậu, thì nơi này đã hỏi chứ không phải là nơi khác đã hỏi, cho nên nói là phần ít.

Hỏi: Mấy loại là vô lậu?

Đáp: Phần ít của một loại, đó là Pháp xứ. Không phải là các Pháp xứ đều thuộc về vô lậu, cũng không phải tất cả đều là sắc sở tạo. Nếu sắc sở tạo cũng là vô lậu, thì nơi này đã hỏi chứ không phải là nơi khác đã hỏi, cho nên nói là phần ít.

Hỏi: Xứ so Đại chúng đã tạo ra, mấy loại là hữu vi?

Đáp: Chín loại và phần ít của hai loại. Chín loại, như trước nói. Phần ít của hai loại, đó là Xúc xứ và Pháp xứ. Tuy các Xúc xứ đều thuộc về hữu vi, mà không phải tất cả đều là sắc sở tạo. Nếu sắc sở tạo cũng là hữu vi, thì nơi này đã hỏi chứ không phải là nơi khác đã hỏi, cho nên nói là phần ít. Không phải là các Pháp xứ đều thuộc về hữu vi, cũng không phải tất cả đều là sắc sở tạo. Nếu sắc sở tạo cũng là hữu vi, thì nơi này đã hỏi chứ không phải là nơi khác đã hỏi, cho nên nói là phần ít.

Hỏi: mấy loại là vô vi?

Đáp: Không có, bởi vì Xứ ấy đều là hữu vi.

Hỏi: Xứ do Đại chúng đã tạo ra, mấy loại là quá khứ?

Đáp: Phần ít của mười một loại, đó là trừ ra Ý xứ. Tuy các Nhân xứ đều thuộc về sở tạo, mà không phải tất cả đều là ở quá khứ, bởi vì có loại ở đời vị lai-hiện tại. Nếu là sở tạo cũng là quá khứ, thì nơi này đã hỏi chứ không phải là nơi khác đã hỏi, cho nên nói là phần ít. Nhĩ-tỷ-thiệt-thân-sắc-thanh-hương-vị xứ cũng như vậy. Không phải là các Xúc xứ đều thuộc về sở tạo, cũng không phải tất cả đều là ở quá khứ. Nếu là sở tạo cũng là quá khứ, thì nơi này đã hỏi chứ không phải là nơi khác đã hỏi, cho nên nói là phần ít. Pháp xứ cũng như vậy. Như nói về quá khứ, vị lai-hiện tại nói cũng như vậy, bởi vì có số lượng như nhau.

Hỏi: Xứ do Đại chúng đã tạo ra, mấy loại là thiện?

Đáp: Phần ít của ba loại, đó là Sắc-thanh-pháp xứ. Tuy các Sắc xứ đều thuộc về sở tạo, mà không phải tất cả đều là tánh thiện. Nếu là sở tạo cũng là tánh thiện, thì nơi này đã hỏi chứ không phải là nơi khác đã hỏi, cho nên nói là phần ít. Thanh xứ cũng như vậy. Không phải là các Pháp xứ đều thuộc về sở tạo, cũng không phải tất cả đều là tánh thiện. Nếu là sở tạo cũng là tánh thiện, thì nơi này đã hỏi chứ không phải là

nơi khác đã hỏi, cho nên nói là phần ít.

Hỏi: Mấy loại là bất thiện?

Đáp: Phần ít của ba loại, như trước nói.

Hỏi: Mấy loại là vô ký? Đáp: bảy loại và phần ít của ba loại. Bảy loại, đó là năm Xứ bên trong và Hương-Vị xứ. Phần ít của ba loại, đó là Sắc-Thanh-Xúc xứ. Tuy các Sắc xứ đều thuộc về sở tạo, mà không phải tất cả đều là vô ký. Nếu là sở tạo cũng là vô ký, thì nơi này đã hỏi chứ không phải là nơi khác đã hỏi, cho nên nói là phần ít. Thanh xứ cũng như vậy. Tuy các Xúc xứ đều thuộc về vô ký, mà không phải tất cả đều là sở tạo. Nếu là vô ký cũng là sở tạo, thì nơi này đã hỏi chứ không phải là nơi khác đã hỏi, cho nên nói là phần ít.

Hỏi: Xứ do Đại chủng đã tạo ra, mấy loại hệ thuộc cõi Dục? Đáp: Hai loại và phần ít của chín loại. Hai loại, đó là Hương xứ và Vị xứ. Phần ít của chín loại, đó là năm xứ bên trong và Sắc-Thanh-Xúc-Pháp xứ. Tuy các Nhân xứ đều thuộc về sở tạo, mà không phải tất cả đều là hệ thuộc cõi Dục. Nếu là sở tạo cũng là hệ thuộc cõi Dục, thì nơi này đã hỏi chứ không phải là nơi khác đã hỏi, cho nên nói là phần ít. Nhĩ-tỷ-thiệt-thân-sắc-thanh xứ cũng như vậy. Không phải là các Xúc xứ đều thuộc về sở tạo, cũng không phải là tất cả đều hệ thuộc cõi Dục. Nếu là sở tạo cũng là hệ thuộc cõi Dục, thì nơi này đã hỏi chứ không phải là nơi khác đã hỏi, cho nên nói là phần ít. Pháp xứ cũng như vậy.

Hỏi: Mấy loại hệ thuộc cõi Sắc?

Đáp: Phần ít của chín loại, như trước nói.

Hỏi: Mấy loại hệ thuộc cõi Vô sắc?

Đáp: Không có, bởi vì cõi ấy không có sắc.

Hỏi: Xứ do Đại chủng đã tạo ra, mấy loại là Học?

Đáp: Phần ít của một loại, đó là Pháp xứ. Không phải là các Pháp xứ đều do Học thâm nhiếp, cũng không phải tất cả đều là sở tạo. Nếu là sở tạo cũng là Học thâm nhiếp, thì nơi này đã hỏi chứ không phải là nơi khác đã hỏi, cho nên nói là phần ít.

Hỏi: Mấy loại là Vô học?

Đáp: Phần ít của một loại, như trước nói.

Hỏi: Mấy loại là Phi học phi vô học?

Đáp: Chín loại và phần ít của hai loại. Chín loại, đó là năm Xứ bên trong và bốn xứ bên ngoài. Phần ít của hai loại, đó là Xúc xứ-Pháp xứ. Tuy các xúc xứ đều do Phi học phi vô học thâm nhiếp, mà không phải tất cả đều là sở tạo. Nếu là Phi học phi vô học cũng là sở tạo, thì nơi này đã hỏi chứ không phải là nơi khác đã hỏi, cho nên nói là phần

ít. Không phải là các Pháp xứ đều do Phi học phi vô học thâm nhiếp, cũng không phải tất cả đều là sở tạo. Nếu là Phi học phi vô học cũng là sở tạo, thì nơi này đã hỏi chứ không phải là nơi khác đã hỏi, cho nên nói là phần ít.

Hỏi: Xứ do Đại chủng đã tạo ra, mấy loại là kiến mà đoạn?

Đáp: Không có, bởi vì chắc chắn không có các sắc do kiến mà đoạn.

Hỏi: Mấy loại do tu mà đoạn?

Đáp: Chín loại và phần ít của hai loại. Chín loại, như trước nói. Phần ít của hai loại, đó là Xúc xứ và Pháp xứ. Tuy các Xúc xứ đều do tu mà đoạn thâm nhiếp, nhưng không phải tất cả đều là sở tạo. Nếu do tu mà đoạn cũng là ở tạo, thì nơi này đã hỏi chứ không phải là nơi khác đã hỏi, cho nên nói là phần ít. Không phải là các Pháp xứ đều do tu mà đoạn thâm nhiếp, cũng không phải tất cả đều là sở tạo. Nếu do tu mà đoạn cũng là sở tạo, thì nơi này đã hỏi chứ không phải là nơi khác đã hỏi, cho nên nói là phần ít.

Hỏi: Mấy loại là không đoạn?

Đáp: Phần ít của một loại, đó là Pháp xứ. Không phải là các Pháp xứ đều thuộc về không đoạn, cũng không phải tất cả đều là sở tạo. Nếu là sở tạo cũng không đoạn, thì nơi này đã hỏi chứ không phải là nơi khác đã hỏi, cho nên nói là phần ít.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng thì đó là sắc sở tạo chăng?

Đáp: Thành tựu các Đại chủng thì lúc ấy thành tựu sắc sở tạo. Có lúc thành tựu sắc sở tạo mà không phải là Đại chủng, đó là các Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc. Ai thành tựu Đại chủng và sắc sở tạo? Đó là các Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc. Ai thành tựu Đại chủng và sắc sở tạo? Đó là tất cả hữu tình cõi Dục-Sắc. Đây là nói tổng quát. Nếu nói riêng biệt, thì hoặc là có hữu tình thành tựu nhiều Đại chủng và nhiều tạo sắc, hoặc là có hữu tình thành tựu ít Đại chủng và ít tạo sắc.

Thành tựu nhiều Đại chủng và nhiều tạo sắc, như trong biển lớn có các hữu tình đã mang lấy thân hình, hoặc là một trăm-hai trăm-ba trăm-bốn trăm-năm-sáu-bảy trăm Du-thiện-na (Do tuần); như hạt-la-hô vua loài A-tố-lạc đã mang lấy thân hình với mức lượng rộng lớn; như trời Sắc Cứu cánh đã mang lấy thân hình với mức lượng một vạn sáu ngàn Du-thiện-na.

Thành tựu ít Đại chủng và ít tạo sắc, giống như ruồi muỗi và các loài sâu bọ trong nước..., cho đến các loài côn trùng rất nhỏ không phải là nơi mà mắt loài người thấy được.

Hỏi: Vì sao Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc, chỉ thành tựu tạo sắc chứ không phải là Đại chủng?

Đáp: Bởi vì cõi ấy không có sắc. Vả lại, không thành tựu Đại chủng của cõi khác, bởi vì pháp hữu lậu vượt qua địa thì đã xả bỏ; tạo sắc thì không như vậy, bởi vì gồm chung vô lậu cho nên ở địa khác cũng thành tựu, không có Thánh giả nào không thành tựu giới vô lậu, vì vậy Thánh giả sinh đến cõi ấy chỉ thành tựu tạo sắc. Trong đó, Học thành tựu sắc tùy chuyển của Học, Vô học thành tựu sắc tùy chuyển của Vô học.

Hỏi: Nếu không thành tựu Đại chủng thì đó là sắc sở tạo chăng?

Đáp: Không thành tựu các sắc sở tạo, lúc ấy không thành tựu Đại chủng. Có lúc không thành tựu Đại chủng mà không phải là sắc sở tạo, đó là các Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc. Ai không thành tựu sắc sở tạo và Đại chủng? Đó là tất cả dị sinh sinh đến cõi Vô sắc, bởi vì cõi ấy không có tất cả các sắc. Vả lại, không thành tựu sắc của cõi dưới, bởi vì các sắc hữu lậu sinh lên cõi trên đã mất, các sắc vô lậu thì lúc ấy chưa có được.

Hỏi: Thuận theo trong câu trước không thâm nhiếp những gì, mà lại thuận theo thiết lập thuận với câu sau như vậy?

Đáp: Thuận theo trong câu trước chỉ thâm nhiếp tất cả hữu tình cõi Dục-Sắc, và thâm nhiếp tất cả Thánh giả cõi Vô sắc, chưa thâm nhiếp tất cả dị sinh cõi Vô sắc, vì muốn thâm nhiếp loại ấy cho nên lại thiết lập thuận với câu sau.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng thì đó là sắc thiện chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt.

1. Có lúc thành tựu Đại chủng mà không phải là sắc thiện, đó là ở trong vô trứng, hoặc là các dị sinh trú trong thai tạng; nếu sinh ở cõi Dục trú vào không luật nghi, và phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì không có Biểu của thân-ngữ thiện; giả sử có mà mất, bởi vì dị sinh ở trong vô trứng-trú trong thai tạng, đời trước vốn có Biểu-Vô biểu sắc, do mất Chúng đồng phần sở y cho nên tất cả đã xả bỏ, nay ở phần vị này chưa có thể khởi lên Biểu. Vả lại, không có lý nhập Định, cho nên không thành tựu tất cả sắc thiện.

Hỏi: Vì sao phần vị này chưa có thể khởi lên Biểu?

Đáp: Bởi vì thân sở y rất yếu ớt, phải là thân mạnh mẽ thì mới có thể khởi lên Biểu nghiệp. Vả lại, phần vị này tâm rất yếu kém, tâm mạnh hơn thì có thể phát ra Biểu nghiệp. Lại nữa, phần vị này tâm chuyển theo phần bên trong, tâm chuyển theo phần bên ngoài mới có

thể khởi lên Biểu nghiệp. Lại nữa, trong phần vị này thai và trứng ép sát chặt hẹp, hãỵ còn không thể nhúc nhích được, huống là có thể khởi lên Biểu? Nhưng có lúc thai chuyển động, lúc này do sức mạnh của gió chứ không phải là do tâm đã làm ra, Biểu nghiệp cần phải do sức mạnh của tâm mà khởi lên.

Hỏi: Vì sao phần vị này không có lý nhập Định?

Đáp: Bởi vì phần vị này thân tâm đều yếu kém. Và lại, bởi vì không có duyên gia hạnh của nhập Định, cho nên dị sinh đạt được Nhẫn lúc mạng chung sẽ xả bỏ Nhẫn, như chương nghiệp uẩn trước đã mở rộng về quyết định chọn lựa. Bốn loại Sinh nói rộng ra cũng như chương nghiệp uẩn.

Nếu sinh ở cõi Dục trú vào không luật nghi, và phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì không có Biểu của thân-ngữ thiện, nghĩa là ngủ nghỉ-say sưa-lo buồn và rời bỏ gia hạnh, không mong cầu khởi lên Biểu. Giả sử có mà mất, nghĩa là do ba duyên cho nên mất:

- Ý thích dừng lại.

- Rời bỏ gia hạnh.

- Giới hạn thế lực vượt qua. Phần này cũng nói rộng ra như chương Nghiệp uẩn.

2. Có lúc thành tựu sắc thiện mà không phải là Đại chủng, đó là các Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc. Là Thánh giả cho nên thành tựu sắc thiện, sinh đến cõi Vô sắc cho nên không thành tựu Đại chủng. Các Thánh giả ấy gồm chung Học và Vô học, Học thì thành tựu sắc thiện của Học, Vô học thì thành tựu sắc thiện của Vô học.

3. Có lúc thành tựu Đại chủng mà cũng là sắc thiện đó là các Thánh giả trú trong thai tạng. Nếu sinh ở cõi Dục trú vào luật nghi, hoặc là trú vào không luật nghi và phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại có Biểu của thân-ngữ thiện; hoặc là trước có không mất. Nếu sinh ở cõi Sắc thì Thánh giả trú trong thai tạng, chắc chắn thành tựu Vô biểu hữu lậu và vô lậu, bởi vì đạo lực mạnh mẽ.

Nếu sinh ở cõi Dục trú vào luật nghi, nghĩa là tùy theo sự thích hợp mà trú vào ba loại luật nghi, trú vào không luật nghi và phi luật nghi-phi bất luật nghi, hiện tại có Biểu của thân-ngữ thiện, nghĩa là không ngủ nghỉ-không say sưa-không lo buồn-không rời bỏ gia đình, cầu mong khởi lên Biểu nghiệp. Hoặc là trước có không mất, nghĩa là bởi vì ba duyên, như trước nói. Nếu sinh ở cõi Sắc thì lúc ấy chắc chắn thành tựu luật nghi Tĩnh lự, cho nên có sắc thiện.

4. Có lúc không phải là thành tựu Đại chủng và sắc thiện, đó là

các dị sinh sinh đến cõi Vô sắc, sinh đến cõi Vô sắc cho nên không thành tựu Đại chủng, bởi vì sắc thiện hữu lậu vượt qua cõi thì đã xả bỏ, mà sắc thiện vô lậu lúc ấy chưa có được.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng thì đó là sắc bất thiện chăng?

Đáp: Thành tựu các sắc bất thiện thì lúc ấy chắc chắn thành tựu Đại chủng. Có lúc thành tựu Đại chủng mà không phải là sắc bất thiện, đó là ở trong vô trứng mà trú trong thai tạng. Nếu sinh ở cõi Dục trú vào luật nghi, và phi luật nghi- phi bất luật nghi, thì không vô Biểu của thân-ngữ bất thiện; giả sử có mà mất, nếu sinh vào cõi Sắc. Nghĩa là nếu thành tựu sắc bất thiện thì chắc chắn ở cõi Dục, không có trường hợp nào ở cõi Dục mà không thành tựu Đại chủng, cho nên nhất định phải có thân. Vì vậy có thể làm thuận theo câu sau, trả lời giải thích câu văn còn lại dựa theo trên, nên biết.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng thì đó là sắc hữu phú vô ký chăng?

Đáp: Thành tựu các sắc hữu phú vô ký thì lúc ấy chắc chắn thành tựu Đại chủng. Có lúc thành tựu Đại chủng mà không phải là sắc hữu phú vô ký, đó là sinh ở cõi Dục. Nếu sinh ở cõi Sắc thì hiện tại không có Biểu của thân-ngữ hữu phú vô ký, nghĩa là nếu thành tựu sắc hữu phú vô ký thì chắc chắn ở cõi Sắc, không có trường hợp nào ở cõi Sắc mà không thành tựu Đại chủng, bởi vì nhất định phải có thân. Vì vậy có thể làm thuận theo câu sau, trả lời là không có trường hợp nào sinh ở cõi Dục mà khởi lên Biểu hữu phú vô ký, bởi vì Biểu nghiệp của thiện-nhiễm dựa vào thân của địa mình.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng thì đó là sắc vô phú vô ký chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử thành tựu sắc vô phú vô ký thì đó là Đại chủng chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Bởi vì thành tựu Đại chủng thì chắc chắn thành tựu Thân căn. Nếu thành tựu Thân căn... thì chắc chắn thành tựu Đại chủng. Tất cả hữu tình sinh ở cõi Dục-Sắc đều thành tựu Đại chủng và sắc vô phú vô ký, sinh ở cõi Vô sắc thì cả hai loại đều không có.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng thì đó là sắc thiện- bất thiện chăng?

Đáp: Có lúc thành tựu Đại chủng mà không phải là sắc thiện-bất thiện, đó là ở trong vô trứng, hoặc là các dị sinh trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì không có Biểu của thân-ngữ thiện và bất thiện; giả sử có mà mất.

Có lúc thành tựu Đại chủng cũng là sắc thiện chứ không phải là sắc bất thiện, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú vào luật nghi thì không có Biểu của thân-ngữ bất thiện, giả sử có mà mất; nếu trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại có Biểu của thân-ngữ thiện, hoặc là trước có không mất; không có Biểu của thân-ngữ bất thiện, giả sử có mà mất, nếu sinh vào cõi Sắc.

Có lúc thành tựu Đại chủng cũng là sắc bất thiện chứ không phải là sắc thiện, đó là sinh ở cõi Dục trú vào không luật nghi, không có Biểu của thân-ngữ thiện, giả sử có mà mất. Nếu trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại có Biểu của thân-ngữ bất thiện, hoặc là trước có không mất; không có Biểu của thân-ngữ thiện, giả sử có mà mất.

Có lúc thành tựu Đại chủng cũng là sắc thiện-bất thiện, đó là sinh ở cõi Dục trú vào luật nghi, hiện tại có Biểu của thân-ngữ bất thiện, hoặc là trước có không mất. Nếu trú vào không luật nghi, thì hiện tại có Biểu của thân-ngữ thiện, hoặc là trước có không mất. Nếu trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại có Biểu của thân-ngữ thiện và bất thiện, hoặc là trước có không mất.

Hỏi: Giả sử thành tựu sắc thiện-bất thiện thì đó là Đại chủng chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Nghĩa là thành tựu sắc thiện-bất thiện thì chắc chắn là ở cõi Dục, bởi vì ở cõi Dục thì nhất định thành tựu Đại chủng.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng thì đó là sắc thiện-hữu phú vô ký chăng?

Đáp: Có lúc thành tựu Đại chủng mà không phải là sắc thiện-hữu phú vô ký, đó là ở trong vô trứng, hoặc là các dị sinh trú trong thai tạng. Nếu sinh ở cõi Dục trú vào không luật nghi và phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì không có Biểu của thân-ngữ thiện, giả sử có mà mất.

Có lúc thành tựu Đại chủng cũng là sắc thiện mà không phải là sắc hữu phú vô ký, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng. Nếu sinh ở cõi Dục trú vào luật nghi, nếu trú vào không luật nghi và phi luật nghi-phi bất luật nghi, hiện tại có Biểu của thân-ngữ thiện, hoặc là trước có không mất. Nếu sinh ở cõi Sắc thì hiện tại không có Biểu của thân-ngữ hữu phú vô ký.

Có lúc thành tựu Đại chủng cũng là sắc thiện-hữu phú vô ký, đó là sinh ở cõi Sắc hiện tại có Biểu của thân-ngữ hữu phú vô ký.

Hỏi: Giả sử thành tựu sắc thiện-hữu phú vô ký thì đó là Đại chủng chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Nghĩa là thành tựu sắc thiện-hữu phú vô ký thì chắc chắn là ở cõi Sắc, bởi vì ở cõi Sắc thì nhất định thành tựu Đại chủng.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng thì đó là sắc thiện-vô phú vô ký chẳng?

Đáp: Có lúc thành tựu Đại chủng cũng là sắc vô phú vô ký mà không phải là sắc thiện, đó là ở trong vô trứng, hoặc là các dị sinh trú trong thai tạng. Nếu sinh ở cõi Dục trú vào không luật nghi, và phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì không có Biểu của thân-ngữ thiện, giả sử có mà mất.

Có lúc thành tựu Đại chủng cũng là sắc thiện-vô phú vô ký, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú vào luật nghi. Nếu trú vào không luật nghi và phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại có Biểu của thân-ngữ thiện; hoặc là trước có không mất, nếu sinh vào cõi Sắc.

Hỏi: Giả sử thành tựu sắc thiện-vô phú vô ký thì đó là Đại chủng chẳng?

Đáp: Đúng như vậy. Nghĩa là thành tựu sắc thiện-vô phú vô ký thì chắc chắn ở cõi Dục-Sắc, bởi vì ở cõi Dục-Sắc cho nên nhất định thành tựu Đại chủng.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng thì đó là sắc bất thiện-hữu phú vô ký chẳng?

Đáp: Không có. Nghĩa là thành tựu sắc bất thiện thì chắc chắn ở cõi Dục, thành tựu sắc hữu phú vô ký thì chắc chắn ở cõi Sắc, vì vậy không có một hữu tình mà cùng sinh ở hai cõi.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng thì đó là sắc bất thiện-vô phú vô ký chẳng?

Đáp: Có lúc thành tựu Đại chủng cũng là sắc vô phú vô ký mà không phải là sắc bất thiện, đó là ở trong vô trứng và trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú vào luật nghi và phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì không có Biểu của thân-ngữ bất thiện; hoặc là có mà mất, nếu sinh vào cõi Sắc.

Có lúc thành tựu Đại chủng cũng là sắc bất thiện-vô phú vô ký, đó là sinh ở cõi Dục trú vào không luật nghi. Nếu trú vào luật nghi và phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại có Biểu của thân-ngữ bất thiện, hoặc là trước có không mất.

Hỏi: Giả sử thành tựu sắc bất thiện-vô phú vô ký thì đó là Đại chủng chẳng?

Đáp: Đúng như vậy. Nghĩa là thành tựu sắc bất thiện-vô phú vô ký thì chắc chắn ở cõi Dục, bởi vì ở cõi Dục cho nên nhất định thành tựu Đại chủng.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng thì đó là sắc hữu phú vô ký-vô phú vô ký chăng?

Đáp: Có lúc thành tựu Đại chủng cũng là sắc vô phú vô ký mà không phải là sắc hữu phú vô ký, đó là sinh ở cõi Dục. Nếu sinh ở cõi Sắc, thì hiện tại không có Biểu của thân-ngữ hữu phú vô ký.

Có lúc thành tựu Đại chủng cũng là sắc hữu phú vô ký-vô phú vô ký, đó là sinh ở cõi Sắc hiện tại có Biểu của thân-ngữ hữu phú vô ký.

Hỏi: Giả sử thành tựu sắc hữu phú vô ký-vô phú vô ký thì đó là Đại chủng chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Nghĩa là thành tựu hai sắc vô ký này thì chắc chắn là ở cõi Sắc, bởi vì ở cõi Sắc cho nên nhất định thành tựu Đại chủng.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng thì đó là sắc thiện-bất thiện-hữu phú vô ký chăng?

Đáp: Không có. Nghĩa là thành tựu sắc thiện-bất thiện thì chắc chắn là ở cõi Dục, thành tựu sắc thiện-hữu phú vô ký thì chắc chắn là ở cõi Sắc, vì vậy không có một hữu tình mà cùng sinh ở hai cõi.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng thì đó là sắc thiện-bất thiện-vô phú vô ký chăng?

Đáp: Có lúc thành tựu Đại chủng cũng là sắc vô phú vô ký, mà không phải là sắc thiện- bất thiện, đó là ở trong vô tướng, hoặc là các dị sinh trú trong thai tạng. Nếu sinh ở cõi Dục trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì không có Biểu của thân-ngữ thiện-bất thiện, giả sử có mà mất.

Có lúc thành tựu Đại chủng cũng là sắc thiện-vô phú vô ký mà không phải là sắc bất thiện, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú vào luật nghi, thì không có Biểu của thân-ngữ bất thiện, giả sử có mà mất. Nếu trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại có Biểu của thân-ngữ thiện, hoặc là trước có không mất; không có Biểu của thân-ngữ bất thiện, giả sử có mà mất, nếu sinh vào cõi Sắc.

Có lúc thành tựu Đại chủng cũng là sắc bất thiện-vô phú vô ký mà không phải là sắc thiện, đó là sinh ở cõi Dục trú vào không luật nghi, không có Biểu của thân-ngữ thiện, giả sử có mà mất. Nếu trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại có Biểu của thân-ngữ bất thiện,

hoặc là trước có không mất; không có Biểu của thân-ngữ thiện, giả sử có mà mất.

Có lúc thành tựu Đại chủng cũng là sắc thiện-bất thiện-vô phú vô ký, đó là sinh ở cõi Dục trú vào luật nghi, hiện tại có Biểu của thân-ngữ bất thiện, hoặc là trước có không mất. Nếu trú vào không luật nghi, thì hiện tại có Biểu của thân-ngữ thiện, hoặc là trước có không mất. Nếu trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại có Biểu của thân-ngữ thiện và bất thiện, hoặc là trước có không mất.

Hỏi: Giả sử thành tựu sắc thiện-bất thiện-vô phú vô ký thì đó là Đại chủng chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Nghĩa là thành tựu ba sắc này thì chắc chắn là ở cõi Dục, bởi vì ở cõi Dục cho nên nhất định thành tựu Đại chủng.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng thì đó là sắc thiện-hữu phú vô ký-vô phú vô ký chăng?

Đáp: Có lúc thành tựu Đại chủng cũng là sắc vô phú vô ký mà không phải là sắc thiện-hữu phú vô ký, đó là ở trong vô trứng, hoặc là các dị sinh trú trong thai tạng. Nếu sinh ở cõi Dục trú vào không luật nghi, và phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì không có Biểu của thân-ngữ thiện, giả sử có mà mất.

Có lúc thành tựu Đại chủng cũng là sắc thiện-vô phú vô ký mà không phải là sắc hữu phú vô ký, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục thì trú vào luật nghi. Nếu trú vào không luật nghi và phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại có Biểu của thân-ngữ thiện, hoặc là trước có không mất. Nếu sinh ở cõi sắc, thì hiện tại không có Biểu của thân-ngữ hữu phú vô ký.

Có lúc thành tựu Đại chủng cũng là sắc thiện-hữu phú vô ký-vô phú vô ký, đó là sinh ở cõi Sắc, hiện tại có Biểu của thân-ngữ hữu phú vô ký.

Hỏi: Giả sử thành tựu sắc thiện-hữu phú vô ký-vô phú vô ký thì đó là Đại chủng chăng?

Đáp: Đúng như vậy. Nghĩa là thành tựu ba sắc này thì chắc chắn là ở cõi Sắc, bởi vì ở cõi Sắc cho nên nhất định thành tựu Đại chủng.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng thì đó là sắc bất thiện-hữu phú vô ký-vô phú vô ký chăng?

Đáp: Không các tỳ kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: Nghĩa là thành tựu sắc bất thiện-vô phú vô ký thì chắc chắn là ở cõi Dục, thành tựu sắc hữu phú vô ký-vô phú vô ký thì chắc chắn là ở cõi Sắc, vì vậy không có một hữu tình mà cùng sinh ở hai cõi.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng thì đó là Sắc thiện-bất thiện-hữu phú vô ký-vô phú vô ký chẳng?

Đáp: Không có, nghĩa là thành tựu sắc thiện-bất thiện-vô phú vô ký thì chắc chắn là ở cõi Dục, thành tựu sắc thiện-hữu phú vô ký-vô phú, vô ký thì chắc chắn là ở cõi Sắc, vì vậy không có một hữu tình mà cùng sinh ở hai cõi.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc thiện thì đó là sắc bất thiện chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt.

1. Có lúc thành tựu sắc thiện mà không phải là sắc bất thiện, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục vào luật nghi, thì không có Biểu của thân-ngữ bất thiện, giả sử có mà mất. Nếu trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại có Biểu của thân-ngữ thiện, hoặc là trước có không mất; không có Biểu của thân-ngữ bất thiện, giả sử có mà mất, nếu sinh vào cõi Sắc; hoặc là các Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc.

2. Có lúc thành tựu sắc bất thiện mà không phải là sắc thiện, đó là sinh ở cõi Dục trú vào không luật nghi, không có Biểu của thân-ngữ thiện, giả sử có mà mất. Nếu trú vào phi luật nghi, phi bất luật nghi, thì hiện tại có Biểu của thân-ngữ bất thiện, hoặc là trước có không mất; không có Biểu của thân-ngữ thiện, giả sử có mà mất.

3. Có lúc thành tựu sắc thiện cũng là sắc bất thiện, đó là sinh ở cõi Dục trú vào luật nghi, hiện tại có Biểu của thân-ngữ bất thiện, hoặc là trước có không mất. Nếu trú vào không luật nghi, thì hiện tại có Biểu của thân-ngữ thiện, hoặc là trước có không mất. Nếu trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại có Biểu của thân-ngữ thiện và bất thiện, hoặc là trước có không mất.

4. Có lúc không phải là thành tựu sắc thiện và sắc bất thiện, đó là ở trong vỏ trứng, hoặc là các dĩ sinh trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì không có Biểu của thân-ngữ thiện và bất thiện, giả sử có mà mất. Hoặc là các dĩ sinh sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc thiện thì đó là sắc hữu phú vô ký chẳng?

Đáp: Thành tựu các sắc hữu phú vô ký thì lúc ấy nhất định thành tựu sắc thiện. Có lúc thành tựu sắc thiện mà không phải là sắc hữu phú vô ký, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú vào luật nghi. Nếu trú vào không luật nghi và phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại có Biểu của thân-ngữ thiện, hoặc là trước có không mất. Nếu sinh vào cõi Sắc thì hiện tại không có Biểu của thân-ngữ hữu

phú vô ký. Hoặc là các Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc thiện thì đó là sắc vô phú vô ký chăng?

Đáp: nên làm thành bốn câu phân biệt.

1. Có lúc thành tựu sắc thiện mà không phải là sắc vô phú vô ký, đó là các Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc.

2. Có lúc thành tựu sắc vô phú vô ký mà không phải là sắc thiện, đó là ở trong vô tướng, hoặc là các dị sinh trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú vào không luật nghi và phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì không có Biểu của thân-ngữ thiện, giả sử có mà mất.

3. Có lúc thành tựu sắc thiện cũng là sắc vô phú vô ký, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú vào luật nghi. Nếu trú vào không luật nghi và phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại có Biểu của thân-ngữ thiện; hoặc là trước có không mất, nếu sinh vào cõi Sắc.

4. Có lúc không phải là thành tựu sắc thiện và sắc vô phú vô ký, đó là các dị sinh sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc thiện thì đó là sắc bất thiện-hữu phú vô ký chăng?

Đáp: Không có. Nghĩa là thành tựu sắc bất thiện thì chắc chắn ở cõi Dục, thành tựu sắc hữu phú vô ký thì chắc chắn ở cõi Sắc, vì vậy không có một hữu tình mà cùng sinh ở hai cõi.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc thiện thì đó là sắc bất thiện-vô phú vô ký chăng?

Đáp: Có lúc thành tựu sắc thiện mà không phải là sắc bất thiện-vô phú vô ký, đó là các Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc.

Có lúc thành tựu sắc thiện cũng là sắc vô phú vô ký mà không phải là sắc bất thiện, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng. Nếu sinh ở cõi Dục trú vào luật nghi thì không có Biểu của thân-ngữ bất thiện, giả sử có mà mất. Nếu trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại có Biểu của thân-ngữ thiện, hoặc là trước có không mất; không có Biểu của thân-ngữ bất thiện, giả sử có mà mất, nếu sinh ở cõi sắc.

Có lúc thành tựu sắc thiện cũng là sắc bất thiện-vô phú vô ký, đó là sinh ở cõi Dục trú vào luật nghi, hiện tại có Biểu của thân-ngữ bất thiện, hoặc là trước có không mất. Nếu trú vào không luật nghi, thì hiện tại có Biểu của thân-ngữ thiện, hoặc là trước có không mất. Nếu trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại có Biểu của thân-ngữ thiện và bất thiện, hoặc là trước có không mất.

Hỏi: Giả sử thành tựu sắc bất thiện-vô phú, vô ký thì đó là sắc

thiện chẳng?

Đáp: Hoặc là thành tựu, hoặc là không thành tựu. Thế nào là thành tựu? Tức là như trên đã nói. Thế nào là không thành tựu? Tức là như trên đã nói. Thế nào là không thành tựu? Đó là sinh ở cõi Dục trú vào không luật nghi, không có Biểu của thân-ngữ thiện, giả sử có mà mất; nếu trú vào phi luật nghi-phi bất luật nghi, hiện tại có Biểu của thân-ngữ bất thiện, hoặc là trước có không mất, không có Biểu của thân-ngữ thiện, giả sử có mà mất.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc thiện thì đó là sắc hữu phú vô ký-vô phú vô ký chẳng?

Đáp: Có lúc thành tựu sắc thiện mà không phải là sắc hữu phú vô ký-vô phú vô ký đó là các Thánh giả sinh đến cõi vô sắc.

Có lúc thành tựu sắc thiện cũng là sắc vô phú vô ký mà không phải là sắc hữu phú vô ký, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú vào luật nghi. Nếu trú vào không luật nghi và phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì hiện tại có Biểu của thân-ngữ thiện, hoặc là trước có không mất. Nếu sinh ở cõi Sắc thì hiện tại không có Biểu của thân-ngữ hữu phú vô ký.

Có lúc thành tựu sắc thiện cũng là sắc hữu phú vô ký-vô phú vô ký, đó là sinh ở cõi Sắc hiện tại có Biểu của thân-ngữ hữu phú vô ký.

Hỏi: Giả sử thành tựu sắc hữu phú vô ký-vô phú vô ký thì đó là sắc thiện chẳng?

Đáp: Đúng như vậy. Nghĩa là thành tựu sắc hữu phú vô ký-vô phú vô ký thì chắc chắn ở cõi Sắc, bởi vì ở cõi Sắc cho nên nhất định thành tựu sắc thiện.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc thiện thì đó là sắc bất thiện-hữu phú vô ký-vô phú vô ký chẳng?

Đáp: Không có. Nghĩa là thành tựu sắc bất thiện-vô phú vô ký thì chắc chắn ở cõi Dục, thành tựu sắc hữu phú vô ký-vô phú vô ký thì chắc chắn ở cõi sắc vì vậy không có một hữu tình mà cùng sinh ở hai cõi.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc bất thiện thì đó là sắc hữu phú vô ký chẳng?

Đáp: Không có. Nghĩa là thành tựu sắc bất thiện thì chắc chắn ở cõi Dục, thành tựu sắc hữu phú vô ký chỉ chắc chắn ở cõi Sắc, vì vậy không có một hữu tình mà cùng sinh ở hai cõi.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc bất thiện thì đó là sắc hữu phú vô ký chẳng?

Đáp: không có. Nghĩa là thành tựu sắc bất thiện thì chắc chắn ở

cõi Dục, thành tựu sắc hữu phú vô ký thì chắc chắn ở cõi Sắc, vì vậy không có một hữu tình mà cùng sinh ở hai cõi.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc bất thiện thì đó là sắc vô phú vô ký chăng?

Đáp: Thánh tựu các sắc bất thiện, thì lúc ấy nhất định thành tựu sắc vô phú vô ký.

Có lúc thành tựu sắc vô phú vô ký mà không phải là sắc bất thiện, đó là ở trong vỏ trứng và trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú vào luật nghi và phi luật nghi-phi bất luật nghi, thì không có Biểu của thân-ngữ bất thiện; giả sử có mà mất, nếu sinh vào cõi sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc bất thiện thì đó là Sắc hữu phú vô ký-vô phú vô ký chăng?

Đáp: Không có. Như tên đã nói.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc hữu phú vô ký thì đó là sắc vô phú vô ký chăng?

Đáp: thành tựu các sắc hữu phú vô ký thì lúc ấy nhất định thành tựu sắc vô phú vô ký.

Có lúc thành tựu sắc vô phú vô ký mà không phải là sắc hữu phú vô ký, đó là sinh ở cõi Dục, hoặc là sinh ở cõi Sắc, hiện tại không có Biểu của thân-ngữ hữu phú vô ký. Như đã nói ở trên.

Nghĩa tóm lược tổng quát, đó là bốn Đại chủng nếu sinh ở cõi Dục-Sắc thì chắc chắn thành tựu, sinh ở cõi Vô sắc thì chắc chắn không thành tựu. Sắc vô phú vô ký cũng như vậy. Sắc thiện, sinh ở cõi Sắc thì chắc chắn thành tựu, sinh ở cõi Dục-Vô sắc thì hoặc là thành tựu, hoặc là không thành tựu. Sắc bất thiện, sinh ở cõi Sắc-Vô sắc thì chắc chắn không thành tựu, sinh ở cõi Dục thì hoặc là thành tựu, hoặc là không thành tựu. Sắc hữu phú vô ký, sinh ở cõi Dục-Vô sắc thì chắc chắn không thành tựu, sinh ở cõi Sắc thì hoặc là thành tựu, hoặc là không thành tựu.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 129

LUẬN VỀ ĐẠI TẠO (Phần 3)

Đối với bốn Đại chủng, dựa vào Định nào mà diệt? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn hiển bày chư Phật xuất hiện giữa thế gian có công đức to lớn.

Như luận Thi Thiết nói: “Bờ biển lớn vây quanh bên châu Thiện-bộ, có đường đi của Chuyển Luân Vương, rộng một Du-thiên-na. nếu các vị Chuyển Luân Vương không xuất thế, thì nước biển ngập sâu che mất con đường, không có ai có thể đi lại được. Nếu lúc chuyển Luân Vương xuất thế, thì nước biển xung quanh hạ xuống một Du-thiên-na, con đường này mới hiện ra, bằng phẳng và thanh tịnh, nền lát đá bằng vàng, nước hương Chiên-đàn tự nhiên rưới thấm. Cứ mỗi lần Luân Vương muốn tuần sát châu này, thì dẫn theo bốn loại quân binh mà đi trên con đường này. Như vậy, lúc chư Phật chưa xuất thế, không có ai có năng lực dựa vào các Địa căn bản để đoạn phiền não. Nếu đến lúc Đại pháp Luân Vương-mười Lực của Đức Phật xuất hiện giữa thế gian, thì Địa căn bản hiện rõ ra, bình đẳng và thành tựu, lát bằng đá Giác phần, rưới bằng nước Giới-Định, Đức Phật cùng với vô số Na-dữu-đa quyền thuộc, dựa vào đó để hướng đến đi vào cung điện Niết-bàn Vô úy”.

Hỏi: Trong này thế nào là hiển bày Đức Phật xuất thế có công đức to lớn?

Đáp: Đức Phật không xuất thế, câu hỏi này còn không có, huống hồ có ai có thể trả lời được hay sao?

“Như xưa kia Đức Phật an trú trong rừng Thệ-đa thuộc thành Thất-la-phiệt, lúc ấy có Tỳ kheo tên gọi là Mã Thắng, là vị A-la-hán, một mình ở trong tịnh thất, dấy lên tư duy này; Đối với bốn Đại chủng, vĩnh

viễn diệt nơi nào? Bởi vì muốn biết cho nên tiến vào Đẳng trì thù thắng, liền dùng tâm Định ở tại rừng Thệ-đa ẩn đi, chốc lát xuất hiện ở cõi trời Tứ Đại Vương chúng, từ trong Định mà đứng lên hỏi Thiên chúng nơi ấy rằng: Đối với bốn Đại chúng, vĩnh viễn diệt nơi nào? Thiên chúng đáp rằng: Chúng tôi không biết là bốn Đại chúng này vĩnh viễn diệt nơi nào, nhưng chúng tôi đã hầu Tứ Đại Thiên Vương, trí tuệ và uy đức thấy đều thù thắng, chắc là các vị ấy có năng lực biết rõ, có thể đem đến hỏi các vị ấy! Tôn giả lập tức đi đến chỗ Tứ Đại Thiên Vương, đưa ra câu hỏi như trên. Tất cả đều nói không biết, lại cùng nhau ngược lên chỉ đến Thiên chúng cõi Tam Thập Tam. Thiên chúng cõi Tam Thập Tam lại chỉ đến Đế Thích. Đế Thích ngược lên chỉ đến Thiên chúng cõi Dạ-ma. Thiên chúng cõi Dạ-ma chỉ đến Thiên tử Tô-dạ-ma. Thiên tử Tô-dạ-ma chỉ đến Thiên chúng cõi Đổ-sử-đa. Thiên chúng cõi Đổ-sử-đa chỉ đến Thiên tử San-đổ-sử-đa. Thiên tử San-đổ-sử-đa chỉ đến Thiên chúng cõi Lạc Biến Hóa. Thiên chúng cõi Lạc Biến Hóa chỉ đến Thiên tử Diệu Biến Hóa. Thiên tử Diệu Biến Hóa chỉ đến Thiên chúng cõi Tha Hóa Tự Tại. Thiên chúng cõi Tha Hóa Tự Tại chỉ đến Thiên tử Diệu Tự Tại. Thiên tử Diệu Tự tại chỉ đến Thiên chúng cõi Phạm. Như vậy, Tôn giả đi hỏi khắp sáu cõi trời Dục rồi, nhưng không có thể biết nơi diệt của Đại chúng. Muốn đi đến cõi Phạm Thế liền tiến vào Đẳng trì thù thắng, lại dùng tâm Định ở tại cung trời Tự Tại ẩn đi, xuất hiện ở cõi trời Phạm Chúng, từ trong Định mà đứng lên đưa ra câu hỏi như trên. Thiên chúng cõi Phạm đều nói: Chúng tôi không biết, có Đại Phạm Vương là Đại Phạm của cõi Phạm, là bậc tạo tác-biến hóa, làm cha của tất cả, tự tại sinh ra và nuôi dạy, có đủ uy đức to lớn không có ai sánh bằng, không có điều gì không thấy-không hiểu-không biết, vị ấy chắc chắn có thể biết được, Nhân giả nên đi đến hỏi xem! Tôn giả liền hỏi Đại Phạm ở đâu, Thiên chúng cõi Phạm đáp rằng: Bọn tôi cũng không biết Đại Phạm Thiên Vương chắc chắn ở nơi nào, Nhân giả muốn gặp thì tùy theo nơi chốn cầu tìm kỹ càng, sẽ có ánh sáng phát ra mà hiện rõ ràng trong đó. Tôn giả Mã Thắng liền phát tâm chân thành, nguyện cầu Đại Phạm Vương hiện ra nơi chúng này. Ngay lập tức Đại Phạm liền phát ra ánh sáng, lại tự mình hóa thân làm hình dạng Đồng tử, phần đầu có năm chỏm, hình dung-tướng mạo đoan nghiêm, ở giữa Thiên chúng cõi Phạm tùy theo ánh sáng mà hiện bày. Tôn giả tiến lên phía trước hỏi rằng: Thưa Đại Tiên! Đối với bốn Đại chúng vĩnh viễn diệt nơi nào? Phạm vương không hiểu mà cố tình vờ vĩnh nói lung tung: Tỳ kheo nên biết! Ta là Đại Phạm, là người tự tại, người tạo tác-người

biến hóa, người sinh ra-người nuôi nấng, làm cha của tất cả. Đây là do nịnh bợ, lừa dối mà phát ra ngữ nghiệp. Tôn giả nói cho biết rằng: Tôi không hỏi Nhân giả là Phạm hay không phải phạm..., chỉ hỏi Đại chúng vĩnh viễn diệt nơi nào? Lúc bấy giờ Đại Phạm biết Tỳ kheo này không phải là vờ vĩnh nói lung tung mà có thể trả lời ngay được, liền nắm hai tay dẫn đi ra ngoài Thiên chúng. Đây là do nịnh bợ-lừa dối mà phát ra thân nghiệp. Ra ngoài Thiên chúng rồi, xin lỗi Tôn giả rằng: Tôi thật sự không biết nơi diệt của Đại chúng, nhưng các Phạm chúng đều cho rằng tôi là người tạo tác tự tại, không có điều gì không thấy biết, nếu ở giữa mọi người mà nói không biết, thì các Phạm chúng sẽ nhìn tôi với ánh mắt khinh miệt, Tôn giả tự mình sai lầm, rời bỏ Như Lai là nơi gần gũi, nhọc công đi xa tìm gặp để hỏi, khiến cho không đạt được điều gì, nay có thể nhanh chóng quay về đến nơi Đức Phật để thưa hỏi, như lời Đức Phật đã nói mà thuận theo thọ trì chính xác!

Mã Thắng đã nghe Phạm Vương chỉ đến Đức Phật, hoan hỷ cáo lui lại đến tiến vào Đẳng trì, liền dùng tâm Định từ cõi Phạm Thế ẩn đi, chốc lát trở lại hiện ra trong rừng Thệ-đa, từ trong Định mà đứng lên sửa sang y phục, đi đến phía trước Đức Thế Tôn cung kính làm lễ, thưa hỏi về bốn Đại chúng vĩnh viễn diệt nơi nào?

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn nói cho nghe về loài chim không trông thấy bến bờ, rằng: Ông cũng như vậy, mới đi đến cung trời cõi Phạm, tìm hỏi khắp nơi mà không thấy được bến bờ, lại trở về trong này, giống như con chim kia không thấy được bến bờ. Nhưng ông đã hỏi không hợp với nghi thức thưa hỏi, vì vậy mà trả lời cũng trái với lý lẽ trả lời, Ông có muốn hỏi thì nên hỏi như vậy:

Bốn Đại cùng với sự ngắn-dài, vi tế-thô thiển-tĩnh-bất tịnh.

Vĩnh viễn loại bỏ ở nơi nào, gọi là sắc diệt không còn sót? Tỳ thuận câu hỏi này nên trả lời như vậy:

Thức không thấy được-không giới hạn, tánh rộng lớn trùm khắp nơi.

Lại không có gì rộng lớn hơn, có thể làm mất đi tánh này.

Bốn Đại cùng với sự ngắn-dài, vi tế-thô thiển-tĩnh-bất tịnh,

Vĩnh viễn loại bỏ ở nơi này, gọi là sắc diệt không còn sót”.

Có người nói: Trong này Đức Phật nói đến Thánh đạo, bởi vì Đức Thế Tôn đối với Thánh đạo mà nói theo thanh Thức.

Có người nói: Trong này Đức Phật nói đến Niết-bàn, bởi vì nói đến Thức không thấy được-không giới hạn. Nếu không có Đức Phật xuất thế thuyết giảng Chánh pháp, thì tuy là Phạm Vương mà cũng còn

nhiều ngu si-mê mờ, nếu Đức Phật xuất thế tuyên thuyết về Chánh pháp, thì Sa di tám tuổi cũng có thể hiểu rõ ràng. Giả sử có người đến hỏi rằng: Trưởng lão biết hay chẳng, đối với bốn Đại chủng vĩnh viễn diệt nơi nào? Nếu người ấy tụng trì về phần Đại chủng uẩn, thì nói là dựa vào bốn Định, hoặc là dựa vào Vị chí mà diệt. Nếu thế gian không có Phật thì những điều này sẽ không có, cho nên Đức Phật xuất thế có công đức to lớn.

Hỏi: Đối với bốn Đại chủng và sắc sở tạo, dựa vào Định nào mà diệt?

Đáp: Dựa vào bốn Định, hoặc là dựa vào vị trí mà diệt. Định có lúc gọi là Đạo, có lúc gọi là Hành tích, có lúc gọi là Đối trị, có lúc gọi là Tác ý, nghĩa không có gì sai biệt. Diệt có lúc gọi là Đoạn, có lúc gọi là Ly nhiễm, có lúc gọi là Tận, có lúc gọi là Ly hệ, nghĩa cũng không có gì sai biệt.

Xưa ở Bộ này có hai Luận Sư:

1. Tên gọi Thời-tỳ-la.
2. Tên gọi Cù-sa-phạt-ma.

Tôn giả Thời-tỳ-la đưa ra cách nói như vậy: “trong này chỉ nói vĩnh viễn đoạn là đoạn không sót lại gì, đoạn không có tùy theo ràng buộc, đoạn không có phần ít, đoạn không có hình ảnh-cảnh tượng. Nói Thánh giả đoạn chứ không phải là dị sinh đoạn, nói đến tác dụng của Thánh đạo chứ không phải là tác dụng của đạo thế tục. Nguyên cố thế nào? bởi vì dựa vào kinh Thất Y để lập ra luận này, kinh ấy chỉ nói đến Địa căn bản, cho nên không có dị sinh; hoặc là các Thánh giả dựa vào Địa căn bản khởi lên đạo thế tục, cho nên có thể lìa nhiễm”.

Tôn giả Cù-sa-phạt-ma đưa ra cách nói như vậy: “Trong này chỉ nói vĩnh viễn đoạn là đoạn không sót lại gì, đoạn không có tùy theo ràng buộc, đoạn không có phần ít, đoạn không có hình ảnh-cảnh tượng. Đây là nói thuận theo lý, còn lại thì không như vậy. Nguyên cố thế nào? Bởi vì trong này nói chung về các Thánh giả đoạn và dị sinh đoạn, tác dụng của Thánh đạo và tác dụng của đạo thế tục”.

Hỏi: Dựa vào Kinh Thất Y để lập ra luận này, kinh ấy chỉ nói đến các Địa căn bản, cho nên không có dị sinh; hoặc là các Thánh giả dựa vào Địa căn bản khởi lên đạo thế tục, cho nên có thể lìa các nhiễm. Nói như thế làm sao thông suốt?

Đáp: Vì vậy cho nên nói A-tỳ-đạt-ma là ánh sáng-ngọn lửa-cây đèn-chiếc gương của các kinh, điều gì trong các Kinh chưa giải thích rộng ra thì trong này giải thoát rộng ra, chưa nêu ra rõ ràng thì trong này

nêu ra rõ ràng. Kinh nói có cách khác, trong này không có cách gì khác; Kinh nói có ý khác, trong này không có ý gì khác. Trong A-tỳ-đạt-ma nói phần nhiều là hết ý, vì vậy kinh và luận dễ dàng thông suốt cả hai cách nói.

Đại chủng-tạo sắc dựa vào bốn Định mà diệt, đó là dựa vào bốn Tịch lự; dựa vào vị chí mà diệt, đó là dựa vào ận phần Tịch lự thứ nhất, Tịch lự trung gian và Cận phần không vô biên xứ. Trong này, Cận phần Tịch lự-Vô sắc Tịch lự trung gian đều gọi là Vị chí, bởi vì đều chưa có thể tiến vào Địa căn bản thù thắng, mà có thể đoạn phiền não hiện rõ trước mắt.

Hỏi: Trong Kinh chỉ nói Căn bản gọi là dựa vào, tại sao trong này nói là dựa vào Vị chí?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Trong này nên nói là dựa vào bốn Định-hoặc là Vị chí mà diệt, không nên nói là dựa vào Vị chí, nhưng nói dựa vào là có ý gì vậy? Bởi vì văn này nói tiếp về Địa căn bản, dựa vào bốn Định là nói bốn pháp dựa vào Định; dựa vào vị chí, nghĩa là nêu ra các pháp dựa vào, hiển bày về các Vị chí, không phải là nói Vị chí này làm nơi dựa vào. Như nói đi vào thành hay chưa đi vào thành? Tuy nói tiếp về chữ Thành mà không có sự việc của Thành nào khác, điều ấy cũng như vậy.

Có Sư khác nói: Trong này nói dựa vào là nói chung về các Định, không phải là chỉ riêng Căn bản, bởi vì đều có thể làm sở y cho đạo. Nhưng bảy pháp dựa vào Định là ngay nơi thù thắng mà nói. Đại chủng-tạo sắc đã ràng buộc năm Địa, đó là cõi Dục và bốn Tịch lự, vì vậy lúc lìa nhiệm của Tịch lự thứ tư, mới là đoạn đến cuối cùng. Nhưng lìa nhiệm ấy có lúc dựa vào Cận phần Tịch lự thứ nhất, có lúc dựa vào bốn Tịch lự, có lúc dựa vào Tịch lự trung gian, có lúc dựa vào cận phần không vô biên xứ. Nếu dựa vào Cận phần không vô biên xứ, thì lúc lìa nhiệm ấy gồm chung Thánh giả và dị sinh, chỉ riêng đạo thế tục chứ không phải là Thánh đạo. Nếu dựa vào Địa khác thì lúc lìa nhiệm ấy, chỉ riêng Thánh giả chứ không phải là dị sinh, chỉ riêng Thánh đạo chứ không phải là đạo thế tục.

Trong này nói cuối cùng đã diệt Đại chủng-tạo sắc, đó là sự ràng buộc của Tịch lự thứ tư, cho nên nói là dựa vào bốn Định, hoặc là dựa vào vị chí mà diệt. Nếu Đại chủng-tạo sắc đã ràng buộc cõi Dục, thì chỉ nên nói là dựa vào vị chí mà diệt, bởi vì dựa vào Cận phần Tịch lự thứ nhất mà diệt. Đại chủng-tạo sắc đã ràng buộc Tịch lự thứ nhất, nên nói là dựa vào Định thứ nhất, hoặc là dựa vào vị chí mà diệt, bởi vì dựa vào

Tĩnh lự thứ nhất-Tĩnh lự trung gian và Cận phần của hai Tĩnh lự trước mà diệt. Đại chủng tạo sắc đã ràng buộc Tĩnh lự thứ hai, nên nói là dựa vào hai Định, hoặc là dựa vào Vị chí mà diệt, bởi vì dựa vào hai Tĩnh lự -Tĩnh lự trung gian và Cận phần của Tĩnh lự thứ nhất-thứ ba mà diệt. Đại chủng-tạo sắc đã ràng buộc Tĩnh lự thứ ba, nên nói là dựa vào ba Định, hoặc là dựa vào Vị chí mà diệt, bởi vì dựa vào ba Tĩnh lự trước-Tĩnh lự trung gian và cận phần của Tĩnh lự thứ nhất-thứ tư mà diệt.

Nên biết trong này các pháp dựa vào ba Tĩnh lự trước và Tĩnh lự trung gian mà diệt, chỉ riêng Thánh giả chứ không phải là dị sinh, chỉ riêng Thánh đạo chứ không phải là đạo thế tục. Các pháp dựa vào Cận phần Tĩnh lự thứ nhất mà diệt, gồm chung Thánh giả và dị sinh, gồm chung Thánh đạo và đạo thế tục. Các pháp dựa vào cận phần của ba Tĩnh lự còn lại, gồm chung Thánh giả và dị sinh, chỉ riêng đạo thế tục chứ không phải là Thánh đạo, bởi vì bảy Cận phần của địa trên không có Thánh đạo.

Hỏi: tâm-Tứ-Hữu đối-Xúc dựa vào Định nào mà diệt?

Đáp: Dựa vào Định thứ nhất, hoặc là dựa vào vị chí mà diệt. Dựa vào Định thứ nhất mà diệt, đó là dựa vào Tĩnh lự thứ nhất. Dựa vào Vị chí mà diệt, đó là dựa vào cận phần của hai Tĩnh lự trước mà Tĩnh lự trung gian.

Tâm-Tứ-Hữu đối-Xúc đã ràng buộc hai Địa, đó là cõi Dục và Tĩnh lự thứ nhất, vì vậy lúc lìa nhiệm của Tĩnh lự thứ nhất, mới là đoạn đến cuối cùng. Nhưng lìa nhiệm ấy có lúc dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, có lúc dựa vào Tĩnh lự trung gian, có lúc dựa vào cận phần của hai Tĩnh lự trước. Nếu dựa vào cận phần Tĩnh lự thứ hai, thì lúc lìa nhiệm ấy gồm chung Thánh giả và dị sinh, chỉ riêng đạo thế tục chứ không phải là Thánh đạo. Nếu dựa vào Địa khác thì lúc lìa nhiệm ấy, chỉ riêng Thánh giả chứ không phải là dị sinh, chỉ riêng Thánh đạo chứ không phải là đạo thế tục.

Trong này nói cuối cùng đã diệt tâm-Tứ-Hữu đối-Xúc, đó là sự ràng buộc của Tĩnh lự thứ nhất, cho nên nói là dựa vào Định thứ nhất, hoặc là dựa vào vị chí mà diệt. Nếu tâm-Tứ-Hữu đối-Xúc đã ràng buộc cõi Dục, thì chỉ nên nói là dựa vào vị chí mà diệt, bởi vì dựa vào Cận phần Tĩnh lự thứ nhất mà diệt. Ở đây gồm chung Thánh giả và dị sinh, gồm chung Thánh đạo và đạo thế tục.

Hỏi: Lạc căn dựa vào Định mà diệt?

Đáp: Dựa vào ba Định, hoặc là dựa vào vị chí mà diệt. Dựa vào ba Định mà diệt, đó là dựa vào ba Tĩnh lự trước. Dựa vào vị chí mà diệt,

đó là dựa vào Cận phần Tĩnh lự thứ nhất-Tĩnh lự trung gian và Cận phần Tĩnh lự thứ tư. Lạc căn đã ràng buộc ba Địa, đó là cõi Dục-Tĩnh lự thứ nhất và Tĩnh lự thứ ba, vì vậy lúc lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, mới là đoạn đến cuối cùng. Nhưng lìa nhiễm ấy có lúc dựa vào ba Tĩnh lự trước, có lúc dựa vào Tĩnh lự trung gian, có lúc dựa vào cận phần của Tĩnh lự thứ nhất và thứ tư. Nếu dựa vào cận phần Tĩnh lự thứ tư thì lúc lìa nhiễm ấy, gồm chung Thánh giả và dị sinh, chỉ riêng đạo thế tục chứ không phải là Thánh đạo. Nếu dựa vào Địa khác thì lúc lìa nhiễm ấy, chỉ riêng Thánh giả chứ không phải là dị sinh, chỉ riêng Thánh đạo chứ không phải là đạo thế tục.

Trong này nói cuối cùng đã diệt lạc căn, đó là sự ràng buộc của Tĩnh lự thứ ba, cho nên nói là dựa vào ba Định, hoặc là dựa vào vị chí mà diệt. Nếu lạc căn đã ràng buộc cõi Dục, thì chỉ nên nói là dựa vào vị chí mà diệt, bởi vì dựa vào Cận phần Tĩnh lự thứ nhất mà diệt. Lạc căn đã ràng buộc Tĩnh lự thứ nhất, nên nói là dựa vào Định thứ nhất, hoặc là dựa vào vị chí mà diệt, bởi vì dựa vào Tĩnh lự thứ nhất-Tĩnh lự trung gian và cận phần của hai Tĩnh lự trước mà diệt.

Trong này, các pháp dựa vào Tĩnh lự thứ nhất và Tĩnh lự trong gian mà diệt, chỉ riêng Thánh giả chứ không phải là dị sinh, chỉ riêng Thánh đạo chứ không phải là đạo thế tục. Các pháp dựa vào Cận phần Tĩnh lự thứ nhất mà diệt, gồm chung Thánh giả và dị sinh, gồm chung Thánh đạo và đạo thế tục. Dựa vào Cận phần Tĩnh lự thứ hai mà diệt, gồm chung Thánh giả và dị sinh, chỉ riêng đạo thế tục chứ không phải là Thánh đạo.

Hỏi: Hỷ căn dựa vào Định nào mà diệt?

Đáp: Dựa vào hai Định, hoặc là Vị chí mà diệt. Dựa vào hai định mà diệt, đó là dựa vào hai Tĩnh lự trước. Dựa vào vị trí mà diệt, đó là dựa vào Cận phần Tĩnh lự thứ nhất-Tĩnh lự trong gian và Cận phần Tĩnh lự thứ ba.

Hỷ căn đã ràng buộc ba Địa, đó là cõi Dục và hai Tĩnh lự trước, vì vậy lúc lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, mới là đoạn đến cuối cùng. Nhưng lìa nhiễm ấy có lúc dựa vào hai Tĩnh lự trước, có lúc dựa vào Tĩnh lự trung gian, có lúc dựa vào Cận phần của Tĩnh lự thứ nhất và thứ ba. Nếu dựa vào cận phần Tĩnh lự thứ ba thì lúc lìa nhiễm ấy, gồm chung Thánh giả và dị sinh, chỉ riêng đạo thế tục chứ không phải là Thánh Đạo. Nếu dựa vào Địa khác thì lúc lìa nhiễm ấy, chỉ riêng Thánh giả chứ không phải là dị sinh, chỉ riêng Thánh đạo chứ không phải là đạo thế tục.

Trong này nói cuối cùng đã diệt Hỷ căn, đó là sự ràng buộc của

Tĩnh lự thứ hai, cho nên nói là dựa vào hai Định, hoặc là dựa vào Vị chí mà diệt. Nếu Hỷ căn đã ràng buộc cõi Dục, thì chỉ nên nói là dựa vào Vị chí mà diệt, bởi vì dựa vào Cận phần Tĩnh lự thứ nhất mà diệt. Hỷ căn đã ràng buộc Tĩnh lự thứ nhất, nên nói là dựa vào Định thứ nhất, hoặc là dựa vào Vị chí mà diệt, bởi vì dựa vào Tĩnh lự thứ nhất-Tĩnh lự trung gian và Cận phần của hai Tĩnh lự trước mà diệt.

Trong này, các pháp dựa vào Tĩnh lự thứ nhất-Tĩnh lự trung gian mà diệt, chỉ riêng Thánh giả chứ không phải là dị sinh, chỉ riêng Thánh đạo chứ không phải là đạo thế tục. Dựa vào Cận phần Tĩnh lự thứ nhất mà diệt, gồm chung Thánh giả và dị sinh, gồm chung Thánh đạo và đạo thế tục. Dựa vào Cận phần Tĩnh lự thứ hai mà diệt, gồm chung Thánh giả và dị sinh, chỉ riêng đạo thế tục chứ không phải là Thánh đạo.

Hỏi: Khổ căn-ưu căn-Đoàn thực dựa vào Định nào mà diệt?

Đáp: Dựa vào vị chí mà diệt, đó là Cận phần Tĩnh lự thứ nhất, bởi vì khổ căn... chỉ ràng buộc cõi Dục, vì vậy lúc lìa nhiễm ấy, thì đoạn đến cuối cùng.

Nhưng lúc lìa nhiễm ấy, chỉ dựa vào Cận phần Tĩnh lự thứ nhất. Loại này gồm chung Thánh giả và dị sinh, gồm chung Thánh đạo và đạo thế tục.

Hỏi: Xả căn-xúc-tự-thức thực dựa vào Định nào mà diệt?

Đáp: Dựa vào bảy Định, hoặc là dựa vào Vị chí mà diệt. Dựa vào bảy Định mà diệt, đó là dựa vào bốn Tĩnh lự và ba Vô sắc trước. Dựa vào Vị chí mà diệt, đó là dựa vào Cận phần Tĩnh lự thứ nhất và Tĩnh lự trong gian. Xả căn... này đã ràng buộc chín Địa, đó là từ cõi Dục cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, vì vậy lúc lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, mới là đoạn đến cuối cùng. Nhưng lìa nhiễm ấy có lúc dựa vào Cận phần Tĩnh lự thứ nhất, có lúc dựa vào Tĩnh lự trung gian, có lúc dựa vào bốn Tĩnh lự, có lúc dựa vào ba vô sắc trước. Loại này chỉ riêng Thánh giả chứ không phải là dị sinh, chỉ riêng Thánh đạo chứ không phải là đạo thế tục.

Trong này nói cuối cùng đã diệt xả căn và ba cách ăn, đó là sự ràng buộc của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, cho nên nói là dựa vào bảy Định, hoặc là dựa vào Vị chí mà diệt. Nếu xả căn và ba cách ăn đã ràng buộc cõi Dục, thì nên nói là dựa vào Vị chí mà diệt, bởi vì dựa vào Cận phần Tĩnh lự thứ nhất mà diệt. Xả căn và ba cách ăn đã ràng buộc Tĩnh lự thứ nhất, nên nói là dựa vào Định thứ nhất, hoặc là dựa vào Vị chí mà diệt, bởi vì dựa vào Tĩnh lự thứ nhất-Tĩnh lự trung gian và Cận phần của hai Tĩnh lự trước mà diệt. Xả căn và ba cách ăn đã ràng buộc Tĩnh

lự thứ hai, nên nói là dựa vào hai Định, hoặc là dựa vào vị chí Định mà diệt, bởi vì dựa vào hai Tĩnh lự trước-Tĩnh lự trung gian và cận phần của Tĩnh lự thứ nhất-thứ ba mà diệt. Xả căn và ba cách ăn đã ràng buộc Tĩnh lự thứ ba, nên nói là dựa vào ba Định, hoặc là dựa vào Vị chí mà diệt, bởi vì dựa vào ba Tĩnh lự trước-Tĩnh lự trung gian và cận phần của Tĩnh lự thứ nhất-thứ tư mà diệt. Xả căn và ba cách ăn đã ràng buộc Tĩnh lự thứ tư, nên nói là dựa vào bốn Định, hoặc là dựa vào Vị chí mà diệt, bởi vì dựa vào bốn Tĩnh lự- Tĩnh lự trung gian, Cận phần Tĩnh lự thứ nhất-Cận phần không vô biên xứ mà diệt. Xả căn và ba cách ăn của không vô biên xứ, nên nói là dựa vào năm Định, hoặc là dựa vào vị chí mà diệt, bởi vì dựa vào bốn Tĩnh lự, không vô biên xứ, Tĩnh lự trong gian, Cận phần Tĩnh lự thứ nhất, Cận phần Thức vô biên xứ mà diệt. Xả căn và ba cách ăn của Thức vô biên xứ, nên nói là dựa vào sáu Định, hoặc là dựa vào Vị chí mà diệt, bởi vì dựa vào bốn Tĩnh lự, hai Vô sắc trước, Tĩnh lự trung gian, cận phần Tĩnh lự thứ nhất, Cận phần Vô sở hữu xứ mà diệt. Xả căn và ba cách ăn của Vô sở hữu xứ, nên nói là dựa vào bảy Định, hoặc là dựa vào vị chí mà diệt, bởi vì dựa vào bốn Tĩnh lự, ba Vô sắc trước, Tĩnh lự trung gian, Cận phần Tĩnh lự thứ nhất, cận phần Phi tưởng phi phi tưởng xứ mà diệt.

Trong này, các pháp dựa vào bảy Định và Tĩnh lự trung gian mà diệt, chỉ riêng Thánh giả chứ không phải là dị sinh, chỉ riêng Thánh đạo chứ không phải là đạo thế tục. Các pháp dựa vào Cận phần Tĩnh lự thứ nhất mà diệt, gồm chung Thánh giả và dị sinh, gồm chung Thánh đạo và đạo thế tục. Các pháp dựa vào Cận phần của bảy Địa trên mà diệt, gồm chung Thánh giả và dị sinh, chỉ riêng đạo thế tục chứ không phải là Thánh đạo.

Hỏi: Đối với bốn Đại chủng và sắc sở tạo, đã đoạn-đã biết khắp, nên nói là trú ở quả nào?

Đáp: Quả A-la-hán, hoặc là không trú quả nào. trú vào quả A-la-hán, nghĩa là Bồ-đặc-la ấy đã đoạn-đã biết khắp Đại chủng-tạo sắc, trú vào quả vô học. Hoặc là không trú quả nào, nghĩa là Bồ-đặc-già-la ấy đã đoạn-đã biết khắp Đại chủng-tạo sắc, mà còn chưa trú vào quả, tức là các dị sinh đã lìa nhiễm cõi sắc, và trước khi lìa nhiễm ấy tiến vào Chánh tánh ly sinh, trú trong kiến đạo qua mười lăm tâm. Nếu từ từ lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, thì đạo giải thoát là cuối cùng; lìa nhiễm của không vô biên xứ, là các đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát; cho đến lìa nhiễm của vô sở hữu xứ, nên biết cũng như vậy. Lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, là các đạo gia hạnh-chín đạo vô

gián-tám đạo giải thoát. Trú trong các phần vị này, Bồ-đặc-già-la đã đoạn-đã biết khắp về Đại chủng-tạo sắc, mà vẫn chưa trú vào bốn quả Sa-môn.

Hỏi: Trước khi lìa nhiễm cõi Sắc tiến vào Chánh tánh ly sinh, lúc Đạo loại trí hiện khởi đã đoạn-đã biết khắp về Đại chủng-tạo sắc, Bồ-đặc-già-la này trú vào quả bất hoàn, trong này vì sao không nói?

Đáp: Nên nói mà không nói đến thì phải biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này dựa vào từ từ từng bước mà nói, đó là nói đến người có đủ ràng buộc tiến vào Chánh tánh ly sinh, chứ không phải là người siêu việt, vì thế cho nên không nói.

Hỏi: Tâm-Tứ-Hữu đối-Xúc đã đoạn-đã biết khắp, nên nói là trú ở quả nào?

Đáp: Quả A-la-hán, hoặc là không trú quả nào. Trú vào quả A-la-hán, nghĩa là Bồ-đặc-già-la ấy đã đoạn-đã biết khắp về Tâm-Tứ-Hữu đối-Xúc, trú vào quả Vô học. Hoặc là không trú quả nào, nghĩa là Bồ-đặc-già-la ấy đã đoạn-đã biết khắp về Tâm-Tứ-Hữu đối-xúc, mà vẫn chưa trú vào quả, tức là các dị sinh đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất; hoặc là trước khi lìa nhiễm ấy, tiến vào Chánh tánh ly sinh, trú trong kiến đạo khoảng mười lăm tâm. Nếu từ từ từng bước, lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất thì cuối cùng là đạo giải thoát; lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai là các đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát; cho đến lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, nên biết cũng như vậy. Lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, là các đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-tám đạo giải thoát. Trú trong các phần vị này, Bồ-đặc-già-la đã đoạn-đã biết khắp về Tâm-Tứ-Hữu đối-Xúc, mà vẫn chưa trú vào bốn quả Sa môn.

Hỏi: Trước khi lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, tiến vào Chánh tánh ly sinh, lúc Đạo loại trí hiện khởi đã đoạn-đã biết khắp về Tâm-Tứ-Hữu đối-Xúc, Bồ-Đặc-Già-la này trú vào quả Bất hoàn, trong này vì sao không nói?

Đáp: Nên nói mà không nói đến thì phải biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này dựa vào từ từ từng bước mà nói. Nói rộng ra như trước.

Hỏi: Lạc căn đã đoạn-đã biết khắp, nên nói là trú ở quả nào? đáp: trú vào quả A-la-hán, hoặc là không trú quả nào. trú vào quả A-la-hán, nghĩa là Bồ-đặc-già-la ấy đã đoạn-đã biết khắp về Lạc căn, trú

vào quả Vô học. Hoặc là không trú quả nào, nghĩa là Bồ-đặc-già-la ấy đã đoạn-đã biết khắp về Lạc căn, mà vẫn chưa trú vào quả, tức là các dị sinh đã lìa nhiễm của Tịch lự thứ ba; hoặc là trước khi lìa nhiễm ấy, tiến vào Chánh tánh ly sinh, trú trong Kiến đạo khoảng mười lăm tâm. Nếu từ từ từng bước, lìa nhiễm của Tịch lự thứ ba thì cuối cùng là đạo giải thoát; lìa nhiễm của Tịch lự thứ tư là các đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát; cho đến lìa nhiễm của vô sở hữu xứ, nên biết cũng như vậy. Lìa nhiễm của Phi tướng phi phi tướng xứ, là các đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-tám đạo giải thoát. Trú trong các phần vị này, Bồ-đặc-già-la đã đoạn-đã biết khắp về Lạc căn, mà vẫn chưa trú vào bốn quả Sa-môn.

Hỏi: Trước khi lìa nhiễm của Tịch lự thứ ba, tiến vào Chánh tánh ly sinh, lúc Đạo loại trí hiện khởi, lúc bấy giờ đã đoạn-đã biết khắp về lạc căn, Bồ-đặc-già-la này trú vào quả Bất hoàn, trong này vì sao không nói?

Đáp: nên nói mà không nói đến thì phải biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này dựa vào từ từ từng bước mà nói. Nói rộng ra như trước.

Hỏi: Hỷ căn đã đoạn-đã biết khắp, nên nói là trú ở quả nào?

Đáp: Quả A-la-hán, hoặc là không trú quả nào. trú vào quả A-la-hán, nghĩa là Bồ-đặc-già-la ấy đã đoạn-đã biết khắp về Hỷ căn, mà vẫn chưa trú vào quả, tức là các dị sinh đã lìa nhiễm của Tịch lự thứ hai; hoặc là trước khi lìa nhiễm ấy, tiến vào Chánh tánh ly sinh, trú trong Kiến đạo khoảng mười lăm tâm. Nếu từ từ từng bước, lìa nhiễm của Tịch lự thứ hai thì cuối cùng là đạo giải thoát; lìa nhiễm của Tịch lự thứ ba, là các đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát; cho đến lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, nên biết cũng như vậy. Lìa nhiễm của Phi tướng phi phi tướng xứ, là các đạo gia hạnh-chín đạo vô gián-tám đạo giải thoát. Trú trong các phần vị này, Bồ-đặc-già-la đã đoạn-đã biết khắp về Hỷ căn, mà vẫn chưa trú vào bốn quả Sa-môn.

Hỏi: Trước khi lìa nhiễm của Tịch lự thứ hai, tiến vào Chánh tánh ly sinh, lúc Đạo loại trí hiện khởi, lúc bấy giờ đã đoạn-đã biết khắp về Hỷ căn, Bồ-đặc-già-la này trú vào quả bất hoàn, trong này vì sao không nói?

Đáp: Nên nói mà không nói đến thì phải biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này dựa vào từ từ từng bước mà nói. Nói rộng

ra như trước.

Hỏi: Khổ căn-Uu căn-Đoàn thực đã đoạn-đã biết khắp, nên nói là trú ở quả nào?

Đáp: Quả bất hoàn, hoặc là quả A-la-hán, hoặc là không trú quả nào. trú vào quả bất hoàn, nghĩa là Bồ-đặc-già-la ấy đã đoạn-đã biết khắp về ba loại như Khổ căn..., rú vào quả thứ ba thuộc về Học. Trú vào quả A-la-hán, nghĩa là Bồ-đặc-già-la ấy đã đoạn-đã biết khắp về ba loại như Khổ căn..., trú vào quả Vô học. Không trú quả nào, nghĩa là Bồ-đặc-già-la ấy đã đoạn-đã biết khắp về ba loại như khổ căn..., mà vẫn chưa trú vào quả, tức là các dị sinh đã lìa nhiệm của cõi Dục; hoặc là trước khi lìa nhiệm ấy, tiến vào Chánh tánh ly sinh, trú trong Kiến đạo khoảng mười lăm tâm. Trú trong các phần vị này, Bồ-đặc-già-la đã đoạn-đã biết khắp về ba loại như Khổ căn... mà vẫn chưa trú vào bốn quả Sa-môn.

Trong này không nói đến từ từ từng bước, các tỳ kheo đem việc này bạch Phật, Phật nói: phần vị gọi là không trú quả nào, bởi vì lìa nhiệm của cõi Dục thì cuối cùng là đạo vô gián sinh khởi; lúc bấy giờ ba loại như Khổ căn... hoàn toàn đoạn hết, lúc cuối cùng là đạo giải thoát, cho nên Bồ-đặc-già-la này chắc chắn trú vào quả bất hoàn.

Hỏi: Xả căn-Xúc-Tư-Thức thực đã đoạn-đã biết khắp, nên nói là trú ở quả nào?

Đáp: Quả A-la-hán. Trong này không nói đến hoặc là không trú quả nào. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì lìa nhiệm của Phi tướng phi phi tướng xứ, cuối cùng là đạo vô gián sinh khởi, lúc bấy giờ Xả căn và ba cách ăn hoàn toàn đoạn hết, lúc cuối cùng là đạo giải thoát, cho nên Bồ-đặc-già-la này chắc chắn trú vào quả A-la-hán.

Có Sư khác đối với điều này đưa ra giải thích theo ý khác, nghĩa là điều này ý hỏi về bốn Đại chủng... đã đoạn-đã biết khắp, nên nói là thuộc về quả nào? Vì vậy không nói đến bốn Đại chủng... đã đoạn-đã biết khắp, trú vào quả Bất hoàn, trước lìa nhiệm của cõi Sắc, sau tiến vào Chánh tánh ly sinh, lúc đạo loại trí hiện khởi tuy đạt được quả Bất hoàn, mà lìa ràng buộc ấy không phải là thuộc về quả Bất hoàn, bởi vì quả bất hoàn chỉ thuộc về kiến mà đoạn, và đoạn do tu mà đoạn của cõi Dục, là quả của đoạn.

Lời bình: Cách nói trước là hợp lý. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì trong này chỉ hỏi về Bồ-đặc-già-la đã đoạn-đã biết khắp đối với bốn Đại chủng..., có thể trú vào quả nào, chứ không hỏi là thuộc về quả nào?

Trong Kinh nói: “Thực có bốn loại:

1. Đoàn thực.
2. Xúc thực.
3. Ý tứ thực.
4. Thức thực”.

Thế nào là Đoàn thực? Đó là do phần đoạn thô-tế làm duyên, nuôi lớn các căn, tăng thêm Đại chủng. Thế nào là Xúc-Ý tứ-Thức thực? Đó là Xúc-Ý tứ-Thức hữu lậu làm duyên, nuôi lớn các căn, tăng thêm Đại chủng.

Trong này, nuôi lớn các căn là hiển bày về nuôi lớn các pháp, tăng thêm Đại chủng là hiển bày về dị thực của các pháp.

Hỏi: Các căn cũng có thể tăng thêm bởi vì có dị thực, Đại chủng cũng có thể nuôi lớn bởi vì có nuôi lớn, tại sao trong này chỉ đưa ra cách nói này?

Đáp: Các căn-Đại chủng đều cần phải đưa ra hai cách nói, mà không nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác. Lại nữa, muốn dùng các loại văn từ-các loại giải thích để hiển bày rõ ràng nghĩa lý khiến cho dễ hiểu. Lại nữa, muốn dùng hai môn loại-hai tầng bậc-hai phương thức-hai cách hiểu-hai ngọn đuốc-hai hình ảnh, hai ánh sáng để hiển bày rõ ràng lẫn nhau. Như Căn nói là nuôi lớn, Đại chủng cũng thuộc theo như; như Đại chủng nói là tăng thêm, Căn cũng thuận theo như vậy. Bởi vì hai môn loại... mô phỏng lẫn nhau, cho nên lý đã nói thông suốt- nghĩa chủ yếu của văn hiển bày.

Hỏi: Như nuôi lớn và tăng thêm đã nói, là lớn thêm đối với pháp lớn thêm, hay là lớn thêm đối với pháp không lớn thêm? Nếu lớn thêm đối với pháp lớn thêm, thì pháp lớn thêm ấy lại lớn thêm gì? Nếu lớn thêm đối với pháp không lớn thêm, thì pháp không lớn thêm làm sao lớn thêm?

Đáp: Không phải là lớn thêm đối với pháp lớn thêm, cũng không phải là lớn thêm đối với pháp không lớn thêm. Nhưng pháp lớn thêm-không lớn thêm trước phải trú vào vị lai, nếu gặp duyên lớn thêm thì pháp không lớn thêm sẽ diệt, pháp lớn thêm sẽ sinh; nếu gặp duyên không lớn thêm thì pháp lớn thêm sẽ diệt, pháp không lớn thêm sẽ sinh, tuy không có chuyển đổi-tạo tác mà nghĩa cùng tồn tại.

Hỏi: Có thể có Xúc-Tứ-Thức hữu lậu làm duyên, nuôi lớn các căn, tăng thêm Đại chủng, mà không phải là Thực (ăn-thức ăn) chăng?

Đáp: Có, đó là Xúc-Tứ-Thức của cõi khác có thể nuôi lớn-tăng thêm các căn và Đại chủng.

Hỏi: Có thể có Xúc-Tư-Thức cùng cõi làm duyên, nuôi lớn các căn, tăng thêm Đại chủng, mà không phải là Thực chăng?

Đáp: Có, đó là Xúc-Tư-Thức của địa khác có thể nuôi lớn-tăng thêm các căn và Đại chủng.

Hỏi: Có thể có Xúc-Tư-Thức cùng địa làm duyên, nuôi lớn các căn, tăng thêm Đại chủng, mà không phải là Thực chăng?

Đáp: Có, đó là Xúc-Tư-Thức vô lậu có thể nuôi lớn-tăng thêm các căn và Đại chủng.

Hỏi: Vì sao vô lậu không thiết lập làm Thực?

Đáp: Bởi vì các pháp vô lậu không có tướng của Thực. Lại nữa, pháp hiện rõ trước mắt tăng thêm các quả (Hữu), thâm nhiếp tiếp nhận các quả, quản lý giữ gìn các quả, có thể nói là Thực; các pháp vô lậu làm cho các quả sút giảm-tổn hại và bị phá hoại, cho nên không nói là Thực. Lại nữa, pháp hiện rõ trước mắt kết hợp nối tiếp các quả, kéo dài thêm lão tử, có thể làm cho sinh tử luân chuyển không cùng tận, có thể nói là Thực; các pháp vô lậu đoạn dứt các quả, đoạn dứt lão tử, có thể làm cho sinh tử không còn luân chuyển, cho nên không nói là Thực. Lại nữa, pháp hiện rõ trước mắt tùy thuận khổ-tập, tùy thuận lão tử, có thể làm cho các quả của sinh tử lưu chuyển trong thế gian không ngừng, có thể nói là Thực; các pháp vô lậu tùy thuận Khổ-tập không còn, tùy thuận lão tử không còn, có thể làm cho các quả của sinh tử không còn lưu chuyển giữa thế gian, cho nên không nói là Thực. Lại nữa, pháp hiện rõ trước mắt là sự của Thân kiến, là sự của điên đảo, là sự của tham ái, là sự của tùy miên, là nơi dừng chân vững vàng của tham-sân-si, có vết bản-có chất độc, có xấu xa-có hỗn loạn, có gai góc-có oán thù, do các quả thâm nhiếp, thuộc về Khổ-tập đế, có thể nói là Thực; các pháp vô lậu không phải sự của Thân kiến, không phải sự của điên đảo, không phải sự của tham ái, không phải sự của tùy miên, không phải nơi dừng chân vững vàng của tham-sân-si, không có bản-thiếu-không có chất độc, không có xấu xa-không có hỗn loạn, không có gai góc-không có oán thù, không phải là do các quả thâm nhiếp, không thuộc về khổ-tập đế, cho nên không nói là Thực. Vả lại, pháp vô lậu không có thể nuôi lớn các quả đến cuối cùng, tuy tạm thời nuôi lớn nhưng không phải là đến cuối cùng, cho nên không nói là Thực.

Tôn giả Diệu Âm cũng đưa ra cách nói này: “Không phải là pháp vô lậu nuôi lớn các quả, tuy tạm thời nuôi lớn mà không phải là đến cuối cùng, hoàn toàn trái ngược với quả, cho nên không nói là Thực. Nói là Thực thì hoàn toàn có năng lực nuôi lớn”.

Hỏi: Thế của Thực là gì?

Đáp: là mười sáu sự việc, trong đó mười ba sự là Thế của Đoàn thực, tức là mười một Xúc và Hương-Vị xứ; ba loại Xúc-Tư-Thức là Thế của Thực còn lại, do Uẩn-Giới-Xứ thâm nhiếp, là thâm nhiếp phần ít của mười một Giới-năm xứ-ba uẩn. Mười một Giới, đó là bảy Tâm giới và Hương-Vị-Xúc-Pháp giới; năm Xứ, đó là Hương-Vị-Xúc xứ, Ý xứ-Pháp xứ; ba Uẩn, đó là Sắc-Hành-Thức uẩn. Đó gọi là tánh tướng-ngã vật-tự Thế của bốn Thực.

Đã nói về tự Thế, nay sẽ nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao gọi là Thực, Thực là nghĩa gì?

Đáp: nghĩa về dẫn dắt quả là nghĩa của Thực; nghĩa về nối tiếp quả, nghĩa về duy trì quả, nghĩa về phát sinh quả, nghĩa về nuôi giữ quả, nghĩa về tăng thêm quả, là nghĩa của Thực. Bốn loại này đối với quả luôn dẫn dắt, cho đến luôn luôn tăng thêm, cho nên gọi là Thực.

Hỏi: Nếu dẫn dắt quả... cho đến tăng thêm quả, là nghĩa của Thực, thì các pháp hữu lậu đều phải gọi là Thực, vì sao chỉ nói bốn loại?

Đáp: Hiệp Tôn giả nói: “Chỉ riêng Phật Thế Tôn hoàn toàn hiểu rõ ràng về tánh tướng của các pháp, cũng biết rõ về thế dụng, không phải là người khác có thể biết được. Nếu pháp có tác dụng-tướng của Thực, có thể thiết lập làm Thực thì sẽ thiết lập; không có thì không thiết lập”.

Tôn giả Thế Hữu đưa ra nói như vậy: “Đây là Đức Thế Tôn nói có cách khác, nói tóm lược-nói phỏng theo, nói có quán xét chờ đợi, bởi vì Đức Phật quán cơ duyên giáo hóa thích hợp mà thuyết pháp”.

Tôn giả Diệu Âm nói rằng: “Đức Phật biết rõ về thế dụng-Thế tướng của bốn loại này dẫn dắt quả-nối tiếp quả-duy trì quả-phát sinh quả-nuôi giữ quả-tăng thêm quả, mạnh mẽ và gần gũi cho nên thiết lập làm thực; pháp khác thì không như vậy, cho nên không nói là Thực”.

Có Sư khác nói: Bốn pháp như vậy rất có năng lực nuôi lớn các Giới hưởng đến sinh lão tử của thế gian làm cho lưu chuyển không ngừng, cho nên thiết lập làm Thực; pháp khác thì không như vậy.

Hoặc có người nói: Thực có hai tướng:

1. Dẫn dắt quả tương lai làm cho hiện rõ ở trước mắt.
2. Duy trì quả hiện tại làm cho nối tiếp nhau tồn tại.

Có Sư khác nói: Thực có ba loại:

1. Thực thuộc về nghiệp.
2. Thực thuộc về sinh.
3. Thực thuộc về nuôi lớn.

Thực thuộc về nghiệp gọi là Tư, thực thuộc về sinh gọi là Thức,
thực thuộc về nuôi lớn gọi là Đoàn và Xúc.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 130

LUẬN VỀ ĐẠI TẠO (Phần 4)

Hỏi: Bốn Thực như vậy, mấy loại dẫn dắt quả tương lai làm cho hiện rõ ở trước mắt, mấy loại duy trì quả hiện tại làm cho nối tiếp nhau tồn tại?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Một loại dẫn dắt quả tương lai làm cho hiện rõ ở trước mắt, đó là Ý tứ thực; ba loại duy trì quả hiện tại làm cho nối tiếp nhau tồn tại, đó là ba loại Thực còn lại.

Hoặc có người nói: Hai loại dẫn dắt quả tương lai, đó là Ý tứ và Thức; hai loại duy trì quả hiện tại, đó là hai loại Thực còn lại.

Có Sư khác nói: Ba loại dẫn dắt quả tương lai, đó là Xúc-Tư và Thức; một loại duy trì quả hiện tại, đó gọi là Đoàn thực.

Nói như vậy thì bốn loại Thực đều dẫn dắt quả tương lai làm cho hiện rõ ở trước mắt, đều duy trì quả hiện tại làm cho nối tiếp nhau tồn tại.

Hỏi: Các loại Thực đối với quả, mấy loại chưa sinh khiến cho sinh, mấy loại sinh rồi nuôi lớn?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Các loại Thực đối với quả, một loại chưa sinh khiến cho sinh, đó là Ý tứ thực; ba loại sinh rồi nuôi lớn, đó là ba loại Thực còn lại.

Lại có người nói: Hai loại chưa sinh khiến cho sinh, đó là Ý tứ và Thức; hai loại sinh rồi nuôi lớn, đó là hai loại Thực còn lại.

Có Sư khác nói: Ba loại chưa sinh khiến cho sinh, đó là Xúc-Tư và Thức; một loại sinh rồi nuôi lớn, đó gọi là Đoàn thực.

Nói như vậy là bốn loại Thực đối với quả, đều là chưa sinh khiến cho sinh, sinh rồi nuôi lớn.

Hỏi: Loại Thực nào đối với pháp nào chỉ tăng về sự của Thực?

Đáp: Đoàn thực nuôi giữ Đại chủng của Sắc căn mạnh hơn, cho

nên chỉ tăng về sự Thực đối với Đại chủng của Sắc căn. Xúc thực nuôi giữ tâm-tâm sở mạnh hơn, cho nên chỉ tăng về sự Thực đối với tâm-tâm sở. Tư thực nuôi giữ thân tâm đời sau mạnh hơn, cho nên chỉ tăng về sự Thực đối với các thân tâm đời sau. Thức thực nuôi giữ Danh sắc mạnh hơn, cho nên chỉ tăng về sự Thực đối với các Danh sắc.

Hỏi: Như nói nghĩa về dẫn đến quả là nghĩa của Thực..., đây là nói đến nghĩa của nhân, hay là nghĩa của duyên? Giả sử như vậy thì có gì sai? Cả hai đều có sai lầm. Nếu là nghĩa của nhân, thì Hương-Vị-Xúc bên ngoài đối với các Xứ bên trong, năm nhân đều không có, thế nào là Thực? Nếu là nghĩa của duyên thì trừ ra tự tánh bên trong, pháp còn lại đều là duyên tăng thượng của pháp này, vì sao chỉ nói bốn loại là Thực?

Đáp: Có người nói: Là nghĩa của nhân.

Hỏi: Nếu như vậy thì Hương-Vị-Xúc bên ngoài đối với các Xứ bên trong, năm nhân đều không có, sao nói là Thực?

Đáp: Hương-Vị-Xúc bên ngoài làm nhân phát giác, khiến cho Hương... bên trong được trở thành sự việc của Thực. Hương-Vị-Xúc bên trong đối với các Xứ bên trong, có nghĩa của nhân cho nên nói là Thực, nghĩa là nhãn chỉ dùng Xúc xứ làm Thực, nhĩ-tỷ-thiệt-thân-sắc-thanh cũng như vậy; hương dùng Hương xứ-Xúc xứ làm Thực, vị dùng vị xứ-Xúc xứ làm Thực, Xúc xứ chỉ dùng Xúc xứ làm Thực, tâm-tâm sở pháp dùng ba loại Thực làm thực (thức ăn). Trong này, nghĩa của nhân đúng như lý nên suy nghĩ! Có người nói: là nghĩa của duyên.

Hỏi: Nếu như vậy thì trừ ra tự tánh bên trong, pháp còn lại đều là duyên tăng thượng của pháp này, vì sao chỉ nói bốn loại là Thực?

Đáp: Đối với các xứ bên trong pháp làm duyên tăng thượng có đậm-có nhạt, có gần-có xa, có hợp-không hợp, có ở đời này-có ở đời khác. Các pháp đậm-gần-hợp ở đời này thì nói đó là Thực, nhạt-xa-không hợp-ở đời khác thì không nói là Thực, cho nên Thực chỉ có bốn loại.

Bốn loại này đều có thể làm sự thực đối với mười hai xứ bên trong, nhưng có tăng tên vi tế như trước đã nói.

Hỏi: Vì sao Sắc xứ không thiết lập làm Thực?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Bởi vì không có tướng của Thực.

Có người nói: Sắc xứ chọn lấy lúc thô thiển nặng nề, nếu vào lúc chọn lấy mà vi tế nhẹ nhàng thì gọi là Thực, bởi vì cần phải vi tế chuyển sang nuôi dưỡng cho thân. Có người nói: Sắc xứ không đến mà

chọn lấy, Thực chỉ đến chọn lấy, bởi vì không phải là thân không hợp mà thành sự Thực.

Có người nói: Sắc xử đến giai đoạn biến hoại thì sự Thực mới thành, nghĩa là do nước mà thấm nừ, do lửa mà chín muối, do gió mà lay động, sau đó mới thành thức ăn. Sự việc đã làm không phải là sắc chưa biến đổi mà có thể gọi là thức ăn, cho nên sắc không phải là thức ăn; hương-vị... thì không như vậy.

Có Sư khác nói: Nếu sắc là thức ăn, thì lúc mắt trông thấy sắc lẽ ra phải trừ hết đói khát, nếu như vậy thì sự hao tổn của thí chủ sẽ trở thành trống rỗng.

Có người khác lại nói: Nếu sắc là thức ăn, thì những người xuất gia vào lúc mắt trông thấy sắc sẽ phạm đến pháp lìa xa ăn không đúng bữa.

Hoặc có người nói: Nếu sắc là thức ăn thì chư Thiên cõi Sắc phải tiếp nhận Đoàn thực, bởi vì giữ lấy các sắc.

Nên biết rằng ba cách nói sau là trái với lý, bởi vì Hương-Xúc cũng có lỗi như vậy. Cần phải biết rằng bốn cách nói trước là hợp lý.

Hỏi: Nếu sắc không phải là thức ăn thì Kinh nói làm sao thông hiểu? Như Đức Thế Tôn nói: “Này Trưởng giả! Thức ăn mà ông đã cúng dường, sắc-hương-vị đầy đủ thật là ngon lành tuyệt vời”.

Đáp: Sắc tuy không phải là thức ăn, nhưng vì muốn phát khởi suy nghĩ của thí chủ, cho nên Đức Phật đưa ra cách nói như thế. Nghĩa là lúc Đức Phật khen ngợi thức ăn đã cúng dường, thì thí chủ liền phát khởi suy nghĩ mong muốn thù thắng: Sung sướng thay! Đức Như Lai khen ngợi thọ nhận thức ăn của mình cúng dường, mình sẽ nhất định có được phước thiện-lợi ích thù thắng.

Hỏi: Nếu khen ngợi sắc đầy đủ mà sắc không phải là thức ăn, thì cũng khen ngợi hương-vị... lẽ ra đều không phải là thức ăn, pháp kia đã là thức ăn thì pháp này cũng phải như vậy?

Đáp: Đức Phật từ trong này không muốn lựa chọn sai khác giữa thức ăn hay không phải là thức ăn, chỉ muốn phát khởi suy nghĩ mong muốn của thí chủ, cho nên nói Kinh này. Nếu nói lời khen ngợi này tức là thức ăn, thì Xúc không phải là đã khen ngợi, lẽ ra không phải là thức ăn.

Hỏi: Đoàn thực à nghĩa gì?

Đáp: Phân thành từng đoạn mà ăn, cho nên gọi là Đoàn thực.

Hỏi: Nếu như vậy thì sự uống-hút... không phải là Đoàn thực chăng?

Đáp: Thuận theo phần nhiều mà nói, cho nên không có lỗi. Lại có người nói: Lúc uống-hút... cũng làm thành phần đoạn. Có Sư khác nói: Thuận theo ban đầu mà nói, nghĩa là lúc bắt đầu của kiếp, con người thọ dụng chất liệu của đất, tất cả đều làm ra phần đoạn mà nuốt ăn, vì vậy gọi là Đoàn thực.

Hỏi: Đức Phật nói về Đoàn thực có thô-có tế, sự sai biệt của thô-tế nên biết thế nào?

Đáp: Trong luận Tập Dị Môn nói: “Sự thô-tế của Đoàn thực quán xét đối đãi lẫn nhau mà có thể biết rõ ràng. Nghĩa là trong loài sống dưới nước thì loài nhỏ làm thức ăn của loài lớn, quán xét đối đãi lẫn nhau thì thô-tế có thể rõ ràng. Như thức ăn của loài Để-dân-kỳ-la là thô, thức ăn của loài Để-dân-kỳ-la là tế; thức ăn của loài Để-dân-kỳ-la là thô, thức ăn của loài Để-dân là tế; thức ăn của loài Để-dân là thô, thức ăn của loài cá lớn-rùa-ba ba và mặt-yết-la, Thất-thứ-ma-la là tế; thức ăn của loài cá lớn-rùa-ba ba... là thô, thức ăn của loài côn trùng sống trong nước là tế. Trong cá loài sống trên mặt đất thì thức ăn của loài voi-ngựa... là thô, thức ăn của loài hươu-dê... là tế; thức ăn của loài hươu-dê... là thô, thức ăn của loài thỏ-mèo... là tế; thức ăn của loài thỏ-mèo là thô, thức ăn của loài côn trùng sống trên mặt đất là tế. Trong các loài sống giữa bầu trời thì thức ăn của các loài chim Đại bàng là thô, thức ăn của các loài chim Khổng tước-Anh vũ... là tế; thức ăn của các loài chim Khổng tước- Anh vũ... là thô, thức ăn của các loài nhỏ bé khác sống giữa bầu trời là tế”.

Có người đưa ra cách nói này: Nếu các loài hữu tình dùng có-cây... mà làm thức ăn thì vật đã ăn là thô, dùng bánh-cơm.. mà làm thức ăn thì vật đã ăn là tế.

Có Sư khác nói: Dùng bánh-cơm... mà làm thức ăn thì vật đã ăn là thô, dùng bơ sữa... mà làm thức ăn thì vật đã ăn là tế.

Có người khác lại nói: Các thức ăn nhai nuốt bằng miệng là thô, các thức ăn đưa vào từ rốn-lỗ chân lông là tế. Nghĩa là các loài hữu tình ở trong thai tạng, hấp thụ thức ăn từ rốn đưa vào; chỉ riêng các vị Bồ-tát hấp thụ thức ăn từ tất cả các lỗ chân lông đưa vào.

Có người đưa ra cách nói này: Nếu thức ăn nhai nuốt rồi mà có Đẳng lưu thì thức ăn này là thô, không có Đẳng lưu thì thức ăn này là tế, như dùng hương-vị Tô-đà làm thức ăn...

Hỏi: Xúc-Tư-Thức thực có thô-tế hay không? Nếu có thì tại sao trong kinh chỉ nói Đoàn thực có thô-tế? Nếu không có thì tại sao Đoàn thực có thô-tế chứ không phải là loại khác?

Đáp: Xúc-Tư-Thức thực cũng có thô-tế, bởi vì cỡi-địa đối đãi lẫn nhau. Nghĩa là cỡi Dục là thô, cỡi Sắc là tế; cỡi Sắc là thô, cỡi Vô sắc là tế. Tĩnh lực thứ nhất là thô, Tĩnh lực thứ hai là tế..., cho đến Vô sở hữu xứ là thô, Phi tưởng phi phi tưởng xứ là tế.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao trong kinh không nói?

Đáp: Phải nói mà không nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong kinh nêu ra đầu-hiển bày sau, đã nói đến Đoàn thực có thô-tế, thì nên biết là loại Thực khác cũng có thô-tế.

Có người nói: Đoàn thực do bốn, bởi vì có nhiều-ít cho nên thô-tế có thể biết rõ, loại Thực khác thì không như vậy:

1. Bởi vì theo đuổi.
2. Bởi vì tích tụ.
3. Bởi vì thọ dụng.
4. Bởi vì đăng lưu.

Bởi vì theo đuổi, nghĩa là các hữu tình theo đuổi Đoàn thực, có nhiều-có ít, sự mong cầu nhiều là thô, sự mong cầu ít là tế.

Bởi vì tích tụ, nghĩa là các hữu tình tích tụ Đoàn thực, có nhiều có ít, sự tích tụ nhiều là thô, sự tích tụ ít là tế.

Bởi vì thọ dụng, nghĩa là các hữu tình thọ dụng Đoàn thực, có nhiều-có ít, sự thọ dụng nhiều là thô, sự thọ dụng ít là tế.

Bởi vì đăng lưu, nghĩa là cá hữu tình do đăng lưu của Đoàn thực, có nhiều-có ít, đăng lưu nhiều thì vật đã ăn là thô, đăng lưu ít thì vật đã ăn là tế.

Có người nói: Đoàn thực quán xét đối đãi các xứ có thể nói là thô-tế, loại Thực khác thì không như vậy. Nghĩa là Hương-Vị-Xúc quán xét đối với Sắc-Thanh có thể nói là tế, quán xét đối với Ý-Pháp có thể nói là thô; ba loại Xúc-Tư-Thức thực thuộc về Ý-Pháp xứ, những loại này đối với các Xứ chỉ có tế chứ không phải là thô, không có quán xét đối đãi khác nhau, cho nên không nói đến thô-tế.

Hỏi: Ở cỡi nào-có mấy loại Thực?

Đáp: Cỡi Dục có đủ bốn loại, chỉ tăng về Đoàn thực, cỡi Sắc có ba loại, chỉ tăng về Xúc thực. Vô sắc cũng có ba loại, ba Vô sắc dưới chỉ tăng về Tư thực, Phi tưởng phi phi tưởng xứ chỉ tăng về Thức thực.

Có người nói: Phi tưởng phi phi tưởng xứ cũng tăng về Tư thực, bởi vì một Tư có thể cảm đến quả của thọ lượng tám mươi ngàn kiếp.

Hỏi: Ở nẻo nào có mấy loại Thực?

Đáp: Địa ngục có đủ bốn loại, chỉ tăng về Thức thực.

Hỏi: trong địa ngục có Đoàn thực gì?

Đáp: Uống nước đồng sôi, nuốt viên sắc nóng, để làm Đoàn thực.

Hỏi: Nói là thức ăn thì có sự lợi ích phát sinh, vật này đưa vào thân đốt cháy môi lưỡi-cổ họng-ngực bụng, từ dưới ra ngoài rồi ngọn lửa cháy bùng càng mạnh làm cho toàn thân cháy khô, tại sao lại gọi là thức ăn?

Đáp: Tuy là đốt cháy đau đớn mà có tướng của thức ăn, lúc mới đưa vào thân thể thì tạm thời trừ hết đói khát.

Bàng sinh có đủ bốn loại, chỉ tăng lên tùy theo một loại, bởi vì chủng loại và xứ sở có sứ khác biệt. nẻo quỷ có đủ bốn loại, chỉ tăng về Tư thực.

Từng nghe vào một lúc nọ, Tôn giả mẫn Nguyên bởi vì khát thực, cho nên phải đi vào thành BỐ-sắc-yết-la-phạt-đề, ở trước cổng thành bỗng nhiên gặp một nữ ngạ quỷ già, hỏi rằng: Bà đứng đây làm gì? Nữ ngạ quỷ này hỏi lại: Tôn giả trông thấy tôi chẳng? Tôn giả trả lời: Đúng như vậy. Nữ ngạ quỷ liền nói: Chồng tôi đi vào thành hy vọng trong thành này có những trưởng giả bị ung nhọt sưng tấy thối rữa, sẽ nhân lúc họ nặn bỏ mà thu lấy máu mủ đem về cùng ăn, vì vậy nay tôi đứng đợi ở đây. Lại hỏi: Chồng bà đi vào thành đã bao lâu? Nữ ngạ quỷ trả lời rằng: Do đói khát mà mê muối, không nhớ chồng tôi đi vào thành bao lâu, nhưng chỉ nhớ sông lớn bên thành này, bảy lần di chuyển về phía nam thành-bảy lần di chuyển về phía Bắc thành, đến nay chưa trở về. Tôn giả thương xót buồn bã mà đi.

Như vậy, nữ ngạ quỷ đói khát trải qua thời gian dài, do hy vọng mà duy trì thân nối tiếp nhau tồn tại, cho nên biết nẻo quỷ chỉ chỉ tăng về Tư thực.

Loài người và trời cõi Dục đều có đủ bốn loại, nhưng chủng loại ấy chỉ tăng về Đoàn thực. Trời cõi Sắc-Vô sắc như trong câu hỏi về cõi đã nói.

Hỏi: Ở sinh loại nào-có mấy loại Thực?

Đáp: Noãn sinh có đủ bốn loại, chỉ tăng về Xúc thực.

Có người nói: Tăng về Tư thực. Vì sao biết như vậy? Bởi vì như luận tập Dị Môn nói: “Trong biển có loài thú, lúc ra khỏi biển lên bờ, ở giữa bãi cát để ra những chiếc trứng, dùng cát che kín rồi lại vào trong biển. Loài ấy ở trong vỏ trứng nhớ đến mẹ cho nên thân không hư nát, nghĩa là nhớ đến mẹ bởi vì lúc trước làm cho ấm áp mà có xúc. Nếu quên mẹ mình thì thân sẽ hư nát”.

Có Sư khác nói: Nếu mẹ nhớ đến con ở trong trứng thì trứng không hư hoại, nếu mẹ quên thì trứng ấy sẽ hư hoại.

Cách nói này không hợp lý. Nguyên cơ thể nào? Bởi lẽ đừng cho rằng n khác ăn mà có thể duy trì mạng sống của mình, vì vậy cách nói trước là hợp lý.

Thai sinh có đủ bốn loại, chỉ tăng về Đoàn thực. Thấp sinh có đủ bốn loại, chỉ tăng về Xúc thực. Hóa sinh có đủ bốn loại, chỉ tăng lên tùy theo một loại, bởi vì chủng loại và Xứ sở có sự sai biệt.

Đã nói về thanh thực có hai loại sai biệt:

1. Thế tục.
2. Thắng nghĩa.

Thế tục la như thế gian nói: Bình có thức ăn của thành ấp. Đó gọi là thức ăn này sản xuất ở thành Cát Tường, thức ăn này sản xuất ở thành Đất-xoa-sí-la, thức ăn này sản xuất ở thành Xa-yết-la, thức ăn này sản xuất ở cung Tịch Tĩnh... Lại như người khen ngợi nói đến các tên gọi của thức ăn, đó là thức La-trĩ-đa, thức ăn Mâu-địa-đa, thức ăn mà Đức Phật đã khen ngợi, thức ăn khắp bốn phương... Lại như kinh nói: “Ăn thuận-ăn nghịch”. Nói là ăn thuận, như Đức Thế Tôn nói: “Tỳ kheo nên biết tất cả đều có ăn, đó là trời bất ngờ tuôn mưa, lượng mưa lớn ấy trút xuống các núi, khe núi tràn đầy trước tiên; khe núi đầy rồi thì khe lạch nhỏ đầy; khe lạch nhỏ đầy rồi thì khe lạch lớn đầy; khe lạch lớn đầy rồi thì sông ngòi nhỏ đầy; sông ngòi nhỏ đầy rồi thì sông ngòi lớn đầy; sông ngòi lớn đầy rồi thì biển rộng tràn đầy”. Nói là ăn nghịch, như Đức Thế Tôn nói: “Tỳ kheo nên biết tất cả đều có ăn, biển rộng có ăn, đó là sông ngòi lớn; sông ngòi lớn có ăn, đó là sông ngòi nhỏ; sông ngòi nhỏ có ăn, đó là sông ngòi nhỏ; sông ngòi nhỏ có ăn, đó là khe lạch lớn; khe lạch lớn có ăn, đó là khe lạch nhỏ; khe lạch nhỏ có ăn, đó là khe núi; khe núi có ăn, đó là trời bất ngờ tuôn mưa”.

Thắng nghĩa về Thực, nghĩa là bốn loại Thực này thật sự cung cấp thêm cho các hữu tình.

Hỏi: Các Đoàn đều là Thực chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc Đoàn mà không phải là Thực, đó là dùng Đoàn làm duyên, không có thể lớn thêm các căn và Đại chủng.

2. Có lúc Thực mà không phải là Đoàn, đó là dùng Xúc-Tư-Thức làm duyên, mà có thể lớn thêm các căn và Đại chủng.

4. Có lúc không phải là Đoàn cũng không phải là Thực, đó là dùng Xúc-Tư-Thức làm duyên, không có thể lớn thêm các căn và Đại

chúng.

Như Đoàn thực có bốn câu phân biệt, Thức-Tư-Xúc thực đều có bốn câu phân biệt, đều cần phải nói rộng ra. Như vậy sai biệt làm thành mười sáu câu.

Hỏi: Không có thể lớn thêm các căn và Đại chủng thì không phải là Thực chăng?

Đáp: Đúng. Nguyên cố thế nào? Bởi vì trước đây nói lớn thêm là tướng của Thực.

Hỏi: Nay hiện thấy có trường hợp ăn rồi đau đớn bức bách, thậm chí có lúc khiến cho rời bỏ gánh nặng của thân, thì thế nào là lớn thêm là tướng của Thực?

Đáp: Tuy sự ăn uống có hại-có lợi, nhưng nay nói đến ăn, đó là lợi chứ không phải là hại. Lợi ích có hai lúc:

1. Lúc mới ăn.

2. Lúc tiêu hóa. hoặc có lúc tiêu hóa thì có hại, lúc mới ăn thì có lợi, như ăn trái độc ngon lành thì loại này cũng gọi là ăn. Hoặc có lúc mới ăn thì có hại, lúc tiêu hóa thì có lợi, như uống thuốc đắng thì loại này cũng gọi là ăn. Bởi vì hai loại này thuận theo một lúc làm thành sự việc của ăn cho nên đều được gọi là ăn. Vì thế nói rằng lớn thêm gọi là tướng của Thực.

Có người nói: Loại ấy ăn rồi, ban đầu tuy không yên lành, nhưng về sau biến đổi nôm ra thì lại có thể làm lợi ích, cho nên trước đã nói về tự tướng của Thực thành tựu lẫn nhau.

Kinh nói: “Này Tỳ kheo! Như vậy bốn loại Thực có thể khiến cho hữu tình thuộc Bộ Đa (hữu tình đã sinh ra) được an trú, và có thể thâm nhiếp thêm nhiều hữu tình Cầu Hữu (Hữu tình cầu thân đời sau)”.

Hỏi: Kinh này đã nói hai loại hữu tình là Bộ Đa và Cầu Hữu, sai biệt thế nào?

Đáp: Trú trong Bốn Hữu gọi là Bộ Đa, trú trong trung Hữu gọi là Cầu Hữu, bởi vì đối với cửa ngõ sáu xứ mong cầu quả tương lai.

Có người nói: Thánh gọi là Bộ Đa, dị sinh gọi là Cầu Hữu, bởi vì loại ấy phần nhiều mong cầu quả tương lai.

Có người nói: Vô học gọi là Bộ Đa, Học gọi là Cầu Hữu, bởi vì loại ấy mong cầu nào quả tương lai.

Hỏi: Hữu tình Bộ Đa cũng có thể thâm nhiếp thêm nhiều, hữu tình Cầu Hữu cũng có thể được an trú, tại sao chỉ nói là có thể khiến cho hữu tình Bộ Đa được an trú, và có thể thâm nhiếp thêm nhiều hữu tình cầu Hữu?

Đáp: Văn trong Kinh này đều nên đưa ra nói theo hai loại, mà không nói đến thì phải biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này muốn dùng các loại văn từ-các loại giải thích để hiển bày rõ ràng nghĩa lý khiến cho dễ hiểu.

Có người nói: Trong này muốn hiển bày hai môn loại-hai phương thức..., cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Bốn Hữu an trú trải qua thời gian lâu dài nhất, Thánh và Vô học cầu mong an trú trong thời gian ngắn, hiển bày về nghĩa này mà nói an trú, còn lại thì không như vậy, cho nên không nói an trú.

Kinh nói: “Này Tỳ kheo! Bốn loại Thực như vậy, là gốc của bệnh tật, là gốc của ung nhọt lở loét, là gốc của mũi tên tẩm độc, là nhân của lão tử, là duyên của lão tử”.

Hỏi: Thực cũng có thể làm cội rễ của an lạc, như Đức Thế Tôn nói: “Đạo dựa vào tư lương, Niết-bàn dựa vào đạo. Bởi vì vui với đạo cho nên có được niềm vui của Niết-bàn. Tư lương của đạo lấy Thực làm hàng đầu”. tại sao nói là gốc của bệnh tật?

Đáp: Bởi vì ngăn chặn sự ham muốn Đoàn thực của hữu tình, họ vì ham ăn mà khởi lên các hành ác chiêu cảm khổ đau khốc liệt, cho nên Đức Thế Tôn đưa ra cách nói như vậy. Giả sử các loại Đoàn thực chỉ là nhân của niềm vui hiện tại, người trí vẫn thuận theo sinh tâm ham thích, để khởi lên nghiệp ác dẫn đến nỗi khổ trong tương lai, huống gì là gốc của bệnh tật... trong thân hiện tại? Vì thế cho nên người trí không thuận lòng nhiễm trước. Đức Phật vì điều này cho nên nói kinh này.

Kinh nói: “Tỳ kheo nên quán xét Đoàn thực giống như thịt con mình giữa đồng hoang trống trải, nên quán xét Xúc thực giống như tấm da trâu mới lột, nên quán xét Tư thực giống như than nóng trong hầm lửa, nên quán xét Thức thực giống như ba trăm mũi kiếm sắc”.

Hỏi: Vì sao Tỳ kheo nên quán xét Đoàn thực giống như thịt con mình giữa đồng hoang trống trải?

Đáp: Ví như đôi vợ chồng chỉ có một đứa con, mặt mày đoan chánh rất mực thương yêu. Gặp lúc đất nước mất mùa đói kém, muốn đến nơi khác sinh sống, đi đến chốn đồng hoang trống trải thì hết lương thực, con đường phía trước hãy còn xa lắc mà không ăn đã nhiều ngày, ở nhà đều khốn đốn sắp chết đến nơi. Người chồng nghĩ thầm: Đường còn xa, lương thực hết, mạng sống đang mong manh, ba người chúng ta nếu không cùng cứu giá, thì lẽ nào nhất định giữ nhau cùng chết, nay ở giữa chốn này nếu một người chịu chết để làm cái ăn, thì chết một mà

còn hai, vẫn hơn cùng nhau chết hết! Nếu lấy mình cung cấp thì lo rằng ý chí của vợ yếu đuối mà đau xót tự mình đoạn tuyệt, không thể nào vượt qua hoạn nạn. Nếu lấy vợ để cung cấp thì sợ rằng con trẻ mất mẹ cũng không sống nổi, vậy là mất hai người. Nhưng đứa con yêu quý do chúng ta đã sinh ra, vợ chồng nếu còn sống thì con có thể có được, nên bỏ mạng sống của đứa con để vượt qua chốn đồng hoang trống trải này! Nghĩ như vậy rồi đau xót không sao kể xiết. Người vợ liền cảm thấy quái lạ, bèn đến trước mặt hỏi rõ nguyên cớ điều ấy. Người chồng mới đem suy nghĩ của mình nói cho người vợ biết. Người vợ nghe mà ghen ngào ngất đi, ngã quỵ xuống đất rất lâu mới tỉnh lại, gào khóc kêu trời gọi đất, oan trái hết sức hiểm độc. Người chồng bèn từ từ giải thích, lâu dần mới chấp nhận. Thế là vợ chồng ôm con ghen ngào nức nở khóc không thành tiếng, đau xót kêu gào thảm thiết, sao khổ sở nghiệt ngã quá chừng! Nuốt nước mắt một lúc lâu, sau đó kết thúc mạng sống của con, cắt ra làm thịt mang theo đi đường. Cứ mỗi lần sắp ăn thì vợ chồng cùng khóc, gọi mãi con ơi! Tuông nước mắt đầm đìa àm ảm, ăn rồi than thở tự trách lỗi mình. Nhưng đôi vợ chồng ấy từ lúc ban đầu trừ tính bàn bạc, cho đến lúc ăn rồi mang theo đi đường, lòng dạ không hề vui vẻ mà chỉ nghĩ đến đứa con yêu thương.

Như vậy, hành giả ở nơi trống trải vắng lặng, hoàn toàn không phóng túng với cô vợ là Chánh tư duy, sinh ra một đứa con là pháp thiện vì diệu đáng yêu, tâm luôn luôn nghĩ đến không bao giờ rời bỏ, chán ngán cảnh sinh tử-hướng đến nơi Niết-bàn, trải qua thời gian dài tutập, duyên cung cấp thiếu hụt, vì duy trì Thánh đạo mà dựa vào thân khổ đau, bỏ sự chuyên tu đi vào thôn làng khát thực; Chánh tư duy đi cùng với không phóng túng, từ lúc rời chốn trống trải vắng lặng cho đến lúc ăn xong, tâm không hề đắm nhiễm vui sướng, chỉ nghĩ đến pháp chuyên tu đã rời bỏ.

Tỳ kheo như vậy ở trong Đoàn thực, nên quán xét giống như thịt con mình giữa đồng hoang trống trải, nói như trước. Nếu đối với Đoàn thực đã đoạn-đã biết khắp, thì đối với năm dục ái cũng đoạn-cũng biết khắp, bởi vì cùng một pháp chế phục-một pháp đối trị. Nếu năm dục ái đã đoạn-đã biết khắp, thì không có mật kiết nào chưa đoạn-chưa biết khắp, có thể ràng buộc người ấy trở lại sinh vào cõi Dục. Đây là dựa vào ý bí mật lia dục ái, đạt được quả Bất hoàn, không còn kiết thuận phần dưới mà nói.

Hỏi: Vì sao Tỳ kheo nên quán xét Xúc thực giống như tấm da trâu mới lột?

Đáp: Giả sử như con trâu ấy có lỗi đối với chủ, muốn làm cho đau khổ mà đang sống lại bị lột đi lớp da. Con trâu ấy lúc bấy giờ bởi vì không có lớp da, cho nên hễ đứng bất cứ nơi nào, hoặc là mặt đất-hoặc là trên cao, đều bị tất cả các loài côn trùng tranh nhau đến rúc rĩa ăn thịt. Vì trừ bỏ côn trùng cho nên cạo thân chà vào hàng rào-cỏ cây-tường vách..., làm cho càng thêm đau đớn. Con trâu ấy lúc bấy giờ lẽ nào có chút ít vui thích hay sao? Xúc chạm và chưa xúc chạm, đều nhận chịu đau đớn hết sức.

Như vậy, các cõi lẽ nào có chút ít vui thích hay sao? Sinh và chưa sinh, không có cõi nào không đau khổ. Tỳ kheo như vậy nên quán xét xúc thực giống như tấm da trâu mới lột đã nói. Nếu đối với Xúc thực đã đoạn-đã biết khắp, thì đối với ba Thọ cũng đoạn-cũng biết khắp, bởi vì các Thọ lấy Xúc làm duyên mà sinh ra, như Kinh nói: Xúc duyên Thọ. Nếu đối với ba Thọ đã đoạn-đã biết khắp, thì những việc làm đã xong, cho nên thuận theo suy nghĩ chọn lựa cầu mong đoạn hết Xúc thực. Đây là dựa vào ý bí mật vượt qua cõi Hữu Đảnh, đạt được quả A-la-hán, tất cả các kiết không còn mà nói.

Hỏi: Vì sao Tỳ kheo nên quán xét Tư thực giống như than nóng trong hầm lửa?

Đáp: Như gần thôn làng có hầm lửa lớn, không có ngọn lửa-không có khói cuộn, chỉ chứa đầy than nóng. Có người không ngu dốt, trẻ con mà không phải là gốc nghếch thấy rồi nghĩ rằng: Hầm lửa lớn này chứa đầy than nóng, nếu mình rơi vào thì chắc chắn là chết không nghi ngờ gì. Dấy lên ý nghĩ này rồi liền phát khởi suy nghĩ mong cầu, cần phải rời xa nơi đó, lập tức bỏ đi xa. Có những người ngu si-non nốt-gàn bướng-không có trí thấy rồi nghĩ rằng: Trong hầm này rục rở đáng yêu. Liền nhảy vào nhận lấy khổ đau mà mất mạng.

Như người có hiểu biết ấy thấy hầm lửa lớn, sợ hãi mà tránh xa; như vậy các Thánh đối với thân đời sau, suy nghĩ sinh tâm sâu sắc mà chán ngán rời bỏ. Như người không có trí nhảy vào hầm lửa lớn, nhận lấy khổ đau mà mất mạng; như vậy dị sinh khởi lên Tư của thân đời sau, nhận chịu đau khổ vô cùng mà mất đi Tuệ mạng.

Tỳ kheo như vậy nên quán xét Tư thực giống như than nóng trong hầm lửa đã nói ở trên. Nếu đối với Tư thực đã đoạn-đã biết khắp, thì đối với ba Ái cũng đoạn-cũng biết khắp, bởi vì ba Ái kia là nhân phát khởi. Như trong Kinh nói: “Nghịệp là nhân cho nên sinh ra, ái là nhân cho nên phát khởi”. Nếu đối với ba Ái đã đoạn-đã biết khắp, thì những việc làm đã xong, cho nên thuận theo suy nghĩ chọn lựa cầu mong đoạn

hết Tư thực. Đây là cũng dựa vào ý bí mật vượt qua cõi Hữu Đảnh, đạt được quả A-la-hán, tất cả các kiết không còn mà nói.

Hỏi: Vì sao Tỳ kheo nên quán xét Thức thực giống như ba trăm mũi kiếm sắc?

Đáp: Nếu như có người vào buổi sáng bị một trăm mũi kiếm đâm vào, buổi trưa cũng bị một trăm mũi kiếm đâm vào. Như vậy hằng ngày bị ba trăm mũi kiếm đâm vào, cho đến suốt đời; người ấy lúc bấy giờ toàn thân đều bị lở loét, không có chút nào lành lặn dù chỉ bằng hạt cải.

Như vậy, hành giả ở trong từng ngày tâm luôn luôn bị ba trăm cảnh khác nhau đã dẫn dắt như mũi kiếm nhọn, mà làm cho xâm hại đối với sự chuyên tu, cho đến suốt đời, khiến sự tu tập có nhiều khiếm khuyết.

Tỳ kheo như vậy nên quán xét Thức thực giống như ba trăm mũi kiếm sắc đã nói ở trên. Nếu đối với Thức thực đã đoạn-đã biết khắp, thì đối với Danh sắc cũng đoạn-cũng biết khắp, bởi vì Thức là duyên của Danh sắc ấy, như Kinh nói: Thức duyên Danh sắc. Nếu đối với Danh sắc đã đoạn-đã biết khắp, thì những việc làm đã xong, cho nên thuận theo suy nghĩ chọn lựa cầu mong đoạn hết Thức thực. Đây là dựa vào ý bí mật vượt qua cõi Hữu Đảnh, đạt được quả A-la-hán, tất cả các kiết không còn mà nói.

Hỏi: Các loại Thực khác cũng giống như ba trăm mũi kiếm chăng? Nếu cũng giống như ba trăm mũi kiếm, thì tại sao chỉ nói về quán xét Thức thực?

Đáp: Nếu không giống như ba trăm mũi kiếm, thì tại sao chỉ riêng Thức thực giống như ba trăm mũi kiếm; như dùng cách này quán xét Thức thực, cũng phải dùng cách này quán xét ba loại Thực khác, mà trong Kinh chỉ nói về quán xét Thức thực, thì nên biết là ở đây có cách nói khác.

Có người nói: Kinh này nêu rõ phần cuối cùng, để hiển bày các loại Thực đã nói trước đây cũng như vậy.

Có Sư khác nói: Tâm tánh cương cường khó điều phục nhất, cho nên Đức Phật vì chỉ trích điều đó, dùng ba trăm mũi kiếm mà làm thí dụ, các loại Thực khác thì tự nhiên dùng cách khác để nói rõ ràng hơn.

Có người nói: Kinh này tùy theo sự hiển bày thù thắng mà nói, vì vậy không có lỗi. Lý trong ba thí dụ trước có người thông hiểu, đều dùng cách này mà giải thích.

Như trong Kinh nói: “Bà-la-môn Phệ-la-ma này, dùng các thức ăn

uống ngon lành như vậy, bố thí cho chúng Bà-la-môn Ma-ha-ra-ha; có người dùng thức ăn uống, bố thí cho dị sinh trong rừng Thiện-bộ. Người này được quả của phước bố thí lớn hơn so với người kia”.

Hỏi: Trong Kinh này là nói đến những loại nào gọi là dị sinh trong rừng Thiện-bộ?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Các loài có bụng ở trong châu Thiệm-bộ, thì ở kinh này đều nói đến.

Có người nói: Các hữu tình là ngoại Tiên đã lìa nhiễm cõi Dục thì ở đây nói đến.

Có người nói: Đây là Bồ-tát gần Phật pháp.

Lý không thích hợp như vậy, bởi vì hữu tình bố thí cho Bồ-tát gần thành Phật, đã cảm được phước bố thí hơn hẳn phước bố thí cho Câu-chi chúng A-la-hán.

Nói như vậy thì Kinh này nói đến dị sinh đã đạt được căn thiện thuận phần quyết trạch, bởi vì đức của họ hơn hẳn Bà-la-môn kia.

Kinh này lại nói: “Nếu dùng thức ăn uống bố thí cho dị sinh trong rừng Thiện-bộ, có người dùng thức ăn uống bố thí cho một vị Dự lưu. Người này được quả của phước bố thí lớn hơn so với người kia. Bởi vì vị này đã đoạn các ác kiến, ba kiết không còn, lìa nhân của nẻo ác do kiến mà đoạn, làm thành giới hạn của quả báo, cho nên đạt được quả Dự lưu”.

Kinh này lại nói: “Nếu dùng thức ăn uống bố thí cho một trăm vị Dự lưu, có người dùng thức ăn uống bố thí cho một vị Nhất lai. Người này được quả của phước bố thí lớn hơn so với người kia. Bởi vì lìa nhân của nẻo ác do tu mà đoạn, ít tham sân si, cho nên đạt được quả Nhất lai”.

Kinh này lại nói: “Nếu dùng thức ăn uống bố thí cho một trăm vị Nhất lai, có người dùng thức ăn uống bố thí cho một vị Bất hoàn. Người này được quả của phước bố thí lớn hơn so với người kia. Bởi vì vị này đã đoạn kiết thuận phần dưới, vượt qua đời sống của cõi Dục, cho nên đạt được quả Bất hoàn”.

Kinh này lại nói: “Nếu dùng thức ăn uống bố thí cho một trăm vị bất hoàn, có người dùng thức ăn uống bố thí cho một vị A-la-hán. Người này được quả của phước bố thí lớn hơn so với người kia. Bởi vì vị này đã đoạn tất cả các kiết, vượt qua đời sống của cõi Hữu Đảnh, cho nên đạt được quả A-la-hán”.

Kinh này lại nói: “Nếu dùng thức ăn uống bố thí cho một trăm vị A-la-hán, có người dùng thức ăn uống bố thí cho một vị Độc giác. Người

này được quả của phước bố thí lớn hơn so với người kia. Bởi vì vị này tự mình có năng lực giác ngộ”.

Kinh này lại nói: Nếu dùng thức ăn uống bố thí cho một trăm vị Độc giác, có người dùng thức ăn uống cúng dường một Đức Như Lai. Người này được quả của phước cúng dường lớn hơn so với người kia. Bởi vì Đức Như Lai tự mình có năng lực giác ngộ tất cả, cũng có năng lực giác ngộ cho người khác”.

Kinh này lại nói: “Nếu dùng thức ăn uống cúng dường Đức Như Lai, có người làm nên ngôi chùa cúng dường tăng chúng bốn phương. Người này được quả của phước cúng dường tăng chúng bốn phương. Người này được quả của phước cúng dường lớn hơn so với người kia. Bởi vì ngôi chùa không có chướng ngại gì”.

Hỏi: Công đức cúng dường Đức Phật hơn hẳn so với cúng dường Tăng, trong này phước bố thí đều là trước nêu ra thua kém-sau nêu ra hơn hẳn, tại sao trong này lại nói trước là Phật-sau là Tăng?

Đáp: Chính vì điều này cho nên trước là Phật-sau là Tăng. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu Thánh văn Tăng thì không thuộc về Phật, nếu tăng bốn phương thì cũng thuộc về Phật, bởi vì đều là phước điền Tăng-Tỳ kheo Tăng. Nếu có cúng dường Phật thì chỉ riêng Phật ứng thọ, Tăng chúng không thọ, cho nên phước là yếu kém. Nếu cúng dường Tăng chúng, thì Tăng chúng và Phật cùng ứng thọ, cho nên phước là hơn hẳn, bởi vì không có chướng ngại gì, cho nên được phước không giới hạn. Tuy đã nêu ra trước là Phật-sau là Tăng, mà vẫn có thể gọi là trước kém-sau hơn hẳn.

Hỏi: Đã đạt được quả thù thắng cũng do Tư thù thắng, tại sao Đức Thế Tôn chỉ khen ngợi về ruộng phước?

Đáp: Đức Thế Tôn đã giáo hóa có hai loại sai biệt:

1. Tín và Tuệ đầy đủ.
2. Có Tín mà không có Tuệ.

Đối với Tín và Tuệ đầy đủ thì Phật không khen ngợi về ruộng phước, bởi vì họ tự mình có thể biết rõ là ruộng phước hay không phải là ruộng phước. Đối với Tín mà không có Tuệ thì Phật khen ngợi về ruộng phước, bởi vì họ không có thể biết rõ là ruộng phước hay không phải là ruộng phước.

Nhưng quả bố thí ấy, hoặc là có người muốn là Tư thù thắng cho nên thù thắng, hoặc là có người muốn làm ruộng phước thù thắng cho nên thù thắng, mà thật ra thì quả thù thắng cùng nhờ vào hai loại. Vì vậy có thể làm thành bốn câu sai biệt:

1. Có lúc do ruộng phước mà không do Tư thù thắng.
2. Có lúc do Tư mà không do ruộng phước thù thắng.
3. Có lúc cùng do hai loại cho nên thù thắng.
4. Có lúc do hai loại cùng yếu kém cho nên yếu kém.

Hỏi: Phật cúng dường Xá-lợi-tử, Xá-lợi-tử cúng dường Phật, phước của hai sự cúng dường này thì phước nào là nhiều?

Đáp: Có những người muốn làm cho quả nhờ vào Tư thù thắng, họ nói phước cúng dường của Phật là nhiều, bởi vì Phật tư duy về cúng dường ở phần vị hiện rõ trước mắt, Xá-lợi-tử... hãy còn không có thể biết được, huống hồ có thể sánh bằng hay sao? Có những người muốn làm cho quả nhờ vào ruộng phước thù thắng, họ nói phước cúng dường của Xá-lợi-tử là nhiều, bởi vì ruộng phước của Phật là thù thắng nhất trong ba cõi.

Hỏi: Quả Dự lưu-Hướng là có thể bố thí hay không? Nếu có thể bố thí, thì Kinh trước vì sao không nói: Nếu không có thể bố thí, thì Kinh khác đã nói lại làm sao thông hiểu? Như nói:

“Bốn tướng và bốn quả Sa-môn, đều là phước điền Tăng chân thật,

Đầy đủ Giới-Tuệ và Đăng trì, đều là phước điền Tăng chân thật,
Đầy đủ Giới-Tuệ và Đăng trì, người bố thí được quả to lớn”.

Đáp: Có người nói: Có thể bố thí, đó là y phục... chứ không phải là các thức ăn uống.

Hỏi: Nếu có thể bố thí, thì kinh trước vì sao không nói?

Đáp: Trước đã dẫn kinh nói về bố thí thức ăn uống, không phải là y phục..., vì vậy không nói đến.

Có người nói: Hướng này cũng có thể bố thí thức ăn, nhưng có thâm nhiếp tiếp nhận mà không có thọ dụng. Nghĩa là trong Tỳ-ha-la (trú xứ) có người tiến vào kiến đạo, người khác vì họ mà nhận phần thức ăn đã bố thí; hoặc là lúc sắp ăn có người tiến vào kiến đạo, thí chủ đem thức ăn đặt trên đầu gối của người ấy, hoặc là đưa vào đặt trong Mạn-đồ-la.

Hỏi: Trước đã dẫn kinh vì sao không nói?

Đáp: Kinh ấy chỉ nói đến người có thể thọ dụng, ở đây căn cứ vào sự thâm nhiếp tiếp nhận, cho nên không trái nhau.

Có Sư khác nói: Hoặc này không có thể bố thí, vì vậy kinh trước không nói.

Hỏi: Nếu như vậy thì đã dẫn tụng trong kinh nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Tụng ấy muốn hiển bày về Bồ-đặc-già-la do đạo sai biệt mà thành nghĩa của ruộng phước. Nghĩa là hiển bày về người thành tựu đạo vô lậu thì bố thí có được quả to lớn, gọi là ruộng phước chân thật, chứ không nói là lúc bấy giờ có thể thọ nhận sự bố thí của người khác. Trước hỏ có thể bố thí hay không có thể bố thí, vốn là ý hỏi có thể thọ nhận hay không có thể thọ nhận?



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 131

LUẬN VỀ ĐẠI TẠO (Phần 5)

Như trong kinh nói: “Trưởng giả Ô-yết-la thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Con vào một lúc nọ tự tay cầm thìa, lúc cúng dường đồ ăn thức uống cho Tăng, có thiên thần ở giữa hư không nói con rằng: Đây là quả A-la-hán, đây là Hương a-la-hán, đây là quả Bất hoàn, đây là Hương Bất hoàn, đây là quả Nhất lai, đây là Hương Nhất lai, đây là quả Dự lưu, đây là Hương Dự lưu, đây là trì-đây là phạm. Con vào lúc bấy giờ tuy nghe lời nói ấy, nhưng tự biết mình không có tâm không bình đẳng, ở trong Tăng chúng dùng tâm bình đẳng mà cúng dường.”

Hỏi: Thiên thần ấy là ai? Lại vì nhân duyên gì mà đến nói cho Trưởng giả biết? Đáp: Có người đưa ra cách nói như vậy: Là các ma ở cõi trời Dục, vì làm trở ngại đến phẩm thiện của Trưởng giả. Có người nói: Là quỷ dùng lời dối gạt làm cho Trưởng giả mê hoặc rối loạn. Có Sư khác nói: Đó là các Thiên thần mà Trưởng giả thường cúng tế, đến giữa hư không chỉ dẫn rõ ràng cho Trưởng giả về sự sai biệt của các ruộng phước. Có người khác lại nói: Đó là thân thuộc quá khứ của Trưởng giả sinh ở trong cõi trời, dùng lời nói thành thật để nhắc nhở dẫn dắt trưởng giả.

Hỏi: Nếu là thân thuộc quá khứ của Trưởng giả thì đối với Hương Dự lưu làm sao có thể biết được, bởi vì Kiến đạo nhanh chóng không phải là cảnh giới của họ?

Đáp: Hương Dự lưu có hai loại:

1. Thế tục.
2. Thắng nghĩa.

Đạt được phần Thuận quyết trạch gọi là thế tục, đã tiến vào Kiến đạo thì gọi là thắng nghĩa. Trú vào Hương thế tục là cảnh giới của các Thiên thần ấy. Nếu là Hương thắng nghĩa thì Xá-lợi-tử... hãy còn không

biết hết, huống gì là các Thiên thần ấy, cho nên các Thiên thần ấy đã nêu ra chỉ là thế tục, bởi vì có thể thọ nhận đồ ăn thức uống mà Trưởng giả đã cúng dường.

Cũng có kinh khác nói về Hưởng thắng nghĩa. Như Đức Thế Tôn bảo với Bà-đà-lê rằng: “Nếu có Tỳ kheo là Câu giải thoát, giả sử Ta bảo với người ấy rằng: Ông hãy dùng thân bắc cầu cho Ta ở nơi kênh mương lầy lội này! Nay Bà-đà-lê, theo ý ông thế nào? Người ấy nghe Ta sai khiến thì có chống đối làm trái hay không? Lúc sắp bước chân lên thì có tránh né rút lui hay không? Lúc đang giẫm chân lên thì có nghiêng người chuyển động hay không? Bà-đà-lê thưa rằng: Không như vậy. Đức Thế Tôn lại bảo với Bà-đà-lê: Lược qua người Câu giải thoát, nếu có Tỳ kheo là Tuệ giải thoát, giả sử Ta bảo với người ấy... cho đến nói rộng ra. Lại lược qua người Tuệ giải thoát, nói đến người Thân chứng; lại lược qua người Thân chứng, nói đến người Kiến chí; lại lược qua người Kiến chí, nói đến người Tín thắng giải; lược qua người Tín thắng giải, nói đến người Tùy pháp hành; lược qua người Tùy pháp hành, nói đến người Tùy tín hành...” Đức Phật hỏi-người ấy trả lời tất cả đều như trước.

Có người nói: Kinh này cũng nói đến Hưởng-quả Dự lưu thế tục, bởi vì trong Kiến đạo không có thể nghe nhận ngữ nghĩa của Phật.

Lời bình: Trong này nói đến Hưởng thắng nghĩa đối với lý là thích hợp, bởi vì nói đến Tùy tín-Tùy pháp hành.

Hỏi: Lúc trú trong Kiến đạo không có thể nghe nhận, bởi vì ngữ nghĩa của Phật không có tâm khác, làm sao Đức Thế Tôn dùng lời để nói về điều ấy?

Đáp: Đức Thế Tôn dựa vào ý thích của người ấy mà nói, bởi vì không có sự việc như vậy để phân biệt. Giả sử ở trong Kiến đạo có tâm phân biệt khác nhau, có thể tiếp nhận ngữ nghĩa này của Như Lai, thì chắc chắn rời bỏ Kiến đạo để làm theo sự việc đã sai bảo. Ý của Đức Phật trách mắng Bà-đà-lê rằng: Trú trong Kiến đạo hãy còn thuận theo lời Ta sai bảo, huống gì ông lìa xa tất cả công đức, mà ở nơi Ta sinh tâm chống đối làm trái? Vì vậy trong này nói đến Hưởng thắng nghĩa.

Hỏi: Vì sao Trưởng giả tuy nghe lời Thiên thần nói, nhưng vẫn ở trong Tăng chúng dùng tâm bình đẳng mà cúng dường? Đáp: Có người nói: Tăng chúng đều là do một tiếng kiền chùy báo hiệu của Trưởng giả mà tập trung đến. Người ấy dấy lên ý nghĩ này: Tăng chúng này đều là do một tiếng kiền chùy báo hiệu của mình mà tập trung đến, không nên đối với Tăng chúng mà dùng tâm cúng dường không bình đẳng.

Có người nói: Bởi vì Tăng chúng thọ nhận đồ ăn thức uống này đều trừ được đói khát không có gì sai biệt. Người ấy dấy lên ý nghĩ này: Mình cúng dường đồ ăn thức uống để trừ hết đói khát, như A-la-hán thọ nhận mình cúng dường rồi đói khát được trừ hết, dị sinh có đủ ràng buộc thọ nhận đồ ăn thức uống của mình cũng lại như vậy, không nên ở đây mà cúng dường với tâm không bình đẳng.

Có người nói: Trưởng giả cúng dường đồ ăn thức cho Tăng với ý nghĩ chủ yếu là muốn làm lợi ích cho người khác. Người ấy dấy lên ý nghĩ này: Mình cúng dường đồ ăn thức uống vì làm lợi ích cho người khác chứ không mong làm lợi cho mình, như A-la-hán thọ nhận đồ ăn thức uống của mình mà được lợi ích, người phá giới cũng như vậy, vì vậy cho nên nay mình phải cúng dường với tâm bình đẳng.

Có người nói: Bởi vì Trưởng giả tránh sự yêu ghét. Người ấy dấy lên ý nghĩ này: Nếu cúng dường không bình đẳng đối với Tăng, hoặc là mình khởi tâm yêu ghét, vì vậy sẽ dẫn đến quả không như ý, mình đã đối với họ tạo nên thù oán, sao có thể gọi là thí chủ cúng dường thanh tịnh thật sự?

Có người nói: Bởi vì Trưởng giả thuận theo lời Đức Phật dạy, cho nên lúc ấy dấy lên ý nghĩ này: Như Lai thường nói nếu có ai đối với một Bồ-đặc-già-la, tâm không bình đẳng mà cung cấp nuôi dưỡng thì có năm điều lỗi lầm. Nếu có một sai sót thì hãy còn không nên làm, huống gì là đối với năm?

Có người nói: Bởi vì Trưởng giả không mong cầu quả báo, cho nên lúc ấy dấy lên ý nghĩ này: Dị thực của quả cúng dường chỉ nhận lấy ở cõi Dục, nếu mình mạng chung sẽ sinh đến cõi Sắc, thì quả cúng dường đối với mình sẽ trở thành vô ích, giả sử là có ích thì hãy còn không mong cầu, huống gì là không có ích. Vì vậy mình chỉ nên dùng tâm bình đẳng mà cúng dường.

Có người nói: Bởi vì Trưởng giả cung kính đối với xuất gia, cho nên dấy lên ý nghĩ này: Mình lìa nhiệm cõi Dục đạt được quả Bất hoàn, vẫn không có thể rời bỏ đối với tiền của châu báu-quyển thuộc ở nhà, những người xuất gia tuy có đủ mọi ràng buộc, mà đối với gia đình quyến thuộc-tài sản châu báu có thể rời bỏ không có sự tích tập, thọ giới cấm của Phật suốt đời tu hành, phạm hạnh thanh tịnh viên mãn thuần nhất, giả sử có ý niệm sai lạc vì phạm làm hỏng giới cấm, sinh lòng hổ thẹn sâu sắc thường mong được thanh tịnh, nếu ở gia đình thì không thể nào như vậy. Vì vậy mình nên đối với Tăng chúng này dùng tâm bình đẳng mà cúng dường.

Có người nói: Bởi vì Trưởng giả coi trọng hình tướng lễ nghi, cho nên dấy lên ý nghĩ này: Những người xuất gia cạo bỏ râu tóc-mặc áo vải nhuộm, hình tướng oai nghi giống như Phật, trì giới hay phá giới đều làm cho thế gian ngược nhìn tôn trọng mà sinh phước thiện, bởi vì làm ruộng phước cho nên mình đối với Tăng chúng phải dùng tâm bình đẳng mà cúng dường.

Có người nói: Bởi vì Trưởng giả mang nặng ân của Phật, cho nên dấy lên ý nghĩ này: Mình nhờ vào Phật pháp mà đạt được Nhẫn trí, kiếm và chày Kim cang đập tan núi cao của hai mươi Thân kiến, chặt đứt gốc rễ của vô biên nẻo ác, làm cho có giới hạn nhất định hướng đến Niết-bàn, ở trong bốn Đế có tuệ nhãn thanh tịnh, không còn kiết thuộc phần dưới, ra khỏi bùn lầy của dục vọng. Vì vậy mình không nên đối với đệ tử của Phật mà dùng tâm không bình đẳng để cúng dường.

Có người nói: Bởi vì Trưởng giả hiển bày giác tuệ kiên cố của mình đã đạt được không thể nào chuyển đổi, cho nên dấy lên ý nghĩ này: Tuệ của mình kiên cố lẽ nào thuận theo lời của Thiên thần mà tùy tiện có sự chuyển biến hay sao? Vì vậy đối với Tăng chúng dùng tâm bình đẳng mà cúng dường. Hiển bày về mình như vậy, cho nên đến thưa với Đức Phật.

Như trong kinh nói: “Đức Phật bảo với Khánh Hỷ: Cúng dường ăn uống có hai quả không có gì sai biệt:

1. Bồ-tát nhận thức ăn ấy rồi, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

2. Như Lai nhận thức ăn ấy rồi, tiến vào cảnh giới Đại Niết-bàn Vô dư.”

Hỏi: Bắt đầu nhận thức ăn thì có tham sân si, sau khi nhận thức ăn thì tham sân si không còn, vì sao quả cúng dường không có gì sai biệt?

Đáp: Do suy nghĩ và do ruộng có sự thù thắng riêng biệt, Đức Phật dựa vào sự thù thắng riêng biệt mà nói là không sai khác. Nghĩa là lúc ban đầu hai chị em Nan-đà và Nan-đà-bạt-la, nghe nói Bồ-tát thọ nhận cháo sữa đầy đủ mười sáu vị ngọt ngào, chắc chắn sẽ được thành tựu Vô thượng Đẳng giác, vui mừng nhảy lên sung sướng phát khởi suy nghĩ thù thắng, mang cháo sữa như trên dâng lên Bồ-tát. Bồ-tát ăn rồi ngay trong đêm này, làm cho quân ma phải hàng phục, thành bậc Đẳng Chánh Giác. Hai chị em nghe tin vui mừng gấp bội lại khởi lên suy nghĩ thù thắng. Ruộng đã cúng dường ấy tuy không phải là thù thắng, nhưng nhờ vào suy nghĩ thù thắng cho nên có thể dẫn đến quả thù thắng. Thuần-

đà vào lúc Đức Phật sắp Niết-bàn, thấy thân hình của Đức Phật dường như có phần suy yếu đổi thay, lại nghe không lâu nữa nhất định nhập Niết-bàn, ngưỡng mộ lưu luyến không chịu đựng nổi, làm cho tâm mình buồn phiền rối bời, suy nghĩ và ý nguyện thù thắng không thể nào hiện rõ trước mắt, nhưng nhờ vào ruộng thù thắng mà có thể dẫn đến quả thù thắng. Đức Phật dựa vào đây cho nên nói là không có gì sai biệt.

Có người đưa ra cách nói như vậy: Bởi vì muốn ngăn chặn tâm của Thuần-đà thay đổi hối tiếc. Như trong kinh ấy nói: “Đức Phật bảo với A-nan: Nếu Thuần-đà kia là người khéo léo, hoặc là do người khác dẫn dắt, hoặc là tự mình suy nghĩ tìm hiểu, ở trong sự cúng dường thức ăn mà sinh lòng thay đổi hối tiếc, thì đối với sự việc khó có được sẽ trở thành không đạt được. Sự việc khó có được ấy, đó gọi là sự cúng dường cuối cùng lúc chư Phật sắp Niết-bàn. Nếu người ấy sinh tâm thay đổi hối tiếc, thì ông nên dùng sáu xứ mà khuyến khích, nói cho biết là nhân duyên cúng dường thức ăn có thể dẫn đến sống lâu, sắc tướng-sức mạnh-vui vẻ-danh tiếng-giàu sang-quan quyền, tôi đi theo Đức Thế Tôn tự mình nghe sự việc này, cúng dường thức ăn có hai quả không có gì sai biệt:

1. Bồ-tát thọ nhận thức ăn ấy rồi, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề.

2. Như Lai thọ nhận thức ăn ấy rồi, tiến vào cảnh giới Đại Niết-bàn vô dư.

Lại cần phải nói cho Thuần-đà kia biết: Nên biết ở trong sự cúng dường thức ăn, nếu sinh tâm thay đổi hối tiếc thì ông ở trong sự việc khó có được như vậy sẽ trở thành không đạt được. Như mất đi dịp dâng cúng cháo sữa mà sinh ra phước thiện thù thắng lúc Bồ-tát sắp thành Phật, cẩn thận đừng thay đổi hối tiếc!” Vì vậy cho nên nói là hai quả không có gì sai khác.

Có người nói: Hai lúc đều có thể giúp đỡ thêm cho thân lìa nhiễm, nghĩa là thức ăn vào lúc tiêu hóa thì có thể làm sự việc của ăn. Đức Phật vào lúc cuối đêm thành tựu Chánh giác, thức ăn ấy tiêu hóa giống như thành tựu Chánh giác; Niết-bàn cũng như vậy. Vì thế cho nên nói hai quả của sự cúng dường không có sai biệt.

Có người nói: Ban đầu thọ nhận thức ăn rồi chứng được Phật pháp, sau khi thọ nhận thức ăn rồi thọ dụng Phật pháp. Được tu và tập tu, nói cũng như vậy.

Có người nói: Ban đầu thọ nhận thức ăn rồi liền tiến vào tất cả Tĩnh lự-Giải thoát-Đẳng trì-Đẳng chí, sau khi thọ nhận thức ăn rồi cũng

tiến vào tất cả Tĩnh lực-Giải thoát-Đẳng trì-Đẳng chí.

Có người nói: Ban đầu thọ nhận thức ăn rồi vượt qua dòng sông phiền não, sau khi thọ nhận thức ăn rồi vượt qua dòng sông sinh tử.

Có người nói: Ban đầu thọ nhận thức ăn rồi làm khô cạn biển phiền não, sau khi thọ nhận thức ăn rồi làm khô cạn biển sinh tử. Như vậy, nhổ bật cây phiền não-nhổ bật cây sinh tử, phá tan núi phiền não-phá tan núi sinh tử, vượt qua nơi nương tựa của phiền não-vượt qua nơi nương tựa của sinh tử, nói cũng như vậy.

Có người nói: Ban đầu thọ nhận thức ăn rồi rời bỏ Tập đế, sau khi thọ nhận thức ăn rồi rời bỏ Khổ đế.

Có người nói: Ban đầu thọ nhận thức ăn rồi chứng nhập Đạo đế, sau khi thọ nhận thức ăn rồi chứng nhập Diệt đế.

Có người nói: Ban đầu thọ nhận thức ăn rồi rời bỏ Tập tiến vào Đạo, sau khi thọ nhận thức ăn rồi rời bỏ Khổ tiến vào Diệt.

Có người nói: Ban đầu thọ nhận thức ăn rồi vượt lên trên các Lưu, sau khi thọ nhận thức ăn rồi vượt lên trên pháp thuận theo Lưu.

Có người nói: Ban đầu thọ nhận thức ăn rồi vượt qua bốn Bộc lưu, sau khi thọ nhận thức ăn rồi vượt qua pháp thuận theo Bộc lưu. Như Bộc lưu-thuận theo Bộc lưu, nói đến vượt qua sai biệt như vậy; Ách-thuận theo Ách, Thủ- thuận theo Thủ, Thân hệ - thuận theo Thân hệ, các Cái-thuận theo các Cái, nói đến vượt qua cũng như vậy.

Có người nói: Ban đầu thọ nhận thức ăn rồi phá tan hai ma, đó là ma phiền não và ma trời tự tại; sau khi thọ nhận thức ăn rồi cũng phá tan hai ma, đó là ma uẩn và ma chết.

Có người nói: Ban đầu thọ nhận thức ăn rồi tiến vào cảnh giới Đại Niết-bàn Hữu dư, sau khi thọ nhận thức ăn rồi tiến vào cảnh giới Đại Niết-bàn Vô dư.

Đức Phật dựa vào các loại nhân duyên như vậy, nói đến quả của hai loại cúng dường không có gì sai biệt.

CHƯƠNG V: ĐẠI CHỦNG UẨN (Tiếp Theo)

Phẩm Thứ Hai: LUẬN VỀ DUYÊN

LUẬN VỀ DUYÊN (Phần 1)

Đại chủng làm mấy duyên cho Đại chủng? Các chương như vậy và giải thích về nghĩa của từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp đến nên phân biệt rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì cần phải ngăn chặn cách nói của phái Thí Dụ, phái ấy nói tánh của duyên không phải là pháp có thật.

Hỏi: Vì sao họ đưa ra cách nói này?

Đáp: Bởi vì dựa vào kinh. Như trong kinh nói: “Vô minh duyên Hành.” Tướng của Hành có khác nhau, Vô minh chỉ có một tướng, làm sao một tướng của Vô minh làm duyên sinh ra tướng khác nhau của Hành, mà duyên là thật?

Tôn giả cũng nói: “Duyên là tên gọi mà các Sư tạm thời thiết lập, Thể không phải là có thật.” Cũng vì ngăn chặn những cách nói như vậy để hiển bày rõ ràng thể của các duyên là có thật. Nếu tánh của các duyên không phải là có thật, thì tất cả các pháp đều không phải là có thật, bởi vì Nhân duyên thâm nhiếp tất cả các pháp hữu vi; Đẳng vô gián duyên thâm nhiếp quá khứ-hiện tại, trừ ra tụ tâm cuối cùng của A-la-hán, còn lại tâm-tâm sở pháp; Sở duyên duyên và Tăng thượng duyên thâm nhiếp tất cả các pháp. Vả lại, nếu tánh của duyên không phải là có thật, thì lẽ ra không thi thiết các pháp rất sâu xa, nghĩa là không dựa vào nhân duyên quán sát bởi vì tánh của các pháp thô thiển dễ biết. Nếu dùng nhân duyên mà quán sát, thì nghĩa rất sâu xa vượt quá bốn biển lớn, chỉ riêng Đức Phật mới có năng lực biết được chứ không phải là ai khác mà biết được. Lại nữa, nếu tánh của duyên không phải là có thật, thì lẽ ra không thi thiết có ba loại Bồ-đề, đó là dùng trí bậc Thượng quán xét nhân duyên cho nên đạt được Bồ-đề của Phật, dùng trí bậc Trung quán xét đạt được Bồ-đề của Độc giác, dùng trí bậc Hạ quán xét đạt được Bồ-đề của Thanh văn. Lại nữa, tánh của nhân duyên không phải là thật có, thì lẽ ra không thi thiết có ba phẩm Tuệ, đó là Tuệ phẩm Hạ sẽ luôn luôn là phẩm Hạ, phẩm Trung sẽ luôn luôn là phẩm Trung, phẩm Thượng sẽ luôn luôn là phẩm Thượng, bởi vì không có lực của duyên thật sự làm cho tăng giảm. Nếu như vậy thì không có thầy trò-

dạy dỗ-luyện tập, và tánh của thầy trò lẽ ra không có thay đổi gì cả.

Tôn giả Diệu Âm cũng đưa ra cách nói này: “Nếu duyên không phải là thật thì lẽ ra thầy không nên làm cho giác tuệ của học trò chuyển từ bậc Hạ thành bậc Trung, chuyển từ bậc Trung thành bậc Thượng. Bởi vì không có duyên tu tập làm cho tăng trưởng, cho nên thầy trò-dạy dỗ sẽ không được thành lập, thầy sẽ luôn luôn là thầy-học trò cũng như vậy.”

Bởi vì những lý lẽ đã nói như vậy, cho nên biết tự tánh của duyên quyết định là có thật.

Hỏi: Nếu duyên là có thật thì nghĩa của kinh mà phái Thí Dụ đã dẫn ra nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Vô minh tuy là một mà tác dụng có nhiều, phần nhiều dùng làm duyên sinh ra tướng khác nhau của hành. Bởi vì pháp hữu vi tùy theo các duyên nương nhờ, cho nên có vô lượng môn với tác dụng khác nhau, ví như một người mà có năm khả năng nhưng không trái ngược nhau, điều ấy cũng như vậy.

Có người nói: Bởi vì hiển bày tự tánh của các pháp hữu vi yếu kém, không có thể tự mình dấy khởi mà chắc chắn phải nhờ vào duyên khác, không có tác dụng thật sự-không có tự tại, cho nên soạn ra phần luận này.

Trong này, tự tánh nghĩa là tự Thể của pháp. Hoặc là nói ở đây hiển bày về tự tánh yếu kém của các pháp đã sinh ra, bởi vì yếu kém cho nên có lúc nhờ vào bốn duyên, hoặc là ba-hoặc là hai mới được sinh khởi. Hãy còn không có pháp nào nhờ vào một duyên mà sinh khởi, huống gì là không có nơi nào nhờ cậy? Như người bệnh hoạn yếu đuối, nhất định phải nhờ vào hoặc là bốn-hoặc là ba-hoặc là hai duyên đã nương nhờ mà được sinh khởi chuyển đổi, hãy còn không có nhờ vào một duyên, huống gì là hoàn toàn không nương nhờ?

Hoặc là nói ở đây hiển bày về tự tánh yếu kém của Nhân duyên tự nhiên sinh ra (năng sinh), bởi vì yếu kém cho nên hoặc là bốn-hoặc là ba-hoặc là hai giúp đỡ nhau mới có thể sinh ra pháp. Như người yếu đuối, hoặc là bốn-hoặc là ba-hoặc là hai dựa vào nhau mới có thể làm được một công việc. Như trong kinh nói: “Sắc là vô thường, nhân duyên của sắc cũng là tánh vô thường. Do vô thường mà khởi lên thì sắc làm sao thường? Bởi vì tánh của các pháp hữu vi yếu kém cho nên không có thể tự nhiên dấy khởi, nghĩa là pháp ấy không có sức mạnh để có thể tự mình sinh khởi. Bởi vì không tự mình sinh khởi cho nên nhờ vào nơi khác mà sinh khởi, cần phải nhờ vào sức mạnh của duyên mới được

sinh khởi. Bởi vì nhờ vào duyên khác cho nên không có tác dụng, nghĩa là pháp không có mong muốn dấy lên ý nghĩ này: Mình phải làm vì ai, ai khiến mình phải làm? Bởi vì không có tác dụng cho nên sẽ không có tự tại, nghĩa là trong các pháp hữu vi không tự tại mình đừng khởi lên-mình đừng diệt đi.”

Có người nói: Vì loại bỏ những ngu dốt về duyên khởi, cho nên soạn ra phần luận này. Ngu dốt về duyên khởi, nghĩa là lúc ấy nghe nói Vô minh duyên Hành, cho đến Sinh duyên Lão tử, liền cho rằng chỉ riêng pháp này là pháp duyên khởi. Nay cần phải quyết định hiển bày rõ ràng từ duyên mà sinh ra, các pháp trong-ngoài đều là duyên khởi. Vì những duyên này cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Đại chủng cùng với Đại chủng làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là hai nhân, đó là nhân Câu hữu-Đồng loại. Cùng sinh và hướng về với nhau là nhân Câu hữu, sinh trước và sinh sau là nhân Đồng loại. Tăng thượng, nghĩa là không ngăn ngại đối với sinh khởi, và chỉ riêng không có chướng ngại. Đây là dựa vào tướng chung của chủng loại mà nói.

Nhưng bốn Đại chủng có mười một loại, đó là sở y của Nhãn xứ cho đến sở y của Pháp xứ. Sở y của Nhãn xứ cùng với sở y của Nhãn xứ làm Nhân-Tăng thượng, cùng với sở y khác chỉ là một Tăng thượng, cho đến Sở y của Pháp xứ cùng với sở y của Pháp xứ làm Nhân-Tăng thượng, cùng với sở y khác chỉ là một Tăng thượng.

Đại chủng sở y của Nhãn xứ lại có hai loại, đó là trái và phải. Sở y của bên trái cùng với bên trái làm Nhân-Tăng thượng, cùng với sở y của bên phải chỉ là một Tăng thượng. Sở y của bên phải cùng với bên phải làm Nhân-Tăng thượng, cùng với sở y của bên trái chỉ là một Tăng thượng.

Đại chủng sở y của Nhãn bên trái lại có hai loại, đó là do nuôi lớn và dị thực sinh. Nuôi lớn cùng với nuôi lớn làm Nhân-Tăng thượng, cùng với dị thực sinh chỉ là một Tăng thượng. Dị thực cùng với dị thực làm Nhân-Tăng thượng, cùng với nuôi lớn chỉ là một Tăng thượng.

Đại chủng dị thực lại có hai loại, đó là dị thực của nghiệp thiện và dị thực của nghiệp bất thiện. Dị thực của nghiệp thiện cùng với dị thực của nghiệp thiện làm Nhân-Tăng thượng, cùng với dị thực của nghiệp bất thiện chỉ là một Tăng thượng. Nghiệp bất thiện nói cũng như vậy.

Đại chủng dị thực của nghiệp thiện lại có hai loại, đó là trời và người. Trời và trời làm Nhân-Tăng thượng, cùng với người chỉ là một Tăng thượng. Loài người nói cũng như vậy. Đại chủng của trời lại có

hai loại, đó là cõi Dục-Sắc. Cõi Dục cùng với cõi Dục làm Nhân-Tăng thượng, cùng với cõi Sắc chỉ là một Tăng thượng. Cõi Sắc nói cũng như vậy.

Đại chủng của cõi Sắc lại có bốn loại, đó là Tinh lự thứ nhất cho đến Tinh lự thứ tư. Tinh lự thứ nhất cùng với Tinh lự thứ nhất làm Nhân-Tăng thượng, cùng với Tinh lự khác chỉ là một Tăng thượng; cho đến Tinh lự thứ tư nói cũng như vậy.

Đại chủng dị thực của nghiệp bất thiện lại có ba loại, đó là địa ngục-bàng sinh và nga quỷ. Địa ngục cùng với địa ngục làm Nhân-Tăng thượng, cùng với hai nẻo khác chỉ là Tăng thượng. Bàng sinh và nga quỷ nói cũng như vậy.

Như nói về dị thực, nuôi lớn cũng như vậy. Như nói về bên trái, bên phải cũng như vậy. Như nói về Đại chủng sở y của Nhân xứ, cho đến Đại chủng sở y của Pháp xứ cũng như vậy. Trong này khác nhau, đó là năm xứ bên ngoài có thân mình và thân khác; tình và phi tình... sai biệt nên suy nghĩ!

Hỏi: Cùng nẻo-cùng địa mà xứ sở sai biệt, lần lượt chuyển đổi hướng về nhau là có nhân hay không?

Đáp: Có người nói: Không có nhân.

Điều này không hợp lý, bởi vì có Đại chủng là sát-na, đó là Ngũ tịnh cư vốn có Đại chủng, từ vô thủy sinh tử chưa hề dứt khởi. Mười một loại như các sắc sở tạo... dựa theo Đại chủng trước đây nói rộng ra nên biết.

Hỏi: Đại chủng cùng với sắc sở tạo là mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là năm nhân, đó là nhân Sinh khởi-nhân Nương tựa-nhân Tồn tại-nhân Duy trì và nhân Nuôi dưỡng. Tăng thượng, nghĩa là không ngăn ngại đối với sinh khởi, và chỉ riêng không có chướng ngại.

Có người nói: Đại chủng cùng với Xúc sở tạo làm nhân Đồng loại.

Điều này không hợp lý, bởi vì Đại chủng và Xúc sở tạo không phải là đồng loại.

Hỏi: Sắc sở tạo cùng với sắc sở tạo làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là ba nhân, đó là Câu hữu-Đồng loại và Dị thực. Tăng thượng, nghĩa là không ngăn ngại đối với sinh khởi, và chỉ riêng không có chướng ngại. Đây là nói theo tướng chung, nói sai biệt thì dựa theo Đại chủng trước đây như lý nên suy nghĩ!

Hỏi: Sắc sở tạo cùng với Đại chủng làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Dị thực. Tăng thượng, nghĩa là không ngăn ngại đối với sinh khởi, và chỉ riêng không có chướng ngại.

Có người nói: Tạo xúc cùng với các Đại chủng làm nhân Đồng loại. Điều này không hợp lý, bởi vì Tạo xúc và Đại chủng không phải là đồng loại.

Hỏi: Đại chủng cùng với tâm-tâm sở pháp làm mấy duyên?

Đáp: Sở duyên và Tăng thượng. Sở duyên, nghĩa là làm sở duyên cho pháp tương ứng với Thức thân kia, và làm sở duyên cho pháp tương ứng với Ý thức kia. Thân thức và pháp tương ứng, chọn lấy tự tướng; Ý thức và pháp tương ứng, chọn lấy tự tướng-cộng tướng. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Tâm-tâm sở pháp cùng với tâm-tâm sở pháp làm mấy duyên?

Đáp: Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng. Nhân là năm nhân, đó là Tương ứng-Câu hữu-Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Đẳng vô gián, nghĩa là tâm-tâm sở pháp đẳng vô gián, tâm-tâm sở pháp hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, nghĩa là tâm-tâm sở pháp cùng với tâm-tâm sở pháp làm sở duyên. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Tâm-tâm sở pháp cùng với Đại chủng làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Đại chủng cùng với Nhãn xứ làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là năm nhân, đó là năm nhân như Sinh khởi... Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Nhãn xứ cùng với Nhãn xứ làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Đồng loại. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Nhãn xứ cùng với Đại chủng làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước. Như Nhãn xứ, nhĩ-tỷ-thiệt-thân-hương-vị xứ cũng như vậy.

Hỏi: Đại chủng cùng với Sắc xứ làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là năm nhân, đó là năm nhân như Sinh khởi... Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Sắc xứ cùng với Sắc xứ làm mấy duyên?

Đáp? Nhân và Tăng thượng. Nhân là hai nhân, đó là Đồng loại và Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Sắc xứ cùng với Đại chủng làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Dị thực. Tăng thượng, nói như trước. Như Sắc xứ, thanh-xúc xứ cũng như vậy.

Nói chung thì tuy là như vậy mà nghĩa có khác, đó là Đại chủng cùng với Thanh xứ làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là năm nhân, đó là năm nhân như Sinh khởi... Tăng thượng, nói như trước. Thanh xứ cùng với Thanh xứ làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Đồng loại; Tăng thượng, nói như trước. Thanh xứ cùng với Đại chủng làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Dị thực; Tăng thượng, nói như trước.

Đại chủng cùng với Xúc xứ làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là bảy nhân, đó là năm nhân như Sinh khởi..., và Câu hữu-Đồng loại; Tăng thượng, nói như trước. Xúc xứ cùng với Xúc xứ làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là bảy nhân, đó là năm nhân như Sinh khởi..., và Câu hữu-Đồng loại; Tăng thượng, nói như trước. Xúc xứ cùng với Đại chủng làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là hai nhân, đó là Câu hữu và Đồng loại; Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Đại chủng cùng với Ý xứ làm mấy duyên?

Đáp: Sở duyên và Tăng thượng. Sở duyên, đó là làm sở duyên cho Thân thức và Ý thức, Thân thức chọn lấy tự tướng, Ý thức chọn lấy tự tướng-cộng tướng, Thân thức chọn lấy thì hoặc là một-hoặc là nhiều, nói rộng ra như trước.

Hỏi: Ý xứ cùng với Ý xứ làm mấy duyên?

Đáp: Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng. Nhân là ba nhân, đó là Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Đẳng vô gián, nghĩa là Ý xứ đẳng vô gián, Ý xứ hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, đó là Ý xứ làm sở duyên cho Ý xứ. Tăng thượng, nói như trước.

Đây là dựa vào tướng chung của chủng loại mà nói. Nhưng Ý xứ có sáu loại, đó là Nhãn thức cho đến Ý thức. Trong này, Nhãn thức cùng với Nhãn thức làm Nhân-Đẳng vô gián-Tăng thượng, không phải là Sở duyên. Nhân là hai nhân, đó là Đồng loại và Dị thực. Đẳng vô gián, nghĩa là Nhãn thức đẳng vô gián, Nhãn thức hiện rõ ở trước mắt. Tăng thượng, nói như trước. Không phải là Sở duyên, bởi vì Nhãn thức chỉ duyên với sắc, Nhãn thức không phải là sắc. Như Nhãn thức cùng với Nhãn thức, Nhãn thức cùng với nhĩ-tỷ-thiệt-thân thức cũng như vậy.

Nhãn thức cùng với Ý thức làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng. Nhân là hai nhân, đó là Đồng loại và Dị thực. Đẳng vô

gián, nghĩa là Nhân thức đẳng vô gián, Ý thức hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, nghĩa là Nhân thức làm sở duyên cho Ý thức. Tăng thượng, nói như trước. Như Nhân thức đối với sáu thức, nhĩ-tỷ-thiệt-thân thức đối với sáu thức cũng như vậy.

Ý thức cùng với Ý thức làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng. Nhân là ba nhân, đó là Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Đẳng vô gián, nghĩa là Ý thức đẳng vô gián, Ý thức hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, nghĩa là Ý thức làm sở duyên cho Ý thức. Tăng thượng, nói như trước.

Ý thức cùng với Nhân thức làm Nhân-Đẳng vô gián-Tăng thượng, không phải là Sở duyên. Nhân là ba nhân, đó là Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Đẳng vô gián, nghĩa là Ý thức đẳng vô gián, Nhân thức hiện rõ ở trước mắt. Tăng thượng, nói như trước. Không phải là Sở duyên, bởi vì Nhân thức chỉ duyên với sắc, Ý thức không phải là sắc. Như Ý thức đối với Nhân thức, Ý thức đối với thức khác cũng như vậy.

Hỏi: Năm thức như nhãn...lần lượt chuyển đổi không gián đoạn hiện rõ ở trước mắt hay không?

Đáp: Các sư Du-già nói: Năm thức như nhãn... lần lượt chuyển đổi không gián đoạn không hiện rõ ở trước mắt, bởi vì đều từ ý thức không gián đoạn mà sinh ra.

Các Luận sư A-tỳ-đạt-ma nói: Năm thức như nhãn... lần lượt chuyển đổi đều nhất định không gián đoạn mà khởi lên. Nếu không như vậy thì trái với chương Căn Uẩn nói, như chương ấy nói: “Khổ căn cùng với Khổ căn làm Nhân-Đẳng vô gián-Tăng thượng, không phải là Sở duyên.”

Hỏi: Ý xứ cùng với Đại chủng làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Dị thực; Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Đại chủng cùng với Pháp xứ làm mấy duyên?

Đáp: Nhân-Sở duyên và Tăng thượng. Nhân là bảy nhân, đó là năm nhân như Sinh khởi..., và Câu hữu-Đồng loại. Sở duyên, đó là làm sở duyên cho pháp tương ứng với Thân thức và pháp tương ứng với Ý thức. Tăng thượng, nói như trước.

Pháp xứ cùng với Pháp xứ làm mấy duyên?

Đáp: Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng. Nhân là năm nhân, tức là năm nhân như Tương ứng. Đẳng vô gián, nghĩa là Pháp xứ đẳng vô gián, Pháp xứ hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, nghĩa là Pháp xứ làm sở duyên cho Pháp xứ. Tăng thượng, nói như trước.

Pháp xứ cùng với Đại chủng làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là ba nhân, đó là Câu hữu-Đồng loại và Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Đại chủng cùng với Nhân căn làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là năm nhân, đó là năm nhân như Sinh khởi... Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Nhân căn cùng với Đại chủng làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước. Như nhân căn, nhĩ-tỷ-thiệt-thân-nam-nữ căn cũng như vậy.

Hỏi: Đại chủng cùng với Mạng căn làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước.

Hỏi: Mạng căn cùng với Đại chủng làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước.

Hỏi: Đại chủng cùng với Ý căn làm mấy duyên?

Đáp: Sở duyên và Tăng thượng, nghĩa về Sở duyên và Tăng thượng đều nói như trước.

Hỏi: Ý căn cùng với Đại chủng làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Dị thực; Tăng thượng, nói như trước. Như Ý căn, lạc-khổ-hỷ-ưu-xả-tín-tinh tiến-niệm-định-tuệ căn cũng như vậy.

Hỏi: Đại chủng cùng với Vị tri đương tri căn làm mấy duyên?

Đáp: Sở duyên và Tăng thượng. Sở duyên, nghĩa là các Đại chủng làm sở duyên cho Khổ nhãn-Khổ trí, Tập nhãn-Tập trí, và căn tương ưng. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Vị tri đương tri căn cùng với Đại chủng làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước. Như Vị tri đương tri căn, Dĩ tri căn và Cự tri căn cũng như vậy.

Hỏi: Đại chủng đối với Xứ hỏi-đáp có ba, vì sao đối với Căn hỏi-đáp chỉ có hai?

Đáp: Bởi vì ý của người soạn luận muốn như vậy, nghĩa là luận đã soạn ra tùy theo ý muốn của người ấy mà soạn luận, nhưng làm cho không trái với pháp tướng, vì vậy không cần phải vặn hỏi về điều ấy.

Có người nói: Đây là cách nói có khác. Có người nói: Trong này thể hiện nhiều loại văn từ-nhiều loại giải thích, nêu bày rõ ràng về nghĩa khiến cho dễ hiểu. Có người nói: Trong này thể hiện hai môn loại-hai phương thức cho đến nói rộng ra. Có người nói: Các Căn tức là do Xứ thấu nhiếp, nếu nói đến Xứ thì nên biết là đã nói đến Căn, vì vậy không hỏi đến. Có người nói: Trong này mở rộng và tóm lược dần dần,

nghĩa là bắt đầu hỏi là bốn-tiếp theo là ba-sau cùng là hai, bởi vì trước nói mở rộng-sau có thể dựa theo biết được, vì bỏ bớt văn phức tạp dần dần tóm lược mà nói.

Hỏi: Sắc pháp đối với Sắc pháp có nhân Đồng loại hay không?

Đáp: Các Sư phương Tây- Tôn giả Thí Dụ nói: “Sắc đối với Sắc không có nhân Đồng loại.” Các Sư phái Đối Pháp nói: “Sắc đối với Sắc có nhân Đồng loại.” Như trong phần nhân Đồng loại ở chương Tạp Uẩn trước đây đã phân biệt nhiều.

Hỏi: Vì sao bốn Đại chủng cùng sinh-cùng trú-cùng diệt mà không tương ứng, tâm-tâm sở pháp cùng sinh-cùng trú-cùng diệt mà lại nói là tương ứng?

Đáp: Như bốn Đại chủng có lúc giảm-có lúc tăng, tâm-tâm sở pháp thì không như vậy. Trong này, sinh nghĩa là năng sinh-sở sinh, trú nghĩa là năng trú-sở trú và năng diệt-sở diệt, diệt nghĩa là năng diệt-sở diệt.

Hỏi: Các pháp hữu vi đều có sinh-trú-diệt, vì sao lại nói là cùng sinh- cùng trú- cùng diệt?

Đáp: Có nhân duyên cho nên nói đều có sinh-trú-diệt, nghĩa là có các tướng khác nhau, nhiều tướng cho nên không phải là một tướng. Có nhân duyên cho nên nói cùng sinh- cùng trú-cùng diệt, nghĩa là tất cả đều không lìa khỏi thời gian một sát-na..., bởi vì sinh-trú-diệt ở trong một lúc.

Hỏi: Thể của bốn Đại chủng có tăng giảm hay không? Giả sử như vậy thì có gì sai? Cả hai đều có sai lầm. Nếu có tăng giảm thì lẽ nào không tách rời nhau? Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu trong vật cứng mà cực vi của địa nhiều thì thủy-hỏa-phong sẽ ít, cực vi của địa tùy theo lượng xen tạp của thủy..., loại khác thì tách rời nhau; cho đến vật động nói cũng như vậy. Nếu không có tăng giảm thì các vật như nước-đá..., lẽ ra không có thể trở thành khác nhau như cứng-mềm...?

Đáp: Nên nói là Thể của Đại chủng có tăng giảm.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao nói là không tách rời nhau?

Đáp: Tuy có tăng giảm mà không tách rời nhau, bởi vì lẫn lộn chuyển đổi giúp đỡ nhau cùng làm những việc làm. Như trong vật cứng tuy cực vi của địa nhiều mà thủy-hỏa-phong ít, nhưng tách rời thủy...thì địa yếu ớt không có thể làm được những việc làm; cho đến vật động nói cũng như vậy. Như nhiều thôn xóm cùng nhau lo liệu một sự việc, tuy có số người nhiều ít không giống nhau, mà cần phải hỗ trợ lẫn nhau chứ không có thể tách rời nhau.

Hỏi: Thể của tâm-tâm sở cũng có tăng giảm, tại sao lại nói thì không như vậy? Nghĩa là tâm sở pháp có nhiều-có ít ở trong các tụ tâm của ba cõi- ba tánh- hữu lậu- vô lậu.

Đáp: Bởi vì sự việc bằng nhau cho nên không gọi là tăng giảm, nếu trong một tâm có hai Tưởng-một Thọ... thì có thể gọi là tăng giảm, nhưng trong một tâm thì một Tưởng-một Thọ bằng nhau cho nên khác với Đại chủng.

Có người nói: Thể của Đại chủng không có tăng giảm.

Hỏi: Đá-gỗ... vì sao cứng-mềm... khác nhau?

Đáp: Bởi vì thế lực của Đại chủng có tăng thêm cực vi, như cực vi của bốn Đại trong vật cứng, số lượng của Thể tuy bằng nhau mà thế lực ấy tăng thêm cực vi của địa; cho đến vật động nói cũng như vậy. Như một lạng muối hòa với một lạng bột đặt ở trên lưới, muối sinh ra thức mạnh hơn-bột sinh ra thức yếu hơn nhiều; ở đây cũng như vậy. Thí dụ về nước-giấm cùng hòa vào nhau sinh ra Thiệt thức, thí dụ về kim nhọn-lông chim sinh ra Thân thức, nói rộng ra cũng như vậy.

Hỏi: Tâm-tâm sở pháp cũng có tăng thêm cực vi, như Chỉ Man là lợi căn, Xà Nô là độn căn, tại sao nói là không như vậy?

Đáp: Như bốn Đại chủng có thế lực thô thiển rõ ràng, cực vi tăng lên dễ dàng biết rõ, vì vậy nói đến điều ấy; tâm-tâm sở pháp thì không như vậy. Vì vậy, Đại chủng không nói đến tương ứng.

Vả lại, tâm-tâm sở pháp đều có sở duyên, bốn Đại chủng không có sở duyên, không phải là pháp không có sở duyên mà có thể nói đến tương ứng. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì tâm-tâm sở pháp có sở y, có hành tướng, có phát ngộ, cho nên chắc chắn có sở duyên, có sở duyên cho nên luôn luôn tương ứng không tách rời nhau; bốn Đại chủng trái ngược với điều này, cho nên không có sở duyên, bởi vì không có sở duyên cho nên tuy không tách rời nhau mà không tương ứng.

Không tách rời nhau có hai loại:

1. Đại chủng không tách rời nhau cùng tạo ra một sắc.
2. Tâm-tâm sở pháp không tách rời nhau cùng duyên vào một cảnh.

Năm uẩn tuy là cùng thuộc về một thân, mà không có hai sự việc này chứ không phải là không tách rời nhau, vì vậy Đại chủng không nói đến tương ứng.

Hỏi: Vì sao biết được bốn Đại chủng này luôn luôn không tách rời nhau?

Đáp: Bởi vì tự tướng tác nghiệp trong tất cả các tụ đều có thể đạt

được.

Nghĩa là trong tụ cứng thì tự tướng của địa giới hiện bày rõ ràng có thể đạt được, cho nên có nghĩa thành tựu cao nhất. Ở trong tụ này nếu không có thủy giới, thì vàng-bạc-sắt thép... sẽ không có thể tiêu mất, và nếu nước không có thì Đại chủng ấy sẽ phân tán. Nếu không có hỏa giới thì đá sỏi... đánh vào nhau không sinh ra lửa, và nếu lửa không có thì không có thể thành thực, Đại chủng ấy sẽ thối rữa hư hoại. Nếu không có phong giới thì sẽ không có chuyển động, và nếu không có gió thì Đại chủng ấy sẽ không có sự tăng trưởng.

Ở trong tụ ướt thì tự tướng của thủy giới hiện bày rõ ràng có thể đạt được, cho nên có nghĩa thành tựu cao nhất. Ở trong tụ này nếu không có địa giới thì đến phần vị giá rét sẽ không thành băng lạnh, và nếu đất không có thì thuyền bè... sẽ chìm mất. Nếu không có hỏa giới thì sẽ không có thời tiết nóng ấm, và nếu lửa không có thì Đại chủng ấy sẽ thối rữa hư hoại. Nếu không có phong giới thì sẽ không có chuyển động, và nếu gió không có thì sẽ không có sự tăng trưởng.

Ở trong tụ nóng thì tự tướng của hỏa giới hiện bày rõ ràng có thể đạt được, cho nên có nghĩa thành tựu cao nhất. Ở trong tụ này nếu không có địa giới thì đèn nến... sẽ không thể nào cháy lại được, và nếu đất không có thì sẽ không duy trì được mọi vật. Nếu không có thủy giới thì sẽ không sinh ra dòng chảy, và nếu không có lửa thì ngọn lửa sẽ không tụ lại được. Nếu không có phong giới thì sẽ không chuyển động, và nếu không có gió thì sẽ không có sự tăng trưởng.

Ở trong tụ động thì tự tướng của phong giới hiện bày rõ ràng có thể đạt được, cho nên có nghĩa thành tựu cao nhất. Ở trong tụ này nếu không có địa giới thì chạm vào tường vách... ngăn ngại sẽ không quay trở lại, và nếu đất không có thì sẽ không duy trì được mọi vật. Nếu không có thủy giới thì sẽ không có gió lạnh, và nếu nước không có thì Đại chủng ấy sẽ phân tán. Nếu không có hỏa giới thì sẽ không có gió nóng, và nếu lửa không có thì Đại chủng ấy sẽ thối rữa hư hoại.

Hỏi: Tướng của bốn Đại chủng này khác nhau, lần lượt chuyển đổi trái ngược nhau, tại sao cùng lúc không rời nhau mà khởi lên?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Tướng khác nhau-trái ngược nhau-nhân duyên khác nhau, không phải là các tướng khác nhau đều nhất định trái ngược nhau. Các pháp không trái ngược nhau mà tướng khác nhau, có thể cùng lúc dấy khởi không tách rời lẫn nhau, như bốn Đại chủng và hương-vị-xúc-xanh-vàng... Các pháp có tướng khác nhau mà trái ngược lẫn nhau, chắc chắn không cùng lúc dấy

khởi mà không tách rời nhau, như củi và lửa, mưa đá và lúa mạ, thuốc và bệnh, sáng và tối.”



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 132

LUẬN VỀ DUYÊN (Phần 2)

Hỏi: Nếu vật cứng-không cứng làm thay đổi tướng, thì vì sao các pháp không rời bỏ tự tướng? Vì sao làm thay đổi tướng? Như tánh mềm của nước đến mùa Đông thì ngưng tụ rắn chắc, rìu chặc hãy còn khó; tánh cứng của vàng-bạc..., nếu đưa vào lò nóng thì tan chảy như nước. Như vậy lẽ nào không phải là các pháp rời bỏ tự tướng hay sao?

Đáp: Không phải là các vật cứng thay đổi làm thành vật không cứng, cũng không phải là vật không cứng thay đổi làm thành vật cứng, nhưng pháp cứng- không cứng trú ở đời vị lai, nếu gặp duyên cứng thì pháp không cứng diệt đi- pháp cứng tiếp tục sinh ra, gặp duyên không cứng thì pháp cứng diệt đi- pháp không cứng tiếp tục sinh ra, pháp khác cũng như vậy, cho nên không có lỗi là các pháp rời bỏ tự tướng.

Hỏi: Trong các tụ của Đại chủng có kẽ hở hay không? Giả sử như vậy thì có gì sai? Cả hai đều có sai lầm. Nếu có kẽ hở thì lẽ nào không tách rời nhau? Nếu không có kẽ hở thì vì sao không trở thành một?

Đáp: Có người nói: Tụ của Đại chủng này có kẽ hở, bởi vì Không giới xen lẫn nhau ở trong đó.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao nói là không tách rời nhau?

Đáp: Không giới ở trong đó luôn luôn tự giấu kín mình, khiến cho đối với các vật trông thấy không tách rời nhau, như cô gái tự giấu kín thân mình trong lùm cây.

Có người nói: Tụ của Đại chủng này không có kẽ hở, bởi vì lần lượt chuyển đổi áp sát nhau không gián đoạn mà tồn tại.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao không trở thành một?

Đáp: Tuy không có kẽ hở mà không trở thành một, như Uẩn-Xứ-Giới trong ba đời..., tuy không có kẽ hở mà không trở thành một; các tụ ấy cũng như vậy. Vả lại, tự Thể-tác dụng của các Đại chủng, tất cả đều

khác nhau cho nên không thể trở thành một.

Hỏi: Các cực vi có tiếp xúc lẫn nhau hay không? Giả sử như vậy thì có gì sai? Cả hai đều có sai lầm. Nếu tiếp xúc lẫn nhau thì lẽ nào không trở thành một, hoặc là trở thành có phạm vi? Nếu không tiếp xúc lẫn nhau thì lúc va đập sẽ rời ra, hoặc là sẽ không có tiếng?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Cực vi không tiếp xúc lẫn nhau. Nếu tiếp xúc thì lẽ ra hoặc là có khắp nơi-hoặc là có phạm vi, tiếp xúc khắp nơi thì có lỗi trở thành một Thể, tiếp xúc theo phạm vi thì có lỗi trở thành có phạm vi. Nhưng các cực vi lại không có phạm vi nhỏ bé.

Hỏi: Tụ sắc va đập nhau lẽ nào không rời ra hay sao?

Đáp: Phong giới thâm nhiếp duy trì vì vậy khiến cho không rời ra.

Hỏi: Lẽ nào không phải là phong giới có thể đưa đẩy phân tán hay sao?

Đáp: Có lúc có thể đưa đẩy phân tán, như lúc kiếp Hoại; có lúc có thể thâm nhiếp duy trì, như lúc kiếp Thành.

Hỏi: Nếu không tiếp xúc thì ngay lúc va vào nhau vì sao phát ra tiếng?

Đáp: Tức là do nhân này mà khiến cho tiếng phát ra. Nếu tiếp xúc lẫn nhau thì làm sao phát ra tiếng? Nghĩa là Thể của các cực vi tiếp xúc lẫn nhau, tay chân... hòa vào nhau, Thể sẽ xen tạp vào nhau, bên trong không có kẽ hở làm sao phát ra tiếng?

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Nếu các cực vi tiếp xúc lẫn nhau, thì lúc ấy sẽ được tồn tại đến sát-na sau cùng.”

Đại đức nói rằng: “Thật ra không tiếp xúc lẫn nhau, chỉ ở trong sự quy tụ không gián đoạn mà sinh ra, thuận theo thể tục để tạm gọi là tiếp xúc lẫn nhau.”

Hỏi: Các vật là tiếp xúc, là sự tiếp xúc này làm nhân mà sinh ra, hay là không phải tiếp xúc làm nhân mà sinh ra? Các vật không phải là tiếp xúc, là không phải tiếp xúc làm nhân mà sinh ra, hay là tiếp xúc làm nhân mà sinh ra?

Đáp: Có lúc là tiếp xúc làm nhân, sinh ra không phải là tiếp xúc, đó là lúc vật hòa hợp đang ly tán. Có lúc không phải là tiếp xúc làm nhân, sinh ra là tiếp xúc, đó là lúc vật ly tán đang hòa hợp. Có lúc là tiếp xúc làm nhân, sinh ra là tiếp xúc, đó là lúc vật hòa hợp tiếp tục hòa hợp. Có lúc không phải là tiếp xúc làm nhân, sinh ra không phải là tiếp xúc, đó là hướng đến những pháp đồng loại nối tiếp nhau.

Hỏi: Cực vi nên nói là có thể thấy hay là không có thể thấy?

Đáp: Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Cực vi nên nói

là có thể thấy, bởi vì là cảnh của tuệ nhãn.”

Các Luận sư A-tỳ-đạt-ma nói: “Cực vi nên nói là không có thể thấy, bởi vì không phải là nhục nhãn-thiên nhãn mà có thể thấy được. Trong này không dựa vào tuệ nhãn để làm câu hỏi, bởi vì đối với các pháp không có gì sai biệt.”

Có thể có Đại chủng quá khứ tạo ra sắc quá khứ chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn ngăn chặn nghĩa của người khác để hiển bày về nghĩa của mình. Nghĩa là có Bộ khác bác bỏ không có quá khứ-vị lai, nói đời hiện tại là pháp vô vi. Muốn ngăn chặn ý đó để hiển bày là có quá khứ- vị lai, cũng nói rõ hiện tại là pháp hữu vi, nói rộng ra như trước.

Lại có ngoại đạo, dựa vào thí dụ về đời hiện tại, chấp là pháp hữu vi sau làm nhân cho trước. Người ấy đưa ra cách nói này: Hiện thấy dòng nước trước bị dòng nước sau thúc ép khiến cho tuôn chảy ào ạt, như vậy các pháp bởi vì pháp vị lai thúc ép khiến cho tiến vào hiện tại, lại bởi vì pháp hiện tại thúc ép khiến cho tiến vào quá khứ, cho nên pháp hữu vi sau làm nhân cho trước.

Nay muốn ngăn chặn cách nói của ngoại đạo kia, hiển bày về pháp hữu vi trước có thể sinh ra pháp sau chứ không phải là sau làm nhân cho trước. Không như vậy thì trái với duyên khởi trong-ngoài, nghĩa là thế hệ cha mẹ sẽ từ con sinh ra, nhãn sắc sẽ từ nhãn thức mà khởi lên, vô minh... sẽ từ hành... sinh ra, hạt giống... sẽ từ mầm non... mà dấy khởi, trước nhận lấy quả báo khổ vui rồi sau mới tạo ra nghiệp thiện ác, trước đạt được Bồ-đề rồi sau đó mới tu hành, chưa làm mà đã có được thì lẽ ra đã làm mà mất. Nếu như vậy thì không có lý nào được giải thoát. Lại muốn ngăn chặn cách nói Đại chủng và sắc sở tạo chắc chắn cùng thời gian, để hiển bày là có thời gian khác nhau. Bởi vì nhân duyên này, cho nên soạn ra phần luận này.

Các sắc sở tạo Hữu đối và sắc Vô biểu tùy tâm chuyển, hễ ở đời nào thì Đại chủng tạo ra ở đời ấy, nghĩa là quá khứ tạo ra quá khứ, hiện tại tạo ra hiện tại, vị lai tạo ra vị lai. Nếu do Biểu mà dấy khởi các sắc Vô biểu, thì lại có ba loại tạo ra với thời gian không như nhau. Nghĩa là sát-na thứ nhất như Hữu đối..., đều là Đại chủng sở tạo cùng đời; sát-na thứ hai nếu ở quá khứ- hiện tại thì đều là Đại chủng sở tạo thuộc quá khứ, nếu ở vị lai thì cùng là Đại chủng sở tạo thuộc hiện tại-vị lai; các sát-na sau là quá khứ-hiện tại như trước. Nếu ở vị lai thì cùng là Đại

chúng sở tạo thuộc ba đời. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì các hữu tình dựa vào Biểu phát khởi luật nghi và không luật nghi chứ không phải là hai loại Vô biểu, Biểu-Vô biểu sắc trong sát-na thứ nhất, cùng với Biểu này và Đại chủng năng tạo khác hiện tại đều diệt, diệt đến sát-na thứ hai về sau thì Biểu và Đại chủng đều ở quá khứ. Các sắc Vô biểu có lúc ở quá khứ, có lúc ở vị lai, có lúc ở hiện tại. Đó gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược tại nơi này.

Hỏi: Có thể có Đại chủng quá khứ tạo ra sắc quá khứ chăng?

Đáp: Có, đó là tất cả sắc sở tạo Hữu đối ở quá khứ, Vô biểu tùy tâm chuyển, do Biểu mà dấy khởi Vô biểu, chỉ là Đại chủng sở tạo ở quá khứ.

Hỏi: Có thể có Đại chủng quá khứ tạo ra sắc vị lai chăng?

Đáp: Có, đó là có Biểu đã dấy khởi Vô biểu thuộc vị lai, chỉ là Đại chủng sở tạo ở quá khứ.

Hỏi: Có thể có Đại chủng quá khứ tạo ra sắc hiện tại chăng?

Đáp: Có, đó là có Biểu đã dấy khởi Vô biểu thuộc hiện tại, chỉ là Đại chủng sở tạo ở quá khứ.

Hỏi: Có thể có Đại chủng vị lai tạo ra sắc vị lai chăng?

Đáp: Có, đó là tất cả sắc sở tạo Hữu đối ở vị lai, Vô biểu tùy tâm chuyển, và có Biểu đã dấy khởi Vô biểu thuộc vị lai, chỉ là Đại chủng sở tạo ở vị lai.

Hỏi: Có thể có Đại chủng vị lai tạo ra sắc quá khứ-hiện tại chăng?

Đáp: Không có, đó là bởi vì không có lý quả trước nhân sau.

Hỏi: Có thể có Đại chủng hiện tại tạo ra sắc hiện tại chăng?

Đáp: Có, đó là tất cả sắc sở tạo Hữu đối ở hiện tại, Vô biểu tùy tâm chuyển, và có Biểu đã dấy khởi Vô biểu thuộc hiện tại, chỉ là Đại chủng sở tạo ở hiện tại.

Hỏi: Có thể có Đại chủng hiện tại tạo ra sắc quá khứ chăng?

Đáp: Không có, đó là bởi vì không có lý quả trước nhân sau.

Hỏi: Có thể có Đại chủng hiện tại tạo ra sắc vị lai chăng?

Đáp: Có, đó là có Biểu đã dấy khởi Vô biểu thuộc vị lai, chỉ là Đại chủng sở tạo ở hiện tại.

Các Vô biểu tùy tâm chuyển là Đăng lưu, không có chấp thọ thuộc về số hữu tình; Đại chủng năng tạo kia là Trưởng dưỡng, không có chấp thọ thuộc về số hữu tình. Các Biểu đã dấy khởi Vô biểu là Đăng lưu, không có chấp thọ thuộc về số hữu tình; Đại chủng năng tạo kia là Đăng lưu, có chấp thọ thuộc về số hữu tình.

Các Vô biểu tùy tâm chuyển, có hai loại:

1. Do luật nghi Tĩnh lự thâm nhiếp.
2. Do luật nghi Vô lậu thâm nhiếp. Hai loại này đều có bảy, đó là lia bỏ giết hại sinh mạng, cho đến lia bỏ lời nói tạp uế. Bảy loại do luật nghi Tĩnh lự thâm nhiếp, cùng chung bốn Đại chủng sở tạo; bảy loại do luật nghi Vô lậu thâm nhiếp cũng như vậy.

Các Biểu đã dấy khởi Vô biểu có ba loại:

1. Do luật nghi thâm nhiếp.
2. Do không luật nghi thâm nhiếp.
3. Do phi luật nghi phi bất luật nghi thâm nhiếp.

Do luật nghi thâm nhiếp lại có bảy loại, đó là lia bỏ giết hại sinh mạng, cho đến lia bỏ lời nói tạp uế. Bảy loại như vậy đều cùng chung bốn Đại chủng sở tạo. Lia bỏ giết hại sinh mạng lại có hai loại, đó là Biểu-Vô biểu; hai loại này đều cùng chung bốn Đại chủng sở tạo.

Có Sư khác nói: Biểu-Vô biểu này cùng chung bốn Đại chủng sở tạo.

Hỏi: Vì thế vị ấy hỏi rằng có thể có cùng chung bốn Đại chủng tạo ra sắc của hai xứ chăng?

Đáp: Có, đó là Sắc xứ-Pháp xứ, và Thanh xứ-Pháp xứ.

Tôn giả Diệu Âm cũng đưa ra cách nói này.

Các Luận sư A-tỳ-đạt-ma nói: Vị ấy nói phi lý, không có thể cùng chung bốn Đại chủng tạo ra hai quả thô-tế, vì vậy như trước đã nói là hợp lý.

Như lia bỏ giết hại sinh mạng, Biểu và Vô biểu đều cùng chung bốn Đại chủng sở tạo. Như vậy cho đến lia bỏ lời nói tạp uế cũng như thế.

Do không luật nghi thâm nhiếp cũng có bảy loại, đó là giết hại sinh mạng cho đến nói lời tạp uế. Do phi luật nghi phi bất luật nghi thâm nhiếp có hai thứ bảy loại, đó là giết hại sinh mạng-lia bỏ giết hại sinh mạng, cho đến nói lời tạp uế-lia bỏ nói lời tạp uế. Hai thứ bảy loại này đều cùng chung bốn Đại chủng sở tạo. Như vậy các thứ bảy loại lại đều có hai loại, đó là Biểu-Vô biểu, Biểu-Vô biểu này cũng cùng chung bốn Đại chủng tạo ra. Sư khác nói đều như trước nên biết.

Nếu thành tựu Đại chủng quá khứ thì đó là sắc sở tạo quá khứ chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Muốn ngăn chặn sự bác bỏ không có hai đời quá khứ-vị lai, và nói Thể thành tựu-không thành tựu không phải là có thật, ý hiển bày

về đời quá khứ-vị lai, và thành tựu... là pháp có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng quá khứ thì đó là sắc sở tạo quá khứ chăng?

Đáp: Không có thành tựu Đại chủng quá khứ, có thành tựu sắc sở tạo quá khứ, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú trong luật nghi. Nếu trú vào không luật nghi, hoặc là trú vào phi luật nghi phi bất luật nghi, trước có Biểu của thân-ngữ không mất. Nếu sinh vào cõi Sắc, hoặc là những người Học sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Cũng có người Học sinh đến cõi Vô sắc không thành tựu sắc sở tạo quá khứ, đó là người ấy lúc trước ở cõi Dục-Sắc, chưa khởi-chưa diệt các đạo vô lậu, mạng chung sinh đến cõi Vô sắc, cũng không thành tựu sắc sở tạo quá khứ, làm sao lại nói hoặc là những người Học sinh đến cõi Vô sắc thành tựu sắc sở tạo quá khứ?

Đáp: Dựa vào người thành tựu đưa ra cách nói như vậy, nghĩa là những người Hữu học trước ở cõi Dục-Sắc, đã khởi-đã diệt các đạo vô lậu, cho nên họ thành tựu sắc sở tạo quá khứ.

Có người nói: Lúc họ ở cõi Dục-Sắc, nhất định đã khởi-diệt các đạo vô lậu, như đạo thắng tiến nhất định đầy khởi hiện rõ trước mắt, cho nên không có trú vào quả mà mạng chung.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng quá khứ thì đó là Đại chủng vị lai chăng?

Đáp: Không có thành tựu Đại chủng quá khứ-vị lai.

Hỏi: Vì sao không có thành tựu Đại chủng quá khứ-vị lai?

Đáp: Bởi vì Đại chủng ấy chỉ có thể lực thành tựu như vậy, sát-na hiện rõ trước mắt thì có thành tựu, đã diệt chưa hiện rõ thì không có thành tựu. Nghĩa là các Đại chủng cùng với thành tựu đạt được nhất định phải cùng một đời, lúc này Đại chủng đạt được ấy không hiện rõ ở trước mắt cho nên không thành tựu.

Có người nói: Tập khí của Đại chủng không vững bền, cho nên không thành tựu Đại chủng ở đời quá khứ-vị lai, bởi vì tánh vô ký này yếu kém, nghĩa là tập khí của thiện ác... vững bền, cho nên có thành tựu Đại chủng ở đời quá khứ-vị lai; pháp vô ký yếu kém thì không như vậy. Như nắm giữ đồ vật-hương hoa rất thơm trong chốc lát, tuy lau chùi rửa sạch mà tập khí hầy còn vương vấn, không giống như nắm giữ những loại gỗ-đá..., tay vừa mới buông bỏ thì tập khí này liền không còn.

Có người nói: Nếu thành tựu Đại chủng của đời quá khứ-vị lai, thì một nẻo thành tựu Đại chủng của năm nẻo, như vậy một thân đã có

thân của năm nẻo, vậy thì phá hỏng nẻo mà sở y cũng phá hỏng. Muốn làm cho không có lỗi lầm như vậy, cho nên Đại chúng không thành tựu ở quá khứ-vị lai.

Hỏi: Như sinh ở một nẻo, thành tựu các nghiệp-phiền não của năm nẻo mà không phải là phá hỏng nẻo, ở đây cũng phải như vậy?

Đáp: Bởi vì quả dị thực cho nên nói các nẻo sai biệt, chứ không vì nghiệp-phiền não. Nhưng các Đại chúng hoặc có lúc là quả dị thực, thì có lỗi lầm phá hỏng nẻo và phá hỏng sở y, vì vậy điều ấy không phải là khó.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chúng quá khứ thì đó là sắc sở tạo vị lai chăng?

Đáp: Không có thành tựu Đại chúng quá khứ, có thành tựu sắc sở tạo vị lai, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục đạt được tâm thiện của cõi Sắc, hoặc là sinh ở cõi Sắc; hoặc là các Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc, bởi vì lúc ấy nhất định thành tựu sắc sở tạo vị lai.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chúng quá khứ thì đó là Đại chúng hiện tại chăng?

Đáp: Không có thành tựu Đại chúng quá khứ, có thành tựu Đại chúng hiện tại, đó là sinh ở cõi Dục-Sắc, bởi vì không hề có sinh ở cõi Dục-Sắc mà không thành tựu Đại chúng.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chúng quá khứ thì đó là sắc sở tạo hiện tại chăng?

Đáp: Không có thành tựu Đại chúng quá khứ, có thành tựu sắc sở tạo hiện tại, đó là sinh ở cõi Dục-Sắc, bởi vì không hề có sinh ở cõi Dục-Sắc mà không thành tựu sắc sở tạo.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc sở tạo quá khứ thì đó là Đại chúng vị lai chăng?

Đáp: Không có thành tựu Đại chúng vị lai, có thành tựu sắc sở tạo quá khứ, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú vào luật nghi, hoặc là trú vào không luật nghi, hoặc là trú vào phi luật nghi phi bất luật nghi, trước có Biểu của thân-ngữ không mất; hoặc là sinh vào cõi Sắc; hoặc là những người Học sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc sở tạo quá khứ thì đó là sắc sở tạo vị lai chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc thành tựu sắc sở tạo quá khứ mà không phải là sắc sở tạo vị lai, đó là sinh ở cõi Dục trú vào luật nghi, không đạt được tâm thiện

của cõi Sắc; hoặc là trú vào không luật nghi, hoặc là trú vào phi luật nghi phi bất luật nghi, trước có Biểu của thân-ngũ không mất.

2. Có lúc thành tựu sắc sở tạo vị lai mà không phải là sắc sở tạo quá khứ, đó là A-la-hán sinh đến cõi Vô sắc.

3. Có lúc thành tựu sắc sở tạo quá khứ cũng là sắc sở tạo vị lai, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục đạt được tâm thiện của cõi Sắc, hoặc là sinh ở cõi Sắc; hoặc là những người Học sinh đến cõi Vô sắc.

4. Có lúc không phải là thành tựu sắc sở tạo quá khứ cũng không phải là sắc sở tạo vị lai, đó là ở trong vỏ trứng, hoặc là các dị sinh trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú vào phi luật nghi phi bất luật nghi, trước không có Biểu của thân-ngũ, giả sử có mà mất; hoặc là các dị sinh sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc sở tạo quá khứ thì đó là Đại chủng hiện tại chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc thành tựu sắc sở tạo quá khứ mà không phải là Đại chủng hiện tại, đó là những người Học sinh đến cõi Vô sắc.

2. Có lúc thành tựu Đại chủng hiện tại mà không phải là sắc sở tạo quá khứ, đó là ở trong vỏ trứng, hoặc là các dị sinh trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú vào phi luật nghi phi bất luật nghi, trước không có Biểu của thân-ngũ, giả sử có mà mất.

3. Có lúc thành tựu sắc sở tạo quá khứ cũng là Đại chủng hiện tại, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú vào luật nghi, hoặc là trú vào không luật nghi, hoặc là trú vào phi luật nghi phi bất luật nghi, trước có Biểu của thân-ngũ không mất, nếu sinh vào cõi Sắc.

4. Có lúc không phải là thành tựu sắc sở tạo quá khứ cũng không phải là Đại chủng hiện tại, đó là A-la-hán, hoặc là các dị sinh sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc sở tạo quá khứ thì đó là sắc sở tạo hiện tại chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc thành tựu sắc sở tạo quá khứ mà không phải là sắc sở tạo hiện tại, đó là những người Học sinh đến cõi Vô sắc.

2. Có lúc thành tựu sắc sở tạo hiện tại mà không phải là sắc sở tạo quá khứ, đó là ở trong vỏ trứng, hoặc là các dị sinh trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú vào phi luật nghi phi bất luật nghi, trước không

có Biểu của thân- ngữ, giả sử có mà mất.

3. Có lúc thành tựu sắc sở tạo quá khứ cũng là sắc sở tạo hiện tại, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục trú vào luật nghi, hoặc là trú vào không luật nghi, hoặc là trú vào phi luật nghi phi bất luật nghi, trước có Biểu của thân- ngữ không mất, nếu sinh vào cõi Sắc.

4. Có lúc không phải là thành tựu sắc sở tạo quá khứ cũng không phải là sắc sở tạo hiện tại, đó là A-la-hán, hoặc là các dị sinh sinh đến cõi Vô sắc, bởi vì quá khứ đã rời bỏ, hiện tại không có sắc thân.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng vị lai thì đó là sắc sở tạo vị lai chăng?

Đáp: Không có thành tựu Đại chủng vị lai, có thành tựu sắc sở tạo vị lai, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục đạt được tâm thiện của cõi Sắc, hoặc là sinh ở cõi Sắc, hoặc là các Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng vị lai thì đó là Đại chủng hiện tại chăng?

Đáp: Không có thành tựu Đại chủng vị lai, có thành tựu Đại chủng hiện tại, đó là sinh ở cõi Dục-Sắc, bởi vì không hề có sinh ở cõi Dục-Sắc mà không thành tựu Đại chủng.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng vị lai thì đó là sắc sở tạo hiện tại chăng?

Đáp: Không có thành tựu Đại chủng vị lai, có thành tựu sắc sở tạo hiện tại, đó là sinh ở cõi Dục-Sắc, bởi vì không hề có sinh ở cõi Dục-Sắc mà không thành tựu sắc sở tạo hiện tại.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc sở tạo vị lai thì đó là Đại chủng hiện tại chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc thành tựu sắc sở tạo vị lai mà không phải là Đại chủng hiện tại, đó là các Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc.

2. Có lúc thành tựu Đại chủng hiện tại mà không phải là sắc sở tạo vị lai, đó là ở trong vô trứng, hoặc là các dị sinh trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục không đạt được tâm thiện của cõi Sắc.

3. Có lúc thành tựu sắc sở tạo vị lai cũng là Đại chủng hiện tại, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục đạt được tâm thiện của cõi Sắc, hoặc là sinh ở cõi Sắc.

4. Có lúc không phải là thành tựu sắc sở tạo vị lai cũng không phải là Đại chủng hiện tại, đó là các dị sinh sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc sở tạo vị lai thì đó là sắc sở tạo hiện tại chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc thành tựu sắc sở tạo vị lai mà không phải là sắc sở tạo hiện tại, đó là các Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc.

2. Có lúc thành tựu sắc sở tạo hiện tại mà không phải là sắc sở tạo vị lai, đó là ở trong vô trứng, hoặc là các dị sinh trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục không đạt được tâm thiện của cõi Sắc.

3. Có lúc thành tựu sắc sở tạo vị lai cũng là sắc sở tạo hiện tại, đó là các Thánh giả trú trong thai tạng, nếu sinh ở cõi Dục đạt được tâm thiện của cõi Sắc, hoặc là sinh ở cõi Sắc.

4. Có lúc không phải là thành tựu sắc sở tạo vị lai cũng không phải là sắc sở tạo hiện tại, đó là các dị sinh sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng hiện tại thì đó là sắc sở tạo hiện tại chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử thành tựu sắc sở tạo hiện tại thì đó là Đại chủng hiện tại chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì không phải là Đại chủng hiện tại không có quả, cũng không phải là sắc sở tạo hiện tại không có nhân.

Hỏi: Đại chủng quá khứ cùng với Đại chủng quá khứ làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là hai nhân, đó là Câu hữu-Đồng loại, cùng sinh và hưởng về nhau là nhân Câu hữu, sinh trước cùng với sinh sau là nhân Đồng loại. Tăng thượng, nghĩa là không ngăn ngại đối với sinh khởi, và chỉ riêng không có chướng ngại.

Hỏi: Đại chủng quá khứ cùng với sắc sở tạo quá khứ làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là năm nhân, đó là nhân Sinh khởi, nhân Nướng tựa, nhân Tồn tại, nhân Duy trì và nhân Nuôi dưỡng. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo quá khứ cùng với sắc sở tạo quá khứ làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là ba nhân, đó là Câu hữu-Đồng loại và Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo quá khứ cùng với Đại chủng quá khứ làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Dị

thục. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Đại chủng quá khứ cùng với Đại chủng vị lai làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Đồng loại. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Đại chủng vị lai cùng với Đại chủng vị lai làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Câu hữu. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Đại chủng vị lai cùng với Đại chủng quá khứ làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước.

Hỏi: Đại chủng quá khứ cùng với sắc sở tạo vị lai làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là năm nhân, đó là năm nhân như Sinh khởi... Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo vị lai cùng với sắc sở tạo vị lai làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là hai nhân, đó là nhân Câu hữu và nhân Dị thục. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo vị lai cùng với Đại chủng quá khứ làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước.

Hỏi: Đại chủng quá khứ cùng với Đại chủng hiện tại làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Đồng loại. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Đại chủng hiện tại cùng với Đại chủng hiện tại làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân thì có người nói: Trong này dựa vào sát-na hiện tại mà làm luận, cho nên chỉ có một nhân, đó là nhân Câu hữu. Có người nói: Trong này cùng dựa vào phần vị và sát-na hiện tại của một đời mà làm luận, cho nên có hai nhân, đó là nhân Câu hữu và Đồng loại. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Đại chủng hiện tại cùng với Đại chủng quá khứ làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước.

Hỏi: Đại chủng quá khứ cùng với sắc sở tạo hiện tại làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là năm nhân, đó là năm nhân

như Sinh khởi... Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo hiện tại cùng với sắc sở tạo hiện tại làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân thì có người nói: Trong này dựa vào sát-na hiện tại mà làm luận, cho nên chỉ có một nhân, đó là nhân Câu hữu. Có người nói: Trong này cùng dựa vào phần vị và sát-na hiện tại của một đời mà làm luận, cho nên có ba nhân, đó là nhân Câu hữu-Đồng loại và Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo hiện tại cùng với Đại chủng quá khứ làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo quá khứ cùng với Đại chủng vị lai làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Đại chủng vị lai cùng với sắc sở tạo quá khứ làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo quá khứ cùng với sắc sở tạo vị lai làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là hai nhân, đó là Đồng loại và Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo vị lai cùng với sắc sở tạo quá khứ làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo quá khứ cùng với Đại chủng hiện tại làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Đại chủng hiện tại cùng với sắc sở tạo quá khứ làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo quá khứ cùng với sắc sở tạo hiện tại làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là hai nhân, đó là nhân Đồng loại- Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo hiện tại cùng với sắc sở tạo quá khứ làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước.

Hỏi: Đại chủng vị lai cùng với sắc sở tạo vị lai làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là năm nhân, tức là năm nhân như Sinh khởi...Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo vị lai cùng với Đại chủng vị lai làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Đại chủng vị lai cùng với Đại chủng hiện tại làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước.

Hỏi: Đại chủng hiện tại cùng với Đại chủng vị lai làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Đồng loại. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Đại chủng vị lai cùng với sắc sở tạo hiện tại làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo hiện tại cùng với Đại chủng vị lai làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo vị lai cùng với Đại chủng hiện tại làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước.

Hỏi: Đại chủng hiện tại cùng với sắc sở tạo vị lai làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là năm nhân, đó là năm nhân như Sinh khởi... Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo vị lai cùng với sắc sở tạo hiện tại làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo hiện tại cùng với sắc sở tạo vị lai làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là hai nhân, đó là nhân Đồng loại và Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Đại chủng hiện tại cùng với sắc sở tạo hiện tại làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là năm nhân, đó là năm nhân

như Sinh khởi... Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo hiện tại cùng với Đại chủng hiện tại làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Những cách nói trong này dựa vào phần vị và sát-na hiện tại của một đời mà làm luận, thì phù hợp với cách trả lời này. Những cách nói trong này chỉ dựa vào sát-na hiện tại mà làm luận, thì nên trả lời rằng: Chỉ một Tăng thượng. Sẽ không tương ứng với cách trả lời của bản luận.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng hệ thuộc cõi Dục thì đó là sắc sở tạo hệ thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử thành tựu sắc sở tạo hệ thuộc cõi Dục thì đó là Đại chủng hệ thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Đúng như vậy, bởi vì không có thành tựu Đại chủng hệ thuộc cõi Dục mà không phải là quả, cũng không có thành tựu sắc sở tạo hệ thuộc cõi Dục mà không phải là nhân.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng hệ thuộc cõi Dục thì đó là Đại chủng hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc thành tựu Đại chủng hệ thuộc cõi Dục mà không phải là Đại chủng hệ thuộc cõi Sắc, đó là sinh ở cõi Dục, Đại chủng của cõi Sắc không hiện rõ ở trước mắt.

2. Có lúc thành tựu Đại chủng hệ thuộc cõi Sắc mà không phải là Đại chủng hệ thuộc cõi Dục, đó là sinh ở cõi Sắc, không làm hóa hiện ở cõi Dục, không phát ra lời nói của cõi Dục.

3. Có lúc thành tựu Đại chủng hệ thuộc cõi Dục cũng là Đại chủng hệ thuộc cõi Sắc, đó là sinh ở cõi Dục, Đại chủng của cõi Sắc hiện rõ ở trước mắt; hoặc là sinh ở cõi Sắc, làm hóa hiện ở cõi Dục, phát ra lời nói của cõi Dục.

4. Có lúc không phải là thành tựu Đại chủng hệ thuộc cõi Dục cũng không phải là Đại chủng hệ thuộc cõi Sắc, đó là sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng hệ thuộc cõi Dục thì đó là sắc sở tạo hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc thành tựu Đại chủng hệ thuộc cõi Dục mà không phải là

sắc sở tạo hệ thuộc cõi Sắc, đó là sinh ở cõi Dục, không đạt được tâm thiện của cõi Sắc.

2. Có lúc thành tựu sắc sở tạo hệ thuộc cõi Sắc mà không phải là Đại chủng hệ thuộc cõi Dục, đó là sinh ở cõi Sắc, không làm hóa hiện ở cõi Dục, không phát ra lời nói của cõi Dục.

3. Có lúc thành tựu Đại chủng hệ thuộc cõi Dục cũng là sắc sở tạo hệ thuộc cõi Sắc, đó là sinh ở cõi Dục đạt được tâm thiện của cõi Sắc, hoặc là sinh ở cõi Sắc làm hóa hiện ở cõi Dục, phát ra lời nói của cõi Dục.

4. Có lúc không phải là thành tựu Đại chủng hệ thuộc cõi Dục cũng không phải là sắc sở tạo hệ thuộc cõi Sắc, đó là sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc sở tạo hệ thuộc cõi Dục thì đó là Đại chủng hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc thành tựu sắc sở tạo hệ thuộc cõi Dục mà không phải là Đại chủng hệ thuộc cõi Sắc, đó là sinh ở cõi Dục, Đại chủng của cõi Sắc không hiện rõ ở trước mắt.

2. Có lúc thành tựu Đại chủng hệ thuộc cõi Sắc mà không phải là sắc sở tạo hệ thuộc cõi Dục, đó là sinh ở cõi Sắc không làm hóa hiện ở cõi Dục, không phát ra lời nói của cõi Dục.

3. Có lúc thành tựu sắc sở tạo hệ thuộc cõi Dục cũng là Đại chủng hệ thuộc cõi Sắc, đó là sinh ở cõi Dục, Đại chủng của cõi Sắc hiện rõ ở trước mắt; hoặc là sinh ở cõi Sắc làm hóa hiện ở cõi Dục, phát ra lời nói của cõi Dục.

4. Có lúc không phải là thành tựu sắc sở tạo hệ thuộc cõi Dục cũng không phải là Đại chủng hệ thuộc cõi Sắc, đó là sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu sắc sở tạo hệ thuộc cõi Dục thì đó là sắc sở tạo hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc thành tựu sắc sở tạo hệ thuộc cõi Dục mà không phải là sắc sở tạo hệ thuộc cõi Sắc, đó là sinh ở cõi Dục không đạt được tâm thiện của cõi Sắc.

2. Có lúc thành tựu sắc sở tạo hệ thuộc cõi Sắc mà không phải là sắc sở tạo hệ thuộc cõi Dục, đó là sinh ở cõi Sắc không làm hóa hiện ở cõi Dục, không phát ra lời nói của cõi Dục.

3. Có lúc thành tựu sắc sở tạo hệ thuộc cõi Dục cũng là sắc sở tạo

hệ thuộc cõi Sắc, đó là sinh ở cõi Dục đạt được tâm thiện của cõi Sắc, hoặc là sinh ở cõi Sắc làm hóa hiện ở cõi Dục, phát ra lời nói của cõi Dục.

4. Có lúc không phải là thành tựu sắc sở tạo hệ thuộc cõi Dục cũng không phải là sắc sở tạo hệ thuộc cõi Sắc, đó là sinh đến cõi Vô sắc.

Hỏi: Nếu thành tựu Đại chủng hệ thuộc cõi Sắc thì đó là sắc sở tạo hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Thành tựu các Đại chủng hệ thuộc cõi Sắc thì lúc ấy nhất định thành tựu sắc sở tạo hệ thuộc cõi Sắc. Có lúc thành tựu sắc sở tạo hệ thuộc cõi Sắc mà không phải là Đại chủng hệ thuộc cõi Sắc, đó là sinh ở cõi Dục đạt được tâm thiện của cõi Sắc, Đại chủng của cõi Sắc không hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Sinh ở cõi Dục, trú vào những tâm nào của cõi Sắc, làm cho Đại chủng ấy hiện rõ ở trước mắt, là luôn luôn trú vào tâm thiện, hay là trú vào ba loại? Giả sử như vậy thì có gì sai? Cả ba đều có sai lầm. Nếu luôn luôn trú vào tâm thiện, thì luận Thi Thiết nói nên hiểu thế nào? Như nói: “Bởi vì trú ở cõi này không gián đoạn, cho nên dị sinh khởi lên triền-sở triền của Sắc tham, quả báo năm uẩn thuộc cõi Sắc ở trong pháp hiện tại lấy Thủ làm duyên hưởng về quả báo ở tương lai.” Nếu trú vào ba loại tâm thì tâm thiện có thể như vậy, bởi vì có sắc tùy chuyển làm quả của nó, tâm nhiễm ô và vô ký là có quả gì khiến cho nó hiện rõ trước mắt? Đáp: Có người đưa ra cách nói như vậy: Chỉ trú vào tâm thiện.

Hỏi: Luận Thi Thiết nói nên hiểu thế nào? Đáp: Luận ấy nói đến những sắc tăng trưởng trong thân.

Hỏi: Nếu như vậy thì luận ấy nói lại hiểu thế nào? Như nói: “Bởi vì trú ở cõi này không gián đoạn, cho nên dị sinh khởi lên triền-sở triền của Vô sắc tham, quả báo bốn uẩn thuộc cõi Vô sắc ở trong pháp hiện tại lấy Thủ làm duyên hưởng về quả báo ở tương lai.” Thân ấy cũng có những sắc tăng trưởng, vì sao không nói? Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Nên nói mà không nói đến thì phải biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Lúc khởi lên triền của cõi ấy không có sắc tăng trưởng, vì vậy không nói đến. Lại có người nói: Trú vào ba loại tâm.

Hỏi: Tâm thiện có thể như vậy, bởi vì có quả tùy chuyển, hai tâm còn lại có quả gì khiến cho nó hiện rõ trước mắt? Đáp: Người ấy sinh ở cõi Dục, lúc khởi lên tâm thiện của cõi Sắc, bởi vì sắc tùy chuyển cho nên khiến nó hiện rõ trước mắt; lúc khởi lên tâm nhiễm ô, bởi vì có sắc thuộc Không giới của địa ấy, trú xen tạp lẫn nhau ở trong thân này, kh-

iến cho nó hiện rõ trước mắt; lúc khởi lên tâm vô ký, bởi vì có sắc biến hóa của địa ấy, khiến cho nó hiện rõ trước mắt. Vì vậy trú vào ba loại tâm, đều có thể khởi lên Đại chủng của địa ấy.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 133

LUẬN VỀ DUYÊN (Phần 3)

Hỏi: Đại chủng hệ thuộc cõi Dục cùng với Đại chủng hệ thuộc cõi Dục làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là hai nhân, đó là nhân Câu hữu- Đồng loại, cùng sinh và hướng về nhau là nhân Câu hữu, sinh trước và sinh sau là nhân Đồng loại. Tăng thượng nghĩa là không ngăn ngại đối với sinh khởi, và chỉ riêng không có chướng ngại.

Hỏi: Đại chủng hệ thuộc cõi Dục cùng với sắc sở tạo hệ thuộc cõi Dục làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là năm nhân, đó là nhân Sinh khởi, nhân Nướng tựa, nhân Tồn tại, nhân Duy trì và nhân Nuôi dưỡng. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo hệ thuộc cõi Dục cùng với sắc sở tạo hệ thuộc cõi Dục làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là hai nhân, đó là nhân Đồng loại- Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo hệ thuộc cõi Dục cùng với Đại chủng hệ thuộc cõi Dục làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Đại chủng hệ thuộc cõi Dục cùng với Đại chủng hệ thuộc cõi Sắc làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước.

Hỏi: Đại chủng hệ thuộc cõi Sắc cùng với Đại chủng hệ thuộc cõi Sắc làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là hai nhân, đó là nhân Câu hữu- Đồng loại. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Đại chủng hệ thuộc cõi Sắc cùng với Đại chủng hệ thuộc cõi Dục làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước.

Hỏi: Đại chủng hệ thuộc cõi Dục cùng với sắc sở tạo hệ thuộc cõi Sắc làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo hệ thuộc cõi Sắc cùng với sắc sở tạo hệ thuộc cõi Sắc làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là ba nhân, đó là nhân Câu hữu- Đồng loại và Dị thực thực. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo hệ thuộc cõi Sắc cùng với Đại chủng hệ thuộc cõi Dục làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo hệ thuộc cõi Dục cùng với Đại chủng hệ thuộc cõi Sắc làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước.

Hỏi: Đại chủng hệ thuộc cõi Sắc cùng với sắc sở tạo hệ thuộc cõi Dục làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo hệ thuộc cõi Dục cùng với sắc sở tạo hệ thuộc cõi Sắc làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo hệ thuộc cõi Sắc cùng với sắc sở tạo hệ thuộc cõi Dục làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước.

Hỏi: Đại chủng hệ thuộc cõi Sắc cùng với sắc sở tạo hệ thuộc cõi Sắc làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là năm nhân, đó là năm nhân như Sinh khởi... Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Sắc sở tạo hệ thuộc cõi Sắc cùng với Đại chủng hệ thuộc cõi Sắc làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Các sắc hệ thuộc cõi Dục thì tất cả sắc ấy là Đại chủng sở tạo hệ thuộc cõi Dục chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có sắc hệ thuộc cõi Dục mà không phải là Đại chủng sở tạo hệ thuộc cõi Dục, đó là Đại chủng hệ thuộc cõi Dục, bởi vì các Đại chủng

không phải là sở tạo.

2. Có sắc là Đại chủng sở tạo hệ thuộc cõi Dục mà không phải là hệ thuộc cõi Dục, đó là sắc không hệ thuộc, Đại chủng sở tạo hệ thuộc cõi Dục. Điều này lại là thế nào? Đó là tất cả sắc tùy chuyển thuộc phẩm Pháp trí, và sắc tùy chuyển thuộc phẩm Loại trí dựa vào thân cõi Dục hiện rõ trước mắt.

3. Có sắc hệ thuộc cõi Dục cũng là Đại chủng sở tạo hệ thuộc cõi Dục, đó là sắc hệ thuộc cõi Dục, Đại chủng sở tạo hệ thuộc cõi Dục. Điều này lại là thế nào? Đó là sắc sở tạo Hữu đối hệ thuộc cõi Dục, và do Biểu mà khởi lên Vô biểu.

4. Có sắc không phải là hệ thuộc cõi Dục cũng không phải là Đại chủng sở tạo hệ thuộc cõi Dục, đó là Đại chủng hệ thuộc cõi Sắc; hoặc là sắc hệ thuộc cõi Sắc, Đại chủng sở tạo hệ thuộc cõi Sắc; hoặc là sắc không hệ thuộc, Đại chủng sở tạo hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Các sắc hệ thuộc cõi Sắc thì tất cả sắc ấy là Đại chủng sở tạo hệ thuộc cõi Sắc chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có sắc hệ thuộc cõi Sắc mà không phải là Đại chủng sở tạo hệ thuộc cõi Sắc, đó là Đại chủng hệ thuộc cõi Sắc, nguyên cố như trước.

2. Có sắc là Đại chủng sở tạo hệ thuộc cõi Sắc mà không phải là hệ thuộc cõi Sắc, đó là sắc không hệ thuộc, Đại chủng sở tạo hệ thuộc cõi Sắc. Điều này lại là thế nào? Đó là sắc tùy chuyển thuộc phẩm Loại trí dựa vào thân cõi Sắc hiện rõ trước mắt.

3. Có sắc hệ thuộc cõi Sắc cũng là Đại chủng sở tạo hệ thuộc cõi Sắc, đó là sắc hệ thuộc cõi Sắc, Đại chủng sở tạo hệ thuộc cõi Sắc. Điều này lại là thế nào? Đó là sắc sở tạo Hữu đối hệ thuộc cõi Sắc, và Vô biểu tùy tâm chuyển hữu lậu.

4. Có sắc không phải là hệ thuộc cõi Sắc cũng không phải là Đại chủng sở tạo hệ thuộc cõi Sắc, đó là Đại chủng hệ thuộc cõi Dục; hoặc là sắc hệ thuộc cõi Dục, Đại chủng sở tạo hệ thuộc cõi Dục; hoặc là sắc không hệ thuộc, Đại chủng sở tạo hệ thuộc cõi Dục.

Hỏi: Các sắc quá khứ thì tất cả sắc ấy là Đại chủng sở tạo quá khứ chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có sắc quá khứ mà không phải là Đại chủng sở tạo quá khứ, đó là Đại chủng quá khứ, nguyên cố như trước.

2. Có sắc là Đại chủng sở tạo quá khứ mà không phải là quá khứ, đó là sắc vị lai-hiện tại, Đại chủng sở tạo quá khứ. Điều này lại là thế

nào? Đó là Biểu đã khởi lên Vô biểu vị lai-hiện tại, Đại chủng sở tạo quá khứ, bởi vì dựa vào Biểu của quá khứ.

3. Có sắc quá khứ cũng là Đại chủng sở tạo quá khứ, đó là sắc quá khứ, Đại chủng sở tạo quá khứ. Điều này lại là thế nào? Đó là tất cả sắc sở tạo Hữu đối quá khứ, Vô biểu tùy tâm chuyển, do Biểu mà khởi lên Vô biểu.

4. Có sắc không phải là quá khứ cũng không phải là Đại chủng sở tạo quá khứ, đó là Đại chủng vị lai-hiện tại; hoặc là sắc vị lai-hiện tại, Đại chủng sở tạo hiện tại; hoặc là sắc vị lai, Đại chủng sở tạo vị lai.

Hỏi: Các sắc vị lai thì tất cả sắc ấy là Đại chủng sở tạo vị lai chăng?

Đáp: Các sắc là Đại chủng sở tạo vị lai thì tất cả sắc ấy là vị lai. Điều này lại là thế nào? Đó là tất cả sắc sở tạo Hữu đối thuộc vị lai, Vô biểu tùy tâm chuyển; hoặc là do Biểu mà khởi lên Vô biểu, Đại chủng sở tạo thuộc vị lai, bởi vì dựa vào Biểu của vị lai. Có sắc vị lai mà không phải là Đại chủng sở tạo vị lai, đó là Đại chủng thuộc vị lai; hoặc là sắc vị lai, Đại chủng sở tạo quá khứ-hiện tại. Điều này lại là thế nào? Đó là do Biểu mà khởi lên Vô biểu thuộc vị lai, Đại chủng sở tạo thuộc quá khứ-hiện tại, bởi vì dựa vào Biểu thuộc quá khứ-hiện tại.

Hỏi: Các sắc hiện tại thì tất cả sắc ấy là Đại chủng sở tạo hiện tại chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có sắc hiện tại mà không phải là Đại chủng sở tạo hiện tại, đó là Đại chủng hiện tại; hoặc là sắc hiện tại, Đại chủng sở tạo quá khứ. Điều này lại là thế nào? Đó là do Biểu mà khởi lên Vô biểu hiện tại, Đại chủng sở tạo thuộc quá khứ, nguyên cơ như trước.

Hỏi: Sắc Vô biểu này cũng có Đại chủng sở y thuộc hiện tại, vì sao không nói?

Đáp: Bởi vì sắc ấy là dựa vào Chuyển chứ không phải là dựa vào Tạo. Sắc Vô biểu này có hai loại dựa vào: Một là dựa vào Chuyển(chuyển y), đó là Đại chủng hiện tại, nhờ vào lực ấy mà chuyển; Hai là dựa vào Tạo(tạo y), đó là Đại chủng quá khứ, nhờ vào lực ấy mà tạo. Trong này chỉ nói đến dựa vào Tạo, không nói đến dựa vào Chuyển, vì vậy cho nên không nói đến Năng tạo, bởi vì năm nhân đều là quá khứ.

2. Có sắc là Đại chủng sở tạo hiện tại mà không phải là hiện tại, đó là sắc vị lai, Đại chủng sở tạo hiện tại. Điều này lại là thế nào? Đó là do Biểu mà khởi lên Vô biểu thuộc vị lai, Đại chủng sở tạo thuộc hiện tại, nguyên cơ như trước.

3. Có sắc là hiện tại cũng là Đại chủng sở tạo hiện tại, đó là sắc hiện tại, Đại chủng sở tạo hiện tại. Điều này lại là thế nào? Đó là tất cả sắc sở tạo Hữu đối hiện tại, Vô biểu tùy tâm chuyển; hoặc là do Biểu mà khởi lên Vô biểu thuộc hiện tại, Đại chủng sở tạo hiện tại, bởi vì dựa vào Biểu thuộc hiện tại.

4. Có sắc không phải là hiện tại cũng không phải là Đại chủng sở tạo hiện tại, đó là Đại chủng thuộc quá khứ-vị lai; hoặc là sắc quá khứ, Đại chủng sở tạo thuộc quá khứ-vị lai; hoặc là sắc vị lai, Đại chủng sở tạo thuộc vị lai.

Địa là thế nào? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định, nghĩa là trong luận này phần nhiều nói về Thắng nghĩa. Hoặc là có người sinh ra nghi ngờ: Người soạn luận ấy chỉ khéo về Thắng nghĩa, chứ không khéo về Thế tục. Vì làm cho mỗi nghi ấy được quyết định, hiển bày Địa giới... cùng với Địa... khác nhau, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Địa là thế nào?

Đáp: Hiển bày hình sắc, đây là Địa thi thiết theo tướng thuộc Thế tục, nghĩa là thế gian đối với những hình sắc hiển bày, dựa vào sự giả tưởng như nhau mà thi thiết tên gọi là Địa. Như thế gian nói: Địa xanh-vàng..., Địa dài-ngắn...

Hỏi: Địa giới là thế nào?

Đáp: Tiếp xúc tánh cứng, đây là Thể của Địa tự nhiên tạo ra (năng tạo) thuộc về Thắng nghĩa.

Hỏi: Thủy là thế nào?

Đáp: Hiển bày hình sắc, đây là Thủy thi thiết theo tướng thuộc Thế tục, nghĩa là thế gian đối với những hình sắc hiển bày, dựa vào sự giả tưởng như nhau mà thi thiết tên gọi là Thủy. Như thế gian nói: Thủy xanh-vàng..., Thủy dài-ngắn...

Hỏi: Thủy giới là thế nào?

Đáp: Tiếp xúc tánh ướt, đây là Thể của Thủy tự nhiên tạo ra thuộc về Thắng nghĩa.

Hỏi: Hỏa là thế nào?

Đáp: Hiển bày hình sắc, đây là Hỏa thi thiết theo tướng thuộc Thế tục, nghĩa là thế gian đối với những hình sắc hiển bày, dựa vào sự giả tưởng như nhau mà thi thiết tên gọi của Hỏa. Như thế gian nói: Hỏa xanh-vàng..., Hỏa dài-ngắn...

Hỏi: Hỏa giới là thế nào?

Đáp: Tiếp xúc tánh nóng, đây là Thể của Hỏa tự nhiên tạo ra thuộc về Thăng nghĩa.

Hỏi: Phong là thế nào?

Đáp: Tức là Phong giới.

Hỏi: Phong giới là thế nào?

Đáp: Tiếp xúc tánh động.

Hỏi: Vì sao không nói đến Phong thuộc Thế tục?

Đáp: Bởi vì thế gian đối với Phong không có sự giả tưởng.

Có Sư khác nói: Thế gian đối với Phong cũng khởi lên giả tưởng, nhưng vì ít cho nên không nói. Như thế gian nói: Gió này có bụi, gió này không có bụi, gió Tỳ-thấp-phược, gió Phệ-lam-bà, gió nhỏ-gió lớn, gió cuốn bụi xoáy tròn...

Địa-thủy-hỏa-phong do mấy Xứ thâm nhiếp? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định, nghĩa là nghe về Địa... mà thế tục đã nói, liền cho rằng không có Thể, không phải là do Xứ thâm nhiếp, không phải là do Thức nhận biết; hoặc là cho rằng giả-thật cùng một Xứ thâm nhiếp, cùng một Thức nhận biết. Vì loại bỏ nghi ngờ ấy để hiển bày về Địa... giả tưởng cũng là Thể có thật, chỉ giả lập về tên gọi, ở trong năm Xứ tùy theo một Xứ thâm nhiếp, ở trong năm Thức tùy theo một Thức nhận biết. Lại hiển bày về giả-thật không cùng chung Xứ thâm nhiếp, không cùng chung Thức nhận biết. Bởi vì những nhân duyên này, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Địa-thủy-hỏa-phong do mấy Xứ thâm nhiếp, do mấy Thức nhận biết?

Đáp: Địa-thủy-hỏa do một Xứ thâm nhiếp, đó là Sắc xứ, bởi vì do mắt mà thấy; do hai Thức nhận biết, đó là Nhãn thức và Ý thức, Nhãn thức giữ lấy tự tướng, Ý thức giữ lấy tự tướng và cộng tướng. Phong do một Xứ thâm nhiếp, đó là Xúc xứ, bởi vì do thân mà có được; do hai Thức nhận biết, đó là Thân thức và Ý thức, giữ lấy tự tướng và cộng tướng như trước nên biết.

Có người nói: Phong này cũng gồm chung Sắc xứ thâm nhiếp, và Nhãn thức nhận biết, nhưng vì ít cho nên không nói đến.

Hỏi: Địa-thủy-hỏa-phong giới do mấy Xứ thâm nhiếp, do mấy Thức nhận biết?

Đáp: Do một Xứ thâm nhiếp, đó là Xúc xứ, bởi vì do thân mà có

được; do hai Thức nhận biết, đó là Thân thức và Ý thức, giữ lấy tự tướng và cộng tướng như trước nên biết.

Hỏi: Mấy Xứ hòa hợp nói là tự nhiên dẫn dắt (năng khiên), mấy Xứ hòa hợp nói là thụ động dẫn dắt (sở khiên)?

Đáp: Nếu số hữu tình đối với số hữu tình, thì chín Xứ tự nhiên dẫn dắt, chín Xứ thụ động dẫn dắt. Nếu số hữu tình đối với số phi hữu tình, thì chín Xứ tự nhiên dẫn dắt, bốn Xứ thụ động dẫn dắt. Nếu số phi hữu tình đối với số phi hữu tình, thì bốn Xứ tự nhiên dẫn dắt, bốn Xứ thụ động dẫn dắt. Nếu số phi hữu tình đối với số hữu tình, thì bốn Xứ tự nhiên dẫn dắt, chín Xứ thụ động dẫn dắt. Như nói về dẫn dắt, duy trì và vận chuyển... cũng như vậy.

Hỏi: Mấy Xứ hòa hợp nói là tự nhiên hạn lượng (năng lượng), mấy Xứ hòa hợp nói là thụ động hạn lượng (sở lượng)?

Đáp: Bốn Xứ là tự nhiên hạn lượng, bốn Xứ là thụ động hạn lượng, bởi vì năm căn vi diệu không phải là pháp hạn lượng.

Hỏi: Mấy Xứ hòa hợp nói là tự nhiên cân xứng (năng xứng), mấy Xứ hòa hợp nói là thụ động cân xứng (sở xứng)?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Bốn Xứ là tự nhiên cân xứng, bốn Xứ là thụ động cân xứng. Có Sư khác nói: Bốn Xứ là tự nhiên cân xứng, năng là thụ động cân xứng.

Hỏi: Mấy Xứ hòa hợp nói là tự nhiên đốt cháy (năng thiêu), mấy Xứ hòa hợp nói là thụ động đốt cháy?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Bốn Xứ là tự nhiên đốt cháy, bốn Xứ là thụ động đốt cháy. Có Sư khác nói: Nóng là tự nhiên đốt cháy, bốn Xứ là thụ động đốt cháy.

Hỏi: Mấy Xứ hòa hợp nói là tự nhiên đoạn dứt (năng đoạn), mấy Xứ hòa hợp nói là thụ động đoạn dứt?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Bốn Xứ là tự nhiên đoạn dứt, bốn Xứ là thụ động đoạn dứt. Có Sư khác nói: Tánh cứng là tự nhiên đoạn dứt, bốn Xứ là thụ động đoạn dứt.

Hỏi: Mấy Xứ hòa hợp nói là tự nhiên rửa sạch (năng tẩy), mấy Xứ hòa hợp nói là thụ động rửa sạch (sở tẩy)?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Bốn Xứ là tự nhiên rửa sạch, bốn Xứ là thụ động rửa sạch.

Có Sư khác nói: Bốn Xứ là tự nhiên rửa sạch, Sắc xứ là thụ động rửa sạch, như nói rửa sạch rồi tươi sáng, hoặc là như sắc vàng sáng ngời.

Lại có người nói: Bốn Xứ là tự nhiên rửa sạch, Xúc xứ là thụ động

rửa sạch, như nói cái ly đựng bột tro để tắm gội đem đến bên hồ ấy, chùi rửa thân thể khiến cho không còn dơ bẩn.

Hoặc có người nói: Bốn Xứ là tự nhiên rửa sạch, mười hai Xứ là thụ động rửa sạch, bởi vì gột rửa cho nên mười hai Xứ bên trong thấy đều trong sáng sạch sẽ lia hết những xấu xa dơ bẩn.

Hỏi: Bốn Đại chủng này mấy loại có thể làm tai họa?

Đáp: Ba loại, trừ ra Địa.

Hỏi: Vì sao Địa không có thể làm tai họa?

Đáp: Bởi vì không phải là thừa ruộng của tai họa, không phải là đồ chứa của tai họa, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Nhanh nhạy sắc bén mới có thể làm tai họa, tánh của địa chậm chạp cùn钝 không có thể làm tai họa.

Có người nói: Nếu có thể tổn hoại đến sự việc bên trong, thì Đại ấy đối với sự việc bên ngoài cũng có thể làm tai họa, nghĩa là đoạn Mạt-ma gọi là phá hỏng sự việc bên trong, lúc này chỉ có ba Đại, cho nên Địa không phải là tai họa.

Có người nói: Vì phá hỏng Địa cho nên thiết lập tai họa, ba Đại đối với Địa có thể đốt cháy-xâm lấn-đánh động cho nên nói làm tai họa, Địa thì không như vậy.

Có người nói: Nếu Địa cũng làm tai họa, thì phải từ Phong luân cho đến Tinh lự thứ nhất đều làm cho kiên cố, hợp lại làm một khối, lúc này mới thành kiếp chứ không phải nói là có thể phá hỏng.

Có người nói: Nếu Địa có thể làm tai họa, thì phải phá hoại đến Tinh lự thứ tư, nhưng không có các tai họa phá hỏng đến nơi ấy.

Hỏi: Trong này dựa vào luận mà phát sinh luận, vì sao tai họa của Địa ấy không đến được?

Đáp: Có người nói: Tức là bởi vì Địa không phải là tai họa.

Có người nói: Địa ấy nếu là tai họa đến được, vậy thì sẽ không có đỉnh cao nhất của tai họa, nghĩa là ba Tinh lự trên như thứ tự có thể làm đỉnh của ba tai họa. Nếu Tinh lự thứ tư do tai họa mà phá hỏng, thì lại không có nơi nào làm đỉnh cao của tai họa, bởi vì các Vô sắc không có nơi chốn.

Có người nói: Muốn tránh các cõi trời Tịnh Cư, bởi vì ở cõi đó lại không có nghĩa sinh lên phía trên. Nếu cõi ấy do tai họa đã đến được, thì trời Tịnh Cư không có ai hết thọ mạng mà Niết-bàn. Nếu như vậy thì làm sao biết thọ lượng của cõi ấy? Nếu nói cũng có người hết thọ mạng mà Niết-bàn, vậy thì tai họa của Địa ấy không biết từ đâu mà khởi lên? Như nói: Nếu nơi nào thậm chí chỉ còn sót lại một loài kiến tồn tại thì

tai họa sẽ không hủy hoại.

Có người nói: Nếu nơi nào có tai họa bên trong thì nơi ấy có tai họa bên ngoài, Tĩnh lực thứ tư không có tai họa bên trong cho nên tai họa bên ngoài không lan đến, nghĩa là bên trong Tĩnh lực thứ nhất có tâm-tứ như lửa, cho nên bên ngoài có tai họa của lửa; bên trong Tĩnh lực thứ hai có vui sướng như nước, cho nên bên ngoài có tai họa của nước; bên trong Tĩnh lực thứ ba có gió của hơi thở ra vào, cho nên bên ngoài có tai họa của gió; Tĩnh lực thứ tư lại không có tai họa bên trong, cho nên tai họa bên ngoài đều không có thể đến được.

Hỏi: Lúc tai họa của lửa khởi lên thì lửa từ đâu phát ra?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Lúc thế giới thành lập có bảy vầng mặt trời cùng lúc mà khởi lên, duy trì ở phía sau hai núi ẩn kín mà trú, sau đó ở nơi ấy một vầng mặt trời lên cao, vòng quanh Tô-mê-lô để mà chiếu rọi ánh sáng, đến lúc kiếp sắp hết thì tai họa của lửa khởi lên, sáu vầng mặt trời còn lại dần dần mà xuất hiện, bởi vì thế lực ấy cho nên thế giới đã bị hủy hoại.

Có người nói: Lúc thế giới sắp sửa hủy hoại, ngay một vầng mặt trời phân ra làm thành bảy mặt trời, bởi vì thế lực ấy cho nên thế giới đã bị hủy hoại.

Có người nói: Ngay một vầng mặt trời đến lúc kiếp sắp tận cùng, trở thành sức nóng gấp bảy lần đốt cháy cả thế giới.

Có người nói: Bảy vầng mặt trời trước đó ẩn kín dưới lòng đất, sau đó dần dần xuất hiện với tác dụng như trước.

Nói như vậy thì lực tăng thượng do nghiệp của các loài hữu tình khiến cho thế giới thành lập, đến lúc cuối cùng của kiếp bởi vì lực của nghiệp không còn, tùy theo nơi tiếp cận có tai họa của lửa sinh ra, cho đến cung trời cõi Phạm đều bị đốt cháy.

Hỏi: Lúc tai họa của nước khởi lên thì nước từ đâu phát ra?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Phía Tĩnh lực thứ ba mưa xuống nước tro nóng, từ đây cho đến cõi trời Cực Quang Tịnh đều bị nhấn chìm trong nước.

Có người nói: Từ dưới tầng Thủy luân vọt lên, bởi vì thế lực ấy cho nên thế giới đã bị hủy hoại.

Nói như vậy thì bởi vì lực tăng thượng do nghiệp của các loài hữu tình khiến cho thế giới thành lập, đến lúc cuối cùng của kiếp bởi vì lực của nghiệp không còn, tùy theo nơi tiếp cận có tai họa của nước sinh ra. Bởi vì nhân duyên ấy cho nên thế giới đã bị hủy hoại.

Hỏi: Lúc tai họa của gió khởi lên thì gió từ đâu phát ra?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Phía Tĩnh lự thứ tư có luồng gió lớn là Bạt-điệp-bà bất ngờ nổi lên, trăm câu-chi cỡi ở tầng Kim luân vây quanh núi chúa Diệu Cao... đều bị nhổ bật, khiến cho va chạm lẫn nhau quay cuồng lẫn lộn trên dưới, như nắm bột rang rải ra giữa hư không.

Có Sư khác nói: Từ dưới tầng Phong luân có gió mạnh nổi lên, thổi đến làm phân tán thế giới.

Nói như vậy thì bởi vì lực tăng thượng do nghiệp của các loài hữu tình khiến cho thế giới thành lập, đến lúc cuối cùng của kiếp bởi vì nghiệp lực không còn, tùy theo nơi tiếp cận có tai họa của gió sinh ra, cho đến cõi trời Biến Tịnh đều bị phân tán hủy hoại.

Hỏi: Lúc ba tai họa khởi lên thì tất cả mọi vật bên ngoài đều bị chuyển biến thuận theo tai họa ấy chăng?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Mọi vật đều biến chuyển thuận theo, nghĩa là lúc thế giới này khởi lên tai họa của lửa, tất cả mọi vật bên ngoài thấy đều khô và nhẹ, giống như cỏ khô-bông tơ-phấn hoa; lúc lửa vừa mới tiếp xúc hễ cháy thì không còn. Nếu tai họa của nước khởi lên thì tất cả mọi vật bên ngoài, đều bị tan thành nước như viên kẹo...; lúc nước vừa mới tiếp xúc thì liền tiêu tan hủy hoại. Nếu tai họa của gió khởi lên thì tất cả mọi vật bên ngoài, đều bị phân tán rời ra như nắm cát bột; lúc gió vừa mới tiếp xúc thì liền phân tán hủy hoại. Nếu như vậy thì các pháp sẽ rời bỏ tự tướng.

Nói như vậy thì lúc ba tai họa khởi lên, các vật cứng-ướt... cũng không có gì chuyển biến, nhưng bởi vì lực tăng thượng do nghiệp của hữu tình, khiến cho ba tai họa khởi lên có thể hủy hoại tất cả mọi vật khó hủy hoại.

Như vậy, ba tai họa cùng với những sự hủy hoại, chắc chắn là do Đồng phần của cõi và địa thâu nhiếp. Nghĩa là tai họa của cõi Dục có thể hủy hoại cõi Dục, tai họa của Tĩnh lự thứ nhất hủy hoại Tĩnh lự thứ nhất, cho đến Tĩnh lự thứ ba cũng như vậy.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong kinh nói nên hiểu thế nào? Như nói: “Mặt đất- núi Diệu Cao... thấy đều xuyên thủng, gió thổi hết lửa lần lượt chuyển vòng cho đến cháy thấu trên cung cõi Phạm. Cõi trời Cực Quang Tịnh có hữu tình sinh sống chưa bao lâu, không có thể biết rõ ràng đối với sự thành lập và hủy hoại của kiếp, thấy rồi kinh sợ liền dấy lên ý niệm này: Đừng để cho ngọn lửa ấy đốt cháy hết cung cõi Phạm. Nên trở lại đốt cháy cõi này.”

Đáp: Nên biết kinh ấy dựa vào sự nối tiếp nhau mà nói, nghĩa

là lửa cõi Sắc nối tiếp cõi Dục sinh ra, ngọn lửa ấy đốt cháy cung cõi Phạm, chứ không phải là lửa của cõi Dục. Nước và gió nối tiếp nhau dựa theo đây nên biết.

Hỏi: Ba tai họa này khởi lên trước sau thế nào?

Đáp: Ba tai họa của lửa-nước-gió trước sau như thứ tự, nhưng không phải là ba loại tiếp theo nhau mà sinh khởi, nghĩa là bảy tai họa của lửa theo thứ tự khởi lên trước, sau đó mới có một tai họa của nước sinh khởi. Như vậy trải qua bốn mươi chín kiếp thuộc lửa, và bảy kiếp thuộc nước; lại bảy tai họa của lửa, từ đó không gián đoạn mới có một tai họa của gió sinh khởi, bởi vì kiếp thuộc gió và nước đều sinh khởi tiếp sau lửa, cho nên kiếp thuộc lửa ba mà liên tục sinh khởi. Vì vậy dễ dàng giải thích về sáu mươi bốn kiếp thọ của cõi trời Biến Tịnh.

Như vậy đã nói là số lượng của Đại kiếp, mỗi một Đại kiếp đều có tám mươi Trung kiếp, bởi vì thành-trú-hoại-không đều là hai mươi kiếp. Và lại, lúc bắt đầu kiếp thuộc lửa sắp đốt cháy hủy hoại, tuổi thọ của người ở châu Thiệm Bộ là tám vạn tuổi, an ổn vui sướng đầy đủ, loài người rất đông, thôn xóm thành ấp yên bình, gà bay-thú chạy bên nhau, con người phần nhiều tu tập mười nghiệp đạo thiện. Từ đây về sau hữu tình trong Nại-lạc-ca mạng chung không sinh trở lại nơi ấy, lúc bấy giờ đã vượt qua hai mươi kiếp Trú. Hai mươi kiếp Hoại bắt đầu từ đây, hữu tình địa ngục từ đây dần dần giảm bớt cho đến cuối cùng không có một hữu tình nào sót lại, gọi là cõi của hữu tình địa ngục hủy hoại. Tiếp theo là hủy hoại bàng sinh, tiếp theo là hủy hoại ngạ quỷ, mỗi một tướng hủy hoại nói như địa ngục. Tiếp theo là hủy hoại các hữu tình ở châu Thiệm bộ.

Hỏi: Bàng sinh và ngạ quỷ hủy hoại trước loài người, trong loài người cần đến những vị như sữa đặc..., những sự việc như kéo cày... làm sao có thể có được?

Đáp: Có người nói: Do lực tăng thượng thuộc nghiệp của loài người, có vật phi tình tựa như bàng sinh hiện ra, sản sinh những vị như sữa... làm các sự nghiệp.

Hỏi: Thân người đang có tám vạn loài trùng làm duyên duy trì khiến thân nối tiếp nhau, lúc ấy đã thiếu mất thì thân làm sao tồn tại?

Đáp: Lúc bấy giờ thân con người thuận theo pháp như vậy có thể tồn tại; như thân của các Bồ-tát và Chuyển Luân vương, tuy không có các loài trùng mà pháp tồn tại như vậy.

Nói như vậy thì trong các biển rộng là nơi cư trú chủ yếu của các loài bàng sinh, nếu đến lúc ở đó không còn có một bàng sinh nào, thì

gọi là cõi của hữu tình bàng sinh hủy hoại. Nếu loài bàng sinh và loài người... ở xen lẫn, lúc loài người... hủy hoại thì bàng sinh mới hủy hoại theo. Hữu tình loài quý hủy hoại tương tự như vậy nên biết.

Nhưng loài người ở châu Thiệm Bộ sắp hủy hoại, lúc bấy giờ pháp vốn như vậy có một hữu tình, không có thầy mà tự mình suy nghĩ tiến vào Tịch lự thứ nhất, từ Định ấy đứng dậy nói ra lời như vậy: Tịch lự thứ nhất này rất vui thích-rất yên lặng. Lần lượt chuyển vòng nói rộng ra khắp châu Thiệm Bộ, người nghe thâm nhiếp tâm tư đều tiến vào Định thứ nhất, từ đây xả bỏ tuổi thọ sinh lên cõi trời Phạm, hữu tình trong châu Thiệm Bộ dần dần giảm bớt, cho đến cuối cùng không có một hữu tình nào sót lại, gọi là cõi của hữu tình châu Thiệm Bộ hủy hoại. Tiếp theo là hủy hoại châu Tỳ-đề-ha, tiếp theo là hủy hoại châu Cù-đà-ni, mỗi một tướng hủy hoại nói như châu Thiệm Bộ. Châu Bắc Câu-lô như ba nẻo ác, không có người đạt được Tịch lự sinh đến cõi Phạm Thế, nhưng tuổi thọ ở đó hết rồi chắc chắn sinh đến trời cõi Dục, cho đến lúc cõi của hữu tình nơi ấy không còn, gọi là cõi của hữu tình Bắc Câu-lô hủy hoại. Loài người hủy hoại rồi, các cõi trời Tứ Đại Vương vào lúc bấy giờ pháp vốn như vậy có một hữu tình đạt được Tịch lự thứ nhất, từ Định ấy đứng dậy nói ra lời như trước; cho đến lúc cõi của hữu tình nơi ấy không còn, gọi là cõi của hữu tình trong loài trời ấy hủy hoại. Tiếp theo là hủy hoại cõi trời Tam Thập Tam, tiếp theo hủy hoại cõi trời Dạ Ma, tiếp theo hủy hoại cõi trời Đổ-sử-đa, tiếp theo hủy hoại cõi trời Lạc Biến Hóa, tiếp theo hủy hoại cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Mỗi một tướng hủy hoại nói như cõi trời thứ nhất.

Hữu tình cõi Dục lần lượt hủy hoại rồi, lúc ấy ở Tịch lự thứ nhất có một hữu tình, pháp vốn như vậy có thể tiến vào Tịch lự thứ hai, từ Định ấy đứng dậy nói ra lời như vậy: Tịch lự thứ hai rất vui thích-rất yên lặng. Như vậy âm thanh lần lượt chuyển vòng nói rộng ra khắp cung cõi Phạm, người nghe thâm nhiếp tâm tư tiến vào Tịch lự thứ hai, mạng chung đều sinh đến trong cõi trời ấy, hữu tình ở cõi trời Tịch lự thứ nhất dần dần giảm bớt, cho đến cuối cùng không có một hữu tình nào sót lại, gọi là cõi của hữu tình cõi trời Phạm hủy hoại.

Như vậy cõi Dục và các cung cõi Phạm, trống rỗng lâu dài, không có loài hữu tình, mặt đất và các núi ở châu Thiệm Bộ trải qua thời gian dài trời không tuôn mưa, tất cả các loại cỏ cây thủy đều khô cháy, lại không sinh ra nữa, thậm chí hoàn toàn không còn.

Trải qua thời gian dài lại có vầng mặt trời thứ hai xuất hiện giữa thế gian, hơi nóng tăng lên gấp bội, vì vậy ao hồ khe suối khô cạn, thậm

chí khiến cho nơi ấy hoàn toàn không có hơi nước thấm ướt.

Trải qua thời gian dài lại có vầng mặt trời thứ ba xuất hiện giữa thế gian, hơi nóng tăng lên gấp bội, vì vậy tất cả sông ngòi khô cạn, thậm chí khiến cho nơi ấy hoàn toàn không có hơi nước thấm ướt.

Trải qua thời gian lâu dài lại có vầng mặt trời thứ tư xuất hiện giữa thế gian, hơi nóng tăng lên gấp bội, vì vậy hồ Vô Nhiệt Nảo khô cạn. Hồ này chính là nơi phát xuất của bốn dòng sông lớn, đó là sông Căng-già, Tín-độ, Phược-sô và Tư-đa, thậm chí khiến cho bốn dòng sông ấy hoàn toàn không có hơi nước thấm ướt.

Trải qua thời gian dài lại có vầng mặt trời thứ năm xuất hiện giữa thế gian, hơi nóng tăng lên gấp bội, vì vậy biển rộng dần dần khô cạn, thậm chí khiến cho biển rộng hoàn toàn không có hơi nước thấm ướt.

Trải qua thời gian dài lại có vầng mặt trời thứ sáu xuất hiện giữa thế gian, hơi nóng tăng lên gấp bội, vì vậy mặt đất-núi Diệu Cao... thấy đều khô cháy phát ra khói lửa mù mịt.

Trải qua thời gian lâu dài lại có vầng mặt trời thứ bảy xuất hiện giữa thế gian, hơi nóng tăng lên gấp bội, vì vậy mặt đất-núi chúa Diệu Cao..., cùng lúc phát ra lửa đốt cháy trong ngoài, cho đến cung cỏi Phạm thấy đều cháy rụi. Trên từ cỏi Phạm Thế-dưới đến tầng Phong luân, khắp nơi đều bị đốt cháy không còn gì ngoài tro bụi. Như bơ sữa... lúc đốt cháy tận cùng, không có gì sót lại; ở đây cũng như vậy, lúc bấy giờ trong cỏi Dục-Tĩnh lự thứ nhất thấy đều trống rỗng, hoàn toàn không có gì. Hai mươi kiếp Hoại lúc này đã vượt qua, hai mươi kiếp Không bắt đầu từ đây.

Hỏi: Mấy kiếp hủy hoại hữu tình, mấy kiếp hủy hoại xứ sở?

Đáp: Có người nói: Mười kiếp hủy hoại hữu tình, mười kiếp hủy hoại xứ sở. Có người nói: Mười lăm kiếp hủy hoại hữu tình, năm kiếp hủy hoại xứ sở.

Nói như vậy thì mười chín kiếp hủy hoại hữu tình, một kiếp hủy hoại xứ sở, bởi vì nghiệp khác nhau khó chuyển chứ không phải là nghiệp giống nhau.

Như vậy thế giới hủy hoại trải qua thời gian dài, ở giữa hư không phía dưới có gió nhẹ khởi lên, hai mươi kiếp Không lúc này đã vượt qua, hai mươi kiếp Thành bắt đầu từ đây. Gió nhẹ đã khởi lên dần dần rộng ra-dần dần dày lên, trải qua thời gian dài cuộn lại và kết thành vòng tròn, dày đến số lượng là mười sáu Du-thiện-na, rộng thì vô số lượng, Thể của nó cứng chặt, giả sử có một Đại Nặc-kiện-na(đại lực thần), dùng vòng Kim cang ra sức đánh vào, vòng Kim cang có lúc bể nát mà

tầng Phong luân không tổn hại gì. Tiếp theo có vầng mây nổi lên trút mưa trên tầng Phong luân, giọt mưa lớn như trục xe, tích nước làm thành vòng tròn. Như vậy tầng Thủy luân ở giai đoạn chưa ngưng tụ, sâu mười một ức hai vạn Du-thiện-na.

Có người nói: Số lượng về bề rộng cùng với tầng Phong luân bằng nhau.

Có người nói: Nhỏ hẹp phân thành một trăm Câu-chi. Một trăm vòng Câu-chi, số lượng ấy đều bằng nhau, nghĩa là kéo thẳng mười hai ức ba ngàn bốn trăm năm mươi; số lượng vòng quanh bằng gấp ba lần, nghĩa là ba mươi sáu ức một vạn ba trăm năm mươi Du-thiện-na. Nước này không chảy sát bên cạnh, bởi vì nghiệp lực của hữu tình.

Có Sư khác nói: Do lực của gió đã gom lại, tiếp theo ở tầng Thủy luân, có gió khác khởi lên, gom lại đánh vào trên mặt nước này kết thành vàng, chính tầng Kim luân này dày ba ức hai vạn, tầng Thủy luân liền giảm bớt, chỉ sâu tám Lạc-ca.

Có người nói: Tầng Kim luân rộng như số lượng của nước.

Có Sư lại nói: Bề rộng ít hơn tầng Thủy luân. Tiếp theo có vầng mây nổi lên trút mưa trên tầng Kim luân, giọt mưa lớn như trục xe, trải qua thời gian lâu dài, tích nước rất nhiều sâu quá tám vạn, gió mạnh gom lại đánh vào làm thay đổi sinh ra các vật báu. Lại có luồng gió khác tách ra làm cho khác biệt, nghĩa là phân chia đất quý báu làm thành các núi-các châu, phân nước ngọt- mặn làm phạm vi trong-ngoài biển. Đầu tiên dùng bốn thứ báu vi diệu tạo thành núi Tô-mê-lô, nhô lên cao vút giữa biển ở trên tầng Kim luân, nghĩa là bốn mặt như thứ tự Bắc-Đông-Nam-Tây là vàng, bạc, phệ lưu ly, pha-chi-ca quý báu, tùy theo uy đức của vật báu mà sắc màu hiện rõ giữa bầu trời, vì vậy bầu trời của châu Thiệm Bộ tựa như màu sắc của phệ lưu ly. Núi này nhô lên khỏi mặt nước tám vạn Du-thiện-na, phần chìm trong nước cũng như vậy, đoan nghiêm đáng yêu. Tiếp đến dùng vật báu là vàng tạo thành bảy núi vàng, vây quanh núi Tô-mê-lô ở trên tầng Kim luân, phần chìm vào trong nước số lượng giống như núi Tô-mê-lô, phần nhô lên khỏi mặt nước hướng về nhau đều giảm một nửa. Tiếp đến dùng đất-đá... tạo thành bốn châu lớn, phía dưới dựa vào tầng Kim luân vây quanh bên ngoài núi vàng. Cuối cùng dùng sắt thép tạo thành núi vây tròn xung quanh, ở phía ngoài bốn châu như bức tường vây quanh, nhô lên khỏi mặt nước giảm bớt một nửa so với núi vàng thứ bảy, phần ở trong nước có số lượng giống như núi Tô-mê-lô... Số lượng bề rộng của các núi đều giống như số lượng nhô lên khỏi mặt nước. Giữa bảy núi vàng có

bảy biển ở bên trong, trong đó chứa đầy nước tám công đức; phía ngoài bảy núi vàng có biển nước mặn, tám biển lớn này đều sâu tám vạn Du-thiện-na, số lượng bề rộng của bảy biển trước như núi bao quanh.

Biển thứ tám, có người nói: Rộng ba ức hai vạn hai ngàn Du-thiện-na.

Có người nói: Lại tăng thêm một ngàn hai trăm tám mươi bảy Du-thiện-na rưỡi.

Núi Tô-mê-lô có bốn tầng xếp lên nhau, tầng thứ nhất nhô ngang một vạn sáu ngàn, tiếp đến ba tầng trên đều giảm một nửa, bốn tầng cách nhau với số lượng đều là mười ngàn.

Có người nói: Phần dưới của tầng thứ nhất bằng số lượng của phần chìm trong nước, hai tầng tiếp theo cách tầng dưới với số lượng đều là mười ngàn, tầng thứ tư cách tầng dưới là hai vạn. Bốn mặt của bốn tầng giống như núi Diệu Cao, do bốn thứ báu mà tạo thành trang nghiêm thù thắng vi diệu. Bốn tầng như sau: Kiên Thủ, Trì Man, Hằng Kiều, Tứ Vương Thiên Chúng cư trú duy trì hai núi..., trên bảy núi vàng cũng có thôn ấp thuộc quyền cai quản của Tứ Vương, các trời như Nhật-Nguyệt... ở bốn bậc của bảy núi, đều là thuộc về cõi trời Tứ Đại Vương Chúng, cõi trời này rộng nhất trong trời cõi Dục. Từ tầng thứ tư lại có bốn vạn Du-thiện-na, đến đỉnh núi Tô-mê-lô, là trú xứ của cõi trời Tam Thập Tam, đỉnh núi này bốn mặt đều là hai mươi ngàn; nếu dựa vào chu vi thì số lượng thành tám vạn.

Có Sư khác nói: Mỗi mặt đều là tám mươi ngàn, cùng với bốn phía của phần dưới thì số lượng ấy bằng nhau. Bốn góc của đỉnh núi đều có một ngọn núi, số lượng cao rộng ấy đều có năm trăm, có thần Dược Xoa tên gọi Kim Cang Thủ, cư trú trong đó bảo vệ các trời. Ở giữa đỉnh núi có thành tên gọi Thiện Kiến, mỗi mặt là hai ngàn rưỡi, chu vi là một vạn Du-thiện-na, thành bằng vàng cao với số lượng là một Du-thiện-na rưỡi, đất ở đó bằng phẳng do vàng ròng tạo thành, đều dùng một trăm lẻ một vật báu xen lẫn để trang nghiêm, mặt đất chạm vào mềm mại như tơ lụa Đố La, lúc đặt chân vào lún xuống ngang đầu gối tùy theo chân cao thấp, có gió nhẹ khởi lên thổi đi những hoa héo, khiến cho hoa tươi đẹp rải khắp mặt đất ấy, là thành lớn làm nơi đóng đô của Thiên Đế Thích. Thành có một ngàn cửa trang hoàng rất tráng lệ, cửa thành có năm trăm Dược Xoa áo xanh, mạnh khỏe đoan nghiêm với số lượng Du-thiện-na, đều mặc giáp phục-cầm binh khí canh giữ cửa thành. Ở trong thành ấy có điện Thù Thắng, trang nghiêm đầy đủ các loại vật báu vi diệu, che mờ cung trời khác cho nên gọi là Thù Thắng, mỗi mặt là hai

trăm năm mươi, chu vi là một ngàn Du-thiện-na. Bốn góc của thành ấy có bốn đài cao, dùng bốn thứ báu như vàng bạc... mà tạo thành, đủ loại trang nghiêm thật đáng yêu thích. Bốn phía bên ngoài thành trang nghiêm bốn khu vườn, là nơi cùng nhau dạo chơi vui thú của chư Thiên cõi ấy:

1. Khu vườn Chúng Xa, đó là trong khu vườn này tùy theo phước lực của chư Thiên mà các loại xe hiện ra.

2. Khu vườn Thô Ác, lúc chư Thiên sắp đánh trận tùy theo những sự cần thiết mà các loại giáp phục binh khí hiện ra.

3. Khu vườn Tạt Lâm, chư Thiên đi vào trong đó ngắm nhìn đều giống như nhau, cùng sinh ra niềm vui thù thắng.

4. Khu vườn Hỷ Lâm, trần cảnh dục lạc khác loại rất vi diệu đều tập trung trải qua ngắm nhìn không hề thỏa mãn. Như vậy hình dạng của bốn khu vườn đều vuông vức, mỗi một khu vườn có chu vi với số lượng một ngàn Du-thiện-na, chính giữa đều có một hồ Như Ý, mỗi phía đều có số lượng năm mươi Du-thiện-na, trong hồ ấy chứa đầy nước tám công đức, tùy theo ý muốn hoa đẹp- thuyền báu-chim xinh, tất cả đều đẹp đẽ kỳ lạ, đủ loại trang nghiêm. Bốn phía của bốn khu vườn có bốn khu đất tuyệt diệu, phần giữa cách khu vườn đều là hai mươi Du-thiện-na, đất mỗi một phía có số lượng đều hai trăm, là nơi dạo chơi vui thú tốt đẹp của các Thiên chúng, chư Thiên ở nơi ấy so tài hơn kém và chơi đùa vui vẻ. Bên ngoài thành ở phía Đông Bắc có cây Viên Sinh, là nơi hưởng thụ dục lạc của trời Tam Thập Tam, gốc rễ sâu rộng năm Du-thiện-na, cao vút lên phía trên, cành nhánh phân bố cao rộng với số lượng bằng một trăm Du-thiện-na, lá trải ra-hoa nở rộ-tỏa hương tuyệt vời ngọt ngào thơm phức, thuận theo làn gió xông khắp một trăm Du-thiện-na, nếu lúc ngược gió thì vẫn tỏa hương khắp năm mươi Du-thiện-na. Bên ngoài thành ở góc Tây Nam có tòa nhà Đại Thiện Pháp, trời Tam Thập Tam thường vào ngày mồng tám-ngày mười bốn-ngày mười lăm mỗi nửa tháng, tập hợp trong tòa nhà này để luận bàn tường tận về trời- người, và chế phục A-tố-lạc... Sự việc đúng như pháp hay không đúng như pháp, những loại như vậy nơi khác nói nhiều.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 134

LUẬN VỀ DUYÊN (Phần 4)

Đã nói về sự thành lập tầng Phong luân-Thủy luân-Kim luân và các biển- các núi- các châu làm xứ sở của Địa cư rồi, tiếp đến nói về sự thành lập Không cư làm nơi chốn cung điện cư trú của chư Thiên như cõi trời Đại Phạm... Nhưng cung điện ấy, có người nói: Dựa vào hư không. Có người nói: Mây dày trải khắp giữa hư không, giống như mặt đất, làm nơi nương tựa của cung điện ấy, bởi vì ngoài khí thế gian, đến Sắc Cứu Cánh, thì phía trên là Vô sắc cho nên không có thể thi thiết được.

Hỏi: Từ cõi trời Dạ Ma đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, nơi nương tựa dùng mây làm đất thì số lượng ấy như thế nào?

Đáp: Có người nói: Từ cõi trời Dạ Ma đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại dùng mây làm đất, đều giống như số lượng trên đỉnh núi Diệu Cao; cõi Sắc dùng mây làm đất thì phần dưới hẹp-phần trên rộng, nghĩa là Địa của Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba-thứ tư, như thứ tự bằng số lượng các thế giới trong Tiểu thiên-Trung thiên-Đại thiên ở bốn châu ấy.

Có Sư khác nói: Cung điện của cõi trời Dạ Ma dùng mây làm đất, gấp bội so với đỉnh núi Diệu Cao; cho đến cung điện của cõi trời Tha Hóa Tự Tại dùng mây làm đất, so với trước lần lượt chuyển tiếp gấp bội lẫn nhau. Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai-thứ ba như thứ tự, bằng số lượng thế giới ở Tiểu thiên-Trung thiên-Đại thiên; Tĩnh lự thứ tư thì số lượng ấy là vô biên. Vì vậy, nếu dựa vào Tĩnh lự thứ tư, khởi lên Hữu thân kiến thì rất khó đoạn trừ, bởi vì chấp vào Địa vô biên làm Ngã.

Hỏi: Địa của Tĩnh lự thứ tư, nếu như vô biên thì tai họa vốn không đến được, lẽ nào không phải là thường trú hay sao?

Đáp: Bởi vì sát-na vô thường cho nên không có lỗi này.

Có người nói: Trong Địa của Tĩnh lự thứ tư, cung điện đã nương tựa đều nhất định là vô thường. Nghĩa là bởi vì cung điện của địa ấy

tùy theo lúc sinh-lúc chết của chư Thiên của cõi ấy cho nên cùng khởi lên- mất đi.

Cách nói này không hợp lý. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì theo lý thì không có hữu tình nào cùng chung xứ sở của nghiệp(khí- nghiệp), vì vậy như trước đã nói là hợp lý.

Các khí thể gian đã thành lập rồi, ban đầu có một hữu tình ở cõi trời Cực Quang Tịnh, bởi vì thọ mạng- nghiệp-phước tùy theo đã hết, cho nên từ cõi ấy chết rồi sinh đến cung trời Đại Phạm, về sau các hữu tình cũng từ cõi ấy chết đi có người sinh đến cõi Phạm Phụ, có người sinh đến cõi Phạm Chúng, có người sinh đến cung trời Tha Hóa Tự Tại, dần dần sinh xuống phía dưới, cho đến loài người ở Bắc châu làm đầu tiên, tiếp đến Cù-đà-ni, tiếp đến Tỳ-đê-ha, sau sinh ở Thiệm Bộ, tiếp đến sinh ở loài quỷ, tiếp đến sinh ở loài bàng sinh, sau sinh vào địa ngục. Bởi vì lực của pháp vốn như vậy, cho nên nếu xứ sở sau là Không thì nơi ấy nhất định Trú trước, nếu xứ sở trước là Không thì nơi ấy nhất định Trú sau. Nếu Đại địa ngục có một hữu tình sinh đến, thì lúc bấy giờ đã vượt qua hai mươi kiếp Thành, hai mươi kiếp Trú bắt đầu từ đây.

Hỏi: Mấy kiếp khí thể gian Thành, mấy kiếp hữu tình dần dần Trú?

Đáp: Có người nói: Mười kiếp khí thể gian Thành, mười kiếp hữu tình dần dần Trú. Có người nói: Năm kiếp khí thể gian Thành, mười năm kiếp hữu tình dần dần Trú.

Nói như vậy thì một kiếp khí thể gian Thành, mười chín kiếp hữu tình dần dần Trú.

Hỏi: Giới hạn mấy thế giới cùng lúc Hoại-cùng lúc Thành?

Đáp: Có người nói: Giới hạn trong một trăm Câu-chi thế giới thuộc bốn Đại châu.

Có người nói: Vô số thế giới cùng lúc Hoại-cùng lúc Thành. Vì sao biết như vậy? Bởi vì lấy kinh làm lượng. Như trong kinh nói: “Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Mắt của Ta thanh tịnh hơn hẳn mắt loài người, thấy vô số thế giới ở phương Đông..., hoặc có thế giới đang Hoại, hoặc có thế giới đã Không, hoặc có thế giới đang Thành, hoặc có thế giới đã Trú, như trời tuôn mưa lớn, giọt mưa giống như trục xe, không có gián đoạn-không có thiếu sót.” Ở đây cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao tất cả các thế giới không cùng lúc Hoại-cùng lúc Thành?

Đáp: Bởi vì nghiệp của các hữu tình không như nhau. Nghĩa là loài hữu tình ở xứ sở này tăng trưởng về cộng nghiệp thì thế giới sẽ

Thành, nếu cọng nghiệp không còn thì thế giới sẽ Hoại. Vả lại, loài hữu tình ở xứ sở ấy nếu nghiệp thanh tịnh tăng lên thì thế giới này sẽ Hoại, nếu nghiệp thanh tịnh giảm bớt thì thế giới này sẽ Thành.

Hỏi: Nếu các hữu tình vào lúc kiếp sắp Hoại còn lại nửa kiếp, bởi vì phá hoại sự hòa hợp của Tăng, thì rơi vào địa ngục vô gián có chết yếu hay không? Nếu có chết yếu thì nơi ấy làm sao cảm đến thọ mạng một kiếp? Nếu không chết yếu thì nơi ấy vào lúc kiếp Hoại lẽ nào không dừng lại? Như trong kinh nói: “Nếu nơi nào thậm chí có một trướng kiến tồn tại thì tai họa sẽ không hủy hoại.” Huống là nơi ấy còn tồn tại hay sao?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Nơi ấy không có chết yếu.

Hỏi: Nếu như vậy thì nơi ấy vào lúc kiếp Hoại lẽ nào không dừng lại hay sao?

Đáp: Lúc kiếp sắp Hoại, do lực tăng thượng của nghiệp, di chuyển đưa vào trong Đại địa ngục ở cõi khác, ví như ở kinh đô có sự việc vui mừng tốt đẹp, trước phải di chuyển người có tội rất nặng đưa vào trong ngục giam ở nơi hẻo lánh, sau đó ở chốn kinh đô mới ban lệnh ân xá.

Có Sư khác nói: Lúc kiếp sắp Hoại, bởi vì pháp vốn như vậy cho nên tâm niệm của hữu tình điều hòa thuần thiện, đối với những tội nặng khác hãy còn tự nhiên không làm, huống gì có người phá hoại sự hòa hợp của Tăng hay sao?

Lại có người nói: Lúc kiếp sắp hủy hoại, nếu người tạo ra nghiệp vô gián phá Tăng, thì mạng chung sẽ rơi vào trong địa ngục ở cõi khác, bởi vì pháp vốn như vậy cho nên không sinh vào nơi sắp hủy hoại. Như nói: Lúc kiếp lửa hủy hoại thế gian thì hữu tình sinh lên phía trên. Thời gian tai họa khởi lên kiếp nước-kiếp gió nói rộng ra cũng vậy. Nhưng tai họa của nước và gió có tướng hủy hoại khác nhau, nghĩa là nước có thể ngâm làm cho nát rữa, gió có thể đưa đẩy đánh vào nhau, thế lực hủy hoại xa gần không giống nhau. Lại như kiếp lửa, lúc thế gian thành lập theo thời gian trước sau, nước-gió cũng như vậy.

Như Đại kiếp ấy có ba tai họa lớn, như vậy Trung kiếp xuất hiện ba tai họa nhỏ:

1. Đao binh.
2. Dịch bệnh.
3. Đói kém.

Đầu tiên lúc kiếp đao binh sắp sửa khởi lên, người ở châu Thiệm Bộ có tuổi thọ cao nhất là mười tuổi, bởi vì pháp sai trái-tham lam-nhiễm ô nối tiếp nhau, yêu thương không bình đẳng che lấp tâm ý, tà

pháp trói buộc-sân giận hiềm độc tăng lên, gặp nhau thì khởi tâm làm hại vô cùng mạnh mẽ. Như bây giờ thợ săn trông thấy chim thú giữa đồng vắng, hễ tay đã cầm thứ gì thì đều trở thành dao gậy, tất cả đều trở thành hung bạo mặc sức giết hại lẫn nhau, trong bảy ngày-bảy đêm người chết gần hết. Trong châu Thiệm Bộ chỉ còn lại một vạn người, tất cả đều khởi tâm Từ dần dần tăng thêm thọ lượng, lúc bấy giờ gọi là vượt qua kiếp đao binh.

Tiếp đến lúc kiếp dịch bệnh sắp sửa khởi lên, người ở châu Thiệm Bộ có tuổi thọ cao nhất là mười tuổi, bởi vì có đủ những lỗi lầm như trước, loài Phi nhân phun chất độc làm cho dịch bệnh lan truyền khắp nơi, gặp phải thì mạng chung chứ khó có thể cứu chữa được, cũng không nghe có tên gọi của thuốc thang chữa trị, lúc ấy trải qua bảy tháng-bảy ngày-bảy đêm, dịch bệnh lan truyền khắp nơi người chết gần hết. Trong châu Thiệm Bộ chỉ còn lại một vạn người, tất cả đều khởi tâm Từ dần dần tăng thêm thọ lượng, lúc bấy giờ gọi là vượt qua kiếp dịch bệnh.

Cuối cùng lúc kiếp đói kém sắp sửa khởi lên, người ở châu Thiệm Bộ có tuổi thọ cao nhất là mười tuổi, cũng có đủ những lỗi lầm như trước, trời-rông giận dữ trách mắng không rười xuống làn mưa ngọt ngào, vì vậy thế gian gặp phải nạn đói kém kéo dài. Bởi vì đói kém cho nên đã có tụ tập-bạch cốt-vận trù, nói theo ba loại khác nhau.

Bởi vì hai nhân cho nên gọi là có tụ tập:

1. Con người tụ tập, nghĩa là con người lúc ấy do rất đói kém yếu ớt cho nên tụ tập mà chết.

2. Hạt giống tụ tập, nghĩa là con người lúc ấy vì thêm nhiều con cháu, ngưng sự ăn uống của mình, bỏ vào trong hòm nhỏ muốn làm hạt giống, cho nên lúc đói kém gọi là có tụ tập.

Có xương trắng (bạch cốt) cũng bởi vì hai nhân:

1. Con người lúc ấy thân hình khô đét, mạng chung chưa bao lâu mà xương trắng đã hiện rõ.

2. Con người lúc ấy do đói kém bức ngặt, gom góp xương trắng nấu nước để mà uống.

Có vận dụng tính toán (vận trù) cũng bởi vì hai nhân:

1. Do lương thực ít ỏi mà truyền nhau tính toán chuyện ăn uống, nghĩa là trong một gia đình từ lớn đến nhỏ thuận theo sự tính toán đến ngày có được một ít thức ăn thô thiếu.

2. Nghĩa là bởi vì tính toán để xoay xử cho nên ở nơi cất giấu có được một ít gạo mè, dùng nhiều nước mà nấu, phân chia cùng nhau uống để cứu giúp mạng sống còn lại.

Đói kém như vậy trải qua bảy năm-bảy tháng-bảy ngày-bảy đêm, do đói kém bức ngặt cho nên người chết gần hết. Trong châu Thiệm Bộ chỉ còn lại một vạn người, tất cả đều khởi tâm Từ dần dần tăng thêm thọ lượng, lúc bấy giờ gọi là vượt qua kiếp đói kém.

Ba tai họa bất ngờ này tuy là khó trừ, nhưng có lời của bậc Thánh nói để đối trị điều đó, nghĩa là nếu có người có thể một ngày một đêm giữ giới không giết hại, thì ở đời vị lai quyết định không gặp phải tai họa đao binh dấy khởi; nếu có người có thể dùng một quả Ha-lê-đát-kê, khởi tâm thanh tịnh ân cần dâng cúng cho Tăng chúng, thì ở đời vị lai quyết định không gặp phải tai họa dịch bệnh dấy khởi; nếu có người có thể dùng một nắm thức ăn, khởi tâm thanh tịnh ân cần dâng cúng cho Tăng chúng, thì ở đời vị lai quyết định không gặp phải tai họa đói kém dấy khởi.

Hỏi: Ba tai họa như vậy ở châu khác có hay không?

Đáp: Không có tai họa căn bản, mà có tương tự, nghĩa là sân giận tăng mạnh-thân lực yếu kém-nhiều lần cộng thêm đói khát. Đây là nói đến hai châu. Châu Bắc câu-lô cũng không có tương tự, bởi vì không có tội nghiệp mới sinh đến châu ấy, và bởi vì châu ấy không có sân giận tăng mạnh.

CHƯƠNG V: ĐẠI CHỨNG UẨN (Tiếp Theo)

Phẩm Thứ Ba: LUẬN VỀ CỤ KIẾN

LUẬN VỀ CỤ KIẾN (Phần 1)

Đã có đủ Kiến đế, đệ tử của Đức Thế Tôn chưa lìa nhiễm cõi Dục mà thành tựu sắc của nghiệp thân-ngữ hệ thuộc cõi Sắc, do Đại chủng nào đã tạo ra? Các chương như vậy và giải thích về nghĩa từng chương đã lĩnh hội rồi, nay sẽ phân biệt rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi có được quyết định. Nghĩa là trong kinh nói: “Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Nếu trong thân này Ly sinh hỷ lạc, tươi nhuần-khắp nơi tươi nhuần, vui sướng dễ chịu- khắp nơi vui sướng dễ chịu, thì ở trong thân này không có phần ít Ly sinh hỷ lạc mà không đầy đủ khắp nơi.”

Trong kinh này nói đến địa Căn bản, chớ cho rằng chỉ trong địa Căn bản này có pháp có thể lìa bỏ, chứ không phải là địa Cận phần. Bởi vì đoạn dứt mối nghi này, cho nên hiển bày trong Cận phần cũng có pháp thiện có thể lìa bỏ tương tự.

Có Sư khác nói: Muốn ngăn chặn Luận giả Phân Biệt, nói Dự lưu-Nhất lai cũng đạt được Tĩnh lự Căn bản. Vì sao vị ấy đưa ra cách nói này? Bởi vì dựa vào trong kinh, như nói: “Tuệ thiếu thì không có Tĩnh lự, Tĩnh lự thiếu thì không có Tuệ, người có đầy đủ hai loại này, thì cách cõi Niết-bàn không xa.” Dự lưu-Nhất lai, bởi vì đều có Tuệ cho nên họ cũng có Tĩnh lự Căn bản. Vì ngăn chặn ý chấp ấy để hiển bày hai quả đầu chưa đạt được Tĩnh lự.

Hỏi: Nếu như vậy thì bài tụng mà vị ấy đã dẫn ra nên hiểu thế nào?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Tụng ấy nói tư duy chọn lựa đúng đắn gọi là Tĩnh lự, nếu không như vậy thì ngoại đạo cũng đạt được Tĩnh lự Căn bản, lẽ nào vẫn chấp nhận là họ cũng có Tuệ hay sao? Luận giả Phân Biệt đưa ra cách nói này: Chấp nhận họ có Tuệ lại có gì sai? Cách nói ấy không đúng. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì đầy đủ hai loại này thì đối với Niết-bàn đã là không xa, chứ không phải là các ngoại đạo cách Niết-bàn gần, bởi vì họ không có pháp giải thoát.”

Có người nói: Vì ngăn chặn ý của phái Thí Dụ, họ nói các địa Cận phần chỉ có pháp thiện. Nay nói rõ Cận phần có đủ ba loại, đó là thiện-

nhiệm ô và vô ký. Nếu địa Cận phần chỉ có pháp thiện, thì đệ tử của Đức Thế Tôn chưa lìa tham côi Dục, dựa vào Vị chí Định khởi lên đạo thế tục, luật nghi tùy chuyển ấy do Đại chủng của địa nào tạo ra? Tôn giả Thí Dụ đưa ra cách nói như vậy: Là do Đại chủng của Tịch lự thứ nhất đã tạo ra. Lẽ nào không phải các ông nói: Dự lưu-Nhất lai chưa đạt được Tịch lự hay sao? Vị ấy đưa ra cách nói này: Tôi ngăn chặn pháp thiện của Tịch lự không phải là nhiệm ô và vô ký. Cách nói ấy phi lý, bởi vì chưa lìa tham côi Dục, hãy còn không có thể dấy khởi pháp thiện của Tịch lự thứ nhất, huống gì có thể dấy khởi pháp vô phú vô ký của địa ấy? Vì vậy để ngăn chặn tông chỉ của người khác và hiển bày về chánh lý, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Đã nói là đã có đủ Kiến đế, vì sao lại nói đến đệ tử của Đức Thế Tôn?

Đáp: Đã có đủ Kiến đế, là bởi vì muốn phân biệt về Tùy tín-Tùy pháp hành; đệ tử của Đức Thế Tôn, là bởi vì muốn phân biệt về các dị sinh.

Hỏi: Đây là ai vậy?

Đáp: Đây là quả Dự lưu và quả Nhất lai chứ không phải là gì khác, bởi vì nói là chưa lìa nhiệm côi Dục.

Hỏi: Tùy tín-Tùy pháp hành vì sao không gọi là đã có đủ Kiến đế?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Đã thấy rõ bốn Đế và đã làm hại tà kiến, thì gọi là đã có đủ Kiến đế. Tùy tín-Tùy pháp hành, không phải là đã thấy rõ bốn Đế, bởi vì nay đang thấy rõ; không phải là đã làm hại tà kiến, bởi vì nay đang làm hại. Vì vậy không gọi là đã có đủ Kiến đế.

Có Sư khác nói: Nếu trong sự nối tiếp nhau, đã loại trừ tất cả cách nhìn trái ngược- hành ác- nẻo ác- phiền não, thì mới được gọi là đã có đủ Kiến đế. Tùy tín-Tùy pháp hành, nay đang có thể loại trừ chứ không gọi là đã loại trừ, bởi vì vẫn còn thành tựu. Vì vậy không gọi là đã có đủ Kiến đế. Như trong thừa ruộng tốt không có tất cả các loại cỏ dại-mưa đá và tai họa bất ngờ, gọi là thừa ruộng đầy đủ cho các việc đồng áng.

Lại có người nói: Nếu trong sự nối tiếp nhau đã loại bỏ bốn nghi, sinh ra bốn quyết định, thì lúc bấy giờ gọi là đã có đủ Kiến đế. Tùy tín-Tùy pháp hành, đang loại bỏ bốn nghi, sinh ra bốn quyết định, cho nên không gọi là đã có đủ.

Có người nói: Nếu trong thân đã loại bỏ bốn tối tăm, đã phát khởi bốn sáng suốt; đã loại bỏ bốn vô trí, đã phát khởi bốn trí, thì gọi là đã có

đủ Kiến đế. Tùy tín-Tùy pháp hành thì không như vậy, cho nên không gọi là đã có đủ.

Có người nói: Đã thuần phục châu-đảo của bốn Đế, đã loại bỏ giặc thù phiến não ở trong đó, mới gọi là đã có đủ. Tùy tín-Tùy pháp hành, đang thuần phục- đang loại bỏ, cho nên không gọi là đã có đủ.

Hỏi: Vì sao dị sinh không gọi là đệ tử của Đức Thế Tôn?

Đáp: Nếu chỉ thuận theo lời dạy của Đức Phật chứ không tiếp nhận lời dạy nào khác, thì gọi là đệ tử của Đức Thế Tôn. Dị sinh có lúc thuận theo lời dạy của Đức Phật, có lúc thuận theo lời nói tà vạy, cho nên không gọi là đệ tử của Đức Thế Tôn.

Có người nói: Các hữu tình do nghe đúng đắn mà điều phục chứ không phải là do nghe tà vạy, mới gọi là đệ tử của Đức Thế Tôn. Dị sinh thì không như vậy.

Có người nói: Nếu thành tựu bốn loại Chứng tịnh, thì gọi là đệ tử của Đức Thế Tôn. Dị sinh không có bốn loại Chứng tịnh, cho nên không gọi là đệ tử của Đức Thế Tôn.

Có người nói: Nếu chỉ tôn xưng Đức Phật để làm bậc Đại Sư, thì gọi là đệ tử của Đức Thế Tôn. Dị sinh có lúc tôn xưng ngoại đạo tà ma để làm thầy, cho nên không gọi là đệ tử của Đức Thế Tôn.

Có người nói: Nếu chỉ quy y cung kính Tam Bảo để làm ruộng phước, thì gọi là đệ tử của Đức Thế Tôn. Các loại dị sinh, hoặc là lấy tà thần- các ngoại đạo... để làm ruộng phước, cho nên không gọi là đệ tử của Đức Thế Tôn.

Có người nói: Nếu tin chỉ có Đức Phật là bậc Nhất thiết trí, chỉ có pháp do Đức Phật đã nói mới có năng lực vượt qua sinh tử, chỉ có Tỷ kheo Tăng là người phạm hạnh, thì gọi là đệ tử của Đức Thế Tôn. Các loại dị sinh trái ngược với điều này, vì vậy không gọi là đệ tử của Đức Thế Tôn.

Có người nói: Đối với Thánh giáo của Đức Phật, tâm ý vững bền như cột cao của Đế Thích, thì gọi là đệ tử của Đức Thế Tôn. Các loại dị sinh ở trong giáo pháp của Đức Phật, tâm không vững bền giống như bông tơ theo gió lên xuống, chuyển động không ngừng, cho nên không gọi là đệ tử của Đức Thế Tôn.

Hỏi: Đã có đủ Kiến đế, đệ tử của Đức Thế Tôn chưa lìa nhiễm cõi Dục mà thành tựu sắc của nghiệp thân- ngũ hệ thuộc cõi Sắc, do Đại chủng nào đã tạo ra?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc. Đây là dựa vào tướng chung của chủng loại mà nói. Nếu nói riêng biệt, thì nên nói là do Đại chủng của địa Vị

chí mà tạo ra. Đây là ngăn chặn nói về Dự lưu-Nhất lai cũng đạt được Tĩnh lự. Ý nói: Bởi vì chưa lìa nhiễm cội Dục, cho nên không có người nào chưa lìa nhiễm cội Dục mà có thể đạt được Tĩnh lự. Lại cũng ngăn chặn nói đến trong địa Vị chí không có vô ký. Ý nói: Bởi vì Đại chủng của cội Sắc tạo ra, cho nên không có người nào chưa đạt được địa Tĩnh lự mà có thể khởi lên Đại chủng của địa ấy.

Hỏi: Vì sao trong này chỉ hỏi về nghiệp thân- ngữ tùy theo đạo thế tục chứ không phải là vô lậu?

Đáp: Đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, tùy theo ý muốn ấy mà soạn ra phần luận này, nhưng làm cho không trái với pháp tướng, vì vậy không cần phải vặn hỏi về nguyên cơ điều ấy.

Có người nói: Phải hỏi đầy đủ mà không hỏi, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Nghiệp thân-ngữ vô lậu quyết định không tách rời, nghiệp thân-ngữ tùy theo đạo thế tục. Nếu hỏi về thế tục thì nên biết là đã hỏi đến vô lậu.

Có người nói: Luật nghi vô lậu lấy giới thế tục làm gia hạnh, làm môn loại, làm nương tựa, làm nơi dừng chân yên ổn. Nếu hỏi về gia hạnh ấy thì đã hỏi đến điều ấy.

Có người nói: Giới vô lậu dựa vào giới thế tục mà đạt được, cho nên hỏi về thế tục thì hỏi đến vô lậu.

Có người nói: Luật nghi thân- ngữ tùy theo đạo thế tục, chắc chắn cùng chung chủng loại với tự động tạo(năng tạo), nay chỉ hỏi đến cùng loại tùy theo địa sai biệt, vô lậu khác loại vì vậy không hỏi.

Có người nói: Sắc này tùy theo đạo thế tục có sự tranh luận khác nhau. Nghĩa là có người nói: Là do Đại chủng của địa Vị chí mà tạo ra; có người nói: Là do Đại chủng của Tĩnh lự thứ nhất mà tạo ra. Vì vậy mà hỏi đến. Vô lậu nhất định là do Đại chủng của cội Dục mà tạo ra, vì vậy không hỏi đến. Bởi vì những duyên này, cho nên chỉ hỏi về nghiệp thân-ngữ thế tục, chứ không hỏi đến vô lậu.

Hỏi: Sinh ở cội Dục tiến vào bốn Tĩnh lự hữu lậu, sắc của nghiệp thân-ngữ do Đại chủng nào đã tạo ra?

Đáp: Hệ thuộc cội Sắc. Đây là dựa vào tướng chung của chủng loại mà nói. Nếu nói riêng biệt thì sắc thuộc đạo thế tục tùy theo Tĩnh lự thứ nhất tức là Đại chủng sở tạo hệ thuộc Tĩnh lự thứ nhất, cho đến sắc thuộc đạo thế tục tùy theo Tĩnh lự thứ tư tức là Đại chủng sở tạo hệ thuộc Tĩnh lự thứ tư.

Hỏi: Sinh ở cội Dục tiến vào bốn Tĩnh lự vô lậu, sắc của nghiệp

thân-ngữ do Đại chủng nào đã tạo ra?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục. Bởi vì dựa vào thân cõi Dục hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Vì sao Đại chủng sở y hữu lậu cần phải hệ thuộc cùng một địa với thụ động tạo (sở tạo), sở y vô lậu tùy theo thân nào khởi lên thì hệ thuộc ở thân ấy?

Đáp: Bởi vì luật nghi hữu lậu có ràng buộc-có hệ thuộc, là Đại chủng sở tạo cùng chung địa; luật nghi vô lậu lìa ràng buộc-lìa hệ thuộc, nhưng dựa vào thân khởi lên, cho nên tùy theo trong thân của địa nào hiện rõ trước mắt, thì Đại chủng sở tạo thuộc về thân ấy.

Có người nói: Luật nghi hữu lậu rơi vào cõi-rơi vào địa, cho nên Đại chủng sở tạo thuộc về cõi-địa của mình; luật nghi vô lậu tuy rơi vào địa mà không rơi vào cõi, nhưng dựa vào thân khởi lên, cho nên tùy theo Đại chủng sở tạo của sở y.

Có người nói: Luật nghi hữu lậu là Đại chủng sở tạo cùng loại, cho nên địa cần phải giống nhau; luật nghi vô lậu là Đại chủng sở tạo khác loại, cho nên tùy theo thân riêng biệt, bởi vì cần phải dựa vào thân hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Sinh ở cõi Sắc tiến vào bốn Tĩnh lự hữu lậu, sắc của nghiệp thân-ngữ do Đại chủng nào đã tạo ra?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc. Đây là dựa vào tướng chung của chủng loại mà nói. Nếu nói riêng biệt thì sắc thuộc đạo thế tục tùy theo Tĩnh lự thứ nhất, tức là Đại chủng sở tạo hệ thuộc Tĩnh lự thứ nhất, cho đến sắc thuộc đạo thế tục tùy theo Tĩnh lự thứ tư, tức là Đại chủng sở tạo hệ thuộc Tĩnh lự thứ tư.

Hỏi: Sinh ở cõi Sắc tiến vào bốn Tĩnh lự vô lậu, sắc của nghiệp thân-ngữ do Đại chủng nào đã tạo ra?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc. Đây cũng dựa vào tướng chung mà nói. Nếu nói riêng biệt thì nếu sinh ở Tĩnh lự thứ nhất tiến vào bốn Tĩnh lự vô lậu, thì nghiệp thân-ngữ ấy đều là Đại chủng sở tạo thuộc Tĩnh lự thứ nhất; nếu sinh ở Tĩnh lự thứ hai tiến vào ba Tĩnh lự vô lậu, thì nghiệp thân-ngữ ấy đều là Đại chủng sở tạo thuộc Tĩnh lự thứ hai; nếu sinh ở Tĩnh lự thứ ba tiến vào hai Tĩnh lự vô lậu, thì nghiệp thân-ngữ ấy đều là Đại chủng sở tạo thuộc Tĩnh lự thứ ba; nếu sinh ở Tĩnh lự thứ tư tiến vào vô lậu của Tĩnh lự thứ tư, thì nghiệp thân-ngữ ấy là Đại chủng sở tạo thuộc Tĩnh lự thứ tư.

Trong này, nên biết rằng sinh ở địa dưới thì Định của địa trên hiện rõ trước mắt, sinh ở địa trên thì Định của địa dưới không hiện rõ trước

mắt.

Hỏi: Vì sao như vậy?

Đáp: Bởi vì Định của địa dưới yếu kém, Định của địa trên mạnh hơn, đối với mạnh hơn sinh ra yếu thích cho nên dấy khởi, đối với yếu kém sinh ra chán bỏ cho nên không dấy khởi.

Có người nói: Dưới hưởng lên trên, trên không hưởng xuống dưới, như bề tôi hưởng về vua, vua không hưởng về bề tôi.

Có người nói: Sinh ở địa dưới thì đối với pháp của địa trên, lại có những việc làm cho nên dấy khởi hiện rõ trước mắt; sinh ở địa trên đối với pháp của địa dưới lại không có việc làm nào, vì vậy không dấy khởi. Như A-la-hán không dấy khởi đạo đối trị để đoạn ba cõi, bởi vì không có tác dụng.

Có người nói: Pháp thiện gia hạnh do công dụng mà dấy khởi, sinh ở địa trên thì pháp của địa dưới không có tác dụng, đối với pháp không có tác dụng lại khởi lên công lực khiến cho hiện rõ ở trước mắt, chứ không phải là như vô ký.

Hỏi: Đại chủng tùy theo địa có năm loại riêng biệt, mấy loại không ngừng diệt, mấy loại không ngừng hiện rõ trước mắt?

Đáp: Sinh ở cõi Dục, nếu tâm cõi Dục không gián đoạn, Tịch lự thứ nhất hữu lậu hiện rõ ở trước mắt, thì lúc ấy Đại chủng của một loại diệt đi, đó là cõi Dục; Đại chủng của hai loại không ngừng hiện rõ trước mắt, đó là cõi Dục và Tịch lự thứ nhất. Nếu Tịch lự thứ nhất hữu lậu không gián đoạn, Tịch lự thứ nhất hữu lậu hiện rõ ở trước mắt, thì lúc ấy Đại chủng của hai loại diệt đi, đại chủng của hai loại không ngừng hiện rõ trước mắt, đó là cõi Dục và Tịch lự thứ nhất. Nếu Tịch lự thứ nhất hữu lậu không gián đoạn, Tịch lự thứ nhất vô lậu hiện rõ ở trước mắt, thì lúc ấy Đại chủng của hai loại diệt đi, đó là cõi Dục và Tịch lự thứ nhất; Đại chủng của một loại không ngừng hiện rõ trước mắt, đó là cõi Dục. Nếu Tịch lự thứ nhất vô lậu không gián đoạn, Tịch lự thứ nhất vô lậu hiện rõ ở trước mắt, thì lúc ấy Đại chủng của một loại diệt đi, Đại chủng của một loại không ngừng hiện rõ trước mắt, đó là cõi Dục. Nếu Tịch lự thứ nhất vô lậu không gián đoạn, Tịch lự thứ nhất hữu lậu hiện rõ ở trước mắt, thì lúc ấy Đại chủng của hai loại diệt đi, đó là cõi Dục và Tịch lự thứ nhất; Đại chủng của một loại không ngừng hiện rõ trước mắt, đó là cõi Dục. Nếu tâm thiện của cõi Dục không gián

đoạn, Tĩnh lực thứ nhất vô lậu hiện rõ ở trước mắt; nếu Tĩnh lực thứ nhất vô lậu không gián đoạn, tâm thiện của cõi Dục hiện rõ ở trước mắt, thì đều là Đại chủng của một loại diệt đi, Đại chủng của một loại không ngừng hiện rõ trước mắt, đó là cõi Dục.

Như tiến vào-thoát ra ở Tĩnh lực thứ nhất, cho đến tiến vào-thoát ra ở Tĩnh lực thứ tư, tùy theo sự thích hợp đều cần phải nói rộng ra. Như sinh ở cõi Dục, cho đến sinh ở Tĩnh lực thứ tư, tùy theo sự thích hợp cũng cần phải nói rộng ra.

Hỏi: Nếu sinh ở cõi Dục, lúc Đại chủng của cõi Sắc hiện rõ ở trước mắt, thì hiện rõ trước mắt ở nơi nào?

Đáp: Có người nói: Giữa chạng mào. Có người nói: Ở chót mũi. Có người nói: Ở bên ngực. Có người nói: Ở bên rốn. Có người nói: Ở ngón chân.

Có người đưa ra cách nói này: Tùy theo xứ sở an tâm thuộc gia hạnh trước đó ở nơi nào, thì hiện rõ trước mắt ở nơi ấy.

Có Sư khác nói: Đại chủng của cõi Dục là thô, Đại chủng của cõi Sắc là tế, tế hợp lại- thô hở ra, như dầu thấm vào cát. Nhưng lúc Tĩnh lực Căn bản hiện rõ ở trước mắt, thì Đại chủng của cõi Sắc khởi lên trong toàn thân; nếu lúc Cận phần Tĩnh lực hiện rõ ở trước mắt, thì Đại chủng của cõi Sắc chỉ khởi lên ở bên ngực.

Có người nói: Lúc Cận phần Tĩnh lực hiện rõ ở trước mắt, thì Đại chủng của cõi Sắc cũng khởi lên ở toàn thân, nhưng nuôi lớn thân không giống như Căn bản. Như có hai người cùng đi đến hồ nước tắm rửa, một người ở bên cạnh hồ mức nước rửa ráy thân thể, một người bước vào trong hồ ngâm toàn thân mà tắm gội. Hai người dùng nước tuy cùng tắm ướt toàn thân, nhưng thân nuôi lớn bước vào trong hồ thì hơn hẳn.

Hỏi: Trong thân cõi Dục trước đó có khe hở, Đại chủng của cõi Sắc khởi lên có tiến vào trong hay không?

Đáp: Không phải như vậy. Thân cõi Dục ở vị lai tự nhiên có hai loại:

1. Chỉ có Đại chủng của cõi Dục.
2. Xen lẫn Đại chủng của cõi Sắc.

Nếu lúc gặp được duyên tiến vào Định của cõi Sắc, thì lúc ấy chỉ có Đại chủng của cõi Dục sẽ diệt đi, xen lẫn Đại chủng của cõi Sắc sẽ sinh ra, cho nên không có thể nói là trước đó có khe hở-sau đó khởi lên trú bên trong.

Hỏi: Đệ tử của Đức Thế Tôn, sinh ở cõi Vô sắc mà thành tựu sắc của nghiệp thân-ngữ vô lậu, do Đại chủng nào đã tạo ra?

Đáp: Hoặc là hệ thuộc cõi Dục, hoặc là hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Trong này vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi có được quyết định. Nghĩa là cõi Vô sắc không có các sắc, có người sinh ra nghi ngờ: Đệ tử của Đức Thế Tôn sinh ở cõi Vô sắc, sắc vô lậu đã thành tựu không phải là Đại chủng sở tạo. Bởi vì trừ bỏ mối nghi này cho nên nói: Đại chủng sở tạo hoặc là hệ thuộc cõi Dục, hoặc là hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Sắc đã thành tựu ấy, chắc chắn là Đại chủng sở tạo thuộc cõi Dục-Sắc, vì sao nói hoặc là?

Đáp: Nên nói quyết định nhưng mà nói hoặc là, bởi vì muốn hiển bày về cõi không có tạp loạn, vô lậu đối trị thì có tạp loạn. Bởi vì cõi không có tạp loạn, cho nên Đại chủng sở tạo thuộc cõi Dục là khác, Đại chủng sở tạo thuộc cõi Sắc là khác, không hề có một sắc mà cùng Đại chủng sở tạo thuộc hai cõi, vì thế cho nên nói hoặc là. Đây tức là nói chung. Nhưng sắc vô lậu tùy theo dấy khởi dựa vào địa, tự động tạo ra (năng tạo) Đại chủng có năm loại riêng biệt, đó là Đại chủng sở tạo hệ thuộc cõi Dục và bốn Tĩnh lực.

Đệ tử của Đức Thế Tôn sinh ở cõi Vô sắc, nếu là A-la-hán thì chỉ thành tựu Đại chủng của năm địa thuộc vị lai, sắc vô lậu sở tạo không phải là hiện tại bởi vì không dấy khởi, không phải là quá khứ bởi vì đã rời bỏ. Nếu là Bất hoàn thì cũng thành tựu Đại chủng của năm địa thuộc vị lai, sắc vô lậu sở tạo không phải là hiện tại bởi vì không dấy khởi, quá khứ thì không nhất định, bởi vì dựa vào thân của năm địa dấy khởi có nhiều ít, hoặc là hoàn toàn không có, vì vậy cần phải nói.

Hoặc có người Học sinh đến cõi Vô sắc, thành tựu năm địa thuộc vị lai dựa vào Giới, quá khứ hoàn toàn không có, nghĩa là trước đó dựa vào thân của cõi Dục và bốn Tĩnh lực, đối với Quả thứ ba và Hưởng thứ tư, các đạo vô lậu chưa khởi lên-chưa diệt đi, từ đó mạng chung sinh đến cõi Vô sắc.

Hoặc có người Học sinh đến cõi Vô sắc, thành tựu vị lai có năm, quá khứ có một, nghĩa là lúc trước ở cõi Dục và bốn Tĩnh lực, tùy theo dựa vào một thân, đối với Quả thứ ba hoặc là Hưởng thứ tư, các đạo vô lậu đã khởi lên- đã diệt đi, từ đó mạng chung sinh đến cõi Vô sắc.

Hoặc có người Học sinh đến cõi Vô sắc, thành tựu vị lai có năm, quá khứ có hai, nghĩa là lúc trước ở cõi Dục và bốn Tĩnh lực, tùy theo dựa vào hai thân, đối với Quả thứ ba hoặc là Hưởng thứ tư, các đạo vô lậu đã khởi lên-đã diệt đi, từ đó mạng chung sinh đến cõi Vô sắc.

Hoặc có người Học sinh đến cõi Vô sắc, thành tựu vị lai có năm,

quá khứ có ba, nghĩa là lúc trước ở cõi Dục và bốn Tịnh lục, tùy theo dựa vào ba thân, đối với Quả thứ ba hoặc là Hưởng thứ tư, các đạo vô lậu đã khởi lên-đã diệt đi, từ đó mạng chung sinh đến cõi Vô sắc.

Hoặc có người Học sinh đến cõi Vô sắc, thành tựu vị lai có năm, quá khứ có bốn, nghĩa là lúc trước ở cõi Dục và bốn Tịnh lục, tùy theo dựa vào bốn thân, đối với Quả thứ ba hoặc là Hưởng thứ tư, các đạo vô lậu đã khởi lên-đã diệt đi, từ đó mạng chung sinh đến cõi Vô sắc.

Hoặc có người Học sinh đến cõi Vô sắc, thành tựu vị lai có năm, quá khứ có năm, nghĩa là vốn có dựa vào thân của cõi Dục và bốn Tịnh lục, đối với Quả thứ ba hoặc là Hưởng thứ tư, các đạo vô lậu đã khởi lên-đã diệt đi, từ đó mạng chung sinh đến cõi Vô sắc.s

Có người đưa ra cách nói này: Không có người Học nào sinh đến cõi Vô sắc mà không thành tựu sắc quá khứ, bởi vì người ấy lúc trước ở cõi Dục-Sắc, đối với Quả thứ ba hoặc là Hưởng thứ tư, nhất định đã khởi lên- đã diệt đi mới mạng chung. Vì thế cho nên bản luận nói rằng: Nếu những người Học sinh đến cõi Vô sắc thì thành tựu sắc sở tạo thuộc quá khứ- vị lai, nếu vào lúc ấy đạt được quả A-la-hán thì thành tựu sắc sở tạo thuộc vị lai, chứ không phải là sắc sở tạo thuộc quá khứ. Nếu nói rằng không phải như vậy thì bản luận nên nói: Người Học sinh đến cõi Vô sắc, có lúc không thành tựu sắc sở tạo thuộc quá khứ.

Tôn giả Tăng-già-phạt-tô nói rằng: “Hoặc có người Học sinh đến cõi Vô sắc, cũng không thành tựu sắc của nghiệp vô lậu trong thân năm địa ở quá khứ- vị lai, nghĩa là trước đó dựa vào thân của cõi Dục và bốn Tịnh lục, đối với Quả thứ ba và Hưởng thứ tư, các đạo vô lậu chưa khởi lên-chưa diệt đi, từ đó mạng chung sinh đến cõi Vô sắc. Hoặc có người Học sinh đến cõi Vô sắc, thành tựu quá khứ và vị lai đều có một, nghĩa là lúc trước ở cõi Dục và bốn Tịnh lục, tùy theo dựa vào một thân, đối với Quả thứ ba hoặc là Hưởng thứ tư, các đạo vô lậu đã khởi lên- đã diệt đi, từ đó mạng chung sinh đến cõi Vô sắc. Như vậy thành tựu hai-thành tựu ba-thành tựu bốn-thành tựu năm, dựa theo trước nói rộng ra như lý nên suy nghĩ. Nếu sinh đến cõi ấy đạt được quả A-la-hán thì chỉ đạt được năm địa thuộc vị lai dựa vào Giới.”

Cách nói này phi lý, bởi vì không có lúc nào đạt được quả mà chỉ đạt được vô vi chứ không phải là hữu vi. Lại cùng với bản luận đã nói trái ngược nhau, như nói: Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc, thành tựu sắc sở tạo vị lai, chứ không phải là đại chủng quá khứ. Nếu như ý đó thì bản luận nên nói: Thánh giả sinh đến cõi Vô sắc, có lúc không thành tựu sắc sở tạo vị lai. Vì vậy cách nói trước đối với lý là thích hợp.

Ở cõi Vô sắc chết đi sinh vào cõi Dục, Đại chủng của các căn đã đạt được lúc đầu, do Đại chủng nào làm nhân? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi có được quyết định. Nghĩa là cõi Vô sắc hoàn toàn không có các sắc. Hoặc là có người sinh nghi ngờ như vậy: Ở cõi Dục- Sắc chết đi sinh đến cõi Vô sắc, sắc ấy hoặc là trải qua tám vạn- sáu vạn- bốn vạn-hai vạn kiếp mới đoạn hết, từ đó mạng chung sinh vào cõi Dục-Sắc, Đại chủng của các căn đã đạt được lúc đầu không có nhân mà sinh ra. Vì loại bỏ mối nghi ấy, hiển bày các sắc ấy không phải là không có nhân sinh ra, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Ở cõi Vô sắc chết đi sinh vào cõi Dục, Đại chủng của các căn đã đạt được lúc đầu, do đại chủng nào làm nhân?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục. Đây là dựa vào tướng chung của chủng loại mà nói. Nếu nói riêng biệt thì nên đưa ra cách nói này: Ở cõi Vô sắc chết đi sinh vào cõi Dục, Đại chủng của các căn đã đạt được lúc đầu, nếu sinh ở địa ngục thì vẫn lấy Đại chủng của địa ngục làm nhân, cho đến nếu sinh ở loài trời thì vẫn lấy Đại chủng của loài trời làm nhân. Nếu Nhân căn và Đại chủng ấy thì vẫn lấy Đại chủng sở y của Nhân căn làm nhân. Căn và cảnh còn lại tương tự như vậy nên biết.

Trong mắt thì mắt bên trái và Đại chủng ấy vẫn lấy Đại chủng sở y của mắt bên trái làm nhân. Trong bên trái thì dị thực vẫn lấy dị thực làm nhân, nuôi lớn vẫn lấy nuôi lớn làm nhân. Như bên trái, bên phải cũng như vậy. Căn và cảnh còn lại nói rộng ra cũng như vậy. Nhưng nối tiếp sinh tâm cùng dấy khởi, Đại chủng lần lượt chuyển đổi làm nhân Câu hữu, đối với mắt... làm năm nhân như Sinh khởi..., Đại chủng đã diệt từ vô tử sinh tử cùng với Đại chủng bây giờ làm nhân Đồng loại.

Hỏi: Vì sao trong này không hỏi về mắt làm nhân cho Đại chủng của căn đã đạt được lúc đầu?

Đáp: Có người nói: Đây là nói tóm tắt nội dung chủ yếu, cho nên không hỏi đến mà thôi.

Có Sư khác nói: Đại chủng cùng làm nhân cho Đại chủng của các căn, vì vậy hỏi đến nó; mắt...không làm nhân cho Đại chủng, vì vậy không hỏi đến.

Có người nói: Đại chủng diệt đã lâu và Đại chủng bây giờ đều có nghĩa của nhân, mắt... chỉ có diệt đã lâu làm nhân, vì vậy không nói đến.

Hỏi: Ở cõi Vô sắc chết đi sinh vào cõi Sắc, Đại chủng của các căn

đã đạt được lúc đầu, do Đại chủng nào làm nhân?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc. Đây cũng là dựa vào tướng chung của chủng loại mà nói. Nếu nói riêng biệt thì nên đưa ra cách nói này: Ở cõi Vô sắc chết đi sinh vào cõi Sắc, Đại chủng của các căn đã đạt được lúc đầu, nếu sinh ở Tịch lự thứ nhất thì vẫn lấy Đại chủng của Tịch lự thứ nhất làm nhân, cho đến nếu sinh ở Tịch lự thứ tư thì vẫn lấy Đại chủng của Tịch lự thứ tư làm nhân. Nếu Nhãn căn và Đại chủng ấy thì vẫn lấy Đại chủng sở y của Nhãn căn làm nhân. Trong mắt bên trái-bên phải-đi thực-nuôi lớn, nói rộng ra như trước. Căn và cảnh còn lại, nói rộng ra cũng như vậy. Nhưng nối tiếp sinh tâm cùng dấy khởi, Đại chủng lần lượt chuyển đổi làm nhân Câu hữu, như vậy đều nói rộng ra như trước.

Hỏi: Ở cõi Sắc chết đi sinh vào cõi Dục, Đại chủng của các căn đã đạt được lúc đầu, do Đại chủng nào làm nhân?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục. Đây cũng là nói chung. Nếu nói riêng biệt thì như trước nên biết, nghĩa còn lại cũng như trước nói rộng ra.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 135

LUẬN VỀ CỤ KIẾN (Phần 2)

Sinh ở cõi Dục làm hóa hiện ở cõi Sắc. Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn ngăn chặn nghĩa của người khác để hiển bày về nghĩa của mình. Như phái Thí Dụ đưa ra cách nói như vậy: Các vật đã hóa hiện đều không phải là thật có. Nếu như thật có thì tại sao gọi là hóa hiện?

Đại đức cũng nói: Hóa hiện không phải là thật có, là do tu mà hiện rõ ra, như chú thuật làm cho xác chết đứng dậy thành quỷ.

Vì ngăn chặn những ý thú đã nói như vậy, để hiển bày các sự việc hóa hiện đều là thật có, bởi vì những duyên này cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Sinh ở cõi Dục làm hóa hiện ở cõi Sắc, phát ra lời nói của cõi Sắc, sắc của thân- ngữ ấy do Đại chủng nào đã tạo ra?

Đáp: Hệ thuộc cõi Sắc.

Hỏi: Sinh ở cõi Sắc làm hóa hiện ở cõi Dục, phát ra lời nói của cõi Dục, sắc của thân- ngữ ấy do Đại chủng nào đã tạo ra?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục. Bởi vì sắc sở tạo hữu lậu đều là Đại chủng sở tạo thuộc đồng phần cõi-địa. Nhưng thân đã hóa hiện có tám loại sai biệt, đó là sinh ở cõi Dục làm hóa hiện ở cõi Dục, có hai loại:

1. Tựa như thân của mình.
2. Tựa như thân người khác.

Làm hóa hiện ở cõi Sắc cũng có hai loại này, và sinh ở cõi Sắc làm hóa hiện ở cõi Sắc, có hai loại:

1. Tựa như thân của mình.
2. Tựa như thân người khác.

Làm hóa hiện ở cõi Dục cũng có hai loại này, đó gọi là tám loại.

Trong này chỉ dựa vào hai loại mà soạn luận, đó là sinh ở cõi Dục làm hóa hiện ở cõi Sắc, và sinh ở cõi Sắc làm hóa hiện ở cõi Dục, là tựa như thân người khác.

Hỏi: Vì sao trong này chỉ dựa vào hai thân mà soạn luận?

Đáp: Bởi vì ý của người soạn luận muốn như vậy, tùy theo ý muốn ấy mà soạn luận, nhưng làm cho không trái với pháp tướng, cho nên không cần phải vặn hỏi về nguyên cơ của điều ấy.

Có người nói: Chỉ có hai thân này vì tế khó thấy-khó hiểu, cho nên chỉ nói đến hai thân ấy.

Có người nói: Chỉ có hai thân này rất khó hiện rõ trước mắt, bởi vì nhờ vào nhiều gia hạnh mới có thể dấy khởi.

Có người nói: Đây là điều khó có thể tin nhận đối với thế gian, nghĩa là ai có năng lực làm ra thân khác ở cõi khác?

Có người nói: Hai thân này thật là hiếm có, nghĩa là có năng lực hóa hiện làm ra thân khác thuộc về cõi khác, vì vậy chỉ nói đến hai thân ấy.

Các tâm biến hóa, tổng quát có hai loại:

1. Hệ thuộc cõi Dục.
2. Hệ thuộc cõi Sắc.

Hoặc là năm loại, đó là hệ thuộc cõi Dục và bốn Tĩnh lực.

Hoặc là mười hai loại, tức là tâm của mười hai loại người có năng lực biến hóa, đó là người đạt được quả của Tĩnh lực thứ nhất, cho đến người đạt được quả của Tĩnh lực thứ tư, tất cả đều có ba loại. Những gì là ba loại? Đó là:

1. Dị sinh.
2. Hữu học.
3. Vô học.

Lại có người nói ba loại:

1. Dị sinh ngoại pháp.
2. Dị sinh nội pháp.
3. Thánh giả.

Lại có người nói ba loại, đó là ba phần vị đạt được:

1. Đạt được lúc lìa nhiễm, nghĩa là lúc lìa nhiễm của địa dưới đạt được Tĩnh lực.

2. Đạt được lúc đạt được quả, nghĩa là lúc đạt được quả Vô học.

3. Đạt được lúc luyện căn, nghĩa là lúc chuyển căn làm Kiến chí-Bất động.

Hoặc là phân thành mười bốn loại, đó là hệ thuộc cõi Dục có bốn

loại, tức là quả thuộc bốn Tịnh lự; hệ thuộc Tịnh lự thứ nhất cũng có bốn loại, nói như cõi Dục; hệ thuộc Tịnh lự thứ hai có ba loại, tức là quả thuộc ba Tịnh lự trên; hệ thuộc Tịnh lự thứ ba có hai loại, tức là quả thuộc hai Tịnh lự trên; hệ thuộc Tịnh lự thứ tư có một loại, tức là quả thuộc Tịnh lự thứ tư. Bởi vì tâm của địa dưới yếu kém, cho nên không có năng lực hóa hiện ở địa trên.

Hoặc là phân thành mười lăm loại, đó là các tâm biến hóa hệ thuộc năm địa, tất cả đều có phẩm Thượng-Trung-Hạ.

Có người nói: Người đạt được tâm biến hóa thuộc năm địa đều có ba loại, đó là dị sinh..., như trước nói.

Hoặc lại phân thành bốn mươi hai loại, đó là mười bốn loại trước đây đều có phẩm Thượng-Trung-Hạ.

Có người nói: Người đạt được mười bốn loại tâm biến hóa tất cả có ba loại, đó là dị sinh..., như trước nói.

Những người làm hóa hiện ở cõi Dục, thân ấy vẫn tựa như hữu tình cõi Dục; những người làm hóa hiện ở cõi Sắc, thân ấy vẫn tựa như hữu tình cõi Sắc.

Hỏi: Thân đã làm hóa hiện do mấy Xứ thâm nhiếp?

Đáp: Nếu sinh ở cõi Dục làm hóa hiện ở cõi Dục, thì thân mình và thân khác đều do bốn Xứ thâm nhiếp, đó là sắc-hương-vị-xúc xứ; làm hóa hiện ở cõi Sắc, thì thân mình và thân khác đều do hai Xứ thâm nhiếp, đó là sắc-xúc xứ. Nếu sinh ở cõi Sắc làm hóa hiện ở cõi Sắc, thì thân mình và thân khác đều do hai Xứ thâm nhiếp; làm hóa hiện ở cõi Dục, thì thân mình và thân khác đều do bốn Xứ thâm nhiếp, như trước nói.

Có người nói: Nếu làm thân khác thì do bốn Xứ thâm nhiếp, nếu làm thân mình thì chỉ do hai Xứ thâm nhiếp, bởi vì thân ấy không thành tựu hương - vị xứ.

Nói như vậy thì tuy hóa hiện hương- vị mà không có lỗi của thành tựu; như người áo quần nghiêm trang đầy đủ hoa hương, tuy là ở trên thân mà không thành tựu.

Hỏi: Nếu sinh ở cõi Dục làm hóa hiện ở cõi Dục-quả thuộc Tịnh lự thứ nhất, làm hóa hiện ở cõi Sắc- quả thuộc Tịnh lự thứ nhất, hai loại như vậy ai kém- ai hơn?

Đáp: Hai loại này vận chuyển như nhau không có gì sai biệt, nhưng cõi Sắc thì bởi vì cõi hơn hẳn cho nên hơn hẳn.

Hỏi: Nếu sinh ở cõi Dục làm hóa hiện ở cõi Dục-quả thuộc Tịnh lự thứ hai, làm hóa hiện ở cõi Sắc-quả thuộc Tịnh lự thứ nhất, hai loại

như vậy ai kém-ai hơn?

Đáp: Cõi Dục thì vận chuyển hơn hẳn, bởi vì người ấy từ cõi Dục cho đến Tịnh lự thứ hai có năng lực qua lại; cõi Sắc thì cõi hơn hẳn, bởi vì pháp của cõi Sắc hơn hẳn cõi Dục.

Hỏi: Nếu sinh ở cõi Dục làm hóa hiện ở cõi Dục-quả thuộc Tịnh lự thứ nhất, làm hóa hiện ở cõi Sắc- quả thuộc Tịnh lự thứ hai, hai loại như vậy ai kém-ai hơn?

Đáp: Cõi Sắc thì hai sự việc hơn hẳn:

1. Cõi hơn hẳn.
2. Vận chuyển hơn hẳn.

Như nói: Sinh ở cõi Dục làm hóa hiện ở cõi Dục-Sắc, quả thuộc Tịnh lự thứ nhất-thứ hai, trái ngược nhau để biện giải về hơn kém. Như vậy, sinh ở cõi Dục làm hóa hiện ở cõi Dục-Sắc, quả thuộc Tịnh lự thứ nhất-thứ ba, quả thuộc Tịnh lự thứ nhất-thứ tư, quả thuộc Tịnh lự thứ hai-thứ ba, quả thuộc Tịnh lự thứ hai-thứ tư, quả thuộc Tịnh lự thứ ba-thứ tư, trái ngược nhau để biện giải về hơn-kém, dựa theo trước hỏi-đáp như lý nên suy nghĩ!

Như sinh ở cõi Dục, như vậy sinh ở Tịnh lự thứ nhất, sinh ở Tịnh lự thứ hai, sinh ở Tịnh lự thứ ba, tùy theo sự thích hợp nên suy nghĩ nói rộng ra.

Hỏi: Như người sinh ở Tịnh lự thứ nhất, bởi vì có năng lực phát khởi tâm Biểu của thân-ngữ, khiến cho thân đã hóa hiện làm ra các loại tác dụng qua lại..., các Tịnh lự trên không có tâm như vậy, chủ hóa hiện sinh ra khách hóa hiện(sở hóa) ấy, vì sao có tác dụng qua lại...?

Đáp: Như sinh ở Tịnh lự thứ nhất, bởi vì phát khởi tâm Biểu, khiến cho thân hóa hiện chuyển đổi làm ra tác dụng qua lại... Như vậy, sinh ở các Tịnh lự trên, cũng bởi vì Tịnh lự thứ nhất phát khởi tâm Biểu, khiến cho thân đã hóa hiện dấy khởi tác dụng qua lại..., như Nhãn thức...

Có Sư khác nói: Các thân đã hóa hiện không có các loại tác dụng qua lại..., chỉ an trú im lặng, do lực của chủ hóa hiện, khiến cho thân ấy tựa như có sự việc qua lại..., như vui đùa lười giăng của Đế Thích chứ không phải là có hiện hữu.

Hỏi: Lúc sự việc hóa hiện dấy khởi, là cần phải có nương tựa mới được hiện bày, hay là không phải như vậy?

Đáp: Có người nói: Sự việc hóa hiện cần phải có nương tựa, nghĩa là cần phải dựa vào khúc gỗ-hòn đá..., chủ hóa hiện mới có thể làm ra sự việc đã hóa hiện.

Có Sư khác nói: Nếu lần đầu dấy khởi thần thông thì sự việc hóa

hiện đã đầy khởi cần phải có nơi nhờ cậy, nếu đầy đủ thần thông trí tuệ thì không nhờ cậy gì mà có năng lực khởi lên sự việc hóa hiện.

Hỏi: Là một tâm-một hóa hiện, hay là một tâm-nhiều hóa hiện? Nếu một tâm-một hóa hiện, thì tụng trong kinh đã nói nên hiểu thế nào? Như nói:

“Lúc một chủ hóa hiện nói ra, thì các khách hóa hiện đều nói,
Nếu một chủ hóa hiện im lặng, các khách hóa hiện đều im lặng.”

Nếu một tâm-nhiều hóa hiện, thì luận Thi Thiết nói lại hiểu thế nào? Như nói: “Thần cảnh trí chứng thông gia hạnh thế nào, dùng phương tiện nào khởi lên Thần cảnh trí chứng thông?”

Đáp: Lúc ấy bắt đầu sự nghiệp luyện tập Định thế tục khiến cho hết sức tự tại, hết sức tự tại đã khởi lên khiến cho hiện rõ trước mắt, bởi vì hiện rõ trước mắt cho nên đối với Thần cảnh thông sẽ có năng lực dẫn dắt phát ra, từ đó mới có thể tùy theo khởi lên một hóa hiện.”

Hỏi: Khởi lên một sự việc hóa hiện thì tâm hãy còn như vậy, huống là nhiều hay sao?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Một tâm-một hóa hiện.

Hỏi: Đã dẫn tụng trong kinh nên hiểu thế nào?

Đáp: Trước dùng nhiều tâm thỉnh cầu lời nói của nhiều hóa hiện, sau dùng một tâm khiến cho lời nói cùng phát ra. Trước nhiều tâm là Chuyển, sau một tâm là Tùy chuyển.

Có Sư khác nói: Một tâm-nhiều hóa hiện.

Hỏi: Luận Thi Thiết ấy nên hiểu thế nào?

Đáp: Nếu lần đầu đầy khởi thần thông thì một tâm-một hóa hiện, nếu đầy đủ thần thông trí tuệ thì một tâm-nhiều hóa hiện.

Hỏi: Ở trong một tâm đã đầy khởi sự việc hóa hiện, là cần phải cùng loại-hay là cũng khác loại?

Đáp: Có người nói: Cần phải cùng loại hóa hiện, nghĩa là lúc làm voi thì không làm ngựa...

Có người nói: Cũng hóa hiện khác loại, nghĩa là lần đầu đầy khởi thần thông, thì một tâm chỉ có thể làm ra một loại vật; nếu đầy đủ thần thông trí tuệ, thì một tâm có thể làm ra bốn loại quân như voi...

Hỏi: Đã biết sự việc hóa hiện do tu mà thành, là cũng có hóa hiện do sinh ra mà được chăng?

Đáp: Có người nói: Không có, bởi vì tâm sinh ra mà đạt được chỉ là thế dụng yếu kém, nhưng có thể chuyển biến khiến cho tựa như khác với ban đầu.

Có người nói: Cũng có, nhưng chỉ có thể làm ra thân mình chứ không phải là thân khác.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong kinh đã nói nên hiểu thế nào? Như trong kinh nói: “Có ba ma nữ, mỗi một ma nữ hóa làm rất nhiều thân nữ, đó là người nữ trẻ trung, người nữ sinh đẻ, người nữ chưa sinh đẻ, người nữ đứng tuổi, người nữ già nua, số lượng ấy rất nhiều. Lại tự hóa thân trang điểm đủ loại, bởi vì làm mê hoặc quyến rũ cho nên đi đến nơi Bồ-tát, nói với Bồ-tát rằng: Sa-môn có thể đứng dậy, nay chúng tôi đến đây nguyện cùng nhau hầu hạ như ý. Bồ-tát không nhận lời, lập tức khiến cho thân ấy trở thành hình dạng già yếu, xấu hổ mà rút lui.”

Đáp: Tức là dựa vào dị thực trên thân của ma nữ, hóa làm rất nhiều thân nữ nói ở trước, như cố chấp mảy may không lìa bỏ cố chấp.

Nói như vậy thì tâm do sinh ra mà đạt được, thân mình-thân khác đều có thể hóa ra, vì sao biết như vậy?

Bởi vì từng nghe: “Tôn giả Ô-ba-cúc-đa đoan thân Tịnh lực, ma làm quấy nhiễu đã lấy vòng hoa đội trên đỉnh đầu Tôn giả. Tôn giả xuất Định ngạc nhiên nghĩ rằng: Việc này do ai đã làm? Tìm hiểu thì biết việc này là do ma đã làm. Vì điều phục ma kia, cho nên dùng thần lực hóa ra ba xác chết, buộc vào cổ của ma vương, đó là rắn chết-chó chết-người chết. Thế là ma vương sinh lòng hết sức xấu hổ, tìm đủ mọi cách muốn trừ bỏ nhưng không thể được, mà ba xác chết buộc quanh cổ ma, càng lúc càng hôi thối, ma đã buồn chán càng thêm hoảng sợ. Bởi vì cởi bỏ xác chết cho nên liền chui vào lòng đất, lại chui ra vọt lên trời cao, còn lặn vào trong nước biển rộng, tiếp tục chui vào bụng núi Tô-mê-lô, dùng hết sức cởi bỏ nhưng cuối cùng không thể cởi bỏ được. Ma đã khốn đốn không còn sức để tự vượt qua, dần dần đi qua sáu cõi trời cầu mong thoát nạn, đã không thể nào thoát được, sau đó đi đến bên cung cõi Phạm cầu xin Đại Phạm rằng: Chỉ mong xót thương, cởi bỏ vật nhục nhả mà người Tiên đã buộc trên cổ tôi! Phạm Vương bảo rằng: Ta không thể nào trừ bỏ được, hãy trở về quy y với người đã buộc vào cổ ông. Ma nghe lời này rồi trở về châu Thiệm Bộ, rập người quy y thành thật lễ lạy dưới chân Tôn giả, thưa rằng: Thưa Đại đức! Chỉ mong từ bi tha cho lỗi lầm trước đây của tôi, trừ bỏ vật mà Tôn giả đáp lại! Lúc bấy giờ Tôn giả Ô-ba-cúc-đa chậm rãi bảo với ma rằng: Ta biết lúc rồi. Ma lại rập đầu lạy nhận lỗi cầu xin thương xót, xin nói rõ lúc nào là trừ bỏ vật nhục nhả.

Tôn giả bảo rằng: Ông có thể từ hôm nay cho đến lúc Thánh giáo của Như Lai chưa diệt, không làm não loạn các Tỷ kheo nữa hay

không? Ma thưa rằng: Dạ đúng như vậy, sẽ như lời dạy, xin dạy rõ thêm, chỉ làm theo lời Tôn giả. Tôn giả lại nói: Xưa nay vì Phật pháp nhưng mà có tâm nguyện riêng, nay muốn ông làm. Ma thưa rằng: Dạ xin chỉ dạy. Tôn giả nói cho biết rằng: Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, trải qua trăm năm thân ta mới sinh ra, Pháp thân của Như Lai nay ta đã thấy, điều chưa được thấy đó là Sinh thân của Đức Phật, nay Nhân giả có thể có năng lực vì ta mà hiện bày hay không? Ma thưa rằng: Việc này rất dễ, tôi có thể làm được, mong lúc Tôn giả trông thấy đừng vội vàng cung kính, khiến cho tôi mang tội. Tôn giả nói rằng: Sẽ như vậy. Lập tức cởi bỏ ba xác chết cho ma. Ma vương hoan hỷ cảm ơn Tôn giả rồi, liền đi vào trong rừng tự mình hóa thân làm hình tướng Như Lai đầy đủ ba mươi hai tướng tốt-tám mươi vẻ đẹp, uy quang sáng ngời chói lòa hơn hẳn ngàn vàng mặt trời; lại còn hóa làm các chúng Tỳ kheo, bên phải là Xá-lợi-tử, bên trái là Đại Mục-kiền-liên, Tôn giả A-nan ôm bình bát đi theo sau; và cùng với một ngàn hai trăm năm mươi người như A-nhã-đa Kiều-trần-na... tụ hội, như cảnh tượng mỗi nửa tháng, từ trong rừng mà đi ra. Lúc ấy Tôn giả Ô-ba-cúc-đa trông thấy rồi hoan hỷ có được điều chưa từng có, bởi vì ý thanh tịnh thuần nhất, như thân cây đứt lìa, không thể nào tự kiểm chế, bất giác cúi rạp người lạy dưới hai chân của ma. Ma vương run sợ, hóa thân lập tức diệt đi.”

Vì vậy cho nên biết tuệ do sinh ra mà đạt được, cũng có thể hóa làm thân mình và thân khác.

Hỏi: Lúc ấy Tôn giả Ô-ba-cúc-đa, ở trong sự biến hóa đã đạt được tự tại hơn hẳn ma vương kia gấp Câu-chi lần, vì sao Tôn giả không tự mình hóa ra, mà nhờ công mong cầu ma vương thực hiện?

Đáp: Đối với sự do tu mà thành thì Tôn giả tự tại, đối với sự biến hóa do sinh ra mà đạt được thì không bằng ma vương, muốn thử xem năng lực biến hóa do sinh ra mà đạt được của ma vương thế nào, cho nên mong cầu ma vương hóa làm thân Phật.

Có người nói: Sự biến hóa do tu mà đạt được thì Tôn giả tự mình đạt được không sinh tâm hiếm có, sự biến hóa do sinh ra mà đạt được thì Tôn giả không đạt được cho nên sinh tâm hiếm có, muốn nhờ vào ma vương nhìn thấy sự biến hóa do sinh ra mà đạt được, vì vậy mong cầu ma vương khiến hóa làm thân Phật.

Có người nói: Trong tâm tôn giả hết sức tôn kính Đức Phật, nếu tự mình hóa hiện thì sợ rằng tâm tôn kính không mạnh hơn, vì vậy khiến ma vương hóa hiện.

Có người nói: Tôn giả ít ham muốn, nếu tự mình hóa hiện thì sợ

hàng trời-người cho rằng đã là Phật mà thể hiện sự cúng dường cao nhất, sau khi nhập Niết-bàn chư Thiên và người thế gian cúng dường đau buồn giống như Đức Phật diệt độ, vì vậy chỉ mong cầu ma vương hóa hiện.

Hỏi: Hai loại biến hóa do tu mà đạt được- do sinh ra mà đạt được, sai biệt thế nào?

Đáp: Sự biến hóa không có gì khác nhau, nhưng do tu mà đạt được thì thanh tịnh-nhanh chóng-trọn vẹn-vi diệu, không phải là do sinh ra mà đạt được.

Có người nói: Tâm biến hóa do sinh ra mà đạt được chỉ dựa vào thân của cõi mình, tâm biến hóa do tu mà đạt được cùng dựa vào thân của cõi mình và cõi khác.

Hỏi: Sự việc biến hóa có lưu lại hay không? Nếu có thì vì sao lúc Đức Phật nhập Niết-bàn không lưu lại Hóa thân, để trú trì- thuyết pháp làm lợi ích thêm cho hữu tình vào sau khi diệt độ? Nếu không có thì vì sao Tôn giả Đại Ca-diếp-ba đã nhập Niết-bàn mà lưu lại thân tồn tại lâu dài? Từng nghe: “Tôn giả Đại Ca-diếp-ba, đi vào thành Vương Xá khát thực lần cuối cùng, ăn xong chưa bao lâu thì leo lên núi Kê Túc, núi có ba đỉnh giống như chân gà ngược lên trời, Tôn giả đi vào chính giữa ngôi kiết già, phát ra lời nói thành thật: Nguyện cho thân này của tôi cùng với y bát-tích trượng tồn tại lâu dài không hủy hoại, cho đến trải qua năm mươi bảy Câu-chi sáu mươi tám ngàn năm, lúc bậc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác Từ Thị xuất hiện giữa thế gian thực hiện Phật sự. Phát lời nguyện này rồi thì nhập Niết-bàn, lúc ấy ba đỉnh núi kia liền hợp lại thành một mà che kín, Tôn giả nghiêm nhiên an trú trong đó. Đến lúc Đức Phật Từ Thị xuất hiện giữa thế gian, dẫn theo vô lượng người-trời đi đến trên núi này, nói với các Đại chúng rằng: Các người muốn trông thấy Đại đệ tử Ca-diếp-ba, công đức đầu-đà bậc nhất trong chúng đệ tử của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni hay không? Cả Đại chúng đều thưa rằng: Chúng con mong muốn trông thấy. Đức Như Lai Từ Thị liền dùng tay phải vỗ vào đỉnh núi Kê Túc, ngay lập tức đỉnh núi nứt ra trở lại làm thành ba phần. Lúc ấy Ca-diếp-ba mang y bát-tích trượng, từ bên trong mà đi ra vút lên cao giữa hư không. Vô lượng trời-người nhìn thấy sự thần biến ấy, ca ngợi là điều chưa từng có, tâm tư của họ điều hòa thuận thực, Đức Thế Tôn Từ Thị như ý thuận theo thuyết pháp đều được thấy rõ chân lý.” Nếu không có lưu lại Hóa thân thì sự việc như vậy làm sao có được?

Đáp: Có người nói: Sự việc biến hóa có lưu lại.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao Đức Thế Tôn không lưu lại Hóa thân đến trú trì thuyết pháp sau khi Niết-bàn?

Đáp: Bởi vì những việc cần làm thì đã hoàn thành, Đức Phật nói là những người cần hóa độ đều đã hóa độ rồi, những người chưa hóa độ thì đệ tử bậc Thánh sẽ hóa độ.

Có người nói: Sự việc biến hóa không có lưu lại.

Hỏi: Nếu như vậy thì sự việc của Ca-diếp-ba làm sao có được?

Đáp: Bởi vì các Thiên thần tin tưởng cung kính mà an trú duy trì.

Có người nói: Ca-diếp-ba vào lúc bấy giờ chưa nhập Niết-bàn, lúc Đức Phật Từ Thị xuất hiện thì mới chọn lấy diệt độ.

Cách nói này không hợp lý, thà rằng nói không có chứ không nói là vị ấy im lặng an trú trống rỗng trải qua thời gian dài.

Nói như vậy thì sự việc biến hóa có lưu lại, vì vậy Đại Ca-diếp-ba đã nhập Niết-bàn.

Hỏi: Trong kinh nói: “Trong một lúc làm ra hai sự việc dẫn dắt, đó là phần thân dưới phát lửa-phần thân trên tuôn nước, phần thân dưới tuôn nước-phần thân trên phát lửa.” Đây là một tâm hay là hai tâm làm ra? Nếu một tâm làm ra, thì tại sao một tâm lại có hai quả ngược nhau? Nếu hai tâm làm ra, thì tại sao trong một lúc lại có hai tâm cùng dấy khởi?

Đáp: Có người nói: Do một tâm làm ra.

Hỏi: Tại sao một tâm lại có hai quả ngược nhau?

Đáp: Trước dùng hai tâm riêng biệt thỉnh cầu nước-lửa, sau trú vào một tâm khiến cho nước- lửa cùng phát ra, trước hai tâm là Chuyển, sau một tâm là Tùy chuyển.

Có người nói: Do hai tâm làm ra.

Hỏi: Tại sao trong một lúc lại có hai tâm cùng dấy khởi?

Đáp: Do Định lực thù thắng cho nên hai tâm nước-lửa xoay chuyển nhanh chóng, tựa như phát ra cùng lúc. Như Vật-phí-tử, tay trái phát ánh sáng-tay phải theo lời nói phân chia đồ nằm cho Tăng chúng, nếu lúc phát ra biểu hiện thì không có thể phát ánh sáng, nếu lúc phát ánh sáng thì không có thể phát ra biểu hiện, do Định lực thù thắng cho nên hai tâm ánh sáng-biểu hiện xoay chuyển nhanh chóng, tựa như phát ra cùng lúc. Hai tâm nước-lửa nên biết cũng như vậy.

Trong luận Thi Thiết nói: “Đức Phật vào một lúc hóa hiện làm Hóa Phật, thân màu vàng ròng tướng tốt trang nghiêm, lúc Đức Thế Tôn nói thì Hóa thân cũng nói, lúc Hóa thân nói thì Đức Thế Tôn cũng nói. Đệ tử trong một lúc hóa hiện làm Hóa đệ tử, cạo bỏ râu tóc-khoác

mặc Tăng phục, lúc đệ tử nói thì Hóa đệ tử im lặng, lúc Hóa đệ tử nói thì đệ tử im lặng.”

Nguyên cố thế nào? Bởi vì Đức Phật đối với Tâm-Định đều được tự tại, vào-ra nhanh chóng không rời bỏ sở duyên, phát ra lời nói của mình rồi liền phát ra lời nói của Hóa thân, phát ra lời nói của Hóa thân rồi lại phát ra lời nói của mình, bởi vì rất nhanh cho nên tựa như phát ra cùng lúc. Đệ tử thì Tâm-Định không phải là rất tự tại, vào-ra kéo dài chậm chạp, nhiều lúc rời bỏ sở duyên, phát ra lời nói của mình rồi phát ra lời nói của Hóa đệ tử, lúc lời nói của Hóa đệ tử khởi lên thì lời nói của mình đã diệt, phát ra lời nói của Hóa đệ tử rồi lại phát ra lời nói của mình, lúc lời nói của mình khởi lên thì lời nói của Hóa đệ tử đã diệt, không phải là rất nhanh cho nên cảm giác nhận biết có trước sau.”

Hỏi: Các Đại Thanh văn cũng có năng lực như vậy, Đức Thế Tôn đối với điều này có gì không giống nhau?

Đáp: Đức Phật dùng một tâm có thể phát ra hai lời nói, đó là tự mình và Hóa thân, tự mình nói rồi Hóa thân liền nói, Hóa thân nói rồi tự mình liền nói, bởi vì vô cùng nhanh chóng cho nên không phải là cùng lúc mà nói cùng lúc. Thanh văn một tâm cũng phát ra hai lời nói, đó là tự mình và Hóa thân, lời nói của mình diệt rồi Hóa thân mới nói, lời nói của Hóa thân diệt rồi tự mình mới nói, không phải là vô cùng nhanh chóng cho nên không phải là cùng lúc mà cảm giác không phải là cùng lúc. Vả lại, Phật Thế Tôn đối với các cảnh của trí đều được tự tại, chứ không phải là các Thanh văn, cho nên Đức Phật ở trong sự việc này cũng có điều không giống nhau.

Luận ấy còn nói đảo lại: “Đức Phật vào một lúc hóa hiện làm Hóa Phật, thân màu vàng ròng tướng tốt trang nghiêm, lúc Đức Thế Tôn nói thì Hóa thân im lặng, lúc Hóa thân nói thì Đức Thế Tôn im lặng. Đệ tử trong một lúc hóa hiện làm Hóa đệ tử, cạo bỏ râu tóc-khoác mặc Tăng phục, lúc đệ tử nói thì Hóa đệ tử cũng nói, lúc Hóa đệ tử nói thì đệ tử cũng nói.”

Hỏi: Các Đại Thanh văn cũng có năng lực như vậy, Đức Thế Tôn đối với điều này có gì không giống nhau?

Đáp: Đức Phật đối với Tâm-Định đều được tự tại, vào-ra nhanh chóng không rời bỏ sở duyên, có thể dùng một tâm phát ra hai lời nói, đó là tự mình và Hóa thân, ở trong đó muốn khiến cho nói thì liền nói, không khiến cho nói thì liền im lặng. Thanh văn thì Tâm-Định không phải là rất tự tại, vào-ra kéo dài chậm chạp, nhiều lúc rời bỏ sở duyên, tuy có thể một tâm phát ra hai lời nói, đó là tự mình và Hóa thân, nhưng

ở trong đó muốn khiến cho một bên nói thì bên thứ hai cũng nói, muốn khiến cho một bên im lặng thì bên thứ hai cũng im lặng, không có thể khiến cho cùng im lặng-cùng nói được. Vả lại, Phật Thế Tôn đối với các cảnh của trí đều được tự tại, chứ không phải là các Thanh văn, cho nên Đức Phật ở trong sự việc này cũng có điều không giống nhau.

Trong kinh nói: “Đức Phật bảo với A-nan: Thần lực của Ta có năng lực dùng ý mà thành thân, trong phút chốc đi đến cõi Phạm Thế. A-nan thưa với Đức Phật: Sao kém quá vậy! Sự việc này Thanh văn cũng có thể, Đức Thế Tôn sao đủ để tự khen mình, nói là đã hóa hiện làm ra gọi là do ý mà thành thân, Thanh văn cũng có thể dùng điều này đi đến cõi Phạm Thế, Đức Phật nếu như vậy thì có gì không giống nhau? Đức Thế Tôn có thể có năng lực rời bỏ lực thần thông, dùng thân do cha mẹ sinh ra với Đại chủng thô nặng, chỉ trong phút chốc đi đến cõi Phạm Thế hay không? Đức Thế Tôn bảo rằng: Điều này Ta cũng có năng lực. A-nan lại nói: Việc này thật là khó, cầu mong nói thí dụ khiến cho con tin hiểu. Đức Phật nói: Hãy lắng nghe kỹ càng! Như sắt thép ở thế gian, hoặc là tấm dày-hoặc là viên tròn đặt ở trong lò lửa nóng, nhẹ dần-mềm dần-điều chế dần- làm sạch dần, tùy theo ý mà làm. Như vậy thân Như Lai tùy tâm chuyển đổi, buộc tâm vào thân dấy lên các tướng nhẹ-mềm..., thân tùy theo lực của tâm trở thành những sự nhẹ-mềm... nhờ vào thế lực nối tiếp nhau có thể buộc tâm, khiến cho tùy ý vận chuyển thân đã hệ thuộc.”

Trong này, có người nói: Lúc Tận trí của Đức Phật hiện khởi thì đạt được vô phú vô ký của cõi Dục, chưa từng đạt được tâm-tâm sở pháp, do thế lực này không tiến vào Tĩnh lực, không hiện khởi thần thông, lúc tâm vừa mới phát khởi thì có thể đưa thân lên đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, huống gì cõi Phạm Thế?

Có người đưa ra cách nói này: Đức Thế Tôn vào lúc bấy giờ khởi tâm duyên vào gió khiến cho thân nhẹ nhàng.

Có Sư khác nói: Khởi tâm duyên vào hư không có thể khiến cho thân Phật đi đến không có gì ngăn ngại.

Có người nói: Ý Đức Phật là nói thân này gọi là do ý mà thành, do lực tùy ý mà thành tựu những sự vận chuyển nhẹ-mềm..., rời bỏ lực của định- thần thông mà có thể vận chuyển thân này đi đến cõi Phạm Thế, cho nên cùng với Thanh văn khác nhau.

Có người nói: Đức Phật nói do ý mà thành thân, tức là những Hóa thân không nhờ vào định- thần thông mà có thể đi đến cõi Phạm Thế, cùng với Thanh văn khác nhau.

Có người nói: Đức Phật nói do thế lực thần thông của ý khiến cho những Hóa thân nhanh chóng đi đến cõi Phạm Thế, lực nhanh chóng này hàng Nhị thừa đều không có, cho nên Đức Phật dựa vào điều này tự hiển bày về pháp thù thắng của Phật.

Hỏi: Có thể có tâm biến hóa trong một sát-na đoạn mà không đạt được, đạt được mà không đoạn, cùng đoạn cùng đạt được, không đoạn không đạt được chăng?

Đáp: Có, đó là lúc lìa nhiễm cõi Dục cuối cùng là đạo vô gián. Đối với tâm biến hóa có bốn câu này: Đoạn mà không đạt được, đó là quả của ba Tĩnh lự trên hệ thuộc cõi Dục. Đạt được mà không đoạn, đó là quả của Tĩnh lự thứ nhất hệ thuộc Tĩnh lự thứ nhất. Cũng đoạn cũng đạt được, đó là quả của Tĩnh lự thứ nhất hệ thuộc cõi Dục. Không đoạn không đạt được, đó là quả của ba Tĩnh lự trên hệ thuộc Tĩnh lự thứ nhất.

Quả của ba Tĩnh lự trên hệ thuộc Tĩnh lự thứ hai, quả của hai Tĩnh lự trên hệ thuộc Tĩnh lự thứ ba, quả của Tĩnh lự thứ tư hệ thuộc Tĩnh lự thứ tư, như lìa nhiễm cõi Dục cuối cùng là đạo vô gián làm thành bốn câu. Như vậy lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất cuối cùng là đạo vô gián, cho đến lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba cuối cùng là đạo vô gián, tuy theo sự thích hợp đều có bốn câu.

Hỏi: Hóa thân nên nói là có Đại chủng hay là không có Đại chủng?

Đáp: Nên nói là có Đại chủng, bởi vì không có sắc nào hiện khởi mà tách lìa Đại chủng.

Hỏi: Hóa thân nên nói là có sắc sở tạo hay là không có sắc sở tạo?

Đáp: Nên nói là có sắc sở tạo. Hóa thân có hai loại:

1. Do tu đạt được.
2. Do sinh đạt được.

Hóa thân do tu đạt được, nếu hệ thuộc cõi Dục thì do bốn Xứ thâm nhiếp, nếu hệ thuộc cõi Sắc thì do hai Xứ thâm nhiếp. Hóa thân do sinh đạt được, nếu hệ thuộc cõi Dục thì do chín Xứ thâm nhiếp, nếu hệ thuộc cõi Sắc thì do bảy Xứ thâm nhiếp. Bởi vì pháp như vậy mà thành Hóa thân.

Hỏi: Hóa thân nên nói là có tâm hay là không có tâm?

Đáp: Nên nói là không có tâm. Nhưng Hóa thân có hai loại:

1. Do tu đạt được, loại này không có tâm.
2. Do sinh đạt được, loại này có tâm.

Trong này nói Hóa thân do tu đạt được, bởi vì không phải là tâm dựa vào.

Lại có hai loại:

1. Làm thân khác, loại này không có tâm.

2. Làm thân mình, loại này có tâm. Trong này nói Hóa làm thân khác, bởi vì không phải là tâm dựa vào. Nếu biến hóa thân hữu tình khác, thì nói như thân mình.

Hỏi: Hóa thân nên nói là do tâm ai mà chuyển?

Đáp: Nên nói là Hóa chủ, bởi vì tâm của Hóa chủ làm cho có biểu hiện. Nhưng Hóa thân do tu đạt được nhờ vào tâm của Hóa chủ mà chuyển, nếu Hóa thân do sinh đạt được thì nhờ vào tâm của mình mà chuyển. Trong này nói Hóa thân do tu đạt được.

Vả lại, làm thân khác thì do tâm của Hóa chủ mà chuyển, nếu làm thân mình thì do tâm của mình mà chuyển. Trong này nói Hóa làm thân khác.

Hỏi: Các Hóa thân đều diệt chẳng?

Đáp: Hóa thân do tu đạt được thì diệt, Hóa thân do sinh đạt được có diệt và không diệt, đó là lúc trời rỗng Dực-xoa... hóa làm thân mình, có sắc khác cùng khởi lên, từ đây về sau thì sắc khác cùng diệt, mà thân mình tồn tại.

Vả lại, làm thân khác thì diệt, làm thân mình thì có diệt và không diệt. Nếu biến hóa thân hữu tình khác, thì nói như thân mình.

Hỏi: Các Hóa thân đã ăn thì tiêu hóa trong bụng ai?

Đáp: Thức ăn này nếu do nhu cầu thích hợp của Hóa chủ mà ăn, thì tiêu hóa trong bụng của Hóa chủ. Nếu không phải là do nhu cầu thích hợp của Hóa chủ mà ăn, thì như cỏ cây... tự lại đặt vào một nơi. Nếu hóa làm thân hữu tình khác khiến cho ăn uống, thì tùy theo ý của Hóa chủ mà có tiêu hóa và không tiêu hóa.

Hỏi: Hóa thân do đâu mà phát ra khói-lửa...?

Đáp: Do lực của Hóa chủ, nghĩa là các Hóa chủ muốn ở nơi này sinh ra khói-sinh ra lửa, sinh ra đỉnh núi khói lửa, sinh ra ngôi nhà khói lửa, thì ở nơi này khói-lửa cùng khởi lên.

Hỏi: Vì sao Hóa thân có loại cháy, có loại không cháy? Lại vì sao có loại cháy thân-không cháy áo, cháy áo- không cháy thân, cũng cháy thân-cũng cháy áo, không cháy thân- không cháy áo?

Đáp: Do lực của Hóa chủ, nghĩa là các Hóa thân tùy theo ý mong muốn, hoặc là cháy hay là không cháy.

Như trong kinh nói: “Tôn giả Đạt-lạp-bà-mạt-la-tử, dùng lực thần

thông vút lên giữa hư không, tiến vào cảnh giới của lửa đốt cháy thân không còn tro bụi.”

Hỏi: Lúc Tôn giả ấy dùng lửa đốt thân, là trước khi Niết-bàn, hay là sau khi Niết-bàn?

Đáp: Những người nói Hóa thân có lưu lại, thì họ nói sau khi Niết-bàn lửa phát khởi đốt cháy thân, nghĩa là vị ấy đạt được tâm Định tự tại mong được diệt độ, dùng thần lực bay lên bầu trời ở giữa hư không, hóa làm giường ghế và các loại củi đốt, liền dùng nguyện lực tiến vào Định trong cảnh giới của lửa, vừa phát lửa xong thì nhập Niết-bàn, vì vậy đốt cháy thân khiến cho không có tro bụi.

Những người nói Hóa thân không có lưu lại, thì họ nói mạng chưa hết mà lửa phát khởi đốt cháy thân, nghĩa là vị ấy đạt được tâm Định tự tại, sắp sửa diệt độ dùng thần lực bay lên bầu trời tiến vào Đẳng trì thuộc lửa, làm cho thân chết từ từ, tùy theo nơi nào không có căn thì lửa phát ra đốt cháy nơi đó, cho đến cuối cùng chỉ có tâm là nơi nương tựa của mạng, như đầu mảy lông rất nhỏ mới nhập Niết-bàn thì lửa cũng tắt theo. Lượng đầu mảy lông còn lại vốn không cháy, bởi vì vi tế khó biết, cho nên nói là không có tro bụi.

Trung hữu nên nói là có Đại chủng hay là không có Đại chủng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao tiếp sau Hóa thân lại trình bày về Trung hữu?

Đáp: Là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Hóa thân và Trung hữu đều là vi tế khó có thể biết rõ ràng.

Có Sư khác nói: Hai loại này đều là do ý mà thành thân.

Có người nói: Hai loại này có nhiều người phỉ báng, đó là phái Thí Dụ nói: Hóa thân không phải là thật. Luận giả Phân Biệt bác bỏ không có Trung hữu. Trước đây trình bày về Hóa thân là thật có, nay trình bày về Trung hữu không phải là không có, vì vậy cho nên tiếp sau Hóa thân thì trình bày về Trung hữu.

Hỏi: Trung hữu nên nói là có Đại chủng hay là không có Đại chủng?

Đáp: Nên nói là có Đại chủng, bởi vì không có sắc nào hiện khởi mà tách lìa Đại chủng.

Hỏi: Trung hữu nên nói là có sắc sở tạo hay là không có sắc sở tạo?

Đáp: Nên nói là có sắc sở tạo, cõi Dục do chín Xứ thân nhiếp, cõi

Sắc do bảy Xứ thâm nhiếp, do pháp như vậy mà thành tựu thân ấy.

Hỏi: Trung hữu nên nói là có tâm hay là không có tâm?

Đáp: Nên nói là có tâm.

Hỏi: Trung hữu nên nói là do tâm ai mà chuyển?

Đáp: Nên nói là do tâm mình, bởi vì lực của tâm mình đầy khởi Biểu nghiệp. Nghĩa về Trung hữu như trong chương Kiết Uẩn nói rộng ra.

Hỏi: Thế(đời) là nói về pháp nào?

Đáp: Do tăng ngữ này mà hiển bày về Hành.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày tông chỉ của mình. Đó là phái Thí Dụ, Luận giả Phân Biệt, chấp Thế của Thế và Hành khác nhau, Thế của Hành là vô thường, Thế của Thế là thường, các Hành vô thường, Hành thường ở Thế thì như di chuyển những trái quả... trong các đồ đựng, lại như những người nhiều lần đi vào các ngôi nhà. Vì ngăn chặn ý chấp ấy để hiển bày Thế của ba đời chính là các Hành, bởi vì Hành vô thường cho nên Thế cũng vô thường. Bởi vì những duyên này cho nên soạn ra phần luận này. Nghĩa về ba đời cũng như trong chương Kiết Uẩn nói rộng ra.

Hỏi: Kiếp là nói về pháp nào?

Đáp: Do tăng ngữ này mà hiển bày về nửa tháng-một tháng-một mùa-một năm.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì giải thích về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: “Có một Tỳ kheo đi đến nơi Đức Phật, đánh lễ dưới hai chân Đức Phật rồi lùi về đứng một phía, thưa với Đức Thế Tôn rằng: Đức Phật luôn luôn nói đến kiếp, kiếp này là số lượng thế nào? Đức Phật nói: Này Tỳ kheo! Lượng của kiếp lâu dài không phải là những số trăm năm-ngàn năm... mà có thể biết được. Tỳ kheo lại thưa: Có thí dụ hay không? Đức Thế Tôn nói: Có, nay Ta sẽ nói cho ông biết, như gần bên thành ấp có ngọn núi toàn là đá, lượng dài-rộng-cao đều một Du-thiện-na, dùng tư mìn Ca-thi cứ một trăm năm lướt qua một lần, núi đã mất đi mà kiếp này chưa hết. Tỳ kheo nên biết! Các ông suốt đời trải qua vô lượng trăm ngàn kiếp số này, ở trong nẻo địa ngục-bàng sinh-ngạ quỷ và trong loài người-trời, nhận chịu những khổ đau ác liệt, xoay vòng trong sinh tử không có hạn kỳ chấm dứt, sao có thể an nhiên không mong cầu giải thoát?”

Kinh ấy chính là nơi nương tựa của luận này, kinh tuy nói về kiếp

nhưng chưa phân biệt về Thể của kiếp là gì, nay muốn phân biệt cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao chỉ nói nửa tháng-một tháng-một mùa-một năm làm kiếp, mà không nói Sát-na, Lạp-phước, Mậu-hô-lật-đa, ngày đêm để làm kiếp?

Đáp: Phải nói mà không nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này nêu ra thô thu nhiếp tế, nghĩa là Sát-na... là tế, nửa tháng-một tháng... là thô, nếu nói đến thô thì nên biết là đã nói về tế, bởi vì tích nhiều thời gian tế làm thành thời gian thô.

Có người nói: Trong này nêu ra gần thu nhiếp xa, nghĩa là kiếp gần là do nửa tháng... mà thành, nửa tháng... lại là do Sát-na... mà thành, cho nên nói đến thời gian gần thì cũng đã nói đến thời gian xa.

Hỏi: Thể của kiếp là gì?

Đáp: Có người nói: Là Sắc xứ. Vì sao biết như vậy? Bởi vì như luận Thi Thiết nói: “Lúc kiếp bắt đầu thì thân con người có ánh sáng luôn luôn soi chiếu, vì tham mùi vị cho nên ánh sáng mất đi, bóng tối sinh ra. Thế là ở phía Đông có vầng mặt trời mọc lên, ánh sáng soi chiếu rõ ràng, giống như trước đây soi chiếu, trông thấy rồi vui mừng nói: Ánh sáng của trời đã đến! Bởi vì ánh sáng của trời đã đến cho nên gọi là ngày. Trong chốc lát thì vầng mặt trời lặn xuống phía Tây, bóng tối sinh ra như trước, trông thấy rồi than thở rằng: ánh sáng của trời đã mất! Bởi vì ánh sáng của trời đã mất cho nên gọi là đêm.” Vì vậy chứng minh biết Thể của kiếp là sắc, bởi vì Thể của kiếp đều tích nhiều ngày đêm mà thành.

Nói như vậy thì phần vị ngày đêm..., tất cả đều là năm uẩn sinh diệt, lấy năm uẩn này làm thành kiếp, Thể của kiếp cũng như vậy. Nhưng kiếp đã gồm chung thời gian của ba cõi, cho nên dùng năm uẩn-bốn uẩn làm tánh.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cố.

Hỏi: Vì sao gọi là kiếp, kiếp là nghĩa gì?

Đáp: Phân biệt về mức độ thời gian(thời phần) cho nên gọi là kiếp, nghĩa là phân biệt mức độ thời gian Sát-na, Lạp-phước, Mậu-hô-lật-đa để thành ngày đêm; phân biệt mức độ thời gian ngày đêm để thành nửa tháng-tháng-mùa-năm; phân biệt mức độ thời gian nửa tháng... để thành kiếp. Bởi vì kiếp là cuối cùng trong sự phân biệt về mức độ thời gian, cho nên mang lấy tên gọi chung.

Phái Thanh Luận nói: Phân biệt về phần vị cho nên nói tên gọi

là kiếp. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì kiếp là phần vị cuối cùng trong sự phân biệt về Hành hữu vi.

Kiếp có ba loại:

1. Kiếp trung gian.
2. Kiếp thành hoại.
3. Đại kiếp.

Kiếp trung gian lại có ba loại:

1. Kiếp giảm.
2. Kiếp tăng.
3. Kiếp tăng giảm.

Giảm là từ lúc con người sống thọ vô lượng tuổi, giảm đến lúc còn lại mười tuổi. Tăng là từ lúc con người sống thọ mười tuổi, tăng lên đến tám vạn tuổi. Tăng-giảm là từ lúc con người sống thọ mười tuổi tăng lên đến tám vạn tuổi, lại từ tám vạn tuổi giảm xuống còn lại mười tuổi. Trong này, một giảm-một tăng-mười tám tăng giảm, có hai mươi kiếp trung gian. Trải qua hai mươi Trung kiếp thế gian thành lập, hai mươi Trung kiếp Thành rồi Trú, ở đây hợp lại gọi là kiếp Thành. Trải qua hai mươi Trung kiếp thế gian hủy hoại, hai mươi Trung kiếp Hoại rồi Không, ở đây hợp lại gọi là kiếp Hoại. Tổng cộng tám mươi Trung kiếp, hợp lại gọi là Đại kiếp. Hai mươi Trung kiếp trong Thành rồi Trú, một kiếp đầu chỉ có giảm, một kiếp sau chỉ có tăng, mười tám kiếp trung gian cũng tăng cũng giảm.

Hỏi: Ba kiếp này thì kiếp nào lâu nhất?

Đáp: Có người nói: Kiếp giảm là lâu nhất, kiếp tăng là trung bình, kiếp tăng-giảm ngắn nhất. Nghĩa là lúc thân có ánh sáng mà trải qua thời gian lâu dài, không phải là ánh sáng của thân mất đi, cho đến bây giờ; lúc ăn vị của đất mà trải qua thời gian lâu dài, không phải là vị của đất mất đi, cho đến bây giờ; lúc ăn bánh của đất mà trải qua thời gian lâu dài, không phải là bánh của đất không còn, cho đến bây giờ; lúc ăn dây leo trong rừng mà trải qua thời gian lâu dài, không phải là từ đó không còn, cho đến bây giờ; lúc ăn thóc lúa tự nhiên mà trải qua thời gian lâu dài, không phải là từ đó không còn, cho đến bây giờ. Vì vậy thời gian của kiếp giảm này là lâu nhất.

Nói như vậy thì kiếp đầu giảm, kiếp sau tăng, mười tám kiếp trung gian, mức lượng của hai mươi kiếp này đều bằng nhau. Vào lúc chỉ có giảm thì Phật xuất hiện giữa thế gian, vào lúc chỉ có tăng thì Luân Vương xuất hiện giữa thế gian, vào lúc tăng-giảm thì Độc Giác xuất hiện giữa thế gian.

Hỏi: Luận Thi Thiết nói: “Loài người trong bốn châu dựa vào mặt trời-mặt trăng để phân rõ ngày và đêm.” Trời cỡi Dục thì ngày và đêm làm sao biết được?

Đáp: Nhờ vào tướng cho nên biết, nghĩa là trên cỡi trời ấy nếu vào lúc hoa Bát-đặc-ma khép lại, hoa Ôn-bát-la nở ra, các loài chim ít hót, gió mát nhanh chóng khởi lên, ít thích dạo chơi, phần nhiều ưa ngủ nghỉ, nên biết lúc bấy giờ nói tên gọi là đêm. Nếu vào lúc hoa Ôn-bát-la khép lại, hoa Bát-đặc-ma nở ra, các loài chim cùng hót vang, gió nhẹ từ từ khởi lên, phần nhiều thích dạo chơi, ít muốn ngủ nghỉ, nên biết lúc bấy giờ nói tên gọi là ngày.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 136

LUẬN VỀ CỤ KIẾN (Phần 3)

Hỏi: Tâm thuộc phần Khởi-Trú-Diệt là nói về pháp nào?

Đáp: Do tăng ngữ này mà hiển bày về Sát-na, Lạp-phước, Mâu-hô-lật-đa.

Hỏi: Điều này thuận theo trước nói về nửa tháng... Nguyên cơ thế nào? Bởi vì Sát-na... tích lại thành ngày đêm, ngày đêm tích lại thành nửa tháng-một tháng..., nửa tháng-một tháng... tích lại thành kiếp. Vì sao trước nói về thô, sau nói đến tế?

Đáp: Bởi vì đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra.

Có người đưa ra cách nói này: A-tỳ-đạt-ma nên dùng tướng để mong cầu chứ không dùng trước-sau, nhưng không trái với pháp tướng, tùy theo cách nói không có gì sai.

Có Sư khác nói: Trong phần luận này trước nói về thô-sau nói đến tế, bởi vì khiến cho những người học dần dần tiến vào. Trong này, phần Khởi gọi là Sinh, phần Trú gọi là Lão, phần Diệt gọi là Vô thường. Pháp hữu vi có ba phạm vi như nhau (phần tề), đó là Thời-Sắc-Danh. Thời ít nhất, đó là một Sát-na. Sắc ít nhất, đó là một Cực-vi. Danh ít nhất, đó là dựa vào một chữ. Tích tụ như vậy để làm cho phạm vi như nhau nhiều dần lên. Phạm vi như nhau, như chương Tạp Uẩn đã nói.

Hỏi: Mức lượng Sát-na ấy làm sao có thể biết?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Luận Thi Thiết nói: “Như lúc người nữ đứng tuổi dẹt tơ lụa, giữ lông mịn không dài-không ngắn, như vậy nói là mức lượng Đát-sát-na. Người ấy không cần phải nói sợi tơ ngắn hay dài, chỉ nói lông tơ từ trong ngón tay đưa ra, tùy theo mức lượng đã đưa ra là Đát-sát-na.”

Hỏi: Trước hỏi về Sát-na, vì sao lại dẫn luận Thi Thiết nói đến

mức lượng Đất-sát-na?

Đáp: Trong này nêu ra thô để hiển bày cho tế, bởi vì tế khó biết cho nên không có thể hiển bày. Nghĩa là một trăm hai mươi Sát-na thành một Đất-sát-na, sáu mươi Đất-sát-na thành một Lạp-phước, đơn vị này có bảy ngàn hai trăm Sát-na. Ba mươi Lạp-phước thành một Mâu-hô-lật-đa, đơn vị này có hai trăm mười sáu ngàn Sát-na. Ba mươi Mâu-hô-lật-đa thành một ngày đêm, đơn vị này có thiếu đi hai mươi, không tròn số sáu mươi lăm trăm ngàn Sát-na. Thân năm uẩn này trong một ngày một đêm, trải qua vô thường sinh diệt với số lượng như vậy.

Có người nói: Đây là thô chứ không phải là mức lượng Sát-na, như nghĩa của tôi thì như khoảng thời gian bặt ngón tay của tráng sĩ trải qua sáu mươi bốn Sát-na.

Có người nói: Không phải như vậy, như nghĩa của tôi thì như hai người khỏe mạnh kéo đứt rất nhiều sợi tơ mịn Ca-thi, tùy theo bao nhiêu sợi tơ mịn đứt lia thì trải qua bấy nhiêu Sát-na.

Có người nói: Không phải như vậy, như nghĩa của tôi thì như hai người khỏe mạnh nắm giữ rất nhiều sợi tơ mịn Ca-thi, có một tráng sĩ dùng trăm lưỡi dao luyện cứng của nước Chí-na nhanh chóng mà cắt đứt, tùy theo bao nhiêu sợi tơ mịn đứt lia thì trải qua bấy nhiêu Sát-na.

Có người nói: Vẫn còn thô chứ không phải là mức lượng Sát-na, mức lượng Sát-na thật sự thì Đức Thế Tôn không nói đến, vì sao biết như vậy? Bởi vì như trong kinh nói: “Có một Tỳ kheo đi đến nơi Đức Phật, đánh lễ dưới hai chân Đức Phật rồi lùi về đứng ở một phía, thưa với Đức Thế Tôn rằng: Hành của Thọ (thọ mạng) sinh diệt nhanh chóng như thế nào? Đức Phật nói: Ta có thể nói ra điều ấy, nhưng ông không có thể biết được. Tỳ kheo thưa rằng: Có thể có thí dụ để có thể biểu hiện rõ ràng hay không? Đức Phật nói: Có, nay Ta sẽ nói cho ông biết, ví như bốn người có sở trường về bắn cung, tất cả đều cầm cung tên, xoay lưng đứng tựa vào nhau sắp bắn về bốn phía, có một người nhanh chóng đi đến nói rằng: Bây giờ các ông có thể cùng một lúc phóng tên, tôi có thể đón lấy tất cả, khiến cho tất cả không rơi xuống đất, ý ông nghĩ thế nào, điều này nhanh chóng hay không? Tỳ kheo thưa với Đức Phật: Rất nhanh, thưa Đức Thế Tôn! Đức Phật nói: Người ấy nhanh chóng không bằng Dục-xoa đi trên mặt đất, Dục-xoa đi trên mặt đất nhanh chóng không bằng Dục-xoa đi giữa hư không, Dục-xoa đi giữa hư không nhanh chóng không bằng trời Tứ Đại Vương Chúng, trời ấy nhanh chóng không bằng mặt trời-mặt trăng, mặt trời-mặt trăng nhanh chóng không bằng Thiên tử Kiên Hành, đây là vị trời hưởng dẫn chỉ

đường cho chuyên xe mặt trời-mặt trăng. Chư Thiên như vậy lần lượt xoay chuyển nhanh chóng, Hành của Thọ sinh diệt nhanh chóng hơn thế, lưu chuyển trong từng Sát-na không có tạm dừng.”

Vì vậy cho nên biết Đức Thế Tôn không nói đến mức lượng Sát-na thật sự.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn không nói cho người khác biết về mức lượng Sát-na thật sự?

Đáp: Bởi vì không có hữu tình nào có thể biết được điều ấy.

Hỏi: Lẽ nào Xá-lợi-tử cũng không biết hay sao?

Đáp: Vị ấy tuy có thể biết được nhưng mà không có tác dụng đối với vị ấy, cho nên không nói đến, bởi vì Đức Phật không bao giờ thuyết pháp trống không.

Một năm có mười hai tháng, ngày đêm tăng giảm tóm lược làm thành hai Thời, bởi vì giảm và tăng đều có sáu tháng. Nhưng ngày và đêm tăng giảm trái ngược nhau, tuy đều là hai Thời mà không có bốn phần vị. Ngày đêm tăng giảm đều có một Lạp-phước, tháng thì đều có một Mâu-hô-lật-đa. Ba mươi Mâu-hô-lật-đa thành một ngày đêm, ở trong ngày đêm nhiều ít có bốn loại không giống nhau, phần vị tăng lên dài nhất không quá mười tám, phần vị giảm xuống ngắn nhất chỉ có mười hai, phần vị ngày đêm dừng lại đều có mười lăm. Nghĩa là ngày thứ tám thuộc nửa sáng(bạch bán) của tháng Yết-lật-để-ca (tháng 1), ngày đêm đều có mười lăm Mâu-hô-lật-đa, từ đây về sau ngày giảm-đêm tăng đều một Lạp-phước. Đến ngày thứ tám thuộc nửa sáng của tháng Mạt-già-thỉ-la (tháng 2), đêm có mười sáu Mâu-hô-lật-đa, ngày có mười bốn. Đến ngày thứ tám thuộc nửa sáng của tháng Báo-sa (tháng 3), đêm có mười bảy, ngày có mười ba. Đến ngày thứ tám thuộc nửa sáng của tháng Ma-già (tháng 4), đêm có mười tám, ngày có mười hai, từ đây về sau đêm giảm-ngày tăng đều một Lạp-phước. Đến ngày thứ tám thuộc nửa sáng của tháng Pha-lặc-lũ-na (tháng 5), đêm có mười bảy, ngày có mười ba. Đến ngày thứ tám thuộc nửa sáng của tháng Chế-đát-la (tháng 6), đêm có mười sáu, ngày có mười bốn. Đến ngày thứ tám thuộc nửa sáng của tháng Phệ-xá-khư (tháng 7), ngày-đêm đều có mười lăm, từ đây về sau đêm giảm-ngày tăng đều một Lạp-phước. Đến ngày thứ tám thuộc nửa sáng của tháng Thệ-sất-trĩ (tháng 8), đêm có mười bốn, ngày có mười sáu. Đến ngày thứ tám thuộc nửa sáng của tháng A-sa-đồ (tháng 9), đêm có mười ba, ngày có mười bảy. Đến ngày thứ tám thuộc nửa sáng của tháng Thất-la-phiệt-noa (tháng 10), đêm có mười hai, ngày có mười tám, từ đây về sau ngày giảm-đêm tăng đều

một Lạp-phước. Đến ngày thứ tám thuộc nửa sáng của tháng Bà-đạt-la-bát-đà (tháng 11), đêm có mười ba, ngày có mười bảy. Đến ngày thứ tám thuộc nửa sáng của tháng A-thấp-phước-dữ-xà (tháng 12), đêm có mười bốn, ngày có mười sáu. Như vậy lại đến ngày thứ tám thuộc nửa sáng của tháng Yết-lật-đề-ca (tháng 1), ngày - đêm dừng lại bằng nhau, đây gọi là nói tóm lược về phạm vi như nhau của Thời.

Hỏi: Mức lượng Cực-vi ấy lại làm sao biết được?

Đáp: Nên biết Cực-vi là sắc nhỏ nhất, không có thể cắt đứt-phá hoại-xuyên qua, không có thể lấy bỏ-đi lại-nắm kéo, không phải là dài-không phải là ngắn, không phải là vuông-không phải là tròn, không phải là thẳng-không phải là cong, không phải là cao-không phải là thấp, không có phần nhỏ, không có thể phân tích, không có thể nhìn thấy, không có thể nghe thấy, không có thể ngửi nếm, không có thể sờ mó, cho nên nói Cực-vi là sắc nhỏ nhất. Bảy Cực-vi này thành một Vi trần, là sắc vi tế nhất trong sắc do Nhãn-Nhãn thức đã giữ lấy, sắc này chỉ có ba loại mắt nhìn thấy:

1. Mắt của chư Thiên.
2. Mắt của Chuyển Luân Vương.
3. Mắt của Bồ-tát trú trong thân cuối cùng.

Bảy Vi trần thành một Đồng trần.

Có người nói: Bảy Vi trần thành một Thủy trần, bảy Đồng trần thành một Thủy trần.

Có người nói: Bảy Vi trần thành một Đồng trần, bảy Thủy trần thành một Thổ hào (lông thỏ) trần.

Có người nói: Bảy Đồng trần thành một Thổ hào trần, bảy Thổ hào trần thành một Dương mao (lông dê) trần, bảy Dương mao trần thành một Ngưu mao (lông trâu) trần, bảy Ngưu mao trần thành một Hương du trần, bảy Hương du trần thành một Kỉ (trứng rắn), bảy Kỉ thành một Sắt (con rắn), bảy Sắt thành một Quảng mạch (hạt lúa), bảy Quảng mạch thành một đốt ngón tay, hai mươi bốn đốt ngón tay thành một khuỷu tay, bốn khuỷu tay là một Cung (5 thước), cách thôn năm trăm Cung gọi là chốn A-luyện-nhã, từ đây trở đi gọi là nơi Biên viễn (xa xôi hẻo lánh), tức là năm trăm Cung thành một Câu-lô-xá của nước Ma-kiệt-đà, thành nửa Câu-lô-xá của phương Bắc. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì nước Ma-kiệt-đà đất đai bằng phẳng, cách thôn tuy gần mà không nghe tiếng; phương Bắc cao thấp tuy xa mà vẫn còn nghe tiếng vang đến, vì vậy Câu-lô-xá của phương Bắc lớn hơn. Tám Câu-lô-xá thành một Du-thiện-na.

Người châu Thiệm Bộ thân cao ba khuỷu tay rưỡi, hoặc là có người cao hơn. Người châu Tỳ-đề-ha thân cao tám khuỷu tay. Người châu Cù-đà-ni thân cao mười sáu khuỷu tay. Người châu Câu-lô thân cao ba mươi hai khuỷu tay. Trời Tứ Đại Vương Chúng thân cao một phần tư Câu-lô-xá. Trời Tam Thập Tam thân cao nửa Câu-lô-xá. Thiên Đế Thích thân cao một Câu-lô-xá. Trời Dạ Ma thân cao ba phần tư Câu-lô-xá. Trời Đổ-sử-đa thân cao một Câu-lô-xá. Trời Lạc Biến Hóa thân cao một Câu-lô-xá, và một phần tư Câu-lô-xá. Trời Tha Hóa Tự Tại thân cao nửa Câu-lô-xá. Trời Phạm Chúng thân cao nửa Du-thiện-na. Trời Phạm Phụ thân cao một Du-thiện-na. Trời Đại Phạm thân cao một Du-thiện-na rưỡi. Trời Thiểu Quang thân cao hai Du-thiện-na. Trời Vô Lượng Quang thân cao bốn Du-thiện-na. Trời Cực Quang Tịnh thân cao tám Du-thiện-na. Trời Thiểu Tịnh thân cao mười sáu Du-thiện-na. Trời Vô Lượng Tịnh thân cao ba mươi hai Du-thiện-na. Trời Biến Tịnh thân cao sáu mươi bốn Du-thiện-na. Trời Vô Vân thân cao một trăm hai mươi lăm Du-thiện-na. Trời Phước Sinh thân cao hai trăm năm mươi Du-thiện-na. Trời Quảng Quả thân cao năm trăm Du-thiện-na. Trời Vô Tướng thân cao cũng như vậy. Trời Vô Phiền thân cao một ngàn Du-thiện-na. Trời Vô Nhiệt thân cao hai ngàn Du-thiện-na. Trời Thiện Hiện thân cao bốn ngàn Du-thiện-na. Trời Thiện Kiến thân cao tám ngàn Du-thiện-na. Trời A-ca-nhi-sất-trĩ thân cao mười sáu ngàn Du-thiện-na. Như vậy gọi là phạm vi như nhau của Sắc.

Có thể có pháp do bốn duyên sinh ra chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn cách nói là duyên không có thật, ý hiển bày về tánh của các duyên đều là có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Pháp từ duyên sinh ra có ba loại:

1. Sắc.
2. Tâm tâm sở pháp.
3. Tâm bất tương ưng hành.

Sắc lại có ba loại, đó là thiện- nhiễm ô và vô phú vô ký. Tâm-tâm sở pháp, tâm bất tương ưng hành cũng như vậy.

Trong này, sắc thiện và dị thực vốn không thâu nhiếp.

Lúc sắc vô phú vô ký sinh ra, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với sắc này, một duyên là Tăng thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Đồng loại. Lúc sắc này diệt đi, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với sắc này, một duyên

là Tăng thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Câu hữu.

Lúc sắc nhiễm ô sinh ra, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với sắc này, một duyên là Tăng thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Đồng loại-nhân Biến hành. Lúc sắc này diệt đi, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với sắc này, một duyên là Tăng thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Câu hữu.

Lúc sắc dị thực sinh ra, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với sắc này, một duyên là Tăng thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Đồng loại-nhân Dị thực. Lúc sắc này diệt đi, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với sắc này, một duyên là Tăng thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Câu hữu.

Tâm-tâm sở pháp thiện và dị thực vốn không thâm nhiếp.

Lúc tâm-tâm sở pháp vô phú vô ký sinh ra, hai duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, hai duyên là Tăng thượng và Đăng vô gián, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Đồng loại. Lúc pháp này diệt đi, hai duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, hai duyên là Tăng thượng và Sở duyên, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Câu hữu-nhân Tương ứng.

Lúc tâm-tâm sở pháp nhiễm ô sinh ra, hai duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, hai duyên là Tăng thượng và Đăng vô gián, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Đồng loại- nhân Biến hành. Lúc pháp này diệt đi, hai duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, hai duyên là Tăng thượng và Sở duyên, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Câu hữu-nhân Tương ứng.

Lúc tâm-tâm sở pháp dị thực sinh ra, hai duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, hai duyên là Tăng thượng và Đăng vô gián, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Đồng loại-nhân Dị thực. Lúc pháp này diệt đi, hai duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, hai duyên là Tăng thượng và Sở duyên, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Câu hữu-nhân Tương ứng.

Lúc Đăng chí Vô tướng-Đăng chí Diệt tận trong tâm thiện bất tương ứng hành sinh ra, hai duyên và phần ít của một duyên có tác dụng

đối với pháp này, hai duyên là Tăng thượng và Đẳng vô gián, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Đồng loại. Lúc pháp này diệt đi, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, một duyên là Tăng thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Câu hữu.

Thiện và dị thực còn lại vốn không thâm nhiếp.

Lúc tâm vô phú vô ký bất tương ưng hành sinh ra, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, một duyên là Tăng thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Đồng loại. Lúc pháp này diệt đi, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, một duyên là Tăng thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Câu hữu.

Lúc tâm nhiễm ô bất tương ưng hành sinh ra, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, một duyên là Tăng thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Đồng loại-nhân Biến hành. Lúc pháp này diệt đi, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, một duyên là Tăng thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Câu hữu.

Lúc tâm dị thực bất tương ưng hành sinh ra, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, một duyên là tăng Thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Đồng loại-nhân Dị thực. Lúc pháp này diệt đi, một duyên và phần ít của một duyên có tác dụng đối với pháp này, một duyên là Tăng thượng, phần ít của một duyên là Nhân duyên, tức là nhân Câu hữu.

Đây gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược ở nơi này.

Hỏi: Có thể có pháp do bốn duyên sinh ra chăng?

Đáp: Có, đó là tất cả tâm-tâm sở pháp.

Hỏi: Lúc pháp này sinh ra, chỉ do hai duyên rười có tác dụng đối với pháp này, vì sao lại nói là do bốn duyên sinh ra?

Đáp: Phần vị sinh-phần vị diệt hợp lại nói là bốn duyên, bởi vì khởi lên chưa hẳn đã diệt đi, cho nên gọi chung là sinh.

Hỏi: Lúc sinh-lúc diệt đều có hai duyên rười, nếu hợp lại mà nói thì phải có năm duyên, vì sao nói là bốn?

Đáp: Bởi vì dựa vào chủng loại mà nói không vượt quá bốn, nghĩa là một duyên chỉ có tác dụng đối với lúc sinh ra, một duyên chỉ có tác dụng đối với lúc diệt đi, hai duyên cùng có tác dụng đối với hai lúc, cho nên hợp lại nói là bốn.

Hỏi: Có thể có pháp do ba duyên sinh ra chăng?

Đáp: Có, đó là Đẳng chí Vô tướng và Đẳng chí Diệt tận.

Hỏi: Lúc pháp này sinh ra, chỉ do hai duyên rười có tác dụng đối với pháp này, vì sao lại nói là do ba duyên sinh ra?

Đáp: Phần vị sinh-phần vị diệt hợp lại nói là ba duyên, bởi vì khởi lên chưa hẳn đã diệt đi, cho nên gọi chung là sinh.

Hỏi: Pháp này vào lúc sinh có hai duyên rười, lúc diệt có một duyên rười, nếu hợp lại mà nói thì phải có bốn duyên, vì sao nói là ba?

Đáp: Bởi vì dựa vào chủng loại mà nói không vượt quá ba, nghĩa là một duyên chỉ có tác dụng đối với lúc sinh ra, hai duyên cùng có tác dụng đối với hai lúc, cho nên hợp lại nói là ba.

Hỏi: Có thể có pháp do hai duyên sinh ra chăng?

Đáp: Có, đó là trừ ra Đẳng chí Vô tướng-Diệt tận, còn lại các tâm bất tương ưng hành và tất cả các sắc.

Hỏi: Lúc pháp này sinh ra, chỉ do một duyên rười có tác dụng đối với pháp này, vì sao lại nói là do hai duyên sinh ra?

Đáp: Phần vị sinh- phần vị diệt hợp lại nói là hai duyên, bởi vì khởi lên chưa hẳn đã diệt đi, cho nên gọi chung là sinh.

Hỏi: Pháp này vào lúc sinh có một duyên rười, lúc diệt có một duyên rười, phải có ba duyên, vì sao nói là hai?

Đáp: Bởi vì dựa vào chủng loại mà nói không vượt quá hai, nghĩa là hai duyên cùng có tác dụng đối với lúc sinh- lúc diệt.

Hỏi: Có thể có pháp do một duyên sinh ra chăng?

Đáp: Không có. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì các pháp hữu vi là tánh yếu kém, không tự dựa vào mình, phải dựa vào nơi khác, không có tác dụng, không tự tại. Pháp hữu vi ấy là pháp vô cùng ít ỏi, đó là một Sát-na, một Cực-vi. Phần vị sinh- phần vị diệt của pháp trừ ra tự Thể của nó, còn lại tất cả các pháp làm duyên Tăng thượng, ở trong phần vị diệt thì sinh... là nhân Câu hữu của nó, cho nên nói là Nhân duyên. Vì vậy, chắc chắn không có pháp nào do một duyên sinh ra.

Trong này, Nhân duyên thâm nhiếp tất cả các pháp hữu vi; Đẳng vô gián duyên thâm nhiếp quá khứ- hiện tại, trừ ra tụ tâm cuối cùng của A-la-hán, còn lại tâm-tâm sở pháp; Sở duyên duyên-Tăng thượng duyên thâm nhiếp tất cả các pháp. Lại nữa, Nhân duyên thâm nhiếp năm uẩn, Đẳng vô gián duyên thâm nhiếp phần ít của bốn uẩn Vô sắc, Sở duyên duyên-Tăng thượng duyên thâm nhiếp năm uẩn và không phải uẩn. Lại nữa, Nhân duyên thâm nhiếp ba đời, Đẳng vô gián duyên thâm nhiếp phần ít của hai đời, Sở duyên duyên-Tăng thượng duyên thâm nhiếp ba đời và không phải đời.

Hỏi: Bốn duyên như vậy thì duyên nào mạnh-duyên nào kém?

Đáp: Có người nói: Nhân duyên là mạnh, duyên còn lại là kém, bởi vì Nhân tăng trưởng mà có sinh diệt.

Có người nói: Đẳng vô gián duyên là mạnh, duyên còn lại là kém, bởi vì có năng lực mở toang cánh cửa của Thánh đạo.

Có người nói: Sở duyên duyên là mạnh, duyên còn lại là kém, bởi vì làm nơi nương tựa cho các tâm-tâm sở.

Có người nói: Tăng thượng duyên là mạnh, duyên còn lại là kém, bởi vì các pháp sinh diệt đều không ngăn cản.

Nói như vậy thì đều là mạnh- đều là kém, bởi vì có công năng sai biệt.

Hỏi: Để cùng với Nhãn trí làm Sở duyên duyên, đối với ba Thừa thì pháp nào là tự mình hơn hẳn?

Đáp: Không có pháp nào tự mình hơn hẳn riêng biệt, như những nhúm đậu không khác, nhưng bởi vì Nhãn trí có Thượng-Trung-Hạ, cho nên thi thiết Sở duyên có ba loại sai biệt. Như ba lực sĩ bắn vào tấm bia cứng, Ma-ha-nặc-kiện-na bắn trúng mà không phá vỡ, mũi tên của Bát-la-tắc-kiến-đề phá vỡ mà không vượt qua, mũi tên của Na-la-diên phá vỡ rồi cứ thế vượt qua còn xuyên thủng vật khác. Không phải là tấm bia ấy có cứng mềm khác nhau, nhưng bởi vì thế lực của người bắn không như nhau, cho nên nói tấm bia cũng có sai biệt.

Hỏi: Vì thiếu duyên nào cho nên liền nhập Niết-bàn?

Đáp: Có người nói: Nhân duyên, bởi vì lưu chuyển do lực của Nhân duyên, Nhân duyên đoạn cho nên sinh tử liền đoạn.

Có người nói: Đẳng vô gián duyên, bởi vì tâm sau cùng của A-la-hán không nối tiếp, cho nên sẽ Niết-bàn.

Có người nói: Sở duyên duyên, bởi vì các Trí cảnh (nhĩ diệm) không khởi lên tâm-tâm sở pháp sau cùng này, cho nên sẽ Niết-bàn.

Có người nói: Tăng thượng duyên, bởi vì tâm cuối cùng của A-la-hán về sau không có gì không chướng ngại, cho nên sẽ đoạn tuyệt.

Nói như vậy thì bởi vì thiếu hụt bốn duyên mà nhập Niết-bàn. Bởi vì lúc Niết-bàn thì bốn duyên thuộc về pháp, đối với sự nối tiếp nhau ấy cũng không có tác dụng, cho nên liền nhập Niết-bàn.

Thế nào là pháp tương ứng với nhân? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn ngăn chặn người ngu muội đối với pháp tương ứng, chấp Thể của pháp tương ứng không phải là có thật, để hiển bày về Thể của pháp tương ứng là có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Ở trong nghĩa này có người đưa ra cách nói này: Trong này chỉ dựa vào một nhân mà soạn luận, đó là nhân Tương ứng. Bởi vì trong này nói đến tương ứng, cho nên dựa vào ý nghĩa ấy để giải thích văn này.

Hỏi: Thế nào là pháp tương ứng với nhân?

Đáp: Tất cả tâm- tâm sở pháp. Đây là pháp thuộc tự Thể của nhân Tương ứng, tương ứng với pháp thuộc tự Thể của nhân Tương ứng, cho nên gọi là nhân Tương ứng.

Hỏi: Thế nào là pháp không tương ứng với nhân?

Đáp: Đó là sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành.

Hỏi: Sắc... đã không phải là tự Thể của nhân Tương ứng, làm sao lại nói là không tương ứng với nhân?

Đáp: Sắc... tuy không phải là tự Thể của nhân Tương ứng, mà không tương ứng với tự Thể của nhân Tương ứng, cho nên nói là không tương ứng với nhân, điều ấy có gì sai?

Hỏi: Thế nào là pháp tương ứng với nhân-không tương ứng với nhân?

Đáp: Tức là tâm- tâm sở pháp, phần ít tương ứng với nhân, phần ít không tương ứng với nhân. Phần ít tương ứng với nhân, đó là tự mình đối với nơi khác. Phần ít không tương ứng với nhân, đó là tự mình đối với tự mình.

Hỏi: Thế nào là pháp không phải là tương ứng với nhân-không phải là không tương ứng với nhân?

Đáp: Tức là tâm- tâm sở pháp, phần ít không phải là tương ứng với nhân, phần ít không phải là không tương ứng với nhân. Phần ít không phải là tương ứng với nhân, đó là tự mình đối với tự mình. Phần ít không phải là không tương ứng với nhân, đó là tự mình đối với nơi khác.

Có người nói: Trong này dựa vào hai nhân mà soạn luận, đó là nhân Tương ứng-nhân Câu hữu, bởi vì hai nhân này luôn luôn cùng với pháp ấy không tách lìa nhau.

Có người nói: Trong này dựa vào ba nhân mà soạn luận, đó là nhân Tương ứng-nhân Câu hữu và nhân Đồng loại, bởi vì ba nhân này gồm chung ba tánh.

Có người nói: Trong này dựa vào bốn nhân mà soạn luận, đó là trừ ra nhân Đồng loại và nhân Biến hành, bởi vì bốn nhân này gồm chung ba đời.

Có người nói: Trong này dựa vào năm nhân mà soạn luận, trừ ra nhân Năng tác, bởi vì gồm chung vô vi chứ không phải là tự mình hơn hẳn.

Có người nói: Trong này dựa vào sáu nhân mà soạn luận, bởi vì nhân đã nói ở đây là nói chung.

Nhưng pháp tương ứng, hoặc có lúc cùng làm tự Thể của sáu nhân, hoặc có lúc chỉ làm tự Thể của năm nhân, hoặc có lúc chỉ làm tự Thể của bốn nhân. Những pháp nào cùng làm tự Thể của sáu nhân? Đó là tâm-tâm sở pháp biến hành bất thiện. Những pháp nào chỉ làm tự Thể của năm nhân? Đó là tâm- tâm sở pháp phi biến hành bất thiện, hoặc là tâm- tâm sở pháp biến hành hữu phú vô ký, hoặc là tâm-tâm sở pháp hữu lậu thiện. Những pháp nào chỉ làm tự Thể của bốn nhân? Đó là tâm- tâm sở pháp phi biến hành hữu phú vô ký, hoặc là tâm-tâm sở pháp vô phú vô ký, hoặc là tâm- tâm sở pháp vô lậu. Dựa vào ý nghĩa ấy để giải thích văn này.

Hỏi: Thế nào là pháp tương ứng với nhân?

Đáp: Tất cả tâm-tâm sở pháp, đó là pháp thuộc tự Thể của sáu nhân, tương ứng với pháp thuộc tự Thể của sáu nhân; pháp thuộc tự Thể của năm nhân, tương ứng với pháp thuộc tự Thể của năm nhân; pháp thuộc tự Thể của bốn nhân, tương ứng với pháp thuộc tự Thể của bốn nhân; cho nên gọi là tương ứng với nhân. Ba loại sau hỏi- đáp dựa theo trước nên biết.

Thế nào là duyên với pháp có duyên? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn ngăn chặn người ngu muội đối với tánh của Sở duyên duyên, chấp Sở duyên duyên không phải là pháp có thật, ý hiển bày về Thể của Sở duyên duyên là có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là duyên với pháp có duyên?

Đáp: Nếu Ý thức cùng pháp tương ứng, duyên với tâm-tâm sở pháp. Bởi vì pháp có sở duyên làm sở duyên cho pháp này, cho nên nói pháp này là duyên với pháp có duyên. Như người mắt sáng nhìn thấy người mắt sáng, người mắt sáng ấy lại có những điều nhìn thấy; duyên với pháp có duyên, nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là duyên với pháp không có duyên?

Đáp: Năm Thức thân cùng pháp tương ứng, nếu Ý thức và pháp tương ứng, duyên với sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành. Bởi vì pháp không có sở duyên làm sở duyên cho pháp này, cho nên nói pháp này là duyên với pháp không có duyên. Như người mắt sáng nhìn thấy người mù lòa, người mù lòa ấy lại không có điều gì nhìn thấy; duyên với pháp không có duyên, nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là duyên với pháp có duyên-duyên với pháp không có duyên?

Đáp: Nếu Ý thức cùng pháp tương ứng, duyên với tâm-tâm sở pháp và sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành. Bởi vì pháp có sở duyên-pháp không có sở duyên làm sở duyên cho pháp này, cho nên nói pháp này là duyên với pháp có duyên-duyên với pháp không có duyên. Như người mắt sáng nhìn thấy người mắt sáng và người mù lòa, người mắt sáng ấy lại có những điều nhìn thấy, người mù lòa ấy lại không có điều gì nhìn thấy; duyên với pháp có duyên-duyên với pháp không có duyên, nên biết cũng như vậy.

Có người nói: Nghĩa của câu thứ ba này, tức là kết hợp hai câu trước, lại không có Thế khác nhau.

Cách nói này không hợp lý, bởi vì trái ngược nhau với bản luận. Như bản luận nói: Duyên với pháp có duyên là Tùy miên tùy tăng duyên với hữu vi, duyên với pháp không có duyên là tất cả Tùy miên tùy tăng, duyên với pháp có duyên-duyên với pháp không có duyên là Tùy miên tùy tăng duyên với hữu vi, không phải duyên với pháp có duyên-không phải duyên với pháp không có duyên là Tùy miên tùy tăng duyên với hữu lậu. Nhưng có Ý thức cùng pháp tương ứng, trong một Sát-na duyên chung với pháp có duyên và pháp không có duyên, vì vậy như trước đã nói là hợp lý.

Hỏi: Thế nào là không phải duyên với pháp có duyên-không phải duyên với pháp không có duyên?

Đáp: Sắc-vô vi-tâm bất tương ứng hành. Bởi vì pháp này không duyên với pháp có sở duyên-pháp không có sở duyên, cho nên nói pháp này là không phải duyên với pháp có duyên-không phải duyên với pháp không có duyên. Như người mù lòa hoàn toàn không nhìn thấy gì, ở đây cũng như vậy.

Như Đức Thế Tôn nói: “Tướng bên trong không có sắc, quán xét sắc bên ngoài.” Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt về nghĩa trong kinh. Như trong kinh nói: “Tướng bên trong không có sắc, quán xét sắc bên ngoài.” Trong kinh tuy nói ra điều này mà không phân biệt thế nào là Tướng bên trong không có sắc-quán xét sắc bên ngoài, cho đến nói rộng ra. Nay cần phải phân biệt, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là Tướng bên trong không có sắc, quán xét sắc bên ngoài?

Đáp: Nghĩa là có Tỳ kheo dấy khởi Thắng giải như vậy: Nay thân này của mình sắp chết, đã chết sắp đưa lên xe, đã đưa lên xe sắp chuyển đến bãi tha ma, đã đem đến bãi tha ma sắp đặt xuống đất, đã đặt xuống đất sắp bị các loài giòi bọ ăn thịt, đã bị các loài giòi bọ ăn thịt. Người ấy đến cuối cùng không thấy thân bên trong, chỉ thấy giòi bọ bên ngoài, đó gọi là Tướng bên trong không có sắc, quán xét sắc bên ngoài. Nghĩa là người ấy nhờ vào lực của nhiều Thắng giải trước đây, không thấy tướng của thân, chỉ thấy tướng của các loài giòi bọ bên ngoài rúc rủa làm tổn hại thân bên trong.

Lại có Tỳ kheo dấy khởi Thắng giải như vậy: Nay thân này của mình sắp chết, đã chết sắp đưa lên xe, đã đưa lên xe sắp chuyển đến bãi tha ma, đã chuyển đến bãi tha ma sắp đặt vào giàn củi, đã đặt vào giàn củi sắp bị lửa đốt cháy, đã bị lửa đốt cháy. Người ấy đến cuối cùng không thấy thân bên trong, chỉ thấy lửa bên ngoài, đó gọi là Tướng bên trong không có sắc, quán xét sắc bên ngoài. Nghĩa là người ấy nhờ vào lực của nhiều Thắng giải trước đây, không thấy tướng của thân, chỉ thấy các tướng của ngọn lửa bên ngoài hừng hực làm tổn hại thân bên trong.

Lại có Tỳ kheo dấy khởi Thắng giải như vậy: Nay thân này của mình thật là giả tạo, như băng tuyết-hoặc là đụn băng tuyết, như đường bột-hoặc là nhúm đường bột, như bơ chưa chín-hoặc là cục bơ chưa chín, sắp bị lửa đun nóng, đã bị lửa đun nóng sắp tan chảy, đã tan chảy. Người ấy đến cuối cùng không thấy thân bên trong, chỉ thấy lửa bên ngoài, đó gọi là Tướng bên trong không có sắc, quán xét sắc bên ngoài. Nghĩa là người ấy nhờ vào lực của nhiều Thắng giải trước đây, không thấy tướng của thân, chỉ thấy các tướng của ngọn lửa bên ngoài đun nóng làm tổn hại thân bên trong.

Trong này, như băng tuyết-hoặc là đụn băng tuyết, đó là các sư Du-già ở phương Bắc; như đường bột-hoặc là nhúm đường bột, đó là các sư Du-già ở phương Nam; như bơ chưa chín-hoặc là cục bơ chưa chín, đó là các sư Du-già ở tất cả các nơi.

Hỏi: Nếu lúc dấy lên Tướng bên trong không có sắc thì lúc ấy quán xét sắc bên ngoài chăng? Hay là lúc bấy giờ chỉ quán xét sắc bên ngoài, không dấy lên Tướng bên trong không có sắc? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu như lúc dấy lên Tướng bên trong không có sắc, ngay lúc ấy quán xét sắc bên ngoài, thì vì sao một Giác không dấy lên mà hiểu theo hai cách hiểu sai biệt? Như vậy một Giác sẽ thành ra nhiều Thể. Nếu như lúc bấy giờ chỉ quán xét sắc bên ngoài, không dấy lên Tướng

bên trong không có sắc, thì văn này đã nói Tướng bên trong không có sắc-quán xét sắc bên ngoài, lại hiểu thế nào?

Đáp: Nên nói là lúc bấy giờ chỉ quán xét sắc bên ngoài, không dấy lên Tướng bên trong không có sắc.

Hỏi: Nếu như vậy thì văn này đã nói Tướng bên trong không có sắc-quán xét sắc bên ngoài nên hiểu thế nào?

Đáp: Dựa vào ý thích của sư Du-già mà nói, nghĩa là người quán hành có ý thích như vậy: Mình nên Tướng bên trong không có sắc-quán xét sắc bên ngoài. Tùy theo ý ấy mà nói. Nhưng vào lúc bấy giờ chỉ quán xét sắc bên ngoài.

Có người nói: Dựa vào hành tướng phân biệt ở thời gian trước của người ấy cho nên đưa ra cách nói này, nghĩa là sư Du-già trước đó khởi lên hành tướng phân biệt như vậy: Mình nên như vậy và như vậy dấy lên Tướng bên trong không có sắc-quán xét sắc bên ngoài, và lúc tu quán chỉ quán về sắc bên ngoài.

Có người nói: Văn này dựa vào lúc tu gia hạnh thành tựu đầy đủ mà nói, đó là Tướng bên trong không có sắc, là nói về lúc gia hạnh của căn thiện này; quán xét sắc bên ngoài, là nói về lúc thành tựu đầy đủ căn thiện này, chứ không phải là ở trong một lúc có hai cách hiểu.

Có người nói: Văn này dựa vào nghĩa cuối cùng (nghĩa chí) mà nói, đó là nếu nghĩa cuối cùng là Tướng bên trong không có sắc thì quán xét sắc bên ngoài, nếu nghĩa cuối cùng là quán xét sắc bên ngoài thì Tướng bên trong không có sắc, chứ không phải là đối với một Giác có hai cách hiểu.

Có người nói: Tướng bên trong không có sắc, là nói về sở y; quán xét sắc bên ngoài, là nói về sở duyên, không phải là đối với sở duyên cùng khởi lên hai cách hiểu.

Có Sư khác nói: Nếu lúc dấy lên Tướng bên trong không có sắc, thì ngay lúc ấy cũng quán xét sắc bên ngoài.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao một Giác không dấy lên mà hiểu theo hai cách hiểu sai biệt?

Đáp: Tuy dấy lên hai cách hiểu mà không trái ngược nhau, cho nên không có gì sai.

Cách nói này không hợp lý, bởi vì hai tướng Có-Không hoàn toàn trái ngược lẫn nhau, vì vậy cho nên như trước đã nói là hợp lý.

Như Đức Thế Tôn nói: “Có Tướng trừ bỏ sắc...” Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Vì muốn phân biệt về nghĩa trong kinh, nghĩa là trong kinh nói Tưởng trừ bỏ sắc (trừ sắc tưởng), mà không giải thích rộng ra, nay cần phải giải thích về điều ấy, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là Tưởng trừ bỏ sắc?

Đáp: Nghĩa là có Tỳ kheo dấy khởi Thắng giải như vậy: Nay thân này của mình sắp chết, đã chết sắp đưa lên xe, đã đưa lên xe sắp chuyển đến bãi tha ma, đã chuyển đến bãi tha ma sắp đặt xuống đất, đã đặt xuống đất sắp bị các loài giòi bọ ăn thịt, đã bị các loài giòi bọ ăn thịt, các loài giòi bọ này sắp phân tán, đã phân tán. Người ấy đến cuối cùng không thấy thân của mình, cũng không thấy giòi bọ, đó gọi là Tưởng trừ bỏ sắc. Nghĩa là người ấy nhờ vào lực của nhiều Thắng giải trước đây, không thấy tướng của thân, lại cũng không thấy tướng của các loài giòi bọ bên ngoài rúc rĩa làm hại thân bên trong.

Lại có Tỳ kheo dấy khởi Thắng giải như vậy: Nay thân này của mình sắp chết, đã chết sắp đưa lên xe, đã đưa lên xe sắp chuyển đến bãi tha ma, đã chuyển đến bãi tha ma sắp đưa lên giàn củi, đã đưa lên giàn củi sắp bị lửa đốt cháy, đã bị lửa đốt cháy, lửa đốt cháy thì thể này sắp tắt, đã tắt. Người ấy đến cuối cùng không thấy thân của mình, cũng không thấy lửa, đó gọi là Tưởng trừ bỏ sắc. Nghĩa là người ấy nhờ vào lực của nhiều Thắng giải trước đây, không thấy tướng của thân, lại cũng không thấy các tướng của lửa bên ngoài hừng hực làm hại thân bên trong.

Lại có Tỳ kheo dấy khởi Thắng giải như vậy: Nay thân này của mình thật là giả tạo, như băng tuyết-hoặc là đụn băng tuyết, như đường bột-hoặc là như nhúm đường bột, như bơ chưa chín-hoặc là như cục bơ chưa chín, sắp bị lửa đun nóng, đã bị lửa đun nóng sắp tan chảy, đã tan chảy, lửa có thể đun nóng tan chảy này sắp tắt, đã tắt. Người ấy đến cuối cùng không thấy thân của mình, cũng không thấy lửa, đó gọi là Tưởng trừ bỏ sắc. Nghĩa là người ấy nhờ vào lực của nhiều Thắng giải trước đây, không thấy tướng của thân, lại cũng không thấy các tướng của lửa bên ngoài hừng hực làm hại thân bên trong. Ba loại thí dụ như đụn băng tuyết..., tùy theo phương hướng sai biệt như trước nên biết.

Hỏi: Sư Du-già ấy từng thấy các tướng như vậy ở nơi nào mà nay quán xét?

Đáp: Bởi vì người ấy đã từng làm người chăm sóc bệnh cho người

cùng Phạm hạnh, từng thấy Đại chủng của Tỳ kheo biến đổi, từ bỏ các loại ăn uống, rên rỉ đau đớn, tuy có thuốc thang chữa trị mà lại càng thêm nặng, thậm chí dần dần khốn đốn, mồ hôi tuôn chảy dầm dề, hơi thở hỗn hển gấp gáp, trong chốc lát mạng sống kết thúc, tẩm liệm thi hài đưa lên xe tang, bạn bè đồng học đau xót tiễn đưa đến nơi mai táng. Nếu nơi đưa đến khó có được củi đốt, thì đặt vào trong hố sâu buồn bã tiễn biệt mà quay về. Hôm sau lại đến nhìn thấy thi hài ấy, đã bị chôn sỏi- diều quạ-chó đói ăn thịt, trong chốc lát từ xa nhìn thấy xương thịt đều không còn, tất cả chim thú bỗng nhiên tản đi mọi nơi, chỗ ấy vắng vẻ hoang vu. Nếu nơi củi đốt dễ dàng có được, thì chất củi gỗ để an trí thi hài ấy, dùng lửa đốt cháy trong giấy lát đều cháy sạch, một lúc sau lửa tắt, lặng lẽ không còn gì nữa. Sư Du-già ấy cố gắng giữ lấy các loại tướng trạng như vậy rồi, nhanh chóng trở về nơi cư trú rửa tay chân-trái chỗ ngồi, ngồi kiết già điều tâm giữ thân ngay thẳng, khiến cho không còn đau buồn, lìa xa các phiền não ngăn che, do có năng lực có thể nhớ lại các tướng trạng đã giữ lấy lúc trước, dùng lực của Thắng giải quán tưởng thấy thân của mình, theo thứ tự có các tướng đã nhìn thấy trước đây.

Nếu không từng làm người chăm sóc nuôi nấng người bệnh, thì người ấy vào một lúc nhìn thấy đụn băng tuyết... dần dần bị lửa làm cho tan chảy, cho đến lúc cuối cùng hoàn toàn không còn thấy gì nữa, giữ lấy tướng này rồi dùng lực của Thắng giải quán tưởng thấy thân của mình, theo thứ tự có các tướng đã nhìn thấy trước đây. Nhờ vào duyên này cho nên các sư Du-già đối với thân của mình khởi lên Thắng giải ấy.

Hỏi: Phần vị quán sát như vậy không giống nhau, đối với các pháp quán thì do những pháp quán nào thâm nhiếp?

Đáp: Là Tưởng trừ bỏ sắc và gia hạnh này, cùng với gia hạnh này do gia hạnh thâm nhiếp, nghĩa là không thấy thân của mình-không thấy giòi bọ và lửa cháy, phần vị sau cùng này do Tưởng trừ bỏ sắc thâm nhiếp. Nếu không thấy thân của mình mà thấy giòi bọ và lửa cháy, thì Tưởng trừ bỏ sắc do gia hạnh thâm nhiếp. Nếu hãy còn thấy thân của mình và cũng thấy giòi bọ-lửa cháy, thì gia hạnh này do gia hạnh thâm nhiếp.

Có người đưa ra cách nói này: Là do Tưởng trừ bỏ sắc và Giải thoát thứ nhất- thứ hai thâm nhiếp, nghĩa là không thấy thân của mình và không thấy giòi bọ-lửa cháy, là Tưởng trừ bỏ sắc; nếu không thấy thân của mình mà thấy giòi bọ-lửa cháy, là Giải thoát thứ hai; nếu hãy

còn thấy thân của mình và cũng thấy giòi bọ- lửa cháy, là Giải thoát thứ nhất.

Có Sư khác nói: Hiển bày về ba căn thiện, nghĩa là không thấy thân của mình và không thấy giòi bọ-lửa cháy, đây là hiển bày về phẩm Thượng; nếu không thấy thân của mình mà thấy giòi bọ-lửa cháy, đây là hiển bày về phẩm Trung; nếu hã còn thấy thân của mình và cũng thấy giòi bọ-lửa cháy, đây là hiển bày về phẩm Hạ.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 137

LUẬN VỀ CỤ KIẾN (Phần 4)

Hỏi: Tưởng trừ bỏ sắc này tự Thể là gì?

Đáp: Tuệ làm tự Thể. Nếu như vậy thì tại sao dùng Tưởng làm tên gọi? Bởi vì trong tụ này thì tác dụng của Tưởng tăng mạnh. Như Trì tức niệm, Niệm trú như thân..., Bản tánh sinh niệm, Túc trú tùy niệm, đều lấy Tuệ làm Thể, dùng Niệm làm tên gọi, bởi vì tác dụng của Niệm tăng mạnh. Tưởng ấy cũng như vậy.

Đã nói về tự Thể, cần phải giải thích về tên gọi của pháp ấy. Pháp này vì sao mà gọi là Tưởng trừ bỏ sắc? Bởi vì pháp này có thể loại bỏ các sắc tích tập khiến cho không hiện rõ trước mắt, cho nên gọi là Tưởng trừ bỏ sắc.

Về cõi, là cõi Sắc. Về địa, là Tĩnh lự thứ tư. Về sở y, là dựa vào thân của cõi Dục. Về hành tướng, là hành tướng không rõ ràng. Về sở duyên, là duyên với cõi Dục.

Hỏi: Pháp này duyên với pháp nào của cõi Dục?

Đáp: Có người nói: Tức là duyên với những nơi hố hầm-củi gỗ...
Có người nói: Tức là duyên với cõi hư không ở nơi ấy.

Nói như vậy thì tức là duyên với tất cả các sắc đã trừ bỏ. Ở trong này có người nói: Chỉ duyên với các sắc của tự thân đã trừ bỏ.

Về Niệm trú, là Thân niệm trú. Về trí, là trí thế tục. Về Đăng trì, không phải là đi cùng Đăng trì. Về căn, là tương ứng với Xả căn.

Về đời(thế), là gồm chung ba đời, quá khứ duyên với quá khứ, hiện tại duyên với hiện tại, vị lai có thể sinh thì duyên với vị lai, không sinh thì duyên với ba đời.

Về thiện-bất thiện và vô ký, chỉ là thiện, duyên với ba loại. Có người nói: Chỉ duyên với vô ký.

Về hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc, là hệ thuộc cõi Sắc, duyên

với hệ thuộc cõi Dục.

Về Học-Vô học-Phi học phi vô học, là Phi học phi vô học, duyên với Phi học phi vô học.

Do kiến mà đoạn-do tu mà đoạn và không đoạn, là do tu mà đoạn, duyên với do tu mà đoạn.

Duyên với thân mình-thân khác và không phải thân, thì có người nói: Chỉ duyên với thân mình. Có người nói: Duyên với thân mình và thân khác. Có người nói: Duyên chung với ba loại.

Duyên với danh - duyên với nghĩa, là chỉ duyên với nghĩa.

Gia hạnh đạt được - lìa nhiễm đạt được, là gia hạnh đạt được chứ không phải là lìa nhiễm đạt được. Bởi vì người đã lìa nhiễm của Tĩn lự thứ tư, nếu không gia hạnh mong cầu Tướng này, thì cuối cùng không thể nào dấy khởi khiến cho hiện rõ trước mắt. Có người nói: Phật lìa nhiễm mà đạt được, bởi vì đạt được lúc lìa nhiễm của cõi Hữu Đảnh, người khác thì do gia hạnh đạt được. Có người nói: Người khác cũng lìa nhiễm mà đạt được, nhưng gia hạnh hiện rõ trước mắt. Phật không do gia hạnh, Độc giác do gia hạnh bậc Hạ, Thanh văn hoặc là bậc Trung hoặc là bậc Thượng.

Nơi khởi lên, là ở cõi Dục chứ không phải ở cõi Sắc-Vô sắc, ở loài người ba châu chứ không phải ở Bắc châu.

Hỏi: Tướng này do ai mà khởi lên?

Đáp: Có người nói: Chỉ có Thánh giả chứ không phải là dị sinh.

Có người nói: Dị sinh cũng khởi lên. Dị sinh có hai loại:

1. Dị sinh nội pháp.
2. Dị sinh ngoại pháp.

Dị sinh nội pháp có thể khởi lên chứ không phải là dị sinh ngoại pháp, bởi vì dị sinh ngoại pháp suốt đời chấp ngã-sợ hãi vô ngã, không thích loại bỏ sắc sở y bên trong.

Đã nói về những môn như tự tánh... của Tướng này, tiếp theo cần phải biểu hiện rõ ràng về có xen tạp và không xen tạp.

Hỏi: Những người không có Tướng trừ bỏ sắc này đều chưa lìa nhiễm cõi Sắc chăng?

Đáp: Những người chưa lìa nhiễm cõi Sắc đều không có tướng trừ bỏ sắc. Có lúc không có tướng trừ bỏ sắc nhưng không phải là chưa lìa nhiễm cõi Sắc, đó là đã lìa nhiễm cõi Sắc mà chưa tiến vào Định ấy.

Hỏi: Những người có Tướng trừ bỏ sắc đều đã lìa nhiễm cõi Sắc chăng?

Đáp: Có lúc đã lìa nhiễm cõi Sắc nhưng không phải là có Tướng

trừ bỏ sắc, đó là đã lìa nhiễm cõi Sắc mà chưa tiến vào Định ấy. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì trước đây nói Định ấy chỉ do gia hạnh mà đạt được, không phải là do lìa nhiễm mà đạt được. Bởi vì tuy đã lìa nhiễm của Tịch lự thứ tư, nhưng nếu không gia hạnh thì lúc cầu mong Định này, rốt cuộc không có thể khởi lên khiến cho hiện rõ trước mắt.

Có người nói: Định này tuy do lìa nhiễm mà đạt được, nhưng Độc giác... cần phải khởi lên gia hạnh mới khiến cho hiện rõ trước mắt. Ở đây dựa vào Có-Không có hiện rõ trước mắt để soạn luận, cho nên đưa ra cách nói này.

Hỏi: Nói về Tưởng trừ bỏ sắc này thì có nhiều nơi nói, đó là ở đây nói, trong chương Tạp Uẩn cũng nói là tiến vào Định Vô sắc trừ bỏ Tưởng về sắc. Trong Ba-la-diễn-noa cũng đưa ra cách nói này:

“Những người có Tưởng trừ bỏ sắc, có thể trừ bỏ tất cả thân,

Ở trong nội pháp và ngoại pháp, không có người nào không trông thấy.”

Trong phẩm Chúng Nghĩa cũng đưa ra cách nói này:

“Đối với Tưởng-có Tưởng không phải ngay nơi lìa,
Cũng không phải không có Tưởng-không trừ bỏ Tưởng,
Như vậy bình đẳng trừ bỏ những Tưởng về sắc,
Đối với nhân duyên ấy không có gì nhiễm trước.”

Nghĩa của những cách nói như vậy có gì khác nhau?

Đáp: Ở đây nói: Có thể loại bỏ các sắc tích tập khiến cho không hiện rõ trước mắt, gọi là Tưởng trừ bỏ sắc. Trong Ba-la-diễn-noa và phẩm Chúng Nghĩa nói: Đoạn ái của cõi Sắc gọi là Tưởng trừ bỏ sắc. Trong chương Tạp Uẩn nói: Không duyên với các sắc lưu chuyển của địa dưới, gọi là Tưởng trừ bỏ sắc.

Có người nói: Ở đây nói Tưởng trừ bỏ sắc này thuộc về Tịch lự thứ tư. Trong Ba-la-diễn-noa và phẩm Chúng Nghĩa nói: Tưởng trừ bỏ sắc là thuộc về bảy địa, đó là Cận phần của Vị chí-Trung gian-bốn Tịch lự và Không vô biên xứ. Trong chương Tạp Uẩn đã nói Tưởng trừ bỏ sắc cũng thuộc về bảy địa, đó là đó là bốn Vô sắc và ba Cận phần trên.

Có người nói: Ở đây nói Tưởng trừ bỏ sắc là Thân niệm trú. Trong Ba-la-diễn-noa và phẩm Chúng Nghĩa nói: Tưởng trừ bỏ sắc là Pháp niệm trú. Trong chương Tạp Uẩn đã nói Tưởng trừ bỏ sắc là bao gồm bốn Niệm trú.

Có người nói: Ở đây nói Tưởng trừ bỏ sắc là pháp không giống nhau, ba nơi còn lại đã nói là pháp giống nhau.

Có người nói: Trong chương Tạp Uẩn đã nói là pháp giống nhau,

ba nơi còn lại đã nói là pháp không giống nhau.

Đây gọi là nghĩa khác nhau của những cách nói.

Bốn Thức trú và bảy Thức trú, là bốn thân nhiếp bảy hay là bảy thân nhiếp bốn? cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn phân biệt về nghĩa trong kinh. Nghĩa là trong kinh nói: Bốn Thức trú- bảy Thức trú-chín Hữu tình cư. Nhưng mà không phân biệt rộng ra, cũng không giải thích về thân nhiếp, nay muốn giải thích rộng ra và hiển bày thân nhiếp lẫn nhau, cho nên soạn ra phần luận này.

Bốn Thức trú, như trong kinh nói:

1. “Sắc tùy theo Thức trú.
2. Thọ tùy theo Thức trú.
3. Tưởng tùy theo Thức trú.
4. Hành tùy theo Thức trú.”

Sắc tùy theo Thức trú, đó là Sắc hữu lậu tùy thuận mà giữ lấy, do số hữu tình thân nhiếp; Hành tùy theo Thức trú cũng như vậy. Thọ tùy theo Thức trú, đó là Thọ hữu lậu tùy thuận mà giữ lấy; Tưởng tùy theo Thức trú cũng như vậy.

Có Sư khác nói: Sắc tùy theo Thức trú, đó là Sắc hữu lậu tùy thuận mà giữ lấy, do số hữu tình và số phi hữu tình thân nhiếp; Hành tùy theo Thức trú cũng như vậy. Thọ-Tưởng tùy theo Thức trú, nói như trước.

Hỏi: Uẩn thuộc số hữu tình nói là Thức trú, việc này có thể như vậy, Uẩn thuộc về số phi hữu tình tại sao gọi là Thức trú?

Đáp: Có nhiều loại Thức trú, đó là Thức trú tương ứng, Thức trú câu hữu, Thức trú sở y, Thức trú sở duyên, Thức trú sở hành; Uẩn thuộc về số phi hữu tình, là sở duyên của Thức cho nên gọi là Thức trú.

Đã nói về tự tánh, cần phải nói đến nhân duyên.

Hỏi: Vì nhân duyên gì cho nên nói tên gọi là Thức trú?

Đáp: Thức trú ở trong này, trú như nhau-trú gần gũi cho nên gọi là Thức trú. Như nơi ở của voi ngựa... gọi là nơi voi ngựa cư trú.

Có người nói: Trong này do Hỷ tưới thấm mà Thức tăng trưởng rộng lớn, cho nên gọi là Thức trú.

Có người nói: Trong này do Ái tưới thấm mà Thức thân nhiếp tiếp nhận không tách lìa, cho nên gọi là Thức trú.

Có người nói: Trong này các Thức hữu lậu tùy thuận giữ lấy, Thức sinh khởi chấp trước, an trú mà tăng trưởng, cho nên gọi là Thức trú.

Hỏi: Vì sao pháp vô lậu không thiết lập Thức trú?

Đáp: Bởi vì các pháp vô lậu không có tướng của Thức trú. Lại nữa, nếu pháp có thể tăng thêm quả báo, có thể thâm nhiếp tiếp nhận quả báo, có thể duy trì quả báo, thì thiết lập Thức trú; các pháp vô lậu có thể làm sút giảm quả báo, có thể làm trái ngược hại đến quả báo, có thể phá hoại quả báo, cho nên không phải là Thức trú. Lại nữa, nếu pháp thậm chí là quan hệ của Thân kiến, cho đến rơi vào Khổ-Tập đế, thì thiết lập Thức trú; các pháp vô lậu thậm chí không phải là quan hệ của Thân kiến, cho đến không rơi vào Khổ-Tập đế, cho nên không phải là Thức trú.

Có người nói: Nếu pháp do Hỷ tưới thấm mà Thức ở trong đó tăng trưởng rộng lớn, thì thiết lập làm Thức trú; các pháp vô lậu cùng với điều này trái ngược nhau, cho nên không phải là Thức trú.

Có người nói: Nếu pháp do Ái tưới thấm mà Thức ở trong đó thâm nhiếp tiếp nhận không tách lìa, thì thiết lập làm Thức trú, các pháp vô lậu thì không như vậy, cho nên không phải là Thức trú.

Có người nói: Nếu pháp là các Thức hữu lậu tùy thuận giữ lấy, Thức ở trong đó sinh khởi chấp trước, an trú mà tăng trưởng, thì thiết lập làm Thức trú; các pháp vô lậu cùng với điều này trái ngược nhau, cho nên không phải là Thức trú.

Hỏi: Vì sao Thức không phải là Thức trú?

Đáp: Vì Thức cho nên thiết lập Thức trú, như vì Vua cho nên thiết lập chỗ ngồi của Vua. Như chỗ ngồi của Vua, giường nằm của Vua-đường đi của Vua cũng như vậy. Như Vua không phải là đường đi, đường đi không phải là Vua, là nơi Vua đi lại cho nên gọi là đường đi của Vua. Như vậy Thức không phải là trú, trú không phải là Thức, là nơi Thức cư trú cho nên gọi là Thức trú. Vì thế cho nên Thức không phải là Thức trú.

Có người nói: Nếu pháp do Thức cai quản điều khiển, như voi-ngựa-thuyền bè do con người cai quản điều khiển, thì pháp ấy thiết lập Thức trú; không phải là Thức cai quản điều khiển đối với Thức, cho nên Thức không phải là Thức trú. Lại nữa, nếu pháp cùng sinh-cùng trú-cùng diệt với Thức, đối với Thức có tác dụng, thì thiết lập Thức trú, Thức đối với Thức thì không như vậy.

Có người nói: Thức trú thì pháp vốn như vậy, cùng với Thức đều ở hiện tại, là nơi cư trú của Thức, chứ không phải là Thức cùng với Thức mà có thể có quan hệ này.

Hỏi: Tự Thức và Thức khác đều ở hiện tại, vì sao không lần lượt chuyển đổi thiết lập Thức trú?

Đáp: Bởi vì tự Thức đối với tự Thức không phải là Thức trú, đối với Thức khác cũng không phải là không có tướng khác. Lại nữa, đối với tự Thức gần gũi hãy còn không phải là Thức trú, huống gì đối với sơ nhạ xa xôi?

Có người nói: Nếu pháp và Thức do ba hòa hợp mà sinh, cùng có tác dụng với nhau, thì thiết lập làm Thức trú; không phải là Thức cùng với Thức do ba hòa hợp mà sinh, cùng có tác dụng với nhau, cho nên không phải là Thức trú.

Bởi vì trú ở trong tự phần của Thức, cho nên tự phần của các Uẩn có được tên gọi Thức trú, nghĩa là Uẩn của cõi Dục là nơi cư trú của Thức cõi Dục, Uẩn của cõi Sắc là nơi cư trú của Thức cõi Sắc, Uẩn của cõi Vô sắc là nơi cư trú của Thức cõi Vô sắc, Uẩn của Tĩnh lự thứ nhất là nơi cư trú của Thức thuộc Tĩnh lự thứ nhất, cho đến Uẩn của Phi tướng phi tướng xứ là nơi cư trú của Thức thuộc Phi tướng phi tướng xứ.

Hỏi: Sinh ở cõi Dục khởi lên tâm vô lậu của cõi Sắc-Vô sắc hiện rõ ở trước mắt, hai Uẩn hiện tại có phải là Thức trú hay không?

Đáp: Nên nói là Thức trú.

Hỏi: Không có đồng phần của Thức cư trú trong đó, vì sao gọi là Thức trú?

Đáp: Bởi vì có được tướng của Thức trú, nghĩa là đồng phần của Thức duyên vào nơi khác cho nên không sinh ra, chứ không phải là Thức này không có thể sinh ra, cho nên cũng gọi là Thức trú. Như bên cạnh suối hồ, lấp đặt miệng của các loài voi-ngựa-trâu-sư tử... để làm đường rót vào, lúc nước không chảy vào, thì không phải là những loại này làm cản trở, nếu nước chảy vào thì làm thành sở y cho nước, tuy nước không chảy mà cũng gọi là đường rót vào; thức ấy cũng như vậy.

Bảy Thức trú, như trong kinh nói: “Hữu tình có sắc, thân khác nhau-tướng khác nhau, như loài người và một phần loài trời, là Thức trú thứ nhất.”

Có sắc, nghĩa là hữu tình ấy có sắc có thể hiển bày rõ ràng, có sắc thân, có sắc thuộc Giới-Xứ-Uẩn, có sắc thi thiết, cho nên gọi là có sắc.

Hữu tình, đó là Đế nghĩa-Thắng nghĩa, Thể của hữu tình không có thể đạt được chứ không phải là thật có, nhưng ở trong Giới-Xứ-Uẩn, dựa vào Tướng thi thiết mà nói là Hữu tình, Nại-lạc, Ý sinh, Nho đồng, Nuôi dưỡng, Bồ-đặc-già-la, Mạng sống, Sinh ra, cho nên gọi là hữu tình.

Thân khác nhau, đó là hữu tình ấy có các loại thân, các loại hình

dáng-tướng mạo hiển bày sai biệt, cho nên gọi là Thân khác nhau.

Tướng khác nhau, đó là hữu tình ấy có Tướng về vui, Tướng về khổ, Tướng về không khổ vui, cho nên gọi là Tướng khác nhau.

Như loài người và một phần loài trời, loài người tức là tất cả mọi người, một phần loài trời đó là trời cõi Dục.

Là Thức trú thứ nhất, thứ nhất tức là số đầu tiên trong thứ tự; Thức trú đó là sắc-thọ-tướng-hành-thức mà hữu tình hệ thuộc. Giải thích về nghĩa của Thức trú đã nói như trước.

“Hữu tình có sắc, thân khác nhau- tướng như nhau, như trời Phạm Chúng, đó là loài trời sinh khởi đầu tiên, là Thức trú thứ hai.”

Có sắc... nói như trước. Tướng như nhau, đó là hữu tình ấy Tướng về nhiễm không có gì khác nhau.

Như trời Phạm Chúng, đây là hiển bày về chư Thiên cõi Phạm Thế.

Đó là loài trời sinh khởi đầu tiên, nghĩa là loài trời ấy mới sinh ra cùng khởi lên Tướng về nhiễm, sau thì Tướng khác nhau.

Là Thức trú thứ hai, thứ hai dựa theo trước; Thức trú nói như trước.

“Hữu tình có sắc, thân như nhau-tướng khác nhau, như trời cõi Cực Quang Tịnh, là Thức trú thứ ba.”

Có sắc... nói như trước. Thân như nhau, nghĩa là hữu tình ấy có một loại thân, một loại hình dáng-tướng mạo hiển bày không có gì khác nhau.

Tướng khác nhau, nghĩa là hữu tình ấy có Tướng về vui, Tướng về không khổ-không vui, bởi vì chư Thiên cõi ấy chán ngán Hỷ căn của địa Căn bản rồi khởi lên Xả căn của địa Cận phần hiện rõ trước mắt, chán ngán Xả căn của địa Cận phần rồi khởi lên Hỷ căn của địa Căn bản hiện rõ trước mắt. Như người giàu sang chán ngán dục lạc rồi vui thích trú trong pháp lạc, chán ngán pháp lạc rồi vui thích trú trong dục lạc.

Như trời cõi Cực Quang Tịnh, đây là hiển bày về chư Thiên ở Tịnh lự thứ hai.

“Hữu tình có sắc, thân như nhau- tướng như nhau, như trời cõi Biến Tịnh, là Thức trú thứ tư.”

Có sắc... nói như trước. Tướng như nhau, nghĩa là hữu tình ấy có Tướng về vô phú vô ký không có gì khác nhau.

Như trời cõi Biến Tịnh, đây là hiển bày về chư Thiên ở Tịnh lự thứ ba.

“Hữu tình không có sắc, bởi vì tất cả đều vượt lên trên các Tướng

về sắc, bởi vì đều ẩn kín các Tướng có đối đãi, bởi vì không tác ý đối với các Tướng khác nhau, tiến vào vô biên Không, trú đầy đủ vào Không vô biên xứ, như trời tùy theo Không vô biên xứ, là Thức trú thứ năm.

Hữu tình không có sắc, bởi vì tất cả đều vượt lên trên Không vô biên xứ, tiến vào vô biên Thức, trú đầy đủ vào Thức vô biên xứ, như trời tùy theo Thức vô biên xứ, là Thức trú thứ sáu.

Hữu tình không có sắc, bởi vì tất cả đều vượt lên trên Thức vô biên xứ, tiến vào không có gì sở hữu, trú đầy đủ trong Vô sở hữu xứ, như trời tùy theo Vô sở hữu xứ, là Thức trú thứ bảy.”

Trong này, các hữu tình không có sắc, nghĩa là hữu tình ấy không có sắc có thể hiển bày rõ ràng, bởi vì không có sắc thân, không có sắc thuộc Giới-Xứ-Uẩn, không có sắc thi thiết, cho nên gọi là không có sắc. Hữu tình... nói như trước. Tất cả đều vượt lên trên Không vô biên xứ..., như nơi khác nói. Thức trú, đó là thọ- tưởng- hành- thức mà hữu tình ấy hệ thuộc.

Hỏi: Vì sao Tĩnh lự thứ nhất có thân khác nhau chứ không phải là địa trên?

Đáp: Bởi vì Tĩnh lự thứ nhất thiết lập vua-các quan có sai biệt, đó là Đại Phạm Vương cùng với các Phạm Phụ và các Phạm Chúng thường xuyên tụ hội, ở trong đó các loại hình dáng-tướng mạo hiển bày, y phục- ngôn ngữ đều có sự sai biệt; địa trên thì không như vậy.

Có người nói: Tĩnh lự thứ nhất tiếp nhận (thọ) Thượng-Trung-Hạ không có gì khác nhau, bởi vì nghiệp dị thực cho nên thân có khác nhau; địa trên thì không như vậy.

Có người nói: Tĩnh lự thứ nhất tiếp nhận có Tâm-Tứ, bởi vì nghiệp dị thực cho nên thân có khác nhau; địa trên thì không như vậy.

Có người nói: Tĩnh lự thứ nhất tiếp nhận Biểu - Vô biểu, bởi vì nghiệp dị thực cho nên thân có khác nhau; địa trên thì không như vậy.

Có người nói: Tĩnh lự thứ nhất tiếp nhận bốn Thức thân tương ứng, bởi vì nghiệp dị thực cho nên thân có khác nhau; địa trên thì không như vậy.

Có người nói: Tĩnh lự thứ nhất tiếp nhận ba Thọ tương ứng, bởi vì nghiệp dị thực cho nên thân có khác nhau; địa trên thì không như vậy.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên thân của Tĩnh lự thứ nhất khác nhau, thân của địa trên như nhau. Vả lại, Tĩnh lự thứ nhất do Tưởng nhiễm ô cho nên nói là Tưởng như nhau, Tĩnh lự thứ hai do Tưởng thiện cho nên nói là Tưởng khác nhau, Tĩnh lự thứ ba do Tưởng dị thực vô phú vô ký cho nên nói là Tưởng như nhau.

Hỏi: Vì sao nẻo ác, Tĩnh lự thứ tư, Phi tướng phi phi tướng xứ, đều không thiết lập Thức trú?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Những nơi ấy cũng cần phải thiết lập ở trong Thức trú, mà không thiết lập, là có cách nói khác.

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Đây là Đức Thế Tôn tóm lược điều quan trọng mà nói, nhưng nẻo ác... thâm nhiếp ở trong này, đó là các nẻo ác nên biết thâm nhiếp ở trong Thức trú thứ nhất, Tĩnh lự thứ tư thâm nhiếp trong ba Thức trú tiếp theo, Phi tướng phi phi tướng xứ thâm nhiếp trong ba Thức trú sau. Nguyên cố thế nào? Bởi vì cõi như nhau.”

Có người nói: Nếu nơi nào có hai loại Thức có thể đạt được phần nhiều, thì thiết lập làm thức trú:

1. Thức do Ái thâm nhiếp tiếp nhận.
2. Thức do Kiến thâm nhiếp tiếp nhận.

Nẻo ác và Phi tướng phi phi tướng xứ, phần nhiều không có thể đạt được Thức do Ái thâm nhiếp tiếp nhận; Tĩnh lự thứ tư phần nhiều không có thể đạt được Thức do Kiến thâm nhiếp tiếp nhận, cho nên không phải là Thức trú.

Có người nói: Nếu nơi nào có ba loại Thức có thể đạt được phần nhiều, thì thiết lập làm thức trú:

1. Thức do Kiến mà đoạn.
2. Thức do Tu mà đoạn.
3. Thức không đoạn.

Nẻo ác và Phi tướng phi phi tướng xứ, cả hai nơi không có thể đạt được Thức không đoạn; Tĩnh lự thứ tư phần nhiều không có thể đạt được Thức do Kiến mà đoạn, cho nên không phải là Thức trú.

Hỏi: Lẽ nào không phải dị sinh ở Tĩnh lự thứ tư đều có Thức do Kiến mà đoạn có thể đạt được hay sao?

Đáp: Tuy có mà bởi vì ở địa ấy không phải là có thể đạt được phần nhiều, trời Ngũ Tịnh Cư thì hoàn toàn không có.

Hỏi: Loài người và trời cõi Dục, cũng không có thể đạt được Thức không đoạn, lẽ ra không phải là Thức trú?

Đáp: Có thể đạt được có hai loại:

1. Tự tánh có thể đạt được.
2. Sở y có thể đạt được.

Loài người và trời cõi Dục, Thức không đoạn tuy không phải là tự tánh có thể đạt được, mà sở y có thể đạt được, cho nên thiết lập Thức trú.

Hỏi: Lẽ nào không phải Phi tướng phi phi tướng xứ, Thức không đoạn cũng là sở y có thể đạt được hay sao, bởi vì sinh đến cõi ấy có người đạt được quả A-la-hán?

Đáp: Tuy có mà không phải là phần nhiều, bởi vì sinh đến trong cõi ấy thì tạm thời khởi lên Thánh đạo, chọn lấy quả Vô học rồi, cho đến Niết-bàn vẫn không hiện rõ trước mắt.

Có người nói: Nếu nơi có sáu loại thức có thể đạt được phần nhiều thì thiết lập Thức trú, đó là Thức do kiến Khổ mà đoạn, cho đến Thức do tu mà đoạn, và Thức không đoạn. Nễo ác và Phi tướng phi phi tướng xứ, cả hai nơi không có thể đạt được Thức không đoạn, Tĩnh lực thứ tư phần nhiều không có thể đạt được Thức do bốn loại trước mà đoạn, cho nên không phải là Thức trú. Hỏi-đáp phân biệt như trước nên biết.

Có người nói: Nếu nơi nào mà Thức thích trú thì thiết lập làm Thức trú, trong các nễo ác do khổ bức bách cho nên Thức không thích trú. Tĩnh lực thứ tư thích di chuyển cho nên Thức không an trú, nghĩa là các dị sinh hoặc là thích tiến vào Vô sắc, hoặc là thích tiến vào Vô tướng, hoặc là thích làm cho Thức diệt; nếu các Thánh giả thì hoặc là thích tiến vào Vô sắc, hoặc là thích tiến vào Tịnh cư, hoặc là thích tiến vào Vô dư Niết-bàn. Phi tướng phi phi tướng xứ, bởi vì rất vắng lặng mà tâm yếu kém, cho nên Thức không thích trú.

Có người nói: Nếu nơi nào không có pháp hủy hoại Thức mà có thể đạt được, thì thiết lập làm Thức trú. Trong các nễo ác có Khổ thọ cao nhất, Tĩnh lực thứ tư có Định Vô tướng và dị thực của Vô tướng, Phi tướng phi phi tướng xứ có Định Diệt tận, bởi vì pháp có thể hủy hoại Thức cho nên không phải là Thức trú.

Có người nói: Nếu nơi nào do hai quan hệ mà phát khởi các Thức thù thắng thuộc phần khác, khiến cho hiện rõ ở trước mắt, thì thiết lập làm Thức trú:

1. Do Định.
2. Do Sinh.

Nễo ác và Phi tướng phi phi tướng xứ, hai quan hệ đều không có; Tĩnh lực thứ tư tuy có Định mà không có Sinh.

Có người nói: Nễo ác cả hai quan hệ đều không có, Tĩnh lực thứ tư tuy có Định mà không có Sinh, Phi tướng phi phi tướng xứ tuy có Sinh mà không có Định. Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên nễo ác... không phải là Thức trú.

Hỏi: Vì sao Thức trong bốn Thức trú không phải là Thức trú, Thức trong bảy Thức trú đều là Thức trú?

Đáp: Bởi vì nhân khác cho nên thiết lập bốn Thức trú, bởi vì nhân khác cho nên thiết lập bảy Thức trú. Nghĩa là nếu có pháp do Thức cai quản điều khiển, cùng với Thức hiện hành thân cận hòa hợp, thì thiết lập bốn Thức trú; bởi vì Thức hướng về với Thức không có quan hệ như vậy, cho nên không thiết lập ở trong bốn Thức trú. Nếu pháp làm nhân-làm quả cho Thức, lần lượt chuyển đổi giúp đỡ nhau, thì thiết lập bảy Thức trú; Thức hướng về với Thức có quan hệ như vậy, cho nên thiết lập ở trong bảy Thức trú.

Chín nơi hữu tình cư trú (hữu tình cư), như trong kinh nói: “Hữu tình có sắc, thân khác nhau-tưởng khác nhau, như loài người và một phần của loài trời, là nơi cư trú thứ nhất của hữu tình. Hữu tình có sắc, thân khác nhau-tưởng như nhau, như cõi trời Phạm Chúng, là nơi cư trú thứ hai của hữu tình. Hữu tình có sắc, thân như nhau-tưởng khác nhau, như cõi trời Cực Quang Tịnh, là nơi cư trú thứ ba của hữu tình. Hữu tình có sắc, thân như nhau-tưởng như nhau, như cõi trời Biến Tịnh, là nơi cư trú thứ tư của hữu tình.”

Có sắc... nói như trước. Hữu tình cư, đó là sắc-thọ-tưởng-hành-thức mà hữu tình ấy hệ thuộc, lại là nơi sinh-nơi nương tựa- nơi cư trú-nơi hoạt động của hữu tình, cho nên gọi là Hữu tình cư.

“Hữu tình có sắc, không có tưởng-không có tưởng khác, như hữu tình cõi trời Vô tưởng, là nơi cư trú thứ năm của hữu tình.”

Có sắc... nói như trước. Không có Tưởng, bởi vì cõi ấy trải qua thời gian dài các Tưởng đều diệt. Bởi vì nghĩa này cho nên gọi là hữu tình cõi trời Vô tưởng.

“Hữu tình không có sắc, bởi vì tất cả đều vượt lên trên Tưởng về sắc, bởi vì các Tưởng có đối đãi đều ẩn kín, bởi vì không tác ý đối với Tưởng nào khác, tiến vào Vô biên Không, trú đầy đủ trong Không vô biên xứ, như cõi trời tùy theo Không vô biên xứ, là nơi cư trú thứ sáu của hữu tình. Hữu tình không có sắc, bởi vì tất cả đều vượt lên trên Không vô biên xứ, tiến vào Vô biên Thức, trú đầy đủ trong Thức vô biên xứ, như cõi trời tùy theo Thức vô biên xứ, là nơi cư trú thứ bảy của hữu tình. Hữu tình không có sắc, bởi vì tất cả đều vượt lên trên Thức vô biên xứ, tiến vào không có gì sở hữu, trú đầy đủ trong Vô sở hữu xứ, như cõi trời tùy theo Vô sở hữu xứ, là nơi cư trú thứ tám của hữu tình. Hữu tình không có sắc, bởi vì tất cả đều vượt lên trên Vô sở hữu xứ, tiến vào trú đầy đủ trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, như cõi trời tùy theo Phi tưởng phi phi tưởng xứ, là nơi cư trú thứ chín của hữu tình.

Không có sắc... nói như trước. Tất cả đều vượt lên trên Vô sở hữu

xứ..., như nơi khác nói.

Hỏi: Vì sao nẻo ác và Vô tướng vốn không thâm nhiếp, cõi trời Quảng Quả... không phải là nơi cư trú của hữu tình?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Những nơi ấy cũng phải thiết lập làm nơi cư trú của hữu tình, mà không thiết lập là có cách nói khác.

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Đây là Đức Thế Tôn tóm lược điều quan trọng mà nói. Nhưng nẻo ác... thâm nhiếp ở trong này, nghĩa là các nẻo ác nên biết thâm nhiếp vào nơi cư trú thứ nhất của hữu tình, Vô tướng vốn không thâm nhiếp, cõi trời Quảng Quả... nên biết thâm nhiếp vào nơi cư trú thứ năm của hữu tình. Nguyên có thế nào? Bởi vì địa như nhau.”

Có người nói: Nếu nơi nào mà hữu tình nơi khác thích đến cư trú, đã cư trú trong đó, không thích chuyển dời, thì nơi ấy có thể thiết lập làm nơi cư trú của hữu tình. Trong các nẻo ác cả hai đều không như vậy, chỉ do nghiệp lực khiến cho hưởng đến-khiến cho cư trú; nếu tùy theo ý muốn thì sát-na không dừng lại, cho nên không thiết lập. Tịnh lực thứ tư, trừ ra cõi trời Vô tướng, còn lại tuy thích đến mà hay chuyển dời, như thành ấp xa xôi mọi người không thích cư trú, nghĩa là dị sinh ấy hoặc thích Vô sắc, hoặc thích Vô tướng. Nếu các Thánh giả thì hoặc là thích cõi trời Tịnh Cư, hoặc là thích Vô sắc, hoặc là thích tiến vào Niết-bàn. Như thành ấp ở chốn biên giới xa xôi, bởi vì luôn luôn bị giặc cướp-nước đối địch bên cạnh xâm lấn, tầng lớp quý tộc có nhiều của cải thích chuyển đến nơi khác, tuy giữ lại phần ít để nuôi người canh giữ, có những người buôn đến mong cầu trao đổi buôn bán, mà người canh giữ nói cho biết rằng: Nơi này nhiều tai họa không có gì để buôn bán trao đổi. Những người buôn đều nói: Đây không phải là chốn thành ấp. Như vậy, cõi trời Vô tướng vốn không thâm nhiếp, do nghiệp- phiền não xua đuổi mà luôn luôn thích chuyển dời, cho nên không nói nơi ấy là nơi cư trú của hữu tình.

Đã phân biệt về ba loại tự tánh, nay sẽ nói về tướng xen tạp-không có xen tạp.

Hỏi: Bốn Thức trú và bảy Thức trú, là bốn thâm nhiếp bảy hay là bảy thâm nhiếp bốn?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc bốn mà không phải là bảy, đó là nẻo địa ngục-bàng sinh-ngạ quỷ, sắc-thọ-tướng-hành của cõi trời Quảng Quả, và thọ-tướng-hành của Phi tướng phi phi tướng xứ.

2. Có lúc bảy mà không phải là bốn, đó là tâm của loài người, trời cõi Dục, Phạm Chúng, Cực Quang Tịnh, Biến Tịnh, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ.

3. Có lúc cũng là bốn cũng là bảy, đó là sắc-thọ-tưởng-hành của loài người, trời cõi Dục, Phạm Chúng, Cực Quang Tịnh, Biến Tịnh, và thọ-tưởng-hành của Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ.

4. Có lúc không phải là bốn cũng không phải là bảy, đó là tâm của nẻo địa ngục-bàng sinh-ngạ quỷ, cõi trời Quảng Quả, Phi tướng phi phi tướng xứ. Trong này, nguyên cố nói rộng ra như trước.

Hỏi: Bốn Thức trú và chín Hữu tình cư, là bốn thâm nhiếp chín hay là chín thâm nhiếp bốn?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc bốn mà không phải là chín, đó là nẻo địa ngục-bàng sinh-ngạ quỷ, cõi trời Vô tướng vốn không thâm nhiếp, sắc-thọ-tưởng-hành của cõi trời Quảng quả.

2. Có lúc chín mà không phải là bốn, đó là tâm của loài người, trời cõi Dục, Phạm Chúng, Cực Quang Tịnh, Biến Tịnh, trời Vô tướng, bốn Vô sắc.

3. Có lúc cũng là bốn cũng là chín, đó là sắc-thọ-tưởng-hành của loài người, trời cõi Dục, Phạm Chúng, Cực Quang Tịnh, Biến Tịnh, trời Vô tướng, và thọ-tưởng-hành của bốn Vô sắc.

4. Có lúc không phải là bốn cũng không phải là chín, đó là tâm của nẻo địa ngục-bàng sinh-ngạ quỷ, trời Vô tướng vốn không thâm nhiếp, và tâm của trời Quảng Quả. Trong này, nguyên cố nói rộng ra như trước.

Hỏi: Bảy Thức trú và chín Hữu tình cư, là bảy thâm nhiếp chín hay là chín thâm nhiếp bảy?

Đáp: Chín thâm nhiếp bảy, không phải là bảy thâm nhiếp chín.

Hỏi: Không thâm nhiếp những gì?

Đáp: Hai nơi, đó là cõi trời Vô tướng và Phi tướng phi phi tướng xứ. Trong này, nguyên cố nói rộng ra như trước.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn đối với cõi trời Vô tướng và cõi trời Hữu Đảnh, phần nhiều nói là Xứ?

Đáp: Bởi vì có các ngoại đạo chấp vào hai Xứ này cho là giải thoát; Đức Phật vì ngăn chặn điều ấy cho nên nói là nơi sinh.

Có người nói: Ngoại đạo chấp hai Xứ này là nơi vắng lặng nhất; Đức Phật nói là Xứ, rõ ràng là nơi ồn ào náo động chứ không phải là

vắng lặng, bởi vì là nơi lưu chuyển của cõi- nẻo và sinh loại.

Có người nói: Ngoại đạo chấp hai Xứ này là thật sự giải thoát, vĩnh viễn không có lui sụt; Đức Phật nói nơi ấy là nơi lui sụt chứ không phải là thật sự giải thoát, nghĩa là từ Phi tướng phi phi tướng xứ chết đi, phần nhiều sinh xuống địa dưới, từ cõi trời Vô tướng chết đi chắc chắn sinh vào cõi Dục.

Có người nói: Thọ lượng của hai cõi trời ấy lâu dài, phần nhiều ngoại đạo chấp là Niết-bàn thật sự. Nghĩa là cõi trời Vô tướng chỉ có thọ lượng lâu dài so với nơi sinh của dị sinh, cõi trời Phi tướng phi phi tướng có thọ lượng lâu dài so với tất cả mọi nơi sinh, cho nên Đức Phật nói nơi ấy là nơi Vô thường.

Có người đưa ra cách nói này: Chín nơi cư trú của hữu tình, Đức Thế Tôn đều dùng hai tên gọi để nói, đối với bảy loại ấy làm hai tên gọi mà nói, đó là tên gọi của Thức trú và Hữu tình cư; đối với hai loại còn lại cũng dùng hai tên gọi để nói, đó gọi là Xứ và Hữu tình cư.

Có Sư khác nói: Đức Phật dùng Thức trú và Hữu tình cư lần lượt chuyển đổi thâm nhiếp lẫn nhau, còn lại thì không tận cùng, chỉ có hai Xứ, không cần phải giải thích sai khác, bởi vì Không vô biên... cũng gọi là Xứ.

Có người nói: Trong quả tinh cần của nơi sinh, loại này ở phía sau, cho nên nói tên gọi là Xứ, nghĩa là chỉ riêng trong quả tinh cần thuộc nơi sinh của dị sinh, cõi trời Vô tướng là phía sau; trong quả tinh cần của tất cả nơi sinh, cõi trời Hữu Đảnh là phía sau.

CHƯƠNG V: ĐẠI CHỦNG UẨN (Tiếp Theo)**Phẩm Thứ Tư: LUẬN VỀ CHẤP THỌ****LUẬN VỀ CHẤP THỌ (Phần 1)**

Đại chủng có chấp thọ cùng với Đại chủng có chấp thọ, làm mấy duyên? Các chương như vậy và giải thích về nghĩa từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp theo cần phải phân biệt rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, tùy theo ý muốn ấy mà soạn luận, nhưng không trái với pháp tướng thì không cần phải vặn hỏi. Lại nữa, muốn ngăn chặn người khác nói về pháp nhân duyên và đời quá khứ-vị lai không phải là có thật, ý hiển bày về các nhân duyên quá khứ-vị lai là có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Trong này, Đại chủng có chấp thọ, đó là sát-na hiện tại thuộc về số hữu tình, do tâm-tâm sở pháp mà chấp thọ Đại chủng. Đại chủng không có chấp thọ, đó là quá khứ-vị lai và một phần hiện tại thuộc về số hữu tình, cùng với Đại chủng vốn có thuộc về tất cả số phi hữu tình của ba đời. Đây gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược ở nơi này.

Hỏi: Đại chủng có chấp thọ cùng với Đại chủng có chấp thọ, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Câu hữu. Tăng thượng, đó là không ngăn cản đối với sinh khởi và chỉ riêng không có chướng ngại.

Nhưng có sai biệt, đó là một quả thì khác loại hương về với nhau làm Nhân và Tăng thượng, không phải là một quả thì chỉ có một Tăng thượng.

Hỏi: Đại chủng có chấp thọ cùng với Đại chủng không có chấp thọ, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Đồng loại. Tăng thượng, nói như trước.

Nhưng có sai biệt, đó là Đại chủng có chấp thọ cùng với Đại chủng thuộc về số hữu tình vị lai, làm Nhân và Tăng thượng; cùng với Đại chủng không có chấp thọ khác, chỉ là một Tăng thượng.

Hỏi: Đại chủng không có chấp thọ cùng với Đại chủng không có chấp thọ, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là hai nhân, đó là nhân Câu

hữu- Đồng loại. Tăng thượng, nói như trước.

Nhưng có sai biệt, đó là Đại chủng thuộc về số hữu tình quá khứ cùng với Đại chủng thuộc về số hữu tình quá khứ, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là hai nhân, đó là nhân Câu hữu-Đồng loại. Tăng thượng, nói như trước. Cùng với Đại chủng thuộc về số hữu tình vị lai, và Đại chủng không có chấp thọ thuộc về số hữu tình hiện tại, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Đồng loại. Tăng thượng, nói như trước. Cùng với Đại chủng không có chấp thọ khác, chỉ là một Tăng thượng.

Đại chủng thuộc về số phi hữu tình quá khứ cùng với Đại chủng thuộc về số phi hữu tình quá khứ, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là hai nhân, đó là nhân Câu hữu-Đồng loại. Tăng thượng, nói như trước. Cùng với Đại chủng thuộc về số phi hữu tình vị lai-hiện tại, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Đồng loại. Tăng thượng, nói như trước. Cùng với Đại chủng thuộc về số hữu tình quá khứ-vị lai, và Đại chủng không có chấp thọ thuộc về số hữu tình hiện tại, chỉ là một Tăng thượng.

Đại chủng thuộc về số hữu tình vị lai cùng với Đại chủng thuộc về số hữu tình vị lai, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Câu hữu. Tăng thượng, nói như trước. Cùng với Đại chủng không có chấp thọ khác, chỉ là một Tăng thượng.

Đại chủng thuộc về số phi hữu tình vị lai cùng với Đại chủng thuộc về số phi hữu tình vị lai, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Câu hữu. Tăng thượng, nói như trước. Cùng với Đại chủng không có chấp thọ khác, chỉ là một Tăng thượng.

Đại chủng không có chấp thọ thuộc về số hữu tình hiện tại cùng với Đại chủng không có chấp thọ thuộc về số hữu tình hiện tại, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Câu hữu. Tăng thượng, nói như trước. Cùng với Đại chủng thuộc về số hữu tình vị lai, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Đồng loại. Tăng thượng, nói như trước. Cùng với Đại chủng không có chấp thọ khác, chỉ là một Tăng thượng.

Đại chủng thuộc về số phi hữu tình hiện tại cùng với Đại chủng thuộc về số phi hữu tình hiện tại, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Câu hữu. Tăng thượng, nói như trước. Cùng với Đại chủng thuộc về số phi hữu tình vị lai, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Đồng loại. Tăng thượng, nói như trước. Cùng với Đại chủng không có chấp thọ khác, chỉ là một Tăng thượng.

Hỏi: Đại chủng không có chấp thọ cùng với Đại chủng có chấp thọ, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Đồng loại. Tăng thượng, nói như trước.

Nhưng có sai biệt, đó là Đại chủng thuộc số hữu tình quá khứ cùng với Đại chủng có chấp thọ, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Đồng loại. Tăng thượng, nói như trước. Đại chủng không có chấp thọ khác cùng với Đại chủng có chấp thọ, chỉ là một Tăng thượng.

Đã nói về Đại chủng, nay sẽ nói đến Sở tạo.

Sở tạo cũng có hai loại, đó là có chấp thọ và không có chấp thọ. Sát-na hiện tại thuộc về số hữu tình, do tâm-tâm sở pháp mà chấp thọ, đó là có chấp thọ. Quá khứ-vị lai và một phần hiện tại thuộc về số hữu tình, cùng với tất cả thuộc về số phi hữu tình của ba đời, là không có chấp thọ. Đây gọi là Tỳ-bà-sa tóm lược ở nơi này.

Hỏi: Sắc sở tạo có chấp thọ cùng với Sắc sở tạo có chấp thọ, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng, nghĩa về Tăng thượng nói như trước. Không có nhân, bởi vì Sắc sở tạo Hữu đối lẫn lượt chuyển đổi, hướng về nhau không phải là nhân Câu hữu.

Hỏi: Sắc sở tạo có chấp thọ cùng với Sắc sở tạo không có chấp thọ, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là hai nhân, đó là nhân Đồng loại-Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Nhưng có sai biệt, đó là Sắc sở tạo có chấp thọ cùng với Sắc sở tạo thuộc số hữu tình vị lai, làm Nhân và Tăng thượng; cùng với Sắc sở tạo không có chấp thọ khác, chỉ là một Tăng thượng.

Hỏi: Sắc sở tạo không có chấp thọ cùng với Sắc sở tạo không có chấp thọ, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là ba nhân, đó là nhân Câu hữu-Đồng loại-Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Nhưng có sai biệt, đó là Sắc sở tạo thuộc về số hữu tình quá khứ cùng với Sắc sở tạo thuộc về số hữu tình quá khứ, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là ba nhân, đó là nhân Câu hữu-Đồng loại-Dị thực. Tăng thượng, nói như trước. Cùng với Sắc sở tạo thuộc số hữu tình vị lai, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là hai nhân, đó là nhân Đồng loại-Dị thực. Tăng thượng, nói như trước. Cùng với Sắc sở tạo không có chấp thọ thuộc về số hữu tình hiện tại, làm Nhân và Tăng thượng, Nhân là một

nhân, đó là nhân Đồng loại. Tăng thượng, nói như trước. Cùng với Sắc sở tạo không có chấp thọ khác, chỉ là một Tăng thượng.

Sắc sở tạo thuộc về số phi hữu tình quá khứ cùng với Sắc sở tạo thuộc về số phi hữu tình quá khứ-vị lai-hiện tại, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Đồng loại. Tăng thượng, nói như trước. Cùng với Sắc sở tạo không có chấp thọ khác, chỉ là một Tăng thượng.

Sắc sở tạo thuộc về số hữu tình vị lai cùng với Sắc sở tạo thuộc về số hữu tình vị lai, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là hai nhân, đó là nhân Câu hữu-Dị thực. Tăng thượng, nói như trước. Cùng với Sắc sở tạo không có chấp thọ khác, chỉ là một Tăng thượng.

Sắc sở tạo thuộc về số phi hữu tình vị lai cùng với tất cả Sắc sở tạo không có chấp thọ, chỉ là một Tăng thượng.

Sắc sở tạo không có chấp thọ thuộc về số hữu tình hiện tại cùng với Sắc sở tạo không có chấp thọ thuộc về số hữu tình hiện tại, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Câu hữu. Tăng thượng, nói như trước. Cùng với Sắc sở tạo thuộc về số hữu tình vị lai, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là hai nhân, đó là nhân Đồng loại-Dị thực. Tăng thượng, nói như trước. Cùng với Sắc sở tạo không có chấp thọ khác, chỉ là một Tăng thượng.

Sắc sở tạo thuộc về số phi hữu tình hiện tại cùng với Sắc sở tạo thuộc về số phi hữu tình vị lai, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là một nhân, đó là nhân Đồng loại. Tăng thượng, nói như trước. Cùng với Sắc sở tạo không có chấp thọ khác, chỉ là một Tăng thượng.

Hỏi: Sắc sở tạo không có chấp thọ cùng với Sắc sở tạo có chấp thọ, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là hai nhân, đó là nhân Đồng loại-Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Nhưng có sai biệt, đó là Sắc sở tạo thuộc số hữu tình quá khứ cùng với Sắc sở tạo có chấp thọ, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là hai nhân, đó là nhân Đồng loại-Dị thực. Tăng thượng, nói như trước. Sắc sở tạo không có chấp thọ khác cùng với Sắc sở tạo có chấp thọ, chỉ là một Tăng thượng.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 138

LUẬN VỀ CHẤP THỌ (Phần 2)

Hỏi: Pháp tương ứng với nhân cùng Pháp tương ứng với nhân, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Nhân là năm nhân, đó là nhân Tương ứng, Câu hữu, Đồng loại, Biến hành, Dị thực. Đẳng vô gián, đó là pháp tương ứng với nhân đẳng vô gián, pháp tương ứng với nhân hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, đó là pháp tương ứng với nhân làm sở duyên cho pháp tương ứng với nhân. Tăng thượng, đó là không ngăn cản đối với sinh khởi, và chỉ riêng không có chướng ngại.

Hỏi: Pháp tương ứng với nhân cùng Pháp không tương ứng với nhân, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Tăng thượng. Nhân là bốn nhân, đó là nhân Câu hữu, Đồng loại, Biến hành, Dị thực. Đẳng vô gián, đó là pháp tương ứng với nhân đẳng vô gián, pháp không tương ứng với nhân hiện rõ ở trước mắt, tức là Đẳng chí Vô tướng, Đẳng chí Diệt tận, là pháp của tâm-tâm sở đẳng vô gián. Tăng thượng, nói như trước. Không phải là sở duyên, bởi vì pháp không tương ứng với nhân không có sở duyên.

Hỏi: Pháp không tương ứng với nhân cùng Pháp không tương ứng với nhân, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là bốn nhân, đó là nhân Câu hữu, Đồng loại, Biến hành, Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Pháp không tương ứng với nhân cùng Pháp tương ứng với nhân, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân, Sở duyên, Tăng thượng. Nhân là bốn nhân, đó là nhân Câu hữu, Đồng loại, Biến hành, Dị thực. Sở duyên, đó là pháp không tương ứng với nhân làm sở duyên cho pháp tương ứng với nhân. Tăng thượng, nói như trước. Không phải là Đẳng vô gián, bởi vì pháp không

tương ứng với nhân không phải là Đẳng vô gián duyên.

Hỏi: Pháp có sở duyên cùng với Pháp có sở duyên, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Nhân là năm nhân, đó là nhân Tương ứng, Câu hữu, Đồng loại, Biến hành, Dị thực. Đẳng vô gián, đó là pháp có sở duyên đẳng vô gián, pháp có sở duyên hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, đó là pháp có sở duyên làm sở duyên cho pháp có sở duyên. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Pháp có sở duyên cùng với Pháp không có sở duyên, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Tăng thượng. Nhân là bốn nhân, đó là nhân Câu hữu, Đồng loại, Biến hành, Dị thực. Đẳng vô gián, đó là pháp có sở duyên đẳng vô gián, pháp không có sở duyên hiện rõ ở trước mắt, tức là Đẳng chí Vô tướng, Đẳng chí Diệt tận, là pháp tâm- tâm sở đẳng vô gián. Tăng thượng, nói như trước. Không phải là sở duyên, bởi vì không có sở duyên của pháp không có sở duyên.

Hỏi: Pháp không có sở duyên cùng với Pháp không có sở duyên, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là bốn nhân, đó là nhân Câu hữu, Đồng loại, Biến hành, Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Pháp không có sở duyên cùng với Pháp có sở duyên, làm mấy nhân?

Đáp: Nhân, Sở duyên, Tăng thượng. Nhân là bốn nhân, đó là nhân Câu hữu, Đồng loại, Biến hành, Dị thực. Sở duyên, đó là pháp không có sở duyên làm sở duyên cho pháp có sở duyên. Tăng thượng, nói như trước. Không phải là đẳng vô gián, bởi vì pháp không có sở duyên không phải là đẳng vô gián.

Hỏi: Pháp có sắc cùng với Pháp có sắc, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là ba nhân, đó là nhân Câu hữu, Đồng loại, Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Pháp có sắc cùng với Pháp không có sắc, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân, Sở duyên, Tăng thượng. Nhân là ba nhân, đó là nhân Câu hữu, Đồng loại, Dị thực. Sở duyên, đó là pháp có sắc làm sở duyên cho pháp không có sắc. Tăng thượng, nói như trước. Không phải là đẳng vô gián, bởi vì pháp có sắc không phải là đẳng vô gián duyên.

Hỏi: Pháp không có sắc cùng với Pháp không có sắc, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Nhân là năm

nhân, đó là năm nhân như Tương ưng... Đẳng vô gián, đó là pháp không có sắc đẳng vô gián, pháp không có sắc hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, đó là pháp không có sắc làm sở duyên cho pháp không có sắc. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Pháp không có sắc cùng với Pháp có sắc, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân và Tăng thượng. Nhân là bốn nhân, đó là nhân Câu hữu, Đồng loại, Biến hành, Dị thực. Tăng thượng, nói như trước.

Pháp có thấy-không có thấy, có đối-không có đối, nói cũng như vậy. Sai biệt là Pháp có thấy cùng với Pháp có thấy, làm hai nhân, đó là nhân Đồng loại- Dị thực; còn lại đều nói như trước.

Hỏi: Pháp hữu lậu cùng với Pháp hữu lậu, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Nhân là năm nhân, đó là năm nhân như Tương ưng... Đẳng vô gián, đó là pháp hữu lậu đẳng vô gián, pháp hữu lậu hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, đó là pháp hữu lậu làm sở duyên cho pháp hữu lậu. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Pháp hữu lậu cùng với Pháp vô lậu, làm mấy duyên?

Đáp: Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Đẳng vô gián, đó là pháp hữu lậu đẳng vô gián, pháp vô lậu hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, đó là pháp hữu lậu làm sở duyên cho pháp vô lậu, tức là tâm-tâm sở pháp thuộc phẩm Nhãn trí của Khổ-Tập. Tăng thượng, nói như trước. Không phải là nhân, bởi vì nhân giống như chủng tử, không phải là pháp hữu lậu làm chủng tử cho pháp vô lậu.

Hỏi: Pháp vô lậu cùng với Pháp vô lậu, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Nhân là ba nhân, đó là nhân Tương ưng, Câu hữu, Đồng loại. Đẳng vô gián, đó là pháp vô lậu đẳng vô gián, pháp vô lậu hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, đó là pháp vô lậu làm sở duyên cho pháp vô lậu, tức là tâm-tâm sở pháp thuộc phẩm Nhãn trí của Diệt- Đạo. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Pháp vô lậu cùng với Pháp hữu lậu, làm mấy duyên?

Đáp: Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Đẳng vô gián, đó là pháp vô lậu đẳng vô gián, pháp hữu lậu hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, đó là pháp vô lậu làm sở duyên cho pháp hữu lậu. Tăng thượng, nói như trước. Không phải là nhân, bởi vì nhân giống như chủng tử, không phải là pháp vô lậu làm chủng tử cho pháp hữu lậu.

Hỏi: Pháp hữu vi cùng với Pháp hữu vi, làm mấy duyên?

Đáp: Nhân, Đẳng vô gián, Sở duyên, Tăng thượng. Nhân là năm nhân, đó là năm nhân như Tương ưng... Đẳng vô gián, đó là pháp hữu

vi đẳng vô gián, pháp hữu vi hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, đó là pháp hữu vi làm sở duyên cho pháp hữu vi. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Pháp hữu vi cùng với Pháp vô vi, làm mấy duyên?

Đáp: Không có.

Hỏi: Pháp vô vi cùng với Pháp vô vi, làm mấy duyên?

Đáp: Không có.

Hỏi: Pháp vô vi cùng với Pháp hữu vi, làm mấy duyên?

Đáp: Sở duyên và Tăng thượng. Sở duyên, đó là pháp vô vi làm sở duyên cho pháp hữu vi. Tăng thượng, nói như trước.

Hỏi: Vì sao Pháp hữu vi có nhân-có duyên, Pháp vô vi không có nhân-không có duyên?

Đáp: Bởi vì tánh của các pháp hữu vi yếu kém, cho nên dựa vào các nhân duyên; pháp vô vi mạnh mẽ không dựa vào nhân duyên. Như người kém cỏi dựa vào người khác, người mạnh khỏe thì không dựa vào ai cả; ở đây cũng như vậy.

Có người nói: Các pháp hữu vi có tác dụng cho nên dựa vào các nhân duyên, pháp vô vi không có tác dụng cho nên không dựa vào nhân duyên. Như người cắt cỏ thì cần đến cái liềm, người đào đất thì cần đến cái thuổng, người không làm gì thì không cần đến gì cả; ở đây cũng như vậy.

Có người nói: Các pháp hữu vi hiện hành giữa thế gian với tác dụng chọn lấy quả (thủ quả), hiểu rõ về cảnh cho nên cần đến nhân duyên, pháp vô vi không có sự việc như vậy cho nên không cần đến nhân duyên. Như người đi xa thì cần đến lương thực, không đi thì không cần đến; ở đây cũng như vậy.

Có người nói: Hữu vi như Vua cũng như quyền thuộc cho nên có nhân duyên, vô vi như Vua mà không như quyền thuộc cho nên không có nhân duyên. Như Vua và quyền thuộc của Vua, người giàu sang và quyền thuộc của người giàu sang, Đế Thích và quyền thuộc của Đế Thích, nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Các pháp hữu vi có lúc không sinh khởi thì pháp nào làm trở ngại, là pháp hữu vi hay là pháp vô vi?

Đáp: Các pháp hữu vi làm cho trở ngại, không phải là pháp vô vi, bởi vì pháp vô vi luôn làm nhân Năng tác và duyên Tăng thượng cho pháp hữu vi, đối với sinh khởi hay không sinh khởi đều không có chướng ngại, như miệng sư tử... ở bên suối hồ, lúc nước không chảy thì tự nhiên có duyên khác chứ không phải là miệng của những loài này làm chướng ngại.

Hỏi: Các pháp vô vi cùng với pháp hữu vi làm Tăng thượng duyên và Sở duyên duyên, đối với duyên tự động-duyên không tự động làm Tăng thượng duyên, có mạnh-yếu hay không?

Đáp: Nghĩa về Tăng thượng duyên như nhau chứ không có gì sai biệt, bởi vì nếu duyên hay không duyên đều không có gì chướng ngại; nghĩa về Sở duyên duyên thì có sai biệt, đối với duyên tự động thì làm Sở duyên duyên, đối với duyên không tự động thì sẽ không làm.

Các triển-sở triển nối tiếp Hữu (nẻo, loài) địa ngục. Cho đến nói rộng ra.

Đã nói đến thanh Hữu thì nghĩa có nhiều loại, như trong chương Kiết Uẩn nói rộng ra. Trong này nói đến Chúng đồng phần nối tiếp, năm Uẩn thuộc số hữu tình gọi là Hữu. Nhưng nối tiếp nhau có năm loại:

1. Trung hữu nối tiếp nhau.
2. Sinh hữu nối tiếp nhau.
3. Phần vị nối tiếp nhau.
4. Pháp nối tiếp nhau.
5. Sát na nối tiếp nhau.

Trung hữu nối tiếp nhau, nghĩa là Uẩn của Tử hữu diệt đi, Uẩn của Trung hữu khởi lên, Trung hữu nối tiếp Tử hữu gọi là Trung hữu nối tiếp nhau.

Sinh hữu nối tiếp nhau, nghĩa là Uẩn của Trung hữu diệt đi, Uẩn của Sinh hữu khởi lên, Sinh hữu nối tiếp Trung hữu gọi là Sinh hữu nối tiếp nhau.

Phần vị nối tiếp nhau, nghĩa là Uẩn của phần vị Yết-la-lam diệt đi, Uẩn của phần vị Át-bộ-đàm khởi lên, cho đến Uẩn của phần vị Trung niên diệt đi, Uẩn của phần vị Lão niên khởi lên, đều lấy phần vị sau nối tiếp phần vị trước gọi là Phần vị nối tiếp nhau.

Pháp nối tiếp nhau, nghĩa là pháp thiện đẳng vô gián, pháp nhiễm ô hoặc là pháp vô ký hiện rõ ở trước mắt; pháp nhiễm ô đẳng vô gián, pháp thiện hoặc là pháp vô ký hiện rõ ở trước mắt; pháp vô ký đẳng vô gián, pháp thiện hoặc là pháp nhiễm ô hiện rõ ở trước mắt, đều lấy pháp sau nối tiếp pháp trước gọi là Pháp nối tiếp nhau.

Sát-na nối tiếp nhau, nghĩa là Uẩn của sát-na thứ nhất đẳng vô gián, Uẩn của sát-na thứ hai hiện rõ ở trước mắt, sát-na sau nối tiếp sát-na trước gọi là Sát-na nối tiếp nhau.

Năm loại này đều đưa vào trong hai sự nối tiếp nhau, đó là Pháp nối tiếp nhau và Sát-na nối tiếp nhau, bởi vì đều không tách rời Pháp

và Sát-na.

Cõi (giới) phân biệt, cõi Dục có đủ năm loại, cõi Sắc có bốn loại trừ ra Phần vị, cõi Vô sắc có ba loại lại trừ ra Trung hữu.

Nẻo (thú) phân biệt, địa ngục có bốn loại trừ ra Phần vị, nẻo còn lại có đủ năm loại.

Sinh phân biệt, tất cả đều có đủ năm loại.

Ở trong năm loại nối tiếp nhau này, dựa vào hai loại nối tiếp nhau mà soạn luận, đó là Trung hữu và Sinh hữu.

Hỏi: Các triền-sở triền nối tiếp loài địa ngục, lúc đầu đã có được Đại chủng của các căn, Đại chủng của các căn ấy cùng với tâm-tâm sở pháp ấy, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Ngay tâm-tâm sở pháp ấy cùng với Đại chủng của các căn ấy, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Các triền-sở triền nối tiếp loài bàng sinh, loài quỷ, loài người, loài trời, lúc đầu đã có được Đại chủng của các căn, Đại chủng của các căn ấy cùng với tâm-tâm sở pháp ấy, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Ngay tâm-tâm sở pháp ấy cùng với Đại chủng của các căn ấy, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Nếu tâm-tâm sở pháp ấy, không duyên với Đại chủng của các căn ấy mà đầu thai (kiết sinh), thì có thể nói Đại chủng của các căn ấy cùng với tâm-tâm sở pháp ấy, chỉ là một Tăng thượng; nếu tâm-tâm sở pháp ấy, duyên với Đại chủng của các căn ấy mà đầu thai, thì Đại chủng của các căn ấy cùng với tâm-tâm sở pháp ấy sẽ làm hai duyên, đó là Sở duyên và Tăng thượng. Vì sao nhất định trả lời chỉ là một Tăng thượng?

Đáp: Cũng cần phải nói là hai mà không nói đến thì nên biết nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này nói về quyết định, nghĩa là Tăng thượng duyên thì nhất định, Sở duyên duyên thì không nhất định, vì vậy không nói đến.

Có người nói: Trong này nói về cùng có, nghĩa là Đại chủng của căn cùng với tâm-tâm sở lần lượt làm Tăng thượng duyên, vì vậy đã nói không phải là tâm-tâm sở cùng với Đại chủng của căn làm Sở duyên duyên, cho nên không nói đến.

Có người nói: Trong này nói về giúp đỡ lẫn nhau, nghĩa là Đại chủng của căn ấy cùng với tâm-tâm sở pháp lại giúp đỡ lẫn nhau, mạnh hơn về nghĩa của Tăng thượng; Sở duyên thì không như vậy, bởi vì hễ duyên với pháp nào thì cũng có thể sinh khởi, vì vậy không nói đến.

Hỏi: Sinh ở cõi Dục tiến vào Tĩnh lực thứ nhất thuộc hữu lậu, cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ, nuôi lớn các căn-tăng thêm Đại chủng, Đại chủng của các căn ấy cùng với tâm-tâm sở pháp ấy, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Ngay tâm-tâm sở pháp ấy cùng với Đại chủng của các căn, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Tâm-tâm sở pháp ấy, nếu duyên với pháp khác mà tiến vào Định thì có thể như đã nói; nếu duyên với chính Đại chủng của các căn ấy mà tiến vào Định thì có hai duyên, tại sao lại nói chỉ là một Tăng thượng?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này nói về quyết định, Sở duyên thì không nhất định, vì vậy không nói đến.

Có người nói: Trong này nói về cùng có, Sở duyên thì không như vậy, cho nên không nói đến.

Có người nói: Trong này nói về giúp đỡ lẫn nhau, nghĩa là tâm-tâm sở cùng với Đại chủng của căn ấy, lại giúp đỡ lẫn nhau, mạnh hơn về nghĩa của Tăng thượng; Sở duyên thì không như vậy, hễ duyên với pháp nào thì cũng có thể sinh khởi, vì vậy không nói đến.

Hỏi: Tiến vào các Tĩnh lực nuôi lớn các căn-tăng thêm Đại chủng, cùng với tiến vào Vô sắc, sai biệt thế nào?

Đáp: Tĩnh lực nuôi lớn-tăng thêm, nhiều mà không phải là diệu, như thức ăn của nước Phược-hát; Vô sắc nuôi lớn-tăng thêm, diệu mà không phải là nhiều, như thức ăn của vùng Trung Ấn Độ.

Hỏi: Sinh ở cõi Dục tiến vào Tĩnh lực thứ nhất thuộc vô lậu, cho đến Vô sở hữu xứ, nuôi lớn các căn-tăng thêm Đại chủng, Đại chủng của các căn ấy cùng với tâm-tâm sở pháp ấy, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Ngay tâm-tâm sở pháp ấy cùng với Đại chủng của các căn ấy, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Trong này không nói đến nghĩa của Sở duyên duyên, và sự sai biệt về nuôi lớn-tăng thêm của Tĩnh lực-Vô sắc, như trước nên biết.

Hỏi: Tiến vào Tĩnh lực-Vô sắc thuộc hữu lậu nuôi lớn các căn-tăng thêm Đại chủng, cùng với tiến vào vô lậu, sai biệt thế nào?

Đáp: Hữu lậu nuôi lớn-tăng thêm, nhiều mà không phải là diệu; vô lậu nuôi lớn-tăng thêm, diệu mà không phải là nhiều. Hai thí dụ như trước.

Hỏi: Sinh ở cõi Sắc tiến vào Tĩnh lực thứ nhất thuộc hữu lậu, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nuôi lớn các căn-tăng thêm Đại chủng, Đại chủng của các căn ấy cùng với tâm-tâm sở pháp ấy, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Ngay tâm-tâm sở pháp ấy cùng với Đại chủng của các căn ấy, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Sinh ở cõi Sắc tiến vào Tĩnh lực thứ nhất thuộc vô lậu, cho đến Vô sở hữu xứ, nuôi lớn các căn-tăng thêm Đại chủng, Đại chủng của các căn ấy cùng với tâm-tâm sở pháp ấy, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Hỏi: Ngay tâm-tâm sở pháp ấy cùng với Đại chủng của các căn ấy, làm mấy duyên?

Đáp: Một Tăng thượng.

Trong này không nói đến Sở duyên, và sự sai biệt về nuôi lớn-tăng thêm của Tĩnh lực-Vô sắc thuộc hữu lậu-vô lậu đều nói như trước.

Hỏi: Có chấp thọ là nghĩa gì?

Đáp: Do tăng ngữ này mà hiển bày về pháp rơi vào tự Thể.

Hỏi: Không có chấp thọ là nghĩa gì?

Đáp: Do tăng ngữ này mà hiển bày về pháp không phải là rơi vào tự Thể.

Nhưng nhiều nơi nói về có chấp thọ, nghĩa là trong này nói có chấp thọ là nghĩa gì? Đó là pháp rơi vào tự Thể. Trong kinh lại nói:

“Đối với uẩn khổ có chấp thọ, thì dẫn dắt sinh ra các khổ,
Đó là sinh khổ và lão khổ, cùng với bệnh khổ và tử khổ.”

Có kinh lại nói: “Không hề nghe dị sinh suốt đời tu sửa về Ngã có chấp thọ.”

Kinh khác lại nói: “Huống gì ở trong thân này tạm thời dừng lại mà có chấp thọ?”

Luận Phẩm Loại Túc nói: “Phần ít của chín Xứ gọi là có chấp

thọ.”

Luận Thức Thân nói: “Uẩn có chấp thọ là sở duyên của Từ.”

Hỏi: Nghĩa của các cách nói như vậy có gì khác nhau?

Đáp: Trong này nói năm Uẩn do thân bên trong thân nhiếp, gọi là có chấp thọ. Kinh thứ nhất nói năm Uẩn thuộc về số hữu tình nối tiếp Chúng đồng phần, gọi là có chấp thọ. Kinh thứ hai nói năm Uẩn quan hệ với Thân kiến từ vô thủy đến nay, gọi là có chấp thọ. Kinh thứ ba nói Sắc uẩn do thân bên trong thân nhiếp, gọi là có chấp thọ. Luận Phẩm Loại Túc nói phần ít của chín Xứ trong một sát-na, gọi là có chấp thọ. Luận Thức Thân nói phần ít của năm Uẩn trong một sát-na, gọi là có chấp thọ.

Có người nói: Luận Phẩm Loại Túc và luận Thức Thân nói phần ít của chín Xứ thuộc về số hữu tình trong một sát-na, gọi là có chấp thọ.

Có người nói: Hai luận nói phần ít của chín Xứ do có căn thân nhiếp trong một sát-na, gọi là có chấp thọ.

Có người nói: Hai luận nói phần ít của chín Xứ do dị thực thân nhiếp trong một sát-na, gọi là có chấp thọ.

Đó gọi là sự sai biệt giữa các cách nói.

Hỏi: Vì sao Từ chỉ duyên với Sắc?

Đáp: Lúc bắt đầu tu thì duyên với Sắc, lúc thành tựu thì duyên với năm Uẩn.

Sư phương Tây nói: “Có chấp thọ có bốn loại:

1. Thân có chấp thọ.
2. Nối tiếp nhau có chấp thọ.
3. Chúng đồng phần có chấp thọ.
4. Thế tục thi thiết có chấp thọ.

Thân có chấp thọ, đó là kinh thứ nhất đã nói: Đối với uẩn khổ có chấp thọ. Nối tiếp nhau có chấp thọ, như nói Ngã có thân căn nối tiếp nhau chấp thọ. Chúng đồng phần có chấp thọ, như nói Ngã có thân căn Chúng đồng phần chấp thọ. Thế tục thi thiết có chấp thọ, như nói Ngã chấp thọ gánh nặng như vậy, sự nghiệp như vậy.”

Trong này nói năm Uẩn bên trong thân gọi là có chấp thọ, pháp này vốn không thân nhiếp thì không có chấp thọ.

Hỏi: Như trước đã nói, có chấp thọ và không có chấp thọ, tướng ấy thế nào?

Đáp: Có người nói: Nếu cùng với máu thịt gân xương trú xen lẫn với nhau, thì gọi là có chấp thọ; cùng với điều này trái ngược nhau thì gọi là không có chấp thọ.

Có người nói: Vào lúc thân thể ấy bị cắt đứt rách toác, sinh ra đau đớn rồi bỏ gánh nặng, gọi là có chấp thọ; cùng với điều này trái ngược nhau thì gọi là không có chấp thọ.

Tôn giả Diêu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Nếu pháp đã sinh-chưa diệt, thuộc về số hữu tình, thì có đối đãi chứ không phải là do nghe mà gọi là có chấp thọ. Đã sinh là giản lược vị lai. Chưa diệt là ngăn chặn quá khứ. Thuộc về số hữu tình, là ngăn chặn số phi hữu tình. Thì có đối đãi, là ngăn chặn Ý xứ-Pháp xứ. Không phải là do nghe, là ngăn chặn Thanh xứ. Cùng với điều này trái ngược nhau thì gọi là không có chấp thọ.”

Tôn giả Tả Thủ đưa ra cách nói như vậy: “Nếu pháp có phạm vi phương hướng, thuộc về số hữu tình-thân hệ thuộc, thì có đối đãi có thể dẫn dắt-có thể rời bỏ, gọi là có chấp thọ. Có phạm vi phương hướng, là ngăn chặn quá khứ-vị lai. Thuộc về số hữu tình, là ngăn chặn số phi hữu tình. Thân hệ thuộc, là ngăn chặn thân đã thoát ra, đó là tóc-lông... Thì có đối đãi, là ngăn chặn Ý xứ-Pháp xứ. có thể dẫn dắt-có thể rời bỏ, là ngăn chặn Thanh xứ. Cùng với điều này trái ngược nhau thì gọi là không có chấp thọ.”

Hỏi: Trong mười hai Xứ, mấy Xứ có chấp thọ, mấy Xứ không có chấp thọ?

Đáp: Nếu sinh ở cõi Dục thì phần ít của chín Xứ là có chấp thọ; toàn phần của ba Xứ và phần ít của chín Xứ là không có chấp thọ. Ba Xứ, đó là Thanh xứ-Ý xứ-Pháp xứ. Nếu sinh ở cõi Sắc thì phần ít của bảy Xứ là có chấp thọ; toàn phần của ba Xứ và phần ít của bảy Xứ là không có chấp thọ. Ba Xứ, nói như trước.

Hỏi: Ba mươi sáu loại các vật bất tịnh ở trong thân này, mấy loại có chấp thọ, mấy loại không có chấp thọ?

Đáp: Lông-tóc-răng-móng, căn là có chấp thọ, còn lại là không có chấp thọ. Da-mật-não-máu, sinh là có chấp thọ, mục nát thì không có chấp thọ. Xương-thịt-gân-mạch-tim-phổi-lách-thận-gan-ruột-dạ dày-mô-mỡ-tủy não-sinh tạng-thục tạng, đều có chấp thọ; máu mủ-đàm dãi-nước mắt-nước mũi-nước miếng-mồ hôi-nước tiểu-bụi bẩn, đều không có chấp thọ.

Hỏi: Thuận theo Thủ là nghĩa gì?

Đáp: Do tăng ngữ này mà hiển bày về pháp hữu lậu.

Hỏi: Không thuận theo Thủ là nghĩa gì?

Đáp: Do tăng ngữ này mà hiển bày về pháp vô lậu.

Hỏi: Vì sao pháp hữu lậu gọi là thuận theo Thủ?

Đáp: Có người nói: Pháp này từ Thủ mà sinh ra, có thể sinh ra Thủ, cho nên gọi là thuận theo Thủ.

Có người nói: Pháp này từ Thủ mà chuyển, có thể xoay chuyển Thủ, cho nên gọi là thuận theo Thủ.

Có người nói: Pháp này do Thủ mà dẫn dắt, có thể dẫn dắt Thủ, cho nên gọi là thuận theo Thủ.

Có người nói: Pháp này do Thủ mà nuôi lớn, có thể nuôi lớn Thủ, cho nên gọi là thuận theo Thủ.

Có người nói: Pháp này do Thủ mà tăng rộng, tăng rộng đối với Thủ, cho nên gọi là thuận theo Thủ. Ở đây nói tăng rộng là hiển bày về nghĩa mọc lan ra.

Có người nói: Pháp này hệ thuộc đối với Thủ, cho nên gọi là thuận theo Thủ. Như thuộc về Vua thì gọi là thuận theo Vua. Bởi vì bên trong không có Ngã, nếu có ai hỏi rằng ông thuộc về ai, thì trả lời rằng thuộc về Thủ.

Có người nói: Các Thủ ở trong pháp này, sắp sinh-đã sinh, sắp giữ-đã giữ, sắp trú-đã trú, cho nên gọi là thuận theo Thủ.

Có người nói: Các Thủ ở trong pháp này, sắp nuôi lớn-đã nuôi lớn, cho nên gọi là thuận theo Thủ.

Có người nói: Các Thủ ở trong pháp này, sắp tăng rộng-đã tăng rộng, cho nên gọi là thuận theo Thủ.

Có người nói: Các Thủ bám chắc vào pháp này, như vật thấm ướt dầu mỡ thì bụi bẩn cứ bám vào, cho nên gọi là thuận theo Thủ.

Có người nói: Các Thủ thích trú vào pháp này, như cá tôm ếch nhái thích ở trong nước, cho nên gọi là thuận theo Thủ.

Có người nói: Pháp này là nhà cửa-nơi dừng chân yên ổn của Thủ, cho nên gọi là thuận theo Thủ.

Nghĩa là dựa vào pháp này, cho nên tất cả Ái-Mạn-Kiến-Nghi-Sân-Si, các triền cấu... đều sinh trưởng. Các pháp hữu lậu do cùng phần Thủ mà có được tên gọi thuận theo Thủ, chứ không phải là khác phần Thủ. Nghĩa là pháp của cõi Dục do Thủ của cõi Dục, pháp của cõi Sắc do Thủ của cõi Sắc, pháp của cõi Vô sắc do Thủ của cõi Vô sắc, pháp của địa Tĩnh lực thứ nhất do Thủ của địa Tĩnh lực thứ nhất, cho đến pháp của địa Phi tưởng phi phi tưởng do Thủ của địa Phi tưởng phi phi tưởng, bởi vì pháp hữu lậu thì cõi-địa không có xen tạp. Nếu dựa vào sự nối tiếp nhau thì có nghĩa của xen tạp, nghĩa là do thân mình giữ lấy(thủ) pháp của thân khác mà có được tên gọi thuận theo Thủ, do thân khác giữ lấy pháp của thân mình mà có được tên gọi thuận theo Thủ; nếu

không như vậy thì pháp bên ngoài lẽ ra không phải là thuận theo Thủ, bởi vì bên ngoài không có Thủ.

Hỏi: Thuận theo Kiết là nghĩa gì?

Đáp: Do tăng ngữ này mà hiển bày về pháp hữu lậu.

Hỏi: Không thuận theo Kiết là nghĩa gì?

Đáp: Do tăng ngữ này mà hiển bày về pháp vô lậu. Giải thích rộng về nghĩa thuận theo Kiết-không thuận theo Kiết, như trước nói về thuận theo Thủ-không thuận theo Thủ.

Hỏi: Kiến xứ là nghĩa gì?

Đáp: Do tăng ngữ này mà hiển bày về pháp hữu lậu.

Hỏi: Không phải Kiến xứ là nghĩa gì?

Đáp: Do tăng ngữ này mà hiển bày về pháp vô lậu.

Nhưng có nhiều nơi nói đến thanh Kiến xứ, nghĩa là trong này nói: “Kiến xứ là gì? Đó là đi cùng pháp hữu lậu.”

Trong kinh Ca Nại Đà lại nói: “Các kiến vốn có, các kiến xứ vốn có, các kiến triển vốn có, các kiến đẳng khởi vốn có, các kiến tổn hại vốn có, Đức Thế Tôn biết rõ-thấy rõ tất cả.”

Trong này, Kiến là năm Kiến, Kiến xứ là sở duyên của Kiến, Kiến triển là Kiến hiện hành, Kiến đẳng khởi là nhân của Kiến, Kiến tổn hại là Kiến diệt, Đức Thế Tôn biết rõ-thấy rõ tất cả là đối trị của Kiến.

Có người đưa ra cách nói này: Kiến-Kiến xứ-Kiến triển là Khổ đế, Kiến đẳng khởi là Tập đế, Kiến tổn hại là Diệt đế, Đức Thế Tôn biết rõ-thấy rõ tất cả là Đạo đế.

Kinh A La Yết Đà Dụ lại nói: “Có sáu kiến xứ, đó là các Sắc vốn có, hoặc quá khứ-hoặc vị lai-hoặc hiện tại, nói rộng cho đến Tỳ kheo nên dùng Chánh tuệ để quán xét tất cả Sắc ấy không phải là ngã-ngã sở, đừng khởi lên ngã mạn. Các Thọ vốn có, cho đến nói rộng ra. Các Tưởng vốn có, cho đến nói rộng ra. Những người có thấy-nghe-hiểu-biết, nếu đạt được-nếu mong cầu, thì ý tùy theo tâm-tứ, cho đến nói rộng ra. Những người có kiến này, có ngã-có hữu tình-có thế gian, luôn luôn an trú không có biến đổi, pháp đích thực an trú như vậy, cho đến nói rộng ra. Những người có kiến này, ngã thuận theo không có, ngã thuận theo không phải là có, ngã sẽ không có, ngã sẽ không phải là có. Tỳ kheo nên dùng Chánh tuệ để quán xét tất cả không phải là ngã-ngã sở, đừng khởi lên ngã mạn. Tỳ kheo nên đối với Kiến xứ-Thủ xứ... như vậy, tùy theo quán sát không có ngã-ngã sở. Nếu có thể như vậy thì đối với thế gian không hề có chấp thọ, cho đến nói rộng ra.”

Trong này, các Sắc-Thọ-Tưởng vốn có, tức là Sắc-Thọ-Tưởng uẩn. Những người có Kiến này, có Ngã-có Hữu tình, cho đến nói rộng ra; những người có Kiến này, Ngã thuận theo không có, cho đến nói rộng ra, đó là Hành uẩn. Những người có thấy-nghe-hiểu-biết..., đó là Thức uẩn.

Hỏi: Thấy-nghe-hiểu-biết nghĩa ấy đã đầy đủ, nếu đạt được-nếu mong cầu, thì ý tùy theo tâm tứ, lại hiển bày điều gì?

Đáp: Trước mở rộng-nay tóm lược, trước riêng biệt-nay tổng quát, trước tách ra-nay hợp lại, trước từ từ-nay mau lẹ, đó gọi là đã hiển bày về pháp phòng ngừa các lậu.

Kinh lại đưa ra cách nói này: “Đối với sáu Kiến xứ không Chánh tư duy, thì đối với thân bên trong thuận theo khởi lên một chấp, vì Đế-vì Trú cho nên có ngã, vì Đế-vì Trú cho nên ngã không có ngã, ngã thấy ngã, ngã thấy không có ngã, không có ngã thấy ngã. Hoặc là lúc này có ngã, có hữu tình, có mạng sống, có sinh ra, có nuôi dưỡng, có Bồ-đặc-già-la, có ý sinh khởi, có Ma-nạp-bà. Hoặc là không hề cho rằng hiện có, ở khắp mọi nơi đã làm-chưa làm các nghiệp thiện ác nhận lấy quả dị thực.”

Hỏi: Bốn nơi như vậy nói về thanh Kiến xứ có gì sai biệt?

Đáp: Có người nói: Trong này đã nói đến Kiến xứ, là hiển bày về tất cả các pháp hữu lậu. Kinh thứ nhất đã nói đến Kiến xứ, là hiển bày tổng quát về năm Kiến. Kinh thứ hai đã nói đến Kiến xứ, là hiển bày về Kiến và pháp lìa Kiến. Kinh thứ ba đã nói đến Kiến xứ, là hiển bày về Hữu thân kiến-Biên chấp kiến.

Có người nói: Trong này và hai kinh đầu đã nói đến Kiến xứ, là hiển bày tổng quát về năm Thủ uẩn. Kinh thứ ba đã nói đến Kiến xứ, là chỉ hiển bày về phần ít của Hành uẩn.

Có người nói: Trong này và hai kinh đầu, hiển bày chung về Pháp tương ứng-không tương ứng. Kinh thứ ba chỉ hiển bày về Pháp tương ứng. Như tương ứng-không tương ứng, có sở y-không có sở y, có hành tương ứng-không có hành tương ứng, có sở duyên-không có sở duyên, có cảnh giác-không có cảnh giác, cũng như vậy.

Có người nói: Trong này và hai kinh đầu, hiển bày chung về Pháp có sắc-không có sắc. Kinh thứ ba chỉ hiển bày về Pháp không có sắc. Như có sắc-không có sắc, có thấy-không có thấy, có đối-không có đối, cũng như vậy.

Có người nói: Trong này và hai kinh đầu, hiển bày chung về Pháp nhiễm-không nhiễm. Kinh thứ ba chỉ hiển bày về Pháp nhiễm. Như

nhiễm-không nhiễm, có tội-không có tội, có che phủ-không có che phủ, thiện-bất thiện, triền-không phải triền, cũng như vậy.

Có người nói: Trong này và hai kinh đầu, hiển bày chung về Pháp do kiến-tu mà đoạn. Kinh thứ ba chỉ hiển bày về Pháp do kiến mà đoạn. Như do kiến mà đoạn-do tu mà đoạn, không có quan hệ-có quan hệ, Nhẫn đối trị-Trí đối trị, cũng như vậy.

Có người nói: Trong này và hai kinh đầu, hiển bày chung về Pháp thiện-bất thiện-vô ký. Kinh thứ ba chỉ hiển bày về Pháp vô ký.

Có người nói: Trong này và hai kinh đầu, hiển bày chung về Pháp có dị thực-không có dị thực. Kinh thứ ba chỉ hiển bày về Pháp không có dị thực.

Hỏi: Các pháp hữu lậu, do Kiến nào mà nói là Kiến xứ?

Đáp: Có người nói: Do Hữu thân kiến-Biên chấp kiến cho nên nói là Kiến xứ, bởi vì hai loại này chỉ duyên với cảnh của địa mình.

Có người nói: Do bốn Kiến, đó là trong năm Kiến trừ ra Tà kiến, bởi vì bốn loại này duyên với hữu lậu.

Nói như vậy thì do năm Kiến cho nên mang lấy tên gọi Kiến xứ.

Hỏi: Nếu như vậy thì Diệt-Đạo nên gọi là Kiến xứ, bởi vì cảnh của Tà kiến?

Đáp: Kiến xứ có hai loại:

1. Xứ thuộc Sở duyên.
2. Xứ thuộc Tùy miên.

Có đủ hai nghĩa này mới gọi là Kiến xứ, Diệt-Đạo tuy là Xứ thuộc sở duyên của tà kiến, nhưng không phải là Xứ thuộc tùy miên, cho nên không gọi là Kiến xứ.

Có người nói: Kiến xứ có hai loại:

1. Xứ thuộc Sở duyên.
2. Xứ thuộc Tương ứng.

Có đủ hai loại này thì thiết lập tên gọi Kiến xứ, Diệt-Đạo tuy là Xứ thuộc sở duyên của Kiến, nhưng không phải là Xứ thuộc tương ứng, vì vậy không mang lấy tên gọi Kiến xứ.

Nếu pháp là bên trong thì pháp ấy do Xứ bên trong thấu nhiếp chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, tùy theo ý muốn ấy mà soạn luận, nhưng không trái với pháp tướng thì không cần phải vặn hỏi.

Có người đưa ra cách nói này: Vì ngăn chặn tông chỉ của người

khác để hiển bày về nghĩa của mình, nghĩa là có tông phái khác nói là pháp trong- ngoài đều không phải là có thật. Nay ngăn chặn ý đó, trình bày về pháp trong-ngoài đều là có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Nhưng mà pháp trong-ngoài có ba loại sai biệt:

1. Nối tiếp nhau trong ngoài, nghĩa là thuộc về thân của mình thì gọi là bên trong, thuộc về thân khác và số phi hữu tình thì gọi là bên ngoài.

2. Xứ trong ngoài, nghĩa là sở y của tâm-tâm sở gọi là bên trong, sở duyên gọi là bên ngoài.

3. Tình phi tình trong ngoài, nghĩa là pháp thuộc số hữu tình gọi là bên trong, pháp thuộc số phi hữu tình gọi là bên ngoài. Trong này chỉ dựa vào sự nối tiếp nhau mà soạn luận.

Hỏi: Nếu pháp là bên trong thì pháp ấy do Xứ bên trong thâm nhiếp chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp là bên trong mà không phải là do Xứ bên trong thâm nhiếp, như nói trú vào Thọ bên trong-Pháp bên trong, tuần tự quán xét về pháp. Pháp ấy là bên trong, bởi vì thuộc về thân của mình; không phải là do Xứ bên trong thâm nhiếp, bởi vì không phải là sở y của tâm-tâm sở. Nên biết trong này cũng thâm nhiếp năm cảnh như Sắc... của thân mình.

2. Có pháp do Xứ bên trong thâm nhiếp mà không phải là bên trong, như nói trú vào Thân bên ngoài-Tâm bên ngoài, tuần tự quán xét về tâm. Pháp ấy do Xứ bên trong thâm nhiếp, bởi vì là sở y của tâm-tâm sở; không phải là bên trong, bởi vì không phải là thuộc về thân của mình. Nên biết trong này cũng thâm nhiếp mắt-tai-mũi-lưỡi của thân khác.

3. Có pháp là bên trong cũng do Xứ bên trong thâm nhiếp, như nói trú vào Thân bên trong-Tâm bên trong, tuần tự quán xét về tâm. Pháp ấy là bên trong, bởi vì thuộc về thân của mình; cũng do Xứ bên trong thâm nhiếp, bởi vì là sở y của tâm-tâm sở. Nên biết trong này cũng thâm nhiếp mắt-tai-mũi-lưỡi của thân mình.

4. Có pháp không phải là bên trong cũng không phải là do Xứ bên trong thâm nhiếp, như nói trú vào Thọ bên ngoài-Pháp bên ngoài, tuần tự quán xét về pháp. Pháp ấy không phải là bên trong, bởi vì không phải là thuộc về thân của mình; không phải là do Xứ bên trong thâm nhiếp, bởi vì không phải là sở y của tâm-tâm sở. Nên biết trong này

cũng thâm nhiếp năm cảnh như Sắc... của thân khác.

Hỏi: Nếu pháp là bên ngoài thì pháp ấy do Xứ bên ngoài thâm nhiếp chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp là bên ngoài mà không phải là do Xứ bên ngoài thâm nhiếp, như nói trú vào Thân bên ngoài-Tâm bên ngoài, tuần tự quán xét về tâm. Pháp ấy là bên ngoài, bởi vì thuộc về thân khác; không phải là do Xứ bên ngoài thâm nhiếp, bởi vì không phải là chỉ có sở duyên của tâm-tâm sở. Nên biết trong này cũng thâm nhiếp mắt-tai-mũi-lưỡi của thân khác.

2. Có pháp do Xứ bên ngoài thâm nhiếp mà không phải là bên ngoài, như nói trú vào Thọ bên trong-Pháp bên trong, tuần tự quán xét về pháp. Pháp ấy do Xứ bên ngoài thâm nhiếp, bởi vì chỉ có sở duyên của tâm-tâm sở; không phải là bên ngoài, bởi vì không phải là thuộc về thân khác, và không phải là thuộc sở hữu tình. Nên biết trong này cũng thâm nhiếp năm cảnh như Sắc...của thân mình.

3. Có pháp là bên ngoài cũng do Xứ bên ngoài thâm nhiếp, như nói trú vào Thọ bên ngoài-Pháp bên ngoài, tuần tự quán xét về pháp. Pháp ấy là bên ngoài, bởi vì thuộc về thân khác và không phải là thuộc sở hữu tình; cũng do Xứ bên ngoài thâm nhiếp, bởi vì chỉ là sở duyên của tâm-tâm sở. Nên biết trong này cũng thâm nhiếp năm cảnh như Sắc... của thân khác.

4. Có pháp không phải là bên ngoài cũng không phải là do Xứ bên ngoài thâm nhiếp, như nói trú vào Thân bên trong-Tâm bên trong, tuần tự quán xét về tâm. Pháp ấy không phải là bên ngoài, bởi vì không phải là thuộc về thân khác, và không phải là thuộc sở hữu tình; không phải là do Xứ bên ngoài thâm nhiếp, bởi vì không phải là chỉ có sở duyên của tâm-tâm sở. Nên biết trong này cũng thâm nhiếp mắt-tai-mũi-lưỡi của thân mình.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 139

LUẬN VỀ CHẤP THỌ (Phần 3)

Có hai Thọ, đó là Thân thọ-Tâm thọ. Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn ngăn chặn tông chỉ của người khác, hiển bày về nghĩa của mình. Nghĩa là hoặc có người nói: Thọ chính là phần vị sai biệt của tâm. Lại có người nói: Chỉ có Khổ thọ, không có Lạc thọ-Xả thọ nào khác. Vì ngăn chặn ý đó, hiển bày về Thọ có ba loại sai biệt chứ không phải là tâm, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao trong này không hỏi đến một Thọ?

Đáp: Bởi vì đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Trong này hiển bày về Thọ sai biệt lần lượt chuyển đổi thân nhiếp lẫn nhau, không phải là hiển bày về Thể của Thọ, cho nên không hỏi đến một Thọ.

Hỏi: Có hai Thọ, đó là Thân thọ và Tâm thọ; có ba Thọ, đó là Lạc thọ-Khổ thọ và không khổ không lạc thọ; là hai thân nhiếp ba, hay là ba thân nhiếp hai?

Đáp: Thân nhiếp lẫn nhau tùy theo quan hệ. Nghĩa là Thân thọ thân nhiếp phần ít của ba Thọ, tức là Thọ này thuộc về Thân thọ; Tâm thọ cũng như vậy, cho nên nói là tùy theo quan hệ.

Hỏi: Hai Thọ nói như trước; có bốn Thọ, đó là Thọ hệ thuộc ba cõi và Thọ không hệ thuộc, là hai thân nhiếp bốn, hay là bốn thân nhiếp hai?

Đáp: Thân nhiếp lẫn nhau tùy theo quan hệ. Nghĩa là Thân thọ thân nhiếp phần ít của hai Thọ, tức là Thọ này thuộc về Thân thọ. Phần ít của hai Thọ, là Thọ hệ thuộc cõi Dục và Thọ hệ thuộc cõi Sắc. Tâm thọ thân nhiếp toàn phần của hai Thọ và phần ít của hai Thọ, tức là Thọ

này thuộc về Tâm thọ. Toàn phần của hai Thọ, là Thọ hệ thuộc cõi Vô sắc và Thọ không hệ thuộc; phần ít của hai Thọ, là Thọ hệ thuộc cõi Dục và Thọ hệ thuộc cõi Sắc. Vì vậy nói là tùy theo quan hệ.

Hỏi: Hai Thọ nói như trước; có năm Thọ, đó là Lạc căn-Khổ căn-Hỷ căn-Uu căn và Xả căn, là hai thân nhiếp năm, hay là năm thân nhiếp hai?

Đáp: Thân nhiếp lẫn nhau tùy theo quan hệ. Nghĩa là Thân thọ thân nhiếp toàn phần của một Thọ và phần ít của hai Thọ, tức là Thọ này thuộc về Thân thọ. Toàn phần của một Thọ, đó là Khổ căn; phần ít của hai Thọ, đó là Lạc căn và Xả căn. Tâm thọ thân nhiếp toàn phần của hai Thọ và phần ít của hai Thọ, tức là Thọ này thuộc về Tâm thọ. Toàn phần của hai Thọ, đó là Hỷ căn và Ưu căn; phần ít của hai Thọ, đó là Lạc căn và Xả căn. Vì vậy nói là tùy theo quan hệ.

Hỏi: Hai Thọ nói như trước; có sáu Thọ, đó là do Nhãn xúc mà sinh ra Thọ, do Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân-Ý xúc mà sinh ra Thọ, là hai thân nhiếp sáu, hay là sáu thân nhiếp hai?

Đáp: Thân nhiếp lẫn nhau tùy theo quan hệ. Nghĩa là Thân thọ thân nhiếp toàn phần của năm Thọ, tức là Thọ này thuộc về Thân thọ. Toàn phần của năm Thọ, đó là do Nhãn xúc mà sinh ra Thọ, cho đến do Thân xúc mà sinh ra Thọ. Tâm thọ thân nhiếp toàn phần của một Thọ, tức là Thọ này thuộc về Tâm thọ. Toàn phần của một Thọ, đó là do Ý xúc mà sinh ra Thọ. Vì vậy nói là tùy theo quan hệ.

Hỏi: Hai Thọ nói như trước; có mười tám Thọ, đó là sáu ý cận hành thuộc về Hỷ, sáu ý cận hành thuộc về Ưu, sáu ý cận hành thuộc về Xả, là hai thân nhiếp mười tám, hay là mười tám thân nhiếp hai?

Đáp: Hai thân nhiếp mười tám, không phải là mười tám thân nhiếp hai. Không thân nhiếp những gì? Đó là Lạc căn-Khổ căn hữu lậu, Xả căn tương ứng với năm Thức, và Thọ vô lậu.

Hỏi: Vì sao Lạc căn hữu lậu không phải là cận hành của ý?

Đáp: Lạc căn của cõi Dục-Tĩnh lự thứ nhất chỉ có ở năm Thức, và ý cận hành của ba Thức chỉ có ở Ý thức, cho nên Lạc căn hữu lậu không phải là cận hành của ý.

Hỏi: Lạc căn hữu lậu của Tĩnh lự thứ ba chỉ có ở Ý thức, vì sao không nói đến?

Đáp: Bắt đầu không phải là phạm vi, cho nên sau cũng không thiết lập.

Có người nói: Bởi vì căn ấy không phải là toàn phần, nghĩa là Lạc căn hữu lậu không có ở địa toàn phần, chỉ ở Ý thức cho nên không thiết

lập.

Có người nói: Bởi vì Lạc thọ ấy tuy tương ứng với Ý thức mà không phải là nhanh nhạy, cận hành của ý thì cần phải phân biệt nhanh nhạy để chuyển đổi; lại do đối đãi với Khổ chứ không phải là cận hành, cho nên căn này cũng không thiết lập.

Hỏi: Vì sao Khổ căn không phải là cận hành của ý?

Đáp: Khổ căn chỉ tương ứng với năm Thức, ý cận hành thì tương ứng với Ý thức.

Có người nói: Khổ căn không có năng lực phân biệt, có năng lực phân biệt thì thiết lập ý cận hành.

Có người nói: Khổ căn chọn lấy cảnh của tự tướng, ý cận hành thì chọn lấy tự tướng và cộng tướng. Lại nữa, Khổ căn chỉ duyên với hiện tại, ý cận hành thì duyên với tất cả ba đời. Lại nữa, Khổ căn luôn luôn chọn lấy cảnh, ý cận hành thì thường xuyên hướng đến mà chọn lấy. Lại nữa, Khổ căn không có năng lực suy đoán, có năng lực suy đoán thì thiết lập ý cận hành.

Hỏi: Vì sao Xả căn tương ứng với năm Thức mà không phải là ý cận hành?

Đáp: Nói như Khổ căn.

Hỏi: Vì sao Thọ vô lậu không phải là ý cận hành?

Đáp: Bởi vì Thọ vô lậu không có tướng của ý cận hành. Và lại, nếu Thọ có thể tăng thêm các quả báo, thâm nhiếp tiếp nhận các quả báo, duy trì vững chắc các quả báo, thì thiết lập ý cận hành; Thọ vô lậu làm sút giảm-tổn hại-phá hoại các quả báo, cho nên không thiết lập ý cận hành. Lại nữa, Thọ thậm chí là quan hệ của Thân kiến, thậm chí rơi vào Khổ-Tập đế, thì thiết lập ý cận hành; Thọ vô lậu thậm chí không phải là quan hệ của Thân kiến, thậm chí không rơi vào Khổ-Tập đế, cho nên không thiết lập ý cận hành.

Hỏi: Hai Thọ nói như trước; có ba mươi sáu Thọ, đó là sáu đam mê dựa vào Hỷ, sáu rời bỏ dựa vào Hỷ, sáu đam mê dựa vào Ưu, sáu rời bỏ dựa vào Ưu, sáu đam mê dựa vào Xả, sáu rời bỏ dựa vào Xả, là hai thâm nhiếp ba mươi sáu, hay là ba mươi sáu thâm nhiếp hai?

Đáp: Hai thâm nhiếp ba mươi sáu, không phải là ba mươi sáu thâm nhiếp hai. Đó là nói như trước, tức là Lạc căn-Khổ căn hữu lậu, Xả căn tương ứng với năm Thức và Thọ vô lậu, hỏi-đáp phân biệt nên biết như trước.

Hỏi: Hai Thọ nói như trước; có một trăm lẻ tám Thọ, đó là dựa vào ba đời đều có ba mươi sáu Thọ, là hai thâm nhiếp một trăm lẻ tám,

hay là một trăm lẻ tám thân nhiếp hai?

Đáp: Hai thân nhiếp một trăm lẻ tám, không phải là một trăm lẻ tám thân nhiếp hai. Không thân nhiếp những gì? Đó là nói như trước, tức là Lạc căn hữu lậu cho đến Thọ vô lậu, hỏi-đáp như trước.

Hỏi: Ba Thọ và bốn Thọ, là ba thân nhiếp bốn, hay là bốn thân nhiếp ba?

Đáp: Thân nhiếp lẫn nhau tùy theo quan hệ. Nghĩa là Lạc thọ thân nhiếp phần ít của ba Thọ, tức là Thọ này thuộc về Lạc thọ. Phần ít của ba Thọ, là Thọ hệ thuộc cõi Dục, Thọ hệ thuộc cõi Sắc và Thọ không hệ thuộc. Khổ thọ thân nhiếp phần ít của một Thọ, tức là Thọ này thuộc về Khổ thọ. Phần ít của một Thọ, đó là Thọ hệ thuộc cõi Dục. Không khổ không lạc thọ thân nhiếp toàn phần của một Thọ và phần ít của ba Thọ, tức là Thọ này thuộc về Không khổ không lạc thọ. Toàn phần của một Thọ, đó là Thọ hệ thuộc cõi Vô sắc; phần ít của ba Thọ, đó là Thọ hệ thuộc cõi Dục, Thọ hệ thuộc cõi Sắc và Thọ không hệ thuộc. Vì vậy nói là tùy theo quan hệ.

Hỏi: Ba Thọ và năm Thọ, là ba thân nhiếp năm, hay là năm thân nhiếp ba?

Đáp: Thân nhiếp lẫn nhau tùy theo quan hệ. Nghĩa là Lạc thọ thân nhiếp toàn phần của hai Thọ, tức là Thọ này thuộc về Lạc thọ. Toàn phần của hai Thọ, đó là Lạc căn và Hỷ căn. Khổ thọ thân nhiếp toàn phần của hai Thọ, tức là Thọ này thuộc về Khổ thọ. Toàn phần của hai Thọ, đó là Khổ căn và Ưu căn. Không khổ không lạc thọ thân nhiếp toàn phần của một Thọ, tức là Thọ này thuộc về Không khổ không lạc thọ. Toàn phần của một Thọ, đó là Xả căn. Vì vậy nói là tùy theo quan hệ.

Hỏi: Ba Thọ và sáu Thọ, là ba thân nhiếp sáu, hay là sáu thân nhiếp ba?

Đáp: Thân nhiếp lẫn nhau tùy theo quan hệ. Nghĩa là Lạc thọ thân nhiếp phần ít của sáu Thọ, tức là Thọ này thuộc về Lạc thọ. Khổ thọ thân nhiếp phần ít của sáu Thọ, tức là Thọ này thuộc về Khổ thọ. Không khổ không lạc thọ thân nhiếp phần ít của sáu Thọ, tức là Thọ này thuộc về Không khổ không lạc thọ. Các phần ít của sáu Thọ, đó là do Nhân xúc mà sinh ra Thọ, cho đến do Ý xúc mà sinh ra thọ. Vì vậy nói là tùy theo quan hệ.

Hỏi: Ba Thọ và mười tám Thọ, là ba thân nhiếp mười tám, hay là mười tám thân nhiếp ba?

Đáp: Ba thân nhiếp mười tám, không phải là mười tám thân nhiếp

ba. Không thâm nhiếp những gì? Đó là Lạc căn-Khổ căn hữu lậu, Xả căn tương ứng với năm Thức và Thọ vô lậu. Ba Thọ và ba mươi sáu Thọ, ba Thọ và một trăm lẻ tám Thọ, nói cũng như vậy, bởi vì đều đối với ba Thọ không thâm nhiếp Lạc căn hữu lậu cho đến Thọ vô lậu, hỏi-đáp như trên.

Hỏi: Bốn Thọ và năm Thọ, là bốn thâm nhiếp năm, hay là năm thâm nhiếp bốn?

Đáp: Thâm nhiếp lẫn nhau tùy theo quan hệ. Nghĩa là Thọ hệ thuộc cõi Dục thâm nhiếp toàn phần của hai Thọ và phần ít của ba Thọ, tức là Thọ này thuộc về Thọ hệ thuộc cõi Dục. Toàn phần của hai Thọ, đó là Khổ căn và Ưu căn; phần ít của ba Thọ, đó là Lạc căn-Hỷ căn và Xả căn. Thọ hệ thuộc cõi Sắc thâm nhiếp phần ít của ba Thọ, tức là Thọ này thuộc về Thọ hệ thuộc cõi Sắc. Phần ít của ba Thọ, đó là Lạc căn-Hỷ căn và Xả căn. Thọ hệ thuộc cõi Vô sắc thâm nhiếp phần ít của một Thọ, tức là Thọ này thuộc về Thọ hệ thuộc cõi Vô sắc. Phần ít của một Thọ, đó là Xả căn. Thọ không hệ thuộc thâm nhiếp phần ít của ba Thọ, tức là Thọ này thuộc về Thọ không hệ thuộc. Phần ít của ba Thọ, đó là Lạc căn-Hỷ căn và Xả căn. Vì vậy nói là tùy theo quan hệ.

Hỏi: Bốn Thọ và sáu Thọ, là bốn thâm nhiếp sáu, hay là sáu thâm nhiếp bốn?

Đáp: Thâm nhiếp lẫn nhau tùy theo quan hệ. Nghĩa là Thọ hệ thuộc cõi Dục thâm nhiếp toàn phần của hai Thọ và phần ít của bốn Thọ, tức là Thọ này thuộc về Thọ hệ thuộc cõi Dục. Toàn phần của hai Thọ, đó là do Tỷ xúc mà sinh ra Thọ và do Thiệt xúc mà sinh ra Thọ; phần ít của bốn Thọ, đó là do Nhân xúc mà sinh ra Thọ, do Nhĩ-Thân-Ý xúc mà sinh ra Thọ. Thọ hệ thuộc cõi Sắc thâm nhiếp phần ít của bốn Thọ, tức là Thọ này thuộc về Thọ hệ thuộc cõi Sắc. Phần ít của bốn Thọ, đó là do Nhân xúc mà sinh ra thọ, do Nhĩ-Thân-Ý xúc mà sinh ra Thọ. Thọ hệ thuộc cõi Vô sắc thâm nhiếp phần ít của một Thọ, tức là Thọ này thuộc về Thọ hệ thuộc cõi Vô sắc. Thọ không hệ thuộc thâm nhiếp phần ít của một Thọ, tức là Thọ này thuộc về Thọ không hệ thuộc. Các phần ít của một Thọ, đó là do Ý xúc mà sinh ra Thọ. Vì vậy nói là tùy theo quan hệ.

Hỏi: Bốn Thọ và mười tám Thọ, là bốn thâm nhiếp mười tám, hay là mười tám thâm nhiếp bốn?

Đáp: Bốn thâm nhiếp mười tám, không phải là mười tám thâm nhiếp bốn. Không thâm nhiếp những gì? Đó là Lạc căn-Khổ căn hữu lậu, Xả căn tương ứng với năm Thức, và Thọ vô lậu. Bốn Thọ và ba

mười sáu Thọ, bốn Thọ và một trăm lẻ tám Thọ, nói cũng như vậy, hỏi-đáp như trên.

Hỏi: Năm Thọ và sáu Thọ, là năm thân nhiếp sáu, hay là sáu thân nhiếp năm?

Đáp: Thân nhiếp lẫn nhau tùy theo quan hệ. Nghĩa là Lạc căn-Xả căn thân nhiếp phần ít của sáu Thọ, tức là Thọ này thuộc về Lạc căn-Xả căn. Phần ít của sáu Thọ, đó là do Nhân xúc mà sinh ra Thọ, cho đến do Ý xúc mà sinh ra Thọ. Khổ căn thân nhiếp phần ít của năm Thọ, tức là Thọ này thuộc về Khổ căn. Phần ít của năm Thọ, đó là do Nhân xúc mà sinh ra Thọ, cho đến do Thân xúc mà sinh ra Thọ. Ưu căn-Hỷ căn thân nhiếp phần ít của một Thọ, tức là Thọ này thuộc về Ưu căn-Hỷ căn. Phần ít của một Thọ, đó là do Ý xúc mà sinh ra Thọ. Vì vậy nói là tùy theo quan hệ.

Năm Thọ và mười tám Thọ, năm Thọ và ba mươi sáu Thọ, năm Thọ và một trăm lẻ tám Thọ, đều nói như bốn Thọ và mười tám Thọ... trước đây. Vì vậy nói là tùy theo quan hệ.

Sáu Thọ và mười tám Thọ, sáu Thọ và ba mươi sáu Thọ, sáu Thọ và một trăm lẻ tám Thọ, nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Mười tám Thọ và ba mươi sáu Thọ, là mười tám thân nhiếp ba mươi sáu, hay là ba mươi sáu thân nhiếp mười tám?

Đáp: Thân nhiếp lẫn nhau tùy theo quan hệ. Nghĩa là sáu ý cận hành thuộc về Hỷ thân nhiếp toàn phần của mười hai Thọ, tức là Thọ này thuộc về sáu ý cận hành của Hỷ. Toàn phần của mười hai Thọ, đó là sáu đam mê dựa vào Hỷ, sáu rời bỏ dựa vào Hỷ. Sáu ý cận hành thuộc về Ưu thân nhiếp toàn phần của mười hai Thọ, tức là Thọ này thuộc về sáu ý cận hành của Ưu. Toàn phần của mười hai Thọ, đó là sáu đam mê dựa vào Ưu, sáu rời bỏ dựa vào Ưu. Sáu ý cận hành thuộc về Xả thân nhiếp toàn phần của mười hai Thọ, tức là Thọ này thuộc về sáu ý cận hành của Xả. Toàn phần của mười hai Thọ, đó là sáu đam mê dựa vào Xả, sáu rời bỏ dựa vào Xả. Vì vậy nói là tùy theo quan hệ.

Hỏi: Mười tám Thọ và một trăm lẻ tám Thọ, là mười tám thân nhiếp một trăm lẻ tám, hay là một trăm lẻ tám thân nhiếp mười tám?

Đáp: Thân nhiếp lẫn nhau tùy theo quan hệ. Nghĩa là sáu ý cận hành thuộc về Hỷ thân nhiếp toàn phần của ba mươi sáu Thọ, tức là Thọ này thuộc về sáu ý cận hành của Hỷ. Toàn phần của ba mươi sáu Thọ, đó là sáu đam mê dựa vào Hỷ, sáu rời bỏ dựa vào Hỷ, loại này đều có ba đời. Sáu ý cận hành thuộc về Ưu thân nhiếp toàn phần của ba mươi sáu Thọ, tức là Thọ này thuộc về sáu ý cận hành của Ưu. Toàn

phần của ba mươi sáu Thọ, đó là sáu đăm mê dựa vào Ưu, sáu rời bỏ dựa vào Ưu, loại này đều có ba đời. Sáu ý cận hành thuộc về Xả, sáu nhiếp toàn phần của ba mươi sáu Thọ, tức là Thọ này thuộc về sáu ý cận hành của Xả. Toàn phần của ba mươi sáu Thọ, đó là sáu đăm mê dựa vào Xả, sáu rời bỏ dựa vào Xả, loại này đều có ba đời. Vì vậy nói là tùy theo quan hệ.

Hỏi: Ba mươi sáu Thọ và một trăm lẻ tám Thọ, là ba mươi sáu thọ nhiếp một trăm lẻ tám, hay là một trăm lẻ tám thọ nhiếp ba mươi sáu?

Đáp: Thọ nhiếp lẫn nhau tùy theo quan hệ. Nghĩa là ba mươi sáu Thọ đều thọ nhiếp toàn phần của ba Thọ, tức là Thọ này thuộc về ba mươi sáu Thọ. Toàn phần của ba Thọ, tức là ba mươi sáu Thọ đều có ba đời riêng biệt. Vì vậy nói là tùy theo quan hệ.

Hỏi: Mười tám ý cận hành kiến lập như thế nào, là vì tương ứng, là vì tự tánh, hay là vì sở duyên? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu vì tương ứng thì chỉ có một, đó là cận hành tương ứng với Ý thức. Nếu vì tự tánh thì chỉ có ba, đó là cận hành thuộc Hỷ, cận hành thuộc Ưu, cận hành thuộc Xả. Nếu vì sở duyên thì chỉ có sáu, đó là cận hành thuộc Sắc cho đến cận hành thuộc Pháp. Vì sao lại nói là mười tám?

Đáp: Tổng quát bởi vì ba duyên cho nên thiết lập mười tám, nghĩa là một cận hành tương ứng với Ý thức, có tự tánh của ba loại là Hỷ-Ưu và Xả, đều duyên với sáu loại cảnh như Sắc... mà khởi lên, cho nên có mười tám.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cố.

Hỏi: Vì nhân duyên gì mà gọi là ý cận hành?

Đáp: Mười tám Thọ này dùng ý làm duyên gần để hiện hành giữa cảnh giới, cho nên gọi là ý cận hành. Lại nữa, mười tám Thọ này làm duyên gần khiến cho ý đối với cảnh thường xuyên hiện hành, cho nên gọi là ý cận hành. Lại nữa, dựa vào ý cho nên hiện hành ở cảnh gần, gọi là ý cận hành. Nhanh nhạy đối với cảnh, thích thường xuyên phân biệt, cho nên gọi là hành. Như người nữ nhanh nhạy luôn luôn đối với chồng mình, bộc lộ những thái độ khác nhau, có lúc chọn lấy tướng vui, có lúc chọn lấy tướng buồn, có lúc chọn lấy tướng bình thường. Như vậy, Thọ nhanh nhạy luôn luôn đối với sáu cảnh, khởi lên hành phân biệt, hoặc là hành thuận theo tướng Hỷ, hoặc là hành thuận theo tướng Ưu, hoặc là hành thuận theo tướng Xả. Bởi vì nhân duyên này cho nên gọi là ý cận hành.

Hỏi: Mười tám ý cận hành này, là chỉ thuộc về Ý địa, hay là cũng

thuộc về năm Thức?

Đáp: Chỉ thuộc về Ý địa chứ không phải là năm Thức.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao trong kinh nói: “Mất thấy sắc rồi, đối với sắc thuận theo Hỷ khởi lên cận hành của Hỷ, đối với sắc thuận theo Ưu khởi lên cận hành của Ưu, đối với sắc thuận theo Xả khởi lên cận hành của Xả, nói rộng ra cho đến ý biết pháp rồi, đối với pháp thuận theo Hỷ khởi lên cận hành của Hỷ, đối với pháp thuận theo Ưu khởi lên cận hành của Ưu, đối với pháp thuận theo Xả khởi lên cận hành của Xả”?

Đáp: Bởi vì năm Thức thân đã dẫn dắt phát khởi mà làm thành con đường, cho nên đưa ra cách nói như vậy, nhưng ý cận hành chỉ thuộc về Ý địa. Như quán Bất tịnh cũng chỉ là Ý địa, nhưng trong kinh nói “Mất thấy sắc rồi, thuận theo quán bất tịnh an trú đầy đủ”, cũng bởi vì nhãn Thức đã dẫn dắt phát khởi mà làm thành con đường, cho nên đưa ra cách nói như vậy. Lại trong kinh nói: “Mất thấy sắc rồi...” Vì vậy biết rằng ý cận hành không thuộc về năm Thức.

Hỏi: Cũng nói ý biết pháp rồi, lẽ nào cũng không thuộc về Ý thức hay sao?

Đáp: Dựa vào thù thắng mà nói cho nên không có lỗi, nghĩa là ban đầu Hỷ... tuy cũng là cận hành, nhưng không phải là rõ ràng nhanh nhạy, về sau chú trọng vào cảnh phân biệt nhanh nhạy, mới gọi là cận hành, vì vậy cho nên nói là ý biết pháp rồi. Vả lại, trong năm Thức không có nghĩa của cận hành, như trước đã nói.

Hỏi: Thời gian trước và thời gian sau vốn có phân biệt cũng là ý cận hành, vì sao trong kinh không nói?

Đáp: Là ý cận hành, nhưng tùy theo rõ ràng cho nên chỉ nói về hiện tại, dựa vào chủng loại ấy mà hiển bày quá khứ-vị lai cũng như vậy.

Hỏi: Có những lúc không phải là thấy sắc rồi mà phân biệt về sắc, cho đến không phải là xúc tiếp xúc rồi mà phân biệt về xúc, từ đây mà sinh ra Hỷ... là ý cận hành chăng?

Đáp: Là ý cận hành. Nhưng trong kinh dựa vào nghĩa rõ ràng, nói là thấy sắc rồi, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Có những lúc mất thấy sắc rồi, khởi lên phân biệt về Thanh..., cho đến ý biết pháp rồi, khởi lên phân biệt về Sắc..., từ đây mà sinh ra Hỷ... là ý cận hành chăng?

Đáp: Là ý cận hành. Nhưng trong kinh dựa vào nghĩa rõ ràng, nói là thấy sắc rồi, cho đến nói rộng ra. Nếu đưa ra cách nói này thì giác

và sở giác, căn và nghĩa của căn, hành tướng và sở duyên đều được rõ ràng. Nếu không như vậy thì không phân biệt rõ ràng.

Hỏi: Mười tám ý cận hành này, mấy loại là duyên xen tạp, mấy loại là duyên không xen tạp?

Đáp: Mười lăm loại là duyên không xen tạp, đó là ý cận hành của Sắc có ba loại, cho đến ý cận hành của Xúc có ba loại, còn lại là duyên xen tạp. Duyên không xen tạp, đó là ý cận hành của Pháp có ba loại, duyên với sáu Xứ bên trong và Pháp xứ bên ngoài; nếu chung-nếu riêng thì gọi là duyên không xen tạp; nếu duyên với bảy Xứ này thì hoặc là chung-hoặc là riêng, và trong năm Xứ bên ngoài hoặc một-hoặc hai, hoặc cho đến năm thì gọi là duyên xen tạp. Ở trong năm Xứ bên ngoài, nếu hợp lại duyên với hai, hoặc cho đến năm thì cũng gọi là duyên xen tạp, bởi vì ý cận hành của Pháp lấy pháp làm tên gọi chung, dùng duyên kết hợp cho nên không phải là mười lăm loại trước.

Hỏi: Có thể có Sắc... quyết định thuận theo Hỷ, cho đến quyết định thuận theo Xả chăng?

Đáp: Dựa vào sở duyên cho nên không có, dựa vào nối tiếp nhau cho nên có. Nghĩa là có Sắc... có lúc vừa ý, có lúc không vừa ý, có lúc vừa ý ở nơi kia, có lúc vừa ý ở nơi này, có lúc ở những nơi khác không phải là vừa ý-không phải là không vừa ý.

Có người nói: Sắc... đối với phẩm thân thiết thì thuận theo Hỷ, đối với phẩm oán thù thì thuận theo Ưu, đối với phẩm bình thường thì thuận theo Xả.

Hỏi: Mười tám ý cận hành này, mấy loại nối tiếp sinh, mấy loại mạng chung?

Đáp: Sáu loại, đó là sáu ý cận hành thuộc về Xả. Nguyên có thế nào? Bởi vì các ý cận hành thuộc Hỷ-Ưu do tác ý thù thắng mà chuyển, mạng chung-nối tiếp sinh thì không có tác ý thù thắng.

Hỏi: Trong phần vị Yết-la-lam..., đều có mấy ý cận hành?

Đáp: Đều có thể có mười tám ý cận hành.

Hỏi: Mấy ý cận hành có thể lìa nhiễm?

Đáp: Một, đó là duyên xen tạp. Ý cận hành của Xả thuộc về Pháp, có thể làm đạo vô gián, nếu như đạo giải thoát thì cùng có duyên xen tạp. Ý cận hành của Hỷ thuộc về Pháp, gia hạnh và thắng tiến cũng gồm chung những đạo khác.

Hỏi: Mười tám ý cận hành này, cõi nào-địa nào có mấy loại?

Đáp: Cõi Dục có đủ tất cả. Trong cõi Sắc thì hai Tịnh lự đầu đều có mười hai loại, trừ ra sáu Ưu; Tịnh lự thứ ba-thứ tư đều có sáu loại,

lại trừ ra sáu Hỷ. Trong cõi Vô sắc thì Cận phần của Không vô biên xứ, nếu chấp nhận có duyên riêng với địa dưới thì có bốn ý cận phần thuộc về Xả, đó là Sắc-Thanh-Xúc-Pháp; nếu chỉ chấp nhận duyên chung với địa dưới thì chỉ có một ý cận hành của Xả thuộc về Pháp. Nói như vậy thì nên nói là có bốn. Bốn Vô sắc Căn bản và ba Cận phần trên, tất cả chỉ có một ý cận hành của Xả thuộc về Pháp.

Hỏi: Mấy ý cận hành duyên với pháp của cõi nào?

Đáp: Hệ thuộc cõi Dục, trong mười tám loại có sáu loại chỉ duyên với hệ thuộc cõi Dục, đó là duyên với cận hành Hỷ-Uỷ-Xả thuộc về Hương-Vị; chín loại cùng duyên với hệ thuộc cõi Dục-Sắc, đó là duyên với cận hành Hỷ-Uỷ-Xả thuộc về Sắc-Thanh-Xúc; ba loại cùng duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc, đó là duyên với cận hành Hỷ-Uỷ-Xả thuộc về Pháp.

Trong hai Tĩnh lự đầu đều có mười hai loại, bốn loại chỉ duyên với hệ thuộc cõi Dục, đó là duyên với cận hành Hỷ-Xả thuộc về Hương-Vị; sáu loại cùng duyên với hệ thuộc cõi Dục-Sắc, đó là duyên với cận hành Hỷ-Xả thuộc về Sắc-Thanh-Xúc; hai loại cùng duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc, đó là duyên với cận hành Hỷ-Xả thuộc về Pháp. Trong Tĩnh lự thứ ba-thứ tư đều có sáu loại, hai loại chỉ duyên với hệ thuộc cõi Dục, đó là duyên với cận hành Xả thuộc về Hương-Vị; ba loại cùng duyên với hệ thuộc cõi Dục-Sắc, đó là duyên với cận hành Xả thuộc về Sắc-Thanh-Xúc; một loại cùng duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc, đó là duyên với cận hành Xả thuộc về Pháp.

Cận phần của Không vô biên xứ, nếu chấp nhận có bốn ý cận hành, thì ba loại chỉ duyên với hệ thuộc cõi Sắc, đó là duyên với ý cận hành của Xả thuộc về Sắc-Thanh-Xúc; một loại cùng duyên với hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc và không hệ thuộc, đó là duyên với ý cận hành của Xả thuộc về Pháp. Nếu chấp nhận chỉ có một ý cận hành, thì đó là ý cận hành của Xả thuộc về Pháp, một loại ấy cùng duyên với hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc và không hệ thuộc. Bốn Vô sắc Căn bản và ba Cận phần trên, tất cả đều có một ý cận hành của Xả thuộc về Pháp, cũng cùng duyên với hệ thuộc cõi Vô sắc và không hệ thuộc.

Hỏi: Các ý cận hành này, ai thành tựu mấy loại?

Đáp: Sinh ở cõi Dục, nếu chưa đạt được tâm thiện của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu tất cả ý cận hành của cõi Dục, hai Tĩnh lự đầu đều có tám loại, Tĩnh lự thứ ba-thứ tư đều có bốn, cõi Vô sắc có một.

Nếu đạt được tâm thiện của cõi Sắc, chưa lìa nhiễm của cõi Dục, thì lúc ấy thành tựu tất cả ý cận hành của cõi Dục, Tĩnh lự thứ nhất có

mười, Tĩnh lực thứ hai có tám, Tĩnh lực thứ ba-thứ tư đều có bốn, cõi Vô sắc có một.

Nếu đã lìa nhiễm của cõi Dục, chưa đạt được tâm thiện của Tĩnh lực thứ hai, thì lúc ấy thành tựu cõi Dục-Tĩnh lực thứ nhất đều có mười hai, Tĩnh lực thứ hai có tám, Tĩnh lực thứ ba-thứ tư đều có bốn, cõi Vô sắc có một.

Nếu đạt được tâm thiện của Tĩnh lực thứ hai, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lực thứ nhất, thì lúc ấy thành tựu cõi Dục-Tĩnh lực thứ nhất đều có mười hai, Tĩnh lực thứ hai có mười, Tĩnh lực thứ ba-thứ tư đều có bốn, cõi Vô sắc có một.

Nếu đã lìa nhiễm của Tĩnh lực thứ nhất, chưa đạt được tâm thiện của Tĩnh lực thứ ba, thì lúc ấy thành tựu cõi Dục-hai Tĩnh lực đầu đều có mười hai, Tĩnh lực thứ ba-thứ tư đều có bốn, cõi Vô sắc có một.

Nếu đạt được tâm thiện của Tĩnh lực thứ ba, chưa đạt được tâm thiện của Tĩnh lực thứ tư, thì lúc ấy thành tựu cõi Dục-hai Tĩnh lực đầu đều có mười hai, Tĩnh lực thứ ba có sáu, Tĩnh lực thứ tư có bốn, cõi Vô sắc có một.

Nếu đạt được tâm thiện của Tĩnh lực thứ tư, chưa đạt được tâm thiện của Không vô biên xứ, thì lúc ấy thành tựu cõi Dục-hai Tĩnh lực đầu đều có mười hai, Tĩnh lực thứ ba-thứ tư đều có sáu, cõi Vô sắc có một.

Nếu đạt được tâm thiện của Không vô biên xứ. Những người nói Cận phần của địa ấy có bốn ý cận hành, thì lúc ấy thành tựu cõi Dục-hai Tĩnh lực đầu đều có mười hai, Tĩnh lực thứ ba-thứ tư đều có sáu, Không vô biên xứ có bốn, ba Vô sắc trên đều có một. Những người nói Cận phần của địa ấy chỉ có một ý cận hành, thì lúc ấy thành tựu bốn, Vô sắc đều có một, còn lại như trước nói.

Sinh ở Tĩnh lực thứ nhất, nếu chưa đạt được tâm thiện của Tĩnh lực thứ hai, thì lúc ấy thành tựu Tĩnh lực thứ nhất có mười hai, Tĩnh lực thứ hai có tám, Tĩnh lực thứ ba-thứ tư đều có bốn, cõi Vô sắc có một. Thành tựu cõi Dục có một, đó là ý cận hành của Xả thuộc về Pháp, tức là đi cùng với tâm Thông quả. Bởi vì duyên chung với Sắc... làm cảnh mà khởi lên.

Có người nói: Lúc ấy thành tựu ba, đó là ý cận hành của Xả thuộc về Sắc-Thanh-Pháp, tức là đi cùng với tâm Thông quả. Tâm này nếu duyên với Thân biểu đã khởi lên, thì có duyên với ý cận hành của Xả thuộc về Sắc. Tâm này nếu duyên với Ngữ biểu đã khởi lên, thì có duyên với ý cận hành của Xả thuộc về Thanh. Tâm này nếu duyên với sự việc đã biến hóa, bởi vì duyên chung, thì có duyên với ý cận hành

của Xả thuộc về Pháp.

Có người nói: Lúc ấy thành tựu có sáu, đó là sáu ý cận hành của Xả, tức là đi cùng với tâm Thông quả, bởi vì tâm này có thể có duyên chung-riêng.

Nếu đạt được tâm thiện của Tĩnh lự thứ hai, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, thì lúc ấy thành tựu Tĩnh lự thứ hai có mười, còn lại như trước nói.

Nếu đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, chưa đạt được tâm thiện của Tĩnh lự thứ ba, thì lúc ấy thành tựu Tĩnh lự thứ hai có mười hai, còn lại như trước nói.

Nếu đạt được tâm thiện của Tĩnh lự thứ ba, chưa đạt được tâm thiện của Tĩnh lự thứ tư, thì lúc ấy thành tựu Tĩnh lự thứ ba có sáu, còn lại như trước nói.

Nếu đạt được tâm thiện của Tĩnh lự thứ tư, chưa đạt được tâm thiện của Không vô biên xứ, thì lúc ấy thành tựu Tĩnh lự thứ tư có sáu, còn lại như trước nói.

Nếu đạt được tâm thiện của Không vô biên xứ. Có người nói: Lúc ấy thành tựu Không vô biên xứ có bốn, ba Vô sắc trên đều có một. Có người nói: Lúc ấy thành tựu bốn, Vô sắc đều có một, còn lại như trước nói.

Sinh ở Tĩnh lự thứ hai, nếu chưa đạt được tâm thiện của Tĩnh lự thứ ba, thì lúc ấy thành tựu Tĩnh lự thứ hai có mười hai, Tĩnh lự thứ ba-thứ tư đều có bốn, cõi Vô sắc có một. Cõi Dục như trước nói. Thành tựu Tĩnh lự thứ nhất có một, đó là ý cận hành của Xả thuộc về Pháp, bởi vì duyên chung.

Có người nói: Thành tựu ba, đó là ý cận hành của Xả thuộc về Sắc-Thanh-Pháp. Nếu duyên với Thân biểu đã khởi lên, thì có duyên với ý cận hành của Xả thuộc về Sắc. Nếu duyên với Ngũ biểu đã khởi lên, thì có duyên với ý cận hành của Xả thuộc về Thanh. Nếu duyên với sự việc đã biến hóa, bởi vì duyên chung, thì có duyên với ý cận hành của Xả thuộc về Pháp.

Có người nói: Lúc ấy thành tựu bốn, đó là ý cận hành của Xả thuộc về Sắc-Thanh-Xúc-Pháp. Bởi vì sinh ở Tĩnh lự thứ hai, lúc khởi lên ba Thức thân của Tĩnh lự thứ nhất, có thể có quyến thuộc của địa ấy, duyên riêng với Sắc-Thanh-Xúc, Ý thức vô phú vô ký của địa Tĩnh lự thứ nhất hiện rõ ở trước mắt, hoặc là bởi vì tâm Thông quả duyên với chung-riêng.

Nếu đạt được tâm thiện của Tĩnh lự thứ ba, chưa đạt được tâm

thiện của Tĩnh lự thứ tư, thì lúc ấy thành tựu Tĩnh lự thứ ba có sáu, còn lại như trước nói.

Nếu đạt được tâm thiện của Tĩnh lự thứ tư, chưa đạt được tâm thiện của Không vô biên xứ, thì lúc ấy thành tựu Tĩnh lự thứ tư có sáu, còn lại như trước nói.

Nếu đạt được tâm thiện của Không vô biên xứ. Có người nói: Lúc ấy thành tựu Không vô biên xứ có bốn, ba Vô sắc trên đều có một. Có người nói: Lúc ấy thành tựu bốn, Vô sắc đều có một, còn lại như trước nói.

Sinh ở Tĩnh lự thứ ba, nếu chưa đạt được tâm thiện của Tĩnh lự thứ tư, thì lúc ấy thành tựu Tĩnh lự thứ ba có sáu, Tĩnh lự thứ tư có bốn, cõi Vô sắc có một. Cõi Dục-Tĩnh lự thứ nhất như trước nói. Thành tựu Tĩnh lự thứ hai có một, đó là ý cận hành của Xả thuộc về Pháp, tức là đi cùng với tâm Thông quả, bởi vì duyên chung với Sắc... làm cảnh mà khởi lên.

Có người nói: Lúc ấy thành tựu ba, đó là cận hành của Xả thuộc về Sắc-Xúc-Pháp, tức là đi cùng với tâm Thông quả, bởi vì tâm này có thể có duyên chung-riêng.

Nếu đạt được tâm thiện của Tĩnh lự thứ tư..., thì nói như trước.

Sinh ở Tĩnh lự thứ tư, thành tựu nhiều ít nên dựa theo trước nói.

Sinh ở cõi Vô sắc không thành tựu pháp của địa dưới, thành tựu pháp của địa trên địa mình cũng nên dựa theo trước nói rộng ra.

Hỏi: Các ý cận hành này đạt được(đắc) như thế nào?

Đáp: Lìa nhiệm của cõi Dục thì tám đạo vô gián-tám đạo giải thoát trước, đều đạt được Cận phần của Tĩnh lự thứ nhất có sáu; lúc đạo vô gián thứ chín thì đạt được Tĩnh lự thứ nhất và quyến thuộc của địa ấy có mười hai; đạt được cõi Dục có một, đó là cận hành của Xả thuộc về Pháp.

Có người nói: Đạt được ba, đó là cận hành của Xả thuộc về Sắc-Thanh-Pháp.

Có người nói: Đạt được sáu, đó là sáu cận hành của Xả.

Lìa nhiệm của Tĩnh lự thứ nhất thì tám đạo vô gián-tám đạo giải thoát trước, đều đạt được Cận phần của Tĩnh lự thứ hai có sáu; lúc đạo vô gián thứ chín thì đạt được Tĩnh lự thứ ba và Cận phần của địa ấy có mười hai. Cõi Dục như trước nói. Đạt được Tĩnh lự thứ nhất có một, đó là cận hành của Xả thuộc về Pháp.

Có người nói: Đạt được ba, đó là cận hành của Xả thuộc về Sắc-Thanh-Pháp.

Có người nói: Đạt được bốn, đó là cận hành của Xả thuộc về Sắc-Thanh-Xúc-Pháp.

Lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, thì tám đạo vô gián-tám đạo giải thoát trước, đều đạt được Cận phần của Tĩnh lự thứ ba có sáu; lúc đạo vô gián thứ chín thì đạt được Tĩnh lự thứ ba và Cận phần của địa ấy có sáu. Cõi Dục-Tĩnh lự thứ nhất như trước nói. Đạt được Tĩnh lự thứ hai có một, đó là cận hành của Xả thuộc về Pháp.

Có người nói: Đạt được ba, đó là cận hành của Xả thuộc về Sắc-Xúc-Pháp.

Lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, thì tám đạo vô gián-tám đạo giải thoát trước, đều đạt được Cận phần của Tĩnh lự thứ tư có sáu; lúc đạo vô gián thứ chín thì đạt được Tĩnh lự thứ tư và Cận phần của địa ấy có sáu. Cõi Dục-hai Tĩnh lự đầu như trước nói. Đạt được Tĩnh lự thứ ba có một. Có người nói: Đạt được ba, nói như Tĩnh lự thứ hai.

Lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, thì tất cả đạo vô gián-giải thoát đều đạt được Không vô biên xứ có bốn. Có người nói: Đạt được một.

Lìa nhiễm của Không vô biên xứ, cho đến lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, thì tất cả đạo vô gián-giải thoát đều chỉ đạt được một, lúc chứng quả A-la-hán thì đạt được cõi Dục-hai Tĩnh lự đầu đều có mười hai, Tĩnh lự thứ ba-thứ tư đều có sáu, Không vô biên xứ có bốn. Có người nói là một. Ba Vô sắc trên đều có một.

Đã nói về lìa nhiễm mà đạt được. Thọ sinh mà đạt được, đó là lúc từ địa trên chết đi sinh vào địa dưới, đạt được tất cả của địa mình, và địa dưới tùy theo quan hệ như nói về đạt được(đắc); xả và đoạn cũng nên dựa theo trước nói rộng ra.

Mười tám ý cận hành này, bởi vì dựa vào đam mê và rời bỏ có sai biệt, cho nên Đức Thế Tôn nói là ba mươi sáu câu bậc thầy(sư cú). Trong này, Thọ thuận theo nhiễm gọi là dựa vào đam mê, Thọ thuận theo thiện gọi là dựa vào rời bỏ.

Hỏi: Vì sao không nói đến vô phú vô ký?

Đáp: Bởi vì loại ấy cũng nói ở trong hai loại này, nghĩa là vô phú vô ký thì Thọ có thuận theo phẩm nhiễm, có thuận theo phẩm thiện; thuận theo phẩm nhiễm thì dựa vào đam mê thâm nhiếp, thuận theo phẩm thiện thì dựa vào rời bỏ thâm nhiếp.

Hỏi: Vì sao nói loại này gọi là câu bậc thầy?

Đáp: Câu sai biệt này có thể biểu thị cho bậc Đại Sư, là ngọn cờ hiệu của Sư cho nên gọi là câu bậc thầy. Bởi vì các câu này, chỉ riêng Phật là bậc Đại Sư có năng lực nhận biết, có năng lực giải thích không

có gì ngăn ngại. Như trong kinh nói: “Nếu lúc hội chúng cung kính tin nhận thì Như Lai không vui mừng, nếu không cung kính tin nhận thì Như Lai không buồn lo, nghĩ nhớ chính xác-nhận biết chính xác, an trú trong xả thanh tịnh.”

Có người nói: Những câu này là câu bậc thầy của ngoại đạo, bởi vì họ ở trong này có sự chấp trước mê muội.

Có người nói: Những câu này nên gọi là dấu tích của bậc thầy, là nơi mà các tà sư thường xuyên đi lại.

Có người nói: Những câu này nên gọi là con đường oán hận, ái gọi là oán hận, dựa vào đây mà chuyển; hoặc là các phiền não đều gọi là oán hận, nó dựa vào đây mà chuyển cho nên gọi là con đường oán hận.

Có người nói: Những câu này nên gọi là con đường gươm dao, bởi vì đi qua con đường này thì có sự tổn thương nguy hại. Như nói lưỡi dao ý thứ ba của Phạm Chí, nếu vung lên thì phát ra nghiệp ác chuốc lấy khổ đau.

Hỏi: Ba mươi sáu loại này, cõi nào-địa nào có mấy loại?

Đáp: Cõi Dục có đủ tất cả. Trong cõi Sắc thì hai Tịnh lự đầu đều có hai mươi, Tịnh lự thứ ba-thứ tư đều có mười. Trong cõi Vô sắc, Cận phần của Không vô biên xứ, nếu chấp nhận có duyên riêng thì có năm, nếu nói chỉ là duyên chung thì chỉ có hai. Nói như vậy thì nên nói là có năm. Bốn Vô sắc Căn bản và ba Cận phần trên đều chỉ có hai.

Hỏi: Ba mươi sáu loại này, cõi nào-địa nào có mấy loại duyên với cõi nào-địa nào?

Đáp: Trong cõi Dục có ba mươi sáu loại, mười hai loại chỉ duyên với hệ thuộc cõi Dục, mười tám loại cùng duyên với hệ thuộc cõi Dục-Sắc, sáu loại cùng duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc.

Trong hai Tịnh lự đầu đều có hai mươi, bốn loại chỉ duyên với hệ thuộc cõi Dục, sáu loại chỉ duyên với hệ thuộc cõi Sắc, sáu loại cùng duyên với hệ thuộc cõi Dục-Sắc, hai loại cùng duyên với hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc và không hệ thuộc, hai loại cùng duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc.

Trong Tịnh lự thứ ba-thứ tư đều có mười, hai loại chỉ duyên với hệ thuộc cõi Dục, ba loại chỉ duyên với hệ thuộc cõi Sắc, ba loại cùng duyên với hệ thuộc cõi Dục-Sắc, một loại cùng duyên với hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc và không hệ thuộc, một loại cùng duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc.

Cận phần của Không vô biên xứ, nếu nói có năm thì ba loại chỉ

duyên với hệ thuộc cõi Sắc, một loại cùng duyên với hệ thuộc cõi Vô sắc và không hệ thuộc, một loại cùng duyên với hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc và không hệ thuộc; nếu nói có hai thì một loại cùng duyên với hệ thuộc cõi Vô sắc và không hệ thuộc, một loại cùng duyên với hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc và không hệ thuộc.

Trong bốn Vô sắc Căn bản và ba Cận phần trên đều có hai, hai loại cùng duyên chung với hệ thuộc cõi Vô sắc và không hệ thuộc.

Hỏi: Ba mươi sáu loại này, ai thành tựu mấy loại?

Đáp: Sinh ở cõi Dục, nếu đoạn mất căn thiện, thì lúc ấy thành tựu cõi Dục có mười tám, hai Tĩnh lự đầu đều có tám, hai Tĩnh lự sau đều có bốn, bốn Vô sắc đều có một.

Nếu không đoạn mất căn thiện, chưa đạt được tâm thiện của cõi Sắc, thì lúc ấy thành tựu cõi Dục có ba mươi sáu, địa trên như trước nói.

Nếu đạt được tâm thiện của Tĩnh lự thứ nhất, chưa lìa nhiễm của cõi Dục, thì lúc ấy thành tựu cõi Dục có ba mươi sáu, Tĩnh lự thứ nhất có mười bốn, địa trên như trước nói.

Nếu đã lìa nhiễm của cõi Dục, chưa đạt được tâm thiện của Tĩnh lự thứ hai, thì lúc ấy thành tựu cõi Dục có mười hai, Tĩnh lự thứ nhất có hai mươi, địa trên như trước nói.

Nếu đạt được tâm thiện của Tĩnh lự thứ hai, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, thì lúc ấy thành tựu cõi Dục có mười hai, Tĩnh lự thứ nhất có hai mươi, Tĩnh lự thứ hai có mười bốn, địa trên như trước nói.

Nếu đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, chưa đạt được tâm thiện của Tĩnh lự thứ ba, thì lúc ấy thành tựu cõi Dục-Tĩnh lự thứ nhất đều có mười hai, Tĩnh lự thứ hai có hai mươi, địa trên như trước nói.

Nếu đạt được tâm thiện của Tĩnh lự thứ ba, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, thì lúc ấy thành tựu cõi Dục-Tĩnh lự thứ nhất đều có mười hai, Tĩnh lự thứ hai có hai mươi, Tĩnh lự thứ ba có mười, địa trên như trước nói.

Nếu đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ hai, chưa đạt được tâm thiện của Tĩnh lự thứ tư, thì lúc ấy thành tựu cõi Dục-hai Tĩnh lự đầu đều có mười hai, Tĩnh lự thứ ba có mười, địa trên như trước nói.

Nếu đạt được tâm thiện của Tĩnh lự thứ tư, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, thì lúc ấy thành tựu cõi Dục-hai Tĩnh lự đầu đều có mười hai, hai Tĩnh lự sau đều có mười bốn, Vô sắc đều có một.

Nếu đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, chưa đạt được tâm thiện của Không vô biên xứ, thì lúc ấy thành tựu cõi Dục-hai Tĩnh lự đầu đều có

mười hai, Tĩnh lự thứ ba có sáu, Tĩnh lự thứ tư có mười bốn, Vô sắc đều có một.

Nếu đạt được tâm thiện của Không vô biên xứ, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, thì lúc ấy thành tựu Không vô biên xứ có năm. Có người nói là hai. Ba Vô sắc trên đều có một, địa dưới như trước nói.

Nếu đã lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư, chưa đạt được tâm thiện của Thức vô biên xứ, thì lúc ấy thành tựu Tĩnh lự thứ tư có sáu, Không vô biên xứ có năm. Có người nói là hai. Ba Vô sắc trên đều có một, địa dưới như trước nói.

Nếu đạt được tâm thiện của Thức vô biên xứ, chưa lìa nhiễm của Không vô biên xứ, thì lúc ấy thành tựu Thức vô biên xứ có hai, hai Vô sắc trên đều có một, địa dưới như trước nói.

Nếu đã lìa nhiễm của Không vô biên xứ, chưa đạt được tâm thiện của Vô sở hữu xứ, thì lúc ấy thành tựu Không vô biên xứ có bốn. Có người nói là một. Thức vô biên xứ có hai, hai Vô sắc trên đều có một, địa dưới như trước nói.

Nếu đạt được tâm thiện của Vô sở hữu xứ, chưa lìa nhiễm của Thức vô biên xứ, thì lúc ấy thành tựu Vô sở hữu xứ có hai, Hữu Đảnh có một, địa dưới như trước nói.

Nếu đã lìa nhiễm của Thức vô biên xứ, chưa đạt được tâm thiện của Hữu Đảnh, thì lúc ấy thành tựu Thức vô biên xứ có một, Vô sở hữu xứ có hai, Hữu Đảnh có một, địa dưới như trước nói.

Nếu đạt được tâm thiện của Hữu Đảnh, chưa lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, thì lúc ấy thành tựu Hữu Đảnh có hai, địa dưới như trước nói.

Nếu đã lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, chưa lìa nhiễm của Hữu Đảnh, thì lúc ấy thành tựu Vô sở hữu xứ có một, Hữu Đảnh có hai, địa dưới như trước nói.

Nếu đã lìa nhiễm của Hữu Đảnh, thì lúc ấy thành tựu Hữu Đảnh có một, địa dưới như trước nói.

Sinh ở Tĩnh lự thứ nhất, nếu chưa đạt được tâm thiện của Tĩnh lự thứ hai, thì lúc ấy thành tựu Tĩnh lự thứ nhất có hai mươi, Tĩnh lự thứ hai có tám, hai Tĩnh lự sau đều có bốn, bốn Vô sắc đều có một. Thành tựu cõi Dục có một, đó là rời bỏ dựa vào Xả thuộc về Pháp.

Có người nói: Thành tựu ba, đó là rời bỏ dựa vào Xả thuộc về Sắc-Thanh-Pháp.

Có người nói: Thành tựu sáu, đó là sáu rời bỏ dựa vào Xả.

Nếu đạt được tâm thiện của Tĩnh lự thứ hai, chưa lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ nhất, thì lúc ấy thành tựu Tĩnh lự thứ hai có mười bốn, còn

lại như trước nói.

Nếu đã lìa nhiệm của Tĩnh lự thứ nhất, chưa đạt được tâm thiện của Tĩnh lự thứ ba, thì lúc ấy thành tựu Tĩnh lự thứ nhất có mười hai, Tĩnh lự thứ hai có hai mươi, còn lại như trước nói.

Như vậy cho đến lìa nhiệm của Hữu Đảnh, nói rộng ra như trước. Như sinh ở Tĩnh lự thứ nhất, như vậy sinh ở Tĩnh lự thứ hai...dựa theo trước nói rộng ra, như lý nên biết. Đạt được-rời bỏ và đoạn trừ, cả ba cũng dựa theo trước đã nói.

Như trong kinh nói: “Dùng sáu rời bỏ dựa vào Hỷ, làm binh khí-làm chỗ dựa-làm nơi kiến lập, đối với sáu đam mê dựa vào Hỷ, có thể lìa ra-có thể rời bỏ và có thể thay đổi, như vậy liền đoạn. Dùng sáu rời bỏ dựa vào Ưu, làm binh khí-làm chỗ dựa-làm nơi kiến lập, đối với sáu đam mê dựa vào Ưu, có thể lìa ra-có thể rời bỏ và có thể thay đổi, như vậy liền đoạn. Dùng sáu rời bỏ dựa vào Xả, làm binh khí-làm chỗ dựa-làm nơi kiến lập, đối với sáu đam mê dựa vào Xả, có thể lìa ra-có thể rời bỏ và có thể thay đổi, như vậy liền đoạn.” Nên biết đây là nói về tạm thời đoạn mà gọi là đoạn.

Lại nói: “Dùng sáu rời bỏ dựa vào Hỷ, làm binh khí-làm chỗ dựa-làm nơi kiến lập, đối với sáu rời bỏ dựa vào Ưu, có thể lìa ra-có thể rời bỏ và có thể thay đổi, như vậy liền đoạn.” Nên biết đây là nói về lìa nhiệm của cõi Dục.

Lại nói: “Dùng sáu rời bỏ dựa vào Xả, làm binh khí-làm chỗ dựa-làm nơi kiến lập, đối với sáu rời bỏ dựa vào Hỷ, có thể lìa ra-có thể rời bỏ và có thể thay đổi, như vậy liền đoạn.” Nên biết đây là nói về lìa nhiệm của Tĩnh lự thứ hai.

Lại nói: “Dùng một loại tánh đã dựa vào Xả, làm binh khí-làm chỗ dựa-làm nơi kiến lập, đối với nhiều loại tánh đã dựa vào Xả, có thể lìa ra-có thể rời bỏ và có thể thay đổi, như vậy liền đoạn.” Nên biết đây là nói về lìa nhiệm của Tĩnh lự thứ tư.

Lại nói: “Dùng chủng loại không phải là tánh ấy, làm binh khí-làm chỗ dựa-làm nơi kiến lập, đối với một loại tánh đã dựa vào Xả, có thể lìa ra-có thể rời bỏ và có thể thay đổi, như vậy liền đoạn.” Nên biết đây là nói về lìa nhiệm của Phi tướng phi phi tướng xứ. Chủng loại không phải là tánh ấy, nghĩa là đạo vô lậu cần phải nhờ vào đạo này, mới có thể lìa nhiệm của Phi tướng phi phi tướng xứ.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 140

LUẬN VỀ CHẤP THỌ (Phần 4)

Dùng đạo vô gián chứng quả Dự lưu, lúc tu đạo ấy thì bốn Niệm trú, mấy là tu hiện tại, mấy là tu vị lai? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về nghĩa của mình. Nghĩa là hoặc có người nói: Không có tu vị lai, bởi vì không có điều gì chưa làm mà đã được. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày là có tu vị lai, điều ấy tuy chưa khởi lên mà đã khởi lên chủng loại ấy.

Hoặc lại có người nói: Hai tâm cùng hiện hành, bởi vì thấy-nghe... có cùng lúc. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày không có hai tâm cùng hiện hành, bởi vì sát-na chuyển đổi nhanh chóng cho nên không phải là cùng lúc mà tựa như cùng lúc.

Hoặc lại có người nói: Bốn Chánh đạo... không phải là có cùng một lúc, bởi vì tác dụng của nhân khác nhau. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày pháp này cùng lúc có được bốn loại, bởi vì Thể không có gì khác nhau.

Hoặc lại có người nói: Tín... chỉ là vô lậu, bởi vì kinh nói dị sinh không có các căn như Tín... Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày về Tín... gồm chung hữu lậu, trong kinh chỉ nói về căn vô lậu.

Hoặc lại có người nói: Thể của Căn và Lực khác nhau, bởi vì phần vị mạnh yếu ấy khác nhau. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày phần vị tuy khác mà tác dụng của Căn và Lực có cùng một Thể.

Hoặc lại có người nói: Giác chi gồm chung hữu lậu, bởi vì nói quán Bất tịnh cùng tu với Niệm giác chi. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày về Giác chi chỉ là vô lậu, bởi vì trong kinh nói có đi cùng chứ không phải là cùng lúc đi cùng.

Hoặc lại có người nói: Địa Cận phần có Hỷ, bởi vì trong kinh nói dựa vào Hỷ đoạn mà rời bỏ Ưu. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày về Cận phần không có Hỷ, bởi vì trong kinh nói đã đoạn-sẽ đoạn gọi là đoạn.

Hoặc lại có người nói: Chánh ngữ-nghiệp-mạng không có cùng lúc, bởi vì trong một sát-na không có hai nghiệp thân-ngữ. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày ba Giới cùng do ba căn mà khởi lên, cho nên cùng lúc có thể được.

Hoặc lại có người nói: Dự lưu-Nhất lai cũng đạt được Tĩnh lự. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày cả hai đều không đạt được, bởi vì chưa lia dục.

Hoặc lại có người nói: Nhẫn tức là Trí. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày Nhẫn không phải là Trí, bởi vì chưa quyết định chính xác đối với cảnh của Đế.

Hoặc lại có người nói: Dị sinh không đoạn phiền não, bởi vì chưa thấy được Đế. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày về dị sinh cũng đoạn phiền não, bởi vì thấy phần thô...

Hoặc lại có người nói: Thánh giả không dùng đạo thế tục để đoạn phiền não. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày về Thánh giả tự tại, bởi vì tùy ý sử dụng bất cứ đạo nào.

Hoặc lại có người nói: Địa trên cũng có chi Chánh tư duy. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày địa trên không có chi ấy, bởi vì không có Tâm.

Hoặc lại có người nói: Vô sắc cũng có chi Giới vô lậu. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày cõi ấy không có Giới, bởi vì không có sắc.

Hoặc lại có người nói: Ba Tam-ma-địa, nghĩa khác nhau mà Thể như nhau. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày về Thể cũng khác nhau, bởi vì hành tướng khác nhau.

Vì ngăn chặn các loại tông chỉ quái lạ như vậy, để hiển bày đúng đắn về những điều đã nói, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Dùng đạo vô gián chứng quả Dự lưu, lúc tu đạo ấy thì bốn Niệm trú, mấy là tu hiện tại, mấy là tu vị lai? Bốn Chánh đoạn, bốn Thần túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Đạo chi, bốn Tĩnh lự, bốn Vô lượng, bốn Vô sắc, tám Giải thoát, tám Thắng xứ, mười Biến xứ, tám Trí, ba Đăng trì, mấy là tu hiện tại, mấy là tu vị lai?

Đáp: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại và vị lai đều có sáu. Đạo chi, hiện tại và vị lai

đều có tám. Không có Tĩnh lực, không có Vô lượng, không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ, không có Trí. Đẳng trì, hiện tại và vị lai đều có một.

Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Đây là ngăn chặn ý chấp về hai tâm cùng hiện hành, và không có tu vị lai. Nếu có hai tâm cùng lúc hiện hành, thì bốn Niệm trú phải tu ở hiện tại. Nhưng bốn Niệm trú chắc chắn không cùng hiện hành, bởi vì một tâm tương ứng không có bốn Tuệ. Không thể nào kiến lập bốn pháp này cùng chung một Thể, bởi vì hành tướng và sở duyên đều có khác biệt. Không phải là trong một sự nối tiếp nhau mà có nhiều tâm cùng sinh khởi, đừng vì điều ấy mà thành ra nhiều hữu tình. Nếu đời vị lai không có nghĩa của tu, thì pháp thiện đã tu không có nghĩa tăng rộng, khởi lên nhiều gia hạnh sẽ trở thành trống rỗng, giả sử dụng công nhiều mà đạt được rất ít, và lúc mới thành Phật sẽ chưa đầy đủ tất cả công đức. Đừng có những sai lầm như vậy. Có tu vị lai, bởi vì đời vị lai rộng rãi cho nên tu đầy đủ bốn, thể dụng của tu hiện tại có năng lực dẫn dắt pháp thuộc chủng loại tương lai, có thể khiến cho hiện rõ trước mắt. Hiện tại có một, đó là duyên xen tạp với Pháp niệm trú, bởi vì thấy được Đạo đế.

Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Đây là ngăn chặn ý chấp về Chánh đoạn-Thần túc không phải là có cùng một lúc. Thể của Chánh Cần có bốn, phát động tạo tác như ngọn đèn, trong một lúc có bốn tác dụng, một Tam-ma-địa nhờ vào bốn nhân mà sinh ra, cho nên từ nhân mà thiết lập bốn tên gọi. Tu vị lai, cũng là một phần nghĩa thuộc về Thể, cho nên hiện tại và vị lai đều nói là tu có bốn.

Căn-Lực, hiện tại và vị lai có năm. Đây là ngăn chặn ý chấp về Thể của Căn-Lực khác nhau, và nói năm loại sinh khởi theo thứ tự. Tuy phần vị của Căn-Lực khác nhau mà tự Thể không có gì khác biệt, tức là một Tín... có hai tác dụng của sinh-phá, cho nên thiết lập tên gọi Căn-Lực không trái ngược lẫn nhau. Bởi vì giúp đỡ nhau cùng phát khởi, cho nên năm loại này không phải là sinh khởi theo thứ tự.

Giác chi, hiện tại và vị lai đều có sáu. Đây là ngăn chặn ý chấp về Cận phần có Hỷ. Bởi vì nơi này chưa đạt được địa Căn bản phía trên, chưa lìa sợ hãi của địa dưới, cho nên không sinh ra Hỷ. Trong kinh nói dựa vào Hỷ đoạn để rời bỏ Ưu, là dựa vào đạo gia hạnh mà nói, không phải là đạo vô gián cho nên không trái ngược nhau. Ở đây dựa vào Vị chí không có Hỷ, cho nên có sáu.

Đạo chi, hiện tại và vị lai đều có tám. Đây là ngăn chặn ý chấp về Chánh ngữ-nghiệp-mạng không cùng lúc. Do không có tham-sân-si mà

phát khởi Vô biểu, cho nên đều có bảy loại cùng lúc đầy khởi.

Không có Tĩnh lực. Đây là ngăn chặn ý chấp về Dự lưu-Nhất lai cũng đạt được Tĩnh lực. Bởi vì người này chưa lìa dục mà tiến vào Kiến đạo, người đã lìa dục thì không phải là hai Hưởng.

Không có Vô lượng. Đây là ngăn chặn ý chấp về Vô lượng cũng gồm chung vô lậu, và trong Kiến đạo có tu Vô lượng. Bởi vì pháp này duyên với hữu tình, không phải là vô lậu và Kiến đạo nhanh chóng. Vả lại, vì mới đạt được cho nên không có năng lực tu đầy đủ tất cả. Hơn nữa, bởi vì chưa đạt được địa Căn bản, cho nên không tu Vô lượng.

Không có Vô sắc. Đây là ngăn chặn ý chấp về Vô sắc có Kiến đạo. Bởi vì trong Vô sắc không có Trí duyên với khắp nơi, cho nên chắc chắn không có Kiến đạo. Vả lại, bởi vì nơi này chưa đạt được Định Vô sắc.

Không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Đây là ngăn chặn ý chấp về ba pháp trước như Giải thoát..., cũng gồm chung vô lậu. Bởi vì mười sáu hành tướng vốn không thâm nhiếp, cho nên không gọi là vô lậu. Vả lại, bởi vì lúc bấy giờ chưa đạt được địa Căn bản, cho nên những pháp ấy đều không tu.

Không có Trí. Đây là ngăn chặn ý chấp về Nhãn tức là Trí. Bởi vì Nhãn đối với cảnh của Đế chưa quyết định chính xác như thật, cho nên không gọi là Trí. Vả lại, bởi vì ở phần vị này tu trong phạm vi của mình, không tu các trí của vị lai, cho nên nói là không có.

Đẳng trì, hiện tại và vị lai đều có một. Đây là ngăn chặn ý chấp về ba Tam-ma-địa có nghĩa khác nhau mà Thể như nhau. Bởi vì hành tướng của ba Đẳng trì khác nhau, cho nên Thể cũng có khác nhau. Một, đó là Đẳng trì Vô nguyện, bởi vì lúc Đạo loại nhãn hiện khởi chỉ tu pháp này, cho nên tuy tám Nhãn đều là đạo vô gián, nhưng dựa vào phần vị chứng quả mà nói thì chỉ là Đạo loại nhãn chứ không phải là pháp nào khác.

Hỏi: Dùng đạo vô gián chứng quả Nhất lai, lúc tu đạo ấy thì bốn Niệm trú, cho đến ba Đẳng trì, mấy là tu hiện tại, mấy là tu vị lai? Đáp: Nếu thêm lìa nhiễm cõi Dục, tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đạo-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại và vị lai đều có sáu. Đạo chi, hiện tại và vị lai đều có tám. Không có Tĩnh lực, không có Vô lượng, không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ, không có Trí. Đẳng trì, hiện tại và vị lai đều có một.

Nếu thêm lìa nhiễm cõi Dục, tiến vào Chánh tánh ly sinh. Đây là ngăn chặn ý chấp về dị sinh không đoạn phiền não. Nhưng chủng loại dị sinh có thể dùng sáu loại hành tướng như thô..., lìa nhiễm của cõi Dục cho đến lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ. Nếu trước đã lìa nhiễm cõi Dục thuộc sáu phẩm, thì gọi là thêm lìa nhiễm cõi Dục, bởi vì thêm ba phẩm sau. Những câu còn lại đều giải thích như trước.

Nếu từ quả Dự lưu dùng đạo thế tục chứng quả Nhất lai, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại không có, vị lai có sáu. Đạo chi, hiện tại không có, vị lai có tám. Không có Tĩnh lự, không có Vô lượng, không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Trí, hiện tại có một, vị lai có bảy. Đăng trì, hiện tại không có, vị lai có ba.

Dùng đạo thế tục chứng quả Nhất lai. Đây là ngăn chặn ý chấp về Thánh giả không dùng đạo thế tục để đoạn phiền não. Bởi vì Thánh giả đều thành tựu đối với hai đạo, cho nên tùy theo ý muốn hiện rõ trước mắt, thì dùng đạo ấy để đoạn.

Niệm trú, hiện tại có một, đó là duyên xen tạp với Pháp niệm trú, bởi vì đạo vô gián lìa nhiễm hữu lậu, cho nên chắc chắn là duyên chung.

Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Đây là ngăn chặn ý chấp về Tín... chỉ là vô lậu. Nói là bởi vì quán xét về Tín... là Tập..., bởi vì Đức Phật quán xét ba căn rồi mới thuyết pháp, bởi vì hữu lậu cũng có tác dụng của Căn-Lực.

Giác chi, hiện tại không có. Đây là ngăn chặn ý chấp về Giác chi gồm chung hữu lậu. Bởi vì hữu lậu không có năng lực nhận hiểu đúng như thật, cho nên nói là quán Bất tịnh đi cùng với tu Niệm giác chi, đó là dựa vào nhân lần lượt chuyển đổi cùng có mà nói. Vị lai có sáu, bởi vì lúc Thánh giả khởi lên đạo hữu lậu, cũng tu gồm chung vô lậu.

Đạo chi, hiện tại không có, tuy là Đạo chi gồm chung hữu lậu, nhưng nói sau Giác chi cho nên cũng chỉ là vô lậu, bởi vì A-tỳ-đạt-ma có tướng như vậy.

Không có Vô lượng..., bởi vì trong Định Vị chí không có các pháp thiện của các địa Căn bản ấy.

Trí, hiện tại có một, đó là trí thế tục; vị lai có bảy, là trừ ra Tha tâm trí, bởi vì trái với đạo vô gián, và bởi vì chưa đạt được. Trong này chỉ dựa vào tám trí mà soạn luận, trừ ra Tận trí và Vô sinh trí, bởi vì phần vị hạn chế.

Đẳng trì, hiện tại không có, ba Đẳng trì tuy gồm chung hữu lậu, nhưng trong này nói đến vô lậu, bởi vì vô lậu là cửa ngõ giải thoát. Văn này nói đến đạo vô gián thứ sáu, bởi vì đạo ấy có năng lực chứng được quả Nhất lai. Phần còn lại như trước nói.

Nếu từ quả Dự lưu dùng đạo vô lậu chứng quả Nhất lai, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại và vị lai đều có sáu. Đạo chi, hiện tại và vị lai đều có tám. Không có Tĩnh lực, không có Vô lượng, không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Trí, hiện tại có hai, vị lai có bảy. Đẳng trì, hiện tại có một, vị lai có ba.

Niệm trú, hiện tại có một, đó là Pháp niệm trú, hoặc là xen tạp-không xen tạp, bởi vì bốn Pháp trí tùy theo khởi lên một.

Trí, hiện tại có hai, đó là Khổ trí và Pháp trí, hoặc là cho đến Đạo trí và Pháp trí.

Đẳng trì, hiện tại có một, đó là trong ba tùy theo một. Phần còn lại như trước nói.

Hỏi: Dùng đạo vô gián chứng quả Bất hoàn, lúc tu đạo ấy thì bốn Niệm trú, cho đến ba Đẳng trì, mấy là tu hiện tại, mấy là tu vị lai?

Đáp: Nếu đã lìa nhiễm cõi Dục, dựa vào Định Vị chí tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại và vị lai đều có sáu. Đạo chi, hiện tại và vị lai đều có tám. Không có Tĩnh lực, không có Vô lượng, không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ, không có Trí. Đẳng trì, hiện tại và vị lai đều có một.

Không có Tĩnh lực, bởi vì Kiến đạo dựa vào địa dưới không tu pháp của địa trên. Phần còn lại như trước nói.

Nếu dựa vào Tĩnh lực thứ nhất tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại và vị lai đều có bảy. Đạo chi, hiện tại và vị lai đều có tám. Tĩnh lực, hiện tại và vị lai đều có một. Không có Vô lượng, không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ, không có Trí. Đẳng trì, hiện tại và vị lai đều có một. Giải thích đoạn văn này dựa theo trước nên biết.

Nếu dựa vào Tĩnh lực trung gian tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần

túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại có sáu, vị lai có bảy. Đạo chi, hiện tại có bảy, vị lai có tám. Tinh lự, hiện tại không có, vị lai có một. Không có Vô lượng, không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ, không có Trí. Đẳng trì, hiện tại và vị lai đều có một.

Giác chi, hiện tại có sáu, bởi vì Tinh lự trung gian không có Hỷ căn. Bởi vì địa trên tu pháp của địa dưới, cho nên vị lai có bảy.

Đạo chi, hiện tại có bảy. Đây là ngăn chặn ý chấp về địa trên có Tâm, bởi vì tâm của địa trên này vi tế cho nên không có Tâm. Phần còn lại như trước nói.

Nếu dựa vào Tinh lự thứ hai tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại và vị lai đều có bảy. Đạo chi, hiện tại có bảy, vị lai có tám. Tinh lự, hiện tại có một, vị lai có hai. Không có Vô lượng, không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ, không có Trí. Đẳng trì, hiện tại và vị lai đều có một. Giải thích đoạn văn này dựa theo trước nên biết.

Nếu dựa vào Tinh lự thứ ba tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại có sáu, vị lai có bảy. Đạo chi, hiện tại có bảy, vị lai có tám. Tinh lự, hiện tại có một, vị lai có ba. Không có Vô lượng, không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ, không có Trí. Đẳng trì, hiện tại và vị lai đều có một. Giải thích đoạn văn này như trước.

Nếu dựa vào Tinh lự thứ tư tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại có sáu, vị lai có bảy. Đạo chi, hiện tại có bảy, vị lai có tám. Tinh lự, hiện tại có một, vị lai có bốn. Không có Vô lượng, không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ, không có Trí. Đẳng trì, hiện tại và vị lai đều có một. Đoạn này tùy theo sự thích hợp, giải thích như trước.

Nếu từ quả Nhất lai dùng đạo thế tục chứng quả Bất hoàn, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại không có, vị lai có sáu. Đạo chi, hiện tại không

có, vị lai có tám. Không có Tĩnh lực, không có Vô lượng, không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Trí, hiện tại có một, vị lai có bảy. Đẳng trì, hiện tại không có, vị lai có ba. Giải thích đoạn văn này như trước nên biết.

Nếu từ quả Nhất lai dùng đạo vô lậu chứng quả Bất hoàn, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại và vị lai đều có sáu. Đạo chi, hiện tại và vị lai đều có tám. Không có Tĩnh lực, không có Vô lượng, không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Trí, hiện tại có hai, vị lai có bảy. Đẳng trì, hiện tại có một, vị lai có ba. Đoạn này giải thích như trước.

Hỏi: Dùng đạo vô gián chứng Thần cảnh trí thông, lúc tu đạo ấy thì bốn Niệm trú cho đến ba Đẳng trì, mấy là tu hiện tại, mấy là tu vị lai? Đáp: Nếu các dị sinh dựa vào Tĩnh lực thứ nhất, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Không có Giác chi, không có Đạo chi. Tĩnh lực, hiện tại và vị lai đều có một. Vô lượng, hiện tại không có, vị lai có bốn. Không có Vô sắc. Giải thoát, hiện tại không có, vị lai có hai. Thắng xứ, hiện tại không có, vị lai có bốn. Không có Biến xứ. Trí, hiện tại và vị lai đều có một. Không có Đẳng trì.

Trong này, Niệm trú hiện tại có một, đó là Thân niệm trú, bởi vì Thần cảnh trí thông chỉ duyên với sắc, đạo vô gián ấy cũng chỉ duyên với sắc.

Hỏi: Như Định Kim cang dụ duyên với bốn Uẩn của Hữu Đảnh, hoặc là Diệt-Đạo của ba cõi; Lậu tận thông duyên với bốn Uẩn của Hữu Đảnh, như vậy thì sở duyên có lúc khác nhau, vì sao trong này nói Thần cảnh trí thông và đạo vô gián nhất định cùng duyên với sắc?

Đáp: Định Kim cang dụ và Tận trí-Vô sinh trí lúc đầu, đều là đạo quán xét về Đế mà đoạn phiền não, chỉ cầu lìa nhiễm chứ không phải là đối với sở duyên, bởi vì có sự chuyển đổi tạo tác cho nên sở duyên có lúc khác nhau. Thần cảnh trí thông... đều là tùy theo sự việc mà tác ý, bởi vì đều muốn biết rõ ràng đối với cảnh biến hiện, cho nên sở duyên nhất định phải như nhau.

Vô lượng, hiện tại không có, vị lai có bốn, nghĩa là công đức hữu lậu trong địa Căn bản, bởi vì cùng địa cho nên tùy theo thích hợp đều tu.

Giải thoát, hiện tại không có, vị lai có hai, nghĩa là hai Giải thoát đầu, lúc ấy còn hệ thuộc hai Tĩnh lự đầu.

Thắng xứ, hiện tại không có, vị lai có bốn, nghĩa là bốn Thắng xứ đầu cũng hệ thuộc nơi ấy.

Trí, hiện tại và vị lai đều có một, đó là thế tục trí.

Hỏi: Vì sao không có tha tâm trí?

Đáp: Bởi vì trong đạo vô gián không tu trí ấy. Phần còn lại tùy theo thích hợp đã nói như trước.

Nếu các Thánh giả dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại không có, vị lai có bảy. Đạo chi, hiện tại không có, vị lai có tám. Tĩnh lự, hiện tại và vị lai đều có một. Vô lượng, hiện tại không có, vị lai có bốn. Không có Vô sắc. Giải thoát, hiện tại không có, vị lai có hai. Thắng xứ, hiện tại không có, vị lai có bốn. Không có Biến xứ. Trí, hiện tại có một, vị lai có bảy. Đẳng trì, hiện tại không có, vị lai có ba.

Tĩnh lự, hiện tại và vị lai đều có một.

Hỏi: Thánh giả đã lìa nhiệm của Tĩnh lự thứ ba đạt được Tĩnh lự thứ tư, dựa vào Tĩnh lự thứ nhất tu Thần cảnh thông, trong đạo vô gián nên nói là Tĩnh lự tu vị lai có bốn, bởi vì đạo vô lậu dựa vào địa trên-dưới mà tu, vì sao chỉ nói là vị lai có một?

Đáp: Có người nói: Cần phải nói tu vị lai có bốn mà không nói thì nên biết là có khác.

Có người nói: Trong này dựa vào từ từ mà nói, nghĩa là từ vốn có phiền não tiến vào Chánh tánh ly sinh, cho đến đạt được quả Bất hoàn rồi, dựa vào Tĩnh lự thứ nhất tu Thần cảnh thông, trong đạo vô gián tu vị lai có một, không tu pháp của địa trên bởi vì chưa đạt được.

Có người nói: Giả sử lìa nhiệm của Tĩnh lự thứ ba, dựa vào Tĩnh lự thứ nhất tu Thần cảnh thông, thì cũng chỉ tu một bởi vì không tu pháp của địa trên.

Hỏi: Chẳng lẽ không dựa vào Tĩnh lự thứ nhất để đoạn nhiệm của địa trên, và người Vô học lúc tu pháp Luyện căn cũng tu tất cả công đức của địa trên hay sao? Thà rằng nói là dựa vào địa dưới không có thể tu pháp của địa trên.

Đáp: Đoạn phiền não của địa trên thì có thể tu pháp của địa trên, bởi vì đạo của địa ấy có sự đối trị như nhau, cho nên pháp đoạn phiền não ấy có năng lực đối trị thì cần phải tu, Vô học Luyện căn giống như đạt được quả ấy, vì vậy lúc này đều dựa vào địa dưới mà tu địa trên; các

thần thông thì không như vậy, cho nên không tu pháp của địa trên. Như trong Kiến đạo chỉ tu pháp của địa dưới địa mình.

Ví dụ này phi lý, bởi vì Kiến đạo là lần đầu đạt được chủng tánh mà chưa tự tại, chỉ tu trong phạm vi của mình; Tu đạo là đã đạt được chủng tánh, tự tại đối với chủng tánh ấy lẽ nào không tu đầy đủ hay sao? Nhưng năm thần thông là công đức thù thắng, lúc tu gia hạnh cần phải tác ý cao nhất. Nếu các Tĩnh lực đã đạt được tự tại thì lý nào làm ngăn ngại mà không tu đầy đủ? Vì vậy nên biết cách nói trước là hợp lý.

Không có Vô sắc..., dựa theo đây nên biết. Phần còn lại như trước nói.

Nếu các dị sinh dựa vào Tĩnh lực thứ hai, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Không có Giác chi, không có Đạo chi. Tĩnh lực, hiện tại và vị lai đều có một. Vô lượng, hiện tại không có, vị lai có bốn. Không có Vô sắc. Giải thoát, hiện tại không có, vị lai có hai. Thắng xứ, hiện tại không có, vị lai có bốn. Không có Biến xứ. Trí, hiện tại và vị lai đều có một. Không có Đăng trì.

Tĩnh lực, hiện tại và vị lai đều có một, nghĩa là lúc ấy đã đạt được pháp của địa dưới mà không tu công đức hữu lậu, chỉ tu pháp của địa mình bởi vì thuộc về cõi-địa. Phần còn lại như trước nói.

Nếu các Thánh giả dựa vào Tĩnh lực thứ hai, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại không có, vị lai có bảy. Đạo chi, hiện tại không có, vị lai có tám. Tĩnh lực, hiện tại có một, vị lai có hai. Vô lượng, hiện tại không có, vị lai có bốn. Không có Vô sắc. Giải thoát, hiện tại không có, vị lai có hai. Thắng xứ, hiện tại không có, vị lai có bốn. Không có Biến xứ. Trí, hiện tại có một, vị lai có bảy. Đăng trì, hiện tại không có, vị lai có ba.

Tĩnh lực, vị lai có hai, nghĩa là hai Tĩnh lực đầu, ban đầu chỉ là vô lậu. Phần còn lại như trước nói.

Nếu các dị sinh dựa vào Tĩnh lực thứ ba, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Không có Giác chi, không có Đạo chi. Tĩnh lực, hiện tại và vị lai đều có một. Vô lượng, hiện tại không có, vị lai có ba. Không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Trí, hiện tại và vị lai đều có một. Không có Đăng trì.

Vô lượng, vị lai có ba, đó là trừ ra Hỷ vô lượng.

Không có Giải thoát..., bởi vì Tĩnh lực thứ ba do Lạc mà mê đắm, cho nên không có những giải thoát, chán ngán thực hành công đức giải thoát thanh tịnh..., tuy đẩy lên hành tướng vui mừng, nhưng bởi vì địa có tai họa bất ngờ cho nên cũng không đạt được. Phần còn lại như trước nói.

Nếu các Thánh giả dựa vào Tĩnh lực thứ ba, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại không có, vị lai có bảy. Đạo chi, hiện tại không có, vị lai có tám. Tĩnh lực, hiện tại có một, vị lai có ba. Vô lượng, hiện tại không có, vị lai có ba. Không có Vô sắc, không có Giải thoát, không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Trí, hiện tại có một, vị lai có bảy. Đăng trì, hiện tại không có, vị lai có ba. Giải thích rộng ra như trước.

Nếu các dị sinh dựa vào Tĩnh lực thứ tư, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Không có Giác chi, không có Đạo chi. Tĩnh lực, hiện tại và vị lai đều có một. Vô lượng, hiện tại không có, vị lai có ba. Không có Vô sắc. Giải thoát, hiện tại không có, vị lai có một. Thắng xứ, hiện tại không có, vị lai có bốn. Biến xứ, hiện tại không có, vị lai có tám. Trí, hiện tại và vị lai đều có một. Không có Đăng trì.

Giải thoát, vị lai có một, đó là trú đầy đủ vào Thân tác chứng-giải thoát thanh tịnh.

Thắng xứ, vị lai có bốn, đó là bốn Thắng xứ sau.

Biến xứ, vị lai có tám, đó là tám Biến xứ trước. Bởi vì trong địa này lìa xa tám tai họa bất ngờ, cho nên có những công đức thanh tịnh như vậy. Phần còn lại như trước nói.

Nếu các Thánh giả dựa vào Tĩnh lực thứ tư, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại không có, vị lai có bảy. Đạo chi, hiện tại không có, vị lai có tám. Tĩnh lực, hiện tại có một, vị lai có bốn. Vô lượng, hiện tại không có, vị lai có ba. Không có Vô sắc. Giải thoát, hiện tại không có, vị lai có một. Thắng xứ, hiện tại không có, vị lai có bốn. Biến xứ, hiện tại không có, vị lai có tám. Trí, hiện tại có một, vị lai có bảy. Đăng trì, hiện tại không có, vị lai có ba. Giải thích rộng ra như trước.

Hỏi: Dùng đạo vô gián chứng Thiên nhĩ trí thông, Tha tâm trí thông, Túc trú tùy niệm trí thông, Sinh tử trí thông, lúc tu đạo ấy thì bốn

Niệm trú cho đến ba Đăng trì, mấy là tu hiện tại, mấy là tu vị lai?

Đáp: Như Thần cảnh trí thông, cần phải tùy theo tướng mà nói, bởi vì năm loại này đều dựa vào bốn Tĩnh lực, dị sinh và Thánh giả đều có thể khởi lên. Nhưng lúc tu Thiên nhĩ trí thông-Sinh tử trí thông, thì đạo vô gián có Niệm trú hiện tại như Thần cảnh trí thông đã nói, bởi vì cùng duyên với sắc làm Thân niệm trú; lúc tu Tha tâm trí thông, thì đạo vô gián hiện tại chỉ khởi lên Tâm niệm trú; lúc tu Túc trú tùy niệm trí thông, thì đạo vô gián hiện tại chỉ khởi lên Pháp niệm trú. Phần còn lại tùy theo thích hợp đều nói như trước.

Hỏi: Dùng đạo vô gián chứng Lưu tận trí thông, lúc tu đạo ấy thì bốn Niệm trú cho đến ba Đăng trì, mấy là tu hiện tại, mấy là tu vị lai? Đáp: Nếu dựa vào Định Vị chí chứng quả A-la-hán, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại có sáu, vị lai có bảy. Đạo chi, hiện tại và vị lai đều có tám. Tĩnh lực, hiện tại không có, vị lai có bốn. Không có Vô lượng. Vô sắc, hiện tại không có, vị lai có ba. Giải thoát, hiện tại không có, vị lai có ba. Không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Trí, hiện tại có hai, vị lai có sáu. Đăng trì, hiện tại có một, vị lai có ba.

Niệm trú, hiện tại có một, đó là Pháp niệm trú, hoặc là xen tạp-không xen tạp, bởi vì bốn Loại trí và hai Pháp trí, tùy theo một loại hiện rõ trước mắt.

Tĩnh lực, vị lai có bốn, bởi vì đoạn phiền não của Hữu Đảnh, cùng tu về đạo có năng lực đối trị của địa trên-dưới.

Không có Vô lượng..., bởi vì lúc bấy giờ không tu pháp hữu lậu, bởi vì pháp hữu lậu không có năng lực đối trị với Hữu Đảnh.

Vô sắc và Giải thoát, vị lai có ba, đó là ba Vô sắc trước và chính ba Giải thoát ấy đều gồm chung vô lậu.

Trí, hiện tại có hai, đó là Diệt trí và Pháp trí, hoặc là Đạo trí và Pháp trí, hoặc là Khổ trí và Loại trí, cho đến hoặc là Đạo trí và Loại trí. Vị lai có sáu, đó là trừ ra thế tục trí và Tha tâm trí, bởi vì trí ấy là hữu lậu, cho nên cùng với đạo vô gián trái ngược nhau.

Đăng trì, hiện tại có một, đó là Không-Vô tướng-Vô nguyện, tùy theo một loại hiện rõ trước mắt, bởi vì Định Kim cang dụ tương ứng với sáu Trí. Trong này chỉ nói về đạo vô gián thứ chín đoạn phiền não của Hữu Đảnh, bởi vì đạo ấy có thể chứng được Lưu tận trí thông. Phần còn lại như trước nói.

Nếu dựa vào Tĩnh lực thứ nhất chứng quả A-la-hán, thì lúc tu đạo

ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại và vị lai đều có bảy. Đạo chi, hiện tại và vị lai đều có tám. Tinh lự, hiện tại có một, vị lai có bốn. Không có Vô lượng. Vô sắc, hiện tại không có, vị lai có ba. Giải thoát, hiện tại không có, vị lai có ba. Không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Trí, hiện tại có hai, vị lai có sáu. Đăng trì, hiện tại có một, vị lai có ba.

Nếu dựa vào Tinh lự trung gian chứng quả A-la-hán, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại có sáu, vị lai có bảy. Đạo chi, hiện tại có bảy, vị lai có tám. Tinh lự, hiện tại không có, vị lai có bốn. Không có Vô lượng. Vô sắc, hiện tại không có, vị lai có ba. Giải thoát, hiện tại không có, vị lai có ba. Không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Trí, hiện tại có hai, vị lai có sáu. Đăng trì, hiện tại có một, vị lai có ba.

Nếu dựa vào Tinh lự thứ hai chứng quả A-la-hán, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại và vị lai đều có bảy. Đạo chi, hiện tại có bảy, vị lai có tám. Tinh lự, hiện tại có một, vị lai có bốn. Không có Vô lượng. Vô sắc, hiện tại không có, vị lai có ba. Giải thoát, hiện tại không có, vị lai có ba. Không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Trí, hiện tại có hai, vị lai có sáu. Đăng trì, hiện tại có một, vị lai có ba.

Nếu dựa vào Tinh lự thứ ba-thứ tư chứng quả A-la-hán, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại có sáu, vị lai có bảy. Đạo chi, hiện tại có bảy, vị lai có tám. Tinh lự, hiện tại có một, vị lai có bốn. Không có Vô lượng. Vô sắc, hiện tại không có, vị lai có ba. Giải thoát, hiện tại không có, vị lai có ba. Không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Trí, hiện tại có hai, vị lai có sáu. Đăng trì, hiện tại có một, vị lai có ba. Đoạn này tùy theo thích hợp như trước giải thích.

Nếu dựa vào Định Vô sắc chứng quả A-la-hán, thì lúc tu đạo ấy: Niệm trú, hiện tại có một, vị lai có bốn. Chánh đoạn-Thần túc, hiện tại và vị lai đều có bốn. Căn-Lực, hiện tại và vị lai đều có năm. Giác chi, hiện tại có sáu, vị lai có bảy. Đạo chi, hiện tại có bốn, vị lai có tám. Tinh lự, hiện tại không có, vị lai có bốn. Không có Vô lượng. Vô sắc, hiện tại có một, vị lai có ba. Giải thoát, hiện tại có một, vị lai có ba.

Không có Thắng xứ, không có Biến xứ. Trí, hiện tại có hai, vị lai có sáu. Đẳng trì, hiện tại có một, vị lai có ba.

Dựa vào Định Vô sắc, đó là dựa vào Không vô biên xứ, hoặc là dựa vào Thức vô biên xứ, hoặc là dựa vào Vô sở hữu xứ, bởi vì ba địa này đều có đạo vô lậu, có thể lìa nhiễm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Định lực của Phi tưởng phi phi tưởng xứ mơ hồ yếu kém, không phải là nơi nương tựa của đạo vô lậu, cho nên trong này không nói đến.

Đạo chi, hiện tại có bốn. Đây là ngăn chặn ý chấp về cõi Vô sắc có Giới vô lậu, và địa trên có Chánh tư duy. Bởi vì bốn Đại chủng không có nơi nương tựa, và bởi vì tâm của địa trên dần dần vi tế.

Hỏi: Như không có Đại chủng vô lậu mà có Giới vô lậu, như vậy tuy không có Đại chủng của địa ấy mà có Giới của địa ấy, điều này có gì sai?

Đáp: Giới vô lậu không rơi vào cõi-địa, tùy theo Đại chủng sở tạo của thân sở y, vì vậy tuy không có Đại chủng vô lậu mà có Giới vô lậu sở tạo. Giới hữu lậu nhất định rơi vào cõi-địa, chỉ là Đại chủng sở tạo của địa mình. Bởi vì cõi ấy không có Đại chủng, cho nên Giới cũng không có.

Hỏi: Nếu không có Giới vô lậu tùy theo Đại chủng sở tạo của thân sở y, thì sinh ở cõi Dục-Sắc lúc tiến vào Định Vô sắc thuộc vô lậu cần phải khởi lên Định ấy cùng với Giới vô lậu, bởi vì có Đại chủng của thân sở y?

Đáp: Tuy Giới vô lậu tùy theo Đại chủng sở tạo của thân sở y, nhưng hễ địa nào cần có Đại chủng tạo, thì Giới hữu lậu mới tùy theo chủng loại ấy mà dấy khởi Giới vô lậu. Trong Vô sắc không có Đại chủng tạo của Giới hữu lậu cho nên Giới vô lậu ở cõi ấy cũng không có, bởi vì dựa vào Giới vốn có ấy mà phát khởi vô lậu.

Hỏi: Vì sao Thế của Giới chỉ là sắc?

Đáp: Bởi vì ngăn chặn sắc ác dấy khởi. Vả lại, vốn là tánh của nghiệp thân-ngũ, bởi vì hai nghiệp thân-ngũ lấy sắc làm Thế.

Hỏi: Vì sao ý nghiệp không phải là Giới?

Đáp: Bởi vì không có thể tự mình ngăn chặn Giới ác.

Hỏi: Vì sao Giới ác không phải là ý nghiệp?

Đáp: Người chưa lìa dục đều thành tự ý nghiệp bất thiện, lẽ nào những người ấy đều gọi là phạm giới, hoặc là không có luật nghi hay sao? Vì vậy cho nên Giới ác không phải là ý nghiệp. Vả lại, ý nghiệp thiện nếu là Giới thiện, thì lẽ ra tất cả những người không đoạn mất căn thiện đều gọi là trú trong luật nghi, bởi vì những người ấy đều thành tự

ý nghiệp thiện. Nếu chấp nhận như vậy, thì một hữu tình gọi là trú trong luật nghi, cũng gọi là trú trong không có luật nghi. Vậy là sẽ không có ba loại sai biệt, như vậy thì trái ngược với Thánh giáo, cho nên Giới thiện-Giới ác đều không phải là ý nghiệp. Vả lại, thế gian cùng chấp nhận phòng ngừa giữ gìn thân-ngữ thì nói là Giới, cho nên ý nghiệp không phải là Giới. Cần phải biết rằng ý nghiệp là nhân phát sinh Giới, không thể nào nhân của Giới mà gọi là Giới. Đừng làm cho nhân quả có lỗi tạp loạn. Vì vậy, trong Vô sắc thì Đạo chi chỉ có bốn, vị lai gồm tu vô lậu của địa dưới cho nên có đầy đủ tám.

Vô sắc và Giải thoát, hiện tại có một, đó là ba địa đã dựa vào trước đây tùy theo một địa. Phần còn lại như trước đã giải thích.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 141

LUẬN VỀ CHẤP THỌ (Phần 5)

Bốn Niệm trú:

1. Thân niệm trú.
2. Thọ niệm trú.
3. Tâm niệm trú.
4. Pháp niệm trú.

Nhưng Niệm trú này nói chung chỉ là một, đó là một tự tánh của Tuệ trong tâm sở, Tuệ căn trong Căn, Tuệ lực trong Lực, Trạch pháp giác chi trong Giác chi, Chánh kiến trong Đạo chi. Hoặc là phân làm hai, đó là hữu lậu-vô lậu. Hoặc là phân làm ba, đó là hạ-trung-thượng. Hoặc là phân làm bốn, đó là hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc. Hoặc là phân làm năm, đó là hệ thuộc ba cõi và Học-Vô học. Cho đến nếu dùng sát-na nối tiếp nhau để phân biệt sai khác thì có vô lượng.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn ở trong nghĩa này, ít thì tách ra-nhiều thì hợp lại, chỉ nói là bốn loại?

Đáp: Đức Phật dựa vào hành tướng-sở duyên của Chánh tuệ, thô-tế không giống nhau mà kiến lập bốn loại.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao trong kinh nói quán xét trong- ngoài đều có mười hai loại khác nhau?

Đáp: Không vượt quá bốn cho nên chỉ nói bốn loại. Như cây bảy lá- Dụ Lưu bảy đời, pháp ấy cũng như vậy.

Hỏi: Thế này là Tuệ, vì sao Đức Thế Tôn nói là Niệm trú?

Đáp: Tuệ do Niệm lực mà có thể trú trong sở duyên, cho nên gọi là Niệm trú; hoặc là Tuệ lực này khiến cho Niệm trú trong cảnh, cho nên gọi là Niệm trú. Hai loại này đối với cảnh lần lượt chuyển đổi giúp đỡ nhau mạnh hơn pháp khác, cho nên nói là Niệm trú. Giải thích rộng về Niệm trú, như nơi khác nói.

Bốn Chánh đoạn:

1. Đối với pháp ác bất thiện đã sinh làm cho phải đoạn trừ, phát sinh mong muốn thiết tha-thâu nhiếp tâm-giữ gìn tâm.

2. Đối với pháp ác bất thiện chưa sinh làm cho không sinh ra, còn lại nói như trước.

3. Đối với pháp thiện chưa sinh làm cho phải sinh ra, còn lại nói như trước.

4. Đối với pháp thiện đã sinh làm cho được an trú không quên, tu dưỡng thêm làm cho tăng rộng, còn lại nói như trước.

Nhưng Chánh đoạn này nói chung làm một, đó là một Thể của Tinh tiến trong tâm sở, Tinh tiến căn trong Căn, Tinh tiến lực trong Lực, Tinh tiến giác chi trong Giác chi, Chánh tinh tiến trong Đạo chi. Hoặc là phân làm hai, đó là hữu lậu-vô lậu. Hoặc là phân làm ba, đó là hạ-trung-thượng. Hoặc là phân làm bốn, đó là hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc. Hoặc là phân làm năm, đó là hệ thuộc ba cõi và Học-Vô học. Cho đến nếu dùng sát-na nối tiếp nhau để phân biệt sai khác thì có vô lượng.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn ở trong nghĩa này, ít thì tách ra-nhiều thì hợp lại, chỉ nói là bốn loại?

Đáp: Một Thể của Tinh tiến ở trong sát-na, có tác dụng không giống nhau mà kiến lập bốn loại, nghĩa là bởi vì đối với pháp ác đã sinh-chưa sinh thì đoạn trừ và không sinh ra, lại bởi vì đối với pháp thiện chưa sinh-đã sinh thì sinh ra và làm tăng rộng. Như ngọn đèn trong một niệm có bốn tác dụng sai biệt, đó là bắc đèn cháy-dầu khô cạn-đồ đựng nóng lên-bóng tối không còn; pháp ấy cũng như vậy.

Hỏi: Luận về Pháp Uẩn... nói: “Đoạn trừ pháp ác bất thiện đã sinh, thì có đủ bốn loại, nghĩa là đối với pháp ác bất thiện đã sinh làm cho phải đoạn trừ, phát sinh mong muốn thiết tha-thâu nhiếp tâm-giữ gìn tâm, đó là phần vị đoạn trừ pháp ác bất thiện đã sinh, cũng có thể làm cho pháp ác bất thiện ấy chưa sinh sẽ không sinh ra, lại làm cho pháp thiện chưa sinh sẽ được sinh ra-đã sinh thì an trú... Cho đến nói là tu pháp thiện đã sinh làm cho an trú... cũng có đủ bốn loại, nghĩa là đối với pháp thiện đã sinh làm cho được an trú không quên, tu dưỡng thêm làm cho tăng rộng, phát sinh mong muốn thiết tha-thâu nhiếp tâm-giữ gìn tâm, đó là phần vị tu dưỡng các pháp thiện đã sinh, cũng có thể làm cho pháp ác bất thiện đã sinh ấy phải đoạn trừ, chưa sinh sẽ không sinh ra, lại làm cho pháp thiện chưa sinh sẽ được sinh ra.” Như vậy thì thành mười sáu Chánh đoạn, vì sao ở đây chỉ nói là bốn?

Đáp: Dựa vào ý thích của người tu hành, đến phần vị gia hạnh cho nên đưa ra cách nói này, nghĩa là người ấy vào lúc trước đây khởi lên một ý thích, đến phần vị gia hạnh thì có đủ bốn loại. Như vậy dựa vào bốn loại ý thích ấy, đến phần vị gia hạnh cho nên đưa ra cách nói này. Nhưng lúc gia hạnh cũng chỉ có bốn loại, bởi vì không vượt quá bốn cho nên chỉ nói bốn loại. Như do ý thích gia hạnh mà nói, như vậy do tiến vào gia hạnh mà nói, do dựa vào gia hạnh mà nói, do thắng giải gia hạnh mà nói, nên biết cũng như vậy.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cố.

Hỏi: Bốn loại này vì sao nói là Chánh đoạn?

Đáp: Bởi vì bốn loại này có năng lực đoạn trừ đích thực.

Hỏi: Hai loại trước thì có thể như vậy, hai loại sau thì thế nào?

Đáp: Lấy loại đầu làm tên gọi, cho nên không có gì sai. Hoặc là bốn loại này đều có nghĩa của Đoạn, đó là hai loại trước đoạn bỏ chướng ngại của phiền não, hai loại sau đoạn bỏ chướng ngại của hiểu biết, bởi vì lúc tu pháp thiện thì đoạn bỏ sự hiểu biết về pháp, cho nên tạm thời Đoạn-vĩnh viễn Đoạn đều gọi là Đoạn. Có nơi nói loại này gọi là Chánh thắng, bởi vì thúc đẩy phát khởi không trái ngược để thành tựu việc làm tốt đẹp.

Hỏi: Ác và bất thiện sai biệt thế nào?

Đáp: Ác nghĩa là hữu phú vô ký, bất thiện nghĩa là các loại bất thiện.

Có người đưa ra cách nói này: Ác nghĩa là pháp nhiễm phần ít của cõi Dục và cõi Sắc-Vô sắc, bất thiện nghĩa là pháp nhiễm phần nhiều của cõi Dục.

Có người nói: Ác nghĩa là Thân kiến-Biên kiến của cõi Dục, bất thiện nghĩa là các phiền não khác của cõi Dục.

Hỏi: Vì sao pháp ác bất thiện đã sinh thì nói là làm cho đoạn trừ, chưa sinh thì nói là làm cho không sinh ra?

Đáp: Đã sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi vì đã có tác dụng cho nên nói là làm cho đoạn trừ; chưa sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi vì chưa có tác dụng cho nên nói là làm cho không sinh ra.

Có người nói: Đã sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi vì đã ngăn cản Thánh đạo cho nên nói là làm cho đoạn trừ; chưa sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi vì chưa ngăn cản Thánh đạo cho nên nói là làm cho không sinh ra.

Có người nói: Đã sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi

vì đã chọn lấy quả-mang lại quả cho nên nói là làm cho đoạn trừ; chưa sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi vì chưa chọn lấy quả-mang lại quả cho nên nói là làm cho không sinh ra.

Có người nói: Đã sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi vì đã chọn lấy quả Đẳng lưu-quả Dị thực cho nên nói là làm cho đoạn trừ; chưa sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi vì chưa chọn lấy quả Đẳng lưu-quả Dị thực cho nên nói là làm cho không sinh ra.

Có người nói: Đã sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi vì đã đền đáp với nhân Đồng loại-Biến hành cho nên nói là làm cho đoạn trừ; chưa sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi vì chưa đền đáp với nhân Đồng loại-Biến hành cho nên nói là làm cho không sinh ra.

Có người nói: Đã sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi vì đã đốt cháy-đã não hại cho nên nói là làm cho đoạn trừ; chưa sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi vì chưa đốt cháy-chưa não hại cho nên nói là làm cho không sinh ra.

Có người nói: Đã sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, đã làm thành chê trách, đã làm thành dơ bẩn, đã làm thành dính mắc, đã rơi vào ác ý, cho nên nói là làm cho đoạn trừ; chưa sinh là đối với sự nối tiếp nhau của mình, bởi vì chưa làm thành chê trách, chưa làm thành dơ bẩn, chưa làm thành dính mắc, chưa rơi vào ác ý, cho nên nói là làm cho không sinh ra.

Hỏi: Những pháp thiện đã tu, hễ sinh ra bao nhiêu thì diệt đi bấy nhiêu, không có pháp nào sinh rồi mà có nghĩa dừng lại quá một sát-na, làm sao lại nói là đối với pháp thiện đã sinh làm cho được an trú không quên, tu dưỡng thêm làm cho tăng rộng?

Đáp: Nên biết trong này nói về pháp thiện thuộc hai phần, đó là phần thuận theo Trú, phần thuận theo Thắng tiến. Làm cho được an trú không quên là nói về phần thuận theo Trú, khiến tu dưỡng thêm làm cho tăng rộng là nói về phần thuận theo Thắng tiến, cùng dựa vào sự nối tiếp nhau lần lượt chuyển đổi thắng tiến mà nói là an trú..., cho nên không có gì sai.

Có người nói: Trong này nói về pháp thiện thuộc ba phẩm, đó là Hạ-Trung-Thượng. Làm cho được an trú không quên, là nói dựa vào căn thiện thuộc phẩm Hạ chuyển đến phẩm Trung; khiến tu dưỡng thêm làm cho tăng rộng, là nói dựa vào căn thiện thuộc phẩm Trung chuyển đến phẩm Thượng. Tuy một sát-na sinh rồi liền diệt, mà dựa vào sự nối tiếp nhau cho nên đưa cách nói này.

Chánh đoạn này ở cõi Dục có bốn, ở cõi Sắc-Vô sắc cũng như

vậy.

Hỏi: Cõi Dục có pháp ác bất thiện thì có thể nói là có bốn, vì sao cõi trên cũng nói là bốn?

Đáp: Cõi ấy tuy lỗi lầm tai họa không đầy đủ, mà có đủ công đức của cõi ấy.

Có người nói: Cõi ấy tuy không có sự đối trị tự động mà có sự đối trị tự động.

Hỏi: Địa Vị chí thì có thể như vậy, địa trên thì thế nào?

Đáp: Có nhiều loại đối trị, nghĩa là đối trị thuộc về xả bỏ, đối trị thuộc về đoạn trừ, đối trị thuộc về giữ gìn, đối trị thuộc về phần xa, đối trị thuộc về chán ngán hư hoại; địa trên tuy không có đối trị thuộc về xả bỏ và đoạn trừ, mà có những đối trị khác.

Hỏi: Tĩnh lự thì có thể như vậy, Vô sắc thì thế nào?

Đáp: Vô sắc tuy không có đối trị thuộc về hư hoại, mà có đối trị thuộc về giữ gìn và phần xa.

Chánh đoạn này ở phần vị Học-Vô học đều có đủ bốn loại.

Hỏi: Phần vị Học thì có thể như vậy, bởi vì có pháp ác bất thiện, phần vị Vô học thì thế nào?

Đáp: Phần vị Vô học tuy không có lỗi lầm tai họa mà có công đức.

Có người nói: Phần vị Vô học tuy không có sự đối trị tự động mà có sự đối trị tự động, đó là nhiều loại đối trị như trước nói, phần vị Vô học tuy không có đối trị thuộc về xả bỏ và đoạn trừ, mà có những loại khác.

Hỏi: Duyên với Niết-bàn thì Tinh tiến thuộc về Chánh đoạn nào?

Đáp: Có người nói: Thuộc về Chánh đoạn thứ nhất, bởi vì Đoạn tức là Niết-bàn.

Có người nói: Thuộc về Chánh đoạn thứ hai, bởi vì Niết-bàn là không sinh.

Có người nói: Thuộc về Chánh đoạn thứ ba, bởi vì lúc duyên với Niết-bàn thì pháp thiện phát sinh.

Có người nói: Thuộc về Chánh đoạn thứ tư, bởi vì lúc duyên với Niết-bàn thì pháp thiện tăng thêm.

Nói như vậy thì thuộc về bốn Chánh đoạn, bởi vì lúc duyên với Niết-bàn thì làm thành bốn sự việc, đó là lúc duyên với tánh Trạch diệt của các pháp, thì khiến cho tất cả các pháp ác bất thiện đã sinh phải đoạn trừ, chưa sinh thì sẽ không sinh ra, và khiến cho tất cả các pháp

thiện thuộc thế gian-xuất thế gian chưa sinh thì sẽ sinh ra, đã sinh thì sẽ tăng rộng.

Bốn Thần túc:

1. Tam-ma-địa về Dục đoạn hành thành tựu thần túc.
2. Tam-ma-địa về Cần đoạn hành thành tựu thần túc.
3. Tam-ma-địa về Tâm đoạn hành thành tựu thần túc.
4. Tam-ma-địa về Quán đoạn hành thành tựu thần túc.

Hỏi: Vì sao gọi là Thần, vì sao gọi là Túc?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Tam-ma-địa gọi là Thần, bốn pháp như Dục... gọi là Túc. Bởi vì nhờ vào bốn pháp mà thâm nhiếp tiếp nhận làm cho Tam-ma-địa chuyển biến.

Hỏi: Đẳng trì cùng có nhiều pháp tương ứng, vì sao chỉ có bốn pháp này gọi là Thần túc?

Đáp: Bởi vì bốn pháp này đối với Đẳng trì tùy thuận mạnh hơn, nghĩa là ở trong pháp tương ứng cùng có, giúp đỡ thêm cho Đẳng trì thì bốn pháp này là mạnh hơn.

Lại có người nói: Tam-ma-địa là Thần cũng là Túc, bốn pháp như Dục... chỉ là Túc chứ không phải là Thần. Như Trạch pháp là Giác cũng là Chi, sáu pháp còn lại chỉ là Chi chứ không phải là Giác; Chánh kiến là Đạo cũng là Chi, bảy pháp còn lại là Chi chứ không phải là Đạo; lìa bỏ ăn không đúng lúc là Trai cũng là Chi, bảy pháp còn lại là Chi chứ không phải là Trai; pháp ấy cũng như vậy.

Hỏi: Nếu Tam-ma-địa là Thần cũng là Túc thì hoặc là nên thiết lập một, hoặc là nên thiết lập năm, vì sao nói là bốn?

Đáp: Chỉ riêng Tam-ma-địa thiết lập làm Thần túc, bởi vì từ bốn nhân mà sinh ra cho nên nói là bốn, nghĩa là phần vị gia hạnh, hoặc là do lực của Dục dẫn dắt phát khởi Đẳng trì khiến cho nó hiện khởi, nói rộng ra cho đến hoặc là do lực của Quán dẫn dắt khiến cho hiện khởi. Do phần vị gia hạnh mà bốn pháp tăng theo, khiến cho Đẳng trì phát khởi mà đạt được phần vị của Định, cho nên đối với một Đẳng trì kiến lập bốn loại.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cố.

Hỏi: Bốn pháp này vì sao nói là Thần túc?

Đáp: Là do sự suy nghĩ cầu mong các nguyện ước mong muốn, tất cả được như ý cho nên gọi là Thần, dẫn dắt phát khởi do Thần cho nên gọi là Thần túc. Nhưng sự Thần dụng này tóm lược có hai loại:

1. Do sự vui mừng của thế tục.
2. Do sự ưa thích của Thánh giả.

Nếu phân một làm nhiều, hợp nhiều thành một, thì những loại này gọi là do sự vui mừng của thế tục. Nếu đối với những sự việc vừa ý của thế gian, không trú vào Tướng tùy thuận; đối với những sự việc không vừa ý của thế gian, không trú vào Tướng trái ngược; đối với những sự việc vừa ý-không vừa ý, an trú vào Xả, suy nghĩ đúng đắn-nhận biết đúng đắn, thì những loại này gọi là do sự ưa thích của Hiền Thánh.

Lại có ba loại Thần dụng:

1. Vận chuyển thân.
2. Thắng giải.
3. Thế lực của ý.

Thần dụng của sự vận chuyển thân, đó là toàn thân vút lên hư không giống như chim bay, cũng như Tiên bay đã họa trên bức tường. Thần dụng của sự thắng giải, đó là đối với xa tách ra làm thành gân, nhờ vào lực của pháp này; hoặc là ở châu này đưa tay sờ mặt trăng-mặt trời, hoặc là trong khoảng co duỗi cánh tay đã đi đến cõi trời Sắc Cứu Cánh. Thần dụng do thế lực của ý, đó là Nhãn thức lên đến cõi Hữu Đảnh, hoặc là lên đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, hoặc là vượt ngang qua vô số thế giới.

Hỏi: Ba loại Thần dụng này, ai thành tựu mấy loại?

Đáp: Có người nói: Thanh văn thành tựu một loại, đó là vận chuyển thân; Độc giác thành tựu hai loại, trừ ra thế lực của ý; chỉ riêng Phật Thế Tôn thành tựu đầy đủ ba loại.

Có người nói: Dị sinh thành tựu một loại, đó là vận chuyển thân; Nhị thừa thành tựu hai loại, trừ ra thế lực của ý, nhưng Thanh văn do vận chuyển thân mà hiện bày, Độc giác do ý hiểu rõ mà hiển bày; Phật thành tựu đầy đủ ba loại, do thế lực của ý mà hiển bày.

Hoặc lại có năm loại Thần dụng:

1. Nghiệp.
2. Dị thực.
3. Biến hiện.
4. Đức đầy đủ.
5. Phát tâm.

Thần dụng của nghiệp, đó là như Trung hữu... Thần dụng của dị thực, đó là như các loài chim bay... Thần dụng của biến hiện, đó là dựa vào Tĩnh lực, phân một làm nhiều, hợp nhiều làm một... Thần dụng của đức đầy đủ, đó là bốn Thần túc. Thần dụng của phát tâm, đó là trời rồng...

Trong này, trời đó là trời cõi Dục. Ở trong năm loại Thần dụng đã

nói, trong này nói về Thần dụng của đức đầy đủ.

Như trong kinh nói: “Tỳ kheo nên biết, Tam-ma-địa về Dục đoạn hành thành tựu tu đối với Thần túc, dựa vào lìa xa, dựa vào không nhiễm, dựa vào diệt, hồi hướng về xả. Tam-ma-địa về Cần, Tam-ma-địa về Tâm, Tam-ma-địa về Quán, nói cũng như vậy.”

Hỏi: Trong này nói thế nào gọi là lìa xa...?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Là Tam-ma-địa. Người ấy nói nếu duyên với Tam-ma-địa làm cảnh để tu đối với Thần túc, thì do hai duyên cho nên gọi là dựa vào lìa xa..., đó là bởi vì ý thích và bởi vì sở duyên. Nếu duyên với pháp khác làm cảnh để tu đối với Thần túc, thì chỉ do một duyên mà gọi là lìa xa, đó là bởi vì ý thích chứ không phải là bởi vì sở duyên.

Có Sư khác nói: Là Niết-bàn tịch diệt. Vị ấy nói nếu duyên với Niết-bàn tịch diệt làm cảnh để tu đối với Thần túc, thì do hai duyên cho nên gọi là dựa vào lìa xa..., đó là bởi vì ý thích và bởi vì sở duyên. Nếu duyên với pháp khác làm cảnh để tu đối với Thần túc, thì chỉ do một duyên mà gọi là dựa vào lìa xa ..., đó là bởi vì ý thích chứ không phải là bởi vì sở duyên.

Lại có người nói: Là Tam-ma-địa và Niết-bàn tịch diệt. Người ấy nói nếu duyên với hai pháp này làm cảnh để tu đối với Thần túc, thì do hai duyên cho nên gọi là lìa xa..., đó là bởi vì ý thích và bởi vì sở duyên. Nếu duyên với pháp khác làm cảnh để tu đối với Thần túc, thì chỉ do một duyên mà gọi là lìa xa..., đó là bởi vì ý thích chứ không phải là bởi vì sở duyên.

Nên biết trong này, dựa vào lìa xa đó là Tĩnh lự thứ nhất, dựa vào không nhiễm đó là Tĩnh lự thứ hai, dựa vào diệt đó là Tĩnh lự thứ ba, hồi hướng về xả đó là Tĩnh lự thứ tư.

Như trong kinh nói: “Tỳ kheo nên biết, như thế nào gọi là Thọ(tuổi thọ)? Đó là bốn Thần túc.”

Hỏi: Vì sao Thần túc lại nói là Thọ?

Đáp: Bởi vì pháp này là dựa vào Thọ không đoạn dứt, nghĩa là ở phần vị của Định thì Thọ chắc chắn không có đoạn dứt.

Có người nói: Bởi vì dựa vào pháp này lìa xa tai họa của Thọ, nghĩa là ở phần vị của Định thì lìa xa tai họa của Thọ.

Có người nói: Bởi vì dựa vào pháp này mà Thọ tự tại. Như trong kinh nói: “Nếu có Tỳ kheo-Tỳ kheo ni..., đối với bốn Thần túc hoặc tập-hoặc tu- hoặc tu tập nhiều, nếu người ấy mong cầu trú trong tuổi thọ một kiếp hoặc là hơn một kiếp, thì sẽ tùy ý tự tại.” Vì vậy cho nên nói

Thần túc là Thọ.

Như trong kinh nói: “Có một Phạm Chí, đi đến chỗ của Tôn giả A-nan-đà, dùng nhiều lời nói thân thiện hoan hỷ thăm hỏi xong, lùi về ngồi một bên, hỏi A-nan rằng: Vì sao ở nơi Sa-môn Kiều-đáp-ma thường xuyên tu phạm hạnh?”

Hỏi: Vì sao Phạm Chí đưa ra câu hỏi này?

Đáp: Phạm Chí ấy là bạn thân thời xưa của A-nan, biết rõ Tôn giả là người thuộc về hành ái, trước kia ở trong năm dục luôn luôn đắm say, cho nên đến thử xem là vì cầu đoạn bỏ ái mà tu phạm hạnh, hay là vì cầu dục lạc thù thắng mà tu phạm hạnh, vì vậy đưa ra câu hỏi ấy.

“A-nan trả lời rằng: Tôi vì đoạn bỏ ái cho nên thường xuyên tu phạm hạnh ở nơi Đức Phật.”

Hỏi: Thường xuyên tu phạm hạnh thì đoạn bỏ bảy tùy miên, vì sao chỉ nói là tôi vì đoạn bỏ ái?

Đáp: Tôn giả Khánh Hỷ cũng biết Phạm Chí là người thuộc về hành ái, đắm say các dục, bởi vì đưa đường dẫn lối, cho nên có ý nói nếu ông bị sự ràng buộc của ái mà muốn cầu lìa xa, thì hãy rời bỏ phép tắc trong gia đình họ hàng, đến nơi Đức Thế Tôn theo tôi thường xuyên tu phạm hạnh thanh tịnh. Vì vậy phương tiện trả lời là tôi vì đoạn bỏ ái.

“Bà-la-môn nói: Sa-môn Kiều-đáp-ma thật sự có dấu tích của Đạo có thể đoạn bỏ ái hay không? A-nan-đà nói: Thật sự có, đừng nghi ngờ, nếu ông đến tu thì nhất định có thể đoạn bỏ ái. Phạm Chí thỉnh cầu: Mong nói cho nghe điều ấy, khiến tâm tôi mở mang thì sẽ nghe theo lời khuyên. Tôn giả nói cho biết rằng: Chỉ có Đức Thế Tôn của tôi, thấy biết đúng như thật nói về bốn Thần túc, dựa vào đó tu tập sẽ mau chóng lìa xa sự ràng buộc của ái.”

Hỏi: Nếu có người nào có thể đối với ba mươi bảy loại pháp phần Bồ-đề như bốn Niệm trú..., tùy theo một loại mà tu tập thì đều có thể đoạn bỏ ái, vì sao chỉ nói là tu bốn Thần túc?

Đáp: Bởi vì pháp này là đối trị gần của Kiết ái, đó là người có ái thì rong ruổi phân tán các duyên, Đăng trì có thể làm đối trị gần của Kiết ấy.

“Phạm Chí lại nói: Như Nhân giả đã nói Thần túc vô biên, thì tu làm sao có thể hết được?”

Hỏi: Vì sao Phạm Chí đưa ra lời nói này?

Đáp: Ý của Phạm Chí nói Thế của bốn Thần túc này có khắp các phần vị Học-Vô học, pháp ấy chính là tu vô biên thì làm sao có thể tu

hết được, nếu không hết thì làm sao có thể đoạn bỏ ái?

“A-nan lại nói: Pháp này không phải là vô biên. Phạm Chí lại nói: Xin giải thích nói rõ cho nghe. A-nan bảo rằng: Nay tôi hỏi ông có thể tùy ý trả lời, ý ông nghĩ thế nào? Ông đã từng nảy sinh mong muốn đi vào khu vườn dạo chơi phải không? Phạm Chí nói không sai. Lại hỏi: Đi vào khu vườn đã dạo chơi ngắm nhìn rồi nảy sinh mong muốn quay về phải không? Phạm Chí nói không sai. Lại hỏi: Mong muốn đã nảy sinh trong hai thời gian lẽ nào không có khác nhau? Phạm Chí nói không sai. Tôn giả bảo rằng: Như ông nảy sinh mong muốn trong hai thời gian có khác nhau, một là mong muốn đi vào khu vườn, hai là mong muốn quay trở ra, như vậy Thần túc ở phần vị Học-Vô học, tất cả cũng không giống nhau, pháp tu của phần vị Học là mong muốn đoạn bỏ ái, pháp tu của phần vị Vô học là niềm vui trong pháp hiện tại, tùy theo pháp tu khác nhau chứ không phải nói là vô biên, vì sao Phạm Chí nói là tu không hết? Phạm Chí nghe rồi hoan hỷ phát tâm thuần tịnh, quay về xuất gia theo Đức Phật tu phạm hạnh.”

Năm Căn, đó là Tín căn-Tinh tiến căn-Niệm căn-Định căn và Tuệ căn. Năm Lực cũng như vậy. Năm pháp này tùy theo tên gọi, tức là đều lấy một loại trong tâm sở làm tánh.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao năm loại này gọi là Căn, gọi là Lực?

Đáp: Có thể sinh ra pháp thiện cho nên gọi là Căn, có thể phá bỏ pháp ác cho nên gọi là Lực.

Có người nói: Không có thể làm cho nghiêng ngã thì gọi là Căn, có thể phá hủy lẩn át loại khác thì gọi là Lực.

Có người nói: Nghĩa về thế dụng tăng mạnh lên gọi là Căn, nghĩa về không thể nào khuất phục gọi là Lực. Nếu dùng phần vị để phân biệt thì phần vị dưới gọi là Căn, phần vị trên gọi là Lực. Nếu dùng Thật nghĩa thì trong mỗi phần vị đều có đủ hai loại. Giải thích rộng về hai loại này như nơi khác nói.

Bảy Giác chi:

1. Niệm giác chi.
2. Trạch pháp giác chi.
3. Tinh tiến giác chi.
4. Hỷ giác chi.
5. Khinh an giác chi.
6. Định giác chi.
7. Xả giác chi.

Trạch pháp tức là Tuệ, Hỷ tức là Hỷ căn, Xả gọi là Hành xả, bốn pháp còn lại như tên gọi tức là đều lấy một loại trong tâm sở làm tánh.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao bảy loại này gọi là Giác chi?

Đáp: Giác đó là Giác cứu cánh, tức là Tận trí-Vô sinh trí; hoặc là Giác như thật, tức là Tuệ vô lậu. Bảy là thành phần của pháp ấy, cho nên gọi là Chi. Trạch pháp cũng là Giác-cũng là Chi, sáu pháp còn lại là Chi chứ không phải là Giác. Giải thích rộng về bảy loại này như nơi khác nói.

Tám Đạo chi, đó là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tiến, Chánh niệm, Chánh định.

Chánh kiến tức là Tuệ, Chánh tư duy tức là Tâm, Chánh ngữ-Chánh nghiệp-Chánh mạng tức là ba căn tùy tâm chuyển mà phát khởi Vô biểu của thân-ngữ. Ba loại còn lại như tên gọi tức là tánh thuộc tâm sở.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao tám loại này gọi là Đạo chi?

Đáp: Nơi đi lại thông suốt cho nên gọi là Đạo. Tám là thành phần của pháp ấy cho nên gọi là Chi. Chánh kiến cũng là Đạo-cũng là Chi, bảy pháp còn lại là Chi chứ không phải là Đạo. Tám loại này cũng như nơi khác nói rộng ra.

Bốn Tĩnh lự, đó là Tĩnh lự thứ nhất cho đến Tĩnh lự thứ tư.

Có người nói: Tĩnh lự tương ứng với Tâm-Hỷ-Lạc-Xả, như thứ tự là bốn. Pháp này có hai loại:

1. Tu đạt được.
2. Sinh đạt được.

Tu đạt được, tức là địa ấy thâm nhiếp tâm vào tánh của một cảnh, nếu cùng với bạn bè giúp đỡ thì năm uẩn làm tánh. Sinh đạt được, là tùy theo địa đã hệ thuộc năm uẩn khác làm tánh.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Bốn loại này vì sao nói là Tĩnh lự?

Đáp: Tĩnh nghĩa là yên lặng vắng vẻ, Lự nghĩa là suy nghĩ tính toán. Trong bốn địa này có Định-Tuệ bình đẳng cho nên gọi là Tĩnh lự, địa khác hễ có thiếu hụt thì không có được tên gọi này. Bốn loại này phân biệt rộng như nơi khác nói

Bốn Vô lượng, đó là Từ-Bi-Hỷ-Xả. Từ nghĩa là tác ý tương ứng với mang lại niềm vui, lấy căn thiện không có Sân làm tánh. Bi nghĩa là tác ý tương ứng với trừ bỏ khổ đau, lấy căn thiện không có Sân làm

tánh. Có người nói: Lấy không Hại làm tánh. Hỷ nghĩa là tác ý tương ứng với thăm hỏi chúc mừng, lấy Hỷ căn làm tánh. Có người nói: Lấy vui mừng(hân) trong tâm sở thiện làm tự tánh. Xả nghĩa là tác ý tương ứng với bình đẳng, lấy căn thiện không có Tham làm tánh.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao gọi là Vô lượng?

Đáp: Bởi vì bốn loại này duyên với vô lượng hữu tình, phát sinh vô lượng pháp thiện, dẫn đến vô lượng quả thù thắng. Nói rộng về bốn loại này, cũng như nơi khác nói.

Bốn Vô sắc, đó là Không vô biên xứ, cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Pháp này cũng có hai loại:

1. Tu đạt được.
2. Sinh đạt được.

Tu đạt được, tức là địa ấy thâm nhiếp tâm vào tánh của một cảnh, nếu cùng với bạn bè giúp đỡ thì bốn uẩn làm tánh. Sinh đạt được, tức là địa ấy hệ thuộc bốn uẩn khác làm tánh.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao bốn loại này gọi là Vô sắc?

Đáp: Bởi vì trong bốn địa này vượt lên trên tất cả các pháp có sắc, làm tổn hại đến tất cả các pháp có sắc, pháp có sắc ở địa này không có thể sinh khởi cho nên gọi là Vô sắc. Bốn loại này cũng như nơi khác nói rộng ra.

Tám Giải thoát:

1. Bên trong có sắc quán các sắc giải thoát.
2. Bên trong không có sắc tưởng quán sắc bên ngoài giải thoát.
3. Tịnh giải thoát Thân tác chứng cụ túc trú.
4. Không vô biên xứ giải thoát.
5. Thức vô biên xứ giải thoát.
6. Vô sở hữu xứ giải thoát.
7. Phi tưởng phi phi tưởng giải thoát.
8. Diệt thọ tưởng giải thoát Thân tác chứng cụ túc trú.

Trong này, ba loại trước lấy căn thiện không có Tham làm tánh, nếu cùng với bạn bè giúp đỡ thì năm uẩn làm tánh; bốn loại tiếp theo thì lấy bốn uẩn thiện gia hạnh của địa Căn bản ấy làm tánh. Có người nói: Cũng lấy tám đạo giải thoát trước của địa Cận phần ấy làm tánh. Giải thoát cuối cùng lấy Đẳng chí Diệt tận làm tánh.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao gọi là Giải thoát?

Đáp: Bởi vì giải thoát tất cả những gì có thể ngăn cản. Nghĩa còn lại như nơi khác nói rộng ra.

Tám Thắng xứ:

1. Bên trong có tướng về sắc quán ít sắc bên ngoài, cho đến nói rộng ra.

2. Bên trong có tướng về sắc quán nhiều sắc bên ngoài, cho đến nói rộng ra.

3. Bên trong không có tướng về sắc quán ít sắc bên ngoài, cho đến nói rộng ra.

4. Bên trong không có tướng về sắc quán nhiều sắc bên ngoài, cho đến nói rộng ra; quán về xanh-vàng-đỏ-trắng, lại làm thành bốn loại. Tám loại này đều lấy căn thiện không có Tham làm tánh, cho đến cùng với bạn bè giúp đỡ thì năm uẩn làm tánh.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao gọi là Thắng xứ?

Đáp: Bởi vì làm cho sở duyên phải hàng phục và hủy diệt tham ái, cho nên gọi là Thắng xứ. Nghĩa phân biệt rộng ra như nơi khác nói.

Mười Biến xứ, đó là quán phân biệt về xanh-vàng-đỏ-trắng-địa-thủy-hỏa-phong, tức là tám loại trước, chín là Không vô biên xứ, mười là Thức vô biên xứ.

Trong này, tám loại trước lấy căn thiện không có Tham làm tánh, nếu cùng với bạn bè giúp đỡ thì năm uẩn làm tánh; hai Biến xứ sau thì lấy bốn uẩn thiện gia hạnh hữu lậu của địa ấy cùng phẩm Thắng giải ấy làm tánh.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao gọi là Biến xứ?

Đáp: Sở duyên rộng khắp, Thắng giải vô biên cho nên gọi là Biến xứ. Nghĩa còn lại như nơi khác nói.

Tám Trí, đó là Pháp trí, Loại trí, Thế tục trí, Tha tâm trí, Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí; không phải là Tận trí và Vô sinh trí, bởi vì phần vị hạn chế.

Tám Trí này đều lấy Tuệ trong tâm sở pháp làm tự tánh.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao gọi là Trí?

Đáp: Quán xét quyết định đối với pháp sở duyên, cho nên gọi là Trí. Nghĩa còn lại như nơi khác nói rộng ra.

Ba Đăng trì:

1. Không.

2. Vô nguyện.

3. Vô tướng.

Ba loại này đều lấy Tam-ma-địa trong tâm sở pháp làm tánh, gồm chung hữu lậu và vô lậu.

Trong này chỉ nói đến môn giải thoát vô lậu. Nếu đi cùng hai hành tướng là Không-Vô ngã, thì Đẳng trì vô lậu gọi là Tam-ma-địa Không. Nếu đi cùng mười hành tướng là Vô thường-Khổ-Nhân-Tập-Sinh-Duyên-Đạo-Như-Hành-Xuất, thì Đẳng trì vô lậu gọi là Tam-ma-địa Vô nguyện. Nếu đi cùng bốn hành tướng là Diệt-Tĩnh-Diệu-Ly, thì Đẳng trì vô lậu gọi là Tam-ma-địa Vô tướng.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao gọi là Đẳng trì?

Đáp: Giữ gìn tâm bình đẳng khiến cho tập trung vào một cảnh, bởi vì có sự thành tựu cho nên gọi là Đẳng trì. Nói rộng về ba loại này, như nơi khác phân tích.

Bốn quả Sa-môn:

1. Quả Dự lưu.

2. Quả Nhất lai.

3. Quả Bất hoàn.

4. Quả A-la-hán.

Bốn quả này đều lấy hai pháp làm tánh:

1. Vô vi.

2. Hữu vi.

Quả vô vi, đó là quả Dự lưu dùng Đoạn-Trạch diệt do kiến mà đoạn của ba cõi làm tánh; quả Nhất lai dùng Đoạn do kiến mà đoạn của ba cõi, và Đoạn-Trạch diệt thuộc sáu phẩm trước do tu mà đoạn của ba cõi Dục làm tánh; quả Bất hoàn dùng Đoạn do kiến mà đoạn của ba cõi, và Đoạn-Trạch diệt do tu mà đoạn của ba cõi Dục làm tánh; quả A-la-hán dùng Đoạn-Trạch diệt do kiến-tu mà đoạn của ba cõi làm tánh.

Quả hữu vi, tùy theo sự thích hợp đều dùng năm uẩn vô lậu làm tánh.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao gọi là quả Sa-môn?

Đáp: Dũng mãnh không ngừng trừ bỏ pháp nhiễm, đó gọi là Sa-môn; là do các Sa-môn đã dẫn đến-đã chứng được, đó gọi là quả Sa-môn. Loại này cũng như nơi khác nói rộng ra.

Năm Thông:

1. Thần cảnh trí thông.

2. Thiên nhãn trí thông.
3. Thiên nhĩ trí thông.
4. Tha tâm trí thông.
5. Túc trú tùy niệm trí thông. Năm loại này đều dùng Tuệ làm tự tánh.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao gọi là Thông?

Đáp: Bởi vì đối với sở duyên của mình thông hiểu rõ ràng không trái ngược, hoạt dụng vi diệu không ngăn ngại gì cho nên gọi là Thông.

Cõi, bốn loại chỉ hệ thuộc cõi Sắc, Tha tâm trí thông hệ thuộc cõi Sắc và không hệ thuộc.

Địa, thì thuộc về địa Căn bản của bốn Tĩnh lự, không phải là Cận phần, không phải là Vô sắc. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì nếu địa có Tam-ma-địa thù thắng làm sở y của năm Thông, thì địa ấy có năm Thông; Cận phần và Vô sắc không có Tam-ma-địa thù thắng làm sở y của năm Thông, vì vậy ở đó không có các Thông này.

Có người nói: Nếu địa có Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na thâm nhiếp tiếp nhận bình đẳng, thì địa ấy có năm Thông; Cận phần và Vô sắc thiếu đi một loại tùy theo, cho nên không có năm Thông.

Sở y, đều dựa vào cõi Dục-Sắc.

Hành tướng, bốn loại chỉ là hành tướng không rõ ràng; Tha tâm trí thông, nếu như hữu lậu thì cũng là hành tướng không rõ ràng, nếu là vô lậu thì làm bốn hành tướng của Đạo.

Sở duyên, Thần cảnh trí thông duyên với cõi Dục-Sắc, hoặc là bốn Xứ, hoặc là hai Xứ; Thiên nhãn trí thông duyên với Sắc xứ của cõi Dục-Sắc; Thiên nhĩ trí thông duyên với Thanh xứ của cõi Dục-Sắc; Tha tâm trí thông duyên với tâm-tâm sở của cõi Dục-Sắc và không hệ thuộc; Túc trú tùy niệm trí thông duyên với năm uẩn của cõi Dục-Sắc.

Niệm trú, ba loại trước chỉ là Thân niệm trú, Tha tâm trí thông là ba Niệm trú trừ ra Thân, Túc trú tùy niệm trí thông chỉ là Pháp niệm trú.

Trí, bốn loại chỉ là Thế tục trí, Tha tâm trí thông nếu hữu lậu là Thế tục trí và Tha tâm trí, nếu vô lậu là Pháp trí-Loại trí-Đạo trí và Tha tâm trí.

Tam-ma-địa đi cùng, bốn loại không phải là Tam-ma-địa đi cùng, Tha tâm trí thông nếu hữu lậu thì cũng không phải là Tam-ma-địa đi cùng, nếu vô lậu thì đi cùng với Tam-ma-địa Vô nguyện thuộc Đạo.

Căn tương ứng, dựa vào chủng loại thì nói là tương ứng với ba căn,

đó là Lạc căn-Hỷ căn và Xả căn.

Đời, năm loại đều rơi vào ba đời, bốn loại trước thì quá khứ duyên với quá khứ, hiện tại duyên với hiện tại, vị lai nếu sinh khởi thì duyên thì duyên với vị lai, không sinh khởi thì duyên với ba đời. Túc trú tùy niệm trí thông, quá khứ và hiện tại duyên với quá khứ, vị lai duyên với ba đời.

Thiện..., Thiên nhãn thông-Thiên nhĩ thông là vô ký duyên với ba loại, Thần cảnh trí thông là thiện thì duyên với vô ký, còn lại là thiện thì duyên với ba loại.

Hệ thuộc cõi Dục..., bốn loại là hệ thuộc cõi Sắc, duyên với hệ thuộc cõi Dục-Sắc; Tha tâm trí thông là hệ thuộc cõi Sắc và không hệ thuộc, duyên với hệ thuộc cõi Dục-Sắc và không hệ thuộc.

Học..., bốn loại là Phi học phi vô học, duyên với Phi học phi vô học; Tha tâm trí thông là Học-Vô học và Phi học phi vô học, duyên với Học-Vô học và Phi học phi vô học.

Do kiến mà đoạn..., ba loại là do tu mà đoạn, duyên với do tu mà đoạn; Tha tâm trí thông là do tu mà đoạn và không đoạn, duyên với do kiến-tu mà đoạn và không đoạn; Túc trú tùy niệm trí thông là do tu mà đoạn, duyên với do kiến-tu mà đoạn.

Duyên với danh-duyen với nghĩa, Túc trú tùy niệm trí thông duyên chung với danh và nghĩa, bốn loại còn lại chỉ duyên với nghĩa.

Duyên với Tự tương tục..., Tha tâm trí thông chỉ duyên với Tha tương tục, bốn loại còn lại duyên chung với Tự-Tha tương tục và Phi tương tục.

Về gia hạnh đắc và ly nhiễm đắc.

Hỏi: Năm Thông này là gia hạnh đạt được, hay là lìa nhiễm đạt được? Nếu gia hạnh đạt được thì chương Trí Uẩn đã nói làm sao thông hiểu? Như nói: “Nếu thành tựu Tha tâm trí hiện tại, thì cũng thành tựu quá khứ- vị lai chăng?”

Đáp: Đúng như vậy.” Nếu lìa nhiễm đạt được thì trong Uẩn này nói làm sao thông hiểu? Như nói: “Dùng đạo vô gián chứng Thần cảnh trí thông, thì Niệm trú hiện tại tu một, vị lai tu bốn..., không phải là có vị lai tu khởi lên trước lúc đạt được.”

Đáp: Có người nói: Chỉ có gia hạnh đạt được.

Hỏi: Chương Trí Uẩn đã nói làm sao thông hiểu?

Đáp: Văn ấy nên đưa ra cách nói này: Nếu thành tựu Tha tâm trí hiện tại, thì vị lai nhất định thành tựu, quá khứ nếu đã diệt không mất thì thành tựu, nếu chưa hẳn đã diệt hoặc là đã diệt mà mất thì không thành

tự. Nhưng mà không nói như vậy, là bởi vì thế lực đã dẫn dắt cho nên trả lời tóm lược toàn bộ. Có người nói: Chỉ có lìa nhiễm đạt được.

Hỏi: Trong Uẩn này trước đây đã nói làm sao thông hiểu?

Đáp: Có người nói: Trở lại điều hòa luyện tập pháp phần Bồ-đề chứ không phải là bắt đầu đạt được tu, bởi vì lúc bấy giờ chỉ làm cho pháp đã đạt được trước đây chuyển sang rõ ràng hơn.

Nói như vậy thì đều gồm chung gia hạnh đạt được và lìa nhiễm đạt được, trong Uẩn này chỉ nói về gia hạnh đạt được, chương Trí Uẩn chỉ nói về lìa nhiễm đạt được. Như vậy thì làm cho hai cách nói dễ dàng thông suốt.

Có người nói: Ở trong sự lìa nhiễm đạt được ấy, có lúc đã từng luyện tập, có lúc chưa từng luyện tập, chương Trí Uẩn nói về đã từng luyện tập, trong Uẩn này nói về chưa từng luyện tập, như vậy cũng làm cho hai cách nói dễ dàng thông suốt.

Lìa nhiễm đạt được, đó là do Tĩnh lực thứ nhất đã dẫn dắt phát khởi, lúc lìa nhiễm của cõi Dục thì đạt được, cho đến do Tĩnh lực thứ tư đã dẫn dắt phát khởi, lúc lìa nhiễm của Tĩnh lực thứ ba thì đạt được. Nếu các Thánh giả và dị sinh ở thân đời sau, thì cùng đạt được đã từng luyện tập-chưa từng luyện tập, còn lại chỉ đạt được chưa từng luyện tập. Lìa nhiễm đạt được rồi gia hạnh hiện rõ trước mắt, Phật không có gia hạnh, Độc giác gia hạnh bậc Hạ, Thanh văn hoặc là bậc Trung-hoặc là bậc Thượng. Vả lại, tùy theo đạo giải thoát lúc lìa nhiễm, thì pháp do tu mà đạt được đều là lìa nhiễm đạt được, nếu ở lúc khác mà tu đạt được thì đều là gia hạnh đạt được.

Hỏi: Ở nơi nào khởi lên?

Đáp: Cõi Dục-Sắc đều có thể khởi lên, trong cõi Dục chỉ có người và trời. Trong loài người chỉ có ba châu, gồm chung thân nam-thân nữ, dị sinh-Thánh giả, Học và Vô học đều có thể hiện khởi.

Hỏi: Các Thông là đạo vô gián thân nhiếp, hay là đạo giải thoát thân nhiếp? Nếu như đạo vô gián thân nhiếp, thì kinh đã nói làm sao thông hiểu? Như nói: “Phân một làm nhiều, hợp nhiều làm một”. Không phải là đạo vô gián trong một sát-na mà có sự việc như vậy. Nếu như đạo giải thoát thân nhiếp, thì luận Phẩm Loại Túc nói nên thông hiểu thế nào? Như nói: “Thông là thế nào? Đó là Tuệ thiện.” Thiên nhãn thông-Thiên nhĩ thông-đạo giải thoát, là Tuệ vô ký vì sao gọi là Thông?

Đáp: Các Thông là đạo giải thoát thân nhiếp, như quả Sa-môn do đạo giải thoát thân nhiếp chứ không phải là đạo vô gián; ở đây cũng như vậy.

Hỏi: Luận Phẩm Loại Túc nói nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Luận ấy đã nói về Thông cùng với luận này nói khác nhau. Luận ấy nói Tuệ thiện đều gọi là Thông, bởi vì nói tất cả các pháp đều là do Thông mà đạt được; trong này đã nói Tuệ thù thắng gọi là Thông, Thông này hoặc là thiện, hoặc là vô ký.

Thông và Tuệ thiện có thể làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc là Thông mà không phải là Tuệ thiện, đó là Thiên nhân thông-Thiên nhĩ thông.

2. Có lúc là Tuệ thiện mà không phải là Thông, đó là trừ ra Thông, còn lại Tuệ thiện.

3. Có lúc là Thông mà cũng là Tuệ thiện, đó là bốn Thông còn lại.

4. Có lúc không phải là Thông mà cũng không phải là Tuệ thiện, đó là trừ ra tướng trước.

Hỏi: Năm Thông này là như thuyết mà sinh khởi, hay là không phải như vậy?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Như thuyết mà sinh khởi, đó là Thần cảnh trí thông khởi lên trước cho nên Đức Phật nói trước, cho đến Túc trú tùy niệm trí thông khởi lên sau cho nên Đức Phật nói sau. Nghĩa là lúc ấy nghe về trời cõi Sắc mà không có thể đi đến, cho nên trước tiên khởi lên Thần cảnh thông để đi đến; mà không có thể nhìn thấy sắc của họ, cho nên tiếp tục khởi lên Thiên nhân thông để nhìn thấy; mà không có thể nghe được lời nói của họ, cho nên tiếp tục khởi lên Thiên nhĩ để nghe được; mà không có thể biết được tâm của họ, cho nên tiếp tục khởi lên Tha tâm thông để biết tâm của họ; biết tâm của họ rồi mà chưa biết đời trước đã từng gặp nhau hay không, cho nên sau cuối khởi lên Túc trú thông. Đức Thế Tôn dựa vào thứ tự này mà nói.

Nói như vậy thì thứ tự không có nhất định, nghĩa là hoặc trước tiên khởi lên Thần cảnh thông, cho đến hoặc là trước tiên khởi lên Túc trú thông; hoặc có người chỉ đạt được Thần cảnh thông, như Thiên Thụ...; hoặc có người chỉ đạt được Thiên nhân thông, như Thiện Tinh... Vì vậy, các Thông không có sự tiến vào theo chiều thuận-tiến vào theo chiều nghịch, cũng không có vượt qua thứ tự như các Đăng chí, hoặc là như Vô lượng-Giải thoát-Thắng xứ-Biến xứ.

Hỏi: Lúc tu khởi lên Thần cảnh thông-Thiên nhân thông, cùng có ánh sáng thì điều này có gì khác nhau?

Đáp: Nếu do tu Thần cảnh thông mà dẫn đến ánh sáng, thì hoặc là do biến hóa đã làm ra, hoặc là do tự tánh vốn có. Nếu do tu Thiên

nhãn thông mà dẫn đến ánh sáng, thì không phải là do biến hóa đã làm ra, mà chỉ do tự tánh vốn có.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 142

CHƯƠNG VI: CĂN UẨN

Phẩm Thứ Nhất: LUẬN VỀ CĂN

LUẬN VỀ CĂN (Phần 1)

Hai mươi hai Căn, đó là Nhãn căn, Nhĩ căn, Tỷ căn, Thiệt căn, Thân căn, Nữ căn, Nam căn, Mạng căn, Ý căn, Lạc căn, Khổ căn, Hỷ căn, Ưu căn, Xả căn, Tín căn, Tinh tiến căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn, Vị tri đương tri căn, Dĩ tri căn, Cụ tri căn.

Hai mươi hai Căn này, mấy là Học, mấy là Vô học, mấy là Phi học phi vô học? Các chương như vậy và giải thích về nghĩa từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp theo cần phải phân biệt rộng ra.

Hỏi: Vì sao Tôn giả dùng hai mươi hai Căn mà soạn luận?

Đáp: Là do ý muốn của Tôn giả ấy, tùy theo ý muốn ấy không trái với pháp tướng mà soạn ra phần luận này, không cần phải vặn hỏi về nguyên cơ ấy.

Có người nói: Không cần phải hỏi, bởi vì Tôn giả ấy dùng hai mươi hai Căn nói trong kinh. Kinh ấy là căn bản của luận này, dựa vào kinh ấy mà soạn luận cho nên không có thể vặn hỏi về nhân duyên ấy. Bởi vì Tôn giả ấy đối với hai mươi hai Căn mà Đức Phật đã nói, không có thể giảm bớt mà nói là hai mươi một, không có thể tăng thêm mà nói là hai mươi ba. Bởi vì Đức Phật đã nói không có tăng giảm, cho nên không có thể tăng giảm. Như không có thể tăng giảm, không có thể nhiều ít, không có thể thua được, vô lượng vô biên, nên biết cũng như vậy. Bởi vì vô lượng vô biên mà Đức Phật đã nói, không có thể ở trong đó làm thành số lượng-giới hạn.

Vô lượng là bởi vì nghĩa khó suy lường, vô biên là bởi vì văn khó nhận biết. Ví như biển rộng vô lượng vô biên, vô lượng là sâu, vô biên

là rộng. Đức Thế Tôn đã nói nên biết cũng như vậy, tuy số lượng trăm ngàn Câu-chi Na-dữu-đa các Đại luận sư như Xá-lợi-tử..., mà đối với nghĩa của hai câu văn do Đức Phật nói ra, soạn thành trăm ngàn bộ luận để phân biệt giải thích, tận cùng tánh giác ngộ ấy cũng không đạt được giới hạn. Vì vậy, không cần phải vặn hỏi Tôn giả về điều ấy.

Hỏi: Gác lại sự việc Tôn giả ấy, vì sao Đức Thế Tôn nói kinh này?

Đáp: Bởi vì quán xét hữu tình hóa độ thuận theo nghe pháp này được lợi ích thêm. Lại nữa, kinh này có duyên khởi riêng biệt, đó là “Cố Phạm Chí tên gọi Sinh Văn, đi đến nơi Đức Phật, hoan hỷ chào hỏi rồi ngồi ở một phía mà thưa với Đức Phật rằng: Thi thiết mấy Căn để thâm nhiếp hết các Căn? Đức Phật nói: Ta nói hai mươi hai Căn thâm nhiếp hết các Căn, nếu có ai ngăn chặn những Căn này mà lại nói đến những Căn khác, thì nên biết người ấy nói có ngôn từ nhưng không có nghĩa lý. Nếu còn hỏi thì người ấy lại sinh ra ngu dốt mê hoặc. Nguyên cố thế nào? Bởi vì không phải là cảnh giới của họ.” Bởi vì Phạm Chí hỏi cho nên nói ra kinh này. Vì vậy, không nên dẫn ra ý Đức Phật đã nói.

Hỏi: Gác lại ý Đức Phật đã nói, vì sao Phạm Chí chỉ hỏi về các Căn mà không hỏi đến Uẩn-Giới-Xứ...?

Đáp: Tùy theo sự nghi ngờ ấy mà hỏi, không cần phải vặn hỏi. Hoặc là Phạm Chí ấy có tánh khéo tìm hiểu suy nghĩ, hễ có nghe điều gì khác lạ thì đi hỏi khắp nơi, vì biết về nghĩa của Căn cho nên đi trải qua chín mươi sáu ngoại đạo ở khắp nơi để hỏi về số lượng của các Căn. Như ngoại đạo Ly Hệ thi thiết một Căn, đó gọi là Mạng căn có khắp mọi vật trong ngoài, cho nên người ấy đưa ra quy định không uống nước lạnh, không chặt đứt cỏ xanh, bởi vì có mạng sống.

Hỏi: Các ngoại đạo ở trong vật bên ngoài, chấp có Căn gì mà gọi là pháp có Căn?

Đáp: Có người đối với vật bên ngoài chấp là có Ý căn. Có người đối với vật bên ngoài chấp là có Mạng căn. Có người đối với vật bên ngoài chấp là có hai Căn, do Ý căn cho nên gọi là pháp có Căn, do Mạng căn cho nên gọi là pháp có Mạng. Có người đối với vật bên ngoài chấp là có hai Căn, đó là Nghiệp và Ý, tùy theo thích hợp sẽ nói. Lại như ngoại đạo Ba-la-thiết-lợi, đưa ra cách nói như vậy: Mắt không nhìn thấy Sắc, tai không nghe thấy Thanh, gọi là Tu căn của Thánh.

Hỏi: Vì sao người ấy gọi là Ba-la-thiết-lợi?

Đáp: Là tên gọi đã lập ra, không cần phải hỏi về lý do lập ra tên gọi, bởi vì tên gọi tùy theo giả lập không hẳn là đều có Thật nghĩa.

Có người nói: Đây là họ của người ấy, nghĩa là Bà-la-môn có họ là Kiều-sa, có họ là Phiệt-sa, có họ là Phiến-thất-lược, có họ là Kiều-trận-na, có họ là Bà-la-đọa-xà, có họ là Ba-la-thiết-lợi.

Có người nói: Đây là tạp chủng, nghĩa là từ Sát-đế-lợi và Bà-la-môn sinh ra, gọi là Ba-la-thiết-lợi; như từ Lừa và Ngựa mà sinh ra gọi là con La.

Nói như vậy thì đây là họ của người ấy.

“Người ấy có đệ tử tên gọi Ốt-đát-la, đã từng vào một lúc nọ đi đến nơi Đức Phật, hoan hỷ chào hỏi xong ngồi ở một phía. Lúc ấy Đức Phật bảo rằng: Thầy ông là Ba-la-thiết-lợi, vì các ông mà nói về pháp Tu căn chăng? Ốt-đát-la nói: Thầy con đã từng nói. Đức Phật hỏi thế nào? Người ấy nói: Thầy con đưa ra cách nói như vậy: Mắt không nhìn thấy Sắc, tai không nghe thấy Thanh, gọi là Tu căn của Thánh, bởi vì không có gì giữ lấy. Đức Phật liền chất vấn: Nếu như vậy thì người mù phải gọi là Tu căn của Thánh, bởi vì không nhìn thấy Sắc. Lúc ấy Anan-đà đứng hầu bên Đức Phật, phe phẩy quạt cho Đức Phật, lập tức cũng chất vấn: Người điếc cũng phải gọi là Tu căn của Thánh, bởi vì không nghe thấy Thanh.”

Hỏi: Giả sử có số lượng trăm ngàn Câu-chi Na-dữu-đa ngoại đạo, trí tuệ biện tài giống như Xá-lợi-tử, Đức Phật đều có thể làm cho khuất phục, vì sao Đức Thế Tôn đưa ra chất vấn thứ nhất rồi, Tôn giả Khánh Hỷ đưa ra chất vấn thứ hai, mà Đức Thế Tôn không ngăn chặn là tại vì sao?

Đáp: Đức Phật nhìn yết hầu của Khánh Hỷ có tướng trạng, biết là muốn đưa ra chất vấn cho nên tự mình liền dừng lại. Bởi vì Đức Phật ở trong ba Vô số kiếp xưa kia, lúc thường xuyên tinh tiến tu hạnh Bồ-tát, hãy còn không làm gián đoạn biện tài vốn có của người khác, cho đến đệ tử cũng không ngăn chặn, huống hồ nay thành Phật mà làm gián đoạn biện tài của người khác hay sao?

Lại nữa, Đức Phật biết rõ hoặc là tự mình đã nói, hoặc là Khánh Hỷ nói, đều bình đẳng không có gì khác nhau, không hề có tăng giảm, cho nên không ngăn chặn.

Lại nữa, bởi vì hiển bày về thầy và đệ tử cùng có năng lực làm cho người khác phải khuất phục. Nếu thầy và đệ tử cùng có năng lực làm cho phải khuất phục, thì mới gọi là khéo léo điều phục, cho nên không ngăn cản.

Lại nữa, bởi vì muốn làm cho người ấy không có lời nào khác. Nghĩa là nếu Đức Thế Tôn đưa ra chất vấn thứ nhất, Khánh Hỷ không

đưa ra chất vấn thứ hai, thì ngoại đạo ấy trở về trong chúng của mình, bởi vì tâm kiêu mạn còn lại, mà đưa ra lời nói như vậy: Tuy bị vị thầy làm cho khuất phục mà không phải là đệ tử của vị ấy, vị ấy tuy có thể làm cho chúng ta khuất phục mà không phải là thầy của chúng ta. Nếu Phật Thế Tôn đưa ra chất vấn thứ nhất, Khánh Hỷ lại đưa ra chất vấn thứ hai, thì người ấy vĩnh viễn rời bỏ tâm kiêu mạn, bởi vì đệ tử hãy còn có thể làm cho chúng ta khuất phục, huống là thầy của họ hay sao? Giả sử thầy chúng ta có đến thì cũng không thể nào đối đáp được, huống gì là chúng ta?

Lại nữa, bởi vì muốn thỏa ý của Phạm Chí ấy. Người ấy dấy lên nghĩ rằng: Kiêu-đáp-ma tôn quý là bậc đứng đầu trong các lực sĩ, không có ai cao hơn, có thể điều phục và có thể đánh đổ tất cả các Luận giả mà không bị khuất phục; là bậc tôn quý thù thắng nhất trong các Luận sư, tất cả các Đại Luận sư xưa kia hãy còn không có ai có thể đối đáp, huống gì là chúng ta? Nếu đệ tử của vị ấy cùng với mình bàn luận, thì mình sẽ đối đáp qua lại, lẽ nào không thích hợp hay sao? Đức Phật luôn luôn làm thỏa ý của người đã hóa độ, như suy nghĩ của họ mà đưa đường dẫn lối, cho nên không ngăn cản sự chất vấn của Khánh Hỷ.

Lại nữa, Đức Phật lấy Khánh Hỷ làm người chứng nghĩa, cho nên chúng ngoại đạo ấy tin tưởng tôn trọng Khánh Hỷ. Bởi vì hình dáng tướng mạo của Tôn giả ấy đoan nghiêm, có sở trường biết về Nhân-đà-la và luận Thanh minh, cho nên ý Đức Phật khiến Tôn giả hỏi người đã tin tưởng, tự nghiệm xét tông chỉ của thầy mình có hợp với chánh lý hay không? Vì vậy, lúc Khánh Hỷ nói nhưng Đức Phật không ngăn cản.

Lại nữa, bởi vì muốn hiển bày Đức Thế Tôn không có suy nghĩ về người hơn mình. Nghĩa là các ngoại đạo suy nghĩ trong số đệ tử có người hơn mình, cho nên ngăn chặn ngôn từ biện giải của họ; Đức Phật không có điều này. Giả sử có số lượng trăm ngàn Câu-chi Na-dữu-đa đệ tử, có biện tài trí tuệ như Xá-lợi-tử, cũng không có ai vấn nạn sánh bằng Đức Phật, huống gì có thể hơn được Đức Phật?

Lại nữa, bởi vì muốn hiển bày mình đã đoạn bỏ sự keo kiệt bần thủ về pháp. Nghĩa là các ngoại đạo không cho phép đệ tử luận bàn chất vấn với người khác, đừng để cho họ nhờ đó mà được nhiều danh dự-cung kính-lợi dưỡng; Đức Phật thì không như vậy. Giả sử ở thế gian, tất cả đều có được rất nhiều danh lợi, mà Đức Phật không có chút nào thì cũng không hề ganh ghét, vì thế cho nên không ngăn cản lời nói của Khánh Hỷ.

Lại nữa, bởi vì muốn hiển bày đệ tử cũng hơn hẳn người khác.

Nghĩa là các ngoại đạo sợ rằng học trò của mình luận bàn chất vấn với người khác, rơi vào thất bại chuốc lấy nhục nhã; đệ tử của Đức Thế Tôn không có ai không hơn hẳn người khác, nếu luận bàn chất vấn thì Chánh pháp của Như Lai lưu truyền càng rạng rỡ thêm, cho nên không ngăn cản.

Lại nữa, bởi vì muốn biểu hiện rõ ràng trong cách nói pháp khéo léo, văn nghĩa đầy đủ không có cách nhìn khác nhau. Nghĩa là các ngoại đạo trong cách nói pháp xấu xa, văn nghĩa trái ngược, thầy trò nhìn nhận khác nhau, hễ có vấn đề gì đã thiết lập-đã nói ra-đã giải thích, thì thầy và đệ tử đều trái ngược nhau; trong Chánh pháp của Đức Phật không có lỗi lầm này, hễ có vấn đề gì đã thiết lập-đã nói ra-đã giải thích, thì đệ tử và thầy đều cùng chung một vị.

Bởi vì những nhân duyên như vậy, cho nên đối với ngoại đạo ấy, Đức Phật và Khánh Hỷ đều đưa ra một vấn nạn.

Hỏi: Nếu ngoại đạo chấp nhận người mù-điếc là tu căn của Thánh, thì tại sao làm thành vấn nạn?

Đáp: Đây là vấn nạn lớn, cũng là nói chung về sai lầm của ngoại đạo, không có ai có thể đối đáp được. Nghĩa là nếu ông chấp nhận người mù-điếc cũng có thể gọi là tu căn của Thánh, thì tại sao các ông rời bỏ đời sống gia đình, ngày đêm luôn luôn chịu khó tu các phạm hạnh? Chỉ cần hủy hoại hai căn của mắt và tai, thì tự nhiên có thể gọi là người tu căn của thánh. Vì vậy, trước đã nói là đây là vấn nạn lớn, cũng là chỉ trích chung tất cả ngoại đạo.

Lại nữa, phái Thắng Luận nói có năm Căn, nhãn-nhĩ-tỷ-thiệt-thân là năm Căn.

Lại nữa, phái Số Luận nói mười một Căn, đó là năm Căn thuộc về giác quan, năm Căn thuộc về nghiệp và Ý căn. Năm Căn thuộc về giác quan, đó là nhãn-nhĩ-tỷ-thiệt-thân Căn. Năm Căn thuộc về nghiệp, đó là Căn của lời nói-tay-chân-đại tiện và tiểu tiện. Cùng với Ý căn là Căn thứ mười một.

Hoặc lại có người nói: Một trăm hai mươi Căn, đó là nhãn-nhĩ-tỷ đều có hai là sáu, thiệt-thân-ý-mạng và năm Căn thuộc về cảm thọ, năm Căn như Tín..., tổng cộng là hai mươi sáu, mỗi một nẻo đều có hai mươi là một trăm hai mươi. Họ nói A-tố-lạc là nẻo thứ sáu.

Có người nói: Căn là nghĩa của Chủ. Ngoại đạo ấy nói có một trăm hai mươi Chủ, như Chủ loài trời, Chủ loài rồng, Chủ loài A-tố-lạc và Chủ loài người..., cần phải nhận lấy một trăm hai mươi Xứ như vậy, thân vi diệu thù thắng mới được giải thoát.

“Phạm Chí Sinh Văn nghe những điều như vậy, nói về Căn không như nhau, càng sinh ra nghi hoặc, không biết nơi nào là nói đúng sự thật về Căn. Nghe trong cung của dòng họ Thích sinh ra một Thái tử, đầy đủ ba mươi hai tướng đại tướng phu, tám mươi vẻ đẹp, thân màu vàng ròng, ánh sáng xoay tròn một tâm, người trông thấy hoan hỷ ngắm nhìn không hề thỏa mãn, từ bỏ ngôi vị Luân vương, vượt qua hoàng thành mà xuất gia, tinh tiến thường xuyên tu tập khổ hạnh rất khó thực hành, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, biết rõ tất cả mọi điều, thấy rõ tất cả mọi điều, đoạn trừ tất cả mọi điều nghi ngờ, thiết lập tất cả mọi điều quyết định, có năng lực giải thích tận cùng nguồn gốc tất cả những câu hỏi khó nhất. Nghe rồi lập tức đi đến nơi Đức Phật, ngồi ở một bên mà thưa với Đức Phật rằng: Nói về Căn thì có nhiều Sa-môn đã nói, có mấy căn thâm nhiếp hết các căn?”

Hỏi: Vì sao Phạm Chí không đem điều mình đã nghe nói sai biệt về Căn để thưa hỏi với Đức Phật mà dứt khoát đưa ra câu hỏi này?

Đáp: Người ấy có tuệ ác, sợ rằng Đức Phật từ trong Căn mà người khác đã nói, chọn lấy điều thích hợp để nói, cho nên đưa ra câu hỏi tổng quát, Đức Phật dựa vào câu hỏi ấy trả lời rằng: “Ta nói hai mươi hai Căn thâm nhiếp hết các Căn, ...nói rộng ra cho đến...Bởi vì không phải là cảnh giới của họ.”

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn lại nói ra lời này: “Nếu có ai ngăn chặn những Căn này mà lại nói đến những Căn khác, thì nên biết người ấy nói có ngôn từ mà không có nghĩa lý. Nếu còn hỏi thì người ấy lại sinh ra ngu dốt mê hoặc. Nguyên cố thế nào? Bởi vì không phải là cảnh giới của họ.”

Đáp: Bởi vì muốn khiến cho người ấy biết trước đây đã nghe nói về nghĩa của một Căn, cho đến một trăm hai mươi Căn đều không phải là sự thật. Ta là người biết rõ tất cả mọi điều, thấy rõ tất cả mọi điều, hãy còn không có thể từ trong hai mươi hai Căn, giảm bớt một Căn mà nói là hai mươi một, tăng thêm một Căn mà nói là hai mươi ba; huống gì các ngoại đạo không có tri thức-nhìn nhận kỳ quái, từ trong các Căn có ai có năng lực tăng thêm và giảm bớt mà nói một cho đến một trăm hai mươi chẳng?

Bởi vì nhân duyên này cho nên người ấy đi đến nơi Đức Phật, chỉ hỏi về nghĩa của Căn chứ không phải là hỏi về Uẩn-Giới-Xứ..

Hỏi: Hai mươi hai Căn này thì tên gọi có hai mươi hai, Thật Thể có mấy loại? Đáp: Phái Đối Pháp nói: Tên gọi có hai mươi hai, Thật Thể có mười bảy, bởi vì ở trong Nam căn-Nữ căn và ba Căn vô lậu

không có Thể riêng biệt.

Hỏi: Vì sao Nam căn-Nữ căn không có Thể riêng biệt?

Đáp: Bởi vì hai Căn này chính là Thân căn thâm nhiếp. Như nói: Nữ căn là thế nào? Đó là phần ít của Thân căn. Nam căn là thế nào? Đó là phần ít của Thân căn.

Hỏi: Vì sao ba Căn vô lậu cũng không có Thể riêng biệt?

Đáp: Bởi vì ba Căn này chính là chín Căn thâm nhiếp. Chín căn, đó là Ý căn, Lạc-Hỷ-Xả căn, năm Căn như Tín... Chín căn này có phần vị gọi là Vị tri đương tri căn, có phần vị gọi là Dĩ tri căn, có phần vị gọi là Cụ tri căn, tức là phần vị Kiến đạo, phần vị Tu đạo, phần vị đạo Vô học, như thứ tự nên biết.

Lại nữa, ở trong sự nối tiếp nhau của Tùy tín-Tùy pháp hành, gọi là Vị tri đương tri căn; ở trong sự nối tiếp nhau của Tín giải-Kiến chí-Thân chứng, gọi là Dĩ tri căn; ở trong sự nối tiếp nhau của Tuệ giải thoát-Câu giải thoát, gọi là Cụ tri căn. Chín căn tụ tập tùy theo phần vị mà nói là ba cho nên không có Thể riêng biệt. Vì vậy cho nên nói hai mươi hai Căn thì tên gọi có hai mươi hai, Thật Thể có mười bảy.

Tôn giả Pháp Cứu đưa ra cách nói như vậy: “Tên gọi có hai mươi hai, Thật Thể có mười bốn, đó là bởi vì ngay năm Căn trước và Mạng-Xả-Định căn không có Thật Thể riêng biệt.”

Hỏi: Vì sao vị ấy nói Mạng căn không có Thật Thể?

Đáp: Mạng căn là do Hành uẩn không tương ưng thâm nhiếp, vị ấy nói Hành uẩn không tương ưng cho nên không có Thật Thể.

Hỏi: Vì sao lại nói Xả căn không có Thể riêng biệt?

Đáp: Vị ấy nói lia Khổ thọ-Lạc thọ không có Thọ không khổ không lạc riêng biệt. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì các Thọ vốn có, hoặc là Lạc-hoặc là Khổ, nếu không phải là Khổ-Lạc thì tại sao gọi là Thọ?

Hỏi: Nếu như vậy thì trong kinh nói ba Thọ nên hiểu thế nào?

Đáp: Vị ấy đưa ra cách nói này: Lạc thọ-Khổ thọ, có trên cao-có dưới thấp, có sắc bén-có cùn chậm, có nóng vội-có điềm tĩnh, các loại trên cao-sắc bén- nóng vội thì gọi là Lạc thọ-Khổ thọ, các loại dưới thấp-cùn chậm-điềm tĩnh thì gọi là Thọ không khổ không lạc, Thể này không nhất định, như nghi ngờ mà chuyển đổi.

Hỏi: Vì sao vị ấy nói Định căn cũng không có Thể riêng biệt?

Đáp: Vị ấy nói bởi vì lia tâm không có Thể của Định. Như nói: Định là thế nào? Đó là tâm cùng một cảnh với tánh. Vì vậy, các Căn thì tên gọi có hai mươi hai, Thật Thể có mười bốn.

Tôn giả Giác Thiên đưa cách nói như vậy: “Tên gọi có hai mươi

hai, Thật Thể chỉ có một, đó là Ý căn.”

Vị ấy đưa ra cách nói này: Các pháp hữu vi có hai tự tánh, một là Đại chủng, hai là Tâm. Lìa xa Đại chủng thì không có sắc sở tạo, lìa xa Tâm thì không có tâm sở, các sắc đều là sự sai biệt của Đại chủng, không có sắc đều là sự sai biệt của Tâm. Bởi vì nghĩa này cho nên Thật Thể của Căn chỉ có một.

Như Thật nghĩa thì nên như cách nói thứ nhất là tên gọi có hai mươi hai, Thật Thể có mười bảy. Như tên gọi và Thể, như vậy tên gọi thì thiết-Thể thì thiết, tên gọi khác tướng-Thể khác tướng, tên gọi khác tánh-Thể khác tánh, tên gọi lìa tánh-Thể lìa tánh, tên gọi phân biệt-Thể phân biệt, tên gọi giác ngộ-Thể giác ngộ, nên biết cũng như vậy. Đó gọi là tự tánh của các Căn, tự Thể và tánh tướng của ngã-vật.

Đã nói về tự tánh, nên nói đến nguyên cơ.

Hỏi: Vì sao gọi là Căn, Căn là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa về tăng thượng là nghĩa của Căn, nghĩa về sáng tỏ là nghĩa của Căn, nghĩa về hiện bày là nghĩa của Căn, nghĩa về hỷ quán là nghĩa của Căn, nghĩa về đoan nghiêm là nghĩa của Căn, nghĩa về tối thượng là nghĩa của Căn, nghĩa về thù thắng là nghĩa của Căn, nghĩa về làm chủ là nghĩa của Căn.

Hỏi: Nếu nghĩa về tăng thượng là nghĩa của Căn, thì các pháp hữu vi lần lượt chuyển đổi tăng thượng, các pháp vô vi đối với hữu vi tăng thượng, tất cả các pháp đều nên thiết lập làm Căn, vì sao Đức Thế Tôn thiết lập hai mươi hai?

Đáp: Hiệp Tôn giả nói: “Đức Phật hiểu rõ ràng đến tận cùng đối với các pháp, biết tường tận về thể dụng-Thể tướng của các pháp, người khác không thể nào biết được. Nếu pháp có tướng của Căn thì thiết lập làm Căn, không có tướng của Căn thì không thiết lập làm Căn, vì vậy không cần phải vặn hỏi.”

Có người nói: Duyên tăng thượng có dưới-có trên, có yếu-có mạnh, trên và mạnh thì thiết lập làm Căn, dưới và kém thì không thiết lập.

Có người nói: Tuy tất cả các pháp đều có nghĩa về duyên tăng thượng, mà không phải là đều có nghĩa về tăng thượng-sáng tỏ-hiện bày cho đến nghĩa về làm chủ, như hai mươi hai Căn ấy. Như tất cả hữu tình tuy đều có nghĩa về duyên tăng thượng, mà có người hơn hẳn. Như trong cõi quỷ thì Diêm Ma Vương là hơn hẳn, trong loài bàng sinh thì sư tử chúa là hơn hẳn, trong thôn xóm thì người đứng đầu là hơn hẳn, trong đất nước thì vua chúa là hơn hẳn, trong bốn Đại châu thì Chuyển Luân

Vương là hơn hẳn, ở trong cõi Dục thì trời Tự Tại là hơn hẳn, trong một ngàn thế giới thì Phạm Vương là hơn hẳn, ở trong ba cõi thì Đức Phật là bậc thù thắng nhất, Đức Phật ở trong tất cả các loài hữu tình, một mình xưng là Pháp Vương bởi vì không có ai sánh bằng. Như vậy, các pháp tuy đều là duyên tăng thượng, mà không phải là tất cả đều có nghĩa về tăng thượng, cho đến nghĩa về làm chủ, như hai mươi hai Căn ấy. Vì vậy, Đức Phật chỉ nói đến hai mươi hai Căn này.

Hỏi: Nếu nghĩa về tăng thượng là nghĩa của Căn, thì tăng thượng với loại nào-ở đâu?

Đáp: Nhãn căn tăng thượng đối với bốn xứ:

1. Trang nghiêm cho thân mình.
2. Dẫn dắt nuôi giữ thân mình.
3. Làm chỗ dựa cho Thức...
4. Làm công việc không như nhau.

Trang nghiêm cho thân mình, nghĩa là tuy có thân hình tuyệt vời, tay chân đầy đủ, nhưng nếu như thiếu mất Nhãn căn thì người khác không thích nhìn, cho nên Nhãn căn này làm tăng thượng đối với thân trang nghiêm. Dẫn dắt nuôi giữ thân mình, nghĩa là nhờ vào Nhãn căn cho nên thấy rõ cảnh sắc tốt xấu, rời xa nơi nguy hiểm đi đến nơi yên lành, khiến cho thân tồn tại lâu dài. Làm chỗ dựa cho Thức..., nghĩa là Nhãn thức và pháp tương ứng dựa vào Nhãn căn này mà sinh khởi. Làm công việc không như nhau, nghĩa là chỉ có Nhãn căn thấy cảnh sắc chứ không phải là Căn nào khác.

Nhĩ căn tăng thượng đối với bốn xứ:

1. Trang nghiêm cho thân mình.
2. Dẫn dắt nuôi giữ thân mình.
3. Làm chỗ dựa cho Thức...
4. Làm công việc không như nhau.

Trang nghiêm cho thân mình, nghĩa là tuy có thân hình tuyệt vời, tay chân đầy đủ, nhưng nếu như thiếu mất Nhĩ căn thì người khác không thích nhìn, cho nên Nhĩ căn này làm tăng thượng đối với thân trang nghiêm. Dẫn dắt nuôi giữ thân mình, nghĩa là nhờ vào Nhĩ căn cho nên nghe rõ âm thanh tốt xấu, rời xa nơi nguy hiểm đi đến nơi yên lành, khiến cho thân tồn tại lâu dài. Làm chỗ dựa cho Thức..., nghĩa là Nhĩ thức và pháp tương ứng dựa vào Nhĩ căn này mà sinh khởi. Làm công việc không như nhau, nghĩa là chỉ có Nhĩ căn nghe âm thanh chứ không phải là Căn nào khác.

Có Sư khác nói: Nhãn căn dẫn dắt nuôi giữ Sinh thân là hơn hẳn,

Nhĩ căn dẫn dắt nuôi giữ Pháp thân là hơn hẳn. Như nói:

“Vị như người đôi mắt sáng tỏ, tránh được hiểm nạn ngay trước mắt,

Người thế gian có được thông minh, có thể lia quả khổ đời sau,

Nghe nhiều có thể biết rõ pháp, nghe nhiều có thể lia tội lỗi,

Nghe nhiều rời bỏ không có nghĩa, nghe nhiều có thể đến Niết-bàn.”

Lại có người nói: Nhãn căn và Nhĩ căn đều có thể dẫn dắt nuôi giữ Sinh thân-Pháp thân. Dẫn dắt nuôi giữ Sinh thân, như trước nói. Dẫn dắt nuôi giữ Pháp thân, nghĩa là nhờ vào Nhãn căn cho nên gần gũi bậc Thiện sĩ, nhờ vào Nhĩ căn cho nên lắng nghe Chánh pháp. Nhờ vậy có thể dẫn dắt tác ý như lý, pháp tùy pháp hành cho đến lần lượt chuyển đổi chứng được Niết-bàn. Vì vậy kinh nói: “Phạm Thọ-Phạm Chí đừng hủy hoại hai Căn, đó là Nhãn căn và Nhĩ căn.”

Hỏi: Vì sao ở trong tụ của các Căn, chỉ nói là đừng hủy hoại hai Căn?

Đáp: Nhờ vào Nhãn căn-Nhĩ căn mà lúc Đức Phật xuất thế, làm con đường-làm cửa ngõ để hướng vào Phật pháp. Lại nhờ vào Nhãn-Nhĩ mà lúc được gặp Phật thì có thể so sánh biết là Phật. Như nói: “Này Tỳ kheo! Nếu ông không có thể biết được tâm Phật thì nên cầu ở hai nơi: 1. Từ nơi nghe; 2. Từ nơi thấy.” Vì vậy chỉ nói là đừng hủy hoại hai Căn. Tỷ- Thiệt- Thân căn đều tăng thượng đối với bốn Xứ:

1. Trang nghiêm cho thân mình.

2. Dẫn dắt nuôi giữ thân mình.

3. Làm chỗ dựa cho Thức..

4. Làm công việc không như nhau. Trang nghiêm cho thân mình, nghĩa là tuy có thân hình tuyệt vời, tay chân đầy đủ, nhưng ba Căn tùy thuộc thiếu mất thì người khác không thích nhìn. Dẫn dắt nuôi giữ thân mình, nghĩa là nhờ vào ba Căn này tiếp nhận sử dụng đoàn thực khiến cho thân được tồn tại lâu dài, bởi vì đoàn thực là Hương-Vị-Xúc. Làm chỗ dựa cho Thức..., nghĩa là Tỷ thức và pháp tương ứng dựa vào Tỷ căn mà sinh khởi, Thiệt thức và pháp tương ứng dựa vào Thiệt căn mà sinh khởi, Thân thức và pháp tương ứng dựa vào Thân căn mà sinh khởi. Làm công việc không như nhau, nghĩa là chỉ có Tỷ căn có thể ngửi, chỉ có Thiệt căn có thể nếm, chỉ có Thân căn cảm giác xúc chạm, tất cả không phải là Căn nào khác.

Ý căn tăng thượng đối với hai Xứ:

1. Có thể nối tiếp thân đời sau.

2. Tự tại tùy ý chuyển đổi.

Có thể nối tiếp thân đời sau, như nói: “Nếu Thức không dựa vào thai mẹ thì Danh sắc có thể thành Yết-la-lam hay không? Thừa Đức Thế Tôn, không thể nào.” Tự tại tùy ý chuyển đổi, như nói:

“Thế gian do tâm đã dẫn lối, cũng bị tâm làm cho nhọc nhằn,
Nếu tâm sinh khởi ở nơi ấy, đều tự tại tùy ý chuyển đổi.”

Có người nói: Ý căn tăng thượng đối với phẩm nhiễm-tịnh, như nói: “Tâm tạp nhiễm cho nên hữu tình tạp nhiễm, tâm thanh tịnh cho nên hữu tình thanh tịnh.”

Nam căn-Nữ căn tăng thượng đối với hai Xứ:

1. Hữu tình khác nhau.
2. Phân biệt khác nhau.

Hữu tình khác nhau, là do hai Căn này khiến cho các loài hữu tình nam-nữ khác nhau. Phân biệt khác nhau, là do hai Căn này mà hình tướng-âm thanh-ngôn ngữ... khác nhau. Nghĩa là lúc kiếp bắt đầu không có nam-nữ sai biệt, về sau ở chỗ này ít tạo sắc phát sinh, liền có dáng vẻ-thể loại của nam-nữ, hình hài biểu hiện, ngôn ngữ âm thanh, áo quần ăn uống, tiếp nhận sử dụng đều sai biệt.

Có người nói: Hai Căn này tăng thượng đối với phẩm nhiễm-tịnh. Đối với người mạnh về nhiễm, không phải là đối với dâm dục, bởi vì Căn này không nghi ngờ gì; chỉ do hai Căn này, hoặc là hư hoại-hoặc là thiếu mất, đối với không luật nghi, năm nghiệp vô gián, không có thể tiếp nhận tạo tác, lại cũng không có thể đoạn mất các căn thiện. Đối với người mạnh về tịnh, Nam căn-Nữ căn này hoặc là hư hoại-hoặc là thiếu mất, thì không có thể phát khởi tất cả luật nghi, lại cũng không có thể lìa nhiễm của ba cõi, không có thể gieo trồng chủng tử của ba Thừa.

Mạng căn tăng thượng đối với hai Xứ:

1. Khiến cho nói là có Căn.
2. Khiến cho Căn không đoạn dứt.

Bởi vì Mạng căn nếu còn thì có thể nói là có Căn, và khiến cho các Căn nối tiếp nhau tồn tại.

Có người nói: Mạng căn tăng thượng đối với bốn Xứ:

1. Nối tiếp Chúng đồng phần.
2. Duy trì Chúng đồng phần.
3. Bảo vệ và nuôi giữ Chúng đồng phần.
4. Khiến cho Chúng đồng phần không đoạn dứt.

Năm Thọ căn tăng thượng đối với phẩm tạp nhiễm, bởi vì các hữu tình do thế lực của Thọ mà theo đuổi tìm cầu khắp nơi, đi qua mọi chốn,

đường sá hiểm nguy, trèo lên núi cao, vượt qua hố hầm, đi vào biển rộng gặp phải tai nạn đáng sợ, sóng nước trôi nổi, gió cuộn mịt mù, giặc cướp bao vây, thú dữ gầm gào, núi lở đá lấp..., rất nhiều tai họa bất ngờ rình rập. Các loại như vậy đều bởi vì các Thọ.

Hỏi: Thọ vô lậu vì sao tăng thượng đối với phẩm tạp nhiễm?

Đáp: Bắt đầu khởi lên gia hạnh và lúc hướng vào, cũng tăng thượng đối với phẩm tạp nhiễm, nghĩa là người quán hành lúc cầu mong Thọ ấy, cũng cần phải theo đuổi tìm cầu các vật như cơm ăn-áo mặc..., bởi vì thế lực này cho nên cũng sinh khởi tạp nhiễm.

Có người nói: Thọ đối với nhiễm-tịnh đều mạnh. Lạc thọ, đối với người mạnh về nhiễm, như nói: “Đối với Lạc thọ thì Tham tùy tăng.” Đối với người mạnh về tịnh, như nói: “Lạc cho nên tâm định.” Khổ thọ, đối với người mạnh về nhiễm, như nói: “Đối với Khổ thọ thì Sân tùy tăng.” Đối với người mạnh về tịnh, như nói: “Khổ làm chỗ dựa cho Tín.” Thọ không khổ không lạc, đối với người mạnh về nhiễm, như nói: “Đối với Thọ không khổ không lạc thì Vô minh tùy tăng.” Đối với người mạnh về tịnh, như nói: “Sáu rời bỏ dựa vào Xả.”

Năm Căn như Tín... tăng thượng đối với phẩm nhiễm-tịnh, như nói:

“Tín phát sinh có thể quay về, vượt qua biển rộng của phóng dật, Tinh tiến có thể trừ khổ đau, Tuệ có thể đạt được thanh tịnh.”

Lại nói: “Đệ tử hàng Thánh của Ta có đủ Tín, Y-sư-ca có thể rời bỏ bất thiện mà tu tập pháp thiện.”

Lại nói: “Đức Phật bảo với Khánh Hỷ: Tinh tiến có thể đạt được Bồ-đề.”

Lại nói: “Đệ tử hàng Thánh của Ta có đủ lực Tinh tiến, rời bỏ pháp bất thiện, tu tập pháp thiện.”

Lại nói: “Niệm có thể hoạt động khắp nơi phòng ngừa bảo vệ tất cả, đệ tử hàng Thánh của Ta có đủ Niệm phòng ngừa bảo vệ, rời bỏ pháp bất thiện, tu tập pháp thiện.”

Lại nói: “Định là Chánh đạo, bất định là tà đạo, tâm định đạt được giải thoát chứ không phải là tâm bất định, tâm định có thể biết rõ các uẩn sinh diệt.”

Lại nói: “Đệ tử hàng Thánh của Ta có đủ ba vòng hoa của Định, có thể lìa xa pháp bất thiện, tu tập pháp thiện.”

Lại nói: “Tuệ là cao nhất của thế gian, có thể thuận theo đến quyết trạch,

Có thể biết chính xác các pháp, có thể không còn khổ lão tử.”

Lại nói: “Trong tất cả các pháp, Tuệ là cao nhất.”

Lại nói: “Này chị em! Đệ tử hàng Thánh của Ta có thể dùng dao Tuệ, cắt đứt các kiết-phược-tùy miên-triền-cấu.”

Lại nói: “Đệ tử hàng Thánh của Ta vốn có bức tường ngay thẳng của Tuệ, có thể ngăn cản pháp ác, tăng trưởng pháp thiện.”

Vị tri đương tri căn, tăng thượng đối với phần vị chưa Kiến đế mà Kiến đế. Dĩ tri căn, tăng thượng đối với phần vị đã Kiến đế và loại trừ lỗi lầm của phiền não. Cụ tri căn, tăng thượng đối với phần vị đã loại trừ lỗi lầm của phiền não, được an trú trong niềm vui của pháp hiện tại. Vì vậy, tất cả đều có nghĩa tăng thượng đối với mọi nơi, cho nên nói là Căn. Tôn giả Lữ-sa-phiệt-ma đưa ra cách nói như vậy: “Chỉ riêng Ý là một loại Căn thuộc về thắng nghĩa, bởi vì là bên trong-là bao trùm và có sở duyên. Là bên trong, bởi vì Xứ bên trong thâm nhiếp. Là bao trùm, bởi vì từ địa ngục vô gián cho đến cõi Hữu Đảnh. Có sở duyên, bởi vì duyên với tất cả các pháp. Căn còn lại như Nhãn... không có đủ nghĩa này, cho nên không thiết lập làm Căn thuộc về thắng nghĩa. Nghĩa là năm Căn như Nhãn tuy Xứ bên trong thâm nhiếp, mà không phải là bao trùm, không phải là có sở duyên; Mạng căn tuy bao trùm mà không phải là Xứ bên trong, cũng không phải là có sở duyên; Khổ-Lạc-Uu-Hỷ căn tuy có sở duyên, nhưng không phải là bao trùm, không phải là bên trong; năm Căn như Xả-Tín... tuy bao trùm và có sở duyên, mà không phải là bên trong; ba Căn vô lậu nói như chín Căn.”

Hỏi: Nếu chỉ riêng Ý là Căn thuộc về thắng nghĩa, thì hai mươi mốt loại còn lại vì sao gọi là Căn?

Đáp: Những loại ấy làm sở y, làm chỗ dựa, làm tạp nhiễm, làm thanh tịnh, làm phần vị thanh tịnh cho Ý căn, cho nên cũng gọi là Căn. Căn nào làm sở y? Đó là Nhãn, đó là năm Căn. Căn nào làm chỗ dựa? Đó là Mạng căn. Căn nào làm tạp nhiễm? Đó là năm Thọ căn. Căn nào làm thanh tịnh? Đó là năm Căn như Tín... Căn nào làm phần vị thanh tịnh? Đó là ba Căn vô lậu, tức là phần vị Kiến đạo, phần vị Tu đạo, phần vị đạo Vô học.

Hỏi: Vì sao Nam-Nữ lại được gọi là Căn?

Đáp: Bởi vì sinh ra hữu tình, bởi vì sinh ra dục lạc, bởi vì chế ngự phiền não, bởi vì làm chỗ dựa cho nhiễm. Sinh ra hữu tình, nghĩa là sinh ra hữu tình thuộc loại thai sinh-noãn sinh. Sinh ra dục lạc, nghĩa là ở chỗ này bắt đầu sinh ra dục lạc, sau đó mới lan khắp toàn thân; như dựa vào chạng mảy bắt đầu sinh ra niềm vui thiền định, sau đó mới lan khắp toàn thân, đối với Nam-Nữ cũng như vậy. Chế ngự phiền não, nghĩa

là chí tánh này có thể điều phục các phiền não ở trong thời gian ngắn. Làm chỗ dựa cho nhiệm, nghĩa là Thức nhiệm ô và pháp tương ứng lấy nơi này làm sở y; nơi khác của Thân căn phát sinh ba loại Thức, chỗ này chỉ phát sinh Thức nhiệm ô chứ không phải là gì khác, lúc phát sinh Thức này chỉ làm tập khí gần của Ý bởi vì tâm đi cùng với tham.

Tôn giả Tăng-già-phiệt-tô đưa ra cách nói như vậy: “Chỉ có sáu loại như Mạn... là Căn thuộc về thắng nghĩa, đó là Nhân-Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân-Mạn, bởi vì là gốc của hữu tình.”

Hỏi: Nếu sáu loại như Mạn... là Căn thuộc về thắng nghĩa, thì mười sáu loại còn lại vì sao gọi là Căn?

Đáp: Những loại ấy làm chủng tử, làm tạp nhiễm, làm thanh tịnh, làm phần vị thanh tịnh cho sáu loại như Mạn..., cho nên cũng gọi là Căn. Căn nào làm chủng tử? Đó là Ý căn. Căn nào làm tạp nhiễm? Đó là năm Thọ căn. Căn nào làm thanh tịnh? Đó là năm Căn như Tín... Căn nào làm phần vị thanh tịnh? Đó là ba Căn vô lậu, tức là phần vị Kiến đạo, phần vị Tu đạo, phần vị đạo Vô học.

Hỏi: Vì sao Nam-Nữ cũng được gọi là Căn?

Đáp: Hữu tình cõi Dục lấy dục làm chủng tử, lấy dục làm lúa mạ. Hữu tình này dựa vào đâu mà có? Đó là Nam căn-Nữ căn. Vì vậy hai loại này cũng được gọi là Căn.

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Tám loại như Mạn... là Căn thuộc về thắng nghĩa, đó là Nhân-Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân-Nam-Nữ-Mạn, bởi vì là gốc của hữu tình.”

Hỏi: Nếu tám loại như Mạn... là Căn thuộc về thắng nghĩa, thì mười bốn loại còn lại vì sao gọi là Căn?

Đáp: Những loại ấy làm chủng tử, làm tạp nhiễm, làm thanh tịnh, làm phần vị thanh tịnh cho tám loại như Mạn..., cho nên cũng gọi là Căn. Nói rộng ra như trước.

Hỏi: Cực vi của Thân căn khắp toàn thân đều có, vì sao chỉ có chỗ này gọi là Nam căn-Nữ căn, lại nói là biểu hiện rõ?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Bởi vì chỗ này có thể biểu hiện rõ là Nam-Nữ, cho nên gọi là Nam căn-Nữ căn, lại nói là biểu hiện rõ.”

Hỏi: Có người hai hình thái cũng có thể biểu hiện rõ chẳng?

Đáp: Loại này không có thể biểu hiện rõ bởi vì không quyết định, vì vậy cho nên nói là phi nam phi nữ.

Có người nói: Bởi vì nơi này sinh ra người lưu chuyển, người hoàn diệt. Ngoại đạo, Lục sư, Bồ-thích-noa... gọi là người lưu chuyển; Thanh

vấn, Độc giác và Như Lai gọi là người hoàn diệt.

Tôn giả nói rằng: Nơi này có thể sinh các vị Tiên Mâu-ni, những người thông tuệ, người khéo điều phục, người dễ dàng cư trú cùng nhau, cho nên gọi là Nam căn-Nữ căn, cũng nói là biểu hiện rõ.

Đã nói về nguyên cơ thuộc tướng chung của các Căn, nay sẽ biểu hiện rõ ràng tướng riêng của từng loại một.

Hỏi: Nhân căn là thế nào?

Đáp: Nếu đã thấy sắc, đang thấy sắc, sẽ thấy sắc, và những phần khác của loại này, thì gọi là Nhân căn. Đã thấy sắc là nói về Nhân quá khứ, đang thấy sắc là nói về Nhân hiện tại, sẽ thấy sắc là nói về Nhân vị lai. Đây là nói về Đồng phần. Và những phần khác của loại này là nói về Bĩ đồng phần. Nhân như trong phần Giới nói rộng ra, cho đến Ý căn nói cũng như vậy.

Hỏi: Nữ căn là thế nào?

Đáp: Phần ít của Thân căn.

Hỏi: Nam căn là thế nào?

Đáp: Phần ít của Thân căn.

Hỏi: Mạng căn là thế nào?

Đáp: Thọ mạng của ba cõi.

Hỏi: Lạc căn là thế nào?

Đáp: Dựa vào Xúc thuận với niềm vui mà sinh ra niềm vui của thân tâm, tiếp nhận bình đẳng do Thọ thâm nhiếp, đó gọi là Lạc căn.

Hỏi: Khổ căn là thế nào?

Đáp: Dựa vào Xúc thuận với nỗi khổ mà sinh ra nỗi khổ của thân, tiếp nhận không bình đẳng do Thọ thâm nhiếp, đó gọi là Khổ căn.

Hỏi: Hỷ căn là thế nào?

Đáp: Dựa vào Xúc thuận với niềm vui mà sinh ra niềm vui của tâm, tiếp nhận bình đẳng do Thọ thâm nhiếp, đó gọi là Hỷ căn.

Hỏi: Ưu căn là thế nào?

Đáp: Dựa vào Xúc thuận với nỗi khổ mà sinh ra buồn lo trong tâm, tiếp nhận không bình đẳng do Thọ thâm nhiếp, đó gọi là Ưu căn.

Hỏi: Xả căn là thế nào?

Đáp: Dựa vào Xúc không khổ không vui mà sinh ra buông xả thân tâm, tiếp nhận không phải là bình đẳng-không phải là không bình đẳng, do Thọ thâm nhiếp, đó gọi là Xả căn.

Hỏi: Tín căn là thế nào?

Đáp: Đối với sự rời bỏ-xa lìa mà sinh khởi pháp thiện, những sự tin nhận-thuận theo-phù hợp-vừa ý-chịu đựng-tâm ưa thích-tánh thanh

tĩnh, đó gọi là Tín căn. Tinh tiến-Niệm-Định-Tuệ căn, như văn nói rộng ra.

Hỏi: Vị tri đương tri căn là thế nào?

Đáp: Chưa Kiến đế, chưa Hiện quán, các Tuệ về Học-Tuệ căn, và Căn vốn có, Tùy tín-Tùy pháp hành, đối với bốn Thánh đế chưa Hiện quán-có năng lực Hiện quán, đó gọi là Vị tri đương tri căn.

Trong này, đối với bốn Thánh đế chưa hẳn đã thấy rõ cho nên gọi là chưa Kiến đế, chưa hẳn đã Hiện quán cho nên gọi là chưa Hiện quán. Các Tuệ về Học-Tuệ căn, đây là nói về Tuệ căn và Căn vốn có. Tùy tín hành-Tùy pháp hành, đối với bốn Thánh đế chưa Hiện quán-có năng lực Hiện quán, là nói về tám Căn còn lại. Toàn bộ chín Căn này gọi là Vị tri đương tri căn.

Hỏi: Trong chín Căn này, vì sao Tuệ căn lại nói thêm và nói riêng biệt, những Căn khác chỉ đưa ra nói tổng quát một lần?

Đáp: Bởi vì Tuệ gọi là thắng nghĩa, nghĩa là trong tụ Căn thì Tuệ là thù thắng nhất; như trong đất nước thì nhà vua là hơn hẳn, trong thôn xóm thì người đứng đầu là hơn hẳn, Căn khác thì không như vậy.

Có người nói: Bởi vì Tuệ là pháp dẫn dắt đứng đầu, như nói: “Này Tỳ kheo! Các pháp thiện sinh khởi, sáng suốt là dẫn dắt đứng đầu, sáng suốt là nhân tố trước tiên, vì vậy dẫn dắt sinh ra tất cả các pháp tầm quý.”

Có người nói: Bởi vì Tuệ có đủ ba Hiện quán, nghĩa là Tuệ đi cùng ba Hiện quán:

1. Hiện quán về Kiến.
2. Hiện quán về Duyên.

3. Hiện quán về Sự. Pháp tương ứng với Tuệ có hai Hiện quán, đó là trừ ra Kiến, bởi vì không phải là tánh thuộc Tuệ. Pháp cùng có với Tuệ có một Hiện quán, đó là Sự chứ không phải là gì khác, bởi vì không phải là tánh thuộc Tuệ, bởi vì không có sở duyên.

Có người nói: Tuệ thấy rõ làm cho phiền não không tồn tại lâu dài; như chúng sinh ở trong hang đá, nếu lúc thấy người thì quay trở vào trong hang.

Có người nói: Tuệ soi chiếu nối tiếp nhau thì phiền não không xâm phạm, như trong nhà có ánh đèn thì kẻ trộm cắp không có thể lấy trộm.

Có người nói: Tuệ có năng lực soi chiếu tất cả các pháp, mặt trời-mặt trăng... bên ngoài chỉ soi chiếu một Giới-một Xứ-một Uẩn và phần ít của một đời; Tuệ có năng lực soi chiếu tất cả mười tám Giới-mười hai

Xứ-năm Uẩn, ba đời và pháp vô vi.

Có người nói: Không có Tuệ thì ràng buộc, có Tuệ thì giải thoát.

Có người nói: Tuệ tiến vào Phật pháp rất vui sướng, nghĩa là trong Phật pháp lấy giải thoát làm hơn hẳn, vì vậy những người có Tuệ thấy rõ Pháp bảo vi diệu, vui sướng ở trong đó; như người mắt sáng đi vào hòn đảo châu báu. Nếu không có trí tuệ thì tuy tiến vào Phật pháp mà không trông thấy gì, cho nên thường ôm lòng buồn lo; như người sống trong mù lòa đến chỗ thu nhật châu báu càng thêm buồn bã xót xa.

Có người nói: Tuệ căn như vị tướng, như người dẫn đường, như đôi mắt, như cái đầu, là Giác cũng là Giác chi, là Đạo cũng là Đạo chi.

Có người nói: Tuệ có năng lực đưa đường dẫn lối cho những phần Bồ-đề còn lại, khiến không hướng về nơi khác; như người mắt sáng dẫn đường cho những người mù, khiến đi trên con đường ngay thẳng; Tuệ căn này cũng như vậy.

Có người nói: Tuệ đoạn dứt ràng buộc giống như lưỡi dao sắc bén, như nói: “Này chị em! Đệ tử hàng Thánh của Ta có thể dùng dao Tuệ cắt đứt các kiết phược-tùy miên-triền cấu.”

Có người nói: Tuệ như cung điện lầu đài, như Tôn giả A-na-luật-đà nói: “Tôi dựa vào giới-trú vào giới, được bước lên cung điện lầu đài của trí tuệ Vô thượng.”

Có người nói: Tuệ có năng lực an lập tự tướng và cộng tướng của các pháp, có năng lực phân biệt tự tướng và cộng tướng của các pháp, phá bỏ ngu muội về tự Thể và ngu muội về sở duyên, ở trong các pháp không tăng giảm mà chuyển đổi.

Có người nói: Tuệ là pháp được chư Phật yêu quý, chư Phật không yêu quý hình sắc-sức lực-dòng họ-giàu sang tự tại của hữu tình, chỉ yêu quý pháp Tuệ, bởi vì Tuệ có năng lực chứng được các công đức.

Có người nói: Tuệ có năng lực biểu hiện rõ Đức Phật không có gì sánh bằng, nghĩa là các loại hình sắc-sức lực-dòng họ-giàu sang-cao quý tự tại, không có thể biểu hiện rõ Đức Phật là bậc tôn quý thù thắng nhất, chỉ có Tuệ có năng lực biểu hiện rõ, bởi vì tất cả trí tuệ chỉ riêng Đức Phật mới có, những Căn khác thì không như vậy.

Bởi vì rất nhiều những nhân duyên như vậy, cho nên Tuệ căn đưa ra cách nói sai biệt so với những Căn khác.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 143

LUẬN VỀ CĂN (Phần 2)

Hỏi: Dĩ tri căn là thế nào?

Đáp: Đã Kiến đế, đã Hiện quán, các Tuệ về Học-Tuệ căn và Căn vốn có, Tín giải-Kiến chí-Thân chứng, đối với bốn Thánh đế đã Hiện quán lại tiếp tục Hiện quán, đó gọi là Dĩ tri căn.

Trong này, đối với bốn Thánh đế đã thấy rõ cho nên gọi là đã Kiến đế, đã Hiện quán cho nên gọi là đã Hiện quán. Các Tuệ về Học-Tuệ căn, đây là nói về Tuệ căn và Căn vốn có. Tín giải-Kiến chí-Thân chứng, đối với bốn Thánh đế đã Hiện quán lại tiếp tục Hiện quán, là nói về tám Căn còn lại. Toàn bộ chín Căn này gọi là Dĩ tri căn.

Hỏi: Những người Vô học đối với bốn Thánh đế cũng trở lại Hiện quán, như từ Thối pháp chuyển đến Tư pháp, cho đến từ Kham đạt pháp chuyển đến Bất động, vì sao chỉ nói là Học trở lại Hiện quán chứ không phải là Vô học?

Đáp: Cũng cần phải nói về Vô học mà không nói, thì nên biết là có khác.

Có người nói: Trong này nêu ra phần đầu-hiển bày phần sau, nếu nói về Học trở lại Hiện quán, thì nên biết là đã nói đến Vô học cũng trở lại Hiện quán. Như nêu ra phần đầu-hiển bày phần sau, nêu ra mới tiến vào-hiển bày đã vượt qua, nêu ra gia hạnh-hiển bày cứu cánh, nên biết cũng như vậy.

Có người nói: Nếu đoạn bỏ phiền não chưa từng đoạn bỏ, đạt được quả Sa-môn chưa từng đạt được, thì nói là trở lại Hiện quán; Vô học lúc bấy giờ không phải là đoạn bỏ phiền não chưa từng đoạn bỏ, cũng không phải là đạt được quả Sa-môn chưa từng đạt được, vì vậy không nói đến.

Có người nói: Nếu đoạn bỏ Ly hệ đắc chưa từng đoạn bỏ, đạt được

Ly hệ đắc chưa từng đạt được, thì nói là trở lại Hiện quán; Vô học lúc bấy giờ tuy đạt được Ly hệ đắc chưa từng đạt được, mà không đoạn bỏ Ly hệ đắc chưa từng đoạn bỏ, vì vậy không nói đến. Như đoạn bỏ Ly hệ đắc-đạt được Ly hệ đắc, trừ bỏ lỗi lầm-tu tập công đức, buông bỏ yếu kém-chứng được vi diệu, loại trừ không có nghĩa-giữ lấy có nghĩa, không còn nỗi khổ khao khát của ái-tiếp nhận niềm vui không có nóng bức, nên biết cũng như vậy.

Có người nói: Rời bỏ không có trí chưa từng rời bỏ, đạt được trí chưa từng đạt được, thì nói là trở lại Hiện quán; Vô học lúc bấy giờ tuy đạt được trí chưa từng đạt được, mà không phải là rời bỏ không có trí chưa từng rời bỏ, vì vậy không nói đến. Nên biết đây là dựa vào nhiệm và không có trí mà nói.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên nói Học trở lại Hiện quán chứ không phải là Vô học.

Hỏi: Cụ tri căn là thế nào?

Đáp: A-la-hán không còn lậu, các Tuệ thuộc Vô học-Tuệ căn và Căn vốn có, Tuệ giải thoát-Câu giải thoát có thể đạt được niềm vui trú trong pháp hiện tại.

Trong này, A-la-hán không còn lậu, các Tuệ thuộc Vô học-Tuệ căn, đây là nói đến Tuệ căn và Căn vốn có. Tuệ giải thoát-Câu giải thoát có thể đạt được niềm vui trú trong pháp hiện tại, là nói đến tám Căn còn lại. Toàn bộ chín Căn này gọi là Cụ tri căn.

Hỏi: Học thì cũng có niềm vui trú trong pháp hiện tại, vì sao chỉ nói đến Vô học?

Đáp: Cũng cần phải nói về Học mà không nói, thì nên biết là có khác.

Có người nói: Trong này nêu ra phần cuối-hiển bày phần đầu, nếu nói đến Vô học đạt được niềm vui trú trong pháp hiện tại, thì nên biết là đã nói về Học cũng đạt được niềm vui trú trong pháp hiện tại. Như nêu ra phần cuối-hiển bày phần đầu, nêu ra đã vượt qua-hiển bày mới tiến vào, nêu ra cứu cánh-hiển bày gia hạnh, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, đây là nói về tên gọi thuộc thẳng nghĩa, dùng pháp mà nói thì pháp Vô học là hơn hẳn, dùng Bồ-đặc-già-la mà nói thì Bồ-đặc-già-la Vô học là hơn hẳn.

Có người nói: Trong này nói đến người đạt được niềm vui Khinh an chứ không phải là do phiền não nóng bức làm tổn hại, Học tuy đạt được niềm vui Khinh an mà hãy còn bị phiền não nóng bức làm tổn hại, vì vậy không nói đến.

Lại nữa, trong này nói người tiếp nhận niềm vui Khinh an tự tại rộng lớn, bởi vì Học đối với những việc làm mà có những việc làm, tuy tiếp nhận niềm vui Khinh an mà không tự tại, cũng không rộng lớn; như vị vua chưa trừ hết tất cả giặc thù, tuy tiếp nhận niềm vui của một vị vua mà không tự tại, cũng không rộng lớn, Học cũng như vậy cho nên không nói đến.

Có người nói: Trong này nói đến người đã chấm dứt phiền não, ý nói về người đã đầy đủ tướng Mâu-ni; Học thì không như vậy, cho nên không nói đến.

Có người nói: Trong này nói đến người có niềm vui trú trong pháp hiện tại, không có niềm vui trú trong thân đời sau; Học đối với hai đời đều có niềm vui an trú, vì vậy không nói đến.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên Vô học nói đến niềm vui an trú chứ không phải là Học.

Hỏi: Là có A-la-hán ba Minh hay không? Nếu có thì vì sao trong này không nói? Nếu không có thì trong kinh Tứ Cử làm sao thông hiểu? Như nói: “Tôn giả Xá-lợi-tử cung kính chấp tay thưa với Đức Phật rằng: Thưa Đức Thế Tôn! Năm trăm Tỳ kheo này, mấy vị là ba Minh, mấy vị là Câu giải thoát, mấy vị là Tuệ giải thoát?” Trong này, dựa vào luận mà phát sinh luận, Tôn giả Xá-lợi-tử biết sự việc này hay không? Nếu biết thì vì sao lại hỏi? Nếu không biết thì làm sao được gọi là Thanh văn Ba-la-mật-đa?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Tôn giả ấy biết.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao lại hỏi?

Đáp: Cũng có lúc biết mà hỏi, như trong Tỳ-nại-da nói: “Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn biết mà cố tình hỏi.” Vì vậy không cần phải bởi vì biết mà ngăn chặn câu hỏi ấy.

Có người nói: Bởi vì Tôn giả muốn lợi ích thêm cho người khác. Nghĩa là Xá-lợi-tử tuy tự mình biết rõ ràng, mà biết trong chúng có người không biết, bởi vì không có lực Vô úy cho nên không thể nào thưa hỏi với Đức Phật, Xá-lợi-tử không có sai lầm này, vì lợi ích của người khác cho nên mở lời thưa hỏi.

Có người nói: Bởi vì Tôn giả muốn từ trong cái chung hiển bày về sai biệt. Nghĩa là Đức Phật vì năm trăm Tỳ kheo mà thuyết pháp, họ nghe đều đạt được quả A-la-hán, vĩnh viễn đoạn bỏ thân đời sau gọi là hợp với tâm Phật. Tất cả hữu tình chân thật gọi là hợp với tâm Phật, đó là đạt được quả A-la-hán vĩnh viễn đoạn bỏ thân đời sau. Tôn giả Xá-lợi-tử dấy lên suy nghĩ này: Các Tỳ kheo ấy tuy đều đạt được

quả A-la-hán, vĩnh viễn đoạn bỏ thân đời sau, mà chưa biết trong số ấy người nào từ trước đến nay thường xuyên tu gia hạnh, người nào không như vậy? Muốn từ trong cái chung hiển bày có sai biệt, cho nên đưa ra câu hỏi ấy.

Có người nói: Đức Thế Tôn trước đó vì năm trăm Tỷ kheo mà thuyết pháp khiến cho đều trú trong quả vị, Tôn giả Xá-lợi-tử vì muốn hiển bày về đạo ấy có sai biệt, cho nên thưa hỏi.

Có người nói: Đức Thế Tôn trước đó vì năm trăm Tỷ kheo mà thuyết pháp khiến cho trú vào giải thoát vô vi bình đẳng, Tôn giả Xá-lợi-tử bởi vì muốn hiển bày về giải thoát hữu vi ấy không phải là không có khác nhau, mà đưa ra câu hỏi ấy.

Có người nói: Tôn giả muốn hiển bày rõ ràng về kho tàng công đức ẩn kín khiến cho thế gian cùng biết; như kho tàng cất giấu ở thế gian do đất che lấp cho nên người thế gian không thấy, nếu nhờ vào sự khai phá mới thấy được kho tàng ấy, thì sinh ra ý tưởng hiếm có. Như vậy, kho báu công đức bởi vì đất Thiếu dục che lấp cho nên thế gian không có ai biết, do Xá-lợi-tử đã hiển bày rõ ràng cho nên người thế gian cùng biết mà sinh ra ý tưởng hiếm có.

Có người nói: Bởi vì Tôn giả muốn gợi mở suy nghĩ tăng thượng của thí chủ. Có các thí chủ trong bốn tháng mùa mưa, đem áo quần... cung cấp cho Tăng chúng, những người ấy có lúc nảy sinh ý niệm: Thửa ruộng mà mình cúng dường là tốt đẹp hay không? Vì muốn khiến cho những người ấy sinh tâm quyết định, biết rằng chúng ta đã gieo trồng phước thiện vào thửa ruộng tốt, thật là vui sướng, công lao đã làm không uổng phí. Vì vậy Tôn giả đưa ra câu hỏi như vậy.

Có người nói: Bởi vì Tôn giả muốn hiển bày về nghi thức của thầy trò, pháp thuận theo như vậy. Nghĩa là pháp của đệ tử nên thưa hỏi với thầy, pháp của thầy nên dạy cho đệ tử.

Có người nói: Bởi vì Tôn giả hiển bày chính mình cầu pháp không có chán ngán, lia xa những tâm lý lưỡi nhác khinh mạn, khiến cho người khác cũng như vậy, vì thế cho nên thưa hỏi.

Có người nói: Bởi vì Tôn giả muốn đoạn bỏ tâm lý của người thế gian, có chút hiểu biết thì sinh ra kiêu ngạo, không hỏi người khác. Tôn giả nghĩ rằng: Trí tuệ của người thế gian, ở trong mười sáu phần mà tôi vốn có, không có thể bằng một phần, tôi hãy còn hỏi người khác, huống gì là các ông biết chút ít-thấy chút ít mà không hỏi hay sao?

Có người nói: Bởi vì Tôn giả muốn hiển bày lia bỏ sự keo kiệt bần thủ về pháp. Nghĩa là người keo kiệt về pháp thì lúc gặp người khác

hỏi, hãy còn không sinh tâm vui vẻ, hướng gì là tự mình hỏi.

Có người nói: Bởi vì Tôn giả muốn ngăn chặn sự phỉ báng của ngoại đạo. Nghĩa là các ngoại đạo luôn luôn phỉ báng Đức Phật rằng: Sa-môn Kiều-đáp-ma thâm nhiếp tiếp nhận Ô-ba-đề-sa-câu-lũ-đa, cho nên đêm thì đi theo thọ pháp, ngày thì nói cho người khác. Nếu Tôn giả Xá-lợi-tử ở trước Đại chúng, chấp tay cung kính mà thưa hỏi, thì sự phỉ báng này liền chấm dứt.

Có người nói: Tôn giả muốn hiển bày đệ tử của Đức Thế Tôn vốn có cách nói khéo léo, đều cần phải có sự ấn chứng của Đức Phật, cho nên đưa ra câu hỏi này. Như các quan do nhà vua điều khiển vốn có ấn dấu sơ điệp, nếu không có dấu ấn của nhà vua thì mọi người không chấp nhận, đi đến cửa ải... đều bị làm cho chướng ngại; nếu có dấu ấn của nhà vua thì mọi người đều tin nhận, mà đi qua không trở ngại gì. Như vậy, đệ tử của Đức Phật vốn có cách nói khéo léo, nếu không có sự ấn chứng của Đức Phật thì người khác không tin nhận, sau khi Như Lai diệt độ tất cả bốn chúng cũng không cung kính tiếp nhận; nếu được Đức Phật ấn chứng thì người nghe vâng lời thực hành, bốn chúng cũng sinh tâm cung kính tôn trọng đối với giáo pháp để lại.

Bởi vì những duyên này cho nên Tôn giả Xá-lợi-tử đưa ra câu hỏi này.

Hỏi: Nếu không có A-la-hán ba Minh, thì kinh ấy đã nói làm sao thông hiểu?

Đáp: Nên nói là có A-la-hán ba Minh.

Hỏi: Nếu như vậy thì kinh ấy dễ dàng thông hiểu, trong này vì sao không nói?

Đáp: Trong này nên đưa ra cách nói này: Và Căn vốn có-Tuệ giải thoát-Câu giải thoát-ba Minh, có thể đạt được niềm vui trú trong pháp hiện tại. nhưng mà không nói thì nên biết là có khác.

Lại nữa, đã nói ở trong phần trước đã nói, nghĩa là A-la-hán ba Minh, hoặc là Tuệ giải thoát, hoặc là Câu giải thoát. Nếu nói về Tuệ giải thoát, thì nên biết là đã nói đến Tuệ giải thoát ba Minh; nếu nói về Câu giải thoát, thì nên biết là đã nói đến Câu giải thoát ba Minh, cho nên không nói riêng biệt.

Xưa đối với nghĩa này, có hai Luận sư:

1. Tên gọi Thời-tỳ-la.
2. Tên gọi Lũ-sa-phiệt-ma.

Tôn giả Thời-tỳ-la chỉ ca ngợi tán thưởng về Tuệ, Tôn giả Lũ-sa-phiệt-ma chỉ ca ngợi tán thưởng về Diệt định.

Thời-tỳ-la đưa ra cách nói như vậy: Tuệ hơn hẳn chứ không phải là Diệt định, bởi vì Tuệ có sở duyên, Diệt định thì không có sở duyên. Lũ-sa-phiệt-ma đưa ra cách nói như vậy: Diệt định hơn hẳn chứ không phải là Tuệ, bởi vì Diệt định chỉ riêng Thánh giả mới có, Tuệ thì gồm chung dị sinh cũng có.

Người ca ngợi tán thưởng về Tuệ, đưa ra cách nói như vậy: Nếu người có đủ ba Minh chứ không phải là tám Giải thoát, thì gọi là ba Minh. Nếu người có đủ ba Minh cũng đủ tám Giải thoát, thì cũng gọi là ba Minh. Nếu người có đủ tám Giải thoát chứ không phải là ba Minh, thì gọi là Câu giải thoát. Nếu người có một Minh-hai Minh, thì gọi là Tuệ giải thoát. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì Tuệ hơn hẳn Diệt định.

Người ca ngợi tán thưởng về Diệt định, đưa ra cách nói như vậy: Nếu người có đủ tám Giải thoát chứ không phải là ba Minh, thì gọi là Câu giải thoát. Nếu có đủ tám Giải thoát cũng có đủ ba Minh, thì cũng gọi là Câu giải thoát. Nếu có đủ ba Minh chứ không phải là tám Giải thoát, thì gọi là ba Minh. Nếu có một Minh-hai Minh, thì gọi là Tuệ giải thoát. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì Diệt định hơn hẳn Tuệ.

Hai cách nói này đều uổng phí công lao, đối với văn không ích gì, đối với nghĩa không ích gì. Nhưng người có đủ ba Minh thì có người đạt được Diệt định, có người không đạt được Diệt định. Nếu đạt được thì gọi là Câu giải thoát ba Minh, nếu không đạt được thì gọi là Tuệ giải thoát ba Minh.

Nay sẽ nói lại ba Căn vô lậu, nguyên cơ thiết lập tên gọi sai biệt của từng loại một.

Hỏi: Vì sao gọi là Vị tri đương tri căn?

Đáp: Chưa hẳn đã biết mà biết, chưa hẳn đã Hiện quán mà Hiện quán, bởi vì đoạn bỏ không có trí cho nên gọi là Vị tri đương tri căn.

Hỏi: Nếu như vậy thì Khổ pháp trí nhân sinh khởi, đạt được Hiện quán đối với năm uẩn Khổ của cõi Dục; Khổ pháp trí sinh khởi lại đạt được Hiện quán đối với pháp ấy, vậy thì Hiện quán rồi lại Hiện quán, vì sao vẫn gọi là Vị tri đương tri căn mà không gọi là Dĩ tri căn?

Đáp: Khổ pháp trí nhân đối với năm uẩn Khổ của cõi Dục thì gọi là Hiện quán chứ không phải là đã Hiện quán, Khổ pháp trí sinh khởi thì mới gọi là đã Hiện quán, nhưng không phải là đã Hiện quán mà Hiện quán, cho nên không gọi là Dĩ tri căn.

Có người nói: Khổ pháp trí nhân đối với năm uẩn Khổ của cõi Dục, tuy gọi là Hiện quán mà không gọi là biết, bởi vì không phải là tánh thuộc trí; Khổ pháp trí sinh khởi thì mới được gọi là biết. Lúc bấy

giờ tuy gọi là đã Hiện quán mà Hiện quán, nhưng không phải là đã biết mà biết, cho nên không gọi là Dĩ tri căn. Vả lại, trong này dựa vào trí Hiện quán mà soạn luận chứ không phải là Nhẫn, cho nên cũng không gọi là đã Hiện quán mà Hiện quán, thì làm sao gọi là Dĩ tri căn?

Có người nói: Sau Khổ pháp trí lại có đạo chưa hẳn đã Hiện quán sinh khởi, trí này là chưa hẳn đã Hiện quán, bị Giác lẩn ép che phủ, lấy phía dưới đưa lên phía trên, bởi vì lực tăng thượng của Giác ấy cho nên trí này không được tự tại, vì vậy Khổ pháp trí không gọi là Dĩ tri căn. Nhẫn-trí khác cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao gọi là Dĩ tri căn?

Đáp: Đã biết mà biết, đã Hiện quán mà Hiện quán, bởi vì đoạn bỏ không có trí cho nên gọi là Dĩ tri căn.

Hỏi: Nếu như vậy thì Đạo loại trí nhẫn sinh khởi, trừ ra pháp cùng có tương ứng với tự tánh ấy, đối với tất cả các đạo thuộc phẩm Loại trí đều đạt được Hiện quán, từ đây về sau Đạo loại trí sinh khởi, đối với pháp cùng có tương ứng với Đạo loại trí nhẫn mới đạt được Hiện quán. Lúc bấy giờ đối với tự tánh... của Nhẫn ấy chưa hẳn đã Hiện quán mà Hiện quán, vì sao gọi là Dĩ tri căn mà không gọi là Vị tri đương tri căn?

Đáp: Các Sư nước ngoài nói sát-na trong mười sáu tâm đều là Kiến đạo.

Hỏi: Nay không hỏi về điều ấy, chỉ hỏi sát-na trong mười lăm tâm là Kiến đạo, thì vì sao như vậy?

Đáp: Tôn giả Tăng-già-phiệt-tô nói rằng: “Lúc Đạo loại trí nhẫn hiện rõ ở trước mắt, có thể tu vô lượng sát-na Đạo loại trí nhẫn của vị lai, pháp đã tu ấy đối với Nhẫn... của hiện tại đã đạt được Hiện quán, cho nên không có lỗi”.

Điều này không hợp lý, bởi vì đạo của vị lai không có tác dụng. Nên đưa ra cách trả lời này: Thuận theo phần nhiều mà nói thì gọi là đã Hiện quán, nghĩa là đã Hiện quán thì vô lượng vô biên, chưa hẳn đã Hiện quán thì chỉ có một ít. Đã Hiện quán mà Hiện quán thì giống như mặt đất, chưa hẳn đã Hiện quán mà Hiện quán thì chỉ bằng một nắm nhỏ. Núi Diệu Cao và một hạt bụi, biển rộng và một giọt nước, ruồi muỗi ở giữa hư không, ví dụ cũng như vậy. Vì thế, thuận theo phần nhiều cho nên gọi là Dĩ tri căn.

Hỏi: Trong tâm thứ mười sáu phải giống như bảy trí, vì sao chỉ nói là Dĩ tri căn, bởi vì không phải là đã biết mà biết?

Đáp: Điều này cũng thuận theo phần nhiều mà nói, nghĩa là sát-

na thứ nhất tuy tương tự với bầy trí, nhưng các sát-na sau đều khác với bầy trí, thuận theo phần nhiều mà nói cho nên đều gọi là Dĩ tri căn, bởi vì cùng một loại tánh.

Có người nói: Từ đây về sau lại không có gì chưa hẳn đã biết, do Đạo lẩn ép che phủ, không lấy phía dưới đưa lên phía trên, khiến cho không được tự tại, bởi vì nhất định phải như vậy, cho nên đối với biết nói là đã biết. Như lúc rời xa thì nói là đã rời xa, điều ấy cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao gọi là Cụ tri căn?

Đáp: Đã biết mà biết, đã Hiện quán mà Hiện quán, bởi vì không đoạn bỏ không có trí đã đoạn bỏ trước đây, cho nên gọi là Cụ tri căn.

Hỏi: Nếu như vậy thì bậc Vô học ở ba Thừa đều là người biết đầy đủ, vì sao chỉ có Đức Thế Tôn gọi là Phật?

Đáp: Bởi vì có năng lực giác ngộ đầu tiên, có năng lực giác ngộ khắp nơi, có năng lực giác ngộ riêng biệt, cho nên gọi là Phật. Thanh văn-Độc giác không có năng lực giác ngộ đầu tiên, không có năng lực giác ngộ khắp nơi, không có năng lực giác ngộ riêng biệt, cho nên không gọi là Phật.

Có người nói: Nếu đối với trí cảnh (nhĩ diệm), tự mình giác ngộ, giác ngộ khắp nơi, giác ngộ không có sai lầm, thì gọi là Phật. Độc giác tuy có thể tự mình giác ngộ, mà không có hai loại còn lại; Thanh văn thì cả ba loại đều không có, cho nên không gọi là Phật.

Có người nói: Nếu đối với các duyên có thể tự nhiên giác ngộ, giác ngộ tất cả các loại thì gọi là Phật. Độc giác tuy có tự nhiên giác ngộ mà không có giác ngộ tất cả các loại, Thanh văn đều không có, cho nên không gọi là Phật.

Có người nói: Nếu trí đối với năng giác-sở giác, hành tướng-sở duyên, căn-nghĩa của căn, có cảnh-cảnh, trong trí cảnh có năng lực giác ngộ rõ ràng khắp nơi thì gọi là Phật; Nhị thừa thì không như vậy.

Có người nói: Nếu có nghe mà không rời bỏ thì gọi là Phật, Nhị thừa thì không như vậy.

Có người nói: Nếu trong sự nối tiếp nhau, vĩnh viễn đê bẹp tất cả các tập khí phi lý thì gọi là Phật, Nhị thừa thì không như vậy.

Có người nói: Nếu có năng lực thấu suốt tận cùng nguồn gốc đối với dòng sông duyên khởi rất sâu thì gọi là Phật, Nhị thừa thì không như vậy. Vì thế trong kinh thí dụ lấy ba loài thú vượt qua dòng sông, đó là thỏ-ngựa và voi. Thỏ ở trên mặt nước chỉ bơi nổi mà vượt qua, ngựa có lúc đi trên đất-có lúc bơi nổi mà vượt qua, voi chúa luôn luôn đạp thấu

đáy mà vượt qua. Thanh văn-Độc giác và Như Lai, vượt qua dòng sông duyên khởi như thứ tự cũng vậy.

Có người nói: Nếu đoạn bỏ hai loại không biết gì, đó là nhiễm và không nhiễm, thì gọi là Phật. Thanh văn-Độc giác chỉ có thể đoạn bỏ nhiễm, không đoạn bỏ không nhiễm, cho nên không gọi là Phật.

Có người nói: Nếu đoạn bỏ hai loại nghi hoặc, đó là sự-tùy miên, thì gọi là Phật. Thanh văn-Độc giác chỉ đoạn bỏ tùy miên mà không đoạn bỏ sự, cho nên không gọi là Phật.

Có người nói: Nếu lúc Tận trí phát khởi mà hai chướng ngại cùng đoạn dứt, tâm được giải thoát, đó là phiền não chướng và giải thoát chướng, thì gọi là Phật. Thanh văn-Độc giác hoặc là trước thoát khỏi phiền não chướng, sau lìa bỏ giải thoát chướng; hoặc là trước lìa bỏ giải thoát chướng, sau thoát khỏi phiền não chướng, không có ai cùng lúc thoát bỏ, cho nên không gọi là Phật.

Có người nói: Nếu người có đủ hai loại viên mãn thì gọi là Phật, đó là sở y và năng y. Các hữu tình khác, hoặc là sở y viên mãn chứ không phải là năng y, như Chuyển Luân Vương; hoặc là năng y viên mãn chứ không phải là sở y, đó là Thanh văn-Độc giác. Chỉ riêng Phật có đủ hai loại cho nên được tên gọi là Phật.

Có người nói: Nếu ba sự viên mãn thì gọi là Phật, đó là sắc tướng-dòng họ-biên tài. Nhị thừa thì không như vậy.

Có người nói: Nếu ba sự viên mãn thì gọi là Phật, đó là lập thế nguyện, thành tựu quả-tùy thời gian. Nhị thừa thì không như vậy.

Có người nói: Nếu có đủ ba nghiệp không cần phòng ngừa, ba Niệm trú không cùng chung, thì gọi là Phật. Nhị thừa thì không như vậy.

Có người nói: Nếu lời nói không khác nhau, biện tài không tận cùng, ghi nhớ không lầm lẫn, thì gọi là Phật. Nhị thừa thì không như vậy.

Có người nói: Nếu có đủ bốn Trí thì gọi là Phật, đó là Trí thuộc nhân tố, Trí thuộc thời gian, Trí thuộc hình tướng, Trí thuộc giảng giải. Nhị thừa thì không như vậy.

Có người nói: Nếu có đủ bốn Trí thì gọi là Phật, đó là Trí không có đấm trước, Trí không có ngăn ngại, Trí không có lầm lẫn, Trí không lui sụt. Nhị thừa thì không như vậy.

Có người nói: Nếu có đủ các loại giác ngộ thuộc về nhân, các loại giác ngộ thuộc về quả, các loại giác ngộ thuộc về tương tục, các loại giác ngộ thuộc về đối trị, thì gọi là Phật. Nhị thừa thì không như vậy.

Có người nói: Nếu tám pháp của thế gian mà không thể nào làm nhiệm ô được, công đức của bến bờ giải thoát không có ai có thể sánh bằng, tất cả ách nạn hiểm nguy đều có năng lực cứu giúp, thì gọi là Phật. Nhị thừa thì không như vậy.

Có người nói: Nếu có đủ mười tám pháp Bất cộng, mười Lực, bốn Vô úy, Đại Bi, ba Niệm trú bất cộng, thì gọi là Phật. Nhị thừa thì không như vậy.

Có người nói: Nếu người có tâm Đại Bi bình đẳng, hiện hành khắp nơi vô cùng vi tế sâu xa, thì gọi là Phật. Sâu xa là bởi vì đã tích tập từ ba Vô số kiếp. Vi tế là bởi vì giác ngộ về ba nỗi khổ. Hiện hành khắp nơi là bởi vì duyên với ba cõi. Bình đẳng là bởi vì ở giữa người thân-kẻ oán mà chuyển hóa không có gì khác nhau.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên đối với người biết đầy đủ trong ba Thừa, chỉ có một người gọi là Phật.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn từ trong Sắc uẩn, chỉ thiết lập Nhãn xứ... làm Căn, chứ không phải là Sắc xứ?

Đáp: Bởi vì Sắc xứ...không có tướng của Căn.

Có người nói: Xứ bên trong thân nhiếp thì thiết lập làm Căn, xứ bên ngoài thân nhiếp thì không thiết lập.

Có người nói: Nếu cũng làm sở y thì thiết lập làm Căn, chỉ làm sở duyên thì không thiết lập; có cảnh và cảnh, nói cũng như vậy.

Có người nói: Nếu chỉ thuộc về số hữu tình thì thiết lập làm Căn, nếu không nhất định thì không thiết lập.

Có người nói: Nếu chỉ là có Chấp thọ thì thiết lập làm Căn, nếu không có Chấp thọ và không nhất định thì không thiết lập.

Có người nói: Nếu chỉ thuộc về nối tiếp nhau thì thiết lập làm Căn, không nhất định thì không thiết lập.

Có người nói: Nếu chỉ là thọ dụng nối tiếp nhau của mình thì thiết lập làm Căn, không nhất định thì không thiết lập.

Có người nói: Không giống nhau thì thiết lập làm Căn, giống nhau thì không thiết lập.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn từ trong Thọ uẩn, thì Khổ thọ và Lạc thọ đều thiết lập làm hai Căn, Thọ không khổ không lạc thì chỉ thiết lập làm một?

Đáp: Thọ không khổ không lạc cũng cần phải thiết lập làm hai Căn, mà không thiết lập thì nên biết là có cách nói khác.

Lại nữa, bởi vì muốn dùng các loại văn từ-các loại ngôn thuyết để biểu hiện đối với nghĩa làm cho dễ dàng hiểu rõ.

Lại nữa, muốn nêu rõ hai phương pháp-hai cách thức, cho đến nói rộng ra.

Lại nữa, Khổ thọ và Lạc thọ, có lúc sáng tỏ nhanh nhạy, có lúc không sáng tỏ nhanh nhạy, có lúc nóng nảy tùy tiện, có lúc không nóng nảy tùy tiện, có lúc an trú, có lúc không an trú. Những loại sáng tỏ nhanh nhạy-nóng nảy tùy tiện-không an trú, thì thiết lập làm Ưu-Hỷ thọ; những loại không sáng tỏ nhanh nhạy-không nóng nảy tùy tiện-an trú, thì thiết lập làm Khổ-Lạc thọ. Thọ không khổ không lạc, chỉ là không sáng tỏ nhanh nhạy-không nóng nảy tùy tiện-an trú, cho nên hợp lại thiết lập làm một.

Lại nữa, bởi vì Khổ thọ- Lạc thọ chuyển đổi có khác nhau, đều phân làm hai, đó là Lạc căn chuyển khác-Hỷ căn chuyển khác, Khổ căn chuyển khác-Uỷ căn chuyển khác; Thọ không khổ không lạc chuyển đổi không có gì khác nhau, cho nên hợp lại thiết lập làm một.

Lại nữa, bởi vì Khổ thọ-Lạc thọ trái ngược lẫn nhau, đều phân làm hai, đó là Khổ-Lạc trái ngược nhau, Ưu-Hỷ trái ngược nhau; Thọ không khổ không lạc không có trái ngược nhau như vậy, cho nên chỉ nói là một.

Hỏi: Vì sao Tướng uẩn không thiết lập làm Căn?

Đáp: Nhiều pháp không phải là Căn, sao chỉ hỏi về Tướng?

Hỏi: Như phần ít của Sắc uẩn-Hành uẩn thiết lập làm Căn, Thọ uẩn-Thức uẩn đều thiết lập làm Căn, chỉ riêng Tướng là không thiết lập, vì vậy cho nên hỏi?

Đáp: Bởi vì Tướng không có tướng của Căn.

Lại nữa, Căn là do sức mình mà chuyển, Tướng là do nơi khác mà chuyển. Như người làm mướn, người khác sai bảo thì làm, không sai bảo thì không làm; Tướng đối với cảnh mà chuyển, cũng lại như vậy. Nghĩa là Thọ-Tư-Thức tiếp nhận cảnh tạo tác phân biệt rõ ràng rồi, Tướng mới giữ lấy tướng.

Lại nữa, Căn là tự tại, không bị pháp khác che khuất, Tướng bị Tuệ che khuất, cho nên không nói là Căn. Nghĩa là Tướng thiện bị Tuệ thiện che khuất, như người đối với việc thiện thì khéo léo chọn lấy tướng, thế gian nói người này gọi là người thông minh trí tuệ; Tướng vô ký bị Tuệ vô ký che khuất, như người đối với công việc thế gian khéo léo chọn lấy tướng, thế gian liền nói người này gọi là người trí tuệ tài tình; Tướng nhiễm ô bị Tuệ điên đảo che khuất, như nói đối với Vô thường khởi lên Tướng điên đảo là Thường, cho đến đối với Vô ngã khởi lên Tướng điên đảo về Ngã.

Hỏi: Tôn giả Thế Hữu nói rằng: “Vì sao Tướng không thiết lập làm Căn?”

Đáp: Nghĩa về tăng thượng là nghĩa của Căn, Tướng ít tăng thượng cho nên không thiết lập làm Căn.

Hỏi: Tướng cũng có tăng thượng, như nói: Tất cả các pháp hữu vi lần lượt chuyển đổi tăng thượng, các pháp vô vi tăng thượng đối với hữu vi?

Đáp: Tôi nói là ít chứ không nói là không có. Vả lại, nói là Căn thì có thể làm hại phiền não, Tướng không có thể làm hại phiền não.

Hỏi: Tướng cũng có thể làm hại phiền não, như nói: Tỳ kheo đối với Tướng về Vô thường, nếu tập-nếu tu- nếu tu tập nhiều, thì có thể trừ bỏ tất cả các tham của cõi Dục, tham của cõi Sắc-Vô sắc?

Đáp: Đây là đối với Tuệ mà nói tên gọi của Tướng.”

Đại đức nói rằng: “Căn là nghĩa về làm chủ, không tùy theo nơi khác; Tướng thì tùy theo nơi khác, tâm-tâm sở khác phân biệt cảnh rồi mới có thể chọn lấy tướng, cho nên không thiết lập làm Căn.”

sTôn giả Chúng Thế nói rằng: “Căn là nặng về thật, tác dụng của Tướng thì trôi nổi không thật, cho nên quán xét về Thắng giải gọi là giả tướng; thế gian cũng từ trong cách hiểu không thật ấy nói là Tướng của ông.”

Tôn giả Giác Thiên nói rằng: “Căn là quyết định khó có thể lay động, tác dụng của Tướng tùy theo duyên mà chuyển dời không nhất định, như hình ảnh trong hơi nóng của ánh mặt trời, cho nên không thiết lập làm Căn.”

Hỏi: Vì sao phiền não không thiết lập làm Căn?

Đáp: Bởi vì phiền não không có tướng của Căn, cho nên không thiết lập.

Có Sư khác nói: Tăng thượng là Căn, phiền não thì thấp kém.

Hỏi: Phiền não có thể làm cho các quả báo nối tiếp nhau, hủy hoại các phẩm thiện, làm cho chìm vào sinh tử, làm cho cách xa Niết-bàn, khó có thể điều phục, vì sao lại thấp kém?

Đáp: Bởi vì các phiền não thấp hèn đáng chê trách, người trí đều vứt bỏ, cho nên gọi là thấp kém, chứ không phải là không có thể dụng mà gọi là thấp kém; như đẳng cấp Chiên-đồ-la, Bồ-yết-sa..., tuy có thể dụng mà cũng gọi là thấp kém, bởi vì bị những người hơn hẳn khinh rẻ.

Hỏi: Nếu như vậy thì Thọ nhiễm ô không nên thiết lập làm Căn?

Đáp: Thọ có thể dụng tăng thượng đối với phẩm tạp nhiễm, cho

nên thiết lập làm Căn; phiền não thì không như vậy, bởi vì dựa vào các Thọ mà sinh ra phiền não.

Hỏi: Nếu như vậy thì Tướng nên thiết lập làm Căn, bởi vì cũng có thể sinh ra phiền não?

Đáp: Tướng tuy có thể sinh ra phiền não, mà không mạnh bằng Thọ. Bởi vì nghĩa này cho nên ở trong chi Duyên khởi cũng không nói đến.

Có người nói: Thọ tuy là tùy thuận với phẩm tạp nhiễm, mà cũng quan hệ qua lại với pháp thiện; phiền não chỉ tùy thuận với phẩm tạp nhiễm mà không thuận với thiện, cho nên không thiết lập làm Căn. Giống như người đang ở trong tù, tuy thấp kém mà giao tiếp qua lại với người cao quý, không phải là như lính canh cửa ngục, tuy có uy lực quyền hạn làm cho người khác phải khổ sở hết sức mà vô cùng xấu xa hèn hạ, bởi vì đáng chán ghét cho nên người cao quý lìa xa.

Tôn giả Tăng-già-phiệt-tô nói rằng: “Nếu pháp có thể có được trong thân có nhiễm hay không có nhiễm thì thiết lập làm Căn; phiền não chỉ có thể có được ở trong thân có nhiễm, cho nên không thiết lập làm Căn.”

Hỏi: Nếu như vậy thì Ưu căn và Cự tri căn đều không nên thiết lập, bởi vì Ưu căn chỉ có thể có được ở trong thân có nhiễm, Cự tri căn chỉ có thể có được ở trong thân không có nhiễm?

Đáp: Có người nói: Căn là nghĩa về làm chủ, phiền não không phải là chủ, bởi vì là tâm sở pháp.

Nếu như vậy thì Thọ... cũng không nên thiết lập làm Căn. Bởi vì nhân duyên này, cho nên cách nói trước là hợp lý.

Hỏi: Vì sao Thọ thiện-nhiễm-vô ký đều thiết lập làm Căn, Tuệ-Niệm-Định chỉ có thiện thiết lập làm Căn chứ không phải là nhiễm và vô ký?

Đáp: Thọ có thể dụng tăng thượng thuận với phẩm tạp nhiễm, Thọ thiện-nhiễm-vô ký đều có thể lực, bởi vì thuận với phẩm tạp nhiễm cho nên cùng thiết lập làm Căn. Tuệ-Niệm-Định có thể dụng tăng thượng thuận với phẩm thanh tịnh, chỉ có Tuệ-Niệm-Định thiện thuận với phẩm thanh tịnh cho nên thiết lập làm Căn; Tuệ-Niệm-Định nhiễm lại giúp đỡ lẫn nhau đoạn mất phẩm thanh tịnh, Tuệ-Niệm-Định vô ký cũng không thuận với phẩm thanh tịnh, vì vậy cũng không thiết lập làm Căn.

Có Sư khác nói: Thọ đối với ba phẩm đều có thể dụng, cho nên đều thiết lập làm Căn. Tuệ-Niệm-Định chỉ có thể dụng đối với phẩm thanh tịnh, cho nên chỉ có thiện thiết lập làm Căn. Nguyên cơ thể nào?

Bởi vì lực của các Thọ làm cho loài hữu tình chuyển biến theo các sự việc thuộc về thiện-nhiễm-vô ký. Bởi vì Thọ mạnh hơn đối với phẩm thanh tịnh, cho nên nói ở trong Giác chi-Tĩnh lự chi; bởi vì mạnh hơn đối với phẩm tạp nhiễm, cho nên nói ở trong mười hai Chi duyên khởi; không phải là mạnh hơn đối với hai phẩm, nghĩa là bởi vì Thọ cho nên tạo tác các loại sự nghiệp vô ký. Tuệ-Niệm-Định thì không như vậy. Vì vậy nên biết Ý căn cũng mạnh hơn đối với ba phẩm, cho nên thiện-nhiễm-vô ký đều thiết lập làm Căn. Mạnh hơn đối với ba phẩm, bởi vì pháp thuộc về ba phẩm đều dựa vào tâm.

Hỏi: Vì sao Tác ý-Thắng giải-Xúc-Dục không thiết lập làm Căn?

Đáp: Bởi vì không có tướng của Căn. Nghĩa là Tác ý tuy có thể phát động làm cho ý hướng đến cảnh sở duyên, nhưng không phải là tất cả mọi lúc thường có tác dụng thù thắng, cho nên không thiết lập làm Căn.

Hỏi: Pháp này đối với phẩm thanh tịnh lẽ nào không có tác dụng thù thắng, bởi vì những người tu Định thì lúc bắt đầu tu Định, tất cả đều nhờ vào lực của Tác ý?

Đáp: Lúc bắt đầu tu Định khiến cho tâm hướng đến cảnh, tuy là tạm thời có lực, nhưng tâm trú vào cảnh rồi thì không còn tác dụng thù thắng, cho nên không thiết lập làm Căn.

Thắng giải tuy có thể khiến cho tâm quyết định phù hợp đối với cảnh, mà đối với sự sinh trưởng thì không có tác dụng thù thắng nào khác, cho nên không thiết lập làm Căn.

Hỏi: Lẽ nào không phải là Thắng giải ở trong pháp thiện cũng có tác dụng thù thắng, cho nên ở trong năm Uẩn như Giới..., mười chi Vô học đều kiến lập hay sao?

Đáp: Ở phần vị lìa nhiễm hiển bày tướng lìa nhiễm, thiết lập Uẩn giải thoát thuộc về chi Chánh giải thoát, trừ điều này ra lại không có tác dụng thù thắng nào về sinh trưởng, bởi vì không có tướng của Căn, cho nên không thiết lập làm Căn.

Xúc tuy khiến cho tâm thuận theo Xúc đối với cảnh sinh ra các Thọ, nhưng đối với phẩm nhiễm-tịnh thì không có tác dụng thù thắng nào khác, cho nên không thiết lập làm Căn.

Hỏi: Lẽ nào không phải sinh ra Thọ tức là tác dụng thù thắng hay sao?

Đáp: Thọ đối với nhiễm-tịnh có công năng thù thắng thì có thể thiết lập làm Căn. Xúc chỉ sinh ra Thọ chứ không có tác dụng thù thắng

đích thực đối với phẩm nhiễm-tịnh. Vả lại, Xúc chỉ có thể tùy thuận với phẩm tạp nhiễm chứ không phải là thuận với phẩm thanh tịnh, cho nên không thiết lập làm Căn. Phần nhiều thuận với phẩm thanh tịnh thì thiết lập làm các Căn, chính vì vậy cho nên Dục không thiết lập làm Căn, bởi vì cũng không có tác dụng thù thắng đối với phẩm thanh tịnh.

Hỏi: Trong kinh nói các pháp lấy Dục làm căn bản, các phẩm nhiễm-tịnh đều từ Dục mà sinh ra, tại sao không có tác dụng thù thắng đối với phẩm thanh tịnh?

Đáp: Tuy phẩm nhiễm-tịnh không có Dục thì không sinh ra, mà trong kinh nói là các pháp căn bản, nhưng đã sinh ra rồi thì không còn tác dụng thù thắng. Vả lại, phần nhiều thuận với Ái cho nên không thiết lập làm Căn, bởi vì thuận theo pháp thấp kém chứ không phải là tăng thượng.

Hỏi: Tư có thể khiến cho tâm tạo tác thiện ác, thiết lập làm ý nghiệp, có thể phát khởi thân-ngữ, có thể cảm lấy sinh tử, có tác dụng tăng thượng mạnh hơn pháp khác, vì sao không thiết lập làm Căn?

Đáp: Bởi vì chỉ thuận với phẩm tạp nhiễm, không phải là phẩm thanh tịnh, cho nên không thiết lập làm Căn.

Có người nói: Các nghiệp từ phiền não sinh ra, bởi vì phiền não thấp hèn chứ không phải là tăng thượng, cho nên không thiết lập làm Căn; nghiệp cũng phải như vậy. Như người hèn mọn mà sinh ra con cái, mọi người đều ghét bỏ không kết hôn qua lại với nhau, các nghiệp cũng như vậy, cho nên không có nghĩa của Căn.

Hỏi: Vì sao trong tâm sở pháp thiện, chỉ có hai pháp thiết lập làm Căn, những pháp còn lại đều không thiết lập?

Đáp: Bởi vì những pháp còn lại đều không có tướng của Căn. Nghĩa là Tín có thể làm căn bản cho các pháp thiện, không có phẩm thiện nào tách lìa Tín mà thành tự; Tinh tiến có thể thúc đẩy phát khởi các pháp thiện khắp nơi, không có phẩm thiện nào tách lìa Tinh tiến mà thành tự. Bởi vì hai pháp này có nghĩa tăng thượng hơn hẳn, cho nên có thể thiết lập làm Căn, những pháp còn lại thì không như vậy.

Hỏi: Hai loại Tâm-Quý thuộc về tự tánh thiện, nói là pháp thiện (bạch pháp), vì sao không thiết lập làm Căn?

Đáp: Hai loại này có thể đối trị với tâm bất thiện khắp nơi, bởi vì tự tánh bất thiện luôn luôn là phẩm ác (hắc phẩm), cho nên nói đến tên gọi là thiện (bạch) và tự tánh thiện; nhưng ở trong sự sinh trưởng của các pháp thiện, bởi vì không có công năng thù thắng nào khác, cho nên không có nghĩa của Căn.

Hỏi: Không có Tham-không có Nhuế gọi là Căn thiện, vì sao trong này không thiết lập làm Căn?

Đáp: Kiến lập về Căn ấy, cùng với nghĩa này khác nhau. Nghĩa là pháp do loại ấy đối trị đi cùng với sáu Thức, bao gồm năm pháp đã đoạn là tánh tùy miên, có thể phát khởi nghiệp ác thô nặng của thân-ngũ, làm gia hạnh thù thắng cho đoạn mất Căn thiện; đầy đủ năm nghĩa ấy cho nên thiết lập làm Căn bất thiện. Ba loại như không có Tham... có thể đối trị với loại ấy, và khởi lên các nghiệp thiện phân tán, cho nên gọi là Căn thiện. Trong này, Tín... thiết lập làm Căn, bao gồm hướng về sự sinh trưởng tất cả các pháp thiện, phần nhiều dựa vào sự tùy thuận với phẩm thiện xuất thế, cho nên không có Tham... đối với điều này không phải là Căn.

Hỏi: Khinh an-không làm hại-không phóng dật-Xả, vì sao không thiết lập làm Căn?

Đáp: Bởi vì không có tướng của Căn. Nghĩa là pháp do loại ấy đối trị là bốn tùy phiền não, ba loại chỉ là tâm nhiễm ô khắp nơi, một loại làm bạn với Tâm ác, làm não loạn Bồ-tát và ngăn cản chọn lấy Bồ-đề, cho nên trong pháp thiện thiết lập những loại ấy làm chủ thể đối trị. Nhưng đối với sự sinh trưởng của pháp thuộc phẩm thanh tịnh, không có công năng thù thắng nào khác, cho nên không thiết lập làm Căn.

Hỏi: Các pháp thiện đều dựa vào không phóng dật mà khởi lên, vì sao nói công năng không phải là thù thắng?

Đáp: Bởi vì những loại này chỉ có thể trừ bỏ các pháp phóng dật, khiến cho các phẩm thiện dựa vào Tín... mà sinh khởi, không phải là loại ấy tự mình có thể có tác dụng sinh trưởng.

Hỏi: Vui mừng-Chán ngán(hân-yếm), vì sao không thiết lập làm Căn?

Đáp: Ở trong phần vị phân tán thì tác dụng của loại này tuy là thù thắng, nhưng ở trong phần vị Định thiện thì tác dụng không rõ ràng, tác dụng của Căn nhất định phải thù thắng ở trong hai phần vị, mà ở phần vị Định thì rõ ràng tăng mạnh, cho nên hai pháp ấy không có nghĩa của Căn.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao thiết lập Tín làm Căn?

Đáp: Bởi vì tác dụng lắng trong thanh tịnh bao gồm tất cả các phần vị, không phải là chỉ ở phần vị phân tán, cho nên thiết lập làm Căn.

Hỏi: Ác tác-Thụy miên và Tâm-Tứ, vì sao không phải là Căn?

Đáp: Bởi vì không có tướng của Căn. Nghĩa là hai loại trước chỉ thuộc về tâm phân tán, hai loại sau không bao gồm tất cả các cõi-địa,

và đều không có công năng thù thắng về sinh khởi pháp thiện, cho nên đều không nói là có nghĩa của Căn.

Hỏi: Nếu như vậy thì bốn loại như Khổ thọ...không nên thiết lập làm Căn?

Đáp: Nói tóm lại là Thọ có khắp các phần vị, dựa vào chủng loại ấy đều nói là Căn, và Thọ đều có sự sinh trưởng tăng thượng, bốn loại ấy thì không như vậy.

Hỏi: Trong Đạo chi thiết lập Tâm, trong Tĩnh lự chi thiết lập Tâm-Tứ, lẽ nào không phải là sinh trưởng có tăng thượng thù thắng hay sao?

Đáp: Những loại này có lực thúc đẩy duy trì đối với Định-Tuệ, cho nên thiết lập làm Chi, không phải là có tác dụng tăng thượng đối với sự sinh trưởng, cho nên không phải là Căn.

Hỏi: Vì sao đối với các Hành không tương ứng chỉ riêng Mạng thiết lập làm Căn?

Đáp: Bởi vì chỉ riêng Mạng căn có nghĩa của Căn. Nghĩa là loại ấy chỉ là do số hữu tình thâm nhiếp, chỉ là dị thực, có thể tùy ý duy trì khắp nơi, cho nên thiết lập làm Căn, những loại còn lại thì không như vậy. Nguyên cố thế nào? Bởi vì ba nghĩa về bốn tướng hữu vi đều không có, không có dị thực của Tướng, không có nghĩa duy trì khắp nơi, Chúng đồng phần ấy không phải là chỉ có dị thực, bởi vì nó cũng bao gồm tánh thuộc đẳng lưu. Hai loại không có tâm định, danh cú-văn thân, đặc-phi đặc..., không có hai nghĩa sau, cho nên tất cả nhưng loại ấy đều không thiết lập làm Căn.

Hỏi: Nếu nghĩa về tối thắng là nghĩa của Căn, thì Niết-bàn là tối thắng ở trong tất cả các pháp, vì sao không thiết lập làm Căn?

Đáp: Bởi vì Niết-bàn là nơi các Căn diệt hết, nơi Căn diệt hết thì không gọi là Căn; như nơi hủy hoại các loại bình-chậu... thì không gọi là bình-chậu...

Có người nói: Nếu pháp hiện hành giữa thế gian, chọn lấy quả-mang lại quả, có các tác dụng, biết rõ ràng sở duyên, thì có thể thiết lập làm Căn; Niết-bàn thì không như vậy.

Có người nói: Nếu pháp sinh diệt có nhân-có quả-có tướng hữu vi, thì có thể thiết lập làm Căn; Niết-bàn thì không như vậy.

Có người nói: Căn là thuộc về nhân-thuộc về duyên hòa hợp mà sinh; Niết-bàn thì không như vậy.

Có người nói: Nếu như pháp vì sinh mà sinh, vì lão mà lão, vì diệt mà diệt, thì có thể thiết lập làm Căn; Niết-bàn thì không như vậy.

Có người nói: Căn là thuộc về uẩn-thuộc về đời, do các khổ mà thuận theo; Niết-bàn thì không như vậy.

Có người nói: Căn là có tướng trước-sau, có tướng thượng-trung-hạ; Niết-bàn thì không như vậy.

Có người nói: Tối thắng là nghĩa của Căn, đó là ở trong pháp hữu vi thù thắng mà có tác dụng; Niết-bàn là tối thắng ở trong tất cả các pháp, mà không có tác dụng, cho nên không thiết lập làm Căn.

Hư không Phi trạch diệt không thiết lập làm Căn, nghĩa dựa theo đây nên biết.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 144

LUẬN VỀ CĂN (Phần 3)

Hỏi: Hai mươi hai căn này, mấy loại là Học, mấy loại là Vô học, mấy loại là Phi học phi vô học?

Đáp: Hai loại là Học, một loại là Vô học, mười loại là Phi học phi vô học, chín loại cần phải phân biệt.

Hai loại là Học, đó là Vị tri đương tri căn và Dĩ tri căn. Một loại là Vô học, đó là Cụ tri căn. Mười loại là Phi học phi vô học, đó là bảy Sắc căn và Mạng-Khổ- Ưu căn. Chín loại cần phải phân biệt, đó là Ý-Lạc-Hỷ- Xả và năm căn như Tín... Chín loại này đều cần phải làm thành ba phần mà trả lời, cho nên gọi là cần phải phân biệt:

1. Đưa ra phần thuộc về Học.
2. Đưa ra phần thuộc về Vô học.
3. Đưa ra phần thuộc về Phi học phi vô học.

Luận giả Phân Biệt nói: “Chín loại này cần phải đưa ra phân biệt để ghi nhớ, cho nên gọi là cần phải phân biệt, đó là Ý căn hoặc là Học, hoặc là Vô học, hoặc là Phi học phi vô học.

Thế nào là Học? Đó là Ý căn tương ứng với Tác ý thuộc về Học. Điều này lại là thế nào? Đó là Ý căn tương ứng từ Khổ pháp trí nhãn, cho đến Định Kim cang dụ.

Thế nào là Vô học? Đó là Ý căn tương ứng với Tác ý Vô học. Điều này lại là thế nào? Đó là Ý căn tương ứng với Tận trí-Vô sinh trí và Chánh kiến Vô học.

Thế nào là Phi học phi vô học? Đó là Ý căn tương ứng với Tác ý hữu lậu. Điều này lại là thế nào? Đó là có ba loại. Những gì là ba loại? Đó là thiện- nhiễm ô và vô phú vô ký.

Thiện lại có ba loại, đó là gia hạnh đắc, ly nhiễm đắc và sinh đắc. Gia hạnh đắc lại có ba loại, đó là do Văn mà thành, do Tư mà thành, do

Tu mà thành. Do Văn-Tư mà thành, đó là tương ứng với quán Bất tịnh, Trì tức niệm và Niệm trú... Do Tu mà thành, đó là tương ứng với Noãn-Đảnh-Nhãn-Thế đệ nhất pháp, Thế tục trí Hiện quán biên, Tĩnh lực-Vô lượng - Vô sắc - Giải thoát, Thắng xứ-Biến xứ... Ly nhiễm đắc, đó là đạt được do lúc lìa nhiễm, tức là một.

Có người nói: Tác ý có thể sinh ra các pháp mạnh hơn đối với pháp khác, vì vậy chỉ nói đến loại ấy.

Đã phân biệt về tự tánh của các căn thuộc Học..., tương xen tạp-không xen tạp nay sẽ nói đến.

Hỏi: Các căn thuộc Học thì căn ấy là của người Học chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có căn thuộc Học mà căn ấy không phải là của người Học, đó là người Học không thành tựu căn thuộc Học. Điều này lại là thế nào? Đó là Tùy tín hành không thành tựu các căn của Tùy pháp hành, Tùy pháp hành không thành tựu các căn của Tùy tín hành; Tín thắng giải không thành tựu các căn của Kiến chí, Kiến chí không thành tựu các căn của Tín thắng giải; Học thuộc chủng tánh Thối pháp không thành tựu các căn của Học thuộc năm chủng tánh, cho đến Học thuộc chủng tánh Bất động pháp không thành tựu các căn của Học thuộc năm chủng tánh; Học thuộc chủng tánh Phật thừa không thành tựu các căn của Học thuộc chủng tánh hai Thừa khác, cho đến Học thuộc chủng tánh Thanh văn Thừa không thành tựu các căn của Học thuộc hai Thừa khác; trú trong phần vị Khổ pháp trí nhãn không thành tựu các căn của phần vị Học phía trên, cho đến trú trong phần vị Đạo loại trí nhãn không thành tựu các căn của phần vị Học phía trên; trú trong phần vị của ba quả Học chưa tiến lên phía trên, không thành tựu các căn của phần vị Học trên-dưới; trú trong phần vị tiến lên phía trên như thích hợp nói rộng ra.

2. Có căn là của người Học mà căn ấy không phải là Học, đó là người Học thành tựu căn Phi học phi vô học. Điều này lại là thế nào? Đó là những người Học sinh ở cõi Dục, đã đạt được Nhãn căn không mất, và sinh ở cõi Sắc, lúc ấy thành tựu Nhãn căn. Đã đạt được, đó là phần vị Bát-la-xa-khư... Không mất, đó là không hư hoại mất đi. Như Nhãn căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt căn cũng như vậy. Sinh ở cõi Dục-Sắc thì lúc ấy thành tựu Thân căn, nữ thành tựu Nữ căn, nam thành tựu Nam căn. Sinh ở cõi Biện Tịnh và cõi dưới, thành tựu Lạc căn. Sinh ở cõi Dục thành tựu Khổ căn. Sinh ở cõi Cực Quang Tịnh và cõi dưới, thành tựu Hỷ căn. Chưa lìa nhiễm cõi Dục, thành tựu Ưu căn. Ý-Mạng-Xả căn tất cả đều thành tựu. Sinh ở cõi Dục chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô

sắc, lúc ấy thành tựu năm căn như Tín... của cõi Dục-Sắc. Nếu đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy thành tựu năm căn như Tín... của ba cõi. Sinh ở cõi Sắc chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, lúc ấy thành tựu năm căn như Tín... của cõi Sắc. Nếu đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì thành tựu năm căn như Tín... của cõi Sắc-Vô sắc. Sinh ở cõi Vô sắc, lúc ấy thành tựu năm căn như Tín... của cõi Vô sắc.

3. Có căn thuộc Học mà căn ấy cũng là của người Học, đó là người Học thành tựu căn thuộc Học. Điều này lại là thế nào? Đó là Tùy tín hành thành tựu các căn của Tùy tín hành, Tùy pháp hành thành tựu các căn của Tùy pháp hành; Tín thắng giải thành tựu các căn của Tín thắng giải, Kiến chí thành tựu các căn của Kiến chí; Học thuộc chủng tánh Thối pháp thành tựu các căn của Học thuộc chủng tánh Thối pháp, cho đến Học thuộc chủng tánh Bất động pháp thành tựu các căn của Học thuộc chủng tánh Bất động pháp; Học thuộc chủng tánh Phật thừa thành tựu các căn của Học thuộc chủng tánh Phật thừa, cho đến Học thuộc chủng tánh Thanh văn Thừa thành tựu các căn của Học thuộc chủng tánh Thanh văn Thừa; trú trong phần vị Khổ pháp trí nhãn thành tựu các căn của phần vị Khổ pháp trí nhãn, cho đến trú trong phần vị Đạo loại trí nhãn thành tựu tất cả các căn của Kiến đạo; trú trong phần vị của ba quả Học chưa tiến lên phía trên, đều thành tựu các căn thuộc về quả đã trú vào; trú trong phần vị tiến lên phía trên đều thành tựu các căn thuộc về quả đã đạt được và đạo thuộc về quả thù thắng.

4. Có căn không phải là thuộc Học mà căn ấy cũng không phải là của người Học, đó là người Học không thành tựu căn thuộc Vô học và căn thuộc Phi học phi vô học. Điều này lại là thế nào? Đó là những người Học nhất định không thành tựu các căn Vô học, và có căn thuộc Phi học phi vô học. Người Học không thành tựu, đó là những người Học sinh ở cõi Dục không đạt được Nhân căn, giả sử đạt được mà mất, và sinh ở cõi Vô sắc, lúc ấy không thành tựu Nhân căn. Không đạt được, đó là chưa đến phần vị Bát-la-xa-khư... Giả sử đạt được mà mất, đó là đã hư hoại mất đi. Như Nhân căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt căn cũng như vậy. Sinh ở cõi Vô sắc, lúc ấy không thành tựu Thân căn, nữ không thành tựu Nam căn, nam không thành tựu Nữ căn. Có lúc không thành tựu cả hai, đó là sinh ở cõi Sắc-Vô sắc, và sinh ở cõi Dục, hoặc là trước đây không đạt được, hoặc là đã đạt được dần dần mạng chung đều rời bỏ. Sinh lên trên cõi Biến Tịnh không thành tựu Lạc căn. Sinh ở cõi Sắc-Vô sắc không thành tựu Khổ căn. Sinh lên trên cõi Cực Quang Tịnh không thành tựu Hỷ căn. Đã lìa nhiễm cõi Dục không thành tựu Ưu căn. Sinh ở cõi Dục

chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, lúc ấy không thành tựu năm căn như Tín... của cõi Vô sắc. Sinh ở cõi Sắc chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, lúc ấy không thành tựu năm căn như Tín... của cõi Dục-Vô sắc. Sinh ở cõi Vô sắc, lúc ấy không thành tựu năm căn như Tín... của cõi Dục-Sắc.

Hỏi: Các căn Vô học, căn ấy là của người Vô học chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có căn Vô học mà căn ấy không phải là của người Vô học, đó là người Vô học không thành tựu căn Vô học. Điều này lại là thế nào? Đó là Thời giải thoát không thành tựu các căn của Bất thời giải thoát, Bất thời giải thoát không thành tựu các căn của Thời giải thoát; Thối pháp không thành tựu các căn của năm chủng loại, cho đến Bất động pháp không thành tựu các căn của năm chủng loại; Phật không thành tựu các căn của Độc giác-Thanh văn, Độc giác không thành tựu các căn của Phật-Thanh văn, Thanh văn không thành tựu các căn của Phật-Độc giác.

2. Có căn là của người Vô học mà căn ấy không phải là Vô học, đó là người Vô học thành tựu căn Phi học phi vô học. Điều này lại là thế nào? Đó là người Vô học sinh ở cõi Dục, đã đạt được Nhân căn không mất, và sinh ở cõi Sắc, lúc ấy thành tựu Nhân căn. Như Nhân căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt căn cũng như vậy. Sinh ở cõi Dục-Sắc, lúc ấy thành tựu Thân căn, nữ thành tựu Nữ căn, nam thành tựu Nam căn. Sinh ở cõi Biện Tịnh và cõi dưới, thành tựu Lạc căn. Sinh ở cõi Dục thành tựu Khổ căn. Sinh ở cõi Cực Quang Tịnh và cõi dưới, thành tựu Hỷ căn. Ý- Mạng- Xả căn tất cả đều thành tựu. Sinh ở cõi Dục, lúc ấy thành tựu năm căn như Tín... của ba cõi. Sinh ở cõi Sắc, lúc ấy thành tựu năm căn như Tín... của cõi Sắc-Vô sắc. Sinh ở cõi Vô sắc, lúc ấy thành tựu năm căn như Tín... của cõi Vô sắc.

3. Có căn thuộc Vô học mà căn ấy cũng là của người Vô học, đó là người Vô học thành tựu căn Vô học. Điều này lại là thế nào? Đó là Thời giải thoát thành tựu các căn của Thời giải thoát, Bất thời giải thoát thành tựu các căn của Bất thời giải thoát; Thối pháp thành tựu các căn của Thối pháp, cho đến Bất động pháp thành tựu các căn của Bất động pháp; Phật thành tựu các căn của Phật, Độc giác thành tựu các căn của Độc giác, Thanh văn thành tựu các căn của Thanh văn.

4. Có căn không phải là Vô học mà căn ấy cũng không phải là của người Vô học, đó là người Vô học không thành tựu căn thuộc Học và căn thuộc Phi học phi vô học. Điều này lại là thế nào? Đó là người Vô

học nhất định không thành tựu các căn thuộc Học, và có căn thuộc Phi học phi vô học. Người Vô học không thành tựu, đó là người Vô học sinh ở cõi Dục, không đạt được Nhãn căn, giả sử đạt được mà mất, và sinh ở cõi Vô sắc, lúc ấy không thành tựu Nhãn căn. Như Nhãn căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt căn cũng như vậy. Sinh ở cõi Vô sắc lúc ấy không thành tựu Thân căn, nữ không thành tựu Nam căn, nam không thành tựu Nữ căn. Có lúc không thành tựu cả hai, đó là sinh ở cõi Sắc - Vô sắc, và sinh ở cõi Dục, hoặc là trước kia không đạt được, hoặc là đã đạt được mà mất. Sinh lên trên cõi Biến Tịnh, lúc ấy không thành tựu Lạc căn. Sinh ở cõi Sắc-Vô sắc, lúc ấy không thành tựu Khổ căn. Sinh lên trên cõi Cực Quang Tịnh, lúc ấy không thành tựu Hỷ căn, thì nhất định không thành tựu Ưu căn. Sinh ở cõi Sắc, lúc ấy không thành tựu năm căn như Tín... của cõi Dục. Sinh ở cõi Vô sắc, lúc ấy không thành tựu năm căn như Tín... của cõi Dục-Sắc.

Hỏi: Các căn thuộc Phi học phi vô học, căn ấy là của người Phi học phi vô học chăng?

Đáp: Các căn của người Phi học phi vô học, căn ấy thuộc Phi học phi vô học. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì thành tựu pháp Học thì gọi là người Học, thành tựu pháp Vô học thì gọi là người Vô học. Nếu không thành tựu pháp Học-Vô học, thì gọi là người Phi học phi vô học, tức là các dị sinh, bởi vì căn đã thành tựu ấy chỉ là Phi học phi vô học.

Có căn thuộc Phi học phi vô học mà căn ấy không phải là của người Phi học phi vô học, đó là người Phi học phi vô học không thành tựu căn thuộc Phi học phi vô học. Điều này lại là thế nào? Đó là các dị sinh sinh ở cõi Dục chưa đạt được Nhãn căn, giả sử đạt được mà mất, và sinh ở cõi Vô sắc, lúc ấy không thành tựu Nhãn căn. Như Nhãn căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt căn cũng như vậy. Sinh ở cõi Vô sắc, lúc ấy không thành tựu Thân căn, nữ không thành tựu Nam căn, nam không thành tựu Nữ căn. Có lúc không thành tựu cả hai, đó là sinh ở cõi Sắc - Vô sắc, và sinh ở cõi Dục, hoặc là trước kia không đạt được, hoặc là đã đạt được mà mất. Sinh lên trên cõi Biến Tịnh, không thành tựu Lạc căn. Sinh ở cõi Sắc-Vô sắc, không thành tựu Khổ căn. Sinh lên trên cõi Cực Quang Tịnh, không thành tựu Hỷ căn. Lìa nhiễm của cõi Dục, không thành tựu Ưu căn. Người đoạn mất căn thiện, không thành tựu năm căn như Tín... của ba cõi. Sinh ở cõi Dục không đoạn mất căn thiện, nếu chưa đạt được tâm thiện của cõi Sắc, thì lúc ấy không thành tựu năm căn như Tín... của cõi Sắc-Vô sắc; nếu đạt được tâm thiện của cõi Sắc, chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy không thành tựu năm căn như Tín... của

cõi Vô sắc. Sinh ở cõi Sắc, nếu chưa đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy không thành tựu năm căn như Tín... của cõi Dục- Vô sắc; nếu đạt được tâm thiện của cõi Vô sắc, thì lúc ấy không thành tựu năm căn như Tín... của cõi Dục. Sinh ở cõi Vô sắc, lúc ấy không thành tựu năm căn như Tín... của cõi Dục- Sắc.

Đã phân biệt về các căn thuộc Học..., nay sẽ nói đến nghĩa của các căn thuộc Học...

Hỏi: Vì sao gọi là Học-Vô học-Phi học phi vô học?

Đáp: Dùng đạo không có tham vì đoạn bỏ tham mà học, pháp do đạo này thâm nhiếp gọi là Học; dùng đạo không có tham vì đoạn bỏ tham mà không học-đã học, pháp do đạo này thâm nhiếp gọi là Vô học; ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học.

Lại nữa, dùng đạo không có sân vì đoạn bỏ sân mà học, pháp do đạo này thâm nhiếp gọi là Học; dùng đạo không có sân vì đoạn bỏ sân mà không học- đã học, pháp do đạo này thâm nhiếp gọi là Vô học; ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học.

Lại nữa, dùng đạo không có si vì đoạn bỏ si mà học, pháp do đạo này thâm nhiếp gọi là Học; dùng đạo không có si vì đoạn bỏ si mà không học- đã học, pháp do đạo này thâm nhiếp gọi là Vô học; ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học.

Lại nữa, dùng đạo không có ái vì đoạn bỏ ái mà học, nhưng không phải là quan hệ của ái, pháp do đạo này thâm nhiếp gọi là Học. Dùng đạo không có ái vì đoạn bỏ ái mà học, đây là ngăn chặn về đạo thuộc Vô học; nhưng không phải là quan hệ của ái, đây là ngăn chặn về đạo thuộc thế tục. Dùng đạo không có ái vì đoạn bỏ ái mà không học-đã học, nhưng không phải là quan hệ của ái, pháp do đạo này thâm nhiếp gọi là Vô học. Dùng đạo không có ái vì đoạn bỏ ái mà không học-đã học, đây là ngăn chặn về đạo thuộc Học; nhưng không phải là quan hệ của ái, đây là ngăn chặn về đạo thuộc thế tục. Ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học.

Lại nữa, nếu đạo vì đoạn bỏ hai mong cầu-thỏa mãn một mong cầu mà học, thì pháp do đạo này thâm nhiếp gọi là Học. Vì đoạn bỏ hai mong cầu, đó là mong cầu về Dục-mong cầu về Hữu; thỏa mãn một mong cầu, đó là mong cầu về Phạm hạnh. Nếu đạo vì đoạn bỏ hai mong cầu-thỏa mãn một mong cầu mà không học-đã học, thì pháp do đạo này thâm nhiếp gọi là Vô học. Ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học.

Lại nữa, nếu đạo vì đoạn bỏ phiền não, tu hiện quán về Đế mà

học, thì pháp do đạo này thâm nhiếp gọi là Học; nếu đạo vì đoạn bỏ phiền não, tu hiện quán về Đế mà không học-đã học, thì pháp do đạo này thâm nhiếp gọi là Vô học; ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học.

Lại nữa, nếu trong sở y có phiền não nhất định ràng buộc theo, có vô lậu nhất định đuổi theo, thì đó là Học; nếu trong sở y không có phiền não nhất định ràng buộc theo, có vô lậu nhất định đuổi theo, thì đó là Vô học; ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học.

Lại nữa, nếu trong sở y có ái ràng buộc theo, có vô lậu đạt được, thì đó là Học; nếu trong sở y không có ái ràng buộc theo, có vô lậu đạt được, thì đó là Vô học; ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học.

Lại nữa, nếu pháp do Kiến đạo-Tu đạo thâm nhiếp, thì đó là Học; nếu pháp do đạo Vô học thâm nhiếp, thì đó là Vô học; ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học. Kiến địa-Tu địa và địa Vô học, nói cũng như vậy.

Lại nữa, nếu pháp do Vị tri đương tri căn và Dĩ tri căn thâm nhiếp, thì đó là Học; nếu pháp do Cụ tri căn thâm nhiếp, thì đó là Vô học; ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học.

Lại nữa, các pháp vô lậu trong sự nối tiếp nhau của năm loại Bồ-đặc-già-la, thì gọi là Học. Năm loại Bồ-đặc-già-la, đó là Tùy tín hành, Tùy pháp hành, Tín giải thoát, Kiến chí và Thân chứng. Các pháp vô lậu trong sự nối tiếp nhau của hai loại Bồ-đặc-già-la, thì gọi là Vô học. Hai loại Bồ-đặc-già-la, đó là Tuệ giải thoát và Câu giải thoát. Ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học.

Lại nữa, các pháp vô lậu trong sự nối tiếp nhau của bảy loại Bồ-đặc-già-la, thì gọi là Học. Bảy loại Bồ-đặc-già-la, đó là bốn Hương- ba Quả trước. Các pháp vô lậu trong sự nối tiếp nhau của một loại Bồ-đặc-già-la, thì gọi là Vô học. Một loại Bồ-đặc-già-la, đó là A-la-hán. Ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học.

Lại nữa, các pháp vô lậu trong sự nối tiếp nhau của mười tám loại Bồ-đặc-già-la, thì gọi là Học; các pháp vô lậu trong sự nối tiếp nhau của chín loại Bồ-đặc-già-la, thì gọi là Vô học. Ngược lại với hai loại này gọi là Phi học phi vô học.

Hỏi: Hai mươi hai căn này, mấy loại là thiện, mấy loại là bất thiện, mấy loại là vô ký?

Đáp: Tám loại là thiện, tám loại là vô ký, sáu loại cần phải phân biệt.

Tám loại là thiện, đó là năm căn như Tín... và ba căn Vô lậu. Tám loại là vô ký, đó là bảy Sắc căn và Mạng căn. Sáu loại cần phải phân biệt, đó là Ý căn và năm Thọ. Điều này lại là thế nào? Đó là Ý căn hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký.

Thế nào là thiện? Đó là Ý căn tương ứng với tác ý thiện. Ở đây lại có hai loại, đó là hữu lậu và vô lậu. Hữu lậu có ba loại, đó là gia hạnh đắc, ly nhiễm đắc và sinh đắc. Vô lậu có hai loại, đó là Học và Vô học.

Thế nào là bất thiện? Đó là Ý căn tương ứng với tác ý bất thiện. Ở đây lại có hai loại, đó là do kiến mà đoạn và do tu mà đoạn, tức là Ý căn tương ứng với tác ý câu sinh thuộc ba mươi bốn tùy miên của cõi Dục.

Thế nào là vô ký? Đó là Ý căn tương ứng với tác ý vô ký. Ở đây có hai loại, đó là hữu phú vô ký và vô phú vô ký. Hữu phú vô ký, đó là Ý căn tương ứng với tác ý câu sinh thuộc Hữu thân kiến-Biên chấp kiến của cõi Dục, và tất cả phiền não câu sinh của cõi Sắc-Vô sắc. Vô phú vô ký, đó là Ý căn tương ứng với tác ý câu sinh thuộc Oai nghi lộ, Công xảo xứ, Dị thực sinh và Thông quả.

Như Ý căn, Xả căn-Hỷ căn-Lạc căn tùy theo thích hợp cũng như vậy.

Khổ căn hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký.

Thế nào là thiện? Đó là Khổ căn tương ứng với tác ý thiện. Điều này lại là thế nào? Đó là Sinh đắc thiện.

Thế nào là bất thiện? Đó là Khổ căn tương ứng với tác ý bất thiện. Điều này lại là thế nào? Đó là do tu mà đoạn.

Thế nào là vô ký? Đó là Khổ căn tương ứng với tác ý vô ký. Điều này lại là thế nào? Đó là Dị thực sinh.

Ưu căn hoặc là thiện, hoặc là bất thiện, hoặc là vô ký.

Thế nào là thiện? Đó là Ưu căn tương ứng với tác ý thiện. Như nói: “Mình vào lúc nào sẽ được an trú đầy đủ ở nơi này? Nếu đã an trú đầy đủ ở phần vị của Thánh giả, thì lòng dạ lo buồn suy nghĩ mong mỏi đối với phần vị giải thoát phía trên.”

Thế nào là bất thiện? Đó là Ưu căn tương ứng với tác ý bất thiện. Điều này lại là thế nào? Đó là do kiến mà đoạn và do tu mà đoạn.

Hỏi: Vì sao không có Ưu căn vô ký?

Đáp: Vô ký có hai loại, đó là hữu phú và vô phú. Ưu căn lại không phải là hữu phú vô ký, bởi vì không tương ứng với Hữu thân kiến-Biên chấp kiến của cõi Dục. Nguyên cố thế nào? Bởi vì hành tướng khác

nhau, hai Kiến ấy do hành tướng vui vẻ (hoan) mà chuyển, Ưu căn do hành tướng lo buồn(thích) mà chuyển, pháp trái ngược lẫn nhau cho nên không tương ứng. Ưu căn cũng không phải là vô phú vô ký, bởi vì không phải là do Oai nghi lộ-Công xảo xứ-Dị thực sinh thân nhiếp.

Hỏi: Vì sao Ưu căn không phải là do Oai nghi lộ thân nhiếp?

Đáp: Bởi vì Ưu căn do phân biệt mà chuyển, Oai nghi lộ không có phân biệt mà chuyển. Nếu Oai nghi lộ có Ưu căn, giả sử có phân biệt, nay mình nên thể hiện oai nghi như vậy, như Phật Thế Tôn, hoặc là như Mã Thắng, thì lúc phân biệt đã thuận theo trú trong oai nghi như vậy. Nhưng Oai nghi lộ không có sự phân biệt này, cho nên Oai nghi lộ không có Ưu căn.

Hỏi: Vì sao Ưu căn không phải là Công xảo xứ?

Đáp: Bởi vì Ưu căn do phân biệt mà chuyển, Công xảo xứ không có phân biệt mà chuyển. Nếu Công xảo xứ có Ưu căn, giả sử có phân biệt, nay mình nên thể hiện công xảo như vậy, như Phật Thế Tôn, hoặc là như Thiên tử Diệu Nghiệp, thì lúc phân biệt đã thuận theo thành tựu công xảo như vậy. Nhưng Công xảo xứ không có sự phân biệt này, cho nên Công xảo xứ không có Ưu căn.

Hỏi: Vì sao Ưu căn không phải là Dị thực sinh?

Đáp: Bởi vì Ưu căn do phân biệt mà chuyển, Dị thực sinh không có phân biệt mà chuyển. Nếu Dị thực sinh có Ưu căn, giả sử có phân biệt, nay mình nên thọ nhận dị thực như vậy, như Phật Thế Tôn, hoặc là như Chuyển luân Thánh vương, thì lúc phân biệt đã thuận theo hiện tại thọ nhận dị thực như vậy. Nhưng Dị thực sinh không có sự phân biệt này, cho nên Dị thực sinh không có Ưu căn.

Có người nói: Ưu căn do gia hạnh hiện tại mà chuyển, Dị thực sinh do nghiệp trước kia đã dẫn dắt, vì vậy Ưu căn không phải là Dị thực sinh.

Có người nói: Ưu căn tùy theo ý muốn mà chuyển, bởi vì từ trong tất cả mọi việc đã mất đi, có lúc khởi lên Ưu căn, có lúc không khởi lên; Dị thực sinh thì không tùy theo ý muốn thọ nhận, do nghiệp mà chuyển, cho nên Ưu căn không phải là Dị thực sinh.

Có người nói: Ưu căn nếu như là dị thực, thì thuận theo nghiệp nặng chỉ thọ nhận phần ít của quả, nghĩa là có nhân gây ra nghiệp vô gián rồi liền sinh ra lo buồn, thì phải gọi là thọ nhận dị thực của nghiệp ấy, lẽ nào không phải là phần ít của quả hay sao?

Có người nói: Ưu căn rời bỏ vào lúc lìa nhiễm cõi Dục, Dị thực sinh thì lìa nhiễm của ba cõi mà hãy còn chuyển theo, cho nên Ưu căn

không phải là Di thực sinh. Vì vậy Ưu căn chỉ là thiện và bất thiện.

Đã phân biệt về các căn thuộc thiện..., nay sẽ nói đến nghĩa của các căn thuộc thiện...

Hỏi: Vì sao gọi là thiện-bất thiện-vô ký?

Đáp: Nếu pháp do phương tiện khéo léo thâm nhiếp, có thể dẫn đến quả tốt đẹp, tự tánh an ổn, thì gọi là thiện. Do phương tiện khéo léo thâm nhiếp, là hiển bày về Đạo đế. Có thể dẫn đến quả tốt đẹp, là hiển bày về phần ít của Khổ-Tập đế. Tự tánh an ổn, là hiển bày về Diệt đế. Nếu pháp không thuộc về phương tiện khéo léo, dẫn đến quả không tốt đẹp, tánh không an ổn, thì gọi là bất thiện. Đây là biểu hiện rõ ràng về phần ít của Khổ-Tập đế. Ngược lại với hai loại này thì gọi là vô ký.

Có người nói: Nếu pháp có thể đạt được quả tốt đẹp và quả thuộc Lạc thọ, thì gọi là thiện. Nếu pháp có thể nhận lấy quả không tốt đẹp và quả thuộc Khổ thọ, thì gọi là bất thiện. Ngược lại với hai loại này thì gọi là vô ký.

Có người nói: Nếu pháp có thể sinh ra mầm của quả tốt đẹp và mầm của giải thoát, thì gọi là thiện. Nếu pháp có thể sinh ra mầm của quả không tốt đẹp, thì gọi là bất thiện. Ngược lại với hai loại này thì gọi là vô ký.

Có người nói: Nếu pháp có thể cảm đến nẻo đáng yêu, thì gọi là thiện. Nếu pháp có thể cảm đến nẻo không đáng yêu, thì gọi là bất thiện. Ngược lại với hai loại này thì gọi là vô ký.

Có người nói: Nếu pháp thuộc về phẩm hoàn diệt-phẩm thanh tịnh, là tánh nhẹ nhàng thì gọi là thiện. Nếu pháp thuộc về phẩm lưu chuyển-phẩm tạp nhiễm, là tánh nặng nề thì gọi là bất thiện. Ngược lại với hai loại này thì gọi là vô ký.

Hiếp Tôn giả nói: “Bởi vì bốn duyên cho nên gọi là thiện:

1. Tự tánh.
2. Tương ứng.
3. Đẳng khởi.
4. Thắng nghĩa.”

Thiện thuộc tự tánh, có người nói là tâm quý. Có người nói là ba căn thiện. Thiện thuộc tương ứng, là tâm-tâm sở pháp tương ứng với thiện. Thiện thuộc đẳng khởi, là do thiện mà phát khởi nghiệp thân-ngữ, tâm không tương ứng với hành. Thiện thuộc thắng nghĩa, là Niết-bàn an ổn cho nên gọi là thiện.

Luận giả Phân Biệt đưa ra cách nói như vậy: “Thiện thuộc tự tánh, đó là trí. Thiện thuộc tương ứng, đó là thức tương ứng với thiện.

Thiện thuộc đẳng khởi, đó là do thiện mà phát khởi nghiệp thân-ngữ.
Thiện thuộc thắng nghĩa, đó là Niết-bàn.”

Bởi vì bốn duyên cho nên gọi là bất thiện:

1. Tự tánh.
2. Tương ứng.
3. Đẳng khởi.
4. Thắng nghĩa.

Bất thiện thuộc tự tánh, có người nói là không có tâm-không có quý, bởi vì tâm bất thiện bao trùm mọi nơi, luôn luôn bất thiện. Có người nói là ba căn bất thiện, bởi vì có đủ năm nghĩa. Bất thiện thuộc tương ứng, đó là tâm-tâm sở pháp tương ứng với bất thiện. Bất thiện thuộc đẳng khởi, đó là do bất thiện mà phát khởi nghiệp thân-ngữ, tâm không tương ứng với hành. Bất thiện thuộc thắng nghĩa, đó là sinh tử không an ổn, cho nên gọi là bất thiện.

Luận giả Phân Biệt đưa ra cách nói như vậy: “Bất thiện thuộc tự tánh, đó là si. Bất thiện thuộc tương ứng, đó là thức tương ứng với bất thiện. Bất thiện thuộc đẳng khởi, đó là do bất thiện mà phát khởi nghiệp thân-ngữ. Bất thiện thuộc thắng nghĩa, đó là sinh tử.”

Hiếp Tôn giả nói: “Nếu pháp là tự tánh tác ý như lý, tương ứng tác ý như lý, đẳng khởi tác ý như lý, quả Đẳng lưu- quả Ly hệ của tác ý như lý, đó là thiện. Nếu pháp là tự tánh tác ý không như lý, tương ứng tác ý không như lý, đẳng khởi tác ý không như lý, quả Đẳng lưu của tác ý không như lý, đó là bất thiện. Ngược lại với hai loại này thì đó là vô ký.”

Như tác ý như lý và tác ý không như lý, tâm quý và không có tâm-không có quý, ba căn thiện và ba căn bất thiện, năm căn như Tín... và năm Cái, cũng như vậy.

Luận Tập Dị Môn nói: “Vì sao gọi là thiện?”

Đáp: Có quả đáng yêu, quả đáng vui, quả vừa ý, quả hài lòng, quả đáng yêu thích, thì gọi là thiện. Đây là nói về quả Đẳng lưu. Lại nữa, có dị thực đáng yêu, dị thực đáng vui, dị thực vừa ý, dị thực hài lòng, dị thực đáng yêu thích, thì gọi là thiện. Đây là nói về quả Dị thực. Ngược lại với loại này thì gọi là bất thiện.” Ngược lại với hai loại này thì gọi là vô ký. Nghĩa còn lại như phẩm thứ nhất trong chương Kiết Uẩn nói rộng.

Hai mươi hai căn này, mấy loại có dị thực? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì cần phải ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển

bày nghĩa lý của mình. Đó là phái Thí Dụ nói rằng: “Rời xa Tư không có nhân Dị thực, rời xa Thọ không có quả Dị thực.” Vì ngăn chặn cách nói ấy, hiển bày về nhân Dị thực và quả Dị thực đều bao gồm năm Uẩn. Âm Quang Bộ nói rằng: “Các nhân Dị thực, lúc dị thực chưa sinh khởi thì nhân ấy có Thể, dị thực sinh khởi rồi thì nhân ấy liền mất, như mầm non chưa sinh ra thì hạt giống hã còn có Thể, mầm non đã sinh ra rồi thì Thể của hạt giống sẽ không có.” Cần phải ngăn chặn ý ấy để hiển bày về nhân luôn luôn có. Lại có ngoại đạo chấp là nghiệp thiện ác không có quả Dị thực. Cũng ngăn chặn ý đó để hiển bày về nghiệp thiện ác có quả Dị thực, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Hai mươi hai căn này, mấy loại có dị thực, mấy loại không có dị thực?

Đáp: Một loại có dị thực, mười một loại không có dị thực, mười loại cần phải phân biệt.

Một loại có dị thực, đó là Ưu căn. Mười một loại không có dị thực, đó là bảy Sắc căn-Mạng căn và ba căn Vô lậu. Mười loại cần phải phân biệt, đó là Ý căn-bốn Thọ và năm căn như Tín... Điều này lại là thế nào? Đó là Ý căn, hoặc có dị thực, hoặc không có dị thực. Thế nào là có dị thực? Đó là Ý căn hữu lậu thiện-bất thiện. Thế nào là không có dị thực? Đó là Ý căn vô lậu vô ký. Như Ý căn, Lạc căn-Hỷ căn-Xả căn cũng như vậy.

Khổ căn, hoặc có dị thực, hoặc không có dị thực. Thế nào là có dị thực? Đó là Khổ căn thiện-bất thiện. Thế nào là không có dị thực? Đó là Khổ căn vô ký.

Năm căn như Tín..., hoặc có dị thực, hoặc không có dị thực. Thế nào là có dị thực? Đó là năm căn như Tín... thuộc hữu lậu. Thế nào là không có dị thực? Đó là năm căn như Tín... thuộc vô lậu.

Đã phân biệt về các căn có dị thực..., nay sẽ nói đến nghĩa của các căn có dị thực...

Hỏi: Vì sao gọi là có dị thực..., là cùng lúc với dị thực của mình cho nên gọi là có dị thực, hay là cùng lúc với dị thực khác cho nên gọi là có dị thực? Nếu cùng lúc với dị thực của mình cho nên gọi là có dị thực, thì tại sao nhân và quả không hợp lại? Lại trái với kệ tụng đã nói, như nói: Làm ác không lập tức chín muồi. Nếu cùng lúc với dị thực khác cho nên gọi là có dị thực, thì đạo Vô lậu phải gọi là có dị thực, bởi vì cùng lúc với dị thực khác?

Đáp: Nên nói là cùng lúc với dị thực của mình cho nên gọi là có dị thực.

Hỏi: Tại sao nhân và quả không hợp lại, còn trái với kệ tụng đã nói?

Đáp: Có hai loại cùng lúc:

1. Cùng lúc có.
2. Cùng lúc hợp lại.

Cùng lúc có, như có nhân-có quả, có sở duyên-có dị thực... Cùng lúc hợp lại, như có Tâm-có Tứ, có Hỷ-có Tác ý... Trong này dựa vào cùng lúc có mà soạn luận. Như cùng lúc có-cùng lúc hợp lại, cùng lúc có-cùng lúc không tách rời nhau, cũng như vậy.

Có người nói: Có ba loại cùng lúc:

1. Cùng lúc xa.
2. Cùng lúc gần.
3. Cùng lúc xa gần.

Hai loại trước như trước đã nói, cùng lúc xa gần thì như hữu lậu-có tùy miên-có duyên-có sự... Trong này chỉ dựa vào cùng lúc xa mà soạn luận.

Hỏi: Vì sao gọi là dị thực?

Đáp: Khác loại mà chín muồi, cho nên gọi là dị thực. Chín muồi có hai loại:

1. Cùng loại.
2. Khác loại.

Cùng loại chín muồi, đó là quả Đẳng lưu. Khác loại chín muồi, đó là quả Dị thực. Phần còn lại như chương Kiết Uẩn nói rộng.

Hai mươi hai căn này, mấy loại do kiến mà đoạn? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì cần phải ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày nghĩa lý của mình. Như phái Thí Dụ nói: “Không có đạo thế tục có thể đoạn phiền não.” Đại đức ấy nói: “Dị sinh không có ai đoạn dứt tùy miên, nhưng có thể điều phục ràng buộc; cũng không phải là đạo thế tục có nghĩa vĩnh viễn đoạn dứt, bởi vì trong kinh nói: Thánh Tuệ thấy rõ rồi mới có thể đoạn dứt.” Vì ngăn chặn cách nói ấy, để hiển bày về đạo thế tục cũng có thể vĩnh viễn đoạn dứt, các loại dị sinh cũng đoạn dứt tùy miên, bởi vì trong kinh nói: “Ốt-đạt-lạc-ca-át-la-ma-tử, đoạn bỏ cõi Dục, đoạn bỏ cõi Sắc, cho đến đoạn bỏ Vô sở hữu xứ, sinh đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ.” Lại nói: “Có ngoại đạo Tiên có thể lìa nhiễm cõi dục...” Như vậy đều đã nói Thánh Tuệ thấy rõ rồi mới có thể đoạn dứt, là hiển bày có thể đến cuối cùng đoạn bỏ nhiễm của cõi Hữu

Đảnh.

Hoặc có người nói rằng: Các đạo thế tục tuy có thể vĩnh viễn đoạn dứt, nhưng là dị sinh chứ không phải là Thánh giả, bởi vì không phải là bỏ đạo thù thắng mà dùng đạo yếu kém. Vì ngăn chặn ý đó, hiển bày về các Thánh giả cũng dùng đạo thế tục để lìa nhiễm của tám địa.

Có người đưa ra cách nói này: Lập tức đoạn bỏ chứ không phải là từ từ, bởi vì lúc Định Kim cang dụ hiện rõ ở trước mắt, tất cả phiền não lập tức đoạn bỏ. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày nhất định phải từ từ đoạn bỏ, bởi vì bốn quả Sa-môn từ từ mà đạt được.

Có người chấp: Hiện quán chỉ có lập tức chứ không phải là từ từ. Vì ngăn chặn cách nói ấy để hiển bày là từ từ chứ không phải là lập tức, và để biểu hiện rõ ràng có hai bộ kiết-hai bộ đối trị, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Hai mươi hai căn này, mấy loại do kiến mà đoạn, mấy loại do tu mà đoạn, mấy loại không đoạn?

Đáp: Chín loại do tu mà đoạn, ba loại không đoạn, mười loại cần phải phân biệt.

Chín loại do tu mà đoạn, đó là bảy Sắc căn và Mạng căn-Khổ căn. Ba loại không đoạn, đó là ba căn Vô lậu. Mười loại cần phải phân biệt, đó là Ý căn-bốn Thọ và năm căn như Tín...

Ý căn, hoặc là do kiến mà đoạn, hoặc là do tu mà đoạn, hoặc là không đoạn. Thế nào là do kiến mà đoạn? Đó là Ý căn của Tùy tín hành-Tùy pháp hành, do Hiện quán biên Nhẫn mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Ý căn tương ứng với tám mươi tám tùy miên do kiến mà đoạn. Thế nào là do tu mà đoạn? Đó là Ý căn của Học thấy dấu tích do tu mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Ý căn tương ứng với mười tùy miên do tu mà đoạn, và Ý căn hữu lậu không nhiễm ô. Thế nào là không đoạn? Đó là Ý căn vô lậu. Như Ý căn, Xả căn cũng như vậy.

Lạc căn, hoặc là do kiến mà đoạn, hoặc là do tu mà đoạn, hoặc là không đoạn. Thế nào là do kiến mà đoạn? Đó là Lạc căn của Tùy tín hành-Tùy pháp hành, do Hiện quán biên Nhẫn mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Lạc căn tương ứng với hai mươi tám tùy miên do kiến mà đoạn, tức là Lạc căn do kiến mà đoạn thuộc Tĩnh lự thứ ba. Thế nào là do tu mà đoạn? Đó là Lạc căn của Học thấy dấu tích do tu mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Lạc căn tương ứng với năm tùy miên do tu mà đoạn, và Lạc căn hữu lậu không nhiễm ô. Năm tùy miên, đó là Tham-Vô minh của cõi Dục, Tham-Mạn-Vô minh của cõi Sắc. Thế nào là không đoạn? Đó là Lạc căn vô lậu.

Hỷ căn, hoặc là do kiến mà đoạn, hoặc là do tu mà đoạn, hoặc là không đoạn. Thế nào là do kiến mà đoạn? Đó là Hỷ căn của Tùy tín hành-Tùy pháp hành, do Hiện quán biên Nhãn mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Hỷ căn tương ứng với năm mươi hai tùy miên do kiến mà đoạn. Năm mươi hai tùy miên, đó là hai mươi bốn loại của cõi Dục, trừ ra tám loại thuộc Sân-Nghi, hai mươi tám loại của cõi Sắc. Thế nào là do tu mà đoạn? Đó là Hỷ căn của Học thấy dấu tích do tu mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Hỷ căn tương ứng với sáu tùy miên do tu mà đoạn, và Hỷ căn hữu lậu không nhiễm ô. Sáu tùy miên, đó là Tham-Mạn-Vô minh của cõi Dục-Sắc. Thế nào là không đoạn? Đó là Hỷ căn vô lậu.

Ưu căn, hoặc là do kiến mà đoạn, hoặc là do tu mà đoạn. Thế nào là do kiến mà đoạn? Đó là Ưu căn của Tùy tín hành-Tùy pháp hành, do Hiện quán biên Nhãn mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Ưu căn tương ứng với mười sáu tùy miên do kiến mà đoạn. Mười sáu tùy miên, đó là Tà kiến-Sân-Nghi-Vô minh của cõi Dục đều có bốn. Thế nào là do tu mà đoạn? Đó là Ưu căn của Học thấy dấu tích do tu mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Ưu căn tương ứng với hai tùy miên do tu mà đoạn, và Ưu căn không nhiễm ô. Hai tùy miên, đó là Sân-Vô minh của cõi Dục.

Năm căn như Tín..., hoặc là do tu mà đoạn, hoặc là không đoạn. Thế nào là do tu mà đoạn? Đó là năm căn như Tín... thuộc hữu lậu. Thế nào là không đoạn? Đó là năm căn như Tín... thuộc vô lậu.

Đã phân biệt về các căn do kiến mà đoạn..., nay sẽ nói đến nghĩa của các căn do kiến mà đoạn...

Hỏi: Thế nào gọi là do kiến mà đoạn- do tu mà đoạn?

Đáp: Như kiến không tách rời tu, tu không tách rời kiến, trong Kiến đạo tu Như thật có thể đạt được, trong Tu đạo kiến Như thật có thể đạt được, Tuệ gọi là kiến, không phóng dật gọi là tu.

Hỏi: Trong này nói đến pháp nào gọi là Như thật?

Đáp: Ý trong này nói có nhiều nhanh nhạy sắc bén thì gọi là Như thật, nghĩa là trong Kiến đạo thì Tuệ nhiều mà không phóng dật thì ít, trong Tu đạo thì không phóng dật nhiều mà Tuệ thì ít.

Hoặc là ý trong này nói bình đẳng thì gọi là Như thật, nghĩa là trong Kiến đạo tùy theo có bao nhiêu Tuệ thì có bấy nhiêu không phóng dật, trong Tu đạo tùy theo có bao nhiêu không phóng dật thì có bấy nhiêu Tuệ.

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Quán xét bốn Thánh

đế, đoạn trừ các phiền não.”

Hỏi: Làm thế nào để phân biệt pháp này là do kiến mà đoạn, pháp này là do tu mà đoạn?

Đáp: Do kiến mà đoạn, do kiến mà trừ, do kiến mà thay đổi và loại bỏ, thì gọi là do kiến mà đoạn.

Có người nói: Do kiến mà đoạn cũng nên nói là do tu mà đoạn, bởi vì trong Kiến đạo tu Như thật có thể đạt được.

Nói như vậy thì do kiến mà đoạn, do kiến mà trừ, do kiến mà thay đổi và loại bỏ, gọi là do kiến mà đoạn. Như đạo đã đạt được, nếu tập hay là tu, hay là tu tập nhiều, đoạn từng phạm vi, đoạn có hạn lượng, từ từ làm cho ít lại, đến cuối cùng đoạn dứt, gọi là do tu mà đoạn.

Có người nói: Do tu mà đoạn cũng nên nói là do kiến mà đoạn, bởi vì trong Tu đạo kiến Như thật có thể đạt được.

Nói như vậy thì như đạo đã đạt được, nếu tập hay là tu, hay là tu tập nhiều, đoạn từng phạm vi, đoạn có hạn lượng, từ từ làm cho ít lại, đến cuối cùng đoạn dứt, gọi là do tu mà đoạn.

Hỏi: Điều này nói có nghĩa gì?

Đáp: Đây là nói về Kiến đạo, là đạo nhanh nhạy sắc bén tạm thời hiện rõ ở trước mắt, chín phẩm phiền não trong một lúc mà đoạn; Tu đạo là đạo không nhanh nhạy sắc bén, thường xuyên luyện tập hiện rõ trước mắt, chín phẩm phiền não trải qua chín thời gian mà đoạn. Như lưỡi dao sắc-cùn cùng cắt một vật, lưỡi dao sắc vừa cắt liền dứt, lưỡi dao cùn phải cắt nhiều lần mới dứt.

Có người nói: Nếu pháp dùng đạo tăng mạnh về Kiến để đoạn thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu pháp dùng đạo tăng mạnh về Tu để đoạn thì gọi là do tu mà đoạn.

Có người nói: Nếu pháp dùng đạo của hai tướng để đoạn thì gọi là do kiến mà đoạn. Hai tướng, đó là tướng của Kiến và tướng của Tuệ. Nếu pháp dùng đạo của ba tướng để đoạn thì gọi là do tu mà đoạn. Ba tướng, đó là tướng của Trí-Kiến và Tuệ.

Có người nói: Nếu pháp dùng đạo của bốn tướng để đoạn thì gọi là do kiến mà đoạn. Bốn tướng, đó là tướng của Nhân-Minh-Giác và Tuệ. Nếu pháp dùng đạo của năm tướng để đoạn thì gọi là do tu mà đoạn. Năm tướng, đó là tướng của Nhân-Trí-Minh-Giác và Tuệ.

Có người nói: Nếu pháp do Nhân mà đoạn thì gọi là do kiến mà đoạn, nếu pháp do Trí mà đoạn thì gọi là do tu mà đoạn.

Phần còn lại nói rộng ra như phẩm thứ nhất trong chương Kiết Uẩn.

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 145

LUẬN VỀ CĂN (Phần 4)

Hai mươi hai căn này, mấy loại do kiến Khổ mà đoạn? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Phần trước ngăn chặn ý nói về lập tức Đoạn, mà vẫn chưa ngăn chặn ý nói về lập tức Hiện quán, lại cũng chưa hiển bày về từ từ Hiện quán, nay muốn ngăn chặn và hiển bày cho nên soạn ra phần luận này.

Có người nói: Phần trước cũng ngăn chặn về lập tức Hiện quán, cũng hiển bày về từ từ Hiện quán, nhưng không rõ ràng, nay muốn làm cho rõ ràng, cho nên soạn ra phần luận này.

Có người nói: Nguyên cơ soạn luận là muốn phân biệt về năm Bộ phiền não-năm Bộ đối trị, cho nên soạn ra phần luận này. Năm Bộ phiền não, đó là do kiến Khổ mà đoạn, cho đến do tu mà đoạn. Năm Bộ đối trị, đó là Khổ nhãn-Khổ trí, cho đến Đạo nhãn-Đạo trí.

Hỏi: Hai mươi hai căn này, mấy loại do kiến Khổ mà đoạn, mấy loại do kiến Tập mà đoạn, mấy loại do kiến Diệt mà đoạn, mấy loại do kiến Đạo mà đoạn, mấy loại do tu mà đoạn, mấy loại không đoạn? Đáp: Chín loại do tu mà đoạn, ba loại không đoạn, mười loại cần phải phân biệt.

Chín loại do tu mà đoạn, đó là bảy Sắc căn và Mạng căn-Khổ căn. Ba loại không đoạn, đó là ba căn Vô lậu. Mười loại cần phải phân biệt, đó là Ý căn-bốn Thọ và năm căn như Tín..

Ý căn, hoặc là do kiến Khổ mà đoạn, hoặc là do kiến Tập-kiến Diệt-kiến Đạo mà đoạn, hoặc là do tu mà đoạn, hoặc là không đoạn. Thế nào là do kiến Khổ mà đoạn? Đó là Ý căn của Tùy tín hành-Tùy pháp hành, do Hiện quán biên Nhãn về Khổ mà đoạn. Điều này lại

là thế nào? Đó là Ý căn tương ứng với hai mươi tám tùy miên do kiến Khổ mà đoạn. Thế nào là do kiến Tập mà đoạn? Đó là Ý căn của Tùy tín hành-Tùy pháp hành, do Hiện quán biên Nhẫn về Tập mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Ý căn tương ứng với mười chín tùy miên do kiến Tập mà đoạn. Thế nào là do kiến Diệt mà đoạn? Đó là Ý căn của Tùy tín hành-Tùy pháp hành, do Hiện quán biên Nhẫn về Diệt mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Ý căn tương ứng với mười chín tùy miên do kiến Diệt mà đoạn. Thế nào là do kiến Đạo mà đoạn? Đó là Ý căn của Tùy tín hành-Tùy pháp hành, do Hiện quán biên Nhẫn về Đạo mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Ý căn tương ứng với hai mươi hai tùy miên do kiến Đạo mà đoạn. Thế nào là do tu mà đoạn? Đó là Ý căn của Học thấy dấu tích, do tu mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Ý căn tương ứng với mười tùy miên do tu mà đoạn, và Ý căn hữu lậu không nhiễm ô. Thế nào là không đoạn? Đó là Ý căn vô lậu. Như Ý căn, Xả căn cũng như vậy.

Lạc căn, hoặc là do kiến Khổ mà đoạn, hoặc là do kiến Tập-kiến Diệt- kiến Đạo mà đoạn, hoặc là do tu mà đoạn, hoặc là không đoạn. Thế nào là do kiến Khổ mà đoạn? Đó là Lạc căn của Tùy tín hành-Tùy pháp hành, do Hiện quán biên Nhẫn về Khổ mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Lạc căn tương ứng với chín tùy miên do kiến Khổ mà đoạn. Thế nào là do kiến Tập mà đoạn? Đó là Lạc căn của Tùy tín hành- Tùy pháp hành, do Hiện quán biên Nhẫn về Tập mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Lạc căn tương ứng với sáu tùy miên do kiến Tập mà đoạn. Thế nào là do kiến Diệt mà đoạn? Đó là Lạc căn của Tùy tín hành- Tùy pháp hành, do Hiện quán biên Nhẫn về Diệt mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Lạc căn tương ứng với sáu tùy miên do kiến Diệt mà đoạn. Thế nào là do kiến Đạo mà đoạn? Đó là Lạc căn của Tùy tín hành- Tùy pháp hành, do Hiện quán biên Nhẫn về Đạo mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Lạc căn tương ứng với bảy tùy miên do kiến Đạo mà đoạn. Thế nào là do tu mà đoạn? Đó là Lạc căn của Học thấy dấu tích, do tu mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Lạc căn tương ứng với năm tùy miên do tu mà đoạn, và Lạc căn hữu lậu không nhiễm ô. Năm tùy miên, đó là Tham-Vô minh của cõi Dục, Tham- Mạn và Vô minh của cõi Sắc. Thế nào là không đoạn? Đó là Lạc căn vô lậu.

Hỷ căn, hoặc là do kiến Khổ mà đoạn, hoặc là do kiến Tập-kiến Diệt-kiến Đạo mà đoạn, hoặc là do tu mà đoạn, hoặc là không đoạn. Thế nào là do kiến Khổ mà đoạn? Đó là Hỷ căn của Tùy tín hành-Tùy

pháp hành, do Hiện quán biên Nhãn về Khổ mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Hỷ căn tương ứng với mười bảy tùy miên do kiến Khổ mà đoạn. Mười bảy tùy miên, đó là tùy miên của cõi Dục trừ ra Sân-Nghi, tất cả tùy miên của cõi Sắc. Thế nào là do kiến Tập mà đoạn? Đó là Hỷ căn của Tùy tín hành-Tùy pháp hành, do Hiện quán biên Nhãn về Tập mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Hỷ căn tương ứng với mười một tùy miên do kiến Tập mà đoạn. Thế nào là do kiến Diệt mà đoạn? Đó là Hỷ căn của Tùy tín hành-Tùy pháp hành, do Hiện quán biên Nhãn về Diệt mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Hỷ căn tương ứng với mười một tùy miên do kiến Diệt mà đoạn. Thế nào là do kiến Đạo mà đoạn? Đó là Hỷ căn của Tùy tín hành-Tùy pháp hành, do Hiện quán biên Nhãn về Đạo mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Hỷ căn tương ứng với mười hai tùy miên do kiến Đạo mà đoạn. Thế nào là do tu mà đoạn? Đó là Hỷ căn của Học thấy dấu tích, do tu mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Hỷ căn tương ứng với sáu tùy miên do tu mà đoạn, và Hỷ căn hữu lậu không nhiễm ô. Sáu tùy miên, đó là tùy miên của cõi Dục trừ ra Sân, tất cả tùy miên của cõi Sắc. Thế nào là không đoạn? Đó là Hỷ căn vô lậu.

Ưu căn, hoặc là do kiến Khổ mà đoạn, hoặc là do kiến Tập-kiến Diệt-kiến Đạo mà đoạn, hoặc là do tu mà đoạn. Thế nào là do kiến Khổ mà đoạn? Đó là Ưu căn của Tùy tín hành-Tùy pháp hành, do Hiện quán biên Nhãn về Khổ mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Ưu căn tương ứng với bốn tùy miên do kiến Khổ mà đoạn. Bốn tùy miên, đó là Tà kiến-Sân-Nghi và Vô minh của cõi Dục. Thế nào là do kiến Tập mà đoạn? Đó là Ưu căn của Tùy tín hành-Tùy pháp hành, do Hiện quán biên Nhãn về Tập mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Ưu căn tương ứng với bốn tùy miên do kiến Tập mà đoạn. Thế nào là do kiến Diệt mà đoạn? Đó là Ưu căn của Tùy tín hành-Tùy pháp hành, do Hiện quán biên Nhãn về Diệt mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Ưu căn tương ứng với bốn tùy miên do kiến Diệt mà đoạn. Thế nào là do kiến Đạo mà đoạn? Đó là Ưu căn của Tùy tín hành-Tùy pháp hành, do Hiện quán biên Nhãn về Đạo mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Ưu căn tương ứng với bốn tùy miên do kiến Đạo mà đoạn. Thế nào là do tu mà đoạn? Đó là Ưu căn của Học thấy dấu tích, do tu mà đoạn. Điều này lại là thế nào? Đó là Ưu căn tương ứng với hai tùy miên do tu mà đoạn, và Ưu căn không nhiễm ô. Hai tùy miên, đó là Sân và Vô minh của cõi Dục.

Năm căn như Tín..., hoặc là do tu mà đoạn, hoặc là không đoạn.

Thế nào là do tu mà đoạn? Đó là năm căn như Tín... thuộc hữu lậu. Thế nào là không đoạn? Đó là năm căn như Tín... thuộc vô lậu.

Đã phân biệt về các căn do kiến Khổ mà đoạn..., nay sẽ nói đến nghĩa của các căn do kiến Khổ mà đoạn...

Hỏi: Vì sao gọi là do kiến Khổ mà đoạn, cho đến do tu mà đoạn?

Đáp: Nếu pháp là đối trị quyết định, đối trị sở duyên quyết định, thì gọi là do kiến Khổ mà đoạn; cho đến do kiến Đạo mà đoạn. Nếu pháp là đối trị không quyết định, đối trị sở duyên không quyết định, thì gọi là do tu mà đoạn.

Có người nói: Nếu pháp là xứ sở quyết định, đối trị sở duyên quyết định, thì gọi là do kiến Khổ mà đoạn cho đến do kiến Đạo mà đoạn. Nếu pháp là xứ sở không quyết định, đối trị sở duyên không quyết định, thì gọi là do tu mà đoạn.

Có người nói: Nếu pháp dùng Khổ nhãn-Khổ trí làm đối trị thì gọi là do kiến Khổ mà đoạn, cho đến nếu pháp dùng Đạo nhãn-Đạo trí làm đối trị thì gọi là do kiến Đạo mà đoạn. Nếu pháp dùng các Trí làm đối trị, thì gọi là do tu mà đoạn.

Có người nói: Nếu pháp do Khổ nhãn mà đoạn, thì gọi là do kiến Khổ mà đoạn; cho đến nếu pháp do Đạo nhãn mà đoạn, thì gọi là do kiến Đạo mà đoạn. Nếu pháp do các Trí mà đoạn, thì gọi là do tu mà đoạn.

Có người nói: Nếu pháp do quán xét Khổ đế mà đoạn, thì gọi là do kiến Khổ mà đoạn; cho đến nếu pháp do quán xét Đạo đế mà đoạn, thì gọi là do kiến Đạo mà đoạn. Nếu pháp hoặc là quán xét Khổ đế, hoặc là quán xét Tập-Diệt-Đạo đế, hoặc là không quán xét về Đế mà đoạn, thì gọi là do tu mà đoạn.

Có người nói: Nếu pháp cùng với kiến Khổ đế trái ngược nhau, thì gọi là do kiến Khổ mà đoạn; cho đến nếu pháp cùng với kiến Đạo đế trái ngược nhau, thì gọi là do kiến Đạo mà đoạn. Nếu pháp cùng với kiến bốn Đế trái ngược nhau, thì gọi là do tu mà đoạn.

Hai mươi hai căn này, mấy loại là Kiến, mấy loại không phải là Kiến? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Muốn ngăn chặn về ý nói tất cả các pháp đều là tánh thuộc Kiến. Những người ấy đưa ra cách nói này: Những việc làm mạnh mẽ sắc bén thì gọi là Kiến, tất cả các pháp không có pháp nào không mạnh mẽ sắc bén đối với việc làm của chính mình, cho nên đều gọi là Kiến. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày trong các pháp chỉ có Nhãn căn và

phần ít của Tuệ gọi là Kiến chứ không phải là loại nào khác, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Hai mươi hai căn này, mấy loại là Kiến, mấy loại không phải là Kiến?

Đáp: Một loại là Kiến, mười bảy loại không phải là Kiến, bốn loại cần phải phân biệt.

Một loại là Kiến, đó là Nhãn căn. Mười bảy loại không phải là Kiến, đó là sáu Sắc căn-Mạng căn-Ý căn-năm Thọ và bốn căn như Tín... Bốn loại cần phải phân biệt, đó là Tuệ và ba căn Vô lậu.

Tuệ căn, hoặc là Kiến, hoặc không phải là Kiến. Thế nào là Kiến? Đó là Tận trí-Vô sinh trí vốn không thâm nhiếp Tuệ căn tương ứng với Ý thức. Thế nào là không phải Kiến? Đó là Tuệ căn khác, tức là Tuệ căn tương ứng với năm Thức, và Tuệ căn do Tận trí-Vô sinh trí thâm nhiếp.

Vị trí đương tri căn, hoặc là Kiến, hoặc không phải là Kiến. Thế nào là Kiến? Đó là Tuệ căn do Vị trí đương tri căn thâm nhiếp. Thế nào là không phải Kiến? Đó là những căn khác do Vị trí đương tri căn thâm nhiếp, tức là tám căn khác. Như Vị trí đương tri căn, Dĩ tri căn cũng như vậy.

Cụ tri căn, hoặc là Kiến, hoặc không phải là Kiến. Thế nào là Kiến? Đó là Tận trí-Vô sinh trí vốn không thâm nhiếp Tuệ căn do Cụ tri tri căn thâm nhiếp. Thế nào là không phải Kiến? Đó là những căn khác do Cụ tri căn thâm nhiếp, tức là tám căn khác, và Tuệ căn do Tận trí-Vô sinh trí thâm nhiếp.

Đã phân biệt về các căn thuộc Kiến..., nay sẽ nói đến nghĩa của các căn thuộc Kiến...

Hỏi: Vì sao gọi là Kiến, Kiến là nghĩa gì?

Đáp: Do bốn duyên cho nên gọi là Kiến:

1. Bởi vì có năng lực quán xét.
2. Bởi vì suy đoán quyết định.
3. Bởi vì kiên quyết nắm giữ.
4. Bởi vì đi sâu vào sở duyên.

Bởi vì có năng lực quán xét, đó là tự tánh của Kiến.

Hỏi: Tà kiến-Điên đảo kiến, những loại ấy quán xét điều gì?

Đáp: Vì thế cho nên nói là tự tánh của Kiến, nghĩa là tuy Tà kiến-Điên đảo kiến, mà là tự tánh của Tuệ-Kiến, cho nên nói là có năng lực quán xét. Như người hể có nhìn thấy thì gọi là có năng lực quán xét, không phải là như người mù.

Bởi vì suy đoán quyết định, đó là có năng lực suy xét tìm tòi và

quyết định.

Hỏi: Trong một sát-na làm sao suy xét tìm tòi?

Đáp: Tánh nhanh nhạy sắc bén cho nên gọi là suy xét tìm tòi.

Bởi vì kiên quyết nắm giữ, đó là giữ chặt các kiến chấp quái lạ, không phải là uy lực của Thánh đạo thì không biết cách nào làm cho rời bỏ.

Bởi vì đi sâu vào sở duyên, đó là mạnh mẽ đi vào cảnh, như kim nhọn rơi vào bùn.

Có người nói: Do hai duyên cho nên gọi là Kiến:

1. Bởi vì tánh soi chiếu rõ ràng.
2. Bởi vì tánh suy đoán.

Có người nói: Do ba duyên cho nên gọi là Kiến:

1. Bởi vì có tướng của Kiến.
2. Bởi vì thành sự của Kiến.
3. Bởi vì đối với cảnh không có ngăn ngại.

Có người nói: Do ba duyên cho nên gọi là Kiến:

1. Bởi vì ý thích.
2. Bởi vì chấp trước.
3. Bởi vì suy đoán quyết định.

Có người nói: Do ba duyên cho nên gọi là Kiến:

1. Bởi vì ý thích.
2. Bởi vì gia hạnh.
3. Bởi vì không có trí.

Bởi vì ý thích, đó là ý thích hủy hoại. Bởi vì gia hạnh, đó là gia hạnh hủy hoại. Bởi vì không có trí, đó là cả hai đều hủy hoại.

Lại nữa, bởi vì ý thích, đó là người tu Định; bởi vì gia hạnh, đó là người tìm tòi suy nghĩ; bởi vì không có trí, đó là người nghe theo.

Hai mươi hai căn này, mấy loại có Tâm-có Tứ? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn ngăn chặn cách nói của phái Thí Dục. Họ nói từ cõi Dục cho đến Hữu Đảnh đều có Tâm-Tứ. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì trong kinh nói. Như trong kinh nói: “Tánh của tâm thô là Tâm, tánh của tâm tế là Tứ, tánh của tâm thô-tế cho đến Hữu Đảnh.”

Đại đức ấy nói rằng: “Các sư phái Đối Pháp nói Tâm-Tứ là tánh của tâm thô-tế, tánh thô-tế này đối đãi nhau mà thiết lập, cho đến Hữu Đảnh đều hiện hành có thể đạt được, mà nói Tâm-Tứ chỉ có ở cõi Dục và cõi Phạm Thế, đây là nói sai trái chứ không phải là nói hợp lý.”

Các Luận sư A-tỳ-đạt-ma nói: “Chúng tôi nói hợp lý chứ không phải là nói sai trái, bởi vì dựa vào nhiều môn nói về tánh thô-tế chứ không phải là một loại. Như nói: Triền thô-tùy miên tế. Trong này, Tâm-Tứ không phải là thô-không phải là tế, bởi vì cả hai đều không phải là tánh của triền-tùy miên. Như nói: Sắc uẩn thô-bốn uẩn tế. Trong này, Tâm-Tứ đều là tế, bởi vì đều thâm nhiếp ở trong Hành uẩn. Như nói: Cõi Dục thô-Tĩnh lự thứ nhất tế. Trong này, Tâm-Tứ đều bao gồm thô-tế, bởi vì cả hai loại đều thâm nhiếp bao gồm hai địa. Như nói: Tĩnh lự thứ nhất thô-Tĩnh lự thứ hai tế. Trong này, Tâm-Tứ đều là thô. Bởi vì dựa vào nhiều môn nói về tánh thô-tế, cho nên Tâm và Tứ không phải là đến Hữu Đảnh. Nếu nói Tâm và Tứ đều đến Hữu Đảnh, thì không nên nói là có ba địa sai biệt.”

Phái Thí Dụ nói: “Bắt đầu từ cõi Dục cho đến Hữu Đảnh, đều có ba pháp là thiện- nhiễm và vô ký, pháp nhiễm của tất cả các địa đều gọi là có Tâm-có Tứ, chỉ riêng thiện và vô ký có ở ba địa khác.” Nếu như vậy thì tại sao nói là Tâm-Tứ diệt không có Tâm-không có Tứ, nhất định sinh ra Hỷ-Lạc tiến vào Tĩnh lự thứ hai? Họ nói: “Đây là dựa vào Tâm-Tứ thiện mà nói, chứ không nói đến nhiễm ô.” Cách nói này không đúng, vì sao lại nói diệt Tâm-Tứ thiện chứ không phải là diệt nhiễm ô, mà lẽ ra Tâm-Tứ nhiễm ô phải diệt trước tiên, bởi vì lúc là nhiễm nhất định phải đoạn bỏ nó, bởi vì vượt qua cõi-địa mới rời bỏ thiện. Phái Thí Dụ thật sự là nói sai trái. Bởi vì ngăn chặn ý đó để hiển bày về Tâm và Tứ chỉ có ở hai địa, cho nên soạn ra phần luận này.

Hai mươi hai căn này, mấy loại có Tâm-có Tứ, mấy loại không có Tâm-chỉ có Tứ, mấy loại không có Tâm-không có Tứ?

Đáp: Hai loại có Tâm-có Tứ, tám loại không có Tâm-không có Tứ, mười hai loại cần phải phân biệt.

Hai loại có Tâm-có Tứ, đó là Khổ căn và Ưu căn. Tám loại không có Tâm-không có Tứ, đó là bảy Sắc căn và Mạng căn. Mười hai loại cần phải phân biệt, đó là Ý căn-ba Thọ-năm căn như Tín... và ba căn Vô lậu.

Ý căn, hoặc là có Tâm-có Tứ, hoặc là không có Tâm-chỉ có Tứ, hoặc là không có Tâm-không có Tứ. Thế nào là có Tâm-có Tứ? Đó là Ý căn tương ứng với tác ý có Tâm-có Tứ. Điều này lại là thế nào? Đó là Ý căn của cõi Dục và Tĩnh lự thứ nhất. Thế nào là không có Tâm-chỉ có Tứ? Đó là Ý căn tương ứng với tác ý không có Tâm-chỉ có Tứ. Điều này lại là thế nào? Đó là Ý căn của tĩnh lự trung gian. Thế nào là không có Tâm-không có Tứ? Đó là Ý căn tương ứng với tác ý không có Tâm-

không có Tứ. Điều này lại là thế nào? Đó là Ý căn từ Tĩnh lực thứ hai cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ. Như Ý căn, Xả căn-năm căn như Tín... và ba căn Vô lậu cũng như vậy.

Lạc căn, hoặc là có Tâm-có Tứ, hoặc là không có Tâm-không có Tứ. Thế nào là có Tâm-có Tứ? Đó là Lạc căn tương ứng với tác ý có Tâm-có Tứ. Điều này lại là thế nào? Đó là Lạc căn của cõi Dục và Tĩnh lực thứ nhất. Thế nào là không có Tâm-không có Tứ? Đó là Lạc căn tương ứng với tác ý không có Tâm-không có Tứ. Điều này lại là thế nào? Đó là Lạc căn của Tĩnh lực thứ ba. Như Lạc căn, Hỷ căn cũng như vậy. Nhưng có sai biệt, đó là Hỷ căn của Tĩnh lực thứ hai gọi là không có Tâm-không có Tứ.

Đã phân biệt về các căn có Tâm-có Tứ..., nay sẽ nói đến nghĩa của các căn có Tâm-có Tứ...

Hỏi: Vì sao gọi là có Tâm-có Tứ, không có Tâm-chỉ có Tứ, không có Tâm-không có Tứ?

Đáp: Nếu pháp đi cùng với Tâm-Tứ, tương ứng với Tâm-Tứ, cùng phát khởi Tâm-Tứ, cùng chuyển với Tâm Tứ, thì gọi là có Tâm-có Tứ. Nếu pháp không đi cùng với Tâm mà chỉ đi cùng với Tứ, không tương ứng với Tâm mà chỉ tương ứng với Tứ, không phải là cùng phát khởi Tâm mà chỉ cùng phát khởi Tứ, Tâm đã ngừng diệt mà chỉ cùng chuyển với Tứ, thì gọi là không có Tâm-chỉ có Tứ. Nếu pháp không đi cùng với Tâm-Tứ, không phải là tương ứng với Tâm-Tứ, không phải là cùng phát khởi Tâm-Tứ, Tâm-Tứ đã ngừng, thì gọi là không có Tâm-không có Tứ.

Có người nói: Nếu pháp có tìm kiếm-có quán sát, thì gọi là có Tâm-có Tứ. Nếu pháp không có tìm kiếm mà có quán sát, thì gọi là không có Tâm-chỉ có Tứ. Nếu pháp không có tìm kiếm-không có quán sát, thì gọi là không có Tâm-không có Tứ.

Hai mươi hai căn này, mấy loại tương ứng với Lạc căn? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này? Đáp: Bởi vì muốn ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày nghĩa lý của mình. Như pháp Thí Dụ nói: Tâm-tâm sở pháp theo thứ tự mà sinh khởi. Đại đức ấy nói: Tâm-tâm sở pháp theo từng loại một mà sinh khởi, như đi qua con đường hẹp, hãy còn không có hai người cùng đi, huống gì có nhiều người cùng đi?

Hoặc lại có người nói: Nếu pháp do lực của nó khởi lên thì nói là tương ứng với nó chứ không phải là gì khác, nghĩa là tâm có thể sinh ra tâm và tâm sở, cho nên tâm-tâm sở tương ứng với tâm. Tâm sở chỉ có

thể sinh ra tâm sở, cho nên các tâm sở cũng tương ứng với nhau. Tâm sở không có thể sinh ra tâm, cho nên không nói đến tâm tương ứng với tâm sở.

Hoặc lại có người chấp: Các pháp chỉ tương ứng với tự Thể. Người ấy đưa ra cách nói này: Nghĩa về hòa hợp khắp nơi là nghĩa của tương ứng, lại không có hòa hợp khắp nơi nào khác, như tự Thể đối với tự Thể, cho nên nói tương ứng với tự Thể chứ không phải là Thể khác.

Có người chấp: Tự Thể của các pháp đối với tự Thể, không phải là tương ứng, không phải là không tương ứng. Không phải là tương ứng bởi vì không tự mình quán xét, không phải là không tương ứng bởi vì hòa hợp khắp nơi.

Bởi vì ngăn chặn các loại kiến chấp như vậy, hiển bày tâm-tâm sở cùng lúc mà sinh khởi, lần lượt chuyển đổi tương ứng với nhau, không phải là đối với tự Thể chỉ hướng về nơi khác mà nói, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Hai mươi hai căn này, mấy loại tương ứng với Lạc căn, mấy loại tương ứng với Khổ căn, mấy loại tương ứng với Hỷ căn, mấy loại tương ứng với Ưu căn, mấy loại tương ứng với Xả căn? Đáp: Lạc căn-Hỷ căn-Xả căn tương ứng với phần ít của chín căn, Khổ căn-Uưu căn tương ứng với phần ít của sáu căn.

Lạc-Hỷ-Xả căn tương ứng với phần ít của chín căn, đó là Ý căn-năm căn như Tín... và ba căn Vô lậu.

Hỏi: Vì sao Lạc-Hỷ-Xả tương ứng với phần ít của chín căn này?

Đáp: Ý căn-năm căn như Tín...cùng tương ứng với năm Thọ. Trong này chỉ chọn lấy tương ứng với ba Thọ, cho nên nói là phần ít. Ba căn Vô lậu lấy nhiều pháp làm tánh, nay trừ ra Thể của Thọ tương ứng với loại khác, cho nên nói là phần ít.

Khổ căn-Uưu căn tương ứng với phần ít của sáu căn, đó là Ý căn và năm căn như Tín...

Hỏi: Vì sao Khổ-Uưu tương ứng với phần ít của sáu căn này? Đáp: Sáu căn này tương ứng với năm Thọ. Trong này chỉ chọn lấy tương ứng với Khổ-Uưu, cho nên nói là phần ít.

Hỏi: Vì sao chỉ hỏi về tương ứng với Thọ, chứ không hỏi về tâm-tâm sở khác?

Đáp: Là ý của người soạn luận muốn như vậy, tùy theo ý muốn ấy mà soạn luận, nhưng không trái với pháp tướng, thì không cần phải vặn hỏi.

Có người nói: Tất cả các pháp đều quay về với Thọ, vì vậy chỉ

hỏi đến Thọ.

Có người nói: Một Thọ có tướng của nhiều căn, nghĩa là đối với một Thọ phân ra làm năm căn, pháp khác thì không như vậy, cho nên chỉ hỏi đến Thọ.

Có người nói: Các Thọ thành tựu không trái ngược nhau, mà hiện hành trái ngược nhau, vì vậy chỉ nói đến Thọ. Thành tựu không trái ngược nhau, đó là một hữu tình thành tựu năm Thọ. Hiện hành trái ngược nhau, đó là một hữu tình trong một sát-na, không có thể khởi lên hai loại, huống gì khởi lên nhiều loại hay sao?

Có người nói: Bởi vì Thọ là trục bánh xe duyên khởi, vì vậy chỉ hỏi đến Thọ.

Có người nói: Trừ ra Thọ lại muốn hỏi điều gì? Nếu hỏi về năm căn như Tín... và ba căn Vô lậu, thì những căn ấy chỉ là thiện, không phải là có nghĩa tương ứng với tất cả. Nếu hỏi về tám căn như Mạng..., thì những căn ấy chỉ là vô ký, lại không tương ứng.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao không hỏi đến Ý căn?

Đáp: Ban đầu dựa vào Ý căn mà thiết lập pháp tương ứng, không có thể quay lại hỏi về tương ứng với ý, cho nên trong này chỉ hỏi về nghĩa tương ứng với Thọ. Tự tánh của năm Thọ không phải là tự tương ứng, cho nên chỉ dùng pháp khác để hỏi về Thọ.

Đã phân biệt về các căn tương ứng với Thọ, nay sẽ nói đến nghĩa tương ứng của các căn.

Hỏi: Vì sao gọi là tương ứng, tương ứng là nghĩa gì? Đáp: Nghĩa về bằng nhau là nghĩa của tương ứng.

Hỏi: Trong các phẩm tâm, tâm sở pháp có nhiều-có ít, làm sao gọi là bằng nhau? Nghĩa là cõi Dục nhiều-cõi Sắc ít, cõi Sắc nhiều-cõi Vô sắc ít, thiện nhiều- bất thiện ít, bất thiện nhiều-vô ký ít, hữu phú vô ký nhiều-vô phú vô ký ít, tại sao nghĩa về bằng nhau là nghĩa của tương ứng?

Đáp: Bởi vì sự bằng nhau cho nên nói là bằng nhau, nghĩa là trong một phẩm tâm, nếu có hai Thọ-một Tướng... thì có thể nói là không phải bằng nhau. Nhưng trong một phẩm tâm, như Thọ có một, Tướng...cũng như vậy, cho nên gọi là bằng nhau.

Có người nói: Nghĩa về năm loại bằng nhau là nghĩa của tương ứng, đó là sở y bằng nhau, sở duyên bằng nhau, hành tướng bằng nhau, thời gian bằng nhau, sự việc bằng nhau. Phần còn lại nói rộng ra như phẩm thứ nhất trong chương Kiết Uẩn.

Hai mươi hai căn này, mấy loại hệ thuộc cõi Dục? Cho đến nói

rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày nghĩa lý của mình. Nghĩa là hoặc có người chấp: Cõi Sắc có Nam căn-Nữ căn. Người ấy đưa ra cách nói này: Nơi nào có sắc thân thì đều có Nam căn-Nữ căn có thể đạt được. Vì ngăn chặn ý ấy để hiển bày về Nam căn-Nữ căn chỉ có ở cõi Dục, cho nên soạn ra phần luận này.

Lại có người nói: Lạc căn-Khổ căn ở năm địa có thể đạt được, đó là cõi Dục và bốn Tịnh lự. Người ấy nói có thân đều có Khổ-Lạc. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày Khổ căn chỉ có ở cõi Dục, Lạc căn chỉ có ở ba địa, cho nên soạn ra phần luận này.

Hoặc lại có người nói: Hỷ căn-Uỷ căn ở chín địa có thể đạt được, đó là từ cõi Dục cho đến Hữu Đảnh. Người ấy nói bởi vì có tâm thì đều có Uỷ-Hỷ, ba cõi- chín địa đều có tâm. Vả lại, thân của cõi Dục bất tịnh đáng chán ngán, mà hỷ còn sinh ra vui thích vào lúc hòa hợp, sinh ra buồn rầu vào lúc chia lìa, huống là thân trong cõi trên rất thanh tịnh tuyệt vời giống như ngọn đèn sáng tỏ, tâm vắng lặng thong dong như hồ nước trong mát, mà đối với sự hòa hợp-chia ly có thể không có buồn lo-vui thích hay sao? Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày về Uỷ chỉ có ở cõi Dục, Hỷ thì đến Tịnh lự thứ hai, địa trên thì cả hai loại đều không có, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Hai mươi hai căn này, mấy loại hệ thuộc cõi Dục, mấy loại hệ thuộc cõi Sắc, mấy loại hệ thuộc cõi Vô sắc, mấy loại không hệ thuộc?

Đáp: Bốn loại hệ thuộc cõi Dục, ba loại không hệ thuộc, mười lăm loại cần phải phân biệt.

Bốn loại hệ thuộc cõi Dục, đó là Nam-Nữ-Khổ-Uỷ căn. Ba loại không hệ thuộc, đó là ba căn Vô lậu. Mười lăm loại cần phải phân biệt, đó là năm Sắc căn- Mạng căn- Ý căn- ba Thọ và năm căn như Tín...

Nhãn căn, hoặc là hệ thuộc cõi Dục, hoặc là hệ thuộc cõi Sắc. Thế nào là hệ thuộc cõi Dục? Đó là Nhãn căn hệ thuộc cõi Dục do Đại chủng đã tạo ra. Thế nào là hệ thuộc cõi Sắc? Đó là Nhãn căn hệ thuộc cõi Sắc do Đại chủng đã tạo ra. Như Nhãn căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt-thân căn cũng như vậy.

Mạng căn, hoặc là hệ thuộc cõi Dục, hoặc là hệ thuộc cõi Sắc, hoặc là hệ thuộc cõi Vô sắc. Thế nào là hệ thuộc cõi Dục? Đó là tuổi thọ hệ thuộc cõi Dục. Thế nào là hệ thuộc cõi Sắc? Đó là tuổi thọ hệ thuộc cõi Sắc. Thế nào là hệ thuộc cõi Vô sắc? Đó là tuổi thọ hệ thuộc

cõi Vô sắc.

Ý căn, hoặc là hệ thuộc cõi Dục, hoặc là hệ thuộc cõi Sắc, hoặc là hệ thuộc cõi Vô sắc, hoặc là không hệ thuộc. Thế nào là hệ thuộc cõi Dục? Đó là Ý căn tương ứng với tác ý hệ thuộc cõi Dục. Thế nào là hệ thuộc cõi Sắc? Đó là Ý căn tương ứng với tác ý hệ thuộc cõi Sắc. Thế nào là hệ thuộc cõi Vô sắc? Đó là Ý căn tương ứng với tác ý hệ thuộc cõi Vô sắc. Thế nào là không hệ thuộc? Đó là Ý căn tương ứng với tác ý vô lậu. Như Ý căn, Xả căn và năm căn như Tín... cũng như vậy.

Lạc căn, hoặc là hệ thuộc cõi Dục, hoặc là hệ thuộc cõi Sắc, hoặc là không hệ thuộc. Thế nào là hệ thuộc cõi Dục? Đó là Lạc căn tương ứng với tác ý hệ thuộc cõi Dục. Thế nào là hệ thuộc cõi Sắc? Đó là Lạc căn tương ứng với tác ý hệ thuộc cõi Sắc. Thế nào là không hệ thuộc? Đó là Lạc căn tương ứng với tác ý vô lậu. Như Lạc căn, Hỷ căn cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao cõi Sắc không có Nam căn-Nữ căn?

Đáp: Bởi vì cõi ấy không phải là ruộng đất, không phải là đồ đựng, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Bởi vì muốn từ bỏ Nam căn-Nữ căn, cho nên tu các Tĩnh lự sinh đến cõi Sắc. Nếu ở cõi ấy cũng có Nam căn-Nữ căn, thì không có ai cần phải cầu sinh đến cõi ấy. Nếu pháp vốn có ở địa dưới mà địa trên cũng có, thì không cần phải thi thiết có pháp diệt từ từ. Nếu không có pháp diệt từ từ, thì cũng sẽ không có pháp diệt hoàn toàn, bởi vì pháp diệt từ từ có thể dẫn đến pháp diệt hoàn toàn. Nếu không có pháp diệt hoàn toàn, thì sẽ không có giải thoát. Nếu không có giải thoát, thì sẽ không có rời ra. Đừng có quá nhiều sai lầm như vậy, cho nên ở cõi Sắc không có Nam căn-Nữ căn.

Có người nói: Nam căn- Nữ căn do đoàn thực mà sinh ra. Như trong kinh nói: “Lúc kiếp bắt đầu, con người không có Nam căn-Nữ căn, hình tướng không khác nhau, về sau ăn vị của đất mà sinh ra Nam căn-Nữ căn, vì vậy đã có tướng của Nam- Nữ khác nhau.” Cõi Sắc là bỏ đoàn thực cho nên không có hai căn này.

Có người nói: Nam căn-Nữ căn có tác dụng ở cõi Dục, chứ không phải là ở cõi Sắc, vì vậy ở cõi ấy không có.

Hỏi: Tỷ căn-Thiệt căn không có tác dụng ở cõi ấy, tại sao cần phải có?

Đáp: Tỷ căn- Thiệt căn có tác dụng ở cõi ấy, bởi vì làm cho đoạn nghiêm, không phải là Nam căn- Nữ căn có nghĩa của đoạn nghiêm, bởi vì thô tục đáng xấu hổ.

Hỏi: Thiên côi Sắc là nữ hay là nam? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu là nữ thì phải có Nữ căn, nếu là nam thì phải có Nam căn, nếu không phải là hai loại thì trái với kinh nói. Như nói: “Thân nữ không được làm Phạm Vương..., mà không ngăn chặn thân nam.”

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Ở côi ấy đều là nam.

Hỏi: Lẽ nào không phải loại ấy không thành tựu Nam căn hay sao?

Đáp: Tuy không có Nam căn mà có tướng trượng phu khác, lại có thể lìa nhiễm cho nên nói là nam. Như trong kinh nói: “Các Quả-Hương đều là trượng phu, không phải là không có người nữ thực hành theo Hương-trú vào Quả.” Nên biết cũng bởi vì có thể lìa nhiễm cho nên nói là trượng phu.

Trong Tỳ-nại-da cũng đưa ra cách nói này: “Đức Phật dùng hai tay nâng xương của Đại Sinh Chủ lên, nói với chúng Tỳ kheo: Các ông lắng nghe kỹ càng! Tất cả người nữ đều là tánh tùy tiện chuyển đổi, phần nhiều là ganh ghét-nịnh hót-tham lam-ích kỷ, chỉ có Đại Sinh Chủ tuy là người nữ, mà lìa bỏ tất cả sai lầm của người nữ, làm những việc mà trượng phu đã làm, đạt được điều mà trượng phu đã đạt được, Ta nói hạng này gọi là trượng phu.”

Chư Thiên côi Sắc, lý cũng thuận theo như vậy, bởi vì có thể lìa nhiễm cho nên nói là trượng phu. Vì vậy nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có lúc là người nam mà không thành tựu Nam căn, đó là chư Thiên côi Sắc-Vô sắc.
2. Có lúc thành tựu Nam căn mà không phải là người nam, đó là người hai hình thể.
3. Có lúc là người nam cũng thành tựu Nam căn, đó là tất cả trượng phu thành tựu Nam căn.
4. Có lúc không phải là người nam cũng không thành tựu Nam căn, đó là trừ ra những tướng trước.

Những người là nữ thì nhất định thành tựu Nữ căn. Có lúc thành tựu Nữ căn mà không phải là người nữ, đó là người hai hình thể. Nếu dựa vào nghĩa trong Tỳ-nại-da đã dẫn chứng, thì người nữ cũng có bốn câu cần phải nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao côi trên không có Ưu căn-Khổ căn?

Đáp: Bởi vì côi ấy không phải là ruộng đất, không phải là đồ đựng, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Bởi vì muốn lìa bỏ Ưu căn-Khổ căn, cho nên tu các

Tính lự sinh đến cõi Sắc. Nếu cõi ấy cũng có Ưu căn-Khổ căn, thì không có ai cần phải cầu sinh đến cõi ấy. Nếu pháp vốn có ở địa dưới mà địa trên cũng có, thì không cần phải thi thiết có pháp diệt từ từ, nói rộng ra như trước. Đừng có sai lầm ấy, cho nên cõi trên không có Ưu căn-Khổ căn.

Có người nói: Vì sao Ưu căn-Khổ căn không có ở cõi Sắc? Bởi vì không cùng chung sai lầm của cõi Dục này. Trong các cõi-địa đều có sai lầm- công đức không như nhau. Ở cõi Dục, sai lầm thì đó là Khổ căn..., công đức thì đó là có thể tiến vào Kiến đạo... Sai lầm-công đức ở cõi trên, tùy theo địa cần phải nói rộng ra.

Có người nói: Cõi Dục là cõi của sai lầm, bởi vì là cõi của sai lầm cho nên tuy thân thù thắng mà cũng còn có Khổ, như Phật-Độc giác-Thanh văn-Luân vương; cõi trên là cõi của công đức, bởi vì là cõi của công đức cho nên tuy thân thấp kém mà cũng không có Khổ. Như gặp năm xấu thì tuy có lúa mạ tốt đẹp mà không thể nào không có tai họa, nếu gặp năm tốt thì tuy các loại cỏ dại mà cũng không có tai họa xảy đến. Cõi Dục và cõi trên, nên biết cũng như vậy, cho nên ở cõi trên cũng không có buồn lo, bởi vì các Ưu căn lia dục thì rời bỏ. Lại là quả Đẳng lưu của sự không hiểu biết chồng chất, sinh ở cõi trên thì rời bỏ sự không hiểu biết chồng chất, vì vậy Ưu căn ở cõi ấy không có.

Đã phân biệt về các căn hệ thuộc cõi Dục..., nay sẽ nói đến nghĩa của các căn hệ thuộc cõi Dục...

Hỏi: Vì sao gọi là hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc?

Đáp: Nếu pháp ràng buộc ở cõi Dục thì gọi là hệ thuộc cõi Dục, ràng buộc ở cõi Sắc thì gọi là hệ thuộc cõi Sắc, ràng buộc ở cõi Vô sắc thì gọi là hệ thuộc cõi Vô sắc. Như trâu buộc vào cây cột...thì gọi là hệ thuộc vào cây cột..

Hoặc có người nói: Nếu pháp ràng buộc vào chân của cõi Dục thì gọi là hệ thuộc cõi Dục, ràng buộc vào chân của cõi Sắc - Vô sắc thì gọi là hệ thuộc cõi Sắc - Vô sắc. Chân là nói đến phiền não, như nói: Công hạnh của Phật không giới hạn, không có chân thì ai mang đi? Như người có chân thì có thể đi khắp bốn phương, nếu không có chân thì không có thể đi được. Như vậy, nếu có chân của phiền não, thì sinh tử lưu chuyển có thể đi đến các cõi-các nẻo-các loại chúng sinh; không có chân của phiền não thì không có thể đi đến được.

Hoặc có người nói: Nếu pháp bị phiền não sinh tử của cõi Dục làm cho ràng buộc, thì gọi là hệ thuộc cõi Dục; bị phiền não sinh tử của

cõi Sắc-Vô sắc làm cho ràng buộc, thì gọi là hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc.

Hoặc có người nói: Nếu pháp bị cất giấu vì A-lại-da, bị nắm giữ vì Ma-ma-di-đa của cõi Dục, thì gọi là hệ thuộc cõi Dục; bị cất giấu vì A-lại-da, bị nắm giữ vì Ma-ma-di-đa của cõi Sắc-Vô sắc, thì gọi là hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc. A-lại-da thì đó là Ái, Ma-ma-di-đa thì đó là Kiến.

Hoặc có người nói: Nếu pháp vì Ái của cõi Dục làm cho thấm ướt, Kiến nắm giữ làm ngã-ngã sở, thì gọi là hệ thuộc cõi Dục; vì Ái của cõi Sắc-Vô sắc làm cho thấm ướt, Kiến nắm giữ làm ngã-ngã sở, thì gọi là hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc.

Hoặc có người nói: Nếu pháp hòa hợp do lạc dục của cõi Dục, thì gọi là hệ thuộc cõi Dục; hòa hợp do lạc dục của cõi Sắc-Vô sắc, thì gọi là hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc. Lạc gọi là Ái, Dục gọi là Kiến.

Hoặc có người nói: Nếu pháp vì cấu bẩn của cõi Dục làm cho cấu bẩn, hiểm độc làm cho hiểm độc, xấu xa làm cho xấu xa, thì gọi là hệ thuộc cõi Dục; vì cấu bẩn của cõi Sắc-Vô sắc làm cho cấu bẩn, hiểm độc làm cho hiểm độc, xấu xa làm cho xấu xa, thì gọi là hệ thuộc cõi Sắc-Vô sắc. Trong này, tất cả phiền não đều gọi là xấu xa, không phải là chỉ nói đến Sân.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 146

LUẬN VỀ CĂN (Phần 5)

Hai mươi hai căn này, mấy loại tương ứng với nhân? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Muốn ngăn chặn ý nói về pháp nhân duyên không phải là có thật, hiển bày về pháp nhân duyên quyết định là có thật; cũng vì ngăn chặn ý ngu muội đối với tương ứng, chấp rằng pháp tương ứng không phải là thật, khiến cho biết rõ tương ứng là có thật, mà soạn ra phần luận này.

Ở trong nghĩa này, có người nói: Dựa vào một nhân mà soạn luận, đó là nhân Tương ứng, bởi vì trong này nói đến tương ứng, cho nên dựa vào ý nghĩa ấy để giải thích về văn này.

Hỏi: Hai mươi hai căn này, mấy loại tương ứng với nhân?

Đáp: Mười bốn loại, đó là Ý căn- năm Thọ-năm căn như Tín...và ba căn Vô lậu. Đây là tự Thể của nhân Tương ứng, bởi vì căn tương ứng với pháp tự Thể của nhân Tương ứng, cho nên gọi là tương ứng với nhân.

Hỏi: Mấy loại không tương ứng với nhân?

Đáp: Tám loại, đó là bảy Sắc căn và Mạng căn.

Hỏi: Tám loại này đã không phải là Thể của nhân Tương ứng, vì sao lại nói là không tương ứng với nhân? Đáp: Tám loại này tuy không phải là Thể của nhân Tương ứng, mà không tương ứng với Thể của nhân Tương ứng, cho nên nói là không tương ứng với nhân, điều này có gì sai?

Hỏi: Mấy loại tương ứng với nhân, không tương ứng với nhân?

Đáp: Ngay mười bốn loại trước, phần ít tương ứng với nhân, phần ít không tương ứng với nhân. Phần ít tương ứng với nhân, đó là tự tánh

đối với tánh khác. Phần ít không tương ứng với nhân, đó là tự tánh đối với tự tánh.

Hỏi: Mấy loại không phải là tương ứng với nhân, không phải là không tương ứng với nhân?

Đáp: ngay mười bốn loại trước, phần ít không phải là tương ứng với nhân, phần ít không phải là không tương ứng với nhân. Phần ít không phải là tương ứng với nhân, đó là tự tánh đối với tự tánh. Phần ít không phải là không tương ứng với nhân, đó là tự tánh đối với tánh khác.

Có người nói: Trong này dựa vào hai nhân mà soạn luận, đó là nhân Tương ứng và nhân Câu hữu, bởi vì hai nhân này luôn luôn cùng với pháp ấy không tách rời nhau, cho nên dựa vào ý nghĩa ấy để giải thích về văn này.

Hỏi: Hai mươi hai căn này, mấy loại tương ứng với nhân?

Đáp: Mười bốn loại, đây là tự Thể của hai nhân, bởi vì căn tương ứng với pháp tự Thể của hai nhân, cho nên gọi là tương ứng với nhân. Ba loại sau hỏi-đáp như trước nên biết.

Có người nói: Trong này dựa vào ba nhân mà soạn luận, đó là nhân Tương ứng-nhân Câu hữu và nhân Đồng loại, bởi vì ba nhân này bao gồm ba tánh.

Có người nói: Trong này dựa vào bốn nhân mà soạn luận, đó là trừ ra nhân Đồng loại và nhân Biến hành, bởi vì bốn nhân này bao gồm ba đời.

Có người nói: Trong này dựa vào năm nhân mà soạn luận, đó là trừ ra nhân Năng tác, bởi vì bao gồm vô vi chứ không phải là tự mình hơn hẳn.

Có người nói: Trong này dựa vào sáu nhân mà soạn luận, bởi vì ở đây đã nói về nhân là nói tổng quát. Nhưng pháp tương ứng hoặc là làm tự Thể của sáu nhân, hoặc là làm tự Thể của năm nhân, hoặc là làm tự Thể của bốn nhân, như chương Đại Chung Uẩn nói rộng ra, dựa vào ý nghĩa ấy để giải thích về văn này.

Hỏi: Hai mươi hai căn này, mấy loại tương ứng với nhân?

Đáp: Mười bốn loại, đó là tự Thể của sáu nhân, căn tương ứng với pháp tự Thể của sáu nhân; tự Thể của năm nhân, căn tương ứng với pháp tự Thể của năm nhân; tự Thể của bốn nhân, căn tương ứng với pháp tự Thể của bốn nhân, cho nên gọi là tương ứng với nhân. Ba loại sau hỏi-đáp như trước nên biết.

Hai mươi hai căn này, mấy loại duyên với có duyên? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn ngăn chặn ý nói về sở duyên duyên không phải là thật, hiển bày về sở duyên duyên là có thật, mà soạn ra phần luận này.

Hỏi: Hai mươi hai căn này, mấy loại duyên với có duyên?

Đáp: Phần ít của mười ba loại, đó là phần ít của Ý-Lạc-Hỷ-Uu-Xả căn, năm căn như Tín...và ba căn Vô lậu. Bởi vì có pháp sở duyên làm sở duyên cho những loại này, cho nên nói những loại này làm thành câu duyên với có duyên. Như người mắt sáng nhìn thấy người mắt sáng, người mắt sáng kia lại có những điều nhìn thấy; câu duyên với có duyên nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Mấy loại duyên với không có duyên?

Đáp: Một loại và phần ít của mười ba loại. Một loại, đó là Khổ căn. Phần ít của mười ba loại, như trước đã nói. Bởi vì pháp không có sở duyên làm sở duyên cho những loại này, cho nên nói những loại này làm thành câu duyên với không có duyên. Như người mù mắt, người mù mắt kia lại không nhìn thấy gì; câu duyên với không có duyên nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Mấy loại duyên với có duyên, duyên với không có duyên?

Đáp: Ngay phần ít của mười ba loại trước, bởi vì pháp có sở duyên và không có sở duyên, làm sở duyên cho những loại này, cho nên nói những loại này làm thành câu duyên với có duyên, duyên với không có duyên. Như người mắt sáng nhìn thấy người mắt sáng và người mù mắt, người mắt sáng kia lại có những điều nhìn thấy, người mù mắt kia lại không nhìn thấy gì; câu duyên với có duyên, duyên với không có duyên, nên biết cũng như vậy.

Có người khác nói rằng: Nghĩa của câu thứ ba này, tức là kết hợp câu thứ nhất và câu thứ hai, lại không có Thể khác nhau.

Cách nói này không đúng, bởi vì cùng với bản luận trái ngược nhau. Như phẩm luận về Thập Môn nói: “Duyên với pháp có duyên, là tùy miên tùy tăng duyên với hữu vi; duyên với pháp không có duyên, là tất cả tùy miên tùy tăng; duyên với pháp có duyên, duyên với pháp không có duyên, là tùy miên tùy tăng duyên với hữu vi; không phải là duyên với pháp có duyên, không phải là duyên với pháp không có duyên, là tùy miên tùy tăng duyên với hữu lậu, nhưng có ý thức và pháp tương ứng, trong một sát-na duyên chung với pháp có duyên và pháp không có duyên.” Vì vậy như trước đã nói là hợp lý.

Hỏi: Mấy loại không phải là duyên với có duyên, không phải là

duyên với không có duyên? Đáp: Tám loại, đó là bảy Sắc căn và Mạng căn, bởi vì những loại này không duyên với pháp có sở duyên-pháp không có sở duyên, cho nên nói những loại này làm thành câu không phải là duyên với có duyên-không phải là duyên với không có duyên. Như người mù mắt hoàn toàn không nhìn thấy gì, câu này cũng như vậy.

Trong này sơ lược nêu ra hai mươi hai căn, bốn câu sai biệt như duyên với có duyên... đã nói trong phẩm luận về Thập Môn.

Mười tám Giới... cũng thuận theo dùng bốn câu này để phân biệt, đó là trong mười tám Giới thì mười Sắc giới làm câu thứ tư, năm Thức giới làm câu thứ hai, Ý giới-Ý thức giới làm ba câu trước, Pháp giới đầy đủ làm bốn câu.

Trong mười hai Xứ thì mười Sắc xứ làm câu thứ tư, Ý xứ làm ba câu trước, Pháp xứ đầy đủ làm bốn câu.

Trong năm Uẩn thì Sắc uẩn làm câu thứ tư, Thọ-Tưởng-Thức uẩn làm ba câu trước, Hành uẩn đầy đủ làm bốn câu. Như Uẩn, Thủ uẩn cũng như vậy.

Trong sáu Giới thì năm Sắc giới làm câu thứ tư, Thức giới làm ba câu trước.

Pháp có sắc, pháp có thể thấy, pháp có đối, pháp vô vi, Diệt đế, làm câu thứ tư. Pháp không có sắc, pháp không có thấy, pháp không có đối, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp quá khứ-vị lai-hiện tại, pháp thiện-bất thiện-vô ký, pháp hệ thuộc cõi Dục-Sắc-Vô sắc, pháp Học-Vô học-Phi học phi vô học, pháp do kiến-tu mà đoạn và không đoạn, Khổ-Tập-Đạo đế, Tĩnh lự-Vô sắc, đều đầy đủ làm bốn câu.

Trong bốn Vô lượng, nếu chọn lấy tự tánh, duyên với tâm hữu tình trú vào Đồng phần, thì làm câu thứ ba; nếu duyên với tâm hữu tình không trú vào Đồng phần, thì làm câu thứ hai; nếu cùng chọn lấy tương ứng-tùy chuyển, duyên với tâm hữu tình trú vào Đồng phần, thì làm câu thứ ba-thứ tư; nếu duyên với tâm hữu tình không trú vào Đồng phần, thì làm câu thứ hai-thứ tư.

Ba Giải thoát đầu-Thắng xứ và tám Biến xứ trước, nếu chọn lấy tự tánh thì làm câu thứ hai; nếu cùng chọn lấy tương ứng-tùy chuyển, thì làm câu thứ hai-thứ tư. Diệt thọ tưởng giải thoát làm câu thứ tư, bốn Giải thoát còn lại đầy đủ làm bốn câu.

Hai Biến xứ sau làm câu thứ ba-thứ tư, Diệt trí- Đẳng trì Vô tướng làm câu thứ hai, Tha tâm trí làm câu thứ nhất, sáu Trí và hai Đẳng trì

còn lại, làm ba câu trước.

Trong các môn phiền não, năm Thức tương ứng thì làm câu thứ hai, Ý thức tương ứng thì làm ba câu trước. Trong này nói rộng, sai biệt nên suy nghĩ.

Hỏi: Các căn thuộc pháp này thì căn ấy là dị sinh chăng? Giả sử căn thuộc dị sinh thì căn ấy là pháp này chăng?

Đáp: Các căn thuộc pháp này thì căn ấy không phải là dị sinh, các căn thuộc dị sinh thì căn ấy không phải là pháp này.

Hỏi: Pháp này là gì, dị sinh là gì?

Đáp: Pháp này gọi là Thánh giả, dị sinh tức là dị sinh. Các căn thuộc pháp này thì căn ấy không phải là dị sinh, đó là các căn Vô lậu, chỉ có Thánh giả thành tựu chứ không phải là các dị sinh. Các căn thuộc dị sinh thì căn ấy không phải là pháp này, đó là căn do kiến mà đoạn, chỉ có dị sinh thành tựu chứ không phải là các Thánh giả.

Có người nói: Pháp này, nghĩa là trú trong Khổ pháp trí nhãn; dị sinh, nghĩa là trú trong Thế đệ nhất pháp. Các căn thuộc pháp này thì căn ấy không phải là dị sinh, đó là các căn câu sinh thuộc Khổ pháp trí nhãn, chỉ có người trú trong Khổ pháp trí nhãn mới hiện khởi, chứ không phải là người trú trong Thế đệ nhất pháp. Các căn thuộc dị sinh thì căn ấy không phải là pháp này, đó là các căn câu sinh thuộc Thế đệ nhất pháp, chỉ có người trú trong Thế đệ nhất pháp mới hiện khởi, chứ không phải là người trú trong Khổ pháp trí nhãn.

Có người nói: Pháp này, nghĩa là trú trong luật nghi; dị sinh, nghĩa là trú vào không luật nghi. Các căn của người trú trong luật nghi mà hiện khởi, thì căn ấy không phải là người trú vào không luật nghi mà hiện khởi. Các căn của người trú vào không luật nghi mà hiện khởi, thì căn ấy không phải là người trú trong luật nghi mà hiện khởi.

Có người nói: Pháp này, nghĩa là căn không thiếu sót; dị sinh, nghĩa là căn thiếu sót, như Phiến-trĩ-bán-trạch-ca, không có hình thể, hai hình thể... Các căn của người có căn không thiếu sót mà hiện khởi, thì căn ấy không phải là người có căn thiếu sót mà hiện khởi. Các căn của người có căn thiếu sót mà hiện khởi, thì căn ấy không phải là người có căn không thiếu sót mà hiện khởi.

Có người nói: Pháp này, nghĩa là không đoạn căn thiện; dị sinh, nghĩa là đoạn căn thiện. Các căn như Tín..., do người không đoạn căn thiện mà hiện khởi, thì căn ấy không phải là người đoạn căn thiện mà hiện khởi. Các căn câu sinh thuộc tà kiến, do người đoạn căn thiện mà hiện khởi, thì căn ấy không phải là người không đoạn căn thiện mà hiện

khởi.

Có người nói: Pháp này, nghĩa là trú trong tụ Chánh định; dị sinh, nghĩa là trú trong tụ Tà định. Các căn của người trú trong tụ Chánh định mà hiện khởi, thì căn ấy không phải là người trú trong tụ Tà định mà hiện khởi. Các căn của người trú trong tụ Tà định mà hiện khởi, thì căn ấy không phải là người trú trong tụ Chánh định mà hiện khởi.

Có người nói: Pháp này, nghĩa là trú trong năm cõi trời Tịnh Cư; dị sinh, nghĩa là trú trong năm xứ sở của dị sinh. Các căn của người trú trong năm cõi trời Tịnh Cư mà hiện khởi, thì căn ấy không phải là người trú trong năm xứ sở của dị sinh mà hiện khởi. Các căn của người trú trong năm xứ sở của dị sinh mà hiện khởi, thì căn ấy không phải là người trú trong năm cõi trời Tịnh Cư mà hiện khởi.

Hỏi: Sắc uẩn thâm nhiếp mấy căn?

Đáp: Bảy căn, đó là bảy Sắc căn như Nhãn...

Hỏi: Thọ uẩn thâm nhiếp mấy căn?

Đáp: Năm căn và phần ít của ba căn. Năm căn, đó là năm Thọ căn. Phần ít của ba căn, đó là phần ít của ba căn Vô lậu, bởi vì ba căn Vô lậu lấy chín pháp làm Thể, Thọ uẩn chỉ thâm nhiếp ba loại, cho nên nói là phần ít.

Hỏi: Tưởng uẩn thâm nhiếp mấy căn?

Đáp: Không có, bởi vì Tưởng không phải là căn.

Hỏi: Hành uẩn thâm nhiếp mấy căn?

Đáp: Sáu căn và phần ít của ba căn. Sáu căn, đó là Mạng căn và năm căn như Tín... Phần ít của ba căn, đó là phần ít của ba căn Vô lậu, bởi vì ba căn Vô lậu lấy chín pháp làm Thể, Hành uẩn chỉ thâm nhiếp năm loại, cho nên nói là phần ít.

Hỏi: Thức uẩn thâm nhiếp mấy căn?

Đáp: Một căn và phần ít của ba căn. Một căn, đó là Ý căn. Phần ít của ba căn, đó là phần ít của ba căn Vô lậu, bởi vì ba căn Vô lậu lấy chín pháp làm Thể, Thức uẩn chỉ thâm nhiếp một loại, cho nên nói là phần ít.

Hỏi: Căn thiện thâm nhiếp mấy Giới-mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Tám Giới-hai Xứ-ba Uẩn. Tám Giới, đó là bảy Tâm giới và Pháp giới. Hai Xứ, đó là Ý xứ và Pháp xứ. Ba Uẩn, đó là Thọ uẩn-Hành uẩn và Thức uẩn.

Hỏi: Chỉ thâm nhiếp căn thiện, có mấy Giới-mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Không có.

Hỏi: Căn bất thiện thâm nhiếp mấy Giới-mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Tám Giới-hai Xứ-hai Uẩn. Tám Giới, đó là bảy Tâm giới và Pháp giới. Hai Xứ, đó là Ý xứ và Pháp xứ. Hai Uẩn, đó là Thọ uẩn và Thức uẩn.

Hỏi: Chỉ thân nhiếp căn bất thiện, có mấy Giới-mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Không có.

Hỏi: Căn hữu phú vô ký thân nhiếp mấy Giới-mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Sáu Giới- hai Xứ- hai Uẩn. Sáu Giới, đó là Nhãn thức giới- Nhĩ thức giới-Thân thức giới-Ý giới-Ý thức giới và Pháp giới. Hai Xứ, đó là Ý xứ và Pháp xứ. Hai Uẩn, đó là Thọ uẩn và Thức uẩn.

Hỏi: Chỉ thân nhiếp căn hữu phú vô ký, có mấy Giới-mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Không có.

Hỏi: Căn vô phú vô ký thân nhiếp mấy Giới- mấy Xứ- mấy Uẩn?

Đáp: Mười ba Giới- bảy Xứ- bốn Uẩn. Mười ba Giới, đó là mười hai Giới bên trong và Pháp giới. Bảy Xứ, đó là sáu Xứ bên trong và Pháp xứ. Bốn Uẩn, đó là trừ ra Tưởng uẩn.

Hỏi: Chỉ thân nhiếp căn vô phú vô ký, có mấy Giới-mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Năm Giới- năm Xứ, không phải là Uẩn. Năm Giới, đó là năm Giới thuộc Sắc căn như Nhãn... Năm Xứ, đó là năm Xứ thuộc Sắc căn như Nhãn... Không phải là Uẩn, đó là không có Uẩn, bởi vì chỉ là vô phú vô ký.

Hỏi: Căn pháp thân nhiếp mấy Giới- mấy Xứ- mấy Uẩn?

Đáp: Mười ba Giới-bảy Xứ-bốn Uẩn. Mười ba Giới, đó là mười hai Giới bên trong và Pháp giới. Bảy Xứ, đó là sáu Xứ bên trong và Pháp xứ. Bốn Uẩn, đó là trừ ra Tưởng uẩn.

Hỏi: Chỉ thân nhiếp căn pháp, có mấy Giới- mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Mười hai Giới- sáu Xứ- hai Uẩn. Mười hai Giới, đó là mười hai Giới bên trong. Sáu Xứ, đó là sáu Xứ bên trong. Hai Uẩn, đó là Thọ uẩn và Thức uẩn.

Hỏi: Phi căn pháp thân nhiếp mấy Giới- mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Sáu Giới-sáu Xứ-ba Uẩn. Sáu Giới, đó là sáu Giới bên ngoài. Sáu Xứ, đó là sáu Xứ bên ngoài. Ba Uẩn, đó là Sắc uẩn- Tưởng uẩn và Hành uẩn.

Hỏi: Chỉ thân nhiếp phi căn pháp, có mấy Giới-mấy Xứ-mấy

Uẩn?

Đáp: Năm Giới-năm Xứ-một Uẩn. Năm Giới, đó là năm Sắc giới bên ngoài. Năm Xứ, đó là năm Sắc xứ bên ngoài. Một Uẩn, đó là Tướng uẩn.

Hỏi: Căn-phi căn pháp thâm nhiếp mấy Giới-mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Mười tám Giới-mười hai Xứ-năm Uẩn.

Hỏi: Chỉ thâm nhiếp căn-phi căn pháp, có mấy Giới-mấy Xứ-mấy Uẩn?

Đáp: Một Giới-một Xứ-hai Uẩn. Một Giới, đó là Pháp giới. Một Xứ, đó là Pháp xứ. Hai Uẩn, đó là Sắc uẩn và Hành uẩn.

Có thể căn làm duyên sinh ra căn chướng? Cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Trong này có một lần nêu ra, một lần giải thích, một lần giải thích rộng ra. Như nói: “Có thể căn làm duyên sinh ra căn chướng?... Là nêu ra. Có thể Nhãn căn làm duyên sinh ra Nhãn căn chướng?... Là giải thích. Nhãn căn cùng với Nhãn căn làm mấy duyên?... Là giải thích rộng ra.”

Có người nói: Trong này có ba lần nêu ra, ba lần giải thích, ba lần giải thích rộng ra. Như nói: “Có thể căn làm duyên sinh ra căn chướng? Là nêu ra. Trả lời: Sinh ra. Là giải thích. Sinh ra phi căn chướng? Là giải thích rộng ra. Có thể Nhãn căn làm duyên sinh ra Nhãn căn chướng? Là nêu ra. Trả lời: Sinh ra. Là giải thích. Sinh ra Nhãn căn cho đến sinh ra Cụ tri căn chướng?... Là giải thích rộng ra. Nhãn căn cùng với Nhãn căn làm mấy duyên? Là nêu ra. Trả lời: Nhân và Tăng thượng. Là giải thích. Cho đến cùng với Cụ tri căn làm Sở duyên-Tăng thượng... Là giải thích rộng ra.”

Có người nói: Trong này có ba lần nêu ra, ba lần giải thích. Như nói: “Có thể căn làm duyên sinh ra căn chướng?... Là nêu ra. Trả lời: Sinh ra... Là giải thích. Có thể Nhãn căn làm duyên sinh ra Nhãn căn chướng?... Là nêu ra. Trả lời: Sinh ra... Là giải thích. Nhãn căn cùng với Nhãn căn làm mấy duyên?... Là nêu ra. Trả lời: Nhân và Tăng thượng... Là giải thích.”

Hỏi: Có thể căn làm duyên sinh ra căn chướng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như Nhãn làm sở y, sinh ra Ý căn-ba Thọ và năm căn như Tín...; hoặc là Nhãn làm sở duyên, sinh ra Ý căn-bốn Thọ- năm căn như Tín... và ba căn Vô lậu.

Hỏi: Có thể căn làm duyên sinh ra phi căn chướng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như Nhãn làm sở y, sinh ra Tưởng-Tư-Xúc-Tác ý...; hoặc là Nhãn làm sở duyên, sinh ra Tưởng-Tư-Xúc-Tác ý, và Ác tác-Thụy miên...

Hỏi: Có thể căn làm duyên sinh ra căn-phi căn chăng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như Nhãn làm sở y, sinh ra Ý căn-ba Thọ-năm căn như Tín..., và Tưởng-Tư-Xúc-Tác ý...; hoặc là Nhãn làm sở duyên, sinh ra Ý căn-bốn Thọ-năm căn như Tín..., ba căn Vô lậu, Tưởng-Tư-Xúc-Tác ý..., và Ác tác-Thụy miên...

Hỏi: Có thể phi căn làm duyên sinh ra phi căn chăng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như sắc làm sở duyên, sinh ra Tưởng-Tư-Xúc-Tác ý..., và Ác tác-Thụy miên...

Hỏi: Có thể phi căn làm duyên sinh ra căn chăng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như sắc làm sở duyên, sinh ra Ý căn-năm Thọ-năm căn như Tín..., và ba căn Vô lậu.

Hỏi: Có thể phi căn làm duyên sinh ra căn-phi căn chăng? Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như sắc làm sở duyên, sinh ra Ý căn-năm Thọ-năm căn như Tín..., ba căn Vô lậu, Tưởng-Tư-Xúc-Tác ý..., và Ác tác-Thụy miên...

Hỏi: Có thể căn-phi căn làm duyên sinh ra căn-phi căn chăng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như Nhãn làm sở y, sắc làm sở duyên, sinh ra Ý căn-ba Thọ-năm căn như Tín..., Tưởng-Tư-Xúc-Tác ý...

Hỏi: Có thể căn-phi căn làm duyên sinh ra căn chăng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như Nhãn làm sở y, sắc làm sở duyên, sinh ra Ý căn-ba Thọ và năm căn như Tín...

Hỏi: Có thể căn-phi căn làm duyên sinh ra phi căn chăng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như Nhãn làm sở y, sắc làm sở duyên, sinh ra Tưởng-Tư-Xúc-Tác ý...

Có người khác đối với phần này đưa ra văn thứ hai.

Hỏi: Có thể căn làm duyên chỉ sinh ra căn chăng?

Đáp: Không sinh ra, bởi vì căn này cũng sinh ra phi căn.

Hỏi: Có thể căn làm duyên chỉ sinh ra phi căn chăng?

Đáp: Không sinh ra, bởi vì căn này cũng sinh ra căn.

Hỏi: Có thể căn làm duyên chỉ sinh ra căn-phi căn chăng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như Nhãn làm sở y, sinh ra Ý căn-ba Thọ-năm căn như Tín..., Tưởng-Tư-Xúc-Tác ý...

Hỏi: Có thể phi căn làm duyên chỉ sinh ra phi căn chăng?

Đáp: Không sinh ra, bởi vì phi căn này cũng sinh ra căn.

Hỏi: Có thể phi căn làm duyên chỉ sinh ra căn chăng?

Đáp: Không sinh ra, bởi vì phi căn này cũng sinh ra phi căn.

Hỏi: Có thể phi căn làm duyên chỉ sinh ra căn-phi căn chăng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như sắc làm sở duyên, sinh ra Ý căn- năm Thọ-năm căn như Tín..., ba căn Vô lậu, Tưởng-Tư-Xúc-Tác ý..., và Ác tác-Thụy miên...

Hỏi: Có thể căn-phi căn làm duyên chỉ sinh ra căn-phi căn chăng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra? Đáp: Như Nhãn làm sở y, sắc làm sở duyên, sinh ra Ý căn-ba Thọ-năm căn như Tín..., Tưởng-Tư-Xúc-Tác ý...

Hỏi: Có thể căn-phi căn làm duyên chỉ sinh ra căn chăng?

Đáp: Không sinh ra, bởi vì căn-phi căn này cũng sinh ra phi căn.

Hỏi: Có thể căn-phi căn làm duyên chỉ sinh ra phi căn chăng?

Đáp: Không sinh ra, bởi vì căn-phi căn này cũng sinh ra căn.

Có người khác đối với phần này đưa ra văn thứ ba.

Hỏi: Có thể chỉ có căn làm duyên sinh ra căn chăng?

Đáp: Không sinh ra, bởi vì căn này cũng duyên với phi căn mà sinh ra.

Hỏi: Có thể chỉ có căn làm duyên sinh ra phi căn chăng?

Đáp: Không sinh ra, bởi vì phi căn này cũng duyên với phi căn mà sinh ra.

Hỏi: Có thể chỉ có căn làm duyên sinh ra căn-phi căn chăng?

Đáp: Không sinh ra, bởi vì căn-phi căn này cũng duyên với phi căn mà sinh ra.

Hỏi: Có thể chỉ có phi căn làm duyên sinh ra phi căn chăng?

Đáp: Không sinh ra, bởi vì phi căn này cũng duyên với căn mà sinh ra.

Hỏi: Có thể chỉ có phi căn làm duyên sinh ra căn-phi căn chăng?

Đáp: Không sinh ra, bởi vì căn này cũng duyên với căn mà sinh ra.

Hỏi: Có thể chỉ có phi căn làm duyên sinh ra căn-phi căn chăng?

Đáp: Không sinh ra, bởi vì căn-phi căn này cũng duyên với căn mà sinh ra.

Hỏi: Có thể chỉ có căn-phi căn làm duyên sinh ra căn-phi căn chăng?

Đáp: Sinh ra, nói rộng ra như trên.

Hỏi: Có thể chỉ có căn-phi căn làm duyên sinh ra căn-phi căn chăng?

Đáp: Sinh ra, nói rộng ra như trên.

Hỏi: Có thể chỉ có căn-phi căn làm duyên sinh ra phi căn chăng?

Đáp: Sinh ra, nói rộng ra như trên.

Hỏi: Có thể Nhãn căn làm duyên sinh ra Nhãn căn chăng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Đó là không ngăn cản sinh ra và chỉ có không trở ngại gì.

Hỏi: Có thể Nhãn căn làm duyên sinh ra Nhĩ căn cho đến Cự tri căn chăng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như Nhãn làm sở y, sinh ra Ý căn-ba Thọ và năm căn như Tín...; hoặc là Nhãn làm sở duyên, sinh ra Ý căn-bốn Thọ, năm căn như Tín..., và ba căn Vô lậu; hoặc là bài báng Nhãn căn rơi vào các nẻo ác, nhận lấy dị thực của các Sắc căn-Mạng căn-Ý căn-Khổ căn; hoặc là tin tưởng Nhãn căn sinh vào các nẻo thiện, nhận lấy dị thực của các Sắc căn-Mạng căn-Ý căn-Lạc căn-Hỷ căn-Xả căn. Đó gọi là Nhãn căn làm duyên sinh ra Nhĩ căn cho đến Cự tri căn. Như Nhãn căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân-Nữ-Nam-Mạng căn cũng như vậy. Nhưng có sai biệt, đó là Nữ căn-Nam căn không phải là sở y của Khổ căn và năm căn như Tín...,

Mạng căn không phải là sở y của tất cả các căn.

Hỏi: Có thể Ý căn làm duyên sinh ra Ý căn chẳng? Sinh ra Nhãn căn cho đến Cụ tri căn chẳng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như Ý căn làm sở y, sinh ra Ý căn-năm Thọ-năm căn như Tín..., và ba căn Vô lậu; hoặc là Ý căn làm sở duyên, sinh ra Ý căn-bốn Thọ-năm căn như Tín..., và ba căn Vô lậu; hoặc là bài báng Ý căn rơi vào các nẻo ác, nhận lấy dị thực của các Sắc căn-Mạng căn- Ý căn-Khổ căn; hoặc là tin tưởng Ý căn sinh vào các nẻo thiện, nhận lấy dị thực của các Sắc căn-Mạng căn-Ý căn-Lạc căn-Hỷ căn-Xả căn. Và lại, Ý căn có thiện và bất thiện, thiện thì ở nẻo thiện nhận lấy dị thực của các Sắc căn-Mạng căn-Ý căn-Lạc căn-Hỷ căn-Xả căn; bất thiện thì ở nẻo ác nhận lấy dị thực của các Sắc căn-Mạng căn-Ý căn-Khổ căn. Như Ý căn, năm Thọ căn-năm căn như Tín...cũng như vậy. Nhưng có sai biệt, đó là tất cả không phải là sở y, Khổ căn đối với chính mình không phải là sở duyên, năm căn như Tín...không phải là bất thiện.

Hỏi: Có thể Vị tri đương tri căn làm duyên sinh ra Vị tri đương tri căn chẳng? Sinh ra Nhãn căn cho đến Cụ tri căn chẳng?

Đáp: Sinh ra.

Hỏi: Thế nào là sinh ra?

Đáp: Như Vị tri đương tri căn làm sở y, sinh ra Vị tri đương tri căn-Dĩ tri căn-Ý căn-ba Thọ-năm căn như Tín...; hoặc là Vị tri đương tri căn làm sở duyên, sinh ra Ý căn-bốn Thọ-năm căn như Tín...và ba căn Vô lậu; hoặc là bài báng Vị tri đương tri căn rơi vào các nẻo ác, nhận lấy dị thực của các Sắc căn-Mạng căn-Ý căn-Khổ căn; hoặc là tin tưởng Vị tri đương tri căn sinh vào các nẻo thiện, nhận lấy dị thực của các Sắc căn-Mạng căn-Ý căn-Lạc căn-Hỷ căn-Xả căn. Như Vị tri đương tri căn, Dĩ tri căn và Cụ tri căn cũng như vậy. Nhưng có sai biệt, đó là Dĩ tri căn làm sở y, sinh ra Dĩ tri căn-Cụ tri căn-Ý căn-ba Thọ-năm căn như Tín...; Cụ tri căn làm sở y, sinh ra Cụ tri căn-Ý căn-ba Thọ-năm căn như Tín...

Hỏi: Nhãn căn cùng với Nhãn căn làm mấy duyên, cùng với Nhĩ căn cho đến Cụ tri căn làm mấy duyên? Cho đến Cụ tri căn cùng với Cụ tri căn làm mấy duyên, cùng với Nhãn căn cho đến Dĩ tri căn làm mấy duyên?

Đáp: Nhãn căn cùng với Nhãn căn, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là một Nhân, đó là nhân Đồng loại. Tăng thượng, đó là không

ngăn cản sinh ra và chỉ có không trở ngại gì, nghĩa về Tăng thượng sau này đều nói giống như ở đây. Cùng với Sắc căn khác và Mạng căn-Khổ căn, làm một Tăng thượng. Cùng với căn khác làm Sở duyên-Tăng thượng. Căn khác, đó là Ý căn-bốn Thọ-năm căn như Tín... và ba căn Vô lậu. Như Nhân căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt căn cũng như vậy.

Thân căn cùng với Thân căn-Nữ căn-Nam căn, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là một Nhân, đó là nhân Đồng loại. Cùng với Sắc căn khác và Mạng căn-Khổ căn, làm một Tăng thượng. Cùng với căn khác làm Sở duyên-Tăng thượng. Căn khác, như trước nói.

Nữ căn cùng với Nữ căn-Thân căn, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là một Nhân, đó là nhân Đồng loại. Cùng với Sắc căn khác và Mạng căn-Khổ căn, làm một Tăng thượng. Cùng với căn khác làm Sở duyên-Tăng thượng. Căn khác, như trước nói. Như Nữ căn, Nam căn cũng như vậy.

Mạng căn cùng với Mạng căn, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là một Nhân, đó là nhân Đồng loại. Cùng với bảy Sắc căn-Khổ căn, làm một Tăng thượng. Cùng với căn khác làm Sở duyên-Tăng thượng. Căn khác, như trước nói.

Ý căn cùng với Ý căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên-Tăng thượng. Nhân là ba Nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Đẳng vô gián, đó là Ý căn đẳng vô gián, Ý căn hiện rõ ở trước mắt. Sở duyên, đó là Ý căn làm sở duyên cho Ý căn. Các nghĩa về Đẳng vô gián và Sở duyên, đều dựa theo đây mà nói. Cùng với bảy Sắc căn-Mạng căn, làm Nhân và Tăng thượng. Nhân là một Nhân, đó là nhân Dị thực. Cùng với Khổ căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Tăng thượng, không phải là Sở duyên. Nhân là năm Nhân, đó là nhân Tương ứng-Câu hữu-Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Đẳng vô gián, đó là Ý căn đẳng vô gián, Khổ căn hiện rõ ở trước mắt. Không phải là Sở duyên, bởi vì Khổ căn duyên với sắc, Ý căn không phải là sắc. Cùng với căn khác làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên-Tăng thượng. Căn khác, đó là Lạc-Hỷ-Xả-Uỷ căn, năm căn như Tín..., ba căn Vô lậu. Đây là dựa vào duyên đầy đủ như nhau, cho nên nói chung. Nhưng mà Nhân có khác nhau, đó là cùng với Lạc-Hỷ-Xả căn làm năm Nhân, tức là năm Nhân như Tương ứng...; cùng với Ưu căn làm bốn Nhân, trừ ra nhân Dị thực; cùng với năm căn như Tín... và ba căn Vô lậu làm ba Nhân, tức là nhân Tương ứng-Câu hữu và Đồng loại. Như Ý căn, Lạc-Hỷ-Xả căn và năm căn như Tín..., cũng như vậy.

Nên biết rằng đây là dựa vào số lượng duyên như nhau mà nói

về tướng chung, nhưng bởi vì nhân duyên có sai biệt, e là văn cách xa, cho nên nay phân biệt đầy đủ. Đó là Lạc căn cùng với Lạc căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên-Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Cùng với bảy Sắc căn và Mạng căn, làm Nhân và Tăng thượng; Nhân là một Nhân, đó là nhân Dị thực. Cùng với Ý căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là năm Nhân, đó là năm nhân như Tướng ứng... Cùng với Khổ căn, làm Nhân-Đẳng vô gián và Tăng thượng, không phải là Sở duyên; Nhân là hai Nhân, đó là nhân Đồng loại và Dị thực; không phải là Sở duyên, bởi vì Khổ căn duyên với sắc, Lạc căn không phải là sắc. Cùng với Hỷ căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là hai Nhân, đó là nhân Đồng loại và Dị thực. Cùng với Ưu căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là một Nhân, đó là nhân Đồng loại. Cùng với Xả căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Cùng với năm căn như Tín... và ba căn Vô lậu, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Tướng ứng-Câu hữu và Đồng loại.

Hỷ căn cùng với Hỷ căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Cùng với bảy Sắc căn và Mạng căn, làm Nhân và Tăng thượng; Nhân là một Nhân, đó là nhân Dị thực. Cùng với Ý căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là năm Nhân, đó là năm nhân như Tướng ứng... Cùng với Lạc căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Cùng với Khổ căn, làm Nhân-Đẳng vô gián và Tăng thượng, không phải là Sở duyên; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Cùng với Ưu căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là hai Nhân, đó là nhân Đồng loại và Biến hành. Cùng với Xả căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Cùng với năm căn như Tín... và ba căn Vô lậu, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Tướng ứng-Câu hữu và Đồng loại.

Xả căn cùng với Xả căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Cùng với bảy Sắc căn và Mạng căn, làm Nhân và Tăng thượng; Nhân là một Nhân, đó là nhân Dị thực. Cùng với Ý căn, làm Nhân-

Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là năm Nhân, đó là năm nhân như Tương ứng... Cùng với Lạc căn-Hỷ căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Cùng với Khổ căn, làm Nhân-Đẳng vô gián và Tăng thượng, không phải là Sở duyên; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Cùng với Ưu căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là hai Nhân, đó là nhân Đồng loại và Biến hành. Cùng với năm căn như Tín... và ba căn Vô lậu, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Tương ứng-Câu hữu và Đồng loại.

Tín căn cùng với Tín căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là một Nhân, đó là nhân Đồng loại. Cùng với bảy Sắc căn-Mạng căn, làm Nhân và Tăng thượng; Nhân là một Nhân, đó là nhân Dị thực. Cùng với Ý căn-Lạc căn-Hỷ căn-Xả căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là bốn Nhân, trừ ra nhân Biến hành. Cùng với Khổ căn, làm Nhân-Đẳng vô gián và Tăng thượng, không phải là Sở duyên; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Tương ứng-Câu hữu và Đồng loại. Cùng với Ưu căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Tương ứng-Câu hữu và Đồng loại. Cùng với bốn căn như Tinh tiến... và ba căn Vô lậu, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Tương ứng-Câu hữu và Đồng loại. Như Tín căn, bốn căn như Tinh tiến...cũng như vậy.

Khổ căn cùng với Khổ căn, làm Nhân-Đẳng vô gián và Tăng thượng, không phải là Sở duyên; Nhân là hai Nhân, đó là nhân Đồng loại và Dị thực; không phải là Sở duyên, bởi vì Khổ căn duyên với sắc, Khổ căn không phải là sắc. Cùng với bảy Sắc căn-Mạng căn, làm Nhân và Tăng thượng; Nhân là một Nhân, đó là nhân Dị thực. Cùng với ba căn Vô lậu, làm Sở duyên và Tăng thượng; Sở duyên, đó là làm sở duyên cho phẩm thuộc Khổ nhãn-Khổ trí và Tập nhãn-Tập trí. Cùng với căn khác, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng. Căn khác, đó là Ý-Lạc-Hỷ-Xả-Ưu và năm căn như Tín...Đây cũng là duyên đầy đủ như nhau, cho nên nói chung. Nhưng mà Nhân có khác nhau, đó là cùng với Ý căn làm bốn Nhân, trừ ra nhân Biến hành; cùng với Lạc căn-Hỷ căn-Xả căn làm hai Nhân, đó là nhân Đồng loại và Dị thực; cùng với Ưu căn làm một Nhân, đó là nhân Đồng loại; cùng với năm căn như Tín...làm ba Nhân, đó là nhân Tương ứng- Câu hữu và Đồng loại.

Ưu căn cùng với Ưu căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và

Tăng thượng; Nhân là hai Nhân, đó là nhân Đồng loại và Biến hành. Cùng với bảy Sắc căn-Mạng căn, làm Nhân và Tăng thượng; Nhân là một Nhân, đó là nhân Dị thực. Cùng với Khổ căn, làm Nhân-Đẳng vô gián và Tăng thượng, không phải là Sở duyên; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực. Cùng với ba căn Vô lậu, làm Sở duyên và Tăng thượng; Sở duyên, đó là làm sở duyên cho phẩm thuộc Khổ nhãn-Khổ trí và Tập nhãn-Tập trí. Cùng với căn khác, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng. Căn khác, đó là Ý-Lạc-Hỷ-Xả và năm căn như Tín... Đây cũng là duyên đầy đủ như nhau, cho nên nói chung. Nhưng mà Nhân có khác nhau, đó là cùng với Ý căn làm năm Nhân, đó là năm nhân như Tương ưng...; cùng với Lạc căn-Hỷ căn-Xả căn làm ba Nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành và Dị thực; cùng với năm căn như Tín... làm ba Nhân, đó là nhân Tương ưng-Câu hữu và Đồng loại.

Vị tri đương tri căn cùng với Vị tri đương tri căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Tương ưng-Câu hữu và Đồng loại; Sở duyên, đó là làm sở duyên cho phẩm thuộc Đạo nhãn-Đạo trí. Cùng với Cụ tri tri căn, làm Nhân-Sở duyên và Tăng thượng, không phải là Đẳng vô gián; Nhân là một Nhân, đó là nhân Đồng loại; Sở duyên, đó là làm sở duyên cho phẩm thuộc Đạo nhãn-Đạo trí; không phải là Đẳng vô gián, bởi vì Vị tri đương tri căn đẳng vô gián, Cụ tri căn không hiện rõ trước mắt. Cùng với bảy Sắc căn-Mạng căn-Khổ căn, làm một Tăng thượng. Cùng với Ưu căn, làm Sở duyên và Tăng thượng. Cùng với căn khác, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng. Căn khác, đó là Ý-Lạc-Hỷ-Xả, năm căn như Tín... và Dĩ tri căn. Đây cũng là duyên đầy đủ như nhau, cho nên nói chung. Nhưng mà Nhân có khác nhau, đó là cùng với chín căn như Ý... làm ba Nhân, tức là nhân Tương ưng-Câu hữu và Đồng loại; cùng với Dĩ tri căn làm một Nhân, đó là nhân Đồng loại.

Dĩ tri căn cùng với Dĩ tri căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Tương ưng-Câu hữu và Đồng loại. Cùng với bảy Sắc căn-Mạng căn-Khổ căn, làm một Tăng thượng. Cùng với Ưu căn-Vị tri đương tri căn, làm Sở duyên và Tăng thượng. Cùng với căn khác, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng. Căn khác, đó là Ý-Lạc-Hỷ-Xả, năm căn như Tín... và Cụ tri căn. Đây cũng là duyên đầy đủ như nhau, cho nên nói chung. Nhưng mà Nhân có khác nhau, đó là cùng với chín căn như Ý... làm ba Nhân, tức là nhân Tương ưng-Câu hữu và Đồng loại; cùng với Cụ tri căn làm một

Nhân, đó là nhân Đồng loại.

Cụ tri căn cùng với Cụ tri căn, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Tương ứng-Câu hữu và Đồng loại. Cùng với bảy Sắc căn-Mạng căn-Khổ căn, làm một Tăng thượng. Cùng với Ưu căn-Vị tri đương tri căn-Dĩ tri căn, làm Sở duyên và Tăng thượng. Cùng với căn khác, làm Nhân-Đẳng vô gián-Sở duyên và Tăng thượng. Căn khác, đó là Ý-Lạc-Hỷ-Xả và năm căn như Tín...; Nhân là ba Nhân, đó là nhân Tương ứng-Câu hữu và Đồng loại; Đẳng vô gián, đó là Cụ tri căn đẳng vô gián, chín căn như Ý...hiện rõ ở trước mắt; Sở duyên, đó là Cụ tri căn làm sở duyên cho chín căn như Ý...; Tăng thượng, nghĩa là không ngăn cản sinh ra và chỉ có không trở ngại gì.

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 147

CHƯƠNG VI: CĂN UẨN (Tiếp Theo)

Phẩm Thứ Hai: LUẬN VỀ HỮU

LUẬN VỀ HỮU (Phần 1)

Dục hữu (nghiệp nhân và quả báo của cõi dục) nối tiếp nhau, lúc ban đầu đạt được mấy căn do nghiệp mà sinh ra? Những chương như vậy và giải thích về nghĩa từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp theo nên phân biệt rộng ra. Nhưng thanh âm của Hữu có nhiều nghĩa, như trước nói rộng, trong này nói đến năm Uẩn nối tiếp Chúng đồng phần thuộc số hữu tình gọi là Hữu. Nối tiếp nhau có năm loại, cũng như trước đã nói, trong này dựa vào hai loại nối tiếp nhau mà soạn luận, đó là Trung hữu nối tiếp nhau và Sinh hữu nối tiếp nhau.

Hỏi: Dục hữu nối tiếp nhau, lúc ban đầu đạt được mấy căn do nghiệp mà sinh ra?

Đáp: Noãn sinh-Thai sinh-Thấp sinh đạt được hai loại, đó là Thân căn và Mạng căn.

Hỏi: Lúc ban đầu phần vị Yết-la-lam cũng đạt được Sắc căn khác hay không? Nếu đạt được thì làm sao ở trong khoảng thời gian ít ỏi mà đạt được bấy nhiêu căn? Vả lại, trong này vì sao không nói? Trong Tỳ-nại-da nói lại hiểu thế nào? Như nói: “ Ở trong bụng mẹ đầu tiên đạt được hai căn, đó là Thân và Mạng...” Nếu không đạt được thì tại sao kinh nói Thiên nhãn nhìn biết là nam-là nữ?

Đáp: Có người nói cũng đạt được.

Hỏi: Làm sao ở trong khoảng thời gian ít ỏi mà đạt được bấy nhiêu căn?

Đáp: Lúc bấy giờ tuy không có tướng của các Sắc căn mà đã đạt được đầy đủ chủng tử của căn ấy. Như muối-đường-sữa-mật-rượu-

nước..., hòa lẫn với nhau rót vào một chiếc bình, nếu dùng ngọn cỏ chấm lấy một giọt, thì ở trong đó có đủ các vị của muối..., phần vị Yết-la-lam nên biết cũng như vậy, đều có đủ tất cả chủng tử của Sắc căn.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao trong này không nói?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác.

Có người nói: Trong này nói đến những loại đều đạt được, đạt được những loại khác thì không nhất định, vì vậy không nói đến. Như những người mù...không có được đôi mắt...

Hỏi: Trong Tỳ-nại-da nói lại hiểu thế nào?

Đáp: Đó là nói đến căn có thể duy trì các căn khác, nghĩa là Thân căn có thể duy trì những Sắc căn khác, Mạng căn có thể duy trì những căn Phi sắc khác, vì vậy chỉ nói đến loại ấy.

Có người nói: Phần vị này không đạt được những Sắc căn khác.

Hỏi: Vì sao Thiên nhãn nhìn biết là nam-nữ?

Đáp: Lúc ở phần vị Yết-la-lam tuy không có Nam căn-Nữ căn, mà có tướng của nam-nữ, bởi vì nhìn tướng ấy mà biết được nam-nữ. Nguyên có thế nào? Bởi vì không phải là lúc ấy đã có Nam căn-Nữ căn mà có thể nói là nhìn.

Có Sư khác nói: Dựa vào kinh cho nên biết. Trong kinh nói: “Nếu thai là nam, thì dựa bên hông phải của mẹ, ngòi xổm hương về phía lưng. Nếu thai là nữ, thì dựa bên hông trái của mẹ, ngòi xổm hương về phía bụng.” Người đạt được Thiên nhãn, nhìn sự sai biệt này dựa vào kinh mà nói.

Hoặc có người nói: Nhìn Trung hữu mà biết, nghĩa là Thiên nhãn nhìn phần vị sau Trung hữu, nếu là người nam tiến vào thai mẹ, thì biết Yết-la-lam này là nam chứ không phải là nữ; nếu là người nữ, thì lại biết phần vị này là nữ chứ không phải là nam.

Nói như vậy thì phần vị Yết-la-lam chưa đạt được những Sắc căn khác, bởi vì trong phần vị Bát-la-xa-khư thì mới đạt được.

Hóa sinh đạt được sáu loại, hoặc là bảy loại, hoặc là tám loại. Không có hình thể là sáu loại, đó là Nhãn-Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân và Mạng căn. Một hình thể là bảy loại, đó là sáu loại trước và Nam căn-Nữ căn tùy theo một loại. Hai hình thể là tám loại, đó là sáu loại trước và Nam căn-Nữ căn.

Hỏi: Những căn không có sắc, lúc bấy giờ cũng đạt được, đó là Ý căn-năm Thọ và năm căn như Tín..., vì sao trong này không nói?

Đáp: Trong này cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết là có

khác.

Có người nói: Lúc bấy giờ tất cả đều đạt được thì trong này nói đến, những căn không có sắc, tuy có đạt được mà không phải là tất cả, vì vậy không nói. Nghĩa là lúc ở địa trên chết đi sinh vào địa dưới, tuy đạt được căn ấy, nhưng nếu ở địa mình chết đi sinh trở lại địa mình, thì căn ấy đều không đạt được, vì vậy không nói.

Có người nói: Trong này chỉ hỏi về căn đạt được đầu tiên do nghiệp mà sinh ra, phần vị mới thọ sinh thì những căn không có sắc, tuy có đạt được mà không phải là nghiệp sinh ra, cho nên ở đây không nói. Phần vị sau đã đạt được, tuy do nghiệp mà sinh ra nhưng không phải là đạt được đầu tiên, cho nên cũng không nói.

Hỏi: Sắc hữu (nghiệp nhân và quả báo của cõi sắc) nối tiếp nhau, lúc ban đầu đạt được mấy căn do nghiệp mà sinh ra?

Đáp: Sáu loại, đó là Nhãn-Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân và Mạng căn.

Hỏi: Vô sắc hữu (nghiệp nhân và quả báo của cõi vô sắc) nối tiếp nhau, lúc ban đầu đạt được mấy căn do nghiệp mà sinh ra? Đáp: Một loại, đó là Mạng căn.

Có thể tư duy về pháp hệ thuộc cõi Dục thì biết khắp cõi Dục chăng? Cho đến nói rộng ra. Trong này, tư duy là chọn lấy nghĩa của Sở duyên, biết khắp là nghĩa của Đoạn cứu cánh. Văn này biểu hiện rõ ràng về duyên với pháp của những cõi ấy, là nhiệm của những cõi ấy, hoặc là không có thể là được.

Hỏi: Có thể tư duy về pháp hệ thuộc cõi Dục thì biết khắp (biến tri) cõi Dục chăng? Đáp: Biết khắp. Pháp này bao gồm dị sinh và Thánh giả, bao gồm đạo vô gián và đạo giải thoát. Nếu lúc đạo thế tục là nhiệm cõi Dục, thì chín đạo vô gián duyên với pháp của cõi Dục là nhiệm của cõi Dục. Nếu lúc đạo vô lậu, Khổ-Tập pháp trí là nhiệm cõi Dục, thì chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát duyên với pháp của cõi Dục là nhiệm của cõi Dục.

Hỏi: Có thể tư duy về pháp hệ thuộc cõi Dục thì biết khắp cõi Sắc chăng?

Đáp: Không biết khắp.

Hỏi: Có thể tư duy về pháp hệ thuộc cõi Dục thì biết khắp cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Không biết khắp.

Hỏi: Vì sao đều không biết khắp?

Đáp: Bởi vì cõi Dục là cõi không thể Định, không phải là địa của tu, không phải là địa của là nhiệm; cõi Sắc-Vô sắc là cõi của Định,

là địa của tu, là địa của lìa nhiễm. Không phải là duyên với pháp của cõi không thể Định-không phải là địa của tu-không phải là địa của lìa nhiễm, mà có thể lìa nhiễm của cõi Định-địa của tu- địa của lìa nhiễm.

Có người nói: Cõi Dục là cõi thô, cõi Sắc-Vô sắc là cõi tế, không phải là duyên với pháp của cõi thô mà có thể lìa nhiễm của cõi tế.

Có người nói: Cõi Dục là cõi thấp kém, cõi Sắc là cõi trung bình, cõi Vô sắc là cõi tuyệt vời, không phải là duyên với pháp của cõi thấp kém mà có thể lìa nhiễm của cõi trung bình và tuyệt vời.

Có người nói: Cõi Dục là cõi thua kém, cõi Sắc-Vô sắc là cõi hơn hẳn, không phải là duyên với pháp của cõi thua kém mà có thể lìa nhiễm của cõi hơn hẳn. Bởi vì những nghĩa lý như vậy, cho nên không biết khắp.

Hỏi: Có thể tư duy về pháp hệ thuộc cõi Sắc thì biết khắp cõi Sắc chăng?

Đáp: Biết khắp. Pháp này bao gồm dị sinh và Thánh giả, bao gồm đạo vô gián và đạo giải thoát. Nếu lúc đạo thế tục lìa nhiễm cõi Sắc, thì chín đạo vô gián duyên với pháp của cõi Sắc lìa nhiễm của cõi Sắc. Nếu lúc đạo vô lậu, Khổ-Tập loại trí lìa nhiễm cõi Sắc, thì chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát duyên với pháp của cõi Sắc lìa nhiễm của cõi Sắc.

Hỏi: Có thể tư duy về pháp hệ thuộc cõi Sắc thì biết khắp cõi Dục chăng?

Đáp: Biết khắp. Pháp này bao gồm dị sinh và Thánh giả, chỉ riêng đạo giải thoát chứ không phải là đạo vô gián, nghĩa là lúc đạo thế tục lìa nhiễm cõi Dục, thì chín đạo giải thoát duyên với pháp của cõi Sắc lìa nhiễm của cõi Dục.

Hỏi: Có thể tư duy về pháp hệ thuộc cõi Sắc thì biết khắp cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Không biết khắp.

Hỏi: Vì sao không biết khắp?

Đáp: Bởi vì cõi Sắc là cõi thô, cõi Vô sắc là cõi tế, không phải là duyên với pháp của cõi thô mà có thể lìa nhiễm của cõi tế.

Có người nói: Cõi Sắc là cõi trung bình, cõi Vô sắc là cõi tuyệt vời, không phải là duyên với pháp của cõi trung bình mà có thể lìa nhiễm của cõi tuyệt vời.

Có người nói: Cõi Sắc là cõi thua kém, cõi Vô sắc là cõi hơn hẳn, không phải là duyên với pháp của cõi thua kém mà có thể lìa nhiễm của cõi hơn hẳn. Bởi vì những nghĩa lý như vậy, cho nên không biết khắp.

Hỏi: Có thể tư duy về pháp hệ thuộc cõi Vô sắc thì biết khắp cõi Vô sắc chăng?

Đáp: Biết khắp. Pháp này chỉ riêng Thánh giả chứ không phải là dị sinh, bao gồm đạo vô gián và đạo giải thoát, nghĩa là lúc đạo vô lậu, Khổ-Tập loại trí liả nhiệm của cõi Vô sắc, thì chín đạo vô gián-chín đạo giải thoát duyên với pháp của cõi Vô sắc liả nhiệm của cõi Vô sắc.

Hỏi: Có thể tư duy về pháp hệ thuộc cõi Vô sắc thì biết khắp cõi Dục chăng?

Đáp: Không biết khắp.

Hỏi: Vì sao không biết khắp?

Đáp: Bởi vì rất xa, không phải là quán xét về pháp của cõi rất xa mà có thể liả nhiệm của cõi rất xa.

Hỏi: Có thể tư duy về pháp hệ thuộc cõi Vô sắc thì biết khắp cõi Sắc chăng?

Đáp: Biết khắp. Pháp này bao gồm dị sinh và Thánh giả, chỉ riêng đạo giải thoát chứ không phải là đạo vô gián, nghĩa là lúc đạo thế tục liả nhiệm cõi Sắc, thì chín đạo giải thoát duyên với pháp của cõi Vô sắc liả nhiệm của cõi Sắc.

Hỏi: Mấy căn biết khắp cõi Dục?

Đáp: Đạo thế tục có bảy, đạo vô lậu có tám. Đạo thế tục có bảy, đó là Ý căn-Xả căn và năm căn như Tín... Đạo vô lậu có tám, đó là bảy căn trước và Dĩ tri căn.

Hỏi: Mấy căn biết khắp cõi Sắc?

Đáp: Đạo thế tục có bảy, đạo vô lậu có mười. Đạo thế tục có bảy, đó là Ý căn-Xả căn và năm căn như Tín... Đạo vô lậu có mười, đó là bảy căn trước và Hỷ căn-Lạc căn-Dĩ tri căn.

Hỏi: Mấy căn biết khắp cõi Vô sắc? Đáp: Mười một căn, đó là mười căn trước và Cụ tri căn. Dĩ tri căn làm đạo vô gián, Cụ tri căn làm đạo giải thoát. Nên biết là ở đây dựa vào phần vị cuối cùng mà nói.

Hỏi: Lúc liả nhiệm của cõi Dục thì đạo giải thoát cuối cùng, có thể có Tịch lự thứ nhất Căn bản hiện rõ trước mắt, lúc ấy dùng Xả căn làm đạo vô gián, Hỷ căn làm đạo giải thoát, vì sao không dựa vào phần vị cuối cùng để nói đạo thế tục có lẽ là tám, đạo vô lậu có lẽ là chín?

Đáp: Văn này nên đưa ra cách nói này: Đạo thế tục có bảy hoặc là tám, đạo vô lậu có tám hoặc là chín. Nhưng mà không nói thì nên biết là có khác.

Có người nói: Trong này nói đến quyết định, nghĩa là lúc liả nhiệm của Phi tướng phi phi tướng xứ, nhất định dùng Cụ tri căn làm đạo giải

thoát cuối cùng; lúc lìa nhiệm của cõi Dục, không phải là nhất định dùng Hỷ căn làm đạo giải thoát cuối cùng, bởi vì có người ở lúc bấy giờ không có thể lập tức tiến vào địa Căn bản, nhưng ở lúc bấy giờ phần nhiều dựa vào Cận phần, cho nên chỉ nói đến Xả căn.

Hỏi: Lúc biết khắp cõi Dục thì biết khắp mấy căn?

Đáp: Bốn căn, đó là Nữ-Nam-Khổ và Ưu căn. Tuy ở lúc bấy giờ biết khắp mười chín căn, mà dựa vào vĩnh viễn đoạn không còn sót lại gì, đoạn không có phần vị-không có phạm vi-không có hình bóng-không có tùy theo ràng buộc, cho nên đưa ra cách nói này. Hoặc là trong này nói: Pháp của cõi trên không hiện hành-không có thể đạt được, cho nên chỉ nói là bốn.

Hỏi: Lúc biết khắp cõi Sắc thì biết khắp mấy căn?

Đáp: Năm căn, đó là Nhãn-Nhĩ-Tỷ-Thiệt và Thân căn. Tuy ở lúc bấy giờ biết khắp mười ba căn, mà dựa vào vĩnh viễn đoạn không còn sót lại gì, đoạn không có phần vị-không có phạm vi-không có hình bóng-không có tùy theo ràng buộc, cho nên đưa ra cách nói này. Hoặc là trong này nói: Pháp của cõi trên không hiện hành-không có thể đạt được, cho nên chỉ nói là năm.

Hỏi: Lúc biết khắp cõi Vô sắc thì biết khắp mấy căn?

Đáp: Tám căn, đó là Ý-Mạng-Xả và năm căn như Tín..., bởi vì các căn này vào lúc lìa nhiệm của Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thì đều vĩnh viễn đoạn.

Hỏi: Mấy căn đạt được quả Dự lưu?

Đáp: Chín căn, đó là Ý căn-Xả căn, năm căn như Tín..., Vị tri đương tri căn và Dĩ tri căn. Vị tri đương tri căn làm đạo vô gián, Dĩ tri căn làm đạo giải thoát.

Hỏi: Mấy căn đạt được quả Nhất lai?

Đáp: Nếu tăng thêm lìa nhiệm cõi Dục, tiến vào Chánh tánh ly sinh thì chín căn, nói như Dự lưu. Nếu từ quả Dự lưu đạt được quả Nhất lai, thì đạo thế tục có bảy căn, đạo vô lậu có tám căn. Bảy căn, đó là Ý căn-Xả căn và năm căn như Tín... Tám căn, đó là bảy căn trước và Dĩ tri căn.

Hỏi: Mấy căn đạt được quả Bất hoàn?

Đáp: Nếu đã lìa nhiệm cõi Dục, tiến vào Chánh tánh ly sinh thì chín căn, đó là Ý căn, Lạc-Hỷ-Xả căn tùy theo một căn, bởi vì dựa vào địa riêng biệt, năm căn như Tín..., Vị tri đương tri căn và Dĩ tri căn. Vị tri đương tri căn làm đạo vô gián, Dĩ tri căn làm đạo giải thoát. Nếu từ quả Nhất lai đạt được quả Bất hoàn, thì đạo thế tục có bảy căn, đạo vô lậu

có tám căn. Bảy căn và tám căn, nói như Nhất lai, đây là dựa vào phần nhiều. Nếu tiến vào Căn bản thì hoặc là tám, hoặc là chín.

Hỏi: Mấy căn đạt được quả A-la-hán?

Đáp: Mười một căn, đó là Ý căn-Lạc căn-Hỷ căn-Xả căn, năm căn như Tín..., Dĩ tri căn và Cụ tri căn. Dĩ tri căn làm đạo vô gián, Cụ tri căn làm đạo giải thoát.

Hỏi: Ở đây nói mười một căn, là bởi vì sử dụng, hay là bởi vì có? Nếu bởi vì sử dụng, thì không có trong một lúc mà ba Thọ cùng sử dụng, làm sao nói là mười một căn? Nếu bởi vì có, thì đạt được quả Bất hoàn cũng có ba Thọ, vì sao không nói?

Đáp: Đây là bởi vì sử dụng, không bởi vì có.

Hỏi: Không có trong một lúc mà ba Thọ cùng sử dụng, vì sao nói là mười một căn?

Đáp: Dựa vào tác dụng của một sự nối tiếp nhau mà nói, cho nên không có sai lầm, nghĩa là có thể có một Bồ-đặc-già-la, trước nhờ vào Lạc căn mà đạt được quả A-la-hán, lui sụt rồi sử dụng Hỷ căn, tiếp tục lui sụt thì sử dụng Xả căn. Hoặc là ban đầu lui sụt thì sử dụng Xả căn, về sau lui sụt thì sử dụng Hỷ căn. Như trước nhờ vào Lạc căn, như vậy trước là Hỷ căn-trước là Xả căn tùy theo thích hợp cũng như vậy. Chứng quả Bất hoàn thì không có sự việc như vậy. Nếu dùng căn này trước đó đạt được quả ấy, lui sụt rồi trở lại sử dụng căn này, mà đạt được căn này thì chính là Xả căn, bởi vì Hỷ căn-Lạc căn đạt được không có nghĩa lui sụt.

Hỏi: Đạt được quả Dự lưu biết khắp mấy căn?

Đáp: Không có, bởi vì lúc bấy giờ chưa có một căn nào đoạn đến cuối cùng.

Hỏi: Đạt được quả Nhất lai biết khắp mấy căn?

Đáp: Không có, bởi vì lúc bấy giờ cũng chưa có căn nào đoạn đến cuối cùng.

Hỏi: Đạt được quả Bất hoàn biết khắp mấy căn?

Đáp: Nếu đã lìa nhiễm cõi Dục, tiến vào Chánh tánh ly sinh thì không có, nghĩa nói như trước. Nếu từ quả Nhất lai đạt được quả Bất hoàn thì có bốn căn, đó là Nữ-Nam-Khổ và Ưu căn.

Hỏi: Đạt được quả A-la-hán biết khắp mấy căn?

Đáp: Tám căn, đó là Mạng-Ý-Xả và năm căn như Tín..

Hỏi: Các căn đạt được quả Dự lưu, căn này đạt được quả ấy rồi, nên nói là thành tựu, hay nên nói là không thành tựu?

Đáp: Đạo giải thoát thâm nhiếp thì nên nói là thành tựu, đạo vô

gián thâm nhiếp thì nên nói là không thành tựu. Các căn thuộc phẩm câu sinh của Đạo loại trí, là đạo giải thoát thâm nhiếp, căn này nên nói là thành tựu, bởi vì đã đạt được. Các căn thuộc phẩm câu sinh của Đạo loại trí nhĩn, là đạo vô gián thâm nhiếp, căn này nên nói là không thành tựu, bởi vì đã rời bỏ.

Hỏi: Các căn đạt được quả Nhất lai, căn này đạt được quả ấy rồi, nên nói là thành tựu, hay nên nói là không thành tựu?

Đáp: Đạo giải thoát thâm nhiếp thì nên nói là thành tựu, đạo vô gián thâm nhiếp thì nên nói là không thành tựu. Các căn thuộc phẩm câu sinh của Đạo loại trí hoặc là đạo giải thoát thứ sáu, là đạo giải thoát thâm nhiếp, căn này nên nói là thành tựu, bởi vì đã đạt được. Các căn thuộc phẩm câu sinh của Đạo loại trí nhĩn hoặc là đạo vô gián thứ sáu, là đạo vô gián thâm nhiếp, căn này nên nói là không thành tựu, bởi vì đã rời bỏ.

Hỏi: Các căn đạt được quả Bất hoàn, căn này đạt được quả ấy rồi, nên nói là thành tựu, hay nên nói là không thành tựu?

Đáp: Đạo giải thoát thâm nhiếp thì nên nói là thành tựu, đạo vô gián thâm nhiếp thì nên nói là không thành tựu. Các căn thuộc phẩm câu sinh của Đạo loại trí hoặc là đạo giải thoát thứ chín, là đạo giải thoát thâm nhiếp, căn này nên nói là thành tựu, bởi vì đã đạt được. Các căn thuộc phẩm câu sinh của Đạo loại trí nhĩn hoặc là đạo vô gián thứ chín, là đạo vô gián thâm nhiếp, căn này nên nói là không thành tựu, bởi vì đã rời bỏ.

Hỏi: Dùng đạo vô lậu lúc đạt được quả Nhất lai-Bất hoàn, có thể nói là đạo vô gián thâm nhiếp thì không thành tựu; nếu dùng đạo thế tục lúc đạt được hai quả, đạo vô gián không rời bỏ thì tại sao nói là không thành tựu?

Đáp: Văn về hai quả này, nên đưa ra cách nói này: Đạo giải thoát thâm nhiếp thì nên nói là thành tựu, đạo vô gián thâm nhiếp thì nên nói là hoặc thành tựu- hoặc không thành tựu. Nhưng mà không đưa ra cách nói này, thì nên biết trong này chỉ dựa vào đạo thù thắng không giống nhau mà nói.

Có người nói: Đây là nói về thành tựu hiện rõ trước mắt, bởi vì đạo thế tục đạt được hai quả rồi, các căn thuộc đạo vô gián chắc chắn không hiện rõ trước mắt.

Hỏi: Các căn đạt được quả A-la-hán, căn này đạt được quả ấy rồi, nên nói là thành tựu, hay nên nói là không thành tựu?

Đáp: Đạo giải thoát thâm nhiếp thì nên nói là thành tựu, đạo vô

gián thâm nhiếp thì nên nói là không thành tựu. Các căn thuộc phẩm câu sinh của Tận trí lúc đầu, là đạo giải thoát thâm nhiếp, căn này nên nói là thành tựu, bởi vì đã đạt được. Các căn thuộc phẩm câu sinh của Định Kim cang dụ, là đạo vô gián thâm nhiếp, căn này nên nói là không thành tựu, bởi vì đã rời bỏ.

Hỏi: Các căn đạt được quả Dự lưu, căn này đoạn kết của cõi nào?

Đáp: Đoạn cõi Sắc-Vô sắc, hoặc là không đoạn. Đoạn cõi Sắc-Vô sắc, đó là các căn thuộc phẩm câu sinh của Đạo loại trí nhãn. Hoặc là không đoạn, đó là các căn thuộc phẩm câu sinh của Đạo loại trí, bởi vì đạo giải thoát không phải là đối trị của đoạn.

Hỏi: Căn này quả nào thâm nhiếp?

Đáp: Quả Dự lưu, hoặc là không có. Quả Dự lưu thâm nhiếp, đó là các căn thuộc phẩm câu sinh của Đạo loại trí. Hoặc là không có, đó là các căn thuộc phẩm câu sinh của Đạo loại trí nhãn.

Hỏi: Các căn đạt được quả Nhất lai, căn này đoạn kết của cõi nào?

Đáp: Đoạn cõi Dục, hoặc là cõi Sắc-Vô sắc, hoặc là không đoạn. Đoạn cõi Dục- hoặc là không đoạn, đó là lúc từ quả Dự lưu đạt được quả Nhất lai, các căn thuộc phẩm câu sinh của đạo vô gián thứ sáu đoạn kết của cõi Dục, các căn thuộc phẩm câu sinh của đạo giải thoát thứ sáu thì không đoạn kết. Đoạn cõi Sắc-Vô sắc hoặc là không đoạn, đó là tăng thêm lìa nhiễm cõi Dục, tiến vào Chánh tánh ly sinh, lúc đạt được quả Nhất lai, các căn thuộc phẩm câu sinh của Đạo loại trí nhãn, đoạn kết của cõi Sắc-Vô sắc; các căn thuộc phẩm câu sinh của Đạo loại trí thì không đoạn kết.

Hỏi: Căn này quả nào thâm nhiếp?

Đáp: Quả Nhất lai, hoặc là không có. Quả Nhất lai thâm nhiếp, đó là các căn thuộc phẩm câu sinh của đạo giải thoát thứ sáu và Đạo loại trí. Hoặc là không có, đó là các căn thuộc phẩm câu sinh của đạo vô gián thứ sáu và Đạo loại trí nhãn.

Hỏi: Các căn đạt được quả Bất hoàn, căn này đoạn kết của cõi nào?

Đáp: Đoạn cõi Dục, hoặc là cõi Sắc-Vô sắc, hoặc là không đoạn. Đoạn cõi Dục- hoặc là không đoạn, đó là lúc từ quả Nhất lai đạt được quả Bất hoàn, các căn thuộc phẩm câu sinh của đạo vô gián thứ chín đoạn kết của cõi Dục, các căn thuộc phẩm câu sinh của đạo giải thoát thứ chín thì không đoạn kết. Đoạn cõi Sắc-Vô sắc hoặc là không đoạn,

đó là đã lìa nhiễm cõi Dục, tiến vào Chánh tánh ly sinh, lúc đạt được quả Bất hoàn, các căn thuộc phẩm câu sinh của Đạo loại trí nhãn đoạn kiết của cõi Sắc-Vô sắc; các căn thuộc phẩm câu sinh của Đạo loại trí thì không đoạn kiết.

Hỏi: Căn này quả nào thâm nhiếp?

Đáp: Quả Bất hoàn, hoặc là không có. Quả Bất hoàn thâm nhiếp, đó là các căn thuộc phẩm câu sinh của đạo giải thoát thứ chín và Đạo loại trí. Hoặc là không có, đó là các căn thuộc phẩm câu sinh của đạo vô gián thứ chín và Đạo loại trí nhãn.

Hỏi: Các căn đạt được quả A-la-hán, căn này đoạn kiết của cõi nào?

Đáp: Đoạn cõi Vô sắc, hoặc là không đoạn. Đoạn cõi Vô sắc, đó là các căn thuộc phẩm câu sinh của Định Kim cang dụ. Hoặc là không đoạn, đó là các căn thuộc phẩm câu sinh của Tận trí lúc đầu.

Hỏi: Căn này quả nào thâm nhiếp?

Đáp: Quả A-la-hán, hoặc là không có. Quả A-la-hán thâm nhiếp, đó là các căn thuộc phẩm câu sinh của Tận trí lúc đầu. Hoặc là không có, đó là các căn thuộc phẩm câu sinh của Định Kim cang dụ.

Hỏi: Lúc đạt được quả Dự lưu đã xả các căn, căn này đoạn kiết của cõi nào?

Đáp: Đoạn cõi Dục, hoặc là cõi Sắc-Vô sắc, hoặc là không đoạn. Lúc đạt được quả Dự lưu, các căn đã đạt được do Kiến đạo thâm nhiếp, gọi là đã xả. Căn này hoặc là đoạn cõi Dục, đó là các căn thuộc phẩm câu sinh của bốn Pháp trí nhãn; hoặc là đoạn cõi Sắc - Vô sắc, đó là các căn thuộc phẩm câu sinh của bốn Loại trí nhãn; hoặc là không đoạn, đó là các căn thuộc phẩm câu sinh của bảy Trí.

Hỏi: Căn này quả nào thâm nhiếp?

Đáp: Không có, bởi vì không có quả nào dưới quả Dự lưu thâm nhiếp các căn này.

Hỏi: Lúc đạt được quả Nhất lai đã xả các căn, căn này đoạn kiết của cõi nào?

Đáp: Đoạn cõi Dục, hoặc là cõi Sắc - Vô sắc, hoặc là không đoạn. Nếu tăng thêm lìa nhiễm cõi Dục, tiến vào Chánh tánh ly sinh, lúc đạt được quả Nhất lai, thì các căn đã đạt được do Kiến đạo thâm nhiếp, gọi là đã xả. Căn này hoặc là đoạn cõi Dục, đó là các căn thuộc phẩm câu sinh của bốn Pháp trí nhãn; hoặc là đoạn cõi Sắc-Vô sắc, đó là các căn thuộc phẩm câu sinh của bốn Loại trí nhãn; hoặc là không đoạn, đó là các căn thuộc phẩm câu sinh của bảy Trí. Nếu lúc từ quả Dự lưu đạt

được quả Nhất lai, thì các căn do quả Dự lưu và đạo của quả thù thắng này thâm nhiếp, gọi là đã xả. Căn này hoặc là đoạn cõi Dục, đó là các căn do sáu đạo vô gián thâm nhiếp; hoặc là không đoạn, đó là các căn do quả Dự lưu và các đạo gia hạnh- đạo giải thoát- đạo thắng tiến trong đạo của quả thù thắng này thâm nhiếp.

Hỏi: Căn này quả nào thâm nhiếp?

Đáp: Quả Dự lưu, hoặc là không có. Quả Dự lưu thâm nhiếp, đó là các căn đã xả thuộc phẩm câu sinh của Đạo loại trí. Hoặc là không có, đó là các căn đã xả do đạo của quả thù thắng này và Kiến đạo thâm nhiếp.

Hỏi: Lúc đạt được quả Bất hoàn đã xả các căn, căn này đoạn kết của cõi nào?

Đáp: Đoạn cõi Dục, hoặc là cõi Sắc - Vô sắc, hoặc là không đoạn. Nếu đã lìa nhiễm cõi Dục, tiến vào Chánh tánh ly sinh, lúc đạt được quả Bất hoàn, thì các căn đã đạt được do Kiến đạo thâm nhiếp, gọi là đã xả. Căn này hoặc là đoạn cõi Sắc - Vô sắc, đó là các căn thuộc phẩm câu sinh của bốn Loại trí nhẫn; hoặc là không đoạn, đó là các căn thuộc phẩm câu sinh của bốn Pháp trí nhẫn và bảy Trí. Nếu lúc từ quả Nhất lai đạt được quả Bất hoàn, thì các căn do quả Nhất lai và đạo của quả thù thắng này thâm nhiếp, gọi là đã xả. Căn này hoặc là đoạn cõi Dục, đó là các căn do ba đạo vô gián thâm nhiếp; hoặc là không đoạn, đó là các căn do quả Nhất lai và các đạo gia hạnh- đạo giải thoát- đạo thắng tiến trong đạo của quả thù thắng này thâm nhiếp.

Hỏi: Căn này quả nào thâm nhiếp?

Đáp: Quả Nhất lai, hoặc là không có. Quả Nhất lai thâm nhiếp, đó là các căn thuộc phẩm câu sinh của Đạo loại trí, và các căn đã xả do đạo giải thoát thứ sáu thâm nhiếp. Hoặc là không có, đó là các căn đã xả do đạo của quả thù thắng này, và Kiến đạo thâm nhiếp.

Hỏi: Lúc đạt được quả A-la-hán đã xả các căn, căn này đoạn kết của cõi nào?

Đáp: Đoạn cõi Sắc, hoặc là cõi Vô sắc, hoặc là không đoạn. Lúc đạt được quả A-la-hán, các căn do quả Bất hoàn và đạo của quả thù thắng này thâm nhiếp, gọi là đã xả. Căn này hoặc là đoạn cõi Sắc, đó là lìa nhiễm của bốn Tĩnh lự, đều có các căn do chín đạo vô gián thâm nhiếp; hoặc là đoạn cõi Vô sắc, đó là lìa nhiễm của bốn Vô sắc, đều có các căn do chín đạo vô gián thâm nhiếp; hoặc là không đoạn, đó là các căn do quả Bất hoàn và các đạo gia hạnh- đạo giải thoát- đạo thắng tiến trong đạo của quả thù thắng này thâm nhiếp.

Hỏi: Căn này quả nào thâm nhiếp?

Đáp: Quả Bất hoàn, hoặc là không có. Quả Bất hoàn thâm nhiếp, đó là các căn thuộc phẩm câu sinh của Đạo loại trí, và các căn đã xả do đạo giải thoát thứ chín thâm nhiếp. Hoặc là không có, đó là các căn đã xả do đạo của quả thù thắng này thâm nhiếp.

Hỏi: Lúc đạt được quả Dự lưu đã đạt được các căn, căn này đoạn kết của cõi nào?

Đáp: Không có, nghĩa là lúc đạt được quả Dự lưu đã có được các căn, đều là do chủng loại của đạo giải thoát thâm nhiếp, bởi vì chỉ riêng đạo vô gián thâm nhiếp mới có thể đoạn phiền não.

Hỏi: Căn này quả nào thâm nhiếp?

Đáp: Quả Dự lưu, hoặc là không có. Quả Dự lưu thâm nhiếp, đó là các căn đã đạt được thuộc phẩm câu sinh của Đạo loại trí. Hoặc là không có, đó là các căn thế tục đã đạt được lúc bấy giờ.

Hỏi: Các căn đã đạt được lúc bấy giờ đều là quả Dự lưu vô lậu thâm nhiếp, lại có căn thế tục nào là do hiện tại đạt được mà nói hoặc là không có?

Đáp: Văn này chỉ cần nói là quả Dự lưu, không cần nói hoặc là không có, mà nói hoặc là không có, thì muốn hiển bày lúc bấy giờ đã đạt được tám căn như Mạng..., là những căn mà từ vô thủy đến nay chưa từng đạt được, bởi vì dựa vào quả thù thắng cho nên bắt đầu đạt được căn này.

Hỏi: Lúc đạt được quả Nhất lai đã đạt được các căn, căn này đoạn kết của cõi nào?

Đáp: Không có, nghĩa nói như trước.

Hỏi: Căn này quả nào thâm nhiếp?

Đáp: Quả Nhất lai, hoặc là không có. Quả Nhất lai thâm nhiếp, đó là các căn thuộc phẩm câu sinh của Đạo loại trí, và các căn đã đạt được do đạo giải thoát thứ sáu thâm nhiếp. Hoặc là không có, đó là các căn thế tục đã đạt được lúc bấy giờ.

Hỏi: Lúc đạt được quả Bất hoàn đã đạt được các căn, căn này đoạn kết của cõi nào?

Đáp: Không có, nghĩa nói như trước.

Hỏi: Căn này quả nào thâm nhiếp?

Đáp: Quả Bất hoàn, hoặc là không có. Quả Bất hoàn thâm nhiếp, đó là các căn thuộc phẩm câu sinh của Đạo loại trí, và các căn đã đạt được do đạo giải thoát thứ chín thâm nhiếp. Hoặc là không có, đó là các căn thế tục đã đạt được lúc bấy giờ.

Hỏi: Lúc đạt được quả A-la-hán đã đạt được các căn, căn này đoạn kiết của cõi nào?

Đáp: Không có, nghĩa nói như trước.

Hỏi: Căn này quả nào thâm nhiếp?

Đáp: Quả A-la-hán, hoặc là không có. Quả A-la-hán thâm nhiếp, đó là các căn đã đạt được thuộc phẩm câu sinh của Tận trí lúc đầu. Hoặc là không có, đó là các căn thế tục đã đạt được lúc bấy giờ.

Hỏi: Các căn mà người Dự lưu đã thành tựu, căn này đoạn kiết của cõi nào?

Đáp: Đoạn cõi Dục, hoặc là không đoạn. Đoạn cõi Dục, đó là các căn do sáu đạo vô gián thâm nhiếp. Hoặc là không đoạn, đó là các căn do quả Dự lưu và các đạo gia hạnh- đạo giải thoát- đạo thắng tiến trong đạo của quả thù thắng này thâm nhiếp.

Hỏi: Căn này quả nào thâm nhiếp?

Đáp: Quả Dự lưu, hoặc là không có. Quả Dự lưu thâm nhiếp, đó là các căn đã thành tựu thuộc phẩm câu sinh của Đạo loại trí. Hoặc là không có, đó là các căn do đạo của quả thù thắng thâm nhiếp mà người Dự lưu đã thành tựu, và các căn thiện hữu lậu-nhiễm ô-vô phú vô ký khác đã thành tựu.

Hỏi: Các căn mà người Nhất lai đã thành tựu, căn này đoạn kiết của cõi nào?

Đáp: Đoạn cõi Dục, hoặc là không đoạn. Đoạn cõi Dục, đó là các căn do ba đạo vô gián thâm nhiếp. Hoặc là không đoạn, đó là các căn do quả Nhất lai và các đạo gia hạnh- đạo giải thoát- đạo thắng tiến trong đạo của quả thù thắng này thâm nhiếp.

Hỏi: Căn này quả nào thâm nhiếp?

Đáp: Quả Nhất lai, hoặc là không có. Quả Nhất lai thâm nhiếp, đó là các căn đã thành tựu thuộc phẩm câu sinh của Đạo loại trí, và đạo giải thoát thứ sáu thâm nhiếp. Hoặc là không có, đó là các căn do đạo của quả thù thắng thâm nhiếp mà người Nhất lai đã thành tựu, và các căn thiện hữu lậu-nhiễm ô-vô phú vô ký khác đã thành tựu.

Hỏi: Các căn mà người Bất hoàn đã thành tựu, căn này đoạn kiết của cõi nào?

Đáp: Đoạn cõi Sắc, hoặc là cõi Vô sắc, hoặc là không đoạn. Đoạn cõi Sắc, đó là lìa nhiễm của bốn Tĩnh lự, đều có các căn do chín đạo vô gián thâm nhiếp. Đoạn cõi Vô sắc, đó là lìa nhiễm của bốn Vô sắc, đều có các căn do chín đạo vô gián thâm nhiếp. Hoặc là không đoạn, đó là các căn do quả Bất hoàn và các đạo gia hạnh-đạo giải thoát- đạo thắng

tiến trong đạo của quả thù thắng này thâm nhiếp.

Hỏi: Căn này quả nào thâm nhiếp?

Đáp: Quả Bất hoàn, hoặc là không có. Quả Bất hoàn thâm nhiếp, đó là các căn đã thành tựu thuộc phẩm câu sinh của Đạo loại trí nhãn, và đạo giải thoát thứ chín thâm nhiếp. Hoặc là không có, đó là các căn do đạo của quả thù thắng thâm nhiếp mà người Bất hoàn đã thành tựu, và các căn thiện hữu lậu- nhiễm ô- vô phú vô ký khác đã thành tựu.

Hỏi: Các căn mà A-la-hán đã thành tựu, căn này đoạn kết của cõi nào?

Đáp: Không có, bởi vì các kết của A-la-hán đã hết, không có gì có thể đoạn.

Hỏi: Căn này quả nào thâm nhiếp?

Đáp: Quả A-la-hán, hoặc là không có. Quả A-la-hán thâm nhiếp, đó là các căn vô lậu mà A-la-hán đã thành tựu. Hoặc là không có, đó là các căn thiện hữu lậu- vô phú vô ký mà A-la-hán đã thành tựu.

Hỏi: Các căn đoạn kết của người Dự lưu, căn này đoạn kết của cõi nào?

Đáp: Cõi Dục, đó là kết thuộc sáu phẩm trước do tu mà đoạn của cõi Dục.

Hỏi: Căn này quả nào thâm nhiếp?

Đáp: Không có, đó là bởi vì đạo vô gián có thể đoạn các kết, cho nên các căn do quả Sa-môn thâm nhiếp chắc chắn là đạo giải thoát.

Hỏi: Các căn đoạn kết của người Nhất lai, căn này đoạn kết của cõi nào?

Đáp: Cõi Dục, đó là kết thuộc ba phẩm sau do tu mà đoạn của cõi Dục.

Hỏi: Căn này quả nào thâm nhiếp?

Đáp: Không có, nguyên cố như trước.

Hỏi: Các căn đoạn kết của người Bất hoàn, căn này đoạn kết của cõi nào?

Đáp: Cõi Sắc, hoặc là cõi Vô sắc. Cõi Sắc, đó là bốn Tĩnh lự đều có chín phẩm kết do tu mà đoạn. Cõi Vô sắc, đó là bốn Vô sắc đều có chín phẩm kết do tu mà đoạn.

Hỏi: Căn này quả nào thâm nhiếp?

Đáp: Không có, nguyên cố như trước.

Các kết của A-la-hán đã hết, bởi vì không có căn đoạn kết, cho nên không hỏi-đáp.

Hỏi: Các căn do quả Dự lưu thâm nhiếp, căn này đoạn kết của cõi

nào?

Đáp: Không có, bởi vì các căn do quả Sa-môn thâm nhiếp là đạo giải thoát, cho nên chỉ riêng đạo vô gián có thể đoạn kết.

Hỏi: Các căn do quả Nhất lai, quả Bất hoàn, quả A-la-hán thâm nhiếp, căn này đoạn kết của cõi nào?

Đáp: Không có, nguyên cơ như trước, bởi vì quả A-la-hán lại không có kết nào có thể đoạn.

Các Khổ trí là trí vô lậu đối với Khổ chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định. Nghĩa là hành tướng của Khổ trí - Tập trí không có xen tạp, mà sở duyên có xen tạp; hành tướng của Diệt trí - Đạo trí không có xen tạp, sở duyên cũng không có xen tạp. Hoặc có người sinh nghi: Như hành tướng của Khổ trí- Tập trí không có xen tạp mà sở duyên có xen tạp, Diệt trí-Đạo trí cũng như vậy chăng? Như hành tướng của Diệt trí - Đạo trí không có xen tạp mà sở duyên cũng không có xen tạp, Khổ trí - Tập trí cũng như vậy chăng? Bởi vì làm cho sự nghi ngờ này có được quyết định, hiển bày về sở duyên của Khổ trí - Tập trí có xen tạp, sở duyên của Diệt trí - Đạo trí không có xen tạp, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao hành tướng của Khổ trí-Tập trí không có xen tạp, mà sở duyên có xen tạp?

Đáp: Bởi vì lìa Khổ không có Tập, lìa Tập không có Khổ. Nghĩa là mỗi một sự việc hữu lậu, nghĩa về Quả thì gọi là Khổ, nghĩa về Nhân thì gọi là Tập. Tức là ở trong mỗi một sự việc hữu lậu, nếu trí làm bốn hành tướng của Khổ... mà chuyển thì gọi là Khổ trí, nếu trí làm bốn hành tướng của Tập... mà chuyển thì gọi là Tập trí, cho nên hành tướng của Khổ trí - Tập trí không có xen tạp, mà sở duyên có xen tạp. Hành tướng và sở duyên của Diệt trí - Đạo trí, cả hai đều không có xen tạp, bởi vì hành tướng của Diệt- của Đạo khác nhau, sở duyên của hữu vi, vô vi khác nhau.

Hỏi: Các Khổ trí là trí vô lậu đối với Khổ chăng? Giả sử trí vô lậu đối với Khổ thì đều là Khổ trí chăng?

Đáp: Các Khổ trí là trí vô lậu đối với Khổ, bởi vì trí vô lậu ở trong sự việc của Khổ, làm bốn hành tướng là Vô thường-Khổ-Không-Vô ngã mà chuyển, cho nên gọi là Khổ trí. Có lúc trí vô lậu đối với Khổ mà không phải là Khổ trí, đó là Tập trí biết về Khổ, bởi vì trí vô lậu ở

trong sự việc của Khổ, làm bốn hành tướng là Nhân-Tập-Sinh-Duyên mà chuyển, cho nên gọi là Tập trí. Trước đã nói là Khổ không có Tập, cho nên sở duyên của Tập trí cũng gọi là Khổ.

Hỏi: Các Tập trí là trí vô lậu đối với Tập chăng? Giả sử trí vô lậu đối với Tập thì đều là Tập trí chăng?

Đáp: Các Tập trí là trí vô lậu đối với Tập, bởi vì trí vô lậu ở trong sự việc của Tập, làm bốn hành tướng là Nhân-Tập-Sinh-Duyên mà chuyển, cho nên gọi là Tập trí. Có lúc trí vô lậu đối với Tập mà không phải là Tập trí, đó là Khổ trí biết về Tập, bởi vì trí vô lậu ở trong sự việc của Tập, làm bốn hành tướng là Vô thường - Khổ - Không - Vô ngã mà chuyển, cho nên gọi là Khổ trí. Trước đã nói là Tập không có Khổ, cho nên sở duyên của Khổ trí cũng gọi là Tập.

Hỏi: Các Diệt trí là trí vô lậu đối với Diệt chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử trí vô lậu đối với Diệt thì đều là Diệt trí chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Các Đạo trí là trí vô lậu đối với Đạo chăng? Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử trí vô lậu đối với Đạo thì đều là Đạo trí chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Bởi vì trước đã nói hành tướng và sở duyên của Diệt trí - Đạo trí đều không có xen tạp. Nếu trí vô lậu duyên với Trạch diệt, làm bốn hành tướng là Diệt-Tĩnh-Diệu-Ly mà chuyển, thì gọi là Diệt trí. Nếu trí vô lậu duyên với Thánh đạo, làm bốn hành tướng là Đạo-Như-Hành-Xuất mà chuyển, thì gọi là Đạo trí.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 148

LUẬN VỀ HỮU (Phần 2)

Hỏi: Các căn vô lậu duyên với hệ thuộc cõi Dục, thì căn này tương ứng với Pháp trí chăng? Giả sử căn vô lậu tương ứng với Pháp trí, thì căn này duyên với hệ thuộc cõi Dục chăng? Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt.

1. Có căn vô lậu duyên với hệ thuộc cõi Dục, mà căn này không phải là tương ứng với Pháp trí, đó là Khổ pháp trí nhãn và căn tương ứng, Khổ pháp trí; Tập pháp trí nhãn và căn tương ứng, Tập pháp trí.

Trong này, Khổ pháp trí nhãn là Tuệ căn vô lậu, căn này duyên với hệ thuộc cõi Dục, không phải là tương ứng với Pháp trí, bởi vì Nhãn không tương ứng với Trí. Và căn tương ứng, đó là Khổ pháp trí nhãn tương ứng với tám căn vô lậu, căn này cũng duyên với hệ thuộc cõi Dục, không phải là tương ứng với Pháp trí, bởi vì tương ứng với Nhãn. Khổ pháp trí cũng là Tuệ căn vô lậu, căn này cũng duyên với hệ thuộc cõi Dục, không phải là tương ứng với Pháp trí, bởi vì tự Thể không tương ứng với tự Thể. Đó là bởi vì ba duyên cho nên tự Thể không tương ứng với tự Thể: 1-Bởi vì không có hai tự tánh cùng lúc sinh khởi; 2-Bởi vì sát-na trước sau không đi cùng nhau; 3-Bởi vì tất cả các pháp không quán xét tự tánh cùng với tánh khác làm duyên. Tập pháp trí nhãn và căn tương ứng, Tập pháp trí cũng như vậy.

2. Có căn vô lậu tương ứng với Pháp trí, mà căn này không duyên với hệ thuộc cõi Dục, đó là căn tương ứng với Diệt-Đạo pháp trí. Đây là tám căn vô lậu tương ứng với Diệt - Đạo pháp trí, căn này không duyên với hệ thuộc cõi Dục, bởi vì duyên với pháp không hệ thuộc.

3. Có căn vô lậu duyên với hệ thuộc cõi Dục, mà căn này cũng tương ứng với Pháp trí, đó là căn tương ứng với Khổ-Tập pháp trí. Đây là tám căn vô lậu tương ứng với Khổ-Tập pháp trí, căn này duyên với

hệ thuộc cõi Dục, bởi vì duyên với Khổ-Tập của cõi Dục.

4. Có căn vô lậu không duyên với hệ thuộc cõi Dục, mà căn này cũng không phải là tương ứng với Pháp trí, đó là Khổ loại trí nhãn - Khổ loại trí, và hai căn tương ứng; Tập loại trí nhãn - Tập loại trí, và hai căn tương ứng; Diệt pháp trí nhãn và căn tương ứng, Diệt pháp trí; Diệt loại trí nhãn - Diệt loại trí, và hai căn tương ứng; Đạo pháp trí nhãn và căn tương ứng, Đạo pháp trí; Đạo loại trí nhãn - Đạo loại trí, và hai căn tương ứng.

Trong này, Khổ loại trí nhãn - Khổ loại trí đều là Tuệ căn vô lậu, căn này không duyên với hệ thuộc cõi Dục, bởi vì duyên với hệ thuộc cõi Sắc - Vô sắc; cũng không phải là tương ứng với Pháp trí, bởi vì Nhãn trí không tương ứng với Trí. Và hai căn tương ứng, đó là tám căn vô lậu tương ứng với Khổ loại trí nhãn - Khổ loại trí, căn này không duyên với hệ thuộc cõi Dục, bởi vì duyên với hệ thuộc cõi Sắc - Vô sắc; cũng không phải là tương ứng với Pháp trí, bởi vì tương ứng với Khổ loại trí nhãn- Khổ loại trí.

Tập loại trí nhãn - Tập loại trí, và hai căn tương ứng cũng như vậy.

Diệt pháp trí nhãn là Tuệ căn vô lậu, căn này không duyên với hệ thuộc cõi Dục, bởi vì duyên với pháp không hệ thuộc; cũng không phải là tương ứng với Pháp trí, bởi vì Nhãn không tương ứng với Trí. Và căn tương ứng, đó là tám căn vô lậu tương ứng với Diệt pháp trí nhãn, căn này không duyên với hệ thuộc cõi Dục, bởi vì duyên với pháp không hệ thuộc; cũng không phải là tương ứng với Pháp trí, bởi vì tương ứng với Nhãn. Diệt pháp trí cũng là Tuệ căn vô lậu, căn này không duyên với hệ thuộc cõi Dục, bởi vì duyên với pháp không hệ thuộc; cũng không phải là tương ứng với Pháp trí, bởi vì tự Thể không tương ứng với tự Thể.

Đạo pháp trí nhãn và căn tương ứng, Đạo pháp trí cũng như vậy.

Diệt loại trí nhãn - Diệt loại trí đều là Tuệ căn vô lậu, căn này không duyên với hệ thuộc cõi Dục, bởi vì duyên với pháp không hệ thuộc; cũng không phải là tương ứng với Pháp trí, bởi vì Nhãn trí không tương ứng với Trí. Và hai căn tương ứng, đó là tám căn vô lậu tương ứng với Diệt loại trí nhãn - Diệt loại trí, căn này không duyên với hệ thuộc cõi Dục, bởi vì duyên với pháp không hệ thuộc; cũng không phải là tương ứng với Pháp trí, bởi vì tương ứng với Diệt loại trí nhãn- Diệt loại trí.

Đạo loại trí nhãn - Đạo loại trí, và hai căn tương ứng cũng như

vậy.

Hỏi: Các căn vô lậu duyên với hệ thuộc cõi Sắc - Vô sắc, thì căn này tương ứng với Loại trí chẳng? Giả sử căn vô lậu tương ứng với Loại trí, thì căn này duyên với hệ thuộc cõi Sắc - Vô sắc chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt.

1. Có căn vô lậu duyên với hệ thuộc cõi Sắc - Vô sắc, mà căn này không phải là tương ứng với Loại trí, đó là Khổ loại trí nhãn và căn tương ứng, Khổ loại trí; Tập loại trí nhãn và căn tương ứng, Tập loại trí.

Trong này, Khổ loại trí nhãn là Tuệ căn vô lậu, căn này duyên với hệ thuộc cõi Sắc - Vô sắc, không phải là tương ứng với Loại trí, bởi vì Nhãn không tương ứng với Trí. Và căn tương ứng, đó là tám căn vô lậu tương ứng với Khổ loại trí nhãn, căn này cũng duyên với hệ thuộc cõi Sắc - Vô sắc, không phải là tương ứng với Loại trí, bởi vì tương ứng với Nhãn. Khổ loại trí cũng là Tuệ căn vô lậu, căn này cũng duyên với hệ thuộc cõi Sắc - Vô sắc, không phải là tương ứng với Loại trí, bởi vì tự Thể không tương ứng với tự Thể.

Tập loại trí nhãn và căn tương ứng, Tập loại trí cũng như vậy.

2. Có căn vô lậu tương ứng với Loại trí, mà căn này không duyên với hệ thuộc cõi Sắc - Vô sắc, đó là căn tương ứng với Diệt- Đạo loại trí. Đây là tám căn vô lậu tương ứng với Diệt - Đạo loại trí, căn này không duyên với hệ thuộc cõi Sắc - Vô sắc, bởi vì duyên với pháp không hệ thuộc.

3. Có căn vô lậu duyên với hệ thuộc cõi Sắc - Vô sắc, mà căn này cũng tương ứng với Loại trí, đó là căn tương ứng với Khổ - Tập loại trí. Đây là tám căn vô lậu tương ứng với Khổ- Tập loại trí, căn này duyên với hệ thuộc cõi Sắc - Vô sắc, bởi vì duyên với Khổ - Tập của cõi Sắc - Vô sắc.

4. Có căn vô lậu không duyên với hệ thuộc cõi Sắc - Vô sắc, mà căn này cũng không phải là tương ứng với Loại trí, đó là Khổ pháp trí nhãn - Khổ pháp trí, và hai căn tương ứng; Tập pháp trí nhãn - Tập pháp trí, và hai căn tương ứng; Diệt pháp trí nhãn - Diệt pháp trí, và hai căn tương ứng; Diệt loại trí nhãn và căn tương ứng, Diệt loại trí; Đạo pháp trí nhãn - Đạo pháp trí, và hai căn tương ứng; Đạo loại trí nhãn và căn tương ứng, Đạo loại trí.

Trong này, Khổ pháp trí nhãn - Khổ pháp trí đều là Tuệ căn vô lậu, căn này không duyên với hệ thuộc cõi Sắc - Vô sắc, bởi vì duyên với hệ thuộc cõi Dục; cũng không phải là tương ứng với Loại trí, bởi vì

Nhẫn trí không tương ứng với Trí. Và hai căn tương ứng, đó là tám căn vô lậu tương ứng với Khổ pháp trí nhãn- Khổ pháp trí, căn này không duyên với hệ thuộc cõi Sắc - Vô sắc, bởi vì duyên với hệ thuộc cõi Dục; cũng không phải là tương ứng với Loại trí, bởi vì tương ứng với Nhẫn-Pháp trí.

Tập pháp trí nhãn - Tập pháp trí, và hai căn tương ứng cũng như vậy.

Diệt pháp trí nhãn - Diệt pháp trí đều là Tuệ căn vô lậu, căn này không duyên với hệ thuộc cõi Sắc, bởi vì duyên với pháp không hệ thuộc; cũng không phải là tương ứng với Loại trí, bởi vì Nhẫn trí không tương ứng với Trí. Và hai căn tương ứng, đó là tám căn vô lậu tương ứng với Diệt pháp trí nhãn-Diệt pháp trí, căn này không duyên với hệ thuộc cõi Sắc - Vô sắc, bởi vì duyên với pháp không hệ thuộc; cũng không phải là tương ứng với Loại trí, bởi vì tương ứng với Nhẫn - Pháp trí.

Đạo pháp trí nhãn - Đạo pháp trí, và hai căn tương ứng cũng như vậy.

Diệt loại trí nhãn là Tuệ căn vô lậu, căn này không duyên với hệ thuộc cõi Sắc - Vô sắc, bởi vì duyên với pháp không hệ thuộc; cũng không phải là tương ứng với Loại trí, bởi vì Nhẫn không tương ứng với Trí. Và căn tương ứng, đó là tám căn vô lậu tương ứng với Diệt loại trí nhãn, căn này không duyên với hệ thuộc cõi Sắc - Vô sắc, bởi vì duyên với pháp không hệ thuộc; cũng không phải là tương ứng với Loại trí, bởi vì tương ứng với Nhẫn. Diệt loại trí cũng là Tuệ căn vô lậu, căn này không duyên với hệ thuộc cõi Sắc - Vô sắc, bởi vì duyên với pháp không hệ thuộc; cũng không phải là tương ứng với Loại trí, bởi vì tự Thể không tương ứng với tự Thể.

Đạo loại trí nhãn và căn tương ứng, Đạo loại trí cũng như vậy.

Pháp trí nên nói là Pháp trí chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao trong này chỉ dựa vào Pháp trí - Loại trí mà soạn luận?

Đáp: Bởi vì đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, tùy theo ý muốn ấy mà soạn luận, nhưng không trái với pháp tánh thì không cần phải vặn hỏi. Ý người ấy muốn dựa vào hai Trí để soạn luận thì thuận theo mà soạn ra, đó là Pháp trí- Loại trí. Như chương Trí Uẩn trước đây, tùy theo ý của Luận giả dựa vào hai Trí mà soạn luận, đó là Tha tâm trí - Túc trú tùy niệm trí. Như chương Định Uẩn sau này, tùy theo ý của Luận giả cũng dựa vào hai Trí mà soạn luận, đó là Tận trí- Vô sinh trí. Như phần trước chương Căn Uẩn này, tùy theo ý của Luận giả

dựa vào bốn Trí mà soạn luận, đó là Khổ trí- Tập trí- Diệt trí- Đạo trí. Như chương Kiết Uẩn trước đây, tùy theo ý của Luận giả dựa vào tám Trí mà soạn luận, đó là Pháp trí-Loại trí-Tha tâm trí-Thế tục trí-Khổ-Tập- Diệt- Đạo trí. Như phần luận về Sở Tri, tùy theo ý của Luận giả dựa vào mười Trí mà soạn luận, đó là tám Trí trước và Tận trí- Vô sinh trí. Ví như người thợ gốm khéo léo tài tình lấy nắm đất nhào đặt ở trên vòng xoay, tùy theo ý muốn làm thành các loại đồ dùng, mà không trái ngược đối với phương thức tinh xảo. Như vậy, người có sở trường soạn luận dùng Văn tuệ- Tư tuệ, đi trong cảnh đã biết mà đối chiếu rõ ràng loại bỏ ngu si, sau đó tùy theo ý muốn soạn ra các loại luận thuyết, đối với tánh của các pháp cũng không trái ngược nhau.

Có người nói: Chỉ có Pháp trí- Loại trí không thâm nhiếp lẫn nhau, cũng đều duyên với khắp nơi, không thâm nhiếp cảnh của nhau, đó là pháp hữu lậu-vô lậu, pháp hữu vi-vô vi và bốn Thánh đế.

Có người nói: Bởi vì Pháp trí- Loại trí thâm nhiếp tất cả các Trí vô lậu, toàn bộ là căn bản của hai Trí ấy.

Có người nói: Pháp trí - Loại trí làm duyên trong phạm vi như nhau, đó là Pháp trí duyên với phần dưới, Loại trí duyên với phần trên.

Bởi vì những nhân duyên như vậy, cho nên chỉ dựa vào hai Trí này mà soạn luận.

Hỏi: Pháp trí nên nói là Pháp trí, hay nên nói là Loại trí - Tha tâm trí - Thế tục trí - Khổ trí - Tập trí - Diệt trí - Đạo trí?

Đáp: Nên nói là Pháp trí, hoặc là Tha tâm trí - Khổ trí - Tập trí - Diệt trí - Đạo trí.

Nên nói là Pháp trí, đó là nhận biết về các hành, nhân của các hành, pháp diệt các hành, đạo đối trị với các hành cõi Dục.

Hoặc là Tha tâm trí, đó là nhận biết về tâm-tâm sở pháp khác là đạo đối trị với các hành cõi Dục.

Hoặc là Khổ trí, đó là nhận biết về tướng Vô thường- tướng Khổ - tướng Không - tướng Vô ngã của các hành cõi Dục.

Hoặc là Tập trí, đó là nhận biết về tướng Nhân-tướng Tập - tướng Sinh- tướng Duyên là nhân của các hành cõi Dục.

Hoặc là Diệt trí, đó là nhận biết về tướng Diệt - tướng Tĩnh- tướng Diệu - tướng Ly là pháp diệt của các hành cõi Dục.

Hoặc là Đạo trí, đó là nhận biết về tướng Đạo- tướng Như- tướng Hành- tướng Xuất là đạo đối trị của các hành cõi Dục.

Đã hiển bày về tự tánh, nên hiển bày về địa.

Hỏi: Pháp trí nên nói là có Tầm-có Tứ, không có Tầm-chỉ có Tứ,

hay là không có Tâm-không có Tứ?

Đáp: Nên nói là cả ba loại, đó là ở Vị chí-Tĩnh lự thứ nhất thì gọi là có Tâm-có Tứ, ở Tĩnh lự trung gian thì gọi là không có Tâm-chỉ có Tứ, ở ba Tĩnh lự trên thì gọi là không có Tâm- không có Tứ.

Đã hiển bày về địa, nên hiển bày về tương ứng.

Hỏi: Pháp trí nên nói là tương ứng với Lạc căn, tương ứng với Hỷ căn, hay là tương ứng với Xả căn?

Đáp: Nên nói là cả ba loại, đó là ở Tĩnh lự thứ ba tương ứng với Lạc căn, ở hai Tĩnh lự đầu tương ứng với Hỷ căn, ở Vị chí- Tĩnh lự trung gian và Tĩnh lự thứ tư tương ứng với Xả căn.

Đã hiển bày về tương ứng, nên hiển bày về hành tướng.

Hỏi: Pháp trí nên nói là tương ứng với Không, Vô nguyện hay là Vô tướng?

Đáp: Nên nói là cả ba loại, đó là hai hành tướng tương ứng với Không, mười hành tướng tương ứng với Vô nguyện, bốn hành tướng tương ứng với Vô tướng.

Đã hiển bày về hành tướng, nên hiển bày về sở duyên.

Hỏi: Pháp trí nên nói là duyên với hệ thuộc cõi Dục, duyên với hệ thuộc cõi Sắc, duyên với hệ thuộc cõi Vô sắc, hay là duyên với không hệ thuộc?

Đáp: Nên nói là duyên với hệ thuộc cõi Dục, hoặc là không hệ thuộc. Duyên với hệ thuộc cõi Dục, đó là Khổ - Tập pháp trí. Duyên với không hệ thuộc, đó là Diệt- Đạo pháp trí.

Hỏi: Loại trí nên nói là Loại trí, hay nên nói là Pháp trí - Tha tâm trí - Thế tục trí, Khổ trí - Tập trí - Diệt trí - Đạo trí?

Đáp: Nên nói là Loại trí, hoặc là Tha tâm trí - Khổ trí - Tập trí - Diệt trí - Đạo trí.

Nên nói là Loại trí, đó là nhận biết về các hành, nhân của các hành, pháp diệt các hành, đạo đối trị với các hành của cõi Sắc - Vô sắc.

Hoặc là Tha tâm trí, đó là nhận biết về tâm-tâm sở pháp khác là đạo đối trị vô lậu với các hành của cõi Sắc - Vô sắc.

Hoặc là Khổ trí, đó là nhận biết về bốn loại tướng như Vô thường... của các hành cõi Sắc - Vô sắc.

Hoặc là Tập trí, đó là nhận biết về bốn loại tướng như Nhân... là nhân của các hành cõi Sắc - Vô sắc.

Hoặc là Diệt trí, đó là nhận biết về bốn loại tướng như Diệt...là pháp diệt của các hành cõi Sắc - Vô sắc.

Hoặc là Đạo trí, đó là nhận biết về bốn loại tướng như Đạo... là đạo đối trị của các hành cõi Sắc - Vô sắc.

Đã hiển bày về tự tánh, nên hiển bày về địa.

Hỏi: Loại trí nên nói là có Tâm-có Tứ, không có Tâm-chỉ có Tứ, hay là không có Tâm-không có Tứ?

Đáp: Nên nói là cả ba loại, đó là ở Vị chí- Tĩnh lự thứ nhất thì gọi là có Tâm-có Tứ, ở Tĩnh lự trung gian thì gọi là không có Tâm-chỉ có Tứ, ở ba Tĩnh lự trên-ba Vô sắc dưới thì gọi là không có Tâm-không có Tứ.

Đã hiển bày về địa, nên hiển bày về tướng ứng.

Hỏi: Loại trí nên nói là tương ứng với Lạc căn, tương ứng với Hỷ căn, hay là tương ứng với Xả căn?

Đáp: Nên nói là cả ba loại, đó là ở Tĩnh lự thứ ba tương ứng với Lạc căn, ở hai Tĩnh lự đầu tương ứng với Hỷ căn, ở Vị chí-Tĩnh lự trung gian-Tĩnh lự thứ tư và ba Vô sắc dưới tương ứng với Xả căn.

Đã hiển bày về tướng ứng, nên hiển bày về hành tướng.

Hỏi: Loại trí nên nói là tương ứng với Không, Vô nguyện hay là Vô tướng?

Đáp: Nên nói là cả ba loại, đó là hai hành tướng tương ứng với Không, mười hành tướng tương ứng với Vô nguyện, bốn hành tướng tương ứng với Vô tướng.

Đã hiển bày về hành tướng, nên hiển bày về sở duyên.

Hỏi: Loại trí nên nói là duyên với hệ thuộc cõi Dục, duyên với hệ thuộc cõi Sắc, duyên với hệ thuộc cõi Vô sắc, hay là duyên với không hệ thuộc? Đáp: Nên nói là duyên với hệ thuộc cõi Sắc - Vô sắc, hoặc là không hệ thuộc. Duyên với hệ thuộc cõi Sắc - Vô sắc, đó là Khổ-Tập loại trí. Duyên với không hệ thuộc, đó là Diệt-Đạo loại trí.

Thời tâm giải thoát, nên nói là căn Học đạt được, căn Vô học đạt được...? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn giải thích nghĩa lý trong kinh. Như trong kinh nói: “Đức Phật bảo với A-nan-đà: Tỳ kheo không nên vui với nơi ồn ào náo loạn, nếu vui với nơi này mà đối với Thời ái tâm giải thoát, hoặc là Bất thời bất động tâm giải thoát - Thân tác chứng, có thể an trú đầy đủ, thì điều này không hề có. Nếu có Tỳ kheo không vui với nơi ồn ào náo loạn mà vui với nơi yên lặng vắng vẻ, đối với Thời ái tâm giải thoát, hoặc là Bất thời bất động tâm giải thoát- Thân tác chứng, có thể an trú đầy đủ, thì điều này là có.” Kinh ấy tuy nói đến hai loại giải thoát, mà

không phân biệt về tự tánh của hai loại này, cũng chưa hề hiển bày là do căn nào đạt được. trong chương Trí Uẩn trước đây, tuy đã hiển bày rõ ràng về tự tánh giải thoát, mà chưa hiển bày về đạt được; nay muốn hiển bày về đạt được, cho nên soạn ra phần luận này.

Có người nói: Bởi vì muốn ngăn chặn cách nói của người khác, đó là hoặc có người chấp: Thời tâm giải thoát là Hữu học có những việc làm, những việc làm chưa xong; Bất động tâm giải thoát là Vô học không còn những việc làm, những việc làm đã xong. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày về hai loại giải thoát đều là Vô học, những việc làm đã xong. Hoặc lại có người chấp: Thời tâm giải thoát là hữu lậu, Bất động tâm giải thoát là vô lậu. Muốn ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày về hai loại giải thoát đều là vô lậu. Hoặc lại có người chấp: Thời tâm giải thoát là hữu vi, Bất động tâm giải thoát là vô vi. Vì ngăn chặn ý chấp ấy, hiển bày về hai loại giải thoát đều là hữu vi. Bởi vì những nhân duyên này, cho nên soạn ra phần luận này.

Trong các pháp chỉ có hai pháp là tự tánh giải thoát, đó là trong pháp hữu vi chỉ có Thắng giải, trong pháp vô vi chỉ có Trạch diệt. Thắng giải ấy là pháp đại địa của tâm sở luôn luôn tương ứng với tâm. Trạch diệt ấy là lìa ràng buộc, là Niết-bàn thường trú thuộc thắng nghĩa thiện.

Thắng giải có hai loại, đó là nhiễm và không nhiễm. Nhiễm gọi là Thắng giải thuộc về tà, tức là tương ứng với phiền não-tùy phiền não như tham... Không nhiễm gọi là Thắng giải thuộc về Chánh, tức là tương ứng với các pháp thiện như Tín...

Thắng giải thuộc về Chánh này lại có hai loại, đó là hữu lậu và vô lậu. Hữu lậu, đó là tương ứng với quán Bất tịnh, Trì tức niệm, Vô lượng, Thắng xứ, Biến xứ... Vô lậu lại có hai loại, đó là Học và Vô học. Học, đó là Thắng giải vô lậu trong thân của bảy bậc Thánh. Vô học, đó là Thắng giải vô lậu trong thân của A-la-hán.

Thắng giải Vô học lại có hai loại, đó là Thời tâm giải thoát và Bất thời tâm giải thoát. Thời tâm giải thoát, đó là Thắng giải vô lậu trong thân của năm loại A-la-hán. Bất thời tâm giải thoát, đó là Thắng giải vô lậu trong thân của A-la-hán Bất động pháp. Hai loại này cũng gọi là Tâm giải thoát- Tuệ giải thoát, bởi vì lìa tham cho nên gọi là Tâm giải thoát, bởi vì lìa vô minh cho nên gọi là Tuệ giải thoát.

Hỏi: Nếu Thắng giải này lìa tham cho nên gọi là Tâm giải thoát, lìa vô minh cho nên gọi là Tuệ giải thoát, thì các luận như Tập Dự Môn... đã nói nên hiểu thế nào? Như nói: “Thế nào là lìa tham cho nên

Tâm được giải thoát?

Đáp: Bởi vì đối trị tham là căn thiện không có tham.

Thế nào là lìa vô minh cho nên Tuệ được giải thoát?

Đáp: Bởi vì đối trị si là căn thiện không có si.” Do cách nói này cho nên Thể của hai loại giải thoát, tức là căn thiện chứ không phải là Thắng giải. Đáp: Văn ấy nên đưa ra cách nói này

Thế nào là lìa tham cho nên Tâm được giải thoát?

Đáp: Tâm tương ứng với căn thiện không có tham, Thắng giải chứng minh phù hợp, thì loại này gọi là Thời tâm giải thoát.

Thế nào là lìa vô minh cho nên Tuệ được giải thoát?

Đáp: Tâm tương ứng với căn thiện không có si, Thắng giải chứng minh phù hợp, thì loại này gọi là Bất động tâm giải thoát. Nhưng mà không đưa ra cách nói này là có ý gì? Đây là dựa vào nơi chốn để hiển bày về Thắng giải, nghĩa là dựa vào không có tham cho nên Tâm giải thoát khỏi tham, dựa vào không có si cho nên Tâm giải thoát khỏi si, nhưng Thể của tâm giải thoát là Thắng giải.

Hỏi: Thời tâm giải thoát nên nói là căn Học đạt được, căn Vô học đạt được, hay là căn Học-Vô học đạt được?

Đáp: Nên nói là căn Học-Vô học đạt được. Căn Học đạt được, đó là căn câu sinh thuộc đạo vô gián. Căn Vô học đạt được, đó là căn câu sinh thuộc đạo giải thoát.

Lại nữa, căn Học đạt được, đó là căn câu sinh thuộc đạo của Hưởng; căn Vô học đạt được, đó là căn câu sinh thuộc đạo của Quả.

Lại nữa, căn Học đạt được, đó là căn thuộc phẩm câu sinh của Định Kim cang dụ; căn Vô học đạt được, đó là căn thuộc phẩm câu sinh của Tận trí.

Lại nữa, căn Học đạt được, đó là Dĩ tri căn; căn Vô học đạt được, đó là Cụ tri căn.

Lại nữa, căn Học đạt được, đó là căn câu sinh thuộc Tu đạo; căn Vô học đạt được, đó là căn câu sinh thuộc đạo Vô học. Địa Tu và địa Vô học cũng như vậy.

Hỏi: Bất động tâm giải thoát nên nói là căn Học đạt được, căn Vô học đạt được, hay là căn Học-Vô học đạt được?

Đáp: Nếu vốn có đạt được Bất động, thì nên nói là căn Học-Vô học đạt được. Nếu A-la-hán Thời giải thoát đạt được Bất động, thì nên nói là căn Vô học đạt được. Căn Học-Vô học đạt được, nói rộng ra như trước. Căn Vô học đạt được, bởi vì đạo vô gián-giải thoát ấy đều thuộc về Vô học.

Hỏi: Tất cả các kiết không còn, nên nói là căn Học đạt được, căn Vô học đạt được, hay là căn Học-Vô học đạt được? Đáp: Nên nói là căn Học-Vô học đạt được, nói rộng ra như trước.

Hỏi: Văn này vì sao nói không giống như Bất động tâm giải thoát?

Đáp: Văn này cũng nên đưa ra cách nói như vậy: “Nếu bắt đầu chứng tất cả các kiết không còn, thì nên nói là căn Học-Vô học đạt được. Nếu A-la-hán Thời giải thoát đạt được Bất động, chứng tất cả các kiết không còn, thì nên nói là căn Vô học đạt được.” Nhưng mà không đưa ra cách nói này là có ý gì? Giải thoát có hai loại, đó là hữu vi và vô vi. Hai loại tâm giải thoát là hữu vi, tất cả các kiết không còn là vô vi. Giải thoát hữu vi có hạ-trung-thượng, lúc đầu đạt được có khác, về sau đạt được có khác, cho nên nói có sai biệt; Giải thoát vô vi không có hạ-trung-thượng, về sau đạt được giống như lúc đầu, cho nên nói không có khác nhau.

Hỏi: Dùng đạo vô gián chứng quả Dự lưu, đạo này nên nói là tương ứng với Pháp trí, hay là tương ứng với Loại trí-Tha tâm trí-Thế tục trí, Khổ trí-Tập trí-Diệt trí-Đạo trí? Nên nói là có Tâm-có Tứ, không có Tâm-chỉ có Tứ, hay là không có Tâm-không có Tứ? Nên nói là tương ứng với Lạc căn- Hỷ căn hay là Xả căn? Nên nói là tương ứng với Không- Vô nguyện hay là Vô tướng? Nên nói là duyên với hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc hay là không hệ thuộc?

Đáp: Dùng đạo vô gián chứng quả Dự lưu, đạo này nên nói là tương ứng với Nhẫn, có Tâm-có Tứ, tương ứng với Xả căn, tương ứng với Vô nguyện, duyên với không hệ thuộc.

Tương ứng với Nhẫn, bởi vì đi cùng với Đạo loại trí nhẫn. Có Tâm-có Tứ, bởi vì chỉ dựa vào địa Vị chí. Tương ứng với Xả căn, bởi vì địa Vị chí chỉ có Xả thọ. Tương ứng với Vô nguyện, bởi vì đi cùng với Vô nguyện thuộc về Đạo. Duyên với không hệ thuộc, bởi vì phẩm Loại trí làm sở duyên.

Hỏi: Dùng đạo vô gián chứng quả Nhất lai, đạo này nên nói là tương ứng với Pháp trí, hay là tương ứng với Loại trí-Tha tâm trí-Thế tục trí, Khổ trí-Tập trí-Diệt trí-Đạo trí? Nên nói là có Tâm-có Tứ, không có Tâm-chỉ có Tứ, hay là không có Tâm-không có Tứ? Nên nói là tương ứng với Lạc căn- Hỷ căn hay là Xả căn? Nên nói là tương ứng với Không- Vô nguyện hay là Vô tướng? Nên nói là duyên với hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc hay là không hệ thuộc?

Đáp: Nếu tăng thêm lìa nhiễm cõi Dục, tiến vào Chánh tánh ly

sinh, thì nói như chứng quả Dự lưu.

Nếu từ quả Dự lưu dùng đạo thế tục chứng quả Nhất lai, thì đạo này nên nói là tương ứng với Thế tục trí, có Tâm-có Tứ, tương ứng với Xả căn, duyên với hệ thuộc cõi Dục.

Tương ứng với Thế tục trí, đó là bởi vì tùy theo một trong ba hành tướng như thô... mà chuyển. Không tương ứng với Không..., bởi vì đạo ấy chỉ là vô lậu. Duyên với hệ thuộc cõi Dục, bởi vì năm Uẩn của cõi Dục làm sở duyên. Còn lại như trước nói.

Nếu từ quả Dự lưu dùng đạo vô lậu chứng quả Nhất lai, thì đạo này nên nói là tương ứng với Pháp trí, hoặc là tương ứng với Khổ trí-Tập trí-Diệt trí-Đạo trí. Có Tâm-có Tứ. Tương ứng với Xả căn. Hoặc là tương ứng với Không-Vô nguyên-Vô tướng. Hoặc là duyên với hệ thuộc cõi Dục, hoặc là duyên với không hệ thuộc.

Tương ứng với Pháp trí, đó là tương ứng tùy theo một trong bốn Pháp trí. Hoặc là tương ứng với Khổ trí, tức là tương ứng với Khổ pháp trí; cho đến hoặc là tương ứng với Đạo trí, tức là tương ứng với Đạo pháp trí. Hoặc là tương ứng với Không, đó là tương ứng với hai hành tướng; hoặc là tương ứng với Vô nguyên, đó là tương ứng với mười hành tướng; hoặc là tương ứng với Vô tướng, đó là tương ứng với bốn hành tướng. Hoặc là duyên với hệ thuộc cõi Dục, đó là Khổ-Tập pháp trí; hoặc là duyên với không hệ thuộc, đó là Diệt-Đạo pháp trí. Còn lại như trước nói.

Hỏi: Dùng đạo vô gián chứng quả Bất hoàn, đạo này nên nói là tương ứng với Pháp trí, hay là tương ứng với Loại trí-Tha tâm trí-Thế tục trí, Khổ trí-Tập trí-Diệt trí-Đạo trí? Nên nói là có Tâm-có Tứ, không có Tâm-chỉ có Tứ, hay là không có Tâm-không có Tứ? Nên nói là tương ứng với Lạc căn- Hỷ căn hay là Xả căn? Nên nói là tương ứng với Không-Vô nguyên hay là Vô tướng? Nên nói là duyên với hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc hay là không hệ thuộc?

Đáp: Nếu đã lìa nhiễm cõi Dục, tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì đạo này nên nói là tương ứng với Nhẫn. Hoặc là có Tâm-có Tứ, hoặc là không có Tâm-chỉ có Tứ, hoặc là không có Tâm-không có Tứ. Hoặc là tương ứng với Lạc căn, hoặc là tương ứng với Hỷ căn, hoặc là tương ứng với Xả căn. Tương ứng với Vô nguyên. Duyên với không hệ thuộc.

Hoặc là có Tâm-có Tứ, đó là dựa vào Vị chí-Tĩnh lự thứ nhất. Hoặc là không có Tâm-chỉ có Tứ, đó là dựa vào Tĩnh lự trung gian. Hoặc là không có Tâm-không có Tứ, đó là dựa vào ba Tĩnh lự trên. Hoặc là tương ứng với Lạc căn, đó là dựa vào Tĩnh lự thứ ba. Hoặc là

tương ứng với Hỷ căn, đó là dựa vào hai Tĩnh lự đầu. Hoặc là tương ứng với Xả căn, đó là dựa vào Vị chí-Tĩnh lự trung gian và Tĩnh lự thứ tư. Còn lại như trước nói.

Nếu từ quả Nhất lai dùng đạo thể tục chứng quả Bất hoàn, thì nói như dùng đạo thể tục chứng quả Nhất lai. Nếu từ quả Nhất lai dùng đạo vô lậu chứng quả Bất hoàn, thì nói như dùng đạo vô lậu chứng quả Nhất lai.

Hỏi: Dùng đạo vô gián chứng quả A-la-hán, đạo này nên nói là tương ứng với Pháp trí, hay là tương ứng với Loại trí - Tha tâm trí- Thế tục trí, Khổ trí-Tập trí-Diệt trí-Đạo trí? Nên nói là có Tâm-có Tứ, không có Tâm-chỉ có Tứ, hay là không có Tâm-không có Tứ? Nên nói là tương ứng với Lạc căn-Hỷ căn hay là Xả căn? Nên nói là tương ứng với Không-Vô nguyện hay là Vô tướng? Nên nói là duyên với hệ thuộc cõi Dục, hệ thuộc cõi Sắc, hệ thuộc cõi Vô sắc, hay là không hệ thuộc?

Đáp: Đạo này nên nói hoặc là tương ứng với Pháp trí, hoặc là tương ứng với Loại trí, hoặc là Khổ trí - Tập trí- Diệt trí- Đạo trí. Hoặc là có Tâm-có Tứ, hoặc là không có Tâm-chỉ có Tứ, hoặc là không có Tâm-không có Tứ. Hoặc là tương ứng với Lạc căn-Hỷ căn-Xả căn. Hoặc là tương ứng với Không-Vô nguyện-Vô tướng. Hoặc là duyên với hệ thuộc cõi Vô sắc, hoặc là duyên với không hệ thuộc.

Hoặc là tương ứng với Pháp trí, đó là Diệt-Đạo pháp trí tương ứng tùy theo một loại. Hoặc là tương ứng với Loại trí, đó là tương ứng tùy theo một trong bốn Loại trí. Hoặc là tương ứng với Khổ trí-Tập trí, tức là tương ứng với Khổ-Tập loại trí. Hoặc là tương ứng với Diệt trí-Đạo trí, tức là tương ứng với Diệt-Đạo Pháp-Loại trí. Hoặc là có Tâm-có Tứ, đó là dựa vào Vị chí-Tĩnh lự thứ nhất. Hoặc là không có Tâm-chỉ có Tứ, đó là dựa vào Tĩnh lự trung gian. Hoặc là không có Tâm-không có Tứ, đó là dựa vào ba Tĩnh lự trên và ba Vô sắc dưới. Hoặc là tương ứng với Lạc căn, đó là dựa vào Tĩnh lự thứ ba. Hoặc là tương ứng với Hỷ căn, đó là dựa vào hai Tĩnh lự đầu. Hoặc là tương ứng với Xả căn, đó là dựa vào Vị chí-Tĩnh lự trung gian-Tĩnh lự thứ tư và ba Vô sắc dưới. Hoặc là tương ứng với Không, đó là tương ứng với hai hành tướng. Hoặc là tương ứng với Vô nguyện, đó là tương ứng với mười hành tướng. Hoặc là tương ứng với Vô tướng, đó là tương ứng với bốn hành tướng. Hoặc là duyên với hệ thuộc cõi Vô sắc, đó là Khổ-Tập loại trí, bởi vì duyên với Khổ-Tập của Hữu Đảnh. Hoặc là duyên với không hệ thuộc, đó là Diệt-Đạo Pháp-Loại trí, bởi vì duyên với Diệt của ba cõi và Đạo có thể đối trị.

Hỏi: Mấy căn vĩnh viễn đoạn- diệt- khởi đạt được quả Dự lưu?

Đáp: Không có căn vĩnh viễn đoạn, bảy căn diệt-khởi, một căn diệt không khởi, một căn khởi không diệt, đạt được quả Dự lưu. Bảy căn diệt-khởi, bảy căn đó là Ý- Xả và năm căn như Tín..., diệt đó là bảy căn này thuộc về đạo vô gián, khởi đó là bảy căn này thuộc về đạo giải thoát.

Lại nữa, diệt đó là thuộc về đạo của Hương, khởi đó là thuộc về đạo của Quả.

Lại nữa, diệt đó là thuộc về phẩm Đạo loại trí nhãn, khởi đó là thuộc về phẩm Đạo loại trí.

Lại nữa, diệt đó là câu sinh của Vị tri đương tri căn, khởi đó là câu sinh của Dĩ tri căn.

Lại nữa, diệt đó là thuộc về Kiến đạo, khởi đó là thuộc về Tu đạo. Kiến địa và Tu địa cũng như vậy.

Một căn diệt không khởi, đó là Vị tri đương tri căn; một căn khởi không diệt, đó là Dĩ tri căn.

Hỏi: Mấy căn vĩnh viễn đoạn- diệt- khởi đạt được quả Nhất lai?

Đáp: Nếu tăng thêm lìa nhiễm cõi Dục, tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì như chứng quả Dự lưu đã nói.

Nếu từ quả Dự lưu dùng đạo thế tục chứng quả Nhất lai, thì không có căn vĩnh viễn đoạn, bảy căn diệt-khởi đạt được quả Nhất lai. Bảy căn diệt-khởi, bảy căn nói như trước; diệt đó là bảy căn này thuộc về đạo vô gián, khởi đó là bảy căn này thuộc về đạo giải thoát; và diệt đó là thuộc về đạo của Hương, khởi đó là thuộc về đạo của Quả.

Nếu từ quả Dự lưu dùng đạo vô lậu chứng quả Nhất lai, thì không có căn vĩnh viễn đoạn, tám căn diệt-khởi đạt được quả Nhất lai. Tám căn diệt-khởi, tám căn đó là bảy căn trước cộng thêm Dĩ tri căn, nghĩa về diệt-khởi nói như trước.

Hỏi: Mấy căn vĩnh viễn đoạn- diệt- khởi đạt được quả Bất hoàn?

Đáp: Nếu đã lìa nhiễm cõi Dục, tiến vào Chánh tánh ly sinh, thì không có căn vĩnh viễn đoạn, bảy căn diệt-khởi, một căn diệt không khởi, một căn khởi không diệt, đạt được quả Bất hoàn. Bảy căn diệt-khởi, bảy căn đó là Ý căn, Lạc-Hỷ-Xả căn tùy theo một căn, năm căn như Tín... Còn lại nói như trong phần đạt được quả Dự lưu.

Nếu từ quả Nhất lai dùng đạo thế tục chứng quả Bất hoàn, không tiến vào Tĩnh lự, thì bốn căn vĩnh viễn đoạn, bảy căn diệt-khởi đạt được quả Bất hoàn. Bốn căn vĩnh viễn đoạn, đó là Nữ-Nam-Khổ-Uu căn. Bảy căn diệt-khởi, bảy căn đó là Ý-Xả-năm căn như Tín..., nghĩa về

diệt-khởi nói như từ quả Dự lưu đạt được quả Nhất lai.

Nếu tiến vào Tĩnh lực, thì bốn căn vĩnh viễn đoạn, sáu căn diệt-khởi, một căn diệt không khởi, một căn khởi không diệt, đạt được quả Bất hoàn. Bốn căn vĩnh viễn đoạn nói như trước. Sáu căn diệt-khởi, sáu căn đó là Ý căn và năm căn như Tín..., nghĩa về diệt-khởi nói như trước. Một căn diệt không khởi, đó là Xả căn. Một căn khởi không diệt, đó là Hỷ căn.

Nếu từ quả Nhất lai dùng đạo vô lậu chứng quả Bất hoàn, không tiến vào Tĩnh lực, thì bốn căn vĩnh viễn đoạn, tám căn diệt-khởi đạt được quả Bất hoàn. Tám căn đó là Ý-Xả-năm căn như Tín... và Dĩ tri căn. Còn lại nói như trước.

Nếu tiến vào Tĩnh lực, thì bốn căn vĩnh viễn đoạn, bảy căn diệt-khởi, một căn diệt không khởi, một căn khởi không diệt, đạt được quả Bất hoàn. Bảy căn, tức là trước nói Ý căn-năm căn như Tín... và Dĩ tri căn. Còn lại nói như trong phần dùng đạo thế tục chứng quả Bất hoàn.

Hỏi: Đạo giải thoát thứ chín là nhiệm cội Dự, ai sẽ tiến vào Tĩnh lực, ai không tiến vào?

Đáp: Lực của sở y mạnh mẽ thì tiến vào, lực của sở y yếu kém thì không tiến vào.

Có người nói: Lực của sở y yếu kém thì tiến vào, bởi vì nuôi lớn sở y; lực của sở y mạnh mẽ thì không tiến vào, bởi vì không nuôi lớn sở y.

Có người nói: Nhiều vui mừng thì tiến vào, nhiều chán ngán thì không tiến vào.

Có người nói: Nhiều vui thích thì tiến vào, nhiều buồn khổ thì không tiến vào.

Có người nói: Dùng Diệt trí-Đạo trí là nhiệm cội Dự thì tiến vào, dùng Khổ trí-Tập trí là nhiệm cội Dự thì không tiến vào.

Có người nói: Dùng Vô tướng thuộc về Đạo và Vô nguyện là nhiệm cội Dự thì tiến vào, dùng Không thuộc về Khổ-Tập và Vô nguyện là nhiệm cội Dự thì không tiến vào.

Có người nói: Chán ngán pháp của cội Dự là nhiệm của cội Dự thì tiến vào, chán ngán pháp của ba cội là nhiệm của cội Dự thì không tiến vào.

Có người nói: Vì cầu Tĩnh lực mà là nhiệm thì tiến vào, vì cầu giải thoát mà là nhiệm thì không tiến vào.

Có người nói: Lợi căn thì tiến vào, độn căn thì không tiến vào.

Như lợi căn-độn căn, lực của nhân-lực của duyên, lực của phần

trong-lực của phần ngoài, lực Chánh tư duy bên trong-lực nghe Chánh pháp bên ngoài, nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Mấy căn vĩnh viễn đoạn- diệt- khởi đạt được quả A-la-hán?

Đáp: Nếu dựa vào Vị chí chứng quả A-la-hán, thì một căn vĩnh viễn đoạn, bảy căn vĩnh viễn đoạn- diệt- khởi, một căn diệt không khởi, một căn khởi không diệt, đạt được quả A-la-hán. Một căn vĩnh viễn đoạn, đó là Mạng căn. Bảy căn vĩnh viễn đoạn- diệt- khởi, bảy căn đó là Ý-Xả-năm căn như Tín..., vĩnh viễn đoạn đó là hữu lậu thân nhiếp, diệt đó là đạo vô gián thân nhiếp, khởi đó là đạo giải thoát thân nhiếp.

Lại nữa, vĩnh viễn đoạn đó là thế tục thân nhiếp, diệt đó là đạo của Hưởng thân nhiếp, khởi đó là đạo của Quả thân nhiếp.

Lại nữa, vĩnh viễn đoạn đó là Phi học phi vô học thân nhiếp, diệt đó là Học thân nhiếp, khởi đó là Vô học thân nhiếp.

Lại nữa, vĩnh viễn đoạn đó là Hữu Đảnh thân nhiếp, diệt đó là phẩm câu sinh của Định Kim cang dụ thân nhiếp, khởi đó là phẩm câu sinh của Tận trí thân nhiếp.

Lại nữa, vĩnh viễn đoạn đó là do tu mà đoạn thân nhiếp, diệt đó là Dĩ tri căn thân nhiếp, khởi đó là Cụ tri căn thân nhiếp.

Lại nữa, vĩnh viễn đoạn đó là hệ thuộc cõi Vô sắc thân nhiếp, diệt đó là địa Tu đạo thân nhiếp, khởi đó là địa của đạo Vô học thân nhiếp.

Một căn diệt không khởi, đó là Dĩ tri căn; một căn khởi không diệt, đó là Cụ tri căn.

Như dựa vào Vị chí, dựa vào Tĩnh lự trung gian-Tĩnh lự thứ tư và ba Vô sắc Định cũng như vậy.

Nếu dựa vào Tĩnh lự thứ nhất chứng quả A-la-hán, thì hai căn vĩnh viễn đoạn, sáu căn vĩnh viễn đoạn- diệt- khởi, một căn diệt-khởi, một căn diệt không khởi, một căn khởi không diệt, đạt được quả A-la-hán. Hai căn vĩnh viễn đoạn, đó là Mạng căn và Xả căn. Sáu căn vĩnh viễn đoạn- diệt- khởi, sáu căn đó là Ý căn và năm căn như Tín..Vĩnh viễn đoạn- diệt- khởi, nghĩa nói như trước. Một căn diệt-khởi, một căn đó là Hỷ căn, nghĩa về diệt-khởi nói như trước. Một căn diệt không khởi, đó là Dĩ tri căn. Một căn khởi không diệt, đó là Cụ tri căn.

Như dựa vào Tĩnh lự thứ nhất, dựa vào Tĩnh lự thứ hai-thứ ba cũng như vậy. Nhưng có sai biệt là dựa vào Tĩnh lự thứ ba, nên nói là Lạc căn khởi-diệt.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 149

CHƯƠNG VI: CĂN UẨN (Tiếp Theo)

Phẩm Thứ Ba: LUẬN VỀ XÚC

LUẬN VỀ XÚC (Phần 1)

Có mười sáu xúc, đó là xúc Hữu đối, xúc Tăng ngữ, xúc Minh, xúc Vô minh, xúc Phi minh phi vô minh, xúc Ái, xúc Nhuế, xúc Thuận lạc thọ, xúc Thuận khổ thọ, xúc Thuận không khổ không lạc thọ, xúc Nhãn, xúc Nhĩ, xúc Tỷ, xúc Thiết, xúc Thân và xúc Ý.

Thế nào là xúc Hữu đối, cho đến thế nào là xúc Ý? Những chương như vậy và giải thích về nghĩa của từng chương đã lĩnh hội rồi, nên phân biệt rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày nghĩa lý của mình. Đó là phái Thí Dụ nói: Xúc không phải là có thật. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì trong kinh nói. Như trong kinh nói: “Nhãn và Sắc làm duyên sinh ra Nhãn thức, ba pháp hòa hợp sinh ra Xúc..., lìa Nhãn-Sắc-Nhãn thức ra thì Thể của Xúc thật sự không có thể đạt được.” Vì ngăn chặn ý ấy để hiển bày về Thể của Xúc là có thật, nếu Thể của Xúc không phải là có thật, thì trái với kinh nói, như trong kinh nói: “Xúc là duyên với Thọ.” Nếu không có Xúc thì chỉ cần nói sáu Xứ duyên Thọ, hoặc là nói không có duyên chứ không cần nói Xúc duyên Thọ.

Lại nữa, nếu Thể của Xúc không phải là có thật, thì nên nói duyên khởi chỉ có mười một Chi, trong kinh không nên nói là có mười hai Chi.

Lại nữa, nếu Thể của Xúc không phải là có thật, thì chỉ cần nói là có chín pháp Đại địa. nhưng mà nói có mười, cho nên Xúc là có thật.

Hỏi: Nếu Xúc là có thật thì làm sao giải thích thông suốt về kinh

mà họ đã dẫn chứng?

Đáp: Ý kinh ấy nói ba pháp hòa hợp làm duyên sinh ra Xúc, chứ không phải là từ Thể không có mà có thể có nghĩa sinh ra. Xúc này nếu không sinh ra thì làm sao duyên với Thọ?

Ví như mặt trăng-viên ngọc hấp thụ ánh trăng và đồ đựng hòa hợp làm duyên sinh ra nước, không phải là không có nước sinh ra mà có thể có tác dụng của nước.

Lại như mặt trời-viên ngọc hấp thụ ánh mặt trời và củi khô hòa hợp làm duyên sinh ra lửa, không phải là không có lửa sinh ra mà có thể có tác dụng của lửa.

Như vậy, Căn-Cảnh và Thức hòa hợp làm duyên sinh ra Xúc, không phải là không có Xúc sinh ra mà có thể có tác dụng của Xúc. Tác dụng của Xúc, đó là có thể làm duyên sinh ra Thọ. Vì vậy cho nên muốn ngăn chặn cách nói của người khác để hiển bày về Xúc là có thật, mà soạn ra phần luận này.

Hỏi: Vì sao trong Căn Uẩn lại phân biệt về Xúc?

Đáp: Bởi vì đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra.

Lại nữa, điều này không cần phải hỏi. Nguyên cố thể nào? Bởi vì trước đây đã nói trong mỗi một Uẩn có đủ tất cả các nghĩa.

Lại nữa, tất cả các pháp do Xúc mà hiện hành (tập khởi), Căn do Xúc mà sinh ra cho nên phân biệt về Xúc.

Lại nữa, tâm-tâm sở lấy Xúc làm mạng, do Xúc mà dẫn dắt, do Xúc mà chuyển đổi, bởi vì lực của Xúc mà hiện rõ ở trước mắt, trong này có Căn cho nên phân biệt về Xúc.

Lại nữa, trước tiên an lập về các Xúc, sau đó biện giải về Căn tương ứng, bởi vì Căn lấy Xúc làm chương mục, cho nên trước tiên phải phân biệt về Xúc.

Hỏi: Trong các Thánh giáo, hoặc nói là một Xúc, như trong Tâm sở thiết lập Xúc thuộc Tâm sở, trong mười pháp Đại địa thiết lập Xúc thuộc pháp Đại địa; hoặc nói là hai Xúc, đó là hữu lậu-vô lậu, ràng buộc-cởi bỏ, hệ thuộc-không hệ thuộc; hoặc nói là ba Xúc, đó là hạ-trung-thượng, thiện-bất thiện-vô ký; hoặc nói là bốn Xúc, đó là hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc; hoặc nói là năm Xúc, đó là hệ thuộc ba cõi và Học-Vô học; hoặc nói là sáu Xúc, đó là Nhân xúc cho đến Ý xúc; hoặc nói là bảy Xúc, đó là do kiến Khổ mà đoạn cho đến do tu mà đoạn, và Học- Vô học; hoặc nói là tám Xúc, đó là do kiến Khổ mà đoạn cho đến do tu mà đoạn, và Kiến đạo-Tu đạo-đạo Vô học; hoặc nói là chín Xúc,

đó là Hạ Hạ cho đến Thượng Thượng; hoặc nói là mười Xúc, đó là hệ thuộc cõi Dục cho đến hệ thuộc Phi tưởng phi phi tưởng xứ, và không hệ thuộc. Nếu dựa theo sát-na nối tiếp nhau để phân biệt thì có vô lượng, tại sao trong này đối với một... nói rộng ra thành mười sáu, đối với vô lượng nói tóm lược thành mười sáu?

Đáp: Do sáu nhân duyên không tóm lược-không mở rộng mà nói là mười sáu Xúc, đó là bởi vì sở duyên, bởi vì đối trị chướng ngại, bởi vì tự tánh, bởi vì thuận nghịch, bởi vì tương ứng, bởi vì sở y. Bởi vì sở duyên, cho nên thiết lập xúc Hữu đối và xúc Tăng ngữ. Bởi vì đối trị chướng ngại, cho nên thiết lập xúc Minh và xúc Vô minh. Bởi vì tự tánh, cho nên thiết lập xúc Phi minh phi vô minh. Bởi vì thuận nghịch, cho nên thiết lập xúc Ái và xúc Nhuế. Bởi vì tương ứng, cho nên thiết lập xúc Thuận lạc thọ, xúc Thuận khổ thọ, xúc Thuận không khổ không lạc thọ. Bởi vì sở y, cho nên thiết lập Nhân xúc cho đến Ý xúc

Hỏi: Thế nào là xúc Hữu đối?

Đáp: Xúc tương ứng với năm Thức thân.

Hỏi: Vì sao Xúc này gọi là Hữu đối?

Đáp: Bởi vì dùng pháp Hữu đối làm sở duyên.

Hỏi: Xúc Tăng ngữ cũng dùng pháp Hữu đối làm sở duyên, vì sao chỉ có Xúc này gọi là Hữu đối?

Đáp: Bởi vì Xúc này là đầu tiên, cho nên có được tên gọi; xúc Tăng ngữ lại dùng duyên khác để kiến lập.

Có người nói: Xúc này chỉ dùng pháp Hữu đối làm sở duyên, xúc Tăng ngữ cũng duyên với pháp khác.

Có người nói: Sở y-sở duyên của Xúc này đều là Hữu đối, sở duyên của xúc Tăng ngữ tuy có lúc là Hữu đối mà sở y thì không như vậy, cho nên thiết lập tên gọi khác.

Hỏi: Thế nào là xúc Tăng ngữ?

Đáp: Xúc tương ứng với Ý thức thân.

Hỏi: Vì sao Xúc này gọi là Tăng ngữ?

Đáp: Bởi vì tự tánh của Xúc này tăng về ngữ, cho nên gọi là Tăng ngữ.

Hỏi: Vì sao tự tánh của Xúc này tăng về ngữ?

Đáp: Xúc Hữu đối chỉ hệ thuộc cõi Dục-Sắc, Xúc này bao gồm hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc.

Lại nữa, xúc Hữu đối chỉ có địa cõi Dục-Tĩnh lự thứ nhất có thể đạt được, Xúc này có thể đạt được ở tất cả các địa.

Lại nữa, xúc Hữu đối chỉ là hữu lậu, Xúc này bao gồm hữu lậu và

vô lậu. Bởi vì những nhân duyên này cho nên tự tánh tăng về ngữ.

Có người nói: Sở duyên của Xúc này tăng về ngữ, cho nên gọi là Tăng ngữ.

Hỏi: Vì sao sở duyên của Xúc này tăng về ngữ? Đáp: Xúc Hữu đối chỉ dùng pháp có sắc làm sở duyên, Xúc này cùng duyên với pháp có sắc-không có sắc.

Lại nữa, xúc Hữu đối chỉ dùng pháp Hữu đối làm sở duyên, Xúc này cùng duyên với pháp Hữu đối và Vô đối.

Lại nữa, xúc Hữu đối chỉ dùng pháp hữu lậu làm sở duyên, Xúc này cùng duyên với pháp hữu lậu-vô lậu.

Lại nữa, xúc Hữu đối chỉ dùng pháp hữu vi làm sở duyên, Xúc này cùng duyên với pháp hữu vi- vô vi. Bởi vì những nhân duyên này cho nên sở duyên tăng về ngữ.

Có người nói: Tăng ngữ, đó là tên gọi, Xúc này duyên với tên gọi cho nên gọi là Tăng ngữ. Tuy cũng duyên với nghĩa mà không phải là không giống nhau, tùy theo không giống nhau mà thiết lập tên gọi, dựa vào riêng biệt mà thiết lập tên gọi chung, như Khổ-Tập trí...

Hỏi: Thế nào là xúc Minh?

Đáp: Xúc vô lậu, tức là Xúc tương ứng với ba căn vô lậu.

Hỏi: Thế nào là xúc Vô minh?

Đáp: Xúc nhiễm ô, tức là Xúc tương ứng với tất cả phiền não và tùy phiền não.

Hỏi: Thế nào là xúc Phi minh phi vô minh?

Đáp: Xúc hữu lậu không nhiễm ô. Trong này, hỏi-đáp đều có hai ngăn chặn, đó là Phi minh thì ngăn chặn xúc Minh, Phi vô minh là ngăn chặn xúc Vô minh, không nhiễm ô là ngăn chặn xúc nhiễm ô, hữu lậu là ngăn chặn xúc vô lậu. Bởi vì những ngăn chặn này cho nên Thế này chỉ thấu nhiếp tất cả các Xúc hữu lậu thiện- vô phước vô ký.

Hỏi: Thế nào là xúc Ái?

Đáp: Xúc tương ứng với tham, tức là Xúc tương ứng với sáu Thức thân đi cùng tham do năm Bộ mà đoạn của ba cõi.

Hỏi: Thế nào là xúc Nhuế?

Đáp: Xúc tương ứng với sân, tức là Xúc tương ứng với sáu Thức thân đi cùng sân do năm Bộ mà đoạn.

Hỏi: Thế nào là xúc Thuận lạc thọ?

Đáp: Xúc tương ứng với Lạc thọ, tức là Xúc tương ứng với Lạc căn-Hỷ căn.

Hỏi: Thế nào là xúc Thuận khổ thọ?

Đáp: Xúc tương ứng với Khổ thọ, tức là Xúc tương ứng với Khổ căn-Uu căn.

Hỏi: Thế nào là xúc Thuận không khổ không lạc thọ?

Đáp: Xúc tương ứng với không khổ không lạc thọ, tức là Xúc tương ứng với Xả căn.

Hỏi: Thế nào là xúc Nhãn?

Đáp: Xúc tương ứng với Nhãn thức thân.

Hỏi: Cho đến thế nào là xúc Ý?

Đáp: Xúc tương ứng với Ý thức thân. Đó là dựa vào các căn như Nhãn... mà sinh ra, cho nên gọi là xúc Nhãn...

Đã hiển bày về tự tánh, nên giải thích về thâm nhiếp lẫn nhau. Nhưng có một Xúc thâm nhiếp toàn bộ các Xúc, đó là tự tánh một Xúc trong tâm sở. Trong này hai Xúc thâm nhiếp toàn bộ các Xúc, đó là xúc Hữu đối và xúc Tăng ngữ. Lại có ba Xúc thâm nhiếp toàn bộ các Xúc, đó là xúc Minh- xúc Vô minh- xúc Phi minh phi vô minh, và xúc Thuận lạc thọ- xúc Thuận khổ thọ- xúc Thuận không khổ không lạc thọ. Lại có sáu Xúc thâm nhiếp toàn bộ các Xúc, đó là xúc Nhãn cho đến xúc Ý.

Hỏi: Xúc Hữu đối thâm nhiếp mấy Xúc, cho đến xúc Ý thâm nhiếp mấy Xúc?

Đáp: Xúc Hữu đối thâm nhiếp toàn phần sáu Xúc, phần ít của bảy Xúc. Toàn phần sáu Xúc, đó là xúc Hữu đối và xúc Nhãn-Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân. Phần ít của bảy Xúc, đó là xúc Vô minh, xúc Phi minh phi vô minh, xúc Ái, xúc Nhuế, xúc Thuận lạc thọ, xúc Thuận khổ thọ, xúc Thuận không khổ không lạc thọ.

Hỏi: Vì sao Xúc này thâm nhiếp phần ít của bảy Xúc kia?

Đáp: Bảy Xúc kia cùng tương ứng với sáu Thức, Xúc này chỉ thâm nhiếp năm Thức tương ứng, cho nên nói là phần ít.

Xúc Tăng ngữ thâm nhiếp toàn phần ba Xúc, phần ít của bảy Xúc. Toàn phần ba Xúc, đó là xúc Tăng ngữ, xúc Minh, xúc Ý. Phần ít của bảy Xúc, nói như trước.

Hỏi: Vì sao Xúc này thâm nhiếp phần ít của bảy Xúc kia?

Đáp: Bảy Xúc kia cùng tương ứng với sáu Thức, Xúc này chỉ thâm nhiếp Ý thức tương ứng, cho nên nói là phần ít.

Xúc Minh thâm nhiếp toàn phần xúc Minh, phần ít của bốn Xúc, đó là xúc Tăng ngữ, xúc Thuận lạc thọ, xúc Thuận không khổ không lạc thọ và xúc Ý.

Hỏi: Vì sao Xúc này thâm nhiếp phần ít của bốn Xúc kia?

Đáp: Bốn Xúc kia bao gồm hữu lậu và vô lậu, Xúc này chỉ thâm

niếp vô lậu, cho nên nói là phần ít.

Xúc Vô minh thâm nhiếp toàn phần ba Xúc, phần ít của mười một Xúc. Toàn phần ba Xúc, đó là xúc Vô minh, xúc Ái và xúc Nhuế. Phần ít của mười một Xúc, đó là xúc Hữu đối, xúc Tăng ngữ, xúc Thuận lạc thọ, xúc Thuận khổ thọ, xúc Thuận không khổ không lạc thọ, xúc Nhãn cho đến xúc Ý.

Hỏi: Vì sao Xúc này thâm nhiếp phần ít của mười một Xúc kia?

Đáp: Mười một Xúc kia bao gồm nhiễm ô-không nhiễm ô, Xúc này chỉ thâm nhiếp nhiễm ô, cho nên nói là phần ít.

Xúc Phi minh phi vô minh thâm nhiếp toàn phần xúc Phi minh phi vô minh, phần ít của mười một Xúc, đó là những Xúc nói như trước.

Hỏi: Vì sao Xúc này thâm nhiếp phần ít của mười một Xúc kia?

Đáp: Tức là mười một Xúc trước bao gồm nhiễm ô- không nhiễm ô, không nhiễm ô có bao gồm hữu lậu-vô lậu, Xúc này chỉ thâm nhiếp hữu lậu không nhiễm ô, cho nên nói là phần ít.

Xúc Ái thâm nhiếp toàn phần xúc Ái, phần ít của mười một Xúc, đó là xúc Hữu đối, xúc Tăng ngữ, xúc Vô minh, xúc Thuận lạc thọ, xúc Thuận không khổ không lạc thọ, xúc Nhãn cho đến xúc Ý.

Hỏi: Vì sao Xúc này thâm nhiếp phần ít của mười một Xúc kia?

Đáp: Mười một Xúc kia bao gồm câu sinh-không câu sinh với tham, Xúc này chỉ thâm nhiếp câu sinh, cho nên nói là phần ít.

Xúc Nhuế thâm nhiếp toàn phần xúc Nhuế, phần ít của mười một Xúc, đó là xúc Hữu đối, xúc Tăng ngữ, xúc Vô minh, xúc Thuận khổ thọ, xúc Thuận không khổ không lạc thọ, xúc Nhãn cho đến xúc Ý.

Hỏi: Vì sao Xúc này thâm nhiếp phần ít của mười một Xúc kia?

Đáp: Mười một Xúc kia bao gồm câu sinh-không câu sinh với sân, Xúc này chỉ thâm nhiếp câu sinh, cho nên nói là phần ít.

Xúc Thuận lạc thọ thâm nhiếp toàn phần xúc Thuận lạc thọ, phần ít của mười hai Xúc, đó là xúc Hữu đối, xúc Tăng ngữ, xúc Minh, xúc Vô minh, xúc Phi minh phi vô minh, xúc Ái, xúc Nhãn cho đến xúc Ý.

Hỏi: Vì sao Xúc này thâm nhiếp phần ít của mười hai Xúc kia?

Đáp: Mười hai Xúc kia bao gồm câu sinh-không câu sinh với Lạc thọ, Xúc này chỉ thâm nhiếp câu sinh, cho nên nói là phần ít.

Xúc Thuận khổ thọ thâm nhiếp toàn phần xúc Thuận khổ thọ, phần ít của mười một Xúc, đó là xúc Hữu đối, xúc Tăng ngữ, xúc Vô minh, xúc Phi minh phi vô minh, xúc Nhuế, xúc Nhãn cho đến xúc Ý.

Hỏi: Vì sao Xúc này thâm nhiếp phần ít của mười một Xúc kia?

Đáp: Mười một Xúc kia bao gồm câu sinh-không câu sinh với Khổ

thọ, Xúc này chỉ thâm nhiếp câu sinh, cho nên nói là phần ít.

Xúc Thuận không khổ không lạc thọ thâm nhiếp toàn phần xúc Thuận không khổ không lạc thọ, phần ít của mười ba Xúc, đó là xúc Hữu đối, xúc Tăng ngữ, xúc Minh, xúc Vô minh, xúc Phi minh phi vô minh, xúc Ái, xúc Nhuế, xúc Nhân cho đến xúc Ý.

Hỏi: Vì sao Xúc này thâm nhiếp phần ít của mười ba Xúc kia?

Đáp: Mười ba Xúc kia bao gồm câu sinh-không câu sinh với Xả thọ, Xúc này chỉ thâm nhiếp câu sinh, cho nên nói là phần ít.

Xúc Nhãn thâm nhiếp toàn phần xúc Nhãn, phần ít của tám Xúc, đó là xúc Hữu đối, xúc Minh, xúc Phi minh phi vô minh, xúc Ái, xúc Nhuế, xúc Thuận lạc thọ, xúc Thuận khổ thọ, xúc Thuận không khổ không lạc thọ.

Hỏi: Vì sao Xúc này thâm nhiếp phần ít của tám Xúc kia?

Đáp: Tám Xúc kia bao gồm tương ứng-không tương ứng với Nhãn thức, Xúc này chỉ thâm nhiếp tương ứng, cho nên nói là phần ít.

Như xúc Nhãn, xúc Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân cũng như vậy. Trong này có sai biệt, đó là đều thâm nhiếp toàn phần Xúc của mỗi loại, Thức của mỗi loại tương ứng với phần ít của tám Xúc.

Xúc Ý thâm nhiếp toàn phần ba Xúc, phần ít của bảy Xúc, nói như xúc Tăng ngữ.

Hỏi: Vì sao gọi là thâm nhiếp, thâm nhiếp nghĩa là gì?

Đáp: Tự Thể đối với tự Thể, đã có- sẽ có- đang có, có thể đạt được cho nên gọi là thâm nhiếp.

Có người nói: Tự Thể đối với tự Thể không khác, không ngoài, không sai biệt, không lìa nhau, là có chứ không phải là rỗng không, cho nên gọi là thâm nhiếp.

Có người nói: Tự Thể đối với tự Thể đều là từng có, đều là đang có, đều là sẽ có, cho nên gọi là thâm nhiếp.

Nghĩa về các pháp không rời bỏ tự tánh là nghĩa của thâm nhiếp, chứ không giống như dùng ngón tay vê cái áo, dùng tay lấy thức ăn, bởi vì thức ăn ấy có thể buông bỏ.

Có người nói: Nghĩa về trói buộc ngăn cản là nghĩa của thâm nhiếp, các pháp trói buộc ngăn cản không có gì bằng tự Thể đối với tự Thể.

Hỏi: Xúc Hữu đối tương ứng với mấy căn, cho đến xúc Ý tương ứng với mấy căn?

Đáp: Xúc Hữu đối tương ứng với toàn phần một căn, phần ít của tám căn. Toàn phần một căn, đó là Khổ căn. Phần ít của tám căn, đó là Ý- Lạc- Xả và năm căn như Tín...

Hỏi: Vì sao Xúc này tương ứng với phần ít của tám căn ấy?

Đáp: Tám căn ấy bao gồm phẩm câu sinh của sáu Thức, Xúc này chỉ tương ứng với phẩm câu sinh của năm Thức, cho nên nói là phần ít.

Xúc Tăng ngữ tương ứng với toàn phần năm căn, phần ít của tám căn. Toàn phần năm căn, đó là Hỷ- Ưu và ba căn vô lậu. Phần ít của tám căn, nói như trước.

Hỏi: Vì sao Xúc này tương ứng với phần ít của tám căn ấy?

Đáp: Tám căn ấy bao gồm phẩm câu sinh của sáu Thức, Xúc này chỉ tương ứng với phẩm câu sinh của Ý thức, cho nên nói là phần ít.

Xúc Minh tương ứng với toàn phần ba căn, phần ít của chín căn. Toàn phần ba căn, đó là ba căn vô lậu. Phần ít của chín căn, đó là Ý- Lạc- Hỷ- Xả và năm căn như Tín...

Hỏi: Vì sao Xúc này tương ứng với phần ít của chín căn ấy?

Đáp: Chín căn ấy bao gồm hữu lậu và vô lậu, Xúc này chỉ tương ứng với vô lậu, cho nên nói là phần ít.

Xúc Vô minh tương ứng với phần ít của sáu căn, đó là Ý căn và năm Thọ căn.

Hỏi: Vì sao Xúc này tương ứng với phần ít của sáu căn ấy? Đáp: Sáu căn ấy bao gồm nhiễm ô và không nhiễm ô, Xúc này chỉ tương ứng với nhiễm ô, cho nên nói là phần ít.

Xúc Phi minh phi vô minh tương ứng với phần ít của mười một căn, đó là Ý- năm Thọ và năm căn như Tín...

Hỏi: Vì sao Xúc này tương ứng với phần ít của mười một căn ấy?

Đáp: Trong mười một căn ấy, sáu căn trước bao gồm nhiễm ô- không nhiễm ô, năm căn sau bao gồm hữu lậu- vô lậu, Xúc này chỉ tương ứng với hữu lậu- không nhiễm ô, cho nên nói là phần ít.

Xúc Ái tương ứng với phần ít của bốn căn, đó là Ý- Lạc- Hỷ- Xả căn.

Hỏi: Vì sao Xúc này tương ứng với phần ít của bốn căn ấy?

Đáp: Bốn căn ấy bao gồm tham câu sinh và không câu sinh, Xúc này chỉ tương ứng với tham câu sinh, cho nên nói là phần ít.

Xúc Nhuế tương ứng với phần ít của bốn căn, đó là Ý - Khổ - Ưu - Xả căn.

Hỏi: Vì sao Xúc này tương ứng với phần ít của bốn căn ấy?

Đáp: Bốn căn ấy bao gồm sân câu sinh và không câu sinh, Xúc này chỉ tương ứng với sân câu sinh, cho nên nói là phần ít.

Xúc Thuận lạc thọ tương ứng với toàn phần hai căn, phần ít của chín căn. Toàn phần hai căn, đó là Lạc căn và Hỷ căn. Phần ít của chín

căn, đó là Ý căn- năm căn như Tín..., và ba căn vô lậu.

Hỏi: Vì sao Xúc này tương ứng với phần ít của chín căn ấy?

Đáp: Trong chín căn ấy, sáu căn trước bao gồm Lạc thọ câu sinh và không câu sinh, Xúc này chỉ tương ứng với Lạc thọ câu sinh; ba căn sau cùng lấy chín căn làm tánh, Xúc này chỉ tương ứng với sáu căn, cho nên nói là phần ít.

Xúc Thuận khổ thọ tương ứng với toàn phần hai căn, phần ít của sáu căn. Toàn phần hai căn, đó là Khổ căn và Ưu căn. Phần ít của sáu căn, đó là Ý căn và năm căn như Tín...

Hỏi: Vì sao Xúc này tương ứng với phần ít của sáu căn ấy?

Đáp: Sáu căn ấy bao gồm Khổ thọ câu sinh và không câu sinh, Xúc này chỉ tương ứng với Khổ thọ câu sinh, cho nên nói là phần ít.

Xúc Thuận không khổ không lạc thọ tương ứng với toàn phần một căn, phần ít của chín căn. Toàn phần một căn, đó là Xả căn. Phần ít của chín căn, đó là Ý căn- năm căn như Tín..., và ba căn vô lậu.

Hỏi: Vì sao Xúc này tương ứng với phần ít của chín căn ấy?

Đáp: Trong chín căn ấy, sáu căn trước bao gồm không khổ không lạc thọ câu sinh và không câu sinh, Xúc này chỉ tương ứng với câu sinh; ba căn sau cùng lấy chín căn làm tánh, Xúc này chỉ tương ứng với sáu căn, cho nên nói là phần ít.

Xúc Nhân tương ứng với phần ít của chín căn, đó là Ý - Lạc - Khổ - Xả và năm căn như Tín...

Hỏi: Vì sao Xúc này tương ứng với phần ít của chín căn ấy?

Đáp: Chín căn ấy bao gồm phẩm câu sinh và phẩm không câu sinh của Nhân thức, Xúc này chỉ tương ứng với phẩm câu sinh, cho nên nói là phần ít.

Như xúc Nhân, xúc Nhĩ - Tỷ - Thiệt - Thân cũng như vậy. Trong này có sai biệt, đó là đều tương ứng với căn thuộc phẩm câu sinh của Thức mình.

Xúc Ý tương ứng với toàn phần năm căn, phần ít của tám căn, nói như xúc Tăng ngữ, nghĩa tương ứng nói rộng ra như trên.

Hỏi: Các căn là nhân của xúc Hữu đối, căn này tương ứng với xúc Hữu đối chẳng? Giả sử căn tương ứng với xúc Hữu đối, thì căn này là nhân của xúc Hữu đối chẳng?

Đáp: Các căn tương ứng với xúc Hữu đối, căn này là nhân của xúc Hữu đối, nghĩa là căn này lấy xúc Hữu đối làm bốn nhân, tức là nhân Tương ứng - Câu hữu - Đồng loại và Dị thực.

Có căn là nhân của xúc Hữu đối, căn này không phải là tương

ứng với xúc Hữu đối, đó là căn làm nhân của xúc Hữu đối, tương ứng với Xúc khác, và dị thực sinh không có sở duyên. Tương ứng với Xúc khác, đó là tương ứng với xúc Tăng ngữ, căn này lấy xúc Hữu đối làm hai nhân, tức là nhân Đồng loại và Dị thực; và dị thực sinh không có sở duyên, đó là tám căn như Mạng..., căn này lấy xúc Hữu đối làm một nhân, tức là nhân Dị thực.

Hỏi: Các căn là nhân của xúc Tăng ngữ, căn này tương ứng với xúc Tăng ngữ chẳng? Giả sử căn tương ứng với xúc Tăng ngữ, thì căn này là nhân của xúc Tăng ngữ chẳng?

Đáp: Các căn tương ứng với xúc Tăng ngữ, căn này là nhân của xúc Tăng ngữ, nghĩa là căn này lấy xúc Tăng ngữ làm năm nhân, tức là nhân Tương ứng- Câu hữu- Đồng loại- Biến hành và Dị thực.

Có căn là nhân của xúc Tăng ngữ, căn này không phải là tương ứng với xúc Tăng ngữ, đó là căn làm nhân của xúc Tăng ngữ, tương ứng với Xúc khác, và dị thực sinh không có sở duyên. Tương ứng với Xúc khác, đó là tương ứng với xúc Hữu đối, căn này lấy xúc Tăng ngữ làm ba nhân, tức là nhân Đồng loại- Biến hành và Dị thực; và dị thực sinh không có sở duyên, đó là tám căn như Mạng..., căn này lấy xúc Tăng ngữ làm một nhân, tức là nhân Dị thực.

Hỏi: Các căn là nhân của xúc Minh, căn này tương ứng với xúc Minh chẳng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Giả sử căn tương ứng với xúc Minh, thì căn này là nhân của xúc Minh chẳng?

Đáp: Đúng như vậy. Trong này, nhân đó là ba nhân, tức là nhân Tương ứng - Câu hữu và Đồng loại.

Hỏi: Các căn là nhân của xúc Vô minh, căn này tương ứng với xúc Vô minh chẳng? Giả sử căn tương ứng với xúc Vô minh, thì căn này là nhân của xúc Vô minh chẳng?

Đáp: Các căn tương ứng với xúc Vô minh, căn này là nhân của xúc Vô minh, nghĩa là căn này lấy xúc Vô minh làm bốn nhân, tức là nhân Tương ứng- Câu hữu- Đồng loại và Biến hành.

Có căn là nhân của xúc Vô minh, căn này không phải là tương ứng với xúc Vô minh, đó là căn làm nhân của xúc Vô minh, tương ứng với Xúc khác, và dị thực sinh không có sở duyên. Tương ứng với Xúc khác, đó là tương ứng với xúc Phi minh phi vô minh, căn này lấy xúc Vô minh làm một nhân, tức là nhân Dị thực; và dị thực sinh không có sở duyên, đó là tám căn như Mạng..., căn này lấy xúc Vô minh làm một nhân, tức

là nhân Dị thực.

Hỏi: Các căn là nhân của xúc Phi minh phi vô minh, căn này tương ứng với xúc Phi minh phi vô minh chẳng? Giả sử căn tương ứng với xúc Phi minh phi vô minh, thì căn này là nhân của xúc Phi minh phi vô minh chẳng?

Đáp: Các căn tương ứng với xúc Phi minh phi vô minh, căn này là nhân của xúc Phi minh phi vô minh, nghĩa là căn này lấy xúc Phi minh phi vô minh làm bốn nhân, tức là nhân Tương ứng- Câu hữu- Đồng loại và Biến hành.

Có căn là nhân của xúc Phi minh phi vô minh, căn này tương ứng với xúc Phi minh phi vô minh, đó là căn làm nhân của xúc Phi minh phi vô minh, dị thực sinh không có sở duyên, đó là tám căn như Mạng..., lấy xúc Phi minh phi vô minh làm một nhân, tức là nhân Dị thực.

Hỏi: Các căn là nhân của xúc Ái, căn này tương ứng với xúc Ái chẳng? Giả sử căn tương ứng với xúc Ái, thì căn này là nhân của xúc Ái chẳng?

Đáp: Các căn tương ứng với xúc Ái, căn này là nhân của xúc Ái, nghĩa là căn này lấy xúc Ái làm ba nhân, tức là nhân Tương ứng - Câu hữu và Đồng loại.

Có căn là nhân của xúc Ái, căn này không phải là tương ứng với xúc Ái, đó là căn làm nhân của xúc Ái, tương ứng với Xúc khác, và dị thực sinh không có sở duyên. Tương ứng với Xúc khác, đó là tương ứng với xúc Vô minh khác, tương ứng với xúc Phi minh phi vô minh, căn này lấy xúc Ái làm hai nhân, tức là nhân Đồng loại và Dị thực. Nghĩa là tương ứng với xúc Vô minh khác, căn lấy xúc Ái làm nhân Đồng loại; tương ứng với xúc Phi minh phi vô minh, căn lấy xúc Ái làm nhân Dị thực. Và dị thực sinh không có sở duyên, đó là tám căn như Mạng..., lấy xúc Ái làm một nhân, tức là nhân Dị thực.

Như nói về xúc Ái, xúc Nhuế cũng như vậy, nhưng sai biệt là nói theo tên gọi của mình.

Hỏi: Các căn là nhân của xúc Thuận lạc thọ, căn này tương ứng với xúc Thuận lạc thọ chẳng? Giả sử căn tương ứng với xúc Thuận lạc thọ, thì căn này là nhân của xúc Thuận lạc thọ chẳng?

Đáp: Các căn tương ứng với xúc Thuận lạc thọ, căn này là nhân của xúc Thuận lạc thọ, nghĩa là căn này lấy xúc Thuận lạc thọ làm năm nhân, tức là năm nhân như Tương ứng...

Có căn là nhân của xúc Thuận lạc thọ, căn này không phải là tương ứng với xúc Thuận lạc thọ, đó là căn làm nhân của xúc Thuận lạc

thọ, tương ứng với Xúc khác, và dị thực sinh không có sở duyên. Tương ứng với Xúc khác, đó là tương ứng với xúc Thuận khổ thọ, xúc Thuận không khổ không lạc thọ, căn này lấy xúc Thuận lạc thọ làm ba nhân, tức là nhân Đồng loại- Biến hành và Dị thực. Và dị thực sinh không có sở duyên, đó là tám căn như Mạng..., lấy xúc Thuận lạc thọ làm một nhân, tức là nhân Dị thực.

Như nói về xúc Thuận lạc thọ, xúc Thuận khổ thọ, xúc Thuận không khổ không lạc thọ cũng như vậy, nhưng sai biệt là nói theo tên gọi của mình.

Hỏi: Các căn là nhân của xúc Nhãn, căn này tương ứng với xúc Nhãn chăng? Giả sử căn tương ứng với xúc Nhãn, thì căn này là nhân của xúc Nhãn chăng?

Đáp: Các căn tương ứng với xúc Nhãn, căn này là nhân của xúc Nhãn, nghĩa là căn này lấy xúc Nhãn làm bốn nhân, tức là nhân Tương ứng - Câu hữu - Đồng loại và Dị thực.

Có căn là nhân của xúc Nhãn, căn này không phải là tương ứng với xúc Nhãn, đó là căn làm nhân của xúc Nhãn, tương ứng với Xúc khác, và dị thực sinh không có sở duyên. Tương ứng với Xúc khác, đó là tương ứng với xúc Nhĩ - Tỷ - Thiệt- Thân và Ý, căn này lấy xúc Nhãn làm hai nhân, tức là nhân Đồng loại và Dị thực. Và dị thực sinh không có sở duyên, đó là tám căn như Mạng..., căn này lấy xúc Nhãn làm một nhân, tức là nhân Dị thực.

Như nói về xúc Nhãn, xúc Nhĩ - Tỷ - Thiệt - Thân cũng như vậy, nhưng sai biệt là nói theo tên gọi của mình.

Hỏi: Các căn là nhân của xúc Ý, căn này tương ứng với xúc Ý chăng? Giả sử căn tương ứng với xúc Ý, thì căn này là nhân của xúc Ý chăng?

Đáp: Các căn tương ứng với xúc Ý, căn này là nhân của xúc Ý, nghĩa là căn này lấy xúc Ý làm năm nhân, tức là năm nhân như Tương ứng...

Có căn là nhân của xúc Ý, căn này không phải là tương ứng với xúc Ý, đó là căn làm nhân của xúc Ý, tương ứng với Xúc khác, và dị thực sinh không có sở duyên. Tương ứng với Xúc khác, đó là tương ứng với xúc Nhãn - Nhĩ - Tỷ - Thiệt - Thân, căn này lấy xúc Ý làm ba nhân, tức là nhân Đồng loại- Biến hành và Dị thực. Và dị thực sinh không có sở duyên, đó là tám căn như Mạng..., căn này lấy xúc Ý làm một nhân, tức là nhân Dị thực.

Những người thành tựu Nhãn căn thuộc chủng loại này, lúc ấy

thành tựu Thân căn thuộc chủng loại này chăng? Cho đến nói rộng ra.

Chủng loại là có bốn loại:

1. Chủng loại thuộc về tu.
2. Chủng loại thuộc về luật nghi.
3. Chủng loại thuộc về cõi.
4. Chủng loại thuộc về tướng tự.

Bốn chủng loại này nói rộng ra như chương Nghiệp Uẩn trước đây. Trong này dựa vào chủng loại thuộc về cõi mà soạn luận.

Hỏi: Những người thành tựu Nhân căn thuộc chủng loại này, lúc ấy thành tựu Thân căn thuộc chủng loại này chăng? Giả sử thành tựu Thân căn thuộc chủng loại này, thì lúc ấy thành tựu Nhân căn thuộc chủng loại này chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt.

1. Có lúc thành tựu Nhân căn thuộc chủng loại này, mà không thành tựu Thân căn thuộc chủng loại này, đó là sinh ở cõi Dục không có được Nhân căn, giả sử có được rồi mất; có được Nhân của cõi Sắc mà không có được Nhân căn, đó là chưa đến phần vị Bát-la-xa-khư... Giả sử có được rồi mất, đó là đã có được Nhân căn, hoặc là tự nhiên hư hoại, hoặc là gặp phải duyên hư hoại cho nên mất đi. Có được Nhân của cõi Sắc, đó là nhờ vào năng lực khéo léo luyện tập Tĩnh lực, Nhân căn của cõi Sắc dựa vào thân của cõi Dục mà có được, nhưng không có được Thân căn của cõi ấy, bởi vì không có thành tựu thân của cõi khác.

2. Có lúc thành tựu Thân căn thuộc chủng loại này, mà không thành tựu Nhân căn thuộc chủng loại này, đó là sinh ở cõi Dục không có được Nhân căn, giả sử có được rồi mất; không có được Nhân của cõi Sắc, lúc ấy chỉ thành tựu Thân căn của cõi Dục, Nhân căn của hai cõi đều không thành tựu.

3. Có lúc thành tựu Nhân căn thuộc chủng loại này, cũng thành tựu Thân căn thuộc chủng loại này, đó là sinh ở cõi Dục đã có được Nhân căn không mất, hoặc là sinh ở cõi Sắc. Đã có được, đó là đã đến phần vị Bát-la-xa-khư... Không mất, đó là bởi vì Nhân căn đã có được không phải là tự nhiên hư hoại, và gặp phải duyên hư hoại, cho nên không mất. Sinh ở cõi Sắc, bởi vì ở cõi Sắc không có người nào không đầy đủ căn.

4. Có lúc không thành tựu Nhân căn thuộc chủng loại này, cũng không thành tựu Thân căn thuộc chủng loại này, đó là sinh ở cõi Vô sắc, bởi vì địa ấy chắc chắn không có các sắc căn.

Như Nhân căn, Nhĩ căn cũng như vậy, bởi vì hai căn này cùng có

hiện rõ trước mắt ở cõi khác.

Hỏi: Những người thành tựu Tỷ căn thuộc chủng loại này, lúc ấy thành tựu Thân căn thuộc chủng loại này chăng? Giả sử thành tựu Thân căn thuộc chủng loại này, thì lúc ấy thành tựu Tỷ căn thuộc chủng loại này chăng?

Đáp: Nếu thành tựu Tỷ căn thuộc chủng loại này, thì lúc ấy thành tựu Thân căn thuộc chủng loại này.

Có lúc thành tựu Thân căn thuộc chủng loại này, mà lúc ấy không thành tựu Tỷ căn thuộc chủng loại này, đó là sinh ở cõi Dục không có được Tỷ căn, giả sử có được rồi mất. Không có được Tỷ căn, đó là chưa đến phần vị Bát-la-xa-khư...Giả sử có được rồi mất, đó là bởi vì đã có được Tỷ căn, hoặc là tự nhiên hư hoại, hoặc là gặp phải duyên hư hoại cho nên mất đi.

Như Tỷ căn, Thiệt căn cũng như vậy, bởi vì hai căn này đều không có hiện rõ trước mắt ở cõi khác.

Hỏi: Vì sao sinh ở cõi Dục có thể khởi lên Nhãn căn-Nhĩ căn của cõi Sắc hiện rõ ở trước mắt, chứ không phải là Tỷ- Thiệt- Thân căn?

Đáp: Bởi vì Nhãn căn-Nhĩ căn có gia hạnh đạt được, lìa nhiễm đạt được, do tu mà thành, bao gồm tánh sở y của bốn Chi-năm Chi thuộc quả Tĩnh lự, cho nên có thể ở cõi khác khởi lên hiện rõ ở trước mắt; Tỷ- Thiệt- Thân căn không có sự việc như vậy, cho nên chỉ ở cõi mình khởi lên hiện rõ ở trước mắt.

Có Sư khác nói: Sinh ở cõi Dục thì cầu khởi lên Nhãn căn-Nhĩ căn của trời ở cõi trên, không cầu ba căn khác cho nên không có thể khởi lên, nghĩa là người tu quán hành dấy lên mong cầu như vậy: Làm sao khiến cho mình thấy được sắc của cõi Sắc, nghe được thanh của cõi Sắc? Vì vậy liền tu Tĩnh lự Căn bản, khởi lên Thiên nhãn- Thiên nhĩ. Cõi ấy không có hương-vị để mong có thể ngửi-nếm, cho nên không cầu mong khởi lên Tỷ-Thiệt của cõi Sắc. Không có cảm giác của địa khác- xúc chạm của địa khác sinh khởi, giả sử mong cầu đối với cõi ấy thì không có lý nào có thể khởi lên, bởi vì chỉ chọn lấy cảnh.

Hỏi: Thiên nhãn lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Không phải là do các loại gân xương máu thịt mà thành, sắc thanh tịnh do Đại chủng của cõi Sắc mà tạo ra, có thể nhìn thấy không ngăn ngại gì, Thể không nhìn thấy được, do Nhãn giới-Nhãn xứ-Nhãn căn thâm nhiếp, đó gọi là Thiên nhãn.

Đã hiển bày về tự tánh, nên giải thích về tên gọi ấy.

Hỏi: Mắt này do nhân duyên gì mà nói là mắt cõi trời?

Đáp: Mắt này thù thắng cho nên gọi là trời, bởi vì thế gian đối với pháp thù thắng có từ gọi là trời, như áo quần của cõi trời, vật trang nghiêm của cõi trời, đồ ăn thức uống của cõi trời..., trong này đều lấy pháp thù thắng gọi là trời, mắt ấy cũng như vậy.

Về cõi thì hệ thuộc cõi Sắc. Về địa thì thuộc bốn địa Tịnh lục, không phải là Cận phần vô sắc. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì nếu địa có chung Định thù thắng làm sở y, thì địa này có Thiên nhãn, không phải là Cận phần Vô sắc có chung Định thù thắng làm sở y, cho nên địa ấy không có Thiên nhãn.

Hỏi: Vì sao Cận phần Vô sắc không có chung Định thù thắng làm sở y?

Đáp: Bởi vì Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na không bình đẳng, bởi vì không phải là do bốn Chi-năm Chi mà thành, bởi vì không phải là do vui với đạo thâm nhiếp.

Hỏi: Nếu sinh ở cõi Dục, tu đạt được Thiên nhãn, lúc hiện rõ ở trước mắt, thì khởi lên ở nơi nào?

Đáp: Ngay nơi Nhãn căn có được do sinh ra mà khởi lên.

Hỏi: Nếu mắt có được do sinh ra đã hư hoại thì lúc ấy khởi lên ở nơi nào?

Đáp: Ngay nơi Nhãn căn đã từng có mà khởi lên.

Hỏi: Nếu nơi ấy hợp lại làm một đoạn, không có thể biết gì thì lại khởi lên ở nơi nào?

Đáp: Ngay nơi Nhãn căn cần phải có mà khởi lên.

Hỏi: Những người khởi lên Thiên nhãn hiện rõ ở trước mắt, là có lúc bên trái khởi lên- bên phải không khởi lên chăng? Bên phải khởi lên- bên trái không khởi lên chăng? Bên trái dưới thấp- bên phải ở giữa chăng? Bên trái ở giữa- bên phải trên cao chăng? Bên phải dưới thấp- bên trái ở giữa chăng? Bên phải ở giữa- bên trái trên cao chăng?

Đáp: Không khởi lên như vậy, nghĩa là khởi lên Thiên nhãn thì chắc chắn mắt ở hai nơi cùng lúc khởi lên, cùng dưới thấp, cùng ở giữa- cùng trên cao, tất cả Thiên nhãn không có mù- không có thiếu, cũng không có hoa mắt và đồng phần lệch nhau.

Hỏi: Nếu sinh ở cõi Dục hóa làm thân một vạn sáu ngàn Du-thiện-na của cõi trời Sắc Cứu Cánh, lúc Thiên nhãn hiện rõ ở trước mắt nhìn thấy sắc ấy, thì thân người cao ba khuỷu tay rưỡi, hoặc là bốn khuỷu tay vẫn không bằng ngón chân của thân ấy, là ở nơi nào nhìn thấy sắc ấy, là phía trên hay là phía dưới?

Đáp: Có người nói: Dùng Thần cảnh thông ở phía trên mà thấy,

như nhà của người ở phía trên nhìn thấy phía dưới. Như vậy ở phía trên nhìn thấy các sắc phía dưới.

Có người nói: Ở phía dưới mà thấy, như hàng lối-cảnh tượng ở phía dưới nhìn thấy phía trên. Như vậy ở phía dưới nhìn thấy các sắc phía trên.

Có người nói: Lúc ấy dùng Thần cảnh trí chứng thông, kéo dài-mở rộng thân này làm cho bằng thân lượng một vạn sáu ngàn Du-thiện-na đã hóa hiện mà nhìn thấy các sắc.

Có người nói: Cõi Dục cũng có thân một vạn sáu ngàn Du-thiện-na, thuận theo cùng sinh với thân của Sắc Cứu Cánh đã hóa hiện, nếu lúc hóa làm thân của Sắc Cứu Cánh, lúc bấy giờ thân ba khuỷu tay rưỡi hoặc là bốn khuỷu tay của cõi Dục sẽ diệt đi, thân một vạn sáu ngàn Du-thiện-na ấy nối tiếp khởi lên, thì dựa vào nơi chốn của mắt thường mà nhìn thấy các sắc.

Nói như vậy thì như thân lượng dị thực của nơi sinh ra thân ấy, thân hóa hiện cũng như vậy. Như lúc từ cõi Sắc đi đến cõi Dục, hóa làm thân biến hóa vẫn giống như thân lượng dị thực của cõi Dục. Nơi này hóa làm thân của nơi kia, nên biết cũng như vậy, tùy theo nơi cư trú mà nhìn thấy các sắc.



LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 150

LUẬN VỀ XÚC (Phần 2)

Nếu lúc Thiên nhãn hiện rõ ở trước mắt, thì mắt do sinh ra mà được, có đoạn hay không? Nếu đoạn thì tại sao sắc sinh ra không do dị thực, đoạn rồi lại nối tiếp? Bởi vì A-tỳ-đạt-ma không muốn làm cho sắc sinh do dị thực đoạn rồi nối tiếp. Nếu không đoạn thì Thiên nhãn và mắt do sinh ra mà được, cả hai đều nhìn thấy sắc, tại sao không rối loạn?

Đáp: Nên nói là không đoạn, bởi vì sắc dị thực đoạn rồi không nối tiếp.

Vì vậy Tôn giả Diệu Âm đưa ra câu hỏi như vậy: “Lúc Thiên nhãn hiện rõ ở trước mắt thì mắt do sinh ra mà được nên nói là đoạn, hay là không đoạn? Trả lời: Nên nói là không đoạn, bởi vì ngay nơi này có Đại chủng của cõi Sắc và Thiên nhãn đã tạo ra cùng hiện rõ ở trước mắt.”

Hỏi: Nếu như vậy thì Thiên nhãn và mắt do sinh ra mà được, cả hai đều nhìn thấy sắc, tại sao không rối loạn?

Đáp: Lúc Thiên nhãn khởi lên thì mắt do sinh ra mà được, trú trong Đồng phần của mắt ấy (Bỉ đồng phần), cho nên không có lỗi. Ví như lúc Thức khác hiện rõ ở trước mắt, tuy không nhìn thấy sắc mà mắt không đoạn, ở đây cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao không cùng nhìn thấy?

Đáp: Bởi vì trong một thân không có hai Thức cùng lúc khởi lên, lúc bấy giờ Thức dựa vào Thiên nhãn chứ không dựa vào mắt do sinh ra mà được.

Có người nói: Có sắc không phải là cảnh của mắt do sinh ra mà được, bởi vì nhìn thấy sắc ấy cho nên khởi lên Thiên nhãn hiện rõ trước mắt, vào lúc bấy giờ mắt do sinh ra mà được tuy không đoạn nhưng không có tác dụng, vì vậy không cùng nhìn thấy.

Có người nói: Lúc Thiên nhãn khởi lên thì mắt do sinh ra mà được

sẽ đoạn.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao sắc sinh ra không do dị thực, đoạn rồi có thể nối tiếp? Như vậy thì trái với cách nói của A-tỳ-đạt-ma.

Đáp: Đoạn có hai loại:

1. Đoạn trong thời gian ngắn.
2. Đoạn đến cuối cùng.

Đoạn trong thời gian ngắn thì có thể nối tiếp chứ không phải là đoạn đến cuối cùng, vì vậy không có lỗi.

Có người nói: Lúc bấy giờ mắt do sinh ra mà được diệt đi - Thiên nhãn phát sinh, Thiên nhãn diệt đi - mắt do sinh ra mà được phát sinh, bởi vì Nhãn căn trong thân ấy chưa từng trống rỗng, cho nên không thể nói là đoạn.

Có người nói: Lúc ấy mắt do sinh ra mà được sẽ đoạn cũng không có lỗi, bởi vì cũng có sắc sinh ra do dị thực, đoạn rồi nối tiếp. Vì sao biết như vậy? Bởi vì như trong kinh nói: “Vị vua Nhất Thiết Thí lập tức đưa tay tự móc hai mắt mình thí cho Bà-la-môn. nhờ vào Tư nguyện thù thắng khiến cho mắt bình phục.” Lại như kinh nói: “Người hành ác lúc bấy giờ dùng móc sắt Khiết-địa-la móc mắt của người hành thiện, cũng nhờ vào Tư nguyện thù thắng của Bồ-tát cho nên trở lại có được Nhãn căn.” Luận Thi Thiết nói: “Địa ngục có núi đê chắc hữu tình làm cho thân nát vụn, sau đó không lâu các căn lại sinh ra, trong các địa ngục thì loại này không phải là một.” Vì vậy biết rằng sắc do dị thực sinh ra đoạn rồi có thể nối tiếp.

Nói như vậy thì lúc Thiên nhãn khởi lên, mắt do sinh ra mà được sẽ không diệt đi, sắc dị thực đoạn đoạn rồi cũng không có nghĩa nối tiếp.

Hỏi: Sự việc đã dẫn chứng trước đây nên hiểu thế nào?

Đáp: Điều ấy không trái ngược nhau, bởi vì có nghĩa riêng biệt, tức là đã nói như vị vua Nhất Thiết Thí, lúc bấy giờ chỉ do tâm bố thí thành tựu tròn đầy, cho nên đưa ra cách nói này chứ thật sự là chưa móc mắt. Sự việc ấy là thế nào? Nghĩa là “Ngày xưa, lúc Đức Phật làm Bồ-tát, từng làm vị Quốc Vương tên gọi Nhất Thiết Thí, có thể thỏa mãn ý muốn của tất cả những người đến cầu xin, tên gọi này lưu truyền khắp nơi trên cõi trời- giữa loài người, lúc ấy Thiên Đế Thích biết rồi nghĩ rằng: Vị vua ấy bố thí không hề mệt mỏi như vậy, vì cầu Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề, hay vì mong danh dự ở thế gian-ngôi vị cõi trời? Nếu mong ngôi vị cõi trời thì có lẽ là kẻ thù của mình, nên đến tìm hiểu để biết ý bố thí của vị ấy. Liền tự hóa làm thân Bà-la-môn, đội mũ trùm

khăn, đeo gương bằng vàng, tay cầm gậy bằng vàng, đi đến trước mặt nhà vua, cầu nguyện cho nhà vua thường được tôn quý thù thắng. Nhà vua nói Phạm Chí đến cầu xin điều gì? Đáp rằng: Tôi đến đây chính là muốn có đôi mắt của nhà vua. Nhà vua lấy bốn vật báu làm mắt thí cho nhưng người ấy không nhận mà nói rằng: Nay tôi cần đến mắt chứ đâu cần những vật này làm gì. Nhà vua nghe vậy rồi liền đưa hai tay muốn tự mình móc mắt. Đế Thích biết tâm bố thí của nhà vua đã được quyết định, liền ngăn nhà vua và nói rằng: Muốn cầu điều gì mà có thể bố thí điều khó bố thí, vì cầu ngôi vị Thích-Phạm-Ma vương, hay là vì mong danh dự quy kính của thế gian? Nhà vua nói: Những điều này đều không phải là sự mong cầu của tôi, chỉ có Ứng Chánh Đẳng Giác lia khỏi sinh lão bệnh tử là điều nguyện cầu của tôi. Thiên Đế nghe rồi liền trở lại hình dáng của mình, ca ngợi nhà vua rằng: Thật sự là Bồ-tát không bao lâu chắc chắn đạt được Vô thượng Bồ-đề. Nói lời này xong, bỗng nhiên không còn thấy nữa.” Vì vậy, vị vua ấy lúc bấy giờ thật sự là chưa móc mắt.

Lại nữa, người ấy đã dẫn kinh nói về hành thiện- hành ác, Nhân căn của người hành thiện có chủng tử còn lại, nhờ vào Tư nguyện thù thắng trước đây đã đầy đủ trọn vẹn thù thắng; trong các địa ngục cũng cùng cách giải thích này. Nếu không có chủng tử còn lại thì không có thể sinh ra, cho nên sắc dị thực đoạn rồi không có lý nào nối tiếp. Vì vậy lúc Thiên nhân hiện rõ ở trước mắt thì mắt do sinh ra mà được, không đoạn mất.

Hỏi: Như sinh ở cõi Dục mà khởi lên Thiên nhân, sinh ở cõi Sắc cũng khởi lên hay không?

Đáp: Có người nói: Không khởi lên, bởi vì trong cõi Sắc tùy theo mắt do sinh ra mà được đã nhìn thấy nhiều ít, mắt do tu mà được cũng như vậy, không có tác dụng khác biệt, cho nên không khởi lên.

Nói như vậy thì cũng khởi lên hiện rõ trước mắt.

Hỏi: Cùng khởi lên với mắt do sinh ra mà được lại có tác dụng gì?

Đáp: Muốn dạo chơi chung với Tuệ cho nên khởi lên hiện rõ trước mắt. Vả lại, thân Trung Hữu không phải là cảnh của mắt do sinh ra mà được, cho nên khởi lên Thiên nhân quán xét về sự sai biệt của Trung Hữu.

Hỏi: Sinh ở cõi Dục mà khởi lên Thiên nhân là mạnh hơn, hay sinh ở cõi Sắc mà khởi lên là mạnh hơn?

Đáp: Cõi Dục đã khởi lên, bởi vì mạnh mẽ cho nên mạnh hơn, ng-

hĩa là Phật- Độc giác- Thanh văn đến cuối cùng đã khởi lên Thiên nhãn có tác dụng mạnh mẽ, không phải là sinh ở cõi Sắc mà có năng lực hiện rõ trước mắt. Cõi Sắc đã khởi lên, bởi vì sở y cho nên mạnh hơn, nghĩa là ở cõi ấy dựa vào thân to lớn thù thắng tuyệt vời, đã khởi lên Thiên nhãn do nhiều cực vi tạo thành, không phải là trong cõi Dục mà có thể khởi lên mắt này, cho nên hai cõi khởi lên đều có mạnh-yếu.

Hỏi: Thiên nhãn do tu mà được và mắt do sinh ra mà được, có gì sai biệt?

Đáp: Tên gọi tức là sai biệt, đó là tên gọi thuộc Thiên nhãn, tên gọi thuộc mắt do sinh ra mà được.

Có người nói: Thể cũng có khác nhau, đó là mắt do sinh ra mà được, có Đồng phần và Bĩ đồng phần; Thiên nhãn do tu mà được chỉ là Đồng phần.

Vả lại, mắt do sinh ra mà được bao gồm sự nuôi lớn và dị thực sinh, Thiên nhãn do tu mà được chỉ là sự nuôi lớn.

Có người nói: Nhân cũng có khác nhau, đó là mắt do sinh ra mà được là quả thuộc về Nghiệp, Thiên nhãn do tu mà được là quả thuộc về Tu.

Hỏi: Lẽ nào không phải mắt do sinh ra mà được cũng là quả thuộc về Tu hay sao? Đáp: Mắt ấy phần ít là quả thuộc về Tu, phần ít là quả dị thực thuộc về Trí do sinh ra mà được; Thiên nhãn chỉ là quả thuộc về Tu.

Có người nói: Thiên nhãn nhờ vào lực tác ý gia hạnh mới được hiện rõ trước mắt, mắt do sinh ra mà được thì không như vậy.

Có người nói: Quả cũng có khác nhau, đó là mắt do sinh ra mà được làm sở y cho Thức thiện- nhiễm và vô ký, Thiên nhãn do tu mà được chỉ làm sở y cho Thức vô ký.

Có người nói: Cảnh cũng có khác nhau, đó là mắt do sinh ra mà được, không nhìn thấy Trung Hữu; Thiên nhãn do tu mà được, có năng lực nhìn thấy Trung Hữu.

Có người nói: Dụng cũng có khác nhau, đó là Thiên nhãn do tu mà được so với mắt do sinh ra mà được, có tác dụng mạnh mẽ vi diệu thù thắng, thanh tịnh sáng tỏ nhanh nhạy vi tế, cho nên có sai biệt.

Hỏi: Một niệm có thể khởi lên mấy Thông quả (quả thuộc thần thông)?

Đáp: Những người có ý muốn làm cho sự hóa hiện không có lưu lại, Thiên nhãn-Thiên nhĩ không có Bĩ đồng phần, họ nói một niệm chỉ khởi lên một Thông quả, đó là năm thần thông tùy theo một. Những

người có ý muốn làm cho sự hóa hiện có lưu lại, Thiên nhãn-Thiên nhĩ không có Bĩ đồng phần, họ nói một niệm có thể khởi lên hai Thông quả, đó là Thần cảnh thông quả và tùy theo một trong bốn loại còn lại. Những người có ý muốn làm cho sự hóa hiện có lưu lại, Thiên nhãn-Thiên nhĩ có Bĩ đồng phần, họ nói một niệm có thể khởi lên bốn Thông quả, đó là Thần cảnh thông quả- Thiên nhãn- Thiên nhĩ và tùy theo một trong hai loại còn lại, đó là Tha tâm thông- Túc trú tùy niệm thông, bởi vì cảnh giới khác nhau cho nên không khởi lên cùng lúc.

Nói như vậy thì nên biết rằng cách nói thứ hai là hợp lý, bởi vì sự hóa hiện có thể lưu lại, Thiên nhãn- Thiên nhĩ chắc chắn không có Bĩ đồng phần, chủ yếu vào lúc tác dụng thì mới hiện rõ trước mắt.

Hỏi: Sắc đã hóa hiện ở cõi Dục có bốn loại, đó là quả thuộc Tĩnh lự thứ nhất, cho đến quả thuộc Tĩnh lự thứ tư, dựa vào Tĩnh lự thứ nhất mà đạt được Thiên nhãn, thì có thể thấy đầy đủ bốn loại sắc chăng?

Đáp: Có người nói: Thấy đầy đủ đều là do Sắc xứ của cõi Dục thâm nhiếp.

Có người nói: Chỉ thấy quả thuộc Tĩnh lự thứ nhất chứ không phải là nơi khác, bởi vì nhân mạnh hơn cho nên giống như nhân chứ không phải là cảnh, quả cũng thuận theo như vậy. Dựa vào Tĩnh lự thứ hai mà đạt được Thiên nhãn, có thể thấy sắc của quả thuộc hai Tĩnh lự trước chứ không phải là nơi khác; dựa vào Tĩnh lự thứ ba mà đạt được Thiên nhãn, có thể thấy sắc của quả thuộc ba Tĩnh lự trước chứ không phải là nơi khác; dựa vào Tĩnh lự thứ tư mà đạt được Thiên nhãn, có thể thấy đầy đủ sắc của quả thuộc bốn Tĩnh lự.

Nói như vậy thì đó là cách nói thứ nhất, dựa vào Tĩnh lự thứ nhất mà đạt được Thiên nhãn, có thể thấy sắc của cõi Dục và Tĩnh lự thứ nhất; cho đến dựa vào Tĩnh lự thứ tư mà đạt được Thiên nhãn, có thể thấy sắc của cõi Dục và bốn Tĩnh lự.

Hỏi: Dựa vào Tĩnh lự thứ tư mà đạt được Thiên nhãn, có thể thấy sắc của cõi Dục và bốn Tĩnh lự, là mắt thấy sắc của cõi Dục lập tức thấy sắc của địa khác, hay là lại khởi lên mắt khác thấy sắc của địa khác? Nếu mắt thấy sắc của cõi Dục lập tức thấy sắc của địa khác, thì làm sao một mắt mà có thể thấy hai cảnh thô-tế? Nếu lại khởi lên mắt khác thấy sắc của địa khác, thì Thiên nhãn của Tĩnh lự thứ tư phải có năm loại, tất cả chỉ thấy sắc của một địa, thì không nên nói là Thiên nhãn của địa này lấy năm địa làm cảnh?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Ngay mắt thấy sắc của cõi Dục, có thể thấy các sắc của địa khác.

Hỏi: Làm sao một mắt mà có thể thấy hai cảnh thô-tế?

Đáp: Điều này cũng không có lỗi, như thấy núi lớn thì sắc thô-tế cùng lúc có thể thấy. Thấy sắc thô là như thấy cây lớn nhiều cành, thấy sắc tế là như thấy cỏ nhỏ ở trong đó. Như vậy, một mắt của Tĩnh lự thứ tư có thể thấy các sắc của năm địa, nào có lỗi gì?

Có Sư khác nói: Mắt thấy sắc của cõi Dục có khác, cho đến mắt thấy sắc của Tĩnh lự thứ tư có khác.

Hỏi: Nếu như vậy thì Thiên nhãn của Tĩnh lự thứ tư phải có năm loại, tất cả chỉ thấy sắc của một địa, thì không nên nói là Thiên nhãn của địa này lấy năm địa làm cảnh?

Đáp: Thiên nhãn của một địa có năm loại khác nhau cũng không có lỗi. Dựa theo chủng loại của địa, nói chung là một mắt thấy cảnh của năm địa, tất cả ở trong đó mà thấy đều khác nhau.

Như chương Định Uẩn nói: “Dựa vào Tĩnh lự thứ nhất mà dẫn đến Thiên nhãn, cao nhất có thể thấy sắc hệ thuộc nơi nào?”

Đáp: Cho đến hệ thuộc cõi Phạm Thế. Dựa vào Tĩnh lự thứ hai mà dẫn đến Thiên nhãn, cao nhất có thể thấy sắc hệ thuộc nơi nào? Đáp: Cho đến hệ thuộc cõi Cực Quang Tịnh. Dựa vào Tĩnh lự thứ ba mà dẫn đến Thiên nhãn, cao nhất có thể thấy sắc hệ thuộc nơi nào? Đáp: Cho đến hệ thuộc cõi Biến Tịnh. Dựa vào Tĩnh lự thứ tư mà dẫn đến Thiên nhãn, cao nhất có thể thấy sắc hệ thuộc nơi nào? Đáp: Cho đến hệ thuộc cõi Quảng Quả.”

Hỏi: Chiều ngang xa nhất nhìn thấy được bao nhiêu?

Đáp: Có người nói: Như nhìn thấy phía trên. Có người nói: Chiều ngang nhìn thấy thì rộng.

Nói như vậy thì vẫn ấy tạm thời nói đến phạm vi nhìn thấy phía trên, không nói đến cảnh thuộc chiều ngang. Nhưng tùy theo thế lực của căn nhìn thấy theo chiều ngang không nhất định, có xa- có gần như nơi khác nói.

Luận Thi Thiết nói: “Như cõi trời Tứ Đại Vương Chúng dùng trí-dùng kiến để hiểu rõ đối với loài người, loài người đối với cõi trời Tứ Đại Vương Chúng thì không có thể như vậy, trừ ra có tu - có thần thông, hoặc là nhờ vào uy lực khác; cho đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại đối với loài người cũng như vậy, nghĩa là cõi trời Tứ Đại Vương Chúng...cũng là cảnh thuộc mắt của loài người, bởi vì hệ thuộc cùng một cõi. Nhưng bởi vì rất xa cho nên không thể nào nhìn thấy, nếu đạt được thần thông thì tự mình có thể đi đến nhìn thấy, hoặc là nhờ vào lực khác dẫn đến nơi ấy thì có thể nhìn thấy.”

Hỏi: Nếu chư Thiên cõi ấy đến nơi này thì có thể nhìn thấy hay không?

Đáp: Nhìn thấy.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong luận ấy vì sao không nói?

Đáp: Bởi vì cảnh giới ít cho nên không nói. Lại nữa, đây chính là thâm nhiếp ở trong lực khác dẫn dắt, cho nên không nói riêng biệt.

Lại trong luận ấy nói: “Như cõi trời Phạm Chúng dùng trí - dùng kiến để hiểu rõ đối với loài người, loài người đối với cõi trời Phạm Chúng thì không có thể như vậy, trừ ra có tu- có thần thông, hoặc là nhờ vào uy lực khác; cho đến cõi trời Sắc Cứu Cánh đối với loài người cũng như vậy.”

Hỏi: Luận ấy đã nói là trừ ra có tu thì sự việc này có thể như vậy, tại sao có thể nói là trừ ra có thần thông, hoặc là nhờ vào uy lực khác? Nguyên cớ thế nào? Bởi vì tuy là có thần thông, hoặc là nhờ vào uy lực khác dẫn dắt có thể đến được cõi trời ấy, nhưng nếu không có Thiên nhãn thì không có thể nhìn thấy; nếu có Thiên nhãn thì tuy không đến cõi trời ấy mà cũng có thể nhìn thấy.

Đáp: Luận ấy chỉ cần nói là trừ ra có tu, mà lại nói có những loại khác, là có ý nghĩa khác. Đó là dựa vào những Phạm Thiên ở phương khác mà nói, sắc của những Phạm Thiên ở phương khác cũng là dựa vào những cảnh giới như Tĩnh lự thứ nhất... của phương này mà dẫn đến Thiên nhãn, nhưng bởi vì rất xa cho nên tuy đạt được mắt ấy mà không có thể nhìn thấy cõi ấy. Nếu tự mình có thần thông, hoặc là nhờ vào lực khác mà dẫn đến cõi ấy thì mới có thể dùng Thiên nhãn để nhìn thấy. Trừ ra có tu là hiển bày về đạt được Thiên nhãn, nói đến hai câu sau là hiển bày về Nhân đến được cõi ấy, cho nên luận ấy đã nói là có ý nghĩa khác.

Luận Thi Thiết ấy lại đưa ra cách nói này: “Trong Tĩnh lự thứ nhất có ba cõi trời, đó là Phạm Chúng- Phạm Phụ và Đại Phạm Thiên.”

Hỏi: Ba cõi trời như vậy có nhìn thấy lẫn nhau hay không?

Đáp: Những cõi trời ấy nhìn thấy lẫn nhau.

Hỏi: Trong kinh đã nói nên hiểu thế nào? Như nói: “Phạm Vương có được tự Thể giống như hình dáng của Đồng tử, không phải là cảnh giới của Thiên nhãn cõi Phạm Chúng.”

Đáp: Là cảnh của mắt ở cõi ấy mà do lực thần thông của Đại Phạm Vương đã ngăn che khiến cho chư Thiên cõi ấy không nhìn thấy.

Tĩnh lự thứ hai có ba cõi trời, đó là Thiểu Quang- Vô Lượng Quang và Cực Quang Tịnh.

Hỏi: Ba cõi trời như vậy có nhìn thấy lẫn nhau hay không?

Đáp: Những cõi trời ấy nhìn thấy lẫn nhau.

Tĩnh lực thứ ba có ba cõi trời, đó là Thiếu Tịnh- Vô Lượng Tịnh và Biến Tịnh.

Hỏi: Ba cõi trời như vậy có nhìn thấy lẫn nhau hay không?

Đáp: Những cõi trời ấy nhìn thấy lẫn nhau.

Tĩnh lực thứ tư có tám cõi trời, đó là Vô Vân- Phước Sinh- Quảng Quả, Vô Phiền, Vô Nhiệt, Thiện Hiện, Thiện Kiến và Sắc Cứu Cánh.

Hỏi: Tám cõi trời như vậy có nhìn thấy lẫn nhau hay không?

Đáp: Những cõi trời ấy nhìn thấy lẫn nhau, bởi vì hệ thuộc cùng một cõi.

Luận Pháp Uẩn nói: “Ở xung quanh mắt có thời gian-có phạm vi, Đại chủng của cõi Sắc đã tạo ra Thiên nhãn thanh tịnh hiện rõ trước mắt, nhờ vào Thiên nhãn này có thể nhìn thấy các sắc sai biệt ở trước sau- trái phải- trên dưới. Nhìn thấy các sắc trước sau- trái phải, bởi vì không phải là do tường-đá... mà chướng ngại. Nhìn thấy các sắc phía dưới, bởi vì không phải là do đất-nước...mà chướng ngại. Nhìn thấy các sắc phía trên, bởi vì không phải là do mây mù...mà chướng ngại.”

Hỏi: Thiên nhãn như vậy có thể ở trong một lúc lập tức nhìn thấy cảnh của các sắc ở mười phương hay không?

Đáp: Có người nói: Có thể nhìn thấy, bởi vì Nhãn căn của loài trời sáng ngời trong suốt, tự nhiên soi chiếu khắp nơi; như ngọc quý Mạt-ni phát ra ánh sáng khắp nơi. Có người nói: Không có thể trong một lúc lập tức nhìn thấy khắp nơi.

Hỏi: Luận Pháp Uẩn đã nói nên hiểu thế nào?

Đáp: Luận ấy nói đến Thiên nhãn không ngăn cách bởi các phương, chứ không phải là nói Thiên nhãn ấy có thể trong một lúc lập tức nhìn thấy. Nghĩa là mắt của loài người chỉ có thể nhìn thấy sắc ở trước mặt, muốn nhìn thấy phương khác thì cần phải xoay chuyển cúi xuống-ngước lên mới nhìn thấy; Thiên nhãn thì không như vậy, mặt hướng về một phương tùy theo ý muốn có thể nhìn thấy mà không cần phải xoay chuyển. Vì vậy nói là có thể nhìn thấy các phương trên dưới, chứ không phải là nói trong một lúc mà nhìn thấy mười phương.

Có người đưa ra cách nói này: Ý thanh tịnh cho nên nhìn thấy.

Hỏi: Ý thanh tịnh là Tín, tức là tâm sở pháp tương ứng với tâm, pháp này không phải là Thể của thấy, làm sao có thể nhìn thấy?

Đáp: Đó là dựa vào ý bí mật mà nói đến Ý căn không có gì rồi

loạn. Nghĩa là nếu Ý căn không rong ruổi theo nơi khác, lia xa những duyên rồi loạn, thì có thể khiến cho Nhãn căn nhìn thấy sắc rõ ràng, cho nên đưa ra cách nói này.

Có người đưa ra cách nói này: Thắng giải cho nên nhìn thấy.

Hỏi: Đã nói Thắng giải là tâm sở pháp tương ứng với tâm, pháp này không phải là Thể của thấy, làm sao có thể nhìn thấy?

Đáp: Dựa vào ý thích của Sư Du-già mà an lập, cho nên đưa ra cách nói này. Nghĩa là Sư Du-già khởi lên ý thích này, khiến cho mình trong một niệm nhìn thấy sắc của mười phương. Nhưng có thể nhìn thấy sắc lại không phải là Thắng giải.

Lại trong luận Thi Thiết đưa ra cách nói như vậy: “Có những người đang tiến vào Định thuộc Biến xứ màu xanh, từ Định ấy đứng lên mà thấy đều là màu xanh. Lại do trải qua thời gian dài ở trong rừng xanh, sau đó ra ngoài đi đến nơi khác mà thấy đều là màu xanh.” Dựa vào đây mà nói là Thắng giải cho nên nhìn thấy.

Có người đưa ra cách nói này: Ngay Nhãn căn của loài người chuyển làm Thiên nhãn, có thể nhìn thấy không ngăn ngại gì.

Đây là do ngoại đạo Số Luận đã lập ra, họ đưa ra cách nói này: Thiên nhãn đã khởi lên tức là mắt của loài người, thường xuyên luyện tập chuyển biến rõ ràng trong sáng hơn trước, lập ra tên gọi là Thiên. Như thực hành trong rừng xanh của vùng Trung Ấn Độ, hoặc là trải qua mười ngày mới đi ra ngoài, do thường xuyên luyện tập mà thay đổi, ngược mắt nhìn đều là màu xanh; lúc tu Thiên nhãn cũng lại như vậy.

Nếu như vậy là người mù sẽ không có thể tu pháp Thiên nhãn thông này, thì cùng với Thánh giáo và sự việc hiện thấy thấy đều trái ngược nhau. Vả lại, pháp Vô thường làm sao chuyển biến, bởi vì tất cả Thiên nhãn đều gọi là Vô đối, các vật như tường đá...không có thể ngăn ngại.

Hỏi: Tất cả Thiên nhãn đối với sắc đã nhìn thấy là có ngăn ngại hay không? Nếu có ngăn ngại thì tại sao nói là Vô đối? Nếu không có ngăn ngại thì làm sao trú vào sắc ấy?

Đáp: Đối với sắc đã nhìn thấy nên nói là có ngăn ngại.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao gọi là Vô đối?

Đáp: Đối có hai loại: 1. Cảnh giới có đối; 2. Chướng ngại có đối. Nếu dựa vào cảnh giới có đối thì Thiên nhãn gọi là có đối, bởi vì đối với cảnh giới của mình không có thể vượt qua được. Nếu dựa vào chướng ngại có đối thì Thiên nhãn gọi là Vô đối, bởi vì những chướng ngại như tường đá... không có thể ngăn ngại được. Đây là dựa theo tác dụng đối

với cảnh mà nói. Nếu dựa theo tự Thể thì cũng là do chướng ngại có đối đầu nhiếp, bởi vì là tánh cực vi. Và lại, các Thiên nhân ở trong cảnh giới, các Sư Du-già tự tại tùy theo ý muốn, đối với những gì muốn nhìn thấy thì có đối đãi ngăn ngại, những gì không muốn nhìn thấy thì không có đối đãi ngăn ngại.

Tất cả Thiên nhân có ánh sáng tăng mạnh, do ánh sáng mà dẫn dắt.

Hỏi: Lúc Thiên nhân muốn nhìn thấy sắc trong bóng tối thì làm sao có thể nhìn thấy?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Đây là do thần thông dẫn dắt phát khởi ánh sáng có thể nhìn thấy sắc ấy. Điều này không hợp lý, bởi vì không đạt được thần thông thì lẽ ra không có thể tu khởi lên Thiên nhân.

Nói như vậy là lúc bắt đầu dẫn đến thần thông, nếu tách lia ánh sáng thì không có thể nhìn thấy sắc, nếu thần thông thành tựu đầy đủ thì giả sử tách lia ánh sáng cũng có thể nhìn thấy sắc.

Hỏi: Thần thông và Thiên nhân đều có ánh sáng, có gì sai biệt?

Đáp: Ánh sáng của thần thông, hoặc là do tự tánh mà có, hoặc là do biến hóa mà có; ánh sáng của Thiên nhân chỉ do tự tánh mà có.

Có người đưa ra cách nói này: Ánh sáng của Thiên nhân, hoặc là do tự tánh mà có, hoặc là do biến hóa mà có; ánh sáng của thần thông chỉ do biến hóa mà có.

Trong các Tổ-đát-lãm và Tỳ-nại-da, đều nói Bồ-tát thành tựu Thiên nhân do dị thực sinh, ngày đêm có thể nhìn thấy trước mặt đều một Du-thiện-na.

Hỏi: Mắt của Bồ-tát do dị thực sinh mà thành, thật sự không phải là Thiên nhân, vì sao lập ra tên gọi này?

Đáp: Nhân căn của Bồ-tát có Thể-Dụng thù thắng, như sự việc thù thắng ở thế gian giả lập tên gọi là Thiên.

Hỏi: Các hữu tình khác cũng có thể nhìn thấy vật xa như núi rừng-mặt trời-mặt trăng..., Bồ-tát chỉ nhìn thấy trước mặt đều một Du-thiện-na, vì sao gọi là thù thắng?

Đáp: Như những gì hữu tình đã nhìn thấy, Bồ-tát cũng có thể nhìn thấy trước mặt đều một Du-thiện-na, là dựa theo không có gì ngăn cách mà nói. Nghĩa là ở nơi không có gì ngăn cách thì các hữu tình khác tuy có thể nhìn thấy xa, nhưng nếu ở nơi có ngăn cách thì vật nằm trong bàn tay mình cũng không thể nào nhìn thấy được; Bồ-tát thì không như vậy, nhìn thấy trước mặt đều một Du-thiện-na, nơi có ngăn cách hay không

có ngăn cách đều có thể nhìn thấy rõ ràng.

Lại nữa, những hữu tình khác tuy có thể nhìn thấy xa, nhưng chỉ là thô chứ không phải là tế; Bồ-tát thì không như vậy, bởi vì nhìn thấy trước mặt đều một Du-thiện-na, thậm chí đầu mảy lông cũng có thể nhìn thấy được.

Lại nữa, những hữu tình khác tuy có thể nhìn thấy xa, nhưng chỉ là ban ngày chứ không phải là ban đêm; Bồ-tát thì không như vậy, bởi vì nhìn thấy trước mặt đều một Du-thiện-na, ban ngày hay ban đêm đều nhìn thấy rõ ràng.

Có người nói: Đối với những hữu tình khác đã nhìn thấy có xa-gần, Bồ-tát vượt quá một Du-thiện-na ấy, cho nên đưa ra cách nói như vậy.

Hỏi: Bồ-tát thành tựu mắt thanh tịnh như vậy, thì phải nhìn thấy thân người nữ chứa đầy bất tịnh, tại sao có sự việc của tập khí nhiễm ô?

Đáp: Hiếp Tôn giả nói: “Phiền não của Bồ-tát chưa đoạn-chưa biết khắp, vì vậy vẫn còn bị vô minh làm cho mê mờ, điều này không cần phải vặn hỏi; như không cần vặn hỏi vì sao người vô minh, người ngu si, người mù lòa bị rơi xuống hố.”

Có người nói: Bồ-tát nhiễm tập khí ấy ở vào lúc không quán Bất tịnh, lúc quán Bất tịnh thì không nhiễm tập khí ấy.

Có người nói: Bồ-tát ở đời trước đã từng gieo trồng nghiệp thọ dụng thù thắng, đối với những gì thọ dụng thì không thấy bất tịnh, đối với những gì không thọ dụng thì thấy bất tịnh.

Nói như vậy là Bồ-tát thành tựu trí tuệ nhanh nhạy sắc bén, khéo léo quán xét sự sai biệt của công đức và lỗi lầm. Thân của những người nữ cũng chứa đựng đầy đủ công đức và lỗi lầm, lúc Bồ-tát quán sát về công đức của thân nữ thì hơn hẳn đối với tất cả những người đam mê dục lạc, nếu đang lúc quán sát về lỗi lầm của thân nữ thì hơn hẳn đối với tất cả những người quán bất tịnh. Quán sát về công đức của thân nữ cho nên có nhiễm tập khí.

Hỏi: Mắt của Chuyển Luân Vương có thể nhìn thấy đến đâu?

Đáp: Luân Vương cai quản bốn châu thì trước mặt đều có thể nhìn thấy bốn Câu-lô-xá, cho đến Luân Vương cai quản một châu thì trước mặt đều có thể nhìn thấy một Câu-lô-xá.

Hỏi: Mắt của quan chủ quản kho tàng có thể nhìn thấy đến đâu?

Đáp: Quan của Luân Vương cai quản bốn châu thì nhìn thấy ba Câu-lô-xá, cho đến quan của Luân Vương cai quản một châu thì nhìn

thấy nửa Câu-lô-xá.

Như trong kinh nói: “Luân Vương có lúc muốn thử xem uy lực của quan chủ quản kho tàng đến mức nào, đi thuyền dạo chơi giữa sông Căng-già, truyền lệnh cho quan chủ quản kho tàng rằng: Nay Ta cần đến kho báu. Quan vâng dạ cung kính, thỉnh cầu trở về lo liệu. Luân Vương không vừa lòng, nói rằng: Ngay bây giờ cần phải lo liệu. Quan chủ quản kho tàng hoảng sợ liền dùng hai tay thọc vào trong nước, lập tức lấy ra các loại châu báu, mang đến để dâng lên Luân Vương, lại thưa với Luân Vương rằng: Thứ nào cần đến thì có thể giữ lấy, thứ nào không cần đến thì vứt trở lại trong nước.”

Hỏi: Nhãn căn của Luân Vương hơn hẳn quan chủ quản kho tàng, vì sao không tự mình lấy mà khiến quan chủ quản phải lấy?

Đáp: Pháp của những người tôn quý thù thắng cần phải như vậy; như những người tôn quý khác tuy có người tự biết đồ ăn thức uống-áo quần-vật dụng tiền bạc ở chỗ đó, mà không tự mình lấy, ở đây cũng như vậy.

Có Sư khác nói: Các vị Chuyển Luân Vương cảm đến nghiệp bề tôi hầu hạ đã tích tập ở đời khác, nghiệp ấy bây giờ chín muồi, có những điều gì cần đến thì đều có bề tôi khiến cho họ cung cấp lo liệu; nếu Luân Vương tự mình lấy thì nghiệp trở thành trống rỗng.

Hỏi: Dựa vào luận mà sinh ra luận, như thế nào gọi là các vị Chuyển Luân Vương cảm đến nghiệp bề tôi hầu hạ?

Đáp: Cha mẹ và thầy dạy đúng như pháp mà dạy dỗ, cung kính nghe theo không làm trái, đó là nghiệp này. Nếu trước kia đã từng huân tập nghiệp loại như vậy, thì cảm được nhiều bề tôi hầu hạ, những gì mong muốn đều được lo liệu đầy đủ.

Hỏi: Từng nghe nước sông Căng-già có chỗ sâu đến một Du-thiện-na, làm sao tay của quan chủ quản kho tàng đưa đến thấu đáy để lấy các loại châu báu?

Đáp: Bởi vì lực tăng thượng do nghiệp của Luân Vương, cho nên khiến châu báu dâng lên cao.

Có người nói: Được-xoa, Kiên-đạt-phước...mang đến trao cho.

Có người nói: Luôn luôn có mười ngàn Thiên thần đi theo quan chủ quản kho tàng để cho quan chủ quản sai khiến, những Thiên thần ấy mang đến trao cho.

Hỏi: Vì sao quan chủ quản kho tàng thưa với Luân Vương rằng: Thứ nào không cần đến thì nên vứt trở lại trong nước? Đáp: Bởi vì hiển bày về nghiệp quả của Luân Vương là không nghĩ bàn được, có những

gì cần đến thì ở mọi nơi đều có thể đạt được, không giống như loại khác sợ rằng duyên của thân mạng, sẽ có thiếu thốn mà tích tụ trải qua thời gian dài.

Hỏi: Thiên nhân của Thanh văn-Độc giác và Phật có thể nhìn thấy sắc của mấy thế giới?

Đáp: Thiên nhân của Thanh văn không thực hiện gia hạnh chỉ nhìn thấy Tiểu thiên thế giới, nếu thực hiện gia hạnh thì nhìn thấy Trung thiên thế giới; Thiên nhân của Độc giác không thực hiện gia hạnh chỉ nhìn thấy Trung thiên thế giới, nếu thực hiện gia hạnh thì nhìn thấy Đại thiên thế giới; Thiên nhân của Đức Thế Tôn không thực hiện gia hạnh nhìn thấy Đại thiên thế giới, nếu thực hiện gia hạnh thì có thể nhìn thấy vô lượng vô biên thế giới. Như Thiên nhân thông, Thiên nhĩ thông... cũng như vậy.

Địa ngục thành tựu mấy căn? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao trong này chỉ nói đến phần vị thành tựu nhiều nhất và ít nhất chứ không phải là phần vị khác?

Đáp: Bởi vì đó là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra.

Có người nói: Muốn loại trừ lỗi tạp loạn của văn, nghĩa là nếu nói đầy đủ tất cả phần vị, thì đối với văn tạp loạn khó có thể thọ trì, cho nên dựa vào giới hạn nhiều-ít mà nói.

Hỏi: Địa ngục thành tựu mấy căn? Bằng sinh cho đến các địa Vô sắc, Tùy tín hành cho đến Câu giải thoát thành tựu mấy căn?

Đáp: Địa ngục nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là tám căn. Mười chín căn, đó là trừ ra ba căn Vô lậu, tức là người không đoạn căn thiện, có đủ bảy Sắc căn. Tám căn, đó là Thân-Mạng-Ý và năm Thọ căn, tức là người đã đoạn căn thiện, mất đi sáu Sắc căn.

Bằng sinh nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười ba căn. Mười chín căn, đó là trừ ra ba căn Vô lậu, tức là người có đủ bảy Sắc căn. Mười ba căn, đó là Thân-Mạng-Ý-năm Thọ và năm căn như Tín..., tức là người từ từ mạng chung trước tiên rời bỏ sáu Sắc căn.

Như nói về bằng sinh, loài quỷ cũng như vậy.

Người đoạn căn thiện nhiều nhất là mười ba căn, ít nhất là tám căn. Mười ba căn, đó là trừ ra một hình thể và năm căn như Tín..., ba căn Vô lậu. Tám căn, đó là Thân-Mạng-Ý và năm Thọ căn, tức là người từ từ mạng chung và ở địa ngục đã mất đi sáu Sắc căn.

Tụ Tà định nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là tám căn. Mười chín căn, nói như nhiều nhất của địa ngục. Tám căn, nói như ít nhất của

đoạn căn thiện, trừ ra ở địa ngục mất đi sáu Sắc căn.

Tụ Chánh định nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười một căn. Mười chín căn, đó là trừ ra một hình thể và hai căn Vô lậu, tức là Thánh giả chưa lìa nhiễm cội Dục và căn không khuyết. Mười một căn, đó là Mạng-Ý-ba Thọ-năm căn như Tín... và một căn Vô lậu, tức là Thánh giả sinh đến cội Vô sắc.

Tụ Bất định nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là tám căn. Mười chín căn, nói như nhiều nhất của tụ Tà định. Tám căn, nói như ít nhất của đoạn căn thiện, và dị sinh sinh ở cội Vô sắc thành tựu Mạng-Ý-Xả-năm căn như Tín...

Châu Thiệm bộ nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là tám căn. Mười chín căn, đó là hai hình thể trừ ra ba căn Vô lậu, và Thánh giả chưa lìa nhiễm cội Dục trừ ra một hình thể-hai căn Vô lậu. Tám căn, đó là Thân-Mạng-Ý và năm Thọ căn, tức là người đoạn căn thiện ở phần vị từ từ mạng chung.

Như châu Thiệm bộ, châu Tỳ-đề-ha và châu Cù-đà-ni cũng như vậy.

Châu Câu-lô nhiều nhất là mười tám căn, ít nhất là mười ba căn. Mười tám căn, đó là trừ ra một hình thể và ba căn Vô lậu. Mười ba căn, đó là Thân-Mạng-Ý-năm Thọ và năm căn như Tín..., tức là phần vị từ từ mạng chung. Châu ấy không có Phiến-trĩ-bán-trạch-ca, không có hình thể, hai hình thể, người đoạn căn thiện, tụ Tà định, tụ Chánh định và lìa nhiễm.

Cõi trời Tứ Đại Vương Chúng nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười bảy căn. Mười chín căn, đó là trừ ra một hình thể và hai căn Vô lậu, tức là Thánh giả chưa lìa nhiễm cội Dục. Mười bảy căn, đó là trừ ra một hình thể-Uu căn và ba căn Vô lậu, tức là dị sinh đã lìa nhiễm cội Dục.

Như cõi trời Tứ Đại Vương Chúng, cõi trời Tam Thập Tam cho đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại cũng như vậy.

Cõi trời Phạm Chúng nhiều nhất là mười sáu căn, ít nhất là mười lăm căn. Mười sáu căn, đó là trừ ra hai hình thể-hai Thọ và hai căn Vô lậu, tức là Thánh giả ở cõi ấy. Mười lăm căn, đó là trừ ra hai hình thể-hai Thọ và ba căn Vô lậu, tức là dị sinh ở cõi ấy.

Như cõi trời Phạm Chúng, cõi trời Cực Quang Tịnh cũng như vậy.

Cõi trời Biến Tịnh nhiều nhất là mười sáu căn, ít nhất là mười bốn căn. Mười sáu căn nói như trước. Mười bốn căn, đó là trừ ra hai hình

thể-ba Thọ và ba căn Vô lậu, tức là dị sinh ở cõi ấy.

Cõi trời Quảng Quả nhiều nhất là mười sáu căn, ít nhất là mười ba căn. Mười sáu căn nói như trước. Mười ba căn, đó là trừ ra hai hình thể-bốn Thọ và ba căn Vô lậu, tức là dị sinh ở cõi ấy.

Trung Hữu nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười ba căn. Mười chín căn, đó là người hai hình thể trừ ra ba căn Vô lậu, và Thánh giả chưa lìa nhiễm cõi Dục, trừ ra một hình thể-hai căn Vô lậu. Mười ba căn, đó là người đoạn căn thiện, trừ ra một hình thể-năm căn như Tín..., ba căn Vô lậu, và dị sinh cõi trời Quảng Quả, trừ ra hai hình thể-bốn Thọ-ba căn Vô lậu.

Các địa Vô sắc nhiều nhất là mười một căn, ít nhất là tám căn. Mười một căn, đó là Mạng-Ý-ba Thọ-năm căn như Tín... và một căn Vô lậu, tức là Thánh giả ở địa ấy. Tám căn, đó là Mạng-Ý-Xả và năm căn như Tín..., tức là dị sinh ở địa ấy.

Tùy tín hành nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười ba căn. Mười chín căn, đó là trừ ra một hình thể và hai căn Vô lậu, tức là người chưa lìa nhiễm cõi Dục trú vào Kiến đạo. Mười ba căn, đó là Thân-Mạng-Ý-bốn Thọ-năm căn như Tín... và một căn Vô lậu, tức là người đã lìa nhiễm cõi Dục ở phần vị từ từ mạng chung tiến vào Kiến đạo.

Hỏi: Vì sao phần vị này có thể tiến vào Kiến đạo?

Đáp: Là người thuộc Ái hành, trong thời gian một đời luôn luôn chán ngán sinh tử, lúc sắp mạng chung do tiếp xúc với Khổ thọ, tâm chán ngán càng tăng thêm cho nên có thể tiến vào Kiến đạo.

Như Tùy tín hành, Tùy pháp hành cũng như vậy.

Tín thắng giải nhiều nhất là mười chín căn, ít nhất là mười một căn. Mười chín căn, đó là trừ ra một hình thể và hai căn Vô lậu, tức là Tín thắng giải chưa lìa nhiễm cõi Dục. Mười một căn, đó là Mạng-Ý-ba Thọ-năm căn như Tín... và một căn Vô lậu, tức là Tín thắng giải ở cõi Vô sắc.

Như Tín thắng giải, Kiến chí cũng như vậy.

Thân chứng nhiều nhất là mười tám căn, ít nhất là mười một căn. Mười tám căn, đó là trừ ra một hình thể-Uu căn và hai căn Vô lậu, tức là Thân chứng ở cõi Dục. Mười một căn, nói như ít nhất của Tín thắng giải.

Như Thân chứng, Tuệ giải thoát và Câu giải thoát cũng như vậy, nhưng Thân chứng thành tựu Dĩ tri căn, hai Giải thoát thành tựu Cụ tri căn.

Hỏi: Nhân căn cho đến Tuệ căn, lúc được biết khắp thì mấy căn

được biết khắp?

Đáp: Lúc Nhân căn biết khắp, đến lìa nhiễm cõi Sắc có năm căn được biết khắp.

Trong này, biết khắp là quả biết khắp về Đoạn Ái kia. Được biết khắp gọi là năm căn, đó là Nhân-Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân, bởi vì lúc lìa nhiễm cõi Sắc thì năm căn ấy vĩnh viễn đoạn. Tuy ở phần vị này đoạn mười ba căn, nhưng chỉ có năm căn này được đoạn đến cuối cùng.

Như Nhân căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân căn cũng như vậy.

Lúc Nữ căn được biết khắp, đến lìa nhiễm cõi Dục có bốn căn được biết khắp, đó là Nam-Nữ-Khổ-Uu căn. Tuy ở phần vị này đoạn mười chín căn, nhưng chỉ có bốn căn này được đoạn đến cuối cùng.

Như Nữ căn, Nam căn-Khổ căn-Uu căn cũng như vậy.

Lúc Mạng căn được biết khắp, đến lìa nhiễm cõi Vô sắc có tám căn được biết khắp, đó là Mạng-Ý-Xả và năm căn như Tín...

Như Mạng căn, Ý căn-Xả căn và năm căn như Tín... cũng như vậy.

Lúc Lạc căn được biết khắp, đến lìa nhiễm cõi Biến Tịnh thì Lạc căn được biết khắp.

Lúc Hỷ căn được biết khắp, đến lìa nhiễm cõi Cực Quang Tịnh thì Hỷ căn được biết khắp.

Hỏi: Nhân căn cho đến Tuệ căn, lúc Diệt tác chứng thì mấy căn Diệt tác chứng?

Đáp: Lúc Nhân căn Diệt tác chứng, đến lìa nhiễm cõi Sắc có năm căn Diệt tác chứng, đến A-la-hán có mười chín căn Diệt tác chứng. Năm căn, đó là Nhân-Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân căn. Mười chín căn, đó là trừ ra ba căn Vô lậu.

Như Nhân căn, Nhĩ-Tỷ-Thiệt-Thân căn cũng như vậy.

Lúc Nữ căn Diệt tác chứng, đến lìa nhiễm cõi Dục có bốn căn Diệt tác chứng, đến A-la-hán có mười chín căn Diệt tác chứng. Bốn căn, đó là Nam-Nữ-Khổ-Uu căn. Mười chín căn, nói như trước.

Như Nữ căn, Nam căn-Khổ căn-Uu căn cũng như vậy.

Lúc Mạng căn Diệt tác chứng, đến A-la-hán có mười chín căn Diệt tác chứng, nói như trước. Như Mạng căn, Ý căn-Xả căn và năm căn như Tín... cũng như vậy.

Lúc Lạc căn Diệt tác chứng, đến lìa nhiễm cõi Biến Tịnh thì Lạc căn Diệt tác chứng, đến A-la-hán có mười chín căn Diệt tác chứng, nói như trước.

Lúc Hỷ căn Diệt tác chứng, đến lìa nhiễm cõi Cực Quang Tịnh thì

Hỷ căn Diệt tác chứng, đến A-la-hán có mười chín căn Diệt tác chứng, nói như trước.

Hỏi: Hai phần này có gì sai biệt?

Đáp: Có những người muốn làm cho đạo vô gián đạt được đoạn hệ thuộc (đoạn hệ đắc), đạo giải thoát chứng được lìa hệ thuộc (ly hệ đắc), họ nói như tác dụng của đạo vô gián, phần Biết khắp cũng như vậy; như tác dụng của đạo giải thoát, phần Tác chứng cũng như vậy.

Có những người muốn làm cho đạo vô gián đạt được đoạn hệ thuộc, cũng chứng được lìa hệ thuộc, họ nói như đạt được đoạn hệ thuộc, phần Biết khắp cũng như vậy; như chứng được lìa hệ thuộc, phần Tác chứng cũng như vậy.

Như đạt được đoạn hệ thuộc-chứng được lìa hệ thuộc, trừ bỏ lỗi lầm-tu tập công đức, rời bỏ xấu kém-chứng được tuyệt vời, buông bỏ vô nghĩa-đạt được có nghĩa, khô cạn dầu mỡ của ái-tiếp nhận niềm vui mát mẻ, nên biết cũng như vậy.

Có người nói: Như đoạn-chưa đoạn, phần đầu cũng như vậy; như chứng-chưa chứng, phần sau cũng như vậy.

Có người nói: Như lần đầu Tác chứng, phần đầu cũng như vậy; như trở lại Tác chứng, phần sau cũng như vậy.

Có người nói: Như đoạn thì Tác chứng, phần đầu cũng như vậy; như đoạn rồi Tác chứng, phần sau cũng như vậy.

Đó gọi là sự sai biệt giữa Biết khắp và Tác chứng.

